VALENTIN KATAEP

ĐƯỜNG HẦM ÔĐETXA

NHÀ XUẤT BẢN
VĂN HỌC

ĐƯỜNG HẦM ÔĐETXA

Valentin Kataep (Trần Lê Huy, Thương Thục, Hoài Dân dịch)

- Nhà xuất bản Văn học

- Năm xuất bản: 1968

Dịch theo bản dịch Pháp văn LES CATACOMBES DODESSA của Esfir Berstein và Olga Wormsber — (Nhà xuất bản Ngoại văn Mạc-tư-khoa — Nhà xuất Editeurs Francaís Réunis — Paris)

- Nguồn sách: www.quansuvn.net

- Tạo ebook: Mountain King

*Chân thành cám ơn bác **Dr.No** và **inno14** tại diễn đàn tve-4u.org đã tận tình chỉ điểm để tôi có thể hoàn thành cuốn ebook này.*

LỜI GIỚI THIỆU

ường hầm Ôđetxa của Valentin Kataep[1] cho ta một khái niệm về chiến tranh nhân dân ở Liên-xô và chứng minh qui luật chiến tranh nhân dân nhất định thắng lợi.

Ôđetxa là một thành phố cảng lớn của Liên-xô, nằm trên bờ Hắc-hải, có truyền thống lâu đời chống ngoại xâm, đã từng chứng kiến cuộc thất trận thảm hại của quân Thổ-nhĩ-kỳ, cũng như đã từng đập vỡ cuộc can thiệp của mười bốn nước đế quốc vào nước Nga Xô-viết sau Cách mạng tháng Mười.

Trong lòng đất dưới thành phố và miền phụ cận, có một hệ thống hầm, hào chằng chịt, có từ lâu đời, tạo nên cả một thành phố ngầm với hàng trăm ngàn đường, ngõ ngoắt ngoéo, được mệnh danh là những hầm mộ ở Ôđetxa. Hệ thống hầm ngầm ấy đã từng được sử dụng trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, đã từng là cơ sở bí mật của các chiến sĩ bônsêvich hồi Cách mạng tháng Mười. Đến chiến tranh thế giới lần thứ hai, trước khi đội thiết giáp Đức tiến vào thành phố, những hầm mộ ấy lại trở thành những căn cứ vững chắc của các đội du kích, các đội công tác bí mật, các cơ quan kháng chiến nằm trong lòng địch để bám đất, bám dân.

Bọn phát-xít chiếm đóng có biết điều ấy không? Biết. Nhưng không phải bất kỳ lúc nào chúng cũng dám sục xuống cái mê hồn trận ấy. Những tên liều mạng đã phải trả bằng một giá rất đắt vì nhưng quả mìn tự động, vì những tràng đạn rất chính xác từ các ngóc ngách tối om bắn ra. Những vòm hầm đổ ụp xuống làm hàng đơn vị địch bị tan xác, thậm chí những đống xác chết

chồng chất của chính bọn chúng cũng tạo nên những vật chướng ngại vít hẳn đường vào. Bọn phát xít dùng đủ mọi cách, đại bác, bom, mìn, hơi độc, chẹn kín các cửa lên, xuống... Nhưng kết quả không hoàn toàn như ý đồ đen tối của chúng. Trong suốt thời kỳ phát-xít chiếm đóng, đội công tác bí mật của Secnôivanenkô, cũng như bao nhiêu đội khác, vẫn tồn tại và phát triển, vẫn phá hoại có kết quả trong lòng địch, vẫn đánh cho địch những đòn ác liệt làm cho chúng điên cuồng lồng lộn, ăn không ngon ngủ không yên. Họ vẫn nắm được nhân dân và gắn bó với nhân dân, vẫn đem được luồng sinh khí của Đảng đến thổi cao ngọn lửa căm thù, chiến đấu trong lòng nhân dân.

Những ai đã nhảy vào cuộc vật lộn gay go, dai dẳng trong lòng địch như vậy?

Đó là Secnôivanenkô, một cán bộ Đảng lãnh đạo trực tiếp đội công tác bí mật, người chỉ huy rất sáng suốt, kiên quyết, không khoan nhượng với địch, đồng thời yêu thương đồng đội một cách sâu sắc.

Đó là bác công nhân già Xiniskin Jêleznư, con người "bằng sắt", tuy mắc bệnh lao phổi nhưng có một ý chí chiến đấu không gì lay chuyển nổi.

Đó là Kôletnisuc, một cán bộ ngoài Đảng, sẵn sàng chiến đấu hy sinh dưới ngọn cờ của Đảng, cùng vợ là Raitxa Lvôpna, một phụ nữ gốc Do-thái, muốn ở bên chồng để chia sẻ nỗi gian nguy.

Đó là bà Matriôna Têrenchiepna, vợ người chủ tịch một ngư trang tập thể ở vùng phụ cận thành phố, một phụ nữ rất kiên cường, sôi nổi.

Đó là đại úy Hồng quân Drujinin với những hoạt động táo bạo và tinh thần bất khuất đáng kính.

Đó là anh thanh niên dũng cảm và rất yêu đời Xviatôxlap.

Đó là Batsây trầm tĩnh, từ Mạc-tư-khoa xuống, ngẫu nhiên tham gia và tham gia kiên trì vào cuộc chiến đấu trong mấy năm ròng rã.

Đó là nhà tri thức Xêrêđôpxki khảng khái nhất định không chịu cộng tác với quân thù.

Đó là các em thiếu niên tiền phong Pêchya và Valentin. Các em đã góp phần không nhỏ vào việc tết vòng hoa chiến thắng cho thành phố Ôđetxa thân yêu.

Tính chất nhân dân trong cuộc chiến tranh giữ nước của Liên-xô là như vậy. Nhiều người đã hy sinh. Những "hầm mộ" từ bao đời đã trở thành hầm mộ thực sự của những người con bỏ mình vì sự nghiệp vinh quang bảo vệ đất nước xô-viết. Khó khăn gian khổ, nhưng họ vẫn giữ vững một niềm tin tưởng lạ lùng ở chiến thắng. Những ngày cuối cùng ở dưới hầm mộ, nhóm của Secnôivanenkô bị lạc trong cái mê hồn cung trăm ngàn ngõ ngách ấy, họ không tìm được lối lên mặt đất trong khi bi-đông của họ chỉ còn một giọt dầu cuối cùng. Họ đã kiệt sức, hấp hối trong cơn khát, nhưng vẫn tin là "không thể chết được". Chúng ta hãy nghe Secnôivanenkô truyền niềm tin tưởng say sưa đó cho người bạn chiến đấu Batsây trong hoàn cảnh nguy nan: "Chúng ta sẽ tiêu diệt được bọn chúng, vì chúng ta làm một cuộc chiến tranh chính nghĩa, một cuộc chiến tranh nhân dân, một cuộc chiến tranh kiểu mới. Một cuộc chiến tranh vì tương lai của tất cả nhân loại cần lao, một cuộc chiến tranh vì chủ nghĩa cộng sản!".

Cuộc chiến tranh nhân dân đã tôi luyện cho họ một nhân sinh quan cách mạng chân chính, một tình đoàn kết sâu sắc, một tinh thần dũng cảm đầy sáng tạo và một lòng tin tưởng vô bờ bến. Đó là những nền tảng không thể thiếu được của chiến thắng.

*

Valentin Kataep có một phong cách nghệ thuật độc đáo khi thể hiện chủ đề của mình. Trước hết là vấn đề nhân vật. Trong các tác phẩm của ông, các em thiếu niên thường đóng một vai trò quan trọng. Một nhà phê bình văn học viết: "Trong tâm hồn nhà văn Kataep, vẫn còn một thằng bé ẩn náu ở đâu đó!" Đúng.

Lần này, "thằng bé" đáng yêu đó lại xuất hiện và hoạt động dưới hình dạng của chú thiếu niên tiền phong Pêchya Batsây với nhiệm vụ mở đầu và kết thúc cuốn sách. Trong suốt câu chuyện chú bé không phải chỉ là người chứng kiến thời đại mà còn là một thủy thủ trên con tàu thời đại. Hành động tham gia chiến đấu đầu tiên của chú bé là nhận lá cờ đẫm máu của một chiến hạm Liên-xô từ tay anh thủy binh hấp hối Lavrôp. Tác giả đã miêu tả một cách lý thú sự diễn biến tâm lý của chú bé, từ trạng thái rụt rè sự hãi chuyển sang thái độ can đảm, hăng say. Tâm hồn lãng mạn cách mạng của tuổi thiếu niên được miêu tả rất đúng qua cử chỉ giơ tay tuyên thệ trước xác anh thủy thủ Hồng quân. Lá cờ thiêng liêng được cất giấu giữa đêm đoàn xe tăng phát-xít tiến vào chiếm đóng Ôđetxa. Từ đó Pêchya đi vào cuộc chiến đấu, cùng chia nỗi vui, buồn, gian khổ với các bạn đồng đội vào tuổi cha, chú. Cuốn truyện chấm dứt bằng cuộc "khải hoàn" của chú bé từ thành phố Ôđetxa giải phóng trở về Mạc-tư-khoa, với tấm huân chương chiến công chói lòa trên ngực bộ quân phục nhỏ bé. Chú đã giữ đúng lời thề của thiếu niên tiền phong hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu cuối cùng khi tìm ra và trao lá cờ nói trên cho bộ tư lệnh Hồng quân.

Tác giả gắn vào hình tượng thiếu niên tất cả tấm lòng ưu ái và tin tưởng, quí trọng lớp măng non tương lai của đất nước. Trong truyện, chúng ta gặp lại nhiều nhân vật trong các tác phẩm trước của ông. Hai chú bé Pêchya và Gavrick trong Cánh buồm trắng tham gia sôi nổi vào làn sóng Cách mạng từ đầu thế kỷ đã trở nên bác Batsây rất trung thành và đồng chí Secnôivanenkô giàu nghị lực. Thế là lớp trước trưởng thành, lớp sau bước tiếp. Niềm hy vọng nồng nhiệt, thiết tha của thế hệ trước gửi lại thế hệ sau được gói ghém trong bức thư của Đrujinin trước giờ bị hành quyết, ghi trên bức tường của ngục tối gửi cho con gái yêu quí của mình. Sức sống của chủ nghĩa xã hội, của Tổ quốc xô-viết thực là bất diệt.

Tuy cấu trúc và nội dung tác phẩm dành cho tuổi trẻ một địa vị quan trọng, nhưng tác phẩm của ông không phải chỉ viết riêng cho thiếu niên. Pêchya cũng như Valentin đều không phải

là nhân vật chính. Nhân vật chính là cả một tập thể chiến đấu. Tâm hồn, ý chí, cảm nghĩ của mỗi người được ngòi bút sắc sảo của Kataep phân tích tỉ mỉ, đúc thành những dạng điển hình.

Tác phẩm ông không phải chỉ có con người bàng bạc trong thời gian và không gian rộng rãi, ta luôn thấy hình ảnh thành phố quê hương thân yêu của ông, với đường phố, lâu đài, bến cảng, cầu tàu, cần trục, bờ dốc đứng, thảo nguyên... khi ẩn khi hiện, với tất cả buồn, vui, thương, giận. Không phải chỉ có con người xô-viết đánh giặc mà cả thiên nhiên xô-viết cũng vùng lên, tiêu diệt bọn cướp nước hung tàn.

Phong cách sáng sủa, cách bố cục chặt chẽ, chia chương ngắn gọn, khiến câu chuyện tuy dài mà vẫn dễ theo dõi, tiếp thu.

*

Đường hầm Ôđetxa đến với chúng ta giữa lúc cả nước ta đang quyết liệt tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân chống Mỹ, cứu nước.

Những hầm ngầm chiến đấu nổi tiếng của thành phố Ôđetxa khiến chúng ta liên tưởng đến hệ thống địa đạo vô cùng vĩ đại của đồng bào miền Nam đánh giặc. Tất nhiên hoàn cảnh lịch sử, địa lý mỗi nơi mỗi khác, phương thức chiến đấu cũng không hẳn giống nhau, nhưng có một khía cạnh có thể cung cấp cho chúng ta nhiều suy nghĩ bổ ích. Ấy là vấn đề con người trong chiến tranh nhân dân.

Con người được giác ngộ sâu sắc, được lãnh đạo tốt, được tổ chức tốt, nhất định sẽ làm nên những sự nghiệp thần kỳ.

Với ý nghĩ ấy, chúng tôi trân trọng giới thiệu với bạn đọc Đường hầm Ôđetxa.

Hà-nội, 16-3-1967

LÊ HUY

TẬP I

1

Đó là giấc mơ thầm kín từ lâu lắm của Pêchya: đi du lịch tay đôi một chuyến. Phải, đúng thế, đi tay đôi, không có mẹ, không có bọn con gái. Chỉ chú và bố chú thôi, không ai khác nữa. Thế mới thật là tuyệt. Vào một ngày hè đẹp trời, hai con người can tràng và không lệ thuộc vào ai, một bố một con, sẽ khoác ba-lô, tay cầm gậy, giang hồ bốn phương một chuyến. Đi đường, họ chỉ đem theo những thứ tối cần thiết: cái nồi phải có để bắc lên đống lửa củi thổi bữa ăn xoàng, một túi con bột lúa mạch, một ít muối, đường, cái ấm, bao diêm, kim chỉ, có thể là hai bánh sô-cô-la, hay ba bốn bánh càng tốt, tất nhiên không phải vì sô-cô-la ngon, mà vì có giá trị ở chỗ có nhiều ca-lo. Thế là đủ. Hai nhà du lịch dày dạn, quen với một cuộc sống gian khổ, màn trời chiếu đất, đầy nguy hiểm và thiếu thốn, thì còn cần gì hơn thế nữa? Không cần chăn, không cần gối. Đêm ngủ đắp áo mưa của bố, đầu gối lên ba-lô. Thế đã là tốt lắm rồi, nhất là lại còn phải thay phiên nhau mà ngủ: một người ngủ, trong khi người kia đứng gác ở cửa hang. Tất nhiên phải đem theo khẩu súng và đồ lề câu cá. Về đồ câu thì dễ, nhưng về khoản vũ khí — và đây là điểm xuất phát của những sự bất đồng nghiêm trọng — thì bố chú bảo chỉ cần một con dao xếp thật tốt là đủ. Pêchya cứ nằng nặc đòi phải mang theo một khẩu súng trường, ít nhất cũng một khẩu súng lục.

— Không, — bố chú nói — súng chỉ tổ nặng vô ích. Không mang súng.

— Thì súng lục vậy — Pêchya nói.

— Súng lục để làm gì?

— Nhưng súng lục không có thì rồi ra sao? — Pêchya gần như kêu lên, giọng nói oang oang xúc động của chú làm cả nhà váng tai. — Chúng bò đến tận chỗ ta, và lúc đó ta sẽ giơ súng... pằng, pằng, pằng, pằng!

— Khoan đã, ông tướng, khoan đã..., — ông bố ngắt lời chú, và thấy Pêchya kêu ầm lên như thế, ông cau mày — Nhưng cái gì sẽ bò tới chỗ ta mới được chứ?

Câu hỏi ấy, mỗi năm Pêchya lại đáp lại một khác. Năm lên sáu, chú trả lời, nét mặt sầm xuống:

— Thú dữ!

Năm tám chín tuổi thì chú thốt lên:

— Địch!

Và lần nào cũng thế, bố chú cũng mỉm một nụ cười hoài nghi, trả lời:

— Con thử ngẫm mà xem, có địch nào hay thú dữ nào ở cái vùng Ôđetxa được? Không có bóng đáng một con thú dữ nào ở đó đâu.

— Được, — Pêchya nói — nhưng ngộ nhỡ nó xuất hiện thì sao?

— Nó sẽ không xuất hiện.

— Thế nhỡ nó cứ xuất hiện? — chú khăng khăng nhắc lại, say sưa nhấn vào tiếng "cứ".

Những buổi chuyện trò kiêu như vậy diễn ra vào mùa đông, trong những buổi tối hiếm hoi có bố chú ở nhà. Cả nhà nghe mãi đã quen, và khi nó diễn ra vào lúc ngồi uống trà thì Jênva, em gái của Pêchya, bé hơn chú hai tuổi, lại khinh bỉ nhún vai, bắt chước

mẹ nói hệt như người lớn:

— Đấy, mấy ông tướng nhà ta lại sắp đi du lịch rồi đấy! — Và cái chót mũi đầy nốt tàn hương của nó nhăn lại với một vẻ bỉ báng.

— Im mồm đi, ranh! — Pêchya cau cảu nói, và tỳ hẳn ngực lên bàn, chú tiếp tục ghi bằng bút chì lên một tờ giấy xé ở cuốn vở số học bản kê những thứ cần phải mang đi: "Dao săn, 1, bàn chải răng, 2, ấm đun nước, 1...".

Trong khi đó, bà mẹ hết nhìn bố lại nhìn con, rồi cắn môi mỉm một nụ cười chế giễu và buồn buồn.

Chỉ mới nghĩ đến chuyện con trai bà rồi ra có thể ngủ đêm ở một nơi nào đó cách xa bà hàng nghìn cây số, bên đống lửa, trên thảo nguyên, nằm dưới đất, đầu gối ba-lô, là bà đã thấy ruột gan rối bời. Vậy mà tất cả những cái đó chỉ là chuyện nói chơi và thằng con nhỏ của bà sẽ chẳng đi đâu cả. Tuy vậy, nhờ cái bản năng làm mẹ không bao giờ nhầm, trong thâm tâm bà biết những chuyện đó sẽ có ngày xảy ra. Và bà bồi hồi lo sợ, muốn khóc. Nhưng bà đã kìm lại được và chỉ cắn môi nửa khóc nửa cười, nhắc lại:

— Được, được, càng hay! Cứ đi đi, tôi đã có thể hình dung thấy trước bộ dạng của hai bố con khi trở về...

— Dễ mình tưởng hai bố con tôi nói đùa đấy hẳn, — bố chú làm ra vẻ rầu rầu, nói — này, mình cứ yên trí là hai bố con tôi không nói đùa đâu. Pêchya, có đúng thế không, con?

— Đúng thế đấy, không nói đùa đâu — Pêchya nói.

— Được, tốt lắm, — mẹ chú nói — Cứ đi đi! Ai giữ. Nhưng Pêchya ạ, con hãy nhớ rằng con mà đi thì sẽ không còn là con của mẹ nữa. Mẹ không cần gì có một đứa con bỏ mẹ đi lang thang.

— Không, con vẫn cứ là con của mẹ! — Pêchya cãi, đôi mày mỗi lúc một cau lại — Con sẽ đi du lịch với bố, những con vẫn là con mẹ.

— Dứt khoát rồi đấy! — Bố chú thốt lên — Hè này bố sẽ nghỉ phép và hai bố con ta sẽ đi về hướng Ôđetxa!

Mẹ chú mỉm cười, và cười ra tiếng nữa là khác, bà cố xoay tất cả mọi chuyện ra thành trò đùa.

Hè tới, và người ta quên bẵng chuyện du lịch đi. Pêchya buồn rười rượi, cùng với mẹ, bà và mấy đứa em gái về quê nghỉ mát, ở đó cứ chủ nhật là bố chú lại rời Mạc-tư-khoa về thăm. Nhưng, thực ra mà nói, vùng nông thôn gần Mạc-tư-khoa cũng tuyệt lắm. Trại hè thiếu nhi năm ngoái chú được đi cũng không phải xoàng. Nó cũng có đôi chút giống như cuộc du lịch mà Pêchya vẫn cùng với bố mơ ước một cách say sưa. Đám thiếu nhi cũng ngủ đêm trong lều, cũng quấy bánh đúc ngỏ trên lửa trại, cũng lấy lá thuốc, cũng trông sao tìm hướng và, một lần, còn bắt được cả một chú sóc nữa. Nhưng dầu sao, như thế vẫn chưa phải, chưa phải một tý nào là "cái ấy" cả...

Cuộc du lịch chỉ có trong tưởng tượng đã hoàn toàn xâm chiếm tâm hồn chú bé. Như tất cả những mơ ước dai dẳng kéo dài hết năm này sang năm khác, giấc mơ ấy đối với chú đã trở thành một cuộc sống thứ hai. Trong cuộc sống thứ hai này chỉ có hai người: Pêchya và bố chú. Hai người cứ cuốc bộ đi, đi mãi, ba-lô trên vai, con thì bé nhỏ, bố thì cao lớn, lực lưỡng khỏe mạnh, cả hai đều là những con người kiêu hãnh, đơn độc, sống giữa thiên nhiên tuyệt diệu! Đằng xa kia là biển cả, là thảo nguyên mà Pêchya chưa bao giờ được thực mắt trông thấy, nhưng đã từng bao lần nhìn thấy trong mơ. Trong các giấc mơ ấy, biển cả là một cái hồ rất xanh, không to lắm, hình dáng rất đặc biệt, với những bờ khúc khuỷu, màu xanh nhạt, với hai chữ "Hắc-hải" in thành hình cánh cung trên mặt nước bóng như đánh si của nó. Còn thảo nguyên là một bãi sa mạc màu vàng, lác đác có những bụi cỏ cứng đờ, những tảng núi đá xếp thành tầng thành lớp. Chú bé cùng với người cha cao lớn, nhanh nhẹn tiến bước, không sợ hãi, trên cái biển Hắc-hải xanh lè kia, trên những núi đá màu vàng kia có những con sư tử đang phủ phục nằm nghỉ ở trong, và gắn liền một cách thần diệu vào tất cả

những cái đó là chữ “Ôđetxa”.

Từ lâu lắm, Pêchya thấy đâu như từ ngày xửa ngày xưa, bố chú đã rời Ôđetxa về ở Mạc-tư-khoa. Ông là một dân Mạc-tư-khoa “kỳ cựu”. Nhưng lòng ông vẫn ôm giấc mộng được về sống một thời gian ở quê nhà. Thường thường giấc mơ đó chỉ âm ỉ. Tuy vậy, đôi lúc nó bất thần dấy lên, bùng bùng mãnh liệt khác thường. Thông thường, chuyện đó xảy ra khi bác Kôletnisuc, một người bạn thuở nhỏ của bố, xuất hiện — lần nào cũng xuất hiện bất ngờ — đến ở chơi nhà vài ba hôm.

2

Kôletnisuc là kế toán trưởng chi nhánh Ôđetxa của công ty Glapsai[2]. Với bộ mặt nhăn nheo và đôi mi mắt hùm hụp, trông bác không còn trẻ trung gì nữa. Bộ quần áo mới bác vừa sắm tại cửa hàng may mặc chẳng lấy gì làm vừa lắm; một chiếc cà-vạt Ukren hẹp khổ, đôi giày “dôn“ mới tinh, một cái cặp to tướng đã tàng tàng mà Pêchya biết là chứa đầy những “thống kê“ bí hiểm và những bản báo cáo hàng năm, những cử chỉ đột ngột, ngập ngừng của bác, một chiếc áo mưa mới tinh nhưng loại xoàng làm cả nhà sực một mùi cao-su: tất cả những cái đó vẽ nên bức chân dung của Kôletnisuc, một đồng chí tỉnh nhỏ “đi công tác“. Bác ở Mạc-tư-khoa cả thảy chỉ năm ngày rồi lại trở về Ôđetxa. Nhưng cuộc ghé thăm của bác đã đem đến cho cuộc sống gia đình Batsây biết bao nhiêu lủng củng.

Do tính ngại phiền, bác nhất định không chịu nằm ngủ trên tấm đi-văng bố chú nhường cho bác. Thế là phải thu xếp cho bác một chỗ nằm ở ngay sàn cái buồng ăn chật chội. Vẫn do tính ngại phiền, bác từ chối không mượn chăn, và chỉ đắp áo mưa.

Bác lấy cái cặp làm gối. Bác tìm mọi cách tránh bữa ăn. Cả nhà cứ chờ. Còn vắng mặt bác thì gia đình còn chưa ăn. Mọi người cứ đi vơ vơ vẩn vẩn trong nhà, bụng đói meo. Còn bác thì, bất thình lình, hai giờ sau mới dẫn thân về, hai tay ngập ngừng xoa xoa vào nhau, và tuyên bố là đã ăn qua quýt cho xong ở trên cơ quan rồi, điều đó ai cũng thừa biết là bác nói dối.

Bác có tật hút thuốc lá đêm. Ấy thế là trong cái tịch mịch đêm khuya, nghe có tiếng giày vải rón rén. Trong bóng tối, có ai va vào đồ đạc, ghế đổ loảng xoảng, mặc dầu người đó đã hết sức thận trọng. Đó là bác Kôletnisuc ngại phiền, sợ làm rày gia đình Batsây vì khói thuốc lá của mình, đã mò mẫm vào nhà tắm làm một điếu. Rồi nghe thấy tiếng ho khe khẽ, cố nén của con người nghiện ngập, tiếng bàn chải đánh răng và hộp xà-phòng va rơi lạch cạch, và một mùi kỳ quặc của len cháy tỏa ra: số là ông khách hút một loại thuốc lá đặc biệt, mua tại một chi nhánh của cửa hàng ở ngoại ô Ôđetxa, thuốc ấy bác tự tay thái lấy và lấy làm hãnh diện lắm. Đôi khi Kôletnisuc mang từ Ôđetxa đến làm quà nào cá nướng, nào phó-mát cừu đựng trong một cái bình và độ chục quả cà tím mà bác âu yếm gọi là “thỉ xa cúc“ theo lối gọi của miền Nam. Bố chú sướng mê, bảo đó là món ăn ngon nhất trần đời, là thức ăn của thần tiên! Quả thực, món cà nướng thì cả nhà ai cũng thích. Không phải bàn gì nữa, loại cà này là loại hảo hạng. Thực ra, mang đi đường cà cũng hơi bị ôi và có mùi thum thủm. Nhưng khi đã bóc cái lằn da mỏng như vàng lá ra và để lộ làn thịt nướng mềm, thơm phức, thì ai cũng phải nhỏ nước miếng... Còn cái khoản phó-mát cừu và “thỉ xa cúc“, trừ bố ra không kể, không ai thú vị nó cả. Món phó-mát hơi sặc mùi thịt cừu, phải đem cất xuống bếp. Còn món “thỉ xa cúc“, nấu nướng như thế nào thì cũng trừ bố ra, không ai biết. Mẹ và bà người làm cứ mân mê cái loại rau bí hiểm kia với một nụ cười dè bỉu. Loại rau ấy, màu xanh tím, nói đúng hơn màu hoa cà sẫm, gần như đen sì, lạnh cứng như da thuộc.

— Lạy Chúa! Của gì mà quái gở thế này, — bà người làm nhăn mặt nói — Của này mà lại ăn được ư? Khéo không lại ngộ độc.

Bố chú thì cứ khăng khăng, bắt phải đem chỗ "thỉ xa cúc" kia ra làm ngay món cà nghiền. Không phải cái thứ lèo nhèo vàng vàng, nhạt thếch bán ở các cửa hàng đồ hộp, mà là món cà nghiền chính cống, nghiền lấy ở nhà, thứ cà nghiền của Ôđetxa, xanh xanh, có gia thêm nhiều hành, dấm và tỏi, kinh khủng, ăn vào đến rộp cả môi. Để làm món cà nghiền ấy, nhất định không được luộc cà, không được bỏ vào nồi nấu, cũng không được rán bằng chảo, mà phải xếp cà lên than củi nướng. Nướng xong vỏ ngoài sẽ cháy thành than. Lúc ấy, người ta bóc vỏ, lấy cái ruột xanh màu lá cây, chín dở dang, nóng bỏng, với những hột trắng nho nhỏ ra băm vụn. Có điều là chớ có băm bằng dao hay nghiền bằng máy xay mà chết! Gặp sắt, ruột cà sẽ mất cái màu xanh tự nhiên, và món cà nghiền kia chỉ còn đáng đổ đi. Chỉ có độc một cách, băm cà bằng dao gỗ. Băm như thế xong là được món cà nghiền chính cống Ôđetxa. Còn gì dễ cho bằng! Nhưng mẹ và Tania cứ ương một cách vô lý: hai người nhún vai và đưa mắt giễu cợt nhìn nhau. "Được, — bố chú nói với một vẻ kiên quyết, — nếu thế thì Jorka và tôi, chúng tôi sẽ tự tay làm lấy món cà nghiền".

Ai nấy đều kinh ngạc khi thấy bố và cái bác Kôletnisuc hay ngại phiền kia cởi phăng áo ngoài ra và bắt tay vào việc. Cái bếp Mạc-tư-khoa nhỏ bé với cái lò hơi đốt của nó rõ ràng không thích hợp với việc làm món cà nghiền. Những quả "thỉ xa cúc" không chịu cháy đen lại. Thế là bố thử liều một chuyến. Ông dứt khoát nhấc mấy cái xoong trong đó món thức ăn tầm thường của Mạc-tư-khoa đang sôi lục sục sang một bên, và đặt cà trực tiếp lên bếp hơi. Cà không chịu cháy thành than, chỉ phủ kín một lớp muội dày. Rốt cuộc chúng vỡ bục và chảy nước ra. Rõ ràng là sẽ không làm gì có món cà nghiền.

Các bà nhịn cười không được, nhưng hai ông vẫn không chịu thua. Các ông đòi một con dao gỗ. Tất nhiên là chẳng có rồi. Họ bảo cho xin một cái thước kẻ. Thước kẻ không có, Pêchya thấy thế, đi lấy một cái ê-ke ngập ngừng đưa ra: hai ông bắt đầu đánh vật với "thỉ xa cúc" chín dở, bằng cái ê-ke nhọ nhem những vết mực láng biếc. Mấy quả cà cứng cưỡng lại, không chịu vụn ra. Bố

và bác Kôletnisuc đứng phân vân một lát. Rồi bố đành phải thỏa hiệp trên một mức độ nhất định: ông đòi "xoay" cho ông một cái máy xay thịt. Mặc dầu máy xay thịt bằng sắt và nhất định sẽ gây phản ứng hóa học tai hại, bố vẫn cứ đòi. Vừa ngoảnh mặt đi, bố vừa nói là có một số các bà nội trợ Ôđetxa, trong những trường hợp đặc biệt, vẫn dùng máy nghiền thịt để nghiền "thỉ xa cúc". Pêchya trông thấy một đống nâu nâu kỳ quặc tuôn qua những lỗ thông máy xay, thành từng dây dài như sợi bún và rơi xuống đĩa. Bố và bác Kôletnisuc cầm thìa nếm. Rành rành là hai ông phải cố để khỏi nhăn nhó: trên nét mặt hoang mang của mình, hai ông còn cố tỏ ra mê ly nữa.

— Gớm này thôi đi! - Sao lại có thể liều lĩnh mà đi nuốt cái của nợ ấy vào bụng thế được! — mẹ chú nói.

Pêchya buồn cười lắm, nhưng đồng thời chú cũng khó chịu thấy bố và bác Kôletnisuc làm ra vẻ ngon lành ăn cái đống đen đen sượng sượng kia (cái phản ứng hóa học tai hại kia đã xảy ra rồi!) mà chỉ nhìn thôi chú cũng đã thấy lợm giọng.

Vả lại, bố và bác Kôletnisuc cũng không ngoan cố lâu, hai ông không phải thiếu đầu óc hóm hỉnh.

— Thành công thế này mới là thành công chứ! — bố mặc lại áo ngoài vào, nói.

Rồi hai người bắt đầu cười. Bố có cái cười từng tràng giòn tan. Bác Kôletnisuc thì cười hì hì bẽn lẽn, vừa cười vừa ho. Nhưng Pêchya thấy thương hại hai ông. Chú cảm thấy đây không phải một thất bại bình thường về tài nấu nướng, mà về một phương diện nào đó, là sự sụp đổ của một thế giới quan. Chỉ có điều, chú không thể diễn đạt được nó ra bằng lời lẽ, bởi vì chú chưa biết thế giới quan là thế nào. Cả nhà thở phào nhẹ nhõm khi thấy món cà nghiền trứ danh bị đem đổ vào thùng rác. Chỗ "thỉ xa cúc" còn lại cứ lay lắt mãi trên bàn làm việc của bố, phản chiếu rất rõ cái hình cửa sổ buồng làm việc. Rồi lũ em gái chú lấy để lên xe búp-bê kéo chơi. Thế là chấm hết những thí nghiệm về nấu nướng của bố và bác Kôletnisuc.

Nhưng tai hại nhất không phải là cái ấy. Chuyện này, mẹ chú sẵn lòng bỏ qua, không trách. Nó không đe dọa gì cảnh yên vui của gia đình cả. Cái tai hại nhất thường thường bắt đầu xảy ra buổi chiều, vào giờ uống trà, khi bố và bác Kôletnisuc ngồi gợi lại những kỷ niệm. Pêchya buồn ngủ rũ: mẹ bắt chú đi nằm nhưng chú nhất định không chịu rời khỏi buồng ăn. Chú cứ ngồi ỳ ra đấy mà ngủ, má áp xuống miếng vải sơn dinh dính, tiếng thốt, tiếng cười ồn ào của bố và bác Kôletnisuc như ru chú. Hai người ngắt lời nhau luôn và hút liên hồi kỳ trận: buông đặc những khói thuốc lá; mẹ chú ngán ngẩm luôn tay mở cửa thông hơi, tìm cách cho có gió lùa. Bà giục bác Kôletnisuc và bố chú đi ngủ. Nhưng hai ông không rứt ra nổi khỏi những kỷ niệm xưa và cứ nói, nói mãi...

Trong giấc ngủ, Pêchya loáng thoáng nghe thấy tiếng hai ông.

— Anh là một kẻ hoài nghi chủ nghĩa — bác Kôletnisuc nói.

— Tôi mà hoài nghi chủ nghĩa ư? — bố chú kêu lên — Ừ thì tôi thích thế đấy!

— Phải, đúng thế, hoài nghi. Tôi nhắc lại là một lão hoài nghi chủ nghĩa đã chán chường.

— Còn anh thì lúc nào cũng nhiệt tình.

— Tôi rất hãnh diện về điều đó. Tôi muốn biết anh nghĩ gì khi được nhìn những công trình xây dựng hải cảng của chúng tôi.

— Nó làm sao?

— Phải trông tận mắt mới thấy được!

— Thế cơ?

— Nhất định rồi. Đẹp không tả được! Nhưng những công trình hải cảng có nghĩa lý gì so với nhà máy Xtalin? Một trong những công trình sản xuất máy bơm và máy nén tiên tiến nhất Liên-bang xô-viết! Ghê lắm. Tóm lại là một thành phố tuyệt diệu! Trung tâm công nghiệp lớn nhất, hòn ngọc của Hắc-hải! Anh tưởng đùa đấy hẳn?

— Xin chịu anh rồi! — bố vui vẻ kêu lên.

— Đã hết đâu. Còn cái sân vận động mới nữa. Anh có mường tượng được cái sân vận động ấy nó thế nào không? Không, anh không thể tưởng tượng được đâu.

— Thôi anh đừng có tuyên truyền tôi!

— Tuyên truyền anh hẳn đi chứ! Một sân vận động hai vạn người ngồi ở ngay bờ bể! Đây là bể, đây là sân vận động. Anh hình dung thấy chưa, hả?

— Xin chịu anh, chịu anh rồi! — bố cười, kêu lên.

— Chưa hết! — bác Kôletnisuc ngắt lời.

Và vừa ngủ, Pêchya vừa nghe thấy: "Nhà máy sửa chữa tàu bể","Nhà máy gai","Nhà máy công cụ","Viện sư phạm", "Viện nghiên cứu đồ hộp", "Filatôp", "Lixenkô"...

Câu chuyện thông thường kết thúc bằng việc bố chú vừa cười vang vừa nhảy chồm lên một cái và, bất ngờ vỗ vào vai chú bé đang ngủ, kêu lên:

— Được rồi! Thế nào, Pêchya, con có muốn đi du lịch không?

Pêchya khó nhọc mở mắt ra và thì thầm bằng cái giọng ngái ngủ, lè nhè và mơ màng:

— Có, con thích lắm!

Một lúc sau, chú tỉnh lại, thoáng nhìn thấy cái không khí gian phòng xanh lè khói thuốc, thấy bộ mặt lo âu của mẹ, rồi lại nhẹ nhàng thiếp đi.

Trong hai ba ngày tiếp theo hôm bác Kôletnisuc ra đi, bố ở trong một trạng thái phấn khởi hơn hớn. Pêchya và ông sửa soạn đi du lịch. Rồi sau đó, tất cả tự nó hình như lại rơi vào quên lãng.

Nhưng một lần, vào mùa xuân, việc mà mẹ chú rất sợ đã xảy ra. Bác Kôletnisuc đến và, sau khi bác đi, bố chú quyết định dứt khoát hai bố con sẽ lên đường. Ông ra cửa hàng bán dụng cụ thể

thao “Đynamô“ mua ba-lô và một cái phích nước.

Mọi việc rất ăn khớp với nhau: vừa vặn lúc đó, bố chú có việc phải dàn xếp ở Ôđetxa. Một việc không đâu, nhưng cứ kéo lằng nhằng, và dầu sao cũng phải xuống đấy giải quyết. Thế là vừa được việc vừa được đi chơi. Trong lòng Pêchya lâng lâng phấn khởi. Bà mẹ bực bõ cảm thấy thằng con nhỏ của bà không thuộc về bà nữa. Từ nay, mười phần nó thuộc về bố nó cả mười.

3

Đêm trước buổi ra đi, — họ phải đáp máy bay, — Pêchya hầu như không ngủ. Lát chú lại dậy và nhìn ra cửa sổ xem đã sáng chưa. Hồi ấy đang vào đầu tháng sáu. Mẹ, bọn em gái và bà chú đã về nông thôn. Còn mình bố và Pêchya nằm ngủ trong căn nhà vắng vẻ, bụi bậm và tĩnh mịch như lệ thường vào mùa hè. Trong buồng tắm, nước ở hoa sen rơi tí tách giọt một; trong bếp, nước cũng chảy, nhưng đường hoàng, đĩnh đạc hơn và cái máy ướp lạnh thỉnh thoảng lại lách cách. Bên cửa, cái công-tơ điện kêu xè xè. Tất cả những tiếng động kín đáo cứ như rót vào tai ấy của những căn nhà thành phố chứng tỏ trong nhà còn tối om. Nhưng ở ngoài, bên trên những mái nhà màu hồng gỉ sắt của khu phố Damôxvôretsiê đã sáng trắng. Những cây dương liễu vàng ánh nom rất yêu kiều, những đám mây nhỏ mịn màng sáng rực bay trên không trung, bầu trời phía sau tháp chuông cổ kính hình kim tự tháp tràn ngập ánh nước màu xanh lá cây của buổi rạng đông, thơm ngát, tưởng như có ngâm một cành phúc bồn. Bên dưới, trên hè đường, trong cảnh thanh vắng, tiếng chân hối hả của người qua đường sớm vang lên nghe càng rộn rã.

Bố ngủ say, trùm chăn kín mít. Cậu con trai thất vọng nằm nghe tiếng ngáy bình thản, nhịp nhàng của bố, nhưng không dám gọi bố dậy: vì tối hôm qua, lúc đi ngủ, bố chú đã nghiêm khắc ra lệnh không được mới tờ mờ sáng đã mò dậy và không được đánh thức ông.

— Bố biết tính con, thế nào con cũng không ngủ thẳng giấc, rồi lại quấy bố, không cho bố ngủ. Cứ nho nhoe đánh thức bố rồi mà xem! Bố sẽ lên máy bay và để con ở lại đây. Nhớ lấy đấy!

— Vâng ạ.

— "Vâng ạ"... Cứ liệu cái thần hồn!

— Thế nhỡ ta ngủ quên mất thì sao?

— Ngủ quên thế nào được!

— Được, thế ngộ nhỡ tự nhiên ta cứ ngủ quên?

— Đã bảo là không ngủ quên mà lại! Bốn rưỡi sẽ dậy. Điện thoại sẽ gọi. Bố đã nhờ người ta rồi.

— Được rồi, thế nhỡ điện thoại hỏng thì sao?

— Điện thoại không thể hỏng được.

— Vâng, nhưng ngộ nó cứ hỏng.

— Con cứ quấy rầy bố mãi! Lên giường, ngủ đi. Mọi việc đâu sẽ vào đó, nhưng nếu con cứ quấy rầy, bố sẽ không cho con đi theo nữa, thế là xong.

Chú bé còn biết làm sao nữa? Chú đã đem ba-lô lèn chặt để lên cái ghế bên đầu giường. Chú đã kiểm tra lại cái phích lúc chiều đổ đầy nước chè đường nóng. Chú đã đi nằm và cố hết sức ngủ. Nhưng tất nhiên không tài nào ngủ được! Chú đã lò mò dậy, lặng lẽ mặc vào người bộ quần áo mới tinh, may cốt để đi du lịch, áo vét-tông mới, quần cộc thể thao, xỏ bít-tất, xỏ đôi giày mới đế to, và rón rén đi vào bếp để ngó qua cửa sổ nhìn về phía điện Kremlanh.

Điện Kremlanh đang ngủ, chìm trong bóng đêm mờ sương

lam, và trên loạt tháp đẹp, những ngôi sao đỏ nhỏ lấp lánh, le lói, nhưng trông rất rõ. Ở nhiều cửa sổ của Cung lớn, thấy rõ ánh sáng vàng rực như gấm và bóng chiếc chụp xanh của cây đèn bàn.

Đồng hồ tháp Xpaxkaia điểm mười lăm phút, ngân nga trong trẻo khác thường. Tiếng chuông thanh trong tựa pha-lê, từng tiếng một theo nhau cuồn cuộn, như lần xuống một chiếc cầu thang không gian vô hình, rồi lan ra xa và ngưng tắt. Nhưng không trung trên điện Kremlanh còn ngân vang một hồi lâu. Và bỗng dưng Pêchya cảm thấy trong lòng nao nao. Lần đầu tiên, chú vừa mới hiểu được rõ ràng, sâu sắc, là chú sắp bay khỏi Mạc-tư-khoa, khỏi thành phố quê hương của chú. Nghĩ đến đấy, chú lại thấy nóng ruột: chà, sao cho mau mau hơn lên! Cố bước cho giày mới khỏi kêu cót két, cho khỏi vấp, chú đi ra phía cửa, nhấc máy nói và quay hỏi giờ.

— Ba giờ bốn mươi bảy phút, — một giọng đàn ông lạnh lùng, từ tốn đáp lại.

Pêchya đợi một lát, rồi nín thở, lại quay hỏi giờ.

— Ba giờ năm mươi hai phút, — cái giọng lạnh lùng kia thản nhiên trả lời.

Pêchya lắng tai. Bố chú vẫn ngủ. Vươn vai ngáp, chú lê về giường, để ngả lưng một lát, và định khi nào tiếng chuông điện thoại như xé tai, thình lình cất lên, vang cả căn nhà vắng tanh, chú mới tỉnh dậy.

Nhìn lên tường, phía trên giường, đã thấy khung cửa sổ rực màu đỏ mềm mại của mặt trời sớm tháng sáu đang nhìn vào phòng, qua những mái nhà khu phố Damoxvôretsiê. Bố chú, tóc rối bù, đang đứng bên giường chú, hấp tấp thắt ca-vát và vui vẻ kêu lên:

— Thế nào, nhà du lịch! Vùng lên, hỡi các nô lệ ở thế gian! Rửa mặt đi, sửa soạn mau lên!

Và trong mười phút, hai bố con đã uống xong ấm nước chè

đun trên bếp hơi, tắt hơi đốt, khóa buồng lại, rồi giao chìa cho bà thường trực ở cầu thang máy, Pêchya và bố đã bước ra tới ngoài đường, ba-lô trên vai. Họ đợi chiếc xe khách đến đưa họ ra sân bay. Chú bé sốt ruột nhìn đăm đăm về cuối phố vắng tanh, trong sạch của buổi mai, và cũng được ánh mặt trời sớm đỏ rực chiếu suốt dọc phố, là là mặt đất. Ngộ nhỡ người ta quên, ngộ nhỡ người ta không đến đưa mình đi thì sao? Nói thực ra, có đôi lúc, chú thực lòng mong xe đừng đến nữa. Chú đang khắc khoải với cái cảm giác lo ngại, mơ hồ, rất quen thuộc của con người lần đầu tiên phải xa nhà. Một mặt, người ta muốn mau mau ra đi, rứt khỏi cuộc sống quen thuộc, cắt đứt với mọi thứ; mặt khác, cuộc du lịch đang chờ đợi anh làm cho anh sờ sợ, anh thấy nó vô ích quá, thiếu tự nhiên quá. Tại sao lại ra đi, dù là đi đâu, khi ở nhà mọi thứ đều thật yên ấm, thân mật?

Cả đời Pêchya chưa bao giờ đi máy bay. Nói thực ra, chú thấy hơi sợ. Nhưng chú không bao giờ thú nhận điều đó, ngay cả thú nhận với chính mình.

— Sao không thấy người ta đến, hả bố? — Pêchya làm bộ sốt ruột, nói. — Con cam đoan chúng ta đến bị muộn mất.

— Không! Không muộn đâu! — bố chú trả lời với một nụ cười tươi tỉnh, dễ dãi.

Ông thừa hiểu cái gì đang diễn ra trong tâm hồn đứa con trai, nhưng cứ thích trêu nó một tý.

— Này cậu cả, bố thấy hình như con hơi... sợ, có phải không?

— Con thề danh dự là không! — chú bé sôi nổi thốt lên.

Mặt mũi chú rửa nước lạnh rạng rỡ như một bông hồng. Quả thật lúc này, chú cảm thấy hình như chẳng sợ gì cả. Có cái gì đặc biệt có thể làm chú sợ được? Thiên hạ đều đi tàu bay. Vậy thì chú, chú cũng sẽ đi. Nhưng đến khi bất thình lình, ở đầu phố xuất hiện một chiếc ô-tô khách sơn màu xanh lam đặc biệt, với hai chiếc đèn bí hiểm, màu xanh hồng, như ở nhà những người mắc bệnh phổi, thì hai bàn tay chú bé giá ngắt đi. Thin thít như một người chịu tội, chú theo bố chui vào trong xe. Vài hành

khách ngủ gà ngủ vịt mang cặp da và va-li nhỏ, thờ ơ nhìn Pêchya đang phân vân quay ngang quay ngửa, va ba-lô vào ghế. Pêchya cảm thấy vẻ thờ ơ ấy như một điều gì hết sức gở.

Để khỏi lộ nỗi lo âu của mình, Pêchya đi ra đầu xe, ngồi xuống gần người tài xế, dán mặt vào tấm kính đằng trước, làm ra bộ chăm chú. Chiếc xe khách lăn bánh chạy và những đường phố đẹp đẽ hồng ánh nắng mai chạy ngược lại phía chú bé, như trong giấc mộng. Trên chiếc cầu mới rộng rãi, đèn điện còn sáng và lơ lửng thành hai đường song song, gù gù như những chiếc đòn gánh. Pêchya chưa bao giờ được thấy Mạc-tư-khoa buồn và đẹp như trong cái giờ thanh bình, mát rượi và vắng vẻ của một buổi sớm tinh sương tháng sáu này. Mạc-tư-khoa đi ngược lại phía chú, quen thuộc quá, gần gũi và thân mật quá... Chiếc xe khách qua trước cửa nhà thờ Baxin Người diễm phúc; bao giờ nó cũng gợi cho Pêchya hình ảnh một cái mâm khổng lồ chạm trổ trong Nghìn lẻ một đêm chất đầy hoa quả tiên: dưa, nho, lê, dứa, thanh yên, cao lên đến tận mây xanh. Rồi Baxin Người diễm phúc biến đi như một ký ức. Trên Hồng trường rộng lớn, vẫn còn những vạch hồng và trắng của cuộc diễu hành ngày Mồng một tháng Năm.

Một lần bố đã dẫn Pêchya đi dự cuộc diễu hành ấy. Và mãi đến bây giờ, trước mắt chú bé, xe tăng vẫn diễu qua như những quân cờ trên bàn cờ đam, cho đến bây giờ, trước mắt chú, bầu trời vẫn vươn thẳng, dày đặc máy bay đen, từng tốp ba chiếc, bảy chiếc, chín chiếc, bay cao mãi, thẳng giữa hai cái tháp của Viện bảo tàng lịch sử...

Tháp Xpaxkaia với chiếc đồng hồ khổng lồ viền vàng, bức tường hồng, bờ răng cưa của điện Kremlanh và những cây tùng xanh mọc trước tường, những dẫy lan can trắng của các khán đài bằng đá, lăng Lênin, tất cả, xe đã chạy vượt qua.

Hôm nay xung quanh lăng vắng ngắt và, phía sau bãi cỏ xanh rờn và luống đất ẩm, hai học sinh trường Võ Bị đang đứng gác trước cái cửa đồng đen để ngỏ. Bên trong cánh cửa ấy, rung rinh những màn tối âm u và bí hiểm... Pêchya đã đến thăm lăng

nhiều lần. Lần đầu, bố đã nắm lấy khuỷu tay Pêchya, nhấc bổng chú lên tới tận cái lan can đá. Pêchya đã thình lình được thấy dưới tấm quan tài kính, Lênin mặc áo khoác dài hung hung với tấm Huân chương Cờ đỏ, một bàn tay đưa thẳng và nắm chặt lại như đang cầm một cây bút chì, bàn tay kia đưa lên ngực, tự nhiên, nhẹ nhàng, như người sống vậy. Và vẻ mặt của người nằm ngủ trông giản dị quá, đồng thời vĩ đại quá, làm cho Pêchya cứ ngây người ra trong tay bố, nhìn mãi không thôi...

In bóng loang loáng lên những mặt đá hoa cương đỏ và đen, chiếc xe buýt chạy qua Hồng trường; và Hồng trường, lăng Lênin, tượng Minin và Pôjarxki, hàng tùng xanh mọc trước bức tường hồng hình răng cưa của điện Kremlanh, lá cờ đỏ rực trên vòm mái của tòa nhà Xô-viết tối cao, tất cả những cái đó đã diễn qua trước mắt Pêchya và tan đi như một giấc mộng buổi sớm.

4

Giờ đây, chiếc xe buýt đang leo qua phố Gorki. Tòa nhà nhiều tầng của khách sạn Mạc-tư-khoa mới, với tất cả những khung cửa sổ, những ban-công, những hàng rào sắt, những cổng tò vò của nó, hồng lên phơn phớt dưới ánh nắng. Bên cái cổng đi xuống đường xe điện ngầm đóng kín, đã tụ tập những hành khách sớm sủa đầu tiên, và giữa họ, một người công an mặc áo xanh, đeo găng trắng, đang vừa đi bách bộ, vừa hút thuốc. Những người gác cổng đeo huy hiệu kim khí lấp lánh dưới ánh mặt trời, đang quét hè. Người thiếu nữ bằng thạch cao với tà áo xòe cố định, đang như bay bổng, nhẹ nhàng, trên tháp cửa hàng bánh mứt kẹo ở dãy nhà. Pêchya biết tất cả những cái đó từ thuở bé, tất cả những cái đó không thể nào lại xa rời chú! Kể cả cái mẩu giấy bạc bị bánh xe ô-tô gắn chặt xuống nhựa đường kia, và

lấp lánh hay hay dưới ánh mặt trời, ở đâu đó, xa, xa lắm, gần như mãi tận Quảng trường Maiakôpxki.

Người bố vẫn ngồi thản nhiên, dựa vào lưng ghế. Cái mũ phớt mới hất ngược ra đằng sau nom rất nhộn. Vầng trán nhăn rám nắng, trông sáng sủa, thanh thản, và trong đôi mắt không còn trẻ gì nữa của ông đang lim dim mơ màng, có những ánh nâu nâu trẻ trung. Pêchya đặc biệt yêu bố khi ông đang ở trong trạng thái bình thản và vui vẻ ấy. Bố chẳng lo lắng gì cả. Vậy cũng không có lý do gì để cho Pêchya lo ngại. Và chú bé cũng thấy yên tâm. Chỉ có điều là chú rất muốn biết bố chú đang nghĩ gì. Chú quay đầu lại một lần nữa và tò mò nhìn vào mắt bố. Nhưng chú chẳng đọc thấy gì trong đôi mắt ấy cả, ngoài cái vẻ yên tâm và hạnh phúc.

Quả vậy, trong buổi sáng tuyệt diệu này, Piôt Vaxiliêvich Batsây là một người hạnh phúc. Bản chất ông không ngồi yên được một chỗ. Ông mê du lịch và thường nói rằng suốt đời ông, ông vẫn nghe văng vẳng "tiếng gọi của nàng tiên viễn du". Thế nghĩa là thế nào, Pêchya không hiểu lắm, nhưng ngược lại, chú hoàn toàn cảm giác được. Lúc đi du lịch là lúc đầu óc ông suy nghĩ thoải mải hơn lúc nào hết. Vừa lên đường, ông đã chìm đắm vào trong mơ màng và ký ức. Ông lơ đãng nhìn qua cửa chiếc xe buýt. Hai bố con đều nhìn thấy như nhau: điện Kremlanh, lăng Lênin, đường xe điện ngầm, những tòa nhà dài và nhiều tầng của phố Gorki. Nhưng ông nhìn những cái đó bằng con mắt khác hẳn. Cái thế giới bao quanh chú bé Pêchya thì già cỗi, bởi vì hầu như mọi thứ trong cái thế giới ấy đều nhiều tuổi hơn chú. Cái thế giới bao quanh người bố thì lại trẻ, bởi vì hầu như mọi thứ quanh ông đều ít tuổi hơn ông. Những cây tùng xanh của điện Kremlanh, xe điện ngầm, khách sạn Mạc-tư-khoa, phố Gorki..., những cái đó ít tuổi hơn ông thật.

Chìm đắm trong ký ức, Piôt Batsây trông thấy rõ, nơi bây giờ là khách sạn Mạc-tư-khoa, cửa hàng cũ Ôkhôtnưi Biat với những quán nhỏ chất đầy gà vịt, cá và nấm ngâm dầu dấm. Ông trông thấy nhà thờ Paraxevơ-Thứ Sáu nay không còn nữa, và cây cột

đá Ai-cập lớn dựng trước mặt tòa nhà hai màu trắng, đó của Xô-viết Mạc-tư-khoa. Hình ảnh Mạc-tư-khoa cổ xưa với tất cả cảnh buôn bán nhộn nhịp, đông đúc của nó, với tất cả những nhà thờ, những tháp chuông, những lâu đài, những ngõ cụt cứ thoáng hiện xen kẽ với những đường phố lớn mới thẳng tắp, những ngôi nhà mới đồ sộ. Và Batsây vừa lim dim nhìn qua cửa sổ xe buýt vừa nghĩ, không phải không có một chút buồn thầm kín, đến biết bao nhiêu cái ở trên đời này đã đổi thay trước mắt ông. Dĩ nhiên, tất cả những gì đổi thay ở nước Nga, ở Mạc-tư-khoa, là đổi thay theo chiều hướng tốt hơn, nhưng dầu sao ông vẫn nao nao thấy thời gian đã trôi qua và ông đã già đi, rồi chẳng mấy lúc nữa chính bản thân ông, cũng như ngôi nhà thờ Paraxevơ-Thứ Sáu kia chẳng hạn, cũng chỉ còn là một ký ức mờ nhạt.

Tuy nhiên những ý nghĩ u buồn ấy chẳng làm giảm cái hồ hởi của ông đi tí nào. Trái hẳn lại, nó còn cho ông thêm nghị lực. Mặc đầu đã bốn mươi nhăm tuổi, ông vẫn cảm thấy mình khỏe mạnh, gần như trẻ trung. Và cái sức cường tráng đang rừng rực bốc lên trong ông vào buổi sáng tuyệt diệu này, còn có nhiều hứa hẹn mới mẻ, bất ngờ và tuyệt diệu.

Trong khi đó, xe buýt đã tới sân bay. Và chỉ một lúc sau, bố con Pêchya đã đứng trên thảm cỏ đường băng, bên chiếc máy bay du lịch.

5

Pêchya chưa bao giờ được thấy gần một chiếc máy bay to như thế. Bên cái máy bay khổng lồ nhưng lịch sự, có đôi cánh mênh mông dang thẳng trên đầu, Pêchya cảm thấy mình bé lũn cũn, lố bịch. Pêchya đứng dưới đôi cảnh thon dần ấy, như đứng dưới

một mái nhà. Động cơ nổ. Cánh quạt thổi thốc một cơn lốc bụi chạy trên cỏ, lay động và đè bẹp những bông hoa xuống đất. Bàng hoàng vì tiếng ầm ầm, Pêchya đứng bên bố, nắm chặt lấy tay bố qua túi áo mưa. Mắt đăm đăm mở to, đôi môi hơi run run. Chú không rời được mắt khỏi cửa máy bay và chiếc thang nhôm nhỏ lắp vào cái cửa ghê gớm, bí hiểm kia. Hành khách chưa được lên. Người ta đang bốc xếp những bao da của bưu chính và những tấm vải bạt che động cơ. Một phi công mặc bộ áo liền quần lững thững bước trên cánh và chui tọt vào trong máy bay bằng một cái cửa tròn nào đó.

Động cơ quạt gió mạnh thêm lên. Pêchya càng bíu chặt vào túi áo bố; chiếc mũ cát-két dạ mới cầm trong bàn tay lạnh giá, chú ngước mắt nhìn bố. Bố chú mỉm cười. Chà! Ông hiểu tâm trạng của thằng con ông lắm! Ông âu yếm đặt tay lên vai nó:

— Làm sao thế con, con sợ à?

Pêchya nghe không rõ, nhưng cảm biết bố định nói gì và cười gượng.

Trong khi đó, người phi trưởng mặc áo va-rơ da và đội mũ cát-két màu lơ nhạt có phù hiệu hàng không dân dụng thêu kim tuyến, rảo bước đi tới chỗ máy bay. Tay ông cầm bản danh sách hành khách. Mọi việc đều xong. Pêchya chưa kịp định thần, bố chú đã túm lấy hai khuỷu tay đẩy chú lên cái thang nhôm rung rinh, ấn vào trong máy bay.

Từ phía đuôi lên tới đầu máy, chiếc sàn dài dốc khá ngược, đi thật khó. Nhưng Pêchya cứ bước như trong chiêm bao, trên vai cảm thấy chiếc ba-lô nặng trĩu đang kéo mình về đằng sau. Khó khăn lắm mới giữ được thăng bằng, chú cứ bám vào lưng những chiếc ghế bành sâu, cho đến lúc lăn kềnh vào một trong những ghế đó. Chú lấy lại hơi và đưa mắt nhìn quanh. Cũng chẳng có gì ghê gớm lắm: trong máy bay cũng giống như trong ô-tô-buýt. Cửa sổ có nhỏ hơn và trông chênh chếch. Các hành khách đều cầm cặp và va-li nhỏ xách tay như thường lệ khi người ta đáp máy bay, và ngồi vào chỗ thản nhiên như không. Bố chú cũng

thế, bình tĩnh lắm. Ông từ tốn đặt cái cặp đựng giấy tờ xuống chân, đội lại mũ cho ngay ngắn, và hiền hậu nháy mắt với con. Pêchya cũng cố gắng để nháy mắt một cái với bố, nhưng trông không ra thế nào cả. Chú chỉ gượng rướn được đôi lông mày lên một tý thôi.

Mãi vẫn không hết sợ. Trái lại, nghe tiếng động cơ rú càng thấy sợ. Lúc này động cơ gầm thét như một thác nước. Nhìn qua cửa sổ, cỏ dưới cánh máy bay đảo điên quay cuồng tứ phía.

— Nào! — Có ai quát thật to.

Pêchya quay lại và trông thấy người phi công mặc bộ áo liền quần kéo thang vào trong buồng lái và đóng chặt cánh cửa nhôm lại. Trong máy bay tối và tĩnh hơn một chút. Nhưng cái tĩnh tương đối đó, Pêchya thấy như một điểm đặc biệt gở. Với nụ cười rất dễ thương của một người vui tính, người phi trưởng bước vào lối đi giữa hai dãy ghế. Trông ông có vẻ một vị chủ nhà hào hiệp đang tiếp những khách thân.

— Xin mời các đồng chí ngồi vào chỗ! Đằng trước, có hai giường nằm rất êm. Đồng chí nào muốn nghỉ ngơi, hoặc muốn ngủ thì xin mời... Đồng bào trẻ tuổi này chắc hẳn mới bay lần đầu? — Ông vừa nói vừa dừng lại bên Pêchya, và âu yếm nhìn vào mắt chú — Tôi không lầm chứ?

Pêchya cố lắm mới gật được một cái: cổ chú cứ cứng đơ.

— Vậy xin chúc mừng đồng bào về lần cất cánh đầu tiên này.

Pêchya mỉm cười gượng gạo.

— Can đảm lên, anh bạn trẻ! Bay trên trời, chỉ mười lăm vạn cây số đầu tiên là vất vả thôi. Về sau thì cũng chóng quen...

Và người phi trưởng, hóm hỉnh nhăn cái mũi tẹt lại, khoái trí vuốt vuốt bộ râu nhỏ màu hạt dẻ hơi chẽ ra làm hai chòm.

Hành khách đã cười vui vẻ trước câu pha trò của người phi trưởng. Phần lớn họ là những hành khách đã có kinh nghiệm và biết rất rõ ông Kôrôpkôp nổi tiếng đã từng bay hơn một triệu

cây số an toàn. Pêchya cảm thấy trong lòng có phần nhẹ nhõm. Chú cố hết sức, mở được miệng và đột ngột nói, giọng the thé:

— Ta có bay là là mặt đất không bác?

— Từ đây đến Khackôp, nếu đồng bào cho phép thì ta sẽ bay ở trên mây, — phi trưởng ngọt ngào đáp lại — sau đó, nếu đồng bào thấy không có điều gì trở ngại, ta sẽ thử bay là là một tý.

Hành khách một lần nữa lại hưởng ứng vui vẻ câu pha trò. Điều đó làm chú bé càng thêm mạnh dạn.

— Bác ạ, cháu thích bay là là lắm, một tý thôi cũng được, — chú vừa nói vừa nhìn người phi trưởng bằng đôi mắt đen long lanh.

— Đâu sẽ có đó, — phi trưởng vừa trả lời vừa đeo đôi găng tay đen to có cổ, rồi biến mất hút vào trong buồng máy.

Máy bay chuyển bánh chạy. Lòng hơi bồi hồi thú vị và có phần nào sợ hãi một cách khoan khoái, Pêchya nhìn qua cửa sổ, thấy mặt đất mấp mô đang chạy ngược lại. Chú bám thật chặt vào hai tay ghế, và ngả toàn thân về phía sau, như muốn bảo: "Đỗ lại!".

— Bay rồi à? — chú cất tiếng nói, giọng lạc đi.

— Còn đang chạy; — người phi công mặc bộ y phục bay vui vẻ đáp lại và bỗng dưng trịnh trọng nói to — Đề nghị các đồng chí hành khách cho đến lúc cất cánh không nên đổi chỗ và không dồn về phía đuôi!

Trong " hai phút đồng hồ mà Pêchya thấy dài đằng đẵng, máy bay chạy trên bãi cỏ, không nhanh lắm, ngật ngưỡng, vụng về. Ra đến đường băng bằng bê-tông, nó rẽ ngoặt, và động cơ gầm lên dữ dội đến nỗi Pêchya thấy người nổi hết gai ốc. Đường băng bị bỏ lại phía sau, giờ đây chỉ như một vết xám mờ mờ. Pêchya nhắm tịt mắt một lúc. Máy bay vẫn chạy mỗi lúc một nhanh và thỉnh thoảng gặp chỗ đường gồ ghề lại nhảy chồm lên. Cái đuôi cất lên, sàn máy bay bỗng thăng bằng và cửa sổ trông cũng như hết chếch. Pêchya nhìn thấy ở phía dưới có một cái ô-tô bé tí, rồi

một người đang vẫy lá cờ đỏ. Một tiếng ầm ì đều đều tràn ngập tất cả. Pêchya hiểu ở máy bay đã có một cái gì khác. Nó vẫn chạy nhanh như thế, nhanh hơn là khác, nhưng người ta cảm thấy mặt đất không gồ ghề nữa, không xóc nữa. Pêchya nép người vào cửa sổ và rất ngạc nhiên thấy ở phía dưới có một con suối nhỏ ngoằn ngoèo to bằng cái ống cao-su, một bãi cát và hai con ngựa bé tẹo giữa một bãi cỏ mờ sương. Lúc bấy giờ chú mới hiểu rằng mình đang sống cái giờ phút thần kỳ mà con người thích ứng được sao mà khó thế. Chú rụng rời nhận thấy mình đang bay trên trời, rồi bỗng dưng, chú lại hoàn toàn bình tĩnh. Không những cái sợ đã biến mất, chú còn bắt đầu thấy phần nào vững tâm nữa. Chú còn táo bạo đến mức dám đứng dậy, lấy chân giẫm khe khẽ để có thể yên trí là cái sàn chắc chắn. Và nó chắc thật. Quả cũng kỳ lạ và cũng khá đáng kinh là dưới cái sàn vững chắc này, không có gì cả, không có gì đỡ nó cả. Bên trên cái trống không đó, Pêchya đang lơ lửng. Chú đang lơ lửng và cử động, ngồi trên ghế, hoặc đứng, hoặc nằm, tùy thích. Pêchya thường chiêm bao thấy mình bay. Chú biết cái cảm giác vừa kỳ diệu vừa khắc khoải của người đang lơ lửng trên không lắm, nhưng trong chiêm bao, đó là cái bay lặng lẽ và thoải mái của con chim. Trong chiêm bao, Pêchya cứ bơi ở trên trời, hai tay sải rộng. Chú bay bổng lên được là nhờ sức mạnh huyền bí của ham muốn, của ý chí.

Nhưng giờ đây, chú bay "thật", một ý chí mạnh mẽ, xa lạ, nâng chú lên khỏi mặt đất và đưa chú, đưa bố chú, đưa những cái ghế, những hành khách khác, những, cửa sổ, đôi cánh, đưa tất cả cái máy bay đi. Sức mạnh đó là gì vậy? Đó là sức mạnh của hai động cơ khổng lồ, với tiếng gầm rú liên tục đầy tin tưởng, làm quay những cánh quạt ba cánh, tạo nên xung quanh máy bay một cơn lốc vô hình. Tất cả phụ thuộc vào mấy cái động cơ. Chúng mà dừng lại là rơi, không thoát được.

Giờ đây, vô tình Pêchya đã lắng tai nghe tiếng động cơ nổ. Một điệu nhạc hùng mạnh, đều đều, hợp xướng của nhiều giọng. Sống hay chết là phụ thuộc vào điệu nhạc ấy. Nó có những lúc trầm bổng nghe thật tinh mới thấy. Lúc ấy chú bé bắt đầu lo và

nghi ngại nhìn qua cửa sổ xem động cơ có làm sao không. Nhưng cái động cơ bên phải mà Pêchya nép vào cửa sổ thì thấy, vẫn đó, nặng nề và không nhúc nhích, gắn chặt vào cánh, loang vết dầu đen đen. Và không trông thấy cánh quạt, cũng chẳng trông thấy cái quầng trong trong, loang loáng đâu cả. Nó quay nhanh quá, tưởng như đã biến mất. Mỗi lần tiếng nhạc động cơ đổi giọng, Pêchya thấy thế gian có những đổi thay bí hiểm. Chẳng hạn, khu rừng lúc nãy xê dịch từ từ ở bên dưới, giống như một tấm lông cừu xanh hoa lý ánh bạc, thì bây giờ như xù lên giống một chiếc khăn lông cừu quăn quăn. Thở thấy dễ hơn. Trong lòng cũng nhẹ nhõm hơn.

6

Bỗng nhiên, bố chú phấn khởi hẳn lên, cựa quậy trong chiếc ghế, và kêu to:

— Pêtrusa, lại đây con! Nhanh lên, nhanh lên! — Ông túm lấy vai con và kéo ra phía cửa sổ — Trông, trông kìa!

Pêchya nhìn xuống dưới cánh, và không thấy gì đặc biệt. Đường sắt như một sợi dây chạy dài chênh chếch, và bên trên một đoàn tàu đang bò như một con giun nhiều đốt. Một cái ao hình chữ nhật gắn vào giữa đám cây cỏ xanh.

— Thế nào? hiểu chưa? — bố chú hét vào tai chú.

Pêchya lắc đầu:

— Con chả hiểu gì cả!

— Đấy là Nemsinôpka!

— Nemsinôpka đâu?

— Kia, nó kia kìa! không nhận ra ư?

Pêchya chưa bao giờ được thấy Nemsinôpka từ trên xuống.

Vô lý. Cái đám nhà bé bé kia, cái ao như cái gương con con kia, cái nhà ga duyên dáng và xinh xinh như một cái đồ chơi kia, mà lại là Nemsinôpka! Tuy nhiên trông cũng có vẻ quen thuộc. Pêchya nép vào cửa sổ, suy nghĩ, và bỗng dưng hiểu rằng đúng đó là Nemsinôpka, cái làng mà nhà chú đã ở bao nhiêu mùa nghỉ mát, nơi mà ngay lúc này mẹ, bà và các em gái chú đang sống. Kỳ khôi thật, Pêchya chẳng nghĩ tý gì đến Nemsinôpka cả, ấy thế mà nó kia, có lạ không?

— Nemsinôpka! Đúng rồi! Nemsinôpka! — Pêchya bồi hồi nói — Bố ơi, nhà ta đâu hả bố?

— Kia thôi!

— Đâu, đâu?

— Thộn quá! Có trông thấy cái máy bơm không?

— Có

— Trông kìa. Ở bên trái máy bơm, đằng sau cái ao, thấy chưa?

— Con không thấy.

— Kia thôi! Cái mái xanh xanh ấy!

— Đâu, cái mái xanh đâu?

— Khổ quá, kia kìa! Đằng sau đám cây ấy! Đằng sau những cây liễu bạc ấy!

— Con nhìn chẳng thấy.

— Thôi, bây giờ thì không thấy nữa. Đi quá rồi.

Pêchya giương mắt nhìn xuống phía dưới, nhưng không còn đâu là ao, là máy bơm, là đoàn tàu nữa. Phía dưới thấy tiến lại một nhà máy lạ lạ, trông màu ngói đủ biết là mới xây dựng xong, to, nhưng nhìn trên xuống thì như rất bé, với một ống khói cao, mới. Pêchya nhìn xuống như thế là thừa, vì

Nemsinôpka đã xa rồi, chú không thể thấy được nữa.

— Vượt quá rồi, — chú bé nhắc lại, chán ngắt, và trong lòng tự nhiên buồn muốn khóc.

Chú mường tượng thấy rất rõ cái nhà nghỉ mát của gia đình, cái hàng hiên với những viên đá hoa nhiều màu, cây tùng xanh, cái võng, vườn cây, giếng nước, cái thùng hứng nước máng... và mẹ chú mặc tạp-dề hoa đang đứng ở ban-công, giơ tay lên che nắng nhìn theo bóng chiếc máy bay màu xanh bạc vừa bay qua trên đầu trong màn sương mai xuyên nắng. Có lẽ bà đang bế bé Luxya và thì thào vào tai nó: "Trông kìa, con, bố với anh Pêchya đang bay ở trên trời kia kìa!". Có lẽ bà đang cầm mùi-xoa vẫy chú, và có những con ong vằn đen vằn vàng đang bay lượn trên mái đầu óng ánh của ba như quanh một bông hoa. Và hai giọt nước mắt long lanh trên đôi mắt mẹ chú.

— Con khỉ con! — ông bố vừa nói vừa ôm lấy thằng bé đang buồn tênh...

Nhưng, nói thực ra, chú bé buồn không lâu. Cái ý thức mình đang đi máy bay, mình chẳng thấy sợ gì nữa, và mình đang hành động như một đứa bé dũng cảm, đã xua tan những ý nghĩ buồn rầu. Chú đã quên ngay cả Nemsinôpka, cả mẹ, và tất thảy những cái mà chú bay vượt qua, bỏ hết lại phía sau và có lẽ mãi mãi.

7

Pêchya đã vững dạ lắm rồi, chú đã dám đi lại trong máy bay một cách thận trọng. Chú bắt đầu tha thẩn một tý ở khoảng giữa hai dãy ghế, hết tới lại lui, rất dè dặt, ba bốn bước thôi; chẳng có gì ghê gớm xảy ra cả. Rồi chú đi về phía đuôi máy bay,

nơi để va-li và các túi bưu chính. Chú dừng lại một lát trước cánh cửa nhôm khóa chặt. Chú sờ vào cái thang nhôm dựa ở vách, chỗ treo hàn thử biểu. Chú nhìn vào hàn thử biểu, một cái hàn thử biểu rất bình thường, nó chỉ mười chín độ.

Xa hơn tý nữa là một cánh cửa nhỏ lót bông. Pêchya do dự một hồi lâu trước khi đưa tay ra mở. Chắc chắn đằng sau nó có một cái gì quan trọng lắm, bí mật lắm: những máy móc phức tạp! Có lẽ là cái người phi công máy mà Pêchya đã được biết, nhờ đọc một bài của báo Sự thật Thiếu niên. Không phải vô cớ mà người phi trưởng vào trong đó. Pêchya nhìn quanh. Không ai để ý đến chú. Sợ và tò mò đến tái người, chú đưa tay vặn quả nắm nhôm nhỏ và mở cánh cửa bí mật ra... Một chuồng xí với một bồn rửa mặt treo, một tấm gương và hai bàn chải — một vàng để chải áo, và một đen để chải giày. Chú nhòm vào lỗ chuồng tiêu. Xa tít phía dưới, một mẫu rừng như một tấm lông cừu. Chú thử giật nước, Nước chảy. Chú đậy sập cái nắp xuống và xấu hổ rời khỏi nơi bí hiểm.

Pêchya thất vọng: không, máy bay không có gì ghê gớm cả. Nó bay, đúng; nhưng trừ điều thần kỳ ấy ra không kể, thì chẳng có gì nữa.

Còn buồng máy. Ở đó có những người phi công ngồi lái máy bay. Thỉnh thoảng cánh cửa ở đó mở ra, và tiếng động cơ ầm ầm lọt vào buồng hành khách, nghe to gấp bội. Hai cái lưng mặc áo da, với hai cái mũ phi công và những bàn tay đeo găng da to tướng đang làm gì đó, đưa đẩy cái gì đó. Pêchya không dám mơ tưởng đến hạnh phúc được bước vào chỗ cung cấm ấy của máy bay. Chú tha thiết muốn được nhìn tận nơi, ít nhất cũng bằng một mắt, xem có gì trong đó.

Hai tay chắp sau lưng giống bố, rồi làm ra vẻ như đi dạo, chú bé tiến lên và dừng chân bên buồng phi công đóng kín. Chú quyết định đợi hễ có người mở cửa là nhòm vào. Pêchya sẵn sàng để đợi lâu. Nhưng hầu như ngay lúc đó cánh cửa kẹt mở, và người phi trưởng hiện ra, đứng vươn vai ở ngưỡng cửa. Tiếng gầm dồn dập của động cơ thốc vào tai, và cánh cửa khép lại

nhanh quá đến nỗi Pêchya không kịp nhìn thấy gì cả.

— Thế nào, chàng trai? Ta đang bay chứ? — phi trưởng vừa xoa tay vừa vui vẻ nói. Ông quả thật là vui tính. — Chú không sợ chứ?

— Cháu sợ cái gì mới được chứ? — Pêchya cắn đôi môi mòng mọng, thản nhiên trả lời.

— Ấy bác cũng nghĩ thế đấy: có cái gì mà sợ? — ông vuốt râu đáp.

Bỗng dưng — chính chú cũng thấy sửng sốt — Pêchya đứng nghiêm trước mặt người phi trưởng đáng yêu, đưa tay lên vành mũ cát-két dạ như anh bộ đội, và nghe thấy miệng mình nói bằng một giọng báo cáo chính quy rất kỳ khôi:

— Báo cáo đồng chí chỉ huy, thay mặt đội thiếu niên tiền phong trường số 12, Mạc-tư-khoa, em tha thiết xin phép vào buồng hoa tiêu trong khi họ lái máy bay. — Rồi chú nói tiếp với một giọng nhỏ nhẹ và van nài: — Bác ơi, cho cháu xem một tý!

Chú ngước đôi mắt dịu dàng có đôi lông mày tơ trông như mắt con gái, e dè nhìn lên khuôn mặt có cái mũi tẹt của người phi trưởng. Chú thừa hiểu trên đời này làm gì có chuyện thần kỳ. Chú chưa hề gặp một thằng bé nào dám khoe khoang đã được ở trong buồng hoa tiêu khi đang bay cả.

Nhưng chuyện thần kỳ đã xảy ra. Quả thật cái ngày huyền diệu này là ngày của những chuyện thần kỳ. Người phi trưởng kiêu kỳ nhìn chú từ đầu đến chân, làm ra mặt dữ tợn và đưa ngón tay trỏ ấn vào mũi Pêchya:

— Nhưng chú phải nhớ tuyệt đối không được sờ mó vào cái gì cả, — ông nghiêm khắc nói — Thiếu nhi các chú, tôi biết lắm... Chú mà sờ vào cái gì là tôi quẳng chú ra ngoài, cho rơi xuống đất, không có dù, hiểu chưa?

Nói xong, người phi trưởng mở cửa ra, và Pêchya không ngờ được cái diễm phúc bước theo hành lang nhỏ dẫn vào buồng lái.

Chú bước vào và một điều thần kỳ mới khiến chú vội túm lấy áo da người phi trưởng. Buồng lái không có người. Dưới cái vòm chất dẻo trong suốt, trước mặt, dãy đồng hồ, hai cái ghế bành da nhỏ bỏ trống. Trước ghế, hai tay lái không ai cầm vẫn đồng thời quay đi quay lại. Và cũng đồng thời như thế, bốn cái bàn đạp không có chân ai dận vẫn chuyển động. Tưởng đâu như hai phi công đã trở thành vô hình. Nhưng có phải thế đâu. Một người, là ông phi trưởng, đang đứng bên Pêchya: còn người kia, lúc đó đang lom khom bước từ trong một cái buồng xép ra, nhét vào mồm nửa chiếc bánh mì con với xúc-xích; thật may mắn cho Pêchya, đó đúng là phút thần diệu mà máy bay bay một mình, không cần người điều khiển. Và chú bé cứ đứng ngây ra, mê hoặc trước cái phép màu mới kia.

Tay vẫn bám vào áo ca-pốt người phi trưởng, Pêchya nhìn những mặt đồng hồ đang chạy như đồng hồ thường, nhìn bầu trời bên trên cái vòm trong suốt của buồng lái, cái bầu trời mờ đục với những mảng sương lớn màu xám mà dưới đất nhìn lên hẳn là thấy ra màu trắng và nhẹ như bông, đang hay ngược lại phía máy bay.

8

Trong khi đứa con đang đi từ chuyện thần kỳ nọ đến chuyện thần kỳ kia thì Piôt Batsây vẫn ngồi thụt sâu trong ghế hành, chân duỗi thẳng, tận hưởng cái nhàn rỗi bắt buộc của cuộc du hành. Lúc đầu, ông có nghĩ đến công việc vì, mặc dầu có tính mơ mộng, ông là người bản chất cương nghị không chịu được cái cảnh vô công rồi nghề. Ông đã rút tất cả tập hồ sơ trong cặp ra và chăm chú nghiên cứu tài liệu quanh vụ ông sắp phải làm trọng tài. Việc nhạt hoét, hồ sơ đã được chuẩn bị và nghiên cứu

kỹ lưỡng cả rồi. Không có tý hứng nào làm việc cả.

Piôt Vaxiliêvich lại xếp tài liệu vào cặp, nhưng không chịu ngả theo cái lười mơ mộng đang xâm chiếm mình, ông lấy quyển sổ có ghi những ý nghĩ và dụng ngữ cho bản luận án tiến sĩ luật học sau này của ông. Bản luận án đầu đề là "Vấn đề bồi thường trong luật pháp xô-viết". Batsây thấy nó có một tầm rộng lớn. Ông thích đầu đề luận án ấy vì phạm vi rộng rãi và tính chất mới mẻ về nguyên tắc của những vấn đề ông định đưa vào đó, và giải quyết trong phạm vi "cá nhân, xã hội và nhà nước", bằng cách quy ba khái niệm ấy lại trong một thể thống nhất xã hội chủ nghĩa. Là một luật gia tên tuổi chuyên về các vấn đề trọng tài, ông thường phải đi xuống tận địa phương và thích nghiên cứu bản luận án của mình dọc đường... Nhưng hôm nay đầu óc ông rất xa với quan niệm bồi thường trong luật pháp xô-viết. Có lẽ vì đó là lần đầu tiên ông không đi du lịch một mình, mà đi với đứa con trai. Xúc động của thằng bé không thể không truyền sang bố. Cũng có thể ông đã đặc biệt bị xúc động được trở lại thành phố quê hương sau bao năm xa cách. Dù thế nào thì lần này ông cũng chẳng còn tý tâm thần nào để tập trung vào công việc.

Ông khẽ thở dài và bắt đầu lim dim ngủ, thỉnh thoảng lại đưa mắt nhìn theo thằng con. Sau khi được vào thăm buồng lái, thằng bé đã quen với máy bay và chạy khắp, hỏi han căn vặn hết hành khách lại đến các nhân viên phục vụ. Có thể là bốn mươi năm nữa, — bố chú nghĩ — vẫn cái thằng Pêchya này sẽ âu yếm và bùi ngùi nhớ lại buổi hôm nay, cũng như bố nó giờ đây đang nhớ tới cuộc du lịch đầu tiên của mình bằng xe ngựa, rồi bằng tàu thủy Tuôcghêniep. Hồi ấy, ông coi cái tàu bé nhỏ có bánh xe và lắp thêm buồm khi xuôi gió như một bước tiến mạnh về kỹ thuật, và giờ đây nhớ đến cái máy hơi nước cục mịch, đến những bánh xe sơn đỏ và đến đội nhạc của nó, ông không thể không mỉm cười. Rất có thể là trong bốn mươi năm nữa, đi du lịch trên một con tàu vũ trụ nào đó, Pêchya của ông — lúc bấy giờ đã là một thành viên tên tuổi của xã hội cộng sản — sẽ nhớ lại ngày xưa, nhớ đến chiếc xe buýt, chiếc máy bay du lịch kiểu

cổ, và sẽ mỉm cười cũng với một niềm âu yếm bùi ngùi như lúc này Piôt Vaxiliêvich Batsây đang mỉm cười.

Máy bay vẫn bay mãi với một điệu nhạc không dứt, mạnh mẽ, hòa tấu của nhiều dây, nhưng cùng một âm điệu. Nó bay ở một độ cao trên dưới hai nghìn mét. Giữa hai tầng mây hè cao, một tầng ở trên, một tầng ở dưới. Tiếng động cơ đã lại đổi giọng. Máy bay lên cao và bắt đầu xuyên thủng tầng mây thứ ba. Khí trời lạnh hơn và thở thấy nhẹ hơn. Tai vo vo. Phía ngoài cửa sổ, mọi thứ đều phủ một lớp sương mù xám bị thổi bạt đi ngay. Máy bay thoát ra khỏi tầng mây thứ ba. Giờ đây, phía trên nó là bầu trời lạnh, trong, xanh ngắt. Mặt trời phóng ra những tia lửa rực, nhưng đồng thời khí trời lại lạnh như ở trên núi.

Cái bóng lớn của máy bay vẫn nhảy nhót không ngừng. Nó leo lên tầng mây trên cùng, rồi bất thình lình tách ra và lao xuống, nhỏ hẳn đi, lướt trên tầng mây thứ hai, đâm bổ xuống tầng mây dưới cùng, lại leo lên và to ra, thụt hồi lâu xuống một túi không khí sâu kinh khủng, bay ngang qua một cánh đồng cỏ, nhỏ như một cái kim, nhảy lên những tầng mây mới như những bậc thang khổng lồ.

9

Tiếng động cơ bắt đầu đổi giọng nhanh chóng. Thoạt đầu, nó to lên, rồi nhỏ lại, chuyển sang lắp bắp và bất thình lình lịm hẳn. Trên trời, máy bay đã đảo đi. Pêchya kinh hãi bám lấy lưng ghế và nhìn qua cửa sổ tối sầm lại. Cửa tối vì cái cánh máy bay chếch lên rất kỳ lạ đã che kín tất cả bề mặt cửa. Chú bé lao sang cửa sổ đối diện. Cửa sổ này, trống rỗng đáng sợ, đang rực ánh mặt trời. Pêchya không trông thấy cánh đâu cả. Nó đã biến mất,

Pêchya nhìn qua cửa sổ như nhìn vào giếng. Đâu đó, thăm thẳm dưới kia, mặt đất đang quay tròn, chậm chạp và nhịp nhàng.

— Tàu bay rơi! — Pêchya nói.

— Cứ yên trí, Khackôp đấy, — bố chú vừa cười vừa nói. Ông ôm vai con. — Tàu bay tạm dừng ở đây.

Pêchya nhìn xuống phía dưới, thấy những ô vuông đều đặn của một thành phố, một quảng trường, một tòa nhà nhỏ, nhưng chắc hẳn là phải đồ sộ, và nhiều dãy nhà quần tụ lại trông như những tinh thể lưu huỳnh.

— Đấy là Phòng công nghiệp Khackôp, — bố chú nói.

Rồi ở phía dưới, xuất hiện và lướt qua một nhà máy, rộng mênh mông, trông như cắm ở lưng chừng sườn đồi, với những ống khói nghiêng nghiêng và một cái hố rộng màu hồng nước độc mà trông từ trên cao tưởng như bé nhỏ.

— Đấy là nhà máy hóa chất, — bố chú nói.

Mặt đất bằng phẳng ra và tiến lại gần. Pêchya nhìn nó như nhìn qua kính lúp; chú cảm thấy trong toàn cơ thể có một sức mạnh đang hút chú về phía mặt đất. Đôi lúc, chú có cảm giác như đang lơ lửng trong không trung, bên trên ghế bành. Tim chú thắt lại và ngừng đập. Những cột dây thép và những đường sá có ô-tô chạy, lướt qua nhanh đến nỗi Pêchya vội ngửa ra sau. Rồi chú nhìn thấy ngay gần mình những đám cỏ đầy bụi chạy ngược chiều máy bay. Trong cỏ, chú phân biệt được các bông cúc dại và những thứ hoa lạ khác, lông lá, màu hồng tím trông như những cái đuôi con con có vẩy. Máy bay chạm sát với mặt đất, nhưng nó không bay nữa. Nó chạy. Cái đuôi từ từ hạ xuống và nảy lên nhiều lần. Máy bay nặng nề chạy trên mặt đất chẳng khác gì một chiếc ô-tô thường. Pêchya cảm thấy bị xúc phạm nặng nề vì không được bay nữa, đồng thời lại có một cảm giác nhẹ nhõm khó tả được thấy mình đã đứng trên mặt đất chắc nịch.

Tai bị yên tĩnh làm cho ù đặc, chú bé lần theo chiếc thang

nhôm, bước xuống cỏ ấm. Chú loạng choạng, chóng mặt, nhức tai, ánh nắng gắt của miền Nam làm chú chói mắt. Gió lộng đón tiếp chú với những mùi vị cay cay của những loài cỏ lạ thảo nguyên. Buổi sớm Ukren mới bắt đầu ấm nắng. Thật hết sức kỳ lạ và ấm lòng khi nhận thấy đây cũng vẫn là cái buổi sáng vừa bắt đầu mới đây thôi ở Mạc-tư-khoa. Rất có thể là giờ này mẹ còn đang ngủ, thế mà chú đã ở Khackôp, và quanh chú, tất cả mọi thứ đều khác quá... cỏ cây, khí trời và ánh nắng...

— Thế nào, nhà phi hành trẻ tuổi cảm thấy thế nào? — Người phi trưởng vui tính vừa nói vừa duỗi hai cái cẳng dài cho đỡ mỏi.

Pêchya thản nhiên nhún vai.

— Cừ lắm, cháu ạ!

Toàn thân như ớn lạnh, Pêchya thú vị ngả người nằm xuống cỏ ấm. Giờ đây, nằm duỗi dài trên mặt đất chắc nịch và bất động, mà nhìn trời, nhìn mây, nhưng trời mây đối với chú không còn xa lạ như xưa nữa. Chú vừa ở trên ấy với chúng và trong mười lăm phút nữa, chú sẽ lại gặp lại chúng. Chú nhìn chim, kiêu hãnh như nhìn những đứa em nhỏ. Bay mệt chú nghĩ: không những thể xác nghỉ, mà để cho cả tinh thần vừa chịu đựng một sự căng thẳng đến như thế trong ba tiếng đồng hồ ở trên trời cũng được nghỉ ngơi.

Pêchya đã vạch trước một chương trình hoạt động trong thời gian du lịch. Theo chương trình đó, trong lúc đang bay chú phải luôn luôn quan sát tất cả các hiện tượng thiên nhiên và ghi ngay lập tức những nhận xét của mình vào một cuốn sổ đặc biệt. Không kể những điều ghi chép đó có thể có một ý nghĩa quan trọng đối với câu lạc bộ của những nhà tự nhiên học trẻ tuổi mà Pêchya là phó chủ tịch, còn phải thấy rằng thật là thú vị được đặt bút ghi lên trên đầu mỗi đoạn ghi chép: “vào hồi mấy giờ... mấy phút... mấy giây, theo giờ Trung Âu, nhiệt độ bao nhiêu, ghi chép trên máy bay số mấy...” Giá trị biết chừng nào, cuốn sổ “hàng không” lời lẽ vắn tắt này! Ngoài việc báo cáo mà Pêchya

định tổ chức sau khi du lịch về, cũng không nên loại trừ khả năng in những số liệu khoa học quý báu đó trên báo Sự thật Thiếu niên. Pêchya khoái trá nghiền ngẫm cái câu tuyệt diệu "viết trên máy bay".

Chú đã mang theo nhiều phong bì và giấy để viết thư cho gia đình và bạn bè. Pêchya định viết những lá thư đầu tiên ngay trên máy bay. Có thể tưởng tượng thấy những tiếng rú của mấy đứa em gái, thấy sự bồi hồi của bà, và niềm kiêu hãnh của mẹ chú khi người đưa thư đưa tấm bưu thiếp do tay đứa con trai uyên bác của bà viết ở trên máy bay, từ trên trời gửi xuống. Và đám bạn trai, bạn gái nữa! Cô Ôlia Netsaêva nào đó chắc sẽ tiếc đứt ruột vì đã cự tuyệt cái tình cảm sâu sắc của một cậu con trai đứng đắn, nhũn nhặn, lại dũng cảm, là Pêchya, để nhận cái tình bạn hời hợt, phất phơ của Victo Xađôpnikôp, một đứa đẹp trai thật, nhưng ngốc nghếch, dốt đặc, không có gì đặc sắc ngoài cái xe đạp và một bộ tóc húi theo kiểu người lớn. Pêchya sẽ không trách Ôlia Netsaêva. Lời lẽ chú viết sẽ lễ độ lạnh lùng và đường hoàng nghiêm chỉnh. Tóm lại là vừa vặn đúng mức: "6 giờ 45 phút, giờ Mạc-tư-khoa... trên máy bay số... nhiệt độ: 19 độ. Chào Ônga. Mình giữ lời hứa và viết cho Ônga mấy dòng này trên máy bay. Lúc này mình đang bay, ở độ cao 1400 mét so với mặt biển. Trời sương mù, tầm nhìn xa từ 800 đến 900 mét, gió nhẹ. Cho tới lúc này, không có sương giá. Mình vừa vào thăm buồng lái và làm quen với tổ hoa tiêu. Tốc độ bay 250 cây số; máy ăn dầu đều đặn. Ônga ạ, thật đáng tiếc chủ nhật vừa rồi, Ônga không đi Kliazma đến nhà Tania Biriukôva với chúng mình được, hôm ấy vui lắm (phải gạch đít ba lần chữ "lắm"). Ônga, xin lỗi Ônga là đã viết ngắn thế này, nhưng thật mình không có thời giờ, mình phải luôn luôn theo dõi và ghi kết quả những nhận xét khoa học. Đáng tiếc là Ônga đã không muốn đi Kliazma. Mình đã kết bạn rất thân với Tatiana Biriukôva (gạch đít ba lần "rất thân"). Chúng mình đã phát hiện ra rằng giữa chúng mình có rất nhiều điểm hợp nhau. Pêchya Batsây, người bạn cũ của Ônga (gạch đít hai lần "cũ"). Gửi lời chào Victo".

Pêchya đã dự định viết cho tất cả các bạn, đại loại đều bằng

những lời lẽ như thế. Bởi dự định ghi một cuốn nhật ký khoa học, v.v... Nhưng chú chưa thực hiện được điều gì cả. Chú đang quá mải với việc bay. Thời gian cũng chưa có gì là bỏ phí. Bây giờ sực nhớ lại, chú quyết tâm hành động. Chú rút ở trong túi ra tập bưu thiếp đã ghi sẵn địa chỉ, cây bút chì "Thiếu niên" vót nhọn và cục tẩy. Nằm dài thoải mái lên cỏ xong, Pêchya bắt đầu, cố hết sức để viết cho có vẻ cầu thả, đúng kiểu một bức thư gửi từ máy bay. Chú đã viết lên tấm bưu thiếp đầu: "Viết trên máy bay số 2897". Nhưng ngay lúc đó chú cảm thấy ngường ngượng. Vì Pêchya tính thật thà; chỉ hơi nói dối một tý chú cũng đã thấy nó thế nào ấy. Mười phút trước, chú còn ngồi trên máy bay, nhưng bây giờ chú đang nằm sấp bụng dưới đất. Máy bay có đậu bên cạnh chú thực và đang lấy thêm xăng từ một chiếc ô-tô chở xăng to tướng sang, và trong mười lăm phút nữa nó sẽ lại bay tiếp. Nhưng tất cả những cái đó không làm thay đổi được sự thực là: Pêchya đang không ngồi trên máy bay. Nhưng thư chú gửi đi mà không có những chữ: "viết từ trên máy bay" thì nó nhạt thếch. Chú không thể viết: "nằm dài dưới đất bên cạnh máy bay số 2897". Thế thì ngây ngô quá!

Pêchya rất muốn bỏ bưu thiếp vào thùng thư Khackôp để nó đến Mạc-tư-khoa được càng sớm càng tốt. Nhưng chú không thể nói dối được. Khó xử quá! Chú đã định đành tiếc rẻ mà xóa những chữ thần diệu: "viết trên máy bay" đi. Nhưng bất thình lình chú nảy ra một sáng kiến tuyệt vời, nó lóe lên như một ánh chớp: chú sẽ lên ngồi trên máy bay và như vậy là có thể viết được câu "viết trên máy bay". Thế cũng như thật. Còn những "trời sương mù", "tầm nhìn xa" và "độ cao" thì, ôi chào, cũng không phải là dối trá gì nghiêm trọng lắm. Có chuyện trời sương mù không? Có. Tầm nhìn xa có không? Có. Về độ cao thì tạm cho là 1400 mét. Mới lúc nãy, trước khi tới sân bay Khackôp, họ đã chẳng bay trên cao 1400 mét là gì? Như vậy không thật hoàn toàn đúng, nhưng độ cao có không? Có đứt đi rồi. Cái lập luận lô-gích đó làm lương tâm Pêchya hết cắn rứt; chú thu các giấy tờ mang đi đường lại và với tay nắm lấy thang để trèo lên ngồi "viết trên máy bay". Nhưng vừa lúc đó một tốp hành khách mới

đến thu hút hết sự chú ý của chú.

10

Họ tiến đến gần máy bay. Người phi trưởng bước những bước dài, cõng trên vai một cô bé mặc áo màu sặc sỡ. Một bà lão loắt choắt lon ton chạy bên cạnh, theo khướt mới kịp ông. Một tay bà lão cầm cái giỏ đan đựng đầy hành lý, còn tay kia cố túm lấy chân em bé. Bám chặt vào cổ người phi trưởng, em bé cứ kêu rú lên, cười giòn tan và giãy giụa hai chân.

Đến gần sát máy bay, người phi trưởng thận trọng đặt cô bé xuống bãi cỏ đầy những bông hoa cúc tím. Bà lão sửa lại váy cho em bé đang ngồi giận dỗi ra mặt. Không phút nào đứng yên chỗ, nó luôn luôn ngó ngoáy, đưa đảo mắt rất nhanh tò mò nhìn Pêchya.

Dễ nó phải lên tám, nhưng trông khổ người thì có vẻ bé hơn. Pêchya tò mò nhìn em bé vui tính và nhanh nhẹn. Chú chưa bao giờ gặp một em bé dễ thương như thế. Nó không đẹp, theo nghĩa một cậu con trai Mạc-tư-khoa thường hiểu. Nó có cái duyên đáng miền Nam của một cô gái Ukren. Tất cả ở em làm cho người ta ngạc nhiên vì những màu sắc lạ mắt, rực rỡ đồng thời lại êm dịu: chân đi đôi giày cao cổ màu đỏ, mình mặc váy cộc xinh xinh, áo sơ-mi thêu tay rộng, tóc tết đuôi sam với những dải băng xanh đỏ. Một chuỗi hạt pha-lê đung đưa trên cái cổ mảnh khảnh sạm nắng. Trên mái đầu bé xinh xinh tóc đen bóng, chênh chếch một vòng hoa cúc tím mà em đã kịp tết trong khi chờ đợi máy bay. Nhưng duyên đáng nhất ở em là nước da rám nắng đến nỗi đôi má hồng tươi khó khăn lắm mới lọt qua được lần da sạm. Cặp mắt hạnh nhân màu nâu với lòng trắng

bóng nhẫy long lanh dưới hàng mi đen trông như những cánh chè khô. Ở chỗ khác, trên miền Bắc em có vẻ lòe loẹt quá đây, nhưng ở đây, trên sân bay miền Nam này, giữa những đóa hoa cúc tím, những hoa anh túc dại, em lại rất đúng chỗ như bông cẩm quỳ hay đóa hướng dương mọc trước một ngôi nhà nhỏ quét vôi trắng.

— Thế nào? — người phi trưởng nói với Pêchya, — chú có ưa cô bé Ukren này không? Chú có thể làm quen được đấy. Galôska, bắt tay chú bé này đi.

Cô bé giơ cho chú một bàn tay đen sạm mà lòng bàn tay lại trắng hồng và nhìn thẳng vào mắt chú, rồi từ chân lên đầu. Pêchya thẹn quá đưa tay ra bắt và mỉm cười ra vẻ kẻ cả.

— Galina, — cô bé nói.

— Pêchya, — chú bé trả lời.

— Làm quen thế là xong, — người phi trưởng nói.

Hành khách lại một lần nữa cười ồ.

Mọi người trèo lên máy bay. Pêchya để ý thấy bà lão bé nhỏ vẫn đứng dưới đất: em bé đi một mình.

Vừa bước vào buồng lái, phi trưởng vừa nói với Pêchya:

— Đừng có trêu chọc em nhá! tôi giao nó cho chú trông đấy!

— Vâng! — Pêchya làu bàu đáp.

Chú liếc nhìn em bé mặc dầu hơi loạng choạng vẫn cứ đứng ở trên sàn trong khi máy bay đang tăng tốc độ. Pêchya ngồi vào ghế, đặt giấy tờ lên đùi, định viết.

Chú bảo cô bé:

— Em đừng sợ. Trông anh đây, anh có sợ đâu. Cứ bám vào ghế ấy, hay tốt hơn là ngồi vào.

— Em không thích ngồi, — cô bé nói.

— Thì đứng, nhưng đừng đứng trước mặt anh, và đừng có

quấy rầy anh, anh đang muốn viết thư.

— Không đâu!

Pêchya thật không ngờ nó lại trả lời thế. Chú đứng dậy sửng sốt.

— Cái gì, thế nào là không đâu? — Chú nghiêm khắc hỏi.

— Không đâu! — cô bé nhắc lại. — Em không thích đứng. Em thích chạy. Ta cùng chạy nào!

— Đi tàu bay thì phải ngồi ngay ngắn, — Pêchya nghiêm nghị phê bình, — và nhất là không được chạy.

Đứng đây mà nhìn ra cửa sổ. Giúp anh ghi những nhận xét về khí tượng — chú nắm lấy vai cô bé và dí đầu nó vào cửa kính. — Nhìn đi, quan sát đi. Khi nào máy bay cất cánh, thì báo hiệu cho anh ngay. Lúc ấy là lúc quan trọng lắm đấy. Anh sẽ ghi ngay vào cuốn nhật ký bay của anh.

— Không đúng! — cô bé vừa lắc lắc cái đầu tết băng vừa ương ngạnh nói.

— Thế nào, không đúng là thế nào?

— Không đúng. Máy bay đã bay từ nãy rồi.

Pêchya mỉm một nụ cười kẻ cả.

— Chưa bay đâu, đang chạy đấy thôi.

Phía dưới chiếc cánh lớn, cây cỏ dưới sân bay như ướt sướt mướt, chạy ngược về phía sau. Trông gần quá, tưởng như có thể giơ tay sờ được. Bất thình lình, từ phía dưới, một cái cây khổng lồ đột ngột hiện ra. Nó khua cá cái khối tối sầm của nó vào thẳng giữa mặt Pêchya và mặt trời như lấp lánh trên muôn vàn cánh lá của nó. Chú bé lùi xa ra khỏi cửa sổ và kêu thốt lên:

— Ối!

Chú co dúm người lại, nhắm mắt chờ đợi cái va chạm khủng khiếp, tan tành ra từng mảnh. Nhưng chẳng thấy gì cả, chỉ nghe thấy tiếng cười khiêu khích và giòn tan của cô bé đang reo lên:

— Thế mà không biết xấu hổ, anh sợ à? Lêu lêu! Tái mặt lại kìa!

Pêchya rụt rè mở mắt nhìn ra cửa sổ. Phía dưới cánh, một mái ngói lướt tới vùn vụt. Sát quá, tưởng như máy bay sắp quệt vào loạt ngói đen đen và hất đổ cột ống khói có con mèo đang thản nhiên sưởi nắng bên cạnh. Chú bé lại lùi lại và nhắm mắt.

Lần này cô bé nhìn Pêchya tái mặt bằng con mắt tò mò.

— Thấy chưa, thế mà anh cứ cãi mãi, cứ bảo là tàu hay đang chạy chứ không phải bay. Em nhất định không phải nó đang chạy mà nó đang bay đấy. Em nói mới đúng. — Rồi tiếp bằng giọng kẻ cả — Chưa gì đã hoảng lên như thế là không nên. Đội viên ai lại thế!

— Anh thấy hình như..., — Pêchya xấu hổ lắp bắp.

— Hình như, hình như, — cô bé chua ngoa nhại lại, tay giơ lên sửa vòng hoa trên đầu, tất nhiên là bắt chước cử chỉ của một người nào đó, của bà nó, chắc thế.

Cô bé mắng thêm Pêchya một hai câu nữa, rồi xoa:

— Không sao, dần dần rồi quen thôi. Chắc anh đi máy bay lần đầu? Phải không?

— Lần đầu tiên, — Pêchya thừa nhận.

— À, thảo nào.

— Sao lại "thảo nào"?

— Thảo nào. Anh thấy bay là là thì sợ đấy thôi! Phải không? — cô bé nhún vai.

Pêchya bứt rứt ngọ ngoạy trên ghế.

— Sao, bay là là à? — chú quay ngang quay ngửa nhìn tứ phía, hỏi.

Cô bé mỉm cười ra dáng kẻ cả:

— Cái anh chàng này buồn cười thật! Chúng mình bay như

thế từ bao lâu rồi. Đừng sợ! Chả có gì đâu.

Nó kéo chú bé ra cửa sổ. Dưới cảnh máy bay, những con đường diễu qua với những cột dây thép, những luống cỏ, những giếng nước. Cái bóng lớn máy bay với đôi cánh nhọn trải ra trên những vườn cây, gẫy gập lại trên những dẫy hàng rào, nhảy lên những cây cao, rồi lại tụt xuống, hùng dũng lao trên những cánh đồng lúa mì rộng của nông trường, rậm rạp và lởm chởm như một tấm lông thú. Động tác mạnh mẽ của máy bay làm ngợp đến đứt hơi. Trêu ngươi sức hút của trái đất, nó chẳng thèm bay cao trên các tầng mây, cứ là là mặt đất, gầm thét nạt nộ những con cừu làm chúng kinh hãi chạy trốn tán loạn, khua lên những đám mây bụi trắng.

Pêchya không sợ nữa, tâm hồn chú rạo rực một cảm xúc đặc biệt, khác hẳn với cái thích thú khi bay trên độ cao hai nghìn mét, chậm rề rề và hầu như không nhận thấy, giữa những tầng mây lớn mây nhỏ lững lờ trôi như đang ngủ trên núi đồi của thế giới. Ở trên ấy, mặc dầu tai nghe ù ù và mặc dầu có bản đồng ca hùng tráng của các động cơ, vẫn chỉ là một sự chiêm ngưỡng bình thản. Còn đây là cơn mê loạn của động tác nhanh ngợp kinh hồn, của cuộc chiến đấu đầy nguy hiểm với không gian và thời gian. Ở đây, máy bay không còn là một cánh chim nữa. Nó cắm đầu lao thục mạng, như một chiếc ô-tô bay, gần như sạt mặt đất, nhảy chồm chồm qua bao nhiêu cây cối và những đống rơm rạ. Pêchya có cảm giác như chính tay mình, nằm vào lưng ghế đằng trước, đã ra sức đẩy chiếc máy bay tới trước, tới trước mãi, về hướng nam, đi tìm một hạnh phúc mới lạ.

11

Máy bay bay nhanh quá, thiên nhiên đổi thay nhịp nhàng quá đến nỗi Pêchya mất hẳn khái niệm về thời gian. Chú mải mê với màu sắc của đất trời miền Nam đang bao quanh chú. Đã từ lâu không còn trông thấy những cánh rừng thông nữa. Những cây bạch dương đã biến mất. Khắp bốn bề thảo nguyên trơ trụi và vắng lặng lạ thường trải ra mãi đến tận chân trời. Những cối xay gió mà Pêchya chưa từng thấy, xuất hiện. Dọc các khe nổi lên những ngôi nhà nhỏ trắng của những thôn xóm lớn. Quanh các ao nhỏ, trông cứ tưởng như nước ấm lắm, có những lùm cây bụi bậm hắt lên những ánh mờ bàng bạc dưới nắng. Tất cả đều mới, đều lạ. Nhưng mới lạ nhất là cái ánh nắng chói chang. Không khí đỏ rực và thấm đầy không phải chỉ những tia có thể thấy được, mà cả những tia cực tím bí hiểm bên ngoài, chúng lướt trên mặt da với một sức mạnh hầu như sờ thấy được và gần như đốt cháy da.

Trong máy bay mỗi lúc một thêm nóng. Nhưng đó là một hơi nóng nhẹ nhõm, tốt lành. Pêchya toát mồ hôi. Chú buồn ngủ. Bỗng, chú nhớ rằng mình còn phải ghi những nhận xét về hiện tượng thiên nhiên, phải chuẩn bị tài liệu khoa học cho báo Sự thật Thiếu niên, viết những tấm bưu thiếp gửi từ trên máy bay đi cho bạn bè thân thuộc. Lúc này, các tấm bưu thiếp ấy mới thật là giá trị. Không những nó sẽ có câu chú thích hấp dẫn lòng người "Viết từ trên máy bay", mà còn có thể ghi thêm bằng một nét viết tháu gần như đọc không rõ: "trong khi bay là là mặt đất". Để rồi xem Ôlia Netsaêva sẽ phản ứng như thế nào, và cái thằng Victo Xađôpnikôp chúa ba hoa tự đắc kia sẽ ngẩn tò te như thế nào. Không phải là chuyện đùa nữa đâu. Không, các bạn ạ, người ta không thể bỏ lỡ một cơ hội như vậy ở trên đời. Một dịp như thế này chỉ xảy ra một lần thôi. Pêchya cựa mình và lục tìm ở túi áo trong những thứ để viết. Chúng đã biến đâu mất cả. Chú bé giật mình ngồi thẳng dậy và cảm thấy có cái gì đang tụt xuống trán. Chiếc mũ lưỡi trai đã biến mất và thay vào chỗ nó là một vòng hoa cúc tím. Galia đang ngồi trên đống va-li ở đuôi máy bay, đầu đội chiếc mũ lưỡi trai của Pêchya, chân đung đưa, và đang cầm bút chì hí hoáy vẽ lên các tấm bưu thiếp của chú.

— Đích con bé này rồi! — chú đỏ mặt thốt lên.

Điều mà Pêchya sợ nhất trên đời là sự lố bịch! Ấy thế mà bây giờ, đúng vào lúc trang nghiêm đang bay là là mặt đất một cách hào hùng này, trước mặt đông đủ hành khách chú lại đóng vai một thằng ngốc mồ hôi mồ kê nhễ nhại, đầu tóc bờm xờm, mặt đỏ bừng và bối rối, thậm chí trên đầu lại đội một vòng hoa chứ không phải chiếc mũ lưỡi trai bị đánh cắp. Rõ thật là đẹp trai! Chú tức giận và nhục đến phát khóc lên được.

— Trả ngay các thứ cho tao, — Pêchya nói, đôi mắt đen nhánh long lên sòng sọc — Hiểu chưa? Ngay lập tức!

Nhưng câu nói của chú không gây một tác động gì cho em bé cả. Nó nhìn Pêchya đang giận dữ, xua xua tay, và bỗng dưng cười như nắc nẻ; tiếng cười của nó trong trẻo và thơ ngây đến nỗi người ta có cảm giác như trong máy bay có một cái chuông nhỏ xíu bằng pha-lê đang rung.

— Liệu hồn, đừng có mà làm bẩn bưu thiếp của tao, — Pêchya tuyên bố, nghiêm nghị dằn từng tiếng — Đừng có mà vẽ vào giấy của tao. Giấy tao để nghiên cứu khoa học đấy. Hiểu chưa?

Nhưng chú thấy rõ là con ranh không cần hiểu gì cả. Nó xun mũi lại và thè lưỡi ra với chú. Chú bé mất hết bình tĩnh. Chú quên phắt cả địa vị quan trọng của một nhà hoạt động chính trị, phó chủ tịch câu lạc bộ những nhà khoa học tự nhiên trẻ tuổi thủ đô, và xông lên chiến đấu với những tiếng hò thét hùng hổ.

— Trả bưu thiếp tao đây! Trả mũ tao đây! Mày mà không trả thì...

Nhưng tóm được con bé chẳng phải dễ gì. Nó nhảy thoăn thoắt từ chiếc va-li nọ sang chiếc va-li kia như một con vượn. Nó lánh, ngã, cười sằng sặc. Những hạt trai nhảy lên, những dải băng bay phất phới. Vị phó chủ tịch vất vả lắm mà vẫn không làm gì được con bé ranh ma và mau lẹ như một quả cầu bằng bạc long lanh kia.

— Bố ơi! Bố ơi! — Pêchya sụt sịt khóc — Bố bảo nó trả ngay cho

con những thứ của con đi!

Nhưng ông bố hình như không muốn bênh thằng con vụng về của mình. Tất cả cảm tình của ông hướng về phía em bé khôn khéo và nhanh nhẹn.

— Thiếu niên với lại phó chủ tịch gì mà lại chịu thua một em bé tí xíu thế kia! — ông vừa nói vừa thú vị ngắm nhìn bé Galina mặt đỏ như gấc; lợi dụng cơ hội ấy nó vớ lấy vòng hoa trên đầu chú thiếu niên, cuộn tròn lại trong tay và tung lên trời.

Pêchya đưa mắt thảm hại nhìn đám hành khách, nhưng chẳng tìm thấy ở họ một chút thông cảm nào cả. Họ cười trước cuộc đọ sức ngộ nghĩnh, trước cái trò tiêu khiển nhỏ này. Chú bé hiểu là họ chê chú vụng, đồng thời về hùa với con bé. "À ra thế! — chú nghĩ bụng — rồi sẽ biết tay". Và nhảy thoắt lên đống va-li, chú túm được vai em bé.

— Trả đây! — chú rít lên.

Nhưng ngay lúc đó, con bé đã co người lại và luồn xuống phía dưới như rơi tuột khỏi tay chú. Trong chớp mắt nó đã rời khỏi đống va-li và lách như một con trạch xuống dưới đống vải bạt che động cơ. Pêchya lao bổ sấp xuống. Nhưng em bé đã kịp chui từ dưới đống bạt ra phía đầu đàng kia. Nó đứng phắt dậy trên đôi chân nhỏ, thanh, rắn chắc và chạy về phía buồng lái. Pêchya xoa cái đầu gối đau, đâm bổ theo, nhưng nó đã kịp chui vào trong buồng, thè lưỡi ra với Pêchya và đóng sập cánh cửa nhỏ bằng nhôm vào mũi chú. Pêchya đẩy mạnh cửa và vừa đập vừa kêu:

— À, à! Hèn lắm! À, à! mày sợ ư? Trả ngay bưu thiếp của tao đây.

Cánh cửa mở ra và ngay trước mũi Pêchya xuất hiện cái thân hình cao lớn của ông phi trưởng.

— Thôi, bầy chim non của tôi, thế là đủ rồi, — ông nói với vẻ không bằng lòng — Định phá máy bay thì bảo. Đùa thế đủ rồi, không tôi ném cả ra ngoài trời đấy. Thôi!

— Nhưng nó phải trả bưu thiếp và mũ của cháu đã, — Pêchya nói, nét mặt sa sầm, và cố lách vào bên ông phi trưởng để chui vào buồng lái.

— Bác Vaxya ơi, đừng cho anh ấy vào, — em bé từ đằng sau người phi công ngó ra, kêu nheo nhéo và thè lưỡi ra với Pêchya.

— Bác bảo nó đừng trêu cháu nữa. Làm sao lúc nào nó cũng thè lưỡi ra với cháu?

— Thôi, lũ nhỏ này! Bác không nhịn được nữa đâu! — và làm ra vẻ giận dữ ghê gớm, một tay túm chặt lấy cổ Pêchya và tay kia túm cổ Galôska, ông kéo hai đứa trẻ đến gần nhau — Dàn hòa di!

— Nó phải trả các thứ của cháu đã.

— Nhưng anh ấy không được đuổi cháu cơ.

— Dàn hòa đi! — người chỉ huy gầm lên.

— Lỗi tại nó. Nó phải dàn hòa trước!

— Không, không. Tại anh ấy gây sự trước!

— Ganka, đừng nói dối, — người chỉ huy nghiêm nghị nói — Bác thừa biết tính cháu rồi. Chắc chắn là cháu đã gây sự trước cũng như mọi lần. Dàn hòa đi! Cháu nghe rõ không?

Bé Galina ngước đôi mắt màu nâu sáng nhìn ông từ dưới lên trên, hơi nhíu mắt và như có phép lạ, trở ngay thành một em bé ngoan ngoãn dịu dàng. Em nhũn nhặn nhìn xuống, sửa lại cái váy xinh xinh và, mắt không thèm nhìn Pêchya, từ sau lưng người phi trưởng chìa ra cho chú cả bưu thiếp và mũ, Pêchya cầm lấy và ngạc nhiên thấy bưu thiếp và giấy của chú chẳng bị vẽ bẩn tí nào.

— Em chỉ giả vờ thôi. Em có vẽ đâu — Galina lễ phép nói, mắt vẫn không nhìn vào Pêchya.

— Cảm ơn, — Pêchya lầu bầu, hơi xấu hổ nhưng vẫn tức.

— Thế nào? — Phi trưởng hỏi.

Em bé, vẫn nấp sau lưng phi trưởng, chìa ra cho Pêchya một

bàn tay với ngón tay út sạm nắng cong cong.

— Thế nào? — Phi trưởng nhìn Pêchya, nhắc lại.

Pêchya, vẫn xấu hổ, nhìn phi trưởng và ngón tay út cong cong, không hiểu người ta muốn gì mình.

— Thế nào, — phi trưởng nhắc lại và đẩy Pêchya về phía em bé, — chú không biết phải làm thế nào hay sao?

— Cháu không biết.

— Cái anh chàng này buồn cười thật! Thế chưa rõ hay sao?

— Rõ cái gì cơ ạ?

— Em nó muốn dàn hòa với chú.

— Có lẽ ở Mạc-tư-khoa người ta dàn hòa không giống như ở đây, — cô bé nhận xét.

— Thế ở Ukren bạn, người ta dàn hòa như thế nào? — Pêchya hỏi, trong bụng rất tò mò.

— Tùy từng nơi. Ở chỗ em, Khackôp chẳng hạn, thì dàn hòa như thế này. — Và cô bé thích thú trình bày cách dàn hòa ở Khackôp. Em móc hai ngón tay út vào với nhau, lắc lắc mấy cái rồi lại bỏ ra. — Anh có muốn làm thế không?

Pêchya nhún vai ra đáng kẻ cả.

— Làm thì làm.

Chú giơ cho em ngón tay út gập cong lại như cái quai chén. Hai đứa trẻ móc những ngón tay bé tí vào với nhau và thẹn thùng như thường tình sau một cuộc dàn hòa, chúng lắc lắc tay rồi rụt lại.

— Hòa chứ? — cô bé vui mừng hỏi.

— Hòa, — Pêchya thản nhiên đáp lại, mặc dầu trong thâm tâm chú cảm thấy nhẹ nhõm vui vui, và có phần phấn khởi nữa là khác.

— Cuộc tranh chấp kết thúc, — phi trưởng tuyên bố, và vị

thần hòa bình bệ vệ rút lui vào trong buồng lái.

Hai đứa trẻ liếc trộm nhau một lát. Chúng không biết sau khi đã chính thức ký kết hòa bình thì nên có thái độ như thế nào. Cô bé phá tan băng giá trước.

— Này, em bảo cái này, — em nói với Pêchya bằng một giọng bí mật làm như vừa khám phá ra được một cái gì vô cùng nghiêm trọng.

— Cái gì?

— Chúng mình đi chơi trong máy bay đi!

— Để làm gì? — Pêchya giữ vững cương vị một đội viên thiếu niên vững vàng và chín chắn, phó chủ tịch câu lạc bộ những nhà khoa học tự nhiên trẻ tuổi, hỏi.

— Để chơi! — cô bé lắc lắc những dải băng và hạt trai, nhởn nhơ trả lời.

— Ừ thì đi, — bị cái vẻ nhởn nhơ duyên đáng của em bé lôi cuốn, Pêchya hiên ngang đáp lại một cách đột ngột.

Giờ cuối cùng của cuộc du lịch bằng máy bay trôi qua mà hai đứa trẻ không hề hay biết. Thoạt đầu, chúng diễu đi diễu lại trên lối đi nhỏ hẹp giữa hai dãy ghế. Chúng không đi bên nhau, mà đứa trước đứa sau, thân mật, đẩy lưng nhau, lúc thì Pêchya đẩy lưng Galia, lúc thì Galia đẩy lưng Pêchya. Rồi Galia xin được phép bác Vaxya cho vào chơi một lát trong buồng lái, ngồi ở cái góc chật chội bí hiểm, nơi mà người báo vụ viên lầm lì ngồi cúi bên máy vô tuyến điện khẽ dập dập cái cần và luôn luôn nói chuyện với sân bay Ôđetxa. Rồi chúng lại nối đuôi nhau đi dạo trong máy bay, trịnh trọng ngồi xuống đống vải bạt che máy. Cô bé nói huyên thuyên và Pêchya được biết khối điều lý thú về em.

Em sống ở Khackôp với bà nội, và bây giờ em đi Ôđetxa thăm bố là chiến sĩ biên phòng; bác Vaxya, ông phi trưởng, là một bạn cũ của bố, và mỗi lần em đi thăm bố, bác Vaxya lại đưa em đi bằng máy bay. Em còn kể rằng mình có đi học, lớp một, và hiện nay đã lên lớp hai; em tham gia câu lạc bộ múa dân gian, đã hai

lần múa ở sân khấu câu lạc bộ đường sắt. Pêchya cũng biết thêm rằng mẹ của Galia chết từ lâu và bố bà ta tức ông ngoại Rôđiôn Ivanôvich Jukôp, trước là lính thủy của hạm đội Hắc-hải, một người đã tham gia cuộc khởi nghĩa của chiến hạm Pôtemkin nổi tiếng. Ông ngoại hiện đang ở thành phố Nikôlaiep.

Thế đấy! Ra đây không phải là một em bé tầm thường tý nào. Trí tưởng tượng của Pêchya đặc biệt bị kích động vì người ông ngoại kia ở chiến hạm Pôtemkin, chiếc chiến hạm lịch sử mà Pêchya đã từng được đọc chuyện ở trong sách, được thấy trong phim ảnh và được bố thỉnh thoảng kể cho nghe. Thật không ai ngờ, và cũng hơi đáng kinh sợ khi tưởng tượng rằng ở một thành phố xa lạ tên là Nikôlaiep, hiện nay đang có một người đã từng tham gia cuộc khởi nghĩa cách mạng đầu tiên trên hạm đội Nga hoàng.

Đối với Pêchya thì ngay cả Tháng Mười vĩ đại cũng hình như xa xôi lắm, bên ngoài giới hạn của cuộc sống. Và cuộc cách mạng đầu tiên năm một nghìn chín trăm linh năm, đối với chú hoàn toàn là lịch sử cổ đại chỉ được biết qua sách vở và phim ảnh, với những chiến lũy đường phố của nó, với những đội kỵ binh Cô-dắc, những sinh viên, công nhân, những lá cờ đỏ, với trận cháy phố Prexnya, với những người cảnh binh và những đường dây điện thoại bị cắt đứt rơi lằng nhằng buông thõng nặng nề xuống tận đất. Và có biển Hắc-hải mù mịt làn khói ghê rợn của hạm đội, và bóng đen của chiếc chiến hạm ba ống khói, như một bóng ma, xuất hiện từ trong đêm tối bão táp bên bờ biển cao cao với một lá cờ nhỏ cắm trên tháp súng. Bão táp lồng lộn trong cổ áo các lính thủy, những dải băng thánh Jorjơ màu đen và da cam với chiếc mỏ neo bằng vàng, những con chim hải âu vừa kêu vừa sà xuống thành từng hàng trăng trắng từ mặt sóng màu xanh đồng lại bay vọt lên; một thủy thủ trẻ tuổi, chắc, mập, Rôđiôn Jukôp, đang ưỡn ngực đứng trên ngọn cột buồm, tay cầm mũ vẫy vẫy. Và Pêchya thấy khó tưởng tượng được rằng anh ấy chính là ông Rôđiôn Jukôp đang sống ở trên đời, tại Liên-xô, trong thành phố Nikôlaiep, và chính anh là người mà em bé ranh mãnh kia gọi một cách rất bình thường là ông ngoại

Rôđiôn Ivanôvich.

12

— Ồ, cái gì thế kia? — Pêchya bỗng kêu lên — Bố ơi, trông kia, xe tăng!

Bốn chiếc xe tăng đang khua bụi, bò trên đồng cỏ, dàn thành đội hình chiến đấu. Bỗng một chiếc dừng lại, quay tháp bắn. Cùng lúc đó, chú bé để ý thấy ở trên thảo nguyên có những đơn vị bộ đội khác, nữa, chứ không phải chỉ có xe tăng. Một hàng dài bộ binh nằm phủ phục dưới đất. Đúng lúc ấy, họ bắt đầu thay đổi vị trí. Một chiến sĩ đứng bật dậy, cúi lom khom, lao lên phía trước, nằm xuống, rồi người thứ hai, thứ ba. Họ nối tiếp nhau chạy và nằm xoài xuống bãi cỏ bụi. Trên đường cái, một xe bọc sắt nhỏ mở hết tốc độ lao lên. Một máy kéo, thở khói xanh, kéo một chiếc xe vận tải khổng lồ nhảy chồm chồm trên ổ gà.

Hai chiến sĩ nhỏ tí xíu vác sào và những cuộn dây đang rải dây điện thoại. Xa xa, mãi gần chân trời, xuất hiện những đám lửa và những cột khói đen phụt tung lên trời.

Pêchya thoảng nhìn thấy tất cả những cái đó cùng một lúc.

— Chiến tranh! — chú kêu lên, với một niềm xúc động bất ngờ, má không hiểu gì về mối đe dọa và sự kinh khủng chứa đựng trong hai tiếng đó.

— Không phải chiến tranh đâu, diễn tập đấy, — em bé nói — Hiện lúc này ở quân khu Ôđetxa đang diễn tập quân sự.

Em bé đã nói lên những tiếng "quân khu Ôđetxa" với một vẻ hiểu biết và một giọng bình thường quá, khiến Pêchya phải vì nể, ganh tị liếc nhìn về phía có bé gì cũng biết kia.

Trong buồng lái, không khí mỗi lúc một thêm nóng. Cảnh đất nước lại đổi thay một lần nữa. Giờ đây là vùng thảo nguyên thực sự của Hắc-hải, đôi chỗ có một vẻ hoang vu cổ xưa, khô cằn và vàng ệch, mặc dầu đang độ tháng sáu. Vài cái hồ lớn bằng phẳng xuất hiện trên đồng cỏ. Hành khách xôn xao và bắt đầu nhìn qua cửa sổ. Bóng máy bay lướt trên các vịnh nước thấp có những vệt lăn tăn đang chạy. Nhiều dải cát xanh xám hiện qua lần nước sánh màu hoa mua, sâu đến nỗi đôi chỗ nó ánh hồng, thậm chí đỏ tía.

— Đầm nước mặn Tiligun! Đầm nước mặn Tiligun! — em bé kêu lên và mừng quýnh vỗ tay — sắp tới Ôđetxa rồi, em sắp được nói chuyện với bố rồi.

Em bé xúc động quá đến nỗi bắt đầu chuyển sang nói tiếng Ukren, và vừa liếc trộm Pêchya, em vừa đỏ mặt thẹn.

— Chúng mình sắp qua Đôlinôpka, em xem xét địa thế rồi nói.

Nghe những tiếng kỳ dị: đầm nước mặn Tiligun, Đôtinôpka, Pêchya cảm thấy tim hơi lạnh thót lại. Vì thế chú cũng đỡ ngó ngoáy. Chú tiến lại gần bố — ông vẫn không rời mắt khỏi cửa sổ và hau háu nhìn ra ngoài — rồi nép mình vào bố như muốn yêu cầu ông chia sẻ nỗi bồi hồi của đứa con trai. Piôt Batsây hiểu tâm trạng của con. Ông lột cái mũ lưỡi trai trên đầu con và, vò rối mớ tóc nóng ẩm của nó, ông âu yếm nói:

— Thế nào, Pêchya, đi tàu bay có thích không?

— Thích lắm, — chú bé dịu dàng đáp lại.

Ông bố bồi hồi chẳng kém gì con, có phần hơn nữa. Cả hai chen chúc bên khung cửa sổ hẹp, cố nhìn lên phía trước, bên trên cánh, nơi không khí ban mai long lanh ánh bạc.

Một cái gì trông khô khô, hồng hồng chạy ngược tới phía hai bố con.

— Đôfinôpka, — ông bố tỳ trán lên khung kính không vỡ, nói.

Pêchya cố nhìn, nhưng chẳng thấy gì cả ngoài vật hồng hồng,

khô khô kia.

Lối bay đã thay đổi rõ. Máy bay bắt đầu bay lên mỗi lúc một cao hơn, nhịp nhàng và nhanh, nhưng mắt hầu như không nhận thấy được. Chỉ thấy trong tai ù ù. Máy bay lên cao, cao dần, tưởng chừng như leo từng bậc một trên những dải không gian rộng lớn.

— Biển! — người phi trưởng hiện ra ở bực cửa buồng lái, vui vẻ nói.

— Biển! — bé Galina kêu lên — Biển!

— Hắc-hải! — Piôt Vaxiliêvich ôm chặt con trai vào người, dịu dàng nói. Nhưng Pêchya vẫn không trông thấy gì cả, Đôfinôpka cũng không, mà biển cũng không.

— Đâu? Biển đâu? — chú bối rối thốt lên, trố mắt nhìn để thấy được biển, nhưng vẫn chẳng thấy gì cả, ngoài cái ánh sáng bạc lấp lánh phía chân trời.

— Biển kia thôi! Ở đây này, bên dưới. Bên dưới chúng ta. Sao, con không thấy à?

Pêchya cố giương mắt nhìn xuống phía dưới, và bỗng dưng chú nhìn thấy, thăm thẳm ở phía dưới, một mầu bản đồ địa dư màu. Chú thấy rất rõ nét một đường ngoằn ngoèo ngăn cách đất liền màu gỉ sắt với nước biển xanh thẫm. Lượn về phía nam, máy bay vượt qua bờ biển. Nhiều nếp nhăn xanh dài xếp thành hàng dọc chạy theo bờ biển, vẽ lại rất chính xác đường cong của bờ.

— Cái gì đấy hả bố? — Pêchya không hiểu gì cả, hỏi.

— Biển đấy, sóng đấy.

Đây đó trên bờ biển không biết có những hình quả trám nho nhỏ gì đen bóng, trông tưởng như in bằng thạch bản.

Đó là những thuyền đánh cá và tàu đáy bằng. Chúng nằm chổng đáy lên trời. Đáy sơn bằng hắc ín.

Pêchya chăm chú nhìn. Đúng, hoàn toàn đúng. Đó là những

chiếc thuyền đáy sơn hắc ín nằm sấp. Chú còn trông thấy nhiều vật nhỏ xíu rất lạ. Chú không kịp nghĩ xem đó là những cái gì vì trong nháy mắt chú đã hiểu được ngay. Đó là những mái chèo để bắt chéo nhau và những tấm lưới phơi lên trên. Chú trông thấy một đàn ngựa bóng loáng như những tấm gương để ngoài nắng, có lẽ vừa được tắm xong và người ta đang dẫn trở về thảo nguyên. Pêchya để ý thấy những hàng nếp nhăn xanh dài kia di chuyển và vào đến gần bờ thì gộp lại với nhau, biến thành những dải bọt trắng như tuyết. Nhưng còn chính bản thân biển thì đâu? Pêchya đã chuẩn bị tinh thần để được thấy biển Hắc-hải rất to, rất dữ tợn. Nếu nó không đen kịt — chú nghĩ thế — thì ít nhất màu nó cũng phải tối sẫm với một đường chân trời hằn rõ. Thế mà chú chỉ thấy những chi tiết lặt vặt. Còn tất cả khoảng mênh mông của biển cả thì hòa lẫn vào trong cái ánh bạc chói chang của không khí, khiến lúc hướng về phía mặt trời gay gắt ban mai, người ta không thể trông thấy nó, mà chỉ đoán thấy nó. Nhưng cứ nghĩ rằng biển đã gần ngay đây kia, với tay là thấy, lòng chú bé cũng đã tràn ngập hân hoan. Bỗng trong cái ảo ảnh sáng lòa của ánh nắng, chú nhận ra một con tàu. Không phải một con tàu trên sông, mà là một con tàu thực sự, với một vành sơn đỏ trên chiếc ống khói đen và một dải khói nâu tỏa trên cái mặt nước sáng rực không trông thấy. Cứ tưởng như con tàu đậu yên, không nhúc nhích. Nhưng chú bé biết là nó đang chạy. Nó chạy cùng một chiều với máy bay, về phía Ôđetxa.

Máy bay lại lượn vòng một lần nữa. Con tàu đã khuất. Lại bay trên đất liền. Máy bay vòng theo một thành phố lớn. Thành phố dường như gần lắm, với những làn khói nhà máy, với bóng dáng những xí nghiệp, những bến tàu, những tháp nước có rào sắt, những máy trục, những nhà ga, những cầu chui. Pêchya nhìn thấy rõ những mái nhà chen chúc, những khu phố hình ô vuông, cái vịnh với con đê cảng[3] ngoằn ngoèo và ngọn tháp hải đăng nhỏ, trắng như tuyết.

Tất cả những thứ đó không gợi lên một cảm xúc gì đặc biệt hết, trừ cái thú được từ trên cao nhìn xuống thành phố, trông nó giống một bát chữ in, như những bát chữ mà gần đây Pêchya đã

được xem ở Mạc-tư-khoa, lần đội thiếu niên đến tham quan nhà in báo Sự thật thiếu niên. Nhưng Piôt Vaxiliêvich thì phấn khởi lạ lùng, trông trẻ ra nữa. Pêchya chưa bao giờ được thấy bố bồi hồi như thế. Ông nhảy từ cửa sổ nọ sang cửa sổ kia, cố không bỏ sót một tý gì. Cái mà Pêchya coi rất bình thường là một cây đèn pha, một cái đê cảng, một cái vịnh, thì đối với bố chú đó là cây đèn pha Ôđetxa nổi tiếng, là cái đê cảng Ôđetxa nổi tiếng, là hải cảng Ôđetxa nổi tiếng, với vô số những công trình bê-tông mới nhiều tầng, những cần trục rất khỏe, những máy ướp lạnh, những đê gỗ, vô vàn những phương tiện máy móc bốc dỡ khác nhau. Tất cả những cái ấy hợp thành một thành phố riêng biệt. Ông bố lẩm bẩm nhắc tên những phố, ngoại ô, quảng trường. Chốc chốc ông lại kéo thằng con đến bên cửa sổ, bắt nó nhìn xuống phía dưới.

— Trông, trông mau lên kìa! Thấy không, đây là cái mái tròn Nhà hát thành phố nổi tiếng của Ôđetxa đấy.

Ông giơ ngón tay chỉ qua cửa sổ và âu yếm mỉm cười với cái mái tròn nổi tiếng. Chú bé vất vả lắm mới phát hiện ra cái mái nổi tiếng trông như cái vỏ ốc xanh; nó không gợi cho chú một chút say sưa nào cả.

— Trông, trông kìa! Kia là Tsumka, kia là Xakhalinsic, kia là Cối xay Gần... Nhanh lên! Sắp bay khuất rồi!

— Đâu, cối xay đâu? — chú bé rối tinh lên, hỏi, không thấy bóng dáng một cái cối xay nào cả, và cũng chẳng hiểu Tsumka, Xakhalinsic là cái gì và có gì là ghê gớm.

— Khỉ ơi, nói ít chứ, để mà nhìn! Làm gì có cối xay nào, tên gọi như thế thôi.

— Nhưng đâu, nó đâu?

— Bay qua rồi, — ông bố rầu rầu đáp lại, — con thật là thộn quá! Đã để qua mất chỗ Cối xay rồi. Trông kia! Kia là cái máy trục. Thấy không? Cái máy trục nổi tiếng của Ôđetxa.

— Đâu? Cái máy trục nổi tiếng đâu? — Pêchya quýnh lên hỏi.

— Đây kia thôi! Con không trông thấy gì cả sao? Kia kìa, chỗ màu xám ấy. Hai ngôi nhà cạnh nhau. Và kia là trường bắn.

Pêchya cố nhìn kỹ xuống bên dưới. Nhưng máy bay lại lượn, và chú bé lại thấy thảo nguyên quen thuộc, khô cằn và xam xám.

13

Ở Ôđetxa, miền Nam độc quyền thống trị. Buổi sớm oi bức chói lòa trên cảnh lặng ngắt của đồng cỏ. Người ta cảm thấy nó nồng nặc mùi ngải non, mùi chĩa ba, mùi cúc tím và hương cây cỏ. Không khí phía chân trời nóng như lửa. Những bụi cây tua tủa và những ngôi nhà trắng của sân bay, rải rác trên những khu đất đã trở lại tình trạng hoang dại, động đậy, tỏa ra xa những làn sóng như những ảnh phản chiếu trên một dòng nước chảy.

Pêchya được bố giúp đeo ba-lô lên vai và hai người đi ra cửa sân bay. Đám người ra đón bà con đi ngược lại phía họ.

— Bố yêu! — Bỗng Galia chạy lao tới, kêu nheo nhéo.

Với đôi chân bé nhỏ, sạm nắng, trên người lấp lánh hạt trai và dải băng, bé chạy thật nhanh về phía một người đàn ông đang ngồi xổm giơ hai tay ra trước mặt em... Em nhào vào giữa, hai cánh tay dang thẳng ôm ngay lấy em tung hê lên trời.

— Bố yêu! Bố yêu của con! — em vừa kêu vừa cười như nắc nẻ, vui không để đâu hết.

Còn người kia thì tung hê em lên rất cao, đỡ lấy, vần em như vần củ khoai. Cái mũ lưỡi trai chiến sĩ biên phòng rơi xuống bãi cỏ trắng hụi. Vòng hoa bay tung lên. Mái tóc đen của em bé nhảy múa trên vầng trán sạm nắng và đẫm mồ hôi.

— Thôi, bố! Bố ơi, đừng làm nữa!

Em bé không kêu nữa, nó rên rỉ, gù gù như một con bồ câu, vui sướng đến mệt lả. Cuối cùng, ông đặt nó ngồi cưỡi lên trên cái cổ sạm đen của mình, nhặt mũ lưỡi trai lên phủi phủi.

— Anh Pêchya ơi, lại đây, trông này! Bố yêu của em đấy, — em líu tíu nói rất cảm động.

— Này, bố yêu ơi, anh ấy là Pêchya đấy. Anh ấy là một đội viên ở Mạc-tư-khoa. Chúng con cùng đi với nhau. Ở trên máy bay, con đã lấy hết bưu thiếp của anh ấy. Chúng con đã dàn hòa với nhau rồi. Bác Vaxya đã đứng ra dàn hòa cho chúng con. Mẹ anh ấy vẫn ở lại Mạc-tư-khoa. Anh ấy đi công tác với bố về Ôđetxa. Họ đang đi công tác đấy.

Em bé ríu rít mãi không thôi. Em vui sướng một cách thơ ngây thấy rằng mọi sự ở trên đời đã được xếp đặt khéo như thế. Em có một người bố và Pêchya cũng có; hai đứa cùng đáp máy bay đi du lịch; hai đứa đã giận nhau tí ti và rồi, nhờ trời, đã dàn hòa được và mọi việc đều yên lành. Nhìn chung, cuộc đời đẹp quá.

— Tốt lắm, — người bố yêu, xem chừng cũng cùng một tính tình với con gái, nói. — Chú này là chàng hiệp sĩ mắt xanh mới của con chứ gì. Có bạn mà đánh quen thì thích đấy.

Và bố Galina chìa ra cho Pêchya bàn tay to, rắn, đen sạm với những móng tay trắng rất to bản.

— Cháu không phải là hiệp sĩ — Pêchya vừa lầm bầm vừa chào rất ngượng nghịu.

— Cháu là phó chủ tịch đấy, — bố Pêchya nói — đùa dai với ông phó chủ tịch là không xong với ông ấy đâu.

— Bố cứ...! — Pêchya nói bằng một giọng đau khổ và trách móc.

— Càng tốt — người chiến sĩ biên phòng thốt lên. — Chúng tôi thích các ông phó chủ tịch lắm. Phải không, Galina?

Pêchya sắp tự ái đến nơi, nhưng ông bố Galina có một vẻ mặt ân cần cởi mở quá, với đôi mắt xanh lam, cái miệng rộng gió thổi se khô lại, và những giọt mồ hôi long lanh trên mũi; trông ông rắn rỏi quá, thoải mái quá trong đôi bốt dày bụi, trong chiếc áo va-rơ vải bạc màu, cô bé gập xuống, viền thêm một cái cổ khác khâu rất cẩn thận. Ông đậm đà mùi đồng cỏ quá làm cho Pêchya bỏ qua không nỡ giận, và cảm thấy tự hào được một vị chỉ huy biên phòng thực sự nói đùa mình. Nhân cơ hội gặp người am hiểu, chú định tranh luận về chuyện biên phòng, chuyện bọn khiêu khích, chuyện chó săn; nhưng vừa lúc đó, một chiếc xe tải xuất hiện.

— Thôi, Galina, con từ biệt chàng hiệp sĩ của con đi. Bắt tay ông phó chủ tịch đi.

— Chào anh Pêchya. Khỏe nhé. Chúng tôi đi đây, — cô bé nói.

— Galina về đâu? — Pêchya hỏi, giọng luyến tiếc.

Chú cảm thấy cuộc gặp gỡ đẹp đẽ này sắp đứt quãng đến nơi rồi. Chú sẽ không bao giờ còn được thấy cô bé vui tính và ăn mặc sặc sỡ này nữa.

— Em đi Betxarabi, — Galina vui vẻ nói, rõ ràng là em không có một chút luyến tiếc gì phải xa rời Pêchya mãi mãi.

Điều đó đã chạm lòng tự ái của chứ bé.

— Thế mà anh cứ tưởng Galina về Ôđetxa ở?

— Không mà.

— Thế chúng mình sẽ không gặp nhau nữa ư?

— Không, sẽ không gặp nhau nữa!

— Thôi, con ơi, từ biệt thế đủ rồi. Ta lên xe thôi, bố chỉ được phép đến ba giờ. Chào ông phó chủ tịch!

Người chiến sĩ biên phòng đặt em bé ngồi bên người lái xe. Rồi ông tự giới thiệu với bố Pêchya:

— Trung úy Paplôp.

— Batsây, — ông này đáp lại.

— Tôi có biết đồng chí, — Paplôp nói, đôi mắt tươi cười — Hai năm trước, đồng chí đã đến nói chuyện ở một câu lạc bộ về lịch sử luật pháp xô-viết. Đồng chí có nhớ không? Tôi nhận ra ngay đồng chí. Đồng chí ở Ôđetxa có lâu không?

— Hai ba tuần. Tùy tình hình công việc. Tôi có việc phải trọng tài ở đây.

— Đồng chí có định đi thăm Betxarabi chúng tôi không?

— Muốn lắm. Đó là cái mộng từ lâu của tôi. Có thể nói Betxarabi là quê hương thời thơ ấu của tôi. Bugadơ, Sabô, Akecman, Buđaki...

Đôi mắt Piôt Vaxiliêvich long lanh khi ông nhắc đến những tiếng đó, nó đối với Pêchya cứ như những câu thần chú.

— Vậy thế nào?

— Có cần giấy phép không?

— Cần.

— Cứ coi như là tôi xin được giấy phép, thì đi như thế nào? Tàu Tuôcghêniep không còn chạy nữa.

— Tàu Tuôcghêniep ư? — Trung uý Paplôp tò mò nhìn Batsây, cho là ông nói đùa.

— Thời tôi ở đấy, có chiếc tàu thủy nổi tiếng tên như thế. Tàu đóng giữa thế kỷ thứ 19, có hai ống khói.

— À, vâng! Tôi hiểu. Không, tàu Tuôcghêniep không chạy nữa. Nhưng đồng chí có thể tìm ô-tô mà đi, và...

— Được, được, tôi sẽ hỏi thăm.

— Vậy, xin mời đồng chí! Đồng chí nên đi thăm Betxarabi giải phóng. Có thể đồng chí sẽ có dịp bàn bạc với anh em sĩ quan chúng tôi về các vấn đề luật pháp. Anh em sẽ hoan nghênh lắm. Và, đối với lũ trẻ thì mê lắm: biển, cát, đầm nước mặn... Này, ông phó chủ tịch, — người sĩ quan nói với Pêchya, — ông có muốn du

lịch bằng tàu thủy trên Hắc-hải một chuyến không?

— Muốn thì có được không ạ? — chú ngập ngừng hỏi.

— Muốn là được tất. Tôi chắc ông phó chủ tịch sẽ không phản đối. Vậy, xin mời đồng chí. Đồng chí sẽ không phải tiếc đâu. Đồng ý chứ?

— Đồng ý! — Piôt Vaxiliêvich thốt lên vui vẻ — Đồng chí gửi cho tôi xin một giấy phép.

— Chúng tôi sẽ gửi. Địa chỉ như thế nào?

— Khách sạn đó.

— Đồng chí nói thực đấy chứ?

— Thực trăm phần trăm.

— Vậy chúng tôi sẽ chờ.

Trung úy bắt tay Batsây thật chặt rồi nhảy tót lên chiếc xe tải; nó lôi xốc trung úy Paplôp và đứa con gái của ông đi trong một đám mây bụi, — cái thứ bụi đặc biệt của bờ biển Hắc-hải với tất cả những dải băng, hạt trai, những bím tóc xinh xinh, cái làn của bà nó, vòng hoa cúc tím của Khackôp đặt lệch xuống bên tai.

Còn lại một mình hai bố con Pêchya, và trong giây lát Piôt Vaxiliêvich cảm thấy trong lòng một nỗi lo âu khó tả, một tâm trạng nặng nề kỳ lạ, chẳng hiểu cái bóng râm kia đã bỗng dưng từ đâu tới, phủ lên mặt đất khô bóng ánh nắng tháng sáu.

14

Không ai đến đón họ cả. Quả thực là ít lâu trước khi đi, Batsây có gửi cho Kôletnisuc một bưu thiếp, và cả một bức điện nữa,

trước hôm lên đường. Nhưng không nên tin tưởng vào ông ta. Batsây biết tính Kôletnitsuc lắm.

— Chậc — ông nhìn sân bay vắng vẻ, nói — thành phố cũng chẳng xa lắm, năm sáu cây số thôi. Đối với những nhà du lịch dày dạn thì ăn thua gì, phải không Pêchya?

— Đúng thế, bố ạ — chú bé hòa theo thái độ vui vẻ của bố, mau mắn đáp lại.

Piôt Vaxiliêvich cầm lấy tay Pêchya và hai bố con cất bước đi, dũng cảm như trong những giấc mơ của Pêchya: ông bố lớn tướng như thế và chàng con trai bé tẹo như thế, vai đeo ba-lô, hãnh diện, kiên cường, đơn độc.

Thoạt đầu, họ bước trên cỏ rìa sân bay, rồi trên con đường bụi bậm của thảo nguyên, đi về phía thành phố. Pêchya thú vị ngắm nhìn bố mình trẻ lại, vui vẻ và can trường. Batsây bỏ mũ ra, vừa khua khua vừa huýt sáo bài hành khúc vui nhộn trong phim: chiến sĩ vui tính: "Ai suốt đời ca hát sẽ không bao giờ chết". Ông nới cà-vạt, cởi khuy cổ áo ra. Mải tóc sẫm màu hơi hoa râm của ông rẽ đường ngôi giữa, trên đỉnh dựng ngược cái chỏm bướng bỉnh như chỏm tóc trẻ con, đôi mắt ông long lanh như mắt con nít hau háu nhìn mọi vật quanh mình.

— Thích không, hả Pêchya?

— Thích lắm.

Chú bé đã nói thật. Chú thích được đi tay khoác tay với người bố cao lớn và vui tính, chú cảm thấy mình không những là đứa con yêu, mà còn là người đồng chí trẻ tuổi được quyền tự do và cái quyền độc lập đặc biệt đến mức nào đó, rất hiên ngang. Nhưng về cảnh vật miền Nam thì chú mong chờ nhiều hơn thế. Nó đã làm chú vỡ mộng. Nó khô cằn quá, tẻ ngắt quá. Hai bên đường, có những con trạch trên mọc dạ hợp. Đây là lần đầu tiên chú bé được thấy loại cây vô duyên ấy: đó là một thứ bụi rậm, thân rất mảnh và dài, lằng nhằng, vào nhau, phủ lên bờ đất những lùm lá bụi bám đen, lác đác ít hoa cánh sao xinh xinh hầu như trông không thấy, và màu tử đinh hương bạc bạc, có

thể gọi là những bông hoa "mồ côi". Đôi chỗ, phía sau con trạch lại trông thấy một cái mái lợp bằng đá đen, hoặc bằng lau sậy của một ngôi nhà dài trát đất sét trắng, cái cần giếng nghiêng nghiêng, những lùm lá xanh của một loại cây lạ, lăn tăn màu lạp phách biêng biếc, bụi trắng, giống như cây hồ ngươi. Bố chú kiêu hãnh nói đó là cây dạ hợp trắng nổi tiếng của Ôđetxa. Nó nặng trĩu những chùm hoa trắng, đã khô nên hóa ra vàng vàng. Hoa rụng. Những ổ gà sâu trên đường đầy ắp những cánh hoa. Một làn gió nóng thỉnh thoảng thổi qua, nhẹ bốc cánh hoa rắc lên mặt đường, nghe lao xao như tiếng lụa và trông như những con bướm chết đã để lại đó những đôi cánh khô.

Chú bé thấy oi bức khó chịu. Chú bắt đầu kéo lê chân. Nhưng Piôt Vaxiliêvich thì hình như không biết cả đến cái nóng nực nữa. Bỗng, ông cất bước chạy, nhảy qua con trạch, rồi trở lại, người trắng những bụi, tai gài một cành nhỏ dạ hợp trắng.

Vừa vặn lúc ấy, từ sau một quãng đường ngoặt xuất hiện một chiếc ô-tô. Đó là một chiếc xe cỗ lỗ sĩ mui bằng vải bạt. Trên ghế đằng sau, hai tay bám chặt vào mép mui, Kôletnisuc đang nhảy cẫng lên. Mặt ông toát lên một vẻ phấn khởi.

— Đỗ lại, Xviatôxlap! — Kôletnisuc trông thấy Piôt Vaxiliêvich và Pêchya, ra lệnh.

Nhưng không phải dễ gì dừng được cái xe rõ ràng là đúng đến lúc này mới chịu bằng lòng chạy tử tế. Xe chưa đỗ, Kôletnisuc đã lựa lúc nhảy xuống, chạy tới chỗ Batsây. Chà, trông ông ta khác hẳn cái bác Kôletnisuc nhút nhát, vụng về đã đem đến Mạc-tư-khoa những bản báo cáo hàng năm và món "thỉ xa cúc"! Thật là một con người hoàn toàn khác. Mặc toàn vải, chẳng lúng túng ngượng nghịu tý nào, chân để trần, đã sạm nắng sớm, xỏ trong đôi dép, vẻ mạnh bạo, trông ra vẻ một vị đại úy hơn là một kế toán viên.

— Sao anh không ra sân bay đón chúng tôi, hả đồ súc sinh? — Piôt Vaxiliêvich đôi mắt long lanh, ôm chặt lấy ông ta và vỗ vỗ vào lưng, hỏi.

— Ấy, tại cái xe nó giở quẻ. À mà anh xem cái xe của tôi chưa? ... Xviatôxlap, cho xe lại đây, mau lên!

Và thế là Pêchya đã ngồi bên anh tài xế Xviatôxlap, một chàng thanh niên kiêu kỳ đi giày thể thao, mặc áo may-ô đá bóng màu hoa li-la, gắn đặc những huy hiệu địa phương và những thứ linh tinh gì không biết. Bố chú và bác Kôletnisuc ngồi đằng sau. Xe ô-tô chạy nhong nhong về thành phố. Nó gầm gừ, đánh rắm phành phạch, lắp bắp và xoay xở mọi cách để hất những người cưỡi nó xuống đất bụi. Đôi lúc Pêchya thấy hình như nó lồng lên nữa. Nhưng không phải vô cớ mà Kôletnisuc đã đánh giá anh chàng Xviatôxlap kiêu kỳ kia là một tay lái cự phách, người tài xế kiêm thợ máy giỏi nhất vùng Ôđetxa. Với một vẻ kiên nghị không gì lay chuyển nổi và một vẻ lạnh như tiền, Xviatôxlap nắm vững tay lái chiếc xe bất kham, không cho phép nó chuệnh choạng tí nào. Nghiêm nghị, với cái mũi La-mã, với mái tóc bóng hất ngược ra sau và chụp trong một cái lưới, Xviatôxlap luôn tay luôn chân, đẩy, đạp những cần và những bàn đạp ít ra cũng phải nhiều gấp đôi so với những ô-tô bình thường. Đôi lúc, người ta có cảm tưởng xe chạy được không phải nhờ đốt cháy khí nén trong động cơ, mà nhờ người lái nó đã đạp một cách không mệt mỏi lên những bàn đạp, như một người đi xe đạp vậy.

15

Dầu sao, trước sự ngạc nhiên của Pêchya, xe ô-tô chạy cũng khá nhanh. Thoạt tiên là những bờ tường đá dài màu cát chạy ngược tới phía họ. Rồi bắt đầu đi ngang qua những ngôi nhà một tầng và đôi chỗ hai tầng cũng xây bằng thứ đá ấy, với mái tôn và những cái cửa vòm tròn ở giữa mặt nhà. Trong bóng tối thăm

thẳm của một lò rèn, bên cạnh có những bánh xe mới làm nằm lỏng chỏng dưới đất, một ngọn lửa da cam đang phun phì phì, và một thanh sắt đỏ rực đang ánh lên những ánh âm thầm.

Giờ đây, đường thành phố cũng như con đường lúc nãy, lắc rắc hoa dạ hợp. Bắt đầu vào thành phố. Một phố rộng và thẳng kéo dài mãi. Nếu không có dạ hợp trồng suốt dọc đường thì nhìn nó có thể thấy tẻ ngắt. Nhưng như thế này nó lại duyên đáng, với cái vẻ hài hòa giữa ánh nắng và bóng râm. Qua lớp lá cành yếu ớt và trong xanh như màu nho, ánh lên những mặt nhà màu vàng cát của những ngôi nhà lớn nhỏ trong thành phố, với những cổng tròn và những lan can sắt, có những cây cảnh được đưa ra đặt ở đó để chờ mưa. Khắp nơi, cửa sổ đều để ngỏ. Trên hè phố lát đá xanh ánh các ô kính rung rinh chỗ tỏ chỗ mờ.

Pêchya tò mò nhìn dân phố kéo cả gia đình ra ngồi ngoài hè trước cửa nhà để hưởng phút nghỉ ngơi ngày chủ nhật. Có cái gì đặc biệt miền Nam, hay hay và hơi quê mùa trong cảnh ngay ở đây, ngoài đường, dưới bóng dạ hợp trổ hoa cuối mùa, có những bếp cồn đang reo trên ghế đẩu.

Các bà nội trợ đang nấu bữa ăn chiều; mùi cá bể rán khen khét nhưng thơm ngon hòa vào mùi dạ hợp trắng dìu dịu. Trước cửa một nhà, còn có cả cái giường gối đỏ, khiêng ở trong nhà ra, trên có một thằng cu con tóc quăn nằm ngủ. Những chú bé đi đất, quần xắn móng lợn, vác những chiếc cần câu tre dài ghê gớm (“Đi câu bể đấy!“ Pêchya phục lăn nghĩ thế), đầu rất cong, rất mảnh, khua hoa héo ở trên cây rơi xuống rào rào. Vài ba đứa đeo lủng lẳng ở cổ tay những chùm cá con dính đầy cát trông như tẩm bột bánh.

Xe đi một lát lâu dọc theo những công xưởng và nhà máy cũ, mới. Pêchya để ý thấy các công xưởng cũ từ trước cách mạng thì trông âm u như trại lính bằng gạch và cửa sổ mở toang ra đường. Từ trong vang ra tiếng máy dệt và tiếng vù vù của dây truyền lực. Các xưởng bằng bê-tông và kính của những nhà máy mới, do chính quyền xô-viết xây dựng trong những kế hoạch năm năm đầu, thấp và rộng rãi, thì nằm giữa những vườn cây

non xanh tốt. Trên con đường rải nhựa, một chiếc xe nhỏ chạy điện đang lăn bánh, kéo theo một toa "moóc" hòm lớn. Giữa một lùm cây khẽ rung rinh tia nước nhỏ và óng ánh của một vòi phun nước. Trên những cảnh cửa sắt của nhà máy, dưới bóng dạ hợp, có treo những tấm bảng gỗ to tướng đính chân dung các chiến sĩ Xtakhanôvich; bóng cây trụi hoa hắt lên những phân số thập phân ghi mức vượt kế hoạch ba tháng, lên những biểu đồ ghi mức tăng của sản xuất hàng ngày, nom như một tấm đăng-ten.

Cuối cùng, hết khu nhà máy. Bắt đầu xuất hiện những cửa hiệu với những tấm bảng đề bằng chữ Ukren và chữ Nga. Theo tiếng Ukren thì hiệu thợ cạo gọi là "pêru- kacnia"; kem gọi là "môrôxivô"; hòm thư "pôxtôva srinka"; hiệu sách "knigacnia"; bến tàu điện "dupinka".

Pêchya kính cẩn đọc những chữ có âm điệu hay hay ấy, mặc dầu đối với tai người Mạc-tư-khoa của chú, những tiếng Ukren ấy có hơi kỳ dị một chút; chú thích nhất tiếng "môrôxivô", nghĩa là kem, nghe như lởm chởm những gai đá lạnh nho nhỏ và gợi cho người ta thèm muốn được đặt lên cái lưỡi khô bỏng một thìa kem nhỏ trông tựa kim cương.

Xa xa, trong tiếng ầm ầm như vỡ chợ, một toa xe điện nhỏ chạy, chở đầy ních; từ các cửa sổ và chỗ đứng tua tủa ra cả một rừng cần câu dài màu vàng ánh.

Một chiếc xe hai ngựa, thành buông thõng, chở đầy nước đá. Những tảng đá dài, hai đầu đã chảy lõm vào, nhảy lộc xộc trên ván xe. Một chùm ánh sáng khô khan, phản chiếu lại từ đâu trong lòng một tảng nước đá, vỗ vào mắt. Pêchya hấp háy mắt, và bỗng cảm thấy sâu sắc đặc biệt tất cả cái mới mẻ của buổi trưa miền Nam oi ả tại một thành phố xa lạ, ở một nơi cùng trời cuối đất, bên một biển cả chưa trông thấy đâu. Chú bỗng thấy khát nước ghê gớm, thèm một ly "môrôxivô".

Piôt Vaxiliêvich nửa biết nửa không thành phố này.

— Này, — ông bồi hồi nói, — mình nhớ như, ở ngay chỗ này,

xưa là chợ giời.

— Bây giờ còn làm gì ra "chợ giời" — Kôletnisuc hãnh diện cười, đáp lại — Nói chuyện chợ giời thì anh hãy thử nhìn kia, xem bây giờ là một vườn hoa như thế nào. Thật là một công viên!

Và Piôt Batsây ngạc nhiên thấy ở ngay chỗ xưa kia là chợ giời với tất cả cái bẩn thỉu, nghèo khổ và ô hợp của nó, nay là một vườn hoa râm mát, tắm trong ánh nắng, rực rỡ hoa hè trong những lùm cây giữa những bãi cỏ xanh màu ngọc bích. Từ vườn hoa đó, tỏa ra khắp các hướng, những lối đi thẳng tắp, râm mát, và rất xa thấp thoáng những ngói nhà mới nhiều tầng, có hoa nở trên các bao lơn bê-tông.

Trước khi tới trung tâm thành phố, xe ô-tô lượn qua các phố hẹp.

— Ê, này, anh đưa chúng tôi đi đâu vậy? — Piôt Vaxiliêvich kêu lên.

— Đưa đến chỗ cần đưa, — Kôletnisuc trả ỉời.

— Đưa chúng tôi đến Khách sạn Đỏ!

— Không có đỏ điếc gì cả! Tôi chỉ huy hành quân. Ở Mạc-tư-khoa, tôi đã quấy anh nhiều rồi. Bây giờ đến lượt anh phải quấy lại tôi.

— Điên à, đỗ lại, — Batsây tiên sinh vừa cười vừa kêu lên — Mình đã hẹn một đồng chí...

— Mặc!... Xviatôxlap, bảo này: về nhà nghỉ mát.

— Anh có nhà nghỉ mát ư? — Piôt Vaxiliêvich sửng sốt kêu lên.

— Còn phải nói!

— Lâu chưa?

— Năm nay là hai năm. Mình đã tự tay xây lấy. Hỏi Xviatôxlap mà xem... Phải không, Xviatôxlap?... Tóm lại, đó là một biệt thự

hách ra phết. Từ Luxdof đến Ludanôpka, không đâu có cái biệt thự như vậy!

— Đùa đấy chứ?

— Mình không có tính đùa.

— Tôi không tin.

— Rồi xem.

— Dầu sao, tôi thấy ở Khách sạn Đỏ vẫn hơn...

Nhưng Kôletnisuc nhất định không nghe. Ông vẽ cho Piôt Vaxiliêvich những bức tranh mê ly quá về cái biệt thự nổi tiếng, ở đó "bà lão" nhà ông đang đợi họ và hứa chuẩn bị cho các vị khách Mạc-tư-khoa cái món cà Ukren và món cá Hy-lạp, đến nỗi Batsây tiên sinh đã sổ toẹt lên cả Khách sạn Đỏ, lẫn Betxarabi và công tác, và nói với một giọng lâng lâng:

— Cũng được! Không sao! Không quan trọng lắm. Đưa bố con tôi về biệt thự của anh!

Pêchya nhận thấy từ lúc nhảy ở trên cái thang nhôm xuống sân cỏ trường bay Ôđetxa, bố chú như đã thay đổi hẳn: ông trở nên nhanh nhẹn, vui vẻ và dễ tính khác thường. Hình như ông rất thú vị được nhanh nhẩu không chút phàn nàn, phục tùng hoàn cảnh. Đi bộ ư? ừ thì đi hộ. Đi ô-tô ư? Thì đi ô-tô. Về biệt thự ư? Thì về. Số phận ném đi đâu, không quan trọng, đâu cũng tốt cả, không cần gì hơn, bởi vì quanh ông đều là Tổ quốc, là thanh xuân, là hạnh phúc của ông cả.

Và, hệt như bố, Pêchya thấy trong lòng lâng lâng cái say sưa phảng phất và vô tư lự của sự phục tùng. Thực ra cũng hơi đáng tiếc là không được xem ngay từ hôm nay cái Nhà hát thành phố nổi tiếng của Ôđetxa, cái cầu thang nổi tiếng, khẩu đại bác đặt ở đại lộ, pho tượng công tước Risơliơ với quả trái phá của chiếc thuyền Anh-cát-lợi cắm ngập trong bệ, phố Ribat, và một lô những cảnh lạ khác của thành phố mà chú bé đã từng bao lần được nghe bố kể. Nhưng bù lại, Pêchya đã sung sướng biết bao, tâm hồn chú đã rung động lên biết mấy khi ở Đại lộ Vô sản vòng

ra, giữa những dãy nhà an dưỡng lộng lẫy, giữa lùm lá xanh phủ bụi của những vườn hoa có vòi phun nước, giữa những pho tượng trắng và những bộ áo ngủ kẻ sọc của những người nghỉ an dưỡng, chú bỗng trông thấy biển cả. Biển trông gần quá, tưởng có thể ném hòn đá tới như bỡn. Biển xanh biếc đột ngột ở cuối cái ngõ kẹp giữa hai hàng tường đá xám có cắm mảnh chai. Lùm lá nho dại trắng bụi ở trong vườn xòa qua bờ tường, buông trĩu xuống đất cái đầu tóc bù xù và những tay leo dài loăn xoăn của những lá răng cưa. Đó là một ngõ hình thường thôi. Biển cắt ngang ngõ với cái vòm xanh lam của nó và tạo thành một ngõ cụt.

Ô-tô xóc lên một cái cuối cùng rồi đứng sững lại như chết.

— Tới rồi! Đi xuống!

— Nào, xem nào, xem cái biệt thự của anh nó thế nào nào!

Họ xuống xe và đi thọc vào trong ngõ. Họ càng đi tới, biển càng rộng ra, lùi lại. Chú bé trông thấy bờ biển ở phía dưới. Giữa bờ dốc họ vừa tới và mép nước là một bãi thoai thoải nhăn nhúm, đất đen, đầy gai góc và những bụi li-la dại. Dấu vết của những lớp đất lở liên tiếp, cả cũ và mới vẫn còn nguyên. Bờ bể bị nước ngầm ăn ruỗng, lở xuống thành từng bậc từng bậc ra tới biển.

Đối với Pêchya, cảnh đó, tuy đẹp thật, cũng chỉ là một hình ảnh khá tẻ nhạt của một lớp đất lở. Nhưng Piôt Vaxiliêvich bỗng đứng sững lại, ngây người trước hình bóng của một ký ức xa xôi nào đó, nó hiện ra trước mắt ông với tất cả cái vẻ mới mẻ và trong sáng của nó: đây là chú bé Gayrick, đây là cô bé Môehya đã sẽ sàng đặt tay lên vai Piôt Vaxiliêvich — hồi ấy cũng là một chú Pêchya — đây, chiếc xà-lan của ông nội đã chở người thủy thủ đi ra nước ngoài, và đây, biển rộng trong không gian xanh biếc mờ sương che khuất cánh buồm nhỏ, nhẹ, phấp phới như một cánh hải âu.

16

— Tỉnh lại thôi, ông bạn! — Kôletnisuc chạm vào tay áo ông, nói — Rồi sẽ tha hồ ngắm.

Piôt Vaxiliêvich giật mình hồi tỉnh lại.

— Nào, ta đi xuống — Kôletnisuc nói — Anh còn biết chạy không?

Rồi cả hai người, Piôt Vaxiliêvich và Kôletnisuc, nhảy từ cái bờ thấp xuống khá vụng về, chạy thẳng một mạch xuống phía dưới, qua cái bãi bể mấp mô, khua lên những đám bụi đen. Tay bám vào các bụi li-la dại và những sợi rễ giòn của cỏ gai, Pêchya theo khướt mới kịp hai ông.

— Cái anh chàng Gayrila Xêmlônôvich, anh có gặp anh ta luôn không? — Batsây hỏi.

— Ai? Secnôivanenkô ấy ư? Còn phải nói! Sáng nay, mình đã chú tâm qua nhà anh ấy để rủ lên ôtô ra sân bay với mình. Nhưng anh ta bận một công tác khẩn cấp ở trong vùng, đi vắng mười ngày. Tiếc quá.

— Giá được gặp anh ta thì thú quá.

— Được thôi, rồi tha hồ mà hú hí. Anh gặp anh ta lần cuối hồi nào?

— Ờ..., chưa gặp từ hồi...

— Anh ta có đến Mạc-tư-khoa bao giờ không?

— Có, cách đây mười năm. Lủng củng chán kinh... Anh ta gọi dây nói cho mình, mình không có nhà. Anh ta dặn số dây nói khách sạn anh ta ở. Mình gọi đến, anh ta đi vắng. Mình đến khách sạn, viết lại mấy chữ. Nhưng anh ta bị gọi cấp tốc đi Kiep. Cứ hụt nhau như vậy. Bây giờ anh ta làm gì?

— Vẫn như cũ, công tác Đảng ở Đảng ủy miền.

— Nói chung, anh ta có khỏe không?

— Vẫn như thường. Làm như trâu. Chả biết anh ta ngủ lúc nào.

— Có già đi nhiều không?

— Ông anh ơi, cái tuổi của chúng ta, không trẻ lại được nữa — Kôletnisuc thở dài, nhận xét.

Cả hai im lặng.

— Nhưng, cái biệt thự của anh đâu? — Piôt Vaxiliêvich không muốn để cái buồn lấn chiếm, sốt sắng hỏi — Anh bạn ơi, cái biệt thự thần kỳ của anh, tôi chả thấy nó đâu cả.

— Thế kia là cái gì?

Kôletnisuc đã đứng dừng lại và, bằng một cử chỉ đường bệ, giơ tay lên phía trước. Như người ta có thể dự đoán, cái "biệt thự" nổi tiếng kia chỉ là một ngôi nhà khá dơ dáng do một bàn tay nghiệp dư xây dựng, không có tý hơi hướng kế hoạch nào, với những nguyên liệu chắp vá. Tường thì xây nửa bằng gạch cũ, nửa bằng thứ đá màu vàng nhạt mà Pêchya đã để ý thấy người ta dùng để xây phần lớn những nhà và hàng rào ở Ôđetxa. Những tảng đá của ngôi nhà Kôletnisuc đều xây ghép bằng đất sét, thay cho vôi vữa. Còn mái thì dùng những tấm sắt cũ cong cong, ngói, lá tôn, gỗ dán. Để cho chắc, phải xây đá dăm đè lên trên. Một bên nhà, nhô ra một thứ đại loại như cái sân trời, dưới bóng một cây bìm bìm um tùm leo tít lên cao, lác đác điểm những hoa kèn xanh nho nhỏ nhụy tím biếc. Gần tường, Pêchya thấy những chiếc bơi chèo sơn đỏ và cái bánh lái tháo rời của một chiếc thuyền. Cách nhà không xa, giữa đám gai góc, cái mâm đất của một bếp lò mùa hè đang bốc khói, trên có đặt một cái nồi gang nho nhỏ mất đáy cho ống khói cao thêm. Trên mâm đất, cá nướng xèo xèo. Một bà, tóc đen xanh, cứng, xoăn và vấn cao, mép lún phún râu, mặc sơ-mi Ukren thêu, to béo, mặt đỏ bừng bừng, đang líu tíu quanh bếp, chịu đựng cả hai cái nóng:

nóng mặt trời và nóng lửa phân khô. Những con gà mái béo, trông cũng có cảm tưởng như mặc sơ-mi thêu, đang dạo bước trong các bụi gai: bên trên chúng, những cánh hoa thì là xinh xinh khẽ xao động. Và tất cả những cái đó, nhìn gộp lại, trên một nền sóng biển bọt trắng, cuồn cuộn và réo ầm ầm — những làn sóng lớn, màu vàng đục, trông như một thứ canh chua me có gia một ít kem trắng — tất cả những cái đó có một vẻ hồn nhiên quá, đầm ấm quá và nhất là mến khách quá, làm cho Piôt Vaxiliêvich vô tình đã phải thốt lên:

— Chà, quỷ bắt anh đi! Nhà anh quả thật là thiên đường trần gian!

— À, vậy là cả đến anh cũng phải kết nốt! — Kôletnisuc đắc chỉ nói với vẻ huênh hoang hai tay chống nạnh — Tôi đã bảo với anh là một biệt thự hách lắm mà. Xin mời các bạn vào chơi!

Vừa lúc đó, người đàn bà mặc áo thêu, như người ta có thể đoán trước là bà chủ "biệt thự", vợ của Kôletnisuc vừa chùi hai bàn tay đỏ nhẫy vào tạp-dề, vừa chạy le te từ chỗ bếp lò ra đón khách.

Như phần đông các bà chủ nhà ở Ôđetxa, Raitxa Lvôpna rất thích làm các món ăn miền Nam và tiếp khách. Bộ mặt của bà, đỏ bừng hơi nóng mặt trời và bếp lửa, hứng khởi trong cái hoạt động bà ưa thích nhất, rạng rỡ một nụ cười hoàn toàn mãn nguyện, ân cần, có vẻ gì uể oải và hơi châm biếm một tí.

17

... Và một cuộc sống bên bờ Hắc-hải bắt đầu, khác hẳn với cuộc sống mà Pêchya thiếu sinh tưởng tượng ở Mạc-tư-khoa mỗi khi chú nghĩ đến cuộc du lịch Ôđetxa. Trong cuộc sống đó,

chẳng có gian nan, nguy hiểm gì cả. Trái lại, bên trên ngôi nhà nhỏ của gia đình Kôletnisuc, một ngôi nhà thật nhố nhăng và thật ấm cúng, luôn luôn rạng rỡ bóng dáng thăm thẳm và vàng ánh của mùa hè rực nắng miền Hắc-hải. Theo khoảng cách đều đều, những làn sóng dài xô đến đập vào bờ, không biết mệt, và không bao giờ hết. Biển cả thở dài tha thiết, bốc lên cái mùi tanh tanh của sò, ốc và bùn. Trong căn phòng quét vôi trắng, nơi dành cho Pêchya tiên sinh và Pêchya thiếu sinh ngủ trên hai giường vải, đêm đêm có một con bướm to, cánh tam giác, đến đậu, bao giờ cũng ở một góc trần; thỉnh thoảng nó lại run rẩy vỗ cánh, đập phành phạch một cách huyền bí và đáng sợ. Một màn trời đen ngòm, lốm đốm những vì sao hè trắng đục, treo lơ lửng bên cửa sổ. Ánh sáng cây đèn pha hòa lẫn với ánh sao. Và biển cả cứ thở dài mãi mỗi lúc một não nuột...

Tất cả đều rối rắm, lẫn lộn, khiến Pêchya mất hẳn cảm giác về thời gian. Trong hai tháng rưỡi vừa trôi qua kể từ hôm chủ nhật buồn thảm kia, biết bao sự việc đã xảy ra, đến nỗi chú bé không còn nhớ nữa và phải cố lắm mới xếp đặt lại được theo thứ tự thời gian. Piôt Vaxiliêvich và Pêchya đã bị đứt liên lạc với Mạc-tư-khoa. Họ bị tắc lại ở Ôđetxa. Các chuyến máy bay thư đã ngừng. Các chuyến xe lửa chở khách đã bãi bỏ. Người ta chỉ nhận những bức điện quân sự và công điện. Trong thành phố, công việc tổng động viên đang tiếp diễn với tất cả những gì liên quan với nó. Batsây đã chạy chọt tìm cách rời Ôđetxa bằng đường bể. Nhưng tất cả những tàu thủy chở khách, đã sơn lại màu xám chì và sửa thành tàu vận tải, đều dùng để chở bộ đội và đạn được. Họ đã phải rời bỏ biệt thự, dọn vào trong thành phố ở, vì toàn bộ bờ biển đã được tuyên bố là khu cấm. Nhưng lúc này chẳng còn gì là cái thành phố mà Pêchya đã được nhìn dọc đường khi đi từ sân bay về cái biệt thự nổi tiếng nữa. Sau lần bị máy bay đột kích đêm, phố xá sáng rực một cách nguy hiểm dưới một ánh mặt trời hầm hập, trắng đặc biệt và không hồn, nhưng chói gắt, trông dại lạ thường và hoang vắng. Trên tường, những tờ lệnh động viên trắng và giống nhau một loạt, đang ngả sang màu vàng...

Và thế là một hôm, Pêcbya thấy bố mặc quân phục, tóc cắt ngắn hơn thường lệ...

Piôt Vaxiliêvich vì lý do tuổi tác và công tác quan trọng, có thể được hoãn động viên, và khi trở về Mạc-tư-khoa, có thể được miễn. Nhưng ông lại muốn ra mặt trận. Ông quyết định rất nhanh, không do dự một chút nào. Ông không tưởng tượng rằng mình lại có thể hành động khác. Kôletnisuc đã được chỉ định làm quản lý cấp ba và phụ trách một đơn vị hậu cần, còn Batsây thì từ chối không nhận công tác hành chính hoặc kinh tế, và đề nghị được vào một đơn vị chiến đấu. Là pháo thủ cũ, ông được đưa vào một trung đoàn pháo binh đúng lúc ấy đang được xây dựng ở thành phố.

Trong khi chờ đợi nhận ngựa và ổn định các vấn đề về trang bị, Batsây cố chạy chọt một lần nữa để đưa Pêchya về Mạc-tư-khoa. Lúc ấy, giao thông đường sắt đã khá hơn được đôi chút, và Piôt Vaxiliêvich đã đưa được Pêchya lên một đoàn tàu hỗn hợp đầy lèn. Chú bé phải đi một mình. Nhưng, xét cho cùng, chú cũng chẳng còn bé bỏng gì nữa, và sớm muộn chú cũng phải bắt đầu sống một cuộc sống tự lập chứ! Piôt Vaxiliêvich, mặc quân phục, ấn chú bé vào một toa, giao chú cho một nữ nhân viên phục vụ mệt phờ, nhờ trông nom hộ, đưa cho chú một trăm rúp làm tiền ăn đường và một lá thư cho vợ, xoa tóc chú, rồi hai bố con chia tay nhau.

Pêchya đã ra đi. Nhưng đoàn tàu không đi quá ga Kôtôp. Trước mặt họ, cầu đã bị bom phá sập. Tàu nằm lại ba ngày ba đêm rồi phải quay trở về Ôđetxa. Nhưng khi Pêchya từ ga quay trở về nhà bác Kôletnisuc, qua những phố hầu như không nhận ra được nữa vì nhà cửa đã ngụy trang hết, thì chỉ là để nhận được tin bố chú đã ra mặt trận, bác Kôletnisuc đã đi công tác, và thấy một bác Raitxa Lvôpna đầm đìa nước mắt đang thu xếp hành lý, vì trong mấy ngày ấy, tình hình mặt trận đã gay go lên nhiều và nhân dân đã bắt đầu tản cư.

Kể từ ngày thành phố bị bao vây, với những trận máy bay bắn phá liên miên, với những loạt đại bác như sấm rền ở ngoại vi

thành phố, với khói lửa, hơi nóng rừng rực, ít ra đã một tháng rưỡi. Thế rồi, mãi vào đầu tháng chín, bà Raitxa Lvôpna cùng với Pêchya và hành lý mới ra đứng trên bến tàu nóng hầm hập, bị tàn phá gần hết, giữa đám đông những người dân phố định xuống chiếc tàu thủy sắp rời khỏi Ôđetxa bị bao vây để đi Nôvôrôxich. Ở bến, Raitxa Lvôpna cùng với tất cả va-li, tay nải bị xô vào hàng rào sắt của một nhà kho, và bà trông thấy Pêchya bị cuốn theo đám đông, ép vào cầu tàu và được những bàn tay từ thiện kéo lên boong tàu. Raitxa Lvôpna lọt lại trên bến. Giờ đây chỉ có Pêchya một mình giữa đám người xa lạ. Đến đêm, trong tiếng còi báo động rú, trong cái rung chuyển do cao xạ pháo bắn đồng loạt, dưới ánh lửa đó rực của những đám cháy bốc lên trong thành phố, chiếc tàu rời khỏi bến. Tàu vừa tới Đôfinôpka thì bị máy bay phát-xít tấn công.

18

Ba giờ sáng, khi Pêchya trèo lên boong thì tàu đã cháy nhiều chỗ. Ngay gần mình, chú bé trông thấy một quả bom cháy cỡ nhỏ vừa rơi xuống và bắt đầu bốc lửa. Pêchya sợ lắm, nhưng vẫn không thể rời được mắt khỏi cái vật bằng nhôm ấy. Nó đang xì xì và chảy nước, vãi ra xung quanh những giọt nhỏ chói rực.

Một thủy thủ mang bốt cao su tiến qua gần Pêchya, tay đeo bao vải thò hất quả bom đi. Xung quanh tíu tít những người. Né mình tránh các tia lửa, người thủy thủ tóm lấy đuôi "củ chuối" nhưng lại lập tức buông ra: "củ chuối" đã đốt cháy bao tay anh. Anh giơ chân giận dữ đá vào "củ chuối". Nó lăn lông lốc văng đi, để lại phía sau những luồng lửa. Người thủy thủ ngật ngưỡng bước theo sau, và đá thật mạnh một cái nữa vào phía dưới quả bom như đá bóng. Quả bom va vào các tay vịn và dây cáp, lăn

qua mạn tàu và, vẫn tóe lửa, vừa rít vừa rơi tòm xuống nước đen ngòm bọt sóng.

Một thủy thủ khác, đeo mặt nạ bảo vệ bằng a-mi-ăng trắng có đôi mắt kính hình chữ nhật trông thật khiếp, cầm thùng cát đổ lên chỗ boong tàu bị cháy xém. Pêchya nhận thấy cái thùng sơn bằng một thứ sơn dầu màu ngụy trang xỉn xỉn, và ở trong cát có lẫn nhiều vỏ trai, vỏ ốc vằn. Cái mặt nạ bảo vệ trông cũng tựa như một cái thùng úp lên đầu.

Rồi, trên nền trời tối, cùng một lúc hai quả pháo sáng bừng lên, do một chiếc máy bay không ai trông thấy ném xuống. Chúng lập lờ phía trên cột buồm, chao đi một lát, rồi khắp bốn bề sáng rực lên như giữa trưa nắng. Một ánh sáng gay gắt, có một vẻ gì nhân tạo, hóa học, từ trên cao tàn nhẫn rọi xuống mọi ngóc ngách của chiếc tàu đang cháy, xóa mất hẳn bóng các cột buồm và dây cáp, khiến bà con trên tàu kinh hoảng mất một lúc. Rồi tất cả xô về phía hầm tàu. Nhưng bỗng họ lại kinh hãi đứng sững lại. Lần này, cái làm cho họ như chết đứng tại chỗ là tiếng rú của một quả bom vô hình vừa từ một máy bay vô hình rơi xuống. Lúc đầu, tiếng đó nghe rất nhỏ, gần như lẫn hẳn trong những tiếng động khác của cái đêm thê thảm này: tiếng người kêu, tiếng hơi nước xì, tiếng tạch tè của máy điện báo, tiếng thuyền trưởng gào trong máy phóng thanh ra lệnh, tiếng máy đi-ê-den chạy ầm ầm thỉnh thoảng lại làm cho thân tàu rung lên, tiếng chuông báo động liên hồi, tiếng liên thanh nổ từng tràng, tiếng bốt cao su dận thình thịch, tiếng lửa cháy nghe như vò giấy, tiếng nước từ trong vòi cứu hỏa phun ra. Nhưng tiếng rú của quả bom đang bay cứ mỗi lúc một mạnh lên, lan ra, và mau chóng át hết tất cả mọi tiếng động khác. Từ trên cao, quả bom rít lên khủng khiếp, lao gần xuống tàu.

— Nằm xuống! — Không biết tiếng ai kêu thất thanh.

Pêchya bủn rủn hai chân và tối tăm mặt mũi. Tai chú rền lên những tiếng chuông đau xót. Chú lao người nằm sấp xuống boong tàu, chúi mũi vào giữa những tấm ván ướt, hai tay ôm lấy đầu, tưởng làm như thế thì có thể tránh được tai họa. Chắc chắn

chú đã ngất đi nếu toàn bộ sức mạnh tinh thần và thể xác của chú không mải mê tập trung vào một mục đích duy nhất: muốn gì thì gì, phải chú ý, nghe, nghe, nghe tiếng quả bom rít. Và bất thình lình, một sức mạnh khủng khiếp, nóng ran, vồ lấy Pêchya, hất chú qua mạn tàu và quăng xuống biển, đầu chúc ngược.

Pêchya hầu như không biết bơi. Chú cảm thấy bị khối nước đen sì từ bốn bề ôm lấy mình mỗi lúc một chặt. Mặc cho chìm như một vật nặng và mềm nhũn, chú biết mình thế là tuyệt đường hy vọng. Nhưng cái sức sống không gì khuất phục được, từ nãy chỉ leo lét trong người chú, bỗng bừng tỉnh dậy và bắt đầu hoạt động. Không nghĩ gì cả, cũng không hiểu gì cả, mà chỉ nhắm mắt tuân theo sức mạnh to lớn ấy, Pêchya dốc toàn lực chân đạp tay sải, để cố thoát khỏi cái mồ nước này.

Đầu nhô lên mặt nước, cổ vươn dài, chú đớp vội được một ít không khí mát qua những dòng nước chảy trên tóc, trên mắt xuống, Pêchya thoảng thấy cái thành cao của mạn tàu đang bị hơi nước đỏ rực phủ kín ở ba chỗ, thấy một kiểu ca-nô là lạ và một làn sóng đen ngòm úp chụp lên đầu chú cái ngọn đục ngầu, khum khum của nó. Pêchya vùng vẫy như muốn bám vào ngọn sóng trắng bọt ấy. Lúc đó, chân chú thôi không đạp nước nữa và đầu lại chìm nghỉm. Bỗng, có một vật gì từ trên lướt xuống, như một cái gậy nặng và bẹt, đập vào đầu chú. Chú bám chặt vào cái gậy trơn nhẫy ấy. Tức thì một bàn tay túm lấy tay chú và kéo chú ra khỏi mặt nước. Trước khi ngất, Pêchya còn kịp cảm thấy đau lúc bị kéo qua mạn ca-nô cao. Mạn ca-nô xé toạc ngực áo chú ra. Đầu gối chú va vào cọc chèo gỗ đau quá.

Chú hồi tỉnh và thấy mình nằm dài trong lòng một con thuyền. Đầu gối lên chiếc áo vét rách và ướt sũng. Pêchya nghe có tiếng mái chèo cót két. Hai người đàn bà ngồi ở ghế phía trên, trước mặt chú, đang chèo, nghển lên rồi lại cúi xuống theo nhịp những mái chèo to bản. Sóng vỗ vào đáy thuyền bằng và rì rào nhịp nhàng lướt dọc theo mạn thuyền. Chú bé không nhìn rõ hai người đàn bà. Chú chỉ thoáng thấy bóng dáng đen đen của họ. Một người cao to, một người nhỏ nhắn. Đầu, vai họ nhô lên, cúi xuống nhịp nhàng trên nền trời đêm nhợt nhạt có những ngôi sao sớm to mờ đang đung đưa. Pêchya muốn chống tay ngồi dậy, nhưng chú yếu quá, không cựa được nữa. Chú rên lên để lưu ý hai người đàn bà kia. Nhưng họ không nghe thấy. Pêchya rùng mình. Ruột gan chú ngấm phải nước biển nuốt vào, rát bỏng. Đó là một thứ khát cồn cào không thể lấy gì so sánh được. Chú vẫn nằm sóng soài, mặt nhìn trời, chân tay dang thẳng, bất lực, áo sơ-mi rách toạc, cái nút khăn quàng đỏ ướt sũng trên cổ, một đầu gối sưng, tóc bết gió biển lạnh đã hơi se. Chú nằm sóng soài trong một tư thế rất khó chịu, nhức nhối, nhưng không còn sức để trở mình. Cả đời, chú chưa bao giờ đau đớn như thế. Nhiều lần chú ngất đi. Và mỗi lần hồi tỉnh, chú lại thấy cái cảnh cũ: hai người đàn bà, một lớn một nhỏ — và giữa hai người, một mảnh trời mờ nhạt, với một chòm sao đang tắt. Sóng vẫn làm chú khó chịu, nước ở lòng thuyền, dưới cái phên gỗ, vẫn lăn đi lăn lại những hòn sỏi tròn nhỏ với một điệu đều đều như thế. Và từ một phía xa xôi nào đó, gió tây lồng lộn vẫn lúc ngừng lúc thổi thốc tới tiếng gầm rú nạt nộ của bão táp.

Pêchya cố mãi mới hiểu được những việc đã xảy ra. Nhưng bây giờ người ta mang chú đi đâu, hai người đàn bà kia là ai, chiếc tàu thủy đã biến đâu rồi, chú hoàn toàn không biết và cũng chẳng muốn biết. Một cơn bàng hoàng nặng trĩu mê man đã xâm chiếm lấy chú. Chú chỉ thấy xót xa, mòn mỏi, thương thân mình. Chú lại rên. Lần này, người ta nghe thấy. Người đàn bà nhỏ ngừng chèo, đưa chèo cho người kia rồi vén váy bước qua ghế và ngồi xồm xuống bên chú. Dưới ánh sao mai bàng bạc trong vắt, chú thấy rõ một khuôn mặt rộng có cái mũi ngắn, cái

cằm nhỏ và đôi mắt to mà trong bóng sương mai, trông tưởng là đen nhưng thực ra có lẽ xanh hoặc xám nhạt. Chú hiểu ngay đó không phải một bà nhỏ nhắn, mà là một cô bé lớn vóc.

— Thế nào? Cậu muốn gì? Lại khó chịu trong người à? — Cô gái hỏi, giọng nhỏ nhẹ, dịu dàng, vẻ như không bằng lòng.

Pêchya lặng ngắt.

— Cậu muốn uống nước, phải không?

Pêchya vẫn im.

— Mẹ ơi, đưa con cái bình.

Cô cầm cái bình dèn dẹt bằng gỗ sồi bà mẹ đưa cho, và lấy răng cắn nút mở ra. Thuyền quay ngang ngọn sóng và gió thổi sóng vỗ vào mạn thuyền. Con thuyền tròng trành, Pêchya bị bọt sóng hắt vào người như có ai cầm thùng nước té;

— Ô hay, thế nào đấy, mẹ! — cô gái kêu lên — Cậy đi, đừng bát nua!

— Mày không phải ra lệnh cho tao! — bà mẹ nói cũng bằng cái giọng miền Nam nhỏ nhẹ, thánh thót, và cũng với một vẻ hờn dỗi như cô con gái.

Bà quay đôi vai vạm vỡ, vớ lấy đôi dầm bị buông lỏng một lát, và vung tay ngoáy mạnh một cái, sửa lại hướng đi của thuyền.

Cô gái ghé cái bình vào miệng Pêchya:

— Uống tý nước nhé!

Nước trong bình không lọt qua được hai hàm răng cắn chặt của Pêchya, chảy ròng ròng trên má và thấm xuống dưới khăn quàng. Chú khát cháy ruột cháy gan, nhưng thấy nước chú lại lờm lợm. Pêchya muốn mửa. Chú lắc đầu, đưa hai tay yếu ớt gạt cái bình ra.

— Không, không — chú kinh tởm thều thào, cố nén những đợt cuồn cuộn trong họng.

— Mẹ ơi, cậu ấy không uống được! — cô gái nói to bằng một

giọng thất vọng.

— Thế thì đừng ép! Đừng quấy nó nữa. Để cho nó nằm yên!

Pêchya rên lên một tiếng. Cô gái cúi xuống, nhìn sát vào mặt chú, cố hiểu xem chú muốn gì. Cuối cùng, cô hiểu: chú muốn trở mình. Cô luồn tay xuống dưới lưng ướt, nóng hầm hập và thận trọng trở cái thân mình, mềm nhũn, nặng trình trịch của chú bé. Chú cố quay được sang bên. Cô nâng đầu chú lên, sửa lại cái áo gập làm gối. Pêchya co hai chân run lẩy bẩy và kê hai tay xuống dưới má nóng bỏng. Chú cảm thấy dễ chịu hơn được một lát. Nhưng rồi cái buồn nôn và cái rét run lại dằn vặt chú. Cô gái ngồi bó gối, bên cạnh; không biết làm thế nào để giảm đau cho chú, cô vuốt ve vai chú mà qua lớp sơ-mi ướt cô cảm thấy nóng hầm hập.

— Thế nào? Đỡ rồi chứ? Ngủ đi!

Pêchya nhìn cô bằng đôi mắt đăm đăm buồn.

— Tên cậu là gì?

— Pêchya, — chú rên khẽ, chiếc áo vét phủ gần kín mặt.

— Mẹ ơi, cậu ấy tên là Pêchya! — cô gái kêu lên..

— Valentin, — bà mẹ nghiêm nghị nói — con cứ léo nhéo quấy nó mãi. Để cho nó nằm yên, tới rồi đây.

Và buông dầm ra một lát, bà đưa hai bàn tay mệt mỏi vấn lại tóc.

— Trời ơi, trời ơi, — bà thở dài lầm bầm — Trời đất sao mà lắm chuyện...

Valentin xắn váy, bước hai bàn chân đất quá ghế và ngồi xuống bên mẹ:

— Mẹ đưa con cái dầm! — cô nói bằng giọng hờn dỗi. Cô sửa lại hai bím tóc cuộn sau gáy và bắt chước mẹ, thở dài nói tiếp — Đau khổ thật!... Ngủ đi em, sắp đến nhà rồi!

20

Chắc Pêchya không nhớ là một ngọn sóng dài đã dâng thuyền lên và nhẹ nhàng đặt chú lên bãi cát như thế nào. Sau này, không bao giờ chú có thể hiểu được tại sao mình bỗng nằm dài trên một tấm phản thường thấy ở nông thôn, sau một cái bếp lò, trong một căn lều thuyền chài.

Khi được nghe kể lại nhưng chuyện ấy đã xảy ra như thế nào, chú không thể tin được rằng chính mình đã vịn vai Valentin bước ra khỏi thuyền và trèo lên một con đường mòn hẹp và một đường bậc thang đất sét. Tất cả những việc ấy, chú đã làm không có chút ý thức nào, như một cái máy. Pêchya được biết là quả bom đã rơi gần tàu nhưng không làm hư hại đến tàu.

Sức nổ của nó đã hất xuống biển một số hành khách trong đó có chú.

Hai người, bị choáng, chết ngay. Người thứ ba, bơi giỏi, được người ta ném cho một đầu dây thừng và kéo lên. Pêchya được một trong những thuyền của ngư trang "Pêtren" cử đi cấp cứu — khi ở trên bờ trông thấy con tàu bị bốc cháy — vớt được. Người ta đã dập được đám cháy và con tàu đã tiếp tục cuộc hành trình.

Và thế là bây giờ Pêchya cứ nằm dài, đầu óc nặng trĩu, mất hết ý thức về thời gian, mê man, chỉ còn nhận thức được một cách khó nhọc là mình có lúc mê lúc tỉnh và có những người, những vật, những mùi vị xa lạ hiện ra rồi lại biến mất. Hiện ra nhiều nhất trước mắt chú là một quả cầu nhỏ ở ngăn trên cùng của một cái giá tre, với cái khung gỗ có khảm xà cừ. Quả cầu và cái giá kia mâu thuẫn kỳ lạ với cái bếp lò nông thôn bằng đất nung, với những lỗ tò vò thông hơi trên mái, cũng như với những nắm cỏ và hoa khô treo trên những bức tường nông thôn quét vôi trắng. Nhà có hai lỗ tò vò nằm chênh chếch ở phía trên chú,

ngày đêm phản ảnh lại cái sáng tối kế tiếp nhau đều đặn, chán ngắt. Những buổi chiều tà đỏ rực của đồng cỏ nhường chỗ cho những đêm sao tang tóc. Có lần, một vành trăng thu muộn mằn xuất hiện và trôi qua. Lúc đầu trăng nhìn qua một lỗ tò vò, rồi liếc qua lỗ kia, mãi tận phía dưới. Có một vẻ gì láu cá, ranh ma trong đôi sừng mờ ảo của nó. Theo với trăng là tiếng sủa xa xăm, hay đúng hơn là tiếng rú lo âu của đàn chó thảo nguyên. Chú bé buồn bã mường tượng đến những con chó đang đứng sủa trăng trước cửa những ngôi nhà nông dân xa xa, mõm dài như mõm sói.

Đôi lúc, chú nghe thấy ngay bên chú, trong một góc, có tiếng cỏ khô sột soạt rờn rợn. Người ta ôm một ôm vào trong căn nhà nhỏ, vứt xuống sàn ngay bên bếp lò, và chỉ một thoảng sau, ảnh một ngọn lửa lớn đã múa nhảy chiếm lấy các mặt tường. Những làn sóng trong suốt của ánh sáng hồng lặng lẽ liếm lên giá sách nhỏ và quả cầu. Dưới ánh lửa, quả cầu lấp lánh như một hành tinh thật. Đó là trái đất đang bơi trong muôn ngàn lớp sóng của ánh sáng mặt trời. Có tiếng chân không bước trên nền đất sét. Bóng một cái đầu quen thuộc tiến ra giữa nhà. Có lúc nó to ra kinh khủng, nuốt chửng tất, có lúc nó bỗng bé lại và in lên bức tường hồng một bóng người rất rõ nét. Trên cái bóng, chú bé thấy nét mặt nhìn nghiêng của một cô gái trẻ măng, hầu như còn trẻ con, trán và mũi rất thẳng, cằm tròn, cổ nhỏ và thanh, trông vừa khỏe vừa dịu dàng. Chú để ý đến cả bóng hàng mi thanh cong. Bóng đôi tay thon thon xếp dọn xoong nồi nhảy múa trên tường hoặc hoa lên nhanh như chớp để vẩy vẩy cái nhiệt kế.

Pêchya biết cô ta tên là Valentin. Cái tên đó cứ được nhắc đi nhắc lại luôn. Đối với chú bé ốm, đó không phải chỉ đơn thuần một tên người. Nó bao gồm vô số vật và khái niệm.

Cột thủy ngân lên tới điểm bốn mươi, cái đường thẳng sâm sẫm và đe dọa trong chốc lát đã dâng lên đầy ống nhiệt kế, đó là Valentin. Bàn tay ram ráp và mát rượi đặt dưới cái gáy nóng bỏng của chú để nâng đầu chú lên và bón nước cho chú, cái vị

nước mằn mặn, cái mép sứt mẻ của bình nước cũ kỹ, đó cũng là Valentin. Ngôi sao rung rinh trên khung kính thô, tiếng sủa lo âu của đàn chó thảo nguyên trong đêm khuya, tiếng gầm lồng lộn của chiến tranh đang mỗi lúc một tiến lại gần, và làm rung rinh những khung khảm xà cừ cùng quả cầu trên giá, tất cả những cái đó cũng đều là Valentin cả.

Ngoài Valentin, còn có bà mẹ cô nữa. Bà ít xuất hiện hơn. Trong trí tưởng tượng của chú bé ốm, bà ít nhiều gắn liền với tiếng rì rầm không dứt của biển cả. Đó là cái tiếng thu chậm lại của một lưỡi hái khổng lồ bằng thép đang lia trên hàng bao nhiêu cây số. Với một tiếng rào rào mỗi lúc một mạnh hơn, lưỡi hái ngày đêm lia đi lia lại không lúc nào dứt, dồn lên bờ từng lớp từng lớp sóng. Sóng vừa reo vừa nằm dài trên bãi cát, ở đâu đó, ngay gần đầu giường tối om, sau bức tường mỏng.

Thỉnh thoảng mẹ Valentin đi chân đất bước vào, mặc áo khoác ngắn đàn ông, tay cầm một giỏ mây tròn đựng đầy tôm con. Pêchya được biết những con tôm đó, người ta gọi là "khuyết". Chúng nhảy trong cái giỏ ướt, tanh tách như những lò xo thép nhỏ, làm nước và cát bắn tí tách ra tứ phía. Bà mẹ nhấc cái cần câu trên tường, ngồi xuống sàn và bắt đầu móc những con tôm nhỏ vào, gọi là "mồi". Ngón tay bà thoăn thoắt, chính xác lạ thường, nhanh như máy, như người đan áo kinh nghiệm. Nhưng đầu óc của bà lúc ấy chắc đang ở tận đâu xa. Trên khuôn mặt lặng ngắt hơi nhăn nhó của bà, dưới hai hàng lông mày nhíu lại, long lanh đôi mắt sắc sảo, như luôn luôn cảnh giác.

Bằng đôi mắt ấy, không phải bà chỉ có vẻ trông thấy một cái gì mênh mông, đáng sợ mà chú bé không trông thấy được, bà còn "lắng nghe" được tiếng nói huyền bí của đau thương. Lưỡi hái soàn soạt kia cứ liên tiếp rải ra những đợt sóng dài ghê gớm, và giữa mỗi đợt sóng, thế gian bỗng lặng ngắt như tờ, đến nỗi tim người ta bị đè xuống tưởng như sắp ngừng đập. Rồi lại bắt đầu mê man bất tỉnh.

21

Nhưng một hôm, tất cả những cái đó bỗng hết hẳn. Pêchya thức dậy. Chính ra không phải là chú hồi tỉnh, mà thức dậy. Và chú hiểu rằng mình đã khỏi. Chú cảm thấy thế trong toàn thân. Chú chưa khỏe, nhưng bệnh đã dứt hẳn.

Với một cảm giác bàng hoàng, mát rượi và yếu đuối, Pêchya còn phải vất vả mới lật được cái chăn bông nặng ra và giơ chân tay lên nhìn. Chân tay chú gày và xanh đi nhiều. Chú nhìn những ngón tay gày tóp, móng trắng bệch mà mủi lòng. Chú co tay lại, cố làm cho bắp thịt nổi lên, nhưng không đi đến kết quả. Bắp thịt nhẽo nhoẹt. Thế là chú nẩy ra ý kiến thử ngồi dậy và đi lại trong phòng. Lúc ấy có độc mình chú. Cố lắm chú mới thò chân xuống được dưới sàn và đứng lên, tựa lưng vào giường. Bây giờ chú mới để ý thấy mình mặc một chiếc sơ-mi dài không có tay, viền ren ở trước ngực. Chú hiểu đó là áo của Valentin. Chú đỏ mặt xấu hổ, và hơi bực mình nữa. Loạn thật! Diện áo mượn mà đi lượn! Nhưng cũng đành chứ biết làm thế nào. Chú bước vài bước, thú vị thấy mình cao cao. Chú cảm thấy hình như mình lớn lên, gần thành người lớn rồi. Ngửng lên, chú trông thấy ngay trên đầu chú cái sà trần dán phủ bằng một tờ báo Công xã Hắc-hải đã vàng. Mọi vật quanh chú, giá sách với quả cầu, cái ghế dài, ghế dựa, chú đều thấy bé quá, thấp quá. Giữa những vật đó, chú cảm như mình là một người khổng lồ. Đầu chú choáng váng dễ chịu. Hai chân chú lỏng lẻo, run run. Pêchya phải vất vả lắm mới trở về được giường và nằm úp sấp mặt xuống gối. Một thoáng sau, chú ngất đi. Nhưng đó là cái ngất thoang thoảng, dìu dịu của người bệnh đang hồi phục. Và Pêchya lại tỉnh lại ngay, trán đẫm mồ hôi. Mồ hôi ấy là mồ hôi lành, cũng dễ chịu lạ thường. Chú lại thấy buồn ngủ và thiếp đi, má áp nhẹ nhàng lên hai bàn tay. Đó là một giấc ngủ say làm chân tay chú đờ ra trong cái bàng hoàng của người bệnh hồi

phục.

Chú thức dậy thì đã chiều. Trong bếp lò, lá ngô nổ lép bép. Hơi lạnh của biển cả thấm vào qua cánh cửa mở hé. Sương mù tràn qua cửa, và chưa lọt vào tới buồng đã bị ngọn lửa bếp lò nóng rực xua tan. Tiếng súng ầm ầm của trận chiến đấu diễn ra gần đó làm rung chuyển ngôi nhà. Bà mẹ Valentin, quay mặt tránh ngọn khói phì phì, cầm cặp sắt kéo cái nồi muội đen ra khỏi bếp lò. Valentin đứng bên giường đăm đăm nhìn Pêchya không chớp.

— Tôi khỏi rồi, — chú ngước nhìn Valentin, nhắc lại.

Chú đã trông thấy cô bao nhiêu lần rồi. Nhưng những lần đó chú còn ốm, và cô hiện ra trước mắt chú trong cái màn sương huyền ảo của cơn sốt khiến cô có một vẻ đẹp thần tiên, trong vắt, âu sầu, lặng lẽ. Giờ đây, chú thấy trước mặt mình một cô gái nửa ra người lớn, nửa ra trẻ con, một thiếu nữ hoàn toàn bình thường, dong dỏng cao, mặc áo đàn ông, cái mũi thanh ngắn, cái cằm nhỏ nhưng khỏe, và đôi mắt sáng màu xanh xám, sắc sảo, như một ánh phản chiếu trong gương.

— Như thế nào mà cậu bảo là khỏi? — cô nhún vai đáp lại — khỏi ở chỗ nào? Tôi thì tôi chả thấy khỏi gì cả.

Rõ ràng cô đã quen nhìn chú bệnh nhân với một thái độ có phần kẻ cả, coi chú như một đứa con nít. Thấy thế Pêtchya đâm ra tự ái.

— Tôi biết chứ, — chú nói, — vì nhiệt độ không lên nữa, vả lại, tôi muốn ăn.

— Mẹ ơi! Mẹ nghe thấy không? — Valentin vui vẻ reo lên, giọng trong vắt — Cậu ấy đòi ăn!

— Làm gì mà kêu như con hóa dại ấy! Tao cũng có tai. Có lẽ cậu ấy ăn được món canh bột lọc của ta đấy nhỉ?

— Pêchya. — Valentin mím môi lại nói trịnh trọng — Pêchya có thích ăn món canh bột lọc của chúng tôi không?

— Thích lắm. Cảm ơn — Pêchya nói.

Nghĩ đến ăn mà thèm quá, Pêchya cứ hấp háy mắt mãi. Valentin kéo đến bên giường một chiếc ghế đẩu và lấy một tấm khăn trải lên. Rồi tíu tít bên bếp lò, cô đặt lên ghế một cái đĩa in hình những bông hồng nhỏ, đựng đầy thứ canh bột đặc sắc kia. Món canh bột lọc, không hiểu sao bao giờ cũng hơi bị khê. Nó bốc lên một mùi khói đồng quê nồng nồng ngon tuyệt. Có những mẩu hành phi vàng và mỡ rán lều bều, và những củ khoai tây to, bở, bổ tư, nổi trên bát canh bột lọc vừa chín tới.

Với nụ cười khiêm tốn nhũn nhặn, Valentin đưa cho chú bé một cái thìa gỗ.

— Ăn thử xem. Để xem cậu ăn có thấy ngon không. Ở Mạc-tư-khoa chỗ cậu, chắc hẳn không ai làm món canh bột lọc này.

— Tốt quá — Pêchya vừa nói vừa rên, và bắt đầu ăn.

Tất nhiên là chú đã từng nghe bố nói chuyện về món canh bột lọc Ukren nổi tiếng này. Nhưng thực tình, chú không bao giờ ngờ được rằng món canh bột lọc lại có thể ngon như thế. Pêchya thổi phù phù vào thìa canh, liếm, ngửi. Valentin nhìn chú, khoanh hai tay như bà lão, và gật gật đầu tỏ ý hài lòng.

Bà mẹ Valentin ngồi xuống mép ghế và buông thõng hai bàn tay lao động thô kệch. Pêchya cảm thấy bà nhìn chòng chọc, mơ màng vào người chú. Chú không hiểu, không thể hiểu hết ý nghĩa của cái nhìn ấy: nó buồn bã, và có một cái gì rực rỡ. Chú không biết rằng chính lúc này tâm hồn bà đang bị cái bàng hoàng kỳ lạ, đôi lúc đột ngột xâm chiếm lấy con người ta, làm cho dòng thời gian ngừng chảy và kéo lùi nó trở về đằng sau. Trong những lúc như vậy, tâm trí bỗng trở nên tinh tường lạ thường, người ta có cái cảm giác vừa nặng trĩu vừa êm ái rằng tất cả những cảnh kia đã từng xảy ra. Bà mẹ Valentin nhìn chú bé thổi những miếng khoai nóng, và đang có cái cảm giác của một thời xa xưa nào đó. Bà cảm thấy rằng tất cả những cái kia đã từng diễn ra, đã từng xảy ra xưa kia trong đời bà. Nhưng ở đâu, và bao giờ thì bà chịu, không nhớ ra: cũng canh bột lọc, cũng

khoai tây hơi oi khói, nóng bỏng, phải thổi mới ăn được; cũng một thằng bé ngăm ngăm, tóc bù xù, đi đôi giày da hoẵng mới tinh và nhìn bà với một vẻ vui vui ngượng ngập, và chính bản thân bà, lúc ấy chỉ là một cô bé tí tị ở xóm Cối xay Gần, tên là Môchya, cứ đứng ngây ra thích thú, và cũng cái giọng nói rất nhỏ nhẻ, líu lo như một con chim bé tí xíu: "Anh có thích món canh bột lọc của nhà em không?".

Và bỗng bà nhớ lại rõ mồn một tất cả, dường như không phải là chuyện xảy ra xưa kia, mà vào đúng ngay cái phút này.

— Ngày xưa chúng tôi có biết một chú bé, — bà ngập ngừng vừa nói vừa cười — Hồi ấy chúng tôi ở xóm Cối xay Gần. Chú bé ấy đến chơi nhà chúng tôi, và cũng thích ăn món canh bột lọc này lắm. Chú ấy là con một ông giáo ở Ôđetxa, và tên là Pêchya Batsây.

Pêchya buông thìa xuống và kinh ngạc nhìn bà.

— Cháu cũng họ Batsây, — chú nói, trong bụng chưa hiểu ra sao cả.

— Họ cháu là Batsây ư? Valentin, con nghe thấy không? Họ chú này là Batsây đấy. Chả có nhẽ, cháu họ là Batsây thật sao?

Pêchya thấy hơi chạm tự ái, như thể bị nghi là một đứa ăn cắp vậy.

— Vâng, Batsây thật mà. Có gì là lạ bác?

— Có phải ở phố Kanatnaia, góc phố Kulikôvô Pôliê không?

— Mẹ ơi, mẹ làm con buồn cười quá. Cậu này là đội viên thiếu niên ở Mạc-tư-khoa, mới đến Ôđetxa lần này là lần đầu tiên.

Bà mẹ Valentin ngẫm nghĩ một lát, rồi hỏi chú bé:

— Thế bố cháu, có phải là người Ôđetxa không?

— Bố cháu là người Ôđetxa.

— Có phải ở phố Kanatnaia, góc phố Kulikôvô Pôliê không?

— Cháu không biết.

— Có phải là con một ông giáo không?

Pêchya bối rối quá, nhìn Valentin. Chú đã có lần nghe bố nói là ông nội dạy học ở các trường Ôđetxa. Nhưng chú thấy khó trả lời ngay câu hỏi kia, khó mà hiểu được ngay rằng người con ông giáo kia chính là bố chú. Nhưng ông chú có đi dạy học, vậy đúng là ông giáo chứ gì nữa.

— Vâng, đúng, con một ông giáo, — cuối cùng Pêchya nói.

— Con ông giáo Ôđetxa?

— Vâng, ông giáo Ôđetxa.

Bà mẹ Valentin đứng dậy, lấy tạp-dề lau trán và đi đi lại lại trong phòng. Một câu hỏi nữa thôi là sẽ rõ tất. Câu hỏi đó, bà thấy khó nói ra quá. Cuối cùng, bà dứt khoát:

— Này cháu, thế bố cháu tên là gì nhỉ?

— Piôt Vaxiliêvich.

Bà nhìn quanh, dường như muốn tìm người làm chứng cho câu chuyện có một không hai này. Nhưng cả Valentin lẫn Pêchya đều không hiểu gì cả.

— Bố cháu tên là Piôt Vaxiliêvich ư? — bà mẹ Valentin dịu dàng nói.

— Vâng, Piôt Vaxiliêvich. Sao bác biết bố cháu?

— Sao biết ư? Trời! — và bà mẹ Valentin chắp hai bàn tay lại — Chúng tôi vẫn nô đùa với nhau hồi bé!

Bà liếc nhìn chú bé, cố tìm xem có nét gì giống với chú bé hồi nhỏ đã từng chơi với bà. Chắc bà đã tìm thấy. Mặt bà nhăn lại trong những nếp tươi vui. Bà đưa ngón tay giữa lên quệt giọt nước mắt trào ra ở khóe mắt, và bất thình lình ôm chầm lấy hai vai Pêchya, ghì chú thật chặt vào lòng. Pêchya xấu hổ gỡ ra.

— Không sao đâu cháu Pêteska, đừng ngại. Bây giờ, cháu như con cái trong nhà, — bà thì thào âu yếm. — Cháu có thể xem tôi như cô bác vậy. Tội nghiệp cháu tôi!

Và bà cười qua hàng nước mắt.

22

Dù không có chuyện ấy, hai mẹ con bà cũng đã đối xử rất tốt với chú bé. Nhưng bây giờ thì chú thành như người trong gia đình rồi. Chú kể cho họ nghe những chuyện đã xảy ra với chú và ngược lại, được biết tình hình bên ngoài. Thành phố đang lâm vào tình thế gay go, gần như tuyệt vọng. Ngoài cảng, người ta bốc xếp hàng lên tàu vận tải. Trên thành phố và nhất là trên cảng, lúc nào cũng chờn vờn những đám mây đen trắng khói bom đạn. Đạn cao xạ, như sao băng, hớt hải lao vun vút trên bầu trời. Ánh những đám cháy và những đợt pháo kích ngời lên trong đêm tối, trên các bờ mây răng cưa. Nó run rẩy quằn quại, vươn ra rồi thu tròn lại, vươn ra, rách ra, nhấp nháy. Tiếng động rít lên ken két và lướt trên mặt biển như những hòn gang lăn trên mặt đá hoa. Âm vang nặng nề chuyền dọc theo vách biển, rào rào tràn ngập cả những hang hốc xa bờ nhất. Trong bóng tối của biển đêm, những tàu vận tải di động, không một ánh đèn. Máy bay oanh tạc của địch bay lượn bên trên. Các tàu đánh trả lại. Những ngọn lửa đỏ rực phản chiếu vào làn nước đen ngòm.

Bây giờ thì chú bé đã có thể đi ra ngoài; chú nhận thấy ngôi nhà nằm ngay ở địa đầu thảo nguyên, phía trên vách hiên, chỗ bắt đầu một khe nứt chạy xuống tận ven biển. Quanh đấy còn có vài ngôi nhà nhỏ nữa, đã bỏ không, cửa sổ bị vít lại. Những con gà mái vô chủ đi lang thang trong những đám đất hoang xạm đen. Ban đầu Pêchya ngạc nhiên vì mọi người đều bỏ đi, đều rục rịch, đều chạy trốn, đều hối hả, chỉ trừ có bọn chú là vẫn ở lì. Nhưng chẳng mấy lúc chú hiểu rõ sự tình.

Bà Matriôna Têrenchiepna, mẹ Valentin, là chủ tịch ngư trang tập thể "Pêtren". Nói đúng hơn, bà thế chân chồng, cha của Valentin, bác ngư dân lão luyện Pêrêpêlitxki, nguyên kỵ binh sư đoàn Kôtôpxki nổi tiếng, đã ra tiền tuyến cùng hai con trai, ngay từ những ngày đầu chiến tranh.

Phần đông ngư dân đều nhập ngũ. Chỉ còn lại trẻ con và người già. Nhưng cả những người này cũng từ lâu, mỗi người tản đi một nơi, người thì ra thành phố với bà con, người thì đáp thuyền nhỏ đi theo bờ biển về phía Ôtsakôp, Nikôlaiep, thậm chí đến cả Ôpatôria nữa; lại có những người đến các làng mạc hoặc trang trại quanh vùng, với hy vọng sẽ có những người tốt bụng tiếp đón họ.

Nhưng bà Matriôna Têrenchiepna với con gái thì vẫn ở lỳ nhà. Bà đảm nhiệm những tài sản quý báu của tập thể, ba tấm lưới, trong số có hai tấm mới tinh, mấy cái thuyền còn tốt nguyên, bao nhiêu là cần câu cặm, một số buồm và dụng cụ đánh cá, rồi sổ sách kế toán của ngư trang, số lượng, giấy tờ ngân hàng, quyển ngân phiếu của ngư trang, một ít tiền mặt, những hợp đồng ký với một số cơ quan hoặc tổ chức mà ngư trang chưa kịp thu được tiền vì lệnh đình chỉ trả nợ ban hành lúc bắt đầu chiến tranh. Người ta không thể bỏ phóng sinh những của cải ấy được. Bà mẹ Valentin không thể nào tưởng tượng được là quân địch có thể đến đây. Bà vẫn hy vọng. Nhiều lần bà vẫy tay đi nhờ xe bộ đội, ra thành phố xem binh tình ra sao, rồi lại từ thành phố trở về, phờ phạc cả người. Nhiều khi, bà vượt qua thảo nguyên, trên đường đi Nikôlaiep, chờ một đơn vị bộ đội nào đó. Bà ra gần đến tận hỏa tuyến là nơi bất kỳ người thường dân nào hỏi han về cách bố trí của bộ đội, nhất là một người đàn bà lạ mặt, đều có thể bị nghi là gián điệp. Thế mà lạ thay, bà không bị ai nghi kỵ hết; bộ mặt bà với những nét nhăn khắc khổ, phiền não hằn quanh cái miệng nhỏ mím chặt, thật quá xúc động, quá thật thà, chất phác. Bà nhìn mặt anh em bộ đội với biết bao hy vọng, như chờ đợi từ những nét mặt ấy một lời giải đáp. Và lần nào cũng thế, người ta vẫn chỉ nói với bà cái điều trước sau như một:

— Chúng tôi không nộp thành phố cho giặc đâu!

Bà lại trở về nhà với niềm hy vọng dù trong thâm tâm, bà vẫn cảm thấy nặng trĩu lo âu. Bà hiểu rằng một chiến sĩ hoặc một sĩ quan xô-viết không thế nào nói cho bà biết là họ chuẩn bị bỏ thành phố được.

Có lần, bà ra đường như thường lệ, và ngạc nhiên vì những thay đổi xảy ra quanh mình. Thoạt đầu, bà không hiểu những thay đổi ấy gồm có những gì. Tất cả hình như không có gì khác trước.

Vậy mà có sự gì chẳng lành, không phải chỉ ở trong những khoảng nhấp nhô của thảo nguyên ngày càng xạm đen lại, không phải chỉ trong những đám mây mọng nước bay nhanh vùn vụt, lớp lớp từ biển trôi vào, chỉ còn thiếu mức quệt xuống những bắp ngô khẳng khiu của đám ruộng ngô bỏ hoang. Cả đến không gian cũng chứa đầy đe dọa, cả đến trong không gian cũng có sự chẳng lành.

Bà Matriôna Têrenchiepna nhìn và hiểu: bốn bề, phóng tầm mắt xa đến đâu, đến tận chân trời, cũng tuyệt nhiên không thấy lấy một bóng người. Một chiếc máy khâu nằm kềnh giữa đường và cạnh bà, một cái bao thủng đựng lúa kiều mạch như tô đậm thêm cảnh hoang vu lạ lùng, cảnh yên tĩnh ngột ngạt này. Một đàn quạ đen, nặng nề, lông óng ánh một màu xanh sắt thép rùng rợn, âm thầm, sà xuống cái bao lúa rồi lại âm thầm bay lên. Bà đi mấy bước ra khỏi lòng đường và bất chợt trông thấy ở giữa ruộng ngô, ngay cạnh chân bà, một cái hố tròn mới đào; một tốp binh sĩ đội mũ nồi đen đính dải thủy quân ngồi trong đó. Họ đang đặt một tấm bệ giống như một cái đĩa bằng thép cho khẩu súng cối cỡ lớn của trung đoàn. Bà Matriôna Têrenchiepna bật lên một tiếng kêu kinh ngạc. Đám chiến sĩ liền ngoảnh về phía bà, bộ mặt họ trẻ măng và trầm lặng với những cặp mắt và hàm răng trắng lóe lên vẻ hăm hở lạ kỳ sôi sục. Bà đứng thẳng đờ ở trên đầu họ, im lặng, không hiểu gì về những chuyện xảy ra quanh mình.

— Này bác, đứng làm gì đấy? Đây là tiền tuyến rồi. Đánh nhau ngay bây giờ đấy. Chạy đi!

Mãi đến lúc ấy, bà Matriôna mới nhận thấy thảo nguyên thoạt đầu có vẻ như hoang vu, lại chứa đầy những hoạt động bí mật. Đây đó, trong ruộng ngô, những anh bộ đội, những anh thủy quân di động kín đáo. Nhìn bộ mặt hừng hực của họ, từ lâu chẳng được cạo rửa, nhìn những tấm áo lót nhem nhuốc đẫm mồ hôi, dưới chiếc áo va-rơ và áo tơi thủy thủ phanh cúc, qua hơi thở hổn hển và khò khè của họ, người ta có thể đoán biết rằng đã nhiều ngày họ chưa rời trận địa, và họ đang ở trong cái trạng thái căng thẳng cao độ vô vọng xâm chiếm tâm hồn người lính trong những lúc cực kỳ nguy khốn và tạo ra những chuyện thần kỳ. Bà Matriôna cảm thấy là trong giờ phút này, ngay nơi đây, sắp xảy ra một cái gì thật khủng khiếp.

— Chạy đi, chạy đi mẹ ơi! — một anh lính thủy mặc quân phục bộ binh, băng đạn đeo chéo người, một quả lựu đạn gài thắt lưng, một khẩu súng cầm tay, đầu không mũ nồi, bộ mặt đáng sợ quấn băng chằng chịt hét lên với bà.

— Nằm xuống mẹ! — bà nghe thấy có tiếng ai từ một chỗ khác kêu lên.

Bà ngã lăn xuống theo bản năng, áp má vào mặt đất rắn lạnh. Đúng lúc ấy, kèm theo một tiếng gầm rít xé trời ngay cạnh bà hay từ lòng đất không biết nữa, một cột khói đen và hung, mang trong lòng một ánh chớp, nổ lên vang dội, và khắp bốn phía như có những tràng mảnh vụn phóng ra, phạt đứt cả một đám ngô cao. Choáng váng vì tiếng nổ, bà chồm dậy, chạy bổ đi, cảm thấy đất từ tóc, từ áo, từ cổ mình rơi xuống. Bà chạy thục mạng, mắt nhắm nghiền, răng nghiến chặt. Bà chạy, chẳng nghĩ gì khác ngoài việc phía sau lưng bà kia kìa, nơi bà vừa bỏ chạy, trận đánh đang diễn ra ác liệt, những tiếng thét vang lên, những tràng súng máy rền rĩ, những quả thủ pháo nổ tung...

Đang chạy, bà vấp phải một đống đá sỏi ở giữa đường; đầu gối bị dập mạnh, bà trượt ngã và lăn ra, xước cả lòng bàn tay. Vất vả

lắm bà mới lấy lại được hơi; quên cả đau, bà toan vùng dậy và chạy xa hơn nữa thì chợt lúc ấy bà thấy một chiếc xe vận tải nhỏ chở những người mặc quân phục bộ binh, đội mũ nồi đính dải thủy quân. Chiếc xe chạy qua cạnh bà. Nó chồm lên những ổ gà, chỉ một li nữa là đổ kềnh ở chỗ ngoặt, mở hết tốc lực lao vào khói lửa của trận đánh. Bà Matriôna thấy rõ một khẩu đại liên long lên sòng sọc trên nắp xe. Một anh thương binh, người quấn đầy băng đạn, nằm dài bên cạnh, áp mặt vào cái thước ngắm. Bà còn thấy nhiều thủy binh khác cũng quấn chéo những băng đạn súng máy quanh người, đội mũ nồi với những chiếc dải bay lồng lộn trên đầu họ. Một người trong toán cầm lá cờ của hạm đội. Lá cờ bay lượn trên đầu họ, vất vả mới theo kịp đà xe như một con lốc lụa — lúc xanh, lúc trắng, lúc đỏ — phành phạch như một khẩu súng máy, thành thử như không phải có một mà là hai khẩu súng máy đang từ chiếc xe bắn ra.

Rồi tất cả xóa nhòa đi trong màn khói ngột ngạt của trận đánh.

23

Trong lúc bà mẹ Valentin chạy về đến nhà, giày rách tung, chân rớm máu, thì một chiến hạm phun ra một màn khói. Hình như nó lơ lửng trong đám mây mù ảm đạm của biển cả lúc hoàng hôn, phía trên cái mái bằng của ngôi nhà đã có cỏ mọc. Bốn lưỡi lửa, bốn ngọn bút lông lóa mắt với những đầu nhọn hoắt, phụt ra khỏi nòng đại bác, tóe ra, bay vút và tan đi trong những cơn lốc khói ảm đạm. Một tiếng nổ rung cả vùng vách biển. Trong thâm tâm, bà Matriôna hiểu đó là điều rất hay, có một chiến hạm đã đến giúp sức anh em thủy binh và đã dọt xuống đầu quân địch bằng những đại bác "cỡ kếch xù". Đúng

nguyên văn bà nghĩ như vậy: những đại bác "cỡ kếch xù". Bốn viên đạn gầm rống bay qua đầu bà về phía thảo nguyên, và mấy giây sau, bốn tiếng nổ dậy đất, mạnh đến nỗi làm đất cát đổ ào ào từ trên vách biển xuống phía dưới.

Bà dừng lại trước cửa, thở một hơi dài và quả quyết bước vào nhà.

Pêchya và Valentin yên lặng đứng trước bà.

— Thế là hết — bà nói một cách gay gắt, có phần sống sượng nữa, và lấy tay đập vào không khí một cách quả quyết — Valentin, chuẩn bị cho thằng bé đi, còn mẹ, mẹ đi xuống dưới kia.

Valentin gật đầu. Không cần thiết phải giải thích gì cho cô bé. Cô đã trở nên rất đứng đắn, âm thầm.

— Mẹ làm một mình có nổi không?

— Để mẹ cố xem, — bà mẹ nói qua kẽ răng. Pêchya rụt rè nhìn bà mẹ rồi lại nhìn cô con gái, ngơ ngác. Cái tiếng "cố" mà bà mẹ nói ra bằng một giọng gay gắt đặc biệt lạ lùng làm cho lòng chú bé càng rạo rực lo sợ. Trong lúc bà mẹ lục đục ở lối cửa vào, xô loảng xoảng những bi-đông sắt tây, thì Valentin vội vàng nhưng không hấp tấp, sắp xếp đồ lề và bảo chú bé mặc quần áo.

Pêchya vừa mặc quần áo, vừa giật nẩy người trước mỗi loạt đại bác hạng nặng và trước mỗi tiếng nổ ngoài thảo nguyên. Bộ quần áo Mạc-tư-khoa của chú, sau thời gian bị ngâm nước mặn đã co dúm lại, nhầu nát, bạc phếch. Nhiều chỗ đã rách, nhưng Pêchya thấy có người đã vá và mạng lại cẩn thận cho chú. Nhiều chiếc khuy áo đứt đã được thay thế. Đôi dép của Pêchya trôi mất khi chú rời khỏi tàu. Valentin đã thay cho chú một đôi giày tuy cũ nhưng còn lành lặn. Đôi giày rộng quá, Pêchya phải độn báo cũ vào. Chẳng có bít-tất. Pêchya cứ cho chân không vào giày. Dù có báo cũ, đôi giày vẫn quá rộng đối với cỡ chân chú. Hai bàn chân chú cứ lúc lắc bơi trong giày.

— Đôi giày của anh Têrenti mình đấy. Nó gần như còn mới

toanh, — Valentin nói ngay như muốn chặn đứng bất cứ lời phàn nàn nào đối với đôi giày bất tiện — Anh Têrenti bây giờ đang ở bộ đội. Còn một anh nữa của mình là Vaxili cũng đi bộ đội.

Nhưng cô mất công vô ích. Pêchya không mảy may tỏ ra bất mãn. Chú hiểu không còn đôi giày nào khác nữa, vả lại đào đâu ra? Hơn nữa, cũng không thể đi chân đất được! Thế mà việc là phải đi rồi, chú bé không còn ngờ gì nữa. Sau đó cô bé đưa cho chú một chiếc áo khoác ngắn đã cũ xông lên mùi da cừu chua hoắc. Chú bé mặc vào, chẳng nói chẳng rằng. Cái áo khoác ấy cũng rộng quá, dài quá đầu gối nhiều. Phải xắn tay áo lên vì nó trùm cả bàn tay. Cái mũ cát-két Mạc-tư- khoa mới đã nằm dưới đáy biển. Valentin cho Pêchya một cái khác. Chú đội lên. Kể ra chú cũng lấy làm khó chịu: từ thuở lọt lòng, chú chưa từng mặc quần áo thừa của ai bao giờ. Nhưng chú chẳng hề hé răng.

Bất giác chú nhớ đến cái ba-lô của chú, trong đó có đủ thứ của cải: xà-phòng, sơ-mi, bàn chải đánh răng, một trăm rúp, giấy bút, bức ảnh mẹ. Chả còn ba-lô nữa! Ba-lô để lại trên con tàu bốc cháy rồi. Bây giờ Pêchya hoàn toàn tay trắng.

Trong khi chú bé được Valentin giúp đỡ thay quần áo thì bà Matriôna Têrenchiepna cứ chạy ra chạy vào. Một lần để gói ghém giấy tờ, sổ sách và những tấm bìa cứng đã sắp đặt từ trước vào một tấm khăn trải giường. Bà buộc chặt cái gói lại bằng một chiếc khăn mặt dài và để nó vào một góc nhà, trên một cái ghế đẩu, thật dễ nhìn thấy, để bất kỳ lúc nào cũng vơ lấy được dễ dàng. Một lần nữa, bà bước vào, thở hổn hển (bà vừa phải chạy ngược lên bờ biển dốc), mắt trừng trừng và miệng mím lại nghiêm nghị, lục lọi mọi xó xỉnh, tìm được một cái rìu, va cái rìu vào thềm cửa, rồi vẫn thở hổn hển, bà chạy ra ngoài. Vài phút sau, từ xa ở phía dưới, tiếng bà kêu vọng lên, át cả tiếng sóng và tiếng súng. Bà gọi Valentin.

— Mình đã bảo là bà cụ không làm một mình được đâu mà! — Valentin vừa lẩm bẩm vừa nhìn chú bé bằng đôi mắt dò xét nhưng thực ra không trông thấy gì. — Ở đây nhé. Đừng đi đâu.

Chờ đấy, chúng tôi trở lại ngay. Hai chúng tôi làm thật gấp, rồi sẽ trở lại.

Lúc ấy, từ mặt biển, loạt đạn tiếp theo của pháo cỡ lớn vừa bắn đi. Một ánh sáng đỏ rực nhấp nháy ở những cửa thông hơi trên mái. Kính rung lanh canh. Chú bé dúm người lại. Chú run lên bần bật. Chú cố để răng khỏi va vào nhau.

— Đừng sợ — cô bé nói — Họ còn bắn súng to thì vẫn còn chưa sao. Nhưng nếu họ ngừng bắn súng to thì...

— Thì sao?

— Thì... lại là chuyện khác. Cũng phiền đấy. Ngồi xuống và đợi nhé.

Valentin, hệt như mẹ, đi lục lọi các xó xỉnh, nhưng không tìm được rìu. Cô vớ lấy con dao phay làm bếp, treo ở cái đinh gần cửa, rồi với dáng quả quyết, cúi xuống, bước qua thềm cửa trong bóng chiều đang xuống nhanh. Chú bé còn lại một mình.

24

Chú ngồi trên cái ghế đẩu giữa căn phòng; ở đây thấy có vẻ an toàn hơn, chú vừa ngồi vừa run rẩy, ôm chặt lấy ngực bằng hai bàn tay đút vào trong cánh tay áo khoác quá dài. Giờ đây chú bé chăm chú dỏng tai nghe tiếng súng. Trong khoảng cách giữa các loạt đạn, chú nhìn xoáy vào các góc nhà, ở đó bóng tối mỗi lúc một thêm dày đặc với tốc độ đáng sợ. Chú sợ, sợ đến nỗi giá vào trường hợp khác chú đã nhảy bổ ra ngoài và kêu váng lên. Nhưng lúc này, ngoài sợ ra, còn có một tình cảm khác hẳn, hoàn toàn mới mẻ, dần dần xâm chiếm tâm hồn chú, một tinh thần trách nhiệm về hành vi của chú đứng trước sự đe dọa của nỗi

nguy hiểm chết người, của cái không thể nào tránh khỏi đang vây bọc lấy chú tứ phía và đòi hỏi chú phải vững, phải kiên nghị, phải dũng cảm, phải hành động. Nhưng chú lại không biết nên làm gì. Chú phải ngồi yên tại chỗ và đợi. Ngồi khoanh tay thế này càng làm tăng nỗi khủng khiếp của chú. Chú bé tưởng như mình bị những tai họa vô hình tấn công. Mỗi bóng đen, mỗi lần ánh sáng thay đổi sau cửa sổ đều làm chú cảm thấy nguy hiểm tột độ.

Bất chợt cái cửa sổ phía ngoài bị một vật gì bịt lại, và ngay lập tức vật to lớn ấy trượt xuống phía dưới: một vật gì đó ở bên ngoài vấp nhẹ vào bức tường đất sét. Pêchya ngồi đờ người ra, nhìn qua cửa sổ một lúc, nhưng chú chỉ thấy những ánh phản chiếu hồng hồng của một đám cháy xa xa trên thảo nguyên. Pêchya nín thở, không dám cựa. Cảnh vật yên tĩnh lạ lùng. Trong mấy phút, chú dò xét cái yên tĩnh nặng trĩu đe dọa ấy, tinh thần căng thẳng đến nỗi mắt chú hoa lên. Thoạt đầu, chú không hiểu tại sao cái yên tĩnh ấy lại làm chú sợ đến thế. Nhưng bất thình lình chú hiểu ra, người ta không bắn súng to nữa.

Những ánh lửa phản chiếu ngoài cửa sổ mỗi lúc một gay gắt hơn, đáng sợ hơn. Cháy rất gần đâu đây, phía sau nhà, hơi chếch về một bên, hình như ở phía dưới, trên bờ biển. Cháy bùng lên từng đợt. Bất thình lình, một lần nữa, ở bên ngoài, một vật gì lại khẽ đụng vào bức tường và trên tấm kính phía dưới cửa sổ, có bàn tay của một người nào gõ vào, yếu ớt nhưng rõ mồn một. Một bàn tay, không còn ngờ gì nữa, một bàn tay người yếu ớt. Dưới ánh sáng rừng rực, không hề dịu đi của đám cháy, Pêchya nhận thấy bóng những ngón tay co lại, cử động trên tấm kính. Rồi ngay tức thì, bàn tay rơi xuống, biến mất.

Chú bé lùi về phía giường, hai bàn tay lạnh toát nắm lấy thành giường xù xì. Nhưng ngay lập tức, một sức mạnh, chính cái sức mãnh liệt vẫn thúc đẩy con người xông vào chỗ nguy hiểm mà không gì ngăn cản được, đã xâm chiếm lấy chú, đẩy chú lại phía cửa sổ. Mặt đờ ra, Pêchya bước gần lại và áp người vào tấm kính, nhưng chú không nhận thấy gì, ngoài cái bếp lò

đun mùa hè bằng đất sét đặt trước ngôi nhà, bức tường, những đám cỏ rối, đám ngải cứu, đám rau thì là già cỗi và cái thuyền có thùng nuôi cá — một cái xuồng nhỏ xíu có mui với những lỗ tròn — vứt lăn lóc ở đấy.

Thế rồi bước rón rén với đôi giày to tướng, nặng nề, ngón tay run run giữ lấy cổ áo khoác, Pêchya đi ra phía cửa, mở nhìn ra ngoài. Thoạt tiên chú trông thấy dưới ánh lửa chập chờn một người nằm sóng sượt ngay sát thềm, dưới cửa sổ. Người ấy nằm ngửa, đầu dựa vào tường gượng gạo. Ngón tay hơi co lại, gõ thong thả, đều đều vào lớp cửa sàn sùi ngoài bức tường đất sét như gõ trên phím đàn. Đó là một thủy binh với chiếc dải đen đính vào vầng trán đẫm máu. Dưới áo va-rơ rách bươm, bộ ngực với tấm áo lót kẻ sọc, đen sì mồ hôi và máu, phồng lên, hạ xuống mệt nhọc. Thần chết đã bắt đầu phủ cái bóng đen sâu thẳm, tàn bạo lên bộ mặt xám ngoét, đờ đẫn, y như nặn bằng mát-tit xám.

Khó mà đoán được tuổi bộ mặt đờ đẫn, căng thẳng với trông mắt lộn ngược, lạnh lùng như mặt nạ ấy. Có thể là của một ông già mà cũng có thể của một người trẻ tuổi. Chỉ riêng đôi môi hãy còn sức sống, đôi môi rộng, giãn ra, màu xanh tro, gần như trắng, nhợt nhạt hơn da mặt nhiều. Đôi môi cử động khó khăn, ở khóe mép, sùi lên những đám bọt hồng.

Pêchya lạnh cứng cả người, không còn sức quay mặt đi để khỏi nhìn cái cảnh tượng khủng khiếp chấm dứt đời một con người mà chú chưa từng thấy bao giờ.

Người thủy binh rên rỉ.

— Chú ơi, chú làm sao thế? — chú bé bất giác kêu lên — Chú đau lắm à?

Thế là lúc ấy, đôi mắt trợn ngược của người hấp hối từ từ trở về chỗ cũ và nhìn chú bé; đôi mắt nhìn chú bình thường, tỉnh táo, lộ một vẻ đau đớn đồng thời với một nỗi lo âu ghê gớm át cả cái đau đớn kia. Người lính thủy nhìn Pêchya như muốn tìm hiểu chú bé là người thế nào, từ đâu mà ra, có thể tin cậy được không. Còn tâm trạng của Pêchya thì cũng giống hệt như tâm

trạng bà mẹ Valentin mới đây khi bà được chứng kiến đợt tấn công của anh em thủy binh Hạm đội đỏ. Bất chợt đối với Pêchya, mọi chuyện đều trở nên sáng tỏ lạ thường. Không cần cố gắng động não gì cả, do một tác động thầm kín và huyền bí của trái tim, chú bé hiểu tất cả và có thể giải thích được tất cả. Chú hiểu đôi mắt của anh thủy thủ hấp hối muốn nói gì. Đôi mắt ấy nói với Pêchya: “Cháu có biết rằng chú sắp chết và cháu là người cuối cùng mà chú nhìn thấy trên cõi đời này không? Chú có thể tin cậy ở cháu được không? Cháu là ai, bạn hay thù?”. Để trả lời điều đó, Pêchya chạy vào trong nhà và mang ra một ca nước. Chú bé ngồi xổm xuống cạnh anh thủy binh và đưa ca nước vào cặp môi cứng đờ của anh. “Chú uống nước đi, cháu là bạn đây”, đôi mắt Pêchya nói như vậy.

Trán người thủy binh nhăn lại đau đớn như chiếc đàn phong cầm và anh cố sức lắc đầu từ chối; đồng thời đôi mắt anh như sốt ruột nói: “Ồ, không, không cần nước đâu! Muộn quá rồi, thể xác chú không cần thiết một thứ gì nữa. Này cháu ơi, cháu có biết quân thù đang tấn công và cháu cần phải chạy cho mau, phải trốn đi không? Nhưng hãy chờ một chút, chú có chuyện này rất quan trọng cần nói với cháu“.

— Gì? Chú cần gì? — Pêchya cúi xuống thì thào vào bên tai cứng đờ, trắng bệch của anh thủy binh.

Trong ngực anh thủy binh đó sôi quặn lên. Với một cố gắng phi thường, anh xoay cả tấm thân đang lạnh dần, rồi bàn tay vụng về của anh bắt đầu lôi một vật gì trong người ra. Đôi mắt anh nói với chú bé như cầu khẩn: “Hãy giúp chú nào! Cháu không hiểu sao?”. Pêchya hiểu và khắc phục nỗi sợ hãi trước cái chết đang diễn ra, chú cố sức đỡ tấm thân lạnh cứng của anh thủy binh lên và lôi ra một mảnh vải nhầu nát, đẫm máu. Chú bé thấy hình như đó là một tấm khăn trải giường với đường viền lạ lùng màu xanh. Nhưng liền sau đó, chú nhận thấy ngoài cái sọc xanh, còn có một ngôi sao đó, cái liềm và cái búa, và chú hiểu ngay đó là lá cờ của Hạm đội.

— Cờ à? — chú bé hỏi.

— Ừ, đó là lá cờ chiến đấu của các chú, lá cờ của chiến hạm — đôi mắt anh lính thủy nói vậy — Cầm lấy cháu. Chú tin cậy ở cháu.

Pêchya hai tay đỡ lấy mảnh vải. Chú hiểu những gì đã xảy ra. Chú hiểu là có một trận đánh cuối cùng, ác liệt, quanh thành phố, các chú thủy quân đã cầm cự đến người cuối cùng, chú thủy quân này bị thương nặng và, để cứu lấy lá cờ chiến hạm, chú đã lết bụng bò trên thảo nguyên cho đến tận ngôi nhà. Thu hết tàn lực, chú đã gõ vào cửa, bây giờ chú sắp chết, và lúc hấp hối, chú trao lá cờ chiến hạm cho Pêchya để Pêchya bảo vệ lấy nó. Cùng lúc ấy, Pêchya bắt gặp một ánh ngờ vực thoáng qua trong đôi mắt anh thủy binh. Máu bốc lên mặt Pêchya, những giọt nước mắt hổ thẹn ướt đẫm hàng mi chú bé.

— Cháu... — Pêchya cố sức nói, cảm thấy họng mình thắt lại — cháu xin... — giọng chú bé nức nở như giọng con nít, và đột nhiên vỡ ra — cháu xin thề với chú..., lời hứa danh dự của thiếu niên tiền phong, đó là lời thề...

Pêchya giơ chếch bàn tay run run của mình lên trên đầu. Một mùi thuốc súng cháy, mùi sò nướng, mùi mồ hôi, và một cái gì ngạt thở, có chất sắt, xông lên từ lá cờ nhầu nát, bị mảnh đạn đại bác xé rách bươm. Nước mắt chú bé trào ra. Chú khóc òa lên, nức nở, nhưng không xấu hổ vì những giọt nước mắt của mình, rồi chú cầm lá cờ lau bộ mặt ướt đẫm khiến đôi môi chú cảm thấy vị mằn mặn, có chất sắt, chú bé hiểu đó là mùi máu đã khô. Qua màn lệ, chú bé thấy anh thủy binh phác một cử chỉ với cả một cố gắng phi thường. Ngay lập tức, Pêchya hiểu anh thủy binh đang rướn mặt về phía lá cờ. Chú bé hai tay nâng lá cờ về phía anh và anh gắn đôi môi lên đó. Ngực anh phồng thật cao và không hạ xuống nữa. Bộ ngực ấy cứ vĩnh viễn như thế, với tấm áo lót bó sát người, dưới chiếc áo va-rơ rách bươm có một túi ngực nhỏ cài khuy. Đôi mắt đăm đăm của anh thủy binh, nửa nhắm nửa mở hình như hơi nhìn nghiêng xuống cái túi nhỏ ấy.

Pêchya hiểu cái nhìn lờ đờ ấy có ý nghĩa gì. Chú lóng ngóng cởi chiếc khuy đồng có ngôi sao năm cánh, bằng những ngón

tay lạnh toát, và rút từ túi áo ra một quyển sổ nhỏ đóng bìa cứng, đẫm mồ hôi — một tấm thẻ đoàn viên Thanh niên Cộng sản trong đó có một mẩu giấy thò ra. Pêchya rút mẩu giấy và dò đọc dưới ánh sáng phản chiếu của đám cháy kỳ quái, những chữ viết nguệch ngoạc vội vàng bằng bút chì mực: "Tôi chết vì danh dự và quang vinh của Tổ quốc. Tôi tiếc không kịp gia nhập Đảng. Tôi yêu cầu được coi là đảng viên của Đảng Cộng sản vĩ đại. Bọn xâm lược pbát-xít phải chết! Chủ nghĩa cộng sản muôn năm! Đoàn viên thanh niên Cộng sản Layrôp Nikôlai".

Pêchya nhìn anh thủy binh đó Nikôlai Layrôp và hiểu rằng anh đã chết. Nhưng chú bé không sợ. Khẩn trương, nhưng không bối rối, với một vẻ bình tĩnh lạ lùng, chú bé bỏ tấm thẻ đoàn viên và mẩu giấy vào túi áo của mình, tháo cái huy hiệu đoàn viên Thanh niên Cộng sản trên áo va-rơ của anh thủy binh đó, rồi giấu cả vào túi, sau đó chú phanh chiếc áo khoác ngắn của mình, cởi cúc áo vét-tông, lùa lá cờ chiến hạm vào trong, quấn lá cờ cẩn thận quanh người. Pêchya cài chặt cúc lại, tự sờ nắn trước sau, rồi với dáng quả quyết, chú lau bộ mặt ướt đẫm bằng tay áo của chiếc áo khoác cũ kỹ.

25

Mãi đến lúc bây giờ Pêchya mới để ý đến cái ánh phản chiếu kỳ quái của đám cháy. Ngọn lửa lúc lụi xuống, lúc bùng lên, phản chiếu ảm đạm lên những đám mây đêm bay thấp. Có cái gì đang bốc cháy ở dọc bờ, dưới chân vách biển. Pêchya đi ra chỗ mỏm cao và nhìn xuống dưới. Chú thấy mấy đống củi xếp liền nhau, đỏ rực, khói nghi ngút, cháy nối tiếp nhau rất nhanh và rất mạnh. Giữa những đống đó, xác những chiếc thuyền bốc lửa đỏ rực. Những đám tàn lửa lách tách, bay vượt lên trên luồng

khói đen sì đang vật lộn với cơn lốc mù mịt của ngọn lửa đó như ớt. Có lúc, luồng khói thắng thế, có lúc ngọn lửa một mình vươn lên, có lúc cả hai quấn quít lấy nhau. Pêchya tưởng tượng chúng như hai kẻ thù đang vật lộn, một bên đỏ, một bên đen. Cuối cùng bên đỏ thắng. Lửa nhận chìm khói và bốc lên trời. Lửa chiếu sáng vào cát biển, vào sóng bạc đầu, vào vách đất nhìn nghiêng của biển với tất cả mọi chi tiết, vào những dấu vết đen sì của những đống củi cũ của ngư dân, vào những hang hốc, và những tổ chim biển. Pêchya thấy bóng Valentin và bà mẹ chạy quanh lò than hồng ấy, hai tay giơ lên che khói và lửa. Có một cái gì ảo não thảm thê trong hai bóng dáng nhỏ xíu ấy, giữa đêm tối, đang hoàn thành khẩn trương nhưng không bối rối, một nhiệm vụ mà chú không biết khó khăn đến chừng nào. Rồi bất chợt, chú hiểu công việc họ làm. Họ phá hủy những tài sản của ngư trang "Pêtren". Họ phá thuyền, chặt cột buồm, bơi chèo, tưới dầu hỏa lên đốt.

Pêchya chạy xuống với họ. Hai người cũng đã làm xong việc và chạy lên phía chú; họ nhảy trên những bậc long lở, khoét vào bờ đất sét dốc đứng.

— Thế nào, sẵn sàng chưa? — Valentin hỏi, giọng khàn khàn.

— Sẵn sàng!

— Thế việc gì mà cứ phải đến làm quẩn chân người ta thế? Quay trở lại, mang đồ lề đi thôi.

Cô bé nói với chú như nói với trẻ con, nghĩa là bằng giọng sai khiến. Nhưng Pêchya coi như một điều tất nhiên, chẳng lấy thế làm bực mình. Valentin và bà mẹ thở dốc. Mồ hôi bóng nhẫy trên bộ mặt đầy bồ hóng của họ. Người sặc mùi dầu hỏa, áo bị xém vì tàn lửa. Những giọt nước mắt hòa lẫn mồ hôi chảy trên bộ mặt đen nhẻm của bà mẹ. Bộ mặt biểu lộ nỗi thất vọng, phiền muộn sâu sắc đến nỗi chú bé thấy cổ họng mình thắt lại.

— Đau đớn chưa... Đau đớn chưa... — bà vừa lẩm bẩm một mình vừa lấy tay áo lau đôi má nhăn nheo và xì mũi — Lạy Chúa tôi, thế là bao nhiêu của cải của ngư trang đi đời nhà ma! Bà con

đã đổ mồ hôi, sôi nước mắt, vừa đến lúc có thể nói là có máu mặt một tí thì thế đấy! Sạch sành sanh... Kiếm củi ba năm thiêu một giờ.

Bà xòe hai bàn tay, nhìn chúng với một vẻ kinh ngạc buồn bã, dường như bà không đủ sức hiểu nổi rằng chính bà với hai bàn tay này đã phá hủy những của cái vô giá của ngư trang, niềm kiêu hãnh của chồng bà, niềm kiêu hãnh của tất cả bà con đánh cá, niềm kiêu hãnh của tất cả vùng này. Hai cánh tay rã rời của bà nặng nề buông phịch xuống bên người. Bà ngồi xuống bậc đất sét trên con đường dốc, gục đầu khóc.

— Mẹ, con cấm mẹ khóc đấy! —Valentin kêu lên với nỗi tuyệt vọng — mẹ ngẫm xem. Còn bé bỏng lắm hay sao? Thôi mẹ đừng mua sầu chuốc não làm gì nữa. Giờ không phải lúc. — Cô im bặt để lấy hơi, mặt nhợt nhạt, đôi mắt mở to, cánh mũi nở phồng.

— Mẹ ơi, mẹ có nghe không, — đột nhiên cô nói dịu dàng và quàng lấy đôi vai còng của mẹ — mẹ có nghe con nói gì không? Đứng dậy mẹ. Ta phải đi thôi.

Bà Matriôna Têrenchiepna không ngẩng đầu lên. Rõ ràng là bà đang tập trung sức lực. Rồi bà đứng dậy với dáng mỏi mệt, rũ váy, xua tay, và không quay đầu lại, bà rảo bước về phía ngôi nhà; Pêchya và Valentin phải theo khướt mới kịp.

Anh thủy binh hồng quân Layrôp Nikôlai, ngực phồng cao, vẫn nằm sóng sượt dọc chân tường, giữa khoảng thềm cửa và cửa sổ. Một vũng lớn đen ngòm lênh láng dưới người anh. Bà mẹ hoảng hốt nhìn Pêchya và Valentin.

Chú bé kể lại tất cả, nhưng không hé răng về chuyện lá cờ hạm. Chú cảm thấy mình bị ràng buộc bởi lời thề thầm lặng, ghê gớm, và phản bội lời thề ấy chẳng khác gì phản bội Tổ Quốc. Đó là một lời thề của thiếu niên tiền phong, thiêng liêng, không thể vi phạm được. Bảo rằng Pêchya không tin cậy Valentin và bà mẹ cô thì cũng không phải và lố bịch. Chú rất tin cậy họ; đối với chú, trong lúc này họ là những người thân thiết nhất. Thế nhưng cái sức mạnh ghê gớm của lời hứa quân sự dưới nghi thức lời thề

trước mặt anh chiến sĩ và đoàn viên Nikolai Layrôp, đã kiên quyết ra lệnh cho chú phải im lặng.

Bà Matriôna Têrenchiepna quỳ xuống trước người lính và áp tai vào bộ ngực phồng cao của anh. Bà nghe ngóng thật lâu, hy vọng nhận thấy ít ra một tiếng tim đập yếu ớt, bà chạy vào nhà mang ra một tấm gương nhỏ. Bà đặt gương kề sát đôi môi xanh nhợt của người chiến sĩ. Bà nhìn chòng chọc vào mặt gương; liệu nó có mờ đi không, liệu có hiện ra dấu vết gì, một dấu vết nhỏ nhất của hơi thở không? Nhưng mặt gương vẫn lạnh vẫn sáng. Thế là bà khẽ miết hai ngón tay cái, thận trọng vuốt hàng mi anh thủy binh, rồi hôn lên trán anh. Tính chất định mệnh của động tác hai ngón tay và tấm gương nhỏ, nhẵn bóng, lạnh lùng phản chiếu ảnh lửa vẫn không ngừng in lên tầng mây, đột nhiên tác động đến chú bé với một sức mạnh lạ thường. Chỉ đến bây giờ, và cũng là lần đầu tiên, chú mới hiểu cái đó không phải bằng lý trí, và toàn thân chú mới bị xâu xé tàn nhẫn bởi cảm giác thực sự về cái chết và bởi sự đơn giản kinh hồn của nó.

Sau đó, chú chỉ nhớ thêm vài chi tiết tiếp diễn. Chú nhớ lại ba người đã chôn cất anh thủy binh ngay tại chỗ, không xa ngôi nhà mấy tí, họ đào huyệt bằng những cái xẻng không hiểu sao lại dắt ở trên mái nhà và cả Pêchya cũng đào, việc này thì chú nhớ như in. Chôn cất anh thủy binh xong, Valentin và chú còn phải đợi bà Matriôna Têrenchiepna đi thu thập một lúc ở trong phòng một số giấy tờ cần thiết của ngư trang. Sau cùng bà bước ra khỏi nhà, cắp một bó giấy má to tướng. Pêchya còn nhận thấy bó giấy cuộn trong những tờ báo "Công xã Hắc-hải" cũ rách. Tất cả ngư trang "Pêtren" chỉ còn lại có thế. Khi họ ra khỏi nhà được vài chục bước, bà mẹ chợt nhớ còn để quên một thứ rất quan trọng. Bà đặt bó giấy xuống cỏ, chạy về nhà rồi quay trở lại ngay, mang theo một tấm ảnh chụp chơi, nhỏ, cũ, lồng trong một khung gỗ cũng khảm xà cừ. Rồi cả ha người đi vào thảo nguyên, trong bóng tối dày đặc mà họ chưa quen mắt.

Sau lưng, ngôi nhà nhỏ đã bốc cháy thế nào, Pêchya không nhớ. Chú chỉ nhớ nó cháy như một đống củi và, một lần nữa,

trong khói lửa lại có hai kẻ vật nhau, một bên đỏ, một bên đen.

Họ băng qua thảo nguyên. Pêchya không hiểu là sẽ về đâu. Họ đi rất lâu, vội vã; chú bé xước cả chân với đôi giày quá khổ, nhưng chú im lặng và tiếp tục khập khiễng bước. Rồi họ nhìn thấy mấy đám cháy đằng xa. Đó là vùng ngoại vi Ôđetxa đang bốc cháy: những kho dầu hỏa, xưởng sơn Vôrôsilôp, những kho nông sản. Họ đi về phía những đám cháy dọc theo một con lạch nhỏ; dòng nước lạch phản chiếu ánh sáng các đám cháy và những tàn lửa đang điên cuồng bay lên.

26

Một quả bom đã rơi xuống tòa nhà của khu ủy. Hồi nhà bên trái sụp đổ. Nhưng bản thân tòa nhà — một tòa nhà cổ, đẹp, công trình của kiến trúc sư Bôpfô — vẫn đứng vững mặc dù có nhiều chỗ rạn nứt. Phòng làm việc của bí thư khu ủy cũng bị thiệt hại. Nó đã phải dời sang một căn phòng khác, cửa sổ trông ra quảng trường Công xã.

Không cởi áo ngoài, Secnôivanenkô bước xồng xộc vào căn phòng làm việc mới.

Trong căn phòng ngổn ngang, ngoài người bí thư mà Secnôivanenkô rất quen biết, còn có một người khác. Người này ngồi lánh sang một bên, cạnh chiếc bàn nhỏ, đang biên chép gì vào sổ tay. Cái cặp để cạnh người, dựa vào chân ghế. Trên bàn, cạnh bình thủy tinh không và cái cốc kim loại đầy đầu mẩu thuốc lá và giấy vụn, có chiếc mũ lông cừu kiểu nông thôn, đính băng đỏ du kích.

Secnôivanenkô nhận ra cái gáy lực lưỡng với bộ tóc cắt ngắn, và trước khi người bí thư giới thiệu, ông biết đó chính là Xêrafim

Ivanovich Tulyakôp nổi tiếng, chỉ huy một đội du kích, nguyên chủ tịch ban chấp hành Ôviđiôpôn, chính người cách đây không lâu, với một toán anh em, đã băng qua hỏa tuyến, giải về bộ tham mưu của quân đoàn Duyên hải, một tên đại úy tù binh Đức. Vào hồi này, người ta cho rằng Xerafim Ivanôvich Tulyakôp rất có thể làm phó cho Secnôivanenkô trong việc lãnh đạo quân sự bí mật.

Tulyakôp đứng dậy, lấy chân chận cái cặp để nó khỏi đổ, bắt tay Secnôivanenkô. Hai người vội nhìn nhau, cùng giấu vẻ tò mò. Secnôivanenkô có con mắt sắc sảo, lão luyện, một chiến sĩ lâu năm của Đảng, quen nhận xét người. Tulyakôp gây cho ông một ấn tượng tốt: đó là một con người bình tĩnh, vững vàng, trung kiên, chắc chắn, tích cực.

Với chiếc áo khoác da dài tận gối, với cái cặp căng phồng mà anh vẫn lấy chân chận, nom Xêratim Ivanôvich khá bình thản, có phần hơi giả tạo nữa. Nhưng khi anh chào Secnôivanenkô và bắt chặt bàn tay của ông, những tà áo khoác bằng da bé đen, trắng của anh phanh ra và Secnôivanenkô trông thấy một tấm thân khỏe đẹp, cân đối, hoàn toàn khít khao với chiếc áo va-rơ bộ đội, gọn gàng trong chiếc thắt lưng cấp chỉ huy — hai hàng may chần với những đường viền, những vòng nhỏ và cái bao thanh thanh đựng khẩu Môde nhỏ tước của địch. Có một cái gì vừa khiêm tốn vừa dũng cảm, một tư thế của người chỉ huy, trong bộ ria cứng, ngắn của anh, trong cặp lông mày thẳng nét của con người có ý tứ, nhiều khả năng, trong cái cổ còn sạch sẽ dưới lần cổ áo va-rơ dạ, trong bộ tóc sẫm cắt ngắn, phía trước hơi dài, phía sau húi cao, và trong mớ tóc mai cạo nhẵn hình tam giác sáng sủa. Những cử chỉ chính xác, nhanh nhẹn của anh, cùng toàn bộ tư thế mang dấu vết một sự dày công rèn luyện quân sự và để lộ rõ con người bộ đội. Đúng thế, trước đây anh đã ở bộ đội. Secnôivanenkô đã để thì giờ nghiên cứu lý lịch của anh. Cách đây mười lăm năm, trước khi sang công tác ở các Xô-viết, Tulyakôp đã theo lớp đào tạo sĩ quan. Nguồn gốc thì anh là người Nga thuần túy, chính cống, một người Nga quê quán Mạc-tư-khoa, nhưng đã cư trú lâu năm ở miền Nam, ở

Nôvôrôxit, ở Pôti, ở Ôđetxa. Anh đã làm việc ở cảng, thoạt đầu làm công nhân khuân vác, rồi hết nghĩa vụ quân sự, vào ban lãnh đạo thương cảng, sau đó ở trong nhiều ban chấp hành quận thuộc khu Ôđetxa. Thành thử, nói cho cùng, anh có thể được coi như quê quán miền bờ biển Hắc-hải, đó là điều làm cho Secnôivanenkô đặc biệt thích thú.

Đến lượt mình, Tulyakôp cũng đã có một ý nghĩ nào đó về con người sẽ lãnh đạo mình trong hoạt động bí mật. Thoạt đầu, anh biết trước mặt mình là một con người kiên nghị, bướng bỉnh. Thực vậy, có một cái gì bướng bỉnh, ít thỏa hiệp ở mái đầu tròn với bộ trán hói, ở cái dáng nhô về phía trước một cách hiếu chiến, ở cặp môi mím lại, ở tầm vóc nhỏ bé, ở những nét nhăn quanh đôi mắt viễn thị, ở đường gân nhăn nheo và khô hai bên thái dương, ở cả đường hằn sâu trên sống mũi chứng tỏ ông phải dùng kính để đọc và viết. Secnôivanenkô mặc áo khoác len gai, đeo mặt nạ phòng hơi độc, đi đôi ủng lính, đội chiếc mũ cát-két dạ mà khi bước vào ông đã lột ra, gập lại và nhét vào túi. Tất cả những đồ vật ấy đều mới, chưa dùng qua, rõ ràng là vừa lấy ở kho ra. Nhưng Tulyakôp không thể không nhận thấy sợi dây da Secnôivanenkô thắt ngoài áo khoác và khẩu súng lục (kiểu Nagan) để trong bao với chiếc que thông nòng bằng đồng, đều đã cũ, đã dùng nhiều, nhưng rất sít sao. Rõ là một tay giang hồ tứ xứ.

— Đọc đi, — bí thư khu ủy nói, và bằng một cử chỉ gọn, chìa cho Secnôivanenkô một tờ giấy còn ướt mực nhà in, với cái đầu đề đậm nét: "*Cùng toàn thể đồng bào thành phố Ôđetxa và khu Ôđetxa*". — Đồng chí Tulyakốp đã đọc rồi.

Secnôivanenkô cầm lấy tờ giấy và đưa ra xa mắt bằng cử chỉ quen thuộc của người viễn thị: "*Các bạn thân mến!*" ông đọc, và ngay phút giây ấy, một niềm xúc động nóng bỏng xâm chiếm lấy ông. Ông cảm thấy mọi người đã đi đến giây phút quyết định mà ông sẵn sàng chờ đón, nhưng khi giây phút ấy đến thì lại thật khó tin, hầu như không thể nào tin được, ông đưa mắt lướt qua tờ giấy. Những chữ nhảy múa, xô đẩy nhau và ngã lộn nhào

tưởng như rời khỏi tầm mắt và để lại những khoảng trống thăm thẳm. "*... chúng muốn tách xứ Ukren quê hương của chúng ta ra khỏi Liên-xô vĩ đại, ra khỏi nhân dân Nga anh em, những người đã chung sức với chúng ta xây dựng một cuộc đời mới tươi đẹp...*".

Vấn đề là thế đấy! Thật chẳng khác gì bất thình lình có một vật quật trúng tim ông. Vấn đề là thế đấy, đó là cái chính, cái chủ yếu... Ông cố bình tâm lại và gắng đọc thật thong thả: "*Nhưng hiện nay, trước sự phát triển của tình thế, trong điều kiện một cuộc vây hãm kéo dài, Ôđetxa ở quá xa những căn cứ tiếp tế và đã mất ý nghĩa chiến lược trước đây của nó. Do đó, chính phủ Xô-viết và bộ Tổng tư lệnh đã quyết định rời khỏi thành phố Ôđetxa và điều động quân đội đến những khu vực khác của mặt trận...*".

Secnôivanenkô cảm thấy yên tâm lạ lùng. Không vội vàng, ông đọc đến hết tờ truyền đơn.

27

— Thế nào, các đồng chí, thảo luận đi! — Bí thư khu ủy nói nhanh như đang tiếp tục cuộc thảo luận bị ngắt quãng và nhìn cả hai người — Tất nhiên là nếu không có ý kiến phản đối.

— Rõ! — Tulyakôp khẽ cúi đầu trả lời theo lối quân sự.

— Còn đồng chí, đồng chí nghĩ sao, đồng chí Secnôivanenkô?

— Rõ! — Secnôivanenkô trả lời cũng bằng cái vẻ kiên quyết đó, rồi ông hỏi Tulyakôp: "Quân đồng chí có đông không?"

— Không đông lắm, một bộ phận ở trong thành phố với tôi, còn những bộ phận khác thì ở địa phương sau lưng địch —

Tulyakôp lục cặp. Secnôivanenkô hiểu là anh muốn đưa ông xem danh sách, khẽ giơ tay ngăn lại.

— Không cần thiết. Tôi biết. Đồng chí cứ giữ lấy.

— Các đồng chí ấy đều đã được khu ủy thẩm tra, — bí thư vừa nói vừa nhìn đồng hồ — Chúng ta không nên mất thì giờ vô ích.

Họ đến trước tấm bản đồ lớn thành phố Ôđelxa và vùng phụ cận.

— Các đồng chí đã có quyết định cụ thể rồi chứ? — bí thư hỏi — Các đồng chí sẵn sàng rồi chứ?

— Vâng — Secnôivanenkô đáp.

— Vậy ta bắt đầu.

Secnôivanenkô lùi xa tấm bản đồ một chút, nghiêng ngó bên này bên kia, và tìm thấy cái kính. Ông dùng bao kính thay cho chiếc que khoanh một vòng quanh làng Uxatôvô.

— Chúng tôi đã thảo luận với anh em là quyết định kéo đến tận đây.

— Được. Cụ thể là đâu?

— Cách bức tường công viên Hatji-Bây một cây số rưỡi, ở địa giới phía tây làng Uxatôvô. Chính chỗ này đây.

— Phải, tôi biết. Chỗ đó có một cái khe nhỏ.

— Hoàn toàn đúng. Lối vào hầm đá ngày xưa.

— Hiện giờ ở đó còn có sở chỉ huy của một đơn vị chúng ta — bí thư nhận xét. — Thế tại sao đồng chí lại kết cái chỗ đó.

— Một mặt, nó không xa thành phố Pêrexip và những cơ sở công nghiệp lớn; mặt khác, nó là quãng ngắn nhất đi đến đường xe lửa Ôđetxa - Razđenaia và xa hơn một chút là nhánh đường Ôđetxa - Voznexen. — Với một vẻ đầy ý nghĩa, Secnôivanenkô qua mắt kính nhìn đồng chí bí thư trước, rồi đến Tulyakốp, ngừng lại một lát, tay ve vẩy bao kính. — Và ta có thể đặt liên lạc dễ dàng với nhân dân các làng Khôlôtnaia, Banka, Niliakôvô.

Nêrubaixkôiê, Đannit, cả với trạm máy kéo ở Prôtôpôpôvô nữa, đường nào cũng tiện.

— Cũng có thể... — Tulyakôp gật đầu tán thành nói.

Secnôivanenkô nhìn ra đường. Trời mới tảng sáng. Còn tối đất. Gió cuốn từng đống lá phong từ đại lộ xuống lòng đường rộng và đến những luống hoa quanh viện bảo tàng khảo cổ. Hoa "Canna" nở rộ, đỏ rực như bốc lửa, trong sương sớm. Trước mặt, trong Câu lạc bộ Quốc tế, sau những cửa sổ vỡ tung, một ngọn đèn xanh nhỏ le lói. Trên mái Nhà hát thành phố, những đàn chim sắp sửa bay đi, nổi bật trên ánh phản chiếu xa xôi của những đám cháy. Trên nền trời mờ tối, chưa được mặt trời chiếu sáng, đạn cao xạ bay vùn vụt như sao băng nhỏ. Đạn đại bác từ những chiến hạm chạy ngoài cảng bắn vun vút qua thành phố. Nền trời trên những mái nhà thành phố bị cắt nát ngang dọc bởi những tia chớp đại bác. Đâu đấy từ xa, những tiếng nổ rung chuyển hàng cây ngô đồng đã rụng hết lá vàng. Không quân địch đang ném bom cảng. Ở góc những phố Puskin và Latôskin, một đoàn dài bộ đội dừng lại, lẫn trong bóng tối: bộ binh, pháo binh, xe vận tải. Xa hơn một chút, mấy trăm tên tù binh im lìm và tả tơi — đó là bọn Đức và Rumani bị bắt mới đây ở gần thành phố. Gần cái chắn, chỗ xe lửa đi ngang đường, đèn điều chỉnh nhấp nháy những tia điện nhỏ. Secnôivanenkô hiểu là đoàn quân đứng đợi chấm dứt trận oanh tạc ngoài cảng, nơi đang xếp quân lên tàu. Đó là một quang cảnh quen thuộc của những ngày cuối cùng, Secnôivanenkô đặt lên khung cửa một tờ báo đã gấp lại và đóng thật mạnh cửa sổ.

— Nào, bắt đầu hành động! — Bí thư khu ủy nói, vẻ dứt khoát.

Nện đôi ủng bộ đội mới kêu cồm cộp, ông tiễn hai đồng chí ra tận cửa, bắt chặt tay họ và nhắc lại:

— Hành động đi!

Secnôivanenkô đưa nhanh mắt chú ý nhìn anh; anh đằng hắng, giấu một nụ cười. Đồng chí bí thư nhìn tấm bản đồ, nheo mắt lại suy nghĩ, ông rút trong túi ra một cái thước chia phân và

áp lên bản đò.

— Hiểu. Cách xưởng chữa tàu bảy kilômet, và từ đấy đến cảng Pratich chỉ có mấy bước.

— Đó chính là cái chúng tôi nhắm, — Secnôivanenkô nói — Thành thử chúng tôi có bốn mục tiêu: Pêrexip, cảng, đường sắt và các làng. Và tất cả đều trong tầm tay.

— Một trung tâm tác chiến, — Tulyakôp nhận xét.

Một lần nữa, Secnôivanenkô lại lấy bao kính khoanh lên phía trên làng Uxatôvô bang một động tác chính xác. Rõ ràng là vấn đề đã được nghiên cứu triệt để và địa điểm được chọn rất đúng. Từ khi khu ủy ra lệnh cho ông cũng như cho một loạt cán bộ khác của Đảng chuẩn bị rút vào bí mật, Secnôivanenkô đã làm việc suốt ngày đêm. Ông đã tập hợp những người cộng tác được thẩm tra và đáng tin cậy lại, đã chỉ định những địa điểm họp bí mật và từng bước một, để khỏi gây tò mò cho mọi người, thu thập những vật liệu cần thiết, vũ khí và lương thực. Ông làm việc thận trọng, không để ai hay biết. Ông chăm lo chú yếu vấn đề địa điểm. Hầm mộ là nơi thích hợp nhất, nhưng nằm rải khắp dưới thành phố và có rất nhiều lối thông xuống. Cần phải chọn lấy một lối để đi xuống lòng đất và đặt ban chỉ huy. Sau khi suy nghĩ kỹ, ông đã quyết định đến làng Uxatôvô. Bí thư khu ủy đích thân chỉ đạo việc rút các đảng ủy địa phương và các đội du kích vào bí mật, nên nắm được mọi ý đồ, hành động và cử chỉ của Secnôivanenkô. Nhiều lần, hai người đã thảo luận riêng với nhau những vấn đề đó. Nhưng giờ là lần cuối cùng họ gặp nhau. Cần phải đi đến một quyết định dứt khoát.

— Kể thì cũng hợp lý đấy, — bí thư nói sau một cố gắng suy xét cuối cùng—Đồng chí thấy thế nào? — Ông quay về phía Tulyakôp nói thêm.

— Hoàn toàn hợp lý.

— Vấn đề thế là giải quyết xong. Tôi sẽ báo cho bộ đội biết để họ khỏi gây khó khăn khi các đồng chí rút xuống hầm đá ở Uxatôvô. Các đồng chí cần hỏi gì nữa không?

— Không, — Secnôivanenkô vừa nói vừa bỏ kính ra bằng một cử chỉ kiên quyết và cất kính vào bao.

— Tôi cũng không, — Tulyakôp nói.

Một lúc yên lặng! Trong lúc đó, những loạt đại bác gần xa vẫn không ngừng làm rung bần bật những miếng kính cuối cùng sót lại và những tấm gỗ ghép. Thỉnh thoảng những mệnh lệnh sang sảng của anh em bộ đội cao xạ dưới đường phố lại vọng lên. Sau đó những khẩu đại bác phòng không bắt đầu liên tiếp nổ rền.

Một tiếng rít nhè nhẹ, mỗi lúc một to hơn. Rồi căn phòng rung lên vì một chuỗi bom. Sức ép không khí bất thình lình làm bật tung cánh cửa sổ cao lắp gỗ dán. Gió ùa vào căn phòng làm giấy má bay tới tấp. Đồng chí bí thư cau mặt ra khép cửa sổ, nhưng nó vẫn bật ra.

28

Tulyakôp ra trước. Secnôivanenkô còn nấn ná ở cửa một lát để sửa lại cái mặt nạ phòng độc. Đồng chí bí thư Đảng ủy nắm lấy cánh tay ông, chỗ gần khuỷu tay và kéo lại. Đối với người cán bộ này, đồng chí thấy quý mến quá, thương yêu quá đến nỗi không thể dằn lòng được, và đã hôn một cái thật mạnh lên thái dương ông. Đồng chí bí thư là một chiến sĩ lớp mới, vừa đến khu này trước khi xảy ra chiến tranh ít lâu. Nói chung, đồng chí cũng không hiểu biết Secnôivanenkô hơn những khu ủy viên khác. Nhưng đồng chí đã có dịp hiểu rõ ông trong những tháng gần đây, thời gian hai người phải gặp nhau luôn để chuẩn bị cho bộ phận rút vào bí mật. Đến lúc này, lúc quyết định, đối với đồng chí, Secnôivanenkô trở nên thân thiết và gần gũi lạ lùng, như một người cha hay một người anh cả. Bí thư khu ủy nhìn thật

sát bộ mặt bơ phờ mệt mỏi của ông sau một đêm không ngủ nhưng vẫn giữ cái nét quen thuộc đầy kiên nghị, nhìn thật sát đôi mắt viễn thị của ông với những nếp nhăn khô nhỏ viền quanh, như muốn ngả xuống tâm hồn ông một lần cuối, thăm dò chiều sâu của nó, đọc những ý nghĩ thầm kín nhất của nó. Rồi đồng chí nói:

— Đồng chí Gayrin Xêmiônôvich, không phải những người như tôi có thể lên lớp cho đồng chí, một chiến sĩ bônsêvich lão thành từ thời bí mật. Đồng chí hãy nhớ rằng Đảng và nhân dân yêu cầu tất cả mọi người trung thực một điều... — Đồng chí bí thư suy nghĩ, tìm danh từ cho sát... — Hãy chiến đấu! Hãy chiến đấu cho đến khi quân thù bị tiêu diệt, sạch sành sanh, không còn tăm hơi trên mặt trái đất này!

Đồng chí bí thư co bàn tay to, đẹp của mình lại, rồi siết mạnh cái nắm tay khớp trắng ra vì lên gân vào lòng bàn tay to lớn kia đang mở rộng. Bộ mặt trắng trẻo sáng sủa của đồng chí với một nốt ruồi duyên dáng trên má ửng đỏ. Mớ tóc vàng xõa xuống mắt. Đồng chí hất nó ra phía sau. Secnôivanenkô ôm lấy vai đồng chí bí thư, nhấp nháy đôi mắt rồi lại nhìn thẳng vào mặt nói:

— Những chỉ thị của Đảng: tạo ra cho kẻ thù và bè lũ tay sai một cuộc sống không thể chịu đựng nổi, bám riết chúng, tiêu diệt chúng trên mỗi bước đi, làm thất bại tất cả mọi mưu đồ của chúng, những chỉ thị ấy, tôi sẽ tuân theo không sợ hy sinh. — Rồi ông bước ra khỏi cơ quan không hề ngoái nhìn lại.

Trong phòng khách, ngoài những chiến sĩ bảo vệ và anh em cán bộ của khu ủy đang đóng đanh và vần những cái hòm lớn, còn có những người do đồng chí bí thư triệu tập đến. Họ chiếm tất cả những ghế và đi-văng để ngổn ngang, kê dồn về một phía trong căn phòng, Những người chưa có chỗ, đi đi lại lại, giữa các hòm hoặc ngồi lên thành cửa sổ. Những cửa sổ bị vít vội bằng ván càng làm tăng thêm cảm giác bề bộn khó chịu. Một tia nắng mai yếu ớt chập chờn lọt vào căn phòng, qua những khe cửa sổ và những tấm kính còn nguyên vẹn, nom xám xịt và khó chịu.

Một ngọn đèn xanh nhỏ, ở một chỗ nào đó của dẫy hành lang sâu rộng, xuyên qua một loạt cửa lớn mở toang, phản chiếu vào một tấm gương đã rạn nứt treo trên tường, nặng nề gợi lại những đêm bị vây hãm phải thức suốt, và tô lên mỗi đồ vật, mỗi khuôn mặt người, một ánh sáng nhân tạo, thứ ánh sáng của phòng bào chế. Người nào cũng hút thuốc liên miên. Bật lửa bật soành soạch nhưng lại tắt ngấm tức thì vì luồng gió lạnh tháng mười lùa qua khe cửa sổ.

Gió thổi rung cả những mớ lúa mì mẫu loại mới Lixenkô và những bắp ngô kép, kết quả của thụ phấn bổ sung, xếp đống trong một góc nhà, dập nát và đầy bụi bặm. Gần đó, trên mặt sàn, chồng chất những mẫu vũ khí sản xuất ở các nhà máy địa phương trong những tháng cuối cùng của thời kỳ bị vây hãm: súng cối, lựu đạn, pháo sáng, kíp nổ... Không thể bỏ qua không nhìn những đồ hộp nhãn hiệu sặc sỡ, những hộp một cân, hai lạng, đủ các cỡ. Nhưng không phải là thức ăn đóng hộp. Đó là những quả mìn chống xe tăng và chống bộ binh. Anh em công binh đã thu lượm các vỏ hộp ở khắp các nhà máy và tọng đầy thuốc nổ vào. Lại có cả một tấm thép nặng trịch dựa vào tường — loại thép thường phủ lên nóc những toa Punman và những đầu máy tàu bọc sắt, xuất phát thẳng từ nhà máy ra mặt trận. Theo lời thiên hạ thì đó là những tấm thép của chiến hạm Pôtemkin, tháo ra hồi trước Cách mạng, có người nói đoàn tàu bọc sắt nổi tiếng của anh thủy binh Jelezniac năm 1918 được bọc bằng những tấm thép này. Chắc hẳn đó là truyền thuyết. Secnôivanenkô biết đó chỉ là một tầm thép luyện của bất cứ chiến hạm xô-viết nào. Vậy mà đi qua tấm thiết giáp ấy, ông cũng vẫn xúc động. Ông hồi tưởng cuộc khởi nghĩa của chiến hạm Potemkin, ông có biết anh thủy binh Jelezniac. Chiến hạm Pôtemkin thuộc về thời thơ ấu của ông, Jelezniac thuộc về tuổi thanh xuân của ông. ông cảm thấy người gai lên vì luồng gió cách mạng, và một ý chí đấu tranh quyết liệt không gì so sánh nổi, xâm chiếm lấy tâm hồn ông.

Secnôivanenkô quen biết hầu hết những người ngồi trong phòng đợi. Tulyakôp và ông đã ngồi khoảng một giờ trong

phòng làm việc của bí thư. Khi Secnôivanenkô từ phòng làm việc đi ra, mọi người nhìn ông ra vẻ lo lắng. Ông hiểu là tất cả những người đó đều được bí thư triệu tập đến, cùng một lý do như ông và Tulyakôp. Giá lúc khác ông đã đứng lại chuyện trò với người này người kia. Bây giờ, ông cảm thấy mình bị tách khỏi tất cả những gì quen thuộc, ông đã chuyển sang một cuộc sống khác, phải tuân theo những quy tắc hoạt động bí mật. Ông không được phép quen biết bất cứ người nào cũng như không ai được phép quen biết ông. Không ai quen ai nữa.

Ông đi qua, bước vội và yên lặng, đầu cúi xuống kiên quyết với dáng đi nặng nề của người dân vùng Hắc-hải. Ông đi suốt qua căn phòng, không chạm chiếc mặt nạ chống độc vào một cái hòm nào rồi ra cầu thang, đuổi kịp Tulyakôp ở bậc thứ hai. Tulyakôp cầm mũ trong tay và dùng con dao díp tháo dải băng đỏ. Anh bỏ dải băng ra rồi cất cẩn thận vào túi áo trong.

— Phải đấy, — Secnôivanenkô nói.

Len lỏi giữa những xe vận tải mà người ta đang chất hòm xiểng lên, ông rẽ ra phố Biển rồi dừng lại trước pho tượng Puskin có những con cá heo bằng đồng đen quanh cái bệ đá hoa cương.

Secnôivanenkô và Tulyakôp định nhìn xem tình hình ngoài cảng ra sao, nhưng đứng đó không nhìn thấy gì cả; họ bèn lại gần một khẩu súng cổ bằng gang đặt trên bờ biển dốc, trên một cái giá có bậc gỗ. Phía chân dốc, họ nhìn thấy những nòng thon nhỏ của súng cao xạ. Secnôivanenkô và Tulyakôp trèo lên cái bệ đá hoa cương của khẩu súng cổ.

Bình thường, đứng chỗ này, có thể nhìn rõ mồn một tất cả bề mặt mênh mông của cảng. Nhưng lúc này nó bị một màn khói bao phủ. Họ lờ mờ nhận ra đường nét viền quanh những tòa nhà bê-tông cốt sắt nhiều tầng, những cầu quay và những cần trục, những ống khói và những cột cao của tàu vận tải, dải đập chắn sóng, tháp đèn pha đã bị đánh gục. Qua màn khói, họ thấp thoáng nhận ra một làn sóng người chuyển động chậm chạp:

những đơn vị bộ đội cuối cùng đang lên tàu. Thỉnh thoảng, qua những chỗ rách của màn sương xám, họ có thể nhìn thấy những cỗ pháo mắc ở đầu cần trục con tàu.

Mặt trời đỏ thẫm vừa nhô khỏi chân trời, tỏa ra một ánh sáng ảm đạm trên cái dải hẹp ngăn cách mây và mặt bể còn tối hơn mây. Thỉnh thoảng, một luồng gió lạnh buốt thổi từ chân trời lại. Vài chiến hạm được màn khói bao phủ, bắn từ khu cảng phía ngoài ngọn núi Jevakhova lên những chiến hào địch. Những dải lửa bay vọt khỏi nòng súng, tách ra và biến mất trong màn khói. Những tiếng vọng nặng nề vỗ xuống mặt nước rung rinh những đợt pháo kích. Không khí luôn luôn chuyển động. Thật khó mà dứt khỏi bức tranh đầy đe dọa, u ám nhưng lại tuyệt đẹp này.

Secnôivanenkô hồi tưởng lại từ khu cảng này, chiếc thiết giáp hạm Pôtemkin màu xám, với ba ống khói và lá cờ đỏ kéo lên cột cờ phát lệnh khởi nghĩa, đã bắn vào thành phố như thế nào. Cũng trong cảng này, Secnôivanenkô đã thấy một chiến hạm khác, chiếc Prôtê của Pháp, cũng treo lá cờ đỏ khởi nghĩa. Đó là niềm vinh quang cách mạng của thành phố này.

Nhưng còn một niềm vinh quang nữa của thời xưa. Trong chiến dịch Xêvaxtôpôn năm 1854, hạm đội Anh — Pháp vào Hắc-hải, 350 khẩu đại bác của chúng đã nhả đạn vào thành phố. Chỉ huy đội pháo binh Nga số 5 trên bờ là trung úy hải quân Sêgôlep. ông ta đã bố trí pháo binh ở chân dải đập chắn sóng của cảng Pratich — gồm bốn khẩu pháo và tất cả chỉ có thế. Hạm đội tập trung tất cả hỏa lực vào đội pháo binh của Sêgôlep. Hai khẩu pháo bị diệt. Vậy mà các pháo thủ Nga cùng với người chỉ huy của họ vẫn tiếp tục bắn. Nhân dân Ôđetxa, những người đánh cá, những thợ thủ công, những công nhân ngoại ô, đến tiếp tế thức ăn, thức uống cho đội quân nhỏ bé của Sêgôlep, và chuyên chở thương binh dưới lửa đạn quân thù. Họ bảo vệ thành phố quê hương, vũ khí trong tay. Họ phòng thủ bờ biển suốt đêm để ngăn chặn những tàu đổ bộ của hạm đội địch. Họ đã cứu được Ôđetxa. Hạm đội Anh — Pháp lại cút ra khơi.

Lúc đi, hạm đội để lại ba chiến hạm tuần tiễu quanh vùng

Ôđetxa. Một trong số đó, chiếc khinh hạm Con Hổ của Anh, mắc cạn gần khu Suối Nhỏ và đã bị hỏa lực pháo binh Nga đánh đắm. Toàn đội thủy thủ bắt buộc phải đầu hàng. Sau đó thợ lặn đã kéo từ đáy biển lên được mười một khẩu đại bác Anh. Một trong những khẩu đó đã được đặt ở đại lộ Biển để kỷ niệm sự nghiệp bảo vệ thành phố một cách anh dũng chống bọn can thiệp Anh - Pháp.

Lúc này, đứng bên khẩu pháo ấy, nhìn những tàu vận tải đang xa dần, Secnôivanenkô cảm thấy mỗi lúc một mạnh mẽ, tâm hồn sôi sục lòng tranh đấu.

Mặt trời gay gắt như một cục than hồng, từ từ đến nấp vào sau một đám mây xanh thấp, và biển lại đen như than đá. Gió càng lạnh, càng mạnh hơn. Một bóng đen màu tro phủ lên bờ đối diện của vịnh: Krijanôpka, Dofinôpka, ngọn núi Jevakhôva. Dải đất hẹp Pêrexip chỉ hơi cao hơn mặt biển một chút bị khói dầu hỏa nóng bỏng che khuất. Qua màn khói mờ mờ nhận thấy những nét viền quanh của các nhà máy, của những xưởng chữa tàu có mái, của những kho hàng, và phía sau, xa trong thảo nguyên, quá các đầm nước mặn, trên tuyến phòng thủ thứ nhất, những đám đạn nổ trông như những chùm lông đen sì.

Secnôivanenkô và Tulyakôp lặng lẽ nhìn về phía đó. Ở đó có làng Uxatôvô và lối vào hầm mộ mà họ sẽ đưa bộ phận của họ xuống.

— Thật là một bức tranh tuyệt đẹp! — Tulyakôp vừa nói vừa thở dài.

Rồi hai người so đồng hồ với nhau.

— Anh định thế nào? — Secnôivanenkô hỏi — Tôi có xe đây. Ta đến sở chỉ huy đi. Tôi sẽ giới thiệu anh với anh em.

— Thôi, anh em cũng đang đợi tôi. Tôi phải thông báo nghị quyết của khu ủy cho họ đã, — Tulyakôp nói.

— Được. Tùy anh. Chúng mình sẽ lại gặp nhau lúc chập tối ở tường công viên Hatji-Bây. Cho một liên lạc viên đến chỗ tôi

nhé.

— Rõ, — Tulyakôp nói và chào kiểu quân sự.

— Ta còn gặp nhau — Secnôivanenkô nói, rồi đột ngột đi lộn trở lại, qua đại lộ, đến ngõ Nhà hát, nơi ông để xe trong một cái sân, không xa khu ủy mấy.

29

Một luồng gió quái ác thổi những mẩu giấy cháy trên đường phố lát đá hoa cương, và trên hè phố lát những phiến phún thạch màu xanh đã mòn nhẵn. Những tàn tro xanh nhạt bay phấp phới trong không khí. Tro và lá cháy dở hòa lẫn với đám lá dạ hợp rụng, với những hạt phong có cánh, với những quả ngô đồng tròn xốp. Những rác rưởi ấy chất đống trong rãnh nước gần song sắt miệng cống. Thỉnh thoảng, từ một góc nào đó trong thành phố lại đột nhiên vang lên một tiếng nổ. Nhưng khó mà biết được đó là một viên đạn trái phá của pháo binh địch, hay một quả bom của không quân, hay là bên ta phá hoại một kho hàng, không để cho quân địch sử dụng.

Chiếc xe hơi đỗ trong một góc kín của một cái sàn có vòi nước trang trí. Một mảng tường nhà bên cạnh đổ xuống sân. Không khí còn ngập ngụa bụi vôi li ti. Đá rơi trúng chiếc ô-tô. Một hòn làm sây sát cái chắn bùn. Trên mũ ca-lô và vai anh lái xe, có một lớp dày bụi vàng đá vôi nát vụn. Chiếc ô-tô này chính là chiếc xe Kôletnisuc đã chở hai bố con Batsây từ trường bay về "biệt thự" của bác, Cũng không khó hiểu lắm tại sao chiếc ô-tô lại rơi vào tay Secnôivanenkô. Chiếc ô-tô và người lái kiêm thợ máy của nó là Xviatôxlap được quân đội trưng dụng, đã qua hết nơi này đến nơi khác, cuối cùng đến nhà xe của khu ủy và Secnôivanenkô đã

xin được.

Tất nhiên ông có thể chọn một cái xe tươm hơn. Nhưng ông lại chọn đúng xe ấy. Vai trò quyết định không phải cái xe mà là con người đã tác động đến sự lựa chọn độc đáo của Secnôivanenkô: đó là lòng tin vững chắc vào giá trị hơn hẳn của người so với vật, dù cái vật ấy thông minh như một chiếc ô-tô. Chỉ thoáng nhìn lần đầu ông đã thú Xviatôxlap. Secnôivanenkô cảm thấy tin cậy anh thanh niên có nét mặt trẻ thơ, với vẻ phớt đời, kiêu kỳ nữa là khác. Ngay phút đầu, ông đã cảm thấy có một cái gì thân thuộc khó tả đối với Xviatôxlap, gần như tình cảm cha con. Ông coi anh gần như một phản ánh của chính ông trong tấm gương thời gian, nhưng không phải của Secnôivanenkô hiện giờ, mà của một Secnôivanenkô khác, một con người trẻ tuổi không còn trên đời này nữa mà chỉ lưu lại cho ông cái tâm hồn thanh niên trong trắng. Tâm hồn ấy hòa lẫn với tâm hồn thanh thản của thành phố Hắc-hải trẻ trung này đã quá nhiều phen chịu đựng những cơn bão táp của lịch sử. Mối thiện cảm của ông đối với Xviatôxlap dĩ nhiên ông không hề bộc lộ. Bề ngoài, ông vẫn lạnh lùng, thản nhiên, đúng như tính người dân bờ biển Hắc-hải. Ông chỉ nêu vài nhận xét dí dỏm về cái xe, thế rồi cả xe và anh chàng Xviatôxlap lái xe đều hoàn toàn được đặt dưới quyền sử dụng của ông là người đã không chọn nhầm. Chiếc xe trong đôi bàn tay thông minh Xviatôxlap đã làm việc xuất sắc trong thời kỳ gay go này. Và chính Xviatôxlap cũng không phải chỉ làm lái xe kiêm thợ máy xuất sắc mà điều quan trọng hơn, anh còn là người giúp việc tận tụy không mỏi mệt của Secnôivanenkô.

Thời gian này, tất cả công nhân viên chức đều sống theo chế độ doanh trại, nghĩa là ở luôn trong cơ quan xí nghiệp của mình, ai cũng thường trực tại vị trí hai mươi bốn giờ một ngày. Xviatôxlap ở luôn trên xe. Lúc nào anh cũng lặng lẽ, thu mình lại, có phần hơi khô khan, thế mà lạ thật, mặt mũi anh chàng lúc nào cùng rất sạch sẽ, cạo bằng "nước thơm" và đầu chải rất chững chạc. Anh chàng diện quân phục, khoác chiếc mặt nạ phòng độc; khẩu súng trường gài chắc vào lần trong mui xe. Lúc

nào anh cũng đội chiếc mũ ca-lô mùa hè giặt sạch, bạc gần trắng, chiếc mũ đội rất chỉnh, hơi lệch về bên phải một chút, nhưng không kiểu cách mà chỉ trong phạm vi qui định của điều lệnh. Ngực anh, lúc này được trang điểm giản dị bằng chiếc huy hiệu đoàn viên. Tóm lại anh chàng có tất cả bộ dạng của một anh lính trẻ cần cù, ăn mặc chững chạc, mà sự thực anh cũng thế.

Vè phần cái xe, nó có vẻ đặc biệt quân sự. Nó được ngụy trang nghĩa là sơn theo màu cảnh vật chung quanh. Chính Xvialôxlap đã sơn lấy, và qua việc này, anh tỏ ra là một họa sĩ phong cảnh có tài ba đáng kể. Lần đầu, vào mùa hè, anh vẽ những cành dạ hợp rậm rạp và bóng đáng tươi tắn của những ngôi nhà. Trên mui xe bằng vải, anh vẽ thu nhỏ những quãng phố xá, những quảng trường lát như vẩy cá, lâu đài Vôrônxôp, những mái ngói, những khoảng biển xanh. Mùa thu anh thể hiện vào đó sự thay đổi thời tiết, quét màu vàng son của cảnh lá rụng. Xviatôxlap đã chuẩn bị cho mùa đông, thu thập màu bạch diên, màu lam ngọc và màu đen để tô vẽ những cây trụi lá, nhưng việc đó không cần thiết nữa rồi.

Khi Secnôivanenkô đi vào sân thì Xviatôxlap đang ngồi trong ô-tô đọc một quyển sách đặt trên tay lái. Bằng một cử chỉ đột ngột, Secnôivanenkô vén măng-tô, ngồi xuống cạnh Xviatôxlap và đóng sầm cửa lại. Ông lặng im mấy giây, trầm ngâm tính toán, ông xếp đặt theo thứ tự trong óc, tùy theo tầm quan trọng, tất cả những vấn đề và kế hoạch phải giải quyết và thực hiện ngay tức khắc. Rồi ông trở lại hiện tại và nói:

— Đi thôi.

Xviatôxlap khoan thai gấp sách lại sau khi gài một lá phong vàng đánh dấu, rồi đặt sách dưới bảng xe. Anh bắt đầu cho xe đi thận trọng, chiếc xe nẩy trên những tảng đá rải rác. Anh không hỏi đi đâu. Anh đánh xe thẳng ra đường phố. Secnôivanenkô im lặng. Chiếc xe dường như sắp lao thẳng lên hè phố đối diện và húc vào bức tường nhà hát.

Nhưng đến phút cuối cùng, Secnôivanenkô nói:

— Rẽ trái!

Xviatôxlap nhanh nhẹn ngoặt sang trái. Xe chạy đến phố Puskin.

— Đại lộ Vô sản, — Secnôivanenkô nói, rồi ông gục đầu lên thành cửa, thiu thiu ngủ.

Xviatôxlap cho xe lượm rất khéo rồi bắt đầu ngoằn ngoèo hết phố này sang phố khác, xuyên qua những sân trông ra đường, đi vòng những u chắn, những đống đá của những ngôi nhà đổ nát.

Thành phố vắng tanh.

Trong thời gian mươi, mười lăm phút dùng để đi đến đại lộ Vô sản Secnôivanenkô đã ngủ thiếp được một giấc. Giấc ngủ nhanh chóng ấy làm cho ông thư thái và tư tưởng thêm sáng suốt. Ngoặt vào cái đại lộ vắng ngắt này, Xviatôxlap nhìn thủ trưởng với vẻ dò hỏi. Lệnh đến đại lộ Vô sản có thể có hai ý hoặc trở về nhà của Secnôivanenkô, hoặc đến một trong những biệt thự của khu ủy là nơi từ một tháng nay có những người chuẩn bị rút vào bí mật đang sống như trong doanh trại, đợi quyết định dứt khoát của khu ủy. Secnôivanenkô lệnh cho anh đến biệt thự trước.

Ông bước vào lối đi trồng toàn tử đinh hương Ba-tư sít nhau, còn xanh tốt, rồi dừng lại trước một ngôi nhà nhỏ quét vôi trắng, ngoài hiên chất đầy thùng gỗ dán và bao buộc chặt. Secnôivanenkô nhìn qua chiếc cửa sổ mở rộng. Đó là một căn phòng quét vôi trắng, bỏ không, có một lò sưởi lát gạch men. Trong một góc, có ba khẩu súng, ngoài ra không còn gì nữa. Ông đằng hắng mấy lượt thật to, nhưng không ai đáp lại. Ông đi vòng quanh ngôi nhà và thấy một chiếc xe tải trên một cái kích; một anh lái xe quỳ cạnh một bánh xe tháo rời đang cầm lắc-lê thay lốp. Khắp chung quanh cũng như trên hàng hiên, đều có những thùng, bao, và một chiếc ra-đi-ô bọc trong chăn. Một làn khói nhỏ bốc từ ống khói cái bếp mùa hạ ra. Ngoài cửa, xuất hiện một người đàn bà trẻ tuổi mũm mĩm, đi bốt, mặt nạ khoác

chéo, tay cầm cái thìa gỗ. Nét mặt tươi tắn đáng yêu của chị đột nhiên trở nên rất nghiêm trang. Chị há mồm, nhìn Secnôivanenkô bằng cặp mắt to xao xuyến. Chị chưa kịp nói được tiếng nào vì sau lưng chị vừa ló ra ba người. Một người vừa đi vừa xốc lại áo va-rơ, bước nhanh lại bên Secnôivanenkô.

— Báo cáo đồng chí bí thư! — Anh ta bắt đầu nói như muốn báo cáo theo đúng thủ tục.

— Thôi, thôi, không phải lúc báo cáo. Anh em có mặt cả chứ?

— Đủ cả ạ. Trừ Xviriđôp. Tôi đã cử anh ta đánh xe ra ga hàng hóa để nhận lương thực và dụng cụ đào đất, theo lệnh cấp phát.

— Tốt.

— Thưa đồng chí bí thư, cái xe thứ ba thì thế nào ạ?

— Cái thứ ba chở vũ khí và chất nổ sẽ tới nơi đã định, không qua đây. Đồng chí đã nhận được két sắt đựng tài liệu chưa?... Không to lắm chứ? Tốt lắm. Ở đấy không tài nào nhét cái to vào được. Văn phòng phẩm và giấy sẽ do xe thứ ba mang đến cùng với vũ khí. Đồng chí đã kiểm tra máy thu thanh chưa? Đã xoay được bóng đèn dự trữ rồi chứ?

Vừa hỏi han và ra những lệnh ngắn gọn, Secnôivanenkô vừa đi xem xét lại toàn bộ khu vực. Thỉnh thoảng ông ghi chú bằng bút chì vào sổ tay. Cuối cùng ông nói:

— Mời tất cả các đồng chí lên chỗ tôi.

Ông vào nhà bằng lối sau. Ở một căn phòng, có cái giường gấp để ông nằm ngủ, hai cái ghế vườn hoa và một bàn làm việc. Trước khi bắt đầu nói, Secnôivanenkô theo thói quen, đi đi lại lại một chút trong phòng để tập trung tư tưởng, đầu cúi gằm. Rồi ông ngồi xuống, đột ngột đặt khuỷu tay lên bàn.

— Các đồng chí, tôi sẽ trình bày với các đồng chí tình hình của chúng ta. Hiện giờ trong điều kiện bị vây hãm kéo dài, Ôđetxa ở xa những căn cứ tiếp tế nên đã mất tầm quan trọng chiến lược trước đây của nó. Vì lẽ đó, chính phủ Xô-viết và bộ

Tổng tư lệnh đã quyết định rời khỏi thành phố. — Ông nhấn mạnh vào chữ "rời khỏi" và nhìn các đồng chí của mình — Đúng, Chính phủ và bộ Tổng tư lệnh đã quyết định rời khỏi thành phố và điều những lực lượng vũ trang của quân khu Ôđetxa đến những khu vực khác của mặt trận. Bộ đội đã sắp chuyển hết xuống tàu. Ngày mai, vào giờ này, sẽ không còn lại một người lính nào ở đây — Secnôivanenkô trở nên tư lự và nhắc lại — Phải, sẽ không còn lại một người lính nào...

Bất thình lình, ông đứng phắt dậy, đi ra trước bàn, nhưng lại ngồi xuống.

- Quân đội đi, nhưng nhân dân vẫn còn, — ông nói và nhắc lại với một vẻ kiên quyết: nhưng nhân dân vẫn còn.

30

Cả phòng im phăng phắc. Tiếng sóng trào vẫn ầm ầm đều đặn. Bên ngoài cửa sổ mở rộng, vườn cây trụi lá, lối đi trồng đào kim nhưỡng xanh thẫm. Cuối lối, sau đống bơi chèo cũ, vải bạt và chậu hoa, phía ngoài bờ biển dốc, là mặt biển tối tăm, u ám, tiếp với một khối mây đen, thấp và nặng ở phía trên. Secnôivanenkô im bặt. Các đồng chí của ông cũng ngồi yên; lúc này họ thấy dạt dào xúc động và thản nhiên lạ thường, như Secnôivanenkô cảm thấy khi đồng chí bí thư truyền đạt mệnh lệnh của khu ủy cho ông. Với sự sáng suốt hoàn toàn và tàn nhẫn nữa, họ hiểu rằng thế là giờ phút quyết định và không thể khác được đã tới, cái giờ phút bao lâu chờ đợi nhưng thật khó tin là nó đã tới.

Họ có bốn người, không kể Secnôivanenkô, người thứ năm vắng mặt.

Secnôivanenkô im lặng. Mọi người cũng im lặng. Trong giây phút yên lặng ấy, tâm hồn họ đã xích lại gần nhau. Trước đây, họ cũng đã gần gũi nhau như những người đồng chí, những người cộng sản. Nhưng bây giờ, trên ngưỡng cửa một cuộc sống mới, của hoạt động bí mật trong địch hậu, lúc nào cũng giáp mặt với cái chết, họ cảm thấy gắn bó với nhau như cùng một dòng máu. Trừ Secnôivanenkô, tất cả mới rút vào bí mật lần đầu trong đời. Secnôivanenkô hiểu rất rõ những gì đang diễn ra trong lòng họ. Lời nói quả là kém bất cứ phương tiện biểu hiện tình cảm nào khác, để có thể diễn đạt được tâm trạng trang nghiêm, trong sáng và kiên định của họ. Vì vậy họ im lặng và Secnôivanenkô không muốn khuấy động cái im lặng sâu sắc đầy ý nghĩ ấy. Sau đó, ông không nhắc lại tình hình quân sự đã khá rõ ràng mà đi thẳng vào công tác của họ.

Trong số những vấn đề lớn nhỏ Secnôivanenkô phải nghiên cứu từ giờ cho đến tối, có hai việc rất quan trọng đã ghi trong sổ tay của ông: một ghi tên Xiniskin và một ghi tên Kôletnisuc. Ngồi trong xe, bên cạnh Xviatôxlap ông tự hỏi nên bắt đầu bằng việc nào.

Xiniskin hay đúng hơn Xiniskin Jêleznư là một công nhân già ở Ôđetxa, hiện nay làm đốc công, đã làm việc trên bốn mươi năm ở nhà máy chữa tàu. Bác được tuyển vào nhà máy trước Cách mạng khá lâu. Hồi ấy nhà máy mới chỉ là một xưởng có mái che, thuộc Công ty hàng hải và thương mại Nga. Từ sau Cách mạng, xưởng nhỏ ấy đã trở thành một cơ sở sửa chữa và đóng những tàu biển lớn ở Hắc-hải: một nhà máy rộng mênh mông với hơn ba nghìn rưỡi công nhân, không phải chỉ sửa chữa tàu biển Hắc-hải mà cả một số tàu thuộc hạm đội Bantich và Thái-bình-dương nữa.

Là người cộng sản lâu năm, vào Đảng từ 1905, đã tham dự Nội chiến, Xiniskin Jêleznư tuyên bố bác sẽ là một trong số người đầu tiên tình nguyện rút vào bí mật, khi cần thiết. Khu ủy đã xếp bác vào đội của Secnôivanenkô. ông coi bác là người rất quí, không ai thay thế được. Bác có rất nhiều kinh nghiệm cách

mạng; bác sinh tại một khu công nhân lâu đời ở Pêrexip, ở phố Mạc-tư-khoa và đã suốt đời sống ở đấy. Không ai hiểu biết cặn kẽ về công nhân Pêrexip bằng bác, về đời sống của họ, về quyền lợi của họ; bác quen biết từng người, từng gia đình, từng nhà ở Pêrexip và từng ngõ của khu ngoại ô thợ thuyền lớn này. Bây giờ Secnôivanenkô phải giải quyết vấn đề: nên đưa bác xuống hầm hay giữ bác trên mặt đất để liên lạc với nhân dân trong vùng? Secnôivanenkô không thể trì hoãn chuyện này được nữa. Còn vấn đề kia, là chuyện Kôletnisuc. Theo kế hoạch của ông, Kôletnisuc phải tổ chức ở trung tâm thành phố một địa điểm hội họp bí mật bề ngoài là "hãng bán đồ cũ". Secnôivanenkô thảo kế hoạch này đã lâu, được khu ủy tán thành và duyệt y. Mấy ngày gần đây, ông đã gặp Kôletnisuc; nói chung ông ta đã đồng ý. Nhưng tình hình lại phức tạp vì việc vợ Kôletnisuc chưa tản cư, mà có mặt bà ta thì chẳng làm được gì cả. Công tác phải giữ bí mật, cả với vợ Kôletnisuc. Secnôivanenkô đã lấy cho bà ta một giấy thông hành đi tàu vận tải quân sự. Lúc này, theo dự tính của ông, thì bà đã lên đường rồi. Phải lập tức đến gặp Kôletnisuc để bàn bạc dứt khoát việc thực hiện kế hoạch đó.

Secnôivanenkô lệnh cho Xviaiôxlap đến nhà riêng Xiniskin Jêleznư, nhưng cứ đi cầu may qua phố Kôrôlenkô, trước nhà máy Chữa tàu, nếu bác còn đây thì đón luôn thể.

Trở lại thành phố bằng đại lộ Vô sản, Secnôivanenkô lại nhìn thấy ngôi nhà có căn phòng của ông không được ngó ngàng tới từ nửa tháng nay. Cần tạt về nhà, lấy vài đồ vật, hủy một số tài liệu, nhưng đến phút cuối cùng, ông lại đổi ý kiến. Việc đó có thể làm sau, trên đường về. Lại một lần nữa, ông đi qua nhà không dừng lại, nhận thấy trên bao lơn phòng mình, vẫn còn những bông hoa kim liên nở muộn trong chậu, một cửa sổ bị phá, bật tung ra, cánh cửa gẫy lủng lẳng trên độc một chiếc bản lề, và phía ngoài gió thổi phần phật cái màn cửa bằng vải.

Không khí không ngừng bị rung chuyển vì những đợt pháo kích như trước. Trên trời, mây đen thấp lớp lớp trôi đi; lá vàng bay; ở các ngã tư có bộ đội đứng gác. Nhưng có một cái gì mới

mẻ, đáng sợ thêm vào đó.

Secnôivanenkô chưa hiểu ngay chuyện gì đã xảy ra. Một không khí khó tả, đáng ngại, như dự cảm một tai họa sắp tới. Rồi đột nhiên, ông hiểu ra. Đó là những truyền đơn trắng, vừa dán ở thành phố mang lời kêu gọi nhân dân cuối cùng của khu ủy.

Khắp chung quanh đều mang dấu vết của cuộc phòng thủ: nhà cửa bị phá hoại, dầm nhà cháy đen, cột xe điện bị bom đạn đánh gục, công viên, vườn hoa, cỏ mọc đầy, cuối cùng là những ụ chắn các phố, dựng bằng bao đất, đá lát đường bóc lên, toa xe điện bị lật đổ. Cái ụ ở phố Ribat làm bằng đồ đạc, bàn giấy chất đống: những cái bàn nặng trịch, những đi-văng, những tủ sách tọng đầy cát, những ghế bành bọc da đồ sộ. Người ta vội vã xếp gạch vào những tủ kính các cửa hàng ở góc phố, đồng thời bố trí những lỗ châu mai hẹp cho súng máy. Ở vài nơi, trên bờ các ụ đất cao, cỏ đã mọc và trên nóc ụ, chân người qua lại đã vạch nên những lối đi nhỏ. Phải tài lắm mới qua được thành phố bằng ô-tô. Vì vậy Xviatôxlap phải đi vòng các chiến hào, chồm lên những ổ gà của đường phố nham nhở, lái xe xuyên qua những cái sân vòi nước cạn khô, có những hành lang đổ nát, có những chậu vả và trúc đào với những đóa hoa phớt hồng, có những dẫy thùng rỗng, bình, chậu, chai, lọ mà bà con xếp dưới ống máng ráo hoảnh để hứng nước mưa, vì nhà máy nước Bêliaêvô đã bị địch chiếm từ lâu. Và tất cả quang cảnh này lại gắn liền với một luồng gió dữ, với một bầu trời tối, thấp, hầu như gắn liền vào những nóc nhà đen sì, gắn liền với trận pháo kích liên miên, mệt người, làm rung chuyển những ô kính còn sót lại của các nhà; tất cả những cái đó đối với Secnôivanenkô đã có một ý nghĩa mới mẻ, khác hẳn.

Cùng một lúc, ông có hai cảm giác gay gắt, không thể so sánh được với bất kỳ cái gì ông đã trải qua, một là mối nguy hiểm ngay trước mắt — và cũng đã xảy ra rồi — hai là lòng kiên quyết chống chọi với mối nguy hiểm ấy đến cùng, ông cảm thấy sức mạnh to lớn của nhiệm vụ, nó bắt tất cả hành vi và tư tưởng của ông phải phục tùng, nó thu hút toàn bộ con người ông, không

chừa lại chút gì. Bây giờ giữa ông và cái thành phố đang đi qua này hình như có một nét gạch rõ rệt đã được vạch ra. Những ngôi nhà quen thuộc từ thời thơ ấu, những cây dạ hợp, đường phố lát đá hoa cương, đường trải nhựa, hè đường lát phún thạch mòn nhẵn, những lâu đài, nhà hát, thư viện, đường tàu điện uốn lượn ở những chỗ ngoặt, sáng loáng như lưỡi gươm, tất cả những cái đó ngày mai sẽ bị quân thù chiếm mất. Bị chiếm nhưng hồn của nó vẫn không hề bị đoạt.

Secnôivanenkô biết là giữa lúc này, trong những giờ phút cuối cùng này, trong tất cả mọi khu của thành phố, có không biết bao nhiêu nhóm người đang lặng lẽ tiến hành việc rút vào bí mật, và theo đúng nguyên tắc bí mật, họ sẽ không biết gì và không được phép biết gì về nhau, nhưng đều sẵn sàng hoạt động cho cùng một sự nghiệp tốt đẹp và duy nhất.

31

Chiếc xe đi vào sân; một cái sân rộng mông mênh, vắng ngắt, ngổn ngang những đống sắt gỉ của nhà máy, những mảnh vụn kim loại và những máy móc cũ người ta không chở đi lúc tản cư. Secnôivanenkô lên chỗ ban giám đốc nhà máy bằng cầu thang sau, rồi đi qua những căn phòng bỏ trống của ban giám đốc, của Đảng ủy, của văn phòng và kế toán.

Từ những cửa sổ của "góc đỏ", người ta có thể nhìn bao quát hầu hết khu vực nhà máy. Trên khoảng đất giữa các xưởng, những xe tăng bẹp dúm nằm chờ chữa. Người ta còn nhìn thấy một cái bục lát ván và góc một lễ đài tạm thời.

Secnôivanenkô sắp sửa lộn ra xe và tiếp tục đi thì bất thình lình từ một ngóc ngách xa nhất trên sân, sau xưởng dụng cụ,

dội lên một tiếng nổ nhỏ, và một đám khói trắng phớt vàng bay lên. Từ phía sau góc xưởng, có mấy người chạy ra, trong số đó, Secnôivanenkô nhận ra cái dáng vụng về và những cánh tay dài nghêu của Xiniskin Jêleznư. Sau cái bắt tay ngắn ngủi, họ cùng ngồi lên bờ tường. Xiniskin thở khó nhọc, mặt đen bồ hóng, một cánh tay của chiếc áo ba-đờ-xuy đen cũ đã sứt chỉ, cái mũ cát-két vải láng với chiếc khuy nhỏ, bám đầy bụi gạch. Đôi mắt đỏ ngầu và hùm hụp của bác ánh lên lạnh lùng.

— Thật ẩu không thể tả được! — bác nói, giọng ồm ồm như thùng tô-nô. Bác ho ra đáng mệt nhọc rồi lại tiếp tục với giọng bất bình — Thiết bị thì họ đem đi, nhưng tất cả dây điện và đường ống, máy ép thì họ bỏ lại. Đã hai ngày nay chúng tôi phải đi cắt dây điện trong các xưởng và cho nổ lựu đạn phá vỡ hệ thống dẫn khí nén... Đồng chí cần hỏi tôi à?

— Vâng, hồi đêm khu ủy đã có quyết định. Nhóm chúng ta đã được dứt khoát chỉ định là đảng ủy bí mật của khu vực. Là bí thư thứ nhất của đảng ủy, tôi phải lập tức quyết định xem có thể sử dụng bác cách nào cho có lợi nhất. Tôi muốn hỏi ý kiến bác.

— Để xem! — Xiniskin nhăn mặt, có vẻ nghi ngờ — Đồng chí hãy nói rõ.

— Có hai khả năng: hoặc bác đi với chúng tôi xuống hầm ở Uxatôvô; hoặc bác ở lại đây một thời gian để đảm bảo việc liên lạc với nhân dân và việc thông báo tin tức. Cả hai đằng đều có cái nguy hiểm của nó. Ý kiến bác thế nào?

Xiniskin lại càng nhăn nhó hơn, nhìn Secnôivanenkô bằng con mắt thăm dò và hỏi:

— Thế ý kiến đồng chí?

— Tôi sẽ nói hết sức thật thà với bác, — ông nói giọng quả quyết.

— Những người cộng sản trong tình thế hiện nay, theo tôi nghĩ, không thể nói khác được, — Xiniskin nói rất nhanh.

Secnôivanenkô thật ra cũng đã biết cái tính thẳng thắn của

Xiniskin không chịu được bất kỳ lối quanh co bóng gió nào trong quan hệ giữa con người với nhau. Xiniskin cảm thấy có cái gì không được minh bạch lắm trong những lời vào đầu của Secnôivanenkô, nên bác đã giữ miếng.

— Tôi sẽ nói rất thật thà, — Secnòivanenkô nhắc lại — Bác đều cần thiết đối với cả hai nơi, nhưng có lẽ đối với hầm mộ thì cần hơn.

— Vậy sao?

— Chúng ta phải — Secnôivanenkô nói thật dè dặt, cố tỏ ra vừa khéo léo lại vừa kiên quyết,— tính đến chuyện bác không còn trẻ lắm, không còn khỏe lắm nữa.

— Nghĩa là?... — Xiniskin dằn giọng, gò má giần giật và lông mày cau lại. Nhưng Seenôivanenkô vẫn tiếp tục:

— Để tôi nói hết đã. Tôi muốn nói rằng bác là người ốm. Bác yếu phổi, ở lâu ngày trong những hầm tối, ẩm có thể gây ra những hậu quả tai hại cho bác. — Tôi đã nói hết.

Xiniskin yên lặng một lúc, ho với vẻ bực bội, bộ mặt càng thêm cau có.

— Này đồng chí Secnôivanenkô thân mến, — bác vừa nói vừa quay đi, nhìn xuống đất — Thứ nhất, cảm ơn lòng thành thực của đồng chí. Thứ hai, đồng chí nói vô lý, hoàn toàn vô lý, và tôi sẽ không cho phép, — đột nhiên bác hét lên, nhưng lại cố kìm lại, — tôi không mảy may có ý định nhờ đến ban cứu tế xã hội đâu. Đồng chí biết là tôi vẫn còn làm việc và người ta bảo là tôi làm việc không tồi. Đúng, không tồi đâu! Bộ chỉ huy đã ngỏ lời cảm ơn tôi về việc sửa chữa xe tăng và việc làm cho đoàn tàu bọc sắt chạy được. Điều đồng chí nói về sức khỏe của tôi thật quá đáng. — Yếu phổi! — bác kêu lên — Thế thì có hề gì! Phổi tuy yếu nhưng gần đây nó khỏe lên rồi. Chính Măcxim Gorki cũng yếu phổi. Những người thợ già chúng tôi ở Ôđetxa đều rất nhớ Măcxim Gorki, ông ấy đến với chúng tôi và ở cảng, tại xưởng chữa tàu của công ty hàng hải và thương thuyền Nga, ông ấy đọc sách cho chúng tôi nghe, nói chuyện với chúng tôi. Hồi đó,

ông ấy cũng ho, nhưng vẫn sống cho đến già. Mà sống như thế nào, làm việc như thế nào! Thật là sôi nổi! Alêcxây Măcximôvich Peskôp, thật mới đáng gọi là người! Thế mà đồng chí lại nói chuyện phổi! Không, về phần đồng chí, xin làm ơn xếp chuyện ấy lại cho!

Secnôivanenkô say sưa nhìn bác. Đứng cạnh ông, quả là một con người không ai khuất phục nổi, một con người mãnh liệt, thuộc dòng dõi Gorki. Ai có thể ngăn cản một con người như thế, có thể làm nguội nhiệt tình một con người như thế, có thể bắt buộc một con người như thế ngừng công tác và đấu tranh? Bác thợ hàn già trở nên đốc công Xtakhanôvich, đã tham gia cuộc đấu tranh cách mạng năm 1905 lúc còn rất ít tuổi. Hồi đó bác thường lại nhà người anh của Secnôivanenkô, tên là Têrenti, ở xóm Cối xay Gần. Secnôivanenkô hồi ấy là một chú bé với cái tên Gayrick, vẫn còn ghi trong ký ức cái hình ảnh của anh thợ trẻ Xiniskin, cao lớn và nghiêm nghị, mặc chiếc sơ-mi xa-tanh đen có hàng khuy thủy tinh xanh nhỏ cài bên sườn; lúc nào anh cũng ngồi lánh ra một chỗ, chăm chú nhưng lì xì, đôi mắt sáng nhìn đăm đăm. Xiniskin không nhớ Gayrick. Rất lâu sau ngày Cách mạng tháng Mười, bác có gặp Gayrick đã thành người chiến sĩ trẻ của Đảng, nhưng bác không nhận ra. Bác khẽ liếc nhìn chú và nói: "mình không nhớ". Nhưng về sau, bác cũng nhớ ra.

Tất cả cuộc đời của Xiniskin Jêleznư gắn liền với Cách mạng. Bác đã nhiều lần vào tù, vượt ngục và từng bị đi đày. Bác đã bị bọn chúng đánh đập ở những đồn cảnh sát trên các chặng đường đi đầy. Cách mạng tháng Mười đã đổi bác thành ủy viên tòa án Cách mạng và đã thêm vào tên bác cái biệt hiệu "Jêleznư" nghĩa là "bằng sắt". Hồi bấy giờ người ta gọi bác trần bằng cái tên Jêleznư, chứ không thêm Xiniskin. Đó là thời đại của những tên cứng rắn và có ý nghĩa: "Cương quyết", "Cảnh giác", "Sắc bén". Còn bác thì "Bằng sắt". Cái tên thật hợp với người, cả đến bề ngoài của bác cũng rất giống sắt: người thì dài ngoẵng, gày gò, bộ mặt thì thẫm y như phủ một lớp gỉ xanh xám. Màu đỏ bệnh lao lộ qua lớp gỉ ấy như miếng sắt móng ngựa nguội trong

lò. Cả đến bộ tóc của bác, dày cứng, chải như tóc Gorki hồi trẻ — rẽ lật hai bên — cũng màu xanh xám như sắt vậy. Toàn thể con người bác đúc bằng sắt. Nó xông ra cái mùi than đá hăng hắc của lò cao. Bên trong lúc nào cũng "nung đỏ". Có lẽ ai vô ý chạm phải là bỏng tay liền. Khi bác tức giận, người ta có cảm giác từ hai bàn tay sắt nắm lại của bác nảy ra những tia lửa. Xiniskin Jêleznư là như thế. Không phải dễ mà gây chuyện với một con người như vậy!

Đột nhiên, một nụ cười nhẹ nhàng hóm hỉnh nở dưới hàng ria của bác. Bác khẽ đưa mắt nhìn Secnôivanenkô và nói:

— Mấy lại, đấy không phải là cái chủ yếu của công việc. Có thể là khí hậu dưới hầm Uxatôvô không lợi cho sức khỏe của tôi. Nhưng thưa đồng chí bí thư rất đáng quí, đồng chí vin vào lẽ gì mà bảo rằng đời sống của tôi trên mặt đất sẽ được an toàn hơn, trong những điều kiện "khí hậu" của bọn phát-xít chiếm đóng. Chả ai có thể biết ở đâu mình mất, ở đâu mình được. Nhưng tôi mong rằng hai chúng ta sẽ không thảo luận về cách tránh mối nguy cơ chết kiểu này hay kiểu khác; mà trái lại, chúng ta sẽ quyết định làm thế nào để quân thù phải chết nhiều nhất. Đó chính là điều Đảng yêu cầu chúng ta. Vậy đồng chí biết đấy, cho phép tôi được giải đáp câu hỏi, không phải theo quan điểm cá nhân mà theo quan điểm của Nhà nước, của toàn thể nhân dân. Đồng chí hãy nói đi: ở đâu tôi sẽ có lợi cho công tác hơn?

Secnôivanenkô cảm thấy dạt dào xúc động và âu yếm đối với con người cao lớn, già nua, bướng bỉnh này; ông ghì lấy vai bác và nói với bác những lời gần giống như bí thư Khu ủy nói với ông lúc chia tay.

— Không phải những người như tôi có thể lên lớp cho bác đâu, bác Nikolai Vaxiliêvich ạ, bác là một người bônsêvich già, bác có rất nhiều kinh nghiệm hoạt động bí mật. Bác hãy tự quyết định lấy thôi.

— Chính đồng chí sẽ quyết định — Xiniskin nói rất nghiêm trang, có vẻ hơi nghiêm khắc nữa. — Nhưng nếu đồng chí muốn

có ý kiến của tôi thì tôi xin nói. Hướng dẫn cán bộ ư? Phải. Vì phần đông cán bộ tương lai của chúng ta sẽ ở ngay đây, ở Pêrexip, ở Môndayanka, ở Cảng; tôi nghĩ rằng thời kỳ đầu, tôi cần ở trên mặt đất. Ở đó, tôi sẽ có lợi cho công tác hơn. Có thể nói rằng tôi sẽ là người đại diện toàn quyền cho đồng chí. Tôi sẽ là tai mắt của đồng chí... và nếu cần sẽ là bàn tay của đồng chí nữa, — bác nói thêm với nụ cười nghiêm trang và chìa hai bàn tay ra trước mặt, làm bộ nắm lại một cách cương quyết. — Rồi sau này, sẽ tùy theo tình hình, tôi không biết thế nào mà nói trước. Tôi sẽ báo cáo cho đồng chí thật hệ thống về tình hình thành phố, nhất là tình hình Pêrexip và khu vực cảng. Được chứ?

Secnôivanenkô nghĩ một lúc và nói có tính chất quyết định:

— Đồng ý. Cứ thế!

— Đấy, đồng chí xem, — Xiniskin nhẹ nhàng kết luận — Thế mà đồng chí lại cứ nói chuyện "cái phổi".

Secnôivanenkô đứng dậy, chìa tay cho bác:

— Chập tối hôm nay, mời bác đến cạnh tường phía bắc công viên Hatji-Bây. Ở đó, ta sẽ qui định cụ thể những trạm thường trực bí mật và tôi sẽ chỉ cho bác lối vào cơ sở của tôi. Chào bác.

Secnôivanenkô trở ra xe. Đến cửa xe, ông quay người lại và nhìn cái bóng to lớn của Xiniskin đi ngược gió qua sân về phía xưởng lắp ráp mà đằng sau đó là mặt biển mỗi lúc một tối sầm. Vài người — có lẽ là những "cán bộ" của bác ta — đang làm gì đó cạnh bức tường của xưởng.

Cuộc gặp gỡ Xiniskin Jêleznư đã có một tác dụng kích thích đối với Secnôivanenkô, ông hăm hở, vui vẻ quát lên với Xviatôxlap:

— Đến nhà Kôletnisuc!

32

Ngôi nhà gia đình Kôletnisuc ở còn nguyên vẹn, nhưng có một quả bom nổ gần đấy nên những miếng kính và cánh cửa sổ nhiều chỗ phải thay vội bằng gỗ dán hay bìa cứng. Những đường gờ kiểu mới, với những đầu quái vật mà tóc là rắn và lá sen tròn, bị hơi nổ đánh bật ra khỏi mặt trước ngôi nhà màu xanh nước đục, đã phủ đầy lên mặt đường những mảnh thạch cao sặc sỡ. Những vết chân trắng lốp kéo từ ngoài phố đến cầu thang ở cửa chính, chỗ này có một luồng gió hun hút rít lên làm những đống bụi khô bay lên cuồn cuộn. Cửa ra vào nhà Kôletnisuc mở toang: rõ ràng là không thể đóng cái cửa ấy lại được nữa vì nó đã bị phá tung và đánh bật ra khỏi bản lề trên. Mấy dấu chân trắng và lộn xộn kéo từ đầu cầu thang trang trí kiểu Pông-pêi lên đến phòng ở. Nơi này hầu như bỏ hoang. Đó là một căn phòng lớn kiểu nông thôn nằm trong một ngôi nhà to, cổ, từ thời trước cách mạng, loại nhà hồi cuối thế kỷ mười chín ta thường gọi là "nhà sinh lợi", xây dựng cho những người thuê nhà giàu có, trang trí có đôi chút lòe loẹt.

Mấy cái cửa đóng bằng khóa lớn khóa nhỏ châu vào một phòng đợi rộng vắng tanh với giấy dán tường kẻ sọc cũ kỹ, sờn rách đến ngang tầm vai người. Mắc áo trống không. Rõ ràng những người thuê nhà đã bỏ đi. Một luồng gió lùa thổi tung rác rưởi, giấy lộn, vỏ đậu trên sàn nhà ván không ai lau quét, nhem nhuốc vết chân. Bước chân đi vang lên giữa những bức tường cao trống rỗng.

— Có ai đấy không? — Secnôivanenkô cất cao tiếng hỏi. Không ai đáp. Ông nện ủng cồm cộp, tiến sâu vào một hành lang tối om, vắng ngắt, có một chiếc xe đạp cũ dựa vào tường, ở lối ngoặt cạnh buồng tắm và nhà bếp là chỗ có hai buồng kề nhau của gia đình Kôletnisuc. Không có khóa móc ngoài cửa. Secnôivanenkô mở toang cửa với cử chỉ như mình là chủ nhà.

Nhìn chung, những động tác của ông có một vẻ tự tin cao độ và đàng hoàng của một ông chủ nhà.

Người ông trông thấy đầu tiên, dưới ánh đèn ngủ, trong bóng tối căn buồng bừa bộn ngổn ngang, với những cửa sổ dán giấy đen, chinh là Kôletnisuc. ông ta mặc áo choàng, đội cát-két, ngồi trước cái bàn không trải khăn, ăn vội vàng món xúp đựng trong cà-mèn.

Trên chiếc ghế gồ sồi chạm trổ với lưng dựa cao bện mây, vắt lủng lẳng một chiếc mặt nạ phòng độc, một khẩu súng lục và một túi dết. Kôletnisuc ngồi ăn lặng lẽ, nét mặt đăm chiêu và căng thẳng vì phải mặc áo choàng mà ăn. Nhìn thấy căn phòng quen thuộc, bao giờ cũng rất ngăn nắp, đầy đủ tiện nghi, mà nay thảm hại, lộn xộn, trong đó đồ đạc và vật trang trí, tài sản của Raitxa Lvôpna, bị quẳng lung tung, hư hỏng, gẫy vỡ, bàn ăn chẳng trải khăn, đầu mẩu thuốc lá và giấy lộn ngập ngụa, chiếc đèn ngủ leo lét với ngọn lửa nhỏ khói um, và mỗi khi có tiếng nổ hơi mạnh một chút vôi trên trần lại lả tả rơi xuống, trái tim của Secnôivanenkô thắt lại ngay từ lúc thoạt thấy cái cảnh tượng này, với một cảm giác tai họa sâu sắc.

— Chào Jôra! — Secnôivanenkô nói nhanh, không chìa tay cho Kôletnisuc mà chỉ vỗ vào vai để ông khỏi phải đứng dậy.

— Chào anh, — Kôletnisuc vừa nói vừa nhìn bạn với một vẻ lãnh đạm không được tự nhiên lắm — Ngồi chơi,

Secnôivanenkô gạt cái gói trên ghế xuống, rồi ngồi xuống, để mũ lên bàn, trước mặt mình.

— Ăn xúp nhé? — Kooletnisuc nói giọng đều đều.

Secnôivanenkô ngạc nhiên nhìn ông:

— Ô hay, anh bạn, xúp xiếc gì! Tôi đến đây để bàn bạc với anh cho dứt khoát. Anh chưa thay đổi ý kiến chứ? Việc đề cử anh đã được lãnh đạo chuẩn y. Chị ấy đi rồi chứ?

— Khẽ chứ! — Kôletnisuc thì thào, đôi mắt hoảng hốt, rồi hất đầu về phía cửa phòng bên — Cái gay là ở đấy Raitxa vẫn chưa

đi.

— Xảy ra chuyện gì thế? — Secnôivanenkô hạ giọng hỏi.

— Chẳng xảy ra chuyện gì cả. Anh không biết tính nết đàn bà sao? — Kôletnisuc không lên giọng, chỉ mấp máy đôi môi — Không có tôi, bà ấy không chịu đi, chỉ riêng cái khoản...

— Phải thuyết phục chị ấy chứ? — Seenôivanenkô cáu kỉnh nói, ông cảm thấy công việc có chiều hỏng bét.

— Anh đi mà thuyết phục.

— Thật không thể tưởng tượng được.

— Khẽ chứ.

— Jorjơ, mình nói chuyện với ai thế? — tiếng Raitxa Lvôpna cất lên ở phòng bên rồi sau đó, đích thân bà xuất hiện ở cửa ra vào.

Đầu bà quấn chiếc khăn quàng dày. Chỉ nhìn thấy một bên mặt bà nhợt nhạt, rầu rĩ với một con mắt đen. Một tay bà đỡ lấy thái dương, một tay bà ôm ngực. Trông thấy Secnôivanenkô, bà vội chạy bổ lại, giơ lòng bàn tay lên trần nhà với vẻ thất vọng rồi khóc:

— Anh trông thấy chưa, Gayrin Xêmiônôvich? — bà chẳng chào hỏi gì cả, vừa nói vừa nhăn nhó lấy hơi.

— Ba hôm nay, tôi cho phá hủy những kho hàng, — Kôleinisuc vẫn nói đều đều như đang nói nốt câu chuyện — Sáng nay mới xong. Chẳng còn lại tí gì. Sạch sành sanh. Đêm nay chúng tôi sẽ xếp tất cả mọi thứ lên tàu.

— Ờ... — Secnôivanenkô lơ đễng nói.

— Xin lỗi anh, tôi quên cả chào anh, — Raitxa Lvôpna vừa nói vừa tiếp tục nhìn Secnôivanenkô bằng con mắt đăm chiêu rầu rĩ — Anh có thấu cho không? Anh có thấu cho không?

— Tôi biết chứ, — Secnôivanenkô cúi đầu dịu dàng trả lời.

Người ta có thể biết tất cả, ngay khi chẳng nói nửa lời. Ông

biết rằng đây là bữa ăn cuối cùng của gia đình Kôletnisuc trong nhà họ. ông hiểu tâm trạng họ. Ông hiểu nỗi đau khổ lớn lao, nỗi buồn phiền day dứt mà họ cảm thấy khi phải tuân theo sự cần thiết cực chẳng đã là bỏ mặc cho số phận tất cả những cái thân thiết đối với họ, khi phải từ giã một thành phố chôn nhau cắt rốn, nơi họ đã yêu thương, nơi có mồ mả cha mẹ con cái. Ông rất hiểu cái tình cảm rất người ấy, kể ra thì nhỏ nhặt, nhưng thật mãnh liệt và chính đáng, ông hiểu cái vết thương mà họ cảm thấy, nhất là Raitxa Lvôpna, vì cấp thiết phải từ bỏ những tài sản thu thập được do sức lao động lương thiện trong cuộc sống chung lâu dài của hai người.

— Tôi cứ tưởng chị đã đi lâu rồi cơ đấy, — Secnôivanenkô nói sau một lúc im lặng nặng nề.

Raitxa Lvôpna đến bên Kôletnisuc, gục đầu lên vai ông rồi đột nhiên lo ngại nhìn chằm chằm Secnôivanenkô với con mắt ngờ vực.

Secnôivanenkô biết là sự thể thêm rắc rối đây.

— Chị Raitxa thân mến, — ông cố nói thật ngọt ngào đồng thời thật kiên quyết — chị ra khỏi phòng một lát nhé. Chúng tôi có một chuyện quan trọng.

Trước bộ mặt nghiêm trang của chồng và nét mặt cương quyết của Secnôivanenkô, đột nhiên Raitxa Lvôpna cảm thấy bằng tất cả tâm hồn mình là một tai họa mới, to lớn, đang giáng xuống, tuy chưa hiểu nó ra sao nhưng bà biết chắc tai họa ấy đang đe dọa cả Jorjơ của bà, cả bản thân bà và cả những gì thuộc về đời sống của hai người.

— Không đời nào, — bà nói nhanh. Bà đã hiểu rõ Secnôivanenkô từ lâu. Bà không thể không hiểu rằng sự xuất hiện đột ngột của ông ở nhà mình trong lúc quyết định này chỉ cớ thể nói lên một cái gì cực kỳ nghiêm trọng, cực kỳ đe dọa. — Không — bà nói, mắt nhìn thẳng vào mắt Secnôivanenkô như thách thức. — Tôi không bằng lòng các anh bí mật với tôi. Anh cứ việc nói trước mặt tôi, tôi là vợ anh ấy.

Bà càng đứng sát vào Kôletnisuc và ôm lấy vai chồng. Secnôivanenkô biết lúc này định thuyết phục bà thì thật uổng công. Việc đó đòi hỏi quá nhiều thì giờ, mà lúc này mỗi phút lại vô cùng quí giá. Nhưng tính ông lại không dễ thỏa hiệp. Ông đi đi lại lại trong phòng, đứng sững trước mặt Raitxa Lvôpna và nói cương quyết:

— Được thôi! Chị là vợ anh ấy, chị có quyền chia bùi sẻ ngọt với anh ấy cho đến cùng. Chị đòi hỏi như thế, còn tôi, nếu chị muốn biết thì tôi rất quý chị về điểm đó và rất mến chị. Nhưng chị Raitxa ạ, có những hoàn cảnh...

— Khoan đã, — bà vội vã ngắt lời, — anh đừng nói gì nữa. Tôi đòi hỏi, đúng, tôi đòi hỏi! Đó là quyền của tôi. Và không đời nào tôi ra khỏi đây đâu. Anh quyết định đi. Hay có lẽ anh không tin tôi? — bà hỏi, mắt vẫn nhìn thẳng vào mặt Secnôivanenkô.

Bảo rằng không tin thì có khác gì sỉ nhục bà. Và sỉ nhục tàn tệ, nhất là bà lại không đáng thế. Secnôivanenkô quen bà từ lâu, biết cả cuộc đời bà, biết bà là một người tốt và chân thật, không có lý do gì để không tin bà.

— Không, tôi tin chị, — ông nói chậm rãi như cân nhắc từng chữ một — Tôi tin chị. Tôi mong chị hiểu tôi nói như thế nghĩa là gì.

Raitxa nhìn ông và một linh cảm khiến bà gai người lên.

— Tôi hiểu, — bà dịu dàng nói — Anh đòi hỏi chúng tôi những gì nào? Anh định bắt nhà tôi làm gì nào?

— Anh ấy phải ở lại thành phố, — Secnôivanenkô nói một cách kiên quyết.

Secnôivanenkô lại bên cửa sổ, giật tấm rèm giấy đen ngụy trang đã cũ rách mắc vào hai cái đinh. Tấm rèm bật ra, rơi từ cửa sổ xuống sàn nhà, để lộ ra những miếng kính vỡ và những mãnh gỗ nứt. Gió lùa vào phòng, thổi tắt ngọn đèn ngủ.

Dưới ánh sáng trắng ban ngày, căn phòng này với chiếc đàn pi-a-nô cũ kê xa tường, cái xích-đông trống rỗng, những bình nhỏ, tượng nhỏ và sách vở vứt bừa bãi, ngổn ngang trên sàn nhà bẩn, bày ra một cảnh tượng đáng chán, hơn nữa có thể nói là não lòng. Giữa cảnh bừa bãi và yên lặng lạ lùng này, tiếng đại bác nổ buồn bã vang lên thật rùng rợn, và đâu đó trên bầu trời, những máy bay khu trục rền rĩ nhiều giọng khác nhau từ những giọng cao nhất, rít nhất không chịu nổi, đến những giọng thấp nhất, những giọng trầm đáng ghét nhất, nghe phát rùng mình ghê tởm, y như có người suốt ngày cứ vẽ trên một tấm kính ướt chữ O hoa lớn một cách ngu xuẩn.

Lúc này, câu nói của Secnôivanenkô lại có một ý nghĩa mới, đặc biệt sâu sắc, bao quát và đáng sợ hơn trước đây một phút, dưới ánh sáng lờ mờ của ngọn đèn ngủ, trong bóng tối của căn nhà trống rỗng mà những người thuê khác đã bỏ đi. Raitxa Lvôpna hoàn toàn hiểu rõ cái ý nghĩa ấy. Bà hiểu có một thay đổi đột ngột xảy ra trong đời sống của vợ chồng bà; rằng họ đang ở ngưỡng cửa một cuộc đời hoàn toàn mới lạ, chẳng có gì liên quan đến căn nhà này, đến những đồ vật thân yêu này, cũng chẳng có gì liên quan đến những ý niệm mà người ta thường có về mình, tóm lại chẳng có tí gì liên quan với tất cả quá khứ. Bà hiểu rõ rằng, sâu sắc rằng không phải chỉ đơn giản là Gayrick Secnôivanenkô, bạn cũ của họ, mà chính là Đảng đã đến nhà họ, chính là Tổ quốc đã nói với Kôletnisuc như đã nói với hàng nghìn hàng triệu người trong những ngày đáng sợ này: "Ta cần đến anh, ta đưa anh đi". Và không phải chỉ nói có thế, mà còn có ý nói: "Ta đưa anh đi vì anh là một người bạn cũ trung thành, vì ta tin anh, vì người ta có thể trông cậy ở anh".

— Đúng như thế ư, Jorjơ? — bà lắp bắp hỏi.

— Thì mình cũng nghe rõ đấy, — Kôletnisuc nói gọn lỏn.

Bà đứng cạnh chồng, mặt tái nhợt, ngón tay lạnh cóng vò những tua của chiếc khăn quàng rơi xuống ghế. Chao ôi, lúc này bà chẳng còn gì giống bác Raitxa Lvôpna nhanh nhẩu, mặt mũi hồng hào, tóc đen nhánh, niềm nở, rất thích nấu những món ăn Ôđetxa ngon tuyệt cho chồng và bạn bè, rất thích tiếp ăn uống, đính khuy, giặt sơ-mi, đi chợ, ngồi bên pi-a-nô chơi những bản nhạc Ukren, bấm những phím đàn run rẩy hoặc hát bài "Gió thổi" bằng cái giọng ngực rất khỏe và rất ấm, đôi khi lại nhảy cả những điệu Nga nữa, tay vẫy chiếc mùi-xoa nhỏ, đôi mắt long lanh, màu xanh đen như quả nho Izaben!

Kôletnisuc nhìn bà và thấy một Raitxa Lvôpna khác, lâu lắm rồi, cô bé Raitxa thuở thanh niên của họ, nữ sinh trường trung học tư thục Do-thái, với nét mặt gày, tai tái, với những ngón tay dài và lạnh, những ngón tay nhạc công như người ta thường nói, với cặp lông mi cụp xuống in bóng rung rinh trên đôi má.

Raitxa đứng sát bên ông, nhưng ông không còn thuộc về bà nữa rồi.

— Nhưng anh ấy là người ngoài Đảng cơ mà, — Raitxa Lvôpna thì thào một cách rụt rè.

— Đó chính là điều chúng tôi cần — Secnôivanenkô nói — một người ngoài Đảng, càng tốt. Kế toán, ngoài Đảng, dân Nga — ông đếm từng tiếng trên đầu ngón tay — không trẻ, học hết trung học trước Cách mạng tháng Mười, cựu trung úy, theo quan điểm bọn chúng thì không có một cái gì có thể gọi là khuyết điểm...

Secnôivanenkô đột nhiên ngừng lại, xúc động vì vẻ mặt của Raitxa Lvôpna. Bộ mặt của bà cứ đờ ra. Đôi mắt mở to, mặc dù đen, vẫn có vẻ trong suốt, và hình như nhìn xuyên thấu mọi vật, đến một chốn xa xôi huyền bí mênh mông nào. Một nét nhăn khô khan, chua chát, nhưng kiên quyết chạy quanh đôi môi mọng lên của hà. . .

— Còn tôi? — bà nói, giọng rất bình tĩnh hầu như đều đều, không thay đổi vẻ mặt im lìm — Còn tôi, anh để đâu?

— Còn chị, chị sẽ lên tàu vận tải của quân đội.

Luồng mắt nhìn thẳng, cũng như nét mặt bà không hề thay đổi... Bà vẫn đứng nguyên như trước, không nhúc nhích, như hóa đá.

— Vậy ra Jorjơ sẽ ở lại đây, còn tôi thì sẽ đi bằng tàu vận tải phải không? — Bà nói giọng vẫn đều đều, đáng sợ vì cái đều đều của nó.

— Mình tự hiểu lấy thôi — Kôletnisuc lắp bắp ngượng nghịu và đỏ mặt lên.

Phải, bà đã hiểu. Bà hiểu quá rõ là ở lại với chồng trong thành phố bị bọn phát-xít chiếm đóng là điều không thể được đối với hà. Dù bà mang tên Kôletnisuc nhưng bà vẫn không kém phần Do-thái, mà cái này thì không thể giấu được. Bà gắng gượng nén nỗi tê tái rồi nhìn chằm chằm vào mắt chồng.

— Làm thế nào khác được? — Kôletnisuc vừa nói vừa cầm lấy tay bà. Làm thế nào khác được, hả Raitxa?

Bà giật mạnh tay, lùi lại một bước, rồi đột nhiên lao về phía trước, nắm lấy và tuyệt vọng ôm chặt lấy đầu chồng.

— Các anh không được phép... anh không thể... không ai được phép thế! — bà kêu lên. — Anh ấy ở đâu, tôi ở đấy. Tôi không đi đâu. Tôi cũng chẳng nghĩ đến chuyện đi đâu. Các anh muốn làm gì tôi thì làm. Các anh cứ giết tôi đi!

Bà nói lắp bắp, lung tung, kêu lên những tiếng chẳng đầu đuôi, mạch lạc gì. Chiếc mũ cát-két quân nhu của Kôletnisuc rơi lăn lóc trên sàn. Raitxa Lvôpna hôn như mưa lên cái đầu bù và mớ tóc thưa của chồng.

Secnôivanenkô hiểu rất rõ tính nết bà nên vẫn tính đến một sự phản kháng, nhưng ông không ngờ trong người đàn bà trung thực này lại có thể có một tình cảm mãnh liệt đến thế, một sự bướng bỉnh điên cuồng đến thế. Đột nhiên ông vỡ nhẽ là trước mặt ông có một chướng ngại vật không thể vượt qua được, của tình yêu và lòng chung thủy phụ nữ. Nhưng ngay trước cả cái đó

nữa, ông cũng chưa chịu thua.

— Bình tĩnh lại nào, chị Raitxa, — ông nói với vẻ nhẫn nại gần như âu yếm — Chúng ta sẽ tính cho hết nước. Ngồi xuống đi, bình tĩnh nào.

Ông kéo Raitxa ra xa Kôletnisuc và gần như ấn bà ngồi xuống.

Xét cho cùng thì bà, cũng như Kôletnisue, là bạn thân cũ của ông. Ông nhớ lại hồi bà còn là cô nữ sinh trung học, rồi học sinh tự do của những lớp cao đẳng phụ nữ. Hồi đó không phải lúc nào bà cũng như bây giờ: một người vợ trong gia đình, khiêm tốn, không có gì đáng chú ý, một người nội trợ mến khách, một người đàn bà đảm đang, không trẻ lắm, tận tụy với gia đình. Secnôivanenkô nhớ rất rõ về bà, hồi là nữ sinh viên mười bảy tuổi, một cái nơ đó trên ngực, mặc chiếc áo khoác mùa thu màu đen, ngồi xe cam-nhông phóng trên các phố Ôđetxa, giữa những chiến sĩ và thủy thủ đeo huy hiệu Rumsêrốt[4] cánh mũi phồng lên, và một màu hồng đến là tươi trẻ ánh lên trên đôi má nhỏ bụ bẫm của cô. Gió thổi phấp phới những dải băng Thánh Jorjơ trên mũ nồi lính thủy, thổi rung rinh chiếc nơ xa-tanh trên đầu cô với mái tóc xoăn cắt ngắn, và cô hát chẳng chút ngượng nghịu trên đường phố bằng cái giọng nữ trong khỏe bài "Cô gái thành Vacxôvi" và bài "Chúng ta đều từ nhân dân mà ra". Nói cho đúng, cái nhiệt tình thiếu nữ của cô cũng mau nguội. Cô đã lấy một anh chàng Kôletnisuc khiêm tốn, chắc chắn và chẳng có gì là kiểu cách. Họ rất yêu nhau. Họ đã sống rất tốt một cuộc đời giản dị, bình thường, có lẽ hơi chán nữa. Nhưng họ không phải là những người tiểu tư sản. Họ đọc báo, mua tạp chí, lui tới nhà hát, nghe những buổi hòa nhạc của Nhạc viện. Trong chuyên môn của mình Kôletoisuc là một người lao động xuất sắc, còn Raitxa Lvôpna bao giờ cũng được bầu vào nhiều tổ chức xã hội, và Hội đồng vợ công nhân viên của quốc doanh Glapsai hoặc vào ban đại biểu các hộ trong ngôi nhà, lo việc trồng cây trong sân và tổ chức vườn trẻ. Có đủ nỗi vui buồn trong cuộc sống của họ. Secnôivanenkô quí bà cũng như quí chồng bà vậy. Ông tin cậy bà. Ông biết cụ thân sinh ra bà là thày thuốc và nhà hoạt

động xã hội đã bị bọn phản gián của tên tướng Đênikin giết bằng nhục hình.

Ông biết bà đơn giản và thuần túy là "một người đàn bà xô-viết đảm đang". Mà đối với Secnôivanenkô thì đấy là đức tính đáng quí nhất. Mặt khác, bà chẳng có con cái cũng chẳng còn cha mẹ. Trong cuộc sống bà có rất ít người thân. Thực tế, bà chỉ có một người thân thực sự: chồng bà. Điều này cũng có một ý nghĩa lớn. Sau khi suy nghĩ một lát, Secnôivanenkô đi đến một quyết định táo bạo:

— Chị nghe đây, — ông vừa nói vừa nhăn trán một cách tư lự, — nếu chị muốn, tôi sẽ thu xếp ổn cho chị. Nhưng chúng tôi sẽ không để chị trên mặt đất, chị sẽ đến một nơi khác.

Ông lật bàn tay nhỏ nhắn của mình với dáng cương quyết, chìa ngón tay cái ra, chống nó lên như cái cò súng rồi chỉ ngón tay xuống sàn nhà.

— Dưới đó, — ông nhấn mạnh — hiểu chứ? Đồng ý chứ?

Bà không trả lời, đôi mi mắt hồng hồng có gân xanh nhắm lại và trên hàng lông mi cụp xuống người ta còn nhìn thấy những giọt nước nhỏ.

34

Trong những ngày khẩn trương gay go này, những ngày cuối cùng trước khi tản cư, những con người ưu tú đều tập hiểu nhau qua lời nói bóng gió, qua con mắt. Bằng trái tim hoặc bằng trí tuệ, Raitxa đã hiểu không những điều Secnôivanenkô nói mà cả điều ông không nói, điều ông không có quyền nói thẳng ra. Ông chỉ nói bóng thôi. Có lẽ bà còn hiểu hơn cả Kôletnisuc nữa. Bà

hiểu rằng lúc này đời bà bước vào một bước ngoặt không cưỡng được, không thể nào lùi về quá khứ. Bây giờ, khi mọi sự đã rõ ràng và đã quyết định, tâm hồn bà vươn lên, khỏe khoắn hơn. Raitxa sẵn sàng làm bất cứ điều gì người ta đòi hỏi ở bà, dù bà chưa hiểu mình sẽ phải làm gì. Bà vui sướng và sẵn lòng bắt ý chí của mình phục tùng ý chí của Secnôivanenkô. Bà nhìn căn phòng như muốn nói lời vĩnh biệt với cuộc đời đã qua, với cái lò sưởi lát gạch men có bức phù điêu bằng cẩm thạch xanh xám, với những đồ vật cũ, với những thứ lặt vặt, với những bàn ghế, với tất cả những vật này chẳng còn ý nghĩa gì đối với bà, không còn khiến bà mảy may luyến tiếc.

Secnôivanenkô ra ga hàng hóa, ở đấy dưới sự giám sát của Xviriđôp, người ta đang xếp đồ quân nhu lên tàu; sau đó ông đến kho quân đội, đích thân giám sát việc giao vũ khí, chất nổ và dụng cụ công binh, ông nhận bản thông cáo tình hình của bộ tham mưu quân đoàn Duyên hải, đặt cán sự ba quân nhu Kôletnisuc và chiến sĩ hồng quân Xviatôxlap Macsenkô dưới quyền sử dụng của mình, điện lên Bí thư khu ủy báo cáo việc Raitxa Lvôpna Kôletnisuc xuống hầm đá; và còn một lô công việc ít quan trọng hơn. Khoảng năm giờ, ông về đến nhà và lên gác ba, nơi có căn phòng của ông.

Đó là một ngôi nhà to, mới, xây dựng cho chuyên viên trên địa điểm vườn bách thảo cũ. Trong mảnh vườn nhỏ, những đám cúc vàng trở thành bụi rậm thực sự đã tàn hết hoa, loại cây này đã tự nó sinh sôi nẩy nở bừa bãi trong chiến tranh. Ngôi nhà không bị những trận bom làm hư hại mấy. Tuy vậy ở một chỗ mái nhà đã bén lửa, những tấm tôn cong vêu và những ống máng nằm ngổn ngang trong bụi rậm, những bức tường đã rạn nứt, thạch cao vỡ từng mảng lớn, và toàn bộ ngôi nhà, trước đây quét một màu vàng nhạt sáng sủa vui mắt, hồi trước chiến tranh trông ra vẻ lịch sự, nay đâm ra hoàn toàn đối lập với lịch sự, nhem nhuốc những vệt ngụy trang đen đỏ, không ra hồn cái nhà nữa. Trong buồng cầu thang tối, ở những bậc nghỉ, có những thùng đầy cát và trên tường quét sơn dầu giả đá hoa xanh, lủng lẳng những kẹp sắt to tướng dùng để chống bom

cháy, những ống cứu hỏa và những thùng không. Phần lớn các cửa phòng đều móc khóa. Một số mở toang mặc sức cho những luồng gió lùa ngao du trong các căn phòng trống, thổi những mẫu giấy cháy dở và rác rưởi đủ loại bay qua các hành lang.

Theo thói quen, Secnôivanenkô vẫn để chìa khóa dưới tấm thảm chùi chân. Nhưng bây giờ, ổ khóa đã bị bom phá vỡ. Cánh cửa bị chẻ đôi, bám hờ vào bản lề. Chiếc thùng thư nghiêng về một bên để rơi ra mấy số báo Sự thật, tờ tạp chí Bônsêvich và một mẩu giấy ngả màu vàng, viết bằng bút chì gọt vội. Ông nhận ra ngay nét chữ to nguệch ngoạc của người cháu gái là Matriôna Têrenchiepna Pêrêpêlitxkaia, gọi tắt là Môchya[5] đã đến đây trong lúc ông đi vắng. Rõ ràng là mảnh giấy nằm đấy đã khá lâu. ông cầm lên, vừa đọc vừa bước vào phòng. Môchya viết theo kiểu quen thuộc của mình, vắn tắt nói lên vấn đề chính, còn chi tiết thì bỏ qua.

"Cháu chạy vội lại đây, định thăm chú, nhưng dĩ nhiên không được gặp chú ở nhà. Một cậu bé ở Mạc-tư-khoa tên là Pêchya Batsây, hiện đang ở nhà cháu. Mẹ con cháu đã vớt cậu ta ở dưới nước lên; hiện giờ cậu ta bị sưng phổi, nhưng mẹ con cháu chắc cậu ta sẽ mau khỏi thôi. Nếu chú nhớ lại, thì cậu ta chính là con Piôt Vaxiliêvich Batsây, bạn thân của chúng ta hồi nhỏ; bác ấy đến Ôđetxa đúng hôm trước chiến tranh, thế là mắc nghẽn luôn ở đây, nhưng hiện giờ bác ấy đã vào bộ đội. Cháu không biết rồi sẽ giải quyết cậu bé ra sao. Hiện giờ mọi thứ đều trong tay cháu cả: thuyền, lưới, nồi, chảo của ngư trang. Thuyền, bơi chèo và buồm thì đồng chí chỉ huy quân sự đã trưng dựng và hiện để ở bến thuyền của ngư trang do cháu chịu trách nhiệm. Trong trường hợp phải rút lui, cháu đợi mệnh lệnh phá hủy tất cả, để những vật đó khỏi rơi vào tay bọn phát-xít. Valentin và cháu đang sống những ngày nặng nề; nó gửi lời chào chú, mấy tháng gần đây, nó lớn lên khiếp quá. Nó ra vẻ cô con gái lớn rồi. Chú khó mà nhận ra nó. Cháu chẳng có tin tức gì về Akim Petrovich và mấy thằng bé; cháu mong rằng mấy bố con nó còn sống và chiến đấu thắng lợi cho Tổ quốc, nhưng ở mặt trận nào thì cháu không biết.

Thưa chú, nếu chú thu xếp được một ngày nghỉ thì xin chú tạt qua chỗ cháu một tí, vì nào ai biết được bao giờ chú cháu ta mới lại gặp nhau. Chao ôi! thời buổi mới gay go làm sao! Chúc chú may mắn, thôi cháu phải vội đi đây.

Môchya của chú".

Ông nhét lá thư dĩ nhiên đã cũ ấy vào túi và mỉm cười buồn bã. ông không có gia đình riêng. Vợ ông đã chết từ lâu. Ông là con người chỉ có một lần yêu nên không lấy vợ kế. Gia đình Matriôna Têrenchiepna Pêrêpêlitxkaia, con gái của anh ông là Têrenti Secnôivanenkô, vừa là cháu gái vừa là một trong những bạn thân thiết nhất của ông, quả là cái gia đình thực sự và duy nhất mà ông gắn bó hết lòng.

Akim Pêrêpêlitxki, chồng Môchya, nguyên là ngư dân vùng Lanjơrông, thời kỳ chính quyền xô-viết thì làm chủ tịch ngư trang "Pêtren", được ông có cảm tình sâu sắc và quý mến rất mực, vì ông ta là người bônsêvich lâu năm, nhưng cũng còn vì là người vui tính, thông minh và khỏe mạnh, đã phục vụ trong quân đội một thời gian, dưới quyền chỉ huy của Grigôri Ivanovich Kôlôpxki, sau đó đã chấn chỉnh một cơ sở doanh nghiệp quan trọng và phức tạp là cái ngư trang, một trong số những ngư trang đầu tiên ở một miền duyên hải Ôđetxa. Secnôivanenkô rất yêu mấy đứa con nhà Pêrêpêlitxki: hai cậu con đáng mặt thanh niên, hiện đang cùng bố phục vụ trong Hồng quân và nhất là cô con gái, Valentin — gọi thế để nhớ tới Valia, người vợ đã khuất của ông — mà ông rất sung sướng phần nào kiêu hãnh được thấy ở nó cái dòng máu "Secnôivanenkô", thừa hưởng của cụ cố Têrenti.

Trong một lúc, ông âu yếm hình dung ra Môchya, Valentin và tất cả mấy bố con Pêrêpêlitxki, rồi lại mỉm cười buồn bã. Còn đoạn nói đến tên cậu bé ốm, Pêchya Batsây, con trai của Piôt Vaxiliêvich, bạn thân hồi nhỏ của ông, được vớt ở dưới nước lên, thì tuy ông có chú ý nhưng không làm ông mảy may kinh ngạc.

Lúc ấy trời đã sắp tối, ông cần phải khẩn trương, ông vào

phòng, mở ngăn kéo bàn viết, lục những giấy má cần hủy đi. Ông xé giấy, ném lên giường để mang vào đốt trong lò nhà bếp. Ông làm nhanh, gần như máy, thỉnh thoảng lại đưa mắt nhìn căn phòng: cái giường mạ kền phủ một tấm chăn may chần bụi bám đầy, với tấm khăn trải giường ghim chung quanh, cái tủ sách kiểu Thụy-điển với một mô hình thuyền cổ đặt trên cái giá — tặng phẩm của học sinh trường hàng hải là nơi ông đã làm bí thư đảng ủy trong một thời gian — hai ghế dựa và một ghế bành, một bàn giấy với một cuốn lịch, một đi-văng có lưng dựa cao, thẳng, và chỗ tì tay xê địch được, một cửa sổ lớn mở về phía tây, một bếp điện mạ kền đặt trên thành cửa sổ, một cái đĩa đựng miếng bánh mì trắng khô và trên bức tường sơn màu xám nhạt, có tấm bản đồ lớn vùng Ôđetxa, với những đầm nước mặn màu xanh. Tấm bản đồ mang nhiều nét ghi chú màu đỏ, đó là kết quả của nhiều chuyến đi của ông trong vùng. Trên bàn đêm, gần cái đồng hồ báo thức, trong chiếc khung đẹp to bản, có một tấm ảnh nhỏ (thường gọi là kiểu ảnh chụp nhanh) chụp một cô gái rất trẻ, gần như một thiếu nữ với chiếc áo da vắt vai, chiếc mũ vải Kubăng trắng đính ngôi sao; một sắc thái tươi mát và ngây thơ trong đôi mắt vui vẻ, đầy ánh sáng: đó là người vợ quá cố của Secnôivanenkô, một bức ảnh của thời kỳ gặp nhau lần đầu.

Secnôivanenkô vơ nhanh đống giấy má cần hủy rồi mang cả vào bếp, chất vào lò và châm lửa. Trong lúc nó cháy, Secnôivanenkô trở về buồng, bọc vào một tấm khăn những đồ vật ông không muốn hủy và đã định chôn trong căn phòng có thùng đun nước: mấy cuốn sách, những quyển tự vị, những tài liệu tham khảo và một tập bản thảo khá đồ sộ, chưa hoàn thành mà ông đã dày công làm trong mấy năm gần đây: "Đóng góp vào lịch sử cuộc can thiệp Anh — Pháp năm 1919 — 1920 vào miền Nam".

Còn lại một gói nhỏ sách và giấy má, bức ảnh Lê-nin. Những cái này, ông quyết định mang theo xuống hầm đá. Trong số sách có cuốn Tarax Bunba của Gôgôn, cuốn điều lệ Đảng, tài liệu Đại hội Đảng lần thứ 18 và một quyển vở đặc biệt ghi những đoạn

trích tác phẩm Lênin về tổ chức hoạt động bí mật của đảng Bônsêvich: cuốn này, Secnôivanenkô đã bắt đầu làm ngay sau ngày ba tháng Bảy để nghiên cứu khả năng rút vào hoạt động bí mật.

Ông nhét bức ảnh, sách và quyển vở vào túi trong, lột tấm bản đồ khu vực ra khỏi tường rồi nhét vào cái túi mặt nạ phòng độc. Đoạn ông gỡ chiếc ảnh vợ ra khỏi khung và đọc dòng chữ ghi mặt sau: "Tặng anh Gayrick Seenôivanenkô thân mến. Mãi mãi của anh. Valia". Ông hôn tấm ảnh và để vào ví.

Ông còn đứng ngắm trước cửa sổ mở rộng một lúc lâu nữa. Phía xa, sau những vườn cây trụi lá, dưới những đám mây đen sũng nước, hiện ra cái quầng màu đỏ bẩn của mặt trời lặn, trên đó nổi lên bóng đen thẫm của nhà thờ Bôtanich với một đàn quạ bay lên, bay xuống như một tấm lưới trên cái mái tròn nhà thờ. Không còn nghe thấy tiếng đại bác nữa. Một cảnh yên lặng lạ lùng bao trùm thành phố. Nhưng trong lúc ấy, từ hỏa tuyến thỉnh thoảng vẫn vọng về những loạt súng trường khá rền và tiếng súng máy.

Secnôivanenkô xuống cầu thang thật nhanh, vào phòng đốt lò bỏ hoang; dưới ánh đèn bấm, ông giấu những cuốn sách và giấy tờ bọc trong tấm khăn vào cạnh tường, rồi đổ than xỉ lên; ông ngồi vào xe và ra lệnh đi thật nhanh đến biệt thự.

35

Đêm xuống dần, đen tối và đầy lo âu, với tất cả tình trạng hỗn loạn, lặng lẽ của một thành phố bị đạo quân rút lui bỏ lại.

Secnôivanenkô, cùng đi với Kôletnisuc, đã dành được thì giờ đến nhà cầm đồ của thành phố. Ở đây, trên những tấm ván và

bàn, trong bóng tối, dưới ánh đèn bấm và ánh phản chiếu của những đám cháy nhấp nhoáng trên cửa sổ gôtich, những ấm đun nước, máy khâu, kèn hát, bát đĩa, đồng hồ treo tường với quả lắc run rẩy rền rĩ như có một trái tim đập, cùng vô số đồ đạc thông dụng, dường như ở nhà anh thì đẹp lắm và không thể thay thế được, nhưng ở nhà cầm đồ và ở chợ giời thì nom thảm hại như những của tập tàng chẳng ích gì cho ai, tất cả những đồ vật ấy lóe sáng và rung lên khi có tiếng nổ; ông đã kịp lọc ra những vật có thể hợp với một cửa hàng đồ cũ; sau cùng ông kiểm tra lại một lần cuối sự chuẩn bị về mặt vật liệu; ghi vào sổ tay số lượng súng trường, đạn, lựu đạn, súng lục, những dụng cụ linh tinh, thuốc nổ, và trong bóng tối mỗi lúc một dày, ông ra lệnh cho Xviatôxlap đánh xe ra khỏi thành phố, đến công viên Hatji-Bây

Đúng lúc ấy, tình hình diễn ra như sau. Những lực lượng chính của quân đoàn Duyên hải đã rút toàn bộ trong một đêm, chính cái đêm 15 rạng ngày 16 tháng Mười mà Secnôivanenkô đi đến làng Uxatôvô bằng con đường Hatji-Bây. Những đơn vị tiền tiêu và cơ quan đoàn bộ đã rút khỏi Ôđetxa vài ngày trước đó bằng tàu vận tải. Cuộc hành quân này do tầm quan trọng và sự thực hiện thắng lợi của nó, sẽ được coi là một trong những mẫu mực của nghệ thuật chiến lược về việc rút những khối quân đội to lớn, về sự tách ra khỏi quân địch giữa lúc ta và địch đang dính nhau và đánh nhau quyết liệt trong một thời gian dài, và lại đúng vào cái hôm trước của một cuộc tấn công vào Ôđetxa mà quân địch có thể mở đầu vào bất kỳ giờ nào.

Thế là vào buổi sáng ngày 15 tháng Mười, tất cả những cơ quan đoàn bộ và các đội vận tống đang ở vị trí phòng ngự trên mặt trận đều được điều về địa giới thành phố, thật gần những địa điểm lên tàu và xếp hàng. Bên những đơn vị chiến đấu chỉ còn những bộ phận cấp dưỡng. Buổi trưa, trong khi Secnôivanenkô hoàn thành mọi công tác chuẩn bị cho việc xuống hầm thì tất cả các ban tham mưu trung đoàn và sư đoàn đều được chuyển về cảng cùng toàn bộ hành lý để lên tàu; tại chỗ, chỉ còn lại những bộ phận tác chiến thuộc các ban tham

mưu đơn vị cùng những phương tiện liên lạc, và các ban chỉ huy các đơn vị ấy, có đủ những kế hoạch rút lui khỏi mặt trận và lên tàu. Việc rút toàn thể quân đội ra khỏi mặt trận được tiến hành nhất loạt vào lúc chập tối, sau khi ánh hoàng hôn đến sớm của mùa thu vừa tắt, trên toàn bộ phạm vi mặt trận, theo một hiệu lệnh đã qui định.

Tất cả đã được trù liệu để trong lúc xẩm tối quân địch không thể nhận thấy và theo dõi được việc di chuyển cả cái khối người đồ sộ từ chiến hào về tuyến sau, nhằm rút thật nhanh bộ binh ra khỏi chiến hào và giúp cho việc tách khỏi quân địch được bí mật và đột ngột. Để theo dõi hành động địch sau khi bộ binh rút khỏi chiến hào, để bảo vệ cho cuộc rút lui và thanh toán những toán sục sạo của địch có thể đuổi theo quân ta trong trường hợp chúng phát hiện ra việc bộ binh ta rút, và để báo động cho những đơn vị rút lui biết tất cả mọi nguy cơ, nhiều đội hậu vệ đã được tổ chức, có nhiệm vụ ở lại chiến hào cho đến khi bộ binh lên tàu hết.

Secnôivanenkô đến công viên Hatji-Bây trước khi những đội quân đổ ra con đường rút lui chính, đường Hatji-Bây. Do đó, ông còn đủ thì giờ đến thăm ban tác chiến của bộ tham mưu phân khu Tây, nghe ngóng tình hình, rồi đi xen vào cái khối quân đội đang rời khỏi tiền tuyến, đưa Ban lãnh đạo hoạt động bí mật của ông cùng với toàn bộ đồ lề xuống hầm đá Uxatôvô mà không bị ai trông thấy. Secnôivanenkô lệnh cho các xe đỗ dọc bức tường công viên Hatji-Bây và đợi ở đó; còn ông, ông đi đến làng Uxatôvô.

Ở thành phố, người ta có cảm giác lo âu bao nhiêu, thì ở đây, nơi tuyến đầu của cuộc phòng thủ, người ta càng có cảm giác yên lặng bấy nhiêu. Một sự yên lặng lạ lùng, một vẻ bình yên giả tạo trong cái giờ âm thầm và chết lịm, trước lúc rút quân bí mật. Đằng xa, trên hỏa tuyến, thỉnh thoảng những phát pháo sáng bay lên, thưa thớt và như luyến tiếc.

36

Thỉnh thoảng soi ngọn đèn bấm nhỏ về phía trước mặt, Secnôivanenkô thoạt đầu đi nửa cây số trên con đường mặt trận này, rầm rập xe cộ, lỗ chỗ những ổ gà sâu và khô rắn, vượt qua những bức tường đá âm thầm, những ngôi nhà đá nhỏ, tối om, rồi rẽ sang một bên và xuống một khe đá đầy ngưu bàng khô. Gần đâu đấy, có một lối xuống hầm đá. Secnôivanenkô bước dưới lòng khe rất thận trọng và thong thả, chăm chú thăm dò bóng tối.

Secnôivanenkô đưa đèn soi bên sườn khe. Ánh sáng lướt nhanh như một vệt nắng nhỏ rồi kéo dài ra phía trước, làm nổi bật từ bóng tối những góc đá vôi lởm chởm, những bụi cây khô um tùm và lốm đốm lớp lông tơ trắng của những quả chín. "*Chắc là đây thôi*". Secnôivanenkô nghĩ bụng. Ông tắt ngọn đèn nhỏ và dừng lại. Ông thấy hình như ở trước mặt, về phía bên, có một tia sáng yếu ớt hắt từ lòng đất ra. Cũng không phải ánh sáng nữa, mà chỉ là một ánh phản chiếu lờ mờ, rất khó nhận ra. Secnôivanenkô tưởng chừng nghe thấy những tiếng nói rất ấm, rất khẽ, những hồi âm từ lòng đất vọng ra. Rồi ngay lúc ấy, một ánh đèn điện sáng quắc chiếu xiên vào người ông, và ông nhìn thấy ngay trước mũi mình một nòng súng tiểu liên.

— Đứng lại!

— Đứng rồi.

— Mật hiệu?

— Mạc-tư-khoa. — Đáp?

— Ruồi.

— Đúng.

Ánh đèn lướt trên người Secnôivanenkô. Không hạ khẩu tiểu

liên đang chĩa thẳng vào mặt Secnôivanenkô, người lính gác tiếp tục xem xét với vẻ ngờ vực con người nhỏ nhắn mặc thường phục đang đứng trước mặt, tay đút túi, dáng dấp khả nghi. Dù biết mật hiệu, người kia vẫn không làm cho anh lính gác tin được. Mà lại chọc tức anh bằng cái dáng dấp nghênh ngang và "*hết sức thường dân*", bằng cái vẻ bình tĩnh và chăm chú của đôi mắt nhấp nháy khó chịu khi ánh sáng của ngọn đèn điện rọi vào.

— Ô hay, tắt đèn đi chứ, — Secnôivanenkô vừa nói vừa cau lông mày.

— Bỏ tay ra khỏi túi, — anh lính thô lỗ quát lên.

Secnôivanenkô mỉm cười và rút hai bàn tay ra khỏi túi. Điều đó càng làm anh lính bực:

— Anh cần gì ở đây?

— Ban tác chiến bộ tham mưu phân khu Tây.

— Có việc gì?

— Chẳng việc này thì việc khác.

— Giấy tờ đâu?

— Được — Secnôivanenkô nói — đừng quát lên thế, dẫn tôi đến chỉ huy sở.

— Tôi hỏi anh giấy tờ đâu?

— Giấy tờ của tôi không phải là việc của anh.

Đến đây anh lính gác mất hết kiên nhẫn. Anh điên tiết, giậm chân, không tìm ra được lời lẽ.

— Nằm xuống — bất thình lình anh quát lên, giọng nghiêm khắc.

— Thôi mà, thôi mà, đừng cáu lên thế! — Secnôivanenkô nói hòa nhã, buồn cười vì cái giọng gà sống non choẹt, láu táu của anh ta với kiểu phát âm "*ô*" như vậy.

Nhưng hiển nhiên anh lính gác là một anh bạn bất nhã, tai ác.

— Nằm xuống, không nói nhiều! — anh ta quát lớn, dữ tợn hơn nữa — Có nghe tôi nói gì không? Liệu hồn, không lại được nếm mùi tiểu liên.

Secnôivanenkô biết không phải chuyện đùa. Ông nằm úp mặt xuống đất, vừa bực vừa phục cái anh chàng lỏi cứng cổ cầm tiểu liên này.

— Được thôi, rồi gì nữa? — ông nói khàn khàn trong lòng đất.

— Cứ nằm đấy, và nói ít chứ, — giọng nghiêm khắc của anh chàng lỏi cứng cổ cất lên phía trên ông.

"*Quỷ bắt mày đi*" Secnôivanenkô nghĩ bụng, rồi ông khoái trá duỗi thẳng hai chân. Đã bốn ngày nay, ông chưa được nằm, và bây giờ ông cảm thấy rất thú vị được nằm duỗi dài, yên tĩnh. Nhưng cái thú ấy không được lâu. Bằng cách nào đó, có lẽ nhờ ve vẩy ngọn đèn, anh lính gác đã gọi được người đến trợ lực, vì Secnôivanenkô nghe thấy những bước chân tới gần và một tiếng nói khác phía trên ông.

— Cái gì thế?

— Tôi bắt giữ một tên tại đây. Hắn nói đúng mật hiệu nhưng không xuất trình giấy tờ. Hắn hỏi ban tác chiến.

— Dẫn đi!

Anh lính gác ra lệnh cho Secnôivanenkô đứng dậy và tiến bước. Nhưng ông vừa dò dẫm được mươi bước thì anh lính gác ra lệnh cho ông rẽ sang bên phải. Secnôivanenkô không biết rẽ chỗ nào vì chung quanh tối như hũ nút. Nhưng anh lính gác vỗ vào chỗ giữa hai xương bả vai của ông và nói:

— Đứng lại làm gì? Đi đi!

Lúc ấy Secnôivanenkô nhìn thấy giữa đám cỏ khô một kẽ hở lờ mờ trong tảng đá, ông nghiêng người lách vào. Dưới gót chân ông, lạo xạo. Bám vào thành đá để khỏi ngã, Secnôivanenkô

nhảy từ mô đá này sang mô đá khác xuống dốc, rồi đột nhiên thấy mình đứng trong một căn phòng dưới đất, có một ngọn đèn điện nhỏ của chỉ huy sở chiếu sáng, ngọn đèn treo phía trên bàn bằng một sợi dây nhựa trong suốt.

37

Trên mặt trần đá thấp dốc nghiêng, thấy có một chữ thập đen, có lẽ do một bác thợ đá ngoan đạo nào đó vẽ bằng ngọn nến cách đây đến tám chục năm chứ không ít. Một lần không khí âm âm và tù hãm như bị ngưng kết vĩnh viễn, một thứ không khí "nghìn xưa" bao quanh Secnôivanenkô. Trong hang, có hai chiếc bàn ghép thô sơ, trên để bản đồ và bút chì, trước bàn có bốn sĩ quan — hai thiếu tá, một đại úy và một chính trị viên tiểu đoàn — ngồi trên thùng gỗ. Viên thiếu tá mặc va-rơ khuyết đỏ đưa mắt liếc Secnôivanenkô một cái nhanh nhưng có vẻ chú ý, rồi vừa ra lệnh cho ông xuất trình giấy tờ vừa cuộn tấm bản đồ trên bàn lại, Tay phải anh ta đeo thõng trong một dải băng màu ngụy trang cắt ở một tấm vải lều ra và đính vào ngực áo bằng kim băng. Viên thiếu tá kia mặc măng-tô khuyết đen và viên đại úy mặc va-rơ khuyết đỏ, cả hai đều ngồi ở bàn phía sau; sau khi chăm chú nhìn người mới đến, họ lại tiếp tục nghiên cứu tấm bản đồ trải trên bàn. Nhưng người chính trị viên tiểu đoàn ngồi ở bàn phía trước không ngừng quan sát con người đến quấy rầy họ.

Secnôivanenkô khoan thai cởi áo ba-đờ-xuy, rút ví ở túi trong, và tìm đưa cho viên thiếu tá một tờ giấy gập tư. Viên thiếu tá chỉ dùng tay trải, đặt tờ giấy xuống bàn đánh đẹt một cái, giở ra, vuốt thẳng, rồi đọc một lần, hai lần, sau đó đưa cặp mắt xanh lồi mỏi mệt nhìn nhanh Secnôivanenkô nhưng có vẻ chú ý. Viên

thiếu tá hỏi:

— Đồng chí Secnôivanenkô? Chính đồng chí à?

— Chính tôi.

Một nụ cười kín đáo đượm cả vẻ tò mò nữa thoáng hiện trên bộ mặt gày tọp của viên thiếu tá, với đôi má xanh vừa cạo và bộ ria thẫm hoa râm. Nhưng liền đó, mặt trở lại vẻ lạnh lùng ban đầu, anh nói:

— Tôi cũng đã được báo tin. Đồng chí chịu khó chờ một phút. Ximônôp, — anh hơi nghiêng người sang cạnh bàn đối diện — Cho mình liên lạc với thủ trưởng.

Điện thoại viên trẻ măng đội mũ nồi thủy binh, ngoài mặc áo choàng bông, trong mặc áo lót kẻ sọc, ngồi xổm dựa vào tường đá vôi, trên tường lủng lẳng các loại máy điện thoại để trong bao da; anh quay nhanh máy và bắt đầu thì thào vào ống nói:

— A-lô! A-lô! "Cun cút!" "Cun cút" đâu! Nghe rõ không? "Dim" đây. Tôi hỏi "Rùa"... Cám ơn. A-lô. Ai nghe đấy? "Rùa" đấy à? "Dím" đây. Cho chúng tôi ông chú nhất.

Điện thoại viên áp ống nghe vào tai viên thiếu tá và nói to:

— Báo cáo đồng chí thiếu tá, lệnh đã chấp hành.

Viên thiếu tá kẹp ống nghe giữa vai và má, dùng bàn tay lành đặt nó lại đúng chỗ rồi nói:

— Chỉ huy phó báo cáo. Đồng chí đã ra lệnh báo cáo với đồng chí khi có người đến... — Thiếu tá ngập ngừng một chút để tìm một từ thích hợp... — khi có người có tính cách đặc biệt đến... ông ấy hiện có mặt ở chỗ tôi... vâng, ngay cạnh tôi... Tôi đã kiểm tra. Số mười bảy, không, tám, phẩy, mười bốn, — anh vừa nói vừa liếc xuống mảnh giấy nhỏ — Đúng. Xin đồng chí cho chỉ thị... Rõ. Tôi truyền đạt ngay tức khắc.

Thiếu tá vẫy Secnôivanenkô bằng bàn tay lành và đưa mắt ra hiệu cho ông cầm ống nghe.

— Đồng chí cầm lấy, ở trên nói chuyện với đồng chí ngay bây

giờ.

Không hiểu ai sắp nói với mình, Secnôivanenkô cầm ống nghe, vừa ngạc nhiên vừa hài lòng về trật tự quân sự nghiêm túc chi phối mọi cái ở đây mặc dù đang giữa lúc gay go. Ông thổi vào ống và nói:

— Tôi nghe đây.

— Chào đồng chí — giọng nói ống nghe thấy là một giọng không to mà khoan thai, với những nốt trầm ù ù, quen thuộc của các vị tướng, của một người có tuổi và tự tin.

— Tôi nói chuyện với ai đây? Secnôivanenkô nói.

— Với ông chú nhất, — ông nghe tiếng đáp.

— Xin kính chào đồng chí — Secnôivanenkô nói.

— Đợi nhé, ở đây có một người anh em muốn nói chuyện với đồng chí đấy — Trong tiếng nói xa xăm ấy, hiện lên giọng vui vẻ, âu yếm như của một người cha.

— Chào Gayrin Xêmiônôvich, một lần nữa chào anh! Công việc đến đâu rồi? Xuống cả rồi chứ?

— Không, chúng tôi còn ở trên.

— Vậy mau lên thôi. Xin anh lưu ý đến vấn đề thời gian còn lại hết sức eo hẹp. Anh có hiểu thế nghĩa là gì không?

— Tôi hiểu.

— Một lần nữa chúc anh mọi sự thắng lợi.

— Mọi sự tuyệt mỹ như người ta thường nói.

— Đúng thế đấy. Tuyệt mỹ. Hãy duy trì một kỷ luật nghiêm túc trong bộ phận của anh. Đó là điều chủ yếu.

— Rõ.

— Vậy xin siết thật chặt tay anh. Tuyệt mỹ nhé. Tôi ôm hôn anh và tất cả những con dím của anh. — Đồng chí bí thư cười. — Không loại trừ khả năng các anh sẽ gặp nhiều khó khăn hơn là

chúng tôi dự đoán đấy nhé.

— Chúng tôi sẵn sàng, — Secnôivanenkô nói — Chúc đồng chí lên đường mạnh giỏi. Mong sớm gặp nhau.

— Tôi không hứa với anh là sẽ sớm đâu.

Secnôivanenkô còn đứng lặng im một lúc, ông nghe bên tai. Ông vẫn lắng tai, nhưng không nghe thấy gì nữa.

Cho đến lúc ấy, Secnôivanenkô vẫn khá tự tin, nhưng sau cuộc nói chuyện điện thoại với đồng chí bí thư thứ nhất, ông cảm thấy bừng bừng một nguồn nghị lực, có thể nói là nguồn vui nữa nếu chữ vui không chối tai trong những ngày nặng nề này. Ông hiểu rằng mối liên hệ trực tiếp và thường xuyên với Đảng không hề bị gián đoạn, nếu không, ông không thể hình dung cuộc sống sẽ ra sao. Trái lại, mối liên hệ ấy lại được tăng cường. Nó bao trùm nhiều viễn cảnh khác. Đảng vô hình, ân cần theo dõi ông từng bước, sẵn sàng giúp đỡ ông, hướng dẫn ông bất kỳ lúc nào.

Đồng chí bí thư đã nói: "Tôi không hứa với anh là sẽ sớm đâu". Câu nói có vẻ bi quan. Nhưng trí tuệ sắc sảo và linh hoạt của Secnôivanenkô tìm thấy ở đấy điều chủ yếu: nó như một lời hẹn gặp nhau một ngày xa xôi nhưng chắc chắn. Đồng chí bí thư thứ nhất không điện từ khu ủy mà từ bộ tham mưu của đơn vị phòng thủ. Secnôivanenkô kết luận là khu ủy đã rút, tất cả cán bộ lãnh đạo đã đi theo quân đội. Có lẽ họ đang ở cảng hoặc có thể ở trên một tàu quân sự. Một khu ủy bí mật có thể đã được thành lập và bước vào hoạt động ngay từ lúc này, tổ chức trong một khu vực mới, hệt như việc Secnôivanenkô đang làm. Ông tin chắc như vậy. Và biết bao nhiêu đảng ủy nhỏ của khu phố, những nhóm đặc biệt, những người yêu nước lẻ tẻ, những đội du kích, ngay giờ phút này đang sửa soạn rút vào bí mật? Nhiều biết bao nhiêu trong toàn bộ đất đai bị quân thù chiếm đóng! Theo đúng qui tắc nghiêm ngặt của hoạt động bí mật, họ không được phép biết gì về nhau. Họ chỉ còn cách phỏng đoán. Các nhóm đều phân tán. Mỗi nhóm được nối liền bằng một sợi dây

mỏng manh và những sợi dây ấy đều qui về một mối, ở đó nguồn nghị lực vô tận của một ý chí duy nhất của Đảng tỏa ra tứ phía như một dòng điện.

Viên thiếu tá cắt đứt dòng suy tưởng của Secnôivanenkô. Anh ta nhìn vội đồng hồ và nói:

— Tôi được lệnh hết sức giúp đỡ đồng chí. Chúng ta không được chậm trễ. Đồng chí thấy đấy, hầu như không còn ai ở sở chỉ huy của tôi nữa. Trong hai giờ rưỡi nữa, ở đây sẽ không còn lại một người lính nào. Chúng tôi là những người cuối cùng. Đồng chí lưu ý cho.

— Vâng, — Secnôivanenkô nói, nhíu lông mày lại — Vâng, vậy thì... vậy thì... thành phố...

Ông thấy rất khó khăn khi phải nói lên những tiếng ấy. Lưỡi ông như ríu lại. Cổ họng ông khô bỏng. Má ông lạnh toát. Từ lâu, Secnôivanenkô đã sẵn sàng chờ đón chuyện đó. Thế mà bây giờ chuyện đó tới, ông lại thấy rất khó làm chủ được trái tim mình. Trái tim ấy đau khổ, nó rỉ máu, nó không đau theo nghĩa bóng mà đau thực sự, y như một cánh tay bị thương vậy. Nó co bóp, bốc cháy, rên rỉ. Secnôivanenkô càng nhíu lông mày hơn.

— Vậy thì...

Giọng nghẹn lại. Nhưng viên thiếu tá nhìn thẳng vào mắt ông và nhắc lại nghiêm trang, bình tĩnh.

— Trong hai giờ hai mươi bảy phút nữa, ở đây sẽ không còn lại một chiến sĩ Hồng quân nào. Chúng ta không được chậm trễ. Đồng chí để vật liệu ở đâu? Ở chân tường phía tây bắc công viên Hatji-Bây phải không? Vậy không cần thiết đánh xe đến tận đây. Mang hành lý bằng tay tốt hơn. Đồng chí làm được chứ? Dù sao tôi cũng giúp đồng chí vài chiến sĩ. Một người sẽ đi cùng đồng chí để họ khỏi chốc chốc lại ngăn chặn đồng chí. Bây giờ là lúc thuận tiện nhất, lúc khởi hành của những đơn vị tiền tiêu chiến đấu và bộ phận chuyên môn còn lại. Các đồng chí sẽ lẫn vào cái khối thủy thủ và bộ đội đi lại.

— Kế hoạch của tôi là như vậy.

— Đúng như điều tôi nói. Còn về tình hình, quang cảnh hiện thời thì như thế này... — Viên thiếu tá lấy khuỷu tay vuốt tấm bản đồ cũ đầy những dấu sặc sỡ — mũi tên, con số, đường gạch, chữ, đường cong nhỏ và tròn — rồi đặt cái địa bàn lấp lánh lên tấm bản đồ, anh xoay tấm bản đồ một cách thành thạo theo hướng Bắc Nam.

— Đồng chí lại đây.

Secnôivanenkô đến bên bàn. Một lần nữa, viên thiếu tá lại nhìn cái thân hình nhỏ bé, và bộ thường phục của ông; mặc dù có đôi bốt và sợi thắt lưng da đeo khẩu súng lục bên ngoài áo ba-đờ-xuy hải ly, chúng vẫn tạo cho ông cái vẻ thái bình quá.

— Xin lỗi... đồng chí đọc được bản đồ chứ?

— Cũng tàm tạm,— Secnôivanenkô nói vội vã và đeo kính vào.

38

Đúng lúc ấy, nhiều người vác vào khe hầm những thùng gỗ, va-li, thúng, gói lớn, gói nhỏ, thùng tô-nô, vũ khí, một cái hòm..., họ để tạm tất cả những thứ đó dọc các tường của cái hang đầu tiên với ý định sau đó chuyển vào những hang xa hơn... Đúng lúc ấy, những chiến sĩ thuộc sở chỉ huy nhanh gọn khuân ra khỏi hang những dụng cụ của Ban tham mưu, họ cuộn dây, tháo khỏi tường những hộp điện thoại bằng da móc ở những cái cọc. Người đi, kẻ ở. Chẳng khác gì một cuộc đổi gác.

Sau cùng, toàn bộ đồ lề của Ban tham mưu đã được dọn đi. Chỉ còn lại một bóng điện nhỏ giữa hang, trên chỗ trước đây có

cái bàn của viên thiếu tá. Một người liên lạc hiện ra, bắt đầu tháo sợi dây điện trong suốt.

— Các đồng .chí có thể để lại điện cho chúng tôi được không? — Secnôivanenkô hỏi.

— Đồ quân dụng.—Viên thiếu tá nhún vai nhận xét. Anh đã mặc áo choàng, nai nịt đầy đủ, chiếc mũ cát- két lưỡi trai thẳng đứng, in bóng thành một đường thẳng phía trên mặt, cái bóng giống như chiếc mặt nạ đen. Cánh tay bị thương phải khó nhọc lắm mới xỏ vào được tay áo choàng để áp trước ngực và về mặt nào đó, nó tô đậm sự nghiêm túc và tầm quan trọng của cái giờ phút đang bắt đầu.

— Dù sao các anh cũng có thể để lại cho chúng tôi một chút ánh sáng chứ. Các anh thì thiếu gì, mà chúng tôi lại rất cần — Secnôivanenkô nói.

— Chúng tôi được lệnh phải mang đi tất cả, tất cả, cho đến sợi dây cuối cùng — Nói những tiếng ấy viên thiếu tá càng trở nên nghiêm nghị. Một vết nhăn có cái vẻ cương quyết không gì lay chuyển nổi vắt ngang phía trên cặp lông mày.

— Đồng chí nói đúng — Secnôivanenkô trầm ngâm nói. Ông hiểu rõ đây không phải chuyện cái bình điện hay cái bóng đèn mà là một vấn đề nguyên tắc. Ta rút khỏi thành phố theo lệnh bộ chỉ huy chứ không phải vì quân địch đã đánh thắng. Đối với mỗi cán bộ, mỗi chiến sĩ, việc rút quân hoàn toàn, không thiệt một người, không để lại dù một cái đanh nhỏ của Nhà nước, là một vấn đề danh dự.

— Nhưng tôi nghĩ thế nào các đồng chí chả có ánh sáng? — Viên thiếu tá vừa hỏi vừa bắt tay Secnôivanenkô bằng bàn tay trái của anh, — đồng chí nhớ cho rằng ở đây mà thiếu ánh sáng là chết đấy.

— Ở trên kia, người ta soi sáng cho tôi rồi, —Seenô- ivánenkô có pha chút châm biếm. — Chúng tôi có ánh sáng.

Và như để xác nhận lời ông nói, ở chỗ trước kia là cái bóng

điện, nay xuất hiện một chiếc đèn bão đã châm lửa và treo lên, do Liônia Ximban mang đến.

— Một kỳ công của thế kỷ mười chín, một thành tựu kỹ thuật tuyệt vời gần đến mức quái dị, người bạn trung thành của thủy thủ và những hoạt động bí mật. — ông vừa nói vừa vặn thấp cái bấc xuống.

Lúc này, ngoài bộ phận của Secnôivanenkô, trong hang chỉ còn viên thiếu tá.

— Thôi. Chúng tôi xin từ biệt.

— Cũng đành vậy — Secnôivanenkô mỉm cười.

— Thế thì...

Viên thiếu tá ngần ngừ một chút, không biết phải làm gì bây giờ. Anh nhìn đồng hồ, đi một bước về phía cửa hang rồi bất thình lình quay lại, đến bên Secnôivanenkô và bỏ mũ cát-két ra. Hai người ôm hôn nhau ba lần. Sau đó viên thiếu tá đầu trần ôm hôn những người có mặt, mỗi người ba lần. Đến lượt Raitxa Kôletnisuc và Liđia Anghêliđi thì viên thiếu tá hơi ngượng, định hôn tay họ. Nhưng Raitxa Lvôpna, với vẻ bẽn lẽn hơi quê mùa, giật bàn tay to của mình lại, rồi ôm anh hôn ba lần lên bộ ria nhọn hoắt. Liđia Ivanôpna cũng cương quyết ôm hôn anh ba lần, mặc dù khi đó mặt chị nóng bỏng lên.

Viên thiếu tá đội mũ và lần cuối cùng, đưa tay lên vành mũ. Thế là anh đi khuất. Ở chỗ khe nứt anh lách ra, một lát sau, những hòn đá nhỏ vẫn còn lăn và những suối bụi khô vẫn chảy xuống. Cuối cùng, hoàn toàn yên lặng. Mọi người cứ ngồi ngây ra ở ngay chỗ viên thiếu tá từ biệt họ.

Người đầu tiên đứng dậy là Xviatôxlap. Từ lúc nãy, anh đã có vẻ băn khoăn như có điều gì muốn hỏi người chỉ huy của mình, nhưng vì chưa có dịp thuận tiện nên đành yên lặng theo cách xử sự của một chiến sĩ có kỷ luật. Anh đi đi lại lại trước mặt Secnôivanenkô, khi xách cái thùng khi xách cái túi, có lúc anh đã dừng lại và nhìn vào mặt ông để ông chú ý. Nhưng

Secnôivanenkô đang mải miết với việc xếp đặt địa điểm và giải những con tính ông ghi với mẩu bút chì nhỏ trên sổ tay nên không đế ý đến anh. Giờ là lúc quyết định phải nắm vững tình hình ngay, không được chậm trễ. Hoặc ở. Hoặc đi. Nếu phải đi, thì càng sớm càng tốt; bộ đội đã lên tàu vận tải cả rồi, và chính lúc này, những đơn vị bộ đội cuối cùng và đội hậu vệ đang bí mật rút khỏi chiến hào.

— Đồng chí bí thư, — Xviatôxlap nói bằng giọng quả quyết — Cho phép tôi hỏi đồng chí.

Lúc ấy Secnôivanenkô mới nhớ đến người lái xe của mình. Xviatôxlap đứng nghiêm trước mặt ông, bụng thót lại, nét mặt căng thẳng, đôi mắt long lanh. Cái bóng mắt cáo của ngọn đèn bão lướt trên tấm thân thon thon của anh. Cả người anh hơi chúi về phía trước như sẵn sàng bay vụt lên theo hiệu lệnh đầu tiên của người chỉ huy. Secnôivanenkô hiểu ngay tâm trạng chàng trai đã trở nên rất đáng mến, và rất thân thiết nữa, đối với ông trong thời gian gần đây. Vấn đề của Xviatôxlap ông coi là đã được giải quyết, ông đã quá quen thuộc với cách giải quyết ấy nên quên cả nói với Xviatôxlap. Ông cho rằng chuyện ấy tất nhiên phải như vậy. Thế mà Xviatôxlap đang đứng kia, đợi ông nói lên quyết định của ông.

— Tôi chưa nói gì với cậu à? Lạ nhỉ. Tôi quên khuấy mất đi đấy. Thế thì... tôi rút cậu ra khỏi bộ đội đấy. Cậu ở lại với tôi, bằng lòng chứ?

Xviatôxlap hít mạnh một hơi. Ngực anh phồng lên. Đôi mắt long lanh. Anh định trả lời thật bình tĩnh nhưng lai nói ngắc ngứ như một chú bé.

— À ra thế! — Anh nói giọng hơi khàn khàn, rồi lấy lại hơi — Đồng chí bí thư, đồng chí hãy tin rằng... tôi sẽ xứng đáng...

— Thôi được, đừng bốc — Secnôivanenkô mỉm cười nói. — Hãy hành động đi — ông nói thêm, nhấn mạnh một cách vô cùng thích thú vào cái từ quyết liệt, mà gần đây, trong tất cả mọi trường hợp, phần đông người Xô-viết luôn nhắc đến, với tinh

thần sẵn sàng chiến đấu chống kẻ thù đang muốn tấn công đánh chiếm thành phố của họ.

Nhưng Xviatôxlap vẫn đứng trước Secnôivanenkô.

— Lại còn chuyện gì nữa? — ông hỏi.

— Thưa đồng chí bí thư, — Xviatôxlap trả lời, — Tôi biết rằng... thật khó nói quá, không nên... nhất là khi tình hình thành phố rất nghiêm trọng, nhưng...

Secnôivanenkô nhăn mặt:

— Sao?

— Đồng chí cũng biết là mẹ tôi ở gần đây. Tôi muốn tạt về từ biệt bà cụ một tí.

Secnôivanenkô càng nhăn tợn:

— Thế ra bây giờ cậu mới nhớ đến bà cụ à!

— Nhưng thưa đồng chí bí thư, đồng chí cũng biết là cả một tháng nay tôi sống trên xe như trong trại lính, không rời một bước.

— Dù sao cũng phải tính đến chuyện ấy sớm hơn chứ. Bây giờ tôi cũng không biết là...

Xviatôxlap, cúi gằm xuống, nói:

— Xin đồng chí tha lỗi cho!

Anh cố gắng như muốn trút một gánh nặng khỏi trái tim nhưng không nổi: anh lại đứng thẳng người và nhìn thẳng vào mắt người chỉ hư y:

— Đồng chí cho phép chứ ạ?

— Khoan đã...

Secnôivanenkô suy nghĩ.

— Bà cụ ở có xa không?

— Không! — Xviatôxlap kêu lên, quên cả kỷ luật — gần sát

đây thôi. Xe tốt thì cả đi về chỉ mất hai mươi phút.

— Cụ thể là chỗ nào?

— Quá Pêrexip. Đúng chỗ bắt đầu con đường Ludanôpka. Đồng chí đồng ý chứ?

Tình hình chưa ổn định và những quy tắc hoạt động bí mật nghiêm cấm những chuyện nghỉ phép cá nhân, nhưng trước con mắt long lanh và cầu khẩn của Xviatôxlap, Secnôivanenkô không nỡ từ chối việc anh gặp mẹ; rất có thể đó là cuộc gặp gỡ cuối cùng của họ. Từ đây đến con đường đi Ludanôpka, khoảng cách quả là ngắn. ông biết rõ thế vì về mùa đông cháu gái Môchya Pêrêpêlitxkaia của ông ở đấy.

Nhân nghĩ đến Matriôna Terenchiepna nên Secnôivanenkô nhớ đến bức thư của bà ta.

Môchya đang làm gì nhỉ? Chắc hẳn đã tản cư gấp trên một chiếc tàu vận tải cùng với Valentin và cái chú bé Pêchya mà hai mẹ con vớt dưới biển lên. Nếu vậy thì ổn lắm. Nhưng nếu phải trông nom tài sản của ngư trang đến phút cuối cùng mà không ra đến cảng được cùng với lũ trẻ và hành lý thì sao? Có thể như vậy lắm. Secnôivanenkô hiểu rất rõ bà ta, ông biết bà ta cũng như tất cả họ Secnôivanenkô đều không thực tế lắm trong những việc của bản thân mình.

Ông hình dung ra bà ta bị lạc, không người giúp đỡ, không kịp thời xoay xở được một giấy thông hành ra cảng, không tìm được một chiếc tàu vận tải.

Nhưng tại sao ông không nghĩ đến chuyện ấy sớm hơn nhỉ?

Ông đâm ra lo, lo lắm.

— Khoan đã — Ông nói. Dưới ánh đèn bão, ông viết mấy chữ vào quyển sổ tay rồi xé tờ giấy ra. — Đi mà từ biệt bà cụ cậu, rồi phóng xe đến Krijanôpka. Chỉ cách đây độ hai ba cây số thôi. Cậu có biết ngư trang "Pêtren" không? Cậu sẽ thấy ngôi nhà của gia đình Pêrêpêlitxki và hỏi bà Matriôna Têrenchiepna.

— Tôi biết ạ — Xviatôxlap nói — về mùa đông, chúng tôi là hàng xóm với nhau.

— Càng hay. Cậu hỏi thăm xem sự thể ra sao. Chắc họ đã tản cư rồi. Nhưng nếu chưa thì cậu cho cả lên xe rồi trong thời gian ngắn nhất phóng ra cảng, xếp họ lên một chiếc tàu vận tải. Nếu không có, thì tìm cho họ một cái tàu con hoặc ca-nô gì đó, rồi cậu thương lượng với người chỉ huy, nhân danh tôi mà yêu cầu họ xếp chỗ cho gia đình Pêrêpêlitxki bằng cách này hoặc cách khác. Quá lắm, thì đi tìm một đồng chí nào đó trong khu ủy, rồi đưa cái giấy này ra, — Sêcnôivanenkô đưa cho anh tờ giấy. — Rõ chưa?

— Rõ! Sẽ hoàn thành, — Xviatôxlap mừng rỡ kêu lên.

— Đi thôi.

— Sau đó, sẽ giải quyết cái xe ra sao ạ?

— Con ngựa xích thố của cậu ấy à? Cho quỷ rước nó đi. Tạm cho bọn phát-xít chúng nó vỡ đầu xé tai vì cái xe ấy!

— Để tự tay tôi phá tan nó đi còn hơn, — Xviatôxlap nói nghiêm trang.

— Tùy cậu. — Đôi mắt Secnôivanenkô đột nhiên lóe lên một ánh tinh nghịch — Riêng tôi, thì có lẽ tôi để cho tụi Đức. Nhưng thôi, nói chung, cậu muốn làm gì thì làm!

Secnôivanenkô dẫn Xviatôxlap đến một góc hầm, ở đó có một hành lang đi sâu xuống hầm đá. Rồi bằng những lời lẽ ngắn gọn nhưng không sót một chi tiết nào, ông ra những chỉ thị cho anh, phòng mọi sự bất trắc khi lên mặt đất. Sau đó ông thu cái thẻ đoàn viên và toàn bộ giấy tờ của Xviatôxlap, nhét tất cả vào túi mình.

— Bây giờ thì cậu tự chỉ huy lấy mình, — ông nghiêm khắc nói — Nhớ lấy! Đi thôi, chậm nhất là hai giờ phải trở về.

— Xin chấp hành, — Xviatôxlap trả lời, rồi anh nhanh nhẹn trườn qua cái khe đá.

39

Pêchya đi khập khà khập khiễng với đôi giầy mượn, theo sau Valentin và bà mẹ. Đến khuya rồi mà họ vẫn chưa đến được Pêrexip là nơi có ngôi nhà mùa đông của họ (gọi là nhà thành phố của họ cũng được). Hai người đã lạc đường. Kể cũng lạ. Ở vùng này, họ biết từng cái hang cái hốc, từng cái gò cái đống. Thế mà họ vẫn bị lạc. Hai người nhìn quanh mà không nhận ra vùng bị chiến tranh tàn phá này là đâu nữa. Chỗ nào họ cũng vấp phải những chiến hào bỏ không, những đường giao thông chữ chi, những dây thép gai, những công sự pháo và súng cối bỏ lại. Cỏ thối mùa thu sặc mùi ét-xăng và dầu nhờn bị đốt cháy. Hàng đống vỏ đạn đại bác và vỏ đạn súng trường lăn lóc trên mặt đất. Họ gặp cả những viên đạn đại bác không nổ. Dưới ánh sáng lờ mờ của những đám cháy xa xa, những khối im lìm, có vẻ dọa nạt, đóng đai đồng, đầu bằng, đôi khi có những lỗ nhỏ ở chỗ mũi đồng và những đường rạch tròn đồng tâm ở đáy, gây cho ta một cảm giác thật rùng rợn.

Pêchya cẩn thận đi tránh những viên đạn không nổ, trong bụng sợ run lên, thậm chí chú còn thấy nôn nao thực sự khi nghĩ đến cái sức mạnh quái gở giết người ẩn náu bên trong. Nếu sức mạnh ấy nổ tung và bắn tóe ra tứ phía, biến tất cả thành tro bụi, trong đó có cả Pêchya, thì sẽ ra sao?

Quang cảnh quanh vùng đều không nhận ra được. Cả đến nước cũng làm thay đổi ý nghĩ về nó: một cái hồ mênh mông đã hiện ra ở chỗ trước đây chưa từng có và cũng không thể nào có một cái hồ như thế được. Rẽ chỗ nào để đi ra Pêrexip, cũng đều vấp phải nước. Họ không biết rằng người ta vừa phá con đê ngăn đầm nước mặn Hatji-Bây với những truông lọc nước cống. Thành thử nước tách họ ra khỏi thành phố, nước lan tràn suốt mấy chục cây số, gây ngập lụt một phần Pêrexip và nối với biển ở kho cảng. Những bể dầu xăng ở Pêrexip bốc cháy, khói đen và

lửa đỏ rực phản ánh trong làn nước chảy sát người họ. Họ bắt đầu hiểu là họ đã bị tách không những khỏi thành phố mà còn khỏi quân đội nữa. Nói cho đúng: họ đang ở trong tuyến không người giữa ta và địch.

Với ta, họ bị cái đầm nước mặn tràn ngập ngăn cách, nhưng giữa họ với địch thì không có một chướng ngại nào. Họ đã là tù binh.

Hiểu như vậy, bà Matriôna Têrenchiepna bất giác rẽ xuống nước, hy vọng có thể lội được đến Pêrexip. Sau bà, Valentin cũng lội xuống nước và sau Valentin là Pêchya. Họ đi mấy bước trong nước đầm lạnh buốt, nhớp nháp, nhưng bất chợt nước lên đến đầu gối rồi đến thắt lưng. Bà mẹ bước hụt một cái, mất thăng bằng. Giá Valentin không đỡ kịp thì có lẽ đến chết đuối. Vì vậy, cả ba vội quay trở lại. Họ leo lên bờ, ướt cả người, rét run cầm cập. Một luồng gió lạnh buốt thổi từ biển vào. Sương mù mờ đục được những đám cháy chiếu sáng, ngấm vào tận xương tủy.

Pêchya lên cơn sốt. Chú nghiến thật chặt hai hàm răng lại để mọi người không biết chú đang run.

— Các con ơi, rồi sẽ ra sao đây, các con ơi? — Bà Matriôna Têrenchiepna vừa lẩm bẩm vừa nhìn tứ phía! — Đi thôi! Đi thôi! Ta cố đi nhanh lên. Mau lên! Mau lên!

Đã mệt rã rời, nhưng họ lại bắt đầu men theo bờ nước hòng tìm lối thoát. Nhưng chẳng có lối nào cả. Họ đã phải đi mười lăm cây số chứ không ít. Họ đi như vậy già một nửa đêm, cho đến lúc kiệt sức. Bà mẹ lẩm bẩm luôn mồm:

— Các con, các con ơi... — Những dòng nước mắt chảy trên bộ mặt hốc hác phờ phạc của bà.

Cuối cùng họ đi về phía một thành giếng đã đổ nát trên thảo nguyên với cái máng uống bằng đá, và yên lặng ngồi xuống, không biết xoay xở thế nào nữa. Valentin là người đầu tiên lấy lại được bình tĩnh. Cô vùng dậy ôm và lay vai mẹ bằng đôi cánh tay gày gò nhưng cứng cáp.

— Mẹ, con xin mẹ hãy bình tĩnh. Mẹ tỉnh lại nào! Ngồi thế đủ rồi! Ta đi dấn nữa đi.

— Đi đâu bây giờ, Valentin, chỗ nào mà chả có nước? — Bà mẹ nói giọng thiểu não — Hãy nghĩ đến Pêchya, nó gần như đứng không vững nữa đấy.

— Pêchya, có đi được nữa không?

— Được, — Pêchya nói, không hé răng về cái gót chân đau của mình.

Valentin lại bên chú bé, đặt tay lên vai chú và nhìn vào mắt chú. Chú nhìn thấy nét mặt dịu dàng và buồn rầu của cô sát cạnh mình, dưới ánh sáng yếu ớt của những đám cháy xa xa đang tàn. Chú nhìn thấy đôi mắt Valentin sát mắt chú, đôi mắt trong suốt, long lanh, ân cần, âu yếm, đến nỗi chú cảm thấy hình như mình không nhọc mệt gì cả, đôi chân vẫn còn đủ sức đưa chú đi xa hơn, xa đến mấy cũng được, miễn là bên chú vẫn còn cô gái có cái miệng mím chặt ấy với biết bao nghị lực trong đôi lông mày vòng cung.

— Pêchya có đau không? — Cô bé hỏi.

Pêchya lắc đầu chối. Nhưng cô bé hiểu ngay là không đúng.

— Đau đấy, — Valentin quả quyết, rồi suy nghĩ một lát nói thêm — Nhưng làm thế nào được. Phải cố thôi. Ta phải đi.

— Mình sẽ đi, — Pêchya nói.

Chú đứng dậy. Nhưng giữa lúc đó, bà Matriôna Têrenchiepna kêu lên:

— Im! Nghe xem!

Họ dỏng tai. Có tiếng động cơ trong thảo nguyên. Tiếng đó từ nhiều nơi trong thảo nguyên đưa tới, lúc to lên, lúc nhỏ hẳn lại, tùy theo sức mạnh của những trận gió biển thổi không đều nhau, hỗn độn, dịu đi hoặc mạnh lên. Chắc chắn là tiếng động cơ rồi. Nhưng không phải là động cơ máy bay hoặc ô-tô. Đó là những động cơ nghiến ken két nặng nề với tiếng gầm chói tai

hầu như làm mặt đất đen lạnh cứng run lên bần bật.

— Xe tăng, —Valentin nói thì thào.

— Xe tăng của ai? — Pêchya hỏi khẽ hơn nữa, chú đột nhiên cảm thấy tim mình lạnh buốt.

— Của chúng nó, — Valentin nói.

Bà Matriôna và Pêchya nhìn thấy ánh đèn pha sáng chói của những chiếc xe ở nhiều nơi khác nhau trên thảo nguyên. Chúng tiến theo hàng đôi, đèn lóe sáng hoặc tắt đi tùy theo những chỗ mấp mô của mặt đất. Chúng bốc khói như mắt chó sói. Bị bầy chó sói ấy vây bọc, người đàn bà và hai đứa trẻ cứ im thin thít, nín thở, cảm thấy cái tai họa không tránh được đang đến gần. Những bóng đèn pha lập lòe bốc khói như những cái đèn cốc đang đến gần ấy khiến họ sợ quá, đến nỗi thoạt đầu họ không nhận thấy một mối nguy hiểm khác gần hơn nhiều, ngay sát nách... Bất thình lình, cả ba người cùng nhìn thấy một lúc bốn bóng đen tay cầm tiểu liên, cúi lom khom đi thẳng về phía họ.

Những mũ sắt sâu, kiểu rất đặc biệt, không như của ta, hồng lên dưới ánh lửa đám cháy gần tàn. Chắc hẳn đó là những tên lính trinh sát của địch, đi trước xe tăng. Tụi lính nối đuôi nhau, thành hàng chênh chếch. Thỉnh thoảng chúng rạp xuống. Lúc ấy Pêchya nghe rõ cả hơi thở nặng nề, tiếng khịt mũi của chúng. Rồi chúng lại đứng lên và tiếp tục thận trọng tiến lên phía trước. Thoạt đầu Pêchya tưởng chúng đi thẳng về phía bọn chú. Nhưng không. Tụi lính không nhìn thấy họ. Thằng nọ nối đuôi thằng kia, chúng thong thả đi qua cái giếng mà Pêchya, Valentin và mẹ cô đang nấp. Chúng đi gần và thong thả đến nỗi Pêchya ngửi thấy rõ ràng cái mùi của chúng, một mùi dầu cá xa lạ, có lẽ là dầu cá voi bôi ủng và mùi cao su tổng hợp của áo tơi ngụy trang.

Lần đầu tiên Pêchya nhìn thấy quân địch, bọn phát-xít, gần đến thế. Sự giáp mặt ấy gây cho chú một cảm tưởng bất ngờ choáng váng. Chú biết mình đang ở trong tay địch. Chỉ một tên lính nhìn thấy là số phận của bọn chú sẽ không do bọn chú định đoạt nữa. Bọn ngoại bang, bọn thù địch, bọn phát-xít ấy có thể

muốn làm gì họ thì làm, chửi họ, đánh họ, giết họ. Chúng có thể bắt họ cởi quần áo ra, nằm xuống, đứng lên, đi, đứng lại, giơ tay lên. Thật là nhục nhã đến nỗi Pêchya sẵn sàng nằm úp mặt xuống đất, nhắm mắt lại, lấy tay bịt tai lại để khỏi phải trông thấy gì nữa, khỏi phải nghe thấy gì nữa, để cho giấc mơ khủng khiếp vô lý ấy, mà lại không phải là một giấc mơ, qua đi thật nhanh.

Nhưng tụi lính vẫn không nhìn thấy họ. Chúng biến vào bóng tối, trong đó còn nghe thấy tiếng sột soạt kệch cỡm của những đôi bốt và những áo tối ngụy trang, cùng những tiếng xì xồ của một ngôn ngữ nước ngoài, không thể hiểu được. Lúc Pêchya tỉnh lại và nỗi bàng hoàng đầu tiên khi gặp quân địch đã qua, thì nét mặt anh thủy binh hấp hối lại hiện ra trước mắt chú. Tụi lính không nhìn thấy bọn chú, thật là may. Nhưng có thể còn tụi khác và tụi khác nữa chứ. Lúc này có rất nhiều lính địch. Rốt cục, Pêchya cũng đến rơi vào tay chúng thôi. Chúng sẽ khám người chú và tìm ra lá cờ. Nghĩ đến đây, mặt chú tê dại đi. Mau lên thôi! Mau lên thôi! Khéo không muộn mất. Phải làm một cái gì. Nhưng cái gì mới được chứ? Phải lập tức giấu lá cờ đi. Nhưng giấu vào đâu? Đầu óc của chú làm việc dồn dập.

Pêchya ngồi bệt xuống đất, dựa lưng vào thành giếng đá. Đó là những tảng đá vôi, thứ đá vôi đã xây dựng nên cả thành phố Ôđetxa. Cái giếng cạn khô, sụt lở đến một nửa. Mấy hòn đá lung lay, Pêchya gắng sức nhấc một hòn nằm sát mặt đất. Một cái hốc hiện ra. Pêchya thò tay vào, moi một hòn nữa, đến sứt cả móng tay.

— Pêchya làm gì đấy? — Valentin hỏi, cô nấp cạnh mẹ ở phía bên kia giếng.

— Không — Pêchya vừa trả lời vừa vội vàng run rẩy cởi khuy áo và tuồn lá cờ dưới lần áo sơ-mi ra. Chú rút lá cờ đặt nó vào trong hốc.

— Phải đi thôi, — Valentin nói.

— Ừ, đi — Pêchya nói và nhét luôn vào hốc tấm thẻ đoàn viên

của Layrôp. Vần mấy hòn đá một cách khó nhọc, chú lại đặt chúng vào chỗ cũ.

Hai hóng đen nhô lên phía trên giếng: Valentin và bà Matriôna Têrenchiepna. Hai mẹ con thận trọng cúi lom khom, bước đi trong thảo nguyên lúc này, trước buổi rạng đông, lại càng có vẻ tối hơn.

— Kia, Pêchya đâu rồi hả?

— Mình lại đây, mình lại đây!

Pêchya soát lại lần cuối cùng xem mấy hòn đá có chặn vững lá cờ và tấm thẻ đoàn viên không, rồi chú đuổi theo bóng hai người đàn bà.

40

Ánh lửa những đám cháy gần tàn, cho đến lúc ấy vẫn chiếu sáng khá rõ mặt đất, dù có phần yếu ớt, nhưng bây giờ gần như hoàn toàn tắt ngấm. Qua kẽ những đám mây trôi nhanh, hiện ra mấy vì sao. Trời trở rét, rét lắm, gần như băng giá. Mặt đất vang vang dưới bước chân, như gang vậy. Không còn xe tăng nữa. Chắc hẳn chúng đã rẽ sang đường khác.

Nước đầm xót và mặn, ngấm vào đôi giày của Pêchya, cắn hai bàn chân sây sát của chú. Ngón tay chú lạnh cóng. Pêchya lê không nổi, cố theo kịp Valentin. Phía trước, bà Matriôna Têrenchiepna bước nhanh. Bà gần như chạy, chốc chốc lại loạng choạng suýt ngã, ghì chặt cuộn giấy vào ngực.

— Đợi tý, mẹ ơi! Sao đi nhanh thế, Pêchya đứng cũng không vững, mẹ không thấy à?

— Chịu khó một tí, Pêchya ạ, — bà Matriôna vừa nói vừa bước chậm lại, — chịu khó một tí con ơi.

— Được ạ, — Pêchya nói qua kẽ răng — Ta đi đâu thế này?

Chú tưởng bọn chú đã đi trong một thời gian vô tận và cũng trong một thời gian vô tận, thảo nguyên ác cảm đen tối đã bao vây bọn chú.

— Ta đi đâu thế này —chú nhắc lại bằng giọng đều đều, không âm sắc, như người mệt quá đâm mụ đi.

— Ta đi đến đầm nước mặn Hatji-Bây — cô gái trả lời nhanh.

— Để làm gì?

— Biết đâu chả tìm được một cái tàu ở đấy và có thể sang được bờ bên kia.

Bất thình lình, có một việc xảy ra nhanh như chớp làm Pêchya không kịp hiểu. Một vật gì ập đến cùng với tiếng kêu khiếp hãi của Valentin, cô nhảy sang một bên và ngã sóng soài, tiếng phanh ô-tô rít, tiếng va chạm nẩy lên từ mặt đất rắn, tiếng kính vỡ choang thành nghìn mảnh, tiếng "mẹ khỉ" điên tiết văng ra qua kẽ răng với giọng bực bội có những nốt trầm trẻ trung, cùng tiếng cửa xe đập đánh sầm một cái.

Một ngọn đèn điện nhỏ bật lên như rọi sát vào mặt Pêchya. Chú bé nhấp nháy đôi mắt không hiểu chuyện gì đã xảy ra. Một chiếc ô-tô phóng qua thảo nguyên, đèn đóm tắt ngấm, lao vào bọn chú. Một li nữa là nó đè phải Valentin đang loạng choạng, và cô bé không giữ được thăng bằng nên đã ngã giúi xuống. Giây chót, người lái xe lái quật sang bên, húc phải một vật chướng ngại và hãm lại đột ngột. Và đây, anh lái xe, tay súng, tay đèn bấm, đang đứng trước họ, nói:

— Tôi đoán chắc là bác. Chào bác Matriôna Têrenchiepna! Chào Valia!

— Ô này, Valentin ơi! — bà Matriôna kêu lên — chính anh Xviatôxlap Macsenkô ở Pêrexip đây mà! Anh làm gì ở đây thế,

Xviatôxlap?

— Theo lệnh đồng chí Secnôivanenkô, tôi đánh xe đến Krijanôpka để chở gia đình bác ra cảng và đưa lên tàu vận tải. Tôi đã nhìn thấy cảnh nhà bác bốc cháy, ngổn ngang những xoong nồi. Thế là tôi quay lại, nhưng đi đến Pêrexip bằng xe thì lúc ấy không thể được rồi. Tôi hiểu rõ nếu gia đình bác không đến được thành phố trước khi đê vỡ thì chắc chắn bác đang đi trong thảo nguyên và không biết ra khỏi bằng cách nào. Tôi cũng đang trong tình cảnh ấy đây.

— Làm thế nào bây giờ? — Bà mẹ Valentin vừa hỏi vừa nhìn Xviatôxlap với tia hy vọng.

— Tôi cũng chưa biết tính sao. Bốn bề nước ngập cả.

— Ta phải đến đầm nước mặn Hatji-Bây rồi đi tàu sang bờ bên kia, — Valentin vừa nói vừa rũ áo — ở đây, mình bị lạc mất. Đến đấy, thế nào cũng có tàu.

— Tôi cũng nghĩ thế, —Xviatôxlap nói — Thôi lên xe mau lên. Còn chú nhóc này con nhà ai thế?

Nhìn chú bé gầy gò, lấm láp, đội mũ lưỡi trai, đánh cái áo khoác ngắn to sù không biết của ai, Xviatôxlap không nhận ra chú thiếu niên tiền phong Mạc-tư-khoa diêm dúa mà mấy tháng trước anh đã đưa từ trường bay về "biệt thự" Kôletnisuc. Cả Pêchya cũng không nhận ra Xviatôxlap. Nhưng chú thấy cái xe có mui vải mà chú ngồi cùng với Valentin và mẹ cô, có vẻ quen quen. Chú cũng không chú ý lắm vì còn mải mê với ý muốn bứt khỏi cái thảo nguyên tai ác này cho nhanh để thoát thân.

— Pêchya đấy, — Valentin nói, — thiếu niên tiền phong Mạc-tư-khoa. Hai mẹ con em vớt cậu ấy dưới biển lên đấy.

Lúc ấy, Xviatôxlap đã nổ được máy, chiếc xe phủ một làn khói khét lẹt, chồm lên phía trước. Lốp xe bên phải đằng trước và bên trái đằng sau đã bị nổ. Làm gì có thì giờ mà thay nữa!

— Thôi thì chạy bằng vành! — Xviatôxlap nói vẻ kiên quyết.

Chiếc xe mở máy, khập khiễng lăn đi, nhảy chồm chồm qua mỗi ổ gà. Nhưng nó khập khiễng cũng khá nhanh. Đôi lúc nó dừng phắt lại. Nhưng ngay sau đó, hình như muốn gỡ lại thời gian bị mất, nó lại chồm lên và lao lên phía trước. Xviatôxlap không mệt mỏi, đẩy kéo những cái cần, vặn ngoặt tay lái. Anh chuyển khẩu súng về đằng sau.

— Này, ai ngồi đấy? Valentin, cầm lấy khẩu súng. Hãm cò rồi đấy. Nếu bọn mình chạm trán trinh sát địch, em có bắn được không?

— Còn phải nói!—Valentin lầu bầu trong hai hàm răng nghiến chặt.

— Còn chú bé, cầm lựu đạn — Xviatôxlap đưa qua vai một quả lựu đạn. Pêchya hai tay đỡ lấy, nghĩ bụng không biết làm ăn ra sao đây.

— Cả chú nữa, ông tướng con ạ, — Xviatôxlap nói,— nếu bọn mình chọi với lũ khốn kiếp ây thì ném lựu đạn nhé! Có biết không đấy?

— Còn phải nói! — Pêchya nói, mặc dù chú chỉ hiểu lờ mờ cách ném lựu đạn.

— Pêchya, đưa lựu đạn cho bác, — bà Matriôna Têrenchiepna băn khoăn nói. — Bác sợ cháu không biết cách ném. Cầm lấy cuộn giấy, để bác giữ lựu đạn cho.

— Cháu ném được, — chú bé nói với vẻ bướng bỉnh có pha chút cáu kỉnh nữa. Hai tay chú nắm lấy cái mỏ vịt quả lựu đạn.

Lần đầu tiên trong đời, chú có cái cảm giác không gì so sánh nổi của một người bị đàn áp, bị tước vũ khí, nay lại được cầm vũ khí trong tay. Cái cảm giác lạ lùng về "vũ khí" chạy từ đầu đến chân chú như một luồng chớp và làm sức lực thể chất và tinh thần của chú tăng lên gấp bội.

41

Pêchya nắm cái chết trong tay với một niềm khoan khoái kỳ lạ, chú hiểu rằng mình có thể tạo ra cái chết bất kỳ lúc nào, chú có thể tùy ý định đoạt nó, vung tay ném nó về phía này hay phía kia, tiêu diệt kẻ thù nào dám cả gan tấn công chú. Chú không thấy mình là tù binh nữa, mà là người chủ của cái chết, đồng thời là người chủ của tự do của mình. Thậm chí, lúc này chú còn ao ước được gặp bọn Rumani hoặc bọn Đức. Rồi chú cứ nhìn trừng trừng vào thảo nguyên đen tối.

Valentin cũng có cảm giác ấy. Chĩa khẩu súng ra ngoài xe, cô dò xét bóng tối, y như Pêchya, và nghe thấy cả hơi thở của chú bé; chú mím môi lại, thở phì phì y như một con dím phát khùng.

Họ bị xe xóc tung người trên đường đến đầm nước mặn Hatji-Bây, nhưng họ đã đến đây trót lọt. Thảo nguyên như chết lặng. Chỉ có một lần, một chiếc pháo sáng bay lên. Nó gần quá và ánh sáng tỏa ra đều đặn quá, đến nỗi họ nhìn bờ đầm rõ mồn một, những cái cọc nhô lên khỏi mặt nước, phủ đầy bùn và mấy chiếc thuyền đen bị phá hủy. Một chiếc thuyền ngập nước lưng chừng, nước lấp loáng dưới ánh sáng, thuyền bập bênh nặng nề cạnh bờ. Họ thấy một cái gáo trong có ít nước, lượn lờ trong thuyền như một chiếc xuồng con. Họ xuống đáy khe và bắt đầu tát nước ở thuyền ra. Với cái gáo và cái thùng của Xviatôxlap, họ ra sức tát cho đến khi thuyền nổi được cùng bốn người khách. Thế là họ ngồi vào cái mảng thô sơ làm bằng những tấm ván cũ kỹ ấy, từ lâu không trát nhựa, vỏ sò vỏ hến bám đầy, giống một cái thùng dài hơn là một cái thuyền, rồi họ ra xa bờ.

Trong thuyền không có bơi chèo. Họ dùng khẩu súng, cái gáo và một cây gậy nhặt được trên bờ để chèo. Đầm nước mặn cũng nông, có thể lội được một quãng khá xa. Nhưng họ vừa đi được ba bốn chục thước thì Xviatôxlap kêu lên:

— Hãy gượm! — Anh nhảy xuống nước, nước đến thắt lưng — Cứ chèo đi, anh kêu lên — Tôi trở lại ngay.

Nói xong, anh biến mất, lội bì bõm trong nước và bóng tối. Trên bờ, một que diêm bùng lên rồi tắt. Vài phút sau, nước lõm bõm và bóng Xviatôxlap xuất hiện, ngực rẽ khối nước đầm nặng nề và im lìm. Xviatôxlap trèo lên thuyền, ngồi xuống ghế dài, lấy tay áo chùi trán hồi lâu. Anh lặng im nhưng mọi người cảm thấy anh buồn bã. Cuối cùng, anh nhổ xuống nước và xua tay.

— Thôi được, — anh nói vẻ kiên quyết, — cho nó biến đi cho rồi! Thế là nó chẳng còn của mình mà cũng chẳng vào tay chúng nó — nhận thấy không ai hé răng mà chỉ quan sát anh, anh phát cáu — Ngủ gật cả đấy à? Ngủ bây giờ thì sớm quá đấy. Tất cả bà con mình, mạnh tay lên nào!

Giằng lấy khẩu súng từ tay Valenlin, anh thọc xuống nước rồi chống mạnh xuống đáy đầm. Con thuyền vươn lên và lướt nhịp nhàng.

— Khỏe nữa lên các bạn ơi! Nào ông nhóc, cầm lấy gáo tát nước đi... Cả Valentin nữa. Cầm lấy thùng, làm bạo tay vào... Còn bác, bác Matriôna Têrenchiepna, bác cầm cái gậy giúp tôi... Chỗ này không sâu đâu.

Pêchya thủ quả lựu đạn vào bụng, rồi bắt đầu tát nước. Valentin với lấy cái thùng, cũng làm như chú. Việc ấy không phải thừa vì nước rỉ vào qua các kẽ hở, và con thuyền cũ kỹ lúc nào cũng chỉ rình đắm. Bà Matriôna và Xviatôxlap luôn tay sử dụng cây gậy và khẩu súng, làm con thuyền cứ dậm dật tiến lên. Chỗ đó, đầm không rộng lắm, nên họ có thể hy vọng vượt qua trong khoảng bốn mươi phút.

Nhưng mực nước bắt đầu lên nhanh trông thấy. Xviatôxlap phải buộc cái gậy vào để nối dài khẩu súng. Nhờ thế họ tiếp tục đi được một lúc nữa.

Cần phải khẩn trương vì trời sắp sáng. Phần khác, nước không vơi đi mà mỗi lúc một rỉ nhiều vào thuyền, mặc dù Pêchya và Valentin đã cố gắng phi thường, không một giây nào

ngơi tay tát nước ra khỏi thuyền hắt xuống đầm. Nước lên đến mặt ghế và tràn cả mặt ghế. Con thuyền đâm ra nặng kinh khủng. Xviatôxlap khó nhọc lắm mới làm nó nhích lên được. Con thuyền ì ra, bắt đầu xoay tại chỗ. Bà Matriôna Têrenchiepna đem hết sức mình ra giúp Xviatôxlap. Bà chèo bằng hai bàn tay, không ngơi lúc nào, mồ hôi chảy ròng ròng. Thỉnh thoảng, Xviatôxlap lại quay lại nhìn phía bờ xa tít, có vẻ như đợi chờ một cái gì.

Thình lình, trên bờ, chỗ anh để chiếc ô-tô, có một luồng chớp đỏ và hai giây sau, một tiếng nổ. Trên đám cỏ lúa, loang loáng những ngọn lửa soi sáng từng cuộn khói đen từ chiếc xe bốc lên. Âm vang của tiếng nổ chạy trên mặt nước đầm run rẩy. Dưới ánh sáng ngọn lửa đỏ rực, những người đi thuyền nhìn thấy cái xác ô tô dúm lại và nổ tung lên.

— Xin vĩnh biệt anh bạn,—Xviatôxlap vừa kêu lên vừa trật mũ ra. Anh vẫy vẫy chiếc mũ trong không khí như gửi cho người bạn quá cố lời vĩnh biệt cuối cùng. Đôi mắt anh quay lại phía chân trời tối đen lúc này đang nhạt đi vì trời sắp sáng. Ngoài xa kia, sau những viền xám xịt của ngọn núi Jêvakhôva, sau cái đầm nước mặn xám xịt ngập lụt, sau cái xác đen thui của một nhà máy lớn, hiện lên đường nét lờ mờ ảm đạm của mặt biển với những con tàu vận tải rời bến và cái khối ảm đạm hơn nữa của thành phố bốc cháy, lơ lửng giữa cái sống và cái chết.

42

Họ lại tiếp tục đi và cuối cùng ra đến giữa đầm. Đó là phần gay go nguy hiểm nhất của quãng đường, qua đó sẽ dễ dàng hơn. Nước không ngập quá thắt lưng. Vác tất cả đồ lề trên vai,

họ đổ bộ lên cái bờ thoai thoải phủ một lớp bùn dày, mỡ màng và nhơm nhớp như xi đánh giày.

Đến đây, họ cảm thấy thoát vòng nguy hiểm. Nhưng họ lầm. Mối nguy hiểm gần họ hơn là họ tưởng. Lính trinh sát địch đã đi vòng phía tây thành phố. Không gặp sức đề kháng nào, chúng tiến thong thả và thận trọng đến gần những trang trại Uxatôvô. Ở đó, bọn Đức và Rumani bố trí lại trên những điểm cao sau công viên Hatji-Bây. Thỉnh thoảng theo thói quen, chúng bắn pháo sáng tứ tung. Một chiếc pháo sáng lóe lên trên chỗ Xviatôxlap và các bạn đồng hành đổ bộ. Dưới ánh sáng hoa quì rất mạnh của nó, Pêchya nhìn thấy mặt đất phẳng lì, xám ngắt, rải rác đây đó những đồng muối bóng loáng. Tất cả cái mặt đất xám và lấp lánh ấy hình như bị rạch thành những ô vuông đen, phết nhựa. Xa xa, một loại cỏ đỏ quạch nhàu nát, nhô lên khỏi bùn: "cỏ trên sao Hỏa", Pêchya nghĩ bụng.

Ngôi nhà tắm đổ nát và những cột bể bơi cháy rui soi mình đến là thảm hại trong lần nước màu hồng, mặn và quánh như nhựa của đầm nước mặn. Pêchya đoán ra con đường xe điện ở phía xa hơn, nó choán tất cả chiều dài của phong cảnh này với những chữ thập gẫy gục của các cột sắt, những máy biến thế và những trụ bê-tông, cái hàng rào sắt gỉ nhìn thấy qua những khe hở.

Chỉ vừa mới đây thôi, những toa tàu nhỏ bé, xinh xắn của đường sắt chạy điện còn ầm ầm rộn rã ngược xuôi về thành phố. Thế mà bây giờ tất cả đều bị phá hoại tàn nhẫn, một quang cảnh hỗn loạn thê thảm, rầu rĩ đang ngự trị. Bà Matriôna lẩm bẩm, sau một tiếng thở dài não nuột:

— Lạy Chúa tôi, lạy Chúa tôi, cái quân giặc ấy, nó gây ra cơ sự này đây!

Trong lúc chiếc pháo sáng còn đang làm quay cuồng trên bầu trời những vòng tròn ánh sáng và bóng mờ của nó, không một ai nhúc nhích. Xviatôxlap nhìn quanh.

— Hỏng mất, — anh nói, — cái bọn khốn kiếp ấy đã đến đấy

rồi.

Chiếc pháo sáng tắt đi, kéo trở về bóng tối bức tranh ảm đạm của đầm nước mặn Hatji-Bây vừa đột nhiên được chiếu sáng bằng cái ánh sáng hóa học, ánh sáng "sao Hỏa". Họ đứng lặng, im phăng phắc một lúc, Họ chờ cái pháo sáng thứ hai. Nhưng nó không xuất hiện. Bọn chúng không nhìn thấy họ. Thế là họ bắt đầu đi trên bùn khô về phía đường tàu điện và men theo đường sắt về thành phố. Họ không nói một lời nào, hoàn toàn tin cậy ở Xviatôxlap. Anh cầm khẩu súng lục, bước đi quả quyết. Họ đi men một bức tường đá vôi, sau bức tường là những cây to trụi lá. Đó chính là công viên Hatji-Bây.

Trời sáng đến nỗi có thể phân biệt được các loại cây. Có những cây sến cổ thụ hùng vĩ chưa rụng hết đám lá nặng trịch như trổ từ sắt ra và đầy một lớp gỉ, những cây hồ đào, những cây dâu, những cây ngô đồng thân màu sô-cô-la và hồ trăn, với những hoa tự mòng mọng trên lớp vỏ mềm như một làn da, và những viên xôm xốp giống như quả trên cành, và tất nhiên những cây dạ hợp thì như đang trong cơn mê sảng, đung đưa những cành trần trụi như đánh báo hiệu.

Xviatôxlap dừng lại nghe ngóng. Anh lắng tai thật lâu, quay đầu về tứ phía, và lắng nghe lâu hơn nữa những âm thanh hết sức nhỏ gió đưa từ thành phố lại.

— Bác nghe thấy gì không?

Bà Matriôna Têrencliiepna cũng lắng nghe, dỏng tai ngược chiều gió, về phía thành phố. Bà nghe thấy tiếng súng máy và tiếng động cơ. Bà nhìn Xviatôxlap có vẻ dò hỏi.

— Bác nghe thấy gì không? — anh ngước lông mày nói vẻ lo lắng.

— Có, — bà trả lời rất khẽ.

— Chúng nó đấy, — anh ủ rũ nhận xét.

— Thế chúng mình không đi được à?

— Lúc này thì bác không đi được đâu. Đừng hy vọng nữa, hết cách rồi.

— Thế chúng ta tính sao bây giờ?

Quả là không thể nào trả lời được câu hỏi đó. Thực vậy, biết tính sao khi quân địch đang ở khắp nơi. Tình thế thật là bế tắc. Xviatôxlap kéo sụp mũ ca-lô xuống trán và gãi gãi chiếc gáy cạo nhẵn bóng theo như điều lệnh quy định cho những anh lính trẻ. Anh đứng doãi một chân và suy nghĩ. Pêchya và bà Matriôna Têrenchiepna nhìn anh với một niềm hy vọng và một vẻ sợ hãi không giấu nổi. Cả đến Valentin, cho đến lúc ấy vẫn tỏ ra tin tưởng và hăng hái, lúc này cũng đâm ra bi quan. Cô đứng trước mặt Xviatôxlap, môi mím lại, đôi mắt long lanh với con ngươi trong suốt, nhìn anh chằm chằm.

Xvialôxlap suy nghĩ thật lâu nhưng không tìm ra cách gì. Anh đã thi hành thật đúng mệnh lệnh của Secnôivanenkô — đi đến Krijanôpka — nhưng không xếp được gia đình Pêrêpêlitxki lên tàu vận tải vì những hoàn cảnh không tùy thuộc ở anh chút nào. Giải quyết cho họ ra sao bây giờ? Anh không biết, vì không có lệnh. Chính anh lại phải lập tức trở về hầm đá. Thời gian trôi. Chung quanh sáng dần. Ở chân trời thảo nguyên, phân đội khinh binh đầu tiên của địch đang phi về phía thành phố. Xviatôxlap nhìn đồng hồ. Kim đồng hồ không lóe sáng nữa mà chỉ sáu giờ kém mười.

— Cha mẹ ôi! — Xviatôxlap hoảng sợ kêu lên. Anh đã mất cả ý thức về thời gian. Anh không thể tưởng tượng rằng bảy tiếng đồng hồ đã trôi qua từ lúc anh lên khỏi hầm đá. Rồi Xviatôxlap hoảng sự với y nghĩ mới ngày đầu hoạt động bí mật mà mình đã vi phạm mệnh lệnh. Dĩ nhiên, có những trường hợp giảm nhẹ: chẳng ai báo trước cho anh là con đê sắp vỡ và anh có thể bị cắt đường về Uxatôvô. Nhưng mệnh lệnh quân sự là mệnh lệnh quân sự. Nó phải được thi hành dù có phải vì thế mà hy sinh. Tái đi vì xúc động, Xviatôxlap đội lại mũ ca-lô, thắt lại dây lưng và nói, vẻ cương quyết:

— Thôi chào các đồng chí. Tôi không thể đưa các đồng chí đi được nữa. Các đồng chí tiếp tục đi một mình vậy và xin tha lỗi cho tôi.

Anh đau đớn, ái ngại cho những con người bị bỏ rơi này. Anh rất quen biết Valentin và mẹ cô, họ thường đi tắm với nhau ở Ludanôpka. Lúc này, cô lại đứng trước mặt anh — cô bạn thời thơ ấu của anh — hai tay buông thõng nhìn anh vừa mong chờ, vừa trách móc. Mắt anh không thể rời khỏi cái khuôn mặt thiếu nữ dễ thương ấy, lúc này sao nó thân mến, gần gũi đối với anh thế. Nhưng sự tôn trọng lời thề quân sự, sự tôn trọng mệnh lệnh mà anh không muốn vi phạm, đã át hẳn mọi tình cảm khác.

Giữa anh và lối xuống hầm đá chỉ cách có cái công viên Hatji-Bay, cái bãi cỏ và khu nghĩa địa. Xviatôxlap ném khẩu súng vào trong công viên, bám lấy mép trên bức tường hoa, đu người lên rồi vắt chân qua. Anh sắp nhảy xuống mặt có úa công viên, chỗ khẩu súng của anh nằm giữa những quả dẻ Ấn-độ, thì đột nhiên anh phát hiện ra điều mà không ai đứng dưới có thể nhìn thấy trên dọc đường tàu điện được: một tốp trinh sát địch đang tiến từ ngôi nhà tắm về phía công viên Hatji- Bảy. Cùng lúc ấy, anh thấy rõ là anh không thể, anh không đủ sức bỏ mặc cho số phận một người đàn bà và hai đứa trẻ, trong lúc họ không ngờ đến mối nguy hiểm, vẫn cứ lặng lẽ ngước nhìn lên với một vẻ bối rối thầm lặng.

Chỉ có một cách cứu được họ: không để chậm một giây, giúp họ trèo qua bức tường công viên, dẫn họ vào nghĩa địa Uxatôvô, giấu họ gần cửa xuống hầm đá, báo cáo đầu đuôi câu chuyện với Secnôivanenkô, rồi nếu đồng chí ấy cho phép, sẽ đưa họ vào cái trại ngầm dưới đất. Riêng anh, anh không có quyền dẫn những "người lạ mặt", dù là vào cái hang gần nhất. Anh cũng không thể chỉ cho họ lối vào. Vi phạm quy tắc ấy là bị ghép vào tội phản bội ghê gớm nhất, Xviatôxlap biết rõ điều đó. Trong chớp mắt, sau khi cân nhắc mọi nhẽ và đi đến cái quyết định duy nhất, Xviatôxlap nhảy xuống đất:

— Nhanh lên, sang bên kia với tôi!

Không để các bạn đồng hành của anh có thời giờ suy nghĩ, anh trèo lên bức tường hoa, chìa tay cho bà Matriôna Têrenchiepna. Anh nghĩ bụng cái bà có tuổi này mà vượt qua được thì cũng mệt đây. Nhưng không, thật không ngờ bà tỏ ra khỏe mạnh, nhanh nhẹn đến thế. Bà ném tất cả đồ lề qua tường, rồi không cần nắm bàn tay Xviatôxlap chìa ra, bà nhảy khá vụng về nhưng nhẹ nhàng, tì ngực vào tường, và hất vội mớ tóc xòa trên trán, chồm vào trong công viên. Bà kêu "Hấp!" như một đứa trẻ. Chỉ có Pêchya là vất vả nhất. Thấy chú lúng túng, Valentin định đỡ khuỷu tay chú lên. Chú bực tức gạt đi và loay hoay trèo một mình. Một tay vướng quả lựu đạn, tay kia lại không với tới mép tường thành ra chú không lên nổi. Chú xước cả móng tay, sầy cả đầu gối.

— Để mình đỡ cho nào... Người đâu mà kỳ quặc! Đã thế lại cử tỏ vẻ! — Valentin bực tức nói.

Nhưng Pêchya thà chịu những cực hình ghê gớm nhất còn hơn mất thể diện trước mặt cô gái, mặc dù chẳng có chuyện này cô cũng đã có thói quen chỉ huy chú và coi chú như con nít rồi.

— Kệ tôi! Tôi lên một mình được! Kệ tôi! — Chú bé vừa bướng bỉnh nhắc lại vừa lấy khuỷu tay gạt Valentin ra, chú cố nhoài lên bức tường tai ác, cái áo bông cộc cọ vào đá vôi sần sùi, rách toạc ra, rồi chú lại rơi tuột xuống đất.

— Để quả lựu đạn xuống —Valentin kêu lên.

— Đừng có mà ra lệnh — Pêchya phì phò qua kẽ răng — và lại nhoai lên bức tượng lần nữa.

— Đã bảo là bỏ lựu đạn xuống mà lị!

— Đừng... đùa dai... — Pêchya lầu hầu, mím răng mím lợi lại và giữ khư khư lấy quả lựu đạn.

Tước của chú cái vũ khí mà chú nhận được lần đầu tiên trong đời quả không phải chuyện dễ. Sau cùng Xviatôxlap không nhịn được nữa.

— Đưa lựu đạn đây, rắc rối lắm. — Anh cúi xuống và khéo léo

tước quả lựu đạn ở tay chú bé.

— Bây giờ thì sang nào!

Bàn tay rảnh kia của anh nắm lấy cổ áo khoác của chú và kéo về phía mình. Những đường khâu rạn ra nhưng không đứt. Pêchya bị treo lơ lửng trên không.

— Valentin, hộ nó tí.

Valentin nhanh nhẹn cúi xuống và một giây sau, hai chân Pêchya đã tì lên vai cô. Cô nhô mạnh người lên một cái, thế là chú bé chưa kịp kêu đã vọt qua khỏi tường hoa. Hai cánh tay cứng cáp của bà Matriôna nắm lấy chú bé, và chú bé rơi xuống cỏ, chỗ có bọc tài liệu và những hạt dẻ Ấn-độ. Qua bức tường chú nghe thấy tiếng cười thích thú có pha chút ranh mãnh của Valentin. Đúng, cô ta cười! mặc dù tình thế nguy ngập, cô ta cũng không nhịn cười được... Hai tai Pêchya nóng bỏng lên vì xấu hổ. Người ta coi chú như một đứa trẻ yếu ớt. Chú chỉ muốn quát lên qua bức tường với Valentin một câu gì thật chua cay, nhưng chú không có thì giờ cãi nhau. Ngay sau đó, Valentin nhảy trên tường xuống, mặt đỏ gay, đầu bù tóc rối, sau cô là Xviatôxlap, tay cầm quả lựu đạn. Nhanh chóng vơ lấy vũ khí và đồ lề, họ vội vã đi ngang qua công viên. Họ băng qua những luống hoa bị tàn phá phủ đầy lá úa; một vài chỗ, những khoảnh lớn hình ngôi sao trồng thược dược đã bị gẫy, thối, trông còn tối om.

— Này, im đi, — Xviatôxlap vừa nói vừa đưa quả lựu đạn cho chú bé rầu rĩ — Nhưng cần phải cẩn thận đấy.

Họ xuyên qua công viên, lượn ngoắt ngoéo giữa những cây cổ thụ. Cây cối trông to bát ngát, tối sẫm. Họ đi qua một khu vực im lìm, toàn dã tường vi đầy những chùm quả nặng trĩu. Họ luôn luôn phải nhảy qua những giao thông hào đào xuyên ngang những con đường rậm rạp và những luống hoa. Họ vượt qua tòa nhà an dưỡng dài với hai hàng ban công nhỏ thanh tú ở mặt trước mới hôm qua thôi, còn mỹ miều, lịch sự, thế mà bây giờ đã đổ vỡ, hoang tàn. Trên ban-công, lủng lẳng những mảnh

vải lều kẻ sọc. Dưới đất, ngổn ngang bát đĩa và ngói vỡ từ mái nhà rơi xuống. Những khuỷu ống máng mắc vào những cái đinh móc hoen gỉ. Gió thổi bay tung những tờ giấy cháy xém.

Một cây sồi cổ thụ bị một viên đạn đại bác nã trúng, vẫn đứng thẳng, vươn những cánh tay già nua đen đủi dài nghêu, y như một nhạc sĩ già chơi đàn banđura, còn mặt đất khắp chung quanh thì phủ đầy lá thu màu đồng.

43

Sau cùng, họ chui qua một lỗ hổng của bức tường, vào thẳng khu trại Uxatôvô. Ngoan ngoãn theo sau Xviatôxlap là người thuộc đường, họ đi xuyên qua những sân trại vắng lặng, có những bức tường đá vôi cao bao bọc, với những cổng nhà xe đóng kín mít. Hầu hết các cửa đều khóa. Dân cư các trại đã chạy đi hoặc lẩn trốn. Họ đi vòng ngôi nhà thờ lặng lẽ, bị cỏ và gai góc mọc lấn đến tận sân trước giáo đường. Họ vào nghĩa địa, đi giữa những ngôi mộ đá cổ, đầy rêu và ốc sên. Những thập tự xám đen làm bằng đá vôi mài nham nhở trông xôm xốp như bánh lõa mạch nguội.

Xviatôxlap bảo họ đứng chờ rồi anh tiếp tục đi một mình. Bước vào bãi cỏ phủ sương mù, anh tụt xuống cái khe đá nhỏ bị bụi rậm che lấp, một đàn chim xào xạc bay lên.

Xviatôxlap men theo khe nhỏ, sắp đến gần cửa vào hầm đá thì có người gọi anh. Xviatôxlap ngẩng đầu và thấy trong bụi cây một khẩu súng và một con mắt long lanh ranh mãnh sau cái thước ngắm. Đó là Lêônit Ximban được phái đi đón Xviatôxlap. Anh phải cảnh giới khu vực mà bọn Rumani và Đức có thể xuất hiện bất kỳ lúc nào.

— Ơn Chúa. Tình hình trong thành phố ra sao?

— Mình cũng không vào hẳn thành phố, chỉ đến Pêrexip thôi.

— Thế tình hình Pêrexip?

Xviatôxlap đưa tay ra hiệu.

— Phải, hiểu rồi, — Lêônit Ximban nói — Thế cậu không gặp bọn trinh sát địch à?

— Sao lại không? Vừa va tụi chúng nó xong. Chúng nó đã ở bờ bên này đầm Hatji-Bây rồi.

— Cậu nói sao? — Lêônit Ximban kêu lên, nét mặt trở nên vừa nghiêm nghị vừa căng thẳng. — Chúng nó đông không?

— Có lẽ sáu tên.

— Chà...

Không muốn nấn ná, anh nói cho Lêônit biết là anh đã đưa Valentin, bà Matriôna, đèo thèm một ông nhóc nữa đến, đã để họ nấp trong nghĩa địa, rồi Xviatôxlap vội vã chui vào cái hang gần đó nhất.

— Nhớ bảo Tulyakôp cho người đổi gác nhé. Mình ở đây đã bốn giờ rồi đấy. — Lêônit nói to với anh.

Từ lúc Xviatôxlap lên mặt đất, đã có nhiều thay đổi xảy ra. Lúc này, trong hang chỉ còn những đồ cồng kềnh: vài cái hòm gỗ và một thùng tôn đựng ga-dô-lin. Mọi thứ vật liệu khác đã được phân phối theo các đường ngầm vào trong cùng hầm đá là chỗ theo kế hoạch sẽ đặt địa điểm chính của đội.

Cuối một hành lang ngầm, hẹp và tối, le lói một ánh sáng nhỏ màu vàng. Xviatôxlap bước vào hành lang, người lom khom để khỏi đụng đầu vào vòm, khuỵu đầu gối xuống, đi về phía ánh sáng.

Không khí im lìm ngưng đọng, ẩm ướt và nặng nề. Bóng tối dày đặc của đường hầm bao quanh Xviatôxlap, đè nặng lên anh đến nỗi anh có cảm tưởng mỗi lúc có thể vấp má vào cái bóng

tối ấy như vào một tảng than. Ngọn lửa nhỏ trước mặt anh giống như một lỗ đục qua tảng than ấy. Xviatôxlap bật đèn bấm nhưng cả đến cái ánh đèn này, bình thường khá sáng, ở đây cũng có vẻ yếu ớt, mơ hồ. Một vệt do những vòng sáng đồng tâm tạo thành, lướt trên vòm đất xám phủ một lớp bụi khô. Chân anh cũng giẫm lên lớp bụi khô ấy, trên có những vết chân chằng chịt. Nhìn những dấu vết ấy, Xviatôxlap biết là mình đi đúng đường.

Con đường ngầm bắt đầu hẹp lại. Sau cùng nó chật đến nỗi phải bò bằng tứ chi. Xviatôxlap bò. Phía trước anh ngọn lửa nhỏ vẫn le lói, xa tít, như một con nhện bóng loáng tỏa ra những sợi tơ óng ánh của một tấm mạng rất mỏng mảnh. Được mấy thước, đường hầm lại rộng ra. Xviatôxlap đứng lên đi. Anh lo xa, vẫn cúi lom khom, đầu gối khuỵu xuống. Nhưng đường hầm trở nên khá rộng để anh có thể đi không cần cúi nữa.

Dần dần, con đường chật hẹp đó biến thành một cái hành lang có vòm khá cao. Tường và trần không phải bằng đất nữa mà bằng đá, cũng phủ một lớp bụi khô. Ngọn lửa nhỏ trông vẫn xa lắc và vẫn như đi không bao giờ tới. Rồi đột nhiên, nó lóe lên ngay sát anh. Đó là một chiếc đèn đêm làm vội bằng một lọ nước thơm Cô-lô-nhơ nhỏ, một cái ống và một sợi bấc bằng bông xe. Ngọn lửa bốc khói đứng rất im, chỉ rung rinh khi Xviatôxlap bước đến gần. Chiếc đèn đêm đặt trên một tảng đá vôi, đục trong tường. Xviatôxlap hiểu đó là một ngọn đèn pha đặt để chỉ đường cho khách bộ hành bí mật. Anh đã không nhầm. Trên bức tường bụi bặm được ngọn đèn chiếu sáng, anh nhận thấy một mũi tên, vạch ra để chỉ hướng đi. Anh đi theo hướng đó, không rẽ vào những hành lang kề bên mà thỉnh thoảng anh lại gặp. Hơn nữa, ngay những hành lang này, có những dấu vạch trên đất cho biết là lối đi đã bị vít lại.

Đường hầm dần dần thắt lại cho đến khi trở thành một lỗ chuột chũi bắt người ta phải bò. Nhưng đúng lúc anh toan bấm đèn thì trước mặt anh lóe lên một ánh lửa mới. Xviatôxlap hiểu đó là ngọn đèn pha tiếp theo. Con đường ngầm càng hẹp. Anh

nằm sấp xuống và bắt đầu trườn như một anh thợ mỏ ở đáy lò. Chốc chốc anh lại vập vai vào tường và cảm thấy bụi rơi xuống cái đầu trần, xuống cổ và chui vào trong gáy áo.

44

Luôn luôn hướng về cái ánh sáng giống như chiếc đinh ốc nhỏ bằng vàng phía trước, Xviatôxlap kiên nhẫn trườn lên độ mười thước. Anh biết con đường lại sắp rộng ra. Đúng thế, anh đã có thể đi khuỵu đầu gối được rồi. Dù dưới hầm khá lạnh, Xviatôxlap vẫn thấy ngột ngạt, mồ hôi nhễ nhại. Đầu óc anh mệt lử vì bóng tối trong lòng đất.

Và phía trước, ngọn lửa nhỏ im lìm vẫn cháy yếu ớt, có vẻ xa lắc xa lơ và bé tí, giống như một lỗ khoan qua một tảng than.

Xviatôxlap cố tưởng tượng xem những gì sẽ xảy ra nếu cái ánh sáng ấy tắt đi mà mình lại không có đèn bấm. Anh thấy lạnh toát cả người. Làm sao đi được trong hóng tối sâu thẳm này, trong cái địa ngục không ánh sáng này? Và nhất là đi đâu mới được? Không có những ngọn đèn pha, không nhìn thấy những mũi tên trên tường và những gạch chéo ở các hành lang hai bên... không ánh sáng, anh sẽ lạc đường, anh sẽ chết mất.

Xviatôxlap thấy rõ rằng nếu không có ánh sáng thì không thể nào đi được trong cái hầm tối này. Mang theo một ngọn đèn cũng không thể được. Một ánh sáng thù địch trong lãnh thổ của Secnôivanenkô sẽ là một cái bia tuyệt diệu. Trong bóng tối, người ta có thể bắn không chệch phát nào. Và do chỗ chỉ có thể đi hàng một và đi rất chậm, nên không một tên địch nào mang đèn mà có thể thoát được một viên đạn hoặc một quả lựu đạn, dù nó rất khỏe và vũ trang đầy đủ đi nữa. Chúng chỉ tổ chất xác

ngập đường hầm mà thôi, chứ không thể nào qua nổi.

Có hoặc không có ánh sáng đều không thể được. Trường hợp nào cũng chết cả. Kẻ nào chiếm lĩnh được hầm đá đầu tiên là kẻ ấy thắng. Xviatôxlap trước đây còn nghi ngờ khả năng phòng thủ dưới lòng đất, nay đã hiểu cả. Thế là anh cười lên sung sướng.

Xviatôxlap chưa đến được ngọn đèn "pha" nọ thì anh nhận thấy phía trước một ánh lửa thứ hai rồi một ánh lửa thứ ba. Hai ánh lửa mới đó lớn hơn và di động. Phía trước, một ánh đèn điện tròn lướt tới. Xviatôxlap nhìn thấy hai bóng đen. Những bóng ấy đi tới gần. Lập tức Xviatôxlap bấm nhấp nháy chiếc đèn của anh. Hai bóng đen trả lời. Cái kiểu đó giống như những tín hiệu của hai chiếc xe gặp nhau ban đêm.

— Lêônit đấy hả? — Secnôivanenkô hỏi.

Xviatôxlap trông thấy ông tay xách đèn bão, tay cầm khẩu súng.

— Không, tôi đây.

— Tôi là ai? Mình không nhận ra.

— Chiến sĩ hồng quân Macsenkô.

— A! Xviatôxlap, cậu đã về đấy à?

Trong giọng nói của đồng chí bí thư, không có chút gì tức giận hoặc trách móc. Đồng chí bình tĩnh, chỉ hơi mệt mỏi một chút thôi.

— Trên ấy tình hình ra sao?

Xviatôxlap tập trung trí nhớ và báo cáo rất gọn, rất rõ với đồng chí bí thư thứ nhất tất cả những việc đã xảy ra.

Xviatôxlap, cũng như những người đứng cạnh, biết bà Matriôna Têrenchiepna Pêrêpêlitxkaia là bà con với Secnôivanenkô và chính bà cũng là người trong họ Secnôivanenkô.

— Như thế thì... — Secnôivanenkô hoảng hốt kêu lên, dù bản tính ông không hay bộc lộ tình cảm, nhất là sự sợ hãi. Nhưng cái tin Xviatôxlap mang lại cho ông thật quá đỗi kinh ngạc.

— Thưa đồng chí bí thư, tôi đã định dẫn thẳng họ vào đây, nhưng tôi lại nghĩ cần phải báo cáo với đồng chí trước đã.

Hai người cùng yên lặng một lúc.

— Thế cậu để họ ở đâu? — Cuối cùng Secnôivanenkô hỏi.

— Ở nghĩa địa Uxatôvô.

— Có chỗ nấp không?

— Ngồi sau những ngôi mộ.

— Rắc rối thật! — Secnôivanenkô nói, rồi lại lặng im, rõ ràng là ông đang cân nhắc mọi bề trong óc. Sau đó, ông quả quyết đi về phía cửa hang.

Xviatôxlap và Xtrenbixki yên lặng theo sau. Secnôivanenkô bước nhanh, ông không muốn tỏ vẻ vội vàng, nhưng lại đâm ra hết sức vội vàng.

— Thế cậu có báo cho Lêônit Ximban là họ ngồi chỗ nào chứ? — Ông hỏi khi ba người đã bò qua quãng đầu tiên, quãng đường hẹp nhất và đi tới ngọn đèn "pha".

— Đồng chí Ximban không biết gì cả. Tôi không nói gì với đồng chí ấy. Tôi chỉ báo cáo với đồng chí thôi.

— Chà! — Secnôivanenkô nói có vẻ tán thành nhưng đồng thời rất lo lắng. Ông bước hết sức gấp. Ông hiểu quá rõ mối nguy hiểm đang đe dọa hai mẹ con Pêrêpêlitxki và Pêchya Batsây.

Tất nhiên Secnôivanenkô không hề có ý định cho họ xuống hầm. Một mình Môchya còn tạm được. Nhưng bà lại kèm theo hai đứa trẻ. Ông định gặp bà thật mau và giúp đỡ đến mức có thể được, nhưng không cho biết chỗ ông ở, vì đó là điều bất kỳ trường hợp nào ông cũng phải giữ cực kỳ bí mật. Nhưng sự việc lại xoay chuyển hoàn toàn ra cách khác. Họ vừa đi tới cái hang gần đó thì nghe ở phía trên có tiếng súng và tiếng Lêônit

Ximban đang hét những câu gì không rõ: hình như anh đang kêu cứu thì phải. Người nọ theo sau người kia, họ vội vàng lao tới cái khe nứt và nhảy lên mặt đất.

45

Vừa ở trong bóng tối hầm ngầm ra, thoạt đầu, họ bị ánh sáng yếu ớt của buổi sáng tháng mười đầy sương mù, làm chói mắt như bị luồng ánh sáng gắt không thể chịu nổi của một ngọn đèn pha chiếu thẳng vào giữa mặt. Họ đã mất cái khả năng nhìn rõ bất kỳ vật gì: những vòng tròn xanh nhảy múa trước mắt. Họ nghe thấy những tiếng súng nổ liên hồi và gần đâu đó, tiếng Ximban đang hét vang:

— Trốn vào đây! Mau lên! Chạy vào đây!

Chưa thật quen mắt với ánh sáng ban ngày, không nhìn rõ các vật mà chỉ thấy những bóng mờ mờ, họ chạy về phía có tiếng Ximban, trèo lên dốc khe, và thấy mình đang ở trên bãi cỏ đối diện với nghĩa địa Uxatôvô. Nấp sau một tảng đá vôi xếp thành lớp, Ximban quỳ bắn vào một mục tiêu ở phía nghĩa địa. Chung quanh anh, giữa đám phân bò khô và những cây cúc trường sinh, lăn lóc những vỏ đạn rỗng. Sau mỗi phát, Ximban lại nhô lên, vừa tuyệt vọng vẫy vẫy chiếc mũ cát-két vừa hét về chính phía anh nhằm bắn.

— Nghe này, ở đây kia mà! Chạy vào đây! Này! Này!

Secnôivanenkô vừa chạy vừa mở cò hãm, và trước khi đến được chỗ Ximban, ông nhận thấy phía trước mặt, cách độ một trăm mét, một chiếc ô-tô nhà binh mũi bằng, loang lổ xanh và nâu, đỗ cạnh cái hàng rào thấp của nghĩa địa, làm bằng những tảng vỏ sò xếp so le nhau. Hai tên lính dị dạng, đội thứ mũ sâu ít

thấy, mặc áo tơi xanh nhạt, đẩy vào xe một người đàn bà đang giãy giụa. Tên lính dị dạng thứ ba, có bộ mặt đen sì và bộ râu không cạo, lôi cánh tay một chú bé mặc áo khoác ngắn rách; mũi chú bé chảy máu ròng ròng. Tên lính thứ tư nằm dài sau hàng rào nghĩa địa, đang bắn về phía Ximban. Và một cô gái, bím tóc lủng lẳng rối tung, tay vung khẩu súng trường, chạy về phía cái khe sâu. Cô bé bị một tên lính thứ năm đuổi theo, căn cứ vào cái mũ cát-két có lưỡi trai dị dạng, có lẽ tên này là một sĩ quan, nó bắn theo cô bằng súng lục. Một tên lính thứ sáu rõ ràng là tên lái xe chạy quanh chiếc xe sơn loang lổ, xem xét những chiếc lốp bị nổ, thỉnh thoảng lại nằm xoài xuống đất để tránh những viên đạn mà Ximban bắn tới tấp về phía nó. Trên bãi cỏ, ngổn ngang những đồ vật, rõ ràng là bị vương vãi trong cuộc xô xát; có đủ các thứ tiếng la hét, chửi rủa, rên rỉ, ra lệnh, và những phát súng bao trùm lên tất cả. Và hình như tất cả cái đó hiên nhiên là sự nối tiếp một sự việc đã bắt đầu từ lúc Secnôivanenkô nghe thấy những phát súng đầu tiên.

Giữa lúc Secnôivanenkô, cuối cùng đã quen mắt với ánh sáng ban ngày, nhìn bao quát được cảnh tượng đó thì Ximban lại bắn nữa. Tên lái xe đang chạy quanh chiếc xe, bất thình lình lảo đảo, quay lông lốc rồi ngã ngửa ra, hai cánh tay bắt chéo. Lập tức một viên đạn bắn trả lại rít trong không khí như một nhát roi da, và những mảnh đá bắn tóe ra ngay cạnh Ximban.

— Trượt rồi! — Lêônit khoái trá kêu lên — A, thằng khốn kiếp! Nó bắn mình trượt rồi! — rồi anh lại nhằm bắn.

Nhưng anh chưa kịp bóp cò thì đằng sau, Xtrenbixki đã nổ súng, thế là tên lính mặc áo tơi xanh dưới chân hàng rào nghĩa địa, kêu lên một tiếng, buông rơi khẩu súng, lắc tay rối rít y như người bị bỏng ngón tay. Có thể thấy được những ngón tay của nó đỏ lòm lên. Thế là Secnôivanenkô nhằm thật nhanh và nổ súng.

Ximhan hoàn toàn bị hút vào cuộc bắn nhau, mãi đến lúc ấy mới nhận thấy cuối cùng dã có người đến tiếp viện.

— Theo tôi, anh em ơi! — anh thét lên bằng cái giọng dữ dội

đúng của vùng Pêrexip, rồi chồm ra khỏi chỗ nấp.

Nòng súng chĩa thẳng, anh chạy vụt về phía bãi cỏ phủ đầy cúc trường sinh như một lớp mi-ca màu tử đỉnh hương. Noi gương anh, những người khác cũng lao theo. Tất cả cái đó chỉ kéo dài trong khoảnh khắc. Sự việc tiếp diễn cũng rất nhanh. Những tên lính đang đẩy bà Matriôna Têrenchiepna vào xe và tên lính đang lôi Pêchya, đều buông tù binh của chúng ra, và có bao nhiên tinh thần dũng cảm thì dốc ra hết để làm cái việc tháo chạy về phía đường Uxatôvô, chạy ngoằn ngoèo chữ chi và nhảy vọt qua những chỗ chướng ngại. Cô gái, bím tóc xô tung, bỗng dừng phắt lại như chôn chân tại chỗ, quay ngoắt về phía tên sĩ quan đang lao đâm sầm vào cô. Hai người mặt giáp mặt. Valentin cầm nòng súng giơ lên phang cho nó một cái vào đầu. Tên sĩ quan ngã lăn quay ra. Vừa lúc đó, Xviatôxlap chạy tới. Anh dí nòng súng lục vào tai nó, cau trán, mắm môi, bóp cò rồi lại chạy lên, nhảy thoăn thoắt qua những đống phân bò khô.

Trong khi bà Matriôna Têrenchiepna mặt hầm hầm đỏ bừng, chạy đi chạy lại trong nghĩa địa và bãi cỏ, nhặt nhạnh các đồ vật vương vãi, và Pêchya khóc rưng rức đưa tay áo quệt máu dưới cằm, thì các người khác bắn thêm vài phát súng nữa vào quân địch đang tháo chạy. Bọn chúng biến mất.

Pêchya ngồi trên một hòm đựng mì ống, mặt ngửa lên trời, tay giơ cao một chiếc mỏ lết của Xviatôxlap đưa cho. Thực ra, muốn cho hết chảy máu mũi thì phải cầm một cái chìa khóa cửa giơ lên. Đó là một lối chữa mẹo dân gian đã lâu đời. Chìa khóa cửa có thể "khóa chặt" mũi lại, làm máu hết chảy. Bà Matriôna Têrenchiepna nhất định bảo thế. Nhưng ở dưới hầm, không ai có lấy một chiếc chìa khóa cửa. Đành phải dùng một chiếc mỏ lết vậy. Nhưng, như ta có thể thấy trước, một chiếc mỏ lết thì chẳng có tác dụng mấy. Máu vẫn cứ chảy và Pêchya chốc chốc lại cau trán, khạc máu xuống đất.

Bà Matriôna Têrenchiepna đỡ tay Pêchya để giữ cho nó càng cao càng tốt, và Raitxa Lvôpna Kôletnisuc thì cầm giẻ lau mũi cho chú.

— Cố một tý, cháu ạ, sắp khỏi ngay thôi — bà Matriôna vừa nói vừa nâng tay chú bé cao hơn nữa.

Trong khi đó, Liđia Ivanôpna Anghêliđi chạy vào các hang, tìm hòm thuốc.

Pêchya, mặt lầm lầm, cau mày, tỏ ra bằng toàn bộ tư thế của mình rằng chú có thể lặng lẽ và kiên trì chịu đựng mọi sự đau đớn, đúng như một con người chân chính.

— Khổ thân cháu tôi, có đau lắm không? — Raitxa Lvôpna nghiêm chỉnh nhìn thẳng vào mặt Pêchya, hỏi.

Cái câu "khổ thân cháu tôi" nghe nó yếu đuối quá, chẳng có tí gì là hiên ngang, làm chú sôi tiết lên. Chú bé lườm một cái thật dữ tợn, lắc cái đầu đang ngửa ra và rống lên qua đôi môi mím chặt.

— Con kh...

— Con chả hiểu cái mỏ lết này thì có tác dụng gì, — Valentin đi đi lại lại trong hang và nhún vai, rất bực bội, cắn cảu nói — Mẹ, con thấy mẹ quái gở thật. Cứ như thời trung cổ! Bôi canh-ki-dốt cho cậu ấy là xong hết.

— Đang đi lấy, đang đi lấy rồi... có người đã đi tìm hòm thuốc, và sẽ mang lại đây. Đã kịp thu dọn gì đâu. Nhưng trong khi đợi lấy thuốc, thì cứ để cháu Pêchya cầm cái chìa khóa, nó cũng bớt đau chứ... Chị Railxa Lvôpna, chùi cho thằng bé cái cằm.

Và Raitxa Lvôpna lại lau chỗ máu chảy.

Pêchya nhìn bà và mãi mới nhận ra được trong người đàn bà nghiêm nghị gày tọp, tóc hoa râm cuốn một chiếc khăn tay thít chặt này, bà Raitxa Lvôpna vui tính, to béo và có ria, mặt đỏ bừng vì hơi bếp, chỉ mới ít lâu đây thôi, ở "biệt thự" của bác Kôletnisuc, đã nhồi cho chú cái món "borsơ" chính cống Ukren và cá rán, và chiều chiều lại đưa đẩy đôi mắt đen to như hai quả mận, cất cái giọng khỏe và say sưa hát những bài Ganxya và Gió thổi... Giờ đây chú nhìn thấy trên nét mặt bà những đường nhăn mới, xa lạ: hai nếp nhăn khô khốc và buồn buồn ở hai bên mép

cái miệng có những nốt sần sùi của bệnh sốt.

Secnôivanenkô đến bên Pêchya, đeo kính vào, sờ cằm chú bé và mỉm cười nhìn mũi chú:

— Thế nào, cái mỏ lết có làm cháu đỡ đau tí nào không?

— Có đỡ một phần — bà Matriôna Têrenchiepna nói.

— Một thành tựu tuyệt vời của y học — Valentin châm biếm.

Secnôivanenkô vuốt ve gáy tóc bờm xờm của chú bé. Ánh cây đèn đêm phản chiếu vui vui trên đôi mắt kính ông: trong mỗi mắt kính có một ngọn lửa nhỏ bập bùng cháy.

— Có lần bố cháu đã đấm cho bác một quả vào mũi.— ông nói — mạnh đến nỗi suốt hai giờ liền bác cứ phải lấy tuyết đắp vào mũi cho hết chảy máu. Nhưng, về phía bác, phải nói là bác cũng đã "thoi" cho bố cháu một quả ra trò! Anh bạn nhỏ ạ, cuộc sống không thể không có xô xát. Chính nhờ thế mà người ta rèn được lòng dũng cảm!

Trên nét mặt của. Pêchya vô tình thoảng hiện một nụ cười.

— Đấy, cháu xem, cháu đã cười rồi đây!

— Lâu chưa hả bác? — Pêchya hỏi.

— Cái gì "lâu"?

— Bác... "thoi" cho bố cháu một quả như thế đã lâu chưa?

— Chả lâu gì đâu, — Secnôivanenkô nói rất nghiêm chỉnh — mới độ băm nhăm, bốn mươi năm gì đó thôi.

— Lâu thế rồi cơ ạ? Không phải, bác nói đùa chứ gì? — Pêchya nhè nhẹ rên rỉ.

— Thế mà lâu ư? — Secnôivanenkô thốt lên — Mới đầu thế kỷ hai mươi này thôi mà! Cháu hỏi bác Matriôna Têrenchiepna mà xem.

Chú bé nghi hoặc hết nhìn Secnôivanenkô lại nhìn sang phía bà Matriôna:

— Không phải, có thật thế không bác?

— Đúng đấy, cháu Pêchya ạ, đúng đấy — bà nói — bố cháu và bác Gayrick hồi ấy còn bé hơn cháu, và tôi thì bé tí ti. Và hồi ấy, ở vùng chúng tôi, thôi thì người ta gọi là "phạng". Cũng như bây giờ người ta gọi là "tống".

Với một vẻ buồn buồn âu sầu, bà Matriôna Têrenchiepna ngồi bên Pêchya, nắm trong bàn tay to lớn của mình bàn tay mềm mại của chú bé đang cầm chiếc mỏ lết. Còn Pêchya thì mặt vẫn ngửa, kính cẩn liếc nhìn cái bóng dáng giản dị, hiền lành, mà lại rất hiên ngang, gần như đáng sợ của bác Gayrick với chiếc măng-tô tàng tàng "hải ly", dây lưng giắt một khẩu súng lục "Nagan" có que thông nòng bằng đồng, và túi áo để thò ra một cái mỏ lựu đạn. Pêchya ngắm nhìn ông như một nhân vật thần thoại. Mà thần thoại thật. Ngẫm mà xem, đó chính là ông Secnôivanenkô, người bạn xưa của bố mà khi thả hồn bơi theo ký ức, bố chú và bác Kôletnisuc vẫn hay nhắc đến. Chính ông, cái chú bé tí ngày xưa, bạn thuở nhỏ của bố, cháu một người dân chài, đã đứng trước mặt chú bằng xương bằng thịt, trông không còn trẻ trung gì, một người hoạt động bí mật, được ảnh lửa tù mù của cây đèn đêm làm bằng nguyên liệu nhặt nhạnh, chập chờn trong ngóc ngách đường hầm, le lói soi sáng.

Pêchya nhìn bác Gayrick và lòng chú rung động lên vì kiêu hãnh. Phải! Chú có quyền kiêu hãnh lắm! Chú đã tham gia, ngay trước mặt bác Gayrick, kề vai sát cánh với anh em du kích, vào một trận chiến đấu chống quân phát-xít. Chú đã hành động dũng cảm đúng như một thiếu niên tiền phong hành động. Chú đã là người đầu tiên phát hiện ra chiếc xe tải chở lính địch và đã là người đầu tiên khai chiến, ném quả lựu đạn về phía xe. Chú đã bị thương và chỉ một ly nữa là bị bắt làm tù binh. Chúng đã túm được chú rồi. Nhưng, chú đã ra sức giãy giụa. Chú đã vung tay đấm, đá, cấu, cắn. Và rốt cuộc chú đã thoát được. Thực tế thì trái lựu đạn chú ra sức ném về phía chiếc xe tải của quân Rumani không nổ, vì chú không biết cần phải mở chốt an toàn. Nhưng bù lại, nó đã lao gần tới sát cái xe. Nói đúng ra không phải chú bị

thương. Máu mũi chú trào ra là do chú đã gắng sức quá. Nhưng có hề chi: một trận chiến đấu đã xảy ra, chú đã tham gia, và có thể mạnh dạn coi rằng chú đã bị thương. Nói cho cùng thì chú máu me đầy người. Máu chảy ròng ròng trên mặt chú. Còn tất cả những chuyện khác hoàn toàn đúng như đã xảy ra: một thằng phát-xít đã túm lấy chú, chú ra sức nắm tay nện vào đầu nó, lấy móng tay cào cấu mặt nó, giận dữ hét toáng lên và cuối cùng, đã cắn tay nó mạnh đến nỗi nó phải kêu lên. Chú bé vẫn còn cảm thấy mùi bàn tay thằng lính và răng lợi chú vì cái cắn ấy bây giờ vẫn còn nhức.

Chú đã sống mấy giây phút ghê gớm làm rung động toàn bộ cơ thể chú. Có thể chú chưa hiểu tất cả những gì xảy ra. Nhưng ngược lại, biết bao vui sướng, biết bao cảm xúc mới và phi thường đã xâm chiếm lấy chú khi mọi việc đã hết và chú thấy mình cùng với Valentin và mẹ cô đã ở dưới đất, trong hầm đá! Raitxa Lvôpna chắp hai tay lại và lao đến ôm chầm lấy chú, nói mãi với một vẻ hoảng hốt:

— Lạy Chúa! Pêchya! Cháu ở đâu ra thế? Cháu ở đâu ra thế này? Cháu làm sao mà lại rơi vào đây?

Bà cứ đinh ninh là chú đã tới Mạc-tư-khoa từ lâu rồi. Thế mà, thình lình, chú hiện ra ở đây, trước mắt bà, áo quần tả tơi, tóc tai bờm xờm, máu me, mặt bừng bừng như lửa và hai mắt long sòng sọc, trông như than đá.

Áp tay áo bông ngắn rách vào mũi đang chảy máu, Pêchya bắt đầu kể đầu đuôi câu chuyện của chú bằng một giọng nghẹn ngào, nhưng vừa lúc đó Secnôivanenkô đã tiến đến bên chú.

Con trai của Piôt Vaxiliêvich! Đối với Secnôivanenkô, đó là một cái gì hết sức trừu tượng, gần như không thể tưởng tượng được và hơi khôi hài nữa là khác. Ông nhìn cái mặt nhọ nhem, đỏ bừng bừng với đầu tóc rối bù của thằng bé, rất ngạc nhiên thấy ở nó những nét của Pêchya Batsây, anh chàng học trò sạm nắng của cái thế giới xa xôi, mờ ảo của thiếu thời ông. Mỗi lần nhìn lại mang tới thêm những bằng chứng mới. Secnôivanenkô

cảm động kéo thằng bé về phía mình và ôm nó nép vào cái măng-tô "hải ly" của ông. Ông lấy tay áo lau mặt cho nó, tò mò ngắm nhìn nét mặt ngượng ngập đỏ bừng của nó, và vụng về hôn lên mái tóc khô, bụi bặm của thằng bé, nhưng trong bụng ông lại tự trách mình về sự âu yếm đó.

— Thôi, đủ rồi đấy — ông đẩy chú bé ra, nói vẻ bực mình — Nhưng bác phải nói cho cháu biết: bố cháu, hồi còn bằng tuổi cháu, giống cháu cứ như đúc. À mà bố cháu bây giờ đâu?

— Dạ ra mặt trận, — Pêchya nói.

— Ra mặt trận! Tốt lắm... Nhưng cũng lạ nhỉ! — Secnôivanenkô thốt lên — Môchya, cháu thấy thế nào? Giống không, nó giống bố nó không?

— Hệt Pêteska từng nét,— Matriôna Têrenchiepna nói, và thấy máu ở mũi chú bé lại chảy ra, bà chạy lăng xăng, tíu tít...

Cuộc sống mới của Pêchya dưới đường hầm đã bắt đầu như vậy.

46

Hôm ấy là một ngày cuối thu, ảm đạm và ẩm ướt, một ngày vừa chóng tối lại vừa kéo dài nặng nề, không mang lại một tia vui nào, cũng như không hứa hẹn một tia hy vọng xa xôi tốt lành nào cả. Những ngày tháng một như thế, làm ta buồn phát điên lên được, thường gặp ở phương Nam, nơi không thể quên được những màu sắc tươi vui và mát mẻ của mùa hạ.

Từ sáng sớm, Piôt Vaxiliêvich đi lang thang trong thành phố, cố tránh không trở lại hai lần một chỗ. Anh đi mãi từ phố này qua phố khác, ngang dọc thành phố, qua tất cả các ngả đường,

nhưng vẫn không tìm đâu được một chỗ thích hợp để nghỉ chân. Ở đâu cũng không có lối thoát.

Gió mang hơi ẩm ở ngoài biển vào. Mưa lạnh lẽo rơi, khi nặng hạt, khi nhẹ nhàng, khi xối xả quất mạnh như đạn bắn, khi nhẹ nhàng bay như màn bụi mỏng. Thành phố hầu như trống rỗng. Chỉ trên các đường phố chính mới thấy những chiếc xe con của bọn Đức đi lại, phủ đầy bụi xám đường trường. Ở các ngã tư, đều có trạm gác của bọn S.S. Trên các quảng trường và các đường lớn, bọn công binh đang vội vàng xây dựng các ổ liên thanh hoặc đổ bê-tông xây công sự cốt sắt. Những chiếc áo choàng vải nhựa lóng lánh nước mưa, với những chiếc mũ kê-pi rộng cứng thêu phù hiệu vàng của bọn sĩ quan Rumani, hiện lên kỳ dị trong ánh sáng mờ đục.

Giữa những bức tường đổ nát và những thanh sắt cong queo, lúc nhúc những người mang cáng chất đầy gạch, vữa vụn. Đó là dân chúng bị chính quyền chiếm đóng động viên đến thu dọn thành phố. Nhưng có cách gì thu dọn thành phố cho gọn gàng được? Trên các tường và cột yết thị bằng bê-tông, nổi bật lên những vệt trắng của các bản công bố in bằng hai thứ tiếng của bộ chỉ huy quân sự, lời lẽ hà khắc quái gở. Dọc theo một số ngôi nhà, thấy phản chiếu trên mặt đường nhựa ướt át, những bóng đen im lìm, nối đuôi nhau, của những người đến đăng ký. Trong thời gian đầu, cái "trật tự" này, đè nặng lên lương tri mọi người, đã ngự trị khắp nơi và là niềm kiêu hãnh của bọn chiếm đóng. Dưới các cửa cổng, những người giữ cửa mang tạp-dề trắng đeo những tấm biển kim loại mới toanh.

Quân đội đã bố trí xung quanh vùng ngoại thành, trong các khu phố ngoại ô. Ở đấy, trên các sân bãi ngổn ngang những xe cộ Rumani bùn dày cộp, các "bếp lưu động" đang nhả khói; những điệu kèn tập họp không đúng điệu, đột ngột vang lên nghe ghê cả răng; tiếng ồn ào thô lỗ của đám đông, của giày bốt gióng bước đi đều; và của những mệnh lệnh nhát gừng bằng tiếng ngoại quốc, rõ ràng hơn cả những bản tuyên bố, nói lên niềm tai họa hãi hùng của nhân dân thành phố.

Batsây đi lang thang khắp thành phố, tránh các phố ngoại ô và các phố chính, ông đã chọn các khu phố tiếp giáp, những phố cùng một kiểu vạch theo một đồ án hình học, giao nhau theo góc thẳng, những đường hành lang vắng vẻ và vô tận, luôn luôn bị che phủ dưới một màn mưa mù không ngớt; ở đây, giữa những hàng dạ hợp trụi lá dài dằng dặc, ông có thể như lẩn vào khoảng không mù sương, tan đi, biến thành ma quái cũng như những cây dạ hợp ma quái ấy. Ông bước đi, thoáng qua như một bóng ma giữa những thân cây đen quét vôi trắng đến lưng chừng. Thị giác và thính giác của ông đã nhạy bén. Ông dựa được vào đâu nữa? Ông có còn kế hoạch gì nữa không? Thực ra ông không có kế hoạch gì nữa và cũng không biết dựa vào đâu nữa. Tự đáy lòng, ông chỉ còn trông mong vào một sự kỳ diệu nào đó. Ông tưởng như được một sức mạnh siêu phàm dẫn dắt. Chân bước mà gần như không biết mục đích và tại sao mình đi nữa. Như một người mộng du trên gờ mái hiên. Nhưng đồng thời ông cũng trông thấy tất cả quanh mình chính xác lạ thường, nhận ra từng vật nhỏ, từng chi tiết, từng biến đổi nhỏ nhặt nhất của cảnh vật xung quanh.

Ăn mặc như ông, một cái xvitkia kiểu Môndavi dệt tay, nhuộm bằng vỏ hành, ông không còn là ông nữa. Đầu đội mũ không vành bằng da cừu, tay cầm roi da, lưng đeo túi dết đựng bánh mì và mỡ. Gương mặt sạm nắng, đầy lông lá, với bộ râu dày đặc, bộ ria mép đen ngòm, đôi mắt nâu gần như đen hơi giống một anh chàng di-gan, tất cả những cái đó rất phù hợp với bộ y phục ông mặc; cái quần len dệt bó trong đôi tất len với đôi giày pôxtôly mũi nhọn bằng da cừu buộc dây da sống, càng làm ông giống một người Môndavi có tuổi, ở một làng xa xôi ra chợ bán hàng, rồi từ chợ thẳng lên tỉnh mua sắm. Trong ngực, ông giấu một tấm giấy phép cư trú cũ trước cách mạng, cuộn trong một mảnh giẻ, cấp cho tên Xaya Timôfêiêvich Ulierơ, dân cày làng Buđaki, huyện Akecman, chính phủ Betxarabi, với một con dấu mới toanh của sở hiến binh Rumani. Tài liệu này do bà con dân làng cung cấp cho ông khi ông ẩn trốn ở nhà họ trong làng Buđaki, sau khi đơn vị pháo của ông bị phá hủy và ông bị bao

vây. Piôt Vaxiliêvieh đã xuất trình cái tài liệu cổ lỗ sĩ này nhiều lần rồi, và đến tận bây giờ nó vẫn rất trót lọt.

Cái kế hoạch mà Piôt Vaxiliêvich đã suy nghĩ nhiều, khi ông ẩn trốn ở Buđaki, không hoàn toàn thích hợp nữa. Ông chỉ còn mỗi một mong muốn: vượt qua trận tuyến thật nhanh để trở về với đồng đội. Nhưng bằng cách nào thì ông chưa biết một tí gì. Ông đã định liều lẻn vào Ôđetxa; ở đấy ông chắc sẽ tìm được người quen, bất cứ người nào, rồi sau đó tùy hoàn cảnh mà hoạt động. Thế là ông lang thang ở Ôđetxa từ phố này sang phố khác, hy vọng tìm thấy đâu đó một chỗ trú ẩn, một bộ quần áo thành phố, và một sự giúp đỡ.

Trước hết, ở chợ, ông đi thẳng một mạch về phía ngôi nhà Kôletnisuc, nơi ông đã để lại đồ đạc. Ông đã đi qua ngôi nhà nhưng do dự không vào. Ngôi nhà như không có người ở, nhưng mặt ngoài lại được sang sửa, mới sơn lại, trên bậc cửa có một người giữ cửa lạ mặt và khả nghi, nên trông nó có một vẻ gì không lành. Người gác cửa mang tạp-dề mới tinh chưa giặt lần nào, trên ngực đính một tấm thẻ mới, nhìn theo ông, nên Piôt Vaxiliêvich cố không rảo bước, vội vã rẽ vào một góc phố.

Điều mà trước đây ông tưởng rất đơn giản và dễ dàng, nghĩa là tìm thấy bất cứ người quen nào, trú ở nhà họ, bận quần áo thành phố vào, rồi kiếm một công việc gì đó làm, tất cả cái đó, bây giờ ông thấy hình như hoàn toàn không thể được. Tất cả mọi nhà, mọi cổng, thậm chí cả các phố, các ngõ, tất cả, ông thấy hình như đã bị niêm phong kín mít bằng một con dấu vô hình, ông vấp phải những người kỳ lạ, như hoàn toàn khác hẳn những người trước kia. Ở họ, ở những người khách qua đường kỳ lạ đó, có một cái gì vừa hết sức ác cảm lại vừa hoàn toàn lỗi thời. Có một ông già khoác áo ba-đờ-xuy rộng và ngắn bằng da hải ly, đội mũ quả dưa, nách cắp gậy mềm; chiếc cổ cồn cao hồ bột gẫy góc như tấm danh thiếp để lộ cái yết hầu đỏ như mào gà tây. Ở tất cả các ngã tư, loa phóng thanh sủa bằng một thứ tiếng Nga nặng nề, hơi lỗi thời, truyền đi các bản thông cáo Đức. Nghe chỉ muốn bịt lỗ tai lại.

Đây đó, trong các quán hàng, mấy mụ đàn bà béo quay, vẻ đanh đá, tai đeo vòng to tướng, đội mũ và mang bao tay ren, bán bánh ngọt tự làm, nến tự sản xuất, chanh Ý-đại-lợi và kẹo chua, loại kẹo "mông-păng-xi-ê" rõ ràng là của chế độ cũ, đựng trong những lọ sành, nhưng không phải những lọ sành tròn thường thấy, mà những lọ sành Rumani bốn cạnh, dán nhãn hiệu sặc sỡ. Nhiều nhất là những loại kẹo "mông-păng-xi-ê" đập vào mắt, nom rất khó chịu. Khó chịu vì những màu mực hóa học, một màu hồng lốm đốm tím, xanh lục. Còn nước ngọt đựng trong những chai con, thì có một màu hóa học, không hiểu tại sao, rất quái đản, xấu xí, một màu hoa cà như thuốc tím pha loãng.

Vứt bỏ cả tên họ, mang giấy tờ của một kẻ khác trong túi áo, ông đi như người bị lùng bắt, liếc nhìn vào các cổng ngõ đóng kín, các người gác cửa, các chủ hiệu, các toán tuần tra Đức và Rumani, các bản đồ địa lý Rumani và Tranxnixtri bày trong tủ kính các hiệu sách. Lúc nào cũng có thể bị rơi vào tay bọn phản gián địch, ông đi mỗi lúc một nhanh qua các phố sương mù, u ám, qua những hành lang bằng đá như những hành lang trong một ngôi nhà tù khổng lồ, ông tưởng như quanh mình không còn lấy một người nào thân thuộc nữa. Cuối cùng, ông biết kế hoạch của mình không dẫn đến kết quả nào cả. Chỉ còn một cách là trở lại chợ, tìm lại chiếc xe đã chở ông tới, rồi trở về Ruđaki.

Piôt Vaxiliêvich quay trở lại chợ. Đường đi chạy dọc theo ngôi trường ông học ngày xưa. Ở đằng xa, thoạt nhìn ông đã nhận ra ngay cái bóng dáng quen thuộc của nó. Ông lần theo dẫy hàng rào sắt nho dại bám chằng chịt, cái cổng vào rộng thênh thang. Trên bậc cửa trường, có mấy tên lính Rumani đứng gác. Ông đi sang hè bên kia. Sau chấn song sắt của cánh cửa rất quen thuộc ấy, lấp lánh một cái sân cũng thân thuộc: đã bao lần, thở hổn hển vì sợ trễ, ông đã chạy tới cái cửa ấy, chạy qua cái sân rải sỏi bụi bặm ấy, nghe tiếng chuông rung lần thứ ba và tiếng hộp bút lách cách trong cặp. Bây giờ ông lại sợ mình nhìn quá tha thiết vào mảnh sân đó, hiện có bọn lính ngoại quốc choàng áo ca-pốt xanh không cài khuy, tay cầm bình-toong đang đi lại.

Hai tên sĩ quan Rumani, có vẻ thuộc các đơn vị hậu cần hay tham mưu gì đó, đang tiến về phía Piôt Vaxiliêvich. Chúng đội mũ cát-két nhựa to tướng, chân mang bốt sít sao, sáng loáng, có cả đinh thúc ngựa, và tay cầm roi. Căm thù sôi sục nhưng bất lực, Batsây bỏ vỉa hè bước xuống đường, nhường chỗ cho chúng, ông cất mũ và nghiêng mình chào theo kiểu dân cày. Chúng cũng không thèm để ý đến ông, cứ tiếp tục nói chuyện với nhau bằng tiếng Pháp theo giọng địa phương, ưỡn ẹo bước trên những phiến đá phún thạch màu xanh nhạt của đường phố xô-viết, xem như đó là của riêng chúng cùng với nhà cửa, hàng cây dạ hợp, mảnh trời âm u trên các mái nhà ướt át.

47

Gần đến nhà ga, Piôt Vaxiliêvich biết ngay, từ xa, ở chợ cũng không có gì hay ho. Ở đây, sau những đống đổ nát của tòa án và sở cảnh sát Alêcxanđrôpxki, trong đám đông mà sương mù âm u làm cho có vẻ chen chúc và xanh thẫm, đang diễn ra một cảnh nhốn nháo đáng lo ngại. Người ta bỏ chợ chạy trốn lung tung. Vài phát súng nổ lẹt đẹt, nghe nhỏ đi qua sương mù. Piot Vaxiliêvich biết là đang có cuộc vây ráp. Ông rẽ ngay sang phố gần nhất đó.

Sương mù dày đặc. Batsây thoát ra đại lộ Prôlêtacxki, nơi có đoàn xe tải ngụy trang đang từ từ tiến lên. Ông vòng theo ngôi trường trung học số ba cũ, rồi đi vào ngõ Nha khí tượng, hy vọng qua đấy có thể ra tới bờ biển. Nhưng đến ngay giữa ngõ thì ông thấy một bốt gác Rumani, ông biết khu phố bờ biển đã bị bao vây. Ông rẽ lần nữa rồi đi ngược về phố chợ theo hướng vào trung tâm thành phố. Nhưng ở góc phố chợ và phố Maraliepxkaia cũng có một bốt gác khác đang kiểm soát giấy tờ.

Rõ ràng là trong tất cả các khu phố, các cuộc vây ráp đã bắt đầu cùng một lúc.

Batsây lại lộn lui và lại tới gần trường trung học số ba cũ. ông rẽ sang phố Trôitxkaia và chợt thấy một toán đông tù binh tay xách hành lý bị bọn hiến binh thuộc đoàn kỵ binh mang áo khoác lóng lánh nước mưa áp giải, đang bước đi trên đường lát đá hoa cương ướt át. Tiếng ồn ào sợ hãi và âm ỉ của đám đông đi nhốn nháo, tiếng khóc nghẹn ngào của những người vợ, tiếng vó ngựa bọc thép lách cách và tiếng thở hồng hộc của bầy ngựa đang lồng, tràn ngập đường phố.. Tất cả những tiếng động đó làm Batsây đau đớn nhớ lại những ngày đen tối của thành phố Ôđetxa năm 1905, và những ngày chống bọn can thiệp năm 1918 dưới thời bè lũ Đênikin... Ông gần như ngạt thở thật sự vì những tiếng vang não nề đang tràn ngập trên đường phố kia. Không nghĩ ngợi gì cả, ông đi thẳng vào cái cổng đầu tiên, quên bẵng mình là một người dân cày Betxarabi. May sao, cổng đó không dẫn tới đâu cả. Ngôi nhà đã đổ nát, chỉ còn cái sườn rỗng, cái cổng với hai cánh mở toang vì hơi bom. Giữa những đống rác bỏ quên, loạng choạng trên những phiến đá đầy vỏ sò vỏ ốc, bám vào các sà bằng sắt, Batsây đi ngang qua một cái sân cũ và đứng trên một bãi đất hoang rộng; chỗ này mùa hè, chắc phải có một vườn rau. Hiện giờ, ở đấy đất bị xới tung lên thành những đường chiến hào và những hố bom. Lúc đầu ông không nhận ra bãi đất hoang đó. Nhưng rồi ông cũng nhận ra được. Ông biết rõ bãi đất hoang này từ hồi nhỏ. Nó ở gần công viên Alecxăng đệ nhị cũ, bây giờ gọi là công viên văn hóa và an dưỡng Sepsenkô.

Ở đây không thấy một bóng người nào. Batsây thấy chỉ có một lối thoát. Lọt vào trong công viên qua bãi đất hoang, rồi từ đó đi xuống Lanjêrông; ở đây ông có thể nghỉ lại một lúc trong các núi đá hay trong một ngôi nhà nghỉ mát nào đó của khách mùa hạ hiện đang đóng cửa. Vào mùa này công viên thường vắng khách.

Lúc Piôt Vaxiliêvich còn đi qua các phố trong bộ quần áo dân cày thì ông chưa có gì khả nghi đặc biệt. Nhưng bây giờ ông

đang nhảy trên những chiến hào ngập cỏ và đang chui qua những hàng dây thép gai gỉ trong các vườn cây, tìm đường về phía công viên Sepsenkô, không những ông có vẻ khả nghi, mà trên quan điểm một tên lính hay một tên cảnh sát, ông còn có vẻ một tên tội phạm công khai. Nhưng ông không có lối thoát nào khác nữa.

Tới giữa bãi đất hoang, Batsây để ý đến một thứ cây, kỳ dị, cong cong, đơn độc. Rành rành là một cây dạ hợp cổ thụ bị bom đánh gẫy. Ở đấy, lủng lẳng một vật dài ngoẵng giống như một người treo cổ, đầu ngoẹo về một bên. Giữa bãi đất hoang bị tàn phá, cái thân cây đơn độc đó đã gây nên một cảm giác nặng nề, làm cho Piôt Vaxiliêvich như vô tình cứ phải quay lại nhìn không thôi, vẫn vô tình, ông đổi hướng đi và lại gần cái cây. Thực tế đó là một người bị treo cổ. Mớ tóc hung hung xõa trên một gương mặt hết sức đày đặn và rất đẹp gục xuống đất. Đôi bàn chân không, đen đủi, ngón co quắp thò ra ngoài chiếc quần ngắn màu xám, đung đưa nhẹ nhàng, lướt trên ngọn cỏ; một mẩu bìa có ghi dòng chữ bằng bút chì bi chảy: "Bônsêvich" ghim trên áo sơ-mi đẫm màu, rách tả tơi.

Mấy con quạ ở trên cây bay vụt lên rồi lượn là là trên mặt đất về phía công viên Sepsenkô. Batsây có cảm tưởng một con quạ đang ngoái cổ lại, xoi mói nhìn vào mặt mình, ông lau mồ hôi trán và cố không nhìn lại đằng sau, cứ tiếp tục bước tới. Bàn tay nắm chặt đến đau cả ngón. Mấy con quạ đã lượn vòng quanh những gốc cây trụi lá trong công viên và dài giọng kêu quang quác.

Ôi chao, đối với Piôt Vaxiliêvich, những cây dạ hợp đen và to lớn ấy, sao mà thân thuộc thế, không phải những cây màu trắng mà là những cây dạ hợp thuộc một loại khác, loại mọc ở bên này núi An-pơ, gai dài và nhọn như gai mận dại với những băng đen đính ở quả.

Ông leo qua bức tường đó công viên. Không một bóng người trong công viên. Giẫm trên những đống lá rụng nhỏ lăn tăn và ẩm ướt, Piôt Vaxiliêvich bước đi không một tiếng động từ cây

này sang cây khác và dừng lại nghe ngóng, ở từng gốc cây. Ông nín thở, sợ làm tan mất không khí im lặng đang vây lấy ông như một bức tường. Không một tiếng động. Chỉ ở phía bên trái, nơi công viên kế cận với phố Maraliepxkaia, phía bên kia bức tường có bậc lên xuống, mới nghe có tiếng ồn ào của thành phố đã dịu xuống trong cảnh mùa thu tịch mịch. Ông lắng nghe. Trong những tiếng ồn ào quen thuộc của đường phố, thính giác căng thẳng của ông nhận ra một tiếng động có vẻ khác lạ. Có lẽ ở phố Maraliepxkaia đã xảy ra một việc gì khác thường. Giữa những thân cây đen, có những ngôi nhà lộng lẫy, những cột đèn lồng cao đẹp, những dẫy hàng rào bằng gang một nửa bị lấp dưới những tay leo màu đỏ thắm của một dàn nho dại đang tàn. Do vị trí đặc biệt ở trên bờ biển, phố Maraliepxkaia được coi như một phố đẹp nhất của thành phố; tuy vậy, ở đó không bao giờ có quang cảnh nhộn nhịp. Nhưng lúc bấy giờ, Batsây nhận thấy cảnh đi lại hết sức nhộn nhịp và giữa những hàng cây, có một đoàn ô tô và xe vận tải chạy không ngớt. Ô-tô đến đậu ở cửa tòa nhà mới đồ sộ của sở N.K.V.D. Xe tải thì vượt qua cửa, giữa tiếng rú dồn dập của động cơ bị đốt nóng quá độ.

Bên kia tường, lố nhố mũ cát-két và lưỡi lê của bọn lính canh. Có thể xác định là phố Maraliepxkaia đã bị bao vây và Batsây nhận ra ngay ý nghĩa sự việc vừa xảy ra. Các đoàn kiểm tra Đức và Rumani đã vào trong tòa nhà lớn của sở N.K.V.D. Có thể thấy được ngay nguyên nhân những cuộc vây ráp, cũng như thực chất của cái bóng nặng nề đè trĩu lên các đường phố trở nên vắng vẻ như những hành lang trong nhà tù.

Căn cứ vào vẻ nhốn nháo và tiếng ồn ào, mà Piôt Vaxiliêvich cảm thấy bằng trực giác hơn là do mắt thấy hoặc tai nghe, ông có thể đoán biết chính lúc ấy là lúc bộ chỉ huy tối cao đang dọn đến ngôi nhà. Phải chuồn thật nhanh khỏi đường phố nguy hiểm này. Ông rảo bước và chợt nhìn thấy, giữa những thân cây, xa xa phía trước mặt trong công viên Alêcxăng đệ nhị, các cửa tò vò hình vòng cung, âm u, trần trụi một màu xám ảm đạm. Trên mặt biển màu nâu và cuộn sóng, bốc hơi nghi ngút như một thành phố mới bị bắn phá, đầy những mảnh vụn xiêu vẹo do

cơn bão để lại. Thậm chí ở nơi trước đây là một bãi cỏ non màu ngọc bích nằm sưởi dưới ánh mặt trời, với những bụi hồng nở rộ nặng trĩu và nóng hầm hập, bây giờ cũng chỉ thấy bọn lính bận đồ xám, đội mũ cát-két hình ga-men, đang vội vã đào chiến hào, những xe xích sắt mõm vuông với những cỗ đại bác tầm xa màu nâu nhạt đặt trên bánh cao su đặc, đang đậu giữa đám cây trắc bá như những con hươu cao cổ, đợi công sự đào xong sẽ được đưa xuống. Khắp chung quanh, bọn lính canh đi đi lại lại.

Piôt Vaxiliêvich nấp sau một thân cây, rồi từ đó ông thận trọng rút lui. Nhưng vừa đi được vài bước, ông lại nhìn thấy qua những thân cây, một toán tuần tra đi tới. Cắn môi đến chảy máu, nin thở, ông rẽ sang một bên, rồi nhón chân chạy. Mặc dù ông chạy hầu như không có một tiếng động, ông vẫn tưởng như mình đã gây nên một tiếng vang ghê gớm. Ông dừng lại và đứng im sau một thân cây đen, nghe rõ từng tiếng tim dập. Rõ ràng công viên đã bị bao vây và sẽ bị "quét sạch". Ngay gần chỗ ông đứng, Batsây nhận ra một cái hầm trú ẩn cũ bằng đất, lấp dưới lá vàng nhạt. Đó là một cái hầm tránh bom có lẽ bị bỏ quên, xây dựng từ đầu chiến tranh cho khách đến thăm công viên. Nhiều chỗ đã sụt lở và ngập cỏ. Những bậc lên xuống bằng, đất hãy còn chắc chắn. Piôt Vaxiliêvich đưa nhanh mắt nhìn quanh rồi, cúi xuống để trán khỏi đụng phải mái, chạy xuống theo bậc hầm. Ông mở cánh cửa hầm bằng ván ra và ngay lúc cánh cửa vừa hé mở thì một bàn tay nắm lấy ông, ẩy ông, ấn ông dán vào tường rồi cánh cửa đóng sập lại.

Tất cả những việc tiếp theo đã diễn ra nhanh như chớp, đến nỗi sau này ông không thể hình dung lại được trong trí nhớ. Dưới ánh sáng lờ mờ và yếu ớt lọt vào trong hầm qua tấm chắn lỗ chỗ, ông thấy ngay trước mặt, một chiếc mũ cát-két đen đính hình đầu lâu của bọn S.S., một gương mặt xám xịt, miệng mím chặt nom rất tàn nhẫn, một bàn tay mang găng da cầm dao Phần-lan chĩa thẳng vào cằm mình.

— Ruhia — tên S.S. nói khẽ, mặt xán gần hơn nữa vào mặt Piốt Vaxiliêvich. Hắn nhìn ông, đôi mắt lạnh lùng, xanh biếc,

nửa bị che khuất dưới bóng chiếc vành mũ to tướng, như dính chặt vào người ông.

"Thôi, thế là hết..." Batsây tự nhủ. Một luồng máu nóng dâng lên đầu làm ông choáng váng, rồi lại hạ xuống ngay, đến nỗi Piôt Vaxiliêvich cảm thấy óc mình đông buốt và khô đét lại. "Thôi thế là hết". Tuy thế, gần như bất giác, ông cũng cố tìm cách thoát thân một cách rất ngây ngô.

— Thưa ngài — ông lí nhí — đây là lỗi của tôi, tôi bị lạc đường. Tôi định đi đến chỗ khác. Xin ngài rộng lượng tha thứ cho tôi...

Ông im bặt. Đôi mắt xanh biếc vẫn nhìn ông chằm chặp từ tận cùng bóng tối với một vẻ căng thẳng ghê gớm như cố nhớ lại một điều gì. Lớp da dày ở phía trên chỗ lá mía nhăn lại và phồng lên. Rồi bỗng nhiên, không phải một nụ cười mà là một cái gì xa xăm, thoáng như một nụ cười mỉm. Bóng dáng một nụ cười thoáng nhanh trên đôi môi mím chặt của tên Đức.

— Tên anh là gì? — hắn nói bằng tiếng Nga rất sõi.

— Uliơrơ — Piôt Vaxiliêvich nói như rít lên. — Uliơrơ ở làng Buđaki, huyện Akecman.

— Không đúng — tên S.S. nói.

— Thưa ngài! trăm phần trăm thế ạ. Tôi xin phép trình ngài giấy thông hành...

— Không đúng. Anh là Piôt Vaxiliêvich Batsây, luật gia ở Mạc-tư-khoa. Đúng không? — Đôi mắt xanh biếc vẫn chòng chọc nhìn ông. Nhưng bây giờ, Batsây nhận thấy trong đó đã ánh lên một tia vui. Thế là ông nhớ ra đôi mắt ấy. Ông nhớ ra cái miệng rộng với đôi môi nứt nẻ, đôi lông mày thẳng và thưa của một con người đôn hậu, cái cổ rám nắng.

— Trung úy Paplôp! — Piôt Vaxiliêvich reo lên.

— Ma quỷ nào đã dẫn anh đến đây thế? — "tên S.S." hỏi, lông mày nhíu lại.

— Tôi thoát khỏi một trận bao vây. Tôi ở trong quân đội. Anh

cũng tự hiểu... Và... — Batsây bắt đầu kể sôi nổi...

— Tôi biết — Paplôp ngắt lời ông. — Các chi tiết để sau hẵng hay. Tôi không có thì giờ. Này... Anh là sĩ quan à?

Hai người lại nhìn nhau, thẳng vào mặt nhau, hiểu nhau và giây phút ấy đã quyết định số phận của Piôt Vaxiliêvich.

— Này — Paplôp nói nhanh, không đợi trả lời — và thứ nhất anh nhớ kỹ cho, tôi không còn là trung úy Paplôp nữa, mà là một anh chàng Đrujinin nào đó. Đây là một cái tên Nga bình thường nhưng không kém vẻ nghiêm trang: Đrujinin nghe chưa? "Với bộ đội của mình ở trong pháo đài Sagrat..." Và cứ như thế cho. Anh nhắc lại xem.

— Đrujinin — Piôt Vaxiliêvich nhắc lại, cảm thấy như tất cả đã xảy ra trong giấc mơ.

— Lúc này chúng ta không có thì giờ để trao đổi nhiều hơn — Paplôp Đrujinin nói — lúc này, với chúng ta, với anh và với tôi, chỉ có một việc: rút khỏi công viên vô sự. Đi đâu? Ở vào tình thế chúng ta bây giờ, anh cứ dựa hẳn vào tôi. Tôi sẽ tìm cho anh một chỗ tương đối đỡ nguy hiểm. Bằng cách nào? Rất đơn giản. Tôi sẽ áp giải anh như một tù binh. Anh đi trước với đồ đạc và ba-lô, tôi đi sau với một khẩu súng ngắn. Như vậy rất hợp với chúng ta. Anh rõ chưa?

— Rõ.

— Thế thì, đồng ý nhé! Anh chuẩn bị đi. Dù có thế nào, tôi vẫn cứ là Đrujinin đấy nhé. Nhưng anh đừng sợ, không việc gì đâu. Còn về quan hệ giữa chúng ta, sau này sẽ xác định rõ hơn.

Nói xong, Đrujinin chạy lại góc hầm, quỳ xuống và bấm đèn pin lên. Batsây thấy hình như trong góc hầm, ngay giữa đất, dưới một nếp giường ván có một cái máy nhỏ giống như một bình ắc-quy. Nhưng ông không kịp nhìn kỹ vì nó đã bị lưng Đrujinin che khuất; tay anh làm vài động tác, rồi gần như ngay lúc ấy, ở trên cao, về phía bên kia công viên văn hóa và an dưỡng, trong phố Maraliepxkaia, vang lên một tiếng nổ hãi

hùng, làm đất dưới chân rung chuyển, hầm trú ẩn lắc lư như một cái buồng con trên tàu thủy, một phần mái che hầm biến mất, đất và lá tung lên, một tiếng vang sắt thép rầm rầm tỏa khắp thành phố thành những làn sóng rộng, một số, làn nọ tiếp làn kia, lan đến chọc vào nhĩ tai.

Batsây chưa kịp trấn tĩnh và xác định được mối liên hệ giữa những động tác của Đrujinin trong góc hầm trú ẩn với sự việc vừa xảy ra bên ngoài, về phía bên kia công viên Sepsenkô thì đã nghe tiếng chỉ huy ở sau lưng:

— Bây giờ, chúng ta có thể đi ra. Nhanh lên! Bước! Tôi theo anh!

48

Piôt Vaxiliêvich, vai mang ba-lô, ngẩn người rảo bước, không ngoái cổ lại, theo sự chỉ huy của Đrujinin; thỉnh thoảng anh này lại giật giọng ra lệnh:

— Bên phải. Bên trái. Đi thẳng.

Hoặc bằng tiếng Đức:

— Rechls, Links, Geradeaus.

Hoặc nếu hoàn cảnh cho phép, bằng một giọng thân mật, tất nhiên để khuyến khích Batsây.

— Đừng hoảng! Tiến lên! Gắng một tí nữa là chúng ta về đến nhà!

Piôt Vaxiliêvich không được phép ngoảnh lại. Nhưng nhiều lúc, ông không thể đừng được. Cách ông hai thước, một tên S.S. đang nện gót, đầu đội mũ cát-két đen đính hình đầu lâu, tay

cầm khẩu "Vante" với đôi mắt xanh vừa thân thuộc vừa xa lạ dưới vành lưỡi trai sơn rộng. Đột nhiên Batsây cảm thấy điều đó kỳ quái quá, khiến chân ông cứ ríu lại và bắt đầu loạng choạng. Thế là sau lưng ông giọng Đrujinin lại dấm dẳng vang lên:

— Đừng ngoảnh lại. Đã có tôi. Mọi việc đều ổn cả.

Thậm chí có lần Đrujinin còn bảo: "Mọi việc đều rất ổn, mỹ mãn".

Họ vượt qua suốt công viên không trở ngại gì. Tuy trong công viên có gặp mấy toán tuần tra nhưng cố nhiên không toán nào giữ họ lại. Một toán tuần tra bình thường đời nào dám giữ lại một sĩ quan S.S., tay cầm súng ngắn đang giải vội một tên dân cày bị bắt. Chỉ riêng điều tên dân cày nọ không phải do một tên lính quèn áp giải mà do đích thân một sĩ quan S.S. cũng đã nói lên đó là một trường hợp nghiêm trọng rồi. Đời nào một sĩ quan lại chịu bỏ thì giờ để đi áp giải một tên dân cày bình thường!

Hẳn tên dân cày là một chính ủy trá hình, một tên gián điệp. Và không kém phần tất nhiên, đó cũng là một sự tính toán đơn giản và chắc chắn của Đrujinin: một sĩ quan S.S. chỉ có thể áp giải một tên "Bônsêvich" trá hình. Ai có thể ngờ, nhất là trong tình thế hỗn loạn chung, giữa lòng thành phố vừa xảy ra vụ nổ dữ dội kia, đó là một người trá hình dẫn một người trá hình khác và cả hai đều là đảng viên bônsêvich.

Họ ra khỏi công viên và băng qua phố Maraliepxkaia. Đường phố này vẫn bị vây kín nhưng lúc này ở đây đã xảy ra một việc gì khác thường. Tất nhiên Đrujinin có thể dẫn Piôt Vaxiliêvich đi bất cứ con đường nào khác ít nguy hiểm hơn, tránh phố Maraliepxkaia này ra. Nhưng hình như anh phải đi qua đúng phố Maraliepxkaia. Như có một sức mạnh không cưỡng nổi thúc anh tiến thẳng về phía có những trở ngại. Răng nghiến chặt nom rất dễ sợ, anh lấy cùi tay gạt một tên lính gác người Rumani ra, thúc mạnh khẩu súc ngắn vào lưng Batsây, hét lên, nhãn vào chữ r một cách dữ lợn: "G-v-r-ra-deaus!" và nhanh gần như chạy, họ băng qua phố Maraliepxkaia, nơi mà những xe cứu

thương đang rú ầm ầm mở hết tốc lực đổ tới.

Piôt Vaxiliêvich có đủ thì giờ nhận xét ở chỗ mới đây còn sừng sững tòa nhà đồ sộ của sở N.K.V.Đ; hiện giờ trong bầu trời trống không, chỉ còn trơ lại, hoặc đúng hơn còn lơ lửng như một đám mây trắng hồng, những gạch và thạch cao vụn nặng nề, ngột ngạt, qua đó người ta thấy những di tích rùng rợn của ngôi nhà bị mìn phá sụp. Từ những đống đổ nát nhô lên những xà sắt quằn quèo, những song sắt, những đường ống, những lò sưởi trung tâm. Xung quanh ngôi nhà bị mìn, giữa những xác ô tô và xe tải, có những người đứng yên như đóng đinh xuống đất, áo và mũ cát-két phủ đầy bụi thạch cao trắng. Tiếng xe cứu thương rú như từ dưới những đống gạch đổ nát vọng lên. Piôt Vaxiliêvich lại quay lại nhìn Đrujinin. Trong ánh mắt xanh giận dữ của bạn, ông thấy một niềm hân hoan và một vẻ căm thù ghê gớm đến nỗi trong một thoáng ông cũng cảm thấy sờ sợ. Ngay lúc đó Đrujinin hất đầu kín đáo về phía ngôi nhà bị mìn phá, nháy mắt về phía Batsây rồi nghiến răng nói:

— Sher gai! Đúng không?

Piốt Vaxiliêvich bỗng thấy hết sức rõ ràng mối liên quan giữa chiếc máy dưới hầm trú ẩn trong công viên Sepsenkô mà Đrujinin đã cúi xuống điều khiển với những đống gạch rùng rợn này.

Họ đi nhanh từ phố này sang phố khác. Batsây đi trước, ba-lô trên vai, Đrujinin theo sau với khẩu súng ngắn. Batsây cảm thấy không sợ hãi gì nữa. Cả đến lo lắng cũng không. Lòng ông tràn đầy một niềm tin tưởng vững chắc là tất cả sẽ kết thúc tốt đẹp. Đrujinin dẫn ông qua các phố nguy hiểm nhất, băng qua trung tâm thành phố.

Người ta có thể tưởng cơ hồ như anh muốn đùa với số phận và cố ý xông lên một cách mù quáng. Nhưng bây giờ Piôt Vaxiliêvich đã hiểu trong tình thế của họ, cứ xông thẳng tới là chắc chắn nhất. Càng đông người chung quanh càng tốt. Một tên S.S. mặc ba-đờ-xuy đen với chiếc cát-két khủng khiếp và

khẩu Vante trong tay, giải một người dân cày sợ hãi, một đảng viên bônsêvich trá hình, qua đường phố một đô thành mới bị chiếm đóng, là một cảnh tượng quá ư khủng khiếp, cho nên không những dân Ôđetxa mà ngay cả đến những tên lính Rumani và lính Đức cũng vội vàng tránh ra nhường lối cho họ.

Trời bắt đầu tối. Đường phố vãn đi nhanh chóng. Màn đêm đen như mực mỗi lúc một dày đặc và bay lượn giữa những ngôi nhà im lìm cửa sổ đen ngòm. Trong toàn cảnh phố Risơliơ vắng tanh, và một màu xám ảm đạm, nổi lên hình bóng quen thuộc của Nhà hát thành phố Ôđetxa nổi tiếng. Lúc này cái mái tròn đẹp của nhà hát, bậc tam cấp thanh nhã trang trí bằng những pho tượng, những đường vòng cung với những chiếc đèn lồng bằng gang, những bậc đá hoa cương, tất cả đều như nhuốm một màu xám ươn ướt, đơn điệu, huyền ảo, không có chiều dày, một ảo ảnh.

— Links! — Đrujinin ra lệnh và vòng theo góc cháy đen một ngôi nhà bị phá hủy, họ rẽ vào phố Ribat.

Nhưng không, đây không phải phố Ribat mà chỉ là bóng ma của nó. Hai ba đốm lửa leo lét trên con đường vắng tanh. Tất nhiên đều là những ngọn nến hoặc đèn đêm trong mấy cửa hiệu mở theo lệnh chủ mới thành phố. Rồi những đốm lửa ấy lần lượt tắt dần. Các nhà hàng đóng cửa. Chỉ còn một đốm lửa nhỏ yếu ớt, chập chờn, le lói sau một khung cửa sổ tối om, trong lòng sâu buồn thảm một cửa hiệu buôn.

Khi họ tới đó, ngọn nến chập chờn cháy bùng lên rồi tắt ngấm. Một người mặc ba-đờ-xuy đen cổ lật lên, đội mũ quả dưa ở trong cửa hiệu bước ra. Lão đặt một chiếc két sắt con lên vỉa hè rồi móc cái ổ khóa to tướng vào cửa. Trong bóng đáng lỗi thời của lão này, có một cái gì vừa hết sức đáng thương lại vừa buồn cười. Lão đặt cái két sắt lên vỉa hè mới cẩn thận, gần như thành kính làm sao; lão lắc lắc chùm chìa khóa loảng xoảng, khóa cửa mới cẩn thận chu đáo làm sao. Lão vừa giơ chiếc gậy móc lên thì chợt nghe có tiếng chân, lão rùng mình quay người lại.

Vừa đúng lúc ấy Đrujinin và Piôt Vaxiliêvich tới. Thấy một tên S.S. mang súng ngắn, lão luống cuống nép người vào tường và bỏ chiếc mũ quả dưa xuống, chào gượng gạo theo lối cũ. Nhìn thấy lão, Piôt Vaxiliêvich xuýt kêu lên... Không, ông không nhầm! Không thể nhầm được. Đúng là Kôletnisuc. Anh ấy đứng kia, đồng chí Kôletnisuc, Jorka Kôletnisuc, người bạn học cũ, người bạn thiếu thời của ông, chính Kôletnisuc mà mới ngày nào hai người còn cùng nhau say sưa ôn lại những kỷ niệm cũ. Giờ đây, kẹp cái mũ quả dưa trên ngực, đang cúi rạp người chào tên S.S. áp giải một đảng viên bônsêvich bị bắt. Kôletnisuc nhìn Piôt Vaxiliêvich. Tất nhiên là lão không nhận ra ông. Cứ như Batsây hiểu, thì lão chỉ nhìn lướt qua ông, dửng dưng. Kôletnisuc quay người lại, lấy đầu gậy móc vào cái vòng tấm cửa sắt, và tấm cửa từ từ hạ xuống, ken két trong tiếng sắt gỉ. Qua tấm kính rạn mờ của tủ hàng, Piôt Vaxiliêvich nhìn thấy đủ các loại ầm lò, mấy chiếc đồng hồ quả lắc cũ bằng đồng đỏ, mấy cái ô, mấy cái máy hát. Một khung ảnh mạ vàng lố lăng, óng ánh, tựa vào một chiếc máy cũ kỹ của thợ trồng răng có bàn đạp chân và một bánh xe khổ bằng gang. Phía trên cửa hàng, lủng lẳng một tấm biển tạm thời: một tấm băng vải thô, ướt sũng nước mưa, mang dòng chữ trang trí lòe loạt và viết theo lối cũ: “Cửa hàng tầm tầm Jorjơ” “J.N. Kôletnisuc, chủ nhân”.

Batsây ngỡ mắt mình trông lầm. Thậm chí có lúc ông tưởng mình hóa dại, tất cả đều do ông mê hoảng mà ra: cái mũ quả dưa kia, cái lưng khúm núm kia, lại những chữ viết theo kiểu cũ, với cái két sắt và tiền bán hàng, cùng với cái tên bêu riếu và ngu xuẩn “Jorjơ” kia, giữa đám hoang tàn ma quái của phố Ribat chìm đắm trong cái quầng huyền ảo của những ngọn đèn ngụy trang.

Nhưng ý niệm về thực tại trở lại với ông ngay. Tất cả đều có thực. Thì ra bộ mặt thực của ông Kôletnisuc là thế đây! Thật là một tâm hồn cao cả! Đường phố vắng tanh. Không ai thấy họ. Ông xuýt nhảy bổ vào Kôletnisuc, nhưng ngay lúc ấy một tiếng nói từ thâm tâm vẳng lên: “Hãy bình tĩnh”. Piôt Vaxiliêvich, chợt trấn tĩnh, cố nén, và cứ đi thẳng qua trước cửa hàng “Jorjơ”

của J.N. Kôletnisuc, thậm chí không thèm ngoái cổ lại.

49

Sau nhiều lần rẽ bên phải bên trái, họ đi vào một ngõ hẻm tối om. Cứ xét theo cảnh tượng im lìm, không người, đặc biệt ở đây, thì phần lớn nhà cửa đã bị phá hủy chỉ còn trơ lại xác không.

— Rechis! — Đrujinin ra lệnh lần cuối cùng; Piôt Vaxiliêvich quay ngoắt về bên phải, bước vào một lỗ hổng tối om ở một bức tường sừng sững ngay trước mặt.

Đrujinin đi sau, không kém phần nhanh nhẹn, cũng đã vào trong lỗ hổng. Chắc chắn không có ai theo họ. Nhưng dù có người nào theo thì thoáng đã mất hút họ rồi. Họ vừa mới trên vỉa hè, thế mà họ đã không còn đấy nữa. Họ đã biến mất, tan vào bóng tối.

Batsây bước vài bước, vấp phải đá và đứng dừng lại. Đrujinin quàng ngay lấy cánh tay ông.

— Cẩn thận! — Anh thầm thì. — Coi chừng đụng đầu đấy. Ở đây có một chiếc xà sắt. Đợi một tý, bám lấy tôi.

Lúc này họ đã đổi chỗ: Đrujinin đi lên trước và Piôt Vaxiliêvick theo sau, tay đặt lên vai bạn. Vì Đrujinin không còn là một tên S.S. mà Batsây cũng không phải là một nông dân tù tội nữa. Bây giờ họ đã trở lại chính họ rồi. Họ cảm thấy hết sức thoải mái, tấn tuồng giả trang đã kết thúc.

— Ồ! tôi toát cả mồ hôi! — Đrujinin vừa nói vừa bỏ chiếc mũ cát-két S.S. xuống và lau mồ hôi trán.

Batsây tưởng như sờ thấy được cái nóng ran trên tấm thân

nhễ nhại và đôi vai cháy bỏng của bạn. Bản thân ông, mồ hôi cũng toát ra như tắm. Đến bây giờ cả hai người mới cảm thấy hết sự căng thẳng cả về thể xác lẫn tinh thần trong cuộc hành trình quá ư điên rồ táo bạo qua thành phố, với cái chết chắc chắn trên mỗi bước đi, mà lúc đầu tưởng như đơn giản, dễ dàng lắm.

Họ đi ngang một ngôi nhà bị phá hủy: chắc trước kia là một ngôi nhà vì Batsây có lúc đã đụng phải một bồn tắm dựng đứng, rồi họ tới một cái sân ngổn ngang những đồ đạc gẫy nát. Sau đó họ đi vào cái khoang thang gác sau đã bị phá hủy, và bắt đầu cẩn thận leo lên chiếc cầu thang sắt đung đưa cót két dưới chân. Ở nhiều chỗ tay vịn đã bị tung mất. Vì thế họ phải đi sát vào những mảng tường sót lại và cảm thấy các tảng đá rung rinh. Đến ngang tầng hai, thang gác mất năm, sáu bậc. Đrujinin bíu vào một thứ bàn đạp bằng sắt, tất nhiên đã rất quen thuộc với anh, trườn lên bậc nghỉ cầu thang và kéo Batsây theo. Bằng cách đó họ lên tới tầng ba, hay đúng hơn nơi mà trước kia có một tầng ba. Bây giờ ở đây, không còn tầng ba nữa, và thay vào đấy là một luồng gió ghê rợn thổi hun hút. Tất cả tầng ba chỉ còn một khoảnh đầu cầu thang nhỏ xíu với một mẩu cầu thang của cái gác xép chênh vênh trên mảnh sân thăm thẳm. Họ đứng thở một lát rồi Đrujinin bắt đầu leo lên cái gọi là cầu thang gác xép, xoắn tay cố với ra sau lưng nắm chặt lấy tay Batsây. Cầu thang đưa họ lên cái gác xép lơ lửng như có phép mầu trên tầng ba không còn nữa. Gác xép bắc trên mấy đoạn xà hình chữ H đôi từ bức tường phía trước còn đứng vững. Nhìn từ dưới lên hình như mẩu gác xép và mẩu mái nhà còn nguyên kia với cái cột ăng-ten và cả cái cửa thông hơi trên mái, là kết quả của một sự ngẫu nhiên kỳ quái nào đó sau vụ nổ. Và tất nhiên không ai lại nghĩ rằng có người ở được trên cái mẩu gác xép nhỏ xíu, chênh vênh ấy. Trừ phi nơi đó là đại bản doanh của Đrujinin.

— Thế là chúng ta đã về đến nhà rồi. Đrujinin nói khi lách qua cửa gác xép.

Batsây cảm thấy dưới chân có một cái sàn, tất nhiên là sàn

gác xép, một cái sàn đất, rất dốc nhưng khá chắc chắn, khá vững chãi, và trên đầu là một mái sắt.

— Misa, câu có đấy không? — Đrujinin hỏi.

— Có tôi đây — từ trong bóng tối một giọng nói rất tự nhiên, rất thân thuộc, hơi ngái ngủ nữa, đáp lại; một giọng nói không ngờ lại phát ra từ những đống vôi gạch đổ nát của một căn gác xép lơ lửng giữa trời, nằm sâu sau lưng một kẻ địch tàn bạo, mà tưởng như ở đâu đó, một buổi tối, giữa một thành phố xố-viết nhỏ, thanh bình, trong một căn buồng sinh viên đầy đủ tiện nghi.

— Thế nào cậu có hài lòng không? — Đrujinin hỏi với một vẻ đắc thắng không giấu nổi.

— Tôi đã tưởng cái gác xép của ta đi tong mất — Misa nói từ trong bóng tối.

— Nổ mạnh thế à?

— Còn phải nói! Kinh khủng! Cách hai cây số, tất cả cửa kính vỡ hết.

— Câu biết ngay chứ?

— Tất nhiên.

— Mình cũng tin chắc cậu biết ngay.

— Một thằng ngu cũng có thể biết nữa là! Có ai đến với anh đấy?

— Một nông dân cá thể vô danh người Môndavi — Đrujinin vui vẻ nói — Piôt Vaxiliêvich ngồi xuống, anh.

— Cảm ơn. Nhưng ngồi đâu? Tôi chẳng thấy gì cả.

— Misa, đốt đèn lên một tí. Cậu cứ rúc trong tối như chuột chũi ấy.

— Có thể — anh chàng Misa vô hình vui vẻ nói — Tôi tiết kiệm nến. Để kiểm tra lại ngụy trang rồi tôi đốt đèn.

Một lát sau, có tiếng bật lửa xành xạch và một ngọn nến cháy bùng lên. Batsây thấy mình ở trong một căn buồng nhỏ, tứ phía căng vải bạt, chăn, áo ca-pốt. Trên sàn gác nghiêng, trải một mảnh dạ cũ, tất nhiên là gỡ ở một tấm cửa ra, và một chiếc ghế ô tô, lò xo chống cả lên trời. Trên đòn tay, treo một bi-đông tướng bọc dạ và một khâu Mô-de đựng trong hộp gỗ. Ở bên dưới, trên sàn nhà, có một cái hòm gỗ dán buộc dây thừng, một chiếc va-li con, loại va-li cổ bằng mây đã sờn hết, loại va-li thanh niên thường mang theo từ các tỉnh đến Mạc-tư-khoa để vào đại học. Một cây nến Rumani màu vàng gắn trong một cái vỏ hộp thịt nhà binh đặt đứng trên sàn nhà và, vì sàn nhà nghiêng, để nến không chảy lệch sang một bên, dưới hộp kê một bao diêm Rumani dán nhãn hiệu xanh đỏ. Misa là một chiến sĩ bé nhỏ, chắc nịch, vận áo bông đen, giày và xà-cạp màu hoe nâu, với đôi lông mày vàng khiến không những gương mặt tròn trĩnh của anh trở nên đặc biệt tươi tắn và hồng hào, mà mắt anh cũng ngả màu hồng.

— Làm quen nhau đi.

— Tiểu đội trưởng Vetxêlôpxki, — Misa vừa nói vừa chìa tay cho Piôt Vaxiliêvich.

— Trung úy Batsây.

— Rất sung sướng.

Họ siết chặt tay nhau và Misa ngồi xếp bằng tròn xuống tấm dạ bên chiếc hòm và chiếc va-li. Chắc chắn đó là chỗ và kiểu ngồi ưa thích nhất của anh. Piôt Vaxiliêvich nằm dài trên tấm dạ và duỗi mình khoái trá. Chân ông đau, nóng hổi, giật giật, ông gối đầu lên chiếc mũ mềm không vành, kiểu Mônđavi và tất cả trước mắt ông cứ nhòa lẫn vào nhau, thú vị lạ thường. Ông nghe như qua làn nước giọng nói òng ọc của Đrujinin: "Anh hãy tháo đôi giày Mônđavi kia ra thì hơn..." và đến đấy ông ngủ thiếp đi.

...Mặt trời to, thấp, tỏa ánh rực rỡ trên đồng cỏ. Lá nho trên các cành gẫy, vàng rực như hổ phách. Một cơn gió mạnh tạt vào

mặt. Biển cả hoang vắng, tàn nhẫn, quạnh hiu, thờ ơ với tất cả mọi đau thương, mọi cực hình của con người, ánh lên phía chân trời một màu lam chói lọi, một màu lục rực rỡ nhìn đến nhức mắt. Thỉnh thoảng đạn tầm xa bắn tóe nước lên thành những vòi nước trắng xóa. Từ các vườn dưa, vườn nho, đạn tầm gần bắn tung những cột đất đen ngòm, đất sét đỏ hoe, và những đám cát vàng mù mịt. Đạn nổ phủ lên mặt trời một màn tang buồn bã. Sương mù bay lượn chung quanh. Đạn đại bác rơi trúng cụm pháo, tung thật cao những mảnh bánh xe, những yên cương rách nát, những thân người, những vỏ đạn cũ. Đạn đào những hố rộng hoác và lấp lên người các pháo thủ hàng tấn đất đỏ hoe, đen ngòm và đá sỏi nóng bỏng. Anh em đã chết hết và trong bốn khẩu pháo thì ba khẩu đã câm bặt. Chỉ còn một mình Batsây sống sót. Ông không ngờ chỉ còn lại một mình. Ông vẫn chạy trên trận địa pháo, ngã xuống hố, lửa cát làm ông tối sầm mặt mũi, và ông cố hết sức hét, tai không nghe tiếng mình hét.

— Bắn! Bốn phát một! Bắn!

Ông còn cố bê được quả đạn cả bao, lắp vào pháo và bắn cầu may vào trong sương mù mờ mịt, trong ánh nắng chói lòa, về phía mà, ông cảm thấy không nhầm, sức ép địch đang dồn đến. Không thể nhìn thấy quân địch chìm lẫn trong ánh mặt trời nóng cháy. Nhưng Piốt Vaxiliêvich cảm thấy trong lòng mình trỗi dậy một ý chí chiến đấu rất đặc biệt sau bao năm sống sung sướng và hòa bình.

— Bốn phát một! Bắn! Bắn!

Ông hét đến bỏng cả cổ mà không cảm thấy đau. Quần áo ông rách tả tơi. Nhưng người ông chưa hề bị xây xát. Thật lạ lùng nhưng là sự thực. Không phải không có lý do mà người ta thường nói với ông: “Cậu tốt số!” Ông đứng sừng sững, đơn độc, trên chiến hào, giữa cụm pháo đã bị phá hủy, lau mồ hôi mặt nóng bỏng và nhớp nháp, tiếp tục chiến đấu, nổ súng trong làn khói mù mịt có vầng mặt trời, thấp như một đồng xu nung đỏ, lơ lửng trên thảo nguyên.

— Bắn! — Ông hét với bản thân ông và giật cò.

Khẩu pháo bị hỏng. Và ngay lúc đó một quả đại bác rơi xuống, rít lên trước mặt, nhưng không nổ, chỉ xới tung cồn đất chỗ Piôt Vaxiliêvich đứng. Đất nứt dưới chân. Ông ngã nhào xuống rãnh, trườn ra một cách khó nhọc; đất lại nẻ và ông dang tay nằm ngửa, tuột theo bờ chiến hào xuống lớp cát, cố với theo chiếc mũ sắt lăn phía trước. Bên trên, một tốp máy bay tiêm kích Đức bay rất thấp, vút qua như gió. Người ông phủ đầy cát và đất sét. Qua cơn ngất và nhô được lên khỏi mặt cát, ông nhìn thấy một mảnh trăng màu kim khí trắng, lơ lửng giữa trời, trên bờ chiến hào... và ông sực tỉnh.

Lâu lắm ông mới nhận ra mình ở đâu, rồi nhớ ra là đang ở trong một gác xép, nhớ lại tất cả những sự việc đã xảy ra ngày hôm đó và đòi uống nước. Nhưng người ta không cho ông uống, nói nước còn rất ít và chốc nữa sẽ có trà.

50

Đrujinin nằm dài trên chiếc ghế ô-tô, chân không đi ủng, mình mặc một chiếc áo choàng S.S. không cài khuy, bên trong nom cũng hay vì thấy thấp thoáng có màu xanh của chiếc áo lót xô-viết. Anh đang ghi chép bằng bút chì vào một cuốn sổ tay để trên đầu gối.

Misa mang từ góc nhà ra một cái ấm đun nước, bắc lên hai viên gạch, và lấy một thỏi cồn đặc tước được của địch đốt lên đun. Được trà, Misa lấy ra nửa ổ bánh mì trắng, một khúc xúc-xích khô Mạc-tư-khoa và một gói đường nhỏ. Anh chia bánh ra ba phần bằng nhau, không lớn lắm, ba khoanh xúc-xích và lấy trong gói ra ba miếng đường.

— Hôm nay nhà chẳng có gì ăn tươi, đồng chí trung úy ạ — anh nói và nhìn Batsây, vẻ nghiêm trang. — Thực phẩm khó khăn lắm.

Anh đưa cho mỗi người một phần trên một mảnh giấy, pha một dúm trà nhỏ rồi mời mọi người ăn. Ba bạn cùng ăn và uống trà trong những cái chén tạm thời, cố uống thật từ từ để tận hưởng cái thú uống trà. Còn rất ít nước trong gác xép và mãi hôm sau họ mới có thể lấy được.

— Anh thử tưởng tượng xem, thoạt đầu tôi không nhận ra anh. — Batsây nói và nhìn Đrujinin, niềm hoan hỉ lộ trên khóe mắt.

— Tôi thì dễ nhận ra lắm! Vì nét mặt tôi không thay đổi. Chỉ bộ quân phục và chiếc mũ cát-két... Nhưng anh, Piôt Vaxiliêvich ạ, anh cừ lắm! Một nông dân cá thể Môndavi chính công! — Đrujinin mỉm cười, cởi mở. — Một bộ râu, một áo choàng, một cái mũ không vành, đôi giày cà tàng. Tuyệt!

— Thế tại sao anh nhận ra tôi?

— Mắt nhà nghề mà lại.

— Đúng như người ta nói, nếu không phải vận may thì tức là vận rủi đã giúp tôi...

Plôt Vaxiliêvich nhớ lại, một buổi trưa rất nóng trên đồng cỏ, không khí lấp lánh ở chân trời, Pêchya, thằng con trai, một em bé gái áo quần sặc sỡ, và một quân nhân biên phòng đội mũ cát-két xanh bạc màu; người quân nhân tung em bé gái lên không như một bó hoa, làm em quay tròn xoay tít, và cả hai — ông bố và cô con gái — cười như nắc nẻ. Như đã lâu lắm rồi! Lúc bấy giờ, con người như sống trên một hành tinh khác, hành tinh của hạnh phúc.

— Này, anh không thể tưởng tượng được là khi gặp anh tôi sung sướng như thế nào, — Batsây thốt lên, giọng ngây thơ.

— Tôi cũng vậy — Đrujinin thành thật đáp. Và bỗng anh mỉm cười buồn bã. — À, anh nói thế nào? Sabô, Akecman, Buđaki?...

Đó là xứ sở thời niên thiếu của anh đấy à?

— Và của món cá trích sấy nữa — Piôt Vaxiliêvich rầu rầu tiếp.

— Tôi chả cần món cá trích sấy của anh! — Đrujinin nói.

— À..., phải... chúng ta đã cùng dạo chơi trên một con tàu. Một cuộc ngao du không đến nỗi buồn tẻ. Này, cháu gái đáng yêu của anh hiện nay ở đâu? Hình như cháu tên là Lizoska phải không?

— Galôska. Tôi đã gửi cháu đi Khackôp bằng máy bay khi tất cả những chuyện ấy bắt đầu. Tôi không biết tí gì về chỗ cháu ở hiện nay. Tôi rất lo. Còn cháu Pêchya của anh?

— Tôi cũng đã gửi được cháu về Mạc-tư-khoa.

— Một chú bé láu lỉnh! Tóm lại, một ông phó chủ tịch!

Và bỗng cả hai người im bặt, dáng đăm chiêu... Lần đầu tiên trong những ngày gần đây Piôt Vaxiliêvich cảm thấy thực sự thoải mái, được chuyện trò tự do và giản dị với một người xô-viết, không dối trá, không đóng kịch, không phải cân nhắc từng lời.

— Thôi, bây giờ... — Đrujinin nói, vẻ suy nghĩ — Piôt Vaxiliêvich này, xin lỗi, nhưng tôi muốn rõ... — Anh nín lặng, đắn đo. — Tôi muốn làm rõ tính chất mối quan hệ giữa chúng ta. Anh hiểu tôi chứ?

Vấn đề đặt ra không cần thiết. Đúng thế, Batsây đã hiểu. Ông gật đầu, nói:

— Tôi hiểu lắm.

— Bây giờ chúng ta phải xác định — Đrujinin dịu dàng nói, không vội vã, tiếp tục cân nhắc từng lời. — Xin lỗi anh, anh là đảng viên?

— Không, tôi là người không đảng phái — Batsây đáp và không hiểu sao hơi đỏ mặt. — Nhưng tôi tưởng cái đó không có gì quan trọng?

— Đúng thế! Đúng thế! Tôi chỉ muốn tất cả đều minh bạch. Bây giờ tất cả chúng ta đều là người Bônsêvich trong đảng và ngoài đảng. Phải thế không? Nếu tôi không nhầm, anh là một trung úy Hồng quân?

— Phải, chỉ huy pháo đội. Tôi có một nhiệm vụ đặc biệt nhưng tôi....

— Tôi hiểu rồi.

Đrujinin im lặng và im lặng khá lâu, rõ ràng là anh đang suy nghĩ. Cuối cùng anh nói:

— Piôt Vaxiliêvich, số phận đã tập hợp chúng ta... Anh cũng thấy là trong hoàn cảnh nào rồi. Tôi mong anh hiểu cho là tôi phải phụ trách một nhiệm vụ chiến đấu nhất định. Không cần phải nói với anh nhiều hơn. Đó là một nhiệm vụ của Đảng và của chính phủ. Một nhiệm vụ của quốc gia.

Batsây gật đầu:

— Tôi hiểu.

— Bây giờ... Anh đừng nghĩ là tôi quá khắt khe không cần thiết, nhưng tôi cần biết rõ ý định của anh trong tương lai. Anh lưu ý cho, không phải chỉ nhân danh cả nhân mà tôi đòi hỏi anh, nhưng nhân danh Quốc gia. Vì vậy...

Batsây phác một cử chỉ, nhưng Đrujinin ngăn lại, tay ấn nhẹ lên vai ông.

— Anh không nên vội vã. Anh hãy suy nghĩ kỹ và trả lời cho tôi.

— Tôi xin hoàn toàn để tùy anh sắp xếp, — Batsây nói giọng cương quyết.

— Tôi cũng tin như thế.

Đrujinin chìa tay ra và họ siết chặt tay nhau.

Trong khi chuyện trò, Đrujinin vẫn tiếp tục ghi chép vào sổ tay.

— À — Piôt Vaxiliêvich nói — khi lang thang trong công viên, tôi đã đụng phải một cụm pháo nặng. Có lẽ điều đó anh cũng cần biết chứ?

— Anh đếm được ở đấy mấy khẩu? — Đrujinin nhanh nhẩu hỏi.

— Bốn.

— Cỡ bao nhiêu?

— 145 thì phải.

— Tầm xa?

— Phải, tầm xa.

— Đã bố trí xong chưa?

— Đang bố trí. Chúng đang đào công sự bắn.

— Về hướng nào? Về phía biển chứ?

— Phải, về phía biển.

— Thế ngộ không phải về phía biển?

Piôt Vaxiliêvich suy nghĩ.

— Không, theo ý tôi, đúng là về phía biển.

Đrujinin, cau mặt và đột ngột nói:

— Sao lại theo ý anh! Điều quan trọng đối với chúng ta là phải xác định sự việc không phải "theo ý anh" mà đúng như trong thực tế của nó kia.

Đrujinin chợt nghĩ lại là mình đã nhận xét hơi quá gay gắt đối với một người có tuổi, một người trung hậu mà thực tế mình còn biết rất ít. Mặt đỏ ửng, anh nói:

— Tôi mong anh thứ lỗi. Tôi quá say mê vì nhiệm vụ. Hơn nữa, đã ba đêm nay tôi không ngủ được. Và cụm pháo tầm xa anh phát hiện là một sự kiện rất có ý nghĩa. Nếu chúng bố trí hướng ra biển, điều đó có nghĩa là chúng sợ có một cuộc đổ bộ

và cần thiết phải lưu ý tới điều đó.

— Chúng bố trí hướng ra biển — Batsây nói cương quyết.

— Cám ơn.

Đrujinin ghi nhanh một vài chữ vào sổ tay.

— Rồi — anh nói rất nhanh — khi đi từ Buđaki đến Ôđetxa anh theo đường nào?

— Qua Akecman.

— Và từ đấy?

— Từ đấy qua lạch sông Đơniexte.

— Qua Bêliaiepka hay Ôviđiôpôn?

— Qua Ôviđiôpôn.

— Anh qua sông thế nào? Bằng đò ngang?

— Sao lại bang đò ngang? Ở đấy chúng đã làm một cái cầu phao rất tốt. Nông dân mang hàng ra chợ Ôđetxa, chúng cho qua cầu với quân lính của chúng.

— Tuyệt! Thật là tuyệt! — Đrujinin xoa tay, lẩm bẩm. Một phát đạn chơi hai con thỏ. Hai sự việc hết sức quan trọng. Một, tất nhiên, là nông dân không tự nguyện mang thực phẩm ra chợ, và hai là ở đây có một chiếc cầu phao mới bắc giữa Akecman và Ôviđiôpôn.

Đrujinin rút bản đồ tham mưu dưới ghế ô-tô ra và chúi đầu vào nghiên cứu. Anh gấp đi gấp lại bản đồ, vô tình ấn bút chì vào chỗ lá mía. Vì là bút chì bi nên mũi anh giày đầy mực tím. Có lúc Đrujinin xem kỹ lại những điểm ghi trong sổ tay. Có lúc anh ngước mắt lên như nhớ lại một điều gì và im lặng mấp máy đôi môi nứt nẻ.

Anh làm việc. Nhưng mục đích, tầm quan trọng và ý nghĩa của công việc đó Piôt Vaxiliêvich không thể nào hiểu được.

— Misa — Đrujinin nói, không rời cuốn sổ tay — chưa đến giờ

phát tin à? Đồng hồ tôi đã 19 giờ 53 phút.

— Chưa — Misa ngáp dài, nói — Đồng hồ anh nhanh ba phút. Đồng hồ tôi mới 19 giờ 50 đúng. Theo giờ Viện Xtecbec. Không sai một giây.

— Được, nhưng thử dò xem! Có thể có gì mới đấy.

— Không chắc. Hôm nay, trong lúc anh thực hiện vụ đó tôi đã sục cả châu Âu. Chỉ nghe Môxkau, Môxkau... trên tất cả các đài. Chúng phát toàn những khúc nhạc hành quân. Chỉ toàn tuyên truyền suông.

— Nhưng cứ thử dò xem.

— Để tôi dò.

Misa mở chiếc va-li con bằng mây, lấy cái chìa khóa truyền động ra, mắc ống nghe vào và bắt đầu quay nụ điều khiển. Chiếc va-li mây cũ chứa điện đài.

— Nhiễu mạnh lắm, — Misa nói, sau vài phút im lặng. Chắc là thời tiết thay đổi. Sắp băng giá rồi... Tụi Thổ- nhĩ-kỳ ở Ăngkara đang tấu nhạc. Chúng không có việc gì làm khác!... Và đây, hình như Lơ Ke. Có người nói tiếng A-rập. Chẳng hiểu gì cả... Bây giờ là tụi Ý. Lại một khúc nhạc hành quân. Chúng mê nhạc hành quân thế! Chẳng có việc gì làm mà.

— Tìm Beclin hơn — Đrujinin lẩm bẩm.

Misa vặn những cái vít nhỏ.

— Lại thằng Hitle ba hoa — một lát sau anh nói, mặt nhăn nhó như đau răng. — Lần thứ ba trong tuần rồi. Cứ như chó sủa: U-au, U-au, U-au... "Môxkau... Môxkau..."

— Cắt mẹ nó đi, ngấy lắm rồi! — Đrujinin nói, tay vung cây bút chì.

— Để tôi tìm Bucaret. Đấy! Bucaret.

— Nào, cho biết thằng Antônexkô tuyên bố gì đấy.

— Suỵt! — Misa nói, tay giơ lên. — Đang nói tiếng Nga.

Anh áp chặt hai ống nghe để nghe rõ hơn, đầu cúi xuống và im lặng một hồi lâu. Đôi lông mày vàng chăm chú nhíu lại. Đôi lúc một nụ cười thích thú lại lướt trên đôi môi đó, và thỉnh thoảng anh lại đưa một ngón tay lên ra vẻ quan trọng, như muốn nói: "im lặng, im lặng, chú ý!" Thấy rõ là anh cố nén để khỏi cười. Ngay mặt anh cũng đỏ bừng cả lên vì quá chăm chú. Cuối cùng, anh bỏ ống nghe xuống, nhìn Đrujinin với đôi mắt màu hồng, tươi cười và ươn ướt.

— Thế nào? — Đrujinin lioi.

— Chúng gầm thét lồng lộn — Misa đáp.

— A-ha! Hoàn toàn thành công! Chúng có đưa tin chi tiết không?

— Không.

— Không sao, ta sẽ làm cho bọn phát-xít khốn nạn ấy phải bật mồ hôi máu ra. — Đrujinin nghiến răng nói và lồng ngón tay vào nhau bẻ răng rắc. — Chúng sẽ biết, giày xéo lên đất nước chúng ta thì thế nào.

51

Đôi mắt xanh nghiêm nghị của anh nhìn Piôt Vaxiliêvich hết sức giản dị, nhưng Piôt Vaxiliêvich có cảm giác là vẻ nhìn ấy nhằm rất xa về phía trước, và trong đó có một cái gì vừa rất dễ sợ đồng thời vừa trang nghiêm.

— Misa, liệu có trễ không? — Bỗng nhiên Đrujinin nói vẻ lo lắng.

— Còn hai phút nữa.

— Đến giờ rồi. Đến lượt ta phát đi!

Misa nhanh nhẹn mắc ống nghe và cúi xuống chiếc va-li mây con, bắt đầu gõ với chiếc chìa khóa, phát đi những chấm gạch theo ký hiệu Morxơ.

— Ta bắt đầu làm việc nào. — Đrujinin, mắt long lanh, nói.

Anh lấy quyển sổ, tấm bản đồ, rồi ngồi xuống bên cạnh Misa. Bây giờ cả hai người ngồi xếp bằng tròn, cúi trên chiếc va-li mây con. Misa tiếp tục gõ với chiếc chìa khóa, còn Đrujinin sốt ruột hết nhìn vào tấm bản đồ và quyển sổ, lại nhìn vào mặt Misa.

Misa gõ như vậy khá lâu, chốc chốc lại ngừng một tí. Anh lặp đi lặp lại chỉ có mỗi một câu ký hiệu Morxơ, bí hiệu của anh. Anh lặp lại một cách chính xác, khẩn khoản, không biết chán.

Piôt Vaxiliêvich rất buồn ngủ nhưng câu nói đơn điệu bằng những chấm gạch kia cứ vang lên, khẩn khoản, và bí hiểm trong cái gác xép hoàn toàn im ắng không cho ông ngủ. Nó cứ giữ mãi ông trong một trạng thái đợi chờ khó hiểu.

Bỗng Misa ngừng lại. Im lặng hoàn toàn. Nhưng cảm giác đợi chờ vẫn không dứt. Trái lại, nó càng căng thẳng. Nó còn lồng thêm vào một nỗi lo âu không kém phần khó hiểu.

Misa khéo léo quay cái tay quay và toàn bộ gương mặt anh vốn dĩ tròn trĩnh, chất phác, hơi ngây ngô một tí, trở nên hết sức tập trung, trầm lặng. Tưởng như mọi giác quan bên ngoài của anh, trứ thính giác ra, đều bị tê liệt. Nhưng tất cả các đường nét trên gương mặt xanh xao, trầm lặng, với đôi môi mím chặt, chứng tỏ thính giác của anh đang hết sức căng thẳng.

Nếu nét mặt con người có khả năng thể hiện được toàn bộ tình yêu, lòng căm thù, niềm tự hào, nỗi tuyệt vọng, ý khinh ghét, vẻ dửng dưng, thì nét mặt anh là biểu hiện đầy đủ của thính giác đang căng thẳng. Bất kỳ một tiếng động nào, nhỏ nhất, li ti nhất trong muôn ngàn tiếng động rải rác trong không gian, cũng không thể lọt qua tai anh.

Đrujinin nhìn vào mặt Misa và không dám thở mạnh, sợ làm

nhiễu loạn mất sự im lặng...

”Này, thế nào?“ hình như đôi mắt đòi hỏi dán vào mặt người kia đã nói lên như thế. Bỗng gương mặt Misa phấn khởi và hồng hào hẳn lên.

— Được rồi! — Misa nói. — Họ đang nghe.

Anh quay nhanh cái tay quay trên “băng truyền” rồi lại gõ những chấm gạch, mắt dán vào bản mật mã mà Đrujinin đã viết và cứ nhắc lại nho nhỏ như để kiểm tra:

— “*Ôđetxa hai mươi giờ giờ Mạc-tư-khoa Đây Đrujinin Bọn chiếm đóng Đức và Rumani tiếp tục vào thành phố Xtôp Hôm qua đã đến Panhtêa nổi tiếng sẽ nghỉ tại khách sạn đặc biệt Pirôgôpxkaia góc đại lộ Prôlêtacxki Xtôp Nhân dân tiếp tục bị bắt chiến dịch thủ tiêu Do thái hàng loạt bắt đầu Xtôp Xung đột giữa lính Đức với Rumani Xtôp Giá chợ lên cao Xtôp Nông dân miễn cưỡng bán sản phẩm Xtôp Cánh cửa tò vò Công viên Sepsenkô có đặt cụm pháo bốn khẩu trăm bốn nhăm ly chĩa ra biển Xtôp Giữa Akecman Ôviđiôpôn cầu phao mới binh lính xe quân sự đi không ngớt Thông báo quan trọng Betxarabi Xtôp.*”

Tiểu đội trưởng Vetxêlôpxki phấn khởi ra mặt, chốc chốc lại liếc nhìn lên bản mật mã, tựa mình vào cái nắp mở của chiếc va-li mây con, gõ ngón tay cái lên chiếc chìa khóa; và những chăm gạch Morxơ cứ tuôn ra như mưa, nghe rất tài tình, chính xác, dồn dập, đều đặn dưới bàn tay xòe ra. “*Hôm nay mười sáu không không chấp hành mệnh lệnh trên đã phá đổ ngôi nhà N.K.V.D. lúc Ghextapô Xiguranxa tới Đã đến thăm hiện trường bản thân nhận thấy kết quả thành phố hoang mang Đài phát thanh Bucaret hò hét Xtôp Ngày mai cũng tại đây sẽ phát tin như thường lệ hai mươi giờ Mạc-tư-khoa cùng một làn sóng. Tất cả cho trước mắt Chúc ngủ ngon Xtôp”.*

Khi Misa đánh xong những chấm gạch cuối cùng, Đrujinin tập trung những bản mật mã, cuộn lại rồi cẩn thận đưa lên ngọn nến đốt.

Trong khi đó, tiểu đội trưởng Vetxêlôpxki đã chuyển qua

phần nhận, một tay nắm chắc ống nghe áp vào đầu, một tay ghi nhanh lên một tờ giấy nhỏ những nhóm năm con số.

Cuối cùng có vẻ thích thú ra mặt, anh đóng va-li lại và trao cho Đrujinin một bản con đầy chữ số. Đrujinin ngồi xuống đó địch, chốc chốc lại tra cứu ở trên mặt bàn rồi cùng đọc to:

— "*Cảm ơn Nhận rất tốt Khen ngợi chấp hành nhanh chóng nhiệm vụ Chúc mừng các đồng chí Theo tin chúng tôi nhận được các đồng chí đã diệt một trăm bốn mươi bảy tên trong sở Xigurănxa không kể bị thương Đề phòng thời gian tới cảnh sát tăng cường áp lực và phản gián địch trả thù Phải cẩn thận Phải đổi chỗ nhiều hơn Cho biết cơ cấu của màng lưới cán bộ Trấn tĩnh tinh thần nhân dân thành phố Đặc biệt hài lòng vì công tác các đồng chí Chào Chúc ngủ ngon.*". Xin khen ngợi anh — Đrujinin, không đổi giọng, nói và chìa tay cho Piôt Vaxiliêvich.

— Về cái gì?

— Về điều cấp trên đặc biệt hài lòng đối với công tác của chúng ta.

Batsây cười ran.

— Nhưng tôi có đóng góp được gì vào trong đó đâu?

— Ấy đấy! Đừng nói thế — Đrujinin vui vẻ nói. — Cụm pháo tầm xa chĩa ra biển với cái cầu phao ở Akecman Ôviđiôpôn cũng quan trọng chứ!

— Anh nói quá — Batsây hết sức thích thú, lẩm bẩm.

Nhưng Đrujinin lại khẩn khoản nhắc lại quan điểm của mình.

— Ây, rồi anh xem, những con chim ưng của ta sẽ làm gì đối với cụm pháo và chiếc cầu phao của anh!

Rồi anh siết thật chặt bàn tay Piôt Vaxiliêvich.

— Thôi được, nhưng bây giờ khuyên anh hẵng ngủ đi một tí.

— Như trong quân đội thường nói: "o o".

— Đúng thế. Anh hẵng đi "o o" đi. Ở chỗ chúng tôi theo lệ thường, người này gác thì người kia ngủ. Hôm nay có hai người ngủ, một người gác. Nằm dài xuống! Bao giờ đến lượt anh, chúng tôi sẽ gọi.

Piôt Vaxiliêvich đắp lên người chiếc áo ca-pốt của Vetxêlôpxki đưa cho rồi ngủ thiếp đi.

Trước khi ngủ, lần đầu tiên, kể từ đã lâu, ông nghĩ đến gia đình, đến vợ con. Thực ra, ông luôn luôn nghĩ tới họ. Họ có mặt nhưng không để cho ai thấy và như đã tham gia vào mọi ý nghĩ của ông. Họ tô điểm hết sức dịu dàng và trong suốt cho mọi tình cảm của ông. Nhưng không rõ ràng và chung chung thế nào ấy! Còn lúc này ông để tâm nghĩ tới họ thực sự. Bây giờ họ ở đâu? Ở Mạc-tư-khoa như thế nào? Nhà cửa có bị phá không? Ông đã viết cho họ nhiều thư nhưng chưa bao giờ nhận được một bức nào của họ cả... Thôi, chắc là ông đã quá mệt ngày hôm đó. Tâm hồn ông không đủ sức chịu đựng những nỗi thống khổ mới nữa. Ông nghĩ tới vợ, tới các em gái, tới Pêchya, tới ngôi nhà, không lo âu tí nào nữa. Không biết tại sao ông cảm thấy hết sức chắc chắn họ đều bình yên vô sự. Không thế, ông không thể nào ngủ được. Một giấc ngủ bình thản, lại sức, đã đến trùm lên ông. Trong thời gian dó, trong gác xép, những người nào đó đã đến thì thầm báo cáo. Có người đến. Có người đi. Họ báo cáo số hiệu của một vài đơn vị bộ đội Rumani và Đức nào đó, các số nhà, các tên phố, các cuộc hành trình từng chặng, hướng xếp chở hàng đi, kế hoạch bố trí và địa điểm đặt pháo phòng không. Đrujinin nói rất nhỏ, đặt những câu hỏi ngắn gọn, đôi khi tỏ vẻ bất bình. Cũng có khi anh cười kín đáo, hạ những mệnh lệnh vắn tắt, triệu tập người này người nọ vào những giờ khác nhau. Và cứ như thế kéo dài suốt đêm.

Rét quá, Piôt Vaxiliêvich phải thức giấc dậy nhiều lần. Gió rít chung quanh và luồn qua mọi khe hở. Khó nhọc lắm ông mới làm cho người ấm lên được và ngủ lại. Đến bảy giờ sáng Đrujinin gọi ông dậy. Trời đã sáng. Ngụy trang ở chỗ cửa thông hơi đã bỏ ra. Qua cái lỗ tròn, một bầu trời ảm đạm, xanh ngắt và giá lạnh.

— Nếu thấy hay nghe có gì khả nghi, anh thức tôi dậy ngay — Đrujinin nói. — Có tiếng động gì dù nhỏ nhất ở cầu thang hay tiếng chân bước ngoài sân là phải thức tôi dậy ngay lập tức. Đừng suy nghĩ gì cả mất thì giờ. Tuy vậy chẳng có gì đâu.

Nói xong Đrujinin rúc đầu vào trong chiếc áo ca-pốt bộ đội, nằm nghiêng lại làm chiếc ghế ô tô kêu răng rắc rồi không động đậy gì nữa.

— Anh đừng lo. — Tiếng nói ngái ngủ của tiểu đội trưởng Vetxêlôpxki từ chỗ nằm của anh vang lên. — Tôi, tôi sẽ nghe cho.

Răng đánh lập cập và ngáp sải cả hàm, Piôp Vaxiliêvich lại gần lỗ thông hơi, nơi không khí buổi sáng và cái rét sớm tháng một tràn vào, không phải chỉ rét suông mà còn lạnh buốt, giá cóng, ẩm đạm quá, tiêu điều quá, khiến con người không muốn sống ở thế gian này nữa. Để cho người ấm lên một tí, Piôt Vaxiliêvich đi đi lại lại trong gác xép và làm một vài động tác thể dục buổi sáng. Nhờ vậy ông đã hơi ấm lên và lại đến tựa người vào lỗ thông hơi, ngắm nhìn thành phố lặng lẽ như một ngôi nhà mồ vào cái giờ phút buồn bã trước lúc bình minh này.

Từ trên đó ông thấy chồng chất những mái nhà, những kính vỡ trên cửa mái hiệu ảnh, những cột xem chiều gió và những vọng tháp, những cửa mắt trâu, một rừng ăng-ten gẫy gục, những chữ hoa to tướng quằn quèo trên các lưới sắt quảng cáo, những súng đại bác phòng không Đức... Giữa những ngôi nhà mới xây dựng sau khi ông ra đi khá lâu, ông nhận ra những ngôi nhà cũ thân thuộc hồi ông còn nhỏ, ông đoán chừng những khe hở của đường phố, những gác chuông nhà thờ và nhưng cái tháp của các sở cảnh sát cũ. Dần dần, nhờ quan sát các mái nhà, ông đã xác định được nơi ông đang ở. Một chỗ nào đấy trong khu phố ngõ Ôpsinnikôpxkaia và ngõ Pôlixêixkaia cũ.

Ở đây, ngày xưa, trước Cách mạng, là Câu lạc bộ "Hòa âm" nổi tiếng của Ôđetxa. Câu lạc bộ có rạp hát riêng. Ngày xưa ở rạp hát "Hòa âm" trong những ngày lễ Noen, người ta đã tổ chức những

cuộc vui ban ngày có nhiều trò vui lớn và để kết thúc, người ta đã khiêu vũ. Suốt đời, Piôt Vaxiliêvich không bao giờ quên được vở "Đánh chiếm Xêvaxtôpôn" mà ông đã xem hồi nhỏ. Ông còn nhớ mãi thứ sáp chải tóc sực mùi mơ mà thợ cạo đã bôi vào mớ tóc rễ tre đen lánh của ông, trước khi rẽ đường ngôi, bằng một cái bàn chải cứng không tưởng được; cái lạnh giá buốt của hai bàn tay, với cái lạnh của chiếc cổ cồn hồ bột dày cộp cà rất đau vào gáy ông chỗ cái khuy hậu; bố ông mặc áo đuôi tôm mới tinh nắm tay dắt ông, một cậu học sinh trung học, đi trên các cầu thang cẩm thạch; rồi những khúc dạo đầu bản nhạc khiêu vũ, những dải nơ của những người dẫn đầu, ánh sáng nguy hiểm của sàn nhảy, trơn như gương, những hoa giấy tròn, nhỏ li ti, sặc sỡ, trên vai làm liên tưởng tới những mồi câu... Và suốt đời, ông cũng sẽ không quên người con gái mặc áo hồng chếp nếp mà cố nén thẹn thùng ông đã dám mời nhảy một điệu Hunggari. Sợ không dám ôm vào người cô bé, ông cứ bíu chặt bàn tay đầy mồ hôi vào chiếc áo dài xinh xắn chếp nếp của có ta. Thật ngớ ngẩn làm sao khi ông bước chăm chú, bó người trong cái quần hải ly mới và đôi giày "Xkôrôkhốt" mới; ông đã đổ không biết bao nhiêu mồ hôi, và đã đếm thầm rất chăm chỉ những nhịp bước của điệu nhảy Hunggari: "một, hai một hai, một với hai, với ba"... Rồi cuối cùng, sung sướng xiết bao khi cô thiếu nữ, khiếp hãi nhìn vào cái đầu tóc rối bù của ông, đen nhánh như xi đánh giày và không ăn sáp, lẩm bẩm trên đôi môi đó tươi một tiếng "cảm ơn" bẽn lẽn, rút tà áo nhỏ nát nhầu khỏi bàn tay Pêchya, rồi chạy biến trên nền nhà với đôi giày trắng nhỏ xíu và lạnh giá... Nhưng tất cả những cái đó không có gì đáng kể, so với cảm tưởng của chú bé Pêchya trước vở "Đánh chiếm Xêvaxtôpôn". Tất cả tâm hồn chú rung động trong một cảm giác say sưa, u uất, khi nghe tiếng đại bác sân khấu nổ ầm ầm... Pháo hoa trên thành phố Xêvaxtôpôn rực cháy, những tiếng khóc của hải quân, những lá cờ mang về, những âm thanh của điệu kèn tang với cỗ áo quan đen của đô đốc Nakhimôp phủ dưới lá hạm kỳ và do những con người đẫm máu bảo vệ thành phố anh hùng khiêng.

Piôt Vaxiliêvich đứng tựa mãi vào cái cửa thông hơi, rồi bỗng ông trông thấy cái cổng rạp hát, nhờ một phép lạ nào đó vẫn còn nguyên vẹn, đứng sừng sững ở phía dưới, ngay gần đấy, giữa những đống gạch vụn của ngôi nhà đổ nát. Piôt Vaxiliôvich nhận ra nó ngay.

Nó đứng đấy, sừng sững giữa cảnh hoang tàn như một cái khung bằng đá trống rỗng, trang trí bằng những tượng nữ thần, những cây đàn thất huyền và những cái mặt nạ miệng toang hoác của nền hài kịch và bi kịch Hy-lạp. Những chùm tù và dài, có băng màu lấp lánh quấn quanh, như ném ra tứ phía những tiếng đồng trang nghiêm, tang tóc, và một tượng thần Tecpxikorơ chân không, dang tà áo mỏng chếp nếp như đôi cánh, đang bay là là trên cảnh hoang tàn đổ nát.

Cũng trong lúc đó, hàng trăm cái tù và loại khác, như một dương cầm thật lớn, bỗng cất tiếng trên những mái nhà thành phố. Đó là còi báo động phòng không

Đứng trên các nóc nhà, Piôt Vaxiliêvich trông thấy cái dải màu chì của biển cả và cái vạch đỏ của con sông Đôfinôpka dưới ánh mặt trời ảm đạm mới nhô khỏi mặt biển. Mặt trời chỉ hiện ra có một lúc rồi biến ngay vào một dải mây thấp đen kịt, đang bị gió đông bắc lạnh buốt cuốn đi. Và phía trên sông Đôfinôpka, giữa những luồng đạn cao xạ nom như sao đổi ngôi, Batsây, với con mắt điêu luyện của một pháo thủ, phát hiện ra một phi đội máy bay phóng pháo xô-viết hạng nặng đang bay thẳng từ Xêvaxtôpôn về phía các cửa tò vò trong công viên Alêcxăng đệ II cũ, trên cụm pháo tầm xa của địch, chính cụm pháo mà trước đây mấy giờ Đrujinin đã báo cáo qua điện đài về cho trung ương, trên cơ sở những tin tức nhận được của ông, Piôt Vaxiliêvich.

Lạ lùng thay cuộc sống trong hầm mộ, một cuộc sống không giống một cái gì hết; thời gian ở đây trôi qua hết sức nặng nề. Đôi khi tưởng như nó ngừng lại. Bao ngày đã trôi qua mà Pêchya vẫn chưa phân biệt được giờ giấc buổi sáng, ban ngày, buổi tối hay ban đêm. Có thể là đêm vĩnh viễn chăng? Không! Đêm, thậm chí là đêm vĩnh viễn nữa, cũng luôn luôn vẫn có cái chu kỳ đều đặn buổi tối của nó. Ở đây không có chu kỳ. Ở đây tất cả đều bất động, trừ con người ra. Bất cứ lúc nào Pêchya nhìn ra chung quanh, chú cũng chỉ thấy độc có một thứ: những cái vòm bằng đá hay bằng đất, phủ một lớp bụi ngàn năm im lìm, một làn không khí mờ tối, im lìm, hơi óng ánh, nhờ một hai ngọn lửa đuốc nhỏ đứng im phăng phắc như cái ánh phản chiếu trên một tấm gương đen. Rồi tất cả chìm nghỉm trong một màn đêm dày đặc.

Nhưng không phải chỉ những ngày đầu ở đây đã làm cho cuộc sống trở nên lạ lùng và nặng nề đối với Pêchya. Chú cảm thấy như bị bỏ quên, côi cút. Có lẽ thực tế chú đã côi cút rồi chăng? Bố chú còn ở ngoài mặt trận. Có lẽ ông đã bị giết rồi. Có lẽ từ lâu, ông không ở trên cõi đời này nữa. Còn mẹ chú, các em gái chú, bà nội chú ra sao? Có lẽ họ đã chết hết, và bị đè nát trong một cái hầm trú ẩn hay trong những đống gạch đổ nát của ngôi nhà to lớn, với tất cả các tầng gác ấy. Có lẽ bọn phát-xít đã lần được đến tận Mạc-tư-khoa. Ý nghĩ này cứ luôn luôn hành hạ chú bé. Ngay trong giấc ngủ chú cũng bị nó ám ảnh. Tình yêu mẹ mà trước kia chú không bao giờ nhận ra, khi nó còn thường xuyên, còn là thói quen, thì giờ đây nó đã chiếm đoạt cả tâm hồn chú với một sức mạnh chưa từng thấy. Chú cảm thấy nhớ mẹ quá đỗi vì xa mẹ là một điều quá ư đau đớn! Thường xuyên, bà hiện ra trong các giấc mơ của chú, và nếu chú không thấy trong mơ thì bà lại như có mặt một cách bí hiểm trong mỗi một mơ ước của chú; bà luôn luôn có mặt nhưng vô hình, không sờ thấy được, đâu đó, ngay gần bên, ấp ủ chú trong hơi ấm, trong mùi thơm âu yếm của mái tóc, nhẹ nhàng vuốt ve mái tóc Pêchya bằng những ngón tay mát rượi.

Khủng khiếp nhất, nặng nề nhất là trên đầu họ lại có bọn

phát-xít ở. Chỉ cần nhô lên mặt đất lá đã chìm nghỉm ngay vào trong thế giới ghê rợn của bọn phát-xít. Trong cái thế giới đó không thể thở được. Bóng tối sẽ đè nặng lên tâm hồn anh. Ý chí tự do và lý trí sáng suốt của con người sẽ bị tê liệt. Con người sẽ biến thành con vật, thành nô lệ. Pêchya không thể không cảm thấy điều đó vì chú phải sống trong cảnh gần gũi ghê tởm với quân thù không đội trời chung. Đôi khi chú còn như nghe thấy cả tiếng chân thình thịch của chúng ở ngay trên đầu mình nữa. Chỉ cần nghe thấy như thế cũng đủ biến cuộc sống của những người ở dưới hầm mộ thành một khổ hình bất diệt rồi. Đó có lẽ là trường hợp của những người chỉ sống ở đấy để ẩn trốn, nhưng Pêchya biết không phải thế. Họ ẩn trốn để mà sống. Họ sống để đấu tranh không ngừng với địch.

Trong những ngày đầu sống dưới hầm mộ, Pêchya không hiểu đấu tranh bao hàm những gì. Mọi người di chuyển trong bóng tối đường hầm với những ngọn đèn bão, ngủ, thức giấc, nấu nướng, nhận khẩu phần đường và thuốc lá rẻ tiền, mang súng trường đi đâu về phía các vọng gác rồi trở về, tắm rửa, đính lại khuy áo, cọ đánh xoong nồi muôi thìa, múc nước ở đâu về không biết. Tất cả những việc đó chỉ hơi giống phần nào hoạt động của một tổ chức bí mật. Pêchya tưởng tượng sự việc hoàn toàn khác hẳn. Nhưng chẳng bao lâu chú cũng bắt đầu hiểu được ý nghĩa thực sự của những công việc đang diễn ra trong hầm mộ Uxatôvô. Mãi đến lúc đặt doanh trại ngầm, người ta mới xếp chất đốt, đạn được và người vào các hang động nối liền nhau bằng những con đường ngầm rải mìn và hầu như không để ý đến Pêchya. Người ta chỉ cấm chú đi chơi rong. Nếu không có việc gì làm, chú có lấy đèn bão lảng vảng đến các đường ngầm, tò mò và hãi hùng nhìn vào các hang hốc, thì lúc nào cũng có ngay một người hét lên:

— Ê, bé con, trở về đi! Chú sẽ làm phiền cho chúng tôi đấy. Chúng tôi có trách nhiệm không được bỏ quên chú. Tìm việc gì mà làm!

Dần dần, chú bắt đầu làm việc. Cùng với Valentin, chú giúp

sức chuyển thùng, gọt khoai, đổ dầu vào đèn bão, quét dọn các phòng.

Chẳng bao lâu chú làm quen với mọi người, biết được tình hình, và nhất là hiểu được chức trách từng người, toàn thể doanh trại đang sống làm gì và bản thân chú cũng thâm nhập vào cuộc sống chung của tất cả. Pêchya đã biết được người chỉ huy, người chú, là đồng chí bí thư thứ nhất Ban chấp hành Đảng Bônsêvich khu phố, đồng chí Secnôivanenkô mà bắt chước theo Valentin, chú cũng gọi bằng "bác Gayrick". Sau Secnôivanenkô, đến Platôn Ivanôvich Xtrenbixki, một con người nghiêm khắc mà tầm vóc dị thường và những cử chỉ dữ tợn đã làm cho Pêchya khiếp sợ khi, người cúi gập làm hai, với khẩu Môde đựng trong bao gỗ sau lưng, anh di chuyển bằng những bước dài trong con đường ngầm trần thấp lè tè để thi hành một mệnh lệnh nào đó của Secnôivanenkô và cái bóng to lớn của lưng anh che kín cả con đường ngầm. Theo con mắt Pêchya, Xêrafim Ivanôvich Tulyakôp, người cùng ở với anh em du kích trong cái hốc cuối cùng, là một người ngang hàng. Tulyakôp thường xuất hiện và luôn gắn liền với công tác chuẩn bị chiến đấu: trước hết anh vào sổ số hiệu các súng ngắn, súng trường, rồi chú ý xem xét kỳ cho đến khi chúng được cắt đặt tử tế mới thôi, tổ chức việc đổi gác, chỉ định người trực ban, và một hôm anh cắt Pêchya và Valentin trực sau khi đã ghi tên chúng vào một quyển sổ. Nhân dịp này, anh đã hỏi Pêchya:

— Em có biết bắn không?

— Có biết một tí — Pêchya ngập ngừng đáp; thực ra đến tận bây giờ, suốt đời chú chỉ mới được bắn có một lần ở Iityazoma bằng khẩu súng hơi của Victo Xađôpnikôp.

— Em có vũ khí riêng không?

Biết chú không có, Tulyakôp lắc đầu không tán thành, rồi nói.

— Chẳng biết em nghĩ thế nào? Như vậy là không tốt! Chiến tranh thì phải đánh nhau chứ!

Rồi anh đưa đến cho Pêchya một khẩu Nagan trận, trích trong

sổ ra một con số rất dài và đòi cho được một tờ biên lai. Từ đó, chú bé hết sức khâm phục Tulyakôp.

Các người khác không quan trọng lắm nhưng dù sao Pêchya cũng rất quý trọng họ, thậm chí còn tỏ ra quá lễ phép, như đối với những người anh hùng bí mật, những ân nhân của nhân dân, thành viên của tổ chức khủng bố, chiến đấu ở hậu địch. Chú thích nhất cô Liđia Ivanôpna Anghêlêđi, dịu dàng, xinh đẹp, trìu mến, giống mẹ chú về một điểm gì rất khó tả. Một người cũng được chú thích nữa, đó là Trôlim Zakharôvich Xviriđôp, kế toán viên trước chiến tranh, đồng nghiệp đồng thời là người giúp việc của Liđia Ivanôpna, cũng trẻ và duyên đáng như bản thân cô; do đó Pêchya có cảm tưởng là trong Chi nhánh Ngân hàng Quốc gia Ôđetxa chỉ toàn những người công chức đặc biệt xinh đẹp và dễ thương. Thậm chí Xviriđôp còn hơi giống Liđia Ivanôpna nữa. Họ tìm mọi cách để luôn luôn được ở bên nhau. Người ta có thể tưởng nhầm đó là hai anh em.

Đồng chí Xecghêiep càng được Pêchya để ý tới đặc biệt, nổi bật vì là huấn luyện viên thể thao, tinh thông mọi bí quyết của các môn bóng đá, điền kinh và bơi lội. Anh là ủy viên ban trọng tài hội "Đynamô", bạn của tất cả các nhà vô địch, các nhà bơi lội nổi tiếng và các cầu thủ bóng đá. Hơn thế nữa, anh ở trên họ: anh nhận xét họ! Dưới con mắt của Pêchya, đó là một nhân vật tuyệt đối khác thường, gần như một vị á thánh. Thậm chí Pêchya còn nhìn anh, như nhìn ánh mặt trời, phải lim dim đôi mắt. Chú bé cứ lẽo đẽo theo anh như một cái bóng, kiên nhẫn chờ đợi cơ hội để hỏi anh một vấn đề lý thuyết nào đó về một cú phạt trực tiếp, một trường hợp chơi trái luật, hoặc cả về giá trị hơn hẳn của lối bơi sải đối với lối bơi ếch. Đồng chí Xecgkêiep trả lời rất tử tế nhưng quá vắn tắt. Nói chung anh vốn ít nói: anh lắng nghe nhiều hơn là nói, hút ống píp, nhưng bây giờ không phải nhét đầy nồi điếu thuốc lá thơm hiệu "Mái tóc vàng" nữa, mà bằng thuốc lá rẻ tiền của chiến sĩ. Chỉ có một lần, anh nói chuyện với Pêchya để hỏi chú:

— Em có chơi thể thao không?

— Ít thôi — chú bé đáp, ngượng ngùng.

Đồng chí Xecghêiep nắn bắp tay bắp chân của chú rồi mỉm cười chua chát, nói:

— Thế mà cũng gọi là thiếu niên tiên phong! Để rồi chú luyện cho...

Đối với người chỉ huy doanh trại Lêônit Ximban mà hầu hết mọi người đều gọi tắt là Liônya thì Pêchya còn có một tình cảm gấp đôi. Về nguyên tắc, chú thích Liônya. Tâm hồn con người vui vẻ, tinh nghịch đó như luôn luồn tràn đầy ánh nắng miền Nam, thể hiện rất ngây thơ trên nét mặt linh hoạt khác thường, có thể thay đổi sắc thái từng giây từng phút và biểu lộ những nét hết sức khác nhau, hết sức tế nhị của ý nghĩ và tình cảm. Đôi môi tinh nghịch luôn luôn sẵn sàng nở một nụ cười chế giễu, và bất cứ lúc nào anh cũng có ở đầu lưỡi một câu khôi hài hay một lời châm chọc, nhưng tất cả cái đó đều không có ác ý.

Anh có một trình độ châm biếm khá cao, đặc tính trời phú riêng cho người Ôđetxa; nó giúp anh chịu đựng được trong những giờ phút khó khăn nhất. Nhưng vì trong lúc này, không ai còn lòng dạ nào nữa để châm biếm, mà Liônya thì không thể không đùa nghịch, nên anh đã trút cả lên đầu Pêchya như một dòng thác những lời nói hóm hỉnh và những phương ngôn tục ngữ vùng Hắc-hải.

— Này lại đây, chú bé! Cái gì thế này? Người ta đã phát cho chú một khẩu súng ngắn, một khẩu Nagan phải không? Thế là chú ra vẻ ta đây lắm. Lấy ai mà gọt vỏ khoai bây giờ nhỉ? Tượng Puskin chắc? À, chú đã gọt rồi ư? Vậy tôi xin lỗi. Thằng bé ngoan thật!

Pêchya, một mặt hãnh diện được người chỉ huy doanh trại đối xử thân mật với mình, nhưng mặt khác cũng thấy khó chịu với những lời đùa bỡn không ngớt đó, nên chú đã cố tránh để ít phải gặp cái anh chàng Liônya luôn luôn vui vẻ ấy.

Nhưng cố nhiên những người chú bé cảm thấy gần gũi nhất là Matriôna Têrenchiepna, là Raitxa Lvôpna và Valentin. Họ

tượng trưng cho gia đình chú. Trong, một chừng mực có thể, họ thay thế mẹ chú, bố chú, các em gái chú và bà nội chú. Chỉ với họ, Pêchya mới cảm thấy hoàn toàn tự do và vui vẻ.

Đường hầm nhanh chóng có vẻ đầy đủ tiện nghi với những buồng lớn, buồng nhỏ, nếu có thể gọi như vậy, những cái khám đủ mọi kích thước, những cái hang hốc đục trong đá vôi bằng vỏ hàu. Đó là những đường hầm cũ do thợ đá đào từ lâu lắm, hoặc là những trụ sở mới xây dựng, chuyên để chứa vật liệu và cho những người trong ban chấp hành bí mật. Hầm ngầm này, muốn gọi là gì cũng được: cơ quan tham mưu, trại lính, công binh xưởng, đài chỉ huy. Nhưng cái tên đơn giản nhất, thông thường nhất đã chiếm ưu thế: nhà ở. Thực tế, nó giống một ngôi nhà ở biến thành cơ quan hay đúng hơn một cơ quan quân sự. Những phiến đá to dùng làm bàn. Trên những phiến đá giống nhau hình chữ nhật, trải rạ và áo ca-pốt, người ta ngủ chung với nhau như trên những bộ phản. Đá tảng thay cho ghế. Nói chung, tất cả đồ đạc đều bằng đá hoa cương hay đá vôi.

Các bà phụ nữ, Raitxa Lvôpna, Matriôna Têrenchiepna, Liđya Ivanôpna và Valentin ở riêng. "Khám" của họ được ngăn cách bằng một tấm màn vải. Họ ngủ cả bốn người cạnh nhau trên một chiếc giường đá. Nhưng ở chỗ họ, ngăn nắp và sạch sẽ vô cùng! Giường của họ luôn luôn phủ chăn len gọn gàng. Không có gối, thật đấy, nhưng thay vào đó, là những cái áo ba-đờ-xuy, những cái túi xếp rất gọn. Trên cái bàn đêm bằng đá trải một số báo Công xã Hắc-hải thay cho khăn bàn, có để cái gương con của Liđia Ivanôpna, một cái đĩa nhựa đựng cặp tóc, một quả cầu mà Matriôna Têrenchiepna đã vội vã mang theo với các tài liệu, một bức ảnh con lồng trong một cái khung khảm xà cừ và một mẩu nến. Nhưng cả cây đèn nến Valentin chế ra cũng khác những cây nến khác, ở chỗ nó được cắm vào một lọ nước hoa nhỏ khéo chế biến lại, và do cái vẻ trang nhã, có thể nói nó đã tỏ rõ đây là nhà ở của phụ nữ.

Nam giới, kể cả Pêchya, sống trong ba "buồng" khác.

Trong hầm, cũng có một "góc đỏ" dùng làm "buồng giấy" cho

đồng chí bí thư thứ nhất. Tất nhiên, đó là một cái hang hơn một cái buồng. Hai chiếc bàn đá dài xếp theo hình chữ T, những khối đá mệnh danh là ghế bao chung quanh. Trong một góc hầm, trên một tảng đá để một cái tủ két nhỏ. Trong một góc khác, cũng trên một tảng đá, để một xô nước với một cái chén vại làm bằng vỏ đồ hộp. Trên một cái ngăn đục vào tường, vài quyển sách. Bên cạnh, có bản đồ Liên bang Xô-viết, bản đồ vùng Ôđetxa và bản đồ thành phố và cả bản sơ đồ chính quyền các vùng lân cận Ôđetxa. Pêchya thấy bác Gayrick với đồng chí Tulyakôp mang đến hai bức chân dung Lênin và Xtalin và hai lá cờ: lá cờ đỏ thắm của ban chấp hành khu Đảng bộ và lá cờ màu dâu tây của Xô-viết khu. Họ treo cờ vào trong góc hầm và đóng các bức chân dung lên tường, bên trên cái bàn.

— Chính quyền ở đây mới là chính quyền thực sự của nhân dân, — Secnôivanenkô nói — chính quyền xô-viết, chính quyền của Đảng Cộng sản; nó sẽ lãnh đạo các khu ngoại ô thành phố Ôđetxa cho tới khi nào kẻ địch bị đánh đuổi và tiêu diệt đến tên cuối cùng. — Secnôivanenkô nhìn về phía trần đất thấp lè tè và nói thêm — Chúng còn chưa biết thế nào là cuộc Chiến tranh Ái quốc của cả một dân tộc để cứu nước. Nhưng chẳng bao lâu nữa, chúng sẽ biết.

Ông dằn lên tiếng "chúng" mạnh đến nỗi răng nghiến ken két.

Cây đèn bão với cái lưới thép, đặt trên tủ két, chiếu sáng yếu ớt nhưng hùng hồn toàn bộ bức tranh vừa khủng khiếp vừa trang nghiêm, huyền hoặc như trong một giấc mơ.

Một tia sáng vàng đục di chuyển trên loạt vũ khí, trên sàn đất gồ ghề, trên gương mặt mọi người, trên những bản đồ, và trên các bức chân dung. Gương mặt Lênin và Xtalin như sống, thở và suy nghĩ. Ánh sáng mịn màng trên mặt vải của hai lá cờ có tua vàng nặng trĩu pha thêm vào ánh sáng mờ yếu ớt của cây đèn bão.

53

Lúc đầu hoạt động của Ban chấp hành bí mật còn yếu, hầu như không có gì. Họ mới xuất kích đi dán truyền đơn một vài lần.

Khi chuyển vào bí mật, Secnôivanenkô đã mang theo mấy trăm truyền đơn của Ban chấp hành quận cũ gửi cho nhân dân. Chúng hoàn toàn thích hợp để phát ra trong những ngày đầu: nhân dân sẽ hiểu rằng việc Hồng quân rút khỏi thành phố không có nghĩa là cuộc đấu tranh chống phát-xít đã kết thúc, mà trái lại nó mới thực sự bắt đầu. Đó là một lời hiệu triệu tiếp tục cuộc chiến đấu vũ trang và mở rộng hơn nữa phong trào du kích. Sự xuất hiện lời kêu gọi ấy trên các tường nhà và hàng rào tự nó chỉ cho nhân dân biết là trong khu đã có một tổ chức Bônsêvich bí mật hoạt động, điều đó có một ý nghĩa về tinh thần và chính trị to lớn.

Secnôivanenkô có kinh nghiệm biết việc phá hoại các đường vận chuyển sau lưng địch là một công tác quan trọng hàng đầu. Cho nên ngay từ trước, ông đã thảo và in sẵn một số truyền đơn tại nhà in của Ban chấp hành quận và mang theo một loại nhỏ màu hồng rất mỏng để gửi cho công nhân hỏa xa.

Lại có loại truyền đơn khác, dùng cho nông thôn.

Những truyền đơn ấy ký tên "Ban chấp hành Đảng bộ Khu và ủy ban hành chính xô-viết khu ngoại ô thành phố Ôđetxa". Secnôivanenkô quan tâm đặc biệt đến chữ ký song song của hai cơ quan. Nhân dân sẽ tin tưởng chắc chắn rằng ở thành phố, đảng và chính quyền xô-viết vẫn tồn tại và hoạt động.

Dán các truyền đơn là hành động đầu tiên của Ban chấp hành bí mật — cuộc đọ súng ngẫu nhiên xảy ra ở gần cửa "Con Dím" xem như không đáng kể. Nói đúng ra, đó chỉ là một hành động của trinh sát. Nhưng họ đã chuẩn bị chu đáo biết chừng nào!

Pêchya thấy cách họ nấu hồ dán, trong một cái xoong lớn, trên một ngọn đèn dầu hỏa dưới hầm nhà bếp. Bà Matriôna Tênenchiepna nấu, nhưng có đồng chí Secnôivanenkô giúp đỡ và hướng dẫn. Ông rất coi trọng chất lượng của hồ. Truyền đơn không phải dán thế nào cũng xong. Không phải chỉ dính được vào tường là đủ, mà phải làm sao cho không thể bóc xé. Ông thử hồ rất tỉ mỉ trên đầu ngón tay và bằng lưỡi; với một động tác nhanh, ông dùng bút lông lấy một ít hồ, phết lên một tờ giấy, chú ý cho không vón cục. Hồ quấy xong, họ đổ vào vỏ đồ hộp, nhiều đều nhau. Sau đó, tại "góc đỏ", Ban thường vụ họp chớp nhoáng để bàn công tác.

Pêchya và Valentin, cảm thấy người ta đang quyết định một việc hệ trọng, không ngớt liếc mắt sang "góc đỏ". Xtrenbixki cầm cây đèn bão rọi lên bản đồ Ôđetxa, và bác Gayrick, bằng một mẩu than nhỏ, vẽ những mũi tên hướng về nhiều ngả khác nhau.

Xviriđôp và Xecghêiep đứng im lặng sau Secnôivanenkô, tập trung cao độ, theo dõi các động tác chính xác và nhanh nhẹn của bác Gayrick. Tulyakôp ngồi ở bàn đá chia đạn súng ngắn thành bốn phần, mỗi phần mười bốn viên. Đám phụ nữ thì ngồi giữa sàn, xung quanh ngọn đèn, khâu cái gì vào lớp áo ba-đờ-xuy và áo ca-pốt nam, thỉnh thoảng đưa chỉ lên miệng cắn. Valentin và Pêchya hiểu những mũi tên của bác Gayrick là hướng đi của các toán hành động, các phần đạn là dự trữ chiến đấu của mỗi người. Còn đối với công việc của các bà phụ nữ thì Pêchya không hiểu ra sao cả. Chú khẽ huých Valentin và thầm thì:

— Họ khâu gì vào trong ấy thế?

— Những túi nhỏ và những lỗ khuyết — Valentin đáp rất nhanh, thầm thì một cách bí mật.

— Để làm gì?

Em nguýt Pêchya rồi nhún vai ra vẻ kẻ cả:

— Ngẩn ơi là ngẩn!

— Thật đấy mình không hiểu mà! — Chú năn nỉ.

— Cứ như trên mặt trăng rơi xuống ấy. Khâu vào lớp lót những cái túi nhỏ và những lỗ khuyết thì còn để làm gì nữa kia chứ, hả?

— Cậu tự phụ quá! — Pêchya nói, vẻ giận dỗi và nín lặng.

Chú không chịu được lối đối xử kẻ cả của người khác, nhất là ở bọn con gái. Đã bao nhiêu lần chú tự nhủ không thèm hỏi Valentin, không chịu sỉ nhục! Rồi chú dịch xa ra và thở phì phì đáng bực tức. Nhưng Valentin thân mật đặt tay lên vai chú và nói:

— Túi là để đựng hộp hồ, còn khuyết là để cắm bút phết hồ vào truyền đơn. Cậu phải hiểu chứ.

— Tớ cũng nghĩ thế — Pêchya nói cộc lốc.

— Đi ngủ đi! — Matriôna Têrenchiepna nói; bà đứng dậy, rũ tấm áo tơi ngắn bằng da bê của Tulyakôp mà bà đang cầm trong tay.

Pêchya và Valentin lặng lẽ trườn vào trong bóng tối, nhưng một lát sau, chúng lại đã ở đấy, chầu hẫu về phía "góc đỏ". Tulyakôp, Xviriđôp, Xecghêiep, Xtrenbixki đã mặc quần áo và cho đạn, cho truyền đơn vào túi. Liđya Ivanôpna đứng trước Xviriđôp; chị nhìn vào mặt anh bằng đôi mắt đẹp, mò mẫm để hộp hồ vào trong cái túi nhỏ và cắm bút lông vào lỗ khuyết.

— Có chắc không? — Chị hỏi dịu dàng và vẫn nhìn anh chằm chập.

— Cảm ơn Lizoska — anh vừa nói vừa nhìn lại và sờ vào cái bút lông và hộp hồ. — Chắc lắm rồi.

— Nào, đi thử xem.

Anh bước đi trước mặt chị, trong hầm, vừa đi vừa lắc xem hộp hồ và cái bút lông nằm đã thật chắc chưa.

— Có chắc không? — Chị hỏi đáng lo lắng.

— Tốt lắm rồi — anh đáp, dừng lại trước Liđya Ivanôpna, như định nói một điều gì hết sức quan trọng, nhưng lại chỉ mỉm cười ra vẻ hài lòng.

— Nên để vũ khí ở túi ngoài bên phải — Tulyakôp nói — Chỉ nổ súng khi không còn cách nào khác thôi.

— Viên đạn cuối cùng là để dành cho bản thân — Xtrenbixki nói với giọng không cho ai cãi lại. Anh sờ nhanh vào hộp hồ dưới áo khoác và đội mũ vào một cách kiên quyết.

— Tốt hơn hết là đừng để phải dùng đến phương sách cuối cùng ấy — Secnôivanenkô căn dặn. — Nào, các đồng chí, bắt tay vào việc...

— Chúc mọi người may mắn! — Liđya Ivanôpna nói.

Nín thở và siết chặt bàn tay Valentin, Pêchya nhìn mọi người ở "góc đỏ" đi ra nối tiếp nhau theo lối đường ngầm. Họ có bốn người, Xtrenbixki, Tulyakôp, Xviriđôp và Xecghêiep. Một số chiến sĩ thuộc phân đội Tulyakôp mang súng trường và đèn bão đi theo họ. Đó là toán chận hậu có nhiệm vụ bảo vệ họ đến tận cửa ra, chiếm lĩnh tuyến phòng thủ và đợi họ hành động xong trở về.

54

Xtrenbixki và Xviriđôp phải vòng quanh thành phố về phía tây, đến tận đường sắt trong khu vực vọng gác số 2, tới khu Cối xay Gần và Cối xay Xa, dán ở đấy truyền đơn gửi công nhân hỏa xa và lời hiệu triệu nhân dân của Ban chấp hành quận. Đi, về như vậy, mất ít nhất mười sáu cây số. Họ dự đoán đường sắt đã được canh gác chặt chẽ, và cần nhất truyền đơn phải được dán

vào nhà người gác chắn, vào tháp nước, vào tường các nhà kho. Đó là hoạt động đầu tiên của Ban chấp hành bí mật, chưa có kinh nghiệm, mọi người đều biết là phức tạp và nguy hiểm.

Còn Tulyakôp và Xecghêiep thì chịu trách nhiệm vòng qua các làng ở phía bắc, Khôlôtnaia Banka, Nêrubaikôiê, Nhiliakòvô và, nếu có thể, đến tận trạm máy kéo Prôtôpôpôvô dán truyền đơn gửi cho nhân dân lên các nhà dân và các hàng rào. Đi về mất hai mươi lăm cây số qua đồng cỏ vắng, nơi mà gặp trường hợp cần thiết họ có thể dễ dàng ẩn nấp.

Nhiệm vụ của họ dễ dàng hơn của Xtrenbixki và Xviriđôp. Nhưng Xtrenbixki biết rõ ngoại ô và Tulyakôp nắm chắc các làng. Hơn nữa, Tulyakôp còn hy vọng tìm được ở Khôlôtnaia Banka những người của mình còn để ở lại sau lưng địch và sẽ đưa họ về hầm mộ.

Đèn bão đi khuất, cái trước cái sau, ở chỗ ngoặt đường ngầm. Hai toán chỉ có thể trở về trước năm hoặc sáu giờ sáng. Và thế là bắt đầu một thời gian chờ đợi lặng lẽ, căng thẳng. Đêm ấy, trong trại, không ai ngủ cả. Mọi người đều lặng lẽ ngồi đợi trên giường. Tất cả đèn đóm tắt hết, để tiết kiệm chất đốt. Chỉ ở "góc đỏ" ngọn đèn công tác nhỏ cháy leo lét. Secnôivanenkô ngồi bên cạnh, mắt lim dim, tay để trên bàn đá, đang suy nghĩ. Hiện nay mặt trận ở đâu? Trên thành phố và trong quận, tình hình ra sao? Không biết gì cả và không thể làm gì, nếu không nắm được tình hình. Thiếu hẳn liên hệ với bên ngoài. Điện đài vẫn chưa đặt. Cần phải giăng ăng-ten lên mặt đất, nhưng đó là điều không thể làm trước khi nắm được tình hình ở Uxatôvô. Cho đến lúc đó, vẫn phải kiên nhẫn chờ đợi. Nhưng bản tính của Secnôivanenkô lại không muốn thế.

Lúc này đã cử người đi dán truyền đơn rồi, ông sốt ruột đợi họ trở về. Có nhiều việc tùy thuộc vào những tin tức họ sắp mang về. Về mặt này ông hy vọng nhiều ở Xtrenbixki và Xviriđôp. Họ biết được gì giữa ban đêm, trong điều kiện giới nghiêm ở lân cận đường sắt chắc chắn đã bị canh gác chặt chẽ? Kinh nghiệm công tác cách mạng bí mật cho biết là trong những điều kiện như vậy,

nhất là trong lần xuất kích đầu tiên, không thể nói chuyện với nhiều người, cũng không thể lượm được ở họ một tin tức gì thiết thực, ông đặt hy vọng nhiều hơn vào Tulyakôp. Có lẽ cùng với Xecghêiep, anh ấy có thể đột nhập vào nhà dân, nói chuyện với họ, nhất là chắc anh sẽ đưa được những người du kích của anh về, và qua họ có thể rút ra được nhiều điều quí báu cho công tác sau này.

Secnôivanenkô cũng cân nhắc đến những trọng trách của ông trước Đảng và nhân dân, cũng như trước những người cùng xuống hầm mộ với ông. ông không sợ chết. Nhưng ông không được chết, ông phải sống, lãnh đạo cuộc đấu tranh, gây mọi trở ngại cho bọn địch đang chiếm đóng tổ quốc ông, tổ quốc xô-viết thân yêu và thiêng liêng của ông. Ông phải thắng. Đó là yêu cầu của Đảng. Nhưng chiến đấu và chiến thắng, đó là cả một nghệ thuật lớn. Ở đây, sẵn sàng hy sinh không có tác dụng gì lớn. Phải có kinh nghiệm, tính ngoan cường, một bộ óc không nhầm lẫn và sáng suốt, một ý chí sắt đá.

Secnôivanenkô lấy trong tủ sắt ra một quyển vở chép những đoạn tác phẩm của Lênin, đeo kính và vùi đầu vào đọc. Ông đọc từ từ, cân nhắc từng chữ, suy nghĩ từng câu.

Khi ông nhìn đồng hồ thì đã mười một giờ mười lăm. Nhưng dù thế nào cho đến sáng, cũng còn cả một thời gian vô tận.

Ông lại đọc.

Ở phía trên chỗ lá mía, da trán ông nhăn lại. Trước mặt ông, trên bàn đá, bên cạnh lọ mực, bức ảnh Lênin khi ở Gorki, lồng trong một cái khung lớn màu đỏ.

Đêm đó, Secnôivanenkô đi ra cửa "Con Dím" nhiều lần. Trước cửa, ở bên ngoài, giữa những đám dại khô, có hai chiến sĩ thuộc toán Tulyakôp đang ôm súng nằm quan sát chung quanh.

— Thế nào, vẫn khỏe chứ, các chú?

— Dạ không đến nỗi, đồng chí bí thư ạ.

— Hẳn có gì nên mãi các đồng chí chúng ta vẫn chưa về.

— Chắc họ chưa làm xong công tác đó thôi.

— Lẽ ra, họ về rồi mới phải.

— Còn sớm lắm, đồng chí bí thư ạ. Từ đấy, họ không thể về đến đây trước sáu giờ sáng.

— Thôi được, nói chung có tình hình gì không?

— Không có gì thật đặc biệt, đồng chí bí thư ạ. Cách đây bốn phút, có một chiếc máy bay bay qua. Thế là chúng đã bắn một trận không thể tưởng tượng được, làm tất cả chung quanh đều ngập mảnh đạn. Chúc sức khỏe đồng chí đấy. Chắc chắn đó là máy bay của ta. Chúng có một cụm cao xạ đặt ở đàng kia, sau Uxatôvô. Trời, chúng khiếp sợ bộ đội nhảy dù của ta lắm! Nghe có tiếng động nhỏ là chúng bắn như đổ đạn để chẳng làm quái gì hết.

— Còn gì nữa?

— Báo cáo đồng chí bí thư, không còn gì hơn. Cách đây một tiếng rưỡi, văng vẳng có tiếng kèn trận của chúng. Không biết là ở Uxatôvô hay ở Kholôtnaia Banka vì gió quá. Trên đường Hatji-Bây, suốt đêm xe tải chạy rầm rập, xe tăng rú liên hồi. Về phía Nhiliakôvô, thỉnh thoảng nghe có tiếng xe lửa chạy.

— Các chú không thấy ai trên thảo nguyên à?

— Dạ tối lắm. Không nhìn thấy gì cả.

Secnôivanenkô nhìn một lúc vào bóng tối dày đặc của đêm mùa thu ẩm ướt và lạnh lẽo, rồi quay trở về theo những hành lang vô tận của hầm mộ, đi qua ngọn đèn này rồi ngọn đèn khác

đến tận "góc đỏ". Một lần nữa, ông ngồi xuống suy nghĩ, thỉnh thoảng lại xem đồng hồ. Rạng đông, ông xách đèn bão đi quanh ngôi nhà hầm của mình, xem xét các hang động. Không ai ngủ cả. Xviatôxlap và Ximban đang chữa điện đài dưới ánh sáng tù mù của một ngọn đèn nhỏ.

— Các đồng chí không ngủ à?

— Chúng tôi đang cố tìm hiểu tại sao điện đài không chạy.

— Thế nào, không chạy sao? — Secnôivanenkô kêu lên và lo lắng nhìn Ximban — Tại sao?

— Có thể là ắc-quy hết điện hay cháy bóng.

— Ắc-quy vẫn tốt — Xviatôxlap nói.

— Thế thì tại đèn.

— Đèn dự trữ đâu — Secnôivanenkô hỏi.

— Chúng tôi vừa lắp xong.

— Nội sáng nay, tất cả phải chữa xong. Đồng chí bí thư nói rất nghiêm khắc. — Tôi cần liên lạc.

Ông bỏ đi ra, nhưng lại quay lại.

— Tôi cần liên lạc — ông nhắc lại và nhìn, vẻ lo lắng, qua vai Xviatôxlap, vào chiếc máy thu thanh đang mở. — Có liên lạc mới nắm được tình hình. Liên lạc, chỉ có thế thôi. Nếu không nắm được tình hình, tôi sẽ như người cụt tay — Các đồng chí hãy nhớ lấy...

— Xin tuân lệnh đồng chí bí thư. — Ximban nói to. Nhưng nhìn thấy vẻ nghiêm nghị của Secnôivanenkô, anh cắn môi im bặt.

Rồi Secnôivanenkô đi sang chỗ chị em phụ nữ. Họ đang ngồi nói chuyện rì rầm trong bóng tối.

Ông chiếu đèn vào chỗ họ.

— Tại sao các chị không ngủ?

— Chúng cháu ngủ cả rồi — Pêchya nói; một mình giữa "khu nam giới", chú sợ, nên các cô đã tạm thời đưa chú về chỗ họ.

Secnôivanenkô xoa tay lên đầu tóc rối bù đầy bụi từ lâu không cắt của chú, ôm lấy chú và xoay mặt chú vào tường, rồi phủ chiếc áo ca-pốt lên.

— Matriôna — ông nói — cần chú ý cho các em đi ngủ đúng giờ quy định. — ông bước tới gần Liđya Ivanôpna và bình thản nhìn chị qua đôi kính trắng. — Còn đồng chí Anghêliđi nữa, tại sao đồng chí không ngủ. Cứ nghỉ ngơi khi tình thế còn cho phép chứ. Chúc các đồng chí ngủ ngon.

Ông định nói: "Chúc các anh các chị ngủ ngon! Chúc các bạn ngủ ngon." Nhưng ông không nói gì nữa. Họ đã lên nằm trên giường đá, lấy măng-tô và chăn đắp lên người, chân còn mang cả giày co lại, làm bộ như đã ngủ thật cả rồi. Ông đi ra.

Đến bảy giờ sáng, một vệt ánh sáng mờ mờ xuất hiện trong đường hầm. Toán thứ nhất đã về: Xtrenbixki và Xviriđôp — cả hai người đều phấn khởi và im lặng, mệt lả, người đầy bùn đen dày cộp, áo khoác ướt sũng nước mưa và sương mù.

Xtrenbixki báo cáo tóm tắt với Secnôivanenkô. Tất nhiên họ không nắm được gì thiết thực về tình hình trên thành phố. Nhưng họ cũng lượm lặt được một số chi tiết đáng chú ý. Khi dán một tờ truyền đơn lên nhà người gác chắn, trong phạm vi bốt gác số 2, Xtrenbixki thấy có một tờ dán ở đấy rồi. Anh không dám bấm đèn, nhưng cũng nhận ra một hình búa liềm vẽ bằng mực đen trên một tờ giấy học sinh, với những chữ viết hoa: "Đả đảo bọn phát-xít xâm lược!" Từ đó có thể suy ra là đã có những người đứng lên bắt đầu cuộc đấu tranh bí mật. Có thể tờ truyền đơn đó là của một cá nhân không có tổ chức viết ra và dán lên. Secnôivanenkô qua kinh nghiệm biết có nhiều trường hợp như thế. Nhưng điều đó không làm thay đổi ý nghĩa của sự việc. Sự việc ấy dù thế nào cũng có tầm quan trọng của nó, vì nó nói lên tinh thần của nhân dân. Hơn nữa Xtrenbixki còn cho biết ở vùng Cối xay Xa, trong phố Môitxenkô, họ đã nhìn thấy hai

chiếc xe tải mui trần chằng xích sắt, lại có nhiều mô-tô gắn súng đi kèm, chắc là chở những người bị bắt: Ngoài ra không còn gì đáng chú ý nữa. Hơn nữa, lúc đó Xtrenbixki và Xviriđôp đang nằm dưới một cái hố và hai chiếc xe tải chạy qua rất nhanh, Secnôivanenkô biết trong khu công nhân, các vụ bắt bớ hàng loạt đã bắt đầu. Ông ghi nhớ điều đó, coi như một hiện tượng nhân dân đứng lên đấu tranh với địch. Không có một bóng người. Cửa sổ các nhà tối om. Đâu đâu cũng gặp những toán tuần tra. Nhiều lắm, đâu đó có cao pháo bắn lên. Secnôivanenkó không nắm được gì thêm. Phải đợi Tulyakôp về.

Một giờ sau, Tulyakôp về với Xecghêiep, và hai người báo cáo. Secnôivanenkô đã không nhầm. Những tin tức Xêrafim Ivanôvich cho biết quan trọng đến đỗi Secnôivanenkô tập hợp ngay mọi người lại cùng nghe.

Không kịp cởi chiếc áo bẩn, Tulyakôp rửa mặt qua loa, lau tay, ngồi vào bàn, im lặng tập trung tư tưởng một lúc, rồi nói:

— Hai toán chiến đấu chúng tôi — toán của tôi và toán của Xtrenbixki — như các đồng chí đã biết, cùng đi lên mặt đất ở cửa "Con Dím", lúc 19 giờ 10 phút, giờ Mạc-tư-khoa. Tôi nói "giờ Mạc-tư-khoa" vì bọn chiếm đóng đã vặn đồng hồ nhanh lên một tiếng. — Tulyakôp mỉm cười chua chát nhưng thôi ngay, nhăn mặt lại. — Chúng bắt nhân dân xô-viết phải theo giờ giấc của chúng.

— Chúng vội mà — Ximban nhận xét.

— Phải, chúng vội. — Tulyakôp điềm đạm nói. — Nhưng không phải không nên tính tới sự khác nhau về giờ giấc đó sau này. Trận xuất kích lên mặt đất của chúng tôi, như người ta nói, đã được tiến hành rất bình thường. Toán yểm hộ đã cho chúng tôi biết tình hình khi còn cách địa điểm năm trăm mét. Tất cả đều trôi chảy. Như vậy là chúng tôi đã cùng nhau hành quân đến tận chỗ rẽ của con đường mòn gần làng Nêrubaixkôiê, và từ đấy chúng tôi chia nhau tiến về các ngả. Đây là chỗ ngã ba đó.— Tulyakôp tiến sát lại bản đồ và lấy bút chì chỉ. — Từ đó

Xtrenbixki và Xviriđôp đi thẳng về phía nam, còn Xecghêiep và tôi, chúng tôi vòng về phía Khôlôtnaia Banka và về phía bên kia, theo hành trình đã định, về phía đông bắc. Chúng tôi đi người nọ cách người kia khoảng hai mươi, hai nhăm mét để gặp trường hợp cần thiết có thể nổ súng. Tôi trình bày tất cả những chi tiết này tỉ mỉ như thế là để kinh nghiệm trận xuất kích của chúng tôi có thể sử dụng được cho sau này.

— Dù sao, có lẽ cũng nên báo cáo gọn gọn hơn một tí. — Secnôivanenkô sốt ruột nói.

— Hơn nữa chúng tôi không được bắn chi viện cho nhau — Xecghêiep nhanh nhảu nhắc — vì thảo nguyên vắng tanh và tối om, không nhìn thấy gì hết. Nói chung tất cả đều trôi chảy.

— Tất nhiên, nếu không kể cuộc gặp gỡ với một toán tuần tiễu dân vệ Rumani. — Tulyakôp nói thêm — Chúng đã nổ súng vào chúng tôi, ở chỗ cửa con mương nhỏ ngay gần bên bờ đầm nước mặn Hatji-Bây, gần gần ở đây — Anh chỉ lên bản đồ. — Nhưng không kết quả, vì chúng tôi đã nấp trước vào những chỗ mấp mô của địa hình. Sau đó chúng tôi bỏ đi xa hơn, không gặp trở ngại gì và không phải nổ súng.

— Và không biết vì lẽ gì, chúng không quyết tâm đuổi theo chúng tôi — Xecghêiep thêm — hay chắc chắn hơn chúng đã mất hút chúng tôi.

— Các đồng chí đã dán thư gửi cho nông trang viên và lời kêu gọi của Ban chấp hành quận rồi chứ?

— Đã dán đầy đủ.

— Ở đâu?

— Trên tường các kho lúa mì, trên các giếng nước, ở các cột dây thép.

— Tốt — Secnôivanenkô ghi vào sổ tay.

— Bây giờ tôi báo cáo sang phần tình hình mà trong quá trình hành động chúng tôi đã nắm được.

Tulyakôp lại gần cái xô và uống nước.

— Nào tình hình, báo cáo đi, tình hình! — Secnôivanenkô sốt ruột thốt lên, tay lật những trang giấy đặt trên bàn. — Chúng tôi đã đun nước chè cho các đồng chí.

Tulyakôp lấy tay lau ria mép, trở về chỗ và tiếp tục:

— Gần Khôlôtnaia Banka, trên thảo nguyên, tại một địa điểm định trước, chúng tôi đã gặp một bộ phận những chiến sĩ tôi cài lại ở hậu địch. Họ đã sát nhập vào phân đội của tôi và hiện giờ đã có mặt trong hầm mộ. Nhưng tôi không để họ vào theo cửa "Con Dím", và đã tìm cho họ một lối vào gần Khôlôtnaia Banka hơn, Sau này, tôi sẽ báo cáo với đồng chí tại sao tôi đã quyết định như vậy... Các chiến sĩ của tôi đã kể lại quang cảnh trên đó. Trong báo cáo của tôi, tôi sẽ chỉ nói với đồng chí những điều thật chắc chắn và đã được xác minh. Khu vực mặt trận gần chúng ta nhất là ở Krưm, trước Pêrêkôp; từ đấy địch rất muốn tiến tới Xêvaxtôpôn. Những trận chiến đấu phòng ngự ác liệt đang diễn ra ở đấy. Do đó chúng ta có thể ước lượng được là chúng ta đang ở rất sâu trong hậu địch, và chúng ta không thể tính tới chuyện liên lạc được với các đơn vị Hồng quân. Đấy, tình hình mặt trận là như vậy. Đó là một điều. Về tình hình và tinh thần của nhân dân các làng ở hậu địch, theo tôi thì đại khái như thế này. Đại bộ phận ở các làng đều có đồn binh Rumani và Đức chiếm đóng. Tuy vậy tôi đã lọt được vào nhiều nhà, nói chuyện với nhân dân và, báo cáo các đồng chí, điểm nổi bật nhất và trước tiên tổ chức chúng ta phải quan tâm đặc biệt... — Tulyakôp ngừng lại và nhìn thẳng vào mặt Secnôivanenkô như đòi hỏi. — Bọn phát-xít ngấm ngầm tuyên truyền trong nhân dân là Mạc-tư-khoa đã thất thủ, Hồng quân đã bị đánh bại và thực tế không còn nữa, ngày một ngày hai, chính quyền xô-viết sẽ bị quét sạch hoàn toàn và vĩnh viễn, cho nên mọi sự chống cự đều vô ích. Đấy, tình hình là thế đấy, các đồng chí! Những người mà tôi gặp được, họ không hiểu ra sao nữa. Chúng ta có trách nhiệm — Tulyakôp nói, — vẫn nhìn thẳng Secnôivanenkô — trong một thời gian ngắn nhất và với biện pháp kiên quyết nhất, phải làm cho nhân dân biết là

Đảng và chính quyền xô-viết vẫn tồn tại trên đất nước xô-viết tạm thời bị phát-xít xâm chiếm. Trước tiên, chúng ta phải tổ chức phổ biến thường xuyên tin tức của Thông tấn xã xô-viết cho nhân dân nắm được tình hình thực tế. Không thế tình hình sẽ chả ra thế nào nữa.

— Đúng thế — Secnôivanenkô nói và tiếp tục ghi nhanh vào sổ tay.

Tulyakôp cởi khuy cổ áo va-rơ ra rồi lấy mùi-soa lau cổ. Mặt anh bừng bừng, anh thấy nóng ran, anh đứng dậy và đi về phía cái xô định uống nước, nhưng lại không uống. Anh móc trong túi áo ra một mảnh giấy đã nhàu nát và vứt lên bàn.

— Tôi đề nghị đồng chí cho đọc.

Secnôivanenkô cầm lấy tờ giấy, mang kính vào rồi đọc to:

— "*Hỡi công dân thành phố Ôđetxa và các vùng lân cận, tôi khuyên các người đừng có những hành động cừu địch đối với quân đội và công chức sẽ cai trị thành phố của các người. Hãy tố giác những kẻ nhận nhiệm vụ khủng bố, bọn gián điệp, bọn phá hoại hoặc những người tàng trữ vũ khí. Hãy chú ý và tuân thủ các mệnh lệnh của cơ quan chỉ huy quân sự và dân sự. Tôi có bổn phận báo để các người đề phòng. Người nào không chấp hành hoặc sẽ không chấp hành những mệnh lệnh nhận được từ trước đến nay hoặc những mệnh lệnh sau này sẽ bị bắn tại chỗ. Chuẩn tướng chỉ huy quân đoàn Uakôbixi, Tư lệnh trưởng N. Takaranu.*"

— Để kèm vào biên bản — Secnôivanenkô nói và với tay qua vai đưa tờ giấy cho Liđya Ivanôpna.

— Tôi tiếp tục — Tulyakôp nói, thít mạnh thắt lưng. — Qua câu chuyện với mọi người, tôi biết bọn chiếm đóng đã bắt đầu cướp lương thực. Ta đã không phá hết được các kho dự trữ. Ví dụ ở trạm máy kéo Prôtôpôpôvô còn lại hai nghìn pút lúa mì dự trữ, ba mươi hai tấn lúa mì. Các đồng chí thử tưởng tượng — Tulyakôp mặt đỏ bừng và một nếp nhăn hằn trên trán. — Hồng quân thì đang chiến đấu với quân Đức ở Pêrêkôp, đương đầu với

cái chết, thế mà trong lúc đó bọn Đức lại cướp lúa mì xô-viết. Đó là một điều hổ thẹn các đồng chí ạ, một điều sỉ nhục, một sự phản bội.

Tulyakôp bực bội và nói nhanh quá làm cho Liđya lvanôpna, người làm biên bản cuộc họp, phải cố gắng lắm mới viết kịp.

— Đáng tiếc, trạm Prôtôpôpôvô lại do một đơn vị khá quan trọng chiếm giữ nên các chiến sĩ của tôi không làm gì được. Nhưng tôi nghĩ chúng ta phải sửa chữa điều đó. Phải, chúng ta phải làm! Tôi yêu cầu Ban chấp hành phải có quyết định ngay lập tức. Sang chuyện khác. Theo một nguồn tin chắc chắn, chính tôi biết tin tên chỉ huy Ôđetxa rất chú ý đến hầm mộ của thành phố này. Có thể không phải đúng là hầm mộ Uxatôvô. Như các đồng chí đã biết, các hầm mộ chiếm hết cả khu vực dưới đất của thành phố Ôđetxa. Nhưng bất cứ trường hợp nào, cũng cần phải cẩn thận và tăng cường canh gác ở các cửa ra vào. Vì thế, tôi đã quyết định dẫn các chiến sĩ của tôi vào cửa Khôlốtnaia Banka để khỏi vô ý làm lộ cửa chính, cửa "Con Dím". Tôi báo cáo hết. Đề nghị các đồng chí cho ý kiến.

— Chúng ta sẽ không thảo luận — Secnôivanenkô nói sau một thoáng suy nghĩ. — Chúng ta sang ngay phần nghị quyết. Thứ nhất, viết đi đồng chí Anghêliđi, xem nhiệm vụ Ban chấp hành giao cho các đồng chí Xtrenbixki, Tulyakôp, Xviriđôp và Xecgliêiep như đã được triệt để hoàn thành. Thứ hai, nhất trí với những kiến nghị của đồng chí Tulyakôp. Điểm a) Trong thời gian tới cần phải tổ chức nhận và ghi chép các bản tin của Thông tấn xã xô-viết. Vì mục đích ấy, cần phải chăng ăng-ten lên mặt đất và mắc các bình ắc-quy vào. Phải sao bản tin thành nhiều bản bằng máy chữ, chép tay thật dễ đọc và rõ ràng để dán ở các làng dọc theo đường sắt, ít nhất mỗi tuần hai lần. Điểm b) Phải tổ chức ngay một cuộc xuất kích để thanh toán những kho dự trữ lúa mì ở trạm máy kéo Prôtôpôpôvô. Để làm việc đó, một toán chiến đấu sẽ được tổ chức gồm Secnôivanenkô, Tulyakôp và Xtrenbixki. Điểm c) Ngoài bộ phận cảnh giới thường lệ, chúng ta phải đặt ở cửa "Con Dím" một trạm gác thường trực do

một trong những ủy viên Thường vụ phụ trách. Người nào, sẽ quyết định sau. Hết. Còn đối với lời cảnh cáo của ngài chỉ huy quân đội chiếm đóng về việc bắn tại chỗ những người xô-viết — Secnôivanenkô nói, mắt nheo lại — thì không có gì mới đối với chúng ta. Chúng ta không chờ đợi gì hơn ở bọn bẩn thỉu ấy. Đối với những mệnh lệnh như vậy, bắt buộc chỉ có một cách trả lời. Các đồng chí còn nhớ lời Lênin nói về sự xâm lược của bọn can thiệp chứ? Người nói, nếu chúng ta định giác ngộ quân đội chúng, bọn đã được tập hợp lại vì lòng tham lam quốc tế và đã trở nên tàn ác vì chiến tranh, bằng lời nói, bằng giải thích, bằng một phương pháp khác phương pháp đấu tranh vũ trang, thì chúng ta sẽ không thể nào đứng vững được hai tháng, chúng ta sẽ là đồ ngốc. Đấy, Lênin đã dạy chúng ta như vậy. Và chúng ta đã hành động một cách lêninit. Hết. Tôi đề nghị những người hiện nay không có công tác, cũng không phải phiên gác, hãy đi ngủ... Đồng chí Ximban — Secnôivanenkô hét lên.

Trong đường hành lang ngầm, như dọc theo một hàng quân trong chiến đấu, tiếng gọi chuyền từ người này sang người khác. “Đồng chí Ximban đến gặp đồng chí bí thư thứ nhất“, “Liôna, kìa đồng chí Secnôivanenkô gọi”, “Liônya đến “góc đỏ” nhanh lên”.

Xốc lại áo va-rơ, Ximban đi đến trước bàn đồng chí bí thư thứ nhất.

56

— Cái đài thế nào rồi? Đã chữa được chưa? Phải cho nó chạy gấp lên chứ. Nhân dân đang đòi hỏi chúng ta phải cung cấp tin tức cho họ. Báo cáo đi!

Lêônit Ximban im lặng. Secnôivanenkô ngẩng phắt đầu lên

nhìn anh. Vẻ mặt anh thường ngày vốn phấn khởi, sáng sủa là thế, mà nay Secnôivanenkô chợt thấy nó sững sờ xám xịt như một cái mặt nạ.

— Thế nào?

Ximban vẫn im lặng. Hai cánh tay dài ngoằng đặt trên nẹp quần run run. Trong óc Secnôivanenkô nẩy ra một mối hoài nghi ghê gớm.

— Có chuyện gì thế?

— Tôi xin phép báo cáo... — Ximban bắt đầu, môi mấp máy một cách khó nhọc.

Nhưng Secnôivanenkô cắt ngang:

— Tôi hỏi có chuyện gì? Không dài dòng! — ông thét lên.

— Đài không chạy, đồng chí bí thư ạ — Ximban nói, giọng khản đặc.

Secnôivanenkô nhảy bổ vào một cái ngách, ở đó, trong một cái khám tự nhiên của vách hầm, trên một phiến đá, có để một máy thu thanh bảy đèn mới tinh không có nắp sau, nhãn hiệu "Kommanđô" sản xuất ở Vinniuyt. Cạnh máy thu thanh, giữa những bình ắc-quy ô-tô và bóng radio để ngay ngắn trên một miếng vải, Xviatôxlap đang ngồi, tay cầm một cái tuốc-nơ-vít. Nhìn thấy đồng chí bí thư thứ nhất, anh đứng phắt dậy và, cố để khỏi đụng đầu vào trần hầm, anh đứng thẳng người lên.

— Tại sao điện đài không chạy? Có phải tại bình ắc-quy không?

— Không phải, đồng chí bí thư ạ, các bình ắc-quy đều chạy bình thường. Tôi vừa kiểm tra xong. Bốn bóng đèn không đỏ. Chắc đã bị hỏng dọc đường, khi di chuyển.

— Còn dự trữ?

— Dự trữ? Dạ cũng bị vỡ.

Secnôivanenkô từ từ quay lại phía Ximban đang lặng lẽ theo

dõi ông và thở ra vẻ khó nhọc.

— Thường vụ Ban chấp hành khu đã giao cho anh trách nhiệm di chuyển máy móc — Secnôivanenkô nói khẽ — và anh phải bảo đảm bằng cái đầu của anh!

Ximban mặt tái mét:

— Thưa đồng chí bí thư, xin lỗi, tôi không phủ nhận trách nhiệm của tôi. Nhưng đồng chí biết đấy, chúng ta đã đi trên một con đường như thế nào rồi. Đường thì đầy những khe rãnh, hố bom khắp nơi... mà trời thì tối thế! Chẳng nhìn thấy gì hết. Xe chạy lại không có đèn. Thật chẳng có gì lạ. Đôi lúc xe lắc khủng khiếp đến nỗi tưởng đồ đạc sẽ tan vỡ tất cả thế mà đến nơi còn nguyên vẹn, đó mới là điều kỳ lạ.

— Tôi sẽ xử bắn anh!

Thấy mình đang nổi cơn thịnh nộ có thể phạm những sai lầm khó gỡ, và cũng qua kinh nghiệm, biết nếu cố gắng kìm giữ thì có thể tự chủ được, Secnôivanenkô bắt đầu xét tìm tất cả các lý do có thể giảm nhẹ tội cho Ximban. Tai họa cho Ximban, nếu ông không tìm thấy! Nhưng may thay, các lý do đều xác đáng. Bản thân ông cũng thấy chiếc máy thu thanh và các bóng đèn đã được đóng gói cẩn thận trong những tấm chăn, nhưng con đường đầy hố bom và hầm hố, quả là khủng khiếp. Không, Liônya không có lỗi. Đó là một tai nạn, một trường hợp bất ngờ. Nhưng những lý do đó vẫn không làm cho tình hình sáng sủa hơn. Đó là một tai họa ghê gớm đối với hoạt động chủ yếu của Ban chấp hành. Tìm được bóng đèn mới, là một điều khó khăn quá... Máu dâng bừng bừng, ông giận sôi lên, đến đỗi không còn nhìn thấy gì nữa.

— Phải có bóng đèn — ông hét to và không nhận ra tiếng mình nữa. Nhưng ông lại kìm lại được và quay trở về "góc đỏ".

— Sẽ có bóng đèn, thưa đồng chí bí thư, nhất định sẽ có — Ximban nhắc lại, đi theo Secnôivanenkô và cố nhìn thẳng vào ông. — Nếu tôi không tìm được bóng đèn thì xin cứ áp tôi vào tường mà bắn. Cho tôi được đái tội lập công. Tôi sẽ đi khắp

thành phố, khắp các chợ, các nhà máy, tôi sẽ đến các tư gia. Sẽ có bóng đèn. Trên tinh thần người cộng sản, tôi xin hứa!

— Đồng chí đã hiểu tầm quan trọng của những cái bóng đèn khốn nạn ấy trong hoàn cảnh này rồi chứ? — Secnôivanenkô nói, gần như thất vọng.

Ximban ngồi sụp xuống một phiến đá và gục đầu lên bàn. Thật là lạ lùng, một con người khỏe mạnh, gan dạ, vui vẻ là thế mà khóc được. Anh khóc như một đứa trẻ, nước mắt nén lại cứ chảy xuống ròng ròng; anh lấy tay quệt hai má, nghẹn ngào hổn hển.

— Ồ, anh! sao lại mềm như bún thế! — Secnôivanenkô lẩm bẩm, quay mặt đi.

Ông không chịu được khi thấy ai khóc, ông hay cáu nhưng không giận lâu. Giờ đây, ông đã bình tĩnh lại và ý nghĩ hướng vào việc tìm biện pháp giải quyết: làm sao tìm được bóng đèn. Không có cách nào khác ngoài việc cử người lên thành phố. Ximban hoàn toàn có đầy đủ tư cách để làm việc đó. Bất kể bằng giá nào, nhất thiết cũng phải tìm cho được bóng đèn! Đó là một điều hết sức mạo hiểm, giữa ban ngày đi lên thành phố trong khi không nắm được tình hình, không có giấy tờ. Nhưng Secnôivanenkô thấy không còn lối thoát nào khác.

Không biết chắc chắn trên thành phố hiện đang lưu hành thứ tiền gì: đồng mác Đức, đồng lây Rumani, hay là đồng rúp xô-viết. Secnôivanenkô lấy trong két ra năm trăm rúp xô-viết và một đồng vàng năm rúp. Ông đưa cho Ximban, sau khi đã bắt anh ký nhận vào biên lai số tiền đó để mua bóng đèn cho máy thu thanh hiệu "Kommanđô", sản xuất ở Vinniuyt.

Ximban được nhận một cái áo ba-đờ-xuy mới toanh, một cái mũ, một đôi ủng cao su lấy ở trong kho dự trữ đặc biệt dành cho những lần xuất kích lên thành phố. Anh bóc lớp bụi bám chặt ở các lỗ chân lông trên da mặt, cạo râu, đánh phấn và sau khi đã biến thành "một thanh niên đàng hoàng như ai", mặc dù đáng dấp hơi có vẻ tiểu tư sản, anh ra đi vào lúc bảy giờ theo cửa "Con Dím". Đến bên kia những vườn rau làng Uxatôvô, anh rẽ qua đường Hatji-Bây.

Ngày hôm sau, mãi tận khuya, Ximban mới về, giữa lúc mọi người đã bắt đầu lo lắng bồn chồn cho số phận của anh. Anh đi vào với chiếc mũ dạ cụp, ướt sũng, đôi mắt đỏ ngầu quắc lên dữ tợn. Anh nhanh nhẹn mở khuy chiếc áo ba-đờ-xuy mới toanh nhưng đã bị lấm bùn Uxatôvô, và bằng cái vẻ đắc thắng ngầm, anh từ từ móc trong túi áo ra mấy bóng đèn radio. Đồng thời, anh huyên thuyên tả lại quang cảnh ở thành phố. Anh tràn đầy cảm xúc và có vẻ tức giận nữa.

— Một sự việc khủng khiếp! Cháy nhà trong một trại điên. Giữa lòng thành phố, ở quảng trường nhà thờ, có một lũ mặc áo da dê khóa rút sáng loáng, mang máy quay phim chạy lăng xăng, quay phim thời sự. Từ những ô-tô đậu ở các ngã tư vẳng ra những âm thanh dồn dập của nhạc jaz Buearet, và một thằng chó chết nào đó phát thanh bằng tiếng Nga những "bản thông cáo" của Đại Bản doanh Quốc trưởng. Nói qua mà nghe, cũng là một quang cảnh hay hay.

— Khoan đã — Secnôivanenkô cắt ngang. — Ở phố Ribat có các cửa hàng đồ cũ phải không?

Liônya ngạc nhiên nhìn ông.

— Những cửa hàng đồ cũ à? Xúc không hết! Tại sao?

— Thế trong toà nhà Vane, anh có thấy cửa hàng nào không?

— Có chứ, cửa hàng của một anh chàng Jorjơ nào đó. Dạ sao kia chứ?

— Viết như thế này phải không: "Jorjơ".

— Viết như thế đấy “Jorjơ“. Cười chết được! Một tên Kôletnisuc nào đó, chủ nhân.

— Viết đúng như thế sao?

— Viết toàn bằng chữ hoa “Kôletnisuc, chủ nhân”. Dạ, sao kia chứ?

Secnôivanenkô mỉm cười:

— Chẳng sao cả. Tôi hỏi để biết quang cảnh chung thôi.

— Quang cảnh chung thì thật là khủng khiếp! Tôi có thể tiếp tục chứ ạ?

— Tiếp tục đi, nhưng gọn gọn một tí.

— Hai chữ thôi. Nhập khẩu! Thật là một cảnh hết sức nhộn nhịp! Một cái chợ giời cỡ thế giới! Anh có thể mua và bán đủ thứ trên đời, từ cái đồng hồ đeo tay đến chiếc xe tải quân sự. Không biết đã xuất hiện ở đâu ra bọn buôn lậu từ trước nạn hồng thủy. Om sòm tiếng la hét, tiếng chửi rủa, một bức họa xứng với tài nghệ của Aivazôpxki[6]! Mặc dù bị cấm triệt để, vẫn có một dẫy bán đủ mọi thứ phụ tùng radio. Từng chồng máy thu thanh của tất cả các nhà máy, tất cả các nhãn hiệu. Đầy ắp những máy “Têlêfunken“! Tôi, dĩ nhiên là không hoang mang, tôi đã sục sạo nhặt nhạnh được ở nơi này nơi khác tất cả những thứ cần thiết. Và tất cả, với ba trăm năm mươi rúp bằng tiền xô-viết. Tôi nhét tất vào túi áo trong như một người có học, một nhà tri thức, và khi tôi sắp sửa nhổ neo thì sau lưng tôi có tiếng hét của một tên cảnh sát, người mình, ăn mặc thường phục. Được, thằng chó, ngày một ngày hai, gặp nó, tôi sẽ cho nó biết! Tôi nghe nó gọi: “Đứng lại! Bắt lấy nó! Nó vừa mua bóng đèn radio!” Nhưng dãy tường của nghĩa trang công giáo thứ nhất đã ở ngay bên cạnh. Chắc chắn tôi có thể lại làm vỡ cái bóng đèn một lần nữa, nhưng dù thế nào tôi cũng phải đu lộn người và nhảy vọt qua bức tường xuống bãi tha ma. Và khi đã ở đấy rồi thì xin chào! Tôi biểu diễn một cuộc chạy đua vượt chướng ngại vật. Trong khi chúng đang leo tường, lúng túng giữa những tấm mộ chí và bao vây bãi tha ma thì tôi đã ở phía bên kia Sumka rồi. Tôi ở lại đấy

hai mươi bốn giờ liền trong cái hầm của một gia đình người quen và đêm đến, nhân lúc mát trời, tôi chạy đến Krivaia Banka và từ đấy đến Uxatôvô... Hết.

— Tóm lại đồng chí Liônya đã nói hết. — Secnôivanenkô nhận xét và dang tay ra ý bình phẩm.

— Có ai còn vấn đề gì hỏi nữa, xin hỏi.

— Không còn gì nữa.

— Thế thì cho phép tôi xem lại bóng đèn.

Cùng Xviatôxlap, Lêônit Ximban lắp bóng đèn vào máy và nối với ắc-quy. Dòng điện chạy qua. Bây giờ muốn cho máy chạy, chỉ còn việc đưa ăng-ten lên mặt đất. Việc đó không có gì khó khăn về mặt kỹ thuật nếu có dây. Dây thì có, nhưng không đủ dài để kéo từ doanh trại đến tận cửa "Con Dím". Do đó phải quyết định mang máy thu thanh lại thật sát cửa để đủ dây kéo.

Sau khi thấy cái bóng đèn còn nguyên vẹn và báo cáo với đồng chí bí thư rồi, Ximban dùng giọng công tác bình thường báo cáo cho ông biết những điều chủ yếu lượm lặt được trong thời gian lên thành phố.

Từ những câu chuyện trao đổi với mọi tầng lớp và với gia đình người quen ở Xakhalinsuc, anh đã nắm được phương pháp đăng ký hộ khẩu: chúng để lại cho mỗi người tấm giấy thông hành xô-viết cũ, nhưng chỉ khi có con dấu đặc biệt của sở cảnh sát mới có giá trị. Cảnh sát được phân phối như sau: Xlôbôtka là khu 7, Pêrexip là khu 5, Môndavanka khu 6 và khu phố vận tải đường thủy là khu 4. Đăng ký hộ khẩu tiến hành như thế này: người ta lập sổ mới cho từng nhà; nhân dân phải trả lời một tràng câu hỏi — năm mươi phân bề rộng — bằng hai thứ tiếng và làm thành hai bản, kèm theo các giấy thông hành hoặc khai sinh của các nhân khẩu trong gia đình, rồi người chủ hộ hay người quản lý mang tất cả những đồ nợ ấy đến nối đuôi nhau để nộp các câu hỏi, giúp sức vào việc lập danh sách nhân khẩu theo tài liệu điều tra ghi trong sổ gia đình và đóng dấu chứng nhận vào các giấy thông hành. Lúc đó, giấy thông hành mới có giá trị.

Tất cả những điêu đó là những tài liệu quan trọng, Secnôivanenkô vội ghi lia lịa vào sổ tay. Cần phải tổ chức riêng trong hầm mộ một cơ quan cấp phát giấy thông hành để trang bị cho những người được phái lên trên làm nhiệm vụ chiến đấu. Nhưng trước khi bắt tay vào việc, phải gặp Xiniskin Jêleznư đã.

Buổi thu thanh đầu tiên của Thông tấn xã xô-viết được thực hiện khá tốt. Họ đưa máy thu thanh và ắc-quy đến sát cửa "Con Dím". Trời vừa tối, họ đưa ăng-ten ra bên ngoài: hai mét dây đồng mắc trên một cái gậy do Xviriđôp giữ. Công việc tiến hành dưới sự yểm hộ của một tổ chiến đấu do Tulyakôp bố trí trong cái khe nhỏ. Cách lối vào hầm mộ hai mươi mét, Xviatôxlap điều chỉnh máy thu thanh. Liđya Ivanôpna nhận tin, dưới ánh sáng lờ mờ của ngọn đèn bão. Bình ắc-quy ô-tô tỏa ra một luồng ánh sáng yếu ớt. Con mắt thần le lói. Tuy thế người ta cũng có thể nghe một cách rõ ràng, thậm chí có thể ngồi hơi xa ra một tí, tiếng nói đều đặn và hơi khó nghe của người phát thanh viên.

Ngồi trên một phiến đá trước máy, tay chắp trên đầu gối, Secnôivanenkô lắng nghe. Bản tin không vui. Nhưng đó cũng là tiếng nói của Tổ quốc, của Mạc-tư-khoa, của Hồng quân. Tuy khắp nơi những trận chiến đấu phòng ngự đang tiếp diễn, và dĩ nhiên toàn bộ Ukren đã lọt vào tay quân địch, Secnôivanenkô vẫn thấy rằng tình hình trên mặt trận không hoàn toàn như thông báo của Đại Bản Doanh Hitle. Mạc-tư-khoa không mất. Lêningrat vẫn đứng vững. Hồng quân vẫn tồn tại và chiến đấu. Chiến tranh du kích đã bắt đầu triển khai. Thế thì, cần phải nhanh chóng phân phát truyền đơn để nâng cao tinh thần nhân dân. Đồng thời cần phải gấp rút giải quyết trạm máy kéo ở Prôtôpôpôvô.

Một cái máy chữ to tướng đã được mang đến "phòng giấy" của đồng chí bí thư thứ nhất. Có quyết định phải đánh máy những tờ truyền đơn mới mà Secnôivanenkô ngồi ở bàn đã thảo ra, căn cứ theo tình hình chính trị đang thay đổi hàng ngày "ở bên trên", tùy vị trí của các mặt trận.

Liđya Ivanôpna lôi trong bọc quần áo ra đôi tay áo giả, vén tóc lên, ngồi vào bàn máy, rồi những ngón tay thon hồng, trong suốt gõ lên mặt máy chữ, nhẹ nhàng rành rọt, nghe như tiếng chim kim tước hót dưới hầm ngầm.

Rồi các công tác chuẩn bị để tiến hành nhiệm vụ chiến đấu được bắt đầu. Hình như không cần phải chuẩn bị gì đặc biệt cho một việc tự nó quá ư đơn giản là đang đêm, ra khỏi hầm mộ nổ một loạt súng vào đồn giặc rồi lợi dụng lúc hỗn loạn, tưới ét-xăng lên kho lúa mì, bắn đạn lửa vào và trở về dưới đất cũng bằng con đường ấy... Tất nhiên phải dũng cảm, quả quyết, nhanh nhẹn, sít sao. Thực ra, có gì đặc biệt mà phải chuẩn bị. Nhưng chỉ có người nào không hề ở trong hầm mộ, và không quen với những điều kiện của cuộc sống ngầm dưới đất, mới nghĩ như vậy.

Trong hầm mộ, không khí lúc nào cũng ẩm ướt khủng khiếp. Những đồ đạc bằng kim khí chóng gỉ lạ thường. Nhất là đạn và băng liên thanh. Cứ hai, ba ngày Pêchya và Valentin lại phải phân loại ra, cạo gỉ, tất cả số đạn súng trường, súng ngắn, hạt nổ, ngòi lựu đạn dự trữ chưa dùng tới. Mỗi viên đạn đều quý như vàng.

Pêchya và Valentin ngồi trên những cái trụ dùng làm ghế con trước một phiến đá to đẽo qua quít để làm bàn. Trên cái bàn bằng đá vôi ấy, chồng chất một đống lớn đạn gỉ. Chúng nhặt từng viên đạn một và cạo đánh sáng bóng lên mới thôi. Chúng lấy gạch, hay ngay thứ đá vôi ấy, dùng thay đá mài cọ thật mạnh. Khi lớp gỉ đã được cạo sạch, chúng lau đạn bằng một mảnh dạ cắt trong một cái áo ca-pốt cũ ra, và xếp số đạn đã lau sạch vào một cái thùng bằng gỗ dán. Nhưng được hai ngày, đạn lại gỉ và phải làm lại tất cả. Giá ít ra, có mỡ mà bôi vào! Nhưng

mỡ cũng quý như vàng. Người ta chỉ bôi mỡ vào cò súng trường. Mất đến tám hay mười giờ để lau chùi cho bóng bẩy và đóng gói tất cả số đạn. Một mặt, công việc đó có thể coi là dễ dàng. Nhưng thực tế, nó khó khăn tí mỉ, mệt mỏi. Nó đòi hỏi rất nhiều sức lực. Bắp thịt ê ẩm. Cổ đau vì cứ phải cúi xuống. Mắt toét ra, mỏi mệt vì ánh sáng yếu ớt của ngọn đèn chong cứ phải chiến đấu với bóng tối chung quanh mà không bao giờ chiến thắng được. Đầu óc váng vất nhức nhối.

Nhưng không một sức mạnh nào ở thế gian này có thể làm cho Pêchya và Valentin rời bỏ được công việc ấy mà lòng thấy nhẹ nhõm khi chưa làm xong. Bản thân Secnôivanenkô cũng chịu, không bảo được chúng. Chừng nào viên đạn cuối cùng chưa được lau chùi thì không có gì bắt chúng ngừng tay được.

Đó không phải chỉ là công việc lao động. Đó là một cuộc đấu tranh không chịu thua kém người lớn, Pêchya và Valentin cố sức đấu tranh, cống hiến tất cả sức lực vào cái công việc hàng ngày mệt nhọc và buồn tẻ ấy. Nhưng khi chúng đã ngồi vào chiếc bàn đá đối diện với nhau, và ra sức kỳ cọ đến hết cả hơi, thì chúng không thấy buồn nữa. Chúng biết một viên đạn gỉ sẽ không thể cho vào nòng súng và không thể bắn được. Nhưng nhất định nó phải bắn được! Bắn tốt và bắn đúng! Chúng tưởng như mình cũng được tham dự, mỗi lần người lớn bắn vào đầu kẻ địch.

Valentin khỏe hơn Pêchya. Khi cô nhận thấy chú bé bắt đầu thở mạnh, đó là dấu hiệu chắc chắn chú đã mệt và kiệt sức rồi, cô liền tìm cách trêu ghẹo:

— Này, em bé, em kể chị nghe, em đã ném lựu đạn vào chiếc xe tải Rumani như thế nào?

Chỉ một điều gọi chú là “em bé” đã làm cho chú như bị kim châm. Pêchya lồng lộn nhảy dựng lên, nhưng lại tự chủ ngay và hằm hằm nói:

— Thứ nhất, tôi không phải là một em bé của cô!

— Thế cậu là gì đối với tớ nào?

— Muốn là gì thì muốn, nhưng không phải là một em bé!

— Thế thì là gì?

— Không phải là gì cả.

— Một người lớn chắc!

— Cũng không phải là một người lớn.

— Thế thì là gì?

— Không là gì cả.

— Được cậu sẽ "không là gì cả". Nhớ lấy. Còn thứ hai?

— Cái gì, "thứ hai"?

— Tớ không biết cái gì là thứ hai cả. Chính cậu phải biết chứ. Cậu đã nói với tớ là "thứ nhất", cậu không phải là một em bé đối với tớ kia mà. Được. Tớ đồng ý. Nó sẽ như thế này. Thứ nhất, cậu không phải là một em bé đối với tớ. Nhưng thứ hai là cái gì?

— Nhưng điều thứ hai, không quan hệ gì đến cô cả.

— Cái gì không quan hệ với tớ?

— Cái điều không quan hệ tới cô là tôi đã ném quả lựu đạn như thế này hay như thế nọ. Tôi đã ném như thế nào mặc tôi, nhưng cô thì chẳng bao giờ ném được như thế. Tôi đã ném đúng kỹ thuật.

— Nhưng, em bé Pêchya ơi, tại sao với em nó lại không nổ? — Valentin nói rành rọt với một giọng nói vừa êm dịu, ngọt ngào vừa độc địa quá làm chú bé lại lồng lên như bị kim châm.

Chú không chịu được khi người ta đụng đến câu chuyện đáng buồn ấy.

— Bởi vì chữ "bởi vì" kết thúc bằng chữ "i"! — Pêchya hét lên với một nụ cười gượng gạo, ý muốn bằng tiếng hét ấy lấp liếm vấn đề đáng buồn ấy đi.

— Ồ, người chiến sĩ bị đày đọa. — Valentin vừa nói với một vẻ rất kẻ cả và thương hại làm tổn thương đến người nghe, vừa

nhìn vào mũi Pêchya bằng đôi mắt trong suốt với đôi con ngươi nghiêm nghị. — Cậu là một thằng ngốc, cậu bé ạ, tôi nói với cậu thế đấy!

Thật quá lắm đối với Pêchya.

— Valentin! — chú nói thật trang nghiêm, bằng một giọng hăm dọa. — Câm đi!

— A ha, nhà ném lựu đạn nổi tiếng!

Rõ ràng Valentin định gây sự. Cô chế nhạo chú ngay vào giữa mặt. Và chú bé không thể nào nhịn được nữa. Gầm lên một tiếng dữ dội, chú nhảy qua cái bàn, lao xô vào Valentin nhưng Valentin đã lấy bàn tay xòe ra vuốt vào mặt Pêchya từ trên xuống dưới, rồi chạy tót vào đường hành lang, cười như nắc nẻ. Nhảy lên đống thùng và va vào vách đá, Pêchya đuổi theo. Valentin chỉ mong có thế, có không có ý định làm nhục chú bé. Cô chỉ cốt làm sao cho chú rời khỏi công việc một lúc, bắt chú nghỉ cho giãn gân cốt một tí thôi. Cô đã thành công, vì cô biết tính chú vốn dễ cáu và hay tự ái.

Chúng đuổi nhau rầm rầm khắp các ngõ ngách, các buồng dưới hầm ngầm. Rình nhau, chúng nhảy lên bàn, lên ghế, lên giường. Giả đồ đạc không phải bằng đá thì đã gãy hết. Nhưng không có gì bị gãy cả. Tất cả đồ đạc xung quanh chúng: xẻng, cuốc, xà beng, cặp, súng trường, súng ngắn, đều thô lỗ, không gẫy được.

59

Lần này, hầu hết mọi người đều lên mặt đất hoạt động, Secnôivanenkô dẫn đầu, thậm chí cả Liđya Ivanôpna cũng lên.

Thật lạ lùng khi nhìn thấy chị mặc áo ca-pôt, đội mũ bịt tai lông thú, đeo lựu đạn ở thắt lưng và tay cầm một khẩu súng trường. Dưới hầm ngầm, chỉ còn lại Matriôna Têrenchiepna, Raitxa Lvôpna, Valentin, Pêchya và hai chiến sĩ thuộc tiểu đội Tulyakôp do Xtrenbixki phụ trách ở lại canh gác cửa "Con Dím". Đây là một hành động quan trọng, một trận đánh thực sự, thành công của nó sẽ quyết định cho rất nhiều việc.

Như lần đầu, lại những giờ phút chờ đợi khắc khoải kéo dài. Nhiều lần trong đêm, Xtrenbixki đã đến kiểm tra vọng gác ở lối vào. Có lần, lúc gần sáng, ở hướng bắc, anh thấy hình như có một đám cháy trên thảo nguyên. Anh lắng tai nghe thấy có nhiều tiếng lựu đạn nổ và súng bắn xa xa. Anh xem la bàn. Cái kim hình tam giác lấp loáng chỉ về hướng bắc. Đúng là từ đấy rực lên đám cháy và vọng lại tiếng súng nổ.

Pêchya lại đến ở trong buồng phụ nữ. Raitxa Lvôpna đau răng. Chị đã uống pyramidông và nằm ngủ, đầu trùm kin mít, mặt quay vào bức tường đá vôi ẩm ướt. Pêchya và Valentin nằm cạnh nhau, chân co lại và không ngủ được. Không biết sao, lần này Pêchya cảm thấy lo âu đặc biệt. Matriôna Têrenchiepna nhiều lần đến bên bọn trẻ bắt chúng ngủ. Chúng nhắm mắt, giả vờ ngủ. Trên chiếc bàn đá để ngọn đèn chong. Matriôna Têrenchiepna không ngồi bén chỗ. Thỉnh thoảng trong "góc đỏ" có tiếng Xtrenbixki đi lại. Lần này, không biết tại sao, bóng tối và im lặng trong hầm ngầm đè nặng quái gở. Luôn luôn cảm thấy như có người lạ đi lại trong hầm mộ. Thậm chí ngọn đèn con tí thỉnh thoảng cũng lay động không có lý do xác đáng.

— Mẹ không hiểu tại sao các con lại không ngủ — Matriôna nói.

— Mẹ cũng có ngủ đâu — Valentin nói.

Thời gian kéo dài và nặng nề. Matriôna Têrenchiepna, thỉnh thoảng nằm xuống rồi lại đứng lên. Cuối cùng bà ngồi xuống, hai tay buông thõng, không biết làm việc gì cả; bà nhìn mãi vào bức ảnh lồng khung khảm xà cừ để gần một quả cầu nhỏ, trên

trụ đá, bên cạnh ngọn đèn chong. Đây là một tấm ảnh chụp chơi — cỡ bốn sáu, đã phai, gần bạc, treo xộc xệch, màu nâu nâu, đặc điểm của tất cả các ảnh chụp chơi cách đây ba mươi nhăm hay bốn mươi năm.

— Cháu chưa bao giờ thấy tấm ảnh đó sao? — thấy Pêchya không ngủ, cứ nhìn chòng chọc vào bóng tối với đôi mắt im lặng, long lanh, bà hỏi.

Chú bé cầm lấy tấm ảnh giơ lên trước mặt. Đó là một nhóm trẻ con ở Ôđetxa, quen thuộc với Pêchya, một trong bao nhiêu tấm ảnh chụp chơi để trong ngăn kéo cái bàn giấy Thụy-điển của bố chú. Hồi còn bé tí xíu, Pêchya rất thích sục sạo vào các ngóc ngách chật hẹp và bí hiểm trong phòng làm việc của bố và ngắm nghía tất cả cái quầy hàng tạp phẩm quyến rũ ấy: nào bót hút thuốc cũ, ống píp, biên lai, giấy mời, nào những cái khuy cổ cồn, những mẩu bút chì, những lưỡi dao cạo, những viên thuốc, những con tem, những đồng tiền nước ngoài, những cục tẩy. — tất cả những thứ ngày xưa đã gắn bó với cuộc đời của bố chú mà bây giờ không ích gì cho ai nữa. Toàn những vật vô giá trị, giữ lại với cái ý quái gở "Có lẽ còn dùng được việc". Giữa những thứ linh tinh đó, có rất nhiều ảnh đã phai màu, quăn mép. Pêchya thường hay ngắm tấm ảnh nhỏ chụp chung đó. Bố chú thường vừa cười vừa nói đó là đội bóng nổi tiếng ở Ôtratnimô.

Bọn trẻ con trong ảnh nom bé tí, tóc rối bù và có vẻ rất tự hào. Hàng thứ nhất ngồi giữa có, chân xếp bằng tròn. Hàng thứ hai đứng. Sau hàng thứ hai, trên nền trời xám, là một cây dạ hợp chụp không đúng cự ly nên không rõ nét, trông như một chùm bong bóng trắng. Nhiều đứa mặc đồng phục học sinh. Ở giữa hàng thứ nhất, quả bóng kẹp giữa hai đầu gối, một em tóc chải cẩn thận, mặc sơ-mi xa-tanh cài khuy, nét mặt ngây thơ kiểu con em dân thường, mũi hếch đầy tàn hương, có vẻ nghiêm trang, oai vệ lắm. Piôt Vaxiliêvich, bố Pêchya, hồi đó chỉ giản đơn là Petka Batsây đứng thứ nhất, bên cạnh, ở hàng thứ hai.

— Đấy là bố cháu — Pêchya nói và chỉ ngón tay vào cậu học sinh bé tí đen thui thủi, đội cái mũ cát-két cứng to tướng, tay để

theo kiểu Napôlêông nhìn ra xa, vẻ kiêu kỳ, cố tỏ ra hơn người bằng tất cả cái bề ngoài của mình.

— Đúng đấy — Matriôna Têrenchiepna nói.

— Tại sao bác biết? — Pêchya hỏi — Bác lấy cái ảnh đó ở đâu?

Bằng đôi mắt long lanh, bà nhìn Pêchya chòng chọc không đáp.

— Còn người này, đằng ấy có nhận ra không? — Valentin nói, nghiêng người về phía tấm ảnh và lấy ngón tay út trỏ vào đứa bé kẹp quả bóng giữa hai đầu gối. — Bác Gayrick đấy!

— Đồng chí Secnôivanenkô à? — Pêchya ngạc nhiên hỏi.

— Phải, có lạ không?

— Thật à? Sao nhỏ thế?

Valentin bật cười. Pêchya nhìn sát vào mặt đứa bé ôm quả bóng và dần dần nhận ra những nét của Secnôivanenkô. Lạ quá, chú cũng phải bật cười.

— Còn ai đứng đây, cháu không nhận ra sao? — bà Matriôna Têrenchiepna hỏi, trỏ ngón tay vào mép tấm ảnh.

Pêchya nhìn và thấy một cô gái nhỏ xíu, đi chân đất, tóc cắt ngắn, bế một em bé lớn tướng, nặng trĩu trên cánh tay. Cô gái chắc tình cờ đứng vào trước ống kính. Hình em rất mờ. Chỉ hơi nhìn thấy những bông hoa trên chiếc áo vải và cái đầu bé tí sáng sủa giữa một vầng ánh sáng đã phai màu. Pêchya đã xem chiếc ảnh nhiều lần rồi, nhưng chú không hề thấy cô gái.

— Thế nào, cháu có nhận ra không? — bà Matriôna Têrenchiepna hy vọng, hỏi.

Pêchya im lặng.

— Bố cháu không bao giờ nói với cháu cô bé ấy là ai à?

Piôt Vaxiliêvich không bao giờ nói với Pêchya cô bé ấy là ai. Có lẽ bản thân ông cũng không hề nhìn thấy nữa là khác. Hay ông có nói lướt qua, nhưng chú không để vào tai. Lẽ ra, phải nói thế.

Nhưng Pêchya thấy trả lời như vậy không thể được. Chú im lặng phân vân. Bà thở dài:

— Thế cháu không nhận ra à?

— Cháu không nhận ra.

— Nhìn kỹ xem.

Pêchya chăm chú nhìn và chợt nhận thấy hết sức rõ ràng, không phải một sự giống nhau, mà hơn thế, một thứ ánh sáng gì vô cùng quen thuộc, thân thiết, đang bao quanh cô bé, gần như hòa tan vào trong cảnh vật. Chú bé bẽn lẽn nhìn Valentin rồi lại nhìn mẹ cô.

— Đó là Valentin? Phải không? — Chú ngập ngừng.

— Valentin ư? Ồ! Cháu làm bác chết mất! —người mẹ rầu rĩ vừa khóc vừa cười và gục đầu lên vai Valentin. — Làm sao có thể là Valentin được, vì tấm ảnh chụp, lạy Chúa, bác còn nhớ, đã ba mươi nhăm năm nay rồi! Hồi đó, chưa đẻ nó. Vậy cháu không thấy cô bé ấy là ai?

— Cháu không biết.

— Đó là Môchya Secnôivanenkô. Bố không bao giờ nói gì về Môchya Secnôivanenkô sao?

— Dạ không — Pêchya nói rất thật thà, cảm thấy rõ câu trả lời đó không biết tại sao sẽ làm bà buồn.

Và bà buồn thật.

— Biết mà, nó là như thế. Bọn con trai có bao giờ để ý đến bác, — bà vừa nói vừa thở dài chất phác. — Bác, theo chúng khắp nơi, thế mà không bao giờ chúng để ý đến bác. Bây giờ đã bao nhiêu năm trời qua. Hồi đó, bác lại nhỏ quá...

— Thế ra, đó là bác à? — Pêchya nói có vẻ không tin. Một lần nữa, chú nhìn bà rồi lại nhìn tấm ảnh. Lần này, chú thấy rõ, chú cảm thấy cô bé trong ảnh, mặc chiếc áo bạc màu, với người đàn bà đôn hậu có tuổi kia, chỉ là một và vẫn là người đã gắn bó với chú, Pêchya, bằng một sức mạnh khó hiểu, và bằng ánh sáng

của một tình yêu đã có từ rất lâu, một tình yêu không bao giờ phai nhạt.

Bỗng trong hầm, xuất hiện những ngọn đèn bão, những cái bóng nhảy nhót, người đầy chật hang động. Đó là toán đi chiến đấu trở về. Pêchya nghe tiếng nói khàn khàn của Secnôivanenkô nói với Xtrenbixki:

— Đáng tiếc, nhưng dù sao ta cũng đã tới nơi hơi muộn. Tôi đã bảo phải đi gấp! Chúng đã chuyển mất năm trăm pút bằng xe tải đến trạm Đasnaia rồi. Số thóc còn lại trong kho, ta đã phá hủy toàn bộ.

Rồi Pêchya nghe Secnôivanenkô kể lại tỉ mỉ trận chiến đấu cùng với Xtrenbixki. Chú hình dung thấy một cách rõ ràng lạ lùng bức tranh toàn cảnh: thảo nguyên tối om, ghê rợn, kho lúa mì bị đốt cháy bằng đạn lửa, pháo sáng bay lên và trận chiến đấu với đồn binh địch bên đầm nước mặn. Rồi chú nghe tiếng nói mà lúc đầu chú không hề để ý tới.

— Phải nói trong những điều kiện chiến đấu khó khăn như vậy, tổn thất của ta không lớn lắm — Secnôivanenkô nói. — Có điều đáng tiếc là không thể nào đưa xác về được. Đành phải để lại trên bờ đầm. Ở đấy, công việc phải được giải quyết ngay trong từng phút. Đáng lẽ ta phải thương vong đến một nửa. Chúng đặt cối ở bờ bên kia, bắn tới tấp vào ca-nô của ta khi ta quay về. Anh ấy bị mảnh đạn phạt mất nửa cái đầu.

Tiếng "xác" đã làm chú bé kinh hoàng. Bây giờ trong bức tranh trận đánh đêm, bỗng lại có thêm một chi tiết khủng khiếp nổi bật: một xác người đầu bẹp nát, nằm dài, mặt úp xuống đất trên bờ đầm, trong ánh sáng đỏ rực của đám cháy. Chú bé chợt nhớ lời người thủy binh chết và cảm thấy lòng mình se lại.

Chú bước xuống giường, tay run run chống vào tường, đi lại gần lối vào "góc đỏ". Chú trông thấy cảnh quen thuộc ở đấy: mọi người kẻ đứng người ngồi, xúm quanh chiếc bàn đá, ngọn đèn bão để trên cái két nhỏ, với những hộp hồ không, những cái bút lông dính vào nhau, những súng trường, những viên đạn,

những quả thủ pháo, còn Secnôivanenkô thì đang đứng vẽ những vòng tròn bằng bút chì đỏ lên tấm bản đồ ở những chỗ mà đêm qua họ đã dán bản tin của Thông tấn xã xô-viết.

Pêchya, sợ hãi, để mắt nhìn hết người này sang người khác, cố tìm xem ai vắng mặt. Hình như không ai vắng cả. Vậy thì là một người nào thuộc phân đội Tulyakôp... Pêchya thường đến thăm "gia đình" Tulyakôp, một thế giới thật đặc biệt, thật hấp dẫn, một phân đội nhỏ mà đến bữa ăn dọn riêng, đối với chú cũng có vẻ ngon hơn. Pêchya đã kết bạn với những chiến sĩ đôn hậu mặc thường phục ấy. Hầu hết họ đều trẻ, vui tính và gọi chú là "em thiếu niên tiền phong của chúng ta". Đặc biệt, chú như phải lòng một người trong bọn họ, Tarax Xêrêđa, một con người ngộ nghĩnh, một nhạc sĩ có tài. Anh ta đội mũ thủy quân vải bạt, mang bốt cao su, mặc áo dệt kẻ sọc, tóc xõa xuống tận mũi. Anh chơi măng-đô-lin rất hay những bài hát Ukren và những bài tình ca Ý. Ở anh có một cái gì làm cho Pêchya nhớ tới người thủy binh chết... Và Pêchya chợt nghĩ đó là anh ta, đúng thật anh ta đã chết, nằm dài, cô đơn, trên bờ đầm, đầu bị mìn tiện mất một nửa. Mặt Pêchya tối sầm lại. Và ngay đó, chú nhận thấy trên bàn giữa những hộp hồ và vũ khí, một vật rất quen thuộc. Đó là một tấm huy chương Pêchya thường thấy trên ngực Xecghêiep. Nhưng tại sao tấm huy chương lại nằm một mình quái gở trên bàn như thế, còn bản thân Xecghêiep thì ở đâu. Không có Xecghêiep trong "góc đỏ". Mối ngờ vực lớn vởn trong óc chú bé đã trở thành sự thật. Nhưng điều đó khó hiểu quá, phi lý quá. Pêchya quay lại. Valentin đứng sau lưng chú, người tái xanh, đang cắn môi. Chúng nhìn nhau đờ đẫn.

— Đi ngủ đi — Secnôivanenkô nói, nhìn qua đôi kính lồi.

— Bác! —Valentin nói, giọng khàn khàn, lạc hẳn, hai tay ôm chặt lấy ngực. — Bác cho chúng cháu biết, ai đã bị giết thế?

— Đồng chí Xecghêiep — Secnôivanenkô đáp, sau một lát im lặng. — Đi ngủ đi!

60

Sáng sáng, mọi người trong hầm mộ, không có công tác, đều phải tập thể dục để được sảng khoái. Pêchya cố lẩn tránh. Nhưng không phải vô cớ mà Valentin được coi là cô bé gái yêu quý của Secnôivanenkô; cô thừa hưởng của bác cô một bản tính cương nghị và cứng cỏi. Cô không mảy may dễ dãi với Pêchya. Hơn tuổi chú, cô bắt chú tập thể dục hết sức nghiêm túc, bắt chú nằm dài trên sàn nhà, giơ hết chân này đến chân kia, điều mà Pêchya rất ghét. Bây giờ có rất nhiều việc trong buồng giấy của đồng chí bí thư thứ nhất. Không phải chỉ vá quần áo và thảo truyền đơn. Trên bàn hội họp, họ sản xuất giấy than bằng cách phủ lên giấy thường một lớp bột chì lấy ở bút chì ra. Mấy lâu nay, phải làm một công việc mới rất buồn tẻ: dùng tay quay một máy phát điện nhỏ để khởi động cái bình ắc-quy làm cho máy V.T.Đ. chạy. Muốn phát được mười lăm phút, phải quay mấy giờ liền cái máy phát điện khốn nạn ấy. Hễ người nào được nửa giờ rảnh là phải quay máy.

Khi còn bé tí, Pêchya đã đọc trong tờ Sự thật thiếu niên chuyện những nhà thám hiểm địa cực nổi tiếng, trên một núi băng trôi giạt, thay nhau quay một máy phát điện hàng giờ liền, để người hiệu thính viên có thể nghe trong bóng tối của đêm địa cực, qua hàng ngàn ki-lô-mét — mặc giá tuyết dông bão — tiếng nói của Tổ quốc chào mừng, tiếng chuông ngân lúc nửa đêm của chiếc đồng hồ trên tháp điện Kremlin và tiếng âm vang mạnh mẽ, mặc dù có nhỏ đi vì khoảng cách của bài Quốc tế ca. Chú hết sức phấn khởi, và cảm phục những người anh hùng ấy đã đấu tranh quyết liệt với thiên nhiên vì vinh quang của Liên bang xô-viết. Nhưng chú không bao giờ hiểu được giá trị của những cố gắng hàng ngày, những cố gắng giản đơn, mệt nhọc về thể xác, và chắc là rất buồn tẻ mà họ đã phải chịu đựng. Nhưng bây giờ thì Pêchya đã hiểu việc đó khó khăn và mệt nhọc như thế nào

rồi.

Nếu Pêchya không hiểu rõ là không có cái công việc mệt nhọc đó, máy V.T.Đ. sẽ không làm việc được, thì chú đã rời bỏ cái tay quay, vì nó làm bàn tay chú rộp lên và rớm máu. Nhưng Pêchya biết, buổi tối Xviatôxlap nhận tin; chú đã cùng với mọi người chờ đợi suốt ngày bản tin ấy, nên chú mắm môi quay, quay mãi, các bánh xe thiếu dầu cứ kêu kèn kẹt.

Khi nhận thấy chú đã quá mệt, Valentin liền trêu chú và chúng đuổi nhau qua các "buồng". Lúc đầu, Pêchya giận dỗi thực sự, cố đuổi bắt cho kỳ được Valentin, để cho cô một trận đích đáng. Nhưng cơn cáu giận biến mất ngay, và một cuộc chạy đua cuồng loạn bắt đầu.

Chúng làm ầm ĩ khiếp quá! Bụi vôi cuồn cuộn trong hầm, đèn chong nhấp nháy, cát trên tường đổ xuống rào rào. Chúng nhảy cả lên các giường đá, ghế đá con, thậm chí có khi chúng nhảy cả lên bàn họp. Nhưng không ai nổi nóng với chúng cả. Với chúng, có thể tha thứ. Mọi người đều hiểu rằng không có những trò chơi quái quỉ vô cớ đó, chúng sẽ bị còm cõi vì bị nhốt kín mãi trong thế giới ngầm của hầm mộ.

Ngoài ra, như vậy chúng cũng nóng người lên. Khí hậu trong hầm mộ không bao giờ thay đổi, không quá thấp nhưng cũng không bao giờ hoàn toàn đủ ấm. Luôn luôn vẫn hơi thiếu nhiệt. Luôn luôn người ta bị một thứ bệnh sốt, kỳ lạ, âm ỉ như không có gì. Thế mà không ai chịu cởi áo ngoài ra cả. Nhưng áo ngoài, ẩm sì sì, cũng không cản nổi rét. Chính vì thế mà trẻ em hay ốm, điều đó không ai để ý tới. Nói một cách đơn giản, chúng thiếu ánh sáng ban ngày. Chúng đói mặt trời. Có lẽ những cuộc đuổi bắt đó đã thay được mặt trời ít nhiều làm cho máu chúng nóng lên và đôi má tái mét của chúng ửng đỏ.

Cuộc sống dưới đất là như vậy. Nhưng đã đến ngày hẹn gặp Xiniskin Jêleznư. Secnôivanenkô rất quan tâm đến cuộc gặp gỡ ấy. Ông tin chắc Xiniskin sẽ cung cấp được nhiều tin tức về tình hình, một bản danh sách những người tin cậy ở lại trên thành

phố và có thể lập thành những nhóm chiến đấu bí mật, mỗi nhóm năm người. Dựa theo tình hình, cũng có thể cùng với Xiniskin đặt một kế hoạch công tác cho Ban chấp hành khu. Đi lên thành phố giữa ban ngày, không có những giấy tờ hợp lệ mà Ban chấp hành chưa xoay được, là một chuyện rất nguy hiểm. Nhưng Secnôivanenkô không thể yên tâm phái một nhân viên liên lạc đến trạm thường trực bí mật, ông đã quyết định đích thân lên thành phố. Kinh nghiệm công tác bí mật trước đây đã dạy cho ông là tất cả những tin tức bất kỳ từ đâu đến đều phải được tự mình kiểm tra lại.

Ông chuẩn bị rất cẩn thận cho cuộc xuất kích. Ông chú ý nhất đến bề ngoài. Ông đóng thử một vài "nhân vật", một nông trang viên có tuổi mang giỏ đi chợ, một hương sư, và một người ăn mày. ông thử nhiều kiểu mũ, giày, quần áo, tất cả những gì sẵn có. Có những nhân vật rất đạt, nhất là ông hương sư già, nhưng không thể đóng được, vì nếu Secnôivanenkô bị bắt, ông sẽ phải khai tên và địa điểm nhà trường và bọn cảnh sát sẽ kiểm tra dễ dàng.

Cuối cùng, Secnôivanenkô quyết định đóng vai người thợ cả già từ xa đến kiếm việc làm. Áo bộ đội thủng, chân đi giày vải, lưng đeo túi cõng có cái búa thò ra ngoài, đầu đội mũ nông dân da cừu. Giấy tờ, người thợ già lấy cớ đã mất cùng với tay nải trong một trận bom, cứ cho là ở ga Uman đi. Chỉ còn mỗi một giấy chứng nhận do một xô-viết làng nào đó cấp, nơi ông làm việc ngày xưa, cứ nói là làm thợ nguội sửa chữa máy gặt. Loại giấy chứng nhận này, làm lấy được, không có gì khó khăn đặc biệt, vả lại, nó không ràng buộc gì, cũng không lôi thôi đến ai cả. Thách chúng cứ đi mà kiểm tra.

Chính trong bộ quần áo ấy, rất hợp với ông, Secnôivanenkô, một buổi sáng, đã ra khỏi hầm mộ và sau khi từ giã Xtrenbixki, người đã cùng với toán chặn hậu tiễn chân ông đến tận cửa cái khe nhỏ, ông đi thẳng về phía thành phố.

Trời ẩm ướt và rét. Một trận tuyết mềm rơi trên thảo nguyên vắng. Bà quen với bóng tối trong hầm, mắt Secnôivanenkô lâu

mới thích ứng được với ánh sáng ban ngày. Cái ánh sáng này hình như chói lọi nhức nhối, còn những bông tuyết thì lóa cả mắt như những tia lửa máy hàn. Thực ra trời vừa mới sáng.

Khi đã quen với ánh sáng, Secnôivanenkô nhìn thấy ở đằng xa những đường viền rất quen thuộc của các công trình trên bến cảng và thành phố đang chìm đắm trong sương mù xanh nhạt một buổi xấu trời. Hiện giờ, ở đấy ra sao? Họ sống như thế nào? Họ nghĩ gì? Họ cảm thấy gì? Secnôivanenkô nóng lòng muốn thấy cái thành phố bị đày đọa ấy, thành phố quê hương thân yêu với những người dân khốn khổ của nó. Ông muốn chạy tới thấy tận mắt tất cả. Nhưng ông cố không rảo bước. Ông đi chậm lại và thậm chí còn đứng lại nhiều lần để gạt đất bám vào đôi giày bộ đội cũ bằng một mầu gỗ, y như ông định tìm thêm những màu sắc mới cho bức chân dung người thợ thủ công già, mệt nhọc, đói khát và cuốc bộ hàng chục, hàng trăm ki-lô-mét để tìm việc làm. Ông có cảm tưởng như chính mình là người thợ tưởng tượng ấy thật. Thậm chí dáng đi của ông cũng thay đổi; nó trở nên nặng nề hơn, cứng nhắc hơn như dáng đi của một người khách bộ hành đã quen với những chặng đường khó đi.

Tới nơi gọi là đồi Kôđôvaia, qua các vườn rau, ông đi xuống con đường Hatji-Bây. Ở đấy, có một chỗ đỗ tàu điện, một mái nhà bằng bê-tông hình bầu dục gác trên hai cái trụ bê-tông đầy vết đạn và mảnh bom. Những bộ phận bằng gỗ của chiếc ghế dài đã bị gẫy. Secnôivanenkô ngồi xuống cái trụ sắt vờ như để nghỉ chân.

Tất cả chung quanh đều bị tàn phá vì chiến tranh, những cần tàu điện quằn queo, những đường ray mất ốc, khắp nơi là những chiến hào, những hố bom, những cuộn dây thép gai gỉ. Trên những bãi rác, hàng đàn quạ. Secnôivanenkô đặt giả thiết ở lối vào thành phố gần Đầm nước mặn có một đồn kiểm soát, ông có thể đi sang Pêrexip băng qua những bãi rác, ở đây ông biết từng con đường mòn. Nhưng một bóng đen đơn độc dễ bị phát hiện trên một chỗ bằng phẳng, ông sẽ bị để ý và có vẻ khả nghi. Tốt

hơn hết là đợi một chiếc xe của nông dân đi nhờ vào nội thành. Secnôivanenkô biết là bọn chức trách Rumani, bằng mọi cách đang khuyến khích nông dân mang sản phẩm ra chợ. Ông quyết định lợi dụng hoàn cảnh ấy.

Ông đợi một lúc lâu. Rõ ràng là nông dân không muốn bán sản phẩm tí nào. Cuối cùng ông nhìn thấy một cái xe trên đường. Hai người phụ nữ, một già một trẻ, ngồi dựa lưng vào nhau, đầu trùm bao tải ướt sũng nước mưa và tuyết. Những mũ không vành, trắng, mới tinh, hình tổ ong dưới cái bao tải, chỉ rõ là họ đi chợ. Secnôivanenkô đứng dậy, hai tay cất mũ, cung kính cúi chào. Nghi ngờ, hai người phụ nữ xoi mói nhìn ông.

61

— Làm ơn cho tôi lên xe với! — Secnôivanenkô nói giọng yếu ớt.

— Ông ở đâu tới đây? — bà già ngờ vực hỏi.

— Từ Kirôvôgrat — Secnôivanenkô đáp và níu lấy thành xe bằng gỗ; ông đi cạnh bánh xe sau, bùn đen bóng nhẫy bám như một vòng lốp dày cộp.

— Bây giờ ông định đi đâu?

— Bây giờ tôi đi đến thành phố Ôđetxa.

— Từ đây đến Ôđetxa, chỉ có hai dặm thôi, không hơn đâu.

— Tôi mệt lắm rồi — Secnôivanenkô vẫn nói với một giọng yếu ớt, né mặt tránh những tảng bùn to tướng từ bánh xe văng ra. — Làm ơn cho tôi đi nhờ với.

— Thế ông đến Ôđetxa làm gì — bà già tiếp tục tra hỏi.

— Tôi đi kiếm việc làm.

— Việc làm! — bà già lắc đầu, vẻ nghi ngờ. — Nhưng ông có giấy thông hành đến thành phố Ôđetxa không?

— Ồ, mẹ, lắm điều thế! — người đàn bà trẻ giận dữ kêu lên và dừng ngựa lại, nói với Secnôivanenkô, giọng quả quyết — Ngồi lên bác!

Ông đặt chân lên đầu trục bánh xe dính hắc ín đen nhánh và lấm tấm những hạt mưa óng ánh như thủy ngân. Ông nhảy tót vào xe, nhanh nhẹn quá so với một người đã kiệt sức. Ông ngồi xuống bên cạnh bà già, trên cái gì như cái bao tải; bà liền giãy nảy lên như lò-xo và càu nhàu:

— Khéo chết ngạt con lợn — bà già nói giọng gắt gỏng.

— Tôi xin lỗi — Secnôivanenkô nói, lê đít sang một chiếc thùng phủ vải.

Chiếc thùng kêu cót két, nghe có tiếng đập cánh.

— Khéo chết ngạt mấy con gà! — bà già giận dữ nói. Ngồi ngay xuống rạ ấy.

— Vâng — Secnôivanenkô nói và chuồi xuống giữa lớp rạ. — Bà đi chợ à? — ông hỏi khi đã ngồi yên chỗ.

— Đi chợ — bà già đáp, môi mím lại ra vẻ tử tế. Tất nhiên bà không nghi ngờ gì Secnôivanenkô nữa, và không phản đối một cuộc nói chuyện phiếm với ông bạn đường của mình. — Đi chợ, ông bạn ạ! Chúng tôi mang đi một con lợn, một chục gà mái với một ít bơ để khỏi bị bọn chiếm đóng cướp mất. Cốt để phân tán đó thôi.

— Mẹ! — người đàn bà trẻ nghiêm khắc ngắt lời bà.— Nói thật, mẹ lắm mồm quá!

— Ai đấy? — Secnôivanenkô hỏi.

— Con gái tôi. Nó không để cho mẹ nó nói lấy một lời!

— Cô ấy nghiệt thật!

— Lạy Chúa, đúng thế!

— Tại sao bà và chị đi chợ một mình, không có đàn ông?

— Nhà tôi, ông ấy chết đã năm năm nay rồi, còn chồng nó thì đang chiến đấu đâu đó, trong quân đội.

— Trong quân đội à? Quân đội nào?

— Quân đội nào nhỉ! —bà già nghiêm mặt nói — À: Hồng quân!

— Mẹ! —người con gái cắt ngang.

— Ra thế đấy — Secnôivanenkô nói, mắt nhấp nhảy ra vẻ chất phác. — Chồng thì đang chiến đấu trong Hồng quân mà vợ yêu với mẹ lại đi buôn bán ở chợ Rumani?

Người đàn bà trẻ liếc nhìn Secnôivanenkô.

— Trong thời chính quyền xô-viết — chị nói rất nhanh — với một ngày công, người ta không thiếu một thức gì. Ngay từ mùa thu, cửa hàng lưu động đã đi ra đồng, người ta có thể mua tất cả những thức gì người ta thích: vải, dầu, đường, muối, diêm, mỡ máy, kim chỉ, sách vở, báo chí. Nhưng bây giờ thì tìm đâu ra? Chỉ còn cách ra chợ lấy hàng đổi lấy những đồng xu lớn. Mà cũng chưa biết với những đồng xu lớn ấy có mua được gì không?

— Natalya! —bà mẹ nghiêm khắc nổi. — Con bạo mồm bạo miệng quá, nếu ở chợ mà con thốt ra một tiếng về chính quyền xô-viết, chúng sẽ lôi ngay con về cái sở Xiguranxa khét tiếng nào đó như chúng nói, hay một cái gì vào loại ấy, chúng...

Bà già muốn nói "cho chúng chết mất đời" nhưng bà ngừng ngay lại và thận trọng nhìn Secnôivanenkô.

— Xin lỗi, ông đừng chấp nhá — bà khúm núm nói. — Có lẽ những câu nói lăng nhăng của chúng tôi chỉ dính líu đến chúng tôi thôi, xin ông bỏ ngoài tai cho.

— Tại sao lại phải xin lỗi bác ấy? — Người đàn bà trẻ nói, tay ghìm cương ngựa. — Bác ấy là người lao động như chúng ta, không phải một tên Rumani, cũng không phải một tên Đức. Mẹ

thấy đấy, bác ấy đi kiếm việc làm.

— Biết ông ấy là người thế nào? — bà già đáp bâng quơ rồi lại nói với Secnôivanenkô — Xin lỗi ông, ông chuyên môn nghề gì?

— Tất cả mọi nghề — Secnôivanenkô vui vẻ đáp.

Ông bắt đầu thấy hài lòng về hai người phụ nữ nông thôn này, họ đã bộc lộ ý nghĩ của họ tự do và quá rõ ràng.

— Nhưng ông đã có khi nào đào hầm đá chưa?

— Tại sao không? Miễn là có đủ vật liệu.

— Vật liệu có sẵn rồi. Trước chiến tranh, chúng tôi đã chuẩn bị được ít đá hộc quí lắm. Chúng tôi định xây kho lúa, nhưng vì chiến tranh phải dừng lại. Ông có thể xây giúp chúng tôi một cái hầm không?

— Có thể lắm — Secnôivanenkô nói, mặt tươi cười.

— Nhưng chúng tôi cần xây ngay cơ. Thời buổi này không thể không có hầm đá: phải có nơi mà cất giấu các thứ, và nếu cần thì xây bít hẳn lại. Chúng tôi sẽ trả ông bằng hiện vật, không có bọn chiếm đóng cũng cướp hết.

— Chúng cướp à?

— Ôi chao! Tại trạm máy kéo ở Prôtôpôpôvô, dọc đường đi chắc ông đã nghe nói tới rồi chứ gì? Chúng đã chở đi từng xe lúa mì đầy ắp của nông trang. Nhưng du kích đã ngăn chặn. Họ đã đốt hàng nghìn lúa. Suốt đêm trên thảo nguyên, họ đã đánh cho chúng tơi bời. Bây giờ phải xây một cái hầm và cất tất cả lương thực còn lại vào đó.

— Các bà ở trạm Prôtôpôpôvô à? — Secnôivanenkô tò mò hỏi.

— Không, chúng tôi ở Khôlôtnaia Banka. Từ chỗ chúng tôi sang Prôtôpôpôvô chỉ phải qua có một cái đầm. Đám cháy kéo dài suốt đêm. Thế nào, ông nhận xây cho chúng tôi cái hầm đó chứ? Ngoài thành phố, không có cách gì kiếm ra việc đâu. Thất nghiệp đầy ra. Đến chỗ chúng tôi, ở Khôlôtnaia Banka, hỏi nhà Secbasenkôp, mọi người sẽ chỉ cho ông. Chúng tôi sẽ trả công

hậu cho ông, bằng hiện vật. Ông sẽ không phải phàn nàn đâu. Nhưng cần phải làm ngay trước khi chúng cướp hết.

— Được. Tôi sẽ đến. Mặc dù, hầm đá hiện nay cũng chẳng ích gì nữa. Theo như đài phát thanh Đức kể thì Mạc-tư-khoa đã bị chiếm, Hồng quân đã tan rã và chính quyền xô-viết không trở lại nữa.

— Chúng nói láo! — Người thiếu phụ bực tức nói. — Đừng nghe đài phát thanh của chúng! Bác cứ đọc những bản tin của thông tấn xã xô-viết! Ở chỗ chúng tôi, ban đêm, người ta rải truyền đơn, trong đó nói hoàn toàn ngược lại, và ai còn sống sẽ thấy rõ.

— Rất có thể — Secnôivanenkô nói vẻ dàn hòa.

— Natalya, giữ mồm! — bà già kêu lên.

— Được rồi! Nhưng cũng phải cho bác đây biết chứ!

Họ đã tới bốt kiểm soát. Secnôivanenkô nhìn hết sức chăm chú bọn lính Rumani đang giữ xe họ lại. Bà già lập cập cắn mở cái nút khăn mùi-soa và lấy ra tờ giấy thông hành. Secnôivanenkô cũng rút trong túi ra tờ giấy chứng nhận, dấu đóng không rõ. Trong khi bọn lính đang lật đi lật lại các giấy tờ trong bàn tay với một vẻ đầy ý nghĩa, bà già kéo ở dưới người lên một súc mỡ bọc trong mảnh vải màu xám và một bao bột nhỏ. Bọn lính Rnmani vỗ mạnh lên con lợn trong bao tải, lên bu gà và rõ ràng chúng rất hài lòng. Ban đầu chúng từ chối không nhận mỡ và hột mì, làm ra vẻ rất lương thiện. Nhưng cuối cùng tin chắc chung quanh không có thượng cấp, chúng chộp ngay lấy mang vào trong chòi canh ghép ván rồi nói bâng "tiếng Nga" để từ biệt.

— Tốt. Buôn bán rất tốt. Thành phố không có gì ăn. Phải mang thức ăn ra chợ hán. Thế mọi người mới có ăn. Xô-viết không tốt. Rumani rất tốt. Chúc bố và mẹ khỏe. Đi đi!

— Buôn bán riêng lẻ! — người thiếu phụ nói ra vẻ khinh bỉ.

Vượt khỏi gầm cầu xe lửa, xe bắt đầu lên dốc. Nông dân đi về

phía phố Kôrôlenkô. Đến đấy Secnôivanenkô từ giã hai người phụ nữ rồi xuống xe.

— Thế nào, ông sẽ đến Khôlôtnaia Banka xây hầm cho chúng tôi chứ? Đừng quên tên: Secbasenkô. Nhà thứ hai, sau nhà cứu hỏa, cái nhà mái mới lợp thiếc ấy. Chúng tôi vừa lợp xong đúng trước chiến tranh.

— Cám ơn. Nhất định tôi sẽ đến.

Secnôivanenkô để cho xe đi rồi mới chạy theo nói với:

— Này, bà! Nếu tôi không đến được, một người khác sẽ thay tôi đến xây hầm cho bà nhé.

— Nhưng chúng tôi làm sao biết được người ta.

— Dễ thôi — Secnôivanenkô nói và suy nghĩ một lát, tiếp thêm — họ sẽ bảo họ đến thay cho bác Gayrick. Chúc bà buôn bán may mắn.

— Còn ông, chúc ông kiếm được việc làm.

Mắt người thiếu phụ ngời sáng lên một chốc dưới cái mũ, và Secnôivanenkô cảm thấy tất cả câu chuyện họ nói với nhau trên đường đi có một ý nghĩa thứ hai.

Ông đi đến gần công trường sửa chữa tàu thủy và nhìn vào trong cổng. Trên mảnh sân quen thuộc của công trường, nơi cách đây không lâu ông đã đứng trao đổi với Xiniskin Jêlêznư, bây giờ giữa một đống sắt vụn ngổn ngang chỉ thấy những xe Ford vận tải cơ lớn và xe quân lương của quân đội sắp thành dẫy dài, chắc là đưa đến đây để sửa chữa. Cũng có vài chiếc xe tăng và pháo Đức bị phá hủy. Bọn lính đội mũ sắt hay mũ nồi ở đấy. Một con gà mái đen không biết từ đâu đến, chạy khập khiễng qua sân, gió thổi lồng vào đuôi làm cho lông xù lên. Secnôivanenkô đi qua không dừng lại.

Cuộc gặp gỡ với Xiniskin Jêlêznư định vào khoảng giữa hai và năm giờ, cách trung tâm thành phố khá xa, ở ngoại ô, trong công viên Quận công. Còn nhiều thì giờ trước khi gặp, nếu

Secnôivanenkô định đảo qua thành phố, để quan sát nghe ngóng, và đặc biệt để tự mình xem cửa hàng Kôletnisuc đã mở cửa thực chưa.

62

Tuyết không rơi nữa, khắp nơi có những vũng nước lấp lánh phủ đầy sợi băng, bầu trời từng đám đã quang đãng, nhưng gió bấc vẫn thổi từ ngọn núi Jêvakhôva về, và qua đó có thể cảm thấy rõ ràng hơi thở gay gắt của mùa đông. Thành phố có cảnh tượng ảm đạm vắng vẻ. Trước mắt cũng như sau lưng, những ô-tô ngoại quốc mang nhãn hiệu lạ chạy trên đường phố trong tiếng động cừu địch. Ở các góc phố, cảnh sát đứng gác. Nhiều người có vẻ sợ sệt, lưng đeo túi cõng, đẩy xe cút kít chở đồ đạc nhà bếp trên đường đá. Một vài nơi khác, dưới con mắt của bọn lính, nhân dân đang phá chướng ngại vật và xếp đá trên đường. Một toán tù bị áp giải đi qua. Secnôivanenkô bước chậm chạp, nặng nề, cứng nhắc như một người bộ hành mệt nhọc. Ông cảm thấy đau đớn và căm uất quá đỗi, thỉnh thoảng như ngạt thở. Tuy thế, ông vẫn không lúc nào quên mình là một người thợ đang đi kiếm việc làm và nếu cái búa tụt xuống, ông lại vội vàng kéo đầu nó thò ra ngoài. Không ai để ý đến ông. Vai người bộ hành ông đóng, với cái túi sau lưng, nom như thật. Có rất nhiều người cũng ăn mặc tả tơi, mệt mỏi đói khát như ông, kéo lê trong thành phố mang túi sau lưng.

Thậm chí Secnôivanenkô dám đi cả vào phố Ribat. Đúng là ông đã đi ngay giữa đường chứ không phải trên vỉa hè. Vỉa hè dành cho bọn sĩ quan Rumani đầu đội mũ cát-két to tướng, mặt đánh phấn, ầm ĩ ra dáng thượng võ. Qua trước ngôi nhà Vane, Secnôivanenkô nhìn thấy tấm biển cửa hàng Kôletnisuc thật.

Ông muốn vào quá. Nhưng không thể được với kiểu trá hình này. Dù sao bây giờ ông cũng biết chắc là đã có cửa hàng. Đến ngã tư phố Ribat và phố Katêrin đệ nhị, Secnôivanenkô lại gần một tên cảnh sát, chìa tấm giấy chứng nhận ra, rồi hỏi bằng một giọng mệt mỏi xem sở Lao động ở chỗ nào. Nhưng tên cảnh sát không hiểu, hét lên một câu bằng tiếng Rumani, chắc nó bảo ông không được lang thang vào đường phố chính trong bộ quần áo như vậy.

Secnôivanenkô tiếp tục đi, rẽ sang phố Nêjinxkaia tới nhà thờ Tin lành. Ở đây, phố xá vắng tanh, im lìm. Chợt ông trông thấy một bọn Đức. Bất ngờ quá, làm ông rùng mình. Chúng đi giữa đường thẳng vào ông: một đại đội lính S.S. Chân dận bốt mới, đánh xi bóng loáng, bước thật đều trên mặt đường trông rất kệch cỡm. Secnôivanenkô tránh sang một bên. Chúng hát một điệu hát chối tai, khô khan, cứng nhắc, đầy những giọng cổ cao, phảng phất điệu Tyrôn, và tất cả giống như một lối phối âm nặng nề giữa tiếng tiêu và trống đồng. Secnôivanenkô thấy như toàn thể bọn S.S. đó đều cùng một gương mặt. Và gương mặt đó làm ông ngạc nhiên vì vẻ nghèo nàn và đồng nhất của nó: da đỏ, mồm toang hoác, cằm nhỏ theo một kiểu gô tích thô lỗ, mũ đội sùm sụp, dây mũ bó chặt, dưới vành mũ lấp lánh những gọng kính vàng. Bên cạnh chúng là ngôi nhà thờ ảm đạm, mái gô-tích đó với cái thập ác bằng đá nom rất thô trên nền trời âm u. Secnôivanenkô chợt tưởng như mình đang ở trong một thành phố Đức nhỏ.

Đội lính đi qua trước mặt ông, rẽ sang phố Piôt Đại đế. Tên sĩ quan ra lệnh:

— Zug!

Và, cùng một lúc, như một cái máy vừa được vặn dây cót, tất cả bọn S.S. chuyển sang bước ngỗng, hất mạnh chân ra đằng trước, cao gần đến tận cái cằm nhọn rồi dừng lại như hóa đá.

Ở đây, những xe tải bịt kín đỗ ghếch lên vỉa hè, đụng cả vào cửa sổ, còn bọn Đức thì chia nhau ra đứng cạnh các xe. Chúng ra

sức kéo rầm rầm trên xe xuống những thùng bơ, thùng bánh mì bọc giấy bóng, thùng rượu, thùng cam. Chúng rút dao Phần-lan trong quân phục ra và ngồi ăn ngay tại chỗ, trên các thùng để cạnh xe, rồi lấy acmônica thổi những bài quân hành, vui vẻ nhìn người qua đường với đôi mắt ngờ nghệch. Một lúc sau, Secnôivanenkô lại gặp bọn Đức lần nữa. Nhưng lần này, không phải bọn nhà binh mà là bọn du lịch. Chúng từ đường bờ biển đi tới trong một chiếc xe ca dài màu xám và đỗ cạnh đài kỷ niệm công tước Risơliơ đang giơ tay chỉ, một cách thanh nhã theo kiểu ngày xưa, vào cầu thang Pôtemkin nổi tiếng. Chúng xuống xe và một nhân vật đeo băng vàng cung kính thuyết minh cho chúng nghe về đài kỷ niệm và cái cầu thang. Bọn Đức mỉm cười khoái trá nhìn nhau và gật gật mũ cát-két hình yên ngựa cao. Rồi chúng sắp hàng trước tượng công tước cbụp ảnh, và đi xa hơn nữa chụp tiếp trước cỗ đại bác, cũng cỗ đại bác mà cách đây không lâu Secnôivanenkô đã đứng trước nó theo dõi công việc bốc xếp trên bến cảng...

Đến ba giờ, sau khi đã đi suốt phố Raxkiđailôpxkaia buồn vắng như tất cả các phố xa trung tâm thành phố. Secnôivanenkô đi vào công viên Quận công bị phá nát, giày xéo, lỗ chỗ chiến hào và hầm hố đầy ắp lá thối. Đây đó, còn sừng sững những mái đình và tượng thạch cao, tay chân gãy nát, đã đen xạm mưa và bụi. "Cô lái đò" ngày xưa trang điểm cho hòn đảo nhỏ giữa hồ, nay chỉ còn mỗi cái bơi chèo lủng lẳng rất lạ lùng ở đầu một sợi dây thép gỉ. Đầu cô gái lăn lóc trong bụi rậm.

Trời lại xấu đi. Gió hắt những bông tuyết khô vào mặt, rít trên những sợi dây thép đứt, thổi phần phật những tấm gỗ dán mục. Thoạt nhìn không có người nào trong công viên cả. Nhưng khi Secnôivanenkô rẽ vào một lối chính, ông thấy hình như sau sân chơi của trẻ em, trong những lùm cây trụi lá, có một bóng người thấp thoáng rồi biến mất. Secnôivanenkô dừng lại, làm bộ buộc lại dây giày, đợi một lúc. Nếu đó là Xiniskin, bác ta sẽ trở lại và tiến đến gần. Nhưng không có ai đến gần cả. Secnôivanenkô ngoảnh ngay lại nhưng vẫn không thấy ai. Ông cảm thấy khó chịu, ông tự nhủ không ngoảnh lại nữa và tiếp tục đi thong thả,

nặng nề, chân bước khập khiễng.

Vừa vượt qua một cái bực ván thì ông thấy Xiniskin Jêlêznư, một Xiniskin tả tơi, bẩn thỉu, đội mũ nồi rách, ướt sũng, người cúi gập, đang đi bên bục, nhặt vỏ bào bỏ vào bao tải. Không thẳng người lên, và nhìn Secnôivanenkô từ dưới lên trên với đôi mắt tinh nhanh sắc sảo, Xiniskin nói:

— Cứ đi theo phố Công tước đến tận góc phố Pisônôpxkaia. Tôi sẽ đuổi theo.

Secnôivanenkô thận trọng hất đầu ra hiệu về phía có tiếng còi.

— Người của tôi — Xiniskin nói. Đi đi, đừng đứng lại. Tay gác đường tàu thường hay lảng vảng ở đây. Tôi sẽ đuổi kịp đồng chí.

Secnôivanenkô không đứng lại, băng qua công viên vắng vẻ và rẽ vào phố Công tước. Đến góc phố Pisônôpxkaia, Xiniskin theo kịp ông và, không dừng lại, nói:

— Đi theo tôi.

Họ đi qua một cái cửa nhỏ vào một cái sân con, xung quanh có một bức tường đất quét vôi nham nhở. Xiniskin liếc mắt ra phố rồi chận cửa lại bằng một thanh gỗ lớn. Từ trong cũi, một con chó dài xù lông, lồng lộn nhảy ra, chạy ngang qua sân làm cái vòng xích cổ kêu loảng xoảng.

— Suỵt! Rukô! — Xiniskin quát và nắm lấy cái xích gần vòng cổ. — Vào trong nhà đi.

Đó là một nếp nhà nhỏ, gần giống nhà nông thôn, cửa thông hơi chăng vải xanh, nhưng lại có số nhà kiểu thành phố ở trên tường. Secnôivanenkô ấn vào then cửa rồi đi vào trong nhà.

— Đừng sợ gì hết. Chúng tôi ở nhà người tốt. Hiện giờ, họ đi vắng — Xiniskin nói, theo gót Secnôivanenkô vào trong một căn phòng rất ngăn nắp với những cây vả, cây trúc đào, những cái giá tre, một tấm thảm vải, một cái tủ chè ọp ẹp và nhiều ảnh lồng trong những khung nhỏ góc lồi màu đen. Trên một bức

ảnh, Secnôivanenkô thấy một đầu máy xe lửa, phía trước là một toán công nhân bận đồ xanh, tay cầm đồ nghề, qua đó có thể đoán giữa chủ nhân với đường xe lửa có liên quan với nhau.

Secnôivanenkô và Xiniskin ngồi trước cái bàn phủ khăn len trên có một vỏ sò lớn để đựng tàn thuốc.

— Tôi đoán chắc đồng chí sẽ đích thân tới chỗ hẹn nên phải bố trí canh gác cẩn thận — Xiniskin vừa nói vừa ho khù khụ.

— Bác đã bận tâm một cách vô ích đấy.

Xiniskin nghiêm khắc nhìn Secnôivanenkô:

— Tôi phải chịu trách nhiệm về tính mạng đồng chí bí thư thứ nhất Ban chấp hành bí mật của Đảng. Thế nào, có thích thành phố Ôđetxa, thủ phủ Tranxnitri nước Rumani không? Có thích những ông chủ mới không?

— Chúng đang say sưa với chiến thắng. Chúng đang ngủ trên cành nguyệt quế. — Và Secnôivanenkô vừa cười vừa kể lại chuyện mình đi vào thành phố.

Nhưng Xiniskin dĩ nhiên có ý kiến khác hẳn.

— Đồng chí đừng chủ quan — bác nói nghiêm trang. — Chúng có nhiều lý do để huênh hoang, đắc chí, nhưng... Bác giơ ngón tay trỏ xám xịt và đầy chai lên. — Nhưng đó chỉ mới là một mặt của tình hình, tôi nói thậm chí chỉ mới là bề ngoài thôi. Nhưng còn một mặt khác. Đồng chí có nghe nói về vụ nổ ở sở chỉ huy ngày hăm hai tháng mười không?

— Tôi có nghe — Secnôivanenkô nói. — À này, ai làm việc đó thế?

— Theo tôi, chắc là Đrujinin.

— Đrujinin nào thế?

— Theo chỗ người ta biết, đó là một người trong nhóm của chúng ta, những người chắc chắn. Hiện giờ tôi không biết gì hơn. Nhưng dù sao, nhân dân đều quy cho Đrujinin đã tổ chức vụ nổ ngày hăm hai tháng mười. Vả lại, trong lúc này mọi việc

người ta đều quy cho anh ấy. Mấy hôm nay, một đội du kích lạ đã đốt trạm máy kéo Prôlôpôpôvô mất một nghìn pút lúa mì và giết mười tên chiếm đóng. Người ta cũng quy cho Đrujinin!

— Về việc xảy ra ở sở chỉ huy thì tôi không nói, nhưng còn trạm Prôtôpôpôvô, theo một số tin tức thì đó là do một người khác làm.

— Tôi cũng nghĩ đúng như thế — Xiniskin nói, liếc nhanh Secnôivanenkô ra vẻ vô tình. — Thế là sau vụ nổ, sáng ngày hăm ba tháng mười, tôi có đi ngang qua thành phố và thật là một cảnh tượng khủng khiếp. Hàng trăm người bị treo cổ trên cây, trên cột điện. Chỉ trong một ngày khốn nạn ấy, chúng đã bắn và treo cổ khoảng năm nghìn người... — Xiniskin nói, giọng nói bình thản và đều đều nhưng người nghe cảm thấy trong đó chứa đựng một mối căm hờn và một niềm đau đớn ghê gớm làm cho Secnôivanenkô cố gắng lắm mới nén được xúc động. — Ít lúc sau, chúng đã tiến hành bắt bớ hàng loạt khắp tất cả các khu phố — Xiniskin nói tiếp — và tôi không chắc có thể lập lại dây liên lạc dễ dàng với các đồng chí đại diện Ban chấp hành quận bí mật không. Hiện nay, những người của tôi đang tìm cách phát hiện đúng ai đã bị bắt. — Xiniskin im lặng rồi với một giọng nói cứng cỏi của một người không sợ nhìn thẳng vào sự thật và không có thói quen sống bằng ảo tưởng. — Dù sao, đây cũng là cảm tưởng của tôi, lúc này, chúng ta như vậy là không có lãnh đạo.

Mặt Secnôivanenkô hơi nhăn lại. Trên sống mũi, vết kính hằn màu đỏ rõ thêm. Ông đưa lòng bàn tay xoa trán, im lặng một lúc lâu.

— Đó là một tổn thất nặng — Secnôivanenkô nói, không cất cao giọng, mi mắt nhăn lại như bị chói — một tổn thất rất nặng! Nhưng biết làm thế nào, không thể tránh được! Chúng ta sẽ nối lại liên lạc với Trung ương. Còn công việc riêng của bác thế nào, bác Nikôlai Vaxiliêvich?

— Chúng săn tôi — Xiniskin nói ngắn gọn. — Đêm nào tôi

cũng phải đổi chỗ ở. Bất tiện vô cùng. Nhưng tuy thế, tôi cũng hoàn thành được nhiệm vụ. Đến nay, tôi đã tìm được bảy người, những người tôi biết là tốt, những đồng chí hoàn toàn chắc chắn, đảng viên và ngoài đảng. Tôi liên lạc trực tiếp, riêng với từng người, và giao nhiệm vu cho họ với tư cách Ban chấp hành bí mật khu.

— Nhiệm vụ gì?

— Mỗi người phải tim ra hai hoặc ba đồng chí tin cẩn như bản thân họ, liên lạc trực tiếp với họ và đứng đầu "nhóm ba người". Không thiếu người muốn công tác. Tôi tin rằng trong một hoặc hai tháng, chúng ta sẽ tổ chức được một màng lưới vững chắc gồm những "nhóm ba người" và cả những "nhóm năm người". Nhưng hiện nay, mọi người hoạt động không theo một kế hoạch nào cả, còn theo sáng kiến cá nhân mình.

— Nhưng họ có hoạt động chứ? — Secnôivanenkô vội hỏi với. — Và tóm lại, họ làm gì?

— Cái đó thì tùy tình hình... Bỏ cát vào trục xe. Phá ghi đường xe lửa. Làm chậm trễ công việc phân phối đầu tàu. Đó là về mặt hỏa xa. Rồi ám sát bọn nhà binh, nhất là bọn sĩ quan hiến binh. Đấy là về mặt thành phố và rải truyền đơn.

— Thực đấy chứ?

— Tôi chỉ báo cáo những việc đã được xác minh và kiểm tra chắc chắn.

— Khi nào, ở đâu? — Secnôivanenkô hỏi vắn tắt.

Xiniskin sầm mặt lại, tập trung tư tưởng một lúc rồi nói:

— Đêm hai mươi lăm, ở gần Sumka, đã bắn vào một toán tuần tiễu của Ban chỉ huy Đức, hai tên bị giết, những tên khác bỏ chạy. Cũng trong đêm đó, ở bốt máng, tên lính gác bị đâm chết. Ngày hai mươi bảy, ở ga hàng hóa Ôđetxa bị trệch ghi, một đầu máy đã trật bánh đổ chổng lên trời. Ngày hai mươi tám, trên đoạn đường Vigôđa Batsnaia, những hộp trục của hai toa hàng đoàn tàu chạy Radơđennaia bị cháy, do đó, đoàn tàu đã phải

dừng lại dọc đường. Cũng trong khoảng thời gian này, người ta đã phát gần ba trăm bản lời kêu gọi nhân dân của Ban chấp hành quận. Trên đường Máy nước giữa, anh em mình đã treo cổ một thằng nhân viên sở Xiguranxa lên cây dạ hợp, một thằng Kublixky nào đó người gần đấy, một thằng đê tiện và ác ôn nổi tiếng. Tất cả đều là những sự việc tự tôi đã kiểm tra lại, tôi bảo đảm hoàn toàn chính xác trước Ban chấp hành khu. Và đó mới chỉ là bước đầu nhỏ bé. Đồng chí hiểu tôi chứ — Xiniskin nói, mắt nhấp nháy tinh nghịch rồi bất ngờ cười rộ lên, vẫn tiếng cười khàn khàn, trầm trầm của bác.

63

Secnôivanenkô mặt tối sầm lại.

— Nhưng đừng làm quá, Nikolai Vaxiliêvich ạ.

— Đồng chí đừng lo — Xiniskin nói với một nụ cười lặng lẽ.

Rồi bác thong thả kể, theo trí nhớ, tên những đảng viên cộng sản và những người ngoài đảng mà bác đã đích thân liên lạc, đồng thời nêu qua đặc điểm của mỗi người với lý do ở lại của họ. Toàn là những người mà Secnôivanenkô có quen biết ít nhiều: trong họ có ba công nhân hỏa xa, hai công nhân khuân vác, một kỹ sư và một lái xe. Tất cả, hiện giờ còn ở trong vòng bất hợp pháp, nghĩa là với những giấy thông hành không đăng ký ở sở cảnh sát, và họ sống ở nhà các bạn mà không ghi sổ hộ tịch: tình thế hết sức khó khăn và nguy hiểm.

— Họ cần phải hợp pháp hóa sớm đi — Secnôivanenkô nói.

— Tôi cũng nghĩ đó là một trong những nhiệm vụ chính của chúng tôi. Chúng tôi đã làm được phần nào theo hướng đó rồi.

Anh em đã tìm được một nhân vật thích hợp: ông thợ kính Papliuc, một người của chúng ta ở Pêrexip. Một ông già nhỏ bé đôn hậu, nhưng đáng tiếc là nhát như thỏ và quá đỗi rụt rè. Tuy nhiên, tôi hy vọng cuối cùng cũng sẽ thuyết phục được ông ta. Hiện giờ, ông ta đang lắp kính ở buồng số năm sở cảnh sát Pêrexip. Không có gì hay hơn! Các con dấu để trong một cái bàn ở bộ phận giấy thông hành. Hàng ngày ông ta làm việc ngoài giờ hành chính. Ngày kia là ông ta sẽ lắp kính ở buồng giấy thông hành. Đồng chí nghĩ xem, chỉ có việc đóng dấu vào bảy tờ giấy thông hành như thế này, ngay tại chỗ! Nhiều nhất là hai phút thôi. Ấy thế mà ông ta không dám làm! Tôi chỉ còn hy vọng ông ta sẽ nhận một thanh niên của ta vào làm cùng lắp kính với ông. Và khi đã có trong tay hình con dấu cảnh sát, chúng tôi sẽ tổ chức một bộ phận giấy thông hành thật chu đáo. Nhân thể đồng chí Gayrin Xêmiônôvich này, đồng chí cũng vậy, đồng chí sẽ khỏi phải lo ngại khi lên thành phố mà trong tay không có một cái gì chắc chắn hơn cái giẻ lau của đồng chí. Xin lỗi đồng chí vì tôi đã nhận xét đồng chí như thế.

— Không có biện pháp nào khác — Secnôivanenkô nói buông thõng.

— Tôi đồng ý — Xiniskin tán thành — Nhưng đồng chí phải biết, dù sao...

— Được. Đừng nói ra ngoài đề. Như vậy là tôi chắc cuối cùng bác sẽ thuyết phục được ông già bé nhỏ và rụt rè của bác và dù thế nào chúng ta cũng sẽ có một bộ phận giấy thông hành. Đồng ý chứ?

Xiniskin gật đầu.

— Bây giờ, còn một vấn đề nữa. Vấn đề thẻ đảng cho các đồng chí đến đâu rồi?

— Cho đến nay, thẻ vẫn được cất cẩn thận ở nhà tôi.

— Ở một nơi chắc chắn chứ?

— Nói với đồng chí thế nào đây... Cho đến hiện giờ, địa điểm

đó có vẻ chắc chắn, nhưng khó mà bảo đảm...

Nói xong, Xiniskin nhìn qua lỗ thông hơi, rồi bước nhanh lại gần bếp lò, nhấc tấm cửa gang kín mít ra khỏi bản lề, từ dưới tro bới lên một gói nhỏ bọc cẩn thận trong một miếng vải buộc dây chằng chữ thập.

Secnôivanenkô sa sầm nét mặt.

— Bản thân tôi cũng biết đó không phải là một chỗ hoàn toàn như ý mình — Xiniskin nói. — Nhưng rất tiếc, tôi không thể tìm được một chỗ nào khác.

— Được. Tôi sẽ mang theo về hầm mộ. Bây giờ còn một vấn đề nữa, vấn đề cuối cùng. Bác đã làm cho các đồng chí bằng cách này hay cách khác các thủ tục cần thiết rồi chứ?

— Xin lỗi!... — Xiniskin nói, đưa bàn tay lên lỗ tai.

— Tôi hỏi, bằng cách này hay cách khác, bác đã làm các thủ tục cho các đồng chí chưa? — Secnôivanenkô lặp lại.

— Tôi không hiểu câu hỏi của đồng chí — Xiniskin nói.

Secnôivanenkô đứng dậy và đi đi lại lại trong gian buồng, đầu cúi gằm. Rồi ông lục túi tìm quyển sổ tay, nhưng nhớ ra là mình đã phải để lại trong hầm mộ, ông lắc lắc bàn tay.

— Này, ở đây, bác phải có cái gì để viết chứ? Kìa, hình như trên giá, có một lọ mực và một ngòi bút thì phải. Cầm lấy viết đi.

Xiniskin để lọ mực lên bàn trước mặt, mở cái nắp nhỏ bằng đồng và chấm ngòi bút vào thứ mực cũ sanh sánh.

— Viết đi! — Secnôivanenkô nói.

Xiniskin đưa mắt tìm giấy nhưng không thấy; bác xé một tờ lịch, chuẩn bị viết:

— Viết! — Secnôivanenkô nhắc lại, không thôi đi bách bộ mỗi lúc một nhanh hơn. — *"Quyết tâm thư. Tôi ký tên dưới đây (họ, chữ đệm, tên) tự nguyện gia nhập tổ chức bí mật Đ.C.S. của L.B.C.H.X.H.X.V., mục đích chủ yếu là đánh đuổi bọn can thiệp*

bằng vũ trang khởi nghĩa, bảo vệ độc lập cho Tổ quốc vĩ đại và danh dự cho dân tộc. Tôi nguyện tiêu diệt bọn phản quốc, đốt phá tài sản của chúng bất kỳ ở đâu". Secnôivanenkô đọc nhanh và Xiniskin cố lắm mới theo kịp. — Xong chưa? Tiếp tục: —"*Tôi tình nguyện tuân thủ mọi điều lệnh công tác bí mật, tôn trọng kỷ luật*"...— Secnôivanenkô dừng lại, suy nghĩ rồi lại đọc: — "*hoạt động trong tổ chức, chấp hành mệnh lệnh của các đồng chí lãnh đạo và bất cứ giờ nào, ngày cũng như đêm...*"

— Khoan đã, đừng đọc nhanh thế!

—"*... và bất cứ giờ nào, ngày cũng như đêm* — Secnôivanenkô nhắc lại, vẻ dữ tợn — *bất cứ giờ nào, ngày cũng như đêm, tôi sẽ có mặt ở địa điểm quy định, vũ khí trong tay, chấp hành tuyệt đối bất cứ nhiệm vụ gì được giao phó, hiến dâng tất cả cuộc đời và xin thề...!*"

Ngay lúc ấy ngoài đường phố đã bắt đầu tối, có tiếng huýt rất quen thuộc. Chỉ hai bước, Xiniskin đã ở ngoài sân. Secnôivanenkô, qua cửa sổ, thấy cái bóng đen dài của bác tựa vào hàng rào. Xiniskin đứng như thế bốn phút rồi trở vào trong phòng.

— Báo động nhầm! — Ông nói, cười trong ria mép.

— Viết tiếp! — Secnôivanenkô nói! — Chúng ta đến đâu rồi?

— ... Hiến dâng tất cả cuộc đời và xin thề... — Xiniskin nói.

— Đúng thế. "*hiến dâng tất cả cuộc đời và xin thề*". Viết:"*... để bảo vệ Tổ quốc thân yêu, danh dự và tự do. Tôi xin xác nhận việc tình nguyện trang nghiêm này trước Đảng và Chính phủ*". Ký tên. Thế là hết. Gia nhập tổ chức bí mật, mỗi đồng chí đảng viên hay ngoài đảng đều phải tự tay mình viết và ký tên vào bản quyết tâm thư này.

Secnôivanenkô đi một vòng nữa trong phòng rồi đứng lại trước mặt Xiniskin.

— Bác Nikôlai Vaxiliêvich, rồi bác gửi tất cả những tài liệu này đến hầm mộ cho tôi, bằng liên lạc trực tiếp của tôi.

— Vâng, tôi sẽ gửi — Xiniskin nói.

— Liên lạc phải tiến hành ban đêm giữa một giờ và hai giờ. Một ám hiệu bằng đèn điện, bốn đỏ, một trắng. Trả lời: bốn trắng, một xanh. Và chú ý dàn xếp cho xong với ông thợ kính già nhút nhát của bác nhé. Chúc bác may mắn.

Secnôivanenkô chìa tay cho Xiniskin Jêlêznư, chợt thấy bóng mình trong tấm gương mờ và bất giác mỉm cười.

— Nhưng Nikôlai Vaxiliêvich này, dễ bác không có lấy một quả thủ pháo nào chăng? — Secnôivanenkô hỏi và cảm thấy mình lại từ người bí thư thứ nhất Ban chấp hành khu trở thành người thợ đi rong.

— Có những hai quả — Xiniskin nói và lấy trong lò ra một quả thủ pháo.

Secnôivanenkô cuộn cẩn thận những tấm thẻ đảng quanh quả thủ pháo rồi để vào trong ngực.

— Tốt lắm — Xiniskin nói — nhưng bận sau đồng chí đừng đến chỗ tôi nữa, nếu trang bị quá sơ sài như vậy.

Trước khi để ông qua cửa, Xiniskin thận trọng đi ra phố, thầm thì với một người nào đó rồi, nắm lấy vòng cổ con chó dữ, bác mới nói:

— Đi thẳng về phía Xlôbôtka, dọc theo nghĩa địa rồi qua đồng cỏ, thẳng một mạch đến tận nhà. Chúc đồng chí may mắn!

64

Trời đã gần tối. Secnôivanenkô thận trọng đi trên những đường phố ngoại ô, nép người vào các dãy rào và các nhà để khỏi

nổi bật quá trên nền trời xám. Mặc dù chung quanh không có một bóng người, ông vẫn cảm thấy mình không cô độc. Khi thì trước mặt, khi thì sau lưng, khi thì đâu đó bên cạnh, trong bóng tối, có tiếng bước chân đi nhè nhẹ. Có lần, ở một góc phố, nổi lên tiếng còi báo hiệu rất quen thuộc. Thế là Secnôivanenkô đứng lại và nép mình vào một gốc dạ hợp. Trước mặt ông, một chiếc xe tải chạy qua, nhảy trên những rãnh bánh xe. Khi chiếc xe tải đã biến vào bóng tối, ông nghe một tiếng còi thứ hai. Secnôivanenkô biết là mình lại có thể tiếp tục đi. Đó là người của Xiniskin đi theo để bảo vệ cho đồng chí bí thư của họ. "Hừ, mình đã làm bận cho họ!" ông nghĩ thế và mỉm cười. Thật là yên tâm khi biết quanh mình, có những người trung thành, tận tâm và mình đang được nhân dân che chở.

Sau khi đi khỏi nghĩa trang, Secnôivanenkô cuối cùng đã vào đến đồng cỏ. Nhưng ở đây cũng vậy, trên thảo nguyên tối tăm vắng lặng, ông vẫn mơ hồ cảm thấy gần đâu đó có mặt những người vô hình. Ông rảo bước, tay luôn luôn để trên ngực, ghì chặt quả thủ pháo cuộn trong bìa cứng. Ông giữ khư khư trên ngực năm tấm thẻ nhỏ với bao thương yêu và thận trọng như chính đó là những con người thật.

Khi đến gần làng Uxatôvô thì mặt trăng vừa ló ra giữa những đám mây đêm mờ. Thảo nguyên hơi sáng lên và hình như cựa quậy. Đâu đó, nghe có tiếng chó sủa. Ngay lúc đó, ông nghe đằng sau lưng có tiếng vó ngựa. Một tiếng nói khàn khàn, thô lỗ, hét lên: "Đứng lại!" Secnôivanenkô, nằm rạp ngay xuống đất ẩm lạnh, mặt úp sấp, nhanh nhẹn rút bàn tay đang nắm quả thủ pháo trong ngực ra. Một vài đốm lửa lấp lánh và ngay gần đấy, trong những lùm cỏ dại, một viên đạn rít lên. Lập tức, một loạt súng ngắn và xa hơn, một quả thủ pháo nổ, rồi một quả khác, Secnôivanenkô thấy một con ngựa không người cưỡi phi qua dưới ánh trăng. Rồi sau nó, một con ngựa khác với một kỵ sĩ đứng lên bàn đạp, bắn trở lại, đâu đó trong thảo nguyên.

— Trốn đi! — Secnôivanenkô nghe ở đằng xa một giọng nói trẻ và thất vọng hét lên — Trốn đi!

Secnôivanenkô nhảy chồm dậy và lướt trên mặt đất ẩm ướt, chạy về phía cái khe thân thuộc. Ông lăn xuống dưới và vừa may không húc ngã Xêrafim Ivanôvich Tulyakôp khi đó đang chạy tới, súng cầm trong tay. Ba chiến sĩ thuộc phân đội của anh, người gập làm hai, chạy theo sau Tulyakôp.

Đó là toán bảo vệ Xtrenbixki bố trí sẵn để tiếp đón người bí thư.

Nói chung, Pêchya và Valenlin sống rất vất vả. Và sẽ nặng nề hơn nếu trong những niềm vui nhỏ bé của chúng không có cái thú rộng lớn của việc đi lấy nước. Nước lấy từ một cái giếng ngầm không xa "nhà".

Người ta không những cấm Pêchya và Valentin lên mặt đất, mà đến các lối ra cũng không được đến gần. Lúc bấy giờ đã có hai lối vào. Một lối, như chúng ta đã biết, gọi là "Con Dím" cách nghĩa địa Uxatôvô không xa, và một lối xa hơn, trổ ra gần làng Kuyannich, cách đấy gần ba ki-lô-mét, gọi là "Con Vịt" để biểu dương một con vịt tình cờ chạy vào trong hầm mộ và được Ximban biến thành một bữa ăn ngon lành.

Pêchya và Valentin được phép ra giếng.

Thực ra, không phải chúng cứ cầm xô rồi đi ra giếng. Mỗi lần đi, chúng phải được người trực nhật hay người đầu bếp phụ trách việc nước nôi cho phép.

Người đầu bếp, hay nói một cách đơn giản hơn, người nấu bếp đó là bà Matriôna Têrenchiepna. Không phàn nàn, bà vùi đầu vào công việc bếp nước, dốc hết tâm sức vào đó một cách say sưa, nhiệt tình. Nhưng khốn thay, người ta lại sớm nhận thấy là bà không có tài. Thiện ý không thể thay thế được tài năng. Không có một tí tài năng nào! Về mặt bảo quản, làm thống kê, chia khẩu phần, hết sức cố gắng thì bà cũng còn có thể làm được. Thực tế, đó là một việc rất khó khăn. Để cho vật phẩm khỏi mốc, luôn luôn phải đảo, phải phơi, phải làm cho thoáng khí. Hầu hết thì giờ của bà Matriôna Têrenchiepna đều dùng vào việc chống ẩm. Còn khó khăn hơn, tỉ mỉ hơn cả việc chống gỉ.

Hàng ngày bà phải sấy lại nào bột, nào đường, nào muối, nào mì. Nhưng hôm sau, ẩm lại hoàn ẩm, và lại phải sấy lại. Bà có một cái khám riêng để làm chạn đựng thức ăn. Nhưng một mùi mốc khó ngửi cứ bốc lên làm bà thất vọng. Rồi thực phẩm lại biến dần, nhanh khủng khiếp. Bà Matriôna hoảng sự thấy bột, bơ, đường bay nhanh quá.

Hai mắt tròn xoe, bà đến bên chiếc bàn đá của Secnôivanenkô và hơi ấp úng vì xúc động, nói thầm vào tai đồng chí bí thư thứ nhất những điều bí mật buồn bã của công việc bếp nước và giúi cho ông một mảnh báo cáo về tình hình thực phẩm dự trữ. Ông mang kính vào, nhìn Matriôna Têrenchiepna một lúc lâu, có ý khiển trách.

— Matriôna Têrenchiepna, tôi lạ cho cô thật!

Ông thường gọi bà là Matriôna Têrenchiepna mỗi lần bà làm ông không hài lòng, ông nói điều đó với cái giọng ông đã nói với bà hồi còn nhỏ về đôi giày hỏng:

— Môteska! Cô làm tôi rất buồn và rất ngạc nhiên về cô. Cô lại làm rách giày nữa rồi! Rách không chữa được nữa. Chẳng thợ giày nào nhận đâu. Thật tôi chịu không biết dùng cô vào việc gì nữa. Cô sờ vào đâu là hỏng đấy. Sờ vào đâu là hỏng đấy!

— Chú Gayrick! Có phải lỗi tại tôi đâu! — Cô bé Môchya đáp và thẹn quá, không những mặt, tai, cổ đỏ ửng mà thậm chí bàn tay cũng đỏ và nước mắt cứ trào ra.

Có lẽ hồi đó bà có lỗi thực. Thực tế bà sờ vào đâu là hỏng đấy. Nhưng bây giờ bà không có lỗi gì cả. Bà đã cố gắng hết sức để quản lý bếp nước thật tiết kiệm. Nhưng có một điều ai cũng biết là thức ăn thường có cái tệ hay "bay", nhất là khi có ít mà lại nhiều miệng ăn. Giống hệt hồi nhỏ, Matriôna áp tay lên ngực thốt lên, giọng rất nhỏ, như tiếng chim con hót trong cổ:

— Chú Gayrick! — cả đời bà vẫn gọi ông như thế, "Chú Gayrick" — Chú Gayrick, xin Chúa cứ trừng phạt tôi, chính bản thân tôi cũng không thể hiểu được. Tôi đã để dành, nhưng ngày nào thực phẩm cũng cứ hết nhiều. Thực vậy, tôi không biết làm

thế nào nữa! Thật là vô lý.

Rồi bà rưng rưng nước mắt.

— Cô ấy không biết làm gì nữa! — Secnôivanenkô lẩm bẩm. — Cô ấy không biết nữa! Thế thì ai biết? Xem lại khẩu phần xem.

Ông cầm bút chì và cả hai người, cúi trên bàn đá, thì thầm nói chuyện với nhau một lúc về bản phân phối.

Nhiều ít, việc đó bà Matriôna còn có thể xoay xở được. Nhưng việc bếp nước thì không ổn tí nào. Ba nấu nướng bằng hai cái bếp "dầu hỏa", rất cẩn thận, chăm chú, tuy không phải dở quá nhưng chẳng ngon lành màu mỡ gì cả. Tất nhiên những người hoạt động bí mật không đòi hỏi phải thật ngon lành màu mỡ. Chỉ cần được ăn no là đủ.

Vậy là muốn ra giếng phải được bà Matriôna Têrenchiepna cho phép. Nhờ đó cũng đơn giản đi nhiều.

— Mẹ, chúng con đi ra giếng đây — Valentin nói.

— "Ai ra giếng sẽ không trở về" — Pêchya nghiêm nghị nói, lắp lại câu châm ngôn học được những người du kích của Tutyakôp.

— À phải, xin lỗi: "đi lấy nước". Mẹ, Pêchya với con, chúng con đi lấy nước. Mẹ cho phép nhé?

— Ừ, được, các con đi đi. Các con đi dạo chơi một tí. Các con đi mà thở một tí không khí trong sạch.

Chúng lấy mấy cái xô treo ở đinh gỗ trong khám bếp, phía trên hai bếp dầu hỏa vo vo suốt ngày đêm, còn bà Matriôna thì lau mặt rồi đưa cho chúng cây đèn bão và một bao diêm. Bà dặn dò chúng lần cuối cùng:

— Đừng vặn bấc cao quá, phải tiết kiệm dầu. Chỉ cần đỏ một tí vừa để đi thôi. Và hễ tới giếng rồi thì tắt đi, đừng để đỏ vô ích. Khi trở về lại đốt lên. Đừng để đổ nước ra đường, nhớ bước cẩn thận. Diêm chỉ để dùng khi thật cần thiết thôi. Các con có mười sáu que, phải mang về ít nhất mười ba que!

Bà còn nói nhiều nữa và lầm rầm sau lưng chúng, nhưng chúng đã không nghe gì nữa, đi xa dần vào một đường hành lang rất hẹp, có chỗ còn hẹp hơn hay rộng ra một tí và có nhiều đoạn ngoặt đột ngột.

65

Pêchya cầm đèn, Valentin một tay xách hai cái xô không. Còn một tay chúng chống lên những cái nạng nhỏ. Những nạng này là một phát minh đặc biệt, rất hữu ích. Ai đã phát minh ra? Không ai biết. Một hôm chúng đã xuất hiện như tự bản thân chúng. Không có chúng, gần như không thể đi lại trong hầm mộ được. Đi trong những đường ngầm thấp lè tè cứ phải cúi lom khom, thậm chí có khi còn phải cúi gập thước thợ lại nữa. Mà đi với tư thế cúi gập trên bộ giò co lại quả là một cực hình. Vì thế mọi người đều sử dụng những cái nạng con con ấy, làm bằng que thông nòng súng cũ. Đối với cuộc sống dưới đất, nó cũng cần thiết như ánh sáng.

Pêchya và Valentin đi trong đường ngầm tay chống nạng như các cụ già. Giếng nước không xa lắm. Ở bên trên, chắc chúng đã tới nơi nhanh chóng. Dưới hầm ngầm, phải nhiều thời gian hơn mặc dù đường ra giếng được coi là dễ đi: chỉ phải bò có một lần không quá hai mươi mét.

Thỉnh thoảng chúng dừng lại và trong ánh sáng yếu ớt của ngọn đèn, Valentin khắc lên tường bằng một cái đinh, chủ bụng mang theo, chữ “P” tên của Pêchya, và chừ “V” tên mình, lồng vào nhau, vì tiết kiệm cô đã viết tắt.

Suốt dọc đường, trên tường chi chít những tự mẫu và hình vẽ khắc vào đá, vẽ bằng than, bằng gạch hay chỉ đơn giản bằng

ngón tay vào lớp bụi dày. Như một tấm bảng chỉ đường ngầm. Không có nó, làm thế nào mà đi lại dưới hầm mộ, cho khỏi lạc trong cái mạng nhện những đường ống, những chỗ ngoặt, những ngã tư ấy được? Không có bản đồ tương đối chính xác của hầm mộ. Lập một bản sơ đồ, dù đơn giản về cái mạng nhện đó, chỉ rõ những chỗ lồi lõm chú yếu cũng đã là một công việc rất công phu rồi. Ở đây, la bàn cũng trở nên vô dụng. Trước hết, dưới đất nó sẽ chỉ sai, mặt khác, không có bản đồ, nó cũng không dùng được việc gì hết. Âm thanh của tiếng nói gần như không chuyền di được. Chỉ còn có cách báo hiệu bằng những chữ, những tượng hình đó, vừa bí mật vừa khó hiểu đối với người vô tình rơi vào hầm mộ.

Mỗi thành viên trong tổ chức bí mật đều có dấu hiệu riêng. Di chuyển qua đường mạng nhện, bắt buộc thỉnh thoảng phải để lại trên tường những "tấm danh thiếp", những bức mật mã, những bản tin tượng hình, để chỉ dẫn phương hướng phải theo, phòng trường hợp đèn hỏng, các đồng chí của mình có thể tìm được. Phải nhớ rằng không có diêm hay bật lửa, tắt đèn có nghĩa là chết.

Khi Valentin khắc những chữ tắt lên tường thì Pêchya nghiên cứu những dấu hiệu khác trên vách đá lấp lánh. Dấu này giống một mũi tên nhưng có hai nét ngang nhỏ xiên qua đuôi; dấu kia là một tự mẫu Nga cũ "iat", một trò hoạt kê của Liônya Ximban, anh đã lấy nó làm dấu hiệu của mình. Dấu thứ ba là một chữ thập với mũi tên, dấu hiệu của Xviatôxlap. Có một hình tròn đặt dưới một hình chữ thập, biểu trưng thần bí cổ của quả đất mà Secnôivanenkô đã chọn trong một cuốn lịch cũ; còn ngôi sao năm cánh là của Xerafim Tulyakôp. Người ta thấy những hình bầu dục, những mũi tên ở mọi hướng đi. Có những chữ số. Con số "5" không biết tại sao, là của Matriôna Têrenchiepna; con số "2" của Raitxa Lvôpna. Xtrenbixki có một hình thoi. Liđya Ivanôpna, một quả tim; Xviriđôp, một cái mỏ neo. Hầu như tim và mỏ neo luôn luôn ở bên nhau, cũng gần nhau như chừ "P" với chữ "V" của Pêchya và Valentin.

Với một niềm vui sướng không hiểu được và một mối xúc cảm thầm kín, Pêchya nhìn thấy giữa những dấu hiệu đó, giống y như giữa những người sống, thân thuộc, xuất hiện trên các bức tường lấp lánh, những chữ tắt của Valentin và của mình, quấn lấy nhau chặt chẽ.

Đến gần giếng, chúng tắt đèn. Ánh sáng ban ngày ló ra ở phía trước. Tự bản thân, nó rất yếu ớt, rất lờ mờ nhưng so với bóng tối vĩnh viễn dưới hầm ngầm được chiếu sáng bằng những ngọn nến nhỏ vàng ệch, nó có vẻ rực rỡ lạ thường và chói mắt. Chúng thích thú được làm quen với ánh sáng ban ngày, xanh nhạt, đều hòa, dán chặt lên những chỗ tường lồi lõm, lên lớp sàn bụi bậm, và tạo thành những vệt sáng từ phía bên kia những khúc ngoặt của con đường ngầm chiếu tới. Con đường ngầm dẫn đến miệng giếng. Ánh sáng ban ngày từ trên rọi xuống. Đó là một cái giếng kiểu nông thôn. Từ miệng giếng đến chỗ đầu con đường hầm ít nhất cũng phải trên mười mét và từ đó đến mặt nước cũng bằng ấy nữa.

Pêchya và Valentin thận trọng đi tới miệng giếng, rồi ngồi lên thành giếng tròn, sung sướng nhìn thấy ánh sáng ban ngày từ trên rọi xuống. Con mắt chúng lâu nay bị bóng tối vĩnh cửu và ánh đuốc bập bùng làm cho mỏi mệt, bây giờ được nghỉ ngơi. Thỉnh thoảng chúng ném một hòn sỏi và một lúc sau chúng mới nghe tiếng đập vào nước. Tay bám chắc vào thành giếng để khỏi ngã, chúng cúi đầu vào miệng giếng và tì bụng lên thành giếng, nhìn xuống bên dưới rồi lại thử nhìn lên phía trên.

Ở dưới xa, trong bóng tối, một hình tròn sáng ngời lung linh, phản ảnh của bầu trời. Và giữa hai hình tròn sáng nhỏ đó — bầu trời thực và phản ánh của nó — đúng ngay chỗ gặp nhau của giếng và lối đi ngầm bí mật mà ở "trên" không ai biết tới, hai cái đầu đang áp chặt vào nhau, đầu Pêchya và đầu Valentin. Đó là nơi độc nhất chúng có thể trông thấy bầu trời và hít thở không khí trong lành. Đó là khung cửa sổ độc nhất trổ lên thế gian. Gần cửa sổ, chúng đã trồng xuống đất vài củ hành lấy trộm được của bà Matriôna Têrenchiepna. Mỗi lần chúng tới lấy nước, chúng lại

tưới cho hành. Nhưng hành không mọc được. Rét quá. Chúng phải lấy một cái chậu thủy tinh cũ, tìm thấy trong đường ngầm, đậy kín lại. Chúng cố giữ cho hành khỏi bị cái rét từ bên trên tỏa xuống. Chúng đã mong mỏi biết bao những mầm hành đầu tiên! Cuối cùng, chúng xuất hiện, mảnh dẻ, vàng vọt gần như trắng bệch. Nhưng dù sao chúng cũng đã mọc. Đó là điều bí mật nhỏ của Pêchya và Valentin. Chúng đang chuẩn bị một chuyện ngạc nhiên cho những người hoạt động bí mật. Vì những củ hành này không phải là những củ hành tầm thường. Hành tức là chất tươi, và người ta cần biết bao chất tươi. Nhưng cũng phải thừa nhận cho Pêchya, đó là một sáng kiến của chú; không phải không có lý do mà chú là phó chủ tịch của câu lạc bộ những nhà thực vật học trẻ tuổi.

Pêchya và Valentin nằm chui đầu qua cửa sổ, bên cạnh những mầm hành nhợt nhạt đang yếu ớt vươn lên như muốn trốn khỏi hầm ngầm.

Người ta sẽ hỏi có thể trông thấy được gì từ một cái cửa sổ như vậy? Nhưng chúng, chúng thấy rất nhiều. Chúng thấy trời, thấy chim, thấy mây. Có lần ban đêm ra giếng, chúng đã trông thấy các vì sao. Và có lẽ đó là điều kỳ thú nhất chúng được thấy trong đời chúng. Nhưng chúng không có may mắn được trông thấy mặt trời một lần nào. Hình như mặt trời đi hơi chếch sang bên cạnh một tí: vả lại bây giờ đã là cuối thu và đông rồi. Trời thường u ám.

Cuối cùng, chúng đã trông thấy cả người. Chúng đã trông thấy, như một cái bắp cải bọc trong lá, đầu và vai những người phụ nữ từ một làng nào đó ra giếng lấy nước. Chúng trông thấy những cái xô lên xuống gần chúng quá; nếu muốn, chúng có thể lấy tay nắm lấy được. Những cái xô bình thường của các bà nông dân nom sao cũng lại lạ lùng thế: vì chúng ở thế giới bên kia! Thật là khó, gần như không thể tưởng tượng được, là cứ như thế rồi người ta đem móc vào đòn gánh và gánh vào đường phố của một làng bị phát-xít chiếm đóng. Có lẽ bọn phát-xít sẽ sờ tay vào và uống cả nước đó...

Pêchya và Valentin nghe có tiếng ồn ào ở "thế giới bên kia". Tiếng ồn ào ấy kể với chúng rất nhiều điều. Nó nới rộng và làm sống cái bức tranh đối với chúng hình như đã quá sinh động khi chúng nhìn thấy một khoảng trời đông có một con quạ bay qua. Chúng nghe tiếng chân đi lạo sạo, trên kia, tiếng trẻ con la hét. Một con chó sủa. Chỉ nghe tiếng sủa, cũng biết đó là một con chó con lông xù, đuôi cuộn tròn như cái bánh. Với cái rét từ trên xuống, những thứ đó đã làm hoàn chỉnh thêm hình ảnh một tối mùa đông với những chuyến đi bằng xe trượt tuyết, một buổi mặt trời lặn màu vàng với những con quạ bay lượn trên cái mái nhà nông thôn hình mũ nồi xanh.

Trước mặt chúng, mấy cái xô lạnh giá lên xuống, buộc vào một sợi dây xích cũng lạnh giá. Nước đen ngòm bốc hơi trong xô lạnh giá. Tiếng nói của những người phụ nữ hiền lành vang lên rất rõ trên đầu chúng. Và tiếng kèn nhà binh Rumani lanh lảnh vọng tới rõ lạ lùng, Lúc này đang mùa đông. Chà, sao chúng thèm được ở trên kia thế, chỉ nửa giờ thôi, để được chạy nhảy trên tuyết và bốc tuyết ném nhau.

66

Một hôm một bông tuyết rơi xuống giếng. Valenlin giơ tay hứng lấy bông tuyết vào lòng bàn tay. Đó là một ngôi sao lớn, rất đều, kết bằng những lá thông nhỏ với những chiếc búa con trắng tinh. Pêchya và Valentin cúi nhìn bông tuyết như một vật huyền diệu. Mà huyền diệu thật. Nó vừa có cạnh, lại vừa xơ bông. Nhưng cả xơ cũng có cạnh, đều đặn, chính xác, như đã qua tay một người thợ kim hoàn. Bông tuyết ấy là hiện thân toàn vẹn của mùa đông. Nó chứa đựng tất cả những niềm hạnh phúc tập hợp lại của mùa đông xô-viết sán lạn, với những khối

băng ở các ao hồ, những đường hành lang trong suốt của các công trường gỗ tùng, với lớp bông trắng tinh của những cơn bão tuyết, với tiếng pa-tanh lách cách và những con lốc trên sân khúc côn cầu sáng rực ánh đèn con, với dòng sông đóng băng dưới những vòm, những nhịp của một chiếc cầu khổng lồ mới bắc, cũng như những chi tiết của bông tuyết nhưng phóng đại lên hàng triệu lần... Bông tuyết tan dần. Còn chúng thì nằm nhìn giọt nước rung rinh trong lòng bàn tay ấm.

Pêchya và Valentin lấy xong nước đã lâu. Những xô nước đầy để dựa vào tường. Phải trở về. Nhưng chúng cứ lần lữa để lùi lại mãi giây phút đáng chán ấy. Chúng thèm ở lại, dù chỉ một tí thôi, dưới ánh sáng trời để thở hít không khí trong lành của mùa đông từ trên dội xuống. Chúng im lặng. Nhưng không cảm thấy nặng nề vì yên tĩnh. Chúng đã quen nhau quá rồi, tâm hồn chúng đã quá gần gũi nhau rồi! Chúng biết cả ý nghĩ của nhau. Chúng không nghĩ về chúng, cũng không nghĩ về cuộc sống quái gở của chúng dưới hầm mộ. Cuộc sống ấy đã bắt đầu trở nên tự nhiên đối với chúng rồi và không có gì quái gở nữa. Chúng sống bình thường và cũng đấu tranh rất bình thường, không nghĩ là mình đấu tranh, là mình đang làm một việc phi thường và càng không phải là một việc anh hùng. Chúng nghĩ đến chiến tranh và đến bố chúng đang ở ngoài mặt trận. Valentin cũng nghĩ đến người anh đang chiến đấu đâu đó với bố, còn Pêchya thì nghĩ đến mẹ và các em, đến Mạc-tư-khoa, đến trường học, đến bạn bè và đến tất cả những gì mà bây giờ chú thấy đã quá xa xôi và không còn trở lại, chìm đắm trong sương mù của thời gian. Valentin đã biết rõ hết các bạn của Pêchya và tất cả công việc của chúng. Cô đã biết tất cả mọi quyền lợi cá nhân và xã hội của Pêchya. Chú đã bao lần kể cho cô nghe tất cả những điều đó! Bây giờ, chúng im lặng. Chúng không cần phải nói với nhau nữa.

Nhưng có một điều bí mật mà Valentin không biết. Điều bí mật đó cứ giày vò Pêchya. Nó không để cho chú yên. Đôi khi giữa câu chuyện, Pêchya bỗng im bặt giữa một lời nói. Trán nhăn lại, chú cúi mặt xuống và nhìn chằm chằm vào một điểm dưới đất.

Chú cắn đôi môi dày rồi ấp úng một điều gì. Tất nhiên điều đó không lọt qua được con mắt sắc sảo của Valentin. Cô cố tìm hiểu, nghĩ bụng là chú bé đã "lại nhớ đến những ký ức rồi" và tìm cách làm cho chú khuây khỏa, hoạt bát lên. Nhưng trong những lúc mơ mộng lạ kỳ, khó hiểu đó, không thể làm cho chú bé khuây khỏa được. Chú mỉm cười thoáng qua, hời hợt và như than vãn, mắt dường như muốn van xin người ta để cho mình yên.

— Này, Pêchya, có chuyện gì thế? — Valentin lắc vai chú hỏi.

Chú ngước mắt buôn rầu nhìn Valentin và vẫn im lặng.

— Tại sao im lặng thế?

— Mình không im lặng.

— Có lẽ đằng ấy ốm chăng?

— Không...

Pêchya cũng không nói trọn vẹn tiếng "không". Chú không nói hết. Chú bắt đầu và bỏ đó: "Khôô..."

Làm gì thì làm, Valentin cũng không thể nào kéo chú ra khỏi tâm trạng thầm kín và trạng thái, mơ mộng ấy được.

Chú nghĩ gì? Cái gì đã đè nặng lên tâm hồn chú? Chú sẽ không nói ra điều bí mật đó ngay cả với bố chú, người gần gũi nhất trên đời của chú. Chú đã lấy danh dự một thiếu niên tiền phong hứa như vậy rồi. Chú đã thề. Và chú sẽ không phản bội lời thề, dù có phải hy sinh cả đời mình. Trong những giờ phút như vậy, chú thấy trước mắt mình người thủy binh hấp hối... Pêchya thường bị câu hỏi này giày vò: phải chăng mình đã vi phạm lời thề? Vì sợ bị địch bắt với tấm thẻ Komxômôn của người thủy binh Layrôp, với lá hạm kỳ mà chú hứa cất giữ, Pêchya đã giấu vào lớp gạch của bờ giếng vắng giữa thảo nguyên. Chú cảm thấy chú đã làm đúng. Nhưng bây giờ càng ngày chú càng tự hỏi, sau này tấm thẻ Komxômôn và lá cờ sẽ ra sao?... Nếu chúng còn ở đấy mãi thì cũng được đi. Cuối cùng nhất định sẽ có ngày..., Pêchya chắc chắn và không bao giờ hoài nghi là ngày đó nhất định phải

đến..., cái ngày mà quân địch sẽ bị đánh bại và chú có thể bình tĩnh đến kéo lá cờ, tấm thẻ ra, rồi thay mặt anh Komxômôn Nikôlai Layrôp giao lại cho Hồng quân. Nhưng nếu trước khi đó, có việc gì xảy đến với lá cờ và tấm thẻ thì sẽ thế nào? Nếu bất đồ có ai vô tình bới cái giếng cổ ấy lên và tìm thấy giữa đống đá, lá cờ và tấm thẻ? Nếu vì một lý do nào đó nó rơi vào tay quân địch? Nghĩ tới những bàn tay của bọn phát-xít có thể đụng vào những di vật thiêng liêng ấy, mặt chú nóng bừng lên và chú mất hết bình tĩnh một hồi lâu. Những hình ảnh phát sinh từ trí tưởng tượng mạnh mẽ đã làm khổ chú. Mỗi hình ảnh là một câu trả lời khác nhau cho câu hỏi lá cờ và tấm thẻ có thể rơi vào tay quân địch như thế nào...

"... Kìa một đoàn quân địch trên thảo nguyên. Binh lính khát, không có nước uống. Chúng thấy một cái giếng. Chúng mang xô chạy tới. Nhưng trong giếng không có nước. Chúng quay lại và sắp bỏ đi thì chợt một tên trong bọn nhận thấy một mảnh vải và nói: "Cái gì thế này?" rồi nó lôi từ một kẽ hở ra lá cờ và tấm thẻ... Kia là Hồng quân đang tiến về Ôđetxa. Bọn địch bỏ chạy. Chúng chạy tới những chiến hào cũ đã bị phá hủy và định cố thủ ở đó. Chúng kéo một khẩu đại liên đến chỗ cái giếng cổ và nhận thấy một mẩu vải: "Cái gì thế này?" và chúng kéo lá cờ và tấm thẻ ra... Kia, trên thảo nguyên một phân đội quân Đức thu nhặt chiến lợi phẩm, đang thu thập sắt cũ, những vũ khí bỏ lại và đạn không nổ: "Này xem xem có gì trong cái giếng cổ này không?" Một tên trong bọn Đức đầu đội cát-két đen có hình đầu lâu thay quân hiệu, nói. Nó dang tay ra và kéo ở dưới hòn đá lên lá cờ và tấm thẻ... Những hình ảnh cứ diễn qua mắt chú nối tiếp nhau không dứt như trong cơn mê sảng. Và thường bắt Pêchya thức suốt đêm, tận sáng mới ngủ được, mắt khô khốc và thâm quầng. Có lần chú đã định kể hết cho Valentin. Chú đã bắt đầu nhưng rồi vì tự ái không đúng chỗ, chú lại thôi.

Chú ngồi bên bờ giếng ngầm và im lặng. Nhìn mặt Pêchya qua đôi mắt ngó xuống, qua vầng trán nhăn, qua đôi môi dày run run của chú, có thể thấy chú khó giữ được im lặng.

— Valentin — Chú chợt nói, vẻ buồn rầu, mắt không ngước lên... — Tớ muốn nói với cậu một điều.

— Thì nói đi.

— Nhưng cậu phải thề với tớ là sẽ không để cho ai biết.

— Tớ xin thề! — Valentin nhanh nhẩu nói, mắt long lanh có vẻ suốt ruột. — Nói nhanh lên.

— Thề chưa đủ. Ai biết cậu lấy gì để đảm bảo cho lời thề.

— Nhưng lấy gì được.

— Cậu có thể lấy danh dự người thiếu niên tiền phong mà thề không?

— Có thể lắm.

— Lời thề danh dự nhé!

— Lời thề danh dự...— Cô suy nghĩ. — Cái đó còn tùy ở điều bí mật của cậu định nói với tớ nữa.

— Tớ có một điều bí mật rất quan trọng.

— Tớ phải biết tính chất của điều bí mật đó đã.

— Thề danh dự với tớ đi rồi tớ sẽ nói ngay.

— Ồ, không được! Nói với tớ trước đi đã rồi tớ sẽ thề danh dự.

— Ranh thế!

— Cậu cũng vậy!

— Thề danh dự với tớ đi rồi tớ sẽ nói ngay.

— Thế ngộ điều bí mật của cậu là một là điều nhảm nhí thì sao? Ai lại đi thề danh dự về một điều nhảm nhí?

— Điều bí mật của tớ không phải là một điều nhảm nhí.

— Cậu hãy thề danh dự với tớ đó không phải là một điều nhảm nhí đi.

— Được. Tớ thề với cậu đó không phải là một điều nhảm nhí

nhưng cậu hẵng thề danh dự với tớ là nếu tớ thề danh dự với cậu thì cậu phải thề danh dự với tớ ngay... — Pêchya đâm ra lúng túng.

— Mày thề, tớ thề, nó thề, chúng nó thề — Valentin nói, cười khi khí và múa chân múa tay.

— Im đi! — Pêchya nói. — Cậu làm tớ đâm rối ra đấy,

Chú tập trung tư tưởng rồi cố tiếp tục ý nghĩ của mình.

— Hẵng thề danh dự với tớ trước là nếu tớ thề danh dự với cậu, cậu phải thề danh dự ngay với tớ là cậu không phản bội điều bí mật của tớ. — Nói thế rồi, chú thấy không thể nhịn cười được.

Đột nhiên, Valentin nhìn vào trong giếng và nắm lấy ống tay áo Pêchya.

— Im! khẽ chứ... Em giơ ngón tay ra hiệu.

Pêchya ngoái nhìn qua vai mình về phía đáy giếng và thấy trong vòng ánh sáng lấp lánh của buổi chiều vàng, bóng đen của hai cái đầu cúi xuống giếng. Chắc chắn đó là hai người phụ nữ nông thôn đến lấy nước. Tì tay lên thành giếng, họ nói chuyện với nhau.

67

Họ sát đầu vào nhau, nói nhỏ, nhưng nghe rõ mồn một, mặc dù tiếng nghe ồm ồm như qua ống loa.

— Ở bên ấy thế nào? — giọng nói gần như thầm thì tiếp tục câu chuyện đang bỏ dở.

— Còn tệ hơn cả bên chị nữa kia — giọng kia đáp, một giọng

nói sợ hãi, và qua tiếng vang có thể hiểu là hai cái đầu lại sát gần vào nhau hơn.

— Đêm vừa rồi, chúng đã bắt mười sáu người. Chúng đi từng nhà và bắt theo danh sách.

— Ở chỗ tôi cũng thế. Hai mươi ba người. Chúng lôi một cụ già ra sau kho lúa và bắn chết cụ ngay tại đó.

— Cụ nào thế?

— Có lẽ chị cũng biết: cụ Lepsenkô Afanatxi.

— Cụ Lepsenkô à?

— Chính cụ ta.

— Chúng đã giết cụ Lepsenkô rồi sao? Chị nói thế nào?

— Thì chị đã nghe đấy.

— Nhưng cụ Lepsenkô có lẽ đã tám mươi rồi!

— Thế mà chúng đã giết cụ. Chúng chẳng đếm xỉa gì cả.

— Nhưng tại sao lại thế?

— Vì cụ không chịu báo cho chúng biết các cháu cụ trốn ở đâu. Các cháu cụ đi theo du kích và cụ không chịu phản bội.

— Thế là chúng đã giết cụ?

— Chúng đã giết cụ bằng một phát súng trường sau kho lúa, sau đó chúng bêu xác cụ chính giữa làng Uxatôvô, cạnh nhà thờ và suốt ba ngày chúng không cho chôn, để làm gương cho những kẻ khác.

— Hừ, quân dã man! bọn khốn kiếp! Không biết chúng còn làm chủ đất nước ta đến bao giờ nữa? — giọng nói cất cao lên, run run và khản lại. Nằm dưới đáy giếng nghe có tiếng khóc bị nén xuống và một tiếng rì rầm.

— Tôi van chị, đừng khóc to thế! Nếu chúng thấy hai người phụ nữ đứng khóc ở cạnh giếng, nhất định chúng sẽ lôi đến sở chỉ huy. Ở chỗ chúng tôi không ai được đứng lại và nói chuyện

ngoài phố.

— Ở chỗ chúng tôi cũng thế.

— Thôi chúng ta lấy nước đi.

Im lặng. Từ bên trên, hai cái xô, cái trước, cái sau, thòng xuống và kéo lên đầy nước lạnh giá.

Trong lúc xô lên xuống, Pêchya và Valentin lặng lẽ nhìn nhau. Nhưng chúng không thấy nhau. Chúng thấy cùng một cảnh tượng khủng khiếp, ông cụ già bị giết, nằm đó, chính giữa làng Uxatôvô và tuyết rơi xuống hai hố mắt sâu hoắm, mở to; những con quạ, nhảy nhót trên tuyết, là là trên cái xác, bay qua bay lại; nhân dân không ai dám ra khỏi nhà, chỉ nhìn xác cụ già vô thừa nhận qua những lỗ thông hơi lạnh lẽo. Tiếng rì rầm lại tiếp tục:

— Sáng nay chúng đã điều đến chỗ chúng tôi cả một đại đội.

— Chỗ chúng tôi cũng vậy. Cả đại bác nữa; ở chỗ chị, có thế không?

— Không, ở chỗ tôi, không có đại bác.

— Ở chỗ tôi, chúng đưa đến hai khẩu. Và bây giờ ở chỗ tôi, ở Uxatôvô, có cơ quan tham mưu của chúng. Đặt trong ngôi trường cũ. Khắp nơi đều có lính canh gác.

— Bọn vô lại, chúng đến làm gì ở đây thế?

— Bọn lính nói chúng sắp đuổi du kích ra khỏi hầm mộ Uxatôvô.

— Cậu có nghe không, — Valentin thầm thì, bóp thật mạnh bàn tay Pêchya.

— Có — chú bé đáp, chỉ hơi mấp máy môi.

— Chúng làm thế nào đuổi được du kích ra khỏi hầm mộ nhỉ? — giọng nói thứ nhất hỏi lại.

— Chúng sẽ bắn đại bác.

— Chúng tin sẽ đuổi được họ.

— Chúng không đuổi được họ đâu. Không có gì có thể đuổi được họ khỏi đấy đâu!

Pêchya và Valentin liếc nhìn nhau.

— Họ có phép chống được đạn súng trường và đạn đại bác. Toàn phân đội đều có phép tàng hình.

— Cậu nghe chưa, Pêchya, cậu và tớ, chúng ta đều có phép — Valentin nói thầm, mắt ngời sáng một cách lạ lùng.

— Họ có đông không? — Giọng nói thứ hai hỏi.

— Hơn nghìn rưỡi.

— Ở chỗ chúng tôi, bọn lính nói họ có hai nghìn.

— Có lẽ đúng là hai nghìn. Họ có cả một thành phố, theo người ta nói, dưới đất. Có cả xe tăng, tàu bay...

Pêchya và Valentin lại liếc nhìn nhau.

— Sáng nay, bọn phát-xít đã tiến hành thám thính gần nghĩa địa làng Uxatôvô. Chúng đã tìm được một khe hở nào đó trong núi đá. Nghe đâu là một lối vào hầm mộ. Nhưng chúng không vào, chúng sợ. Chúng chỉ đặt lính gác chung quanh, không cho ai đến gần. Ai đến gần dưới năm mét, chúng bắn ngay không cần báo trước.

— Hừ! quân vô lại bẩn thỉu!

— Buổi chiều, công binh của chúng đã mang cả hòm xiểng đến đấy và đặt mìn khắp chung quanh. Bây giờ, chẳng còn lối ra, cũng chẳng còn lối vào nữa.

Velentin xuýt hét lên. Để khỏi hét to, cô cắn môi đến chảy máu và nắm chặt lấy phía trên khuỷu tay của Pêchya làm chú bé phải rên lên.

— Khẽ chứ! — cô rì rầm, mắt lấp lánh như lân tinh trong bóng tối lờ mờ. — Cậu có nghe không?

— Có.

— Chúng đã đặt mìn... Cậu có hiểu không?

Pêchya không cần cô phải giải thích. Đã quá rõ rồi. Hầu như ngày nào cũng thế, những người hoạt động bí mật đều ra vào lối "Con Dím" để làm nhiệm vụ chiến đấu. Bây giờ, lối đó đã bị cài mìn.

Chúng cầm ngay lấy cái xô rồi, cố xoay xở thật nhanh trong con đường ngầm vừa thấp vừa hẹp, hấp tấp quay trở về doanh trại.

68

Qua tiếng rít và tiếng bụp bụp của không khí bị nhiễu loạn, giọng nói quen thuộc của người phát thanh viên vang lên xa xôi và khó nghe quá, nên vất vả lắm mới phân biệt được tiếng thì thào đang nhỏ dần. Thật khó hiểu và hoàn toàn xa lạ, như một lời kể lể dài dòng, buồn tẻ: "*Sáu trăm bốn mươi tám đại bác, một nghìn hai trăm linh bảy đại liên, mười tám nghìn súng trường, bốn triệu viên đạn, một tàu bọc sắt...*" Tiếng nói của người phát thanh viên biến mất. Điện đài im bặt. Một thời gian, mọi người ngồi im, nhìn cái máy thu thanh bọc vải, hy vọng được nghe tiếp. Xviatôxlap thất vọng, vặn cái núm tìm đài, cái kim lướt đi, anh đập nhè nhẹ xuống mặt bàn. Nhưng hoàn toàn vô ích, đài vẫn im bặt. Chỉ còn ngọn lửa nhỏ của bó đuốc phản chiếu le lói trên hộp sơn như một con mắt đang hấp hối. Không ai dám nói lên điều mình đang suy nghĩ. Họ sợ nói lên điều đó. Họ sợ nhầm. Họ không dám cựa quậy, sợ làm tiếng nói xa xăm kia hoảng sợ. Họ đã mong đợi nó quá lâu, quá tha thiết rồi...

— Chiến lợi phẩm! — Liônya Ximban nói, giọng nói thận trọng quá, xa xôi quá, dịu dàng và mơn trớn quá, làm mọi người

tưởng đó là một đấng thiên thần chứ không phải một con người.
— Các đồng chí, tôi cam đoan là chiến lợi phẩm!

Đột nhiên, Liônya nhảy lên, đồng thời lấy hết sức nện gót chân xuống đất, quẳng chiếc mũ vào tường rồi, không e thẹn và giữ gìn gì nữa, cả tiếng hét:

— Dù tôi có ba lần bị đày xuống địa ngục đi nữa, nhất định đó cũng là chiến lợi phẩm!

— Khoan đã — Secnôivanenkô nói và đưa ống tay áo lên lau mồ hôi trán — Khẽ chứ, các đồng chí!

Ông im lặng một lúc. Ông biết là thời cơ ã đến, là mọi người xô-viết đã nóng lòng chờ đợi với biết bao tha thiết, hy vọng và tin tưởng. Mặt ông nghiêm lại, tái xanh đi và đẹp hẳn lên nữa. Rồi ông nói, thong thả, rành rọt, như những lời nói từ đáy lòng phát lên:

— Các đồng chí, tôi chắc đó là một trận thắng lớn của Hồng quân trước Mạc-tư-khoa.

Và như cố ý, đúng ngay lúc đó, bình ắc-quy hỏng và điện đài bị tắt. Thật đáng tiếc. Secnôivanenkô bãi bỏ mọi công việc nặng, giảm nhẹ những nhiệm vụ khác, tuyên bố lệnh chuẩn bị. Mặc dù mọi cố gắng, mãi đến chiều hôm sau điện đài mới lại chạy. Cũng lúc đó, một bộ ăng-ten mới được chuẩn bị và có quyết định đến tối sẽ đem đặt lên một cồn cao không xa lối vào hầm mộ, như vậy sẽ nghe rõ hơn. Bộ ăng-ten này làm bằng những vật liệu ngẫu nhiên rất linh tinh, với mục đích để ngụy trang như một bụi cây gai hay một bụi ngưu bàng.

Tất cả đã sẵn sàng để nghe Mạc-tư-khoa. Chỉ còn chờ đến đêm nữa thôi.

Secnôivanenkô, Tulyakôp và Xviatôxlap đã sẵn sàng lên mặt đất bất kỳ lúc nào và bí mật đưa ăng-ten ra khỏi hầm mộ. Tulyakôp còn một nhiệm vụ khác nữa, anh phải bí mật tới thăm một vài nhà dân và, như người ta nói, để "ra mắt" với mọi người.

Anh đã nhiều lần bất ngờ xuất kích như vậy rồi. Thường

thường, anh đột nhập vào trong nhà — tất nhiên sau khi đã quan sát tình hình — anh đứng dừng lại lần nữa, rồi cất cao giọng nói vui vẻ.

— Chào đồng bào! Đã lâu lắm chúng ta không gặp nhau. Nhân đi qua nhà đồng bào, tôi nhớ lại những công dân xô-viết ở đây, những cử tri của tôi; tôi tự nhủ: phải vào chơi.

Các gia chủ mời anh ngồi vào bàn, hấp tấp bịt cửa sổ lại rồi cho một đứa trẻ ra gác ở ngoài phố. Tulyakôp bỏ mũ xuống, cởi khuy áo bờ-lu-dông da màu sặc sỡ ra rồi, rút lược thong thả chải lại tóc.

— Đừng sợ chúng — anh nói và nháy mắt về phía cửa sổ — Chính chúng phải sợ đồng bào! Chúng không còn được lâu nữa đâu.

Và anh bắt đầu bình tĩnh trò chuyện, đề cập đến mọi vấn đề đang làm nông dân bận tâm. Anh phổ biến tóm tắt những hoạt động quân sự, giải thích tình hình thế giới, đả kích tất cả các biện pháp của chính quyền chiếm đóng, chế giễu nền kinh tế và sự tuyên truyền của bọn phát-xít, nhận xét qua về cách thức đối phó trong trường hợp này hay trường hợp khác. Anh nói những chuyện đó hết sức tự nhiên và thoải mái, như không phải đang ở trong một làng bị chiếm, nơi lúc nào người ta cũng có thể bắt anh, truy ra lai lịch và giết anh tại chỗ, mà là trong một bầu không khí hết sức yên tĩnh của những đêm đông dài. Không những anh biết nói chuyện mà anh còn biết lắng nghe. Dần dà anh biết được rất nhiều điều quan trọng đối với công tác sau này của Ban chấp hành khu.

Thỉnh thoảng giữa một câu chuyện như vậy, lại nghe có tiếng gõ lo lắng ở cửa sổ, một dấu hiệu nguy hiểm. Mặc dù thế, Tulyakôp vẫn không tỏ vẻ vội vã. Anh thong thả đứng dậy, thong thả cài lại khuy áo, đội mũ vào rồi thở dài nói:

— Tôi đã ngồi, chơi lâu quá, Chắc nhà tôi đang trông. Tôi xin về đây. Chúc đồng bào khỏe mạnh, đừng quên chính quyền xô-viết. Xin hẹn bận sau.

Anh đi ra và biến mất như một bóng ma sau một góc kho cỏ nào đó trong vườn mây, hay sau một cái hầm hoặc một dãy hàng rào có những vò sữa để thành hàng.

Đôi khi anh thuyết phục chủ nhà, yêu cầu cho vay một ít bột mì, lúa mạch hay mỡ.

— Được bao nhiêu tốt bấy nhiêu, miễn không gây khó khăn cho đồng bào là được — anh nói và mỉm cười. — Lũ con tôi ở nhà đang đói.

Cụ già thông cảm gật đầu. Và sau khi nhận cái túi nhỏ, Tulyakôp ngồi ngay xuống bàn, viết cho chủ nhân một tờ biên lai hợp lệ về những thực phẩm đã nhận được nhân danh Ban chấp hành xô-viết những người lao động khu phố.

Có khi người ta bí mật gọi anh vào trong sân. Ở đó, có vài thanh niên cổ áo va-rơ bật lên, mũ đội sụp xuống tận mắt, đứng đợi anh trong bóng tối. Anh nói chuyện khe khẽ với họ một lúc, ra chỉ thị rồi để từ biệt, anh nói:

— Công tác cho tốt, anh em nhé! Còn tôi, tôi đi đây.

Như người ta thấy, những thanh niên như vậy ở đâu anh cũng có quen biết một vài người. Tất nhiên không ai hỏi anh ở đâu tới, anh sắp đi đâu. Người ta chỉ có thể phỏng đoán. Một điều rõ ràng là: anh luôn luôn ở gần, như thế có nghĩa là chính quyền xô-viết vẫn luôn luôn tồn tại bên cạnh, và chính cái chính quyền xô-viết ấy, chứ không phải một chính quyền nào khác, vẫn duy nhất chân chính và hợp pháp.

Từ lâu Tulyakôp không "ra mắt" mọi người, mà Secnôivanenkô lại rất quan tâm đến việc liên hệ với quần chúng, nên ông quyết định đêm ấy, Tutyakôp sẽ "đi dạo" một lúc để nghe ngóng ý kiến đồng bào.

Pêchya và Valentin về tới lối "Con Dím" đúng lúc Tulyakôp, sau khi đã kiểm tra vũ khí, bỏ thủ pháo vào túi và cử trinh sát đi trước, sắp sửa len qua cửa đầu tiên. Anh đã đặt chân lên bậc thứ nhất.

— Đồng chí Tulyakôp, đứng lại! — Pêchya thở hổn hển hét to.

Tulyakôp đứng dừng lại, chân vẫn co lên. Anh sững sờ nhìn Pêchya và Valentin. Chúng đứng tựa vào tường đá đường hầm, hớt hơ hớt hải không nói được, mặt đỏ bừng, mồ hôi nhễ nhại, thở khó khăn, bụi bặm đầy người từ chân đến đầu, với một cái đèn rung rung trong tay Valentin.

Chúng biết rất rõ có lệnh cấm chúng tuyệt đối không được lại gần lối ra. Đó là nghiêm lệnh của Secnôivanenkô. Nhưng chúng đã vi phạm! Điều đó vô lý quá khiến Secnôivanenkô mất cả bình tĩnh. Cơn giận làm ông tối tăm mặt mũi. Tính Secnôivanenkô rất nóng mặc dù ông cũng biết kìm giữ.

— Thế nào? — Ông nói và tiến đến bên Valentin, nắm lấy vai cô — Chúng mày làm gì thế? Chúng mày không đếm xỉa đến mệnh lệnh của tao à?

— Bác Gayrick... Pêchya nói khẽ, thu nhỏ người lại dưới cái nhìn của Secnôivanenkô.

— Im đi! — Secnôivanenkô nghiến răng nhắc lại rành rọt. — Các cháu không đếm xỉa đến mệnh lệnh của bác sao? Phải không? — Không thôi nhìn Pêchya, ông càng nắm chặt lấy vai Valentin. — Các cháu không đếm xỉa đến mệnh lệnh của bác sao? Phải không? Các cháu không đếm xỉa đến mệnh lệnh của bác, phải không?

— Chúng cháu không dám đâu — Valentin rền rĩ, trong nháy mắt từ một cô gái đã nhớn, cô trở lại một em bé sợ hãi.

— Bác hãy nghe chúng cháu nói đã — Pêchya nói. — Chúng cháu nói mà bác chả nghe... Bác có biết không, chúng đã đặt mìn ở cửa "Con Dím"

— Ai đặt mìn ở cửa "Con Dím" — Seenôivanenkô hỏi. — Cháu lúng túng gì thế?

— Bọn chiếm đóng hôm nay đã đặt mìn ở cửa "Con Dím". Bác hiểu rồi chứ? — Pêchya nói, khoái trá thấy tác dụng của những lời nói đó đối với Secnôivanenkô.

— Khoan... khoan...

— Thực đấy — Valentin hét lên.

— Đúng — Pêchya đệm thêm.

Và chúng tranh nhau kể, ngắt lời nhau, giọng hổn hển, tất cả những điều chúng nghe được khi ở bên giếng.

— Thế thì lại là một việc khác. — Secnôivanenkô nói, ông đã bình tĩnh lại. — Thế thì các cháu là những người dũng cảm. Xin lỗi, xuýt nữa bác đã đánh các cháu!

— Chết, sao bác lại nói thế! — Pêchya lễ phép, nói.

69

Những điều Pêchya và Valentin nghe được trong giếng nước có lẽ có tầm quan trọng quyết định đối với Ban chấp hành khu. Cuộc chiến đấu chống bọn chiếm đóng của những người hoạt động bí mật hầu như đã bước sang một giai đoạn mới. Cho đến nay, những người hoạt động bí mật mới phải xử trí với bọn hiến binh Rumani riêng lẻ, với bọn cảnh sát địa phương, hãn hữu mới phải đối phó với những toán tuần tiễu. Nhưng bây giờ tên chỉ huy Đức — xét qua những tin báo của các thiếu niên tiền phong — đã huy động cả một đơn vị bộ đội có cả đại bác để đánh lại họ. Hiển nhiên, nhóm nhỏ cán bộ bí mật ấy nấp dưới hầm mộ Uxatôvô đã bắt đầu gây khó khăn nghiêm trọng cho bọn Đức và bọn Rumani bằng những cuộc tấn công không ngớt vào các đường vận chuyển, vào bọn lính và sĩ quan riêng lẻ, bằng những đợt rải truyền đơn, phá đường dây thép. Và bọn phát-xít đã quyết định tiêu diệt phân đội du kích trong một trận lớn.

Secnôivanenkô không bao giờ đánh giá thấp các hoạt động

của Ban chấp hành. Kinh nghiệm hoạt động bí mật trước kia đã dạy cho ông biết là chỉ riêng cái việc có một tổ chức bí mật vô hình tồn tại, chưa nói đến những hành động trực tiếp của nó, cũng đã cổ vũ tinh thần của nhân dân, giúp cho họ tin tưởng vào chính quyền xô-viết bất diệt và làm tan rã tận gốc uy quyền quân sự của địch. Nhưng ông không ngờ xung quanh các chiến sĩ bí mật đã dựng lên một câu chuyện truyền thuyết. Và đối với điều đó, ông tỏ rõ thú vị. Thậm chí ông còn xoa tay rất mạnh và nháy mắt, nói:

— Đấy, các bạn thấy không, chúng ta bỗng chốc đã trở thành những nhân vật anh hùng. Chúng ta có phép tàng hình và hình như súng đạn đối với chúng ta không có tác dụng gì hết.

Không phải Secnôivanenkô thích thú vì uy danh, mặc dù uy danh cũng gây thích thú... Ông sung sướng thấy bọn địch đã sợ hãi đến mức phải điếu đến cả một tiểu đoàn bộ binh và một phân đội pháo để quyết tiêu diệt Ban chấp hành bí mật.

— A ha, chúng ta, chúng ta cũng anh dũng đấy chứ! — ông hét lên, thích thú ra mặt và thậm chí còn vỗ tay đôm đốp.

Tóm lại nỗi vui sướng của ông chỉ biểu hiện đến thế, rồi không để mất thì giờ, ông chuyển sang những hành động mà tình hình mới đòi hỏi một cách cấp thiết.

Thứ nhất, đối với mìn. Nếu quân địch thực tế đã rải mìn ở cửa "Con Dím" thì phải gỡ, nhưng phải làm thế nào để chúng không nhìn thấy.

— Nào đi xem thử những quả mìn ấy như thế nào đã. — Secnôivanenkô vừa nói vừa mang kính vào rồi ẩy Tulyakôp ra, đi thẳng về phía cửa hầm, dáng đi khéo léo như mèo.

— Đồng chí bí thư — Xviatôxlap hoảng hốt hét lên, nhảy xổ ra đằng trước, cản Secnôivanenkô lại.

— Cái gì thế? — ông nghiêm nghị hỏi.

— Đồng chí bí thư, đừng đi! Đồng chí giẫm phải mìn đấy... Để tôi đi cho.

— Chú thật là trẻ con! — Secnôivanenkô mỉm cười nói.

— Không đâu. Xin lỗi, việc đó đồng chí không được phép làm đâu.

— Sao?

— Việc đó đồng chí không được phép làm! — Xviatôxlap nhắc lại cương quyết, lấy lưng mình ngăn lối đi ra và không thôi nhìn Secnôivanenkô.

— Kìa, hay chửa — Secnôivanenkô ôn tồn nhỏ nhẹ. — Không được phép? Còn chú thì được à?

— Đúng thế, tôi thì được.

— Tại sao vậy, hay nhỉ! Tại sao với chú thì được mà với tôi thì không được?

— Bởi vì tôi là một chiến sĩ, đồng chí bí thư ạ, còn đồng chí thì khác.

— Anh có nghe không, anh Tulyakôp? — Secnôivanenkô nói, nhún vai chỉ Xviatôxlap.

Mặt ông sầm xuống và đanh lại.

— Macsenkô ạ, trên thực tế — ông vừa nói vừa quay về phía Xviatôxlap — khi tôi là một chiến sĩ thì bố chú có lẽ còn bò bốn chân dưới gầm bàn đấy. Hiểu chưa? Vậy, để tôi đi!...

Nói xong Secnôivanenkô gạt nhẹ Xviatôxlap sang bên.

— Đồng chí sẽ giẫm phải mìn mất! — Xviatôxlap sợ hãi, hét lên.

— Ồ, chú làm gì mà hoảng lên thế! — Secnôivanenkô nói, không ngoảnh lại, cứ bước qua khe cửa. Nhưng một phút sau, ông đã hiện trở lại, tuyết phủ dày từ đầu tới chân. — Các đồng chí xem, bão to quá! — ông gỡ tuyết bám ở mắt kính ra và xoa xoa mắt kính vào phía trong vạt áo ba-đờ-xuy.

— Cách hai bước, không còn trông thấy gì hết. Mùa đông thực sự rồi. Gió đông bắc!

Pêchya và Valentin, người như bị còng xuống, nhìn xem tuyết. Đó là tuyết trắng thực sự, mịn như lông tơ nom rất thích, mà Secnôivanenkô mang theo vào. Một hương vị tươi mát, hăng hăng tràn vào đầy trong động, làm người ta say sưa, choáng váng. Tuyết rơi, từng bông to từ chiếc mũ bịt tai, từ ống tay áo của Secnôivanenkô xuống. Nó ngả ra màu vàng dưới ánh sáng lờ mờ ngọn đèn bão và có một cái gì giống hệt như trong một buổi lễ, như cây Nôen với những bông tuyết mềm dịu có rắc bột băng toan. Nó thơm quá, tưởng như mùi quýt. Tóm lại, các em không thể nhịn được. Chúng xô vào bác Gayrick và bốc tuyết bám trên áo ba-đờ-xuy. Chúng nắm chặt tuyết trong ngón tay, vo lại, nặn thành những viên tròn nhỏ xíu. Chúng bỏ vào miệng mút đến nhức cả răng, nhức cả đầu. Rồi, như không thể rời ra được, chúng chơi "ném tuyết", cố ném trúng vào mặt nhau hay nhét những bông tuyết vào trong cổ áo nhau. Chúng làm ồn ào quá, Tulyakôp thường ngày vốn điềm tĩnh và ôn tồn cũng phải hét lên:

— Ô kìa, lũ trẻ con, vừa vừa với chứ! Đúng, hôm nay các cháu đã cứu các chú khỏi mìn, nhưng dù sao cũng phải có lễ độ chứ? Ầm ĩ thế đủ rồi đấy, chú lại đuổi ngay về trại bây giờ.

Rồi Pêchya và Valentin im thin thít như chuột nhắt vì sợ bị đuổi thực về doanh trại. Chúng sợ điều đó hơn tất cả, vì chúng định ở lại bên máy thu thanh để nghe đài Mạc-tư-khoa. Đối với những người hoạt động bí mật, đó là điều sung sướng nhất mà họ có thể mơ tưởng tới.

— Không được, đeo kính là chẳng làm nên trò trống gì hết — Secnôivanenkô nói, gập kính bỏ vào bao. — Thử không đeo kính xem... Xviatôxlap, đưa cho tôi cái gì như cái kìm hay tốt hơn, cái cặp.

Xviatôxlap lục trong túi mặt nạ và đưa cho ông cái cặp.

— Tốt đây, ta thử xem những quả mìn ghê gớm này ra sao. Có thể là chúng chỉ ở trong óc tưởng tượng của các cháu thôi — ông vừa nói, vừa vui vẻ nhìn Pêchya và Valentin, lúc này để khỏi quá

bị chú ý, đã lánh ngồi vào một xó, trên một đống đá.

Secnôivanenkô giắt cái cặp vào thắt lưng, đội ngay ngắn chiếc mũ vào, rồi lại chui qua cửa hầm. Lần này ông ở lại đến nửa giờ ở bên trên. Xviatôxlap và Xêraíim Tulyalvôp, với tư thế sẵn sàng, đứng ngay ở lối ra, súng lục cầm tay, để bất cứ lúc nào cũng có thể chi viện cho ông, ngay từ phút đầu.

Không có vẻ gì là nửa giờ hết! Người ta hay nói có những giờ chạy nhanh như những phút, và có những phút kéo dài hàng giờ. Nói chung, có thể là như thế. Nhưng trong trường hợp đặc biệt này, thời gian không kéo dài mà cũng không đi nhanh, thời gian đã mất cả khả năng vận động của nó. Thời gian đã ngưng đọng nặng nề. Nó treo đấy, bất động, trên đầu mọi người như một giọt nước đọng trên vòm hầm ngầm ẩm ướt và thấp lè tè đang sắp sửa rơi xuống bất cứ lúc nào, hay biến thành đá vĩnh viễn lơ lửng ở đấy. Thời gian im lìm và người trong động im lìm, họ đã mất ý niệm về thời gian. Họ chỉ còn là thính giác. Họ lắng nghe, căng thẳng, bất kỳ một tiếng nhỏ nào từ bên ngoài vào. Một con gió nhẹ thổi qua lỗ hổng. Tiếng gió giống như tiếng rít thoang thoảng của một viên đá mài. Gió lùa bụi tuyết vào, phủ lên thành cửa nghe rất khẽ. Chắc chắn, trên kia, bão đã nổi thực sự. Chung quanh, không gian im lìm, dày đặc gần như sờ được, cái im lìm báo hiệu một vụ nổ. Xviatôxlap và Xêrafim Tulyakôp im lặng, không cựa quậy. Họ như những pho tượng tạc trong đá hoa cương. Pêchya và Valentin ngồi sát vào nhau trên đống đá, cảm động, cắn ngón tay. Thỉnh thoảng, không chịu nổi cảnh im lặng, chúng thầm thì trao đổi những câu ngắn:

— Cậu nghe không?

— Có. Gió!

— Gió mạnh ghê thật.

— Bác Gayrick bảo đó là gió đông bắc.

— Rất tốt.

— Có cái gì mà rất tốt?

— Suỵt. Cậu nghe không?

— Có. Đó là tiếng tuyết rơi... Gió đông bắc thì có gì tốt?

— Vì ở bên ngoài, không trông thấy gì hết. Một trận bão lớn. Chúng sẽ không nhận thấy. Suỵt!

— Sao?

— Hình như... Không, chẳng có gì hết,

— Không thấy gì hết thì làm thế nào mà gỡ mìn.

— Bác ấy gỡ mò. Thế càng tốt.

— Càng tốt sao?

— Đúng thế, càng tốt. Gỡ mò, không bao giờ nhầm cả. Bằng mắt, còn có thể nhầm.

— Thế tuyết?

— "Tuyết" sao?

— Tuyết không làm cản trở bác ấy sao?

— Phải, có thể.

— Im. Cậu nghe gì không?

— Không.

— Nhưng tớ, tớ nghe. Bác ấy về. Cam đoan là bác ấy về!

Qua lối đi, tuyết luồn vào, và ngay lúc đó, trượt ngã, Secnôivanenkô cùng với tuyết rơi vào trong động, to lớn và trắng toát như một người tuyết: thậm chí cái mũi, y như của người tuyết, cũng đỏ như một củ cà-rốt. Trong cánh tay, ông mang một vật giống như một cái áo quan trẻ con.

— Một này! — ông nói, vẻ bận rộn, giọng khản đặc. — Lại đây, chiến sĩ! Cầm lấy, đừng sợ gì hết, tôi đã tháo hạt nổ ra rồi. — ông hất đầu chỉ cái thắt lưng; bên cạnh cái cặp, có giắt ống hạt nổ nhỏ bằng đồng. — Cầm lấy, tay tôi bị cóng. — Ông đã phải làm việc không có găng tay. — Thế mà cũng đòi là công binh! Không

đáng hai xu. Chúng đã đặt cái quan tài trẻ con ở chỗ dễ thấy nhất: với một người mù, nó cũng đập ngay vào mắt!

— Không đến nỗi tồi lắm. Cái đồ chơi trẻ con này cũng được khoảng hai cân đấy! — Xviatôxlap nói, tay nhấc nhấc cái hòm gỗ đựng mìn. Cho nó nổ để chúc mừng sức khỏe của đồng chí!

Secnôivanenkô mỉm cười.

— Cất nó đi, chắc nó sẽ có ích cho chúng ta.

Ông tìm trong góc hang một mảnh ván hòm cũ, lấy trong túi ra một con dao con, rồi nhanh nhẹn gọt từng mẩu, nhóm lại thành một đống nhỏ, bật bật lửa đốt lên, và hơ hai bàn tay giá cóng vào đống than hồng nhỏ.

— Ồ, ấm thật! ấm thật! — ông nói, xoa xoa những ngón tay bị cóng, tím bầm lại.

— Có lẽ tôi phải đi với anh để ngộ nhỡ có gặp phải bọn tuần tiễu của chúng chăng? — Tulyakôp nói.

Nhưng Secnôivanenkô chỉ cười và khoát tay.

— Không! đi làm gì? Tôi biết những nhà quân sự đó lắm. Giờ này chúng còn ngủ ấm ở các nhà dân trong làng, chẳng dại gì ló mũi ra ngoài, dù các cả vàng trên thế giới, như người ta nói. Nói chung, chúng không thích đánh nhau ban đêm, nhất là với cái tiết trời chó đẻ này nữa! Gió quay. Gió cuốn! Tuyết bay và lảo đảo từ đất đến tận trời, như một con ma. Mà đối với chúng, chúng lại không thích ma.

Secnôivanenkô rất phấn khởi, vui vẻ. Gương mặt ông tươi cười, nóng bỏng vì gió đông bắc quất. Hàng trăm nếp nhăn nhỏ bày ra tươi vui, tinh nghịch chung quanh con mắt, dưới hàng lông mi và lòng mày ướt, ông giẫm giẫm đôi bốt lách cách như người sắp nhảy.

Lần này, ông ở lại trên đó không kém một giờ. Nhưng vì ai nấy đều tin chắc thành công, nên giờ ấy qua rất nhanh, ông trở về nhanh hơn cả mong đợi của mọi người, ông xuất hiện đột

ngột. Hệt như lần đầu tiên, ông giống như một người tuyết và còn hơn thế nữa, vì bây giờ không phải chỉ có người và tay mà tất cả bộ mặt của ông cũng phủ đầy một lớp tuyết với đôi mắt đỏ rực. Ông ôm hai quả mìn.

— Hoàn thành nhiệm vụ! — ông vừa nói vừa trao cho Xviatôxlap mìn, cặp và hạt nổ. — Thế là được hai gói nữa. Cầm lấy. Chú xem. Chú còn nói tôi không phải là chiến sĩ nữa thôi! Vậy ai là chiến sĩ? — Và đồng chí bí thư thứ nhất, tươi cười, ngồi xổm xuống trước bếp lửa nhỏ.

70

— Điều đáng bực là mặc dù bên ngoài gió vẫn thổi như thường, nhưng theo ý tôi gió cũng đã bắt đầu nhẹ dần — Secnôivanenkô nói — Xviatôxlap, công việc của chú thế nào rồi, cái máy đã chữa được chưa?

— Dạ xong rồi, đồng chí bí thư ạ.

— Tốt! Nhưng nếu còn hỏng lần nữa, tôi sẽ chặt đầu chú đi đấy!

Secnôivanenkô xem đồng hồ và nhún vai:

— Có thể nào bây giờ đã bốn giờ mười lăm rồi nhỉ? Cái gì lạ thế này? Xêfafim, đồng hồ nhà ga của anh mấy giờ?

— Đồng hồ tôi đứng rồi.

— Thế của chú, Xviatôxlap?

— Nó cũng không chạy nữa.

— Này, các đồng chí, không phải chuyện đùa đâu nhá — Secnôivanenkô nói, giọng trách móc.

Ông tháo cái dây da đeo ở tay ra, lắc đồng hồ và áp vào tai. Ông nghe một lúc rồi nhún vai.

— Khó hiểu thật... Nó kêu tích-tắc như bị sốt phát ban ấy.

Tulyakôp, lấy móng tay dày khỏe, cậy nắp chiếc đồng hồ to tướng của mình ra, đưa lại gần đèn xem.

— Bị gỉ vì ẩm. Chẳng còn giá trị gì nữa. Cái của anh còn chạy đôi tí thì lạ thật...

— Đúng thế "đôi tí"! — Secnôivanenkô thở dài buồn rầu.

Thực tế cái điều đáng phải xảy ra từ lâu, đã xảy ra. Vì không khí trong hầm luôn luôn ẩm ướt, các đồng hồ đã bắt đầu bị phá hỏng. Cho dầu hỏa và lau chùi cũng không ăn thua. Bao nhiêu đồng hồ, cái trước cái sau ngừng chạy. Chiếc của Secnôivanenkô đã cầm cự được lâu hơn các cái khác. Nó đang sống những phút cuối cùng của nó. Với tất cả những khó khăn khác, lại cộng thêm một khó khăn mới nữa: thiếu giờ giấc chính xác. Và điều chú yếu là việc này lại xảy ra đúng lúc rất cần đến đồng hồ. Nếu máy thu thanh chỉ chạy bằng điện thành phố, thì còn khả dĩ có thể cắm dây vào máy mà chờ. Nhưng máy thu thanh lại chạy bằng điện ắc-quy rất yếu, rất bất thường. Chỉ nửa giờ hoạt động là đã tiêu hết tất cả điện năng dự trữ. Cần phải nối dây vào thật đúng lúc bắt đầu bản tin, để không phí một phút nảo.

— Đến phải có một con gà để nó báo giờ cho chúng ta mới được — Secnôivanenkô thất vọng nói.

Ông ngước mắt nhìn lên trần, soát lại trong trí nhớ tất cả những công việc đã làm hôm đó, ước lượng số thời gian đã phải bỏ ra cho mỗi công việc, ông hy vọng, bằng cách đó, ít nhất cũng áng chừng được lúc ấy là vào khoảng mấy giờ rồi.

— Phải đến tám giờ, tám rưỡi rồi. — Cuối cùng ông nói. — Phải không?

— Chừng thế thật — Tulyakôp nói. Anh cũng đang tính toán nhưng không nhìn lên mà lại nhìn xuống đất và lặng lẽ mấp máy môi.

— Này, trong lúc chờ đợi, chúng ta hẵng đi đặt ăng-ten đã.

Secnôivanenkô giơ đứng bàn tay lên và làm bộ nghe ngóng một lúc tiếng tuyết rơi chất đống lại trên tường cửa hang.

Trước khi để cho anh em đi ra, Tulyakôp nhắc lại một lần nữa, tóm tắt, những tỉ mỉ, nhiệm vụ phải thi hành và chỉ dẫn lại lần nữa cho từng người trách nhiệm trong công tác. Có thể tưởng đó là một cái gì lớn lao lắm. Nhưng tất cả công việc tóm tắt lại chỉ có mang bộ ăng-ten lên trên, đặt nó vào đâu đó giữa trời, không xa lối vào, nối nó bằng một sợi dây vào máy thu thanh và đảm bảo canh gác ăng-ten trong thời gian nhận tin của Thông tấn xã xô-viết. Tất cả chỉ có thế. Tưởng như có thể tránh được những thủ tục vô ích này. Nhưng Tulyakôp đã lặp đi lặp lại nhiều lần thật tỉ mỉ các bước công tác, hết hỏi chung lại hỏi riêng từng người một, xem họ đã thật hiểu chưa. Cuối cùng, như để tự kiểm tra mình, anh lại nói lại một lần cuối cùng nữa:

— Vậy, thế này nhé: theo mật hiệu của tôi, đồng chí Xviriđôp sẵn có một khẩu súng trường sẽ mang bộ ăng-ten dời lên trên kia (trước hết là phần trên rồi đến cột trụ); anh sẽ lắp ráp lại tại chỗ, rồi nhanh chóng mang toàn bộ ra xa hơn, ở chỗ định đặt. Chỗ đặt, vì tình hình, không được để gần lối ra dưới mười mét mà cũng không được cách xa quá bảy mươi mét. Tiếp sau Xviriđôp, lại theo mật hiệu của tôi, Ximban sẽ đi ra mang một khẩu súng trường, bám sát lấy Xviriđôp, chăng dây và nhanh chóng mắc vào cần ăng-ten, rồi trở về cửa "Con Dím", và ở lại đó quan sát cho đến hết giờ nhận tin của Thông tấn xã xô-viết, nghĩa là cho đến khi có mật hiệu của tôi. Nếu trong thời gian đó, thấy có người lạ mặt đến gần ăng-ten, đặc biệt nếu là một toán tuần tiễu phát-xít, anh cứ nổ súng ngay không cần bảo trước; đó cũng sẽ là mật hiệu để cho số người dự bị của tôi bước ngay vào chiến đấu và dưới hỏa lực của họ, họ sẽ bảo đảm an toàn tuyệt đối cho buổi nhận tin không bị gián đoạn.

— Được, hẵng cho là như vậy đi, tuy đêm nay, tôi không tin là địch sẽ hoạt động — Secnôivanenkô nói. — Chúng đã cài mìn và yên trí chờ chúng ta giẫm phải mìn. Hơn nữa, bên ngoài, trời

băng giá mà chúng thì không thể chịu được rét.

— Cái đó không quan hệ. Chúng ta vẫn phải đề phòng mọi bất trắc.

— Đồng ý.

— Chúng tôi đi ra được rồi chứ?

— Hượm một tí. Xviatôxtap ở lại dưới đất và lo điều chỉnh máy thu thanh theo làn sóng Mạc-tư-khoa. Cứ mười phút, mười lăm phút, cậu lại cắm máy kẻo nhỡ mất buổi phát thanh và cũng để khỏi tiêu phí điện vô ích. Lúc bắt đầu phát thanh, phải thử lấy cho thật đúng âm thanh và ghi lấy tất cả. Đã hiểu chưa, cậu chiến sĩ?

— Hiểu rồi ạ, — Xviatôxlap vui vẻ đáp,

— Còn các cháu, — Secnôivanenkô nói với Pêchya và Valentin — vì hôm nay các cháu đã giành được quyền ở lại đây, trong khi nghe thông cáo, các cháu cũng ghi lại những điều nghe được, phòng trường hợp Xviatôxlap có nhỡ bỏ sót điều gì chăng. Xong, chúng ta sẽ đối chiếu ba bản với nhau. Rõ cả chứ?

— Rõ! — Pêchya và Valentin đồng thanh hét lên.

— Nhưng không được làm ồn. Và phải đứng đắn! Xviatôxlap là anh lớn, các cháu phải tuyệt đối nghe lời anh, không được cãi lại. Đây coi như sát hạch các cháu, xem các cháu đã chín muồi trong công tác bí mật chưa. Các cháu có giấy và bút chì không?

— Cháu có rồi! — Pêchya nói, chú luôn luôn có giấy và bút chì bên mình.

— Cháu không có — Valentin luống cuống nói.

— A, ha! — Pêchya đắc thắng, hét lên. — Thế mới biết thế nào là một cô bé thôn.

Nhưng Secnôivanenkô đã nghiêm khắc nhìn chú và nói:

— Chia giấy và bút chì ra! Thôi Xêraiim Ivanôvich bắt đầu được rồi đấy.

Tulyakôp đi ra ngoài và vài phút sau, người ta nghe mật hiệu của anh, một tiếng còi thận trọng. Ngay lúc đó, Xviatôxlap chộp lấy bộ ăng-ten lắc la lắc lư, đầu tiên cho phần trên hình bụi cây qua lỗ cửa, rồi đến cái trụ. Theo vết chân anh, Lêônit Ximban đi ra khỏi hang, mang theo một cuộn dây trên vai. Secnôivanenkô đi sau rốt.

Trong hang, còn lại Pêchya, Valentin và Xviatôxlap. Anh buộc nhanh đầu dây ăng-ten vào máy thu thanh, kiểm tra lại dây đốt, một lưỡi lê cắm xuống đất, ngồi xổm xuống trước cái thùng, trước mặt để một quyển vở và một cây bút chì. Pêchya và Valentin sốt ruột không thể tưởng được, cố đợi đến lúc buổi phát thanh Mạc-tư-khoa bắt đầu. Chúng đã chia nhau giấy từ lâu, và lấy lưỡi dao bào cắt đôi cây bút chì ra. Chúng đã có đủ thì giờ để cãi nhau và làm lành với nhau trong việc chia hai mẩu bút chì. Chúng khuân được hòn đá lớn đến để ngay gần Xviatôxlap và bày dụng cụ văn phòng lên đó. Chúng đã mấy lần quỳ xuống, viết lên giấy: "Thử bút chì" và Pêchya còn vẽ xong một bức biếm họa về Valentin. Hình vẽ cô bé khá thành công, chỉ tiếc cái mũi dài quá và cánh tay hơi dang rộng, nhưng dù sao cũng khá giống; từ trong miệng, phun ra một dòng chữ: "Hình một con bé thôn". Xviatôxlap đã nhiều lần thử máy, con mắt thần đã bắt đầu ánh lên, nhưng vẫn không nghe thấy một âm thanh nào cả, chỉ có tiếng ùng ục không rõ. Chắc chắn là Xviriđôp chưa đặt được ăng-ten, mà Ximban cũng chưa mắc được dây. Sốt ruột phát điên lên được.

— Ôi, lạy Chúa! Đúng là một trừng phạt! — Valentin nói đi nói lại nhiều lần, bực bội vuốt tóc xõa trên mặt.

Cô tì khuỷu tay lên vai Xviatôxlap, nhìn thẳng vào anh và hỏi:

— Có việc gì xảy ra thế? Anh không biết tại sao nó cứ thế mãi à?

— Anh không thể nói được — Xviatôxlap trả lời khô khan và ôn tồn.

Nhưng em cứ chằm chằm khẩn thiết nhìn anh bằng đôi mắt

xanh, sáng ngời như muốn đẩy thời gian đi nhanh lên.

— Cứ làm như tự anh ấy không bằng! Pêchya cảm thấy bực dọc lạ lùng. — Cậu cứ quấy rầy anh ấy không cho anh ấy làm việc.

— Anh ấy chưa làm việc.

— Phải, nhưng có thể bất thình lình, anh ấy làm việc.

Valentin bỏ bàn tay đặt trên vai Xviatôxlap xuống, thở dài sốt ruột, rồi lại viết lên giấy: "Thử bút chì" "Thử bút chì" "Thử bút chì" "Mạc-tư-khoa Thông tấn xã xô-viết" "Mạc-tư-khoa Thông tấn xã xô-viết..."

— Ôi chao, lạy Chúa! Đúng là một trừng phạt!

Thỉnh thoảng Pêchya và Valentin, không ngồi yên được, lại đứng dậy đi đi lại lại trong động, đứa đi ngược đứa đi xuôi, đụng vào nhau và không chịu nhường nhau. Chúng bắt đầu hích nhau và đã muốn đánh nhau thực sự, nhưng Xviatôxlap hét lên làm ra vẻ nghiêm khắc.

— Ấy, các em! Tổ chức thiếu niên tiền phong! Khe khẽ một tí chứ!

Thỉnh thoảng chúng thận trọng lại gần lối ra và nghe ngóng một lúc lâu. Một bận, thấy Xviatôxlap không để ý, chúng đã cả gan trườn cả ra khe cửa. Chúng liếc nhìn nhau và hiểu ngầm với nhau. Nín thở và cố không gây nên tiếng động, chúng len qua lỗ hổng. Bám vào tường, chúng định trèo lên lối đi tối tăm. Bỗng một cơn gió lạnh buốt đập vào mặt và quang cảnh đêm đông ma quái diễn ra trước mắt chúng.

Tất cả đều phủ dưới một lớp tuyết nhấp nhô. Gió thổi làm tuyết nhảy múa cuồn cuộn như những đám khói trắng. Bóng trăng ngũ sắc như đuổi theo những lớp mây chất thành đống, thỉnh thoảng lại biến mất trong một lớp mờ đục để rồi lại nổi lên lềnh bềnh chói lọi như lân tinh. Và những bóng mây, đuổi theo nhau, hòa vào nhau, đùa giỡn trên mặt tuyết lấp lánh như những sinh vật kỳ dị, không hồn.

71

Ngập trong tuyết đến tận thắt lưng, Pêchya và Valentin trèo lên phía trên cái khe và trông thấy không xa chỗ chúng, ba con quỷ lùn đang làm việc bên một cây Nôen chói lọi, tuyết bám đầy. Chúng biết cây Nôen đó là cái trụ ăng-ten và những con quỷ là Xviriđôp, Ximban và Tulyakôp. Ngay lúc đó, nghe có tiếng còi nhẹ và mấy con quỷ, con trước, con sau, đi về phía cái khe. Pêchya và Valentin nhảy lùi lại đàng sau, ngã nhào, lăn tròn xuống dưới. Một lúc sau, chúng đã ở trong hang, huých nhau cười rúc rích.

Xviatôxlap không biết chúng vắng mặt. Anh đang để hết cả tâm trí vào buổi phát thanh Mạc-tư-khoa. Ngay lúc ăng-ten vừa đặt xong, anh đã bắt ngay được Mạc-tư-khoa. Đó là bản thông cáo buổi tối. Bình ắc-quy vừa được chuyền điện phát ra một dòng điện rất tốt, và buổi nhận tin, hoàn hảo. Xviatôxlap mở hết cỡ máy và tiếng nói Mạc-tư-khoa vang lên suốt trong động. Người phát thanh viên cố nói từ từ, nhưng quả thật anh không nén được xúc động. Lời anh tuôn ra đòn dập, trang nghiêm: Vôlôkôlamxk!! Mojaitx! Ixtra! đường Vôlôkô-lamxk!

Xviatôxlap cúi sấp trên mặt đất, cố gắng lắm mới ghi chép được. Từ âm thanh đầu tiên, cả doanh trại đã đổ tới, chen lấn nhau trong lối đi chật hẹp, gò người xuống, cố chạy, Xtrenbixki, Matriôna Têrenchiepna, Raitxa Lvôpna, Anghêliđi, những anh em du kích của phân đội Tulyakôp mang súng trường, đèn bão, đèn pin, bụi phủ kín từ đầu đến chân, những gương mặt trang nghiêm, những đôi mắt ngời sáng vì xúc động, những đôi mắt trong đó phản chiếu ánh lửa nhỏ lung lay của những ngọn đèn "pha". Những lời nói thần diệu cứ vang lên, vang lên, làm tràn ngập cả hầm tin chiến thắng, báo hiệu sự tan rã của quân Đức trước Mạc-tư-khoa.

Hôm ấy, không ai ngủ lại trong trại ngầm. Mọi người đều đến quầy quần ở "Góc đỏ".

Những ngón tay nhỏ của Liđya Ivanôpna nhẹ nhàng lướt nhanh trên mặt máy, đánh bản thông cáo của Thông tấn xã xô-viết do Secnôivanenkô thảo ra, dựa theo ba bản ghi chép của Xviatôxlap, Pêchya và Valentin

Nhưng như thế chưa đủ, Secnôivanenkô còn ra lệnh nhân bản thông cáo ít nhất thành hàng trăm bản và lúc này tất cả mọi người hoạt động bí mật đều ngồi, cả ở chung quanh chiếc bàn đá, sao lại bản thông cáo dưới ánh sáng lờ mờ của ngọn đèn bão. Ngoài bản thông cáo, còn phải nhân tờ truyền đơn mà Secnôivanenkô đã dày công thảo ra nữa. Mọi người đều hiểu rất rõ là không được bỏ phí thời gian và phải gấp rút đuổi cho kịp những bước đi nóng bỏng của chiến thắng. Không đơn giản, nhưng cũng không dễ dàng gì mà trong một đêm nhân được bản thông cáo và tờ truyền đơn lên mỗi thứ một trăm bản trong ánh sáng nhá nhem, giấy lại xấu với bàn tay tê cóng. Nhưng ai nấy đều quá phấn khởi, vui sướng, mọi người cảm thấy quá thích thú, được tự tay mình ghi lên giấy những chữ chiến thắng đã thiết tha mong đợi và cuối cùng đã tới, nên đêm ấy không ai thấy mệt mỏi, ẩm ướt, giá lạnh, cũng như đói khát. Mọi người đều cùng một niềm phấn khởi và trò chuyện một cách vui vẻ, thảo luận các chi tiết trong bản Thông cáo.

Nhưng người đắc thắng nhất là Pêchya. Ngoài niềm hân hoan chung, chú còn một lẽ nữa rất cá nhân để cảm thấy như một ngày hội riêng của mình. Vì ở đây, chú là người duy nhất chính cống gốc rễ ở Mạc-tư-khoa. Trận chiến thắng lớn trước Mạc-tư-khoa, thành phố quê hương của chú, dưới con mắt của riêng chú, đã làm chú lớn lên. Chú tự coi mình như kẻ thắng trận. Chú bỗng trở nên trung tâm được mọi người chú ý. Mà cũng không có gì là lạ. Tất cả những tên của miền trung Nga — Vôlôkôlamxk, Môjaitx, Ixtra, Khimki, Vênigôrôt — tất cả những tên đó đối với chú, không phải chỉ là những khái niệm về địa lý, mà là những nơi rất quen biết ở lân cận Mạc-tư-khoa mà chú đã từng ở đấy.

Chú bỗng trở nên người duy nhất thành thạo và chuyên gia về vùng Mạc-tư-khoa. Bởi vậy mọi người luôn luôn hỏi chú về những chuyện rất khác nhau và chú đã trình bày lại rất nghiêm trang với một thái độ khiêm tốn, dè dặt của một người anh hùng thực sự.

— Này, Pêchya — Lêônit Ximban hỏi, bỏ dở bản sao — Ixtxa ở cách Mạc-tư-khoa bao nhiêu ki-lô-mét?

— Để xem — Pêchya đáp — làm thế nào giải thích được cho chú đây... Nếu theo đường chim bay, thì cháu không thể nói một cách chính xác được, phải nhìn vào bản đồ. Nếu theo đường Vôlôkôlamxk mà đi bằng ô-tô thì phải năm mươi hay năm mươi lăm phút. Cũng có thể hơn một tí. Cái này còn tùy ở ô-tô. Một hôm, cùng với bố, chúng cháu đã đến Ixtra trong một chiếc M-l và đã phải mất một giờ mười lăm phút. Chú xem. Cháu ước vào khoảng từ bốn mươi lăm đến sáu mươi ki-lô-mét.

— Thế cháu đã ở đấy rồi à?

— Đúng thế, cháu vừa nói với chú rồi.

— Thế nào! — Ximban reo lên, mắt sáng ngời. — Cháu đã ở Ixtra rồi sao?

— Đúng thế. Nhiều lần rồi — Pêchya nói, mỉm cười khiêm tốn.

— Phong cảnh đẹp chứ?

— Một trong những vùng lân cận Mạc-tư-khoa đẹp nhất. Chú có biết không, một trong những thành phố nhỏ toàn cây xanh. Ở đấy, nhà văn Sêkhôp đã sống một thời gian. Hai bố con cháu đã đến thăm ngôi nhà nhỏ ông ta đã ở.

— Các đồng chí thử nghĩ xem, bọn bẩn thỉu đã đốt sạch cả một thành phố nhỏ đẹp đẽ như vậy!

— Bản thông cáo nói bọn phát-xít đã phá đổ cả tu viện Tân Jêrudalem — bà Matriôna Têrenchiepna nói. — Pêchya, cháu có trông thấy tu viện Tân Jerudalem không?

— Tất nhiên. Chứng cháu đã có đến thăm.

— Chỗ ấy có đẹp không?

— Cháu không biết. Cái đó còn tùy theo ý thích của mỗi người. Riêng với cá nhân cháu, cháu thấy rất thích.

— Nó có cổ không?

— Cháu biết nói thế nào được. Cháu nghĩ có từ thế kỷ mười sáu hay mười bảy gì đó thì phải.

— Thế mà chúng đã phá đổ mất! — bà Matriôna Têrenchiepna thở dài. — Chúng không từ cả một công trình đẹp đẽ như vậy!

Pêchya trố mắt nhìn và trông thấy Ixtra bốc cháy với cảnh tu viện bị tàn phá. Không biết tại sao chú lại hình dung ra một đêm trăng mờ khói, tuyết sáng ngời và ngôi nhà nhỏ của Sêkhốp bị những cột khói và lửa vừa đó vừa đen vây kín tứ phía, giao nhau bên trên mái nhà sụp đổ như hai vị thần linh, thần ác và thần thiện. Rồi chú hình dung ra những xác chết xám xịt của bọn phát-xít với những hố mắt chứa đầy băng sáng ngời, đỏ rực vì lửa cháy và những đống tuyết. Có những khẩu đại bác bị phá hủy nhô lên và trên bầu trời, một vành trăng lạnh, ngũ sắc, đang cố chạy trốn, khi ẩn khi hiện, sáng rực như một khối lân tinh chói lọi, và phía trước nó, những lớp mây khuya lướt trôi như một đoàn ky binh ma quái, vừa phi vừa lắc bờm, lắc mũi và tấm áo khoác sương mù.

72

Họ làm việc suốt đêm và gần như đến tận sáng, nghĩa là đến tận giờ giả thiết là sáng, vì tất cả đồng hồ đã hỏng hoàn toàn và không ai còn biết chính xác là giờ nào nữa. Họ đã chuẩn bị được

một trăm bản thông cáo và một trăm tờ truyền đơn. Lần này, để đề phòng bất trắc, họ không đi ra bằng cửa "Con Dím" nữa vì đã quá lộ với địch rồi, mà bằng một cửa thứ hai, xa hơn, cửa "Con Vịt", mà chỉ có thánh mới ngờ tới. Để đến đó, qua những lối ít đi nhất của con đường mạng nhện, cũng phải mất không dưới hai tiếng đồng hồ. Họ mang theo ba cái đèn.

Dẫn đầu là Secnôivanenkô với một cây đèn, sau ông, không mang đèn là Xviatôxlap, rồi sau Xviatôxlap là Ximban, theo sau có Xêrafim Tulyakôp với một cây đèn, và sau Xêrafim Tulyakôp là Xviriđôp. Có hai chiến sĩ của phân đội Tulyakôp đi theo, dẫn họ lới tận cửa "Con Vịt", rồi lấy đá lấp cửa lại và ở đó canh gác đến khi họ trở về.

Chống nạng ngắn, họ từ từ tiến trong hành lang như những cụ già, rồi lẩn dần vào bóng tối. Người ta còn trông thấy một lúc nữa xa xa ánh sáng của những ngọn đèn. Nhưng những ngọn lửa nhỏ đục ngầu nối tiếp nhau biến mất rất nhanh ở một chỗ ngoặt rồi tất cả bị bóng tối dưới đất nuốt chửng.

Xtrenbixki ở lại hầm mộ phụ trách chỉ huy. Trước hết, phải phòng thủ doanh trại, đề phòng khả năng một cuộc tấn công qua cửa "Con Dím". Không có gì phức tạp nhưng nó đòi hỏi nhiều cố gắng về thể lực.

Xtrenbixki phân phối khí tài công binh cho mọi người, bản thân anh cũng lấy một cái cặp và một cái cuốc, rồi họ đi thẳng về phía cửa "Con Dím". Họ đưa rađiô từ trong động ra và đặt vào chỗ sâu nhất của đường hành lang ngầm, hơi xa cửa một tí. Cũng tại đây, họ để cẩn thận những hòm mìn lấy được của địch. Rồi Xtrenbixki xem xét lại cửa, nhìn ra bên ngoài nhưng không thấy gì khả nghi. Như Secnôivanenkô dự đoán, gió đã dịu xuống. Mặt trời lấp loáng trên những đồng tuyết, trên lớp tuyết nhấp nhô một màu trắng nhức mắt. Những vết chân tối hôm qua từ cửa "Con Dím" đến cột ăng-ten gần như không nhìn thấy nữa, vì đã phủ tuyết mới, nhẹ như lông tơ thiên nga. Nhưng "gần như không nhìn thấy" không có nghĩa là "hoàn toàn không nhìn thấy". Dù sao, dấu vết vẫn còn nhìn thấy được, và qua lớp

tuyết sáng chói dẫn đến tận cửa "Con Dím". Dựa theo những dấu vết khó nhìn thấy đó, bọn địch có thể kết luận là đã có người từ hầm mộ đi ra và như vậy là mìn của chúng đã bị gỡ.

Xtrenbixki đứng lại một lúc, thò đầu ra ngoài lỗ hổng, khoái trá thở hít không khí trong lành, hăng hắc như mùi a-mô-ni-ắc.

Chung quanh cột ăng-ten, gió dồn tuyết lại thành một đống không thể đoán ra cái gì nữa: nếu có ai nhận ra đống tuyết, chắc chắn họ cũng tưởng đó là một bụi cây từ năm trước còn lại. Chung quanh không một bóng người.

Trên mặt tuyết lặng lẽ như tờ, chỉ xa xa, vọng tới một điệu kèn tập hợp: hình như ở Uxatôvô có một đơn vị đóng.

— Phải, hôm nay khó mà dán được truyền đơn! Rất khó! — Xtrenbixki nói, một làn hơi nước dày từ trong miệng bay ra.

Rồi anh đi xuống, ra lệnh chặn lối đi ngầm lại ở khoảng giữa hang và doanh trại. Anh đã chọn chỗ hẹp nhất, ở chỗ mà chỉ có bò mới đi qua được. Những người hoạt động bí mật cầm cưa xẻ những phiến đá ra rồi bịt kín lối đi lại. Cách phía doanh trại vài chục mét, họ dựng một ụ chướng ngại vật nữa bằng đá, nhưng còn để lại vài lỗ châu mai qua đó có thể ngắm bắn.

Đó là một công việc rất vất vả, khó nhọc, phải công phu lắm mới lấy cặp kéo được những tảng đá ra, lấy cưa xẻ thành gạch, rồi mang đến chỗ đã chọn để dựng chướng ngại vật. Họ làm việc trong tư thế cúi gập người, thỉnh thoảng phải nằm hẳn xuống. Cát, bụi và vỏ hàu phủ lên quần áo, lên tóc tai, làm họ không thở được. Ở vào chỗ vòm hầm thấp, bị nước ngầm xói mòn, treo lơ lửng trên đầu họ nhưng quả cầu nặng bất cứ lúc nào cũng có thể vỡ tung ra để đè bẹp mọi người. Ai nấy, móng tay bong ra, mồ hôi nhễ nhại, gần như mất hết cả tri giác. Pêchya và Valentin không chịu kém người lớn.

— Từ từ chứ, các đồng chí! Đừng hăng quá thế! Phải để dành sức — Xtrenbixki nói. — Đừng vội. Dừng lại đã. Ngồi xuống, nghỉ đi.

Nhưng họ làm bộ không nghe thấy, cố tranh thủ chặn ngay lối đi lại. Họ làm việc phấn khởi, vui vẻ. Tinh thần chiến thắng đã thâm nhập vào họ, tăng sức họ lên gấp bội. Xtrenbixki phải dùng đến quyền chỉ huy của mình.

— Dừng lại! Nghỉ mười phút. Tôi hạ lệnh — Anh nói nghiêm khắc. — Dừng lại!

Lúc bấy giờ họ mới đành phải miễn cưỡng tuân theo. Ai nấy nằm dài xuống đất, đầu tựa vào bức tường ẩm ướt và nhắm mắt lại. Nhưng ngay trong những phút nghỉ ngơi thoải mái ấy, họ cũng tưởng như đang cùng Hồng quân đánh đuổi, truy kích và tiêu diệt quân địch trước Mạc-tư-khoa. Thể xác họ nghỉ ngơi nhưng tinh thần họ luôn luôn căng thẳng vì chiến thắng, không tài nào nghỉ ngơi được.

Khi bức tường cuối cùng đã được dựng lên và củng cố, Xtrenbixki ra lệnh mang đến một khẩu liên thanh và đạn. Anh đặt nó vào lỗ cửa, để năm sáu quả thủ pháo xuống đất và tuyên bố mình sẽ ở lại gác ở đấy, ra lệnh cho mọi người đi nghỉ.

Pêchya lần đến cái giường đá, nơi chú thường ngủ với những người khác, nằm xuống, lấy tấm chăn ẩm và không cả sửa lại cái túi dưới đầu, chú lăn ra ngủ. Nếu trước đây sáu tháng, có ai bảo chú sẽ ngủ một mình trong một cái động ngầm, trong bóng tối, với bọn phát-xít ở trên đầu, thì chú không thể nào tin được. Chỉ vì chú không thể nào ngờ tới chuyện đó. Nhưng bây giờ chú đã nằm dài một mình trên một cái giường đá, mươi, mười lăm mét sâu dưới đất, trong bóng tối tuyệt đối; chú thấy điều đó hoàn toàn tự nhiên và không cảm thấy sợ hãi tí nào. Kiệt sức, sau một đêm không ngủ và làm việc mệt lử, chú không còn đủ sức đi uống nước nữa, mặc dù rất khát. Chú ngủ thiếp đi ngay, hay đúng hơn là chú không ngủ mà đã mất cả tri giác. Chú chìm đắm vào trong những bóng tối dày đặc hơn cả bóng tối đang vây lấy chú trong hầm...

73

Trong khi đó, nhóm Secnôivanenkô đã ra khỏi hang với súng trường, túi dết. Người ta có thể cho đó là một sự điên rồ, nhưng Secnôivanenkô rất tin ở công việc mình làm. Có những trường hợp mà tốt hơn hết và chắc chắn hơn hết là phải xông lên. Quân đội Rumani mới đến chiếm đóng nên không thể biết được từng người dân, dù chỉ biết một cách đại khái. Chúng chưa biết hết bọn cảnh sát địa phương. Bất kỳ người nào bận thường phục hay quần áo nhà binh với một khẩu súng trường sau lưng, theo chúng, cũng chỉ có thể là một tên cảnh sát. Secnôivanenkô ra lệnh cho người của mình đeo một mảnh băng trắng vào cánh tay trái.

Ông dự tính lên tới được mặt đất trong đêm tối, trước lúc trời sáng. Nhưng đã phải tiến quá chậm để ra tới cửa mới "Con Vịt". Cuối cùng khi họ nhô lên được mặt đất thì mặt trời vừa mọc. Secnôivanenkô quyết định dù sao cũng phải tiến. Dù thế nào, cũng phải ra mắt mọi người, mừng chiến thắng với họ, thông báo cho biết tình hình tan rã của quân Đức gần Mạc-tư-khoa.

Nhìn chung quanh trên những ngọn đồi, thấy có những vườn cây với tường đá thấp bao bọc, những con khe hẹp dài tuyết, các kiểu nhà kho bằng đá gần đổ nát. Ở bên dưới, con đường Hatji-Bây chạy ngoằn ngoèo, buổi sáng còn vắng tanh, và ở phía bên kia là thảo nguyên bao la, tuyết phủ chói lòa, với những mảnh gương xanh của đầm nước mặn, nom như những quả cây ướp lạnh. Ngay trên đường chân trời, ba vầng mặt trời mờ mờ đỏ tỏa sáng, một vầng thật và hai bên hai vầng giả. Hiện tượng này báo hiệu cảnh băng tan bất thường rất đẹp và rất kỳ quái, khiến mọi người bất đắc dĩ phải ngắm xem không biết chán cái cảnh thiên nhiên bí hiểm đó. Mọi người cho đó là một điềm lành. Nhưng chẳng mấy lúc những mặt trời giả đã tan đi, biến mất và trên bầu trời, chỉ còn lại có một mặt trời, mặt trời thật, mặt trời chiến

thắng. Cũng vầng mặt trời ấy lúc này chắc chắn đang lạnh lẽo tỏa sáng trên các khu rừng ở Vôlôkôlamxk, soi rõ xác quân thù với những đại bác, chiến xa, xe tải bọc sắt bỏ lại, tan tành, của bọn phát-xít.

Nhóm Secnôivanenkô tản ra nhiều hướng khác nhau theo kế hoạch định trước. Chỉ khoảng ba hay bốn giờ sau, họ mới phải tập kết lại ở cùng một địa điểm sau khi đã tới Kuyannich, Nêrubaixkôiê, Uxatôvô, công viên Hatji-Bây, để dán vào bất cứ chỗ nào có thể dán được, những tờ truyền đơn báo tin chiến thắng lớn trước Mạc-tư-khoa và bản thông cáo của Thông tấn xã xô-viết. Người nào cũng biết rất rõ địa phương, nên việc lựa chọn một con đường thuận tiện nhất và những ngõ ngách chắc chắn nhất không có gì khó khăn. Rét đã giúp họ. Nhân dân không ra khỏi nhà, mà bọn tuần tiễu Rumani và cảnh sát địa phương thì thích ở trong sân sưởi than hồng. Ngay giữa đồng, trong các vườn cây, các sân sau của các nhà nghỉ mát, thậm chí cả trên đường phố, hoàn toàn vắng vẻ.

Secnôivanenkô đảm nhiệm làng Uxatôvô. Người nhỏ bé, băng tuyết phủ kín, khấu súng trường trên vai, một mảnh băng ở ống tay áo, ông bước thong thả trong tuyết sâu, bàn tay thọc trong ống tay áo và thỉnh thoảng lại giậm chân; nom ông có thể tưởng đó là một anh dân vệ khốn khổ nào đó, miễn cưỡng phải đi tuần tra

Secnôivanenkô hiện ra đây, đó, lang thang trong các vườn cây, vòng quanh các nhà kho, đôi khi còn nhìn cả vào các cửa sổ nhà dân. Và khắp các nơi ông đi qua, trên tường, trên các tru đá khô ráo, hay ngay trên mặt tuyết bên bờ đường, đều có một bản thông cáo hay một tờ truyền đơn.

Ông bước đi hết sức tự nhiên, không chút vội vã, tưởng như cái mũ đội trên đầu đã làm cho ông trở nên vô hình. Nhưng, đếm bước trên khu phố mình sinh đẻ đang bị quân thù chiếm đóng, bề ngoài tuy ông có vẻ vô tư lự như vậy, mà tâm tư ông thật vô cùng căng thẳng!

Cái chết theo ông từng bước, rình ông ở mỗi chỗ ngoặt, lúc nào cũng sẵn sàng nhảy bổ vào ông và tiêu diệt ông. Nhưng nếu chưa dán xong, và lúc nào cũng cẩn thận như lúc nào, vào một lậm lúa bản thông cáo cuối cùng, thì ông vẫn chưa chịu quay về. Thậm chí khi không còn tờ truyền đơn nào nữa và đã quẳng cái hộp hồ xuống tuyết rồi, ông còn đi qua hai lần đường phố làng Uxatôvô, đứng lại một lúc bên cạnh ngôi nhà thờ, trước cái xác của cụ già bị giết, cất mũ chào cụ trong tư tưởng, đi thẳng đến tận nghĩa địa và nhìn ra thảo nguyên xa xa; ở đó đánh dấu bằng một đống tuyết có cái trụ ăng-ten chênh chếch giống như một bụi cây dại năm trước còn lại.

Không phải vô cớ mà ông dạo quanh làng Uxatôvô. Dưới con mắt lành nghề, đầy kinh nghiệm, ông nhận ra tất cả những gì có thể bổ ích. Trong một cái sân, ông trông thấy hai khẩu đại bác dã chiến hạng nhẹ giấu dưới lá ngô. Nhìn thấy lá cờ Rumani ở cửa trường học và một tên lính gác khoác áo cầu bằng da cừu Môndavi, ông biết đấy là bộ tham mưu. Ông biết rất rõ ngôi trường này, một căn nhà một tầng bằng đá thô, ông biết cách bố trí các lớp học và khi đi qua bên cạnh, ông nhìn thoáng vào bên trong. Nhưng ông không trông thấy gì cả qua những tấm kính bị băng giá bám kín. Trong sân trường, một bếp lửa đỏ rực có bọn lính Rumani ngồi xổm chung quanh. Chúng đang hút thuốc, khạc nhổ vào lửa. Secnôivanenkô mỉm cười, nhớ đến đoạn Đôlôkhôp và Pêchya trong Chiến tranh và Hòa bình rồi đi lại gần bếp lửa, ông nói bằng tiếng Rumani:

— Chào các ngài!.

Bọn lính Rumani nhìn Secnôivanenkô, gương mặt ông tái mét vì lạnh, những nếp nhăn lớn in sâu trên trán, trắng bệch như bún nên chúng không tỏ vẻ ngạc nhiên chút nào. Như ông đã dự đoán, chúng cho ông là một tên cảnh sát. Một tên Rumani, đội mũ bịt tai kiểu Nga uể oải lắc đầu, đáp:

— Chào anh bạn!

Secnôivanenkô huơ tay, rồi làm bộ ủ rũ, ngọt ngào xin một

điếu thuốc.

— Cho tôi xin điếu thuốc,

— Anh nói được tiếng Rumani à?

— Chút ít thôi.

— Tốt — tên Rumani nói bằng tiếng Nga và trao cho Secnôivanenkô túi thuốc và tập giấy. — không có thuốc điếu chỉ có thuốc sợi.

— Ồ thuốc sợi cũng được. Thử một tí thuốc Rumani xem — Secnôivanenkô nói.

Bằng những ngón tay rét cóng, ông xé một mu giấy và cuộn một điếu thuốc lá đen Rumani to sợi. Tên Rumani liếc nhìn thấy Secnôivanenkô cuộn điếu thuốc to quá, vội giằng lại túi thuốc.

— Cảnh sát à? — Tên Rumani chỉ vào mảnh vải ở ống tay áo Secnôivanenkô.

— Đúng thế — Secnôivanenkô nói, hút nhanh và khoái trá điếu thuốc rồi nhổ vào bếp lửa trên những lá ngô rụng đang cháy, màu hồng xám dưới một lớp tro xanh.

Tưởng như Secnôivanenkô đang chỉ lo hút thuốc, nhưng ông đã quan sát cẩn thận cái sân trường thân thuộc và ghi nhớ được rất nhiều điều quan trọng. Ông đã nhìn thấy cạnh cửa sau, một tên lính Rumani mặc áo gi-lê da thú đang đánh bốt cho sĩ quan. Vậy là, ở trong trường, nhất định có một tên sĩ quan Rumani, chắc là tên chỉ huy đơn vị. Vườn cây ở sau trường có một dãy tường đá thấp bao quanh, không ai canh gác. Dãy tường con đã bị phá ở nhiều chỗ. Ông cũng chú ý đến việc bọn lính Rumani, chắc là nhân viên công tác trong Bộ chỉ huy, rất yên tâm không mảy may cảnh giác, cho là mình ở sâu trong hậu phương. Điều đó nói đúng ra, cũng phù hợp với thực tế.

Những nhận xét này sẽ đưa đến đâu, Secnôivanenkô tự mình cũng chưa biết được một cách chính xác. Nhưng ông tin chắc là sẽ có ích. Và ông không ngớt nhìn trộm khắp nơi, quan sát mọi

chi tiết nhỏ mọn nhất trong tầm mắt mình.

Lạ lùng thật, nhưng hiện lúc này ông không cảm thấy một tí nào căm thù đối với bọn lính Rumani đang ngồi chung quanh bếp lửa. Ông thấy trước mặt mình chỉ là những người dân cày Mônđavi hay Valasi bình thường, mặc quân phục Rumani, bị động viên vào quân đội. Người ta đã đẩy họ ra đất nước ngoài và lúc này, ngồi trong sân một ngôi trường xô-viết, họ đang hút thuốc "sợi" của họ, nhổ xuống tro, và thật là quái gở nếu họ biết được cái gì đang xảy ra trên trái đất này. Thực tế họ là những kẻ nô lệ. Thậm chí cũng không phải là những tên lính đánh thuê, hoàn toàn chỉ là những kẻ nô lệ. Bọn địa chủ, tướng soái, hiến binh, sĩ quan Rumani, bọn chúng, đó mới là những kẻ thù không đội trời chung. Secnôivanenkô căm thù chúng tự đáy lòng. Còn đối với những người dân cày Rumani, đó là một việc khác. Họ thật quá đáng thương, với cái mũ bịt tai Nga, với đôi găng đan để chống lại cái rét mà họ không quen chịu. Tại sao đã ném họ tới đây? Tất nhiên, tất cả cái đó sẽ không cản trở Secnôivanenkô, trong trường hợp cần thiết, đốt cháy tai họ, giết tất cả tại chỗ không chút chùn tay. Vì đó là chiến tranh. Và nói cho cùng, nếu họ tuân theo bọn quý tộc và bọn tướng soái Đức thì điều đó có phải ông chịu trách nhiệm đâu.

Không hiểu họ đã biết quân Đức bị đánh tan rã trước Mạc-tư-khoa chưa? Và nếu họ biết, họ nghĩ thế nào?

Secnôivanenkô kín đáo quan sát sắc mặt họ nhưng không nhận ra được gì khác thường. Ông đang tìm cách để đi, thì một tên lính Rumani trẻ, dưới chiếc mũ kê-pi đội một cái mũ đan, nom như một bà già gày đét, đã đến giúp anh. Chắc là để chế nhạo tên cảnh sát Nga, hắn vung tay sang một bên, rồi há hoác miệng ra đến tận mang tai, có ý phô trương những hiểu biết về tiếng Nga, hắn nói:

— Này, lão cảnh sát, sưởi ấm rồi bây giờ thì cút đi! Được, được! Cút đi về đằng kia. — Hắn trỏ tay ra thảo nguyên. — Cút đi mà bắt du kích! Không phải sao? À, tao biết mà, mày sợ. Chúng sẽ pip pap! mày — Rồi tên Rumani vui nhộn chọc ngón tay trỏ vào

bụng Secnôivanenkô. — Mày không thích chúng pip mày à?

Trò đùa đã thu được thắng lợi, tất cả bọn Rumani ngồi xung quanh bếp lửa phá ra cười. Tên lính khôi hài nheo mắt về phía bọn bạn và hất đầu về phía Secnôivanenkô, tiếp tục:

— Nó đã đi ra phía đằng kia — hắn nói, trỏ ra thảo nguyên, đúng về hướng "Con Dím". — Chúng đã lôi cổ nó xuống dưới đất và đã pip nó rồi! Chú mày không thích thế ư?

Nhưng vừa lúc đó, có tiếng nhốn nháo từ ngoài phố, rồi một chiếc xe con xộc ngang vào trong sân — nhìn cũng biết là nó chạy cả đêm ngoài trời, tuyết phủ kín; một tên sĩ quan Đức bước ra, khoác áo ca-pốt mỏng, cổ bằng da hải ly, và đeo kính một mắt. Tất cả bọn Rumani nhảy dậy và đứng thẳng lên; Secnôivanenkô cũng làm đúng như vậy. Tên sĩ quan Đức ưỡn ngực ra vẻ nghiêm nghị, giơ tay lên và hét bằng một giọng bụng "Hai!" rồi vội vã bước lên tam cấp. Ở đó đã có tên sĩ quan Rumani đi đôi giày bốt vừa mới được đánh kem xong, xun xoe đứng đón. Khi hai tên sĩ quan — tên Đức đi trước, tên Rumani theo sau — đã biến vào trong trường học, bọn lính lại ngồi xổm xuống xung quanh bếp lửa hồng, im lặng một lúc như để lấy lại hơi thở sau khi đã tắm bằng hơi nước, rồi tên khôi hài lại nháy nháy con mắt sáng ngời về phía tam cấp, nheo mắt lại và nói thì thầm:

— Đức quốc bây giờ đang phải đánh nhau. Ở Mạc-tư-khoa, người ta đang pip cho hắn!

Nói rồi, hắn phùng đôi má bóng nhẫy lên và lấy tay che cái miệng móm lại. Secnôivanenkô liếc nhìn tên lính khôi hài rồi không nói một lời, đi ra khỏi sân; điều đó hoàn toàn dễ hiểu và tự nhiên: một tên cảnh sát bao giờ cũng sợ tham gia vào những câu chuyện nguy hiểm.

— Tốt — tên lính khôi hài nói với theo — Cút đi, cút đi, cảnh sát! Đừng sợ!

Nhưng Secnôivanenkô đã ung dung ở ngoài phố rồi, tự hỏi con đường nào chắc chắn nhất và ngắn nhất để đi về "Con Vịt".

Ông vừa về tới gần lối vào, bỗng nghe có tiếng súng nổ ở phía đường Hatji-Bây. Một chiếc xe tải Đức ở mé dưới đường và mấy tên lính Đức nằm dài sau một cồn tuyết đang bắn vào một người chạy trong tuyết lên một ngọn đồi. Từ xa, ông nhận ra ngay đó là Liônya Ximban. Thỉnh thoảng anh ta đứng lại, ngã xuống tuyết, vội vàng đứng lên, rồi lại bỏ chạy. Đạn Đức xới tung một lớp bụi trắng sáng ngời chung quanh anh ta giữa tuyết cứng.

Về sau mới biết, khi Liônya Ximban theo con đường Hatji-Bây quay về cửa "Con Vịt" thì một xe tải chở lính Đức từ phía trước chạy lại. Đến ngang Liônya, chiếc xe tải đỗ lại, rồi một tên trong bọn Hitle hét lên một câu gì đó với Liônya. Có lẽ bọn Đức chỉ muốn hỏi thăm đường tên cảnh sát ngẫu nhiên gặp thôi. Nhưng Lyônya lại không thích thế. Anh làm như không nghe. Chúng gọi anh một lần thứ hai, nhưng Liônya rảo bước, nhảy qua khe, rồi leo nhanh lên ngọn đồi, hy vọng tới được khu vườn cây rồi nhảy qua bức tường đá trước khi bọn Đức hiểu ra. Bọn Đức lại hét bắt anh đứng lần nữa, và sau khi bắn vài phát súng, chúng nhảy xuống xe. Thấy việc không hay, Liônya Ximban nhanh chóng nằm xuống tuyết và quyết định đánh trả. Không còn lối thoát nào khác, anh bắn xả vào bọn Đức nhưng đều không trúng, vì anh bị kích thích quá mạnh. Lúc đó, bọn Đức mới nằm dài xuống sau đống tuyết và tiến hành chiến đấu theo đúng điều lệnh. Liônya lợi dụng cơ hội, nhảy dậy và ba chân bốn cẳng chạy trốn về phía vườn cây, bắn lẻ tẻ vài phát. Trên nền tuyết chói lọi, người anh là một mục tiêu rất rõ.

Không biết việc đó sẽ kết thúc như thế nào, nếu phía sau dãy tường đá không có hai tiếng súng nổ cùng một lúc. Đó là Xvlatôxlap và Tulyakôp về sớm hơn, còn ở lại đợi những người khác, như đã hẹn trước, sau cái chắn đường sát ngay lối vào "Con Vịt". Họ bắn như bắn bia, không hấp tấp, ngắm cẩn thận. Hai tên phát-xít đổ nhào xuống sau đống tuyết, mặt vùi trong tuyết. Ba tên còn lại mất hết tinh thần ngừng bắn mất hai phút dài.

Liônya Ximban lợi dụng lúc ngớt tiếng súng, tháo chạy, nhảy

qua tường và ngã nhào trước mặt các bạn. Đồng thời, Xviriđôp từ phia kia cũng chạy tới, giơ cánh tay lên, đảo tròn đôi mắt dịu dàng, lấy hết sức ném một quả thủ pháo lên chiếc xe tải. Quả thủ pháo nổ cách buồng lái năm mét. Kính vỡ tung. Tên lính Đức lái xe mặc áo khoác ngắn màu da cam có cỗ đen ngồi trong xe ngã nhào xuống cùng với cảnh cửa bị giật tung ra. Hắn bò trên tuyết, không biết tại sao, hai tay níu lấy bánh xe như muốn đứng dậy. Nhưng rồi hắn nằm cứng đờ trong một vũng máu trên mặt tuyết trắng tinh. Hai thằng trong bọn ba tên Đức, đâm nhào về đằng trước, như bị ma ám, hét lên "Đứng lại". Một loạt súng kết liễu đời chúng. Tên thứ ha nhỏm dậy, quẳng súng rồi loạng choạng như người say rượu, vụng về giơ cánh tay lên. Với một nụ cười ngu xuẩn trên gương mặt đỏ bầm, nứt nẻ vì gió, đôi môi cao su thâm tím hé ra đau đớn, hắn giẫm chân trong tuyết, quay mình khắp tứ phía, tận đến khi bất thình lình chạm trán với Secnôivanenkô. ông đang thong thả đi tới, rút chân ra khỏi lớp tuyết dày một mét, và cố hết sức lấy khẩu Nagan trong ngực ra.

Tên Đức rung rung giơ hai chiếc bao tay len sặc sỡ lên, mặt đổi màu rất nhanh: từ đó, lúc đầu, ngả sang hồng, rồi hoa cà, rồi trở thành vàng ệch, và cuối cùng trắng bệch ra với một ánh tuyết màu xanh.

Secnôivanenkô bình tĩnh xem xét một lúc và ngạc nhiên thấy tên Đức này vừa giống, lại vừa không giống bọn Đức ông đã trông thấy lần đầu tiên gần nhà thờ Tin lành, khi ông đi đến chỗ hẹn gặp Xiniskin Jêlêznư. May biết mấy, nếu biết được tên kia bây giờ đang nghĩ gì. Phải, và nói chung, hắn có biết nghĩ gì không? Hắn có biết bọn hắn đã bị đánh tan rã trước Mạc-tư-khoa chưa? Hẳn có hiểu thế là thế nào không? Phải chăng hắn là một tên lính đánh thuê, một kẻ nô lệ như những tên lính Rumani vừa ngồi cùng với ông bên bếp lửa?... Không, hắn không giống chúng. Hắn còn trẻ mà quỷ quyệt. Một tên phát-xít. Một thằng S.S. Tại sao hắn đến đây? Tên ngoại quốc kia đến tìm gì trên đất nước xô-viết này? Có lẽ hắn nghĩ có thể nô dịch được đất nước xô-viết chăng?

Mặt Secnôivanenkô tối sầm xuống nom thật khủng khiếp.

— Tôi muốn sống[7] — tên Đức nói khó nhọc mấp máy đôi môi giá cứng.

— Chỉ còn thiếu có thế! — Secnôivanenkô có vẻ âm thầm, nói.

Góc trời nhỏ bé xa lạ và đẹp đẽ kia, mảnh sườn đồi Nga phủ kín tuyết Nga chói lọi, bóng xanh dày đặc của dãy tường con thấp, làn không khí hoàn toàn giá buốt, đầy những tia nắng lạnh lẽo, vàng mặt trời của chiến thắng Mạc-tư-khoa, tất cả những cái đó là điều mà tên Đức vẫn rất thèm sống, còn được nhìn thấy lần cuối cùng trong đời mình.

74

— Đồng chí Secnôivanenkô, dậy! Bốn đỏ, một trắng.

Suốt ngày ông ốm, do bệnh tọa cốt thần kinh cũ trở lại, nhất là mấy ngày gần đây, vì phải sống thường xuyên trong không khí ẩm ướt. Buổi tối, ông đã nuốt hai viên atpirin, rồi lấy mấy cái áo ca-pốt trùm lên người, do đó người ấm lên một tí và cuối cùng đã ngủ thiếp đi được. Nhưng kìa phải chăng có ai đang gọi mình dậy... Bên cạnh ông, Tulyakôp tay xách đèn lồng, đang lay vai ông. Anh tiếc đã phải đánh thức ông dậy, nhưng Secnôivanenkô ra lệnh phải gọi ông dậy ngay, khi thấy xuất hiện mật hiệu bốn đỏ tiếp theo sau một trắng. Từ lâu không có tin tức của Xiniskin, Secnôivanenkô sợ có gì không hay xảy ra vì Xiniskin táo bạo quá. Secnôivanenkô ngồi dậy trên chiếc giường đá, vẫn còn ngái ngủ, nhanh nhẹn cài cổ áo va-rơ lại.

— Có gì thế? — ông hỏi, mắt chói đèn nhấp nháy.

— Bốn đỏ với một trắng — Tulyakôp lặp lại.

— Phải, phải. Tốt. Cảm ơn.

Secnôivanenkô vội vã bận quần áo, kiếm tra lại đạn và cầm lấy đôi nạng con, rồi đi theo Tulyakôp. Bên cạnh cửa hang, Ximban, tay cầm đèn pin đang đứng nhìn chằm chằm vào bóng tối dày đặc của đêm đông. Hai chiến sĩ thuộc phân đội Tulyakôp nằm dài trong tuyết, súng trường nhô lên.

— Thế nào — Secnôivanenkô sốt ruột, nói. — Liên lạc đâu?

— Tôi không hiểu — Ximban lúng búng. — Họ ra hiệu bốn đỏ một trắng. Tôi trả lời bốn trắng một xanh. Họ im lặng. Sau năm phút, tôi làm lại. vẫn thế: họ im lặng. Lần thứ ba: vẫn không có gì. Bỗng, cách đây mười hai phút, họ lại cho bốn đỏ một trắng. Tôi trả lời. Và về phía họ, không còn gì nữa... Khoan! — Ximban rùng mình. — Nhìn kìa, họ trở lại!

Secnôivanenkô cúi người vào lỗ hổng và thấy ở sườn khe, trên nền trời đêm đen nghịt, những ánh đèn pin nhấp nhoáng rất nhanh: bốn đỏ một trắng và liền sau đó lại: bốn đỏ một trắng! Những tia sáng lờ mờ ánh lên nối tiếp nhau rất nhanh và run rẩy, tưởng chừng như người làm mật hiệu đã vô tình để tay lên nút bấm.

— Ra hiệu cho họ lại gần — Secnôivanenkô nói.

Ximban ra hiệu ba lần nhưng không có ai lại gần.

— Có cái gì khả nghi đây — Tulyakôp nói. — Có âm mưu gì chăng?

— Phải một tổ trinh sát ra xem — Secnôivanenkô ra lệnh.

— Cho phép tôi bò đi — Tulyakôpnói. — Ồ, đáng tiếc, không có áo khoác ngụy trang.

Không một tiếng động, như một cái bóng, anh tiến lên, ra hiệu cho các người của mình rồi từ từ bò đi, xa dần. Đứng ở lối "Con Dím" không ai nhìn thấy anh nữa. Hai người theo anh với một cự ly nhất định. Sau mười lăm phút mà Secnôivanenkô xem như cả một thế kỷ, Tulyakôp trở lại và báo cáo có một người lạ

mặt nằm sóng sượt bất tỉnh nhân sự trên mặt tuyết.

— Già hay trẻ? — Secnôivanenkô hỏi.

— Không trông rõ. Có vẻ là một ông già. Xin cho mệnh lệnh.

— Một ông già... Để tôi đi vậy. — Secnôivanenkô nói và, cầm lấy khẩu súng trường trong tay Tulyakôp, nhanh nhẹn len qua lỗ hổng.

Như Secnôivanenkô phỏng đoán, đó là Xiniskin. Secnôivanenkô nhận ra ngay hình dáng dài ngoẵng của bác, nằm sóng sượt, im lìm trên mặt tuyết. Secnôivanenkô quỳ xuống lấy vạt áo ba-đờ-xuy che đèn, rồi cẩn thận rọi vào mặt Xiniskin. Cái mũi nhọn hoắt, xương xẩu, má hóp, râu ria xồm xoàm, cứng, dài và xanh, đôi mắt nhắm nghiền, mi mắt sưng húp. Một tay siết chặt quả thủ pháo trên ngực, tay kia cầm đèn bấm. Miệng há hốc thở khò khè. Trông thật đáng sợ.

Secnôivanenkô cùng với hai người nữa nâng cái thân thể to lớn, xương xẩu của bác lên và khiêng vào trong hầm mộ. Lúc khiêng qua những chỗ hẻm của con đường ngầm, Xiniskin bắt đầu rên rĩ, bập bẹ trong cơn mê man một điều gì nghe không rõ.

Cuối cùng, họ khênh được ông vào trong doanh trại và đặt lên giường đá. Trong khi Matriôna Têrenchiepna còn đun nước chè trên bếp dầu hỏa, Secnôivanenkô cố gỡ những quả lựu đạn cài ở thắt lưng, dưới lớp quần áo của Xiniskin ra. Nhưng Xiniskin nhảy xuống giường và không mở mắt, tay vẫn nắm chặt cái đèn, đẩy Secnôivanenkô ra. Khó nhọc lắm mới lại bắt được bác nằm xuống. Bỗng bác mở mắt ra, nhìn khắp tứ phía. Secnôivanenkô cúi sát vào bác, dịu dàng nói:

— Nikolai Vaxiliêvich! Tôi, Secnôivanenkô đây, bác không nhận ra tôi sao? Nhìn xem! — Rồi nâng cái đèn lên rọi vào mặt mình để Xiniskin có thể nhận được.

Một loáng tri giác lung linh trong mắt Xiniskin. Quay đầu lại có vẻ khó khăn, bác nhìn cái hang, cái đèn bão mà Secnôivanenkô đang cầm ngang mặt, nhìn những bóng người

gẫy gập trên tường nước chảy ri rỉ.

Một nụ cười yếu ớt lướt trên môi. Bác lắc đầu như muốn nói điều gì nhưng lại ngất đi. Người bác giật giật. Secnôivanenkô đặt tay lên trán bác: người bác nóng như lửa.

Rồi Secnôivanenkô cẩn thận cởi chiếc thắt lưng có cài lựu đạn ra cho bác. Dưới thắt lưng đó, còn một chiếc nữa khâu vụng về, nhưng cẩn thận vào một cái cặp và mang sát người; trong đó có mười tám tấm thẻ Đảng và đoàn Thanh niên cộng sản, và cũng chừng ấy quyết tâm thư do các đồng chí khi gia nhập các tổ chức bí mật ký tên. Ngoài ra, Secnôivanenkô còn rút ở thắt lưng ra một gói nhỏ tiền mác của chính quyền chiếm đóng, bọc trong một tờ giấy có ghi: "tiền nguyệt liễm" và vài hình con dấu đóng thử mà người ta đã dùng để đóng lên các giấy thông hành xô-viết lúc đăng ký hộ khẩu với cảnh sát Rumani. Khi Raitxa Lvôpna và Liđva Ivanôpna cởi quần áo cho Xiniskin để rửa nước nóng và thay quần áo, họ phát hiện thấy bác bị một viên đạn súng ngắn bắn vào ngực, phía dưới xương quai xanh bên phải. Vết thương bên trong được băng qua loa bằng một mẩu vải xé ở một tấm khăn trải giường có thấm iôt và phủ một lớp bông, mủ ra rất nhiều và đã có mùi hôi: chắc nó bị đã đến mấy ngày rồi và Xiniskin tự băng bó lấy.

Về sau, người ta mới biết sự việc xảy ra: Xiniskin rơi vào một trận vây ráp, bị lộ và bị bắt; bác đã chống cự lại rất dữ, bị thương, rồi giữa đường, nhảy từ xe cảnh sát xuống và trốn trong thành phố suốt bốn ngày liền, đổi chỗ ở từng ngày, cuối cùng, không thấy lối thoát nào khác, đã lấy hết tài liệu để trong cái lò ở phố Pisônôpxkaia rồi ban đêm, tuy chốc chốc lại bị ngất đi, nhưng cũng cố lết được đến tận Uxatôvô và ra mật hiệu: bốn đỏ một trắng.

Không chậm trễ được nữa, Secnôivanenkô chạy tới "Góc đỏ" đào chìa khóa lên và mở tủ két ra. Ở đấy có tất cả giấy tờ và đồ vật giá trị của Ban chấp hành khu và thẻ cá nhân của tất cả mọi người công tác bí mật trong đó có thẻ của Pêchya Batsây và Valentin Pêrêpêlitxkaia, với tất cả thẻ Đảng và Đoàn, các huân

chương, các sổ sách khen thưởng và giấy thông hành, tất cả đều được sắp xếp trong hộp các-tông có đánh số, hết sức ngăn nắp. Trong tủ két, chỉ có ba huân chương: một huân chương Cờ đỏ, huân chương quân sự cũ của Xiniskin đã gửi cho Secnôivanenkô đêm hôm dọn xuống hầm mộ, một huân chương Cờ đỏ Lao động của Xêrafim Tulyakôp và một huy chương Danh dự của Xecgây Xecghêiêvich đã chết, bọc trong một tờ giấy có ghi ngày mất của anh. Còn một huân chương về Dũng cảm lao động của Liônya Ximban nữa. Các huân chương và huy chương chiếm rất ít chỗ, vẻn vẹn trong một cái hộp con màu đỏ. Cùng với các cuốn sổ khen thưởng, có quyển nhật ký hoạt động, trong đó Secnôivanenkô và Xtrenbixki đã ghi lại cẩn thận các lần xuất kích, các biên bản dày đặc các kỳ họp của ban thường vụ, con dấu và tiền quỹ của Đảng. Ngoài vài nghìn rúp tiền giấy, còn có năm đồng năm rúp tiền vàng. Chỉ Secnôivanenkô mới có quyền mở tủ két và ngoài ông ra là đồng chí bí thư thứ hai Xtrenbixki. Trong ngăn tủ dưới, thường xuyên có để một gói thuốc nổ một ki-lô và vài hạt nổ để bất kỳ lúc nào cũng có thể kịp thời cho nổ phá hết các thứ đựng trong tủ, trong trường hợp khẩn thiết khi tài liệu và các đồ vật giá trị có cơ rơi vào tay địch.

Secnôivanenkô cất hết vào tủ các tài liệu tìm thấy trong người Xiniskin, ghi nhanh vào sổ nhật ký trường hợp bác đến doanh trại, rồi lấy trong số dự trữ đặc biệt không được đụng tới một lọ xuynfidin, một trong những thứ quý nhất của ông.

Trong hơn mười ngày, suy nhược nhưng dù sao cũng còn khỏe, tấm thân già của Xiniskin vật lộn với cái chết. Bên cạnh bác, luôn luôn có các chị thường trực săn sóc. Nhiệt độ của bác luôn luôn ở một mức đáng sợ. Nó lên tới bốn mươi độ và không bao giờ xuống dưới ba mươi tám. Lúc đầu họ sợ bác bị nhiễm trùng. May sao, không việc gì. Vết thương mặc dù cứ chảy mủ nhưng dần dần cũng thành sẹo. Họ tưởng không thể nào lấy được viên đạn ra vì không có bác sĩ giải phẫu cũng như không có bệnh viện. Nguy hiểm nhất là tình trạng chung của người bệnh. Người ta nghĩ chắc đó là giai đoạn đầu của viêm phổi. Hy vọng duy nhất đặt cả vào thuốc xuynfidin. Liđya Ivanôpna, trước có

theo học lớp y tá hai tháng, và Raitxa, vốn là con gái thầy thuốc nên có biết chút ít thuốc men, không rời khỏi một bước chiếc giường đá của Xiniskin.

75

Xiniskin Jêleznư gần như luôn luôn bất tỉnh nhân sự và mê sảng. Đó là một cơn mê sảng nặng nề, mệt nhọc, lúc nào cũng ú ớ đơn điệu, nghe rất dễ sợ. Thỉnh thoảng bác lại ho và Pêchya tưởng như trong hang có người đang xé vải thành từng băng dài kêu soạc soạc và rít lên, ghê rợn.

Đôi lúc Xiniskin tính lại, gọi Secnôivanenkô đến, rồi mắt khô khốc, thâm quầng và long lanh, báo cáo tình hình trên thành phố. Bác vật vã dữ dội và nổi giận khi Secnôivanenkô từ chối không chịu nghe, bắt bác phải nằm im không được nói. Bác thèm khát liếm đôi môi khô lấp dưới bộ ria mép xám. Bằng mấy ngón tay cứng như cặp sắt, Xiniskin nắm lấy vai Secnôivanenkô, bắt đồng chí bí thư phải ghi lấy những tên và địa chỉ mà vất vả lắm bác mới nhớ được. Rồi bác lại ngất đi, Chắc bác sợ chết trước khi truyền đạt lại được cho đồng chí bí thư thứ nhất hết mọi việc trên thành phố. Những câu nói rời rạc, ngắn ngủi ấy, dù sao cũng làm cho Secnôivanenkô có được một ý niệm đúng đắn về tình hình.

Còng việc nói chung tiến triển tốt. Số đồng chí gia nhập tổ chức bí mật trong khu đã lên tới hai mươi nhăm; họ đã ký quyết tâm thư và gửi lại thẻ Đảng. Không kể mấy chục người chưa làm xong thủ tục. Đó là một cơ sở quan trọng, một lực lượng đáng kể hiện giờ có thể dựa vào. Vậy là phải kiếm cho các đồng chí ấy đủ giấy tờ căn cước chắc chắn, thận trọng đưa họ vào các xí nghiệp,

cơ quan, xếp họ vào các nhà máy, bến cảng, các xưởng hỏa xa, cố nhét một vài người vào cảnh sát: sau đó sẽ có thể tổ chức những hoạt động rộng rãi theo một kế hoạch thống nhất.

Có một điều tai hại là những người cài lại trên thành phố để bắt liên lạc với Ban chấp hành quận đã bị cơ quan Xiguranxa và Ghextapô bắt. Người ta kháo nhiều về chuyện đó ở trên thành phố. Tin này đã được xác minh và đã hai lần, đại diện Ban chấp hành quận không đến trạm thường trực bí mật quy định, mặc dù Secnôivanenkô đã hai lần phái Xtrenbixki đi và lần nào cũng trở về hầm mộ tay không, sau khi đợi mấy giờ liền ở cửa Nghĩa địa công giáo thứ hai. Thật là một đòn nặng nề. Nhưng Secnôivanenkô đã chuẩn bị sẵn để đối phó. Kinh nghiệm trước đây dạy cho ông biết là những tai họa tương tự như vậy sẽ xảy ra, và thậm chí còn rất hay xảy ra. Không thể dự kiến hết được tất cả mọi việc. Vậy là bây giờ phải chuẩn bị cho những hoạt động độc lập, không chờ chỉ thị của cấp trên, đồng thời phải tự mình tìm cách liên lạc với trung ương.

Xiniskin mãi vẫn ở trong tình trạng bấp bênh, mệt nhọc, dở sống dở chết. Đôi khi tưởng như sắp hấp hối. Hai bàn tay to lớn của Xiniskin cử động lạ lùng như một cái máy, như đang là đi là lại những nếp gấp của mấy cái áo ca-pốt đắp trên người. Mắt nhắm nghiền, mi mắt thâm tím, sưng húp, rất dễ sợ. Những món tóc ướt đẫm dính tịt vào trán, hai thái dương hõm sâu, và trên cái trán nhờn ướt, vàng ệnh như màu xương đó, phản chiếu ánh sáng leo lét của ngọn đèn chong. Hơi thở của người bệnh thoi thóp, giữa hai hơi thở, tưởng như là cả một thời gian vô tận. Lúc bấy giờ, Secnôivanenkô cúi xuống phía cái tay to tướng màu sáp ong và cố nuốt nước mắt, gọi to:

— Nikôlai Vaxiliêvich! Nikôlai Vaxiliêvich, bác có nghe tiếng tôi nói không?

Những lúc như vậy, Pêchya cảm thấy rất ghê sợ đến nỗi chú chỉ muốn lăn nhào xuống đất, hai tay bưng lấy đầu và bản thân cũng muốn chết đi, để khỏi phải nghe những tiếng thở rít, bên trong có cái gì kêu òng ọc, hoặc ít ra là để khỏi phải thấy bộ mặt

không phải của con người nữa mà của một cái xác không hồn, làm bằng một chất gì trăng trắng như nến. Nhưng tuy nhiên chú không đủ sức rời mắt khỏi Xiniskin, chú cứ nhìn, nhìn mãi, và trong bóng tối của hầm ngầm chú chỉ thấy có bộ mặt ấy với cái chấm sáng le lói của ngọn nến phản chiếu trên trán.

Cũng có khi Xiniskin đỡ. Bác tỉnh lại, trở nên khó tính, giận dỗi, đuổi hết mọi người, cố sức — nom vừa đáng thương vừa dễ sợ — đứng dậy, mặc quần áo. Những lúc như vậy, không ai dám lại gần bác, trừ Liđya Ivanôpna. Chị là người duy nhất được Xiniskin cho lại gần. Chị thay quần áo, bón cho ăn, cho uống, rửa ráy bằng một cái khăn ướt, thay băng ở vết thương cho bác. Hai tay run lẩy bẩy, bác vịn lấy cổ chị, còn chị thì rắc bột xuynfidin cẩn thận lên vết thương cho bác, rồi mạnh bạo nhưng nhẹ nhàng khéo léo quấn chéo lớp băng hồng xung quanh cái thân hình nóng như lửa.

Trong chiếc áo choàng trắng may vụng về và quá chật, trông chị thật là đẹp. Pêchya nhận thấy tất cả quần áo chị mặc đều dễ coi: cái áo bông bộ đội với đôi bốt da, cái áo choàng tứ thời với đôi ống tay áo giả bằng vải láng đen của các viên chức ngân hàng mà chị mang vào khi đánh máy truyền đơn, cái áo ca-pốt với cái mũ bịt tai của bộ đội. Nhưng chiếc choàng trắng này hợp với chị hơn cả. Vẻ đẹp phụ nữ, tuổi thanh xuân và lòng nhân từ trong sáng, chân thành của chị có một sức quyến rũ mà chính ngay Xiniskin cũng không thể thờ ơ được.

Khi chị băng cho bác, áp cái đầu xương xẩu của bác vào ngực, Xiniskin Jêleznư thường càu ràu ấp úng, thở rất khó khăn:

— Thắt chặt vào! Đừng sợ, tôi không kêu đâu. Thắt chặt vào! Giá tôi được thở một ít không khí trong lành thôi; ở đây — ma bắt nó đi — không sao thở được, trong cái hầm này! Nhưng chúng ta sẽ thấy ai sẽ là người chiến thắng.

Điều lạ lùng là bác không chết. Tấm thân già cỗi nhưng cường tráng của bác đã vật lộn quyết liệt với cái chết, nhưng chính cái tinh thần còn cường tráng hơn của bác đã chiến thắng, cái tinh

thần bất khuất ham sống và chiến đấu.

Một hôm, sau khi đã ngủ mười hai giờ liền, bác thức dậy, lên cơn ho và nhờ Raitxa Lvôpna lúc bấy giờ đang gác bên bác, gọi đồng chí bí thư thứ nhất lại.

— Chào đồng chí Gayrick Xêmiônôvich — bác nói khi Secnôivanenkô đến bên cạnh. — Hình như tôi có khỏe hơn một tí, đồng chí thấy không. Lần này, thần chết đã phải lùi về các vị trí đã chuẩn bị sẵn từ trước. — Bác cố gắng cười, cái cười ồm ồm của bác, nhưng không được mà chỉ nhăn mặt lại, và ngọ nguậy yếu ớt bàn tay ở đầu cánh tay to tướng, đen sạm.

— Im đi, đồng chí không được nói — Secnôivanenkô tỏ vẻ nghiêm khắc.

— Tôi không nói. Tôi sẽ viết. Cho tôi giấy bút — và Xiniskin ngọ nguậy ngón tay.

Secnôivanenkô hiểu và mang đến cho bác một tờ giấy, một bút chì và một cái bìa.

Xiniskin, mệt nhọc đặt tấm bìa lên bộ ngực lép kẹp, cầm bút chì từ từ viết — chốc chốc lại nghỉ — những chữ to tướng, rõ ràng. Secnôivanenkô tò mò nhìn vào tờ giấy. Xiniskin bằng trí nhớ đang thảo quyết tâm thư, không nhầm lẫn một dấu phẩy. Bác viết cho đến hết rồi ký tắt xuống dưới.

— Đồng chí cầm lấy và điền nốt vào — bác nói, lấy lại hơi thở. — Giờ nào việc nấy. Tha lỗi cho tôi đã không nghĩ tới việc này sớm hơn.

Và từ hôm đó, Xiniskin dần dần hồi phục trông thấy.

Cũng ngày hôm đó, Secnôivanenkô triệu tập Thường vụ ban chấp hành để lập kế hoạch hoạt động sắp tới. Nhưng cuộc thảo luận mới bắt đầu thì nghe có hiệu lệnh báo động. Cuộc họp phải ngừng ngay lại.

Khi Secnôivanenkô và các đồng chí đi tới chỗ những đống đá, họ thấy một phần đá đã bị dỡ đi và người thường trực, Liônya Ximban thì ở mãi phía trước, trong cái hang gần lối vào nhất. Khẩu liên thanh trước kia đặt trên chướng ngại vật chĩa ra ngoài, bây giờ lại thấy ở ngay lỗ hổng lối vào. Ximban nằm cạnh súng, người ở trong lỗ hổng, còn hai chân thì lại ở trong hang.

— Này, cái gì thế? — Secnôivanenkô nói, chống vào đôi nạng ngắn.

Ximban ngoảnh lại. Gương mặt anh đầy bụi nom nghiêm nghị khác thường, có thể nói là âm thầm nữa.

— Tất cả chứng tỏ là chúng sắp tấn công chúng ta. Đã thấy xuất hiện bọn S.S.

Ximban đứng lánh sang bên cạnh. Secnôivanenkô lách người giữa bức tường và khẩu liên thanh, cẩn thận nhìn ra ngoài. Ở trên mặt đất là ban ngày, điều đó làm cho Gayrick Sêmiônôvichrất ngạc nhiên. Theo ông tính toán, lẽ ra đêm mới phải. Vậy ra đã hai ngày hai đêm liền họ không ngủ. Qua lỗ hổng, Secnôivanenkô chỉ nhìn thấy được một khoảng không rất hạn chế: bờ khe tuyết phủ, vài cây ngưu bàng khô nhô ra khỏi đống tuyết và sau bờ khe, phần sau của một chiếc xe tải ngụy trang, xung quanh dó, có bọn Đức bận áo ca-pốt xám xanh và đội mũ sắt sâu, đi lại. Căn cứ vào cường độ giọng nói của bọn lính, cách đi lại của chúng, và tiếng động cơ, có thể đoán là ở đâu đó xa hơn, còn có nhiều chiếc xe tải khác đậu ngoài tầm mắt.

— Thế nào, cho chúng nó khiêu vũ chứ?—Liônya hỏi, áp người vào khẩu liên thanh.

— Tí đã! — Secnôivanenkô vừa nói vừa quan sát các bóng đen bọn Đức đang tiếp tục làm gì đấy và nhốn nháo chung quanh mấy chiếc xe tải.

Ông nhận thấy cách đó có một đoạn chiến hào nhỏ đắp bờ tuyết hẳn hoi.

— Chúng đào chiến hào gì lạ thế kia? — ông hỏi.

— Nom như một đài quan sát thì phải — Ximban đáp, không rời khỏi cái thước ngắm của khẩu liên thanh.

— Phải, trông giống đấy.

Đúng lúc đó, trên bờ chiến hào, một chiếc mũ sắt sĩ quan Đức nhô lên và đôi mắt kính ống nhòm lấp lánh chĩa thẳng vào lối cửa "Con Dím". Rồi bàn tay cầm cài mũ sắt giơ lên vung vẩy trên không như muốn lưu ý những người ở trong khe hở nhìn ra.

— Chúng đã nhìn thấy ta — Secnôivanenkô nói rất khẽ.

— Chúng đã nhìn thấy ta lâu rồi — Ximban nói, cũng khẽ như vậy, — Chúng đã bắn pháo hiệu, vì thế tôi mới báo động. Chúng muốn ta chú ý đến chúng. Có lẽ chúng muốn thương lượng thì phải?

— Thương lượng — Secnôivanenkô nói với một nụ cười chua chát — Với chúng nó, ta chỉ có một cách thương lượng. Thôi, bắn đi. Liônya, bắn tiếp chúng một loạt đi!

Nhưng ngay lúc Liônya sắp bắn tiếp chúng thì từ đoạn chiến hào tuyết vọt lên một quả hỏa pháo dài màu xanh, rơi gần trúng vào lỗ hổng, làm cho Secnôivanenkô và cả Ximban phải lùi ngay lại. Quả hỏa pháo cắm xuống cạnh lối vào và cháy mãi, làm lan cả tuyết chung quanh. Chung quanh chiếc xe tải, một cảnh nhốn nháo với những tiếng kêu la và giữa vòng vây những khẩu tiểu liên Đức, xuất hiện một đoàn người khủng khiếp, ủ rũ, gần như trần truồng. Một số không có giày, lê đôi chân giả cóng bầm tím trong tuyết nom rất khó nhọc. Một số mình trần, bẩn thỉu, quấn độc áo mền rách, hoặc mặc những manh áo ca-pốt xô-viết tả tơi. Trên các khuôn mặt xanh xao, hốc bác, là những hố mắt tối om và sâu hoắm, không còn trông thấy mắt đâu nữa. Không phải con người nữa mà là những bóng ma đã trải qua mọi đau khổ, mọi cực hình của quân thù. Dáng dấp của những người

khốn khổ ấy, những người sắp chết ấy, đau đớn đến cực độ, trông quá ư khủng khiếp đến đỗi Secnôivanenkô không thể cầm lòng được phải nhắm mắt một lúc rồi lùi lại. Ông lần tìm bàn tay Ximban và siết thật chặt.

— Tù binh... — ông nói, giọng khản đặc. — Anh có thấy không?

— Tôi biết — Liônva thì thầm, cố hết sức để khỏi hét lên, khỏi khóc òa và khỏi đập đầu vào tường.

Cũng trong lúc đó, bọn Hitle chạy tới đứng về một phía và, không cần nâng cao những khẩu tiểu liên lúc nào cũng khư khư bên hông, chúng nổ súng bắn vào đám tù binh. Chúng tưới đạn tứ phía vào họ nom như vòi chữa cháy. Tiếng la hét át cả tiếng chấn động của hàng chục khẩu tiểu liên đang nhả đạn; khối tù binh nhào vào bụi tuyết, nối tiếp nhau ngã xuống và quằn quại trong những vũng máu chỉ một lúc đã phủ kín mặt tuyết và bốc hơi đến ngạt thở trên mặt đất băng giá. Sự việc kéo dài không quá hai phút, rồi tất cả bỗng im bặt.

Khi Secnôivanenkô tỉnh lại thì đã không còn gì trước cửa "Con Dím", không còn bọn Đức, cũng không còn chiếc xe tải nữa, nhưng cái bờ khe bị giẫm nát và đẫm máu trước mặt lỗ hống thì đầy những xác chết. Khắp chung quanh, cả không gian là một cảnh im lặng hãi hùng, nặng nề, đến đỗi nghe được cả tiếng lao xao của những bông tuyết rơi thong thả từ trên bầu trời trắng xóa xuống mặt đất trắng xóa.

Secnôivanenkô im lặng ngồi lại một lúc, tựa cái lưng còng vào thành lỗ hổng, bàn tay thọc sâu trong ống tay áo. Bỗng ông đứng phắt dậy, người cứng đờ, bật mũ lên rồi đi vào trong động.

Anh chị em đã tụ tập cả ở trong động, trừ Tulyakôp hôm đó bận chỉ huy doanh trại, và Pêchya với Valentin phải trông nom Xiniskin.

Anh chị em đứng bên cạnh lỗ hổng, trong tư thế chiến đấu, súng trường cầm tay. Họ không trông thấy sự việc đã xảy ra, chỉ nghe được lõm bõm những câu trao đổi giữa Secnôivanenkô và

Ximban và tiếng súng tiểu liên bắn lộn xộn. Họ đứng im phăng phắc, mặt tím lại; con mắt đen ngòm dưới ánh sáng lờ mờ của ngọn đèn bão, có vẻ càng đen thêm. Secnôivanenkô đi vào cuối động, tìm một hòn đá, ngồi lên, lột mũ ra, cúi đầu xuống, rồi vung vẩy bàn tay về phía lỗ hổng.

— Ra mà xem — ông nói, rất mệt mỏi.

Cho đến lúc, kẻ trước người sau, chen lấn nhau giữa bức tường và khẩu liên thanh, họ xem xong, và im lặng trở về, Secnôivanenkô vẫn tay ôm đầu ngồi yên trên hòn đá.

Khi mọi người, anh chàng hộ pháp Xtrenbixki, khẩu Môde đựng trong bao gỗ lủng lẳng sau lưng, và sau anh, bà Matriôna Têrenchiepna đôi má đầy nốt tàn hương màu đỏ nhạt, con mắt sưng húp và đỏ ngầu, khi Xviatôxlap, sau bà, xanh xao như thần chết, mặt cau lại với một nếp nhăn nằm ngang trên vầng trán trẻ, khi sau anh, Liđya Ivanôpna nắm chặt lấy bàn tay Xviriđôp và cuối cùng, Raitxa Lvôpna, mắt khô khốc, long lanh vì sốt, buồn thảm, với mái tóc xám lượn sóng lòi ra ngoài chiếc khăn trên trán, khi mọi người, sau lúc coi như đã vĩnh biệt các đồng chí bị tàn sát, trở về trong hang, đồng chí bí thư thứ nhất mới lấy lòng bàn tay lau mắt và hai má, nặng nề đứng dậy khỏi hòn đá, rồi nói:

— Các đồng chí, tôi tưởng không phải bàn cãi nhiều về sự kiện đó nữa. Ý nghĩa của nó đối với ta đã rõ lắm rồi. Chúng định làm cho ta hoang mang, mất tinh thần... — Ông ngừng bặt, lấy lại hơi. — Được... — ông thấy khó nói nên lời. — Chúng cứ việc — ông nói, gần như thầm thì, rồi lại lau mắt và má —... làm cho ta mất tinh thần.

Ông tiến lên hai bước rồi lại lùi hai bước, đứng yên, mặt đỏ bầm rồi bỗng lấy hết sức hét lên, giọng the thé — Chúng cử thử đi.

Ông từ từ bỏ mũ ra, rồi bằng một giọng nói khác hẳn, nặng nề, đều đều, cân nhắc từng lời, ông nói:

— Đời đời ghi nhớ các đồng chí bị sát hại bởi bàn tay bọn giết

người đê hèn, bọn ác quỷ của nhân loại trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phát-xít đáng nguyền rủa! — Gương mặt ông biến đổi đau đớn — Tiêu diệt bọn chiếm đóng Đức! — ông hét lên, giọng run run, và nói thêm, giọng trầm trầm, giản dị, dịu dàng — Bây giờ, trong trại, con em chúng ta, các em thiếu niên tiền phong Pêchya và Valentin đang ngủ. Không cần kể cho chúng nghe. Các đồng chí cũng biết tâm hồn trẻ em như thế nào rồi. Tâm hồn chúng dễ bị tổn thương lắm. Như thế này, chúng cũng đã đủ buồn rồi. Và tất cả chúng ta, chúng ta còn rất nhiều việc trước mắt... rất nhiều.

Ông trầm ngâm nhìn ra trước mặt rồi, rất nhanh, đội mũ vào, sửa lại thắt lưng.

— Platôn Ivanovich, gọi người của Tulyakôp lại; cho gấp đôi người canh gác lên... Bản thân anh, ở lại đây để tổ chức phòng ngự... Các người khác trở về doanh trại.

Nhưng họ vừa đi tới doanh trại thì hiệu lệnh báo động đã vang lên. Họ vội vã quay lại lối "Con Dím". Bây giờ, trên bờ khe, giữa những xác tù binh bị bắn chết, thấy có cái bếp di động của quân Đức. Dân làng bao quanh bọn lính Rumani và Đức đứng gác. Rõ ràng là chúng đã tập trung tất cả dân làng Uxatôvô lại. Họ khiếp sợ, run rầy đứng cầm muôi, thìa, đĩa, bát, sanh, chảo, ga-men. Từ đoạn chiến hào con, lại vọt lên vài quả pháo hiệu, sau đó chúng bắt đầu phân phát thức ăn cho dân.

Tên nhà bếp béo ị, đội mũ vải trắng, mõm đỏ, ria mép quặp đen lánh, múc xúp, xúc những mẩu thịt nóng bỏng và phân phát những ổ bánh lúa mạch mới. Thỉnh thoảng hắn lại vung cái muôi trên đầu và hét lên.

— Du kích! Hàng đi! Có muốn ăn không? Ra hàng thì sẽ có ăn!

Secnôivanenkô nhìn thấy giữa đám đông, tên lính Rumani quen biết, tên lính khôi hài với cái mũ đan leo núi đội dưới mũ kê-pi và cái miệng móm rộng hoác. Thỉnh thoảng hắn lại tiến lên, và phô trương cái vốn tiếng Nga của hắn, đưa tay lên miệng làm loa rồi, để giúp tên nhà bếp, cũng hét lên:

— Du kích! Lại đây! Đừng sợ! chúng tao không "pip" đâu. Chúng tao sẽ cho ăn. Bánh này, thịt này, xúp này! Tốt! Mày đói, tao biết. Mày không có gì ăn. Đầy đủ các thứ! Ra đi, đừng sợ. Người Rumani tốt, ra đi!

Secnôivanenkô gạt Tulyakôp ra, nằm dài xuống sau khẩu liên thanh, để lên cao hơn tầm đám đông một tí, rồi bóp cò. Khẩu liên thanh rung lên, dồn dập trong cánh tay dang thẳng của ông. Mọi người dô xô về một bên, bỏ rơi cả bát. Đám đông đổ xô về đằng sau. Cái bếp lưu động lật nhào. Tiếng kêu la khủng khiếp ran lên. Trong vài phút, trước cửa "Con Dím", không còn ai nữa ngoài những xác tù binh bị bắn. Nhưng ngay tức khắc ở đằng xa, có tiếng kèn vang lên. Những mệnh lệnh bằng tiếng Đức hét lên và từng loạt pháo nổ ầm ầm. Đạn đại bác quả trước quả sau bay vèo vèo trên miệng khe và nổ khắp chung quanh cửa "Con Dím", xới tung những đám bụi tuyết và đá vụn. Điên cuồng, hỗn độn, và hoàn toàn vô ích, quân Đức bắn bừa vào mọi lỗ hổng, mọi hốc núi mà chúng nghi ngờ. Một quả đại bác rơi trúng cửa "Con Dím", phá hỏng một mảnh tường. Trận pháo kích ngu xuẩn ấy không gây thiệt hại gì cho những người bí mật. Họ đã rút sâu xuống hầm từ lâu, chỉ nghe tiếng nổ và cảm thấy đất rung nhè nhẹ.

— Cho chúng bắn đến mai — Secnôivanenkô nói — nếu chúng giàu đến thế. Còn cửa "Con Dím" theo y tôi, bây giờ, chúng ta phải thanh toán nó đi. Chúng ta không cần tới nó.

Đoạn ông ra lệnh lấp và chôn mìn cửa "Con Dím" lần nữa và cũng là lần cuối cùng.

Tuy đã mệt lử, và thèm ăn, thèm ngủ, mọi người cũng phải lập tức trở lại với cutíc, cặp và xà-beng.

Bỗng Xtrenbixki, qua lỗ hổng thấy một em bé ở trong làng chạy về phía cửa "Con Dím". Em chạy đầu trần, chốc chốc lại vấp ngã. Trông bên ngoài, hình như em sợ phải chạy giữa những xác chết giá cứng, nửa người đã bị tuyết phủ, giữa những cái chân còng quèo và tím ngắt, những bàn tay xòe ra, ngón co quắp. Nhưng cũng trông bên ngoài, em còn sợ phải đứng lại và nhìn về đằng sau hơn. Em chạy, người đầy tuyết, miệng há hốc, mặt nhễ nhại mồ hôi mặc dầu trời rét. Bằng cả hai tay, em nắm chặt một mảnh giấy nhỏ trên ngực. Và ở sau lưng em, từ miệng khe, em nghe tiếng còi, tiếng rú và những tiếng hét hăm dọa. Có lần, khi em vấp ngã, một phát súng từ bên dưới bắn lên, và viên đạn bay sát bên cạnh em làm tung một đám bụi tuyết. Em nhảy phóc dậy, cố hết sức chạy tới lỗ hổng, chỗ Xtrenbixki đang nằm dài.

— Chú ơi, đừng bắn! Chú đừng bắn! — em lấy lại hơi, kêu to rồi trao cho Xtrenbixki cái gì như một bức thư.

Xtrenbixki hiện ra ở khe hở, nắm lấy ống tay áo em bé và định kéo em vào trong động, nhưng em bé run lẩy bẩy và khóc nức nở.

— Không được, không được... cháu không thể vào hầm mộ với chú; nếu cháu vào hầm, chúng sẽ giết mẹ cháu và đốt nhà cháu. Chúng ra lệnh cho cháu chuyển thư xong phải trở về ngay. Chú cầm lấy thư và bỏ tay áo cháu ra.

Em nhìn Xtrenbixki từ dưới lên trên, mắt đầy lệ và thì thầm nhanh.

— Chú ơi! chú có biết bọn phát-xít làm tình làm tội chúng cháu thế nào không? Chú có biết đến bao giờ bọn đáng nguyền rủa đó bị đánh tan xác không?

— Sắp rồi — Xtrenbixki nói — mấy ngày nay ta đã đánh cho chúng tơi bời trước Mạc-tư-khoa, các em có biết không?

— Thỉnh thoảng! Cháu có được đọc truyền đơn... Thôi Chúa phù hộ cho chú, cháu phải chạy về ngay đây, chú nghe đấy, chúng đang thổi còi!

Sau cái khe, nghe có tiếng còi. Xtrenbixki cầm lấy bức thư.

— Của tên chỉ huy đấy — em bé nói, và chợt em thêm, nghe rất thương, rất khẩn khoản. — Chỉ có một điều, chú ơi, là đừng hàng chúng. Cứ giữ cho vững, đồng bào tin ở các chú!

Rồi em bé, không ngoảnh cổ lại, chạy trở về và nhanh chóng biến mất theo bờ khe.

Hai tay đầy đất bụi, Secnôivanenkô đặt cái xà-beng xuống, mở chiếc phong bì dài trên có ghi một câu tiếng Nga đúng đắn, nhưng dáng chữ người ngoại quốc:

"*Hầm mộ. Gửi người chỉ huy đội du kích ngầm.*"

Secnôivanenkô lật đi lật lại cái phong bì trong bàn tay như không biết để làm gì. Ông đưa cho người gần nhất đứng bên cạnh Xviatôxlap đọc, rồi đưa cho người xa hơn. Trong khi mọi người nhìn cái phong bì, Secnôivanenkô đã đọc xong bức thư:

"*Các đồng chí du kích!*" (chấm than) — Senôivanenkô đọc, ghé sát bức thư vào ngọn đèn. — Bọn chó đểu, chúng gọi ta là "các đồng chí". Đồ vô lại! *"Hồng quân rút lui về phía Đông. Chính quyền xô-viết và Hồng quân không còn nữa (chấm). Quân đội Đức và Rumani chiến thắng đang tiến về phía Đông.* (Đúng thế. Chúng đã tiến đến tận Mạc-tư-khoa để được đánh cho vỡ mõm!) *Cuộc chiến đấu của các đồng chí không còn ý nghĩa nữa"* (Để rồi xem). *"Chúng tôi biết các đồng chí đang khốn khổ và thiếu thốn, bệnh tật và đói khát".* (Không cần phải là phù thủy mới đoán ra!) *Các đồng chí phải biết là các đồng chí không thể kéo lùi bánh xe lịch sử quân sự lại được".* Bánh xe lịch sử quân sự! Quái đản thật). *"Hãy hàng đi. Chúng tôi bảo đảm tính mạng cho các đồng chí trong một trại tập trung với mọi quyền lợi tù binh chiến tranh. Hạn tối hậu thư là hai mươi bốn tiếng đồng hồ. Trường hợp bác bỏ tối hậu thư, chúng tôi sẽ áp dụng mọi biện pháp cần thiết để tiêu diệt các đồng chí trong nháy mắt".* (Phải để muối lên đuôi chúng ta chứ...) *"Ngài sĩ quan của chúng tôi ở ngay trước lối vào quả mìn thứ nhất".* (Vậy ra là trước cửa "Con Dím". Ngoài cửa "con Dím" ra, chắc chắn chúng không mảy may ngờ

đến các lối ra khác. Cần lưu ý tới điều này!) *Ngài sẽ mang găng trắng”*.

Liônya Ximban khẽ nở một nụ cười và anh thay thế chữ “trắng“ bằng một hình dung từ không thể in lên được. Secnôivanenkô nghiêm khắc nhìn anh qua đôi kính và cất cao giọng, nhắc lại:

“*Ngài sẽ mang găng trắng. Cá nhân đồng chí phải đến trình diện với ngài sĩ quan đó, không được mang vũ khí. Chỉ huy quân sự.*” Hết, tưởng chúng ta cũng nên ra hàng với ngài mang găng trắng đó — Secnôivanenkô nói. — Các đồng chí nghĩ sao?

Ông ngoảnh lại và bỗng trông thấy Xiniskin đứng trong hầm. Không ai thấy bác tới. Thật khó tưởng tượng, không có ai giúp đỡ mà bác vẫn đứng dậy, mặc quần áo và đến được tận đấy. Mọi người ngạc nhiên nhìn cái bóng bác dài ngoằng, gầy guộc, mặc chiếc áo ca-pốt như một chiếc áo choàng bệnh viện. Đứng thẳng, nặng nề chống khẩu súng trường, bác thở khó khăn và mỉm cười. Nhưng nụ cười mới rùng rợn làm sao. Nếu tên sĩ quan mang găng trắng có thể trông thấy nụ cười mỉm của Xiniskin, chắc hẳn sẽ lạnh cả người.

Còn Liônya thì như bị kim châm, nhảy cẫng lên, nhưng đó là vì thích thú quá nên anh mới nhảy cao đến thế.

— Không, các đồng chí ạ, các đồng chí đã bao giờ nghe những điều như thế chưa? — Anh hét lên và vỗ vào đùi. — Ô, bọn ngu xuẩn! Chúng định gọi ai ra hàng mới được? Chúng điên rồi sao? Hình như chúng đã quên hẳn là chúng đang phải đối phó với ai rồi thì phải. Xin phép — anh vừa nói vừa cầm lấy bức thư trong tay Secnôivanenkô. — Ta đi về “góc đỏ” đi. Ta sẽ trả lời chúng. Ta sẽ viết thư cho chúng. — Đôi con mắt màu hạt dẻ của ánh sáng ngời lên tinh nghịch và giận dữ. — Ta sẽ viết cho chúng bằng những lời lẽ mà các bậc cha ông đáng kính của ta cũng không nghĩ tới khi các ngài viết cho vua Thổ, các đồng chí đã biết đấy, qua bức họa “Những người Zapôrôgơ“ của Rêpin trong Viện bảo tàng Trêchiakôp. Phải thế không, đồng chí Secnôivanenkô?

Nhưng Secnôivanenkô lấy lại bức thư trong tay Ximban nói giọng thô bạo:

— Không!

— Sao, còn không phải à? — Liônya ngạc nhiên.

— Không! — Secnôivanenkô nhắc lại và vò nát tờ giấy. Chúng đừng tưởng với bọn chó đẻ như chúng, ta sẽ gửi thư để làm vinh dự cho chúng. Ta không phải là những người Zapôrôgơ. Còn chúng, càng không phải là vua Thổ. Ta không nên đùa với chúng. Ta sẽ trả lời chúng nhưng bằng một cách khác hẳn. Chúng sẽ thấy, găng trắng như thế nào! — rồi ông ném bức thư xuống đất.

— Đúng! — Xiniskin nói. — Tôi đồng ý. Nhưng dù sao cũng phải vào sổ bức tối hậu thư.

Nói rồi, bác từ từ cúi xuống, rên rỉ, nhặt lấy bức thư thong thả vuốt cho thẳng, rồi nhét vào túi áo.

— Nikôlai Vaxiliêvich, ai cho phép bác ra khỏi giường? — Secnôivanenkô nói, nghiêm khắc.

— Tôi khỏe hẳn rồi — Xiniskin đáp, mắt ánh lên nom thật dễ sợ. — Và tôi yêu cầu đồng chí đừng trở lại vấn đề đó nữa.

— À, này, các đồng chí — Secnôivanenkô nói. — Ngay bây giờ, chúng ta chưa nên triệt hẳn cửa "Con Dím". Tôi nghĩ chúng ta còn có thể sử dụng nó một lần cuối cùng nữa. Xong, chúng ta sẽ bịt hẳn nó lại và đi lối cửa sau. — Ông rướn cặp lông mày lên, đầy ý nghĩa. — Chúng ta sẽ đi lối cửa sau. Phải.

... Đúng đêm hôm đó, Tulyakôp và Ximban đã xuất kích để lên mặt đất; họ không dùng cửa "Con Dím" bấy giờ đã bị quân Đức và quân Rumani canh gác, cũng không phải cửa "Con Vịt" quá xa làng Uxatôvô, mà dùng cái giếng. Trước hết Liônya Ximban vốn lanh lẹn như một con mèo, khuỳnh hai khuỷu tay tì vào thành giếng, trèo lên và lấy rìu đục chỗ để chân. Anh buộc một sợi thừng dài và chắc chắn vào trụ giếng.

Gần sáng, khi bọn lính gác cảnh giác nhất cũng đã ngủ say, Tulyakốp và Ximban, mang theo mìn chiến lợi phẩm, ra khỏi giếng lên mặt đất.

Trời gần như không băng giá nữa. Như thỉnh thoảng vẫn hay gặp ở miền Nam, giữa mùa đông có lúc tuyết tan đột ngột.

Gió biển man mát thổi và sao lấp lánh theo một nhịp rất đều tưởng như chốc chốc có một bàn tay vô hình mơn trớn, vuốt ve.

Trên đỉnh đầu, trời xám ngắt, nhưng về phía chân trời thì tối om và trên mặt tuyết mờ đục vắng vẻ, lại đen như nhung.

Túlvakôp và Ximban đi qua vườn trường không ai canh gác, đến ngay ngôi trường và đặt vào đó ba quả mìn. Hai quả trong trường, ở chỗ cửa sau, và một quả vào đâu đó ở cửa cổng. Họ đã bò rất chậm, qua vườn, họ đã nằm dài rất lâu trong tuyết ướt sũng lắng nghe từng tiếng động khả nghi trước mỗi cây táo bị thỏ rừng nhấm nên công việc đã kéo dài ít nhất mất hai tiếng đồng hồ. Khi họ trở về đến giếng, tất cả gà trong làng Uxatôvô đã gáy ba lần. Họ trèo xuống giếng, tìm cây đèn, đốt lên và cuối cùng về tới doanh trại

Trong doanh trại, anh em đón họ từ lâu. Mọi người đã tập hợp, mang theo vũ khí và chỉ còn chờ hiệu lệnh để chuyển sang giai đoạn hai của cuộc chiến đấu trá hình. Ngay lập tức toàn phân đội tiến thẳng ra phía cửa "Con Dím". Đến đấy, họ ra cả bên ngoài và nổ một loạt súng chỉ thiên khủng khiếp. Trong hầm mộ còn rất ít đạn nhưng, nhân dịp này, Secnôivanenkô đã ra lệnh cho mỗi người được bắn hết một hộp. Họ bắn từng loạt, từng nhóm và từng đợt theo mệnh lệnh. Xêrafim Tulyakôp bắn liên thanh từng loạt dài. Ximban, thong thả quả một, ném một ít lựu đạn. Khi nổ chúng chiếu sáng cả đất, trời, và xác tù binh bị bắn chết. Đồng thời, họ cố "Hura!" thật to. Họ làm ầm ỹ đến đỗi từ xa, tưởng như cả một tiểu đoàn đang xung phong.

Rất nhanh, đây đó, đèn điện bật lên. Nghe có vài phát súng của bọn lính canh hay của bọn tuần tiễu. Pháo hiệu xanh đỏ bay vọt lên không trung xám ngắt, kèn báo động thổi, ở Uxatôvô,

một tia chớp vạch ngang trời, một cột khói dựng lên, một tiếng nổ chuyển đất. Có lẽ tên chỉ huy nghe báo động, tỉnh dậy, đã cùng với toàn bộ cơ quan tham mưu nhảy bổ ra ngoài thềm, nơi Tulyakôp và Ximban mới bò qua cách đây không lâu lắm. Rồi khi tiếng nổ thứ nhất chưa hết vang, lại nghe tiếng nổ thứ hai, yếu hơn tiếng thứ nhất một tí, nhưng cũng khá mạnh. Có lẽ chiếc xe xích sắt trực ban khi chạy qua cổng trường đã đâm bổ lên quả mìn kia.

— Đấy, thư ta gửi cho vua Thổ đấy — Secnôivanenkô nói, sau khi mọi người đã nhanh chóng xuống cả dưới đất, và lối vào "Con Dím", hoàn thành xong nhiệm vụ, đã được cài mìn và bít hẳn lại vĩnh viễn.

78

Và thế là trong hầm mộ lại kéo lê thê những ngày dài vô tận, lạnh lẽo và tối như bưng, ban ngày cũng như ban tối. Chỉ khác ban đêm là không nghe tiếng vo vo của các bếp dầu hỏa. Ngoài việc thể dục bắt buộc, tắm rửa bằng nước lạnh, bảo quản vũ khí đạn được và chuyền điện vào ắc-quy, Secnôivanenkô còn đề ra hàng ngày phải vá quần áo giày dép. Do đó, "Góc đỏ", dưới ánh sáng yếu ớt của ngọn đèn đã thành như một xưởng máy hay xưởng đóng giày.

Một hôm, Secnôivanenkô lục trên cái giá đá đục vào tường và lấy ra cuốn Tarax Bunba của Gôgôn.

— Ta phải nghĩ tới văn học một tí — ông nói — ta nên đọc cuốn Tarax Bunba. Đây là một quyển sách tôi rất thích từ hồi còn bé. Nó sẽ cho ta sống lại những trang sử quang vinh. Ta sẽ thấy cha ông ta, những người Zapôrôgơ, đã chiến đấu để bảo vệ

Tổ quốc chống lại quân xâm lược nước ngoài từ phương tây tới như thế nào. Nhưng ta muốn người đọc nó phải trẻ hơn một tí. Vậy phải là một đoàn viên Komxômôn, đồng chí Xviatôxlap hay chính ngay các em thiếu niên tiền phong của chúng ta. Thật thú vị khi được nghe một giọng nói trai trẻ kể lại những ngày oanh liệt của thời xưa.

Và những buổi đọc sách hàng ngày của Ban chấp hành bí mật khu bắt đầu.

79

"*Trên lưng cõng mấy bao bột mì, khó khăn lắm Anđri mới cử động được và đi theo cô gái Tatarơ trong con đường hành lang tối tăm chật hẹp*", Pêchya đọc, thè lưỡi liếm môi khô và tái nhợt. "*Chúng tôi sắp có thể thấy tất cả, chúng tôi tới gần nơi tôi đã cắm bó đuốc...*". Hoàn toàn giống như ở chỗ chúng ta, trong hầm mộ — Pêchya nói.

— Được rồi. Sau hẵng bình luận — Valentin sốt ruột.— Đọc đi!

"*Và thực vậy* — Pêchya đọc tiếp — *những bức tường đất tối tăm bắt đầu sáng lên một tí. Họ đã tới một bãi đất bằng mà có lẽ trước kia có một ngôi nhà thờ. Ít nhất trên tường cũng còn một cái bàn hẹp dùng làm bàn thờ và ở bên trên thấy có một bức ảnh Đức Bà Đồng trinh gần như đã hoàn toàn bị xóa nhòa và phai màu. Một ngọn đèn chong nhỏ bằng bạc treo đằng trước, lờ mờ soi sáng...*"

— Cậu xem, không có gì giống nhau hết —Valentin nói.

— Cái gì "không giống nhau?"

— Không có gì giống với hầm mộ của chúng ta hết. Tất cả cái

đó, hoàn toàn là bịa đặt.

— Còn bó đuốc? — Pêchya nói.

— Bó đuốc, ở chỗ chúng ta, là để cho sáng, Còn ở chỗ họ, là một cái gì có tính chất tôn giáo. Thôi đủ rồi, đọc tiếp đi.

Và Pêchya tiếp tục đọc chuyện người phụ nữ Tataro thần bí nâng bó đuốc đồng dưới đất lên và châm vào ngọn đèn chong.

"*Ánh sáng rõ hơn và họ cùng bước đi, khi thì được soi sáng rất rõ, khi thì bị khuất trong bóng tối đen như mực — Cảnh tượng này làm nhớ tới những bức họa của Jeracdo đenla Nôttê. Gương mặt đẹp đẽ tươi sáng, đầy sức sống và khí sắc thanh xuân của người hiệp sĩ rất trái ngược với gương mặt xanh xao và kiệt quệ của người bạn gái.*"

— Không phải! — Valentin hét lên, lúc lắc hai bím tóc, mắt tức giận long lên sòng sọc. — Không phải, dù sao Anđri cũng là một tên phản quốc thực sự. Bắn chết hắn là đúng.

— Người ta đã bắn chết hắn vì cần thiết — Xiniskin nói, giọng khàn khàn, gõ những ngón tay dài trên bàn đá.

— Được rồi, cháu Pêchya đọc tiếp đi — Matriôna Têrenchiepna nói. Đừng dừng luôn như thế: " — *Lối đi mở rộng ra một tí* — Pêchya đọc tiếp — *nên Anđri đã có thể đứng thẳng người lên. Anh chăm chú nhìn những bức tượng đất ấy, nó gợi cho anh nhớ lại những hang động ở Kiep. Giống y như trong các hang động ở Kiep, ở đây cũng có những hốc nhỏ trong tường và cách từng quãng là những ngôi mộ; thậm chí đôi chỗ, chỉ còn trơ những hài cốt vì ẩm ướt đã nhũn ra và biến thành bột. Tất nhiên, ở đây cũng đã có những nhà tu hành, và họ cũng đã trốn tránh những cơn dông tố những buồn thảm, và những sự cám dỗ của cõi đời...*"

— Ngừng lại — Secnôivanenkô bỗng có ý kiến. — Bác chưa hiểu, ai đã tránh trong hầm mộ Kiep khỏi những cơn dông tổ, những nỗi buồn thảm, những sự cám dỗ trên cõi đời này thế?

— Những nhà tu hành — Pêchya nói.

— Không đúng! — Secnôivanenkô hét lên, giận dữ.

— Ở đây, viết như vậy — Pêchya khiêm tốn, nói.

— Tất cả những điều viết đó đều không đúng, khoan một tí.

Secnôivanenkô khoát tay bảo chú bé đang muốn đọc tiếp ngừng lại, rồi húng hắng ho.

— Tôi có một nhận xét nhỏ và xin đính chính lại một điểm, Gôgôn khẳng định là trong các hang động ở Kiep có những nhà tu hành đã tránh khỏi những cơn dông tố, những nỗi buồn thảm, và những sự cám dỗ ở cõi đời này. Có thể có những nhà tu hành kiểu đó. Thậm chí chắc chắn có như vậy. Nhưng tất cả câu chuyện trong hang động ở Kiep thực tế còn có một ý nghĩa chiến lược và quân sự nữa. Nhân dân Kiep đã trốn vào đó trong thời kỳ bị quân Mông-cổ xâm lược. Trong các hang động ở Kiep, những người thày tu thiện chiến đã cất giấu những kho vũ khí và lương thực. Họ ở trong hang động, xuất kích đánh vào sau lưng địch và đã giáng cho chúng những đòn sấm sét; Họ chiến đấu bảo vệ Tổ quốc chống lại quân xâm lược, và không hề trốn tránh những cơn dông tố, những nỗi buồn thảm, và những sự cám dỗ. Bởi vậy, đứng về mặt này của câu chuyện, chúng ta phải noi theo họ một phần, nhưng nhất thiết không được tin ở Gôgôn. Ông đã rất khôn khéo, theo cách của ông ta, dẫn bạn đọc đến một lối chống cự thụ động và thậm chí đầu hàng trước những khó khăn. Về phần giá trị văn học, tất nhiên chúng ta không thể có hai quan điểm. Nhất định là hay thật. Thậm chí rất hay. Nhưng đứng về mặt lịch sử mà nói, thì sai — Secnôivanenkô nói quả quyết. Rồi ông chợt mỉm cười nhìn các đồng chí và nói thêm rất nghiêm trang, nghiêm khắc nữa là khác. — Phải chú ý tới điều đó.

— Cháu có thể tiếp tục chứ? — Pêchya hỏi, sau một lát im lặng.

— Đọc tiếp đi, đọc tiếp đi.

Nhưng chú bé vừa mới bắt đầu. "*Có chỗ rất ẩm ướt dưới chân...*" thì Raitxa Lvôpna chợt nói, vẻ mơ mộng — Này, các

đồng chí có biết mai là Tết đầu năm không?

Cái tin bất ngờ đó đã đập mạnh vào mọi người. Từ lâu, họ đã quên bẵng mất cái thú của một ngày lễ. Họ không có cái tâm trạng như những hôm trước ngày lễ. Tết đầu năm tới, đối với mọi người, vốn thường gắn liền với bao hy vọng ở tương lai, đã làm họ vô cùng xao xuyến.

Lập tức, người ta gác quyển Bunba lại và lo chuẩn bị cho ngày Tết đầu năm. Secnôivanenkô đặc biệt vui mừng về ngày lễ này, coi đó như một dịp tốt để làm cho mọi người phấn khởi lên một tí. Ông trở nên rộng rãi và quyết dinh, nhân sự kiện này, cho đốt thêm hai bó đuốc, ngoài ngọn đèn bão công tác. Còn đối với bừa ăn tối long trọng ngày Tết đầu năm, đồng chí bí thư thứ nhất, ngoài món cháo buổi sáng mà mọi người đã quyết định dành lại, chờ bày thêm lên bàn ăn một miếng mỡ với một hộp kẹo caramen con để uống trà.

Mọi người đều biết Secnôivanenkô còn giữ trong tủ két một số rượu dự trữ rất ngon. Nói thực ra, Liônya Ximban rất chú ý đến số rượu dự trữ đó. Đã mấy lần, rất tế nhị, anh đã xa xôi lái câu chuyện đến vấn đề nóng hổi đó, nhưng Secnôivanenkô hoặc im lặng, hoặc làm ra bộ rất bận rộn. Thực tế, ông cũng rất bận. Ngồi ở bàn đá, đầu đội mũ bịt tai cúi trên tờ giấy, ông cầm mẩu bút chì chậm rãi viết gì đó. Thỉnh thoảng ông dừng lại và ngước mắt lên trời. Nhìn qua, có thể biết ông đang chuẩn bị một bản báo cáo đầy đủ cho ngày tết đầu năm, và sắp đặt chương trình tham luận, vả lại đôi khi trên môi lại thoáng một nụ cười khó hiểu.

Liônya Ximban cứ lượn quanh đồng chí bí thư thứ nhất mãi. Đôi khi Liônya ngồi vào bàn và, tì lên vai Secnôivanenkô, cố nhìn vào tờ giấy, để xem ông viết sắp xong chưa. Secnôivanenkô lấy bàn tay che phần đã viết lại và ẩy Ximban ra.

— Liônya, thôi đừng lượn quanh cái tủ két nữa.

— Nhưng tôi có lượn quanh đâu? Đồng chí thấy tôi lượn quanh à?

— Anh lượn quanh.

— Tôi lượn để làm gì nào?

— Không để làm gì cả, chắc chắn là thế. Nhưng thôi đừng mơ ước hão nữa.

— Tôi mơ ước gì nào?

— Không có gì quan trọng cả. Nhưng tôi bảo cho anh biết là những mơ ước không có cơ sở đó sẽ vẫn là những mơ ước không có cơ sở.

— Nhưng tại sao vậy, Gayrin Xêmiônôvich?— Liônya rên rỉ, giọng than vãn gần như tha thiết.

— Bởi vì đó là "dự trữ bất khả xâm phạm".

— Thậm chí cho cả một ngày như ngày hôm nay?

— Thậm chí cho cả một ngày như ngày hôm nay.

— Thật đồng chí làm tôi ngạc nhiên quá.

— Thôi đủ rồi. Cuộc thảo luận kết thúc. Để cho tôi làm việc..

— Tôi không ngờ đồng chí lại quá ư sắt đá như vậy — Liônya nói, thở dài và cứ loanh quanh bên tủ, luôn luôn có vẻ như chờ đợi một cái gì. Nhưng thấy vẻ nhìn của Secnôivanenkô, Ximban trố mắt sợ hãi và chuồn thẳng một mạch.

... Pêchya và Valentin nằm dài trên chiếc bàn trong phòng họp, đang soạn bài cho số Tết tờ báo tường Người Bônsêvich ngầm. Vì ngày Tết, được hoàn toàn tự do nên chúng bôi gần khắp tờ báo những tranh biếm họa. Có một tranh biếm họa lớn theo kiểu Kukrưnitxư "Thể dục buổi sáng". Chỗ khác, là tên chỉ huy Rumani cùng với ban tham mưu của hắn bị nổ tung, hay là bà Matriôna Têrenchiepna nước mắt nhỏ ròng ròng, to như những quả nho, đang ngồi cân thức ăn bên một cái cân tiểu ly và bên cạnh cây đèn bão, là Liđya Lvôpna và Xviriđôp đang hôn nhau.

Nhưng mục chủ yếu của tờ báo là một tranh biếm họa do

Liônya Ximban đề xuất và ký tên. Trên bức họa nhỏ đó, chiếm hết một phần tư tờ báo, trình bày cảnh tan rã của quân Đức trước Mạc-tư-khoa, và cảnh ngày Tết đầu năm qua hình ảnh của một chiến sĩ Hồng quân đâm lê xuyên qua người Hitle, Antônexkô, Mutxôlini và tất cả các loại thù địch của chính quyền xô-viết; những xác chết của bọn Hitle quẳng bỏ vũ khí đi lang thang trên tuyết. Và dưới tất cả cái đó, là một dòng khẩu hiệu. "Tết đến bọn Đức chó đẻ bắt đầu rút lui!".

Ngoài ra, cũng có nhưng bài đứng đắn. Xviatôxlap đã viết một bài ngắn nói về sự cần thiết, trong dịp đầu năm 1942, phải nghiêm chỉnh chú ý đến trường hợp các em thiếu niên tiền phong Pêchya Batsây và Valentin Pêrêpêlixkaia, vì không có cách nào đến trường được nên có thể bị chậm trễ trong việc học tập. Anh đề nghị phải bắt chúng học mỗi ngày hai giờ và yêu cầu Ban chấp hành khu Đảng bộ, ngay trong dịp này, cung cấp cho các em thiếu niên tiền phong sách giáo khoa và giấy bút. Trong khi chờ đợi có sách giáo khoa, anh khuyên Valentin kèm cho Pêchya và cùng với chú ôn lại toàn bộ chương trình lớp sáu; còn riêng về phần Valentin thì ôn lại chương trình lớp tám và lớp chín theo hướng dẫn của Xviatôxlap. Ngoài ra, Xviatôxlap còn đề nghị bắt đầu ngay, không chậm trễ, đúng theo điều lệ của thiếu niên tiền phong, cho các em học một nghề nào đó thích hợp với công tác bí mật và giúp được công tác bí mật, ví dụ như vô tuyến điện và ký hiệu Morxơ.

Pêchya và Valentin tỏ vẻ hơi khó chịu, nhưng dù sao chúng cũng xếp bài của Xviatôxlap nếu không ở chỗ tốt nhất, thì cũng không phải ở chỗ khó thấy nhất. Rồi sau khi suy nghĩ, chúng cũng tự viết một bài cam kết ôn lại toàn bộ chương trình trong thời gian ở hầm mộ và chuẩn bị thật tốt cho những kỳ thi mùa xuân.

Xiniskin mang đến một bài đánh máy rất dài và rất chán về lợi ích của kỷ luật, về tinh thần cảnh giác, về ý thức tiết kiệm đối với vũ khí, đạn được và các tài sản khác của đơn vị, về những quy tắc ăn ở trong điều kiện bị bao vây, và về tất cả mọi vấn đề

đại loại như vậy. Bài báo đầy dẫy những câu như "thời gian vừa qua .." "không chiếu cố đến một loạt khó khăn thường gắn liền với đơn vị khi chuyển sang chiến thuật chống trả tích cực", "do cơ cấu của một môi trường không lành mạnh cho tư tưởng yên tâm, có thể dẫn tới mất cảnh giác vân vân. Đối với bài báo ký tên "Người quan sát tích cực", có phần khó khăn. Không xếp hết được. Mà cắt ngắn thì Pêchya và Valentin không dám. Chúng đã tìm ra một lối thoát rất đơn giản: chúng dán bài bảo y nguyên như thế đối với phần có thể xếp gọn vào tờ báo được, còn cái đuôi không xếp được, chúng cứ để lủng lẳng ở bên ngoài. Nói tóm lại mọi việc đều diễn ra như thường lệ đêm trước lễ trong một xí nghiệp xô-viết nhỏ, như trên đầu họ không có bọn phát-xít đang đi lại, và xung quanh không có một tí gì nguy hiểm. Khung cảnh đó đã toát lên một niềm hứng thú rất đặc biệt.

80

Khi đã dán tờ báo tường trang nhã của ngày Tết đầu năm còn ướt và nặng hồ, và ngắm chê ngắm chán, Pêchya và Valentin đi ra giếng để nhổ hành. Giò hành xanh mà chúng đã cấy cạnh giếng, ở chỗ có ánh sáng nhợt nhạt ban ngày, phải là một trò bất ngờ của chúng trong ngày Tết đầu năm. Chúng thích thú trước niềm hân hoan và vẻ kinh ngạc của toàn đơn vị khi thấy ở trên bàn, ma nào biết từ đâu, xuất hiện một nắm hành xanh tươi.

Một là nó đẹp, hai là nó ngon lành, ba là rất bổ ích cho những người thường xuyên thiếu vitamin. Pêchya với tư cách là phó chủ tịch câu lạc bộ các nhà thực vật học trẻ tuổi và là một người tuyệt đối trung thành với khoa học, quan tâm đặc biệt đến chất vitamin.

Chúng ngồi xổm xuống, nhấc cái bầu kính ra rồi hí hoáy nhổ những mầm hành héo, ngắn ngủn, không đẹp một tí nào như chúng thường xuyên hình dung thấy. Nhưng dù sao, đó Cũng là hành "xanh" ai muốn nói gì thì nói, nó cũng chứa khá nhiều vitamin.

Chú bé nhổ giò hành hết sức cẩn thận như không phải là một giò hành mà một cây thần kỳ quý giá, và đồng thời chú hình dung thấy rất rõ những điểm có thể viết thành một bài báo giật gân cho tờ Sự thật Thiếu niên, nếu tất nhiên, có thể chuyển được nó từ Uxatôvô về tới Mạc-tư-khoa. Đối với công tác thông tín viên thì đây mới thật là một công tác! Đừng nói với tôi câu này nữa. "Trên máy bay số mấy, số mấy, ở độ cao 1.400 mét trên mặt biển"... Không! Phải là thế này: "ở hậu địch, trong hầm mộ, ở độ sâu mười lăm mét "dưới" mặt biển. Đó sẽ là thắng lợi của việc vận dụng vào thực tế môn thực vật học để phục vụ những nhu cầu của phong trào du kích ở hậu địch. Tất nhiên Pêchya sẽ không nêu bật vai trò đặc biệt của mình trong việc tổ chức hoàn toàn khoa học các cuộc thí nghiệm cách chăm bón hành, che kín trong một cái bầu thủy tinh thông thường ở độ sâu mười lăm mét dưới mặt biển. Chú sẽ hoàn toàn khách quan, đúng như một nhà bác học tiên phong chân chính. Nhất định chú sẽ nêu cả cô nữ thiếu niên tiền phong Ôđetxa, Valentin Pêrêpêlixkaia, đã cộng tác trong việc áp dụng các kiến thức khoa học của chú, mặc dù cô không có một trình độ khoa học đầy đủ và không phải luôn luôn thống nhất quan điểm với chú về ý nghĩa các sinh tố đối với sức khỏe con người. Nhưng dù sao chú cũng sẽ khách quan. Có lẽ chú còn tỏ ra khiêm tốn một cách đáng ca ngợi, và chú sẽ viết "Một nhóm thiếu niên tiền phong gồm có Pêchya và Valentin Pêrêpêlixkaia, dưới sự lãnh đạo của Pêchya Batsây, phó chủ tịch câu lạc bộ các nhà thực vật học trẻ tuổi, đã thu được những kết quả rực rỡ trong vấn đề trồng hành thông thường, có nhiều sinh tố c..."

— Ô, Pêchya. — Valentin hét lên. — Nhìn kìa.

Pêchya nhìn và thấy một cái gì có lẽ rất bình thường, nhưng

đồng thời cũng rất lạ lùng, nên ngay lúc mới thấy, chú đã tưởng mình nhầm lẫn. Ở giữa giếng, đúng ngay lối vào hầm mộ, lơ lửng một cái làn, một cái làn thông thường kích thước trung bình, loại làn mà những bà nội trợ ở Ôđetxa thường dùng để đi chợ. Trong làn có một cái gì gói trong một chiếc khăn bông thêu màu xám. Valentin cúi gập người xuống tận thắt lưng vào trong giếng, tháo cái làn ở sợi thừng từ bên trên dòng xuống và kéo vào trong đường ngầm... Chúng cúi nhìn vào cái làn bí mật, và thoạt tiên thấy một mảnh giấy con cài vào chiếc khăn bông. Trên tờ giấy, hình như xé ở một quyển vở học sinh ra, viết bằng bút chì bi, chữ viết nắn nót kiểu học sinh. "*Chúc mừng các đồng chí thân mến! Ngon miệng và sức khỏe tốt hơn! Gửi được ít quá, xin lỗi các đồng chí; gần như không còn gì hết ở nhà chúng tôi nữa, vì chúng đã cướp sạch. Gửi cho bản thông cáo của Thông tấn xã xô-viết, chúng tôi sốt ruột lắm.*"

Pêchya và Valentin hết sức thận trọng mở cái gói khăn buộc thắt nút ra, liếc nhìn vào trong lần rồi phấn khởi quá, chúng hét ầm cả lên.

Và trong cái đêm trang trọng của ngày Tết đầu năm đó, trên bàn của những người bí mật, để liên hoan, ngoài món cháo, miếng mỡ và cả một hộp kẹo caramen nhỏ, như có phép thần thông, đã xuất hiện một mét năm mươi xúc xích, một cuộn kalasơ tròn, xoắn hình tròn ốc như một cái lò xo đồng hồ, làm bằng bột lúa mạch màu xám và bốn ca rượu vang đỏ nhà làm lấy, một màu tím đen, sủi bọt hồng hồng, đựng trong một cái bình sành bọc bằng mảnh vải.

— Này đồng chí Gayrin Xômiônôvich, đồng chí nghĩ sao — Ximban hét lên đắc thắng, xoa tay khi nhìn thấy bình rượu — ở đời có công lý hay không?

— Ở đời có công lý đấy — Secnôivanenkô đáp.

— Trên kia có Chúa Trời không?

— Không, trên kia không có Chúa Trời.

— Vậy thì có gì trên ấy.

— Con người — Secnôivanenkô nói, mắt sáng ngời tự hào, nhấn mạnh vào tiếng "con người" — Con người sống trên đó. Những người xô-viết dũng cảm. Tất cả đảng viên của Đảng và những người ngoài Đảng, nhân dân!

— Đồng chí đã nói trước ý nghĩ của tôi. Tôi cũng định nói như vậy nhưng bằng những lời nói khác, thích hợp hơn với ngày Tết đầu năm. Trên ấy, có nhân dân, đồng ý. Và nhân dân là bất tử. Vậy nhân dân cũng như Chúa Trời. Đồng chí hiểu ý tôi chứ?

— Con người! — Secnôivanenkô hét lên, vừa hài lòng, vừa giận dữ cùng một lúc.

— Rất đúng — Ximban vội vã nói — Vì vậy, phải nâng cốc chúc mọi người. — Rồi nhanh nhẩu, anh cầm lấy cái bình.

Secnôivanenkô, cẩn thận giằng lấy cái bình trong tay anh rồi để sang một bên:

— Đúng nửa đêm, sẽ bắt đầu nâng cốc — ông nói.

— Thế mấy giờ rồi?

— Kém hai mươi.

— Sao đồng chí biết?

— Theo đồng hồ nhà ga của tôi.

Secnỏivanenkô gí chiếc đồng hồ ngay vào mũi Ximban. Nó chỉ mười hai giờ kém hai mươi.

— Đúng — Liônya nói, ngạc nhiên. — Nhưng nó đã ngừng chạy rồi kia mà?

— Ấy, nó mới chạy đấy.

— Gớm, ma bắt đồng chí — Liônya nói, cười rộ lên. — Ai đồng chí cũng xoay được. Tôi biết chắc đồng hồ của đồng chí đã không chạy nữa rồi.

— Nó không chạy nhưng nó chỉ giờ. Thế mới tài tình.

— Được, đồng chí thì chẳng ai thay đổi nổi — Liônya nói, Vẻ

giận dỗi, quay mặt đi, cố ý không nhìn vào bình rượu.

Thực thế, "thay đổi" được Secnôivanenkô là điều rất khó, kể cả trong cái đêm Tết đầu năm này. Ông vẫn phải trung thành với bản thân, kể cả ở đây. Ông không thể mất trật tự, vô kỷ luật. Tất cả phải theo nguyên tắc một cách nghiêm túc. Ông đã cố ý để chiếc đồng hồ hỏng chỉ mười hai giờ kém hai mươi. Lát nữa, ông sẽ cho nó chỉ nửa đêm để buổi lễ Tết đầu năm được cử hành theo đúng mọi thủ tục. Còn thực tế mấy giờ thì ông không hề biết: có lẽ là ba giờ sáng...

Khi mọi người đã ngồi vào quanh bàn, ông mới xem đồng hồ và nói:

— Mười hai giờ kém năm! Chuẩn bị... — có Matriôna Têrenchiepna làm ơn cắt bánh mì và xúc xích cho các đồng chí, rồi rót cho mỗi người nửa chén vại rượu vang. Các cháu cũng thế.

Mặc dù mọi người đều biết đồng hồ của Secnôivanenkô không chạy, và tất cả cái đó chỉ "để đảm bảo nguyên tắc", nhưng ai nấy cũng đều cảm thấy phấn khởi trang nghiêm. Lúc này, chung quanh đều có vẻ Tết: hai ngọn đèn đốt thêm, tấm khăn trải giường sạch sẽ phủ trên bàn, tờ giấy trắng mới tinh có vẽ hoa dây mà Matriôna Têrenchiepna đã lấy để che cái "tấm ván" để sách.

Những con mắt thâm quầng sáng hẳn lên. Màu đỏ trở lại trên các khuôn mặt võ vàng. Secnôivanenkô lại xem đồng hồ.

— Chịu khó đợi một tí nữa — ông nói vẻ đôn hậu. — Kém một phút. — ông nâng chén — Thế là đúng nửa đêm. Chúc các đồng chí, năm mới!

Ông nâng chén rượu cao hơn nữa, rồi bỗng, cương quyết, ông lớn tiếng hát bài Quốc tế ca. Mọi người đứng dậy, tay cầm cốc và tất cả cùng cất tiếng hát tiếp bài ca hùng tráng đó, bài ca đã gắn liền với biết bao kỷ niệm vinh quang, bài lễ ca của giai cấp vô sản, bài lễ ca uy nghiêm của chiến đấu và chiến thắng. Họ hát từ đầu chí cuối, không bỏ một đoạn nào, với một niềm hưng phấn

luôn luôn đổi mới, một say mê mãnh liệt thêm mãi, đặc biệt đồng thanh hát lại điệp khúc:

Đấu tranh này là trận cuối cùng!

Kết đoàn lại để ngày mai

L'Internationale

Sẽ là xã hội tương lai...

Cốc cầm ở tay, họ đi từ người này đến người khác, chạm cốc và hôn nhau.

Pêchya trông thấy ngay gần mình hai con mắt Valentin đen nhánh và mở rộng. Cũng trong lúc đó, máu dâng lên đầu và màu đỏ thẹn thùng tràn ngập cả gương mặt chú bé một cách rất mãnh liệt, làm nước mắt chú trào ra và mắt mờ đi. Với bàn tay giá cóng, Valentin ôm lấy đầu chú rồi ghé đôi môi đầy đặn lạnh buốt, hôn chú ba lần vào má. Cốc rượu run run trong bàn tay chú, rượu vang đổ lênh láng trên mặt bàn, và lập tức trở thành màu tím trên tấm khăn trắng tinh.

Pêchya thấy Xviatôxlap nâng cốc rượu tiến về phía chúng. Qua lớp sương mù, chú nghe tiếng nói vui vẻ của anh:

— Nào chúc các thiếu niên tiền phong Lêninit, một năm mới!

Rồi chú thấy hai người hôn nhau. Họ hôn nhau gần giống như Pêchya và Valentin, chỉ khác là Xviatôxlap. mắt sáng ngời vàng rực đã ôm lấy Valentin, tay quàng ra sau mái đầu rất chải chuốt, ở chỗ gáy có bím tóc lủng lẳng, rồi kéo cô vào lòng. Đáng lẽ hôn lại anh, nhưng Valentin bỗng đỏ bừng mặt, rồi nồng nàn mạnh bạo như trong cơn giận dữ, cô nhắm mắt lại, gục đầu lên vai Xviatôxlap. Thế rồi, anh dịu dàng cúi xuống và hôn lên đôi môi tươi cười của Valentin ba lần.

— Nhưng có điều tôi ngạc nhiên — Liônya Ximban nói to — là thái độ của đồng chí bí thư thứ nhất kính mến chúng ta: các đồng chí cũng đã nhận thấy đấy, đồng chí đã không làm cả báo cáo công tác nữa.

— Báo cáo công tác của chúng ta đã có đây rồi — Secnôivanenkô vừa nói vừa thú vị uống từng ngụm nhỏ rượu vang và cứ mỗi lần lại liếm môi như một đứa trẻ — Đây, bản báo cáo công tác của chúng ta đây.

Ông lấy ở bàn lên mảnh giấy con đã găm ở cái làn.

Đây là sự đánh giá của nhân dân đối với công tác của chúng ta. Cứ xét qua xúc xích, bánh mì và rượu vang đỏ ngon, sự đánh giá nói chung là tốt. Nhưng nó cũng bao gồm một số ý kiến phê bình. Nhân dân ám chỉ đến những thiếu sót trong công tác của chúng ta. Họ yêu cầu chúng ta không được quên mang đến tận tay họ, đúng thời gian, các bản tin của Thông tấn xã xô-viết. Và tôi nghĩ, bắt đầu năm 1942 này, chúng ta phải quan tâm đến điều đó trong công tác của chúng ta. Vì chúng ta không phải chỉ là những người lính mà còn là những cán bộ tuyên truyền nữa. Bởi vậy tôi nhắc lại các đồng chí những lời nói của Vlađimia Ilich Lênin đọc trước các chiến sĩ của Đảng trong thời kỳ Nội chiến mà tôi nhớ mãi đến tận hôm nay: "*Các đồng chí phải nhớ rằng các đồng chí không phải chỉ là những người cổ động tuyên truyền mà các đồng chí còn là những người đại diện của chính quyền xô-viết, mỗi tuyên truyền viên là một người đại diện toàn quyền của chính quyền xô-viết*".

Tuy ngắn nhưng dù sao đó cũng là một bài diễn văn. Rồi Seenôivanenkô cũng không đọc gì khác nữa. Bữa ăn tối diễn ra vui vẻ nhưng tiếc thay, quá nhanh chóng.

Ôi chao, thú biết bao, có thể nói là hạnh phúc biết bao khi được bỏ vào miệng những miếng xúc xích rán ngon lành vàng rộm lại thêm hành, hạt tiêu, kèm với món kalasơ bằng bột lúa mạch màu xám và uống một ít rượu vang đỏ chát làm cho môi tím bầm lại!

Dù sao, đối với hai mươi người ăn, cũng không có gì nhiều lắm. Tất cả mỗi người chỉ được chừng mười phân xúc xích với một mẩu bánh. Riêng rượu thì còn ít hơn nữa, mỗi người được ba phần tư chén. Cho nên họ chuyển ngay sang phần cháo.

Sau bữa ăn tối, như thường lệ, họ bắt đầu người nào việc nấy.

Raitxa Lvôpna hát đầu tiên. Vì uống rượu, mắt chị đỏ bừng, vui sướng tràn trề, rồi bỗng trong chốc lát, ở chị thấy sống lại cô Raitxa Lvôpna ngày xưa, nhạc sĩ và dễ thương. Bằng một giọng hát mạnh mẽ, duyên đáng, say sưa, thích thú, chị hát bài "Gió thổi" và có vẻ hờn dỗi, chị giơ tay ra hiệu để mọi người cùng hát theo mình, nhưng ai nấy vẫn ngồi im, đắm đuối nghe chị hát. Va như vậy là chị hát một mình, Tarax Xêrêda đệm đàn măng-đô-lin. Hát xong, chị gục cái đầu rối bù vào bàn tay, và không ai còn biết chị làm gì nữa, chẳng biết chị đang cười ngượng ngùng hay đang khóc. Nhưng khi chị ngẩng đầu lên thì hai mắt chị lại tối sầm xuống và ráo hoảnh.

— Bây giờ xin phép các đông chí cho tôi đơn ca một bài và các đồng chí sẽ hưởng ứng tôi, — bỗng Secnôivanenkô nói; ông chưa bao giờ hát đơn ca và thường chỉ hát theo bằng cái giọng trầm trầm của mình.

Cảm động ra mặt, ông lục lọi trong đám giấy của mình, mang kính vào và nhìn có vẻ tranh thủ mọi người rồi tay gõ nhịp, bất thình lình cất tiếng hát một cách thích thú và rất mãnh liệt theo điệu một bài hát phổ biến hồi thanh niên.

Trong hầm sâu thăm thẳm

Nơi không khí chỉ vừa đủ thở

Một gia đình hòa hợp nhất trần gian,

Sống giữa những cơn sụt lở!

— Vì ở chỗ chúng ta, trong tổ chức, thiếu hẳn một hội viên Hội nhà văn xô-viết, nên tôi phải tự mình... Nhưng thôi hát đi, các em! đồng thanh, chúng ta cùng hát đi! — rồi mắt kính lấp loáng, ông gào lên và vung vẩy mẩu bút chì.

Tin tưởng sẽ cho ta hy vọng,

Tin tưởng sẽ cho ta dũng cảm.

Ai tin tưởng sẽ luôn luôn thắng

Và sẽ không lùi bước bao giờ!

— Giỏi thật! — Xiniskin nói, giọng khàn khàn và thậm chí bác còn nhắm nghiền mắt lại để nước mắt trào ra. — Thật là một thanh niên, đồng chí bí thư của chúng ta!

Rồi mọi người, vô cùng thích thú và đầy ý tứ, cất giọng hát: Ai tin tưởng sẽ luôn luôn chiến thắng Và sẽ không lùi bước bao giờ!

Pêchya ngồi im, nhìn ra trước mặt. Trong đôi mắt mệt mỏi của chú, những ánh đuốc nhỏ tăng gấp đôi lên. Nó gấp đôi lên, nhân lên, và lan trên khắp không gian tối tăm của hầm mộ vô số những mảnh pha-lê như những ánh lửa nến trên cây Nôen.

HẾT TẬP MỘT

TẬP II

1

Mới đầu, công việc làm ăn của Kôletnisuc khá phát đạt. Ông có một tờ chứng chỉ "tốt", chính quyền chiếm đóng không nghi ngờ gì về ông cả. Ông là một kế toán viên, không đảng phái, ở Glapsai, con một gia đình tiểu tư sản ở Ôđetxa, nhân viên chào hàng của hãng tơ lụa Pơtasnikôp nổi tiếng. Nghĩa là ông được coi như có tài buôn bán. Người ta cho phép ông mở ngôi hàng "Jorjơ", J. N. Kôletnisuc, chủ nhân, không gây khó khăn gì.

Nhiệm vụ Secnôivanenkô giao cho Kôletnisuc, trước hết là dùng hiệu đồ cũ "Jorjơ" làm trạm liên lạc, hai là Kôletnisuc, trưởng trạm, thu lượm cho Secnôivanenkô những tin tức cần thiết, và ba là với tư cách chủ hiệu, nạp toàn bộ lời lãi vào quỹ ban Chấp hành bí mật khu.

Tất cả những công việc đó rất phức tạp và nguy hiểm. Nhưng Kôletnisuc như không để ý đến những mối nguy hiểm đang luôn luôn đe dọa ông. Ông hoàn thành trung thực nhiệm vụ đối với Tổ quốc cũng đơn giản và khiêm tốn như khi ông làm kế toán trong cơ quan Nhà nước ở Glapsai trước thời kỳ phát-xít chiếm đóng. Thậm chí có lẽ hiện nay, ông còn có vẻ bình tĩnh hơn, ít ra đó là theo bề ngoài. Công việc của ông, biết đánh giá thế nào nếu không gọi là anh dũng?

Ông không thể nào quen được với nghề buôn bán "riêng lẻ" bị khinh miệt này. Nhưng ông biết ông phải nhận cái việc nhục nhã đó là vì nghĩa cả. Ông đã hứa với Secnôivanenkô và đưa hết tâm sức mình để kinh doanh thật tốt.

Nhưng ông không biết buôn bán, mặc dù đã cố hết sức học hỏi cái khoa học không lấy gì làm phức tạp lắm đó. Từ nhỏ, ông vẫn khinh ghét bọn con buôn. Chính việc phải trở thành con buôn đã làm ông luôn luôn bực bội. Không thể nào buôn bán phát đạt và kiếm được lời lãi nếu không lừa đảo, nếu không dùng đến cái tài xoay vặt hàng ngày, mà việc đó thì ông không thể nào làm được, vả lại, tất cả không phải mỗi lúc đã thấy rõ ngay, mà mãi khoảng chừng một năm, sau khi chăng tấm vải xanh lên trước cửa hiệu mang dòng chữ nhục nhã: "Cửa hàng tầm tầm Jorjơ, J. N. Kôletnisuc, chủ nhân".

Mấy tháng đầu, mọi việc đều trôi chảy, nhưng không phải do tài buôn bán của Kôletnisuc. Đó là nhờ Secnôivanenkô đã cung cấp cho cửa hàng những hàng hóa thông dụng mà Kôletnisuc đem bán với giá rất rẻ nên cửa hàng sớm trở thành một hiệu đồ cũ đông khách nhất, không những chỉ trong phố Ribát, mà còn ở tất cả tỉnh "Trannixtri" và đến cả bên kia biên giới, ở Akecman, ở Kisinep, và thậm chí, theo người ta nói, ở cả Jatxy nữa.

Khách hàng thật đuổi đi không hết. Bán chạy nhất là những tấm hàng dệt kim của Lêningrat để may nam phục. Nói thật ra thì tất cả việc buôn bán của Kôletnisuc đều dựa vào thứ hàng Lêningrat đó mà ông đã đem bán đổ bán tháo. Xe đạp Khackôp và máy ảnh "FED" cũng bán chạy không kém. Kôletnisuc đắc chí một cách ngây thơ, nghĩ rằng thắng lợi đó là do tài buôn bán của mình.

"Ồ kể ra ta cũng có tài buôn bán đấy chứ!" ông nghĩ thầm và không khỏi có phần ngạc nhiên.

Trong quỹ, những đồng mác chất đống lên và thậm chí còn có cả vài trăm đồng mác quốc xã loại chiếm đóng nữa. Ông xếp cẩn thận tất cả vào két sắt. Ông khoái trá nghĩ tới khi Secnôivanenkô

hỏi đến tiền và ông sắp tiền lên mặt quầy hàng ra vẻ đắc thắng. Ông hình dung Secnôivanenkô phải lóa mắt xiết bao trước kết quả buôn bán của ông.

Thời gian đầu, Secnôivanenkô không xuất đầu lộ diện.

Người ta chỉ biết được tin ông qua những cột báo nhỏ nói về hoạt động của một nhóm du kích bí mật nấp dưới hầm mộ Uxatôvô. Kôletnisuc thỉnh thoảng đọc thấy trong tờ báo Ôđetxa xuất bản bằng tiếng Nga.

Trong thời kỳ phồn vinh ngắn ngủi của cửa hiệu, Kôletnisuc đã cố gắng làm ra vẻ một nhà kinh doanh đạo mạo, chững chạc. Từ lúc còn bé cho đến mãi sau này, ông nhớ mãi bộ dạng tay cửa hàng trưởng của hãng Pơtasnikôp đâu tên là Prơjêvenxki, một tên Ba-lan rất đường bệ ăn mặc đỏm đáng lại lịch thiệp, làm chết mệt tất cả các bà khách đứng đắn của nhà hàng. Cái áo jaket, cái quần may đo, chiếc ca-vát cài thêm viên ngọc "mắt công" cái áo ngoài mùa thu gấu xòe, chiếc mũ quả dưa, bộ ria vênh ngược và, cuối cùng, cái giọng trầm trầm ngọt lịm phát âm vô cùng cung kính những tiếng "thưa bà" và "thưa ông", tất cả những cái đó xem như là đỉnh cao của sự thanh lịch nam giới. Hiện nay, để ngụy trang tốt hơn, Kôletnisuc đang cố tạo cho mình cái bề ngoài của tay Prơjêvenxki. Ông đã kiếm được ở chợ một chiếc áo dạ gấu xòe mùa thu, giống như áo của Projêvenxki (có lẽ chính áo của Prơjêvenxki cũng nên!) rồi cố chọn trong số mũ quả dưa tồn kho một chiếc không cũ quá và cuối cùng ông nuôi râu mép. Râu mép của ông vốn màu xám nhưng không biết tại sao lại ngả thành màu xám nâu. Nó có thể là ria của một ông già Zapôrôgơ hay của một người vận tải muối từ Pêrêkôp đến Pôntaya. Kôletnisuc bèn mua một lọ thuốc nhuộm tóc Đrexđơ chính hiệu và nhuộm bộ râu Zapôrôgơ, thế là nó trở nên đen nhánh. Ông vuốt sáp và xoắn vểnh nó lên. Gương mặt ông do đó có một vẻ kỳ quái, gian ác khó tả, nhưng đồng thời lại ngây ngô non choẹt và có vẻ dút dát. Ông không tìm được cái jaket nào và cái quần nào vừa ý cả. Nhưng trong đống đồ tập tàng của cửa hiệu, ông cũng kiếm được mấy tá cổ cồn và yếm sơ-mi, nên cuối

cùng Kôletnisuc tuy không giống hẳn được Prơjêvenxki nhưng cũng không khác xa lắm.

Tuy bận rộn với những công việc bực mình đó, Kôletnisuc vẫn không phút nào quên Raitxa Lvôpna. Đây là lần đầu tiên trong đời, ông phải sống một mình, xa vợ. Không có vợ, ông cảm thấy hết sức cô đơn, buồn bã; ông ngậm ngùi lo lắng cho số phận nhất là những buổi tối, khi chỉ có một mình trong gian buồng bẩn thỉu, vắng vẻ. Có lúc, ông đã định bỏ mặc tất cả, trốn khỏi cái cửa hàng tầm tầm ghê tởm này, với chiếc áo gấu xòe, cái mũ quả dưa, bộ râu mép lố bịch và cả bản thân ông nữa. Nhưng ông biết là ông đang làm nhiệm vụ chiến đấu nên lại cố hết sức làm việc.

2

Sau những thắng lợi nhất thời đầu tiên, Kôletnisuc nhận thấy thu nhập sụt xuống. Trong một thời gian dài, ông không tìm ra nguyên nhân tại sao việc buôn bán của ông lại sút kém. Tuy lý do thật đơn giản. Ông đã bán hết rất nhanh tất cả những thứ hàng quí, tất cả những tấm vải Lêningrat thực tế có một giá trị lớn. Các hàng hóa khác ít người ham chuộng.

Mãi vào cuối giêng mới có tin của Secnôivanenkô.

Một buổi sáng, một thanh niên vào cửa hàng, khoác áo ba-đờ-xuy cổ da cừu, đầu đội mũ lông thú mới toanh, chân đi bốt cao su: người này có vẻ như vừa ở hiệu quần áo may sẵn ra. Tóm lại, là một chàng thanh niên sung sướng, khá giả, may mắn, có điều người ta hơi khó chịu về mấy nếp gấp ở lưng và ống tay áo, trông biết ngay là chiếc áo ba-đờ-xuy để lâu trong hòm và khi lấy ra mặc không là lại. Chiếc mũ mới toanh của anh ta cũng có vẻ như

vậy, lớp lông thú bị gí xuống chĩa ra tứ phía.

Sau khi rũ tuyết ở ngưỡng cửa, người thanh niên tiến đến gần Kôletnisuc. và dịu dàng nhìn ông bằng đôi mắt con gái màu nâu ươn ướt trong đó, đâu từ đáy mắt, hiện lên một quyết tâm lớn:

— Chào bác Ghêorghi Nikiforovich — người thanh niên nói rành rọt — Chị Xôfya Pêtrôpna cho tôi đến hỏi xem bác có nhận được thư của ông Xênêrinôpxki ở Bucaret không?

Kôletnisuc mừng quá. Ông toét miệng ra cười rồi thở dốc vì không nén được sung sướng sau bao ngày mong đợi ông đọc lên câu nói đã học thuộc lòng — Anh xem, đã hai tháng nay rồi, ông ấy không viết thư cho tôi. Người đâu mà vô tâm thế!

Mắt người thanh niên ngời sáng:

— Này — anh ta thì thầm rất nhanh và liếc nhìn về phía cửa ra vào. Tôi xin chuyển đạt cho bác những ý kiến của Secnôivanenkô. Trước hết, nhiệt liệt chúc bác chiến đấu thắng lợi và sau đây là một số nhiệm vụ. Chúng tôi cần có gấp giấy than và băng khổ mười ba ly cho máy đánh chữ. Có thể nhờ bác được không?

— Thưa ông nhất định được ạ — Kôletnisuc cúi gập người trên quầy hàng, nói với giọng nói thường ngày của Prơjêvenxki. Nhưng ông nhớ lại và nói chữa — Tôi sẽ kiếm ra cho anh. Bao nhiêu giấy than, bao nhiêu băng?

— Từ hai đến ba trăm tờ giấy than và năm cuộn băng. Càng nhiều giấy càng hay. Bác biết không, dự trữ của chúng tôi đã cạn mà phải dùng rất nhiều.

— Tôi hiểu — Kôletnisuc gật gật đầu — Tôi sẽ cung cấp cho anh.

— Bây giờ cái khác: một đôi ắc-quy ô-tô thường, nhưng phải nạp điện đầy đủ.

— Việc này có khó hơn — Kôletnisuc nói, vẻ nghĩ ngợi.

— Có phải moi ở dưới đất lên đâu!

— Tôi sẽ cố gắng hết khả năng.

— Không phải là "hết khả năng" mà là "đồng ý" — người thanh niên nói và bực tức xoay cái mũ trên đầu. Kôletnisuc ra vẻ bất bình khẽ nhích bộ ria nhuộm nhưng ông không nổi nóng mà lại vỗ nhẹ bàn tay lên quầy hàng rồi nói to:

— Vâng thì đồng ý! Tôi sẽ chạy được — Rồi ông lại toét miệng ra cười kiêu dân cô-dắc Zapôrôgơ.

— Được, phải nói như thế chứ! Yêu cầu bác gói tất cả các thứ vào một gói, nếu có thể, và tốt hơn nữa, nếu bác làm được, đóng vào thùng gỗ, giao đến số nhà 18 phố Pisônôpxkaia. Đừng ghi, nhưng nhớ kỹ lấy; Pisônôpxkaia 18, nhà Ôpsarenkô. Bác nhắc lại xem!

— Pisônôpxkala 18, nhà Ôpsarenkô — Kôletnisuc ngoan ngoãn nhắc lại.

— Đúng thế. Chỉ có gia đình Ôpsarenkô ở đấy thôi! Không có nhà nào khác nữa. Gõ cửa vườn và trao cái gói cho người ra mở cửa, nói là của Xôfya Pêtrôpna. Họ sẽ gửi tới nơi cần thiết.

— Sẽ làm đúng như thế.

— Còn một vấn đề nữa người thanh niên ngập ngừng nói — Tiền! Đưa cho tôi số quỹ, tất cả số bác có vì ở chỗ chúng tôi, đã hai tuần nay phải nhịn ăn. Buộc phải đi mua thức ăn ở chợ, ở đấy rất không may là chẳng ai cho không một tí gì. Việc này phải làm thật nhanh vì có một đồng chí đang đợi tôi ở gần tiệm cà-phê Rôbina.

Chốc chốc lại nhìn ra cửa, Kôletnisuc kéo chiếc hòm con ở trong ngăn kéo ra và nhét vào túi áo người thanh niên tất cả số tiền mặt đựng trong đó.

— Trời đẹp thật! — anh kia vừa nói vừa chìa cho Kôletnisuc một bàn tay mà tất cả lỗ chân lông, tất cả những nếp nhăn đều dính bụi xám dưới hầm — Rất cảm ơn! Mong gặp lại bác một ngày gần đây!

Họ nắm chặt tay nhau và khi người thanh niên đã bước khỏi cửa hàng, Kôletnisuc mới giữ anh ta lại:

— Này, khoan đã. Còn biên lai?

— Đúng đấy.

Người thanh niên đếm nhanh tiền, viết biên lai vào mẫu giấy Kôletnisuc đưa cho và biến mất cũng nhanh như khi đi vào.

Tất cả sự việc diễn ra hết sức nhanh chóng và chính xác làm cho Kôletnisuc không khỏi ngạc nhiên. Một lúc sau ông mới nhớ ra là đã quên không hỏi thăm Raitxa Lvôpna. Cứ thế, không ba-đờ-xuy, không mũ, ông chạy bổ ra phố để gọi người thanh niên. Nhưng người kia đã biến mất hút.

3

Một ngọn gió lạnh buốt đâu từ trên mái nhà thổi xuống quất vào mặt Kôletnisuc. Mây dồn dập đuổi nhau trên phố Ribat. Một trận gió đông bắc lồng lộn rít lên nghe như tiếng đá mài lùa vào các lỗ hổng những ngôi nhà đổ nát, vào các cửa sổ toang hoác, thổi rạp những cây ngũ sắc xuống và đung đưa những quả lúc lắc đen dài như dây giày. Và giữa cái cảnh hỗn độn màu trắng đang bao trùm thành phố đó, có những bóng người mờ mờ nối nhau lướt qua, chân bước không vững, người cúi gập, đi ngược chiều gió, kéo theo sau những chiếc xe trượt tuyết chất đầy quần áo đồ đạc và trẻ con bọc trong chăn bông. Đó là những người Do thái đi Pêretxy để tới trại tập trung theo lệnh của bộ chỉ huy quân sự. Họ ngoan ngoãn đi một mình không cần phải có người áp giải.

Tuyết phủ đầy người, lông mi và râu mép lạnh cứng,

Kôletnisuc lại trở về với cái cửa hàng tối tăm. Không lau mặt, ông ngồi xuống chiếc ghế cạnh cái lò con bằng sắt đỏ hồng. Ông chống cùi tay lên đầu gối, gục đầu vào hai bàn tay, đôi mắt nhắm nghiền. Trong bóng tối là ánh lửa của cái cửa lò đỏ rực. Ông muốn khóc quá. Ông vừa gặp một người "ở đó", một người xô-viết chân chính. Thật thích thú biết bao khi được nghe cái tiếng nói thung dung và quả quyết ấy. Ông đã đọc được những ý nghĩ táo bạo trên gương mặt sinh động, đẹp đẽ, thực sự của con người. Ông đã được nắm bàn tay đầy nghị lực mà bụi dưới hầm mộ đã thấm sâu. Người ta đã chuyển từ đó đến cho ông những lời chúc chiến đấu nồng nhiệt. Trong lời chào đó, ông nghe thấy cả tiếng nói của vợ. Và bây giờ, ông lại ngồi đây, cả đêm, trong cái nhà tù tự nguyện, giữa những chiếc ấm ngu ngốc trên đó ánh lửa buồn thảm của bếp lò đang nhảy nhót và chung quanh là phong ba bão tố, là những chiếc máy xúc tuyết như những bóng ma trắng, im lìm đi chênh chếch qua các phố điêu tàn, và biển băng bát ngát đến tận chân trời.

Như để kéo dài sự tiếp xúc với những người bạn xa, ông đọc lại tờ biên lai: "*Nhận của Ghêorghi Nikifôrôvich Kôletnisuc, bằng tiền mặt đồng mác chiếm đóng. Lêonit Kukharenkô*", cất vào cái két nhỏ rồi lại ngồi một mình. Nhưng bây giờ ông không cảm thấy quá lẻ loi nữa. Từ nay, ông đã có một mục tiêu: người ta đã trực tiếp giao cho ông một nhiệm vụ chiến đấu và ông sẽ cố gắng, thận trọng thi hành bằng được.

Một tháng chưa qua thì bất ngờ lại có một người vào cửa hàng, mặc chiếc ba-đờ-xuy rất dễ nhận, cũng như chiếc mũ lông thú có dây buộc với đôi bốt cao su mới, nhưng lần này không phải phủ đầy tuyết mà lóng lánh một lớp băng sớm như kim cương. Liếc nhanh, có vẻ nghi ngờ, vào căn hàng trống rỗng, người ấy tiến lại phía quầy hàng, nơi Kôletnisuc đang đứng buồn thỉu, chống cùi tay lên quầy hàng, rồi chia một bàn tay chưa sạch hết đất ra:

— Thế nào, ông bạn? Hình như cửa hàng lớn của anh có vắng khách đi thì phải — ông ta vừa vui vẻ nói vừa bỏ chiếc mũ ra

khỏi đầu ướt đẫm mồ hôi và cởi khuy cổ ba-đờ-xuy — Ồ! Mồ hôi đổ ra như tắm! Tôi cứ tưởng ở chỗ các anh, trên này, vẫn còn mùa đông thế mà băng đã tan. Hoàn toàn là mùa xuân rồi!

Đó là Secnôivanenkô.

— Anh, anh! — Kôletnisuchớn hở, kêu to lên!— Thế mà tôi cứ tưởng là thằng điên Kukharenkô đã tới đây lần trước. Tôi nhìn mãi không nhận ra. Cũng cái áo ba-đờ-xuy, chiếc mũ ấy.

— Áo ba-đờ-xuy và mũ này là để cho những cuộc đi lên thành phố. Chung cho tất cả mọi người. Và "thằng điên Kukharenkô" đấy là Lêonit Ximban của chúng ta... Thế nào, chưa đến giờ đóng cái cửa hàng đưa ma của anh để ăn chiều sao?

— Được thôi — Kôletnisuc nói.

Ông đóng cửa lại và treo một miếng bìa có chữ "Đóng cửa" bằng tiếng Đức. Đoạn họ lui vào trong gian buồng xép sau cửa hàng.

Secnôivanenkô có vẻ khoái trá cởi bỏ cả áo ba-đờ-xuy lẫn giày cao su ra. Mặt trời nóng nực trước xuân làm mồ hôi ông ra như tắm, ướt cả lưng và hai nách áo va-rơ, thậm chí còn bốc hơi nữa. Họ ngồi trên những chiếc thùng gỗ châm thuốc hút và khẽ vỗ lên đầu gối nhau. Đó là một cách biểu lộ nhẹ nhàng lòng sung sướng được thấy nhau bình yên vô sự. Họ ngồi im lặng, vui vẻ và thế là kết thúc phần tình cảm của cuộc gặp gỡ.

— Này, anh Jôra — Secnôivanenkô nói — trước hết rất cảm ơn về số giấy than, băng, giấy viết và các bình ác-quy. Cả những con chim chìa vôi nữa! Nhưng nhất là các bình ác-quy. Anh đã giúp chúng tôi rất nhiều. Một lần nữa xin cảm ơn — Ông đứng dậy và với một vẻ mặt nghiêm trang nắm chặt tay Kôletnisuc — Sau đó, anh có một món quà thú vị — Secnôivanenkô sục tay vào trong túi ngực áo va-rơ. Lòng Kôletnisuc rạo rực — Đây, cầm lấy! — Và Secnôivanenkô đưa cho ông một mảnh giấy xấu màu xám, gấp tư.

Ngón tay Kôletnisuc run run khi mở tờ giấy, vẻn vẹn chỉ có

bảy chữ đánh máy, không chấm không phẩy gì hết: “Em yêu anh em nhớ anh Raitxa”.

Nước mắt Kôletnisuc trào ra.

Secnôivanenkô dạng chân đứng trước mặt ông, tay cầm một que diêm đang cháy. Kôletnisuc hiểu ngay. Ông nhìn Secnôivanenkô bằng đôi mắt năn nỉ. Nhưng Secnôivanenkô lắc đầu không đồng ý. Lúc bấy giờ, Kôletnisuc mới áp tờ giấy còn ướt hơi ẩm dưới hầm vào bộ ria mép đen lánh lần cuối cùng, rồi đưa lại gần ngọn lửa và quay mặt đi. ông đau lòng không muốn nhìn tờ giấy cháy... Tờ giấy cháy hết. Tàn rơi xuống và một lần gió thổi tung trên sàn nhà. Tàn tan ra, biến mất... Kòletnisuc hà hơi vào mấy ngón tay hơi bị bỏng.

— Đồ điên, có gì mà xúc động dữ thế? — Secnôivanenkô khẽ vuốt vai Kôtetnisuc — Đừng buồn. Nếu ta còn sống, anh chị sẽ lại gặp nhau — và giữa giây phút thiêng liêng ấy, ông bỗng phì cười, không thế nào nín được, khoa tay — Này, nhìn chung thì tôi không thể thờ ơ với bộ ria mép của anh được. Nó làm tôi mất cả tập trung.

— Sao, đê tiện lắm, phải không? — Kôletnisuc hỏi lại, không vừa ý.

— Đâu phải! Nó chỉ hơi oách quá thôi! Nhưng, nó làm tôi hơi hoảng một tí. Thật dễ sợ!

— Thôi đi, ông bạn — Kôletnisuc nói rất thản nhiên — anh đừng chê bộ râu mép của tôi vội, mà nên xem lại cái áo ba-đờ-xuy của anh thì hơn.

— Tại sao vậy? — Secnôivanenkô có vẻ lo lắng. — Cái ba-đờ-xuy của tôi không ổn à? Nom cũng ra vẻ đấy chứ. Một nhân vật đàng hoàng, một người xô-viết cũ, chạy theo bọn chiếm đóng mà người ta sẽ treo cổ ngay tại chỗ vì tội phản bội Tổ quốc. Có phải thế không nào?

— Rất có thể. Nhưng nó nhàu quá. Ở chỗ các anh không bao giờ là sao?

Secnôivanenkô dang hai cánh tay ra.

— Có mang bàn là theo đâu. Cho nên mới như thế! Này, trong hiệu buôn lớn của anh, có cái bàn là nào ra hồn không?

— Gì chứ bàn là và mũ không vành thì chả thiếu — Kôletnisuc nói không phải không có vẻ buồn rầu.

— Thế thì tôi sẽ lấy đi một cái nhỏ, bằng sắt. Nhớ nhắc tôi nhé.

— Được rồi. Anh có thể lấy tất cũng được. Nhưng tốt hơn hết, tôi sẽ kiếm cho anh một cái áo ba-đờ-xuy với một cái mũ hợp thời hơn; anh cứ bỏ lại đây các thứ của anh để tôi bán. Biết đâu, chẳng có một anh chàng lập dị điên rồ nào đó tới mua.

— Được. Anh chọn cho tôi một bộ, khi nào tôi đi.

— Bây giờ thế này — Secnôivanenkô nói, và theo thói quen, đi đi lại lại trong phòng, đầu cúi xuống — Mấy ngày hôm nay chúng tôi được nghe đài truyền đi bản tuyên bố của đồng chí ủy viên nhân dân phụ trách Quốc phòng, số năm mươi nhăm, ngày hai mươi ba tháng hai — Secnôivanenkô đứng dừng lại, nghiêm khắc nhìn Kôletnisuc — Anh đã nghe nói tới bản ấy chưa?

— Nói thực thì chưa — Kônetnisuc nói, ngượng đó cả mặt — Tôi biết thế nào được?... Anh thử nghĩ xem.

— Tất cả mọi người xô-viết bất cứ ở đâu, đều có trách nhiệm phải biết.

Secnôivanenkô cầm mũ lên. lục tìm trong lần lót và trao cho Ivôletnisuc mấy tờ giấy thuốc lá cuộn tròn lại. Kôletnisuc vuốt thẳng những tờ giấy còn ẩm mồ hôi lên trên đầu gối rồi đọc những dòng đầu của bản tuyên bố đánh máy rất sít.

"*Các đồng chí chiến sĩ và thủy binh, sĩ quan và cán bộ chính trị thuộc lục quân, hải quân, và nam nữ du kích!*

Các dân tộc nước ta vừa cử hành lễ kỷ niệm Hồng quân lần thứ hai mươi bốn trong những ngày đen tối của cuộc Chiến tranh Ái quốc chống lại nước Đức phát-xít vô liêm sỉ và hèn

nhát đã xâm phạm đến sinh mạng và tự do của Tổ quốc ta...“

Kôletnisuc xúc động mãnh liệt. Trong giây phút, ông cảm thấy sâu sắc những lời gửi tới nam nữ du kích kia cũng là nói với ông, Kôletnisuc.

Secnôivanenkô bước lại gần thêm một tí, cẩn thận cầm lấy những tờ giấy trên tay ông và nói:

— Bài tuyên bố này định rõ mục đích và tính chất cuộc chiến tranh mà nhân dân xô-viết đang tiến hành, cái sức mạnh tinh thần lớn lao đang làm cho chính quyền xô-viết vững chắc, không gì thắng nổi — Secnôivanenkô đeo kính vào và, bằng cặp mắt viễn thị, nhìn vào những tờ giấy con, đọc: “*Sức mạnh của Hồng quân trước hết dựa vào chỗ nó không tiến hành một cuộc chiến tranh xâm lược, một cuộc chiến tranh đế quốc, mà là một cuộc chiến tranh dân tộc, chính nghĩa, giải phóng*“. Anh hiểu chứ, Ghêorghi: chính nghĩa! — Và Secnôivanenkô chỉ ngón tay lên không — “*Nhiệm vụ của Hồng quân là giải phóng đất nước khỏi bọn xâm lược Đức, giải phóng đồng bào nông thôn và thành thị chúng ta, những người vốn sống tự do, nhân đạo và hiện đang bị áp bức, đau khổ, nghèo đói vì bị cướp bóc, tàn phá; giải phóng vợ con chúng ta khỏi vòng tủi hổ và nhục nhã do bọn quỷ phát-xít Nhật-nhĩ-mãn gây nên. Có gì cao quý và làm nức lòng người hơn một nhiệm vụ như vậy? Không một tên lính Đức nào có thể nói là nó tiến hành một cuộc chiến tranh chính nghĩa và nó không thể không thấy người ta đã bắt nó chiến đấu cho sự cướp bóc và nô dịch các dân tộc khác*“...

Với bàn tay chắc, khỏe, Secnôivanenkô nắm chặt lấy vai Kôletnisuc và lắc mạnh — Anh hiểu chứ, Kôletnisuc?

Kôletnisuc nhìn ông, ngạc nhiên vì chưa bao giờ thấy ông xúc động và phấn khởi đến thế. Lời nói tuôn ra cuồn cuộn, bàn tay nhỏ, chắc vung cao, gương mặt sắc sảo, trẻ trung rạng rỡ! Trước mặt Kôletnisuc, là một người khác hẳn, một người mới gặp lần đầu. Người này hình như cao lớn hơn con người trước đây ông thường gặp. Nhưng đồng thời người ấy lại có vẻ gần gũi và thân thiết hơn như cả hai người chỉ có chung một tâm hồn, tâm hồn của cả một dân tộc.

— Nhưng chưa hết! Anh hẵng nghe thêm — Secnôivanenkô đọc tiếp: "*Sức mạnh của Hồng quân là ở chỗ nó không có và không thể có thù hằn chủng tộc đối với các dân tộc khác, kể cả dân tộc Đức, ở chỗ Hồng quân đã được giáo dục về tinh thần bình đẳng của tất cả các dân tộc và của tất cả các chủng tộc, về tinh thần tôn trọng chủ quyền các dân tộc khác. Thuyết chủng tộc của bọn Đức và chính sách cừu địch chủng tộc của chúng đã làm cho tất cả các dân tộc yêu chuộng tự do trở thành kẻ thù của nước Đức phát-xít. Thuyết chủng tộc bình đẳng ở Liên bang xô-viết và chính sách tôn trọng chủ quyền các dân tộc đã làm cho tất cả các dân tộc yêu chuộng tự do trở thành những người bạn của Liên-bang xô-viết...*"

Secnôivanenkô ngồi lên một chiếc thùng gỗ và ôm chặt lấy vai Kôletnisuc!

— Đấy sự việc là thế đấy, đồng chí! Tôn trọng chủ quyền các dân tộc, chính cái đó đã làm nên sức mạnh của chúng ta!... Chúng tôi đã rải trong vùng nông thôn chúng tôi, bốn trăm tờ tuyên bố đó. Nhưng cũng cần phải rải cho cả nhân dân thành phố: trong các khu nhà máy, trong các công xưởng của ngành đường sắt, nhà ga. Đặc biệt quan trọng là phải rải ở nhà ga. Trong lúc này, theo tin tức chúng tôi nhận được, có nhiều đơn vị quân Đức đang chuyển tới, trong đó có những đội quân Xlôvac. Nhiều binh lính Xlôvac rất thạo tiếng Nga. Anh thấy vấn đề rồi chứ?

Secnôivanenkô cúi về phía Kôletnisuc và nhìn chằm chằm vào mắt như ra chỉ thị.

— Anh xem tôi như là một đứa trẻ ấy! — Kôletnisuc mỉm cười nói.

— Lạy Chúa! Tôi không nghĩ như thế. Nhưng điều quan trọng, đối với tôi là anh phải hiểu rõ nhiệm vụ. Vậy tôi để lại cho anh bản nhật lệnh số năm mươi nhăm này. Anh sao ra làm ba, bốn bản. Sẽ có người tới cửa hàng gặp anh, chủ đích để lấy đem đi. Anh đưa cho mỗi người một bản, bảo họ cũng phải sao ra làm mấy bản rồi phân phối cho các nơi khác. Bằng cách ấy, bản nhật lệnh sẽ nhanh chóng được phân phát đến toàn bộ màng lưới của chúng ta và tiếng nói vĩ đại của Đảng sẽ tới nhân dân. Khẩu lệnh là: "Cửa hàng Jorjơ có nhận gửi bán tủ sắt không?" Trả lời: "Không nhận tủ sắt." "Đáng tiếc là ông không nhận, vì chúng tôi có một chiếc của hãng Becna hết sức đặc biệt." "Ấy, nếu của hãng Becna thì mang tới." Anh nhớ chứ? Nhắc lại xem chiếc tủ của hãng nào nào?

— Becna.

— Lấy bút chì viết vào một chỗ nào trên tường ấy, rồi nhắc lại cho tất cả mọi người. Bảo họ phải chép lại thật đúng — Seenôivanenkô bất thình lình chộp lấy vai Kôletnisuc và hỏi rất nhanh: — Chiếc tủ của hãng nào?

— Becna — Kôletnisuc đáp, cũng rất nhanh.

— Hoan hô! Vậy có thể tin tưởng vào anh chứ? Anh nhận trách nhiệm chứ?

— Tôi xin nhận: — Kôletnisuc nói quả quyết.

Khi họ từ giã nhau, Kôletmsuc lấy ở kho ra một chiếc ba-đờ-xuy Áo, màu xanh thẫm, đưa cho Secnôivanenkô mặc, và một chiếc mũ lưỡi trai mềm. Chiếc ba-đờ-xuy mùa đông với chiếc mũ lông thú, ông treo vào tủ kính để bán. Rồi thở dài thườn thượt, ông phàn nàn về tình hình làm ăn.

— Phải rồi, anh ạ — Secnôivanenkô nói — hiệu buôn của anh đang chảy ra như một cây nến! Và tôi cũng sắp nói cho anh biết tại sao như thế đấy.

— Tại sao? — Koletnisuc khẽ hỏi.

— Vì anh là điển hình trái ngược với anh em Potasnikôp. Bước vào nghề, anh đã bán những tấm hàng Lêningrat của chúng tôi với cái giá chỉ bằng một phần tư giá vốn, tất nhiên rồi đây anh còn ngốn cả quần lót của anh đi nữa kia. Có phải thế là buôn bán không, hở ông bạn trung hậu của tôi?

— Thế lẽ ra phải làm thế nào?

— Tôi sẽ nói cho anh biết.

Secnôivanenkô thọc hai tay vào đôi túi sâu chiếc áo ba-đờ-xuy Áo và đi đi lại lại trước mặt Kôletnisuc đang hết sức xấu hổ, đầu cúi xuống dưới cái mũ lưỡi trai có hai khuy phía trước:

— Trước hết, cần phải điều tra về giá vải Lêningrat đã. Vì thứ vải đó, đối với khách hàng Đức và Rumani, là thứ hàng chúng khao khát nhất. Có thể lấy thứ hàng gai thỏ giả len của Đức so sánh với hàng dệt của Lêningrat không? Bọn Đức cả đời có bao giờ được nhìn thấy một thứ hàng dệt như vậy! Thế mà anh đã làm như thế nào? Theo tôi hiểu, anh đã đem bán đổ đi như kiểu phá giá... (Người ta có thể tưởng là Secnôivanenkô đã suốt đời làm nghề buôn.) Thế thì anh còn làm được việc gì nữa? Mà lại là một nhà buôn kia chứ!

— Tôi không phải là nhà buôn — Koletnisuc nói.

— Được, nhưng ông cụ anh là nhà buôn.

— Cả ông cụ tôi nữa cũng không phải là nhà buôn. Bố tôi chí là một người làm công cho hãng Potasnikôp thôi.

— Nếu ông cụ nhà anh đã làm cho hãng Pơtasnikôp như anh làm với tôi bây giờ, thì chúng đã tống cổ ông cụ anh đi hai lần rồi. Phải không?

Kôletnisuc có ý không bằng lòng. Ông thở dài thườn thượt và nhăn mặt đến mức bộ râu mép vểnh lên quá mũi.

— Một sự so sánh hết sức quái gở — Ông nói và thở rất mạnh — Có thể vì anh là bọn anh em Pôtasnikôp và tôi là người chạy

hàng cho anh ư? Hay thật!

— Thế anh vẫn nghĩ thế nào? Có lẽ anh nghĩ ở đây, anh là anh em Pôtasnikôp chắc?

— Nếu không phải là tôi thì dù thế nào cũng không phải là anh.

Secnôivanenkô chợt nhăn mũi cười rộ lên.

— Anh nói đúng đấy Jôra ạ! Không phải anh, mà cũng chẳng phải tôi. Cả hai chúng ta ở đây chỉ là những người chào hàng. Còn anh em Pôtasnikôp thì đã bị dìm xuống biển rồi. Bây giờ anh hãy nghe tôi nói nhá. Chúng tôi còn trong kho hai tấm hàng Lêningrat. Tôi còn để dành lại phòng lúc cần tới. Tôi nghĩ là chúng ta đã đến lúc cần rồi vì hoạt động của chúng ta đang mở rộng và đòi hỏi thật nhiều tiền. Tôi sẽ cố gắng đưa chỗ hàng dưới hầm mộ lên cho cái cửa hàng đưa ma của anh... (Dù sao Secnôivanenkô cũng không thể không châm chọc đôi chút!)... Vậy tôi sẽ tìm cách chuyển hai tấm hàng ở hầm mộ đến... gọi thế nào nhỉ? đến hãng buôn của anh và tôi còn gửi thêm cho anh một vài thứ có giá trị nữa. Cứ bán đi! Nhưng anh Jôra ạ, tôi thiết tha yêu cầu anh từ nay phải suy tính thận trọng mọi việc.

— Đừng lo! — Kôletnisuc nói.

Xong đó Secnôivanenkô bắt tay Kôletnisuc, rồi không ngoái lại, nhanh nhẹn bước ra khỏi cửa hiệu. Mãi đến lúc đó, Kôletnisuc mới chợt nhớ ra là chưa kịp trả lời mảnh giấy của Raitxa. Ông nhảy bổ theo Secnôivanenkô, chạy ra phố Ribat ướt át đang bốc hơi và lấp lánh như gương dưới ánh nắng, nhảy từ hè bên này sang hè bên kia, nhưng Secnôivanenkô đã lẫn vào đám đông, mất hút rồi...

Từ hôm đó, công việc làm ăn của hãng "Jorjơ" dần dần có khá lên. Thực ra, những tấm hàng dệt của Lêningrat để may nam phục mãi đến giữa mùa hạ, ở hầm mộ mới đưa tới và cũng rất khó khăn mới đưa tới được. Nhưng không sao, việc buôn bán đã trở nên nhộn nhịp vì từ mùa xuân, khách du lịch và bọn con buôn Rumani bắt đầu tới Ôđetxa, có khi cặp kè theo cả vợ con

nữa.

Ôđetxa đã trở thành một chỗ hợp thời, na ná như thành phố Nixơ; ở đây, người thì tính việc ăn chơi, kẻ thì lo buôn bán, một số khác nữa thì cố tìm tậu một biệt thự trong vùng suối nước hay ở Luxtôp và sống theo sở thích, tự xem mình như chủ nhân của cái thành phố xinh đẹp và các vùng lân cận, với những ruộng nho, những vườn cây, những bãi sông trong lành, những nông trang và trại chăn nuôi cũ. Chúng đi qua vùng Betxarabi, tới đây trong những chiếc xe con giống như những con gián màu đỏ sẫm và lên mặt nhà giàu ngoại quốc, làm cho nhân dân khiếp sợ với những kiểu ăn mặc mới nhất của Bá-linh, áo nam màu nhạt dài quá gối, nhẫn triện và mũ phụ nữ cao như mũ thợ cạo ống khói. Nói tóm lại là một cuộc xâm lăng của châu chấu. Nhưng chính những con châu chấu sặc sỡ và phàm ăn đó, trong những thời gian đầu đã cứu Kôletnisuc khỏi phá sản. Đáng chú ý là chỗ nào có khách du lịch, ở đó các cửa hàng tầm tầm phát đạt hẳn lên.

Cửa hiệu "Jorjơ" tuy không phát đạt lắm nhưng dù sao cũng sống được qua ngày và thậm chí cũng kiếm được chút ít lãi. Những mặt hàng giành giật nhau là xe đạp, ra-ket cũ, quạt, máy ảnh, máy nước đá, thậm chí cả xe trẻ con. Một hôm một người khách Rumani có đôi mắt linh lợi và chòm râu dê trâng tráo tìm đến cửa hiệu "Jorjơ". Có thể đó là một nhà chuyên môn nổi tiếng về bệnh trẻ em ở Akecman. Ông ta hỏi mua một cái cân trẻ con rất cũ mà Kôletnisuc đã coi như không thể bán được. Người ta bắt đầu trông thấy những tên sĩ quan Rumani thua bạc, bôi môi son, mũi tím ngắt, trát bự phấn: chúng đưa cầm những đôi bốt lễ phục đánh vét-ni, có đinh thúc ngựa và những bộ quần áo len. Các mụ nàng Rumani loắt choắt, mặt đeo mạng, cũng kéo tới lùng mua nước hoa "Mạc-tư-khoa đỏ" và gửi bán thứ nước hoa Rumani "Con Mèo đen".

Một mặt, thì hay đấy, nhưng mặt khác lại không hay lắm. Không hay lắm vì nó gây thêm phiền phức cho công việc của trạm. Cửa hàng luôn luôn đông khách nên phải hết sức cẩn

thận, luôn luôn đề phòng.

Mỗi khi có người tới mua hàng nói: "Xin lỗi, chẳng hay ông có nhận gửi bản tủ sắt không? Chúng tôi có một chiếc rất đặc biệt của hãng Becna", Kôletnisuc lấy mắt kín đáo ra hiệu, rồi vội vàng dẫn khách vào trong kho chứa hàng và đưa cho khách một bản nhật lệnh số 55 chép lại bằng thứ chữ rất nhỏ và rất rõ, kiểu chữ của kẽ toán. Nhân dịp này Kôletnisuc vô tình cũng bắt chước thái độ của Secnôivanenkô, cúi đầu đi đi lại lại trong kho hàng, và nói:

— Anh đã hiểu rõ nhiệm vụ chưa? Tôi nhắc lại: sao ra ít nhất mười bản, rõ ràng, cẩn thận, không sai một chữ nào. Nếu có thể, bằng giấy tốt. Rồi ngay lập tức, không chậm trễ, đưa lại cho các đồng chí khác để chép nhân lên tiếp. Đừng quên ghi ở góc trên, bên phải, dòng chữ: "Đọc và luân chuyển". Về số lượng bản đã sao và phân phát, cho tôi biết riêng. Hành động đi!

Bằng cách đó, Kôletnisuc không phải chỉ biết phân phát bản mệnh lệnh, ông còn lập được cả bản thống kê những bản mệnh lệnh đã được phân phát đi và ghi lên tường bằng những dấu hiệu riêng các khu vực được phân phát. Ngoài ra, do sáng kiến riêng, ông đã chuyển được hơn hai mươi bản bằng cách dán vào các cuốn hướng dẫn về Ôđetxa, chủ bụng mua riêng cho việc đó ở quầy bán báo. Ông để những cuốn hướng dẫn này lên các ghế đặt ngoài đường, trong tàu điện, ở nhà ga, gần cửa bán vé, nhất là trong ngôi nhà Paplôp cũ, nơi binh lính Xlôvac cắm trại. Lúc đầu Kôletnisuc có cả ý định dịch bản tuyên bố ra tiếng Đức: ông đã mua một quyển tự điển Nga-Đức, một quyển ngữ pháp và một quyển tiếng Đức phổ thông. Ông đã mất hàng chục đêm không ngủ nhưng không kết quả. Bây giờ ông mới nghĩ ra cách dán bản mệnh lệnh vào trong các cuốn hướng dẫn và viết thêm vào cuối bản: "*Nếu anh biết tiếng Đức, hãy dịch bản tuyên bố ra và phân phát cho binh lính Đức. Cần cho họ biết những người bôn-sê-vich nghĩ gì về nhân dân Đức và nước Đức!*" Có thể điều này có vẻ ngây ngô nhưng Kôletnisuc tin chắc trong hai mươi người Xlôvac thi mười chín người ghét nước Đức Hitle và có

cảm tình với những người anh em Nga, những người Xlavơ, đang tiến hành đấu tranh chống chủ nghĩa phát-xít, nhất định những người Xlôvac này sẽ dịch bản tuyên bố ra tiếng Đức và rải vào hàng ngũ binh lính Đức. Bằng cách này hay cách khác, Kôletnisuc đã hoàn thành đúng đắn nhiệm vụ mà ban Chấp hành bí mật giao phó và thậm chí còn vượt cả yêu cầu nữa!

Rất ít khi ông chịu giao tiền, dù nhiều dù ít, lấy ở sổ lãi của cửa hàng, cho những người mang những giấy tờ không rõ ràng và không có chữ ký của Secnôivanenkô.

Khi người ta đưa hàng Lêningrat từ hầm mộ đến, Kôletnisuc chỉ bày ra bán có một tấm, đặt giá khá cao: 245 mác. Ông định thăm dò thị trường. Hai ngày sau, tấm hàng đã bán được. Kôletnisuc đợi một thời gian rồi lại bày ra bán tấm thứ hai, nâng giá lên mười phần trăm. Tấm này cũng bán được rất nhanh. Kôletnisuc lại để bẵng một thời gian nữa, nhưng lần này lâu hơn. Tỏ ra có liên hệ quá công khai với xí nghiệp xô-viết là một điều nguy hiểm.

5

Một hôm trời oi ả, trong cửa hàng nóng bức khó chịu,, ngột ngạt. Công việc buôn bán chạy đều, khách ra vào không ngớt. Kôletnisuc mệt lử. Chúng làm ông bực mình, bọn "các ông" và "các bà" vô công rồi nghề, ăn mặc đua đòi kiểu cách, cuồng loạn, keo kiệt lại rất khinh người, đòi hỏi cửa hàng phải săn đón và khúm núm.

Chúng cho việc chúng đi lại cửa hàng là một ân huệ phi thường. Nhưng mắt chúng thì đảo khắp các ngăn hàng tìm kiếm những thứ có thể mua được bằng giá hạ và bán lại thật cao

ở chỗ chúng, ở Rumani, để xứng với cuộc viễn du thích thú của chúng đến cái thành phố "Ôđetxa mạ vàng" này, mà đối với chúng cũng có vẻ lịch sự không kém gì Pari.

Kôletnisuc hết sức khinh miệt chúng. Đã lâu lắm, chúng làm ông đến chết được. Khó khăn lắm ông mới khỏi tống cổ hết bọn chúng ra một cách thô bạo. Nhưng cứ phải tự kiềm chế. Với một nụ cười rất dễ thương sau bộ ria mép nhuộm mà bản thân ông thấy nó giống như một cái nhích mõm chó, Kôletnisuc mạnh bạo leo lên cái thang con, lấy hàng ở các ngăn xuống, bày ra quầy rồi lịch sự quay người tứ phía, nói không biết mệt:

— Thưa bà, xin mời bà! Đây là một bộ lông cáo đặc biệt. Phu nhân ngài tùy viên quân sự Ý đã mua được, trước chiến tranh, trong một cuộc bán đấu giá lông thú ở Lêningrat, với giá một nghìn năm trăm đô-la... Xin lỗi bà... Thưa ông, ông cần gì ạ? Hàng dệt Lêningrat? Rất tiếc, hiện nay cửa hàng không thể phục vụ ngài được. Tất cả đã bị khách hàng tranh cướp hết. Không lâu nữa, sẽ có một chuyến hàng tấm rất đặc biệt. Rất mong ngài trở lại... Excusez-moi, Madame. Nếu bộ lông cáo thần tiên này — nói cho đúng chữ — không vừa ý bà, tôi có thể mời bà mua một bộ thanh nhã hơn, cùng loại...

Và ông lại hấp tấp leo thang, làm đôi giày kêu ken két, vừa leo vừa đưa qua vai những súc vải, những chiếc ba-đờ-xuy cũ, những bộ lông cáo bạc màu bị nhậy nhấm, mắt bằng thủy tinh, giống mắt chó hơn là mắt cáo.

Khách hàng tàn nhẫn bắt ông chạy đi chạy lại không nghỉ trong cửa hàng, luôn luôn đòi xem những mặt hàng mới như găng tay, quả cầu, bình tưới, chân đèn bằng đồng thau, ống nhòm, máy ảnh, hộp com-pa, dù Nhật bản.

Có một thằng thanh niên Đức làm ông khó chịu nhất, dáng người chắc chắn, da nâu, tóc uốn cánh phượng. Hắn mang ao vét-tông dài đính cái thập ngoặc bằng vàng trên ve áo và một cái quần thể thao ngắn, cộc cỡn, đến đầu gối, chân mang tất len ngắn và đôi giày ống đế đinh. Tên Đức này không biết một tiếng

Nga nào cả. Bước thong thả trong cửa hàng, hắn chỉ ngón tay to tướng hết vào cái này lại đến cái nọ và nói như ra lệnh:

— Diese!

Kôletnisuc lại nhẫn nhục trèo lên chiếc thang con và mang đến cho tên Đức món hàng thèm muốn: Một cái liễn xúp mất nắp, một bộ kìm nhổ răng, một cái đèn, chiếc áo pơ-lit của Secnôivanenkô, một cây vĩ cầm hay một cái gì đại loại như thế. Tên Đức xem xét món hàng cả bốn mặt, rất có phương pháp.

Lấy ngón tay gõ, hà hơi, lắc lắc, đưa lại gần cửa sổ để trông cho rõ hơn rồi vẫn thong thả, trả lại và nói cộc lốc:

— Nein!

Hắn mặc thử chiếc áo pơ-lit vào rồi cứ thế đi đi lại lại một lúc trong cửa hàng nóng ngốt; đối với cây vĩ cầm, hắn cũng cào cào một tí ra vẻ thông thạo, áp tai vào hộp cộng âm rồi trả lại cho Kôletnisuc, dang tay ra và lại mỉm cười dứt khoát.

— Nein!

Hắn chỉ làm cho Kôletnisuc mệt lử. Khách mua hàng đến rồi đi, nhưng tên Đức vẫn cứ đi tản bộ trong cửa hàng như định ở hẳn lại đấy.

— Có lẽ ngài muốn mua máy ảnh chăng? — Kôletnisuc không giấu nổi giận, hỏi. — Thế thì tôi có thể giới thiệu với ngài một chiếc Reflex rất xinh, thiết kế riêng cho khách du lịch với một ống kính Hertz.

Tên Đức nhún vai nói:

— Nein!

Rồi nhìn thấy một cái gì để ở góc trong cùng cửa hàng, hắn vội đi tới, và Kôletnisuc lại nghe tiếng hắn ra lệnh:

— Diese!

— Có ngay — Kôletnisuc nói to rồi chạy vội vẽ phía tên Đức.

Lúc này, trong cửa hàng, ngoài hai người ra, không có ai nữa.

Tên Đức nhìn thẳng vào mặt Kôletnisuc rồi chợt nói nhỏ bằng tiếng Nga rất sõi:

— Chào anh, Ghêorghi Nikiforovich! Tôi thay mặt Xôfya Pêtrôpna đến thăm anh. Xôfya Pêtrôpna muốn biết anh đã nhận được thư ông Xêvêrlnôpxki ở Bucaret chưa?

Kôletnisuc suýt ngã ngửa vì kinh ngạc. Nhưng tên Đức vẫn đứng trước mặt như một cái cột, đôi mắt khẩn thiết không rời khỏi ông, và trong chốc lát trở nên thông minh lạ thường, nhất là có vẻ Nga, không phải bàn cãi gì nữa.

— Anh nghĩ xem, đã hai tháng nay không có lấy một bức thư — Kôletnisuc bất giác nói — Thật là một người hay sai hẹn quá. Bực thật!

Tên Đức nhìn nhanh về phía cửa ra vào.

— Có phải anh là cán sự ba quân nhu Kôletnisuc không?

Có một cái gì mệnh lệnh và hết sức bình thản, một giọng tham mưu trong tiếng nói của tên Đức; Kôletnisuc bỗng thấy rất rõ đây nhất định không phải một tên Đức mà là một người Nga chân chính và cứ theo bề ngoài thì là một sĩ quan xô-viết nhà nghề.

— Đúng thế! — KôLetnisuc thẳng người lên, đáp.

— Tôi cần gặp đồng chí Secnôivanenkô. Tôi là đại diện bộ tham mưu phong trào du kích Ukren.

Ngay lúc đó, cánh cửa xịch mở và một khách hàng mới bước vào cửa hàng. Tên "Đức" nhìn Kôletnisuc một cách ý tứ rồi đi ra phố. Kôletnisuc nhảy bổ theo.

— Ngày kia, cũng giờ này — ông nói khẽ ở cửa ra vào — Ngài cần gì, thưa ngài? — Ông hỏi người khách mới tới.

Đó là một ngài người Rumani, nhỏ bé, ăn bận khá đúng mốt, không thái quá mà cũng không lòe loẹt. Y có một ý thức lịch sự vừa vững vàng vừa có vẻ tỉnh nhỏ: một bộ quần áo thể thao màu cát bằng vải dệt nổi sóng, một chiếc cà-vạt kẻ ô vuông giản

dị nhưng đắt tiền, đôi giày vec-ni, một cái mũ nan đội có lẽ hơi quá ra đàng sau nhưng không đến nỗi chướng mắt. Y cắp ở nách một cái ví to màu vàng với một lô ổ khóa sáng loáng và những đai nịt — một cái ví thực sự chắc chắn của nhà buôn. Y lại gần bàn giấy, nơi Kôletnisuc đang đứng, lễ phép nâng chiếc mũ nan lên, nói:

— Iônen Mirêa.

Để xác nhận điều vừa nói, y rút trong ví và chìa ra một tấm danh thiếp trắng ngần, không to quá, không nhỏ quá, trên đó, Kôletnisuc đọc thấy, bằng tiếng Nga: "Iônen Mirêa, tổng đại diện các Nhà máy của hãng Mêfôđi Muntêanu và Con trai, Bucaret — chi nhánh Bá- linh, Viên, Côpenhagơ, Ăngkara và Môngtêviđêô. Địa chỉ điện tín: Muntêanu tơ lụa".

"Chết thật! — Kôletnisuc nghĩ và vô cùng hối tiếc là mãi đến nay vẫn chưa đặt in danh thiếp. Linh hồn ngài Prơjêvenxki bỗng trở về với Kôletnisuc, ông vội trang trọng cúi xuống sau quầy hàng, và nói to:

— Ngài cần gì ạ?

— Ngài Kôletnisuc, nếu ngài không phản đối, tôi có một việc buôn bán có lợi muốn bàn với ngài — Iônen Mirêa nói bằng tiếng Nga. — Xin ngài tha lỗi, tôi nói không được thật thạo tiếng Nga, mặc dù tôi đã sinh đẻ trên nước Đại Nga cũ, trong vùng Xôrôki nhỏ bé, nếu cái tên này gợi lên với ngài một điều gì... Tôi lấy làm thích thú nếu nó gợi lên với ngài một điều gì... — Iônen vung bàn tay lên không, ngón út tách ra, để lấp lánh một hạt kim cương to tướng. Y mỉm cười và một chiếc răng vàng lấp lánh trong miệng.

Y có một bộ lông mày to, rậm, đen, nhưng lốm đốm hoa râm và bên dưới là đôi mắt long lanh như những hạt kim cương. Nom tưởng như y đã tung ra hai chùm tia sáng chói lọi để rồi lại tắt ngay:

— Hãng chúng tôi chú ý đến mặt hàng tơ lụa hảo hạng và nhất là... Lina... thế nào, cái đó gọi là gì bằng tiếng Nga nhỉ?...

Đến thứ hàng len dệt kim để may quần áo... À phải, hàng dệt kim để may quần áo. Ngài bán lẻ, sáu mươi hay bảy mươi mác một mét. Tôi xin trả ngài một trăm mác một mét và sẵn sàng nhận ngay một lần một số lượng không hạn định.

Kôletnisuc cảnh giác nhưng Iônen Mirêa đã chiếu ngay vào anh, dưới đôi lông mày đen, hai chùm tia sáng kim cương chói lọi rồi vỗ vai ông nói:

— Đomnul Kôletnisuc — y nói rất dễ thương, rất thực thà, nên Kôletnisuc dịu xuống ngay như người bị thôi miên. — Đomnul Kôletnisuc, tôi sinh trưởng trên nước Đại Nga cũ. Tôi là một người Nga trên năm mươi phần trăm và ngài cũng hiểu tôi khi tôi nói hàng "Lina"... phải, những hàng len là chuyên môn của tôi. Thứ hàng đó, tiếng Rumani gọi là "Lina". Lấy tư cách một nhà chuyên môn với một nhà chuyên môn, tôi xin nói với ngài hàng Lina Lêningrat, là một mặt hàng erste klasse.

— Ô! — Iônen đưa ngón tay trỏ lên trời; cũng như ngón tay út, nó đeo một cái nhẫn kim cương. — Một trăm hai mươi mác một mét, và tôi xin mua tất cả số hàng.

— Nhưng tôi chỉ còn hai tấm dở thôi — Kôletnisuc ngượng ngùng nói.

— Ngài Kôletnisuc! — Iônen Mirêa nói to và Kôletnisuc chợt thấy hình nhir khắp người y, từ chân đến đầu, ánh lên toàn vàng và kim cương. — Hai súc, mười lần hai súc, mười toa, đối với tôi cũng chẳng đến đầu. Một trăm hai mươi mác một mét, tôi xin lấy ngay lập tức. Tiền chuyên chở, tôi xin chịu hết.

Sau này, khi nhớ tới sự việc đau khổ đó, Kôletnisuc không bao giờ có thể hiểu và nhớ lại được rõ ràng tất cả điều đó đã xảy ra như thế nào. Lúc đó, ông như bị việc buôn bán làm cho mê mẩn, đó là kết quả của ánh hào quang ở đôi mắt kim cương kia; không biết vì đâu ông bỗng thèm khát được có ngay một lúc một số tiền lớn và cảm thấy như một người đang rơi xuống vực thẳm.

Tất cả đã diễn ra nhanh chóng, dễ dàng và có tinh chất lạ kỳ, vô lý, hệt như trong một cơn mê. Kìa, không đổi chỗ, Iônen Mirêa đặt lên quầy sáu trăm đồng mác chiếm đóng mời tinh, tiền mặt, với ba nghìn mác bằng hối phiếu hạn một tháng của nhà "Mêfôđi Muntêanu và Con trai", rồi nhanh nhẹn xếp số hàng dệt kim Lêningrat lên chiếc xe ngựa cũ, dễ từ cuối thế kỷ mười chín, không biết từ đâu xuất hiện ra, ngồi xuống bên cạnh, ôm lấy những súc vải như một bà lớn, nâng chiếc mũ nan lên rồi đi mất không biết về phương hướng nào.

Nửa đêm, Kôletnisuc bất chợt thức dậy và đâm bổ về phía cái két... Ông để ý xem kỹ lại những tờ hối phiếu, những tờ giấy lạ lùng, thật khỏ hiểu, mà ông đã đem số vải dệt kim Lêningrat hảo hạng đổi lấy. Chúng có giá trị gì và thật ra chúng đại diện cho cái gì? Lấy gì bảo đảm người ta sẽ trả cho ông ba nghìn mác để đổi lấy tờ giấy này? Ai trả? Ngài Iônen Mirêa ư? Nhưng nếu không trả? Kôletnisuc cũng không có cả địa chỉ của y. Ông sẽ tìm y ở đâu?

Kôletnisuc hình dung lại Iôuen Mirêa với cặp mắt kim cương, chiếc mũ nan, đôi lông mày quái gở, rồi ông chợt nhận ra hết sức rõ ràng đó là một tên lừa đảo rất tầm thường, thông thường hết sức. Với sáu trăm đồng mác chiếm đóng, y đã cuỗm mất của ông trên ba nghìn đồng tiền hàng! Người ta đã đánh cắp của ông ngay giữa ban ngày. Tai hại nhất đó lại là tiền của Đảng, của tổ chức bí mật! Kôletnisuc bứt đầu, bứt tóc định đập đầu vào tường. Làm sao có thể nhìn thẳng Secnôivanenkô được? Đó là một ý nghĩ làm ông thấy khó sống nổi. Ông đã trải qua một đêm khủng khiếp, không ngủ. Có lúc, ông nghĩ có thể không đến nỗi tuyệt vọng. Có thể ông lo lắng thế là sai: Iônen Mirêa không phải

là một nhà buôn thiếu tư cách, mà trái lại, một thương gia hoàn toàn lương thiện, rất sòng phẳng. Trong đúng một tháng, y sẽ trả lại toàn bộ số tiền không thiếu một xu. Vì dù sao Kôletnisuc cũng nắm trong tay những hối phiếu của một nhà buôn tiếng tăm như hãng "Mêfôđi Muntêamu và Con trai", Bucaret, Viên, Bá-linh, Côpen- hagơ, Ăngkara, Môngtêviđêô...

Điểm bi đát của sự việc là Kôletnisuc rất mơ hồ về hối phiếu. Hối phiếu là một cái gì hết sức lỗi thời, thù địch, đáng khinh. Nhưng ông biết — không rõ do đâu mà ông biết điều đó! — là trên thế giới vẫn có hối phiếu. Trường đại học chăng? Trường trung học chăng?... Hối phiếu đã giữ một vai trò không vui trong đời ông rồi. Nhưng ở đâu? Bao giờ? Thế nào? ... Kôletnisuc thao thức cho đến sáng, nửa ngủ nửa mê thấy tờ hối phiếu đã giữ một vai trò nặng nề. Bất chợt, trong óc ông, lóe lên như tia chớp.

"Bán một món hàng, một người buôn đã nhận hai tờ hối phiếu, lãi năm phần trăm trả ở nhà băng. Với tờ hối phiếu thứ nhất, nhà băng đã trả 475 rúp, với tờ thứ hai 117 rúp. Hỏi..."

Kôletnisuc nhớ lại: đó là một bài toán phần trăm trong cuốn sách giáo khoa của Sapôtnikôp và Vanxep. Những hối phiếu nằm đâu bên cạnh những cái bể bí hiểm đầy nước rồi lại cạn, bên cạnh những đoàn tàu khốn nạn chạy từ hai ga A và B để gặp nhau...

Người nhà buôn, bán xong hàng, đã nhận hai tờ hối phiếu nhà băng... Kôletnisuc ngồi trên giường lắp bắp.

Cuối cùng ông đã hiểu ra sự việc, ông là một nhà buôn và đã nhận hối phiếu về món hàng bán ra. Nhưng người buôn nọ, người trong bài toán, không loạn óc, anh ta đã đổi hối phiếu cho nhà băng và đã nhận được tiền; trái lại, ông đã mất ngủ và trằn trọc. Một tờ hối phiếu! Hối phiếu có thể đổi lấy tiền kia mà... Bây giờ Kôletnisuc thấy rõ là mình phải đưa những hối phiếu nhận của Iônen Mirêa đến nhà băng đổi lấy tiền và càng sớm càng hay. Vất vả lắm ông mới đợi được đến sáng, ông uốn vội bộ ria

mép rồi chạy ù tới nhà băng. Ông không ngờ và thậm chí xuýt khóc vì sung sướng khi tìm thấy cái cửa con có tấm bảng mang dòng chữ vàng bằng tiếng Nga và tiếng Rumani: "Trả tiền hối phiếu". Vội vã cúi gập người xuống, và hoa chân múa tay một cách hết sức tao nhã, theo kiểu ngài Prơjêvenxki. Kôletnisuc chìa những tờ hối phiếu vào cửa và nói:

— Tôi muốn xin rút tiền hối phiếu... Nghĩa là, thưa ông, tôi muốn rút tiền của tờ hối phiếu này, xin ông làm ơn... vui lòng...

Cái "ông" mà ông đang trình bày, một người bé nhỏ bụng to, đen thui thủi trong chiếc áo jaket đã sờn, giong một con nhặng xanh đeo kính lạ lùng, cầm lấy tờ phiếu, lật đi lật lại trước mũi một lúc rồi trả lại cho Kôletnisuc và càu nhàu:

— Không được!

— Xin phép — Kôletnisuc nói, cảm thấy nền nhà sụt xuống dưới chân mình — tôi chưa thật hiểu rõ ông nói gì. Nghĩa là, thưa ông, tôi muốn biết tại sao, xin ông làm ơn...

Con nhặng xanh quay cả người về phía Kôletnisuc.

— Không thể chuyển được.

— Sao ạ?... Sao? — Kôletnisuc lắp bắp — Tại sao không thể chuyển được ạ?

— Không thể chuyển được — con nhặng xanh nhắc lại và nhìn Kôletnisuc bang đôi mắt chằm chằm mà qua đôi kính cận, có vẻ to như mắt bò. — Đây chỉ là một mảnh bìa.

Mặc dù ngây thơ trong công việc buôn bán, Kôletnisuc cũng hiểu ngay được cái chữ "bìa" ghê gớm ấy. Tay run run, ông rút trong túi áo tuýt-xo ra tấm danh thiếp của nhà "Mêíođí Muntêanu và Con trai" và đưa cho con nhặng xanh. Nhưng con nhặng xanh cũng không thèm cầm lấy. Hắn chỉ lướt đôi con mắt bò bất động của hắn, rất ít liên quan với cái dáng ngắn ngủi, tròn quay của hắn, lên tấm danh thiếp rồi càu nhàu:

—Schmukler!

— Sao ạ? — Kôletnisuc không hiểu.

—Schmukler! Eseroc!— con nhặng xanh nói, có vẻ khoái trá đểu cáng và thấy khách không hiểu, hẳn giải thích — Tiếng Nga, gọi là kẻ cắp, xỏ lá, hiểu chưa?

— Xin lỗi... xin lỗi, ông... Một hãng buôn chắc chắn thế: Bá-linh, Viên, Ăngkara, Môngtêviđêô...

— Schmukler, schmukler! — con nhặng xanh nói và đột nhiên, há hốc cái miệng bé tí với hàm răng cá heo nhọn hoắt, hắn phá ra cười, một giọng cười trẻ con, oang oang như tiếng nhạc ngựa.

7

— Thưa ngài, xin mời ngài đi qua cửa này — Kôletnisuc nói và né người để cho tên "Đức" đi vào trong buồng để hàng — Bộ đồ ăn này là loại độc nhất tôi vừa mới nhận được từ Kiep gửi tới. Hàng Xevrơ chính cống! Phu nhân ngài đại sứ Thổ-nhĩ-kỳ mua được của các người thừa kế bá tước Bôbrinxki với giá một nghìn hai trăm bảng Anh. Một món hàng rất hiếm. Tôi đã dành riêng hầu ngài. Mời ngài cứ xem, còn tôi, xin ngài một phút để phục vụ các khách hàng khác, sau đó, tôi sẽ xin hoàn toàn hầu tiếp ngài. Xin lỗi ngài, mong ngài miễn thứ cho — bằng một giọng to nhưng kính nể, cố lấy giọng cho thật êm ái và thật nhã nhặn của ngài Prơjêvanxki, Kôletnisuc nói với khách mua hàng, rồi vừa thì thầm vừa đưa mắt về phía cửa buồng để hàng, nơi tên "Đức" đi vào — Đấy là quan phụ tá của ngài Gơring đồng thời là cố vấn của Ngài về những vấn đề đồ cổ, ông khách hàng quen của tôi. Xin lỗi các ngài! Bây giờ, thưa bà, tôi xin hoàn toàn hầu tiếp bà. Bà cần thứ gì ạ?

Rồi Kôletnisuc, cứ cót ca cót két đôi ủng, chạy như sóc trên chiếc thang con từ trên xuống dưới.

Trong khi đó, tên "Đức", tay đút trong túi sau chiếc quần chẽn ngắn, đã đi vào trong buồng để hàng.

— Đẩy cái chốt cửa lại và đứng im — Secnôivanenkô nói, không rời con mắt khỏi tên "Đức". ông đang ngồi trên một cái thùng trong góc buồng tối om và cầm trong tay một khẩu súng ngắn.

Không rút tay ra khỏi túi quần sau, tên "Đức" cài móc cửa vào rồi tựa cả tấm thân to lớn và nặng nề vào cánh cửa.

— Khẩu lệnh? — Secnôivanenkô nói.

— Kiep. Trả lời?

— Súng ngắn.

— Đúng.

— Khoan đã. Đừng lại gần. Giấy tờ đâu!

Tên "Đức" lấy móng tay cạy cái nắp đồng hồ ra và đưa cho Secnôivanenkô một mảnh giấy thuốc lá vo viên lại. Secnôivanenkô giở ra, đeo kính vào, tay vẫn không rời khẩu súng, đọc mấy chữ rất quen thuộc của đồng chí bí thư Ban Chấp hành quận, ông nhớ lại những lời cuối cùng của đồng chí bí thư đã nói với ông: "Tôi không hứa sẽ gặp anh một ngày gần đây lắm đâu." Ông mỉm cười vui vẻ. Tên "Đức" cũng mỉm cười nhưng kín đáo.

— Phái viên của bộ tham mưu phong trào du kích Ukren, đại úy Măcximôp — anh nói để tự giới thiệu.

— Măcximôp. Mời anh ngồi!

Họ bắt tay nhau. Secnôivanenkô dịch ra và Măcximôp ngồi xuống cạnh ông trên mép chiếc thùng.

— Về phần tôi, nói thực, tôi không biết có bộ tham mưu phong trào du kích Ukren. Nó có lâu chưa?

— Từ tháng sáu, chiểu theo quyết nghị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản (bônsêvich) Ukren. Được lập ra đặc biệt để liên lạc với các đội du kích, để giúp đỡ và hướng dẫn họ.

— Hay đấy! — Secnôivanenkô thốt lên — Nói thực, chúng tôi cảm thấy thiếu cái bộ tổng tham mưu Ukren này.

— Bấy giờ, như anh thấy đấy, nó đã có. Và không phải chỉ có ở Ukren. Ngày ba mươi tháng năm, theo quyết nghị của Hội đồng quốc phòng Liên bang xô-viết, đã thành lập bên cạnh Bộ Tổng chỉ huy, một bộ tổng tham mưu phong trào du kích — Măcximôp lắng tai nghe những tiếng nói lọt qua bức vách mỏng rồi nói — Ở đây, có nguy hiểm không?

— Ít nhất cho đến bây giờ, chúng tôi coi cái trạm này là chắc chắn hơn cả. Dù sao, anh cũng nên biết, sau dẫy thùng này, trong góc, còn một cái cửa nữa mở thẳng ra sân. Trường hợp bất ngờ, chúng ta có thể đi ra theo lối gọi là "Cửa sau"... Chúng ta không phải người khó tính. Nhưng anh đừng lo. Tôi đã bố trí ở ngoài sân và ngoài phố xung quanh nhà, những người chắc chắn. Họ sẽ báo cho ta biết kịp thời... Thế anh nói đã thành lập một bộ tổng tham mưu cho du kích phải không?

— Phải, nó phụ trách lãnh đạo trực tiếp phong trào du kích trên toàn bộ lãnh thổ Liên bang xô-viết đang tạm thời bị chiếm đóng.

— Triển vọng lắm! — Secnôivanenkô xúc động nói. — Hay lắm! Lạy Chúa, quả thật là hay lắm! Ai ở trong ban lãnh đạo?

— Đồng chí Pônômarenkô đã được bổ nhiệm làm tổng tham mưu trưởng.

— Pônômarenkô nào thế? Người Biêlôrutxi phải không? Pantêlêmôn Kônđrachiêvich chứ?

— Chính đồng chí ấy. À, đồng chí bí thư ban Chấp hành vùng Ôđetxa gửi lời chào anh.

— Đồng chí ấy bây giờ ở đâu?

— Ở Bộ tham mưu Ukren.

— Tôi biết rồi. Đồng chí ấy không quên những người bạn già nhỉ?

— Không, không quên đâu. Trái lại! Ông cũng theo dõi các anh từng bước.

— Chúng tôi? Từng bước à?

— Ấy, đúng thế. Đặc biệt là đồng chí — Măcximôp mỉm cười — Còn "các anh" khác trong thành phố và trong quận, đồng chí ấy cũng theo dõi vừa vừa. Thật là một gia đình lớn.

— Thế anh cho tôi gửi lời chào đồng chí ấy. Cảm ơn là đã nhớ tới. Mong đồng chí ấy đừng quên chúng tôi.

Secnôivanenkô đánh diêm rồi gí gần vào mảnh giấy con. Một ngọn lửa nhỏ màu vàng xanh nhợt bốc lên và lớp tàn nhẹ như cánh bướm bay tỏa ra trong không khí.

— Đồng chí áy rất chú trọng việc phát động quần chúng tham gia du kích ở Ukren — Măcximôp nói — Đồng chí ấy quan tấm đặc biệt đến vùng Ođetxa và đến cá nhân anh, đồng chí Secnôivanenkô. Công việc của ban Chấp hành bí mật khu anh thế nào? Có vấn đề gì đó đã đến tai bộ tham mưu rồi đấy.

— Thí dụ? — Secnôivanenkô nói.

— Vụ phá hoại hơn nghìn pút lương thực ở trạm máy kéo Prôtôpôpôvô, vụ nổ sở Chỉ huy Uxatôvô, việc dán có hệ thống truyền đơn và thông cáo của Thông tấn xã Xô-viết.

— Ông ấy biết việc dó à?— Secnôivanenkô nhanh nhẩu hỏi, thích thú đỏ cả mặt.

— Tất nhiên — Măcximôp nghiêm trang nói.

Và Secnôivanenkô hiểu ra rằng, trong cuộc chiến tranh mới về hình thức và nội dung, mà lịch sử chưa từng biết tới này, thực sự ông là người chỉ huy của một đơn vị chiến đấu không kém phần quan trọng so với bất cứ một nhà máy nào ở hậu phương hay hất cứ một sư đoàn nào ở tiền tuyến, một bộ phận của các

lực lượng vũ trang nhân dân.

Và trong giây phút đó, ông quên mất mình đang ngồi trong buồng để hàng của cửa hàng đồ cũ "Jorjơ" và sau những bức tường kia, là một thành phố đã bị bọn phát-xit xâm chiếm.

Rồi ông bắt đầu trình bày với đại úy Măcximôp về tình hình ban Chấp hành khu, về những hoạt động và dự định. Thực tế, ông đang làm báo cáo cho Ban chấp hành trung ương Ukren. Secnôivanenkô cân nhắc cẩn thận từng chữ, từng câu, cố báo cáo hết sức chính xác, khách quan, không tô vẽ những mặt yếu nhưng cũng không bỏ qua những mặt mạnh trong công tác của mình.

Măcximôp ngồi nghe, đầu cúi xuống, vẻ mặt căng thẳng, mồ hôi ra lấm tấm vì ở trong buồng để hàng nóng. Do không thể ghi chép, anh cố nhớ từng lời của Secnôivanenkô. Đôi khi, anh bảo ông ngừng lại, yêu cầu nhắc lại. Đây là bản báo cáo đầu tiên của Secnôivanenkô. Kiểm điểm công tác trước bộ tham mưu du kích và trước Đảng cũng tức là kiểm điểm công tác trước bản thân và đã khách quan nhìn được sự hoạt động của Ban chấp hành khu.

Secnôivanenkô nhìn thấy hai mặt. Một mặt ông thấy rõ trong chín tháng hoạt động bí mật, thực tế ông đã làm được nhiều việc. Không kể những trận đánh lớn để phá thóc, lúa tại trạm máy kéo ở Prôtôpốpôvô, vụ nổ Sở chỉ huy địch ở Uxatôvô, dán một số lớn truyền đơn cùng nhiều trận phục kích xe địch, thành công chủ yếu của ban Chấp hành bí mật khu là đã xây dựng và tổ chức được lực lượng dự bị cho cuộc đấu tranh khá quan trọng ngay trong thành phố cũng như ở các làng tại vùng ngoại vi. Hiện giờ, trong chiếc tủ sắt hầm mộ đã có một số khá lớn thẻ đảng và quyết tâm thư có chữ ký, sắp xếp hết sức trật tự và trên mặt bản đồ thành phố cùng các vùng ngoại vi, với những vòng đỏ, đã có khá nhiều chấm, mà mỗi chấm là một người đang sẵn sàng, bất cứ lúc nào và theo hiệu lệnh đầu tiên, xông lên chấp hành mọi mệnh lệnh chiến đấu của Secnôivanenkô; hơn nữa, trường hợp cần thiết, họ còn dẫn theo thêm hai ba đồng chí nữa. Đây là một tổ chức bí mật lớn; ở một mức độ nào đó nó đã có,

dưới quyền kiểm soát của mình, các xưởng đường sắt tháng Giêng và các công trường hàng hải, nhiều làng mạc lớn và nhiều khu phố. Đúng, thế là nhiều lắm!

Nhưng mặt khác, khi làm báo cáo, Secnôivanenkô cũng chợt nhìn thấy rõ ràng những điều mà đến nay ông chỉ mới thấy lờ mờ: mạng lưới thì lớn, người thì đông nhưng về công tác lại thiếu phối hợp với kế hoạch chiến lược chung của chiến tranh. Thực ra, cũng có một kế hoạch. Nó dựa trên sự cần thiết phải làm cho địch ăn không ngon ngủ không yên trên các vùng chúng chiếm đóng, và Secnôivanenkô đã lợi dụng mọi hoàn cảnh thuận lợi để làm việc đó. Họ đã nổ súng vào các toán tuần tiễu địch, hạ thủ bọn lính canh, diệt bọn sĩ quan đi lẻ, cắt đứt đường dây điện. Nhưng tất cả những việc đó không thực sự khăng khít với những vấn đề quân sự chung, không gắn liền với một kế hoạch chiến lược thống nhất.

Secnôivanenkô bỗng thấy rõ ràng tất cả mặt yếu tương đối trong công tác của mình và hiểu rằng cuộc chiến đấu thật sự chỉ mới bắt đầu. Đó là ý nghĩ mà Secnôivanenkô nói lên để kết thúc bản báo cáo. Ông nói hết sức giản dị, với thái độ thẳng thắn của người quen đặt công tác Đảng lên trên lòng tự ái cá nhân.

— Nhờ anh chuyển điều đó lên cho bộ tham mưu — ông nói, nhìn thẳng vào mặt Măcximôp bằng đôi mắt sắc xung quanh chẳng chịt những nếp nhăn đã hơi cằn cỗi.

— Tôi xin chuyển — Măcximôp nói ngắn gọn.

Anh im lặng một lúc, nhớ lại tất cả những điều Secnôivanenkô nói với mình. Cuối cùng, khi đã khắc sâu vào trí nhớ, anh ngẩng đầu lên và lắc mạnh mớ tóc cánh phượng rõ ràng đã làm anh rất khó chịu.

— Thôi, nói chung, tình hình công việc thế nào? Gay lắm phải không? — Măcximôp đổi giọng hỏi, nồng nhiệt và thân mật.

— Nói làm gì! — Secnôivanenkô lau mồ hôi trán và trả lời cũng hết sức giản dị — Không phải là nói suông, nhân dân rất mong Hồng quân trở về. Vấn đề này, ở chỗ anh, ở bộ tham mưu du kích, người ta nghĩ thế nào?

— Chắc cũng như ở chỗ anh. Trước hết phải đánh bại quân đội phát-xít đã. Anh vẫn nghe đều thông cáo của Thông tấn xã Xô-viết đấy chứ?

— Tương đối đều.

— Thế anh có cần hỏi gì tôi không? Hiện giờ chúng lại đang đổ về phía đông.

— Phải, phải. Theo hướng Bacvenkôvô — Secnôivanenkô thở dài — Việc này mới.

— Còn chuyện tiếp tế, ở chỗ anh, trong hầm mộ, thế nào?

— Không tốt lắm. Chỉ còn số dự trữ bất khả xâm phạm, Chúng tôi phải tự tiếp tế lấy trong các làng chung quanh, chúng tôi cho người đi chợ.

— Còn tiền?

— Chút ít ở cửa hàng đồ cũ nổi tiếng này. Như người ta nói, một chi nhánh của chúng tôi.

— Kôletnisuc công tác thế nào?

— Anh phải biết — Secnôivanenkô nói, phấn chấn — quả là một con người thật đáng quí. Nhờ anh ấy mà tôi nhận được mọi tình hình: cắt báo, tóm tắt những câu chuyện trong các tiệm cà-phê và ngoài chợ, những lời nói tình cờ của khách hàng. Một cơ quan tình báo phong phú! Và ví dụ, tôi đã triệu tập tới cái trạm này đủ các hạng người của ta đang làm việc trong thành phố, đúng y như là phòng làm việc của tôi vậy. Hầu hết đều đã qua cái phòng chứa hàng này. Anh đến với chúng tôi, ở Ôđetxa, có lâu không?

— Tôi sẽ đi một ngày gần đây.

— Anh lại trở về đấy chứ?

— Tôi trở về đấy.

— Thế thì nếu gặp, cho tôi gửi lời chào thân thiết đến đồng chí bí thư Ban chấp hành khu. Nói với đồng chí ấy là cả khu rất nhớ đồng chí.

— Nhất định tôi sẽ nói.

— Còn anh, thế nào, anh không sợ bị cảm lạnh với cái quần chẽn Đức ngắn cũn cỡn này sao? — Secnôivanenkô hỏi, mắt nheo lại ra vẻ tinh nghịch.

— Ồ! Nói làm gì — Măđximòp thở dài — Thà cởi truồng mà đi trong thành phố còn hơn, ít nhất cũng còn đỡ nhục. Mà làm thế nào được? Đấy là cuộc sống của chúng ta. Này, đồng chí Secnôivanenkô — anh nói, giọng dè dặt như khi mới đến, một giọng nói tham mưu, hình như cho dù giờ giải lao đã quá lâu rồi — bây giờ cho phép tôi chuyển đạt những chỉ thị của bộ tổng chỉ huy. Tôi sẽ không vẽ lên một bức tranh chi tiết về tình hình trên các mặt trận. Ít nhiều anh đã biết rồi. Tôi chỉ nói với anh một ít về tình hình giao thông liên lạc của địch. Một cách sơ lược thôi. Tôi tin là anh đã biết rõ tầm quan trọng của vấn đề giao thông liên lạc trong cuộc chiến tranh này rồi chứ? Mãi cho đến cuộc thất bại Mạc tư-khoa, tuyến vận chuyển quân sự chủ yếu của quân Đức phải đi qua Biêlôrutxi và Ukren. Trong mùa đông, du kích Ukren đã uy hiếp mạnh các đường sắt khiến quân Đức gần như phải ngừng việc vận chuyển qua Biêlôrutxi và chuyển chủ yếu qua Ukren. Lập tức, du kích Ukren hoạt động, đánh cho các tuyến đường sắt phía nam những đòn phù hợp với kế hoạch chúng ta. Những đòn này đã được diễn đi diễn lại đến tận những ngày gần đây. Lực lượng của họ ngày càng lớn mạnh.

— Ờ ờ! Cái đó cũng dễ hiểu — Secnôivanenkô nói — Tôi nắm được ý anh rồi. Nghĩa là, hiện giờ, quân Đức phải đi sâu xuống, càng chuyển luồng vận chuyển chủ yếu về phía nam chứ gì?

— Hoàn toàn đúng. Trong số các tuyến đường sắt chạy từ Đức ra mặt trận, đặc biệt liên quan đến quân đội phát-xít, phải chú ý kể đến các tuyến đường đi từ Nikôlaiep đến Namenka và Đơnieprôpêtrôpxk; bằng các tuyến đường này, địch chuyển những hàng hóa từ Hắc-hải chở tới không bị trở ngại gì. Một bộ phận hàng hóa đó được bốc dỡ tại Ôđetxa. Vì vậy nhiệm vụ số một của hạm đội Hắc-hải...

— Là cấm không cho chúng đi đường biển — Secnôivanenkô nói, nắm chặt bàn tay lại thành một quả đấm chặt.

— Bằng cách đó, các anh sẽ ủng hộ mạnh mẽ Hồng quân và qua đó, các anh sẽ tham gia vào hoạt động chung của các nhóm du kích dưới quyền chỉ huy của bộ tham mưu du kích Ukren trong việc chấp hành cùng một nhiệm vụ chiến đấu. Anh có người ở cảng không?

Secnôivanenkô suy nghĩ, điểm qua các cán bộ nhân viên của mình trong trí nhớ.

— Chúng tôi sẽ tìm ra.

— Vậy thì, hãy chuyển trung tâm hoạt động phá hoại của các anh vào cảng Ôđetxa đi. Và càng nhanh càng tốt. Cụ thể, làm cho hoạt động của cảng tê liệt đi, phá hoại công việc bốc xếp, đánh đắm tàu bè, điều tra ngày khởi hành. Tôi xin giới thiệu cách làm như sau để làm ví dụ: người của chúng ta đã ứng dụng có kết quả ở Ki-ép. Trước ngày chiếc tàu khởi hành, anh em bí mật mở vòi nước ở đuôi tàu ra và cho nước chảy vào toàn bộ hệ thống tháo nước, kết quả: việc khởi hành của tàu phải chậm lại! Một việc nhỏ thôi, thật thế, nhưng rất có hiệu quả.

— Xin lỗi, anh vừa nói thế nào? Người ta đã mở vòi nước sau ra và cho nước chảy qua hệ thống tháo phải không? Chúng tôi sẽ để ý đến điểm ấy — Secnôivanenkô rút sổ tay ra và ghi vài chữ bằng bút chì con — Anh đừng lo — ông nói, nhận thấy mặt Măcximôp sầm xuống — chỉ vài chữ thôi, mà ngoài tôi ra, không ai có thể đọc được và nếu có đọc được, cũng chẳng hiểu tí gì đâu. Anh cứ tiếp tục. Tôi xin nghe.

— Không phải chỉ hoạt động vũ trang — Măcximôp nói tiếp — Phải tổ chức quần chúng phá hoại. Chúng đang huy động quần chúng ra làm ở cảng. Phải phá tan việc huy động đó đi. Cho người của các anh thâm nhập vào các ac-ten công nhân khuân vác. Phát triển công tác chính trị quần chúng. Đừng để cho bọn Đức và bọn Rumani mang đi bằng đường biển những của cải xô-viết chúng đã cướp bóc được. Chúng tôi có tin cho biết, một số lớn dự trữ lương thực được tập trung ở cảng Ôđetxa chờ tàu thủy chở về phía Rumani và xa hơn, về Đức. Hãy nhúng tay vào việc đó, ma bắt chúng nó đi. Các anh có rất nhiều khả năng. Hãy tổ chức những cái "ô".

— Những cái "ô"? — Secnôivanenkô nhắc lại, hỏi.

— Phải. Một sáng kiến tuyệt vời. Các anh sẽ bố trí một khoảng trống trong hầm tàu chất đầy đến tận nóc. Như vậy có thể làm giảm bớt hàng trăm tấn lương thực.

Ngoài ra, điểm trọng tâm bị chuyển địch và con tàu mất thăng bằng. Tai nạn nhất định sẽ xảy ra, nhất là gặp khi biển động.

Secnôivanenkô hấp tấp ghi vào sổ tay chữ "ô". Giữa lúc đó, có tiếng gõ cửa dè dặt,

— Anh đấy phải không, Jôra? — Secnôivanenkô khẽ hỏi — G thế?

— Đến giờ đóng cửa hàng rồi — Kôletnisuc thì thào sau cánh cửa — Sắp đến giờ bọn cảnh sát đi tuần. Kết thúc đi.

Secnôivanenkô và Măcximôp nói chuyện quên cả thời gian trôi qua.

— Xong ngay, Jôra, cứ gác ở cửa,

— Thôi — Măcximôp nói, đứng dậy và chìa tay cho Secnôivanenkô.

— Mong rằng mọi việc sẽ hết sức tốt đẹp — Secnôivanenkô nói, vui vẻ đập vào lòng bàn tay để mở. — Gửi lời chào bộ chỉ

huy và báo cáo với bộ, mệnh lệnh sẽ được chấp hành, xin nhận khuyết điểm là đến tận bây giờ, còn làm được quá ít.

— Nhưng không phải là không có gì — Măcximôp nhận xét, hất những mớ tóc cánh phượng ra sau tai. — Ít ra các anh đã làm tê liệt được cả một sư đoàn Rumani.

— Đó là một điều mới mẻ đối với chúng tôi đấy — Secnôivanenkô ngạc nhiên thì thầm — Bằng cách nào thế?

— Tên chỉ huy Rumani đã phải giữ phòng mấy trung đoàn dự bị trong khu vực hầm mộ Uxatôvô. Ở bộ tham mưu, chúng tôi có một bản mật lệnh của Antônexkô về vấn đề này do người chúng tôi bắt được, của một tên đại tá Rumani đãng trí. Phải xem trọng điều đó và đừng quá ân hận. Nhưng tất nhiên, cũng đừng tự mãn với thành tích — Măcximôp vội vàng nói thêm — Có gì khác cần chuyển nữa không?

— Chuyển hộ lời chào của những người cộng sản và không đảng phải ở hầm mộ Uxatôvô. Tất cả sẽ được thi hành. Chúc anh đi bình yên! Đừng quên chúng tôi!

— Chúng tôi không quên các anh đâu.

— Bây giờ anh biết địa chỉ của chúng tôi rồi chứ?

— Cửa hàng đồ cũ "Jorjơ".

— Đúng thế. Bất kỳ lúc nào. Nhưng nên báo cho cán sự ba quân nhu Kôletnisuc biết trước vài ngày — Secnôivanenkô nói và chỉ cười bằng mắt — Bao giờ sẽ đón anh, lần sau?

— Tôi nghĩ là khoảng một hai tháng nữa. Tôi hay một người khác. Còn phải tùy tình hình. Nhưng từ nay đến đấy, chú ý bến cảng nhé. Tất nhiên, không bỏ qua những công tác thường xuyên. Auf Wiedersehen

— Jôra, mở cửa.

Có tiếng đẩy chốt cửa khe khẽ.

— Hình như tôi bị giam? — Măcximôp hỏi.

— Tưởng gì lạ thế! — Secnôivanenkô đáp, vui vẻ và nâng cái móc bên trong lên — Khoan đã... Jôra. Ổn cả đấy chứ? Ra được chưa?

— Ra đi, nhưng thật nhanh vào,

— Xin mời anh.

Secnôivanenkô mở rộng cửa và đại úy Măcximôp miệng huýt sáo bài van Xinva, núng nính bước khỏi cửa hàng vắng tanh, ra ngoài phố Ribat vắng tanh, dưới nắng chang chang của mặt trời oi bức buổi chiều.

— Anh triệu tập cho tôi vào ngày thứ năm hai đồng chí ở khu phố vận tải đường biển, Iakôplep và Xayitxkaia — Secnôivanenkô nói với Kôletnisuc khi chỉ còn lại hai người — Từng người một nhé.

Kôletnisuc cau trán lại cố nhớ lấy.

— Tôi chắc Iakôplep là người gác kho số 6 ở cảng, còn Xayitxkaia, đánh máy tại phòng giám đốc cảng phải không?

— Rất đúng.

— Sẽ thi hành đúng — Kôletnisuc nói và thở dài. Ông buồn rầu nhìn Secnôivanenkô như muốn nói một điều gì rồi lại thở dài lần nữa.

— Anh có việc gì mà thở dài thế?

— Không, không quan hệ gì đến công việc cả. Chuyện buồn riêng thôi.

— Tốt, nếu anh thích thì cứ buồn. Nhưng đừng quên là Iakôplep và Xayitxkaia sống chết thứ năm cũng phải có mặt ở chỗ tôi. Thực tế, chúng ta đã sao nhãng công việc ở cảng. Chúng ta không đủ sức nắm hết. Thôi, hẵng xếp bộ mặt đưa ma của anh lại. Tôi ra lối cửa sau. Hành động!

Rồi Secnôivanenkô, trước con mắt dịu dàng và đầy trách móc của Kôletnisuc, đi ra sân bằng cái cửa thứ hai của buồng để hàng, và qua cửa cổng, đi về phía Katêrin đệ nhị. Lúc ấy là giờ

đóng cửa hàng và công sở, giờ bọn con buôn chứng khoán suốt ngày tụ tập ở sân Vane ra về. Secnôivanenkô đi lẫn vào đám đông. Sau cuộc hội kiến với người đại diện bộ tham mưu, Gayrin Xêmiônôvich cảm thấy lòng mình như sóng triều dâng, như sau một thời gian dài kiêng cữ, lại được tắm biển và bơi sải một cách thích thú.

9

Không ai hiểu được tâm trạng của Kôletnisuc. Có lúc ông cảm thấy giận dữ ghê gớm, hai tay run lên. Lắm lúc ông lại có những mơ ước huyền hoặc. Ông tin là một tháng sẽ trôi qua, Iônen Mirêa sẽ xuất hiện và sẽ mua lại các hối phiếu. Ban đêm, ông mất ngủ, trằn trọc luôn, người tiều tụy dần.

Bên ngoài, trông ông không thay đổi mấy, vẫn tiếp tục công việc buôn bán, duy trì trạm liên lạc, chi tiền theo giấy giới thiệu của Secnôivanenkô. Ông đã giấu Secnôivanenkô câu chuyện hối phiếu. Ông xấu hổ không dám thú nhận sự ngây thơ, dại dột của mình. Ông làm ra vẻ mọi việc đều tốt đẹp cả. Dạo này, Secnôivanenkô thường đến cửa hàng luôn. Người ta cảm thấy sắp có một trận đánh lớn. Khi Secnôivanenkô hỏi đến việc bán hàng Lêningrat, Kôletnisuc cố vui vẻ trả lời:

— Công việc vẫn chạy, sổ sách vẫn đều.

— Jora ạ, anh xuất chúng thật! Bây giờ anh là một "Pôtasnikôp" thực sự rồi đó. Cứ tiếp tục đi.

Để bù vào quỹ, Kôletnisuc đã phải luôn luôn bán đến những của riêng của mình: cái áo ba-đờ-xuy mùa đông, chiếc áo pơ-lit cũ bằng lông thú mà vợ ông đã thừa hưởng của mẹ, một cái mũ da rái cá, tấm chăn phủ giường, sáu tấm khăn trải giường. Thậm

chí ông phải đụng đến cả đồ gỗ trong nhà và đã bán cho một người buôn đồ cũ hai chiếc ghế dựa đẹp kiểu Saclơ IX bằng gỗ sồi chạm. Đến lúc này, hết sức bất ngờ, ông gặp may mắn: có một người, do khôn khéo của ông, đã chịu nhận tiền hàng bằng những hối phiếu giả.

Thật là lạ lùng. Người này còn có vẻ ngờ nghệch và thiếu kinh nghiệm buôn bán hơn cả bản thân Kôletnisuc nữa. Ông đã đối xử với người này cũng tàn nhẫn và vô liêm sỉ như Iônen Mirêa đã đối xử với ông. Lạ nhất là người này cũng bán một lô hàng dệt kim Lêningrat. Người gầy ốm, râu ria xồm xoàm, đôi mắt láo liên, đầu đội cái mũ cát-két dạ ố mồ hôi, lép kẹp như bánh đa, chân đi đôi giày vẹt gót, mình khoác áo bằng cao su bẩn ngoài bộ quần áo bằng vải thô. Người này như đã lẻn vào cửa và lanh lẹn chạy tới bàn giấy Kôletnisuc. Y có vẻ vừa đáng thương lại vừa đáng tởm của một gã xuất thân từ đám mạt lưu xã hội.

— Thưa ông, ông cần gì — Kôletnisuc hỏi vẻ hách dịch và ngờ vực, ngắm hắn từ đầu đến chân.

— Ông thứ lỗi cho — người lạ mặt nói, nghẹn ngào. — Môtsiônưkhơ.

— Cái gì "môi sứt"?

— Không phải, đó là tôi, Môtsiônưkhơ. Tên tôi là Môtsiônưkhơ.

Nhìn khắp xung quanh như một con vật bị săn đuổi, anh chàng mang cái tên Môtsiônưkhơ lạ kỳ ấy tiến sát đến bên Kôletnisuc, rồi phanh vạt áo đi mưa ra, cho ông xem một tấm hàng dệt kim Lêningrat.

— Tôi có hai tấm vải này. Tôi chỉ bán nửa tiền — hắn thì thào, phả vào tai Kôletnisuc một mùi hành và dầu quỳ — Tôi xin ông thứ lỗi cho... chỉ hai câu thôi...

Vẫn nhìn khắp tứ phía, Môtsiônưkhơ áp bộ ngực lép kẹp vào người Kôletnisuc và, chốc chốc lại nhìn chòng chọc vào mắt ông, thì thào kể lại thiên anh hùng ca buôn bán hết sức đơn giản

của hắn. Cũng như Kôletnisuc, trước hắn là chủ nhân một cửa hàng đồ cũ trên bờ sông Môndayanka. So với cửa hàng "Jorjơ" thì cơ ngơi buôn bán của hắn chỉ là một quán hàng tồi tàn. Môtsiônưkhơ tự giới thiệu như một con người sa sút điển hình. Ngày xưa hắn là một người của chế độ Tân kinh tế rồi thợ thủ công, rồi không biết thế nào trở thành quản lý nhà đất. Hắn đã ở lại thành phố và dưới chính quyền chiếm đóng, quay về với nghề buôn, mở trong khu phố hắn ở một cửa hàng theo kiểu một cửa hàng đồ cũ, bán những hàng hóa cướp bóc được trong thời kỳ tản cư ở các nhà dân thành phố. Nhưng chẳng mấy chốc, hẳn bị phá sản, không nạp được một số khoản thuế và bây giờ, để khỏi phải vào tù, hạn trong một ngày, hắn phải cấp tốc bán tháo các của cải đi để nạp tiền cho sở thương mại thành phố. Từ sáng, hắn đã chạy khắp thành phố tìm người mua và thế là cuối cùng, hắn đã giạt vào cửa hàng "Jorjơ".

Kôletnisuc cố nhịn lắm mới không bạt tai cho tên kẻ cướp, nguyên quản lý nhà đất nọ.

— Này ông Môtsiônưkhơ, ông lấy hàng dệt kim Lêningrat này ở đâu ra thế? — Kôletnisuc nghiêm khắc hỏi.

— Tự ông cũng có thể hiểu thôi... Môtsiônưkhơ lắp bắp thì thào. — Đó là thời kỳ tản cư. Ở kho Công ty tơ lụa Ukren... Tôi cứ cất mãi ở quầy hàng chờ thật được giá... Bây giờ, ông thấy đấy, tôi bị phá sản... ông không biết tôi, chứ tôi thì tôi biết ông. Dưới thời bọn bônsêvich, ông làm kế toán ở Glapsai... ông hãy mua rẻ nửa tiền món hàng nhưng đừng để cho một người phải vào tù! Ông nên giúp đỡ một nhà buôn bạn đồng nghiệp của ông... Năm mươi mác một mét.

Không bao giờ Kôletnisuc cảm thấy căm thù và nhục nhã đến thế. Tên nguyên là người của chế độ Tân kinh tế, tên ăn cắp kiêm quản lý nhà đất, tên mạt lưu xã hội điển hình, với chiếc mũ cát-két bẩn mồ hôi kia, đã dám xin ông giúp đỡ và thương hại, đã gọi ông là bạn đồng nghiệp... Không, thế này thì quá lắm! Chỉ tí nữa ông Kôletnisuc lực lưỡng đã đứng thẳng người lên và cho ông "bạn đồng nghiệp" một tống, biến hắn thành một vũng

bùn nhão nhoẹt.

Nhưng ông chợt nảy ra một ý nghĩ tài tình, nhất cử lưỡng tiện, đẩy được những tờ hối phiếu giả đó mà lại lấy được hàng, nghĩa là đối xử với Môtsiônưkhơ như Iônen Mirêa đã đối xử với ông, bản thân ông. Kôletnisúc biết rõ là mình đang giở một trò bỉ ổi nhưng ông không mảy may ân hận. Thậm chí lòng ông còn tràn ngập một niềm vui sướng ác độc, được trả thù.

— Tôi lấy cho — ông nói, quả quyết — Việc như thế là xong! — và ông khẽ đập bàn tay lên bàn giấy — Hai mươi lăm phần trăm tiền mặt, số còn lại bằng hối phiếu. Hàng chuyển đến cửa hiệu "Jorjơ", tiền chuyên chở ông chịu.

Và không để cho Môtsiônưkhơ choáng váng, kịp hé răng, ông lôi những tờ hối phiếu nhét trong bàn giấy ra và cầm vẫy vẫy trước mũi tên kia. Tinh thần Prơjêvenxki đã thâm nhập vào Kôletnisuc nhanh chóng không thể tưởng được.

— Những hối phiếu tuyệt diệu đây ông ạ! Hơn cả tiền bạc. Nhận những hối phiếu này, ông sẽ không phải hối tiếc — Kôletnisuc giở hết tài hùng biện con buôn nói một mạch — Còn gì chắc chắn hơn những hối phiếu của hãng "Mêfôđi Muntêanu và Con trai". Bucaret, Bá-linh, Viên, Ăngkara, Môngtêviđêô, địa chỉ điện tín: Muntêanu tơ lụa! ông có thể rút tiền ra bất cứ lúc nào, ở tất cả các nhà băng Trung Âu và Nam Mỹ. Có lẽ ông tưởng đây là giấy lộn, ồ, không phải đâu, thưa ông, cửa hiệu đồ cũ "Jorjơ" là một hãng buôn khá nổi tiếng! Tôi trả ông những hối phiếu này vì lúc này tôi không sẵn tiền mặt. Ngay ngày hôm nay, thưa ông, ông có thể tới chi điếm Nhà băng quốc gia Rumani thanh toán. Ông sẽ nhận được tiền mặt và đồng thời cứu vãn được quyền tự do hết sức quý báu đối với mỗi người có văn hóa. Nếu không, thưa ông, xin tùy ông lựa chọn. Tôi không nài: quyền tự do hay là nhà tù. Tôi, riêng cá nhân tôi, thưa ông, tôi sẽ chọn quyền tự do.

Gã Môtsiônưkhơ khốn nạn đã hoàn toàn bị choáng váng bởi dòng thác hùng biện đó. Hắn nhìn ông Kôletnisuc đang hùng hổ

bằng đôi con mắt khiếp sợ của một con thỏ bị bắn què. Hắn vội vã đồng ý. Chắc hẳn lúc này cũng như Kôletnisuc khi bị tên vô lại Iônen Mirêa ăn hối phiếu.

Như một người ngái ngủ, Môtsiônưkhơ chạy về Môndavanka lấy hàng; như một người ngái ngủ hắn đã đưa tới, trên một chiếc xe hai bánh, hai tấm dệt kim Lêinigrat còn đúng y nguyên như khi hắn mới cướp được trong kho, còn gói trong giấy nhà máy. Mãi khi món hàng, được phủ kín bằng một lớp giẻ rách, đã được mang từ ngoài sân vào trong buồng để hàng, Kôletnisuc mới đưa cho Môtsiônưkhơ ba trăm hai mươi đồng mác chiếm đóng và tờ hối phiếu của hãng "Mêfôđi Muntêanu và Con trai" mà Kôletnisuc đã ký vào mặt sau theo đề nghị của Môtsiônưkhơ.

Môtsiônưkhơ vội vã cầm lấy, cố nhét vào túi chiếc áo trong giây đầy mỡ rồi nắm chặt tay Kôletnisuc rất lâu ra ý biết ơn, trong hai bàn tay nhớp nháp, run run, sực mùi hành và cá rán.

Khi Môtsiônưkhơ tiếp tục chào và nâng chiếc mũ cát-két đẫm mồ hôi lên, vừa bước ra khỏi cửa hàng, Kôletnisuc thôi không còn giữ gìn nữa, mặc cho nỗi vui sướng lôi cuốn. Ông vừa xoa tay hí hửng một cách độc ác, vừa hà hơi lên bộ râu mép theo kiểu người cô-dắc Zapôrôgơ, rồi phá ra cười như nắc nẻ, gục cả đầu lên bàn giấy. Thật là một khoảnh khắc chiến thắng lớn lao, trọn vẹn. Nhưng ông đã lầm. Số phận đã dành cho ông một đòn ghê gớm, nó đã bổ lên đầu ông, bất ngờ và tàn nhẫn.

Hai ngày chưa trải qua, Iônen Mirêa đã dẫn xác đến cửa hàng. Kôletnisuc không tin vào mắt mình nữa. ông tưởng mình nằm mơ. Nhưng bất hạnh cho ông, ông không ngủ. Trước mặt ông, đúng thực là tên IônenMirêa, đích thân bằng xương bằng thịt. Đứng trước bàn giấy Kôletnisuc, đầy người lấp lánh kim cương, chiếc mũ nan trên đầu với một cái cặp màu vàng kẹp ở nách.

— À, đomnal Mirêa! — Kôletnisuc kêu to lên với một vẻ châm biếm ranh mãnh — Tôi rất sung sướng được gặp ngài. Ngài có được khỏe không? Bùna zina — ông nói tiếp bằng tiếng Rumani có nghĩa là chào ngài.

Nhưng đomnul Mirêa đã mặc cho những lời đó thoảng qua như không mảy may liên quan đến mình. Y lôi trong cặp ra một tấm danh thiếp và thản nhiên đưa cho Kôletnisuc. Trên tấm thiếp nhỏ, có in bằng tiếng Nga: "Miêcxêa Plòretxcô, luật gia".

— Ai là Miêcxêa Plôretxcô? — Kôletnisuc gần như hét lên và chợt linh cảm một tai họa khó hiểu nhưng không tránh khỏi.

Iônen Mirêa nâng chiếc mũ nan lên một cách rất đứng đắn.

— Tôi là Miêcxêa Flôretxcô, luật gia, xin hầu tiếp ngài — y nói bằng một giọng quan cách, và hơi rướn mắt lên, chiếu hai chùm ánh sáng kim cương chói lòa vào Kôletnisuc.

— Này, đùa gì lạ thế? — Kôletnisuc lắp bắp — tôi biết rõ ngài là Iônen Mirêa.

Iônen Mirêa nghiêm nghị nhíu đôi lông mày rộng, màu đen hoa râm, và một chiếc răng vàng lấp lánh trong miệng như dọa dẫm.

— Ngài có thể chứng minh điều đó trước pháp luật được không? — Y lạnh lùng hỏi lại.

Kôletnisuc giận sôi lên.

— Này, này — ông lắp bắp, không tìm ra chữ, mặt đờ đẫn vì một cơn phẫn nộ bất lực — Này, đomnul, ngài chỉ là một tên kẻ cắp... Một thằng vô lại... ngài... ngài... — Cuối cùng ông tìm được chữ thích hợp — Ngài là một tên lừa đảo, ngài là thế đấy! Lừa đảo! Một tên lừa đảo chính cống! — Ông gay gắt thét lên mấy chữ nghiêm khắc đó với một niềm thích thú chua chát.

— Ấy! — Iônen Mirêa nhắc, kiêu kỳ, giơ ngón tay trỏ lấp lánh một chiếc nhẫn lên — Tôi xin ngài, đomnul Kôletnisuc, ngài hẵng lựa lời mà nói. Ở đây, không phải là đất xô-viết mà là xứ Trannixtri, lãnh thổ của Đức vua Misen và nếu ngài cứ tiếp tục, tôi sẽ gọi cảnh sát đến...

Kôletnisuc có bao giờ lại muốn bọn "cảnh sát" xen vào công việc này.

— Vậy thì ngài muốn gì, ngài Mirêa? — Kôletnisuc nói, không cất cao giọng lên nữa.

— Miêcxêa Flôretxcô, luật gia — Mirêa chữa lại.

— Nếu ngài muốn. Có khác gì nhau! Ngài muốn gì vậy, ngài Flôretxcô?

Tôi có nhiệm vụ bảo để ngài biết là thời hạn hối phiếu của ngài sẽ kết thúc vào ngày thứ tư tuần tới và tôi muốn biết ngài có định trả hay không?

— Hối phiếu nào? — Kôletnisuc hỏi, mặt tái đi.

Để trả lời, Miêcxêa Flôretxcô, luật gia, rút trong ví ra tờ hối phiếu nổi tiếng của hãng "Mêfôđi Muntêanu và Con trai" rồi lùi lại một bước, cho Kôletnisuc thấy từ đằng xa.

— Nhưng đó là giấy giả! — Kôletnisuc thét lên, rất thật thà — Tự ngài cũng rõ rồi. Tôi đã hỏi kỹ nhà băng và người ta bảo là không có giá trị. Tôi, tôi chẳng biết gì cả. Hãng "Mêfôđi Muntêanu và Con trai" cứ trả, đấy không phải việc của tôi.

— Không, đây là việc của ngài — Miêcxêa Flôretxcô nói và, từ dưới đôi lông mày của hắn, lại chiếu hai chùm ánh sáng kim cương vào mắt Kôletnisuc — Đây là chữ ký của ngài: "Jorjơ Kôletnisuc! Ngài đã ký vào sau hối phiếu, như vậy là ngài phải chịu trách nhiệm thanh toán. Có thể ở Liên bang xô-viết không như thế nhưng ở Vương quốc Rumani, nhờ ơn Chúa, vẫn như vậy! Tôi đã báo trước ngài rõ. Bùna!

Nói xong, Iônen Mirêa tức Miêcxêa Floretxcơ luật gia, đường hoàng đi ra khỏi cửa hàng và, thay lời chào, ném cho Kôletnisuc hai ánh chớp kim cương.

Kôletnisuc đứng lặng người đi một lúc, không còn đủ sức tập trung sắp xếp lại những ý nghĩ mơ hồ và những tình cảm hỗn loạn. Bỗng một mối nghi ngờ ghê gớm thoảng qua trong óc. Ông chạy vào buồng để hàng và xé lớp giấy bọc những tâm dệt kim Lêningrat ra. Bên trên, có một ít vải. Dưới đáy, các kiện hàng toàn là giấy báo, giẻ rách với gạch gói vào cho nặng.

Kôletnisuc hốt hoảng quá. Không còn sức đứng lên nữa. Ông cứ quì gối trước đống giẻ rách và gạch, run lên vì uất giận, vì bất lực, vì phẫn nộ và nhục nhã. Rồi ông ngồi sụp xuống giữa nền nhà, gục đầu lên cãi đống không ra hình thù gì mà mới một phút trước đây, ông còn tưởng là cả một tài sản. Khi đã hơi dịu xuống, ông liền đóng cửa hàng, bỏ đi Môđayanka tìm cửa hàng của Mdlsionukho1 và tất nhiên là không thấy đâu cả.

Thế rồi, bực dọc, ông đi khắp thành phố, hết phố này sang phố khác, hy vọng gặp được ít nhất một trong hai tên buôn lậu, hai tên lừa đảo, Iônen Mirêa hoặc Môtsiônưkhơ. Bản thân ông cũng không hiểu tìm chúng để làm gì. Nhưng Kôletnisuc không còn làm chủ được mình nữa, ông chạy khắp thành phố, nhìn chòng chọc vào mặt khách qua đường và làm họ khiếp đảm vì cái vẻ hùng hổ của ông: mặt bừng bừng, hai vạt áo tuýt-xo của chiếc áo vét-tông lỗi thời bay phấp phới. Ông mà vớ được Iônen Mirêa hay Môtsiônưkhơ, chắc chắn ông đã bóp chết chúng. Nhưng may thay, cả hai tên, ông đều không gặp.

Mãi hai hôm sau, ông mới trấn tĩnh lại được. Ông cố suy nghĩ thật bình tĩnh về cảnh ngộ của mình và quyết định điều cần thiết trước hết đối với ông là phải nghiên cứu luật pháp về hối phiếu. Ở cửa hàng "Jorjơ" đã có sẵn từ lâu cuốn tự điển bách khoa cũ do Prôxvêsôniê xuất bản, của một ông khách kỳ dị nào đó gửi bán và Kôletnisuc đã háo hức chúi mũi vào cuốn tự điển.

10

— Đến lượt đồng chí Xtrenbixki nói... Xin mời anh, Platôn Ivanôvich.

Xtrenbixki trải lên bàn đá một tờ giấy trên vẽ vụng về đại

khái bằng bút chì xanh, sơ đồ cảng Ôđetxa, tất cả khu vực rộng lớn chạy từ bến Dầu hỏa thẳng tắp tới cái đập chắn sóng Bốn mươi ngoằn ngoèo và khúc khuỷu. Vì trước chiến tranh, Xtrenbixki đã làm việc mấy năm trong khu phố vận tải đường biển và là một thủy thủ cũ của hạm đội tàu buôn, theo đề nghị của Secnôivanenkô, thường vụ ban Chấp hành khu đã chỉ định anh phụ trách công việc dự định ở cảng. Xêrafim Ivanôvich Tulyakôp, với tư cách là người đã rất quen thuộc công việc ở cảng được chỉ định giúp anh. Trước mắt, Platôn Ivanôvich Xtrenbixki phải báo cáo công việc chuẩn bị chiến đấu.

— Do thời hạn ấn định cho tôi để chuẩn bị bản báo cáo ngắn quá — Xtrenbixki nói, gõ gõ cây bút chì lên bản sơ đồ hải cảng — hơn nữa trong điều kiện hiện nay, không thể tìm được sách kỹ thuật, sách khoa học và các loại sách khác chuyên về công việc trong các cảng hiện đại, nên tôi phải rút ngắn rất nhiều phần nhập đề trong bản báo cáo này. Nhưng tôi nghĩ, tuy vậy cũng thừa đủ để giải quyết vấn đề đặt ra. Hải cảng, như người ta biết, dùng cho công việc chuyển tàu, và cũng là nơi để tàu bè trú ẩn khi trời xấu, cho công việc sửa chữa, tiếp tế nhiên liệu và tất cả những gì cần thiết cho các cuộc hành trình. Một thương cảng ngày nay, trước hết là nơi qua lại để chuyển hàng hóa từ đất liền xuống tàu biển và ngược lại. Bởi vậy, hiển nhiên nó là một mắt xích nối liền giữa các đường biển với các đường bộ trong nội địa. Đồng thời chỉ cần liếc mắt lên bản đồ của bất cứ một nước nào cũng thấy được tại những điểm ven biển ấy, nơi có nhiều đường biển quy tụ tới, sau khi vượt qua những vùng biển rộng, đủ các loại đường vận chuyển khác từ các miền nội địa chạy tới, trong trường hợp hiện nay tạm thời bị phát-xít chiếm đóng... đường sắt và đường ô-tô...

Xtrenbixki khẽ chỉ ngọn bút chì sang một bên và mọi người nhìn vào bản đồ Liên bang xô-viết như để xác nhận những lời nói của anh là đủng.

— Từ đấy phát sinh ra những yêu cầu cơ bản đối với một bến cảng — Xtrenbixki nói tiếp, ngả người ra sau và tựa cái lưng

rộng vào vách động — có thể chia ra ba loại; yêu cầu về đi lại trên biển, yêu cầu về bốc xếp (quân sự thì vận chuyển) và cuối cùng yêu cầu về xây dựng mà trong trường hợp cụ thể hiện nay thì không có nghĩa lý gì. Ai nấy hiểu cả chứ? Nếu có gì không hiểu xin hỏi ngay.

— Rõ cả rồi, nói tiếp đi — Secnôivanenkô nói.

— Cho nên — Xtrenbixki trịnh trọng nói tiếp — để bến cảng đáp ứng được mục đích cơ bản của nó tốt nhất, chắc chắn nhất, nhanh chóng nhất: các bến tiền tiêu, kho chứa hàng, cần trục, đường đi lại, phải bố trí trên khu vực bến cảng như thế nào để hàng hoá có thể theo những con đường ngắn nhất, không vòng quanh, không húc vào nhau, không làm trở ngại nhau — Nói đến đó Xtrenbixki nghiêm khắc nhìn thính giả và ra vẻ trịnh trọng, giơ bút chì lên.

Lạ lùng thay quang cảnh trong hầm, nơi đang được trình bày bản báo cáo khoa học này; nhìn bên ngoài, người ta có thể tưởng là một cuộc hội nghị sản xuất trong buồng giấy của người chỉ huy bến cảng, bàn về những biện pháp để cải tiến công tác. Xtrenbixki làm một bản báo cáo về vấn đề vận tải đường sắt trong nội địa, về những luồng hàng ngang dọc, về việc phối hợp giữa các cơ quan, về tổ chức công việc của các ac-ten công nhân bốc vác. Rồi anh chuyển sang những nét đặc biệt của tình hình bến cảng Ôđetxa hiện nay:

— Ban Chấp hành khu của chúng ta đã nắm được một số tài liệu chỉ rõ những phương pháp mà tên tay sai Hitle Antônexkô và đồng lõa đang dùng trên đất nước ta. Ví dụ, đây là một đoạn trích trong bản mệnh lệnh số 24.220 của tên tư lệnh sư đoàn thứ tư của quân đội Rumani, tên đại tá Nicôlaexkô, mà quân ta đã tìm thấy trong túi dết của một tên sĩ quan hiến binh bị giết trong khu vực Sakhalinsic.

Xtrenbixki rút một tờ giấy trong cái cặp bìa ra và đọc:

— "*Phải lấy của nhân dân để cho quân đội, lương thực, gia súc lớn, gia súc nhỏ, gà vịt. Cần phải lục soát thật kỹ trong từng nhà*

và tịch thu hết không để lại một tí gì. Ai có ý kháng cự là bắn ngay và đốt nhà". Điều này chắc chắn không có gì mới đối với các đồng chí. Bọn chiếm đoạt phát-xít cướp phá và mang hết tất cả những tài sản của Nhà nước và của xã hội và cả những tài sản riêng của các công đoàn xô-viết. Chính để chuyển nhanh những của cải cướp được mà chính quyền Antônexkô đã quyết định khôi phục lại từng phần hải cảng Ôđetxa của chúng ta, nối liền nó với các hải cảng Rumani để dùng nó làm căn cứ cho những đội quân đang đánh nhau ở Krimê và Kôkazơ. Chúng tôi có một bản sao bản mệnh lệnh của tên thứ trưởng bộ Hải quân, phó đô đốc Pexa, gửi cho tên toàn quyền khu vực mà nó gọi là xứ "Tranxnixtri", ngày 11 tháng ba năm nay. Đây là điều viết bằng mực đen giấy trắng, tôi xin đọc bản dịch: "*Chiếu theo quyết định của ngài thống chế Iôn Antônexkô, tôi trân trọng xin ngài chuẩn bị cấp cho mười triệu lây để khôi phục lại các cơ sở chưa bị phá hủy của cảng Ôđetxa vì lý do cần...* — Xtrenbixki giơ bút chì lên để mọi người đặc biệt chú ý — *... phải tập trung và chuyên chở các của cải lấy được, biến chúng thành tài sản Quốc gia chiếu theo quyết định của Hội đồng bộ trưởng, số một nghìn bốn trăm ba...*"

— Điều này giúp chúng ta hoàn toàn thấy rõ — Secnôivanenkô nói nhanh — tầm quan trọng của bến cảng và tại sao bộ tham mưu du kích Ukren hướng lực lượng chủ yếu của chúng ta về phía cảng... Xin lỗi Platôn Ivanôvich, đã ngắt lời đồng chí. Đề nghị tiếp tục.

— Để tổ chức công việc ở cảng Ôđetxa, một nhóm công chức đã từ Côngxtăngza tới — Xtrenbixki nói tiếp — Nó đã được chứng minh trong một bài báo nhỏ nhan đề: "Cảng Ôđetxa hoạt động trở lại" đăng trong tờ Nhật báo Ôđetxa. Tờ báo này, nếu có thể gọi nó như thế, đã viết ... — Xtrenbixki lục trong đám giấy tờ và quẳng lên bàn một mảnh báo mà Kôletnisuc đã cẩn thận tập hợp cho Secnôivanenkô — Đây, nó viết: "*Ở Ôđetxa, công việc sắp được tổ chức theo chế độ hiện hành tại các hải cảng Rumani.*"

— Chà chà! — Xiniskin thét lên bằng một giọng trầm mạnh.

— Một lời tuyên bố hoàn toàn lạ kỳ — Liđya Ivanôpna nhận xét.

— Nhất là lại quá ư tự phụ và ngu xuẩn — Secnôivanenkô nói — Chúng định làm việc trong một hải cảng xô-viết quan trọng bậc nhất với những phương pháp của bọn Panhtêa — Antônexkô. Thật là đồ cặn bã. Nói tiếp đi, Platôn Ivanôvich.

— Tình hình ngày hôm nay là như thế này. Mặc dù bị tàn phá bởi những trận oanh tạc không ngớt và những trận pháo kích suốt trong thời kỳ phòng ngự anh dũng, hải cảng bậc nhất của chúng ta vẫn giữ được vẻ đẹp kiêu hãnh của nó. Bọn xâm lược phát-xít đã phải kinh ngạc trước quy mô rộng lớn của nó. Chúng tưởng dễ dàng khai thác lại nó. Nhưng đâu dễ thế. Răng trẻ con mà đòi nhằn hạt dẻ.

— Mắt to hơn bụng — Xiniskin Jêlezơnư nói, rõ ràng mỗi lúc một thêm bực tức và giận dữ, lên cơn ho.

— Chúng đã bắt đầu điều tra các sân bến và bãi đất, lập lại sơ đồ các tuyến đường vận chuyển, xem xét các thiết bị rất phức tạp của cảng chúng ta ở chung quanh và các vùng lân cận. Không đạt tí kết quả nào cả! Chúng không đủ sức thích ứng với quy mô rộng lớn như vậy. Thế rồi, chúng đã phải nhờ đến các nhà chuyên môn xô-viết không thể tản cư được, cố hỏi dò họ về đường lối tổ chức công việc, về sự phối hợp giữa các cơ quan, về tất cả các chuyện đại loại như thế. Nhưng tất nhiên, chúng đã thất bại vì chúng nhận được những câu trả lời rõ ràng là sai lệch, rối rắm một cách có ý thức. Chúng đã cố, dù chỉ từng phần thôi, xây dựng lại những công trình bị phá hỏng. Nhưng cũng vẫn thế: hạt dẻ cứng quá đối với răng trẻ con của chúng! Những công việc xây dựng và khôi phục, chúng hoàn toàn không dùng cơ giới. Mọi công việc đều làm bằng tay và chỉ dựa hoàn toàn vào sức người. Chỉ vì chúng lạc hậu quá đỗi. Bà con lao động, kéo xe thay ngựa, chuyển những vật nặng khổng lồ đó rất xa, vác đủ thứ như đá, sắt, xà gỗ. Các đồng chí cũng thấy được là công việc tiến triển theo nhịp điệu như thế nào rồi.

— Thế mà cũng gọi là cán bộ tổ chức! — Secnôivanenkô vung vẩy chiếc bao kính, nhận xét.

— Y hệt chỗ chúng tôi, ở các công trường hàng hải và các cơ sở loại như thế — Xiniskin nói, hai gò má xạm và nhô rung rung — Những xí nghiệp khổng lồ nhưng đã sản xuất ra được gì? Bật lửa! Thật mắt to hơn bụng!

Đó là chuyện "Con khỉ với cái ống nhòm"[8]. "Và con khỉ đáng thương xoay ngược xoay xuôi vẫn không nhìn thấy." Xin lỗi, tôi đã ngắt lời đồng chí.

— Không sao. Tôi cũng vậy, khi tôi nói đến những cái đó, tôi cũng mất cả bình tĩnh. Như vậy, lý do chủ yếu làm cho bọn chiếm đóng không thể thực hiện được các kế hoạch khôi phục, bến cảng, dù chỉ từng phần, đó là sự chống đối của công nhân cảng, những con người yêu nước, đã quyết tâm làm thất bại những biện pháp của bọn phát-xít. Người ta cảm thấy, ở cảng rất thiếu lực lượng công nhân: người xô-viết không muốn làm việc cho bọn chiếm đóng. Thế là, bọn chúng phải dùng đến vũ lực tàn bạo. Tên toàn quyền của cái gọi là "Trannixtri", cái thằng khá nổi tiếng Alêcxianu, tháng ba năm nay, đã đề ra một bản mệnh lệnh về lao động bắt buộc về hình phạt tù dài hạn và đi đày nếu không chấp hành mệnh lệnh. Bọn cướp nước đã lập lên ở cảng một chế độ bóc lột tàn nhẫn và khủng bố. Nhưng những người ở cảng không chịu công nhận chế độ đẫm máu của bọn phát-xít. Họ chống lại mọi biện pháp của chúng bằng lòng trung thành với Tổ quốc, bằng ý chí kiên quyết và tinh thần đoàn kết. Mấy ngày hôm nay, cá nhân tôi, ba lần theo lệnh của ban Chấp hành khu, tôi đã lên mặt đất và dạo quanh bến cảng. Đồng chí Xêrafim Ivanôvich, công nhân bốc vác, do nghề nghiệp cũ, rất quen thuộc tình hình bến cảng, đã cùng lên với tôi. Chúng tôi đã nói chuyện được với một số người, một số công nhân bốc vác, công nhân đường sắt và đặt liên lạc công tác với một số. Công nhân ở cảng, căn bản đều có tinh thần đấu tranh. Nhưng thiếu tổ chức. Ngay từ những ngày đầu quân địch tiến công vào Ôđetxa, đảng bí mật đã bị một đòn ghê gớm.

— Phải — Xiniskin nói — tôi đã báo cáo với ban bí thư về việc đó.

— Phần lớn các đồng chí lãnh đạo bí mật đã bị bọn gián điệp Rumani bắt. Đặc biệt ban Chấp hành bí mật khu phố vận tải đường biển đã không có thì giờ để phát triển công tác. Khó khăn là ở đấy! Những hành động phá hoại và lãn công lẻ tẻ, có, nhưng không có kế hoạch chung, mặc dù qua một số dấu hiệu, người ta có thể biết là trong cảng có một tổ chức bí mật hoạt động và thậm chí có thể có hai.

— Tốt. Bây giờ chúng ta cũng nhảy vào vòng — Secnôivanenkô nói, không ngừng bẻ ngón tay kêu răng rắc. — Bỏ thêm bơ không làm dở rau đâu... Đồng chí còn gì nói nữa không?

— Về tình hình, thế là hết.

— Tình hình thế là đã rõ. Bây giờ xin phép nói một vài lời về vấn đề tổ chức — Secnôivanenkô đứng dậy thật nhanh, đi suốt qua động, hai tay xoa xoa vào chỗ giữa hai mắt rồi trở về chỗ cũng nhanh như vậy — Theo báo cáo của đồng chí Xtrenbixki thì bọn chiếm đóng khó lòng mà xoay xở được trong hải cảng của chúng ta, nhưng dù sao chúng cũng cố xoay xở: hàng hóa có đi lại. Cần phải giúp đỡ chúng theo cách của ta! — Secnôivanenkô mang kính vào và kéo những tờ giấy gần lại — Phải làm cho chúng thôi xoay xở hẳn.

Ông chợt mỉm cười, một nụ cười vừa dễ thương vừa ranh mãnh với những nếp nhăn nhỏ tụ lại vui vẻ xung quanh đôi mắt to hẳn lên qua mắt kính trên đó phản chiếu cây đèn bão có dây thép chắn.

— Đảng dạy chúng ta không được tự mãn với thành tích. Thực sự chúng ta cũng có làm được một ít thành tích, phải không? Vậy thì, các bạn thân mến, phải chăng đã đến lúc chuyển sang, như người ta nói, những hành động có tính chất chiến lược? Do đó, tôi đề nghị quyết nghị như sau... Liđya Ivanôpna, viết đi! "*Điểm A: Toàn thể ban chấp hành khu, trừ hai*

người phải bảo đảm canh gác doanh trại và đồng chí bí thư thứ nhất, đều phải lên khỏi hầm mộ và dẫn đầu cuộc đấu tranh chống phát-xít của những người yêu nước quang vinh chúng ta ở bến cảng. Điểm B: Nhiệm vụ lãnh đạo toàn bộ cuộc đấu tranh giao cho đồng chí bí thư thứ hai, đồng chí Xtrenbixki. Điểm C: Kế hoạch đấu tranh phải được chuẩn bị ngay lập tức và trong hai ngày phải tổ chức thực hiện." Hết. Có ai có vấn đề gì phản đối không?... Không chứ... Đúng như tôi nghĩ — Ông mỉm cười vui vẻ — Vậy là thông qua. Về điểm A, tôi sửa lại. "*Việc canh gác doanh trại giao cho các đồng chí Xiniskin Jêleznư và Pêrêpêlitxkaia*".

Matriôna Têrenchiepna có một cử chỉ đột ngột như định phản đối, nhưng Secnôivanenkô đã nghiêm khắc, và y hệt như trong một gia đình, quát lên với bà:

— Cô ở lại vì có bà con với đồng chí bí thư thứ nhất! — Rồi bỗng với một vẻ mặt nghiêm khắc hơn nữa, ông nói tiếp — Liđya Ivanôpna, đừng ghi câu đó.

Và mọi người vui vẻ cười ran, kể cả Xiniskin Jêleznư vì câu nói ngộ nghĩnh và bất ngờ của đồng chí bí thư thứ nhất.

11

— Bây giờ sang phần lập kế hoạch cho cuộc đấu tranh — Secnôivanenkô nói nhanh, cắt đứt tiếng cười của mọi người và đưa ngón tay nghiêm khắc đe Matriôna Têrenchiepna — Vậy là chúng ta đã xác định cảng Ôđetxa hoạt động tồi. Chúng ta phải gấp rút có biện pháp làm cho nó tồi hơn nữa. Ai có đề nghị gì cụ thể làm cho hoạt động của cảng Ôđetxa càng tồi tệ hơn nữa nào?

Có một cái gì vui sướng, gần như tinh nghịch trong giọng nói,

một cái gì trẻ trung, một vẻ thanh niên Komxômôn trong cử chỉ thường ngày vốn chậm chạp của ông. Đã từ lâu, các ủy viên trong ban Chấp hành khu không thấy đồng chí bí thư của mình trẻ và vui như thế, tràn đầy một ngọn lửa nội tâm và một sức mạnh thực sự, không che giấu, sẵn sàng lãnh đạo ban chấp hành bí mật tiến lên vũ đài chiến lược, tự ông như đã thở hít không khí mạnh mẽ của cái "chiến trường" ấy rồi, nên ông điều khiển phiên họp thật nhẹ nhàng, vui vẻ, vững vàng và chính xác.

— Vậy ai có những đề nghị hợp lý hóa làm cho hoạt động cảng Ôđetxa đình trệ hơn nào? Xêrafim Ivanôvich, chắc đồng chí định phát biểu điều gì? Tuyệt! Mời đồng chí Tulyakôp phát biểu. Nhưng gọn gọn thôi.

— Ví dụ, có cách này — Tulyakôp nói, mắt nhìn vào tờ giấy trên đó từ nãy đến giờ anh đã ghi chép bằng bút chì — trên các toa tàu đã chất hàng ở cảng, hẳng cho là những thiết bị cướp được và sắp gửi về Rumani, anh em thợ máy của đường sắt sẽ dán lên những tờ nhãn mang dòng chữ: "phải sửa chữa".

— Được, nhưng như thế để làm gì?

— Sao, đồng chí Gayrin Xêmiônôvich? Những toa tàu phải sửa chữa, người ta sẽ bỏ lại để dỡ hàng xuống. Việc dỡ hàng xuống với công việc dềnh dàng của anh em bốc vác có thể kéo dài mười lăm hai mươi ngày. Trong thời gian đó, có thể dễ dàng cất giấu hàng quí đi và thay vào đấy những phế phẩm vô giá trị.

— Hay. Phải nhớ lấy... Ghi vào, Liđya Ivanôpna, ghi vào... Có thể anh còn đề nghị gì có ích nữa không?

— Một đề nghị nữa. Khi hai chúng tôi, Platôn Ivanovich với tôi nghiên cứu tình hình ở cảng, chúng tôi thấy bọn chiếm đóng đã nới rộng tất cả các đường sắt dài với hệ thống đường châu Âu để xuất nhanh của cải chúng ta về Đức và Rumani. Trong khi làm lại đường sắt, dại gì đây đó không rút bớt đi một tí khoảng cách giữa hai đường ray; ví dụ, trên đoạn đường dẫn tới bàn cân. Công việc nhẹ nhàng, tế nhị nhưng kết quả đáng kể. Các đồng

chí thấy thế nào?

— Hoàn toàn đồng ý — Secnôivanenkô nói — Liđya Ivanôpna, cô đã ghi chưa? Thu hẹp đường ray... Tốt... Còn gì đại loại như thế nữa?

— Đâm thủng lốp xe tải chắc cũng tốt.

— Thôi, đó là trò tủn mủn, vụn vặt — Xiniskin Jêleznư nhận xét, không tán thành.

— Đừng nói thế, Nikôlai Yaxiliêvich — Tulyakôp vặn lại — Nếu đâm thủng một cách hợp lý và đại quy mô thì hoàn toàn không phải là việc nhỏ nhặt. Anh đánh giá quá thấp đấy.

— Đúng — Secnôivanenkô nói — không có việc gì nhỏ... Ghi vào, Liđya Ivanôpna: đâm thủng lốp xe. Cái đó thích hợp. Nhưng cơ bản tự chúng ta phải suy nghĩ về biện pháp kỹ thuật. Đâm bằng gì? Đâm như thế nào? Làm việc đó phải dùng phương pháp nào? Để công việc đó không phải là một hoạt động tài tử, thủ công nghiệp mà thực tế phải đưa lại kết quả lớn làm cho nội bộ cảng hỗn loạn. Không phải chỉ đơn giản tới gần xe và đâm vào lốp là đủ. Tất nhiên đôi khi cũng có thể áp dụng phương pháp đó nhưng rất hiếm và phải hết sức cẩn thận.

— Tốt nhất là vứt những đinh mài nhọn và uốn cong trên đường vận chuyển — Xviridôp nói, bưng miệng lại ho và bẽn lẽn nhìn Ivanôpna bằng đôi mắt hồng nhạt.

— Và hay hơn nữa là cắt mẩu dây thép gai — Matriôna Têrenchiepna nói — Chúng ta có thể sản xuất ở đây, trong hầm mộ, rồi cẩn thận ít một, chuyển lên để sẵn trong cảng cho người của ta luôn luôn có mà dùng.

Đề nghị của đồng chí Pêrêpêlitxkaia cũng được chấp nhận và ghi vào biên bản. Sau đó, nhiều đề nghị nối tiếp nhau. Mỗi ý kiến để riêng ra thì không có gì mới lắm. Tất cả các phương pháp này đều đã được sử dụng trong thời kỳ nội chiến. Xiniskin Jêleznư khẩn khoản yêu cầu hàng ngày phải bỏ cát một cách có hệ thống vào hộp dầu các toa xe, phương pháp cũ đã khá quen biết

rồi nhưng các kíp có thể cải tiến đi và, khi phát hiện thấy cát trong hộp, phải gửi các toa xe đi sửa chữa trong mấy ngày và làm chậm việc lau chùi lại. Rồi Secnôivanenkô đưa vấn đề cái "ô" và tháo nước ra, những phương pháp mà phái viên bộ tham mưu du kích Ukren đã đề nghị với ông. Về phần mình, ông đề nghị chất đá vào các giếng cung cấp nước cho đường ống của cảng. Xtrenbixki tha thiết đề nghị chặn các ghi đường tàu lại và tạo nên một sự hỗn loạn có suy nghĩ khi tàu đến và tàu đi trên khu vực cảng.

Thế là, từ những việc vụn vặt đó đã hình thành một kế hoạch công tác lớn, chỉ còn có việc bắt đầu thi hành ngay trong những ngày sau... Rồi hội nghị quy định nhiệm vụ cho mỗi ủy viên ban Chấp hành khu, và Gay rin Xêmiônôvich kết thúc phiên họp.

— Chúng ta đã làm việc tốt — Secnôivanenkô nói, vươn vai và bẻ ngón tay răng rắc — Thực sự là một cuộc họp sản xuất. Nhưng trái ngược! — Ông cười vui vẻ — Đáng lý phải bàn những biện pháp làm cho công việc ở cảng Ôđetxa tốt hơn, chúng ta lại bàn những biện pháp phá hoại. Một năm trước đây, với một cuộc họp như thế này, chúng ta đã bị chặt đầu. Nhưng bây giờ, có lẽ người ta còn cám ơn chúng ta nữa. Dĩ nhiên, nếu chúng ta hoàn thành được nhiệm vụ — Secnôivanenkô tinh nghịch nheo mắt và dang rộng cánh tay ra — Làm thế nào được! Biện chứng mà lại!

12

Ngay từ đầu năm 1942, sau khi thấy rõ thái độ ác cảm không thể uốn nắn được của công nhân cảng đối với tất cả mọi công việc của chính quyền chiếm đóng và, không phải không có lý do,

tình nghi mỗi công nhân là một du kích, hoặc cảm tình với du kích, ban giám đốc cảng đã áp dụng một loạt biện pháp chống lại sự phá hoại và các hành động lãn công để đập tan sự phản kháng của những người yêu nước xô-viết.

Tên giám đốc cảng, trong bản báo cáo ngày 30 tháng tư năm 1942, ngoài những vấn đề khác, nhân danh tên toàn quyền của cái gọi là Trannixtri, đã viết: "*Chúng tôi không thể bảo đảm cho những cơ sở và máy móc để trong một khu vực rộng lớn như vậy, nếu chúng tôi không có đủ một số đơn vị bộ đội an ninh Rumani chuyên trách về nhiệm vụ này. Không thể lấy người canh gác trong đám dân thành phố...*" Nhiều người lao động ở cảng, bị bắt giam vì tội phá hoại và bất tuân thượng lệnh, đã bị đưa đi các trại đặc biệt. Nhưng dù sao cũng không thể nhốt tất cả công nhân cảng vào tù và vào trại giam được. Lấy ai để làm việc? Ngoài ra cũng không thể đưa toàn bộ quân đội Rumani — không có việc đó nó cũng đã mệt mỏi và bị tiêu hao nhiều — vào làm việc trong cảng Ôđetxa khổng lồ và chỉ dùng nó để canh gác những của cải cướp được. Vậy ai sẽ đảm nhiệm vụ đóng đồn, bảo vệ đường giao thông liên lạc, giữ thành phố và giữ làng, cuối cùng tiến hành chiến tranh? Ở cảng, người ta cảm thấy rất nhiều công nhân. Người xô-viết không muốn làm việc cho bọn chiếm đóng và canh giữ chiến lợi phẩm ăn cướp. Nhưng bọn chiếm đóng không thể không dùng họ. Và tại cảng Ôđetxa đã diễn lại điều mà trong hàng nghìn nhà máy, công trường, nông trang tập thể, thành phố và làng mạc xô-viết bị phát-xít chiếm đóng đã xảy ra: bọn chiếm đóng không thể cai trị bằng lực lượng của chúng, mà bằng cách này hay cách khác phải nhờ đến nhân dân đang thù ghét chúng. Nó đã xảy đến cho bọn cướp nước điều không thể tránh được: chiến thắng thô bạo, bất công, trên một đất nước xa lạ và chiếm đoạt của cải người khác, chúng ngu ngốc tưởng mình là kẻ chiến thắng, không biết rằng người ta có thể tạm thời chiếm được lãnh thổ một nước, nhưng "chiếm" được một dân tộc và tâm hồn sinh động, bất tử của họ là một điều vô nghĩa. Nhân dân bị nhục mạ, bị cướp bóc, luôn luôn đứng lên đấu tranh chống lại bọn gọi là chiến thắng, và những

kẻ chiến thắng đó nhanh chóng chuyển thành kẻ chiến bại và bị tiêu diệt trong một cuộc chiến đấu không ngang sức chống lại một dân tộc không ai thắng nổi.

Thế là, ở cảng Ôđetxa cũng như ở tất cả mọi nơi khác, đối với bọn xâm lược Rumani và Đức, chúng đã tự tạo nên một tình thế hết sức khó khăn và không có lối thoát.

Hàng loạt cáo thị dán khắp thành phố, kết thúc bằng những lời đe dọa trừng trị nghiêm khắc, ra lệnh cho công nhân bốc vác và nhân viên dưới tàu phải trở lại làm việc. Nhưng những mệnh lệnh của bọn chiếm đóng mặt biển và hải cảng rất ít hiệu lực. Tên toàn quyền "Trannixtri" Alêcxêanu bèn công bố một bản mệnh lệnh về việc chống đối lao động bắt buộc, về những hình phạt phải đày và bỏ tù dài hạn đối với những trường hợp vi phạm mệnh lệnh, sở lao động gửi đi hàng nghìn giấy gọi trở lại làm việc ở cảng. Chúng lập ở cảng một sở capitania (Xiguranta đường biển) làm nhiệm vụ hiến binh. Quyền hành của bọn sĩ quan capitania không có giới hạn. Nhiệm vụ của chúng là trông coi nhân dân làm việc khổ sai ở cảng. Trong những điều kiện như vậy, rất dễ thâm nhập vào cảng. Chỉ cần có trong tay một mảnh giấy của sở lao động với một tờ thông hành, sở lao động cốt đưa được càng nhiều người lao động về cảng càng hay, đã phát và sẵn sàng gửi các giấy triệu tập, còn thông hành thì Xiniskin đã tổ chức, dưới hầm mộ, một phòng giấy thông hành với cả một lô con dấu cảnh sát khắc rất nghệ thuật trên lốp ô-tô.

Cầm những tài liệu này, các ủy viên ban chấp hành khu của Đảng thâm nhập vào cảng, ngay trước chòi canh ở các cửa ra vào, xen lẫn với đảm công dân bị động viên tới. Từ khi phân chia thành nhóm, họ đã cố tìm cách không ở cùng một khu vực và làm thợ phụ vài ngày trong các khu vực khác nhau của cảng, làm quen với mọi người, nghiên cứu nắm tình hình.

Trên cảng, hiện ra một quang cảnh rất lạ lùng, Đó là một sự hỗn hợp nặng nề và khó hiểu giữa đình trệ và hoạt động, giữa ồn ào và im lặng. Nhưng sự đình trệ và im lặng, có thể nói đã nuốt chửng, đã bí mật che giấu mọi tiếng ồn ào và mọi hành

động. Các toa hàng lăn từ từ, nặng nề. Máy móc chất nặng rít lên the thé. Các đầu đệm đấm vào nhau và tiếng ầm ầm, chạy suốt dọc đoàn tàu, càng xa nghe càng nhỏ. Mặt đường đá rung rinh dưới những chiếc xe tải to tướng. Xa xa đâu đó, có tiếng rên rĩ, lanh lảnh của một đoạn đường ray bị quẳng xuống rồi nẩy lên. Cũng có tiếng người đồng thanh hò hét: "Từ từ! Coi chừng quay". Và tiếng ken két yếu ớt, nhác nhớn của một trục tời trên tàu thủy. Nhưng tất cả những tiếng ồn ào đó hình như nhỏ quá, ngẫu nhiên quá, trong lòng một sự im lặng nặng nề, quá bao la như bản thân bến cảng.

Đôi khi giữa những đống hoang tàn trong các kho chứa hàng, trên những con đập chặn sóng, sạch sẽ và vắng vẻ như cửa nhà tù, có những người hiện ra. Họ đi chầm chậm, thành hàng dọc, vai vác một thanh gỗ dài hay cố đẩy một toa đen chở đá vụn. Một tên lính Rumani đi kèm theo họ, đầu đội mũ sừng, vai đeo một khẩu ca-ra-bin cũ kỹ, chân quấn xà-cạp bẩn thỉu và mang giày cao cổ bằng da sống — một người dân cày nào đó ở vùng Dobrutja — hai má đen cạo nham nhở, mũi buồn rười rượi làm cho người ở đằng xa cũng thấy rõ là hắn xấu hổ và buồn chết đi được.

Nhưng ngay cảnh hoạt động đó, nổi lên khi chỗ này, khi chỗ nọ của hải cảng, cũng không thể phá tan được cái cảm giác trì trệ và im lìm chung đang trùm lên toàn bộ khu bến mênh mông. Hải cảng như bị yểm bùa. Ngày tháng chín oi bức rực rỡ, mặt trời vô tình tàn nhẫn đốt nóng mặt đường xạm nắng lát đá trên đó đàn bồ câu của bến cảng lông đen nhánh, mỏ xinh xinh màu san hô, đang vừa gụ gụ vừa dạo chơi mổ những hạt ngô vàng.

Mặt nước xanh ban, lấp loáng những vệt dầu hỏa ngũ sắc, lúc dâng lúc rút rất khó nhận thấy gần những đường đập, ngấn bùn ở ven bờ vào những cột nhà sàn đầy cỏ. Ánh nắng vàng lăn xuống biển sâu xanh sáng, xuyên qua cái tản màu sữa của một con sứa có tua xanh dập dờn. Mặt biển sáng như gương lấp lánh phản chiếu thành vạch nóng ấm lên sườn những chiếc tàu

Rumani chạy bằng hơi nước khiến chúng có vẻ như làm bằng một thứ cẩm thạch sinh động. Toàn bộ sực mùi mặn của rong biển thối, của tôm cua, của dầu máy. Đàn hải âu lượn vòng trên đôi cánh nghiêng nghiêng bất động, thỉnh thoảng lại sà xuống mổ một con cá chết trên mặt nước. Nhưng cả chúng cũng không thể phá tan được cảm giác trì trệ, vì động tác của chúng cũng nhẹ nhàng lướt chậm như trong một giấc mơ.

Chỉ ở phía bên kia đường chắn sóng, nơi mặt biển ánh lên xanh biếc thành một vạch thẫm rõ nét và nhìn xa cứ tưởng như im lìm, người ta mới đoán được sự chuyển động trường kỳ không mệt mỏi của không khí và sóng nước.

"Thế này mà cũng gọi là căn cứ chiến lược!" — Xtrenbixki nghĩ bụng. Cùng với những công dân bị động viên khác, anh quẳng trên vai xuống một cái xà dài; thanh gỗ vang lên một tiếng gọn vui tai, đập vào mặt đường nóng bỏng rồi nẩy lên. Đây là cái xà thứ hai mươi chuyển từ nhà kho đến phía con đường đập Platônôpxki. Viên chỉ huy công trường nói:

— Nghỉ giải lao!

Tất cả hai mươi cái xà, y đều nói "Nghỉ giải lao!" và những người khổ sai ngồi xuống nghỉ, buông thẳng chân dọc theo dẫy tường cao và lặng lẽ nhìn, xuyên qua làn nước, cái đuôi màu hồng của một chiếc mỏ neo cũ cắm dưới đáy biển và phủ kín vỏ sò li ti. Tên lính gác ngồi xuống bên cạnh và cũng nhìn chiếc mỏ neo, thỉnh thoảng lại nhổ xuống nước, giả bộ thờ ơ, đợi người ta cuộn thuốc lá và cũng mời hắn hút một hơi.

Anh em nghỉ mười lăm phút, hai mươi phút, đôi khi cả nửa giờ, và Xtrenbixki nhận thấy viên chỉ huy công trường không hề vội vã tuy có vẻ hết sức bận rộn, lo lắng. Lúc nào cũng thấy y đếm những thanh xà, ký không biết những tài liệu gì, áp giấy vào bức tường kho đổ, chạy khắp công trường, người nhỏ bé, lăng xăng, mặc sơ-mi "du côn" cổ bẻ, đi giày vàng và đội mũ rơm cứng, hất ra sau gáy để lộ cái trán đẫm mồ hôi.

Nếu trên đường đập xuất hiện người của ban giám đốc cảng

— việc này cũng thường xảy ra luôn, dưới hình thức hai nhân vật nước da nâu, ăn mặc lịch sự, áo xanh đặc biệt thủy quân, quần ten-nít mầu kem, tay cầm những bản kế hoạch cuộn tròn, với một lô bút chì đủ màu cắm trong túi áo to tướng, cùng đi với chúng là một tên sĩ quan capitania còn lịch sự và đen hơn nữa, đi giày có đinh thúc ngựa, vô số những giải huân chương nhỏ và một chiếc mũ cát-két rộng thêu kim tuyến — viên chỉ huy công trường nhìn thấy chúng ở đằng xa liền hét lên một tiếng nghe rõ khiếp! "Đứng lên! Sắp hàng! Đàng trước..., bước!" Y vung mạnh tập tài liệu đến nỗi nhiều tờ hóa đơn tuột khỏi tay bay tung lên, rồi chạy theo, miệng không ngớt quát tháo ầm ĩ: "Làm ăn kiểu gì thế? Đồ lười biếng! Đồ vượt ngục! Chúng mày chỉ giỏi mít-tinh thôi! Chúng mày thích cái "Cortea Marziale" ở Xlôbôtka chứ? Tao cho chúng mày đến đấy ngay lập tức?...

Sau đó, y chạy nước kiệu về phía những tên chỉ huy và liến thoắng báo cáo tình hình công việc trong công trường.

Ở công trường này, ít nhất theo Xtrenbixki biết, chúng đang lo khôi phục lại cái mà chúng gọi là vành ngoài, nghĩa là những sân bến bằng gỗ xây dựng phía trước những bức tường đá của cảng, và đã bị oanh tạc hư hại hồi thành phố bị bao vây. Công việc không lấy gì làm phức tạp. Vài toán mang xà gồ ở kho tới. Một đội thợ mộc đóng cọc xuống đáy biển, chỗ những cọc cũ bị oanh tạc. Các thợ chuyên môn trên tàu nối chúng lại với nhau bằng đinh sắt và lát suốt theo bức tường đá một cái sàn gỗ dày ba phân và bào ngay tại chỗ. Cạnh đó người ta nấu nhựa đường trong chảo để sơn cọc. Xa hơn một tí, tận cuối con đập chặn sóng, sừng sững một cái "búa máy" để đóng cọc xuống đáy biển.

Khu vực này dùng không phải ít người, khoảng một trăm năm mươi công nhân, chia thành nhiêu ac-ten. Mới đầu, Xtrenbixki rất khó chịu thấy công trường có vẻ hết sức trật tự. Vật liệu xây dựng xếp thành chồng, thành đống cẩn thận theo dọc công trường. Chỗ nào cũng cắm biển riêng mang số hiệu của mỗi chồng, mỗi đống. Thậm chí những cọc hoàn toàn bị phá hủy, cháy thành than vớt ở dưới nước lên cũng không bị bỏ qua,

người ta đã mang ra xa hơn và cũng xếp lại gọn gàng với những biển có số hiệu riêng.

"Hừ quân chó đẻ! — Xtrenbixki hằn học ngẫm nghĩ — Chắc chắn nếu là con người chúng tao thì mày cũng chẳng chịu khó nhọc đến thế đâu. Bây giờ, mày bới đất bằng mõm, tỏ ra mẫn cán trước mắt bọn rác rưởi! Đợi đấy! Rồi một ngày kia, chúng tao sẽ tính sổ với bọn mày!"

Nhưng được vài ngày, sau khi xem xét kỹ công việc trong khu vực, Xtrenbixki nhận thấy, mặc dù được tổ chức hết sức khéo léo — nói đúng hơn là do tổ chức khéo léo như vậy — công việc đã tiến hành với tính chất kéo dài và trong một tình trạng hết sức lộn xộn. Chẳng hạn, để làm một cái cọc bằng một thanh xà, đầu tiên phải vác đi một quãng xa hai trăm mét đến chỗ thợ cưa, rồi phải vác trở lại, cũng một quãng xa hai trăm mét như thế, đến tận chỗ thợ mộc, khoảng hai trăm mét nữa đến tận chỗ nấu nhựa đường, từ đây lại phải mang, vẫn bằng tay, cái cọc đi bốn trăm mét đến tận búa máy. Về cái búa máy, thì cứ mỗi cọc lại phải chuyển dịch nó bằng tay, thành thử mất rất nhiều thì giờ. Vả lại cái búa máy hoạt động rất lạ lùng: quả tạ gang không bao giờ kéo lên hết chiều cao, vì một lý do nào đó, dây cứ đứt luôn, quả tạ rơi xuống nước, và phải vớt nó từ dưới nước lên rất lâu, vì thế lại phải yêu cầu đến thợ lặn.

Những người làm việc trong các toán ở cảng, không giống những công nhân mà Xtrenbixki thường thấy ở cảng Ôđetxa. Nói chung, nhìn bên ngoài, đó là một toán bất lương giống bọn quen ra vào các nhà tế bần thời trước cách mạng, chứ không phải là những công nhân xô-viết. Rõ ràng, chúng đã thu dung tất cả những người đến cửa. Nhưng trong đó, cũng có những người kiểu khác, những công dân xô-viết, ăn mặc sạch sẽ do Sở lao động buộc phải tới, bị cảnh sát bắt. Trong số họ, Xtrenbixki nhận thấy có vài người trí thức chân chính, giáo viên hay thậm chí là giáo sư. Một người đã có tuổi, đeo kính, mặc dù trời nóng hầm hập, vẫn mặc ba-đờ-xuy đen, mùa hạ áo trắng, với một cái ô và một rổ cà chua đầy để trên con đường đá bến cảng, không

xa chỗ anh ta. Chắc chắn đó là một giáo sư không muốn cộng tác với bọn chiếm đóng và vì thế bị phạt đưa đến cảng.

13

Đến bữa cơm chiều, khi tay chỉ huy công trường đang quạt bộ mặt mồ hôi bằng cái mũ rơm, ra lệnh nghỉ, Xtrenbixki lại gần y và xin phép nghỉ vài phút để đi thăm một người gác quen. Tay chỉ huy công trường nhìn anh từ đầu đến chân. Xtrenbixki cố làm ra vẻ khiêm tốn và nói thật lễ phép, lấy giọng dịu dàng, chậm chạp của một công nhân bốc vác cũ vùng Hắc-hải, nên đã gây được cảm tình với người tiếp chuyện. Lúc này anh giống hệt một công nhân bốc vác cũ quê ở Ôđetxa, người to lớn, mình trần đến tận thắt lưng, vai vắt một cái bao, bắp thịt cuồn cuộn như một pho tượng, hai ống quần bạc màu xắn cao, chân mang giày vải, đầu cạo nhẵn bóng, lông mày rậm lấm tấm mồ hôi, mắt nhìn tối om, quai hàm bạnh ra treo vào tai như một miếng sắt móng ngựa. Có lẽ chỉ có nước da trắng không tự nhiên lắm vì chưa kịp sạm là còn có vẻ kỳ lạ. Nhưng cũng có thể là người đã bị tù và mới được thả ra.

— Thế nào, mày muốn gì? — tay chỉ huy công trường hỏi khá thô lỗ.

— Ông cho phép tôi đi khoảng mười lăm phút — Xtrenbixki nhắc lại hết sức lễ phép, cố không nhìn vào cái mõm nhỏ lấm chấm, có bộ ria nâu cắt tỉa bé tí của tay chỉ huy mà cũng không nhìn cái mũi bé tí đủ màu của hắn.

— Mày tới đây làm gì? Làm việc hay định giở trò? — Tay chỉ huy quắc mắt hét to — Nếu để làm việc, thì phải làm, còn nếu muốn nhởn nhơ thì tới phố Ribat! Hay tốt hơn nữa, tới thẳng

Xlôbôtka, tới "Cortea Mar-ziale", ở đấy người ta sẽ dạy cho mà phá hoại! Thế nào, sao mày đứng đực ra đấy? Mày khinh tao chứ? Mày là thằng nào? Một tên Hồng quân đào ngũ chứ?

Xtrenbixki khẽ nhún đôi vai rộng.

— Tao biết mà — tay chỉ huy công trường nói — Người ta chuyển đến cho tao đủ mọi loại khố rách, và bắt tao phải chịu trách nhiệm. Đấy, mày ngắm xem — Y giơ bàn tay về phía những công nhân đang ăn — người như vậy mà gọi là vàng đấy! Có thể xây dựng được cái gì với chúng không? Đã xây dựng một năm nay rồi đấy. Và ai sẽ bị bắn vỡ đầu? Tao chứ còn ai nữa!

Y lại như vô tình nhìn Xtrenbixki. Bốn mắt gặp nhau và Xtrebinxki thấy hình như trong mắt tay chỉ huy bỗng ánh lên một tia sáng đồng tình.

— Thế nào, mày định đi đâu? — Tay chỉ huy hỏi.

— Tôi có một người bạn làm việc ở cảng đây. Tôi muốn tìm anh ta, và chắc thế nào cũng tìm được.

— Tên hắn là gì?

— Iakôplep.

— Đúng, có một thằng tên là Iakôplep gác ở kho số 6. Nó là thế nào với mày, bố vợ hay là anh?

— Dạ là bạn — Xtrenbixki đáp, cúi đầu xuống và lấy chân đá một hòn sỏi lớn, bằng thứ trực giác tinh vi của những người hoạt động bí mật, anh bắt đầu thấy giữa anh và tay chỉ huy công trường đang diễn ra một trò đấu trí, trong đó mỗi lời nói đều có một ý nghĩa bí mật — Ông cho phép tôi đi tới đấy.

— Được, đi đi. Nhưng đừng có giở trò với tao. Không được tìm cách chuồn đấy! — Tay chỉ huy nói, giơ ngón tay lên dọa anh — Khoan đã, chờ tao viết cho một tờ công lệnh để người ta cho mày đi. Tốt hơn nữa, vác lấy một cái cọc, nếu ai hỏi đi đâu thì nói là ông chỉ huy công trường bảo đi đổi cột. Nhưng đừng đi rong trên khu cảng đấy!

Xtrenbixki vác cái cọc lên vai đi tìm kho 6, tin rằng lệnh của tay chỉ huy công trường cấm đi rong trên khu cảng có nghĩa là tha hồ đi. Anh tìm thấy kho 6 rất dễ dàng và nhận ra Iakôplep ngay, hay đúng hơn anh đã nhận ra được nhờ những ám hiệu quy định trước, vì cả đời anh chưa bao giờ thấy anh ta. Anh gác kho Iakôplep đang ngồi ở chân tường đá nhà kho, mình mặc một cái pơ-lit ngắn đã xổ lông, không có tay, sát vào da. Sau khi dựa khẩu súng trường vào tường, anh ta đang chăm chú rắc muối đựng trong một mảnh giẻ lên một bắp ngô và sắp sửa ăn sáng. Xtrenbixki nhận ra anh ta chính là nhờ cái áo bông ngắn đã sờn.

— Chúc anh ăn ngon! — anh vừa nói, vừa đặt cái cọc xuống đất.

— Cám ơn. Đi đi — Người gác kho nghiêm khắc nói — Triệt để cấm đứng lại.

— Anh có phải là Iakôplep không?

— Phải Iakôplep — Anh cần gì?

— Xôfya Pêtrôpna gửi lời chào anh...

— Ngồi xuống đây — Iakôplep nói, lấy tà áo bông lau một chỗ bên cạnh — Anh ăn ngô không?

Xtrenbixki ngồi xuống.

— Ai lại từ chối...

Iakôplep bẻ một bắp ngô dài, dẻo, rắc muối rồi đưa cho Xtrenbixki nửa ngon, phần "non" hơn.

— Mời anh ăn.

Xtrenbixki đang đói. Anh thích thú cạp vào cái bắp ngô hơi chắc, nhả những hạt cứng như gỗ nhưng đồng thời ngọt và nhiều sữa. Nửa bắp ngô để trong lòng bàn tay đen đen đã cho Xtrenbixki biết, hơn bất cứ một ám hiệu nào. Hai người lặng lẽ ngồi nhai như đã quen nhau từ lâu. Mặt trời nóng bỏng gần như ở ngay trên đỉnh đầu và hai cái bóng lẫn vào nhau ngả xuống

mặt đường đá sáng loáng, dày, rõ như vẽ bằng mực tím.

— Anh bạn Xôfya Pêtrôpna gửi lời chào tôi à — Iakôplep cuối cùng nói, quẳng phần ngô còn lại cho chim bồ câu.

— Phải, phải — Xtrenbixki nói, gật đầu và vẫn tiếp tục nhai.

— Tôi, thì lại mong có tin của Gayrin Xêmiônôvích — Iakôplep nheo mắt nói một cách tế nhị.

— Tất nhiên rồi — Xtrenbixki đáp, nghiêm khắc nhìn vào bộ mặt ngây ngô có đôi mắt xanh biếc, bị đậu mùa rỗ chằng rỗ chịt.

— Còn anh là ai? — Iakôplep hỏi — Nom anh quen quen. Có phải trước chiến tranh anh đã làm việc sáu năm trong ban Chấp hành khu phố vận tải đường biển không?

— Cái đó không quan trọng — Xtrenbixki nói.

— Vậy là tôi biết anh — Iakôplep mỉm cười, nói — Đầu tiên tôi không nhận ra, nhưng bây giờ tôi thấy đúng anh là Platôn Ivanôvich Xtrenbixki phải không?

Xtrenbixki tối sầm mặt xuống.

— Được — Iakôplep nói tiếp, hiền hậu — ... Không sao ... vậy thì anh không phải là đồng chí Xtrenbixki nữa. Chúng tôi đã đợi anh đã lâu. Mấy hôm nay, có người gọi tôi đến cửa hàng "Jorjơ" và yêu cầu tôi chuẩn bị gì đó cho anh.

Ngay lúc đó, một đội lính Rumani đi qua, có một tên sĩ quan đi theo chắc là đổi gác. Xtrenbixki định nhích xa Iakôplep và đứng lên, nhưng Iakôplep đã cầm lấy tay anh kéo lại.

— Cứ ngồi yên! Để cho chúng đi qua! Anh tưởng chúng hiểu gì sao?

Bọn lính uể oải đi qua, không bước đều, lết những đôi giày khổng lồ trên mặt đường, và biến mất ở một khúc đường ngoẹo.

— Chúng chẳng hiểu gì là gì cả — Iakôplep nói vẻ khinh bỉ. — Thật thế, khi nào chúng ta giẫm thật mạnh lên đuôi chúng, lúc ấy, họa chăng chúng mới bắt đầu biết lờ mờ đôi tí. Hừ, kẻ chinh

phục! — anh tiếp thêm và khạc nhổ ra ý bực bõ. — Này — anh dịu xuống nói — có khoảng gần hai mươi người của ta làm việc ở đây. Tôi chỉ tính những người có chân trong tổ chức đồng chí Secnôivanenkô mà tôi đã liên lạc trực tiếp. Có thể tin là còn nhiêu người thuộc các tổ chức khác, nhưng cho đến bây giờ, chúng tôi không liên lạc với họ. Như mục tiêu đồng chí Secnôivanenkô vạch cho chúng tôi, trước hết phải phá hoại việc vận chuyển, tôi đã truyền đạt lệnh đó đến anh em; mọi người đã viện cớ này cớ khác để được thuyên chuyển đến các ac-ten công nhân bốc vác và các xưởng sửa chữa ghi xe lửa.

— Đúng — Xtrenbixki nói.

— Vậy anh có thể tìm gặp tất cả hoặc ở trên bến dầu hỏa, ở chỗ sửa chữa ghi tàu hỏa, hoặc đâu đó trong số công nhân bốc vác ở đập chặn sóng Pôtapôpxki hay ở đập Anđrôtxôpxki. Tôi tin chắc có hai người của các anh làm việc ở đấy rồi. Cá nhân tôi biết một trong hai người, đó là Lêônit Mirônôvich Ximban. Còn người kia hình như là Xerafim Ivanovich Tulyakôp, nhưng tôi không chắc lắm. Có thể không phải anh ta. Qua tất cả cái đó, thấy rõ là Secnôivanenkô đã nhúng tay khá sâu vào bến cảng. Bây giờ, công việc chắc phải chạy đều lắm rồi... Còn anh cắm ở đâu, Platôn Ivanôvich? Nom anh vác cọc, chắc anh ở chỗ công trường xây dựng vành ngoài đập chắn sóng Platônôpxki. Nhưng anh có biết tôi sắp nói với anh gì không? Anh chui vào đó là mất công không. Ở đấy, mọi việc tiến hành rất chu đáo. Tổ chức chặt lắm. — Iakôplep tròn xoe đôi mắt ngây thơ, xanh biếc và mỉm cười —... Tôi không thể nói chính xác với anh tổ chức nào đang hoạt động ở đấy, vì bản thân tôi cũng không biết. Nhưng tôi nghĩ chắc chắn là người của đồng chí Đrujinin. Đã mười tháng nay, tôi theo dõi họ mà họ vẫn ở một chỗ. Phải, chắc chắn đó là công tác của đồng chí Đrujinin. Đã lâu lắm, tôi không thấy vụ phá hoại nào khéo thế. Có phải Limônôp đã khuyên anh vác cọc không?

— Limônôp là ai thế?

— Sao, Limônôp là tay chỉ huy công trường chứ ai. Một người

rất thông minh! Hắn làm việc có kế hoạch và rất khôn khéo. Đối với anh, cái cọc, cũng như một tờ thông hành. Nếu anh vác trên vai một cái cọc, tức là anh đi làm việc. Anh có thể dạo khắp khu cảng, không ai ngăn cấm anh cả. Anh có thấy họ đã hợp lý hóa công việc ở công trường như thế nào không? Thế mới thật gọi là làm! Và điều hay nhất là ngay dưới mũi bọn "capitania". Thật là một tay dũng cảm. Nhưng tôi không thể hiểu được anh ta hành động theo lệnh ai: Đrujinin hay tự bản thân anh ta?

— Anh chắc thế à? — Xtrenbixki hỏi.

— Đúng, không phải nghi ngờ gì nữa! Mười tháng xây dựng mà đến tận bây giờ, lạy Chúa, vừa được đúng mười lăm mét đồ bỏ. Anh hùng thật!

Thế là đối với Xtrenbixki, tất cả thái độ của viên chỉ huy hay la ó đã hoàn toàn sáng tỏ: những tiếng hò hét thô tục, những giờ "nghỉ giải lao", cách chạy ngược chạy xuôi công trường, cuối cùng là vẻ mặt bừng bừng đẫm mồ hôi, như quả quyết tuyệt vọng đồng thời như khiếp sợ kín đáo, y hệt một người chạy trên một mảnh ván hẹp bắc qua vực thẳm, tự mình cũng sợ cả sự táo bạo của mình.

— Bây giờ còn điều này nữa — Iakôplep nói, hạ thấp giọng xuống một tí. — Đêm hôm qua, có chiếc tầu Kecđinăng của bọn nó, chở đạn được cho mặt trận, ở Kônxtanza tới. Sáng nay, Marya Trofimova Xayitxkaia, thư ký đánh máy của ban giám đốc cảng, đã tới chỗ tôi: chắc anh cũng biết cô ấy, cũng là người của ta, làm nhiệm vụ do đồng chí Secnôivanenkô giao. Chúng sắp dỡ hàng trên tàu xuống ở đập chắn sóng Pôtapôpxki rồi nó sẽ chạy tới cảng Bốn mươi để xếp lương thực. Khi dỡ hàng, ta sẽ không làm gì được vì Matriôna Trôíimôva cho biết quân lính sẽ đảm nhiệm việc chuyển đạn dược từ tàu thủy sang các toa xe lửa, nhưng phải mau chóng cho người của ta đến chỗ xếp lúa lên tàu. Anh cho biết mệnh lệnh?

— Phải gọi những người bẻ ghi ở đập Pôtapôpxki tới. Ta có ai ở đấy? — Xtrenbixki nói nhanh.

— Chúng ta chỉ có một người bé ghi ở đấy, ông già Juôcbaienkô. Tôi đã triệu tập ông ta vào bảy giờ tối này, toán của ông ta tan tầm lúc sáu giờ.

— Được, tôi sẽ nói chuyện với ông ta. Còn thợ toa xe, ta có bao nhiêu người

— Không ít: bốn người. Makôgônôp, Vecbitxky, Iêjôp và Ôpanatxenkô.

— Tất cả đều có danh sách ở chỗ chúng ta chứ?

— Tất cả: Makôgônôp và Iêjôp do tôi, Vecbitxky và Ôpanatxenkô do đồng chí Xiniskin Jêleznư, đó là cán bộ của đồng chí ấy.

— Họ có liên lạc với nhau không?

— Có, do tôi làm trung gian.

— Tốt. Triệu tập một người trong bọn họ đến vào lúc quá bảy giờ. Tôi sẽ giao nhiệm vụ cho họ. Khi nào chúng chuyển đạn được sang các toa và khi nào các đoàn tàu thành lập, cần ghi vào một số toa: "phải sửa chữa". Không phải tất cả, nhưng một vài toa. Hai, ba thôi, không hơn, để khỏi gây ngờ vực. Để cho chúng cắt ra rồi ta sẽ liệu... Đạn gì thế? Marya Trôfimôva không nói với anh sao?

— Bom, đạn súng trường, mìn.

Xtrenbixki cau trán, cố nhớ lại cách bố trí các đường sắt giữa đập Pôtapôpxki với bến bốc hàng lên tàu. Rồi anh nói:

— Giá ta đưa được tất cả vào con đường cụt của bể chứa dầu hỏa, rồi chặn ghi lại, lối vào đường cụt cái đầu máy, mở hết tốc lực, bên cạnh có sẵn dầu hỏa, ét-xăng, thì thật là tuyệt!

— Phải, thế thì còn phải nói — Iakôplep tán thành.

— Cần phải nghiên cứu kỹ chuyện đó. Dù sao, cũng triệu tập cho tôi một người thợ toa xe sau bảy giờ. Tôi sẽ ở lại cảng đêm nay.

— Nhất định phải thế. Ai không lười biếng thì ở lại đây đêm nay! Nhất là những người làm việc buổi sáng. Anh cứ xin phép Limônôp, anh ấy sẽ cho ngay. Tay ấy tinh lắm.

— Vậy hành động đi nhá — Xtrenbixki nói.

— Xin tuân lệnh! — Iakôplep đáp, như một người lính và đứng lên.

— Nhớ những người bẻ ghi và thợ toa xe đấy... Thôi, tôi đi đây.

Xtrenbixki sửa lại cái bao, rồi vác cái cọc lên vai.

— Chúc anh may mắn! — Iakôplep nói — Tôi còn ở lại đây một lúc. Gác những của ăn cướp.

Một nụ cười buồn bã ánh lên trong đôi mắt trẻ con xanh biếc.

— Thực tế, anh gác những gì? — Xtrenbixki hỏi.

— Thóc. Lúa mì. Mười nghìn pút lúa mì Ukren ăn cướp được. Tôi trông rất cẩn thận nhưng Chúa không mưa cho.

— Tại sao mưa?

— Tại sao ư? Vì tôi đã đóng tất cả các ống máng đứng lại để cho nước đáng lẽ chảy xuống sân lại đổ lên mái kho, lên lúa mì ăn cướp — Iakôplep nói, mắt quắc lên nom rất dữ tợn đến đỗi nước mắt trào ra. Anh lấy vạt chiếc áo bông tàng lau nước mắt — Tất cả thóc lúa chắc chắn phải mục ra. Tôi gác là vì lương tâm — Và thấy Xtrenbixki hiếng mắt nhìn vào cái hố đựng cát biển trắng, ở chỗ tường kho, anh nói thêm — Anh tưởng đó là cát để cho bật lửa đấy à? Có thể. Nhưng ít nhất ngày nào cũng có người đến gặp tôi vì thứ cát ấy đấy, ba, bốn người một, để luôn luôn có sẵn một ít trong túi, lúc cần thì bỏ vào đầu trục. Một thứ cát kỳ diệu. Các đầu trục cứ chảy ra như nến. Hay anh cũng lấy một ít phòng lúc cần?

Và sau khi đã bỏ vào túi một nắm cát kỳ diệu đó, Xtrenbixki quay lại công trường xây dựng, chỗ tay chỉ huy Limônôp đang vung tập hóa đơn và chứng từ chạy ngược chạy xuôi quát tháo ầm ĩ.

— Đứa nào làm thế này! Đồ phá hoại! Đồ lười biếng! Đồ Bônsêvich!

Đó là một đêm cuối tháng tám, ngột ngạt, giữa khoảng gió đêm và gió sáng, khi cả trong thành phố lẫn trên mặt biển không khí không chút chuyển động. Mặt biển im lìm và tối đến nỗi không có ánh sao không ai biết là có biển.

14

Mấy ngọn núi đá to lớn đen sì đứng sừng sững cách bờ không xa. Có ba người đang hàng dọc tiến về phía đó. Hình như họ đi theo ánh sao, chốc chốc lại suýt trượt chân ngã tũm xuống vực thẳm. Nhưng đấy chỉ là bề ngoài: thực ra, nó không sâu lắm và họ đi, tay đánh xa cẩn thận, chân đặt lên những tảng đá trơn dẫn tới những hòn núi đá như một con đường mòn hẹp dưới nước. Đôi khi, con đường mòn mất đi, phải lội xuống nước đến tận thắt lưng, đi trong làn nước ấm lấp lánh chung quanh những bộ quần áo ướt ánh lân tinh xanh biếc. Đàng trước, quần xắn đến đầu gối, giày vải vắt vai, là Piôt Vaxiliêvich Batsây; sau ông, cũng quần áo như vậy, Đrujinin và cuối cùng Misa đội trên đầu chiếc va-li mây.

Đrujinin có đủ lý do để tin tưởng Batsây. Tuy vậy, sau hôm gặp gỡ, anh cũng đã điện về Mạc-tư-khoa để điều tra về luật gia Batsây. Người ta đã trả lời anh đó là một công dân trung thực và ban chỉ huy đơn vị của ông cũng nhận xét rất tốt về ông. Từ đó, Piôt Vaxiliêvich không những thực tế mà chính thức đã trở thành người công tác gần gũi nhất của Đrujinin. Mặc dù Đrujinin gọi ông là tham mưu trưởng, nhưng vì toàn bộ ban tham mưu chỉ gồm có ba người kể cả bản thân Đrujinin, Piôt

Vaxiliêvich coi đó chỉ là một chuyện đùa. Nói đúng hơn, sở dĩ Đrujinin đã giữ ông ở cạnh vì ông là một người thạo thành phố, một người truyền tin giỏi, hay nói một cách đơn giản, một người liên lạc giỏi. Họ rất tâm đầu ý hợp và đã mau chóng thân nhau. Tuy thế, Piôt Vaxiliêvich cũng chỉ biết về hoạt động của Đrujinin rất ít như ngày đầu mới gặp nhau, mặc dù đã gần mười, tháng trôi qua. Thực ra, ông chỉ biết rằng Đrujinin, thường thường, hầu như hàng ngày, đến giờ nhất định, đã gửi về Mạc-tư-khoa bằng vô tuyến điện những bản báo cáo chi tiết về tình hình ở thành phố và nhận chỉ thị ở đấy.

Piot Vaxillêvich hiểu rằng, dù Đrujinin chỉ làm có thế, người ta cũng không thể coi anh khác hơn một cán bộ quan trọng vào bậc nhất. Anh chính là tai mắt, trông thấy tất cả, nghe thấy tất cả; đối với anh không một chi tiết nào ở trong thành phố, không một cuộc chuyển quân nào của địch, không một tình hình nào của binh lính Đức và Rumani, có thể lọt qua anh được. Nói tóm lại, đấy là một sở tình báo tuyệt vời, dựa trên một màng lưới cộng tác viên được chọn lọc cẩn thận và bảo vệ vững chắc ở tất cả mọi nơi trong thành phố, trong các nhà máy, các xí nghiệp, thậm chí cả trong cảnh sát Rumani và trong đội hiến binh. Piôt Vaxiliêvich thường vào thành phố theo lệnh của Đrujinin để liên lạc với các cộng tác viên bí mật và mang về cho Đrujinin những tin tức để chuyển ngay về Mạc-tư-khoa bằng vô tuyến điện. Nhưng ngoài việc đó ra, Piôt Vaxiliêvich tuy không biết được chính xác nhưng cũng đoán thấy, Đrujinin đang lãnh đạo hoạt động của một số nhóm bí mật. Thỉnh thoảng anh ra đi một mình và, sau một hai ngày, trở về cố nén một trạng thái kích thích cực độ, môi mím chặt, hai mắt xanh biếc sáng ngời và gần như luôn luôn sau đó, trên các tờ báo Nga và Rumani, lại xuất hiện những bản mệnh lệnh có tính chất đe dọa của bộ chỉ huy Rumani chống lại phong trào du kích đang lớn mạnh. Nhưng Đrujinin không bao giờ nói tới điều đó và Batsây cũng không hỏi.

Bản chất ban tham mưu của Đrujinin là phải đổi "chỗ ở" luôn để khỏi làm mồi cho bọn Xiguranta hay sở Ghextapô. Đrujinin

không thích ở lỳ một chỗ. Anh có năm sáu trạm thường trực bí mật chắc chắn. Nhưng bản thân anh và đại bản doanh của anh không có trụ sở thường trực. Quân Đức càng tiến xa vẽ phía đông, càng khó hoạt động, bây giờ Ôđetxa đã nằm sâu trong hậu địch. Cuộc tấn công thứ hai của quân Đức đã bắt đầu. Bọn phản gián địch đã tiến hành một cuộc đấu tranh tàn nhẫn và có kế hoạch chống lại du kích xô-viết. Nói cho đúng, đáng lẽ lúc này Đrujinin phải ngừng mọi hoạt động trong một thời gian, biến khỏi chân trời, tiêu tan di. Chiến thuật nhanh chóng đổi trạm thường trực không có tác dụng gì nữa rồi. Phải tìm một chiến thuật mới phù hợp với tình thế mới và nghiên cứu cẩn thận. Quyết định của Đrujinin là như thế. Vì vậy, một lần cuối cùng, cần "nói chuyện lên thinh không", cho biết anh phải ngừng hoạt động ít lâu, xin chỉ thị và rồi tinh thần thư thái, lo xây dựng một chiến thuật mới. Trong thời gian vừa qua, nhờ khí hậu ấm áp, họ đã đóng trong một ống dẫn nước khổng lồ thông ra một ngọn núi đá ở vùng suối giữa. Đêm đến, họ đi ra, bước cẩn thận trên từng tảng đá đến tận những hòn núi đá ngoài biển...

Piôt Vaxiliêvich rất thuộc những ngọn núi đá này. ông đã biết chúng từ hồi bé. Hình thái bờ biển đã thay đổi nhiều do đất lở và xói mòn. Nhưng những ngọn núi đá nhô lên trên mặt sóng, đối diện với các vùng biển nhỏ ở suối giữa thì vẫn nguyên.

Vẫn cái vũng biển đó, vẫn những ngọn núi đá đó. Ngồi ở mặt núi đá nhìn ra khơi, Đrujinin, Batsây và Misa bắt đầu làm việc ngay. Piôt Vaxiliêvich tháo một cuộn dây thép dài ra, quấn một đầu vào gậy, cắm gậy xuống một khe núi đá. Đó là một cái cần ăng-ten. Misa mở chiếc va-li mây ra, làm mọi việc cần thiết rồi, trong đêm tối, nổi ngay lên những tiếng nhẹ và nhanh của ký hiệu morxơ.

Họ đã chọn một ngọn núi đá để làm việc vì nghĩ rằng đó là một nơi không nguy hiểm. Thực ra, cũng như ở nơi khác thôi, vì trên bờ biển, bọn tuần tiễu đi lại suốt ngày đêm, nhưng họ không sợ bị bắt gặp bất ngờ. Ở ngoài biển, chỉ có bằng tàu, chúng mới tới được chỗ họ, còn từ bờ thì bằng con đường đá

mòn, nhưng con đường này chỉ những người dân Ôđetxa kỳ cựu mới biết thôi. Để tấn công họ từ bờ, phải đi bằng tàu hoặc lội dưới nước đến tận thắt lưng. Cách này hay cách khác cũng đều mất tính chất bất ngờ và cho Đrujinin có thời gian bắn ra. Họ đã buộc một hòn đá nặng vào điện đài để gặp trường hợp khẩn cấp có thể dìm ngay nó xuống nước.

Mặt biển bao la im lìm và bằng phẳng, lấm tấm hằng hà sa số sao. Họa hoằn lắm nước mới chảy vào kẽ hở của núi đá, và cuồn cuộn trong đó, nghe lanh canh trong suốt rất vui tai. Rồi mặt biển nhuốm một màu nhợt nhạt và hắt lên núi đá một ảnh thanh thiên, ma quái, giúp cho tiểu đội trưởng Vetxêlôpxki ghi chép, tuy hết sức khó khăn, những nhóm bốn con số mà anh nghe được.

Tiếng đập mau lẹ và nhẹ nhàng của ký hiệu morxơ kết hợp với tiếng dế đồng ca làm cho không gian tràn ngập cái âm thanh tuyệt diệu và bí mật của cuộc sống ban đêm. Máy morxơ đánh nhanh và rõ ràng:

"*Ôđetxa, hai mươi hai giờ, giờ Mạc-tư-khoa. Báo cáo của Đrujinin: Tình hình Mạc-tư-khoa và các vùng phụ cận hôm nay như sau... Nhiều binh lính Đức tới thành phố bằng đường sắt, được phiên chế gấp và đưa ra mặt trận bằng ô-tô. Tinh thần binh lính Đức có vẻ bực tức. Một số tên nói người ta đưa chúng tới chỗ chết. Trong bọn sĩ quan, có tư tưởng là quân Đức sắp chiếm được Xtalingrat, vượt qua sông Vônga và lúc đó, chiến tranh sẽ kết thúc. Nhưng trong bọn chiếm đóng, có dư luận xôn xao về những tổn thất nặng nề trước Xtalingrat. Hàng ngày, thường xảy ra mâu thuẫn giữa chính quyền Rumani và Đức. Giá chợ đen của đồng mác tụt xuống. Bọn buôn lậu sẵn lòng nhận đồng bảng Anh và đô-la Mỹ. Người ta lại đòi hỏi tiền rúp xô-viết. Cảng hoạt động nhộn nhịp. Tàu bè từ Kônxtăngza chở tới đạn được, ét-xăng, động cơ máy bay... Đâu đâu cũng nghe nói đến Xtalingrat...*"

Cứ như vậy, rất chính xác, bằng những câu ngắn gọn, cô đọng, Đrujinin chuyển tin tức đi, còn Piôt Vaxiliêvich trong lúc

đó quan sát các vùng lân cận, bất cứ lúc nào cũng sẵn sàng báo hiệu một tình huống nguy hiểm. Hai lần, anh ngừng lại, khi có toán tuần tiễu Rumani đi ngang trước ngọn núi đá và khi có một chiếc tàu chạy qua trước mặt họ. Trong đêm tối, không nhìn thấy toán tuần tiễu, chỉ nghe tiếng giày bốt giẫm lạo sạo trên đá sỏi và tiếng nói chuyện của bọn lính. Chúng đi qua không dừng lại. Giá nước biển bên dưới không phát ra những tia sáng lân tinh thì chiếc ca-nô đã lướt qua không ai nhìn thấy. Được chiếu sáng ở phía dưới bởi một luồng ánh sáng thủy tinh xanh, nó lướt qua như một bóng ma sáng trong và tiếng động cơ vội vã vang dội trong những núi đá bao quanh.

Các chòm sao từ từ chuyển động rất đều trên bầu trời đen không gió. Năm đốm lửa nhỏ của chòm sao Catxiôpê cứ cao mãi và đã lên đến đỉnh đầu. Chùm Đại Hùng tinh ngả về bên phải, xuống thấp đến nỗi tưởng như ba ngôi sao cuối cùng, cách nhau rất xa, chạm vào bờ biển tối om. Giải Ngân hà đã mờ đi, trong suốt, gần như hoàn toàn không nhìn thấy nữa. Sao Mộc, rất cao trên trời, phản chiếu như một mảnh trăng non, hắt xuống nước một thanh xà dài bàng bạc màu sữa, từ chân trời đến tận chân núi đá. Những mảnh vườn trên đồi không động đậy, im lìm và đen kịt.

Sau khi chuyển xong tin tức, Đrujinin dềnh dàng một phút và cuối cùng đọc:

"*Hai ngày nay, Ghextapô hoạt động mạnh. Chúng tôi đổi chỗ ở luôn. Tình hình rất gay. Tôi xin phép ngừng chuyển tin trong mười ngày. Sẽ nói chuyện trên thinh không ngày hai mươi lăm tháng tám cũng vào giờ này.*"

"*Khoan đã* — Mạc-tư-khoa đáp — *đừng rời khỏi máy. Chúng tôi sẽ cho chỉ thị ngay*".

Họ im lặng đợi! Họ thèm hút thuốc nhưng không thể được. Thời gian đi chầm chậm. Để khỏi mất liên lạc với Mạc-tư-khoa, Misa thỉnh thoảng lại đánh chỉ hiệu của mình đi.

15

Gió biển dè dặt nổi lên. Đầu tiên, đó là một ngọn gió nóng, gần như không cảm thấy. Đêm khuya ràng mình bằng tất cả các vì sao và kín đáo chuyển về sáng. Những ngôi sao nhỏ tan ra như bị một bàn tay to lớn xóa khỏi bầu trời. Chỉ những ngôi sao lớn nhất, sáng nhất còn ở lại. Dưới sao Mộc, một ngôi sao mới, to lớn, xuất hiện. Nó run run như một giọt ngọc thạch trong lấp lánh. Tưởng như chính bản thân sao Mộc đã câu nó ở đáy biển lên bằng một cần câu mảnh. Ngôi sao mới cũng phóng xuống mặt nước một thanh xà bằng bạc màu sữa "Sao Mai", Batsây nghĩ, với một nỗi buồn bàng khuâng thầm kín, và chợt buồn ngủ. Ông cảm thấy toàn thân uể oải. Piôt Vaxiliêvich nhớ lại một đêm nào cũng trên ngọn núi đá này. Trời tối đen dày sao và gương mặt người thiếu nữ khi mờ khi sáng theo những ánh chớp xa của mặt biển lấp lánh lân tinh. Người thiếu nữ nằm trên chiếc áo choàng ngắn của nữ sinh trung học, tay chống trên đá, cái cằm nhọn tì trên hai bàn tay. Cô ngước mắt nhìn anh, đôi mắt tối om và không biểu lộ tình cảm. Ngồi gần bên cô, anh là một học sinh trung học mười sáu tuổi gầy nhom để tóc dài, và không dám thở mạnh vì cảm thấy lòng tràn đầy hạnh phúc.

Chạm tay em, anh ngại ngùng không dám.

Ôi em yêu em quý của lòng anh

Và những vì sao Catxiôpê

Như rắn vàng nằm trên mặt biển

Nơi bao đám mây mù đang bơi trốn...

Xung quanh, trên khắp bờ biển vùng suối giữa, tiếng dế đua nhau kêu rả rích thành một bản đồng ca trong suốt, không gian tràn ngập một âm thanh tuyệt diệu và bí mật của cuộc sống ban đêm.

Chạm vào bờ, sóng ngại ngùng không dám,

Chỉ ngoan ngoãn gầm reo, khuất phục.

Lòng ta, biển cả đều là một,

Trong tim anh, em đốt cháy tháng, năm...

Nhưng những ý nghĩ cứ rối bời. Misa bỗng nói:

— Mạc-tư-khoa!

Anh viết suốt năm phút trong tối những nhóm bốn con số. Anh dùng một cái thước riêng để những chữ số không đè lên nhau. Những người mù cũng thường viết như vậy. Thế là xong và anh đóng va-li lại.

— Sao, Mạc-tư-khoa nói gì thế? — Đrujinin hỏi — Phải dịch ra đi.

Misa hướng tờ giấy về phía các ngôi sao, cố đọc những con số nhưng không được. Bút chì mờ và những con số ghi rất yếu.

Piot Vaxiliêvich có ý kiến đọc bằng ánh sáng lân tinh của mặt biển. Họ xuống thấp hơn và Đrujinin cẩn thận đưa tờ giấy xuống gần mặt nước. Nước vỗ nhẹ vào đá, lấp lánh màu xanh nhạt. Ánh sáng lân tinh chỉ rọi lên tờ giấy một chốc lát ngắn ngủi, Batsây liền thọc bàn tay xuống làn nước ấm như sữa và khoắng mạnh ngón tay. Nước phát ra ánh sáng nhưng không đủ để đọc. Suốt trong lúc Đrujinin cố đọc tờ giấy, Batsây cứ khoắng ngón tay, đầy ánh sáng xanh biếc như kim cương trên chiếc nhẫn. Nhưng không kết quả. Đành phải trở lại cách cũ: lấy áo trùm kín đầu rồi cẩn thận bấm đèn pin lên.

"Cho phép ngừng mười ngày. Thay đổi gấp chiến thuật. Biến dần hầm mộ thành chỗ đóng quân cho tất cả các đồng chí đã đăng ký. Tổ chức phân đội mạnh. Tương lai, sử dụng nhóm được tăng cường. Tập trung vào giao thông liên lạc, tấn công quân dự bị, phá hoại liên lạc. Đặc biệt hết sức chú ý hải cảng. Nếu có thể tổ chức liên lạc trực tiếp giữa các phân đội ở trong hầm mộ với tổ chức của Đảng. Đoàn kết lại. Không ngừng công tác tình báo.

Đặc biệt khen ngợi công tác tốt. Rất cảm ơn. Các lối đi lên thành phố của hầm mộ đã bị bao vây. Cố tìm các lối ở ngay trong thành phố. Theo điều tra của chúng tôi, sơ đồ những lối ra vào hầm mộ ở thành phố để ở chỗ giáo sư đại học Xvêlôviđôp. Liên hệ với ông ta, cố lấy cho được bản vẽ. Báo cáo kết quả qua điện đài. Xin chào."

— Hết rồi à? — Misa hỏi.

— Hết.

— Tốt.

Hai mắt lim dim, Đrujinin đọc thuộc lòng bản chỉ thị, gần từng chữ một.

— Tốt. Xong rồi! — Anh nói và xé nhỏ tờ giấy, vo viên lại rồi ném xuống biển — Anh có nghe đấy chứ — anh hỏi Piôt Vaxiliêvich.

— Giáo sư Xvêlôviđôp...

— Anh quen à?

— Một thời gian, ông ta dạy sử ở trường trung học của tôi. African Africanôvich Xvêlôviđôp, không biết có phải là một không.

— Tên ông ta đấy à?

Batsây mỉm cười:

— Phải.

Dưới chế độ cũ người ta mang những cái tên lạ lùng thật — tiểu đội trưởng Vetxêlôpxki nói, vừa cuộn dây ăng-ten vừa che ống tay áo lên miệng ngáp dài.

— Ông ta ở đâu? Anh không nhớ à? — Đrujinin hỏi cộc lốc.

— Làm thế nào mà nhớ được? — Piôt Vaxiliêvich nói với một cử chỉ tuyệt vọng. — Từ bấy, đã bao nhiêu năm qua rồi... Tôi nghĩ là ông ta chết rồi.

— Thế mà chưa đấy.

— Thế thì ít ra ông ta phải tám mươi tuổi.

Đrujinin nằm sấp xuống để cằm vào bàn tay và suy nghĩ.

— Dù sao, chúng ta cũng phải tìm cho ra cái ông African Africanovich của anh — cuối cùng Đrujinin nói với Piôt Vaxiliêvich — Anh là một con sói già ở Ôđetxa... Mà cũng lại là trong lãnh vực của anh nữa.

— Được rồi — Batsây nói — nhưng tôi chưa có một ý gì về cách tìm ông ta.

Đrujinin không đáp gì cả. Hình như anh ngủ, Có lẽ anh ngủ thực, nhờ những tiếng thở dài, ấm áp và thưa thớt của biển cả ru ngủ. Cả ba, buồn ngủ, đều im lặng. Cuối cùng, Đrujinin nằm ngửa ra, duỗi tay răng rắc và ngáp to quá, khiến Misa sợ hãi, nói với anh:

— Im!

— Xin lỗi — Đrujinin cười, và làm mấy động tác thể dục để khỏi buồn ngủ.

Đâu đó, xa xa, sau những ngọn đồi, một con gà trống gáy, giọng ngái ngủ.

— Này — Đrujinin nói, nắm lấy đầu gối Piôt Vaxiliêvich — Tay ấy tên là gì nhỉ?

— Tay nào?

Batsây không thể nào quen với những ý nghĩ kỳ quặc của Đrujinin: không thể nắm được ý nghĩ của anh khi nó đã chín muồi một cách kín đáo và chợt xuất hiện dưới hình thức một câu hỏi kỳ dị khó hiểu. Piôt Vaxiliêvich nhăn trán lại, cố hiểu xem Đrujinin muốn nói về "tay nào", ý nghĩ thầm kín nào đã khiến anh phát ra câu hỏi đó.

— Hừm... Tôi không hiểu: tay nào? — Piôt Vaxiliêvich lại nói lần nữa, lúng túng.

— Kìa, cái ông bạn nối khố của anh hiện mở cửa hàng đồ cũ "Jorjơ" ở phố Ribat ấy! Anh nhớ ra không, lúc chúng ta đi qua đấy? Sau anh có kể chuyện với tôi, nhưng thú thực, tôi đã quên mất tên anh ta. Kôletnisuc hay là gì?

— À, Kôletnisuc! — Piôt Vaxiliêvich tối sầm mặt xuống và cắn môi nom thật dữ tợn — Hắn đã tỏ ra bỉ ổi thật!

— Hắn làm gì?

— Thì anh biết đấy. Tên khốn kiếp số một! Hắn đã trốn khỏi Hồng quân và hiện giờ buôn bán đồ cũ ở phố Ribat.

— Anh biết hắn ta lâu chưa?

— Chúng tôi học cùng một trường từ hồi lớp bốn. Rồi, suốt đời... cho đến mãi gần đây... Bao nhiêu lần, hắn lên Mạc-tư-khoa dự hội nghị hàng năm, đều ở lại nhà tôi... Còn tôi, tôi đã ở tại nhà hắn, ngay trước hôm xảy ra chiến tranh.

Bỗng Piôt Vaxiliêvich nhớ lại rõ ràng Jorka Kôletnisuc, cậu bé học sinh lớp bốn, một "con khỉ" như anh em đã mệnh danh cho... rồi cầu thủ đá bóng, một anh chàng mảnh khảnh không may mắn, sinh viên bận quần vải sọc... học viên trường quân sự... cuối cùng công chức xô-viết, một kế toán viên ở Glapsai, không trễ lắm nữa, trong chiếc áo mưa với đôi giày vàng, ông nhớ lại cái "biệt thự" chiếc ô-tô nổi tiếng, Raitxa Lvôpna với gương mặt hiền lành, đỏ bừng bừng vì lửa bếp... Ông nhớ lại món cá trích sấy... những quả "cà bung"... Cuối cùng, ông nhớ lại Kôletnisuc bận đồng phục cán sự ba quân nhu, cuộc tiễn đưa nhau trước khi ra mặt trận. Rồi một cái bóng xám, đen tối, trùm lên tâm hồn Piôt Vaxiliêvich. Bạn hồi nhỏ, bạn hồi nhỏ ông nói đi nói lại, đau xót và tức giận, nhớ lại đặc biệt và rõ ràng Jorka Kôletnisuc đội mũ quả dưa, khoác ba-đờ-xuy gấu xòe gần cửa hàng "Jorjơ", phố Ribat. Hắn chào bọn S.S. sao mà hèn nhát, khúm núm thế! Hắn cặp chặt cái mũ trên ngực có vẻ mới trung thành chứ! Cái cách hắn nhìn két tiền, để trên vỉa hè, bên cạnh người, mới hèn hạ làm sao!

— Từ nhỏ! từ nhỏ! — Ông nói gần như tuyệt vọng — Anh thử

nghĩ mà xem!

— Có thế — Đrujinin lạnh lùng nói.

— Phải, nhưng thế là thế nào? Vậy ra trong tâm hồn hắn, luôn luôn có một tên tiểu tư sản, một tên tư hữu, một thằng nhát gan, một con người ti tiện, một lão chủ hiệu?

— Có gì là lạ? — Misa nói, cố cưỡng lại cái ngáp dài khó chịu buổi sáng và co dúm đôi gò má lại — Đó là những nốt ruồi duyên của chủ nghĩa tư bản.

— Đúng thế — Batsây nói, phấn khởi — Dù sao, cuối cùng, lão chủ hiệu cũng đã thắng.

Đrujinin lắc đầu ra ý quan tâm.

— Thế dễ ông bạn thân của anh, anh chàng Kôletnisuc, chẳng phải xuất thân từ một gia đình buôn bán sao?

— Không thật là buôn bán. Nhưng cũng không xa. Bố hắn ta làm với anh em Pơtasnikôp.

— Nghĩa là trong nghề buôn bán... Phải, phải... Gia đình anh ta có giàu có không?

— Chẳng bao giờ! Suốt đời chật vật lắm! Bọn anh em Pơtasnikôp nổi tiếng đó, đã vắt thịt người làm để lấy nước. Và tôi xin hỏi anh một điều...

— Nhưng đại thể hẳn thuộc vào loại người nào? Một tên phản bội ư?

Plôt Vaxiliêvich suy nghĩ.

— Biết đâu đó? Rõ ràng là lòng người nham hiểm ai đo cho cùng.

— Không, tôi không nói cái đó. Lúc nhỏ hắn ta ở nhà trường như thế nào? Bản chất hắn có gì tỏ ra phản bội không? Anh hiểu ý tôi muốn nói rồi chứ. Lúc bấy giờ, đối với bạn bè... Hắn có hay mách lẻo không? Hắn có hay thì thọt với các giáo sư không?

— Cái đó thì không! — Batsây nói quả quyết — Hắn luôn luôn

là một người bạn rất tốt. Nhưng tôi nhắc lại, rõ ràng là khó đo lòng người lắm.

Hình như những lời nói sau cùng này của Piôt Vaxiliêvich không được Đrujinin chú ý tới nữa, anh đã bỏ qua. Đrujinin nói rất thờ ơ và không rõ ràng lắm:

— Phải, có thể... Được, rồi sau ra sao? Trong thời kỳ nội chiến, can thiệp?

— Hắn luôn luôn là một người xô-viết chân chính.

— Ra thế...— Đrujinin có vẻ suy nghĩ — Hắn sinh quán ở Ôđetxa?

— Phải.

— Thế thì, có thể hắn sẽ giúp chúng ta tìm ra giáo sư Xvêlôviđôp. Anh nghĩ thế nào?

Piôt Vaxiiiêyich nhìn Đrujinin có vẻ lúng lúng, gần như sự hãi: có phải anh đùa không? Nhưng hiển nhiên là anh không đùa, vì anh đã bắt đầu phát triển thêm ý kiến của mình ngay.

— Thường thường, những người sinh cùng thành phố đều ít nhiều có biết nhau. Dù sao, họ cũng có nghe nói đến nhau. Luôn luôn họ có thể có những người quen chung, những bà con chung, có phải không? Tôi chắc Kôletnisuc sẽ giúp anh tìm thấy African Africanôvich.

Bây giờ Đrujinin đã nói đến việc Piôt Vaxiliêvich đến thăm Kôletnisuc như một điều đã quyết định và hoàn toàn tự nhiên. Anh không hỏi ý kiến, anh nhẹ nhàng ra lệnh.

— Có tin cho biết bọn Đức và Rumani phóng thích tù binh địa phương. Anh là người địa phương. Noi sinh của anh là Ôđetxa. Như vậy anh dễ thống nhất với Kôletnisuc.

— Tôi mà nói chuyện với Kôletnisuc à? — Batsây nói, mắt lóe sáng nom thật khủng khiếp.

— Chứ sao, ít nhiều anh cũng có lý do để chuyện trò với hắn. Và lý do này có vẻ tự nhiên nhất. Hình như anh có nói với tôi là

đồ đoàn của anh còn để ở nhà Kôletnisuc thì phải.

— Phải — Batsây nói, buồn rầu. — Tôi có để ở nhà thằng chó má ấy một bộ thường phục, một đôi giày, một chiếc áo ba-đờ-xuy, bản luận án.

— Thế thì tuyệt! —Đrujinin xoa tay reo lên — Tuyệt hết chỗ nói! Vậy anh sẽ đến nhà Kôletnisuc lấy đồ đoàn.

Piôt Vaxiliêvich phát ra một tiếng ứ ấm ức và bứt rứt xoa ngón tay, má và cằm...

— Này — ông nói, giọng khản đặc — tốt hơn hết, anh đừng bảo tôi đến nhà thằng súc sinh ấy... Chẳng được việc gì đâu... Vì tôi... tôi sẽ đánh giập mõm nó mất! — Batsây bỗng hét lên, giọng run run.

— Kìa, đừng làm ồn chứ! — Misa nói.

— Cam đoan, tôi sẽ đánh giập mõm nó! — Batsây nhắc lại chắc nịch, giọng ấm ức.

— Chưa chắc — Đrujinin lạnh lùng nói và cắn móng tay.

Còn Misa thì khua khua bàn tay, quay mình sang phía khác, cố tìm cách ngồi cho vững trên ngọn núi đá nhọn hoắt.

Piôt Vaxiliêvich khịt mũi một lúc và trong đôi mắt long lanh phản chiếu một cách bí mật những ngôi sao buổi sáng. Đrujinin kiên nhẫn đợi cho Batsây hết khịt mũi rồi mới bình thản nói tiếp:

— Vậy anh sẽ đến nhà Kôletnisuc thăm dò về việc African Africanôvich và nếu gặp may biết được điều gì, anh sẽ đi thẳng tới chỗ ông ta, hỏi ông ta về những lối ra vào hầm mộ ngay trong thành phố. Nói tóm lại, anh tìm hiểu xem, đừng có lười, quan trọng lắm đấy.

— Tôi sẽ đánh giập mõm nó! — Batsây buồn rầu nói.

Đrujinin im lặng cắn móng tay một lúc rồi nói tiếp:

— Chắc chắn ông African Africanovich Xvêlôviđôp là một

người tốt. Nhưng dù sao cũng phải hết sức cẩn thận. Phải thấy rằng bọn chiếm đóng bắt cả những người chỉ vì đã dùng chữ "hầm mộ". Đối với chúng, đó là một danh từ ghê gớm, đáng ghét... Chúng tôi sẽ đợi anh trong ống dẫn nước...

16

Piôt Vaxiliêvich đi trên phố Ribat cũ và cố hình dung mình bằng con mắt người khác: nói cho cùng, con người có tuổi ấy là ai, mà trông bề ngoài gần như còn trẻ, với cái quần dạ màu kem, chiếc sơ-mi Ukren không thắt cà-vạt, cây ba-toong bằng tre lớn tướng vác trên vai móc thêm chiếc áo xanh ở đầu thế? Ông không sợ người khác để ý vì một điểm gì không thật đi đôi với bộ quần áo, vì cách hút thuốc, hay dáng đi của mình sao? Bao nhiêu, lần ông đã ra đi dưới những hình thức khác nhau để làm công tác cho Đrujinin và lần nào ông cũng đều có cảm giác bực dọc. Ông liếc nhìn vào các tủ kính, thậm chí có lần đã đứng lại trước một tấm gương mờ của cửa hàng, ngắm nghía một lúc gương mặt rám nắng, và cạo nhẵn rồi, với một cái lược túi, ông sửa lại mái tóc ướt vì mới tắm và hất ra sau, mái tóc đen đã lấm tấm hoa râm. Một công chức xô-viết cũ, sau khi may mắn đã lọt qua tất cả các cuộc kiểm tra, tất cả các đợt đăng ký và hiện nay cộng tác yên ổn với bọn Đức và Rumani, một tên phản quốc, một tên bị mua chuộc, một tên tiểu tư sản, một tên ăn hại? Hay là một tên bạch vệ cũ, sau nhiều năm sõng lưu vong, cuối cùng quay về với thành phố quê hương? Một tên buôn lậu nhỏ không tổ quốc, không lý tưởng, không danh dự, mà cũng không lương tâm, một con người suốt đời chỉ biết có một điều: cuộc sống cá nhân khốn nạn và nhỏ bé. Batsây không cam tâm mang bộ mặt đó. Nhưng không phải bộ mặt đó đang điều khiển cuộc sống

Piôt Vaxiliêvich trong lúc này. Lý trí phải gánh lấy tất cả trách nhiệm về sự cải trang nhục nhã này.

Batsây theo thói quen nheo mắt nhìn vào gương. Phải, ông có thể đi lọt. Không thể nói là ông đã hoàn toàn hòa vào cảnh vật, nhưng dù sao, ông cũng không quá nổi bật. Ông không làm chướng mắt và không gợi nghi ngờ.

Có một cái gì quá tỉnh nhỏ, thậm chí quê mùa trong các cửa hàng xô-viết cũ kia, nay chuyển thành những cửa hiệu nhỏ của tư nhân với những hàng hóa thối nát, bạc thếch của Đức và Rumani. Nhà cửa không bị oanh tạc nhiều lắm, nhưng một vài tòa nhà lớn lại đổ nát, cỏ dại mọc đầy, nên nhìn toàn cảnh đường phố, mới đây còn giàu có đẹp đẽ, có những khoảng trống hoác rất chướng mắt.

Rất ít người quá lại; trên mặt đường lát đá, không phải trên vỉa hè, họ đẩy những cỗ xe đóng lấy chất đầy đồ dùng trong nhà và bàn ghế. Họ đi vội vã, bước thấp bước cao, đầu cúi xuống và cổ không nhìn sang hai bên đường. Tiếng những bánh xe con bằng sắt kêu kẽo kẹt nghe thật não lòng. Chỉ nghe tiếng kẽo kẹt của ăn mày ấy cũng phát điên lên được. Đó là tiếng kêu đau khổ của nhân loại bị bóp nghẹt, tiếng kêu đày đọa của kiếp người nô lệ và đó là cả một sự trái ngược khủng khiếp với vẻ quyến rũ của buổi sáng tháng tám rực rỡ này!

Thật là một buổi sáng nên thơ, một buổi sáng tập trung tất cả sức sống của mùa hạ miền nam, báo hiệu một mùa thu mơ mộng và vàng rực đã óng ánh khắp chung quanh, suốt dọc bờ biển, trên những đám rạ mới cắt, những vườn dưa và những vườn ngô chín vàng.

Bóng những cây dạ hợp dày đặc nổi bật trên vỉa hè mòn cũ và trên mặt đường đá gồ ghề từ lâu không được sửa chữa, phủ đầy rác rưởi mùa thu, vỏ dưa vàng úa, hạt nho, lõi ngô khô. Xa xa, đằng cuối phố, Nhà hát thành phố với những ngọn đèn lồng bằng gang bao quanh, tuy đẹp, nhưng có một vẻ buồn chết chóc, được chiếu sáng một bên bởi một ánh đèn sáng gắt nên trông

càng có vẻ buồn và chết chóc.

Đây đó, ở các ngã tư, người ta đã xây những boong-ke, những khối bê-tông thô lỗ còn in dấu cốp-pha, những cửa sắt với một cái sườn sắt gỉ, rất rõ trên mặt bê-tông Đức màu xám xanh. Những khẩu liên thanh trong lỗ châu mai giám sát bốn phương trời, bất cứ lúc nào cũng sẵn sàng biến những đường phố rợp bóng thành những không gian "chết".

Màu đen gần như sờ được của chết chóc hòa với bóng mát dày đặc của những cây dạ hợp, không khí hừng hực như đượm một mùi thối ruỗng thoang thoảng, lờ lợ, ngửi muốn ngất được.

Piôt Vaxiliêvich bước đi, răng cắn chặt mà không hay, mắt liếc nhìn chiếc nhẫn cưới to lấp lánh ở ngón tay rám nắng. Đó là một ngón tay hơi nhăn với một vết sẹo cũ, một ngón tay thô kệch của người có tuổi. Chiếc nhẫn cưới bằng vàng, không hợp với ông tí nào. Piôt Vaxiliêvich không bao giờ đeo nhẫn cưới. Nhưng Đrujinin, khi phái Batsây đi, đã khuyên ông đeo một chiếc nhẫn cưới. Nó gắn liền với nhân vật mới mà ông đang đóng. Nó có một vẻ lỗi thời rất khó tả. Piôt Vaxiliêvich luôn luôn cảm thấy nó ở bàn tay như một vật rất xa lạ. Ở nó, có một cái gì khó chịu, giả tạo, bực mình, như một bộ tóc giả, một bộ râu mép giả, hay một cái kính râm kẹp mũi. Nó bắt ông bất đắc dĩ phải nhớ mình là chồng, là cha và là chủ gia đình.

Và bỗng ông thấy xót xa, da diết nhớ đến gia đình, đến vợ, đến Pêchya. Giờ này họ đang ở đâu, có gì không may xảy ra không, họ có còn sống không?... Nghĩ tới gia đình, Piôt Vaxiliêvich lại hình dung thấy rõ Liên bang xô-viết đang quằn quại dưới những nanh vuốt phát-xít xâm lược. Đúng là chúng không như một năm về trước nữa. Chúng không vươn khắp nơi nữa. Chúng không bò lan tới Lêningrat và đã bị chặn đứng lại trước thành phố vô địch. Chúng đã phải co lại, không tới được Mạc-tư-khoa, và đang bị Hồng quân đánh cho những đòn chí mạng. Chúng đã phải dừng lại gần Tula. Nhưng với những lực lượng còn lại, chúng tiếp tục bò xuống phương nam về phía đông.

Batsây đi trong phố Risơliơ. Trước mặt, ông trông thấy cái mái tròn của Nhà hát thành phố và trên đầu, giữa bầu trời xanh biếc, một đám mây lớn sáng rực như một khối phấn. Xa hơn nữa, ở đàng kia, là bến cảng với vịnh biển, và phía bên kia vịnh là con sông Đôfinôpka màu hồng, với những ruộng rạ vàng ruộm và những tảng đá lát màu tím trên bờ biển xa.

Xa hơn, ngọn Krimê với những di tích màu trắng của thành Xêvaxtôpôn, và những đám ruồi xanh trên những đống rác mà cỏ dại đã mọc phủ um tùm. Và xa hơn nữa, thành phố Kecsơ bị chiến tranh hủy hoại, với những di tích của thành Nôvôrôxich, với những cái vòi đen của quân phát-xít đang bò từ từ qua các thung lũng đá vùng Kôkaxơ về phía Baku và cao hơn nữa, xuyên qua những thảo nguyên bị giày xéo của miền Kubăng, xuyên qua các vùng đất sông Đông, về phía sông Vôn-ga, Xtalingrat...

Một cảm giác cô đơn nặng nề, khó chịu bỗng xâm chiếm tâm hồn Piôt Vaxiliêvich. Ông bỗng thấy mắt tối sầm lại. Ông vẫn bước thẫn thờ như thế một lúc lâu. Tai ông ù ù, và qua tiếng vo vo, nghe không biết những tiếng gì như tiếng sắt: ở phố Trôtxkaia, người ta đang gỡ đường tàu điện vứt lên xe tải. Địch đang cướp phá thành phố.

Bỗng Batsây giật mình tập trung ý chí, vùng khỏi trạng thái tê mê. Ông giẫm mạnh chân và suốt một lúc lâu bước thật vững vàng, môi mím chặt, hai mắt nheo nheo. Nếu lúc đó có ai trông thấy vẻ mặt của Piôt Vaxiliêvich, chắc chắn họ phải tránh sang một bên nhường lối cho ông, vì gương mặt thiểu não, thông minh, khổ sở của ông lúc này đang co giật trông khủng khiếp quá.

Nhưng đường phố vắng tanh. Rõ ràng là làn sóng quân đội Đức hàng ngày từ thành phố chuyển ra mặt trận vừa mới rút xuống.

Các bảng cáo thị của bọn phát-xit, mệnh lệnh, thông báo dán ở các góc nhà, ở cột áp-phích, ở những mảnh tường đổ, đã vàng khè vì nắng làm nổi bật thêm tình trạng vô chủ ở khắp nơi.

Thành phố, mặc dù đã được coi như bị chiếm đóng lâu dài, vĩnh viễn cắt khỏi Liên bang xô-viết, vẫn có dáng dấp của một tên du đãng. Đây là một thành phố nằm sâu trong hậu địch, bị bỏ quên, cách xa các đường giao thông trực tiếp của quân đội, đi xuyên qua về phía đông với tất cả các đoàn xe, tàu hộ tống, bãi pháo và chỉ huy sở dã chiến. Hiện giờ, các sở phản gián và các cơ quan dân sự của tên vua Misen là những chủ nhân, không chắc chắn lắm, chỉ mải mê với chuyện cướp bóc. Tuy bản thân không tin tưởng, nhưng chúng cũng cứ đóng vai những kẻ chiến thắng và những tên thực dân trên mảnh đất xô-viết cướp được mà chúng huênh hoanh gọi là "Trannixtri".

Chắc kẻ phát minh ra cái tên này đã tự coi mình là Xêda và vùng Ôđetxa, cũng na ná như nước Gônlơ ngày xưa...

— Thôi đi! — Piôt Vaxiliêvich lẩm bẩm, tức bực — Trannixtri! Đồ La-mã cải trang!

Ông hình dung thấy rõ lạ lùng tính chất huênh hoang và sự ngu xuẩn lố bịch của ý đồ ngông cuồng phát-xít này! Xâm chiếm, chinh phục rồi biến quốc gia xô-viết thành thuộc địa. Bỗng ông có một lối nhìn và suy nghĩ mới về cái thành phố ông đang nện bước trên những mặt đường lát đá.

Bày giờ thành phố đối với ông không có vẻ xa lạ nữa. Ông chỉ bị tước đoạt mất nó đi thôi. Nhưng dù có bị tước, nó vẫn rất thân thiết với ông, thân thiết một cách da diết, có lẽ còn thân thiết hơn bao giờ hết. Batsây lại cảm thấy linh hồn của thành phố quê hương. Nhưng hiện giờ, cái linh hồn đó cũng không tỏa ra công khai. Người ta cảm thấy nó ở khắp nơi, nhưng lại vô hình như đội mũ thần.

Batsây là một phần nhỏ của cái linh hồn bất tử ấy. Bản thân ông cũng đang đội mũ thần và bước ngang nhiên, không sợ sệt, giữa cái thành phố hoàn toàn của ông. Ở đây, trên đường phố này, trong phút này, chính ông, chứ không phải một người nào khác, mới là chủ nhân thực sự. Ông là lương tâm, là danh dự, là quan tòa duy nhất, là hiện thân của chính quyền xô-viết.

Batsây đã hành động theo bản năng, không hay biết, giống như Đrujinin trong những trường hợp tương tự, không sợ hãi, quả quyết, với đầy đủ ý thức về quyền chính đáng, về sức mạnh tinh thần, vê ưu thế của mình đối với địch, về lòng khinh ghét sâu sắc đối với chúng.

Phải, ở đây ông là chủ. Và ông đang bước, vững vàng trong thành phố quê hương với tư cách chủ nhân, cảm thấy dưới chân mình những phiến đá nhỏ bằng phún thạch màu xanh, quen thuộc từ nhỏ, kêu vang như gang lát trên hè phố.

Đi khỏi cái cửa hàng lớn nhiều tầng bị đổ nát, nom như một tòa Côlizê nhỏ, mà qua những lỗ hổng bầu trời hiện ra xanh xanh lạc lõng, Piôt Vaxiliêvich cuối cùng rẽ vào phố Ribat.

17

Batsây đã đi tới góc phố Katêrin đệ nhị. Đây là cái ngã tư nổi tiếng, nơi mà trước Cách mạng có những cái bàn con màu xanh của bọn buôn bạc và những chiếc ghế đẩu của những người hàng hoa.

Hồi nhỏ, khi nào Piôt Vaxiliêvich phải đi vào trung tâm thành phố, ông luôn luôn tìm cách dừng lại ở góc phố Katêrin đệ nhị và phố Ribat, trước nhà Vane để nhìn bọn buôn bạc.

Không có gì để xem ở phía những người hàng hoa cả. Họ chỉ bán hoa. Với những cái khăn đan màu xám, bắt chéo trên ngực và buộc ở sau lưng, họ ngồi trên những chiếc ghế dài nhỏ, hoa để bên cạnh, trên những chiếc ghế dựa hay ghế đẩu. Những bông hồng ướt bơi trong chậu thau xanh, những bó huệ và lay-ơn cắm trong xô men, lại có những giọt nước, long lanh liên lục nhỏ xuống. Nom thật lịch sự, đẹp đẽ vô cùng. Nhưng cũng nhu

tất cả mọi vẻ đẹp thực sự, mọi vẻ đẹp tự nhiên, cái cảnh một khối hoa tươi rực rỡ chỉ gợi cho ông một sự thích thú bình dị, không kích thích tí nào trí tưởng tượng, và gần như không làm ông chú ý.

Bên cạnh hoa, sự có mặt khó hiểu và tự nhiên của bọn buôn bạc càng có vẻ lạ lùng và đáng lo ngại. Cậu bé Pêchya hồi đó không thể nào hiểu được có cái gì ở đấy?

Bọn buôn bạc ngồi trước những bàn con màu xanh, trong những cái ghế bành rách nát, ở lưng ghế buộc những chiếc dù vải lớn. Đó là những lão già mặt khoằm khoặm, mũi diều hâu. Những con mắt sắc lấp lánh xuyên qua hàng lông mày rậm. không kể mùa nào, đông cũng như hè, họ quấn áo choàng Êcôt và đội mũ bồ đài đã mất hết tuyết. Từ mớ áo rách đó thò ra những bàn tay xương xẩu. Bộ móng cú vọ của họ co quắp chạy trên cái mâm, lựa chọn và xếp lại thành chồng, thành đống tiền bạc và tiền đồng.

Nhưng không phải là tiền thông thường. Đó là tiền nước ngoài. Đó là thứ tiền mà, vì một lẽ nào đó, người ta gọi là Valuyta; nó có cái tài hết sức lạ lùng, thậm chí có thể nói là tai hại, thay đổi giá trị trong việc đổi chác. Có khi nó cao vọt lên và có khi nó bỗng hạ xuống!

Thứ tiền kêu lanh canh đó bay trên những ngón tay lanh lẹ của bọn buôn bạc, vang lên không gian một điệu nhạc gian dối, nhẹ nhàng, khô khan, khó hiểu. Cậu bé Pêchya hồi đó trố mắt nhìn đồng valuyta, ngạc nhiên trước tình trạng phức tạp khủng khiếp đó.

Ở đây chẳng thiếu một loại tiền gì! Hình như tất cả các nước trên thế giới đã gửi tiền của mình đến đây, để trên những ngón tay của bọn buôn bạc, nó lên giá trong nháy mắt, rồi xuống giá và lại lên giá, tuân theo một quy luật đen tối của "thời giá" đang ngự trị dưới bóng những cái dù vải khủng khiếp.

Chỗ này đang ánh lên những đồng Thổ-nhĩ-kỳ và Ý, đàng kia những đồng frăng Thụy-sĩ và Pháp đang vang lên thanh nhã, ở

đây đang tung bay những đồng xu Mỹ, đồng si-linh Anh và một loại tiền nho nhỏ Trung-quốc có lẽ ở giữa, xa hơn nữa, những đồng Nhật-bản đang quay tròn, những đồng minrâu Brêzin chồng cao thành cột, những đồng ralsmơ Hy-lạp, đồng đina Xecbi, đồng lây Rumani, đồng lêva Bungari, đồng pêzơta Tày-ban- nha, đồng rupi Ấn-độ chất thành cọc. Tiền nước nào mang quốc huy của nước đó, chữ thập, con sư tử, một người phụ nữ, một cái đầu vua, một chữ tượng hình hay một dấu hiệu hoàn toàn khó hiểu như con dấu Ôman Thổ-nhĩ-kỳ giống hệt vết ngón tay cái.

Hồi ấy, Pêchya nghĩ đó không phải là bạc, không phải là những đồng tiền, mà chính là bản thân các Quốc gia, với tất cả những quốc huy, huân chương và ảnh chụp nghiêng của vua chúa đang lấp lánh và đang đánh nhau như những con bài trên cái mâm xanh của tay buôn bạc với mục đích để lại một phần của cái của họ cho những bàn tay móng cú vọ nhanh nhẹn, khô cằn, và tham lam kia.

Thỉnh thoảng có người lại gần bàn để đổi valuyta. Thông thường nhất, là những thủy thủ trên các tàu nước, ngoài. Họ quẳng lên bàn một đồng và lấy lại một đồng khác. Qua vẻ mặt giận dữ của họ, thì họ đã nhận được ít hơn, so với số họ bỏ ra. Họ lầm bầm chửi rủa.

Đôi khi một thủy thủ đập tay xuống bàn. Thế là tất cả bọn buôn bạc như một bầy cú xù lông quay đầu về phía anh ta và đồng thanh kêu lên the thé lời nói muôn thuở:

— Đó là thời giá! Thời giá! Thời giá!

Và lời nói đó đã làm người thủy thủ dịu xuống. Anh ta bỏ đi, tay thọc sâu vào túi, đầu cúi xuống dưới cái mũ nồi có ngù đỏ, không hiểu ra thế nào nữa. Vì đâu anh đã nhận ít hơn số anh bỏ ra?

— "Quân lừa bịp!" cậu Pêchya hồi đó lầm bầm, không biết rõ tại sao đã gọi chúng là tụi lừa bịp, nhưng căm ghét bọn buôn bạc đến tận xương tủy, và điệu nhạc nhẹ nhàng khô khan của dòng

valuyta bay lượn trên những ngón tay lanh lẹ của chúng!

Do đó góc phố Ribat và phố Katêrin đệ nhị, suốt đời đã khắc sâu vào trí nhớ của ông như một nơi mà hoa đẹp với đồng valuyta lừa bịp, khủng khiếp, và khó hiểu hòa lẫn vào nhau một cách kỳ lạ.

Sau Cách mạng tháng Mười, trong thời kỳ chính quyền xô-viết, bọn buôn bạc đã biến mất. Chỉ còn lại những người hàng hoa, và lúc này, còn nhiều hoa hơn cả ngày trước. Bàn xanh đã biến mất cũng như ghế bành, với những chiếc dù vải rùng rợn. Vì lẽ công bằng, vì quyền của cái đẹp, vị trí của chúng đã bị các thùng hoa chiếm lĩnh với những bó cẩm chướng kép đỏ, ướt đẫm sương mai và tỏa ra một mùi hương cay cay của hương liệu, như mùi hạt tiêu. Những bó cúc xanh, cúc đại đóa, những cành thược dược mẫm, những hoa ca-na màu lửa, những hoa kim liên, và các loại hoa hồng: hồng tươi, hồng nhạt, hồng nhung, hồng bạch hay hồng vàng, như đang ca ngợi cái thiện đã thắng cái ác và đang cháy rực như những đống củi nó ở nơi mãi mãi đã bị bọn buôn bạc làm mất cả vẻ tôn nghiêm.

Nói cho đúng, bọn buôn bạc đã nhiều lần quay lại. Chúng đã quay lại mỗi lần chính quyền xô-viết mất đi. Chúng sống lại ở địa điểm cũ, ở góc phố Rihat và Katêrin đệ nhị, đối diện với nhà Vane, như nấm độc gần cái gốc nguyên thủy.

Trong quá trình thời gian, chúng đã thay đổi hình dạng. Trong thời kỳ Đức xâm lược năm 1918 và thời Đênikin, chúng vẫn giữ cái vẻ như trước cách mạng: bàn xanh, ghế bành rách và dù vải. Nhưng trong thời kỳ can thiệp của mười bốn nước đã có một nhóm buôn bạc hoạt động ở góc phố Ribat và Katêrin đệ nhị, lảng vảng chung quanh nhà Vane, tay cầm những tờ sặc sỡ như những cỗ bài lá. Trong giai đoạn ngắn của chính sách Tân kinh tế, chúng không dám ra ngoài phố. Tay xách két con, mình mặc áo choàng kiểu Tônxtôi, chúng tụ tập trong cái sân rộng mênh mông của nhà Vane thành những đám đen sau song cửa và di động bí mật trong các hành lang, lắc leng keng những đồng tiền vàng mười rúp của thời sa hoàng và vuốt sột soạt

những đồng vônxu mới bằng giấy. Về sau, chúng đã biến hẳn và hình như vĩnh viễn.

Piôt Vaxiliêvich đã đi tới cái góc phố nổi tiếng của phố Ribat và phố Katêrin đệ nhị. Nếu không kể lần ông đi qua đó, lúc hoàng hôn, cải trang thành anh nông dân Rumani bị Đrujinin đóng vai một tên S.S. áp giải, thì đã đến hai mươi năm nay, ông chưa tới góc phố này. Ông tưởng sắp trông thấy những bó hoa lộng lẫy tháng tám, rực rỡ đến nỗi khắp xung quanh — vỉa hè rộng trải nhựa, tường của ngôi nhà ở góc phố, các tủ kính — tất cả sẽ sáng rực lên như dưới ánh một bếp lửa lớn. Thậm chí ông còn định dừng lại một phút và nheo mắt thưởng thức cái thú trước mắt, như mỗi lần ông tới gần góc phố nổi tiếng đó.

Nhưng, góc phố trống không, trơ trụi, không còn cái vẻ đẹp chủ yếu và duy nhất của nó là hoa. Nó cũng xơ xác, cũng bị ruồng bỏ như những góc phố khác của thành phố bị mạo phạm và cướp phá. Trên một bức tường cũ loang lổ treo một tấm biển men mới tinh viết bằng hai thứ tiếng, tiếng Nga và tiếng Rumani "phố Ađônfơ Hitle". Đây là một góc phố tồi tàn. Sự tồi tàn càng nổi bật vì trên vỉa hè có một cái vỏ đồ hộp và hai cành hoa cối xay của một bà già đem bán; bà để đầu trần, mặc bộ quân phục Áo, ngồi với số hàng đem bán trên một cái ghế dài nhỏ cổ truyền. Ngoài cái hộp sắt lấy đựng hoa cối xay ra, ở chân bà ta, còn có một mảnh gỗ dán trên để vài quả lê vàng, loại gọi là lê chanh. Có một vẻ gì buồn bã khủng khiếp, tuyệt vọng, trên mấy quả lê con, bị những tia nắng vàng của một vầng mặt trời cô đơn xuyên qua, vừa hết sức chói chang vừa không có sức sống.

Ở đây cũng thế, không có bàn xanh, cũng không có dù vải. Nhưng gần cửa song sắt nhà Vane, có những thanh niên mặc áo màu be dài đến tận đầu gối, đeo nhẫn triện ở ngón tay, với những mái tóc dài hất ra đằng sau. Piôt Vaxiliêvich chưa kịp nghĩ đi qua đây có nguy hiểm gì không, hay tốt hơn hết đừng đi qua đấy, thì một trong những thanh niên đó, mũi bóng nhẫy và đầy những nốt tàn hương, tóc xanh lông quạ, như màu ô-liu, tay

chắp sau lưng, đã đi sát vào ông, một lối đi êm của mật thám, và vừa đi vừa nói lầm bầm:

— Livrơ, đôla, frăng Thụy-sĩ!

A, ra chúng thế đấy. Chúng chỉ là những tên buôn bạc, những tên buôn tiền thông thường. Chúng đã sống lại lần nữa ở cái chỗ tai họa này, nhưng chỉ mang một lớp vỏ mới thôi. Piôt Vaxiliêvich nhăn mặt lại và lắc đầu. Tên trai trẻ có cái mũi bóng nhẫy, õng ẹo, nheo mi mắt, và để lộ ra một cái răng vàng.

— Lia Thổ? Raisơmac?... — Hắn nheo mi mắt mạnh hơn, làm bộ quay đi rồi thì thầm một cách quyến rũ, hay đúng hơn rít lên theo kiểu sân khấu: Secvônxư xô-viết?

— Nein — Piôt Vaxiliêvich gầm lên, tự mình cũng ngạc nhiên là đã thốt ra bằng một tiếng Đức oai vệ, hách dịch. Zum Teufel! Spekulant! Hinaus!

Đấy là tất cả những tiếng Đức trong cái vốn khá nghèo nàn của ông mà trí nhớ đã giúp ông trong giây phút đó lôi ra được. Nhưng như thế là đã quá đầy đủ. Tụi thanh niên như đã bị gió thổi bạt đi. Những cái lưng còng còng, những cái gáy, những mái tóc bóng nhẫy hất ra đằng sau, những đôi giày vàng đế cao su, tất cả đều bỏ trốn. Người ta nghe thốt lên: “Excusez Pardon[9]” Tôi xin lỗi! Rồi góc phố Ribat và Ađônfơ Hitle lại trở lại vắng vẻ, chỉ sau song sắt nhà Vane còn thấy nhốn nháo một lúc nữa thôi.

— Sher gut! — Batsây nghiến răng nói và nháy mắt vẻ hơi tinh nghịch, như Đrujinin trong trường hợp như vậy,

Ông đi vài chục bước trong phố Ribat vắng vẻ và nhìn thấy cửa hàng đồ cũ của Kôletnisuc.

Trông quang cảnh bên ngoài của cửa hàng cũng có thể biết là công việc buôn bán của Kôletnisuc không chạy lắm. Gần một năm trôi qua mà cái biển cũng không thay đổi. Một mảnh vải trắng với dòng chữ sơn xanh thô kệch. Nhưng bây giờ tấm vải đã dài ra, bẩn thỉu, chữ viết đã phai màu và chảy ra vì bị mưa.

Mặt kính của cái tủ hàng duy nhất bụi bặm vì từ lâu không lau chùi; cũng như trước kia, nó nham nhở đường nứt và lỗ thông do mảnh đạn và ít nhiều đã được bịt lại bằng đinh gỗ. Trong tủ, cũng như trước kia, hàng hóa gửi bán để bề bộn, bị nắng nên đã bạc hết màu. Tấm cửa sắt trước tủ hàng bị bom nổ quăn lại không hoạt động được nữa và miếng vải trắng rách lủng lẳng, như một mảnh giẻ, ở thanh sắt trên cao.

Piôt Vaxiliêvich không vào ngay trong cửa hàng. Ông đi qua đi lại hai lần, cố nhìn vào trong nhà. Ông lặp lại trong óc tấn hài kịch sắp phải đóng với tên vô lại Kôletnisuc, và cắn môi cố giữ cho tâm trí bình thản, ông sợ không đóng nổi vai trò và sẽ rất nguy hại nếu đáng lẽ đóng vai một tên đào ngũ, một thằng bẩn thỉu, ông lại đánh giập mặt Kôletnisuc ra, quẳng đi một vài bộ quần áo gửi bán rồi quay trở về suối giữa, trong ống dẫn nước. Ông lấy tay vuốt nhẹ vào má, thầm nhủ mình bằng những lời lẽ hết sức ngọt ngào là phải bình tĩnh. Cuối cùng, ông dịu xuống, mặc áo ngoài vào và quả quyết nắm lấy quả đấm cửa bằng thủy tinh. Nhưng vừa mở cửa ra, ông chợt nhìn thấy Kôletnisuc trong cùng cửa hàng với cái cổ áo cao bằng bìa, mặc áo tuyt-xo theo kiểu ngày trước, ria mép xoắn lên như đỡ lấy hai cái má xanh nhợt. Y đứng gần bên quầy hàng, chúi đầu vào một quyển sách dày cộp. Con giận, với một sức mạnh mới, lại chiếm lấy tâm hồn Piôt Vaxiliêvich tưởng đã dịu xuống, thậm chí mắt ông còn tối sầm lại vì căm hờn.

Nhưng chậm mất rồi, không lùi được nữa.

18

Kôletnisuc không động đậy.

Ông mải đọc quá nên không nhìn thấy có người vào cửa hàng. Trên khuôn mặt nóng đỏ bừng bừng, mồ hôi chảy ròng ròng nhỏ cả xuống quyển sách để mở. Piôt Vaxiliêvich nhận thấy đó là một tập Bách khoa toàn thư của nhà xuất bản Prôxvêsêniê: Kôletnisuc đọc một quyển tự điển bách khoa. Da trán ông thu lại thành những nếp nhăn đau xót và từ từ động đậy ở bên phải bên trái, thỉnh thoảng thu lại trên chỗ chân mũi, dày trình trịch.

"Thằng đốn mạt lại đọc cả tự điển bách khoa!" Batsây nghĩ thầm, nhìn Kôletnisuc như một loại sâu bọ kỳ quái. "Đồ cặn bã! Đồ con buôn! Đồ hề! Nom cái mõm kia!"

Bộ dạng của Kôletnisuc làm ông phát tởm thật sự. Nhất là bộ ria càng có vẻ đáng ghét. Nét mặt Kôletnisuc có vẻ đần độn, ngu si, an phận: nét mặt điển hình của một tên con buôn, sau bữa ăn chiều, còn mải mê đọc cuốn Cuộc đời các Thánh.

Tuy nhiên, nếu Batsây ít nhiều có óc quan sát và không quá giận dữ, chắc ông đã phải nhìn thấy là nét mặt của Kôletnisuc không đần độn một tí nào, mà cũng không ngu si và càng không an phận. Đó là nét mặt của một người rất rủi ro, bị lường gạt, đang cơn khốn quẫn vô cùng, nó đỏ không phải vì trời nóng mà là vì tinh thần căng thẳng, vì muốn cố gắng thoát khỏi một cái thòng lọng vô hình và phải nhờ đến một quyển tự điển bách khoa như một biện pháp cuối cùng để giải nguy. Có lúc Kôletnisuc rên khe khẽ, xót xa như bị đau răng. Thỉnh thoảng, ông nhắm mắt lại, ngước mặt lên, và bập bẹ liến thoắng như cố nhớ lại một bài học cũ đã quên từ lâu.

— Hai hình thức hối phiếu là: thương phiếu hay hối phiếu và kỳ phiếu hay hối phiếu đơn giản. Thương phiếu là một tài liệu mà người xuất hối phiếu hay người phát hối phiếu nhờ một cá nhân khác hay người ký tiếp hối phiếu trả một số tiền nhất định (số tổng cộng của hối phiếu) trong một thời hạn nhất định cho một người nhất định, gọi là người được hưởng hay người chủ hối phiếu hợp pháp...

Ấp úng đọc những chữ lạ lùng đã quên mất ấy xong Kôletnisuc mở mắt ra và nhìn thấy Piôt Vaxiliêvich đang đứng ngay giữa cửa hàng, hai chân dạng ra, cái gáy sau lưng và đang chằm chằm nhìn Kôletnisuc.

Nhưng Kôletnisuc không phải chỉ không nhận ra Batsây mà còn không để ý đến ông tí nào nữa. Kôletnisuc chỉ phác một cử chỉ mang máng như mời khách chọn tất cả những gì khách vừa ý trong các đồ vật bày trên các ngăn tủ. Và qua cái cử chỉ nhớn nhác, chán chường đó, người ta có thể luận ra là việc buôn bán của nhà hàng không chạy lắm. Lướt đôi mắt đục ngầu và không nhìn thấy gì hết về phía Batsây, Kôletnisuc thở dài nặng nề rồi ngẩng mặt lên, lại ấp úng:

— Do định nghĩa pháp lý của nó, hối phiếu quy trách nhiệm cho người ký tiếp hối phiếu, trong trường hợp người xuất hối phiếu không trả... — Ông lại thở dài nặng nề rồi hạ thấp đôi mi mắt đó xuống, lặp lại như trong cơn mê sảng, trong một tiếng thở dài đau đớn: Người ký tiếp hối phiếu và người xuất... phải...

Ôi, giá Piôt Vaxiliêvich ít ra có thể nghi ngờ sự thật, nếu ông có thể đọc được những ý nghĩ, nếu ông biết được tâm trạng khổ não của người bạn già Kôletnisuc! Nhưng ông không nghi ngờ gì hết và không biết gì hết! Ông vẫn đứng ngay giữa cửa hàng, giữa vòng vây những cái ấm xa-mô-va méo mó, những cái liễn xúp bằng sứ, những cái máy hát, những chiếc xe đạp, những cái ống nhòm xem hát, những quả cầu màu vàng và cứ cố nhẹ nhàng tìm cách tự trấn tĩnh lại, ông chờ cho đến lúc tất cả những trò đó chấm dứt. Trước mặt Kôletnisuc, suốt thời gian đó, vẫn lởn vởn cái bóng ma của ngày thứ tư, cái ngày khủng khiếp, không tránh được, ngày hết hạn của thời hạn phải thanh toán hối phiếu. Ngày ấy sắp tới. Đã thứ hai rồi. Tựa vào quầy hàng, Kôletnisuc, người đầm đìa mồ hôi, đã một trăm lần, cố tìm hiểu ý nghĩ mục "Hối phiếu — Pháp lý". Ông đã quá mệt mỏi, quá rã rời nên không thể nhớ và phân tích bình tĩnh hết được những điều tinh vi trong phán lệ về hối phiếu, — trình bày bằng một thứ ngôn ngữ khoa học khô khan, với một tràng danh từ chuyên môn.

Ông lướt nhanh mắt qua những cột chữ dày đặc, rối mù, với những chữ: người phát, người hưởng, người mang, người cầm, người xuất trình, người trả, người ký tiếp, hay tiếp khoản. Ông cũng chẳng hiểu nổi đích xác ông là gì nữa: người phát, người cầm, người ký tiếp hay tiếp khoản...

Kôletnisuc như sắp phát điên lên. Ông không nhìn thấy gì hết xung quanh mình. Thêm vào đó, trước mặt ông, từ lâu, lại có một người đứng nhìn thẳng vào mặt ông, đôi mắt ánh lên một ý khinh bỉ lộ liễu, có vẻ tò mò khó chịu. Chắc là một khách hàng. Kôletnisuc, mắt không rời quyển tự điển, đã giơ tay mời khách, nhưng khách cứ đứng lỳ trước quầy hàng. Cuối cùng Kôletnisuc đã tỉnh ra và tinh thần Ngài Prôjêvenxki đã miễn cưỡng sống lại trong ông. Làm ra dáng một người tuổi tác, vô cùng đau khổ và không giấu được nỗi khổ tâm của mình, Kôletnisuc cúi gập người xuống rất duyên đáng trên quầy hàng và bắt chước giọng nói của Ngài Prôjêvenxki:

— Thưa ông, ông cần gì ạ?

Và ngay trong giây phút đó, ông nhận ra Piôt Vaxiliêvich.

19

Tuy khó tin nhưng là sự thực: đứng trước mặt Kôletnisuc một cái gậy tre sau lưng, đó là Piôt Vaxiliêvich Batsây, chính anh chàng Batsây người đã cùng với Kôletnisuc sống những ngày thú vị trước chiến tranh, mà ông đã tiễn chân ra mặt trận, và rõ ràng, cứ nhìn theo bề ngoài, bây giờ đã lộ ra là một tên đào ngũ, một thằng phản bội. Cái áo màu xanh nước biển ấy, cái quần màu kem ấy, chiếc nhẫn cưới ấy, cái gậy tre ấy, theo như Kôletnisuc thấy, vừa có vẻ thung dung đồng thời lại hơi lúng

túng, đúng là dáng điệu của một tên phản bội, một thằng vô lại... Với ai thì còn có thể không tin có một sự đê tiện như vậy được, chứ với con người kia! Thật thế gian sao lắm thằng đểu giả!

Thực tế, mấy hôm nay, Kôletnisuc gặp phải bao nhiêu vố, bao nhiêu điều đểu giả nên không còn gì có thể làm ông ngạc nhiên được nữa. Iônen Mirêa, con nhặng xanh của nhà băng, Môtsiônưkhơ, tấm hối phiếu giả, những giẻ rách và gạch thay cho vải dệt kim Leningrat, và để hoàn chỉnh tất cả là Batsây, hồng quân đào ngũ... Phải! Phải! Chung quanh ông, hình như không khi đã bị đầu độc bởi sự phản bội, ăn cắp, ăn trộm: không khí tối tăm và vẩn đục của chủ nghĩa tư bản. Kôletnisuc sắp sửa lẳng lặng rời khỏi quầy hàng, lại gần Piôt Vaxiliêvich, nhìn từ chân đến đầu một cách khinh bỉ rồi nói vào mặt: "Thế nào, đồ dơ bẩn, chào anh! Thử kể nghe, anh đã bán tổ quốc như thế nào?" Nhưng ông kịp kìm mình lại. Ông nhớ lại mình là ai và đang giữ vai trò gì.

Còn Piôt Vaxiliêvich, đứng yên trước mặt người bạn cũ, cũng đang cố kìm mình để khỏi tát vào mặt bạn. Họ nhìn nhau với những nụ cười giả dối, cố giấu nỗi căm hờn đang sôi sục trong lòng.

— Lạy Chúa, tôi đang nhìn thấy gì thế này? — Kôletnisuc lào thào thật dịu ngọt, nheo mắt lại như lấy làm thú vị và phát ra những tiếng "Chúa" và "tôi đang nhìn thấy gì?" bằng những âm thanh hết sức cầu kỳ của giọng nói miền biển. — Vậy ra đây là ông Batsây!

— Ông Kôletnisuc! — cũng với một ý thức như vậy, Piôt Vaxiliêvich vừa thốt lên vừa liếm đôi môi khô và buộc lòng phải làm cho cái nhìn giận dữ trở nên thật hiền lành.

— Tôi đi qua phố Ribat và tôi thấy gì? "Cửa hàng đồ cũ" Jorjơ "J. N. Kôletnisuc, chủ nhân". Tôi nghĩ, lẽ nào đây là Jôra Kôletnisuc của chúng ta? Hẵng vào một tí. Thế mà đúng là anh!

— Anh xem, chính là tôi!

— Này, tôi rất, rất hài lòng được gặp anh.

— Tôi cũng vậy!

Cả hai người ngập ngừng hồi lâu, rồi cùng một lúc, chìa tay cho nhau.

— Xin chào, ông bạn!

— Xin chào!

Họ bắt tay nhau rất lâu, trong lòng ghê tởm và cả hai cùng cất tiếng cười, không vui, lúng túng, tránh không nhìn nhau.

— Thế nào, khoẻ không, ông bạn? — Piôt Vaxiliêvich nói — Hiện nay anh làm gì? .

— Cũng khá, cảm ơn. Như anh thấy đấy, tôi bán nhì nhằng.

— Sao? — Batsây nói, không hiểu.

— Tôi buôn bán — Kôletnisuc nói lại, vẻ khiêm tốn, cái danh từ không hoàn toàn Nga đó, danh từ này ở Trannixtri, có một ý nghĩa bao gồm nhiều mặt buôn bán hết sức linh tinh, kể cả việc bán những cái quần cũ ở ngoài chợ nữa.

— À! Tốt, tốt — Batsây hấp tấp nói, sợ Kôletnisuc cho là mình không biết cả một động từ phổ thông đến như vậy.

— Còn anh, anh buôn gì?

— Cũng thế, tôi "buôn bán" — Piôt Vaxiliêvich nhún vai.

— Ở Ôđetxa à?

— Không, tôi chỉ mới tới đây mấy hôm nay... Plôexti — Batsây nói, bản thân cũng ngạc nhiên không biết từ đâu cái chữ Plôexti lại đến với mình. Nhưng thành phố Plôexti đã xuất hiện đúng lúc. Việc ngẫu nhiên đề cập tới nó đã dẫn Piôt Vaxiliêvich tới gần với cái nhiệm vụ mà ông phải hoàn thành và cũng vì nó ông phải đến thăm tên bất lương Kôletnisuc này.

— À, Plôexti! — Kôletnisuc reo lên — Tôi hiểu anh rồi. Dầu hỏa! Anh buôn bán trong ngành dầu hỏa!

— Một phần — Batsây nói lơ lửng — Tôi làm như kiểu đại diện cho cố vấn pháp luật của một công ty hỗn hợp dầu hỏa Bumani — Hoa-kỳ, họ phái tôi đến Ôđetxa với những nhiệm vụ rất thú vị.

Piôt Vaxiliêvich có nghe nói, mặc dù giữa Bumani và Hoa-kỳ đang ở trong tình trạng chiến tranh, ở Plôexti vẫn có những hãng buôn dầu hỏa phát đạt, và để cho điều mình tưởng tượng ra thêm phần xác thực, ông đã bịa ra, ngay tại chỗ, một kiểu công ty hỗn hợp dầu hỏa Bumani — Hoa-kỳ giống như thật và đứng đắn. Ông chưa biết chính xác sẽ ra thế nào, nhưng với bản năng của một nhân viên tình báo, ông chắc sẽ có điều bổ ích, nên cứ ra sức nói dối, thật là cả một nghệ thuật, về những món lợi kếch xù của công ty hỗn hợp của ông ở Ôđetxa, và ông ám chỉ tới những tài liệu rất chắc chắn cho rằng vùng Ôđetxa này có rất nhiều nguồn dầu hỏa tốt vào loại nhất, ông nói dối một cách hết sức phấn hứng.

— Anh nói gì lạ thế! — Kôletnisuc kêu to lên.

— Như anh đã nghe đấy!

— Thế thì ghê thật!

— Nhưng tôi van anh, tôi đã nói anh nghe điều đó với tư cách là bạn. Đừng nói với ai hết.

— Anh nghĩ tôi là người thế nào? Người của dầu hỏa Ođetxa ư! Chà ghê thật! Mắt chính quyền xô-viết để đâu?

— Ô chính quyền xô-viết! — Batsây nói vẻ khinh bỉ và tự mình khinh cả mình, ông phẩy bàn tay. — Bọn bônsêvich hiểu gì kia chứ? Nước Mỹ, thì khác.

— Nước Mỹ, phải! — Kôletnisuc thở dài — Và nước Đức... cũng.

— Cái gì "cũng"?

— Cũng là một cường quốc — Kôletniuc thốt lên — Anh không thấy sao?

— Nhưng có ai tranh cãi đâu?

— Thì đúng như tôi nói với anh.

Cả hai im lặng một lúc, cảm thấy buồn nôn như khi bị uống no nước bẩn.

— Vậy anh bảo là anh làm dầu hỏa? — cuối cùng Kôletnisuc nói, nén căm thù, nhìn Batsây.

— Loại dầu hỏa này rất giàu ôc-tan — Batsây xác nhận — Có đầy đủ lý do để nói như vậy. Chính vì cái đó mà tôi tới đây. Phải tìm hiểu tình hình và kiểm tra lại. Có những chứng cớ cho biết đến tận chiến tranh thế giới lần thứ nhất, nhiều người kỳ dị đã tổ chức cả những cuộc thăm dò đặc biệt trong khu vực Ôđetxa. Theo ý tôi, African Africanôvich có làm gì trong đó. Anh còn nhớ African của chúng ta không?

Mặt Kôletnisuc rạng rỡ lên như mỗi lần họ trao đi ký ức với nhau. African của chúng ta! Tất nhiên ông còn nhớ! Làm thế nào quên được nhà sử học, và người giáo sư kỳ dị ấy, một người không hề có mảy may ác ý, hiền lành nhất, thông minh nhất, một người hăng say với chuyên môn của mình, và cứ mỗi mùa hạ lại tổ chức những cuộc khai quật khảo cổ dưới Ôđetxa, trong các ngôi cổ mộ xi-tờ và tại các trại của người tiền sử!

— Chắc ông cụ đã ăn đất từ lâu rồi! — Piôt Vaxiliêvich nói lơ lửng.

— Anh phải biết là ông cụ vẫn sống nhé.

— Anh nói gì lạ thế? Ông cụ bao nhiêu tuổi rồi.

— Bảy mươi nhăm. Một cụ già còn khỏe mạnh — Mắt Kôletnisuc trở nên nồng nàn.

Ông lấy làm thích thú khi nói tới African Africanôvich. Vì cụ là một nhân vật tiếng tăm ở Ôđetxa, cũng như đài kỷ niệm công tước Risơliơ hay cung điện Vôrônxôp vậy. Trong khoảnh khắc, Kôletnisuc nhớ lại trường trung học, thời niên thiếu, các bạn hữu. Một tia sáng vàng rực xuyên qua tâm hồn đang hoang

mang của ông, và làm cho nó ấm hẳn lên. Trong khoảnh khắc, ông quên hết những điều bất hạnh, sự khủng khiếp của tình thế, nỗi buồn phải xa cách Raitxa Lvôpna, tờ hối phiếu giả... Nhưng liền ngay đó, mặt ông lại sa sầm xuống.

— African của chúng ta đã gặp điều không may — Ông thở dài nói.

— Có việc gì thế?

— Cụ không chịu được bọn chiếm đóng. Cụ không chịu dạy ở trường Đại học theo chương trình của chúng. Còn chúng, anh thử tưởng tượng xem, chúng đã xua đuổi cụ như một con chó! Và anh có biết hiện giờ cụ làm gì không? Anh sẽ không tin được đâu. Cụ gác cổng ở viện Bảo tàng. Một người gác cổng bình thường với mười lăm mác mỗi tháng. Anh nghĩ thế nào?

Kôletnisuc đã chua xót nói lên những lời đó, nhưng ông chợt tỉnh lại, biết mình đã quá lộ liễu không đóng đúng vai trò của mình. — Nhưng... — ông vội vàng nói thêm, giọng rất vững vàng và vuốt bộ ria mép rậm — nhưng tôi không bào chữa cho ông cụ đâu, cụ African của chúng ta, vì cụ đã tỏ ra hết sức thiếu trung thực... Hừ... phải... hết sức thiếu trung thực — Kôletnisuc nghiêm khc, nhưng đồng thời cũng khúm núm, nhìn Piôt Vaxiliêvich có vẻ như lại bị uống no nước bẩn. Bỗng mắt ông đờ ra, mờ đi, trên mặt nổi lên những chấm đỏ và hai tay bíu vào quầy hàng như người sắp ngã.

Có tiếng kẹt cửa, một nhân vật đội mũ nan, cắp cặp, đã bước nhanh vào cửa hàng, kéo riêng Kôletnisuc ra và hai người nói chuyện với nhau bằng tiếng Rumani.

— Bunà Ziùa, Kôletnisuc.

— Bunà Ziùa,Plôrexcô.

— Ce maif aci?

— Multumesc.

— Aveli de gind sa aclìtitati datoria.

Batsây không tin vào tai mình. Kôletnisuc nói rất thạo tiếng Rumani. Hắn học từ bao giờ, lạy Chúa! Kôletnisuc có thể có việc gì với thằng ăn cắp hiển nhiên kia, mà thỉnh thoảng nó lại làm lấp lánh những hạt kim cương giả và vỗ vào chiếc cặp của nó thế? Không ngờ Kôletnisuc lại sa ngã đến thế! Chắc chắn không bao giờ hắn đứng lên được nữa rồi. Hắn đã thật sự trở thành một tên con buôn dòng dõi, điều này không còn nghi ngờ gì nữa. Lúc này chúng đang bàn tính những chuyên buôn bán lừa đảo gì đây.

Đáng tiếc là Batsây không biết tiếng Rumani. Nếu biết, ông đã hiểu người đội mũ nan kia là một tên đao phủ, và Kôletnisuc chỉ là một nạn nhân vô tội.

Dịch ra tiếng Nga, câu chuyện có nghĩa gần như thế này:

— Chào ông Kôletnisuc.

— Chào ông Piôretxcô.

— Ông có được khỏe không?

— Cảm ơn.

— Ông định trả chứ?

— Ông Flôretxcô, ông nên rộng lượng cho! Ông làm tôi phá sản mất!

— Việc đó không liên quan gì đến tôi. Tôi muốn biết ông có trả hay không? Hôm nay là ngày thứ hai, mai thứ ba, ngày kia thứ tư. Nếu thứ tư, trước khi Phòng chứng khoán đóng cửa, tôi không nhận được tiền của ông, tôi sẽ khiếu nại về hối phiếu của ông, và xin phát mại cửa hàng, nhà ở, với tất cả tài sản của ông.

— Ông Flôretxcô!

— Tôi đã nói hết. Xin chào...

Tên Flôretxcô chỉ khẽ nâng chiếc mũ nan lên và lần này, để từ biệt, không cả thèm ném ra những ánh chớp kim cương từ dưới cặp lông mày đen độc ác, đóng sầm cửa lại. Kôletnisuc im thin thít, mắt mờ ra nhìn sững theo hắn. Mồ hôi chảy ròng ròng trên bộ mặt nóng bừng như lửa.

— Ông có thấy gì không, thưa ông? — Bất thình lình Kôletnisuc nói với một nụ cười hung dữ. Ông đang ở trong một tâm trạng hết sức hỗn loạn nên quên mất trước mặt mình là Piôt Vaxiliêvich, chứ không phải một "ông" nào cả... Nhưng ông trấn tĩnh lại ngay, nhận ra Piôt Vaxiliêvich và cảm thấy xấu hổ quá. — Tôi bị mất trí, xin lỗi... — ông nói, vẻ thiểu não — Lạy Chúa, thật không ngờ! Ăn trộm ngay giữa ban ngày!

Mặc dù trong giây phút này, Kôletnisuc có vẻ đáng ghét nhưng cũng gây cho Piôt Vaxiliêvich một cái gì như lòng thương hại.

— Có việc gì thế?

Quên mất hiện nay thực tế họ là những kẻ tử thù, Kôletnisuc kể cho Piôt Vaxiliêvich toàn bộ câu chuyện hối phiếu, nhưng cũng bỏ qua khá nhiều chi tiết.

— Anh biết cho — Kôletnisuc nói, hai tay vò đầu — đó là hối phiếu giả mà vì một lẽ nào đó tôi phải thanh toán. Nếu tôi không thanh toán, toàn bộ tài sản sẽ bị đưa ra bán đấu giá. Anh là luật gia, Pêchya, có lẽ anh cũng biết chút ít chứ?

— Phải, có gì mà không hiểu, ông anh? Anh đã ký vào sau hối phiếu phải không?

— Phải, ký vào sau...

— Anh đã ký tên anh?

— Đúng thế. Tên tôi. Vì tôi tưởng người ta làm như vậy. Môtsiônưkhơ bảo người ta cũng làm như vậy.

— Nó đã nói đúng với anh, người ta cũng làm như vậy.

— Anh thấy chưa!

— Tôi chưa thấy gì hết. Ngoài chữ ký ra, anh có viết gì lên hối phiếu nữa không?

— Xin thề, tôi không viết gì thêm nữa! Trước cây thánh giá thật! — Kôletnisuc hét lên và xúc động mặt tái đi — tôi mà nói sai, xin không bao giờ ra khỏi đây nữa!

— Thế thì, anh sai! Phải viết thêm cạnh chữ ký: "Về phần tôi, không chịu trách nhiệm".

— Về phần anh... không chịu trách nhiệm — Kôletnisuc lẩm bẩm, không hiểu, trên mặt lại nổi lên những chấm đỏ.

— Không phải về phần tôi, về phần anh!

— Đúng, tôi cũng nói "về phần anh".

— Thôi được, với anh, thế nào cũng như nhau cả. Vậy mà cũng tự nhận là "nhà buôn"! Tôi không hiểu được anh buôn bán như thế nào! — Piôt Vaxiliêvich nói một cách ranh mãnh. — Tôi nói anh nghe, đáng lẽ anh phải viết: "Về phần tôi, không chịu trách nhiệm." Như thế nghĩa là gì? Như thế nghĩa là người ký, khi viết thêm vào tên mình câu ghi chú "về phần tôi, không chịu trách nhiệm", trút hết trách nhiệm. Còn anh, anh đã không viết. Thế nghĩa là anh không trút được trách nhiệm. Và bây giờ, anh phải thanh toán. Đó là pháp luật sắt của chú nghĩa tư bản.

— Thế thì, trong trường hợp này, tôi hoàn toàn mất nghiệp — Kôletnisuc lẩm bẩm. — Chúng đã ăn cướp của tôi. Tôi chết mất.

— Ồ! — Batsây nói giọng độc ác, nhưng lại thôi, lấy vẻ thương hại, nói thêm — Anh chưa bao giờ đọc Sêkhôp à?

— Có, tôi có đọc. Sao kia?

— Không sao cả. Có một truyện ngắn thú vị của Sêkhôp, trong đó một luật gia nói với một nhà buôn "Không nên là một con cừu".

— Anh định nói gì thế? — Kôletnisuc nói, khàn khàn như người khản cổ và cau mày lại.

— Cũng thế: không nên là một con cừu... Thôi, tôi đi đây. Rất sung sướng được gặp anh.

Piôt Vaxiliêvich uể oải chìa hai ngón tay cho Kôletnisuc, y hệt theo đạo lý sắt của chủ nghĩa tư bản, một luật gia may mắn và đắt khách, đại diện của một hãng buôn lớn, khi bắt tay một nhà buôn nhỏ vỡ nợ.

— Bonne chance! như người Pháp nói. Gửi lời chào vợ anh nhá.

— Vợ nào? — Kôletnisuc lắp bắp, hết sức sửng sốt.

— Raitxa Lvôpna. Tôi chúc chị ấy khoẻ.

— Tôi đã ly dị với bà ta — Kôletnisuc nói, tiếng khàn khàn. — Bà ấy ở bên kia... — Ông vẫy tay vu vơ. — Bà ấy đã chuồn theo bọn bônsêvich... Ở Xopdepia[10]...

— À, tôi hiểu rồi — Piôt Vaxiliêvich nhận xét, khinh bỉ ra mặt. — Về già, hai người thấy tính tình không hợp. Thường như vậy. Phải, tôi thấy anh sửa lại bộ râu mép, ăn bận theo kiểu mới nhất của cuối thế kỷ mười chín... Liệu rồi có kiếm thêm một cô bé Rumani với ít hồi môn không? Không ư? Mặc anh. Thôi, tôi đã nói chuyện với anh quá nhiều rồi. Tôi còn phải chạy đi chỗ này, chỗ nọ nữa... Dự chiêu đãi tại nhà ông chánh hội đồng thành phố Ôđetxa, ngài Alêcxianu. Còn bao nhiêu việc! Nếu anh muốn gặp tôi, xin mời lại... khách sạn Luân-đôn, buồng 26. Anh hỏi ông cố vấn luật pháp Batsây, mọi người ở đấy đều biết tôi. Xin chào!

Rồi với một cái khoát tay kiểu cách, Piôt Vaxiliêvich vội vàng ra khỏi cửa hàng đồ cũ "Jorjơ", cảm thấy trong lòng nhói lên gần như đau thật sự vì quá ghê tởm. Đồng thời ông cũng cảm thấy sung sướng vì đã nắm được địa chỉ của African Africanôvich và biết được các "tọa độ" của ông ta, như Đrujinin thích nói trong những trường hợp tương tự. Batsây vội đi tới viện Bảo tàng để

hoàn thành nhiệm vụ.

Trong lúc đó, Kôletnisuc quay cuồng trong cửa hàng như Hecman trong truyện Con pic. Nhưng đáng lẽ nói như anh ta: "Ba con bài, ba con bài, ba con bài..." ông cứ lặp đi lặp lại như người mất hồn:

— Về phần tôi, không chịu trách nhiệm, về phần tôi, không chịu trách nhiệm, về phần tôi, không chịu trách nhiệm.

Ông tưởng tượng mình đang viết một nghìn lần lên tờ hối phiếu bảy chữ con con vô nghĩa đó, những chữ lẽ ra đã cứu ông khỏi tai họa. Nhưng tiếc thay, điều đó chỉ ở trong tưởng tượng mà thôi. Ông đã không viết như thế! Ông vắt óc để tìm ra lối thoát. Nhưng không có lối thoát. Cửa hàng đồ cũ "Jorjo" đang hấp hối...

Buổi tối, khi Kôletnisuc, rã rời cả về thể xác lẫn tinh thần, lê được về tới nhà, ông bỗng nẩy ra một ý kiến có vẻ tài tình: ông sẽ tới chỗ Batsây ở khách sạn Luân-đôn và hỏi vay ông ta. Ông sẽ năn nỉ Batsây và sẽ ký đủ mọi loại hối phiếu ông ta cần. Batsây không thể không có tiền! Chắc chắn Batsây sẽ kiếm ra ba nghìn mác để cho ông vay. Khó mà tưởng tượng được là Batsây có thể từ chối một người bạn cũ. Lúc này, Kôletnisuc không nghĩ tới việc Batsây đã trở thành một tên phản bội mà ông đang căm thù nữa. Phải, ông đang căm thù Batsây. Đấy là một tên phản bội. Nhưng Kôletnisuc sẽ giấu căm thù đi. Ông sẽ tới với hắn, giả vờ nịnh nọt hắn.

Kôletnisuc quay lại và chạy bổ tới khách sạn Luân-đôn. Nhưng lại một đòn cuối cùng, khủng khiếp nhất, đang chờ ông ở đấy: không có bóng Piôt Vaxiliêvich Batsây, cố vấn luật pháp ở Plôexti, tại khách sạn. Thậm chí cũng chẳng ai nghe nói đến cái tên ấy. Đó là một trò lừa đảo.

Vẫn cái trò lừa đảo của Iônen Mirêa, Môtsiônưkhơ, hãng Mêfôđi Muntêanu và Con trai, Bucaret, Bá-linh, Viên, Côpenhagơ, Ăngkara, Môngtêviđêô, Miêcxêa Flôretxcô, với những nhẫn, những hạt kim cương giả, những hạt kim cương

của đôi mắt hẳn... khắp chung quanh Kôletnisuc, chỉ là lừa đảo, trong cái thế giới giả dối độc địa của bọn buôn gian bán lận, bọn ăn cắp và bọn đầu cơ, chúng đã chiếm lấy một thành phố xô-viết lương thiện và làm cho nó ngập ngụa trong hơi thở thối tha của chúng.

Kôletnisuc biết mình đã hoàn toàn đi vào chỗ chết và không thể gỡ được nữa.

21

Đúng như tính khí của mình, Liônya Ximban luôn luôn hành động tùy hứng, không có kế hoạch nghiên cứu trước.

— Này, domnul, xin lỗi ông — anh nói, đủng đỉnh lại gần tên cai thầu vận tải đang theo dõi bằng con mắt xoi mói công việc bốc dỡ đường ray tàu điện và đà gỗ chuyển bằng ô-tô từ thành phố ra cảng.

Đây là một nhân vật rất nhếch nhác, đội mũ cát-két đại úy, bẹp dúm như một cái bánh kẹp, râu rối bù, một cái kính kẹp mũi khập khiễng cũ trên một cái mũi ướt, đôi giày trắng thấm mồ hôi, chắc chắn là một người Ôđetxa, thậm chí có thể là một tên địa chủ, sau Cách mạng đã chạy trốn sang Betxarabi và bây giờ, với tư cách là người am hiểu đời sống Nga, đã xin được một chỗ làm nhỏ ở ngành khai thác cảng Ôđetxa trong chính quyền Trannixtri. Trên bộ mặt già bủng beo, lòng căm hờn vì bị khinh miệt từ hơn hai mươi lăm năm nay, đã khắc thành những nét sâu. Ximban đến cạnh hắn. Bất chợt thấy trước mặt mình một cái áo lót thủy thủ, hai cánh tay cuồn cuộn bắp thịt, một gương mặt mồ hôi bóng loáng, tên cai lùi lại, lấy tay che mặt như sợ bị tát. Nhưng hắn nhớ ra người đi tới là anh công nhân bốc vác

Kukharenkô. Đó là tên của Ximban lúc xin vào làm việc. Tên cai lại bình thản như cũ và làm bộ sửa cái kính kẹp mũi, chằm chằm nhìn người thủy thủ có vẻ dò hỏi.

— Tôi có một điều muốn nói với ông — Ximban nói, có vẻ bí mật. Rồi, với một thái độ nhanh nhẹn, lễ phép, anh nắm lấy cùi tay tên cai vận tài và, thận trọng, không buông tha, lôi hắn ra sau nhà kho. Như thế có thể coi như quá sỗ sàng đối với một người công nhân bốc vác trước mặt người cai. Nhưng đó lại là thói thường trong cảng từ ngày tạm chiếm. Hơn nữa, Ximban, thực ra, không phải chỉ là một công nhân bốc vác đơn thuần: anh đã gây được uy tín, tỏ ra hơn hẳn một công nhân bốc vác khác thường, tự tạo cho mình cái tiếng là một người nhiều sáng kiến và được chính quyền Rumani che chở. Vừa đặt chân tới đất cảng, anh đã thấy mọi công việc đều do những công nhân cơ hội đảm nhiệm; họ là những người bị bắt buộc, không có kinh nghiệm, một số bị cảnh sát động viên, một số phải kiếm việc làm công nhân phụ để khỏi chết đói, cũng có một số là tù binh, thân hình tiều tụy vì bị đói thường xuyên, đau ốm, rách rưới, mất sức, không thể nào làm được việc, chỉ biết sắp hàng, đi đi lại lại, với một hai tên lính Rumani áp giải, mặt đen thui, râu không cạo, đồng phục lôi thôi lếch thếch. Không có một tổ chức nào chủ trì công việc ở cảng, mặc dù tất cả mọi người lao động đã được phân chia thành từng ac-ten.

Các ac-ten này lại thường chuyển từ chỗ này sang chỗ khác, từ cai này sang cai khác. Mà cai thì rất đông. Có ban giám đốc cảng và ngành khai thác, phái viên quân đội Rumani về vận tải, đại diện bộ chỉ huy quân Đức, bọn đại lý các hãng buôn và kỹ nghệ, bọn đại diện các nhà máy, xí nghiệp với vô số những người được ủy nhiệm và công chức Nhà nước. Tất cả đám đông này đều quan tâm đến việc vận chuyển thật nhanh các tài sản xô-viết cướp được. Ngoài ra còn có "bộ phận lặn" lo việc vớt các loại tàu bè, ô-tô, đồ đạc giá trị, đủ mọi thứ bị đánh đắm trong thời kỳ tản cư. Tất cả các thứ tạp nham kéo từ đáy biển lên này được đem bán ngay tại chỗ cho những bọn ưa ăn xổi, từng đoàn từng lũ từ Rumani kéo sang như châu chấu và vội vã lên tàu

biển và xe lửa. Do hầu hết máy móc ở cảng đều bị đứng và công việc lại tiến hành theo lối tiền sử, bằng tay, nên yêu cầu về lao động, đặc biệt là công nhân bốc vác lành nghề, rất lớn. Loại công nhân này được người ta giành giật nhau trên các công trường, hoặc đổi chác, buôn đi bán lại trao tay nhau.

Các ac-ten công nhân bốc vác là đối tượng tranh chấp giữa các bộ, các sở, các giám đốc và một số tư nhân vận tải đầu cơ. Bởi vậy tình trạng hối lộ rất thịnh hành. Tất cả cái đó hoàn toàn xa lạ với công việc của một hải cảng lớn, như cảng Ôđetxa, hay đúng hơn nó giống như một cái chợ giời kỳ lạ. Lêônit Ximban biết ngay là có thể lợi dụng những điều kiện đó để tiến hành có kết quả các mục tiêu chiến đấu mà Xtrenbixki đã chỉ thị cho anh.

Ximban quyết định phải mạnh dạn và tỏ ra mình là một công nhân bốc vác kinh nghiệm và có tài. Điều này không có gì khó đối với anh. Thiên nhiên không hề mặc cả với anh về thể chất và sức mạnh. Anh vác trên lưng những cái thùng nặng tám pút không biết mệt; cùng với Xviriđôp và Tulyakôp, anh tì đầu và hai tay vào thành xe, đẩy cả những toa hàng, anh dùng đòn bẩy lật rất dễ dàng những kiện hàng và thùng gỗ to tướng. Hơn nữa, tất cả những việc đó, anh làm nhanh chóng, vui vẻ, mặt nhễ nhại mồ hôi, luôn mồm pha trò, nhiều khi rất hóm hỉnh. Anh khác hẳn mọi công nhân bốc vác khác, chậm chạp, yếu ớt và ỉu xìu, nên được người ta chú ý đến ngay.

Ban chỉ huy cảng không những đối xử tốt với Ximban mà còn tìm cách tranh thủ anh vì đến một mức nào đó, anh còn là một nguồn lợi bổ sung cho chúng nữa: nhờ anh, bọn chúng thường nhận được tiền hối lộ của cánh vận tải vì đã chia cho họ cái ac-ten có khả năng, chăm chỉ, mà trong đó, ngoài bản thân Ximban ra còn có cả Tulyakôp và Xviriđôp, cũng là những người rất khỏe và nhiệt tình.

Ximban — Kukharenkô đã nhanh chóng trở thành đại biểu và dần dần đã chuyển từ các ac-ten khác về ac-ten mình những công nhân bốc vác đã được Secnôivanenkô tổ chức, Trong việc

này, anh được sự giúp đỡ có hiệu quả của chị thư ký đánh máy của ban giám đốc cảng là Marya Trôfinôva Xayitxkaia, người đã già, không nổi bật lắm, nhưng đặc biệt có khả năng làm việc không biết mệt. Chị đánh máy danh sách các ac-ten lao động ở cảng, và không để ai để ý, đã thay đổi tên những công nhân bốc vác theo lệnh của Xtrenbixki. Bằng cách ấy, ac-ten của Ximban gồm phần lớn là những người của mình.

Tiếp tục phát triển khéo léo "sáng kiến cá nhân", Lêônit Ximban đã tổ chức được ac-ten của mình theo đúng luật lệ ban hành trước Cách mạng. Anh đã tuyển cả một chị cấp dưỡng cho ac-ten. Chân cấp dưỡng này của ac-ten, với sự giúp đỡ của Xayitxkaia, đã được ủy thác cho Liđya Ivanôpna, đến nay vẫn làm việc quét dọn trong cảng. Chị có quyền tự do đi ra thành phố đi chợ, nên rất dễ liên lạc với hầm mộ.

Đồng thời, Ximban cũng đã lợi dụng mọi hoàn cảnh thuận lợi để "làm cho kẻ địch mất ăn mất ngủ". Không bao giờ anh quên mục đích chủ yếu đó của đời anh.

Được tiếng là một người có "sáng kiến cá nhân", trung thành với chính quyền chiếm đóng, Lêônit Ximban, và cả những công nhân bốc vác khác theo gương anh, có thể đi lại tương đối tự do trên bến cảng, trên các đường sắt, giữa các đoàn tàu đã lập thành. Nhờ vậy họ có khả năng, mỗi khi gặp cơ hội thuận tiện, phá hoại các phương tiện vận tải. Họ rắc những chông sắt không ai trông thấy được, cắt gẫy tay phanh trên các đoàn tàu hàng, đục lỗ trên sàn toa cho thóc vãi từ từ dọc đường. Họ rải và dán lên tường kho những bản thông cáo của Thông tấn xã xô-viết và những truyền đơn gửi cho những người làm việc ở cảng mà Liđya Ivanôpna đã mang từ hầm mộ về, xếp trong một cái thúng dưới những bao bột và cà chua.

Người ta luôn luôn có thể trông thấy đây đó, trên bến cảng, một chiếc xe tải bị kích lên và một người lái xe bực dọc, đã ba lần trong ngày phải thay lốp vì bị một cái chông sắt không biết ở đâu ra đâm thủng. Người ta nghe thấy những tiếng gào thét của công nhân đường sắt phát hiện ra các tay phanh bị cắt đứt. Đôi

khi, không có lý do gì rõ ràng cả, những đầu máy bị trật bánh làm cho sự đi lại trên đường sắt của cảng bị ngừng trệ hàng giờ. Các hộp trục xe rất hay bị cháy. Hàng hóa không đi tới nơi tiếp nhận, hết dỡ xuống lại xếp lên để sau đó lại dỡ xuống... Bọn nhân viên Xiguranta và Capitania không còn đủ sức vì phải chạy suốt ngày trên các ngả đường, phải khám xét hết các ngõ ngách trong khu cảng rộng lớn. Nhưng cũng phí công vô ích thôi. Chúng gặp phải những đối thủ dày kinh nghiệm và được tổ chức hết sức hoàn hảo.

Đồng thời, Lêônit Ximban "con người nhiều sáng kiến cá nhân" ấy, mắt luôn luôn sáng ngời phấn khởi vẫn cố tranh thủ cảm tình của chính quyền Rumani và gây uy tín. Thậm chí anh còn tổ chức được những buổi đọc tập thể các tờ báo địa phương Rumani phát hành bằng tiếng Nga. Bọn chức trách coi anh như một kẻ tuyên truyền không công cho "chế độ mới" ở "Trannixtri". Nhưng công việc tuyên truyền của anh bao giờ cũng mang tính chất buôn lậu.

Liônya Ximban đọc thật hùng hồn các bản thông cáo chiến thắng của đại bản doanh Quốc trưởng, hét rất to, thể hiện rất tài tình bằng nét mặt tất cả cái ngu xuẩn kênh kiệu và sự dối trá vô liêm sĩ, làm cho các bản thông cáo Đức phản hẳn lại những lời tuyên bố chiến thắng của chúng mà không ai có thể nhận thấy. Đọc những bản tin nước ngoài, anh đã chọn hết sức khéo léo và đã nhấn mạnh chỉ bằng âm điệu vào những tin trong đó có những đoạn bất lợi cho nước Đức Hitle. Trong tờ báo địa phương, anh đọc chủ yếu những tin nói về hoạt động bí mật, về tòa án, về các vụ hành hình, các vụ phạt tiền và thuế má.

Đôi khi đang bình luận bài báo của một nhà lý luận chính trị nói về số lượng bọn bạch vệ lưu vong ở Ôđetxa, Liônya Ximban bỗng nhảy sang ca ngợi chủ nghĩa tư bản, giọng đầy tin tưởng, cảm động một cách giả dối, của một nhà thuyết pháp. Để minh họa ích lợi của quyền tư hữu, anh dẫn ra những ví dụ chứng minh ngược lại. Anh lúng túng, xấu hổ rồi thật bất ngờ lắp bắp đôi môi dày, kết thúc bài nói bằng những câu châm ngôn hai

nghĩa: “Nói tóm lại, ta đừng nói tới chuyện đó nữa. Không thể nói vì không có gì để mà nói cả”. Thế là anh em công nhân bốc vác lăn ra cười và gãi nách.

Và đôi khi, nếu không có phần tử khả nghi, anh giơ tờ Mônua lên trước mặt rồi liều lĩnh phi thường, đọc to và rất nhanh các bản thông cáo của Thông tấn xã xô-viết mà Liđya Ivanôpna mang ở hầm mộ về, hay đọc thuộc lòng bản thông cáo số 55.

Sau khi đạn dược đã bốc dỡ xong, tàu Fecdinang được đưa tới bến đập chắn sóng Pôtapôpxki ở Cảng Bốn mươi để xếp lúa mì. Ac-ten của Ximban Kukharenkô chuẩn bị một hành động quan trọng. Cần làm thế nào để việc bốc xếp lên tàu Fecdinang được giao cho ac-ten của Ximban.

22

— Này, ông — Liônya Ximban vừa nói, vừa dẫn tên cai thầu vận tải ra sau kho chứa hàng và tròn xoe hai mắt đầy vẻ ngạc nhiên — có chuyện gì thế?

— Cái gì vậy?

— Xin lỗi, tôi muốn hỏi chính ông điều đó. Có việc gì thế?

— Kakharenkô, tôi không thích kiểu đánh đố như thế đâu — tên cai thầu nghiêm khắc nói — anh thả cùi tay tôi ra. Anh hãy bỏ những lối chơi kiểu bọn chân đất ấy của anh đi!

— Tôi xin lỗi ông! — Lêônit Ximban nói to, nhảy xa ra một quãng. — Đó là tàn tích cũ của chủ nghĩa xã hội.

Anh chắp hai tay lên bụng và nhìn tên kia một lúc lâu, gật đầu có vẻ trang trọng.

— Đomnul cai thầu — cuối cùng anh nói, có vẻ hết sức buồn rầu. — Nhìn ông tôi thấy ái ngại quá. Ái ngại và nhất là khó chịu. Ông hẵng nhìn xung quanh ông mà xem... — Ximban dang rộng cánh tay ra.

Tên cai thầu lo lắng, nhìn xung quanh nhưng rõ ràng không thấy có gì đặc biệt cả.

— Không, không, đomnul, ông nhìn không rõ. Hãy nhìn kỹ hơn — Liônya Ximban nói tiếp ra vẻ tha thiết. — Ở đây chỉ việc cúi xuống là nhặt được tiền ở đất. Và ai muốn thế đều được đầy túi. Tôi không hiểu tại sao ông lại ngồi một chỗ? Ông cứ ngồi một chỗ. Ông im lặng! Ông không nói gì cả! ông cho tôi nói đã — Ximban nhanh nhẩu tiếp, thấy tên cai thầu định ngắt lời mình. — Chúng ta đừng cãi nhau. Thưa ông, tôi biết, ông là một người lương thiện, thông minh, một người sống có nguyên tắc, ông đã bị đau khổ dưới chính quyền xô-viết, nói tóm lại ông là một người của "chế độ cũ". Ở đây, tôi không có ý nói đến những trò "hối lộ" và tất cả các chuyện gian lậu, bẩn thỉu. Không phải thế. Xin Chúa gìn giữ cho tôi! Tóm lại, nói xin lỗi ông, ông không phải thuộc bọn người ta "nhét đầy tay". Vì thế, chúng tôi, những công nhân bốc vác ở bến Thống thương, chúng tôi quý mến ông. Ông là người chỉ huy rất yêu mến của chúng tôi, ông là anh, là cha chúng tôi. Ông có đồng ý không?

Liônya Ximban tỏ ra có biệt tài đánh lừa. Đomnul cai thầu rất thích ăn của đút, điều này không ai không biết. Nhưng trực giác dạy anh, nếu gặp một tên đại bợm, tốt hơn hết làm bộ coi hắn như một người cao quý nhất: bọn ăn cắp rất thích như thế.

— Tôi rất đau lòng — Liônya Ximban sôi nổi nói tiếp không để ngắt lời — thấy ông đã bỏ lỡ những cơ hội kỳ diệu. Một kẻ khác, ở địa vị ông, loại ăn cắp quèn Rumani ở Konxtanza, cũng đã xây dựng được một cái biệt thự hết sức sang trọng ở Ackađi từ lâu lắm rồi, hay ít nhất cũng đã gửi nhà băng được hai, ba nghìn đồng raisơ mác. ông không đồng ý với tôi sao?

Mắt tên cai thầu bắt đầu chớp chớp dưới cái kinh kẹp mũi

cong. Hắn để lộ những chiếc răng vàng khè và nói, khàn khàn:

— Thế anh định đề nghị với tôi cái gì?

— Đấy! Vậy mới là những lời nói dũng cảm chứ! — Lêônit Ximban reo lên, làm ra bộ khám phục. — Ngài có thích có một cái biệt thự thật đẹp ở Ackađi không? Thế thì, lại đây.

Và anh lại nắm lấy cùi tay tên cai thầu, kéo hắn ra xa hơn và cuối cùng kính cẩn đẩy hắn vào một lỗ hổng trong bức tường vôi đã bị phá đổ. Bây giờ hai người đã ở giữa đống gạch đổ cỏ mọc um tùm. Người ta thấy có những mảnh kính vỡ lấp lánh dưới ánh mặt trời. Từng đàn ruồi mùa thu to tướng, vo ve dưới những lá sơn vu.

Cố kìm giữ ý muốn nắm lấy cái cổ gà tây của tên cai thầu, đập thật mạnh đầu nó vào đá và bóp chết nó ngay tại chỗ, Ximban buộc lòng làm ra vẻ trung thành, vừa quay người lại vừa lấm lét nói:

— Chúng ta sẽ nói chuyện với nhau như những người lịch sự. Hiện có một cơ hội có thể kiếm ăn to. Cơ quan Quân nhu Rumani thuê tàu Fecdinang chở hai nghìn tấn lúa mì từ Ôđetxa đến Konxtanza. Một chuyến hàng gấp. Thế nào? ông hiểu ý tôi chứ?

Hai mắt Ximban sáng ngời phấn khởi. Tên cai thầu vừa rên rỉ vừa lấy mùi-soa lau mũi lấm tấm mồ hôi. Nét mặt hắn biểu lộ một sự suy nghĩ ghê gớm.

— Không, tôi thấy ông không hiểu ý tôi — Lêônit Ximban thở dài, hết sức buồn rầu. — Ông nghĩ xem: "Hai nghìn tấn", "chở gấp"... Bây giờ ông hiểu chưa? Chưa hiểu à? Đây không phải như bất cứ một chuyến hàng nào đâu, mà là một chuyến hàng gấp. Tôi nhấn mạnh: tại sao gấp? Bởi vì Quân nhu Rumani muốn! chuyển thật nhanh lúa mì từ Ôđetxa về Kônxtanza, vào các kho Rumani của họ. Nếu ông hỏi tại sao, tôi xin nói: Quân nhu Rumani sợ bất thần Quân nhu Đức đến và phỗng mất ngay dưới mũi của họ hai nghìn tấn lúa mì xô-viết. Bây giờ thì ông hiểu rồi chứ? Quân nhu Rumani sẵn sàng làm tất cả, thậm chí có thể

liếm cả cầu tàu nữa, miễn sao lúa mì được xếp xuống tàu thật nhanh. Họ sẽ không lùi bước trước một hy sinh nào. Ông nắm được chưa?

— Ra thế, ra thế! tên cai thầu vừa nói, có vẻ sốt ruột, vừa giẫm chân như một con ngựa ngửi thấy mùi lúa mạch: — Rồi sao nữa?

— Đomnul! Ông lạ thật! — Ximban Kukharenkô thốt lên. — Ông là một đứa trẻ con? Ông hãy ra ngoài bến, và tỏ ra mình có sáng kiến kẻo muộn. Hãy giành lấy việc bốc xếp lên tàu Fecđinăng. Cứ bảo đảm rằng với ac-ten của tôi, toàn bộ công việc chỉ cần ba ngày thôi, đồng thời, đòi họ bốn mác một tấn vì lý do gấp. Họ sẽ trả cho ông! Nếu họ mặc cả, thì đành lấy ba mác một tấn vậy, bọn trời đánh! Ông có thể ký bất kỳ giấy gì. Tôi xin bảo đảm về những con chim ưng của tôi.

Vừa nói "tôi", Ximban vừa đấm thật mạnh nắm tay vào bộ ngực rộng và lực lưỡng của mình, bó chặt trong chiếc áo lót ướt đẫm mồ hôi, làm tên cai thầu khẽ rùng mình. — Tôi xin bảo đảm! cùng ra tôi sẽ kiếm thêm vào ac-ten tôi một hai chục người khỏe mạnh nữa. Việc bốc xếp sẽ hoàn thành trong ba ngày, nhanh như thổi. Hai lần bốn, tám, và ba con số không: như vậy là tám nghìn mác. Một nghìn mác cho ac-ten, còn lại là của ngài bảy nghìn mác chiếm đóng chẵn! Thế được chứ?

Tên cai thầu lùa bàn tay run run vào trong áo lau mồ hôi cổ. Hắn quắc mắt nhìn vào mặt Xịmban và nói, giọng lạc hẳn đi;

— Năm trăm!

— Năm trăm, sao?

— Năm trăm mác cho các anh, còn là của tôi.

Lêônit Ximban lùi lại một bước và khoanh tay lại.

— Đomnul cai thầu, ai lại thế!

— Còn chuyện bất trắc? Ai chịu? Anh hay tôi? Ai ký giấy cam đoan? Anh hay tôi? Tôi phải chịu bất trắc. Tôi phải ký.

Lòng Kukharenkô rộn lên. Anh cố giữ không để lộ vẻ vui

mừng. Anh sợ hỏng việc! Anh sẵn sàng lấy bớt quỹ của ban chấp hành bí mật một trăm mác nữa cho đomnul cai thầu để ac-ten của anh được bốc xếp hàng lên tàu Fecđinăng. Nhưng anh biết, theo quy luật chủ nghĩa tư bản, khi mua bán, là phải mặc cả, mặc cả thật ráo riết, không mệt mỏi, cố dành từng kô-pếch một. Nhượng bộ sẽ là khả nghi. Ngoài ra, anh cảm thấy càng găng thì tên cai thầu càng háo hức. Anh không thể làm được gì hết nếu không có hắn. Ac-ten không có tư cách pháp nhân, cũng không có quyền ký giao kèo với người gửi hàng. Tất cả đều phải qua bọn cai thầu và bọn trung gian. Cái gọi là "sáng kiến cá nhân" mà các báo Rumani thường nói tới, thực ra là một thứ đặc quyền dành cho bọn tư bản không phải cho người lao động. Với những người này, nó chỉ là cái mồi câu, họ không thể bán sức lao động của mình mà không qua bọn trung gian bắt buộc. Họ bị trói chân trói tay. Họ là những người nô lệ với đầy đủ ý nghĩa của nó. Chà, Lêônit Ximban mới căm thù làm sao con người đội mũ cát-két đại úy của chế độ cũ, chiếc kính kẹp mũi khập khiễng trên cái mũi mồ hôi, đôi con mắt tráo trưng và tham lam, cái tên bạch vệ, tên cai thầu, tên trung gian; không biết tại sao lại có quyền chiếm đoạt công sức của cả một ac-ten công nhân bốc vác và coi việc đó là hoàn toàn tự nhiên! Lêônit tức giận đỏ mặt lên. Nhưng anh cố bình tĩnh và, vẫn nhìn đomnul cai thầu với đôi mắt van xin và tuyệt vọng, anh mặc cả:

— Đomnul cai thầu, ông hãy đặt mình vào chỗ họ! Cho họ kiếm tí chút với.

— Năm trăm mác, không thêm xu nào nữa!

— Thôi thì, xin cho tám trăm.

— Năm trăm! Nếu anh không bằng lòng, tôi tìm ac-ten khác.

— Đonmul cai thầu! Ông biết rõ công việc như thế nào rồi. Tôi xin kêu gọi lương tâm của ông! Thôi thì xin ông bảy trăm rưỡi.

— Sáu trăm.

— Đomnul cai thầu!

— Này, Kukharenkô, đừng gọi tôi là "đomnul" nữa. Tôi là một người quý tộc Nga.

— Xin lỗi, thưa ngài quý tộc. Xin ngài bảy trăm.

— Sáu trăm.

— Bảy trăm, đó là giá cuối cùng của tôi!

Lêônit Ximban làm bộ bỏ ra đi."Ông cai thầu" nắm lấy ống tay áo anh:

— Sáu trăm rưỡi!

— Không được,

— Vậy tôi sẽ tìm một ac-ten khác.

Bây giờ, tên cai thầu làm ra bộ bỏ ra đi và Lêônit sợ hãi, nắm lấy vạt áo của hắn. Hai bên bỏ đi để trở lại. Hai bên đập tay nhau. Hai bên khản cả tiếng. Mồ hôi chảy ròng ròng trên mặt. Có lúc Ximban căm ghét tên cai thầu quá, suýt nữa anh đã định đá tất cả và bỏ đi.

Nhưng anh nhớ tới số lúa xô-viết mà bọn kẻ cướp định đưa khỏi thành phố. Anh cố nhịn và tiếp tục cuộc mặc cả trơ trẽn đó. Anh thấy tên cai thầu đã cắn câu rồi.

— Ông cai thầu, anh lặp lại lần thứ mười — Ông hãy suy nghĩ kỹ về con số tròn này, bảy nghìn ba trăm mác. Một cái biệt thự đẹp ở Ackađi. Ông không thích sao?

Cuối cùng hai bên đã thỏa thuận với nhau:

— Sáu trăm rưỡi!

Công việc kết thúc.

— Ông cai phải nhanh lên — Lêônit Ximban nói — Một con bọ đất Rumani nào đó có thể đi trước ông, hối lộ cho ban giám đốc. Thế là đi đời gà, lợn, bê, bò...

Nhưng có cần gì phải nói thế. "Ông cai thầu!" đã sẵn sàng cả rồi. Trí tưởng tượng của hắn đã được đốt cháy lên đến tột độ.

Tay cầm chiếc mũ cát-két, hắn lon ton đi vào buồng giấy ban khai thác. Mỗi bước đi, nghĩ tới một đối thủ có thể có, hắn lại vấp, và chiếc kính kẹp mũi khập khiễng có băng đen tuột khỏi mũi hắn.

Và tối hôm ấy, trong ac-ten của Ximban, tiếng "cái ô" đã được thì thào nhắc đến, chuyển từ người này sang người khác.

23

Tàu Fecdinang bỏ neo gần bức tường Cảng, trước mặt kho lúa. Bên ngoài, kho lúa trông có vẻ nguyên vẹn. Nhưng bên trong, chỉ là một đống hỗn độn những máy móc hư hỏng, gẫy nát, băng chuyền, xe đẩy bị loại ra, cân bàn gẫy, máy sàng, máy dần vân vân. Thóc lúa cướp được ở các nông trang lân cận, mang vội về kho, không được lựa chọn cứ để bừa bãi khắp nơi và gặp chăng hay chớ. Thóc vẫn nằm trong bao tải, gây trở ngại cho các dây chuyền ở tàng dưới, đầy ắp các boong-ke và các máy bơm nước, chất thành đống lớn, ngay trên mặt sàn các tầng; những con chuột kho kếch xù màu đỏ sẫm và gan lì, đuôi có vẩy và trụi lông, chạy rầm rập.

Thóc lúa chưa cân, nhưng bọn quân nhu Rumani cho là ở đấy có mấy nghìn tấn.

Khi Lêônit Ximban, kèm theo "đomnul cai thầu" và hai tên quân nhu Rumani, đi vào kho lúa, anh cảm thấy lòng mình đau nhói như bị dao đâm vào tim. Luôn luôn vấp phải những mảnh máy vỡ, họ lặng lẽ đi vòng quanh kho, từ trên xuống dưới, và tên cai thầu hỏi:

— Thế nào Kukharenkô, bảo đảm được chứ?

— Chắc chắn — Ximban đáp cương quyết, hai má hóp vào như bị ghê răng.

— Đừng có quên là mười nghìn bạc hàng đấy! Nếu anh chơi xỏ tôi, tôi sẽ sạt nghiệp, nhưng anh cũng bị phạt. Mà anh còn bị nặng hơn tôi nhiều! Các anh sẽ bị đưa ra Cortea Marziale, tất cả sẽ bị xử đến người cuối cùng và các anh sẽ không sống được để mà ra đâu. Không có gì cản trở được tôi cả!

— Vâng, vâng...

Bọn quân nhu gật gật đầu có vẻ trịnh trọng; trong cả câu chuyện, chúng chỉ hiểu được mấy tiếng Cortea Marziale mà chúng biết rất rõ, rồi chúng vỗ vào bao súng ngắn màu vàng mới tinh, đầy ẩn ý.

— Nhất định xong! — Lêônit Ximban nói to — Mà còn có thể nhanh hơn nữa! Nhanh như thổi!

Cố nhiên, anh biết rất rõ nếu không có phương tiện cơ giới, chất xếp bằng tay không hai nghìn tấn trong ba ngày là điều hoàn toàn không thể làm được. Nhưng tên domnul đã bị món lợi dễ dàng hoàn toàn chinh phục và bọn quân nhu cũng đã được hứa hẹn một phần lợi nên chúng không còn biết gì nữa, chỉ sốt ruột giậm chân tại chỗ, mong việc bốc xếp sớm được bắt đầu ngay. Còn Ximban, tất cả nhiệm vụ là phải tổ chức cho được trong khi bốc xếp, "cái ô" và cứu thật nhiều lúa mì khỏi bị đưa lên tàu.

Thế rồi, không để mất thì giờ, họ leo lên tàu Fecdinăng. Trong khi tên cai thầu và bọn quân nhu đo hầm tàu bằng một cái thước vải và ghi thể tích vào tờ giao kèo, Ximban tranh thủ chạy về phía người của mình đang ngồi sưởi dưới chân bức tường kho chờ bắt đầu bốc xếp. Tại đây, anh tổ chức chớp nhoáng một cuộc hội ý sản xuất cấp tốc. Anh chia số người ra thành hai nhóm. Một nhóm phải làm việc ở trong kho, đổ lúa mì xuống hầm tàu qua các đường ống dẫn, nhóm kia phải ở trong hầm tàu và trông cho hàng hóa được chất xếp thích đáng. Trong nhóm thứ nhất, Ximban bố trí những người mà anh chưa hoàn toàn tin cậy,

nhóm thứ hai chỉ dành riêng cho những người "của mình", nghĩa là đúng những người làm "ô".

Để công việc bốc xếp có vẻ cơ giới hóa chút ít, Ximban ra lệnh đặt giữa cửa kho và tàu vài đường băng chuyền áp dụng cho lối làm tay và để mấy công nhân bốc vác khỏe mạnh nhất kéo. Các người khác thì đổ lúa mì lên băng chuyền bằng các đường ống hay chỉ bằng bao tải, thùng múc nước, xẻng.

Từ lâu không thấy ở cảng Ôđetxa có chuyến hàng nào được bốc xếp nhộn nhịp như vậy. Trong những đám mây bụi của các kho chứa hàng, có những tia sáng mặt trời từ những cửa sổ tầng trên chiếu xiên xuống, những công nhân bốc vác chạy đi chạy lại, đổ lúa mì rác bẩn và bắt đầu mục xuống hầm tàu. Lúa mì chảy trên những tấm băng chuyền rồi đổ xuống cửa hầm tàu để mở, sâu hoắm, dưới ánh sáng yếu ớt của một cây đèn xách có lưới sắt. Dưới đáy hầm tàu, trong dòng lúa mì, có mấy người đang đứng. Ximban, Tulyakôp, Xviriđôp và hai công nhân bốc vác chắc chắn nhất trong số những người được Secnôivanenkô tổ chức. Hầm tàu sâu và nhìn từ trên xuống, những người ở dưới đáy có vẻ nhỏ tí. Họ nhận lúa mì và rải lên đáy hầm tàu bằng những cái xẻng gỗ lớn. ít nhất họ cũng làm ra vẻ như vậy. Nhưng hầu như không ai nhìn vào hầm tàu cả. Hai lần, tên trợ lý thứ ba của tay thuyền trưởng có trách nhiệm phải trông coi công việc có lướt mắt qua. Rồi ở cửa bầm tàu hình vuông, trên nền trời xanh biếc hiện ra cái mũ cát-két đại úy bẹp của "đomnul cai thầu", và nghe có tiếng nói say rượu ồm ồm của hắn ra lệnh từ trên cao xuống.

— Này! Tụi ở dưới hầm tàu! Kukharenkô, công việc thế nào rồi?

— Công việc chạy rất đều — Ximban nhanh nhẩu đáp.

— Bốc xếp đến mức nào rồi? Một mét chứ?

— Ông tham quá, đomnul cai thầu ạ. Ba mươi phân!

— Ít thế — tên cai thầu hét lên ở bên trên.

— Không ít đâu. Không ít tí nào với một diện tích rộng như thế — Ximban đáp.

— Coi chừng đấy, Kukharencô ạ, anh mà giết tôi...

— Nhanh như thổi ấy! — Ximban hét lên, không nghe nữa và lại cầm lấy xẻng.

Tên cai thầu phẩy tay rồi khua nhanh đôi giày bị lún, chạy qua cầu tàu lên bến để đôn đốc bộ phận trong kho. Bụi kho bám đầy người, một cọng rạ mắc trong râu, mặt phấn khởi đỏ bừng, hắn luôn tay lau cái mũi giống như miếng bọt biển đen đen, vỗ lưng anh em bốc vác và nói một cách mơn trớn:

— Anh em đừng phản tôi đấy. Nhanh lên, anh em ơi! Làm cố lên, tôi sẽ thưởng anh em một chai vang!

Hắn tháo cái bao tải ra và đôi khi tự mình cũng nắm lấy xẻng, hay giúp quay các tấm băng chuyền.

Trong khi đó, bộ phận ở hầm tàu bắt đầu công trình chủ yếu của mình: sắp xếp chỗ cho "ô". Trong hầm mỗi hạm tàu, trong chiến tranh khi chuyển thành tàu chở hàng, đều có thiết bị để chở binh lính. Đó là những tấm ván và những cái trụ đặc biệt có thể xếp thành hai ba dãy giường ván như ở các toa chở hàng. Trong khi hai người đứng ở cửa hầm, chỗ lúa mì chảy vào, làm bộ san lúa, những người khác lo sắp xếp tầng trên của các giường ván. Xong đâu đấy, họ lấy những tấm ván dùng cho hàng thứ nhất lấp đầy khoảng trống và căng một mảnh vải bạt lên trên cái sàn thật. Bây giờ những người làm việc ở dưới hầm tàu đã đứng trên cái sàn thứ hai. Lúa mì tiếp tục phủ kín. Họ đứng trong lúa mì ngập đến tận mắt cá và không ai có thể ngờ là dưới chân họ có một khoảng trống ba mét. Người ta tưởng lúa mì đã lên đến nửa hầm tàu. Khi tên cai thầu trở lại kiểm tra công việc lần thứ hai, hắn không ngờ hai phần ba hầm tàu đã đầy, còn Ximban, lúa mì ngập tới đầu gối, thì đang đứng gần cửa hầm, kiêu hãnh, tựa vào cái xẻng. Mồ hôi ròng ròng trên gương mặt phấn khởi và bẩn thỉu.

— Này, bây giờ ông thấy thế nào, cai thầu?

— Kukharenkô, anh là một bậc thiên tài! — tên cai thầu nói to.

— Chúng ta không bàn đến cái đó — Ximban nói, có vẻ khiêm tốn. Anh thở hổn hển. Lồng ngực phập phồng, nặng nề, tay chân run lẩy bẩy. Tulyakôp và Xviriđôp, quần xắn quá đầu gối, mình trần đến tận thắt lưng, sơ-mi cuộn trên đầu làm khăn, ngồi trên lúa mì, mắt nhắm nghiền, tựa lưng vào bức vách gỗ hầm tàu. Hai người khác nằm sóng sượt, mặt úp sấp như người chết. Họ chưa hết mệt, chưa hết căng thẳng, vì chỉ trong vài phút họ đã xây đựng nên cái sàn thứ hai với những tấm ván rất nặng.

Sự nhanh chóng quyết định thắng lợi. Họ đã bới rất nhanh những tấm ván dày ba phân lấp dưới lúa mì, kéo ra, nâng lên, dùng đầu và vai đỡ lấy. Trong ánh sáng mờ mờ, trong những đám mây bụi, những tấm ván tuột khỏi trụ, đụng vào nhau, rơi xuống. Phải nâng lên ngay và đặt lại vào những lỗ mộng đầy rác rưởi... Các tấm ván đã được đánh số nhưng không thể nhìn thấy số trong tối. Nhiều tấm đặt không đúng chỗ. Trụ đổ xuống. Không có đinh đóng cho nhanh. Xviriđôp bị kẹt tay và phải cố hết sức nén đau mới khỏi kêu lên. Một cái trụ đổ phải Tulyakôp và làm anh bị xây xát một bên người. Luôn luôn, họ bị va vấp nhưng không thấy đau, y như những người lúc mới bị thương. Như một trận chiến đấu ban đêm khi tuyến thứ nhất bị chọc thủng và phải ổn định lại ngay bằng cách đặt những thanh gỗ mới lên mái hầm trú ẩn đã bị phá hủy và đóng trụ mới.

Thực thế, họ đang đánh một trận nhỏ để cứu lấy vài trăm tấn lúa mì xô-viết. Nếu có kẻ địch nhìn từ trên xuống hầm tàu, phát hiện thấy việc họ làm, họ sẽ bị giết hết không ai thoát. Bởi vậy họ phải dốc toàn lực ra, không cảm thấy mệt mỏi, đau đớn, như trong khói lửa một trận chiến đấu. Bây giờ, mọi việc đã xong xuôi, họ nghỉ ngơi và vì làm việc quá sức, họ đã kiệt cả về thể xác lẫn tinh thần. Từ trên, lúa mì như những dòng suối nhỏ đổ xuống đầu họ, nhưng dưới chân họ có "ô". Nghĩa là một số lượng bằng hàng trăm tấn lúa cướp lại được của địch.

Bây giờ họ có thể yên tâm nghỉ ngơi, đi ăn cơm. Theo một cái cầu hẹp, người trước người sau, họ ra khỏi hầm tàu.

Trời đã bắt đầu tối hẳn. Ở bên trên, giữa nền trời đỏ của mặt trời lặn, trải ra, như một cái bóng đen dài, bức tranh toàn cảnh của thành phố: cây cối ở đại lộ Hàng hải, hàng cột vòng cung của điện Vôrônxôp cũ, mái nhà tròn của Nhà hát Ôđetxa, đài kỷ niệm nhỏ công tước Risơliơ, phía trên cầu thang Pôtemkin chan hòa ánh lửa rực rỡ, giữa hai tòa lâu đài cổ ở góc đường với những mặt ngoài hình vòng cung.

Từ phương đông, từ mặt biển, bóng đêm dần tới, một đêm màu xanh tro, quang đãng, với một đám mây to màu hồng nhạt phản chiếu yếu ớt ánh lửa lờ mờ của mặt trời lặn trên thảo nguyên, rồi lại phản chiếu yếu ớt hơn nữa lên mặt biển phẳng lặng như tờ.

Ximban vào trong kho lúa và ra lệnh nghỉ. Đomnul cai thầu đi lon ton sau lưng, vỗ tay vào tấm lưng ướt đẫm và nóng bỏng:

— Khukharenkô, anh là một dũng sĩ! Tôi rất hài lòng về anh. Tôi sẽ báo cáo tốt về anh với ban khai thác... và với chính quyền cảng — hắn nói thêm, rướn đôi lông mày ra vẻ ăn ý. — Có điều, Kukharenkỏ ạ, tôi khẩn khoản yêu cầu anh đừng để nhịp độ chậm lại. Đừng để nhịp độ chậm lại ở chỗ tôi nhé! Đừng quên là ta mới xếp được ba phần tư hầm thứ nhất và trước mắt, còn hầm thứ hai nữa. Vậy đừng nên lề mề quá! Đừng chơi xỏ, nhé!

— Nhưng cũng phải để cho anh em ăn uống nghỉ ngơi một tí chứ.

— Tôi có bảo sao đâu? Cứ ăn uống nghỉ ngơi đi. Ăn uống một tí, nghỉ ngơi một tí... rồi lại làm!

— Ông đừng lo, đomnul cai thầu! Mọi việc sẽ xong xuôi cả.

— Này Kukharenkô, làm sao không lo được khi số bồi thường treo trên đầu tôi?

— Thế cái biệt thự ở Ackađi? — Ximban hỏi và nheo mắt lại.

— Thế số bồi thường?— Tên cai thầu nói và cũng nheo mắt lại.

— Sẽ không có bồi thường.

— Nhưng nếu có?

— Tôi nói không có bồi thường, là sẽ không có bồi thường. Chúng ta đừng cãi nhau nữa!

Nhưng đomnul cai thầu không thôi.

— Này Kukharenkô, vậy anh chắc chắn sáng mai hầm thứ nhất sẽ xếp xong chứ?

— Như thổi vậy!

— Và anh bắt đầu ngay hầm thứ hai chứ?

— Và chúng tôi bắt đầu ngay hầm thứ hai.

— Thế bao giờ xong hầm thứ hai?

— Sáng ngày kia.

— Chắc chắn không?

— Như thổi vậy!

— Tốt, tốt... — tên cai thầu nói, người nhẹ nhõm, và vuốt ve lưng Ximban Kukharenkô, Chúa sẽ phù hộ cho anh! Anh sẽ không có gì ân hận đâu. — Và hắn nháy nháy mắt. — Anh còn chưa rõ tôi. Tôi biết đối xử lắm! Nhưng cố gắng lên. Chúng ta sẽ kiếm được, cả anh lẫn tôi. Nhưng nếu anh chơi xỏ tôi, cả hai chúng ta đều mất cả. Hiểu chưa?

— Tôi hiểu rồi — Ximban nói, bực dọc. — Tôi hiểu ông lắm rồi.

Anh cố nén giận. Ôi, sao anh ghẻ tởm cái thằng tham lam điên cuồng, cái tên ăn bám sống trên lưng người khác thế! Nếu không cảm thấy một sự toại nguyên, một niềm vui sướng thầm kín làm dịu bớt cơn tức giận chứa chất trong lòng mình, chắc Lêônit Ximban đã không thể không quai cho tên kia một cái vào

gáy để hắn thôi khỏi làm phiền mình nữa. Nhưng, đáng lẽ làm như vậy, anh đã đứng dừng lại, nhìn chòng chọc vào tên cai thầu một cách bình tĩnh lạ thường, rồi lễ phép nghiến răng nói:

— Đomnul cai thầu, ông đừng nóng ruột nữa, ông mệt rồi, mời ông đi nghỉ đi.

Chắc trong giọng nói của Ximban có một cái gì làm cho lên cai thầu thấy lành lạnh ở phía bụng dưới. Nhưng hắn làm bộ không hay biết gì hết. Vả lại, không nên gây gổ với người mà toàn bộ của cải của mình còn tùy thuộc. Bảy nghìn mác ở trên trái đất này đầu phải từ trên trời rơi xuống. Cái đó đáng để cho người ta phải nhẫn nhục. Hãy cứ để xếp cho xong thời hạn đã. Hắn sẽ đổi giọng sau. Rồi đomnul cai thầu đi lên phố, vào tiệm cà-phê "Rumani", hy vọng tìm thấy ở đấy bọn môi giới để thăm dò về việc mua một cái biệt thự.

Đến nửa đêm, Lêônit Ximban đánh thức anh em đang ngủ trên đống bao tải trong kho dậy và họ lại bắt đầu bốc xếp. Tảng sáng, khi tên cai thầu ở phố trở về, hầm thứ nhất đã xếp xong. Họ bắt đầu xếp hầm thứ hai.

— Xin lỗi, tôi đã bắt đầu xếp hầm thứ hai trong khi không có mặt ông — Ximban nói rất lễ phép. — Tôi không muốn bỏ phí thì giờ quý báu. Ông không có gì phản đối chứ?

Tên cai thầu liếc nhìn vào nắp hầm và reo lên: một phần ba hầm đã gần đầy.

— Chà, Kukharenkô, được đấy, anh phải biết, nói thế nào đây...

Hắn không tìm ra chữ, chỉ vẽ lên trời một con số tám bằng điếu xì-gà cầm ở tỉnh về. Người hắn xông lên một mùi duzik khá nặng — đây là một thứ rượu hồi Hy-lạp — dưới hai con mắt xệ xuống hai cái bướu thâm, nhưng bộ râu dê bẩn thì lại vênh lên kiêu hãnh, và trên nét mặt hắn hẳn lên một vẻ hách dịch mà theo hắn nghĩ thì đó là dấu hiệu đặc biệt của một nhà buôn đang phất và của một người chủ một cái biệt thự tại một tỉnh Rumani thuộc xứ Trannixtri.

Từ mặt biển xanh sẫm, gần như đen, mặt trời mọc lên, ném ra những tia nắng sắc lạnh. Một cơn gió mạnh buổi sáng nổi lên. Ngày hôm đó bắt đầu và sẽ mang lại cho đomnul cai thầu một món lợi kếch xù.

24

Trong thời gian ấy ở ga hàng hóa Ôđetxa — Cảng đã xảy ra như sau.

Trong quá trình lập đoàn tàu chở đạn dược cho mặt trận phía đông, có bốn toa xe nằm trong tình trạng không chạy được. Những người thợ máy khi kiểm tra các toa xe đã dán ngay vào những bảng yết thị mang dòng chữ "Phải sửa chữa" và báo cáo trường hợp này cho người đặc nhiệm lập đoàn tàu. Người đặc nhiệm chạy tới chỗ tên chỉ huy quân sự Đức. Tên sĩ quan nghiêm nghị lắng nghe, nhìn chòng chọc bằng đôi mắt xanh nhạt vào lông mày người kia, rồi trịnh trọng nói "Xô" và đội chắc lại chiếc mũ cát-két cứng trên đầu. Tên sĩ quan đứng dậy sau chiếc bàn và tì lên cái gậy nhôm — hắn có một cái chân giả mà rõ ràng là hắn hoàn toàn chưa quen sử dụng — đi về phía đoàn tàu. Đến đấy, hắn thấy hai người thợ máy mặc áo màu sẫm bê bết dầu mỡ, tay còn cầm một nắm giẻ. "Tụi mày?" tên sĩ quan hỏi người đặc nhiệm và, không đợi trả lời, thân thể gầy còm của hắn chợt co giật. Hắn hét to lên một tiếng rất khác thường bằng giọng cổ và run run rút khẩu súng ngắn Uante ra khỏi bao. Nhưng tên sĩ quan không bắn, mặc dù những ngón tay gầy guộc của hắn đã mò mẫm tìm cò.

Tên chỉ huy không bắn vì hắn đã nhìn thấy trên thành xe một tờ giấy trắng có dòng chữ: "Phải sửa chữa". Trong điều kiện đó,

hắn đứng trước một sự việc đã được một tài liệu thích đáng chính thức công nhận. Tụi này đã xử sự phải phép, đúng theo luật lệ: sau khi kiểm tra, thấy toa xe bị hư hỏng, chúng đã báo cáo ngay cho những người chỉ huy của chúng về việc đó và dán lên toa xe phải sửa chữa những yết thị cần thiết.

Tên chỉ huy không hoàn toàn tin cậy một người Nga nào. Hắn sẵn sàng bắn chết tất cả, hết đứa này đến đứa khác. Hắn còn nhớ quá rõ mùa đông trước Mạc-tư-khoa, nơi hắn đã phải bỏ lại một cái chân giá cóng. Nhưng nói cho cùng, hai tên kia đã không làm gì sai. Chúng đã xử sự đúng theo yêu cầu. Phải, nếu bắn hết tụi Nga thì lấy ai làm việc ở đường xe lửa cho? Cần chú ý tới điều đó. Phải thấy việc chúng kịp thời phát hiện ra các toa xe hỏng là tốt nữa. Thật nguy hại nếu các toa chở mìn bị đổ nát nhừ ở dọc đường và nếu xảy ra một tai nạn! Việc chó má thật! Vậy hẵng cho bọn vô lại kia được sống!

Tay vẫn cầm khẩu súng ngắn, tên chỉ huy khẽ khập khiễng cái chân giả, vòng quanh đoàn tàu, dừng lại trước mỗi toa phải sửa chữa và đọc tờ yết thị. Tất cả đều hợp lệ. Tên chỉ huy yên trí. Thân thể hắn dần dần thôi co giật. Cho dù các toa xe không cần phải sửa chữa tí nào, điều này không hề lởn vởn trong đầu óc hắn ta, chúng cũng đã quá tốt, đã cẩn thận báo cho biết kịp thời. Không có tí ác ý nào. Nếu có ác ý, người ta đã không báo cho biết, người ta đã giấu những chỗ hư hỏng, người ta đã cho chạy và đoàn tàu đã bị nổ tan đâu đó trên đường với toàn cả đơn vị rồi. Còn phải cảm ơn Chúa là điều đó đã không xảy ra!

Có hai toa phải sửa chữa vì hộp trục không dùng được nữa, hai toa khác, phanh bị hỏng. Đó là những sự cố hoàn toàn thông thường.

Xem đồng hồ, tên chỉ huy thấy cho đến lúc đơn vị xuất phát, theo biểu đồ, còn đúng một giờ mười phút. Tên sĩ quan ra lệnh cắt lại các toa "phải sửa chữa", lập lại đoàn tàu và cảnh cáo người phụ trách lập đoàn tàu, trường hợp tàu chậm, dù chỉ hai phút thôi, hẳn cũng sẽ bị treo cổ lên lầu nước. Rồi tên chỉ huy quay tròn khẩu Uante trong bàn tay bắn xuống đất. Viên đạn đập vào

đường ray, văng trở lại, xoay tít, rơi xuống bên cạnh. Hắn đã bắn vì nguyên tắc của hắn là không rút súng ra một cách vô ích, và hắn đã rút ra thì phải bắn.

Nhét khẩu súng ngắn vào bao xong, tên chỉ huy quay trở về buồng giấy và trên tờ giấy vàng dành riêng, thảo một tờ biên bản lập lại đoàn tàu vì phát hiện có bốn toa hàng mang số hiệu như thế bị hỏng. Rồi một tên lính đội mũ sắt mang bữa chiều đến cho hắn trong một bộ đồ ăn bằng nhôm và trải một tấm khăn con lên bàn làm việc. Tên chỉ huy ăn bữa chiều rồi uống một tách cà-phê rót trong phích ra, pha thêm một tí "Vônxrum" Áo, xong hắn hút một điếu xì-gà.

Hắn làm tất cả những việc này không chút vội vã, và cố không nhìn qua cửa sổ có chiếc đầu máy kéo các toa xe chạy qua. Nhưng đúng một giờ mười phút sau, tên chỉ huy lại đi ra chỗ đường sắt và thấy đoàn tàu đã lập xong. Hắn liền ra hiệu cho khởi hành; binh lính đội mũ sắt nhảy lên bậc lên xuống các toa đĩa, đứng cạnh những quả bom để trong thùng bọc lưới sắt, và đoàn tàu nặng nề lăn qua những đoạn nối, chạy về phương đông.

Khi đường tàu đã được giải phóng, tên chỉ huy nhìn thấy ở đằng xa, bến tàu của cảng Dầu hỏa, cái vạch xanh biếc của biển khơi, một chiếc tàu chở dầu Rumani với một đường ống ở dưới thấp phía đằng sau và bốn toa xe phải sửa chữa có dán những nhãn trắng để trên con đường cụt ở cuối bến tàu. Tất cả quang cảnh này, đối với tên chỉ huy có vẻ hết sức đẹp đẽ, nhất là đã được chấp hành theo một trật tự tuyệt vời. Từ trên liếc xuống cái ngực màu xám, đeo chữ thập ngoặc và cuống mề-đay "Chiến địch mùa đông", hắn tự nói một mình, với vẻ hài lòng chính đáng: "Xô".

Nhưng bỗng ngay lúc đó, giữa cái cảnh đẹp đẽ êm đềm kia xảy ra một việc không hay. Đầu tiên, tên sĩ quan cảm thấy hơn là trông thấy, vẫn không có gì thay đổi, mặt biển vẫn một màu xanh biếc, cái vạch thẳng băng của bến tàu màu xám, những toa xe sơn đỏ có dán những nhãn hiệu trắng, cái chòi con của người

bẻ ghi, hai đám mây màu xà cừ chói lọi bên trên mái chòi sắt, những thùng dầu xăng nom như những vòng quay ngày chợ phiên trong những lá phủ bằng vải bạt, chiếc đầu máy con đẩy hai toa đĩa chất đủ thứ xà gồ. Tất cả những cái đó trông đẹp mắt và thật rực rỡ dưới ánh mặt trời, nhưng xen lẫn vào đó, người ta cảm thấy không biết có một cái gì lộn xộn lạ kỳ, rất đáng lo ngại. Đáng lẽ phải chạy qua cái chòi người gác ghi, các toa đĩa chất đầy xà gỗ lại duyên dáng vòng vào con đường cụt. Tên chỉ huy trông thấy một bóng người từ ngôi nhà con đi ra và nhảy bổ sang bên cạnh. Một tiếng hét của tên lính gác vang lên và liền ngay đó một phát súng nổ, rồi một phát khác nữa. Bây giờ chiếc đầu máy phụt những cuộn khói xanh biếc, mở hết tốc lực, đẩy những toa đĩa chất đầy xà gỗ chồm lên những toa nhỏ màu đó tươi đỗ trên con đường cụt. Từ trên đầu máy đang chạy hết tốc lực, một người cao lớn nhảy xuống, cắm đầu chạy“ nhưng một phát súng nổ không biết ở đâu bắn ra, người đó loạng choạng ngã, rồi nhảy dậy, chạy, ngã giúi, và ngay lúc ấy tên chỉ huy, hoảng sợ, mới hiểu ra rằng có một chuyện gì kỳ quái, không thể cứu vãn được, đang xảy ra như trong một giấc mộng.

25

Piôt Vaxiliêvich leo lên những bậc đá của Viện Bảo tàng và đặt tay vào nắm đấm đồng to tướng từ lâu không lau chùi. Cửa đóng. Hàng cột xây theo kiểu Đôriđơ một màu xanh xám in vào bên trong cổng những bóng đậm. Trên mặt đá lát đã lâu không ai cọ rửa, một chiếc lá ngô đồng rụng sớm bị gió đưa từ ngoài đại lộ vào đấy. Dưới ánh nắng mặt trời, nó ngả sang màu vàng chói lọi. Ruồi từ từ bò trên những bức tượng phụ nữ bằng đá nóng bỏng và những chiếc bình kiểu xi-tờ to tướng đặt giữa hàng cột.

Rõ ràng từ lâu không ai đến thăm viện. Batsây đi trở xuống quảng trường, một quảng trường nhỏ hẹp, vắng vẻ, lấp loáng dưới ánh mặt trời, rồi đi vòng quanh tòa nhà của viện, một mặt nhìn xuống cái dốc thẳng đứng dẫn tới cảng. Ở đây, có một cửa bên bỏ ngỏ.

Piôt Vaxiliêvich vào trong phòng đợi trống không, bụi bậm. Dưới cầu thang, có một chiếc bàn con để bán vé. Nhưng nó cũng vắng tanh và cũng như sàn nhà, phủ một lớp bụi.

Batsây ho mấy lượt. Tiếng ho của ông bị khuếch đại trong phòng đợi trống, bay vào những chỗ cùng thẳm của viện và một lúc sau, dội lại như một tiếng vọng bềnh bồng trên không. Piôt Vaxiliêvich đợi để xem có ai hiện ra gặp mình không. Không có ai cả. Ông liền gõ lộc cộc chiếc gậy xuống đất, định đi khắp các gian phòng trống của viện.

Ông bước không chút vội vã, đúng y như một khách ưa chuộng viện bảo tàng, thỉnh thoảng mới dừng lại trước những chiếc bàn gỗ tần bì vàng, trước những hộp kính bèn bẹt, lơ đãng nhìn những cái bình vỡ, những cái đèn đất, những bình thủy tinh Phênixi mà thời gian làm sáng long lanh và những pho tượng nhỏ tìm được trong các ngôi mộ xi-tờ.

Nhưng tất cả những cái đó không phải là công việc của Batsây. Ông quan tâm đến việc dừng lại gần các sổ trông ra cảng hơn. Toàn bộ nơi đây ngày xưa thật trang nhã nay trở thành một đống hỗn độn những dấu vết của các tòa nhà và các công trình bị phá sập, do đó màu xanh hung hãn của biển cả nom càng hung hãn, càng hoang vắng.

Tay để trên song cửa sổ cao của viện, Batsây cố nhìn những gì đang diễn ra trên cảng, ông biết là ở đó, khắp nơi, thận trọng hết sức và kiên quyết vô cùng, các nhóm riêng biệt và những cá nhân đơn độc thuộc các tổ chức bônsêvich bí mật đang hoạt động. Họ là những người "vô hình" của Đrujinin, những người cộng sản có liên lạc với hầm mộ Uxatôvô, những nhóm do ban chấp hành bí mật quận tổ chức, cùng với hàng chục, hàng trăm

những người yêu nước bí mật khác được các ban chấp hành bí mật các khu phái tới để tổ chức phá hoại công việc vận chuyển và các công trình khôi phục.

Bỗng ông nhìn thấy một cụ già người nhỏ, bụng to, có tấm biển gác cổng cài trên chiếc áo choàng xanh, đi lại phía mình, qua các dẫy phòng của viện, chân kéo lê một đôi giày dạ. Ông cụ bé nhỏ vung đôi cánh tay ngắn và hét lên từ đằng xa:

— Cút đi, cút đi! Anh không thấy viện đã đóng cửa rồi ư? Zakryt! Yukis! Fermato Geschlossen — Cụ hét to bằng tiếng Nga, tiếng Rumani, tiếng Ý, tiếng Đức, vì ở xa cụ không thể xác định được Batsây thuộc dân tộc nào.

Cuối cùng cụ đã tới rất gần để Batsây có thể nhận ra những nét đặc biệt của cụ African Africanôvich Xvêlôviđôp: đôi má sề sệ, cái mũi như chiếc khuy áo, đôi môi dày, cái đầu tròn và cạo trọc, tóm lại, tất cả những nét làm cho cụ African Africanôvich giống như một con chó giữ nhà. Cụ già lắm rồi. Đôi chân cũn cỡn lẩy bẩy bước những bước ngắn. Cái đầu tròn húi trọc toàn một màu xám trắng, hơi ngả màu xanh như màu bạc cũ. Những nếp nhăn buồn bã của tuổi già cày tứ tung trên gương mặt thông minh. Nhưng cụ không có vẻ gì hom hem. Hai con mắt màu hổ phách vẫn rất trẻ. Cụ lại gần Piôt Vaxiliêvich, khoanh đôi tay ngắn ngủn trên bụng và theo một thói quen mà Batsây còn nhớ rất rõ, cụ bắt đầu quay rất nhanh hai ngón tay cái vào nhau. Cụ nhìn Batsây chằm chằm từ chân đến đầu, cố tìm xem khách thuộc dân tộc nào để liệu dùng tiếng nói chuyện với khách:

— Đã đóng cửa! — cuối cùng, cụ nói bằng tiếng Nga.

Piôt Vaxiliôvich nở một nụ cười rộng và cảm thấy hết sức luyến thương.

— Xin chào cụ African Africanôvich! — ông nói, dập hai gót chân vào nhau như hồi còn ở trường trung học, và chào người giáo sư cũ của mình. — Cụ không nhận ra tôi sao?

African Africanôvich quay hai ngón tay cái nhanh hơn trước

cái bụng nhỏ tròn xoe, suy nghĩ một lúc rồi lạnh lùng nói:

— Xin lỗi, tôi không nhận ra ông.

— Sao lại có thể như vậy — Batsây nói, giọng trách móc, không thôi mỉm cười. — Học trò của ông!

African Africanovich nhìn ông khách đã có tuổi mặc chiếc áo xanh lịch sự màu nước biển. Cụ nhìn kỹ gương mặt rám nắng, thấy mái tóc sẫm đã điểm một vài sợi tóc bạc và chải hất ra đằng sau, chiếc nhẫn cưới ở ngón tay, chiếc gậy tre, nhưng không thể nhớ ra là ai cả. Suốt cả cuộc đời dài của cụ, cụ đã có bao nhiêu là học trò! Cụ nhận ra một số, còn một số khác thì không nhận ra. Người này, cụ không nhận ra. African Africanôvich mỉm cười có vẻ như người có tội và xòe hai bàn tay ngắn với những ngón tay vừa ngắn vừa thô:

— Xin lỗi! Ông thử gợi lại cho tôi...

— Gợi cho cụ à? Được.

Hai mắt Piôt Vaxiliêvich bỗng trố ra, vẻ tinh nghịch và, cúi người về phía Xvêlôviđôp, ông nói:

— Phản mề!

— Sao?

— Phản mề! — Batsây hét to lên như nói với một người điếc. Cụ còn nhớ không: phản mề? Luận đề và phản mề!

Lúc đó, nét mặt cụ African Africanôvich chợt sáng lên, hai má phồng ra, hai mắt nhíu lại thành hai kẽ hở, miệng kéo ra đến mang tai và cụ phá ra cười. Cụ cười to, hai tay ngắn cũn cỡn giữ lấy hai bên sườn, tấm thân già nua và nặng nề run lên, rồi phì cười, cụ nói khẽ nước mắt lưng tròng:

— Sao... Sao... Luận đề! Phải rồi, luận đề! Bây giờ tôi nhớ ra rồi, Pêchya Batsây... Thế ra anh đấy ư? Ô, lạy Chúa! Cảm on Chúa, thật tôi không ngờ. Luận đề!... hà, hà, hà!...Luận đề!

Mặc dù việc đó đã qua rồi, từ bấy đến nay đã hơn ba mươi năm, cụ vẫn còn nhớ trường hợp không tiền khoáng hậu đó, xảy

ra trong một bài học lịch sử cổ đại ở lớp năm trường trung học nam. Đang học bài nói về thành "Atenơ", Pêchya Batsây đã bị một Con "hai" và thầy African Africanôvich đôn hậu muốn tìm cách cho cậu gỡ lại. Đây là bài nói về các triết gia Hy-lạp, về Platông, về những câu chuyện đàm thoại nổi tiếng ở thành Atenơ và nhiều điều khác nữa cũng hoàn toàn xa lạ với Pêchya Batsây. Cậu giấu một quyên sách trong ngăn bàn và run lên vì sốt ruột mới đọc xong tập thứ mười cuốn tiểu thuyết những Hang động ở Letvet. Mặc dù tâm hồn đang bị thu hút bởi số phận của tên kẻ cướp cao thượng lúc đó còn lang thang trong những khu rừng Tuy-ranh bí mật, thể xác cậu vẫn ngồi ngoan ngoãn trên cái ghế dài trước bàn và có vẻ rất chú ý đến những cuộc tranh luận ở thành Atenơ. Khi African Africanôvich đi đi lại lại trong lớp, đứng trước bàn của cậu, cậu nhìn giáo sư với cặp mắt rất sốt sắng, rất ngây thơ, rất thông minh, nên African Africanôvich không thể không hồ hởi trước nhiệt tình của cậu.

— Nào ai có thể trả lời được câu hỏi này — Giáo sư nói, tiếp tục đi lại giữa các dẫy bàn học sinh.

Hàu hết đều giơ tay và Pêchya cũng bất giác giơ tay nhìn African Africanôvich bằng đôi mắt im lìm in bóng mờ xanh của các hang động trong rừng. African Africanôvich là một người rất phúc hậu. Ông không có ý gì xấu đối với Pêchya, ngược lại ông rất muốn điều hay cho cậu. Thấy cậu bé giơ thẳng hai ngón tay về phía mình có vẻ rất hăng hái, ông muốn cho cậu có điêu kiện gỡ lại "con hai" nên chỉ ngay cậu.

— Pêchya muốn trả lời — African Africanôvich nói và xoa tay lên cái đầu húi trọc và cứng của cậu bé — Đứng dậy, Pêchya, và hãy trả lời câu hỏi đó.

Chú bé run run, đứng dậy sửa lại cái áo choàng rồi nhìn xung quanh mình có vẻ tuyệt vọng.

— Đừng hấp tấp, cứ bình tĩnh. Suy nghĩ rồi hẵng trả lời. Đó là cái gì?

— Những cuộc tranh luận — Jôra Kôletnisuc ngồi bên cạnh

nhắc, mặt cúi xuống bàn để khỏi ai nhìn thấy.

— Những cuộc tranh luận — Pêchya Batsây nói.

— Đúng. Chúng ta đang nói về những cuộc tranh luận. Các nhà hùng biện ở thành Atenơ trong các cuộc tranh luận, đã đọc những bài diễn văn chính trị. Họ đã xây dựng những bài diễn văn đó như thế nào? Những bài diễn văn đó gồm những phần gì? Phần chủ yếu của bài diễn văn gọi là gì?

Pêchya tưởng mình đã biến thành một pho tượng muối, và mồ hôi chảy ròng ròng trên mặt.

— Phần luận đề — Jôra Kôletnisuc nhắc.

— Phần luận đề — Pêchya Batsây lắp lại như máy giống như một thứ đồ chơi có lò xo.

— Tốt — African Africanôvich nói, làm bộ không nghe thấy đã có người nhắc cho cậu. — Rất tốt. Một em bé ngoan. Phần luận đề. Còn phần thứ hai, ngược lại phần thứ nhất, gọi là gì?

"Phản đề" — Kôletnisuc định nhắc, nhưng thấy đáng điệu sững sờ của Batsây, bản thân chú cũng không ngờ nữa, chú lè lưỡi ra và đáng lẽ phản đề, chú lại nói thầm:

— Phản mề.

— Phản mề — Batsây lặp lại với một nụ cười mỉm của người mê ngủ, cảm thấy mình đã phạm phải một điều gì ghê gớm, không thể cứu vãn được.

— Sao? — African Africanôvich nói — Sao? và ông để bàn tay lên vành tai to và dày, lông tai rậm rì đâm ra giống như những sợi len.

— Phản mề! — Pêchya lặp lại, nghe thật thiểu não nhưng cương quyết. Rất khó mà diễn tả được những điều đã xảy ra sau đó. African Africanôvich chạy lên bục giảng, vẫy vẫy hai bàn tay nhỏ, úp mặt lên một tờ báo. Cụ cười ran toàn thân rung chuyển, cả lớp học đã được giải phóng. Giữa trận bão cười đó, kéo dài đến tận lúc chuông đánh, Pêchya vẫn đứng sững, người như bị đóng

vào thánh giá, nước mắt chảy ròng ròng trên mặt và rơi xuống bàn học, như khi vắt một miếng bọt bể.

26

Hơn ba mươi năm đã trời qua và African Africanovich lại cười như hồi nào về chữ "phản mề" bất ngờ và vô ý nghĩa đó! Nhưng ba mươi năm trước, cụ còn là một nhạc sĩ khỏe mạnh mới bốn mươi tuổi trong tấm áo ngành quốc gia giáo dục. Giờ đây là một cụ già đang sống những ngày còn lại của đời mình, với tư cách một người gác cổng của viện bảo tàng, đau tim và chân run lẩy bẩy. Cụ nửa cười nửa khóc nhìn Batsây rất mực ân cần và buồn bã làm cho Batsây thấy mà đau lòng, ông ôm quàng lấy cụ và African Africanovich, tin cậy như một em bé, nép sát người vào ngực ông, không thôi cười, khóc và lắp bắp:

— Ôi lạy Chúa, lạy Chúa... đã bao nhiêu năm!... Phải, phải, luận đề, phản mề... Pêchya Batsây... Petka... và tôi... Chúng định bắt tôi dạy theo lý luận của chúng. Lý luận của chúng, lạy Chúa! Lý luận của bọn chó má! Bọn chúng vô liêm sỉ đến mức tưởng tôi sẽ dạy cho sinh viên rằng theo nguồn gốc lịch sử, Ôđetxa là của xứ "Trannixtri" hoang đường! Bọn vô liêm sỉ dám đề nghị điều đó với một nhà khảo cổ Nga lâu năm! Hừ! Như vậy anh có bằng lòng không? Và thế là tôi trở thành người gác cổng... A, Pêchya, Pêchya, anh thử nhìn xem lũ súc sinh, chúng đã làm gì đối với thành phố thịnh vượng chúng ta!

African Africanôvich lại gần cửa sổ và đưa bàn tay run run, chỉ ra cảng:

— Tàn phá. Đổ nát. Hỗn độn...

— Sehr gut! — Batsây nói.

— Anh vừa nói gì thế?

African Africanovich lùi lại một bước và nhìn Batsây có vẻ ghê tởm ra mặt, và tuyệt vọng:

— Anh vừa nói gì thế? Có lẽ anh là... không, không. Tuyệt đối không thể thế. Tôi biết rõ ông cụ anh. Cụ là một người Nga yêu nước... Tôi trước là thầy học anh... Tôi đã dạy anh lịch sử Nga.

— Ô hay, cụ African Africanovich! — Batsây nói to cuối cùng hiểu được ý người giáo sư già của mình. — Sao cụ có thể nghĩ như vậy?

— Nhưng anh vừa nói sehr gut — African Africanôvich nghi ngờ nói.

— Cụ tưởng không phải sehr gut sao? Cụ lại đây, nhìn xem!

Piôt Vaxiliêvich kéo cụ già lại gần cửa sổ, quàng tay lên vai cụ và nói nhỏ:

— Cụ hẵng nhìn xem có những gì trên cảng.

— Nhưng có gì ở đấy? — Cụ già lơ đãng nói. — Theo ý tôi, ở đấy chẳng có gì đặc biệt cả.

— Đúng... đúng... — Piôt VaxiKêvich nói nhanh. — Ở đấy chả có gì cả. Chúng mơ tưởng xây dựng lại cảng, nhưng chúng ta không cho phép. Chúng tôi phá tất cả các công trình sửa chữa và khôi phục ở các bến, trên các thuyền bè của cảng, các kênh lạch, các công việc xếp dỡ. Ví dụ, cụ thấy việc khôi phục các bến gỗ tiến hành như thế nào? Đấy, đã gần mười tháng rồi mà mãi đến tận bây giờ vẫn chưa xong tí gì cả. Và sẽ không xong! Các toa xe cần gấp ở sân Hai mươi hai lại được đưa tới các kho chứa Đêvalanôpxkiê một cách khó hiểu hay ngược lại, cái đó tùy theo hoàn cảnh. Các đoàn tàu chở ma-dút trước định chuyển đến nhà máy điện trung ương lại bị đưa đến cảng Dầu hỏa và phải nằm lại đó mấy ngày. Còn chất mô-tê-rin đắt tiền thế, "vì nhầm lẫn" lại được gửi tới ga Ôđetxa cảng, dùng để đốt là vì dầu ma-dút không được giao kịp thời! Nhiều hộp trục bị cháy. Các đoàn tàu phải đứng lại. Lúa mì mục thối trong kho. Mọi người kéo lê như

những con ruồi ngái ngủ.

African Africanôvich từ từ quay đầu lại và nhìn Batsây, nước mắt giàn giụa:

— Thế ra, đấy là... các anh?

— Chúng tôi — Batsay thản nhiên nói.

Tất nhiên theo quan điểm tình báo nhà nghề thì anh vừa làm một việc rất tai hại, để cho African Africanôvich biết được mình là người thế nào, và đã để lộ ra tại sao mình đến thăm cụ. Nhưng ông không phải là một tình báo viên nhà nghề, ông đã hành động theo tiếng gọi của lòng mình, không suy nghĩ, và đã phạm lỗi vì vô ý thức, vì lòng tin tưởng tuyệt đối và yêu quý đối với con người già nua, cô độc ấy, người thầy học cũ, đang đứng trước mặt mình với chiếc áo choàng có tấm thẻ gác cổng, đôi giày bằng dạ cũ, nước mắt giàn giụa trên gương mặt nhăn nheo, phì phị.

— Không phải tình cờ mà tôi tới đây. Tôi tìm cụ. Tôi cần nói chuyện với cụ. Tôi có một điều rất quan trọng phải hỏi cụ. Cụ có thể giúp chúng tôi nhiều lắm.

— Giúp các anh?

— Phải, chúng tôi — Batsây lặp lại, nhấn mạnh vào chữ "chúng tôi".

— Được — African Africanôvich nói. — Nhưng trước hết phải đóng cửa lại đã.

Trong khi African Africanôvich kéo lê đôi giày và rên rỉ đi đóng cửa, Batsây, lòng đầy kính trọng và yêu quý, suy nghĩ về số phận của ông già đáng kính ấy, một nhà bác học Nga, một người có tâm hồn trong sạch của trẻ thơ, một lương tâm tuyệt vời, không thể sa đọa được, và một tấm lòng yêu nước bao la không chịu phản lại tổ quốc, và vì thế mà bọn chức trách phát-xít vô học, ngu xuẩn đã biến ông thành một người gác cổng.

"Họ là thế đấy, những người xô-viết chân chính! — Batsây

nghĩ, ngồi trên bục cửa sổ nhìn xuống cảng. — Có rất nhiều người như thế. Họ chiếm đa số. Họ ở khắp nơi. Trong các trường đại học, dưới hầm mộ, trên các gác xép, những nơi giặt quần áo trong các ngôi nhà đổ nát, trong rừng, ngoài cảng, ở các nhà ga, trong các ban chấp hành bí mật khu của Đảng và thậm chi ở ngay nhà họ...“

Cụ African Africanôvich quay lại và ngồi xuống bện cạnh Piôt Vaxiliêvich, trên mép một chiếc quan tài trong để một cái xác ướp Ai-cập nhỏ, quấn băng đen.

Trên tường, trong một cái khung bằng gỗ tần bì vàng, treo một bức phác họa ngôi kim tự tháp, nơi tìm ra cái xác ướp. Trên bức phác họa đó, có ghi rõ những đường hành lang bên trong, toàn bộ màng lưới bí mật của các lối đi và các ngõ hẻm và đào xuống đất, là địa điểm các hầm mộ nơi để quan tài các vua pha-ra-ông Ai-cập.

— “Từ trên đỉnh những kim tự tháp kia, bốn mươi thế kỷ, đang nhìn ngắm các anh”... — Batsây đọc thuộc lòng như một cái máy.

— Tôi cũng đang nghĩ giống như anh — African Africanôvich nói, mỉm cười hiền hậu. — Bốn mươi thế kỷ nhìn chúng ta và chẳng hiểu gì hết.

Nói xong, cụ ngước đôi mắt màu hổ phách về phía Batsây và thở dài não nuột.

— Chúng tôi nhất thiết phải biết — Batsây nói quả quyết — các lối vào hầm mộ ở trong thành phố nằm ở chỗ nào?

— Tại sao anh hỏi tôi điều đó? Hay đúng hơn, tại sao anh lại hỏi riêng tôi về cái đó?

— Bởi vì Mạc-tư-khoa bảo chúng tôi, ở Ôđetxa có một nhà khảo cổ già đầu tên là African Africanôvich Xvêlôviđôp, một người Nga yêu nước.

Nét mặt cụ African Africanovich rạng rỡ lên:

— Mạc-tư-khoa nói như thế sao?

— Phải. Có lẽ không đúng chăng?

Đáng lẽ trả lời, cụ African Africanôvich lại xoa đầu, xoa mặt như người rửa mặt.

— Khoan đã Pêchya, khoan đã... Tôi có các bản vẽ nhưng tôi đã hủy mất đâu rồi. Để tôi nhớ lại. Có nhiều lối vào... Anh cần các lối vào ở ngay trong thành phố à?

— Đúng thế, ở ngay trong thành phố.

— Tuy vậy, có một lối mà tôi còn nhớ rất rõ: một ngôi nhà lớn bên cạnh câu lạc bộ "Hòa âm" cũ... Anh còn nhớ không? Nhưng tôi nghĩ ngôi nhà đó đã bị bom phá hủy.

— Phải, nó đã bị phá hủy — Piôt Vaxiliêvich nói.

— Nhưng không quan trọng. Ngày xưa, ở tầng nhà dưới đất, ngoài cái sàn thứ hai, có một kho rượu vang lớn, tôi còn nhớ, ngôi nhà của Anh em Xinađinô.

— Cái đó không quan trọng — Batsây sốt ruột nhận xét.

— Theo ý kiến tôi, hiện nay, phải còn những cái thùng to tướng nếu, đúng thế, chúng chưa bị lấy đi... Chính ở đó, sau những cái thùng ấy, trong cùng hầm rượu, là nơi bắt đầu hầm mộ. Nói đúng ra, bản thân hầm rượu cũng là một phần của hầm mộ, nhưng đã được trát xi-măng và biến thành kho rượu vang... Phải, và xa hơn nữa, bắt đầu hầm mộ chính thức, nếu người ta không xây tường chắn mất. Mặc dù tôi cũng nghĩ là người ta không xây tường đâu... Sự thật ngoài tôi ra thì chẳng ma nào biết được là có nó... Chắc vài cụ già ở Ôđetxa có biết nhưng "người thì đã chết, người thì đã bỏ đi"... — African Alricanôvich thở dài, mỉm cười hiền lành và an phận rồi cụ lại xoay tròn hai ngón tay cái trên bụng — Sao, như thế đã được chưa... những lối khác tôi không nhớ!... Không còn trí nhớ như ngày xưa nữa! Ngoài cái đó ra, không phải, tôi nói sai — bỗng cụ African Africanovich nhớ lại — không phải là Anh em Xinađinô mà là Anh em Britanôp... Hay là, đúng hơn, ngôi nhà "Chuông vàng"...

Nhưng Batsây, đã không theo dõi những câu lẩm bẩm của cụ nữa. Ông đã nhảy xuống khỏi bậc cửa sổ, ôm chặt lấy African Africanovich, hôn rất mạnh vào hai má trắng, lạnh và nhăn nheo.

— Cám ơn cụ African Africanôvich! Cụ đã giúp chúng tôi rất nhiều. Bây giờ tôi xin đi đây.

— Đứng lại, anh đi đâu, Pêchya? Tôi cầm chìa khóa.

Và ngay lúc đó, ở đâu ngoài cảng, bỗng lóe lên như một tia chớp thật sáng. Ánh sáng khủng khiếp bay qua các gian phòng của viện, phản chiếu lên các tủ kính. Không khí nổ nghe như thủy tinh vỡ vụn thành từng mảnh nhỏ. Piôt Vaxiliêvich và African Aíricanòvich tự nhiên nép sát vào tường. Một tiếng nổ nữa, mạnh hơn tiếng trước, lay chuyển cả tòa nhà. Họ đợi một lúc rồi cẩn thận ngó qua cửa sổ. Trên bến Dầu lửa, trong bầu trời đỏ rực, lơ lửng đám mây thấp vừa dày vừa đen của vụ nổ, sáng ngời dưới ánh lửa rừng rực. Đó là dầu xăng cháy và trong ngọn lửa, những thùng chứa xăng, cái trước cái sau, nối tiếp nhau nổ, một màn khói nặng nề, ngột ngạt, dày đặc từ từ trùm lên tất cả xung quanh.

— Khá thật — Batsây nói và đi ra không ngoái cổ lại.

African Africanovich lon ton chạy theo, đuổi kịp Batsây trong phòng đợi và mở cửa.

Nhưng trước khi để cho Batsây bước ra phố, cụ African Africanovich với một sức mạnh phi thường, lại ôm lấy cổ ông bằng đôi cánh tay ngắn cũn cỡn, kéo ông vào lòng rồi hôn lấy hôn để lên đầu, lên trán, lên vai, lên ngực, những cái hôn nhẹ và nhanh, rồi thì thầm rất sôi nổi:

— Xin Chúa che chở cho anh! Vì anh dại dột quá, anh Pêchya Batsây bé nhỏ của tôi ạ... Dù sao anh cũng phải cẩn thận... Anh nên biết rõ... Anh sẽ không kịp trở tay đâu... Ôi, lạy Chúa, lạy Chúa!...

Nước mắt chảy ròng ròng xuống đôi má phì phị và nhăn

nheo.

— Thôi đi đi, đi đi! — Cụ gần như hét lên và mãi khi ông ra đến cửa, cụ mới nắm chắc lấy ống tay áo của ông.

— Thế nào, phản mề? — Cụ nói, nửa cười, nửa khóc.

— Phản mề, African Afrlcanôvich, phản mề! — Batsây đáp, vội vã. Ông nắm tay người thày giáo cũ của mình lần cuối cùng, rồi bước ra ngoài phố nóng bỏng, đã bị các xe cảnh sát và xe cứu hỏa, còi bóp inh ỏi, chạy về phía cảng, cày lên.

27

Đêm ấy, trời mưa rất to. Sáng dậy, thảo nguyên ướt át mịt mù sương phủ. Thỉnh thoảng nhìn qua lỗ châu mai, Xiniskin Jêleznư nhận thấy một bụi tường vi nặng trĩu những quả vàng ối bị gió táp tơi bời. Gió rét và rất khó chịu. Mây xanh bay là là trên thảo nguyên. Xiniskin cuộn mình trong chiếc áo ca-pốt nhưng không ấm lên được. Bác bị sốt. Đôi môi xám xịt mím chặt, Xiniskin cố thở bằng mũi. Bác cảm thấy hơi thở mình nong nóng, tiếng máu đập nặng như chì. Bác cố không ho nhưng đôi khi cũng phát ra một cơn ho dữ dội nghe như tiếng xé vải.

Bác ốm nặng và mọi người xung quanh biết là bác không sống được lâu nữa. Nhưng bác cố giấu bệnh tình và không để cho ai nói tới. Nếu có ai nói đến bệnh tình của bác, bác lại quằn quại khủng khiếp. Thậm chí có khi bác phát điên lên. Secnôivanenkô đã viện đủ cớ để miễn nhiệm vụ canh gác ở cửa ra vào cho bác nhưng bác một mực không chịu. Trái lại bác tìm mọi cách để được làm nhiệm vụ. Secnôivanenkô hiểu điều đó. Xiniskin muốn thử không khí trong lành. Ngoài ra, bác lại xấu

hổ về bệnh ho khủng khiếp của mình. Đứng gác, bác có thể khuây đi, không sợ làm phiền đến đồng chí. Bác thở không khí trong lành và ho.

Đêm ấy, bác cảm thấy khó chịu lạ thường. Cơn sốt phát từ buổi chiều và kéo dài suốt đêm. Sáng ra, con sốt vẫn chưa lui và cơn ho như xé phổi. Cố nén những cơn ho đau đớn, mồ hôi nhờn lấp lánh, trên vầng trán xương và gò má, Xiniskin Jêleznư nhìn ra thảo nguyên qua khe hở. Bỗng bác trông thấy một người bước giữa đám cỏ dại không phải đường đi. Anh ta có vẻ bị lạc đường hay đang tìm một vật gì trên thảo nguyên, thỉnh thoảng lại đứng dừng lại, nhìn khắp tứ phía có vẻ sợ hãi. Đây là một người thành thị, mặc áo tuýt-xo, đầu không mũ, tay cắp chiếc cặp da lớn màu vàng! Bùn lấm đến tận đầu gối, bị trận mưa đêm ướt sũng, tóc bết vào trán, râu mép rối tít, người đó đi thẳng đến chỗ Xiniskin, nhìn về phía trước nhưng mắt không thấy gì hết. Anh ta đến sát quá đến nỗi Xiniskin nghe được cả tiếng thở hổn hển, mãnh liệt và thấy rõ từng nét trên gương mặt đỏ bừng, đầy những chấm lạ kỳ và những vết bùn nhỏ.

Đi ngay vào giữa những bụi cây, gai mắc cả vào quần, người đó biến khỏi tầm mắt của Xiniskin. Bác chưa kịp nhận ra người kia và tại sao anh ta đến đây, thì nghe có tiếng chó săn sủa tiếng một, người hét xa xa, những phát súng nổ, và người cắp chiếc cặp màu vàng vấp ngã đâu đó ở bên trên, đâm thẳng vào một bụi cây. Hai con chó béc-giê Đức, lao vút qua trên người anh ta, nhảy lùi lại đằng sau rồi đứng sững trước mặt, vểnh mấy cái tai cắt nhọn hoắt, đuôi run run, rống lên những tiếng sủa độc ác và cắt quãng.

— Các bạn, các đồng chí! Cứu tôi với! — Người nọ kêu lên, đầu chúi xuống đất và Xiniskin thấy máu trên ống tay áo tuýt-xo rách.

Tiếng kêu ấy và nhất là tiếng các "đồng chí" đầy lo sợ và hy vọng làm cho Xiniskin hết sức kinh ngạc, nên bác thò đầu ra khỏi hầm và hỏi:

— Anh làm gì đấy? Anh là ai?

Người kia ngẩng mặt lên, nhưng đàn chó nhảy chòm ngay vào người anh, để cẳng lên vai và sủa dử tợn hơn nữa. Nhưng người nọ đã kịp trông thấy Xiniskin với chiếc áo ca-pốt cũ, bám đầy bụi hầm, chiếc mũ cát-két da, một chiếc kê-pi "chính ủy", một băng tiểu liên thay cho thắt lưng, hai mắt sâu hoắm trên một hộ mặt xương xẩu màu đất.

— Đồng chí, tôi là người của các anh... của các anh... Hãy giết những con quỷ này đi cho tôi — Anh ta rền rĩ — Anh biết rõ đấy, tôi là người của các anh. Tại sao anh cứ đứng nhìn tôi? Tôi không hiểu — anh ta nói, gần như muốn khóc.

Trong lúc đó, nghe có tiếng chân người chạy, những tiếng hét bằng tiếng Đức, và liền ngay đó, một tiếng súng nổ. Viên đạn rít lên như tiếng roi quất. Lá, quả, và những giọt nước mưa, trên các bụi cây đổ rào rào.

Xiniskin quả quyết nhảy bổ tới trước và dùng báng súng đánh đàn chó. Một con lập tức bị ngay một cú khủng khiếp, đầu giập ra, con kia nhảy xổ vào bác, nhưng người cắp cặp đã đứng lên được, lấy hết sức đá cho nó một cái. Con chó rống lên và, ngay lúc đó, Xiniskin nện thêm một báng súng vào đầu nó. Chỉ một nháy mắt bác đã đẩy người cắp cặp vào trong hầm trú ẩn, đưa anh ta xuống dốc dẫn về đường hầm.

— Bây giờ, nghiêm! Giơ tay lên! Và không được quay lại

Người cắp cặp sợ hãi giơ tay lên.

— Bước! — Xiniskin ra lệnh.

Mặc dù không nhìn thấy gì trước mặt, người nọ vẫn đi tới, chân giơ lên cẩn thận như con cò. Xiniskin soi đèn cho anh ta. Người nọ nhận ra một con đường hầm rất hẹp.

— Bò! — Xiniskin nói.

Người nọ chống cả tay lẫn chân, miệng cắn lấy cặp rồi bò. Sau một thời gian ngắn, lại thấy có ánh sáng lờ mờ trên lưng và

người nọ thấy mình đã ở trong một cái hang nhỏ.

— Đứng!

Anh ta đứng dạy.

— Giơ tay lên!

Anh ta giơ tay và dựa vào bức tường đất ẩm, kẹp chặt chiếc cặp vào hai đầu gối. Một ngọn đèn pin nhỏ rọi vào mặt. Rõ ràng có người đang kiểm tra anh. Rồi ngọn đèn con tắt ngấm... Mười lăm, thậm chí đến hai mươi phút trôi qua trong bóng tối hoàn toàn. Cuối cùng một vệt ánh sáng hiện ra ở đằng xa. Nó đung đưa và tiến lại gần. Trong đường hầm, một người xách đèn bão đang đi tới.

— Có chuyện gì thế? — Anh ta nghe một tiếng nói quen thuộc trong cùng bóng tối.

Cây đèn lồng giơ cao lên. Một luồng ánh sáng có khía rọi lên người cắp cặp và Secnôivanenkô nhận ra Kôletnisuc. Ngạc nhiên, ông suýt buông rơi cây đèn lồng, ông chắc là một người nào chứ không phải Kôletnisuc.

— Anh đến làm gì đây? — Ông kêu lên, gần như hốt hoảng — Còn cửa hàng?

— Ma bắt nó đi! — Kôletnisuc nói, thở hổn hển và hai cánh mũi phập phồng — Anh có thể tự buôn bán lấy, tôi không làm "Anh em Pơtasnikôp" cho anh nữa đâu!

— Sao thế? Anh sao thế? — Secnôivanenkô mất cả bình tĩnh không tìm ra chuyện để nói — Anh sao thế? Làm sao... làm sao anh lại rơi xuống đây?

— Rơi xuống! — Kôletnisuc nói — Tôi đã lùng suốt đêm, qua thảo nguyên, xung quanh các trang trại Uxatôvô, để đánh hơi tìm những hầm mộ chết tiệt của các anh.

Vẫn theo thói quen, trong những lúc phấn khởi như vậy, Kôletnisuc thường nói một thứ tiếng pha lẫn những tiếng Nga với tiếng Ukren, thứ tiếng nói của vùng Hắc-hải mà người ta gọi

là “xuocjik”, nghĩa là một thứ hổ lốn lúa mạch và lúa mì.

— May mà bọn chó chết tiệt không xé xác tôi ra và bọn Rumani không tóm được tôi.

— Khoan đã — Cuối cùng Secnôivanenkô dần dần bớt ngạc nhiên, nói — Khoan đã, Jôra!

Ông nhíu trán lại và lim dim đôi mắt.

— Anh có quyền gì — Ông nói rít trong miệng — Anh có quyền gì mà được bỏ vị trí chiến đấu? Anh có biết như thế là thế nào không? Anh là một tên đào ngũ! Anh hiểu chưa?... Tại sao anh im lặng thế?

— Tôi bị phá sản — Kôletnisuc buồn rầu đáp — Như thế được chưa? Và anh có thể xử phạt, hay thậm chí bắn chết tôi đi... Thực thế, các đồng chí — Giọng nói của Kôletnisuc có vẻ như hét chứ không phải là nói — Các anh đã giao cho tôi một nhiệm vụ như thế nào? Không phải một nhiệm vụ, đấy chỉ là một nhà ngục! Chỉ toàn bọn kẻ cắp! Thử hỏi một người xô-viết có thể chịu được như vậy không? Các đồng chí cứ nghĩ mà xem...

Kôletnisuc đứng đã mỏi, buồn rầu ngồi thụp xuống, lưng tựa vào tường. Bỗng ông nhớ lại tất cả những điều đã xảy ra, người ta đã làm nhục ông như thế nào, người ta đã lừa gạt ông ra sao, và ông hét lên như điên. Ông lại đứng phắt lên và nện gót chân xuống đất.

— Ôi quân khốn nạn! Đồ ghẻ lở độc ác! Quân kẻ cắp! Ăn bám! Schmucklers! — Ông hét lên và suýt khóc òa lên vì nhục nhã — Nếu nó rơi vào tay tôi, thằng Môtsiônưkhơ kia! Tôi sẽ cho nó biết tay! Một thằng kẻ cướp như nó! Đồ chó chết có một không hai... Còn thằng vô lại, thằng ăn cắp Iônen Mirêa... Nhưng, tên này, được... Nó đã được gì? Tôi đã cho nó một trận đích đáng... — ông nói, chợt bình tĩnh lại rồi nhếch ria lên mỉm cười có vẻ độc ác — suốt đời nó sẽ mãi mãi nhớ tới tôi nếu nó không bị toi mạng trong buồng để hàng. Được, hẳng biết thế! — Kôletnisuc trao cái cặp màu vàng cho Secnôivanenkô.

— Cái gì thế này? — Secnôivanenkô hỏi, ngần ngừ, tay cầm lấy cặp.

— Cái cặp của thằng Iônen Mirêa khốn nạn — Hai cánh mũi lại phồng lên, Kôletnisuc xác định — Anh có thể nhận lấy. Ở đấy có số vốn còn trong quỹ, tiền mặt, vàng với tờ hối phiếu nổi tiếng của Mêfôdi Muntêanu và bày chó đẻ: Bá-linh, Viên, Bucaret, Ăngkara, Côpen- hago, Môngtêviđêô...

Ông lại nổi giận nhưng tự trấn tĩnh nhanh chóng để vừa nói vừa mỉm cười buồn bã và khiêm tốn:

— Đấy, có thể nói đó là tất cả vốn liếng còn lại của cửa hàng đồ cũ "Jorjơ".

28

Vài hôm sau, trong quá trình thảo luận về trường hợp của đồng chí Kôletnisuc đã không hoàn thành nhiệm vụ, đã hủy bỏ trạm liên lạc bí mật, toàn thể nhận thấy trong thời gian gần đây cửa hàng bán đồ cũ "Jorjơ" đã trải qua nhiều cơn dông tố. Khi Iônen Mirêa đến nhận tiền, Kôletnisuc không định trước, đã thô bạo lôi hắn vào trong buồng hàng, giật lấy cái cặp đựng mẫu hàng trong tay hắn, và đã dùng sức đánh vào gáy hẳn. Tên Mirêa bất tỉnh nhân sự, ngã nhào xuống như một cái bao tải trên đống giẻ rách. Mất hết trí khôn, Kôletnisuc đã lột của hắn hai chiếc nhẫn kim cương, nhét tất cả số tiền để trong quỹ vào cặp, khóa cửa hàng lại và cứ thế, không mũ, áo tuýt-xo không cài, ông chạy thẳng về phía Uxatôvô. ông đã lang thang một ngày một đêm xung quanh làng, tìm lối vào hầm mộ.

Và trên cửa hàng "Jorjơ" người ta chỉ để một chữ thập.

Họ nhìn nhau bằng những cặp mắt long lanh của tình nhân, và không cầm giọt lệ. Họ mơn trớn bàn tay nhau và mái tóc nhau. Chồng để đầu lên vai vợ và lim dim đôi mắt đầy hạnh phúc.

— Em Raitxa yêu quí của anh, gặp em, anh sung sướng quá, em không thể, phải, em không thể tưởng tượng được — ông lặp đi lặp lại mãi không thôi — Nàng tiên của anh, con bồ câu xanh của anh, anh nhớ em quá!

— Thế em, dễ em không nhớ sao? — Raitxa Lvôpna nói dịu dàng — Suốt thời gian vừa qua em không thể yên tâm lấy được một phút.

— Raitxa, em không thể nào tưởng tượng được cái cơn ác mộng của việc buôn bán cá thể! Khủng khiếp lắm. Thà thắt cổ mà chết còn hơn!

— Phải, nhưng anh đã phá bỏ mất trạm liên lạc! — Raitxa nói nghiêm khắc.

— Raieska! — Kôletnisuc rầu rĩ đáp — nếu em biết! Nếu em trông thấy!... Không phải một cuộc sống! Mà là rừng xanh! Khòng phải những con người! Mà là hổ báo!

— Cần phải nhẫn nại chứ.

— Bản thân anh cũng biết cần phải nhẫn nại. Anh đã nhẫn nại. Nhưng người ta có thể nhẫn nại được bao lâu? Và anh đã không thể chịu được. Anh đã hoàn toàn hóa dại... Trạm liên lạc dù thế nào cũng mất. Chính những tờ hối phiếu đã làm hại! Nhưng anh sẽ đái tội lập công... Anh thề với em, anh sẽ chuộc lại...

Ông cảm thấy hết sức khổ sở. Ông tự xem mình là một kẻ phạm tội.

Cả hai lặng lẽ nhìn nhau rất lâu và trìu mến lắc đầu như không thể tin được hạnh phúc của mình. Kôletnisuc cắt tóc và xén ngắn bộ râu mép đi một tý. Bây giờ ông lại giống Kôletnisuc đôn hậu xưa kia.

— Thật thế, Raieska ạ, anh sinh ra quyết không phải để cho chủ nghĩa tư bản — ông buồn rầu nhắc lại.

Raitxa Lvôpna cũng đã thay đổi. Và thay đổi bất thình lình. Mặc dù bà vẫn mặc chiếc áo vét da cộng sản thời chiến nhưng trên nét mặt đã lộ rõ vẻ yêu kiều của người vợ trung thành và người nội trợ đảm đang Ôđetxa.

Một thế giới lạ lùng gần như kỳ quái bao vây lấy Kôletnisuc: vòm đất thấp lè tè, động đá vôi, những ngọn lửa đuốc nhỏ bí hiểm, đèn bão có lướt sắt, bóng tối dày đặc trong đường hầm thăm thẳm.

Nhưng ơn Chúa, ông lại cảm thấy nhẹ nhõm thoải mái trong cái thế giới ngầm này, giữa những con người xám bụi, những con người chân chính, những người xô-viết tốt, những đồng chí mà luôn luôn mình có thể tin tưởng, họ sống và làm việc vì một mục đích duy nhất: đấu tranh cho tự do và độc lập của tổ quốc xô-viết!

Trong số đó có những người ông đã quen ở cửa hàng "Jorjơ". Một số, ông mới gặp lần đầu. Trong cái hang mà ở đây người ta gọi là "góc đỏ", ông trông thấy một em gái lớn, đã gần là một thiếu nữ, và một anh thanh niên ngồi trên những chiếc ghế con bằng đá, đang nghiên cứu một chiếc máy thu thanh. Đó là Xviatôxlap và Valentin Pêrêpêlitxkaia đang ôn lại bài học nhỏ về kỹ thuật vô tuyến điện. Cuối cùng ông để ý tới một em bé mà, lạ thay, không phải ông không biết; em đang lau đạn dưới ánh một ngọn đèn con.

— Còn cậu kia là ai mà xinh trai thế? — Kôletnisuc hỏi.

— Ôi mẹ! Em quên chưa nói với anh — Raitxa nói — Pêchya, lại đây, cháu không nhận ra người này sao?

Cậu bé lại gần, chùi tay vào quần và Kôletnisuc, ngạc nhiên quá, nhận ra dưới ánh đuốc yếu ớt, cậu con trai của Piôt Vaxiliêvich, mới một năm mà đã lớn như thổi, chính em bé Pêchya này, ngay lúc trước chiến tranh, đã tới chơi ở nhà ông, ở "biệt thự". Pêchya cũng đã nhận ra Kôletnisuc.

— Bác Jôra! — Chú mừng quýnh reo lên.

Chú nhớ lại những quả cà tím, món cà bung với những con cá, những ngày sung sướng không thể quên được ở Mạc-tư-khoa, nhớ mẹ, nhớ các cô em gái, những ước mơ được chu du thiên hạ, nhớ cô bé ăn mặc sặc sỡ và những đợt sóng biển cứ đều đều tan ra trước "biệt thự Kôletnisuc". Chú nhìn bác Jôra bằng cặp mắt đen long lanh, và trong mỗi mắt phản chiếu tia sáng vàng của bó đuốc. Kôletnisuc nắm lấy đôi vai gầy nhưng đã rộng gần như vai thanh niên của chú và kéo chú lại gần. Rồi trong khi Raltxa tíu tít kể lại trường hợp Pêchya rơi vào hầm mộ như thế nào, Kôletnisuc vuốt ve và hôn chú bé, dịu dàng nhìn ngắm gương mặt gày, xanh xao phủ một lớp bụi ngầm xám xịt. Phải, từ năm ngoái lại nay, chú đã lớn lên nhiều, chú đã hoàn toàn có vẻ "người lớn" và giống hệt bố, giống Piôt Vaxiliêvich làm sao. Nhưng chợt Kôletnisuc nhớ lại, Piôt Vaxiliêvich không còn là một người bạn hồi thơ ấu, một người bạn cũ nữa. Bây giờ hắn đã là một tên phản bội. Kôletnisuc hình dung thấy Piôt Vaxiliêvich đúng y như mới đây ông vừa gặp, ở cửa hàng "Jorjơ", chiếc nhẫn cưới đeo ở ngón tay, quần màu kem, áo màu xanh nước biển đỏm dáng, với chiếc gậy tre đu đưa sau lưng, như một gã công tử bột. Cha nào con nấy. Giống nhau thế! Nhưng giữa hai người, cách biệt biết mấy! Một trời một vực. Rồi nước mắt ông bỗng trào ra.

Không biết ý nghĩ của Kôlôtnisuc trong lúc đó, Pêchya hôn ông, ôm chặt lấy ông như đối với bố mình và đứng im, cảm thấy dạt dào một tình yêu nồng nàn và tin cậy đối với một người rất gần gũi nhưng thực tế cũng rất xa lạ.

Nhưng chú chợt cảm thấy xấu hổ vì tình cảm trẻ con đó. Mặt chú ngượng ngùng ửng đỏ: vì chú không còn là một em bé nữa. Chú đã gần như một người lớn, "một cán bộ bí mật già dặn". Trề môi, chú bắt tay Kôletnisuc rồi lảng về chỗ cũ lau đạn. Kôletnisuc, vội vàng ghé vào tai Raitxa Lvôpna, vẻ quan trọng, thì thầm kể cho vợ nghe việc phản bội của Batsây.

Raitxa Lvôpna kinh ngạc nhìn chồng, không thể nào tiếp thu

được cái tin ghê gớm đó.

— Sao... sao... anh nên bình tĩnh lại! — Bà ấp úng đứng sát vào vai chồng... — Trong đó, có một cái gì không bình thường. Chắc anh nhầm...

— Em biết không, Raieska, bản thân anh cũng không tin khi hắn bước vào cửa hàng. Quần trắng, áo xanh, một chiếc nhẫn ở ngón tay. Hắn không bao giờ đeo nhẫn. Em có thể tin lời anh nói! Và hắn còn làm việc cho bọn Rumani với tư cách là cố vấn luật pháp...

— Piôt Vaxiliêvich... Pêchya Batsây... Lạy Chúa! Cho bọn Rumani? Thế thì còn tin ai được nữa?

— Một cơn ác mộng — Kôletnisuc nói rất nhỏ, đưa ống tay áo lên lau mồ hôi trán.

— Anh đã nói chuyện này với Secnôivanenkô chưa?

— Chưa.

— Cần phải báo cho đồng chí ấy biết. Biết đâu.

— Anh sẽ báo... Em thử tưởng tượng, Raieska! Pêchya Batsây, đào ngũ, phản bội tổ quốc... y như trong một con ác mộng hãi hùng! Nhưng, xin em đừng nói gì với thằng bé.

— Đúng thế! đúng thế, không nên nói với thằng bé! Một thằng bé vừa xinh vừa dễ thương! Việc đó sẽ làm cho nó tổn thương nhiều quá!,.. Tội nghiệp thằng bé!

Ngay ngày hôm đó, nhân lúc thấy Sccnôivanenkô ngồi một mình trong "góc đỏ", Kôletnisuc liền báo cáo với ông tất cả về sự phản bội của Batsây. Nhưng Kôletnisuc rất ngạc nhiên thấy Secnôivanenkô có một sự phản ứng hết sức lạ lùng, dù sao cũng không mảy may như ý Kôletnisuc tưởng tượng, ông lắc đầu có vẻ hoài nghi và sau một lúc, im lặng, hỏi:

— Anh hoàn toàn chắc chắn là chính Batsây đã vào cửa hàng?

— Nói gì vậy, anh đùa sao?

— Nhưng nếu không phải là Batsây?

— Thế thì ai? Dễ tôi mù à? Thế mà anh cười được! Hay là có thể tôi thiếu cái gì trong này chăng? — Kôletnisuc quay quay ngón tay trước đầu mình — Đích thân Batsây. Anh có thể tin ở tôi!

— Hẵng cho là như thế. Thế rồi sao nữa?

— Tôi trình bày với anh rồi thôi. Hắn đã trốn khỏi Hồng quân, hắn đã ở lại trong vùng địch chiếm và làm cố vấn luật pháp cho một công ty hỗn hợp Rumani — Hoa-kỳ. Như thế có đẹp mặt không?

— Chẳng đẹp mặt tí nào.

— À, à.

— Hết rồi chứ?

— Hết.

— Tốt. Bây giờ đến lượt tôi... Anh thử hình dung một điều: một anh chàng Kôletnisuc, Ghêorghi Nikiforovich, cán sự ba quân nhu, sĩ quan Hồng quân, đã bỏ trốn khỏi trung đoàn... Không, đừng ngắt lời tôi! Hắn đã ở lại vùng địch chiếm, đã để một bộ ria mép nom rõ gớm, và đã mở một cửa hàng bán đồ cũ hết sức đàng hoàng dưới cái danh hiệu ngu xuẩn là "Jorjơ". Như thế có đẹp mặt không?

Kôletnisuc đứng không yên chỗ.

— Vâng, hoàn toàn là chuyện bẩn thỉu! Anh biết rõ rằng...

— Tôi biết, nhưng những người khác có biết không?

— Những người khác, tất nhiên là không biết.

— Đấy.

— Đấy là thế nào?

— Chính là như thế.

— Tôi... tôi không hiểu...

— Cố mà hiểu.

Đôi mắt Secnôivanenkô long lanh, vừa hết sức nghiêm khắc lại vừa dịu dàng, mơ mộng lạ thường.

— Tại sao chúng ta lại cứ bắt buộc phải nghĩ điều xấu? Có phải không?

29

Sau khi đã hoàn thành công tác ở cảng, làm nổ bốn toa mìn, đốt một chiếc tàu chở dầu và một số thùng xăng, và cứu được, nhờ "cái ô" bố trí trên chiếc Fecđinăng, ít nhất là năm sáu trăm tấn lúa mì xô-viết, Secnôivanenkô gọi mọi người trở về hầm mộ và tạm ngừng hoạt động một thời gian. Bây giờ ông đã nhận thức được đầy đủ sức mạnh của mình và hiểu rằng tất cả đều tùy thuộc vào sự chuẩn bị. Ông bắt đầu chuẩn bị, không vội vàng, một hành động mới, một đòn đánh vào nhà máy sửa chữa toa xe. Ông đã qua một cuộc thăm dò cẩn thận về tình hình và về việc thuyên chuyển những người trong tổ chức của mình đến các điểm quan trọng. Việc bất ngờ mất trạm liên lạc, cửa hàng đồ cũ "Jorjơ", đã làm cho việc chuẩn bị phải ngừng lại một thời gian. Phải tìm một trạm liên lạc khác. Nhưng một sự kiện mới đã xảy ra; trong một chừng mực nào, nó đã làm đơn giản tình hình và đặt ra cho ban chấp hành bí mật khu những nhiệm vụ mới.

... Pêchya đi trong con đường hầm hẹp và thấp, tay chống một cái nạng con như một ông già. Còn một tay, chú cầm một cây đèn bão. Để tiết kiệm triệt để chất đốt chú bé vặn bấc thật thấp xuống và ngọn đèn chỉ le lói vừa đủ để thấy đường đi và không vấp phải đá trong bóng tối dày đặc. Pêchya đi chuẩn bị bài học.

Không xa "đại bản doanh", có một cái động thấp và khá rộng, với một khoảng đất bằng trên phủ một lớp bụi dày. Trên khoảng đất thay cho giấy và bảng đen này, Pêchya giải những bài tính và làm những bài viết. Do một mệnh lệnh đặc biệt của đơn vị, Pêchya được giao phó cho Valentin và mỗi tuần ba lần, phải học tất cả các môn để khỏi chậm so với nhà trường.

Secnôivanenkô đích thân giám sát nghiêm khắc và tỉ mỉ để việc học khỏi bị sao nhãng, ông rất coi trọng điều này và không hề dễ dãi đối với Pêchya. Có khi tự ông kiểm tra kết quả học tập.

Trong hầm mộ, không có sách giáo khoa. Nhưng Valentin nhiều tuổi hơn Pêchya và học hơn chú hai lớp. Trí nhớ của cô rất tốt. Cô dạy và ra bài tập cho chú toàn bằng "trí nhớ". Để Pêchya khỏi lơ đãng trong học tập, người ta đã tìm được một cái hang hẻo lánh để chú làm bài tập và giải các bài tính bằng ngón tay lên lớp bụi. Rồi Valentin tới, nghe chú, hỏi chú, và chấm điểm.

Pêchya đi trong đường hầm, thỉnh thoảng đứng lại và khắc lên tường, bằng một cái đinh, dấu hiệu chung của chú và Valentin để người ta có thể tìm thấy chú trường hợp chú bị lạc đường. Đó vẫn là một thích thú thầm kín của chú khi được khắc lên lớp tường hơi láp lánh chữ "P" của chú và chữ "V" của bạn. Bây giờ, trong niềm vui sướng thầm kín đó, có một nỗi buồn kín đáo. Pêchya cảm thấy mỗi ngày Valentin như xa dần chú và trở nên lạnh nhạt, khó gần hơn. Đồng thời, chú thấy rõ, điều này không thể không thấy được, là cô đã thay đổi và đã biến thành một thiếu nữ xinh đẹp.

Pêchya còn là một chú bé mà cô đã là vị hôn thê của một người khác. Chưa ai biết việc đó, nhưng Pêchya không còn nghi ngờ gì về vấn đề này nữa. Đối với chú, chỉ cần nhìn hai người ngồi bên nhau, Valentin và Xviatôxlap, là tất cả đều sáng tỏ.

Hiện nay, họ thường ở bên nhau. Họ nghiên cứu kỹ thuật vô tuyến điện. Secnôivanenkô đã giao nhiệm vụ đó cho họ. Hàng ngày họ ở bên nhau, cúi đầu trên chiếc máy thu thanh. Tóc họ xòa lẫn vào nhau, họ nói chuyện nhỏ với nhau, ở đàng xa,

Pêchya luôn luôn trông thấy cả hai người. Chú cảm thấy lúc nào họ cũng ở cạnh nhau, cả những lúc họ không ở bên nhau.

Và thậm chí khi Valentin ở bên cạnh Pêchya, lau đạn hay đọc bài cho chú, cả những lúc đó, Pêchya cũng biết là cô vẫn ở bên Xviatôxlap.

Mấy lâu nay, Valentin rất tử tế và rất ngọt ngào với Pêchya. Vừa lạnh nhạt vừa ngọt ngào. Trước kia, khi còn ở tuổi chú, một em gái bé, cô không bao giờ tử tế cũng không bao giờ ngọt ngào. Trái lại, cô rất hay cãi bướng. Chúng sinh sự với nhau luôn. Bây giờ, chúng không cãi nhau nữa, thường thường cô nhịn chú tất cả. Và đấy là điều đau khổ nhất.

Pêchya có yêu Valentin không? Ai có thể trả lời được câu hỏi đó? Bản thân chú cũng không biết mình có yêu hay không. Tuy nhiên hình như đó là một tình yêu thực sự, một tình yêu với ý nghĩ cao quý nhất của nó, trong trắng nhất và cũng cay đắng nhất của chữ đó.

Thậm chí chú đã sống trải qua một cái gì giống như thế rồi.

Nhưng không gì có thể so sánh được với mối tình của chú đối với Valentin. Valentin hòa lẫn vào tất cả mọi thứ chung quanh chú, với tất cả nội tâm chú. Cô là bản thân chú và nếu cần đặt cho tâm hồn chú một cái tên thì đó không thể nào khác là Valentin.

Chú mơ thấy cô luôn, hay đúng hơn chú mơ thấy tất cả trừ cô ra, nhưng bí mật, vô hình, cô vẫn ở đấy trong giấc mơ và cái hình bóng không thể nhận thấy của cô xen lẫn vào tất cả một cách cay đắng. Chú mơ thấy người, đồ vật và sự kiện. Chú mơ thấy mẹ, thấy các em gái đang chạy trong vườn, mẹ đang nhìn một chiếc máy bay trên trời và trên đầu mẹ, một đàn ong đang bay; rồi chú với bố — ông bố cao to bên cạnh cậu bé con — túi cõng trên lưng đi giữa thảo nguyên nóng bỏng và cháy vàng, không khí ở chân trời loãng ra như một dòng sông, ảnh cây cối chập chờn trên không, những chiếc xe tăng nhỏ nhả đạn, thành phố sụp đổ, Pêchya trong giấc mơ nép vào bố, chiếc tàu cháy,

chú bé con bềnh bồng khi trên cao khi dưới thấp như đứng trên đu, và tổ quốc nhìn vào mặt chú bằng vẻ nhìn khô khan, bừng bừng, những đám mây bay nhanh trước vừng trăng lạnh như một đoàn kỵ binh, và xen lẫn vào tất cả cái đó là ảo ảnh của Valentin, mặc toàn trắng, gương mặt tái nhợt, hai mắt xanh trong đang đi xa chú, xa, xa mãi, vừa khóc vừa đi xa, và không thể biến mất hoàn toàn...

Pêchya tới hang, để cây đèn lên một hòn đá rồi rút trong túi áo ra một mảnh giấy con trong đó có ghi hai bài làm và tám bài tập phải giải. Chú ngồi xổm và chuẩn bị dùng ngón trỏ thay bút chi viết lên mặt đất. Bỗng chú thấy, đúng ngay trước mặt mình, một hình chữ nhật trên lớp bụi, trong đó có kẻ chữ "Mèo" bằng những chữ rất to. Pêchya nhớ rất rõ lần cuối cùng, lúc chú làm bài, không có hình vẽ này. Làm bài xong, bao giờ chú cùng lau cẩn thận "tấm bảng đen", nghĩa là lấy lòng bàn tay xoa lên mặt đất. Bây giờ ở chỗ đã xoa lại thấy rất rõ chữ "Mèo" kỳ quái này, khoanh trong một cái khung hình chữ nhật.

Pêchya kinh ngạc nhìn gần như khiếp sợ, giống như Rôbinxơn Cruzôê thình lình nhìn thấy trên bãi cát của hòn đảo không người một vết chân đi đất. Chắc chắn là mới đây có một người lạ tới chỗ này. Chưa kịp nghĩ tới cái chữ khủng khiếp "một người lạ" thì chú lại nhìn thấy trên mặt đất bằng của cái hang nhiều vết chân. Những vết chân này có thể của một người đi lại trong hang, nhưng cũng có thể có nhiều người ở đây.

Pêchya giơ cây đèn lên và thấy một que diêm tắt, rồi một mẩu thuốc lá gí xuống đất.

Cái hang ở chỗ gặp nhau của bốn năm con đường ngầm chạy tỏa ra nhiều ngả khác nhau. Chú bé cảm thấy như có ai nhìn mình. Chú đứng im. Chú định nhảy lùi lại, nhưng không cử động được...

30

Cuối cùng, cố lấy hết nghị lực, Pêchya trấn tĩnh lại được và bỏ chạy. Chú chạy, người đẫm mồ hôi, vấp cả vào đá. Rồi chú bò. Cái đèn cầm không vững cứ va vào tường. Chú bị xước đầu gối. Có lúc, Pêchya nằm xuống, rụt cổ, lắng tai nhưng chẳng nghe thấy gì ngoài tiếng tim mình đập. Chú lại chồm dậy, ù té chạy, rồi bò, rồi lại ngã, mặt chúi vào bụi đá trong hầm ngầm... Nhưng, trước mắt chú đã nhìn thấy một đốm lửa. Đó là "ngọn đèn pha" ở lối vào đại bản doanh. Cúi lom khom, chú bước vào "buồng giấy" của đồng chí bí thư thứ nhất. Hai đầu gối run lẩy bẩy.

— Bác Gayrick, ở đằng kia... những người lạ... — Pêchya nói, thở không ra hơi.

Chú ngã khuỵu xuống đất, tựa người vào tường.

Họ đứng ngẩn ra trước cái chữ kỳ quái: "Mèo" và im lặng, xem xét que diêm tắt, mẩu thuốc lá Rumani, các vết chân. Từ trước đến nay, họ cảm thấy họ là những chủ nhân duy nhất của hầm mộ Uxatôvô. Bày giờ rõ ràng ở dưới đất, ngoài họ ra, còn có những người khác nữa. Đây là một sự bất ngờ hết sức khó chịu.

Vậy những người đó là ai: bạn hay thù? Họ có thể là bạn mà cũng có thể là thù. Các vết chân không nói được gì hết. Hình như họ có ba người. Họ đánh diêm và hút thuốc. Hình như họ có điều tra trong hang. Rồi, cứ xét theo những vết chân, họ đã quay trở về trong một con đường hầm.

Liônya Ximban, lấy lòng bàn tay che ngọn đèn lồng, lần theo các vết chân, đi chừng năm mươi bước rồi quay trở lại. Đi xa hơn nữa không phải không nguy hiểm vì từ trong tối, người ta có thể bắn vào cây đèn. Vậy những người đó là ai?

— Các đồng chí nghĩ thế nào? — Secnôivanenkô lo lắng nói.

— Hoặc là bạn, hoặc là thù... — Ximban nói. — Một trong hai.

Xêrafim Tulyakôp ngồi xổm xuống và nhìn rất lâu vào cái hình chữ nhật vẽ rất rõ bằng một ngón tay to, và vào chữ "Mèo" khó hiểu viết trong hình chữ nhật và cũng bằng ngón tay của người lạ đó. Có một cái gì thôi thúc, đòi hỏi, đồng thời quyến rũ lạ lùng trong cái ám hiệu "Mèo" dưới hầm ngầm này.

— Không thể hiểu được — cuối cùng Xêrafim Tulyakôp nói.

Thực thế, khó hiểu thật. Nếu đấy là thù, tại sao, tới hang rồi, chúng không tiếp tục đến tận đại bản doanh? Nhưng có thể do chúng đi lạc trong các đường ngầm, không ngờ ngay bên cạnh là doanh trại của Secnôivanenkô. Trường hợp này, tại sao chúng viết "Mèo"? Chúng muốn nói gì?

— Chúng kêu gọi chúng ta — Cuối cùng Secnôivanenkô nói.

— Ai "chúng"?

— Những bọn đã tới đây.

— Không rõ ràng.

— Đúng thế, không rõ ràng!

Lại im lặng.

Mọi người đứng ở trên dòng chữ, suy nghĩ, lấy lòng bàn tay và vạt áo ca-pốt che đèn. Bỗng Secnôivanenkô, quả quyết, lấy lòng bàn tay xóa chữ "Mèo" đi và viết bằng ngón tay vào chỗ đó những chữ lớn "Các anh là ai?"

— Được — Xtrenbixki nói. — Đồng ý với anh. Họ hẳng trả lời chúng ta, họ là ai đã.

Phải, họ hẳng trả lời họ là ai! Đó là giải pháp duy nhất đúng, và Secnôivanenkô đã quyết định không do dự. Đây là một quyết định nguy hiểm, có thể rất nguy hiểm. Nhưng không còn cách nào khác? Nếu đấy là "người của ta", ông đã chìa ra cho họ một bàn tay bạn. Nếu đó là "bọn chúng", những người lạ, kẻ thù, ông sẽ giương một cái bẫy, nhận lời thách thức, quyết một trận sống mái với chúng, đè bẹp và tiêu diệt chúng.

Sau khi viết bằng ngón tay bốn chữ "Các anh là ai?" với một

dấu hỏi to, Secnôivanenkô ra lệnh rút lui. Họ quay trở về đại bản doanh và rải mìn lên tất cả các ngả đường đi vào.

Secnôivanenkô quyết định đợi trả lời trong ba ngày. Họ đã sống trong sự đợi chờ chiến đấu.

Ba ngày trời qua, Secnôivanenkô và Xtrenbixki hết sức cẩn thận, lựu đạn trong tay, đi theo con đường rải mìn đến tận cái hang và rọi đèn xuống mặt đất. Ở chỗ ba ngày trước họ đã viết: "Các anh là ai?", họ đọc thấy: "Chúng tôi cũng như các anh!"

Secnôivanenkô tắt đèn đi và khẽ sờ vào tay Xtrenbixki.

— Anh nghĩ thế nào? — Ông hỏi.

Họ nằm dài bên nhau trên mặt đất, sẵn sàng nhảy dậy bất cứ lúc nào và ném lựu đạn. Họ nhìn chăm chú vào bóng tối, cố phát hiện bằng những con mắt cảnh giác xem có vệt ánh sáng nào không, dù nhỏ nhất. Nhưng xung quanh chỉ là bóng tối dày đặc, và im lặng hết sức đến nỗi nghe được cả tiếng nước mạch róc rách đâu đó, rất xa, qua lòng đất và chảy xuống các dãy tường đá.

— Thế nào, anh nghĩ thế nào? — bằng một giọng thì thầm khó nghe thấy, gần như một hơi thở, Secnôivanenkô nhắc lại.

— Đây là một câu đố — Xtrenbixki nói thầm, cũng rất khó nghe.

— Đúng, câu đố! Một câu đố. "Chúng tôi cũng như các anh" — Secnôivanenkô lẩm bẩm — Theo ý anh, tự đâu, họ biết chúng ta? Vậy nếu chúng ta là người Rumani họ cũng là người Rumani. Và nếu chúng ta là "người của ta" họ cũng là "người của ta". Chúng định đánh lừa chúng ta. Anh nghĩ sao?

Xtrenbixki im lặng, suy nghĩ. Sau vụ nổ ở cảng, khi anh hốt hoảng và may trốn thoát trở về chỗ Ôpsarenkô, phố Pisônôpxkaia, anh có dịp gặp vài người trong số các đồng chí đăng ký ở ban chấp hành bí mật. Qua họ, anh được biết có một bọn nhân viên mật vụ của phòng D6, trong đội thanh trừng "Acgux", thuộc quân đoàn "Phương Nam", có nhiệm vụ đặc biệt

thanh toán các hầm mộ đã từ Kiep tới Ôđetxa.

— Giống như của đội "Acgux" ấy — cuối cùng anh nói.

— Tôi cũng ngờ như vậy — Secnôivanenkô đáp. — Chúng định khiêu khích để bắt chúng ta. Bây giờ nên quyết định như thế nào?

Xtrenbixki im lặng một lúc lâu. Đây là một sự im lặng nặng nề và lo âu của một người nhận rõ trách nhiệm của mình phải gánh vác.

— Thế anh, anh có ý kiến gì? — Anh hỏi.

— Tôi có ý kiến gì à? — Secnôivanenkô bỗng nói nhanh. — Đây. Hẵng bấm đèn lên một lúc.

Xtrenbixki bấm đèn lên. Trong ánh sáng lờ mờ, mắt Secnôivanenkô ánh lên cương quyết, ông đột ngột lấy lòng bàn tay xóa mấy chữ: "Chúng tôi cũng như các anh", và viết vào đó, bằng chuôi lựu đạn, những chữ to tướng "Chúng ta có thể gặp nhau".

— Đồng ý không?

— Cứ thử xem — Xtrenbixki nói.

Hết ba ngày, câu trả lời tới: "Ở đâu và bao giờ?" Lần này, Secnôivanenkô không quyết định ngay: ông họp ban bí thư để thảo luận câu trả lời và tất cả những chi tiết của cuộc gặp gỡ bất thần với những người mệnh danh là "Mèo".

Câu trả lời được toàn thể tán thành là: "Ngay tại đây, ngày 18 tháng mười một vào hồi 12 giờ, giờ địa phương, không mang theo vũ khí, mỗi bên chỉ mang theo nhiều nhất một cây đèn."

Ba ngày sau, có trả lời: "Nhất trí".

Cho đến ngày 18, còn năm ngày nữa. Chỉ người nào không biết rõ Secnôivanenkô mới có thể tin là ông sẽ đảm bảo nghiêm túc những điều kiện mà chính bản thân ông, với ngón tay của mình, đã viết trên mặt đất bụi trong hang, ông chẳng tôn trọng một điều kiện nào do ông đặt ra cả. Thứ nhất, ông tới chỗ hẹn

với cả đơn vị không phải ngày mười tám, mà là ngày mười bảy. Thứ hai, mọi người đều mang vũ khí. Và hơn nữa, mỗi người mang theo một đèn để có thể đốt lên bất cứ lúc nào.

Cái hang thấp nhưng khá rộng rãi, có những khối đá vôi rải rác trên mặt đất, ngày xưa từ trên mái rơi xuống và đã lấp mất nhiều lối đi. Đây là một địa điểm thích hợp cho một trận phục kích và chiến đấu giáp lá cà. Tulyakôp đã bố trí tất cả các chiến sĩ của đơn vị sau các khối đá vôi. Phụ nữ và trẻ em ở lại đại bản doanh do Xiniskin Jêleznư phụ trách và trường hợp đơn vị thất bại, phải hủy tài liệu rồi rút lui bằng các lối đi ngầm đến một địa điểm xa, đã được chỉ định trước, trong vùng Khôlôtnaia Banka.

Nói thế thôi, chứ Secnôivanenkô không tin có thể thất bại. Ông tuyệt đối tin tưởng vào chiến thắng, ông thấy vị trí của mình hiểm yếu, bất khả xâm phạm, thậm chí dù có bị cả một tiểu đoàn tấn công cũng vậy. Trong giờ phút quyết định này, ông hoàn toàn kiên quyết chiến đấu và chiến thắng. Chúng cứ thử tiến vào! Nếu có một hành động khả nghi nào "về phía chúng", ông sẽ cho nổ tất cả mìn ở chung quanh hang "đè bẹp chúng" dưới những tảng đá và sẽ xé nhỏ "chúng" ra từng mảnh. Xin hoan nghênh! Nếu là bạn, ông sẽ tiếp họ như một người chủ nhân chân tình. Nếu là bọn "Acgux" thì đừng hòng được dung tha. Quyết không tha. Ông sẽ một mình gặp chúng với một ngọn đèn, không mang vũ khí. Ông sẽ nói chuyện với chúng...

Lòng ông sôi sục. Không thể nhận ra ông nữa. Lòng phẫn nộ và vẻ tinh nghịch ánh lên trong đôi mắt. Cử chỉ của ông trở nên đột ngột và nhanh nhẹn. Ông chạy thoăn thoắt như một con mèo đực, từ hòn đá này sang hòn đá khác, hạ những mệnh lệnh cuối cùng và đánh giá tình hình một lần chót. Chứng cứ tới đây! Chúng sẽ thấy một cái hang trống không và chỉ có một người không mang vũ khí, xách một cây đèn. Nhưng chỉ cần ông giơ một ngón tay lên là từ sau những hòn đá súng trường và vũ khí tự động sẽ chĩa ra tua tủa và mỗi hòn đá sẽ bắn thẳng vào những ngọn đèn của "chúng" và ném lựu đạn ra.

Sau khi đã xem xét công việc trong nhà xong và kiểm tra thấy

mọi người đã chuẩn bị sẵn sàng, Secnôivanenkô nằm dài xuống sau một hòn đá, bên cạnh Xêrafim Tulyakôp và tắt đèn đi.

Bỗng đâu đó, ở đằng xa, trong bóng tối dưới đất, có một luồng ánh sáng lung linh, không hẳn là một luồng ánh sáng mà là phản ánh tù mù của một vệt ánh sáng đang di chuyển. Secnôivanenkô cẩn thận thắp đèn lên, dưới vạt áo ba-đờ-xuy, và vặn thấp bấc xuống.

31

Trong đường hầm, một người to cao cầm đèn pin từ từ đi tới, anh ta đi, người hơi lom khom như dùng lưng chống cái vòm hầm đen và thấp. Dáng đi nặng nề và thận trọng. Anh ta lia ngọn đèn trước mặt mình, sờ soạng từng chỗ lồi lõm, từng khe hở trong hầm.

Nheo mắt lại có vẻ nghi ngờ, Secnôivanenkô ở trong bóng tối thăm thẳm theo dõi người đang tiến đến gần, và lúc nào cũng sẵn sàng rút một quả thủ pháo giắt ở thắt lưng ra. Nhưng người lạ tuyệt đối tôn trọng các điều kiện gặp gỡ do Secnôivanenkô đề ra; nhận xét bề ngoài, anh ta không mang vũ khí và chỉ có một cái đèn.

Người nọ đi vào hang, đứng lại, và quay cái đèn một vòng, tìm tòi trên mặt đất. Secnôivanenkô biết là anh ta muốn xem những điều kiện gặp gỡ có còn giá trị và có tin gì mới trên mặt đất không. Người ta thấy rõ ràng hai chữ "Nhất trí", câu viết cuối cùng. Secnôivanenkô quả quyết vặn to ngọn đèn lên và bước ra khỏi bóng tối. Ông bước hai bước về phía người lạ rồi đứng dừng lại. Bày giờ họ đã đứng trước mặt nhau, cách nhau chỉ bằng mảnh đất bụi bặm trên đó có chữ "Nhất trí".

Secnôivanenkô định quan sát người lạ. Nhưng không trông thấy gì hết vì bị ánh sáng cây đèn pin chiếu thẳng vào mặt. Trong khi đó, người lạ mặt có thể thấy ông rất rõ, không bị vướng.

— Bỏ đèn xuống! —Secnôivanenkô nói, bằng một giọng chỉ huy.

— Khoan đã — Người lạ mặt trả lời rất bình tĩnh. Rồi sau khi lướt vòng ánh sáng lên người Secnôivanenkô từ đầu đến chân, anh ta quay đèn sang bên.

Bây giờ đến lượt Secnôivanenkô. nhìn kỹ người lạ mặt. Ông nâng cây đèn lên và qua ánh sáng tù mù, nhận ra một người to cao, vai rộng, bận áo da và mang giày bốt. Trông bên ngoài, cũng khó nhận định. Anh ta có thể là "người của ta" mà cũng có thể là người của bọn kia". Secnôivanenkô không ưa giọng nói của anh ta. Nhưng ông không vội rút ra kết luận.

— Tôi hân hạnh được nói chuyện với ai thế? — ông hỏi.

— Còn tôi, với ai? — Người lạ mặt cũng hỏi lại.

Anh ta vẫn đứng im lặng trước mặt Secnôivanenkô, hơi khom đôi vai rộng xuống một tí và dạng chân ra.

— Có phải anh viết không? — Secnôivanenkô hỏi, lấy chân chỉ vào chữ "Nhất trí".

— Phải, tôi.

— Anh chứng minh điều đó bằng cái gì?

— Mèo — người lạ mặt nói.

— Thế ra anh là Mèo?

— Phải. Đúng tôi là Mèo.

— Chữ ấy nghĩa là gì?

— Chẳng có nghĩa gì cả, Mèo, thế thôi.

— Slii româneste? — Secnôivanenkô bất thình lình hỏi,

không rời đôi mắt lim dim khỏi người lạ.

— No still — Người lạ hơi mỉm cười, nói.

— Sprechen siedeutsch? — Secnôivanenkô hỏi nhanh.

— Nein — người lạ mặt đáp nhanh hơn.

Họ đứng im lặng một lúc. Secnôivanenkô hỏi hai câu bằng tiếng Rumani và tiếng Đức, chỉ cốt để nghe cho biết giọng nói của người lạ mặt. Giọng nói là của một người Nga. Nhưng điều đó vẫn chưa chứng minh được gì hết. Trong đội "Acgux" rất có thể có bọn bạch vệ làm việc. Hoàn toàn có thể lắm.

Cuộc đàm phán rõ ràng đã bị bế tắc. Cố nhiên, đơn giản nhất là chỉ việc ra hiệu cho quân của mình và rút quả thủ pháo trong that lưng ra rồi hò: "Giơ tay lên!" Nhưng chỉ điên rồ và thiếu kinh nghiệm công tác bí mật mới hành động như vậy. Secnôivanenkô biết rõ người lạ cũng hoàn toàn như chính ông không phải chỉ có một mình, ông không nghi ngờ gì là đằng sau người đó — trong bóng tối đường hầm — cũng có những người mang vũ khí ẩn nấp, có thể là cả một đơn vị. Giao chiến mà chưa đánh giá được lực lượng địch đó là một điều rồ dại. Hơn nữa, cũng không thể loại trừ khả năng người kia là "người của ta".

— Này, Mèo — Secnôivanenkô nói, cương quyết — như vậy, anh với tôi, ta không thể thỏa thuận gì với nhau cả. Ta nên đi thẳng vào thực tế!

— Cứ đi thẳng vào thực tế — Người lạ mặt bình tĩnh đáp. — Tôi xin nghe anh.

Secnôivanenkô hài lòng về câu nói: "Tôi xin nghe anh". Đấy là tiếng nói của "người của ta". Nhưng ngay cả điều này cũng không chứng minh được gì hết. Vì đó có thể là ngụy trang.

— Chúng ta hãy thực thà với nhau — Secnôivanenkô nói, thừa biết là chỉ có thể nói chuyện thật thà với những "người của ta", còn đối với "bọn đó" thì nói chuyện thực thà không những vô ích mà còn dại dột nữa.

— Nào, thực thà — Người lạ mặt nói, mỉm một nụ cười lạ lùng, nhăn nhúm. — Tôi xin nghe anh.

— Anh có bao nhiêu người sau lưng anh?

— Thế sau lưng anh?

— Dù sao cùng nhiều hơn sau lưng anh — Secnôivanenkô nói.

— Tôi xin báo cho anh biết — Người lạ mặt nói một cách nghiêm nghị — Nếu một người nào của anh nhô đầu lên sau một hòn đá thì tôi không chịu trách nhiệm về những hậu quả của nó đâu. Hiểu chứ?

— Này, Mèo — Secnôivanenkô tức giận nói — Hay là... hay là! Anh là ai? Và chúng ta đừng khiêu khích nhau.

— Được — Người lạ mặt nói, dứt khoát. — Tôi là Đrujinin. Như thế được chưa?

Dạo đó, cái tên của Đrujinin đã rất nổi tiếng đối với địch cũng như đối với bạn, nên không cần phải có một sự giải thích nào nữa. Lòng Secnôivanenkô sung sướng rộn lên. Ôi, nếu thực là Đrujinin! Và tại sao lại không thực là anh ta? Rất có thể là Đrujinin, cũng hoàn toàn giống như Secnôivanenkô, đã nấp dưới hầm mộ với cả đơn vị của mình. Nhưng chính vì đó là điều có thể nên Secnôivanenkô đã đặc biệt cảnh giác: phải chăng đây là một sự khiêu khích? Khi nghe cái tên "Đrujinin", lòng ông thấy vui mừng nhưng bên ngoài ông vẫn giữ vẻ rất bình tĩnh.

— Hẳng cho là như thế đi — ông nói — tôi tin lời anh.

— Còn anh là ai? — Người tự mệnh danh là Đrujinin nói.

Secnôivanenkô nhô vai tới, khẽ lắc đầu và nheo một mắt lại.

— Còn tôi, tôi là bác Gayrick. Như thế được chưa?

Cái tên bác Gayrick không vang dội như tên Đrujinin, nhưng tuy thế nó cũng khá quen thuộc, đặc biệt trong khu vực làng Uxatôvô. Và nếu người kia quả thực là Đrujinin, Secnôivanenkô rất có thể nói cho anh ta biết bí danh du kích của mình.

— Cứ cho anh là bác Gayrick — Người mệnh danh là Đrujinin nói một cách lạnh nhạt — Và anh chứng minh thế nào?

Họ im lặng, đứng trước mặt nhau, cảnh giác, sẵn sàng bất cứ lúc nào để ôm lấy nhau hay giết nhau, điều đó tùy theo trường hợp. Bỗng sau lưng người mệnh danh là Đrujinin, một bóng đen hiện ra và nhẩy bổ vào Secnôivanenkô.

— Đứng lại! — Secnôivanenkô hét lên, giật vội quả thủ pháo ở thắt lưng ra.

Nhưng không kịp nữa rồi. Hai bàn tay đã nắm lấy vai ông, và, vừa xa lạ vừa xót xa thân thiết, một sự thân thiết có từ hồi nhỏ, một giọng nói đã bị quên đi, có điểm những âm thanh dịu dàng của vùng Hắc-hải, reo lên:

— Đồ điên, anh làm gì ở đây thế?

Secnôivanenkô nhận ra ngay giọng nói đó, gương mặt đã già đó, nhưng vẫn còn trẻ, cùng đôi mắt nâu, dài, đầy vẻ hóm hỉnh của người miền Nam và những nếp nhăn khô khan nho nhỏ.

— Batsây — Secnôivanenkô nói. — Batsây.

— Đúng.

Ba lần họ ôm chặt lấy nhau và hôn nhau, mỗi lần hôn xong, họ lại lùi lại một bước, chùi môi rồi lại ôm chầm lấy nhau, mặt rạng rỡ và tươi cười.

Còn xung quanh họ, với súng ngắn, vũ khí tự động, đèn, thủ pháo, cặp, ngực đeo những băng đạn liên thanh, người đầy bụi hầm xám xịt, hai đơn vị hằm hằm đứng đối diện nhau, mắt còn ngờ vực, nhưng lòng đã cảm thấy nhẹ nhõm và vui sướng thấy mọi việc đã diễn biến tốt đẹp và "người của ta" lại tìm thấy "người của ta".

— Nào, con kể cho bố nghe, con sống ở dây thế nào?

— Thường thôi, bố ạ.

Piôt Vaxiliêvich đã nhiều lần hỏi câu này rồi. "Nào, con kể cho bố nghe con sống ở đây thế nào?" cứ nhắc đi nhắc lại một cách vô ý thức và cũng vô ý thức như thế, Pêchya đáp: "Thường thôi, bố ạ". Nhưng những lời nói có quan trọng gì đâu? Hai bố con nhìn nhau không biết chán, quan sát nhau như thèm khát say sưa.

Piôt Vaxiliêvich trìu mến vuốt ve con. Ông bố khi thì làm bù mái tóc bụi bặm, không cắt của cậu con trai, khi thì beo vào má con, kéo vào lòng, nhìn vào đôi mắt nâu và buồn buồn, đôi con mắt của một người đã khôn lớn với những hàng lông mày đậm nét với hai hàng mi còn trẻ con. Ông hôn lên trán, lên cằm con trai. Ông nắn cánh tay trên và thấy bắp thịt dẻo dai gần như của một người lớn chứ không phải của trẻ con nữa. "Nào, con, kể cho bố nghe, con sống ở đây như thế nào?" "Thường thôi bố ạ!" Chú bé nhớn có đôi chân dài này là con trai ông, là thằng Pêchya của ông. Ô, một năm nay nó đã thay đổi nhiều thật! Khó mà nhận ra nó nữa. Một cái áo kỳ quặc cắt rất vụng ở một cái áo bông ra, một cái quần cộc của người lớn, một đôi giày mòn đã vá đi vá lại nhiều lần nham nhở, một cái hộp hơi mang chéo, một quả lựu đạn nhét trong ngực, mái tóc đầy bụi hơi quăn ở hai bên thái dương và sau cái gáy xám bụi, nhưng gương mặt nồng nhiệt, dịu dàng, trẻ con đã có vẻ quả quyết của người lớn... Phải, đấy là con ông, thằng Pêchya của ông, đồng thời cũng đã là một người lính nhỏ, một du kích, một người độc lập, một cán bộ bí mật. Đó là một người lớn rồi. Có thể nói chuyện với chú như một người lớn, một người ngang hàng.

— Nào con, kể cho bố nghe, con đã chiến đấu như thế nào?

— Thường thôi, bố ạ.

Pêchya nhìn bố không rời mắt, lòng tràn đầy yêu thương, hãnh diện và khâm phục. Thế ra, hình như thế, chú có một ông bố như vậy đấy! Can đảm, không biết sợ, vừa là bạn vừa là phụ

tá của Đrujinin nổi tiếng.

Ban đầu Pêchya không nhận ra ở nhân vật thần thoại Đrujinin, người trung úy biên phòng nọ, bố của Galina, cô bé ăn mặc sặc sỡ mà chú đã làm quen trên sân bay Ôđetxa, trong cái ngày sung sướng đầu tiên, không quên được của cuộc viễn du. Nhưng Đrujinin đã nhận ra chú ngay.

— A, ông phó chủ tịch! Chào ông! — Đrujinin vui vẻ nói. — Cậu cũng ở đây à? Khá lắm!

Lúc bấy giờ, Pêchya mới nhận ra Đrujinin và thấy sung sướng, nghẹn ngào, thích thú được nói chuyện với một người tiếng tăm lừng lẫy và đâu phải chỉ nói chuyện, từ lâu Pêchya đã là người quen và là bạn của con gái ông ta!

— Xin chào đồng chí trung úy — Pêchya nói, đứng nghiêm như một người lính.

— Bày giờ tôi là đại úy — Đrujinin nói.

— Xin lỗi, đồng chí đại úy.

— Được, tại sao cậu không hỏi thăm sức khỏe của Galina? A, a, ông bạn, ông đỏ mặt rồi! — Hai con mắt xanh biếc của Đrujinin ánh lên một nụ cười vui vẻ. — Các đồng chí — Anh nói to hơn — Các đồng chí xem, đây là chàng công tử của con gái tôi đấy.

— Cháu hoàn toàn không hiểu ý đồng chí muốn nói gì — Pêchya nói khẽ.

— Cậu ấy không hiểu! — Đrujinin nói, nheo mắt về phía Piôt Vaxiliêvich thoáng gật đầu tinh nghịch. — Ghê thật, ông bạn. Ghê thật!

— Thế bây giờ Galôska ở đâu? Pêchya hỏi, cố nén ngượng ngùng.

— Ông bạn ạ, ngay từ tháng đầu chiến tranh, tôi đã gửi máy bay cho Galina về chỗ bà ngoại nó, nhưng đi đường bị tụi Metxecsmit bắn nên buộc phải đỗ xuống Nicôlaiep. Nó ở lại

Nicôlaiep chỗ ông nó. Tôi chắc nó không chết, ông nó rất tháo vát, tôi rất tin.

Rõ ràng Đrujinin không nói hết. Nhưng đó là thói quen của ông.

— Thế nào, cậu bảo cậu thích ở đây, trong hầm mộ phải không — Ông nói, thay đổi câu chuyện đột ngột, mặc dù Pêchya chưa bao giờ nói như vậy. Rất tốt là cậu thích ở đây. Tôi cũng vậy, tôi cũng thích ở đây... Còn cậu, trong thời gian đó, cậu đã lớn hẳn lên. Rất khó mà nhận ra cậu. Một con người vững vàng! Dũng cảm! Cậu đã làm được công tác rồi chứ? — Đrujinin nói theo giọng sĩ quan.

— Đúng thế! — Pêchya đáp.

— Tốt, tôi rất hài lòng. Cậu tên là gì nhỉ, tôi quên mất. Pêchya phải không?

— Vâng, Pêchya.

— Này, Piôt Pêtrôvich. Tôi rất sung sướng được gặp cậu, Piôt Pêtrôvich.— Đrujinin chìa bàn tay to và khỏe ra cho chú — Khá lắm. Cố lên!

— Luôn luôn sẵn sàng! — Pêchya nói và giơ bàn tay nghiêng nghiêng lên trên đầu. Và chú cảm thấy vui sướng vì đây không phải chỉ là những lời nói mà chính là nội dung cuộc đời chú.

Pêchya đứng sát vào lòng bố, bíu hai tay vào vai và nhìn vào hai con mắt thân yêu của bố, hai con mắt đã có vẻ hơi già, dịu dàng, thân thiết, trong đáy sâu ánh lên một vẻ giễu cợt rất đáng yêu kiểu Ukren.

Bên cạnh bố, chú cảm thấy hết sức bé bỏng và rất muốn được bế, bế lên đầu gối và ôm vào lòng trong đôi cánh tay to lớn.

Hai bố con ngồi ôm nhau trên một chiếc giường đá. Rồi họ đứng dậy và dạo qua các hang động. Pêchya chỉ cho Piôt Vaxiliêvich các ngọn cờ, "buồng giấy" của đồng chí bí thư, nhà bếp, cái chạn, thư viện, tờ báo tường, cái chỗ hõm nơi cậu lau

đạn với Valentin. Chú rất thích thú được giới thiệu với bố những chiến sĩ của đơn vị Secnôivanenkô. Thình lình, chú phấn khởi hét lên:

— Đồng chí Xiniskin Jêleznư. Đồng chí không biết bố tôi sao? Bố, xin giới thiệu đồng chí Xiniskin Jêleznư. Đồng chí Xiniskin Jêleznư, đây là bố tôi, thuộc đơn vị Đrujinin... Bố, bố trông kìa, cô thiếu nữ của chúng ta, Valentin, cũng là một thiếu nữ tiền phong. Valentin, lại đây! Đây là bố tôi, thuộc đơn vị Đrujinin. Cô không biết à? Làm quen đi... Và kia là Xerafim Ivanovich, chỉ huy phó quân sự. Chính anh ấy đã dạy cho con sử dụng khẩu Na-gan đấy. Bố có biết bây giờ con bắn thế nào không? Mười phát trúng sáu nhé!... Và đây là đồng chí Xtrenbixki — Pêchya nói một cách tôn kính. — Đồng chí và các người của đồng chí, vừa mới đây, ở cảng, đã làm cho chúng khiếp đảm! Lạy Chúa che chở cho, ta không nên tranh cãi nhau! — Chú nói tiếp, vô tình học theo cách nói của Lêônit Ximban. — Và chúng con còn một đồng chí anh dũng nữa, Liôna Ximban Ivanôpna, nhưng con không biết cô ấy đâu rồi! Có lẽ, cô ấy còn đi kiểm tra các vọng gác... Còn đây là mẹ của Valentin, Matriôna Têrenchiepna, bố và bác không biết nhau sao? Hẵng làm quen nhau đi Bác Matriôna Têrenchiepna, nhìn xem bố cháu một tí. Bác không biết bố cháu ư? Làm quen nhau di.

Lòng tràn ngập hạnh phúc và tự hào, Pêchya đã quên bẵng là Matriôna Têrenchiepna đã cho chú xem một tấm ảnh rất cũ và đã gọi bố chú là "Pêchya". Nhưng Piôt Vaxiliôvich đã quên hết từ lâu. Vì hồi đó đã lâu lắm, bốn mươi năm rồi còn gì! Giữa cô Môchya bé nhỏ và dịu dàng, mà ngày xưa ông đã cùng đi lang thang khắp các bãi cỏ vùng Cối xay gần, với người đàn bà đã già này, mặc áo ba-đờ-xuy nam và đi ủng như bộ đội, mẹ của một thiếu nữ tiên phong tên là Valentin, bạn của con trai ông, giữa hai người đó có quan hệ gì với nhau đâu? Nhưng bà đang đứng trước mặt ông dưới ánh sáng vàng le lói của ngọn đèn chong và đang nhìn ông với một nụ cười hiền hậu, vui sướng, đợi ông nói.

— Batsây — Ông nói, chìa bàn tay cho bà.

— Pêrêpêlitxkaia — Matriôna Têrenchiepna đáp ngập ngừng, một giọt nước mắt nhỏ lờ mờ lăn trên gò má xám xịt.

Piôt Vaxiliêvich nắm chặt lấy bàn tay khô, cứng, và chợt run run.

— Hân hạnh, đồng chí Batsây — Bà nói, giọng nhỏ nhẻ (Bà định nói "Anh không nhớ tôi ư, tôi là Môchya đây nhưng lại thôi.) — Hân hạnh... Anh có một cậu con trai dễ thương lắm. Chúng tôi rất yêu chú. Một chú bé đáng yêu, kiên nhẫn... Và tôi rất sung sướng, rất...

Bà không nói hết câu và bỏ đi giúp Raitxa Lvôpna đang sửa soạn "bữa tiệc liên hoan" trên hai cái bếp dầu hỏa, ăn mừng ngày gặp gỡ của hai đơn vị, nhưng bà không nhịn được nữa, nên vội quay lại.

— Có thật anh không nhớ tôi không? — Bà nói với Piôt Vaxiliêvich.

— Khoan đã, khoan đã! — Ông ấp úng, ngạc nhiên về giọng nói của bà.

Trong động, gần như tối hẳn. Bà cầm ngọn đèn chong đặt ở trên hòn đá và áp sát vào mặt mình. Piôt Vaxiliêvich liền nhìn kỹ bà. Một cái gì thân thuộc nhưng đã lâu ngày quên đi. thấp thoảng trên nét mặt người đàn bà đã có tuổi này rồi chợt Piôt Vaxiliêvich nhận ra bà.

— A! — Ông vui vẻ kêu lên — Bây giờ, tôi hiểu cả rồi. Tôi nhớ ra chị rồi. Chị là Môchya, phải không?

— Chứ còn ai! — Bà trả lời, buồn bã và, không rời mắt khỏi Batsây, bà lại chìa tay ra, coi cái nắm tay trước như vô giá trị.

Piôt Yaxiliêvich cầm lấy tay bà và lại nắm chặt lấy, nhưng lần này khác hẳn, chăm chú và mãi không buông ra.

— Môchya, đã bao nhiêu lâu chúng ta không được gặp nhau rồi nhỉ?

— Tôi không biết — Bà đáp, không hiểu mình nói gì và cảm

thấy nghẹn ngào.

— Đâu như đã hai mươi nhăm, ba mươi năm rồi — Piôt Vaxiliêvich nói, mặt tươi cười — Như người ta nói, biết bao nhiêu nước chảy đã qua cầu. Thế nào, chị có khỏe không? Chị vẫn ở Ôđetxa ư?

— Vẫn ở Ôđetxa. Còn anh, Pêchya? vẫn ở Mạc-tư-khoa à?

— Vẫn ở Mạc-tư-khoa.

— Mặc dù tôi biết gần hết cuộc đời anh qua con trai anh. Anh còn có hai cháu gái nữa, phải không? Còn tôi, ngoài Valentin ra, tôi còn hai cháu trai. Nhưng chúng đã lớn cả rồi. Ở trong quân đội. Chúng đang chiến đấu. Cả nhà tôi cũng đi với chúng. Chắc anh không nhớ nữa, có một người đánh cá ở giữa Suối nhỏ và "Ôtrađa": A- kim Pêrêpêlitxki làm trên tàu "Vêra"; đánh cá trích; đến tận Ôsakôp.

— Tôi có nhớ tàu "Vêra" nhưng không nhớ Pêrêpêlitxki.

— Nhà tôi đấy... Nhưng anh có nhớ có một lần ở vùng Cối xay gần, tôi mời anh ăn món anh đã bỏng lưỡi và anh thổi món khoai tây cho nguội đi không? — Bà lấy ống tay áo lau mồ hôi mặt rồi bỗng vội vã nói — Được, đợi một tí, xin lỗi, không có thì giờ để nói cho hết. Tôi chạy đi đây một tí... Ở đây, tôi gần như là chủ nhà. Nếu không chết, chúng ta còn có thì giờ.

Matriôna Têrenchiepna nhẹ nhàng rút bàn tay khỏi tay Piôt Vaxiliêvich rồi chạy đi lo việc bếp núc.

33

Secnôivanenkô không muốn mất thể diện trước mặt

Đrujinin. Ông đã ra lệnh cho Raitxa Lvôpna và Liđya Ivanôpna phải tiếp đãi khách thật tử tế: một món mì, một món bột kê nấu mỡ, bánh rán dầu quỳ nhân mứt mận. Bánh mì, thực ra thì thiếu. Nhưng Đrujinin đã mang tới một ổ bánh mì nguội rất ngon.

Nói tóm lại, đây là một bữa tiệc đang chờ đợi họ. Khói dầu quỳ cháy cay sè từ từ ùn lại trong các đường hành lang, dồn lại trong các hang động, đọng ở các ngăn tường. Mấy cái bếp dầu hỏa như những ngôi sao xanh kêu vo vo trong màn sương mù mịt. Các ngọn đèn chong chỉ hơi le lói trong lần khói cay sè. Rất khó thở, nước mắt nước mũi cứ giàn giụa: đến phải đeo mặt nạ phòng hơi ngạt mất. Nhưng không ai tỏ ra khó chịu cả, mọi người đều khoái trá với cái hương vị thức ăn dễ chịu đó, nó nhắc lại những ngày hội hè. Đôi lúc, trong khói bếp, hiện ra cái bóng dáng to lớn, vụng về của Kôletnisuc lại ngồi bên cạnh Piốt Vaxiliêvich để trao đổi dăm ba câu.

— Này, ông đại diện hãng dầu hỏa Rumani — Hoa-kỳ, công việc làm ăn thế nào? Hãng của ông có tìm ra dưới Ôđetxa, thứ dầu hỏa rất giàu chất ốc-tan không? — Rồi Kôletnisuc vừa cười như trẻ con vừa ho, hắt hơi vì khói bếp và lấy ống tay áo lau nước mắt.

— Hãng tôi, như anh biết đấy, đã tìm thấy một thứ đại loại như thế dưới Ôđetxa, trong khư vực làng Uxatôvô — Batsây vừa nói vừa cười — Còn anh, anh hãy kể cho chứng tôi nghe anh đã "buôn bán" giỏi giang như thế nào ở cửa hàng "Jorjơ" đi. Bộ ria mép của anh đâu rồi? Này, ông con nợ không may! Thế mà cùng gọi là thương gia! Cho tôi xem những tờ hối phiếu giấy lộn của anh!...

— Cho nó cháy mẹ nó đi! — Kôletnisuc nói, rầu rĩ.

— Đừng, Jôrôska ạ — Piôt Vaxiliêvich nói luôn một hơi. Anh đã hai thứ tóc trên đầu mà mãi đến tận bây giờ vẫn chưa biết một tí luật pháp gì về hối phiếu hay sao?

— Tôi biết nhưng đã quên mất cả. Anh tính, hoàn toàn chỉ vì

quên.

— Thế, không muốn làm nhà tư bản à?

— Tôi có muốn đâu kia chứ!

— Ồ, anh muốn lắm!

— Im đi!

— Không. Jôrôska, anh muốn lắm và đấy là hậu quả, đáng buồn!

— Chính Secnôivanenkô đã dẫn tôi tới đó.

— Anh định đổ lên đầu người khác à?

— Lạy Chúa, chính anh ta! Nếu không phải con quỷ ấy thì đời nào tôi chịu bẩn tay.

— Thôi đi, Jôrôska! Mọi việc đã rõ! Anh ta đã đẩy anh tới chỗ tham lam. Và trong những ngày tuổi già của anh, anh định trở thành một nhà đại tư bản. Chính sự nghiệp Anh em Pơtasnikôp ám ảnh làm anh không ngủ được từ hồi còn nhỏ.

— Sao anh lại giày vò tôi thế. Lạy Chúa! — Kôletnisuc nói, hay đúng hơn rền rĩ, giọng rầu rầu — Giày vò tôi để làm gì? Anh nên cảm ơn tôi là hôm nọ đã không nhanh tay cho anh mấy viên tiểu liên.

Thực thế, chỉ một tí nữa Kôletnisuc đã ấn cò, lúc Batsây nhảy từ sau lưng Đrujinin ra rồi ôm chầm lấy Secnôivanenkô. Sự xuất hiện bất ngờ của Piôt Vaxiliêvich mà Kôletnisuc coi như một tên phản bội và gian ác đã làm ông giận sôi lên nên, không tự chủ được, ông đã nhảy khỏi chỗ nấp và đã giơ khẩu tiểu liên lên, nhưng may thay, Xtrenbixki vốn điềm tĩnh, với bàn tay sắt của mình, đã kịp giữ tay ông lại.

— Thế còn gì bằng — Piôt Vaxiliêvich nói — chết vì bàn tay người bạn cũ Jôra Kôletnisuc! Đấy là mơ ước của cả đời tôi!

— Chỉ một ly nữa là thành sự thật — Kôletnisuc nói, buồn rầu — Anh có biết tôi tức đến thế nào không? Một con thú dữ! Và

một cuộc xung đột không tưởng được có thể xảy ra.

Tất nhiên lẽ ra đã có một cuộc xung đột không tưởng được! Khi Kôletnisuc từ chỗ ẩn nhảy ra với khẩu tiểu liên, sau những hòn đá, mọi người có mang vũ khí đã đứng cả dậy; sau lưng Đrujinin, là Misa, tay cầm một quả lựu đạn và sau Misa, còn một vài người nữa... Nhưng Xtrenbixki giữ chắc tay Kôletnisuc, bình tĩnh và bằng một giọng chỉ huy, hét to: "Đứng lại!" Anh là người đầu tiên đoán ra ý nghĩa của sự việc vừa xảy ra và đã bỏ súng xuống. Sau đó, mọi người đều biết là Batsây và Secnôivanenkô đã hôn nhau. Cuộc "*xung đột*" nói như Kôletnisuc, đã không xảy ra.

— Thật là một giây phút đáng ghi nhớ! — Kôletnisuc nói, phấn khởi.

— Cảm ơn về giây phút đó! — Piôt Vaxiliêvich cười đáp — Con có nghe không, Pêchya? Chỉ một tí ti nữa thôi, bố yêu của con đã chẳng còn gì nữa.

Pêchya quàng hai tay lên vai bố và giữ chặt bố vào lòng.

— Bố, bố...

— Gì thế, con?

Pêchya hai tay nắm chặt lấy tay bố, và gõ gõ đầu ngón tay như chú thường làm khi còn nhỏ. Trước mặt bố, cậu lại là một em bé.

— Bố, bố, bố có súng ngắn không?

— Tất nhiên, bố có một khẩu.

— Hiệu gì?

— Một khẩu Uante, lấy được của địch.

— Cho con xem.

Tưởng chú bé chưa bao giờ cầm tới một khẩu súng. Nhưng chú vẫn thường bắn luôn. Pêchya và Valentin đã theo học một lớp dạy bắn dưới sự hướng dẫn của Xêrafim Ivanovich Tulyalvôp trong một cái hang bố trí đặc biệt thành trường bắn.

Chúng bắn vào những bia bằng đá trên đó có vẽ nguệch ngoạc mõm bọn phát-xít.

— Bố cho con xem, đi bố...

Batsây rút khẩu Uante trong túi ra và đưa cho con trai.

— Cẩn thận đấy con ạ. Nạp đạn rồi. Khoan đã, ông bạn, để tôi bỏ đạn ra đã.

Nhưng cậu bé, bằng những ngón tay khéo léo, đã tự mở khẩu súng ra, vứt bỏ hộp đạn rồi chĩa họng súng lên, ấn mấy lần vào cò.

— Tốt đấy — Chú nói, có vẻ thông thạo — Ta đổi nào? — Rồi chú rút khẩu Nagan lớn của chú thủ trong áo sơ-mi ra — Đổi với con, nó hơi nặng, còn với bố là vừa. Được không? Đồng ý nhé?

Piôt Vaxiliêvich kinh ngạc và thậm chí còn tỏ vẻ kính trọng, nhìn con trai.

— Chà, con thỏ con của bố, dạo này, con đã trở thành một người lính thực sự rồi.

Chú bé không để ý tới câu nhận xét có vẻ châm biếm nhưng cũng thích thú đó.

— Thế nào, ta đổi nhá?

— Không được, ông bạn. Khẩu đại bác của chú đối với tôi không hợp. Nó lớn quá. Công tác của tôi lại tế nhị — Batsây nói, có vẻ bí mật — Trả tôi khẩu Uante. Được rồi!

Mắt Pêchya bỗng lim dim và tinh nghịch, cái mũi lấp dưới những nếp nhăn, rồi chú nói:

— Nhưng bố có nhớ bố đã nói gì với con ở Mạc-tư-khoa không?

— Bố không nhớ... Bố đã nói gì ở Mạc-tư-khoa?

— Về vũ khí...

— Vũ khí nào?

— Về mọi thứ vũ khí...

— Không... bố không nhớ.

— Kìa... — Chú bé nói to. — Bố có nhớ khi ta chuẩn bị cuộc du lịch không?

Phải, đó là lúc hai bố con chuẩn bị cuộc du lịch. Ông bố cao to, với cậu con trai bé tí, hai con người can trường và không lệ thuộc vào ai, họ đã mang túi cõng trên lưng, tay cầm gậy và sắp lên đường đi chu du, tự hào, dũng cảm. Ấy, nếu nói du lịch thì họ đã du lịch. Nhưng lạy Chúa, từ đó đã lâu rồi, lâu ghê lắm rồi! Phải chăng đó thuộc về một kiếp khác? Khó mà tưởng tượng một cách khác được.

— Thế, có việc gì đã xảy ra khi sắp đi du lịch?

— Lúc đó, bố cứ nhất định không chịu mang vũ khí theo.

— Có thật là bố không chịu mang vũ khí không?

— Đúng thế! Chính vấn đề là ở đấy. Và ai đúng nào.

Rồi Piôt Vaxiliêvich bỗng nhớ lại khi hai bố con cãi nhau trước lúc ra đi: mang theo vũ khí hay không mang theo?

— Con đúng — Batsây nói — Thú dữ đã xuất hiện

— A ha! — Pêchya reo lên, đắc thắng — Thế mà lúc ấy bố không tin.

Trong lúc đó, Đrujinin, Secnôivanenkô, Xtrenbixki và Xiniskin Jêleznư đang ngồi trên những cái trụ bên chiếc bàn đá, trao đổi về mối quan hệ đối với nhau. Đây là một cuộc nói chuyện nghiêm trang giữa những người không để tình cảm chi phối, một cuộc nói chuyện nghiêm túc, không đùa bỡn.

— Anh có cái gì cắt được, một con dao xếp hay tốt hơn, một lưỡi dao cạo cũ nào đó không? — Đrujinin hỏi.

— Có lẽ có.

Secnôivanenkô sờ tay lên bàn và đưa cho anh một lưỡi dao cũ dùng để gọt bút chì. Đrujinin vừa cởi áo vừa lầu bầu. Anh cởi

thắt lưng, bỏ chiếc áo ba-đờ-xuy da, vén áo lên, kéo gấu chiếc áo lót màu xanh trong quần ra, rồi cẩn thận rạch. Anh rút ra một vuông lụa con rất mỏng trên có in lệnh công tác mang tên Đrujinin với một con dấu màu xanh hình tam giác.

— Cái này, đủ chưa?

— Với tôi, hoàn toàn đủ. Tốt! — Secnôivanenkô vui vẻ nói, bắt tay Đrujinin — Đồng chí Xiniskin Jêleznư, nên xem cho biết.

Xiniskin cầm tờ chứng minh đưa sát lên mắt nhìn một lúc lâu, lật đi lật lại, rồi cuối cùng trả lại cho Đrujinin.

— Được đấy — Bác vừa nói vừa ho và lau mồ hôi nhớt trên vầng trán.

— Xin lỗi đã xô xát với anh — Secnôivanenkô nói.

— Không sao, công việc nó phải thế!

— Phải, cái việc nhỏ này chứ lắm thứ lắm!

Secnôivanenkô xoa hai tay vào nhau lia lịa, nhíu mũi lại, đôi mắt long lanh. Ông rất hài lòng anh chàng đáng yêu này lại chính là Đrujinin. Mọi việc thế là ổn cả. Và, vui vẻ nhìn Đrujinin sửa sang lại quần áo, đồng chí bí thư thứ nhất hỏi anh một câu thường không thể thiếu được ở bất cứ một cuộc gặp gỡ thân mật nào trong thời chiến:

— Anh đã ăn gì chưa?

— May quá, chúng tôi cũng đã ăn qua quít.

— Qua quít à, nghe đủ hiểu là thế nào... Có lẽ các anh đang đói như ma đói?

— Quả có thế.

— Vậy mời anh xơi tạm với chúng tôi bữa trưa. Nói đúng hơn là bữa chiều.

— Xin không dám làm khách.

— Tốt lắm.

Và làm ra vẻ nghiêm nghị, Secnôivanenkô gọi dõng dạc:

— Xviatôxlap!

— Có! — Xviatôxlap trả lời từ ngoài cửa, nơi vị trí của anh.

Anh đứng nghiêm, khẩu tiểu liên áp bụng.

— Bữa chiều nay có gì?

— Báo cáo đồng chí bí thư, mì, kê nấu thịt mỡ và bánh nhân mứt mận — Xviatôxlap kể.

— Anh có ý kiến gì không? — Secnôivanenkô nói, hài lòng ra mặt, thâm tâm muốn phô cho anh chàng Đrujinin lừng danh này thấy cái "cơ ngơi" của mình dưới vẻ tốt đẹp nhất của nó.

— Các anh sống cứ như tư sản — Đrujinin thốt lên.

— Cũng khá! Secnôivanenkô nói giọng lừng khừng pha vẻ khiêm tốn — Xviatôxlap! — ông gọi — Bao giờ dọn xong, báo cáo ngay!

— Rõ.

— Anh hút thuốc không? — Đrujinin hỏi.

— Thỉnh thoảng. Tôi cũng nghiện thuốc.

— Xin mời anh.

Đrujinin chia bao thuốc ra, và Secnôivanenlvô thận trọng đưa hai ngón tay nhón một điếu.

— Thuốc Rumani — ông nói, gí điếu thuốc vào đèn châm và hút — Chúng tôi biết các anh hút thuốc Rumani.

— Sao các anh biết? — Đrujinin hỏi vội.

— Chúng tôi có tìm thấy đầu mẩu của anh trong hang "Mèo". À tiện đây xin hỏi, "Mèo", ý nghĩa là thế nào nhỉ?

— Chả thế nào cả. Chợt nghĩ ra thì tôi cứ viết thế thôi. Chỉ để làm cho anh phải băn khoăn. Nhưng vừa rồi anh bảo tìm thấy đầu mẩu thuốc thế nào nhỉ? Nó ở đâu? Trong hang "Mèo" à? Vô

lý. Tôi không để sót lại dấu vết gì bao giờ.

— Mặc, nhưng đúng là một đầu mẩu thuốc.

— Thế là cậu điện đài của tôi nó hút cẩu thả thế đấy. Hắn chết với tôi — Đrujinin càu nhàu — Trinh sát khổ, nếu không muốn nói nặng hơn...

— Đúng, những cái ấy phải cẩn thận.

Họ ngồi đối diện nhau hút thuốc, như hai vị tướng, một già, một trẻ — quan sát nhau trước khi chuyển sang bàn công tác.

— Các anh cũng vô tình mà tìm thấy chúng tôi hay sao? — Secnôivanenkô hỏi.

— Vừa là vô tình vừa là không. Vì tôi, chắc anh cũng đã đoán biết, tôi chủ yếu hoạt động nội, có thể gọi căn cứ địa tôi ở trong nội thành. Nhưng cách đây tháng rưỡi, theo lệnh của trung ương, tôi đã hạ thổ. Bây giờ đội du kích chúng tôi đóng trong những hầm mộ gần chỗ các anh. Và hóa ra chúng ta đã thành láng giềng rồi đấy.

— Thú thật!

— À, khéo lại quên. Tôi có một việc phải báo cho anh.

Secnôivanenkô dỏng tai:

— Việc gì vậy?

— Hình như anh đã có liên lạc với trung tâm du kích Ukren qua đồng chí thiếu tá Măcximôp, có phải không?

Secnôivanenkô dựa lưng vào tường.

— Cứ coi là như vậy — Ông đáp lại một cách mơ hồ — Anh cần bảo cho tôi việc gì?

— Bộ tham mưu du kích rất quan tâm đến hoạt động của các anh. Trên đã đặc biệt cử một phái viên về chỗ các anh, nhưng đồng chí ấy không tìm được liên lạc.

— Phải, tôi có một trạm liên lạc bị vỡ — Secnôivanenkô thở

dài nói.

— Tôi có nghe nói. Chắc hẳn vì thế mà anh ta không tìm được tới các anh. Từ nay tôi có thể chuyển báo cáo hộ anh. Tôi có một đài phát. Liên lạc trực tiếp với trung tâm. Ngoài ra, xin lỗi anh cho hỏi một câu hơi tò mò: vụ phá hoại bến Dầu lửa có phải do các anh tình cờ gây nên không?

— Do chúng tôi, nhưng không phải là tình cờ. Đây, vai trò chính đây — Secnôivanenkô nói — Hình như tôi chưa giới thiệu các anh thì phải. Đồng chí Xtrenbixki, Platôn Ivanôvich, bí thư thứ hai.

— Thế ra là đồng chí ư? — Đrujinin hỏi, một ánh vui lóe trang đôi mắt xanh.

— Tôi chỉ chỉ huy — Xtrenhixki nhũn nhặn nói.

— Đừng có nghe anh ấy — Secnôivanenkô nói — Anh ấy xuýt chết vì mìn nổ đấy. Người lái tàu, đến lúc cuối cùng, đã hoảng.

— Tôi đành phải tự lái lấy — Xtrenbixki giải thích vắn tắt — Đến lúc cuối cùng, tôi đã kịp nhảy xuống, nếu không thì, chắc là...

— Tất nhiên, tất nhiên... — Đrujinin nói vội — Tôi hiểu. Nhưng đồng chí làm thế nào? Bẻ ghi à?

— Còn làm thế nào khác được? Anh em đã bẻ trệch ghi đi rồi khóa chặt lại.

— Hay... Nhưng, một lần nữa xin lỗi, tàu Fecđinăng, cũng là đồng chí à?

— Cái ấy thì công lao của Liôna chúng tôi — Secnôivanenkô vừa nói vừa cười rất hiền hậu.

— Trong anh em chúng tôi, anh ta nổi tiếng là một chuyên gia về "ô".

— Đánh vố ấy cũng giỏi. Các anh có biết tin chiếc Fecđinăng cuối cùng đã đắm ngoài khơi không?

— Tin mới toanh đấy! — Secnôivanenkô reo lên — Có thật không, đắm à?

— Còn gì nữa! Nó bị lệch trọng tâm.

— Anh chắc chắn thế chứ?

— Hoàn toàn chắc chắn. Do anh em tôi báo cáo.

— Làm ăn khá lắm!... Lêônit ơi! Các đồng chí ơi! — Secnôivanenkô nhìn vào đường hầm reo lên — Lại đây. Nghe thấy gì chưa? Tàu Fecdinang đã đắm rồi!

Vừa đúng lúc ấy, Xviatôxlap xuất hiện trước cửa "góc đỏ" và nói:

— Thưa đồng chí bí thư! Cho phép tôi báo cáo: bữa chiều đã dọn.

34

Đã bốn ngày bốn đêm rồi gió đông bắc thổi như bão trên thảo nguyên. Bầu trời u ám, xám như chì, nhòa lẫn với thảo nguyên xám xịt, u ám và ở chân trời, nơi trời đất nhòa lẫn vào nhau, cái màu sắc ấy đen sẫm lại đặc biệt ghê rợn. Một cơn gió băng giá, đặc như nước, không ngừng thổi trên thảo nguyên trơ trụi, không mạnh lên cũng không yếu đi, và theo độc một hướng. Vài ba bông tuyết nhỏ bay nhanh trên mặt đất lạnh cóng, xào xạc trong những cây ngưu bàng chết và các bụi cây lá khô cứng như giấy. Những lạch tuyết chảy, tách đôi, tách ba. Tuyết lấp đầy những ổ gà lạnh giá trên đường, chất đống lại trong các lòng khe. Thảo nguyên xám xịt trắng dần ra. Mười một độ dưới không, kể cũng không ghê gớm gì lắm. Nhưng ở giữa đồng không mông quạnh, với cái gió đông bắc tai ác buốt như kim

châm và nghẹt thở, băng giá dường như buốt không chịu được.

Tuyết xóa nhòa mọi dấu vết; ba giờ chiều ngày đã tàn, đêm tháng chạp xuống nhanh, dài lê thê và tối như hũ nút, bọn quân gác đường và tuần tra đường sắt còn thiết gì mò ra ngoài trời: thật không thể mong một thời tiết nào thuận lợi hơn.

Đrujinin kiên nhẫn chờ đợi cái thời tiết như thế này từ lâu rồi. Trận đánh anh định tổ chức cùng với Secnôivanenkô đòi hỏi phải cao tay, kinh nghiệm và dũng cảm. Vấn đề không phải chỉ lật đổ gọi là một chiếc tàu, gây cho đoàn tàu những thiệt hại cục bộ. Đrujinin đã vạch ra một phương pháp gài mìn nhằm làm cho toàn bộ đoàn tàu, từ đầu máy đến toa cuối cùng phải nổ tung lên, toàn bộ, một đoàn tàu dài dằng dặc chở toàn ét-xăng máy bay và đạn được mà bọn Đức đã cho chạy hỏa tốc từ ga Ôđetxa - cảng đến Voznexen và Khackôp đi mặt trận Xtalingrat.

Họ còn dự định lật đổ, không phải chỉ đoàn tàu ấy, mà cả đoàn tàu tiếp viện chắc chắn sẽ được điều động đến nơi xảy ra tai nạn.

Thế vẫn chưa hết. Họ đã đồng thời cử một đội công binh đến một đường sắt khác, đường Ôđetxa - Razđenaia, dùng một phương pháp hoàn toàn mới do Đrujinin vừa nghiên cứu ra, phá hoại con đường trên một chặng dài tám, thậm chí mười cây số, như thế cũng đã là một đòn nặng đánh vào vận chuyển của địch, vì sự đi lại của xe lửa quân sự sẽ bị đình trệ không phải một hai tiếng, mà ít nhất trong nhiều ngày. Thêm nữa, trường hợp vụ phá hoại làm cho địch hoảng hốt và nếu chúng cử đến tại chỗ những phân đội quân chiếm đóng và quân cảnh sát lê dương ở Uxatôvô, thì cũng có một kế hoạch phục kích đã nghiên cứu kỹ lưỡng do những đơn vị của Đrujinin và Tulyakôp tiến hành, để đúng vào lúc đã định, anh em du kích có thể bất ngờ tấn công địch nhằm nghi binh bảo vệ đường rút của quân ta, khiêu chiến và tiêu diệt quân phát-xít càng nhiều càng tốt. Tóm lại, Đrujinin chuẩn bị quật cho địch một đòn giao thông chiến quyết liệt có phối hợp chặt chẽ để bọn xâm lược cảm thấy sức mạnh của chính quyền xô-viết và gieo hoang mang rối loạn

trong hậu phương chúng.

Đrujinin và bộ phận nòng cốt của đơn vị anh bắt liên lạc với Secnôivanenkô đã được một tháng rồi. Về mặt Đảng, anh ở dưới quyền lãnh đạo của Secnôivanenkô và đã được cử vào Đảng ủy khu ngoại thành Ôđetxa. Về mặt quân sự, anh được giao quyền chỉ huy: anh là chỉ huy trưởng đơn vị du kích hợp nhất. Nhưng sống ở dưới hầm đá, anh vẫn thế. Anh không bao giờ có một chỗ ở nhất định, cứ lang thang trong các đường hầm, đêm ngủ chỗ này, đêm ngủ chỗ khác. Cùng lang thang với anh, có Piôt Vaxiliêvich và báo vụ điện đài Vetxêlôpxki. Ngoài ra, nơi anh thường xuất hiện nhiều nhất là đại bản doanh của Secnôivanenkô. Bởi vì đó là nơi anh cất tài liệu bí mật, trong một cái tủ sắt.

... Từ phía đông bắc một cơn gió dữ và lạnh giá thổi từ sông Vônga về. Những luồng không khí khô lướt trên thảo nguyên, rải dần lên mặt đất màu gang những dòng suối tuyết bốc hơi nghi ngút. Một khối đặc sệt xám như chì và đùng đục che kín chân trời nom thật ảm đạm; đằng sau chân trời, đâu đó xa lắm, chiến dịch Xtalingrat vĩ đại vẫn đang diễn ra không ngớt lúc nào, và kéo dài đã đến tháng thứ hai.

Piôt Vaxiliêvich và Secnôivanenkô ngồi ở trong cái hào cũ đã lở, không xa con đường sắt Ôđetxa - Bakhmat, và trong một lúc miễn cưỡng phải nghỉ, họ ra sức xoa hộ cho nhau cái mũi và cái tai lạnh, tái ngắt.

Trung sĩ Vetxêlôpxki, nhô đầu lên khỏi miệng hào và lim dim đôi hàng mi nhạt màu, vẫn quan sát đường sắt. Lúc ấy, cả ba người, Secnôivanenkô, Batsây và Misa Vetxêlôpxki đã gài xong hộp thuốc nổ cuối cùng xuống dưới tà-vẹt, và đã bắt đầu rắc lá vụn lên, bỗng họ nghe thấy đường sắt ầm ì khe khẽ.

Từ phía Ôđetxa, một chiếc xe goòng chạy tới. Họ vội ba chân bốn cẳng rút xa khỏi đường sắt, nấp vào cái hào cũ, nơi họ để dụng cụ: hộp kíp nổ, một cuộn dây rất tốt, vài quả lựu đạn, hai chai rượu, một số băng trung liên và một khẩu trung liên. Phải

chờ cho chiếc xe goòng đi qua. Secnôivanenkô và Batsây buốt quá không ngọ nguậy nổi ngón tay nữa. Họ tu rượu và lại tiếp tục xoa mũi xoa tai. Để tỏ ra chấp hành đúng mệnh lệnh, Misa cũng uống tý rượu, và càu nhàu nhưng chẳng xoa mũi xoa tai gì cả: anh là dân miền bắc và băng giá không tác động được đến anh. Nhưng mặt anh đỏ ửng lên và hàng mi trông càng bạc hơn, như đọng sương giá. Đầu nhô lên khỏi hào, Misa theo dõi chiếc xe goòng đang tới gần. Bỗng anh trông thấy bên đường sắt một chiếc xẻng bộ binh nhỏ cán ngắn. Nó không lộ lắm, nhưng dầu sao ngồi trên xe goòng người ta cũng có thể trông thấy nó.

— Ô này, các ngài ơi — Misa làu bàu — cái xẻng, ta quên không nhặt. Lạy giời nó đừng gây nên chuyện gì rắc rối!

Secnôivanenkô ngừng xoa tai Batsây. Bộ mặt lạnh xám ngoét của ông đó ửng lên từng đám.

— Batsây, có phải anh vứt cái xẻng công binh đấy không?

— Lỗi tại tôi. Tôi sơ ý.

— Vì sơ ý, sẽ nện cho anh một trận tóe máu đít — Misa hiền hậu nói,

Nhưng Secnôivanenkô lúc ấy không muốn xem là chuyện đùa.

— Này, Piôt Vaxiliêvich, anh nên nhớ rằng chúng ta đang tác chiến.

— Rõ! — Batsây, vẫn xoa tai Secnôivanenkô, đáp lại.

— Xin anh để cho cái tai tôi được yên — Secnôivanenkô nghiến răng lẩm bẩm.

Batsây lặng thinh, nhận rõ lỗi mình và hiểu rằng Secnivanenkô nói hoàn toàn đúng. Nhưng Secnôivanenkô vẫn chưa hết bực. Đặc biệt hôm nay, ông rất cau có. Người ta thấy rõ là ông phải cố hết sức để nén lại. Bộ mặt hiền từ và sắc sảo của ông hôm nay nom rầu rĩ, tái mét. Piôt Vaxiliêvich thừa biết — và ai cũng thừa biết như thế — là Secnôivanenkô đang yếu lắm.

Ông vốn không bao giờ thật khỏe. Một thời thơ ấu vất vả, thường xuyên ăn uống thiếu thốn, lao động chân tay quá sức, lo lắng, buồn bực, tất cả những cái ấy đã để lại dấu vết trên cơ thể ông. Secnôivanenkô đã điều trị, đã nằm ở nhà an dưỡng, nhưng không bao giờ khỏe hẳn lên được. Hơi tý là ông bị cảm lạnh, và bị cúm luôn. Cuộc sống trong không khí ẩm ướt và tù đọng dưới hầm đá càng làm cho sức khỏe ông kém sút. Ông bị bệnh thấp khớp, rồi lại đến bệnh viêm rễ thần kinh. Khi lên cơn Secnôivanenkô đau buốt trong đùi ghê gớm, muốn kêu thét lên. Ông đau quặn nhưng vẫn cố đi thẳng người. Ông giấu cơn đau và không cho phép mình được hé răng rên. Thỉnh thoảng lắm ông mới hầm hừ một tý. Giá được rên, có lẽ ông cũng bớt đau đirợc chút ít. Nhưng ông không hề rên. Bởi vì, xét cho cùng, cũng chẳng ăn thua gì... Hôm ấy, ngay từ sáng, và rất không hợp thời, ông bắt đầu lên con sốt, đứng không vững.

— Rồi anh biết tay tôi — Secnôivanenkô nghiến răng nhắc lại. — Tôi không kể gì chuyện xưa kia chúng ta đã cùng chơi đùa với nhau ở Lanjêrôn đâu... Tôi sẽ đưa anh ra trước Đảng ủy mặc dầu anh ở ngoài Đảng, và... anh sẽ hết cười.

— Im, các đồng chí! Chú ý! — Misa nhẹ nhàng nói, tỳ ngực vào mép hào thở.

Người ta nghe thấy tiếng rít ken két đặc biệt của chiếc xe goòng. Secnôivanenkô và Batsây nhặt lựu đạn ở dưới đất và thận trọng bước ra khỏi hào. Họ trông thấy chiếc xe goòng vừa đúng lúc đó xuất hiện ở quãng đường ngoặt. Nó lao nhanh tới chỗ cái xẻng nổi lên thành một vệt đen rất rõ trên nền đá đường tàu phủ tuyết.

Vài tên lính Đức quay lưng che gió, đứng ngồi trên xe goòng.. Bàn tay thọc vào trong tay áo ca-pốt trông giống áo choàng bệnh viện, một đường viền tuyết bám trên lông mày, cái mũi đỏ chon chót, mũ sắt và mũ ca-lô bọc thêm khăn len và khăn quàng phụ nữ, chân xỏ những của to tướng nhố nhăng bằng rơm, không ra bốt cũng chẳng ra hài xảo mà na ná như cái ổ gà ấp, súng chĩa loạn xạ ra bốn phía, chúng lao qua, trông vừa thảm hại vừa gớm

khiếp, đến gần chỗ cái xẻng, gần con hào nơi Secnôivanenkô, Piôt Vaxiliêvich và Misa nấp, đến cạnh cái nhà cháy đổ nát của người gác chắn, nhảy xóc lên ở những chỗ nối, khuất đi sau một quãng đường vòng, rồi lại xuất hiện xa xa trên nền chân trời xám xịt, từ đó ngọn gió đông bắc lạnh buốt, tàn nhẫn, chảy da cháy thịt, vẫn tiếp tục thổi ngược lại phía chúng với một sức mạnh vô tận. Như thế thì chúng còn để ý gì đến một cái xẻng?

— Lính với tráng, đánh đấm giỏi kinh! — Misa nháy mắt nói.

— Thế mà nó vẫn cứ thắng đấy!... Chà, quân chó má: — Gavrin Xêmiônôvich nghiến răng lẩm bẩm, và vừa cố hết sức ưỡn thẳng người vừa quát khe khẽ — Thế nào, các đồng chí, làm sao thế? Đi thôi chứ! Nào, nhanh nhẹn lên một tý! — Ông bỗng kêu lên và thoăn thoắt nhảy trước tiên lên khỏi hào và bắt tay làm tiếp công việc bỏ dở.

35

Chiều tà xuống nhanh. Họ đã đặt xong kíp nổ và rắc kỹ đá vụn lên để ngụy trang. Những kíp ấy không phải loại kíp thường. Xiniskin Jêleznư đã chế tạo và chuẩn bị để dùng riêng cho trận này. Kíp đặt tự động lên trên miệng quả mìn, và chỉ bắt đầu hoạt động khi đã kéo chốt an toàn. Một sợi dây dài được buộc vào cái vòng chốt, để có thể nấp từ khá xa rút chốt. Như vậy có thể chờ đầu máy và những toa đầu đi qua rồi mới giật cho mìn nổ. Đrujinin đã ước lượng chiều dài của đoàn tàu trên đường và ra lệnh cho đặt mìn ở ba chỗ — đầu, giữa và đuôi đoàn tàu — rồi dòng dây về những chỗ nấp, rất sẵn ở ven đường sắt Ôđetxa - Bakhmat: hào cũ, hàm ếch, bờ lũy, khe rãnh. Kế hoạch của anh đơn giản và ăn chắc. Đầu máy sẽ chạy qua quả mìn thứ

nhất và thứ hai và khi đến quả mìn thứ ba mới nổ. Lúc đó, sẽ giật chốt kíp nổ của hai quả mìn thứ nhất và thứ hai, chúng sẽ đồng thời nổ ở quãng giữa và đuôi tàu. Toàn bộ đoàn tàu sẽ nổ tung, không sót một toa. Chỉ cần nắm đúng thời cơ và từ chỗ nấp, kết hợp cùng kéo các sợi dây nối vào kíp nổ. Quả mìn đầu tiên — nếu tính ngược theo chiều tàu chạy, nghĩa là tính từ đầu máy trở lại, thì là quả cuối cùng, quả nổ phía đuôi — do tổ Secnôivanenkô giật; quả thứ hai, ở giữa, do Ximban. Quả thứ ba sẽ nổ tự động, đúng khi đầu máy chạy qua, vì kíp của nó là một kíp đơn giản, không có chốt an toàn.

Tiếng mìn lật đổ đoàn tàu sẽ đồng thời là hiệu lệnh cho hai tổ khác lập tức nhanh chóng gài mìn đường sắt trên một quãng dài một cây số trước và một cây số phía sau, cốt để đánh trật bánh đoàn tàu cứu viện, dù nó từ phía nào kéo tới, từ Ôđetxa hay từ Voznexen. Và nếu một từ phía này, một từ phía kia tới thì càng tốt.

Một tổ, phục ở gần Ôđetxa hơn, gồm có Xviatôxlap và Kôletnisuc. Một tổ khác, ở phía Voznexen, gồm chính bản thân Đrujinin và Xêrafim Tulyakôp. Vị trí chỉ huy của họ cũng đặt ngay tại đấy, từ đó họ có thể điều khiển đơn vị du kích đánh phục kích.

Chuẩn bị trận này không phải trơn tru dễ dàng. Con đường này là đường vận chuyển của nhiều đoàn tàu hàng, nên được canh gác khá cẩn mật. Phải hành động rất thận trọng. Gài mìn dưới đường ray, hóa trang, bố trí người ở các vị trí chiến đấu, phải hai ngày hai đêm mới xong. Thời tiết ủng hộ Đrujinin rất nhiều. Mọi việc đã xong. Lúc xẩm tối, Đrujinin đã ra những chỉ thị cuối cùng và phái tổ của Xtrenbixki đi tắt qua thảo nguyên đến đường xe lửa Ôđetxa-Razđenaia, cố hết sức tính toán như thế nào để hai hành động nghi binh cùng diễn ra một lúc. Bây giờ chỉ còn việc chờ đoàn tàu chở xăng và đạn được tới. Theo tin tức Secnôivanenkô nhận được từ cơ quan giám đốc cảng, do cô thư ký đánh máy Xayitxkaia lượm và ông gác Iakoplep chuyển — ông ta đã đến phố Pisônôpxkaia đặc biệt vì việc này — thì

đoàn tàu sẽ phải qua đây quãng từ mười giờ đến mười một giờ đêm.

Khoảng chín giờ, Đrujinin đi xem một lượt các nơi bố trí để kiểm tra lần chót xem mọi thứ đã sẵn sàng chiến đấu chưa.

— Thế nào, các đồng chí? — Ông vừa hỏi vừa nhảy xuống cái hào, nơi Secnôivanenkô, Batsây và Misa đang ngồi chen chúc trong đêm tối.

— Ổn cả — Misa đáp — Hai người nghỉ, một người trực chiến.

— Ai trực chiến?

— Tôi.

— Tất nhiên — Đrujinin vừa nói vừa mỉm cười trong bóng tối — Misa, anh không ngủ bao giờ ư?

— Có chứ ạ.

— Khi nào thì ngủ.

— Theo điều lệnh khi nào thấy nên.

— Thế theo điều lệnh khi nào thì nên?

— Thưa đồng chí Đrujinin, khi làm nhiệm vụ chiến đấu thì không bao giờ nên cả.

— Đồng chí nắm điều lệnh tốt đấy.

— Mấy giờ rồi, đồng chí Đrujinin?

Đrujinin vén tay áo bông ngắn lên và nhìn chiếc đồng hồ dạ quang.

— Hai mươi mốt giờ ba mươi.

— Đúng — Misa ngáp, trả lời — Đúng đồng hồ tôi. Còn rộng rãi chán.

— Anh đấy ư, Đrujinin? — Batsây thức giấc, hỏi.

— Tôi đây. Ngủ ngon chứ?

— Không, nói đúng ra thì tôi có ngủ đâu. Chỉ chợp đi một lý

thôi.

— Thế ai ngáy kinh thế kia?

— Đồng chí bí thư rất kính mến của chúng ta đây.

— À... Gayrin Xêmiônôvich... — Đrujinin khẽ gọi.

— Đừng đánh thức anh ấy. Hôm nay, anh ta dở chứng, gắt như quỷ. Để yên anh ta ngủ thì hơn.

— Tôi có ngủ đâu — Secnôivanenkô nói, giọng khản đặc — Anh tưởng tượng ra thế đấy thôi. Mấy giờ rồi nhỉ? Chưa đến giờ phải không? Gió rét gớm! Nó thổi kinh...

— Thôi, ta kiểm điểm tình hình xem thế nào. Mìn đã gài xong chưa? Có đảm bảo nổ không?

— Hy vọng là nổ — Secnôivanenkô đáp.

— Dây buộc vào kíp có chắc không?

— Chính tay tôi nối dây — Misa nói.

— Ta kiểm tra lại xem.

36

Họ bước ra ngoài hào và bò trong đêm tối trên mặt đất rắn câng như đá đi về phía đường sắt. Sợi dây trung sĩ Vetxêlôpxki không lúc nào rời khỏi tay dẫn họ đến đường ray. Kiên quyết không bấm đèn, dù chỉ trong một giây đồng hồ, Đrujinin bới đá ra, nắn quả mìn, đưa tay sờ nút dây buộc vào kíp nổ, và khẽ kéo.

— Kéo hơi nặng...

— Không sao, kéo được — Misa nói.

— Anh phải kéo thật lực vào đấy.

— Rõ.

— Mìn nổ xong, các đồng chí ở lại tại chỗ chờ tàu cứu viện đến — Đrujinin nói, mắt nhìn vào kim đồng hồ dạ quang — khi tàu cứu viện trúng mìn và quân lính địch bỏ chạy, các đồng chí sẽ phát huy các cỡ hỏa lực bắn theo. Các đồng chí sẽ ném lựu đạn, nói tóm lại, sẽ dàn quân ra đánh cho chúng một trận ra trò, để chúng được thể nghiệm trên da thịt sức mạnh của ta — Ông nói bằng một giọng gay gắt, dằn từng tiếng. Tuy tối đặc, người ta vẫn trông thấy mắt ông long lanh. — Các đồng chí chỉ rút lui khi có pháo hiệu xanh. Pháo hiệu sẽ do tôi bắn. Ngay trước khi tàu cứu viện tới, rất có thể có lực lượng địch kéo tới trận địa: quân chiếm đóng Uxatôvô, quân cảnh vệ lê dương và các thứ quân đê tiện khác. Trong trường hợp ấy, chúng sẽ sa vào trận địa phục kích của Tulyakôp và sẽ phải đối phó với bộ phận của chúng tôi. Còn các đồng chí thì lúc ấy, khi có pháo hiệu xanh, sẽ phân tán ra và rút từng người một, mỗi người một hướng, đúng như chỉ thị... Các đồng chí có nhớ chỉ thị không?

— Nhớ — Secnôivanenkô nói.

— Tốt. Có thế thôi. Hết.

Lúc ấy, Piôt Vaxiliêvich có xúc cảm gì đặc biệt, khác thường không? Không, ông chẳng có một xúc cảm gì đặc biệt cả: Đó không phải vì tâm hồn ông đã bị tê liệt hay vì trái tim ông không thể rung động. Trái lại, chưa lúc nào tim ông đập mạnh như lúc này, và chưa lúc nào ông thấy nó có sức sống, có khả năng ôm lấy tất cả, và bất tử như lúc này. Tất cả mọi ý nghĩ và cảm giác của ông hoàn toàn chìm ngập trong ý thức trách nhiệm. Từ lâu, ý thức đó đã gắn liền với đời ông. Nó trở thành cuộc sống của ông, trở thành chính bản thân ông. Và ông bình tĩnh không phải đơn giản như một con người có nghị lực lớn, quen nhìn thẳng vào cái chết. Không, ông bình tĩnh như một người tin tưởng vào chính nghĩa của mình. Nắm chắc khẩu súng lục trước ngực, ông đứng trong hào, bên Secnôivanenkô và

Misa, nhìn xoáy vào bóng đêm, đếm nhẩm những toa thùng đang âm ầm lăn qua trước mặt họ.

Sáu, bảy, tám, chín.

Những thùng dầu chở đầy xăng máy bay, có một hoặc hai bướu, trông như bóng những con lạc đà, kéo thành một đoàn dài mãi không hết, in hình trên nền trời sẫm.

Mười một, mười hai, mười ba...

Chúng chạy qua, nhảy xốc lên trên những chỗ đường ray nối bị nhiệt độ thấp làm hở cách nhau. Đám mây bụi chúng khua lên hòa lẫn vào gió đông bắc, phả mạnh, quất cát và bông tuyết vào mặt họ. Các toa thùng nối đuôi nhau lướt nhanh qua quả mìn gài dưới đường ray. Chỉ cần kéo cái dây là chúng nổ tung. Nhưng đoàn tàu còn dài, và phải biết kiên tâm chờ cho tới đoạn cuối.

Mười bốn, mười lăm…

Đoàn tàu chạy sao vừa nhanh, mà lại vừa chậm đến sốt ruột như thế! Các toa thùng đã qua hết và bây giờ là những toa hàng chắc là chở đạn, cao lênh nghênh, có bốn trục bánh, và trên toa có lính đứng gác. Rồi lại đến những toa thùng có một hoặc hai bướu trông như bóng lạc đà.

Ngọn gió từ xa đưa tạt lại tiếng đầu máy giống như tiếng một con chó mệt thở rốc: "Phì, phò, phì, phò...!" Giờ đây, chắc hẳn đầu máy đã vượt qua quả mìn thứ hai và đang đến gần quả thứ ba... Và mặc dầu tiếng toa thùng lăn ầm ầm, bốn bề xung quanh sao mà lặng ngắt! Kìa, gió hắt xuống gầm tàu vài tàn lửa đỏ từ lò đầu máy rơi xuống đường. Nhưng đoàn tàu bao giờ mới hết? Chong chóng lên! Nếu nó ngắn hơn họ dự tính thì gay go quá. Nhưng không, trái lại, xem chừng nó quá dài là khác.

— Chà chà, cứ ùn ùn — Secnôivanenkô nói thầm bên tai Batsây.

Batsây bò ra khỏi hào... Ba toa thùng cuối cùng, sau đó một toa hàng, và thế là hết.

— Nào giật đi!

Misa cuộn sợi dây vào cổ tay, đưa khuỷu tay về đằng trước và đạp chân vào thành hào làm thế tựa.

— Này, cho chúng mày chết này, quân chó má! — Anh làu bàu trong miệng và cùng lúc ấy, xa xa đâu đó, phía đầu tàu, một ánh chớp lóe lên, soi rực thảo nguyên màu chì cho đến tận chân trời, một ánh sáng điện rùng rợn, và một tiếng nổ dậy lên như sét.

— Nào, kéo đi! — Secnôivanenkô hét lên.

Các toa thùng vẫn còn lăn, nhưng một cái rùng mình ghê gớm chạy dọc xương sống đoàn tàu, và lần này, cũng ở phía trên, nhưng đã gần hơn nhiều, tại chính giữa đoàn tàu, ánh chớp thứ hai lóe lên.

Dưới ánh sáng chói lòa, Batsây thấy ngay bên mình bộ mặt của Misa, trông như một cái nạ bằng thạch cao, đang nhắm nghiền mắt và cắn môi dưới đến bật máu, lấy hết sức kéo mạnh cái dây cuộn quanh cổ tay.

— Kia, làm sao thế, mau lên! kéo đi, mau lên! — Secnôivanenkô nói.

— Hỏng rồi!

Giờ đây các toa thùng, với một tiếng đổ vỡ, một tiếng va chạm rầm rầm kinh khủng, trèo lên nhau, lồng lộn, đổ lăn ra, ngọn lửa bừng lên dữ dội ở quãng đầu và quãng giữa tàu.

Và Misa vẫn kéo mãi sợi dây, những giọt nước mắt giận dữ chảy trên đôi má anh, long lanh và âm ấm ánh lửa dầu xăng cháy rực.

Thình lình, tay vẫn giữ khư khư sợi dây, anh nhảy vọt một cái ra khỏi hào; Secnôivanenkô chưa kịp kêu lên: “Đứng lại! Lùi lại!“ thì cái bóng lanh lẹn, mập mạp trong cái áo bông ngắn dã lao lên nhanh như chớp, nhảy qua các chướng ngại vật, chạy về phía đường sắt.

Và thế là ở đuôi đoàn tàu, ánh chớp thứ ba lóe lên. Nó sáng

rực gần lắm, vọt từ dưới gầm toa lên, chói lòa mắt.

Hơi mìn nổ xô ngã Secnôivanenkô và Batsây xuống, tàn nhẫn hắt họ lăn xuống đáy hào, và bên trên miệng hào bay qua những mảnh quần áo rách mướp và những mầu kỳ dị của cái mà một phút trước đây là anh báo vụ viên Misa. Một trong những mẩu ấy lọt vào trong hào, rơi xuống đất, nẩy lên và treo lơ lửng trên miệng hào. Dưới ánh sáng khói lửa rừng rực trên đường sắt, Secnôivanenkô và Piôt Batsây thấy cái mảnh lơ lửng bên miệng hào đó là một ống tay chiếc áo bông ngắn quen thuộc, có một bàn tay người chết thò ra, nắm khư khư, với những mẩu xương khớp nhỏ xanh xanh, những móng tay trắng bệch và những mẩu dây cuốn quanh cổ tay.

Ngồi nép vào nhau, họ kinh hoàng nhìn cái nắm tay. Từ trên trời rơi xuống người họ những đám muội đen, những giọt lửa nóng giãy phả xuống một thứ khói ngột ngạt, và ngọn gió đông, với cái sức mạnh bất tận của nó, là là trên mặt thảo nguyên, thổi bạt những đám mây chì đỏ ửng ánh lửa đám cháy dữ dội.

37

Cũng vào khoảng lúc ấy, cách năm cây số đường thảo nguyên, đội công binh của Xtrenbixki gồm sáu người, đã đổ ra đường sắt Ôđetxa-Razđenaia. Bão tuyết vẫn tiếp tục thổi mạnh. Những cơn lốc nhầy nhựa bùn bay trên thảo nguyên. Trời đen và đất đen, chưa kịp bị tuyết bay gấp phủ kín, hòa lẫn với nhau làm một. Cách hai mươi mét, khó mà trông thấy gì khác ngoài một đám mờ mờ, xám như bùn nhão. Ở vùng này, thảo nguyên bằng phẳng và nhẵn như một cái mặt bàn, với độc một dải dạ hợp lùn và thông non chắn gió. Đội của Xtrenbixki đã tới cái dải ấy và bố

trí giữa những cành gai góc, trên những đám lá rụng, lắc rắc bông tuyết. Hai bọc thuốc nổ khá to, trên có ngụy trang khoai tây để phòng bất trắc, đặt bên một cột điện thoại. Gió rít rập rình trên dây thép và kêu vo vo trong thân cột, nghe ảm đạm, thê thảm và rợn người.

— Chà, cho mày cứ rít! — Tarax Xêrêđa, cây nhộn của đơn vị Tulyakôp, tay đêm giao thừa đã đánh đàn măng-đô-lin rất hay, nói — Cứ như chó sói sủa ấy.

— Đúng là điềm gở! — Một giọng khàn khàn từ trong bóng đêm đáp vọng lại.

— Rú lên, cứ rú lên đi..., chờ đấy ông cho biết tay.

— Vừa vừa cái mồm chứ! — Xtrenbixki nghiêm nghị nói, và quỳ xuống nghe ngóng tiếng dông tố gầm rú.

— Thèm thuốc quá! — Tarax Xêrêđa thì thào và thở dài.

— Không lâu nữa đâu, anh em ạ, sắp được hút rồi... — Cái giọng khàn khàn trong đêm tối đáp lại.

— Được biết trước sẽ diễn ra như thế nào thì cũng khoái đấy nhỉ.

— Cái mồm!

Im lặng trở lại. Phía bên kia đường sắt lóe lên ánh sáng một cây đèn bấm, và trong bụi tuyết, ba cái bóng thuôn thuôn theo nhau lướt nhanh. Chúng lướt qua và biến mất hút.

— Tuần tra!

Một lần nữa cây đèn bấm nhỏ lại khoa lên, nhưng đã xa và trông không rõ nữa.

— Chúng đi rồi.

Họ chờ một lát nữa.

Phương pháp mới phá hoại đường sắt trên một đoạn đài, do Đrujinin vạch ra, như sau: chuẩn bị sẵn từ trước những kíp điểm hỏa có ngòi cháy chậm dài từ hai mươi đến ba mươi phân, như

thế thuốc sẽ nổ chậm từ hai mươi đến ba mươi phút. Một đội sáu người mang các bọc thuốc nổ đi dọc đường sắt. Họ chia làm hai tổ ba người, một tổ đi xuôi, một tổ đi ngược, chạy trên tà-vẹt. Trong mỗi tổ, hai người vừa chạy vừa đặt ở những quãng nối, cách một hoặc hai khúc đường sắt, một gói bốn lạng thuốc nổ, và người thứ ba, chạy sau ba mươi mét, tay cầm một nắm năm mươi đến bảy mươi kíp điểm hỏa, ngòi đã châm sẵn. Trong khi tiến, anh ta kiểm tra lại thuốc nổ và gài thêm vào một chiếc kíp. Như vậy, nửa giờ sau, nghĩa là khi mỗi tổ ba người đã chạy được khoảng bốn cây số, cộng lại là tám cây số đường sắt, thì ở đằng sau bắt đầu nổ những quả đầu tiên. Hai tổ chạy cho đến khi gài hết thuốc nổ, rồi mỗi tổ một đường, theo hướng đã định sẵn, bình yên rút sâu vào thảo nguyên, để lại phía sau họ mười cây số đường sắt bị phá hoại.

Cho tới lúc đó, người ta chưa bao giờ dùng phương pháp ấy và anh em công binh nóng lòng đợi đến lúc được bắt đầu công việc để xem nó ra sao. Cuối cùng, Xtrenbixki từ từ đứng dậy, và nói:

— Nào, anh em ta bắt đầu thôi!

To, cứng, cái lưng rộng khom khom, một tay giữ khẩu Môde đeo bên trong lần áo bông ngắn, tay kia gỡ những cành dạ hợp gai móc vào tay áo, anh nhảy ra khỏi lùm cây và bò về phía nền đường sắt. Anh em khác bắt đầu bò theo. Anh nhắc lại lần chót mệnh lệnh chiến đấu:

— Tổ thứ nhất: Xviriđôp, Xêrêđa, Rakitnikôp.

— Có! — Nhiều tiếng người đáp lại.

— Rakitnikôp mang bọc thuốc nổ. Xêrêđa gài thuốc nổ vào đường; theo sau, Xviriđôp mang kíp đi cách ba mươi mét. Tổ thứ hai: Đubôvôi Xtêpan mang bọc thuốc, Đubôvôi Payen gài; theo sau là tôi, cũng khoảng cách ấy, ba mươi mét. Xviriđôp cùng với tổ, đi sang trái. Tôi và tổ tôi, sang phải. Bắt đầu, khẩn trương lên, không được chậm trễ; đặt thuốc cho khéo, cẩn thận, chắc chắn; giữa các khoảng cách thì chạy; càng nhanh càng tốt.

Xtrenbixki mau lẹ rút ở trong bọc ra hai nắm kíp đã chuẩn bị

sẵn và giao một cho Xviriđôp.

— Này, cầm lấy, Trifôn Zakharovich! Và ủng hộ anh em một tý, cho xin tý lửa.

Ngồi quay lưng ra gió, Xêrêđa bật lửa và đặt đầu thổi phù phù vào một cuộn bùi nhùi. Một làn khói trắng tỏa ra, rồi bùi nhùi bắt lửa. Một mùi khét bốc lên. Xtrenbixki cầm lấy bùi nhùi, và bắt đầu đưa cái đầu cháy quét lên ngòi kíp, vội vàng, và cố để châm được thật nhiều ngòi một lúc. Muốn thế anh thổi và những tia lửa lép bép bắn ra tứ phía.

— Nào, bây giờ nhân danh Cha và Con và Thánh thần, tiến lên, anh em! Hoàn thành nhiệm vụ!

... Xviriđôp chạy trên tà-vẹt, tay trái ôm vào ngực một túm kíp. Ba mươi mét đằng trước, Tarax Xêrêđa mang bọc thuốc và Rakitnikôp chạy, trông lờ mờ không rõ trong làn khói bão tuyết mờ đục. Chốc chốc họ lại dừng lại, ngồi thụp xuống, rút mau trong túi ra một gói thuốc nổ, đặt xuống dưới chỗ nối, rồi lại chạy xa hơn. Chạy tới chỗ đặt thuốc, Xviriđôp rút trong túm kíp ra một chiếc với cái ngòi chỉ cháy leo lét, đưa bàn tay giá buốt đặt nó xuống dưới chỗ nối, vào cái lỗ để thuốc nổ, kiểm tra lại xem gói thuốc có gài đúng dưới đoạn nối hay không, rồi lại ba chân bốn cẳng chạy xa hơn. Chạy trên tà-vẹt thật khó, vì khoảng cách giữa hai tà-vẹt chẳng thích hợp tý nào với chiều dài bước chân: bước từng tà-vẹt một thì ngắn quá, bước hai tà-vẹt một lại dài quá. Luôn luôn chân cứ trượt ra khỏi thanh tà-vẹt trơn nhẫy và vấp vào những hòn đá rải đường băng giá còn trơn hơn cả tà-vẹt.

Xviriđôp bắt đầu thấy bức, mồ hôi toát ra, nhưng gió lạnh buốt quất vào mặt, làm anh tắc thở và tức ngực. Xviriđôp vừa chạy vừa ho sù sụ không dứt, và thở rất khó khăn. Toàn bộ tâm lực của anh căng đến tột độ. Anh không nghe, không nhìn thấy gì quanh mình, ngoài tiếng gió rít và hai bóng người phía trước. Nhưng, sự thực, anh vẫn chạy ba chân bốn cẳng, một tay ôm vào ngực bọc kíp mìn, tay kia rút ra để gài thật nhanh vào gói

thuốc nổ. Anh đã mất hết cảm giác về thời gian, chỉ tính theo số lượng kíp nổ còn lại trong bọc. Nhiều lần trượt chân trên chiếc tà-vẹt đóng băng, anh ngã sóng soài. Một lần anh bập vào đường ray, đau xuýt ngất đi. Nhưng ngay cả khi ngã, anh vẫn ôm khư khư đống kíp nổ với toàn lực của mình. Máu từ đôi môi hé chảy ra, anh cứ đưa lưỡi khô khốc liếm như một cái máy, nhưng không thấy đau nữa. Anh cứ chạy, như mê man và chỉ tỉnh lại khi nhìn thấy trên đường sắt cái bọc rỗng. Đến lúc ấy, anh mới thấy mình còn bốn cái kíp. Anh đặt một cái vào gói thuốc cuối cùng. Còn ba cái, anh quẳng đi trước khi rút khỏi đường sắt.

Cùng lúc đó, nghe thấy xa xa đâu đó tiếng nổ của gói thuốc nổ đầu tiên, rồi tiếng thứ hai, thứ ba... Các tiếng nổ liên tiếp nối nhau. Có những tiếng như xa ra, có tiếng như gần lại. Cuối cùng, chúng hòa thành một tiếng sấm rền đinh tai váng óc, và dưới ánh lửa bốc rực lên, Xviriđôp trông thấy con đường sắt dài như quằn quại trên suốt chiều dài của nó với những khúc đường sắt đứt dựng lên cong veo, và những thanh tà-vẹt đóng băng, trông như những phím đàn dương cầm, bị bật ra khỏi đường trên một quãng dài nhiều cây số. Xviriđôp nhảy vào một cái hố. Gần đó, gói thuốc cuối cùng nổ tung, và một khúc ray rít lên bay lộn qua đầu Xviridôp. Rồi một cảnh im lặng kỳ dị. Và lúc ấy, xa xa đâu đó, về phía đông bắc, giữa những cơn lốc tuyết trắng, nhóm lên một ảnh lửa như đám cháy. Xviriđôp chắc đó lá những quả mìn do Đrujinin gài dưới đoàn tàu quân sự Đức ở quãng cây số mười bốn, đường Ôđetxa-Bakhmat, đã hoàn thành nhiệm vụ.

38

Lúc này cánh phụ nữ — Matriôna Têrenchiepna, Raitxa Lôpna và Liđya Ivanôpna — ngồi gác ở cửa đường hầm. Đó là

một lối ra vào mới, vừa được khám phá ra trên thảo nguyên, dưới lòng một thung lũng, một khe hẹp, hầu như một chỗ đất nứt giữa hai phiến đá vôi, um tùm cỏ dại và gai cằn.

Xem chừng lối ra vào ấy cho tới nay chưa ai biết. Họ cũng tình cờ khám phá ra nó, và cũng thật hợp thời, vì nó chỉ cách đường sắt Ôđetxa-Bakhmat có hai cây số. Chính từ cửa ấy, đội du kích Đrujinin đã ra đi chiếm lĩnh trận địa.

Hai đêm liền, các bà đã thay phiên nhau chuyển ra đó, trên những xe trượt nhỏ, những hòm thuốc nổ, súng máy, đạn dược, và món kê hầm thịt mỡ đựng trong một cái xoong lớn bọc tấm chăn lông ngựa cũ.

Công tác chuẩn bị xong, họ trở về hầm đá và giờ đây, họ canh gác ở lối ra vào mới được đặt tên là "Cửa thảo nguyên".

Ngoài Xiniskin Jêleznư, Pêchya và Valentin ra, ở chỉ huy sở còn có vài người của đơn vị Đrujinin để bảo vệ cái tủ sắt và canh gác các cửa đã được gài mìn cẩn thận.

Mặc dầu rất khao khát, Xiniskin Jêleznư không được tham gia trận đánh, cũng không được canh gác. Bệnh của bác đang phát triển nhanh một cách kinh khủng. Nói đúng ra là bác đang chết mòn. Đường hầm đã giết chết bác. Có lẽ bác chỉ còn một hai tuần để sống, cùng lắm là một tháng. Bác sắp chết rồi. Ai cũng thấy và cũng biết, nhưng không biết làm gì để giúp bác cả.

Cũng như mọi người lao, bác hoàn toàn không cảm thấy mình sắp chết. Trái lại, bệnh càng nặng, cơ thể bác càng kiệt sức lực, thì tâm thần bác hoạt động càng mạnh, trí óc càng khỏe, càng minh mẫn,

Bác cứ đinh ninh rằng mình bị một thứ bệnh cúm đặc biệt gì đó dai dẳng và sẽ khỏi, sắp khỏi đến nơi là khác, và rất bực khi bị coi là một bệnh nhân nặng. Bác không chịu nằm nghỉ. Mỗi cử động đều làm bác mệt. Tuy thế, cứ hai ngày bác lại cạo râu một lần rồi ngồi hồi lâu bên bàn, hai bàn tay xương xẩu ôm lấy đầu, mệt tưởng đứt hơi. Bác rạo rực thèm khát hoạt động. Cuộc tấn công của Hồng quân ở Xtalingrat đã làm bác phấn khởi trở lại và

thực sự kéo dài cuộc sống của bác. Bác chờ đợi thắng lợi mà sao nóng lòng đến thế! Giờ đây, thắng lợi sắp đến, bác không thể nào chết mà không được hưởng. Cũng nóng lòng như thế, bác chờ đợi một chiến thắng khác, trên các con đường sắt Ôđetxa - Bakhmat và Ôđetxa - Razđenaia. Với tất cả tâm hồn nồng cháy trong cái cơ thể tàn tạ ấy, bác cảm thấy rằng trận chiến thắng nhỏ kia và trận chiến thắng lớn của Hồng quân tại Xtalingrat chỉ là những bộ phận của cùng một Chiến thắng vĩ đại đang tới.

Xiniskin kéo lê chân trong "góc đỏ", thỉnh thoảng lại dừng chân trước tấm bản đồ khu vực. Bác đưa một ngón tay gầy guộc, như chiếc đũa tre mảnh, vàng ệch, phình ra ở những đốt xương, lần theo những con đường sắt, dừng lại ở quãng cây số 14 đường Ôđetxa - Bakhmat, và quãng cây số 15 đường Ôđetxa - Razđenaia. Cái bóng khổng lồ của bác in lên tường không đủ chỗ, gập lại trên trần, treo lủng lẳng hình nhìn nghiêng nặng nề của cái đầu tóc bù xù. Bác nóng ruột mân mê những mũi kim có gắn cờ đỏ, chỉ muốn cắm ngay chúng vào những điểm trên bản đồ có các đội của Đrujinin và Xtrenbixki đang bố trí.

Khoảng mười một giờ đêm, Liđya Ivanôpna, Matriôna Têrenchiepna và Raitxa Lvôpna nghe thấy ba tiếng nổ, hai tiếng gần như đồng thời và tiếng thứ ba hơi chậm hơn. Dường như tất cả thảo nguyên đã rùng mình, chấn động trước các tiếng nổ ấy. Tiếng vang thê thảm cuồn cuộn truyền đi bốn bề, vọng sâu vào các khe lạch của thảo nguyên. Và liền đó, khoảng chân trời nhỏ hẹp mà người ta có thể trông thấy từ cửa đường hầm hơi ánh lên một ánh lửa đỏ tía. Ánh lửa rực lên, lan mãi ra. Xa xa, ngọn lửa được gió đông bắc thổi bốc lên, đang hoành hành dữ dội. Trên mặt đất màu chì, bóng mờ mờ của những cây cỏ dại và gai cằn rõ hẳn ra.

— Bây giờ thì cháy bằng thích, bằng thích... — Mairiôna Têrenchiepna thì thào.

— Xăng đã bắt đầu cháy rồi — Raitxa Lvôpna đáp lại cũng một điệu như thế.

Lidya Ivanôpna ngồi tỳ bên tảng đá, hai bàn tay nhỏ ép chặt vào ngực. Một tiếng nổ dậy lên vang rền, như một loạt tiếng nổ nhỏ liên tiếp, chồng chất lên nhau; một chấn động mạnh, đanh, lan ra bốn bề trong không trung, như một cây pháo bông.

Matriôna Têrenchiepna vểnh tai về hướng thảo nguyên, lắng nghe. Đôi mắt sáng ánh lửa cháy của bà đăm đăm, trong suốt như những quả nho xanh với một hột nhỏ sẫm ở giữa: những con mắt của Gayrin Xêmiônôvich, những con mắt của Valentin, của họ nhà Secnôivanenkô. Bà cau trán, đưa ngón tay trỏ lên sửa lại mái tóc bịt chiếc khăn tay.

— Bày giờ thì là các toa đạn nổ.

Để giấu xúc động, bà cười dịu dàng, rúc rích. Bà rùng mình, hai hàm răng va vào nhau lập cập.

— Cái gió tệ gió hại! — Bà thốt lên, khó nhọc, choàng vào người cái áo khoác cũ kỹ tứ thời — Chị không lạnh ư, Raietska?

— Lạnh — Raitxa Lvôpna đáp lại bằng một giọng lạ lùng, xa vắng, mắt đăm đăm nhìn không chớp ra ngoài thảo nguyên tối tăm và hồng ánh lửa cháy — Yên mà nghe! — Bà kêu lên giật giọng và bất thần nắm lấy bàn tay giá ngắt của Matriôna Têrenchiepna — Chị nghe thấy gì không?

— Có

Giờ đây, thảo nguyên rền vang tiếng súng máy. Các bà chăm chú nghe, tâm trạng căng thẳng đến nỗi nước mắt ứa ra lưng tròng. Tay nắm tay và nép vào nhau, họ ngồi bên cái cửa hẹp, xung quanh gió vẫn thổi, vô hình, lướt trên những cạnh đá vôi sắc.

Lúc này, ở đây, trên thảo nguyên, tại cây số mười bốn và gần ga Batsnaia, đang xảy ra những gì? Mọi việc có trơn tru trót lọt không? Có thể giờ phút này, một viên đạn đang giết chết một người thân của họ chăng? Có thể lúc này Kôletnisuc, hoặc Secnôivanenkô, hoặc Piôt Vaxiliêvich, hoặc Xviriđôp đã thành người thiên cổ? Có thể Liôna Ximban đã ngã gục? Có thể là

Xêrafim Tulyakôp, máu me đầy người đang bò lê qua thảo nguyên? Không, không! Không phải! Không thể thế được. Không thể có chuyện đó... Vậy mà cái vô lý ấy, cái không thể ấy, lại chính là cái họ đang tưởng tượng ra.

Có những phút họ đã định rời bỏ vọng gác để chạy lao tới chỗ cây số mười bốn. Nhưng họ vẫn không nhúc nhích nửa bước, ngồi lặng đi tê tái, lo âu, đôi lúc lòng rộn ràng, phấn khởi, hy vọng, tin tưởng là lần này mọi việc sẽ tốt lành. Họ đã mất hết mọi khái niệm về thời gian. Đêm kéo dài tưởng như bất tận. Đã bao nhiêu lâu rồi, bao nhiêu giờ hay bao nhiêu phút? Một tiếng nổ nữa vang lên trên thảo nguyên, rồi một lúc sau, gió tạt về những tiếng người. Nhiều tiếng người. Những tiếng hô. Thảo nguyên rộn lên. Chắc đó là bọn quân chiếm đóng Uxatôvô điều vội đến nơi bị phá hoại. Hay là chúng đã điều bọn cảnh vệ lê dương từ Ôđetxa tới... Rồi tiếng súng máy lại nổ ran ở nhiều chỗ. Lựu đạn bắt đầu nổ. Trên nền chân trời đen hồng ảm đạm, vài bóng kỵ binh chạy nước kiệu lướt qua. Bốn con chó săn Đức chạy, mõm chúi xuống, tai vểnh lên như những cỗ súng hai nòng. Gió đưa lại tiếng súng vọng xa xa. Trên nền trời hiện lên một phát pháo hiệu như một ngôi sao nhỏ xanh xanh, vòng lên rồi tắt ngấm. Im lặng dần dần trở lại.

Các bà vẫn ngồi nép sát vào nhau, lạnh cóng cả người mà cũng chẳng hay, và nhìn chằm chằm vào bóng đêm đến nhức cả mắt.

Nhưng vẫn chẳng thấy ai về.

Một ngày và một đêm trôi qua. Không thấy một ai về cả... Cuối cùng, trong đường hầm, xuất hiện Tulyakôp ăn mặc vẫn chải chuốt như thường lệ, những đôi mắt quầng sâu hoắm, và đầu tóc râu ria rối bù. Anh là người đầu tiên mang tin cây số mười bốn về.

Nói chung, mọi việc diễn ra đúng như kế hoạch. Đúng như dự đoán, một đoàn tàu cứu viện điều từ Ôđetxa tới đã vấp phải mìn của Xviatôxlap và Kôletnisuc gài, nổ tung. Nhưng trước đó, ở

cây số mười bốn đã có hai đại đội quân chiếm đóng Uxatôvô đi ô-tô, theo sau là một đội cảnh vệ kỵ binh có chó, hối hả kéo tới. Chúng tỏa ra bao vây khu vực xung quanh đoàn tàu cháy.

Anh em du kích có lợi thế là chiếm được những vị trí chiến đấu có chuẩn bị sẵn. Không để cho quân Đức cũng như quân Rumani kịp triển khai đội hình và phân tích tình huống, Đrujinin đã hạ lệnh phát hỏa. Anh em du kích, có hai súng máy đặt trong công sự, đã mở màn bắn như đổ đạn vào ca-mi-ông địch, vào ngựa và bọn lính bộ trông rõ mồn một dưới ánh lửa đoàn tàu đang cháy lụi.

Đó là một trận nghênh chiến công khai. Nhưng lực lượng hai bên chênh lệch quá: mười tám du kích chống với hai đại đội bộ binh và một phân đội kỵ binh. Chưa biết kết cục rồi sẽ ra sao nếu đúng vào lúc bọn Rumani và bọn Đức sau phút rối loạn đầu tiên, tiến công trở lại vào trận địa của Đrujinin, không có chuyện đoàn tàu cứu viện bị trúng mìn. Vụ nổ mới và bất ngờ này đã tạo nên một tình trạng rối loạn kéo dài trong hàng ngũ địch. Một số tưởng có một đơn vị pháo binh du kích tới, bỏ chạy về đằng sau. Chúng cho là đã bị mắc bẫy. Đrujinin lợi dụng thời cơ ấy bắn một phát pháo xanh, hiệu lệnh rút.

Họ ném lựu đạn rải rác vào những tốp quân Rumani còn bố trí lại, và biến vào thảo nguyên, mỗi người một hướng, theo đúng mệnh lệnh. Từ lúc đó, Xêrafim Tulyakôp mất hết liên lạc với đồng đội.

— Thế các đồng chí đã phá được của chúng bao nhiêu cây số đường sắt — Xiniskin đến bên tấm bản đồ, hỏi.

— Gần hai cây số — Tulyakôp đáp.

— Khá lắm!

— Thêm nữa, chúng tôi đã tiêu diệt được ba chục tên "Thổ-nhĩ-kỳ" ấy! Và đốt chơi tý tỉnh ét-xăng, ấy là không kể hai đoàn tàu và một goòng máy, là tiết mục cuối cùng của quân ta.

— Khá lắm, làm ăn khá lắm..., — Xiniskin ồm ồm nhắc lại. —

Hãy coi đó là món quà chúng ta tặng các chiến sĩ Hồng quân anh dũng ở Xtalingrat! — Và bác đưa cây bút chì đánh dấu trên bản đồ chiều dài của quãng đường bị phá, và cắm lên đó một lá cờ nhỏ của du kích.

39

Về sau, anh em trong bộ phận của Đrujinin và Tulyakôp lác đác về, lúc một lúc hai người. Có người bị thương, và Liđya Ivanôpna lập một trạm cứu thương. Xtrenbixki trở về, rồi Xviriđôp, với một bên môi rách toạc và một răng gẫy. Họ kể chuyện giật mìn phá tám cây số đường sắt ở vùng ga Đatsnaia. Phương pháp mới áp dụng ở chỗ nào cũng thành công tất.

— Một đoàn tàu lớn chở xăng và đạn — Xiniskin Jêleznư vừa ghi kết quả trận đánh vào cuốn nhật ký chiến đấu, vừa nói — một đoàn tàu tiếp viện, một goòng máy, khoảng ba mươi tên phát-xít bị tiêu diệt, tám cây số đường sắt bị phá hoại cộng thêm gần hai cây số nữa. Quả là một món quà tặng khá lịch sự cho anh em ở Xtalingrat, nhất là lúc này quân Đức đang phải đếm từng giọt xăng, từng viên đạn. Biết bao nhiêu máy bay phải nghỉ cánh, bao nhiêu khẩu súng máy phải treo giò, khá lắm, làm ăn khá lắm!

Một ngày và một đêm nữa trời qua. Không thấy ai về thêm nữa. Có lý nào họ đã chết tất hoặc bị sa vào tay quân thù cả rồi?... Nghĩ đến mà sợ, nói đến mà sợ! Chỉ có cách là lờ đi không nhắc đến. Những ngày chờ đợi âm thầm. Tiếp sau cái hy vọng âm thầm là cái tuyệt vọng âm thầm, rồi lại hy vọng.

Cuộc sống dưới hầm tiếp diễn theo trật tự đã định. Xiniskin thay thế Secnôivanenkô, Xêrafim Tulyakôp thay Đrujinin. Thêm

vào đó, cả Liôna Ximban, cũng như Xviatôxlap, cũng như Piôt Batsây, Kôletnisuc và trung sĩ Vetxêlôpxki đều không thấy trở về.

Ngoài ra, không có gì thay đổi cả. Người ta thổi nấu, nhận thông báo của Thông tấn xã Liên-xô, lau chùi đạn, vá quần áo, tập bắn, lắp đạn vào băng, đánh máy truyền đơn giao cho anh em du kích của Tulyakôp đêm đêm đi rải.

Các thông báo do Valentin và Pêchya nhận, Valentin điều khiển máy thu, Pêchya ghi chép, một người trong đơn vị Đrujinin mang dây trời ra ngoài cửa hầm, cắm trên một cái gậy giơ lên.

Nếu không có những bản thông báo tin tức mặt trận Xtalingrat ấy thì họ không đủ sức chịu đựng sự căng thẳng của cảnh chờ đợi âm thầm. Nhưng, hàng ngày, bản thông báo lại cho họ được hít thở không khí chiến thắng, nó nuôi cho họ sống được và đợi được. Đương nhiên là họ chờ đợi tất cả những người thiếu mặt. Nhưng mỗi người chờ đợi riêng một người, với một tâm trạng khác biệt.

Pêchya đợi bố. Chú lúc nào cũng nghĩ đến bố, lúc thức cũng như lúc nằm mộng. Chú không mơ thấy bố. Không, Pêchya nghĩ đến bố, da diết, đau đớn, trong lòng tràn ngập tuyệt vọng của yêu thương. Có thể nào bố chú lại không còn sống nữa, bố chú, con người mà chú cảm thấy mình chỉ là một bộ phận không thể tách rời, con người mà cuộc sống là cuộc sống của chú, và cõi chết là một chuyện cũng vô lý, cũng khủng khiếp như giả thử bản thân chú chết vậy?

Pêchya không lúc nào không bị giày vò bởi những hình ảnh làm tan nát lòng chú... Bố chú đang chạy trên thảo nguyên. Một đàn chó săn Đức đuổi theo. Nét mặt ông nhợt nhạt, mất hết thần sắc. Một nụ cười kỳ dị méo xệch trên môi ông. Đàn chó chồm lên người ông, ngoạm lấy họng ông, cắn nát quần áo ông. Ông lấy chân đạp chúng ra. Ông kêu lên. Và đàn chó xô ông ngã vật xuống và cắn tay, cắn đùi, cắn vai ông. Bố chú như một đống

tả tơi be bét máu. Và bọn quân cảnh vệ Rumani bẻ tay ông một cách tàn bạo, lấy thừng trói ngoặt ra sau lưng, lôi ông xềnh xệch dưới đất, đem quẳng lên xe ca-mi-ông...

Pêchya cắn môi đến ứa máu, cắn vào nắm tay để khỏi khóc, khỏi kêu to. Chú biết là không nên khóc, không nên nói. Phải im lặng. Và chú im lặng, đôi mắt quầng đen trừng trừng nhìn thẳng trước mặt.

Valentin cũng thế, cũng nhìn thẳng trước mặt, đăm đăm, nhìn mà không trông thấy gì, yếu ớt áp lên ngực những ngón tay gầy guộc thon thon mèm mại như tay thiếu nữ.

Pêchya biết là Valentin mang trên ngực, trong lần áo lót, một bài báo nhỏ cắt ở báo ra, giấy đã vàng và nhàu nát: "Đợi anh, anh sẽ về. Dù mưa rơi dầm dề, trời có buồn lê thê. Thì em ơi, cứ đợi..." Tờ báo đó, Liôna Ximban đã mua hai mác của một tên lính Rumani ở chợ Cũ. Ximban đã không đừng không mua được. Anh đã đem về hầm đá và Valentin đã chiếm làm của riêng. Valentin đã dán bài báo lên tường bên tấm giường đá của mình. Giờ đây, cô mang nó trên ngực, và mỗi lần thấy mình nghĩ đến người vắng mặt và nhất định sẽ trở về, cô lại đưa tay lên sờ nó.

Trong những ngày chờ đợi ấy, Raitxa Lvôpna đã thay đổi nhiều quá, không ai nhận ra được nữa. Bà đã thành gần như một bà lão. Bà không trò chuyện với ai cả. Bà cứ lầm lì chẳng nói, căng thẳng chờ đợi, bẻ đốt tay răng rắc, và đôi mắt đen của bà, đầy những bóng hãi hùng, cứ long lanh rất khác thường.

Người có vẻ bình tĩnh hơn cả là Matriôna Têrenchiepna. Bà biết đợi. Cuộc đời đã dạy cho bà cái nghệ thuật tàn nhẫn ấy: bà là vợ thuyền chài. Bà đã trải qua bao đêm không ngủ trong túp lều rách nát của mình, dỏng tai nghe tiếng sóng xô đi đẩy lại như súng rền, khi con thuyền chồng bà ở ngoài khơi bị một cơn bão bất ngờ. Nhiều lần ông đã mang hai con trai đi theo. Bà bế Valentin trong tay, và cùng với chị em vợ thuyền chài khác ra đứng hàng giờ liền ngoài bờ biển cao, mắt đăm đăm nhìn biển cả nổi sóng. Bà dường như biến thành đá. cho đến tận khi mắt

bà thoáng thấy, giữa những ngọn sóng, con thuyền quen thuộc mang trở về chiếc cột buồm gãy gục và cảnh buồm tả tơi. Chẳng ai biết lúc ấy trái tim bà rộn lên những gì? Bà im lặng.

Giờ đây, phần lớn thời gian bà ngồi như hóa đá trên tấm giường bằng đá của mình, nhìn khoảng không trước mắt, đăm đăm, im lặng chờ đợi.

Ở bà cảm xúc đợi chờ gắn liền với ý niệm một biển khơi nổi sóng. Ngồi thu hai bàn tay to và xương xẩu giữa hai đầu gối, bà mường tượng thấy một mặt biển đầy những mảnh vật trôi giạt hắt bọt sóng lên mặt bà, và những con chim hải âu, hàng trăm con chim hải âu quang quác mà từ bé bà vẫn coi là hồn những dân chài đã chết hiện về. Bà chờ đợi, im lặng. Bà chờ đợi ông chú Gayrick, bà chờ đợi Batsây, bà chờ đợi tất cả những anh em đã ra đi đến chỗ cây số mười bốn, đồng thời bà chờ đợi chồng, ông già Pêrêpêlitxki và các con trai đang chiến đấu ở đâu đó; có thể họ không còn sống trên đời này nữa và linh hồn họ, như thỉnh thoảng bà vẫn nghĩ, đang bay trên biển cả nổi sóng, đầy những vật trôi giạt của bão táp.

40

— Jôra ạ, theo tôi thì ta lạc mất rồi, — Piôt Vaxiliêvich nói.

— Theo anh! — Secnôivanenkô càu nhàu, và ông lại rên: trời lạnh làm chân ông đau đến nỗi mỗi bước ông lại muốn rên, và cố lắm mới kìm được. — Theo anh!

— Thế anh, anh cho là không phải ư?

— Trời ơi, Batsây, anh cứ thích đặt những câu hỏi thừa! Im đi thôi. Ta nghỉ tý chăng?

Ông nắm lấy cánh tay Batsây, dựa vào ông và nhấc chân lên cho đỡ đau. Ông đưa mắt nhìn chòng chọc vào đêm tối, cố tìm hiểu, dù chỉ đại khái thôi, xem đang đứng ở chỗ nào. Nhưng khắp xung quanh chỉ thấy sương mù ẩm và xám xịt.

Gió dữ dội quất vào lưng, đốt cháy mặt họ. Trong tiếng gió rít dài làm nhược cả người, nghe tuyết lạo xạo, khô và sắc như cát. Ít ra đã năm giờ đồng hồ rồi, Secnôivanenkô và Batsây đi loanh quanh trên thảo nguyên không tìm thấy lối. Họ không còn hiểu được nơi họ đang đứng là đâu. Thoạt đầu, nhờ ánh xăng cháy, họ còn tạm tìm được hướng, nhưng xăng tắt nhanh và họ bị bao vây bốn bề bởi bóng tối dày đặc của thảo nguyên, ở đây còn dễ lạc hơn trong rừng rậm. Trong khi đó đêm sắp tàn. Bình minh có thể bắt gặp họ đang ở trên thảo nguyên đầy tuyết trắng và tuần tra địch sẽ phát hiện được hạ dễ như bỡn. Phải hạ quyết tâm: hoặc ở lại thảo nguyên, ẩn trong một cái hào cũ nào đó chờ đêm sau, hoặc cố tìm cho ra đường đi Uxatôvô,

— Theo tôi, phải tìm một xó nào đó, chờ đến tối — Batsây thấy Secnôivanenkô không thể đi được nữa, nói.

— Theo anh!... — Secnôivanenkô càu nhàu — Anh thì chuyên môn quyết định hấp tấp, thiếu suy nghĩ. Xin lỗi chứ, tính anh từ bé vẫn thế.

— Thế anh định thế nào? — Batsây thản nhiên đáp.

— Tiếp tục đi — Secnôivanenkô trả lời.

— Anh có đi được không? — Batsây thận trọng hỏi — Anh phải nghỉ một ít cho lại sức. Chân anh có lại đau lắm không?

Ông cố nói thật dịu dàng, tế nhị, vì biết bạn không ưa nghe ai ám chỉ đến bệnh tật của mình. Ông muốn thuyết phục Secnôivanenkô thôi đừng đi tiếp nữa. Nhưng Secnôivanenkô buông phắt tay Piôt Vaxiliêvich ra và gắt:

— Đau hay không, không quan trọng. Nhờ trời, chúng ta không phải đang ở nhà an dưỡng, Tiến thôi!

Cố nén đau, ông mạnh dạn đi tiếp theo hướng mà ông cho là

hướng Uxatôvô.

— Đợi tý đã — Bỗng Batsây dừng lại, nói.

Ông nghe có tiếng chó xa xa. Secnôivanenkô dừng lại lắng tai.

— Anh nghe thấy gì không? — Piôt Vaxiliêvich hỏi.

— Chả thấy gì cả.

— Có tiếng chó.

Secnôivanenkô lại nghe.

— Chả thấy gì cả. Chó chiếc gì đâu.

— Bây giờ thì không nghe thấy nữa.

— Anh tưởng thế thôi.

— Có thể.

Ho lại đi tiếp. Bỗng trước mặt họ, giữa bóng đêm nhầy nhụa, mờ mờ một cái gì dèn dẹt, lạnh lẽo, hình bầu dục.

— Hoan hô, Gayrin Xêmiônôvich, Nhiliakôvô đấy! — Piôt Vaxiliêvich nói. Mặc đầu đã tới ba mươi năm nay không đến Nhiliakôvô, ông đã nhận ra ngay, như trong một giấc chiêm bao thường mơ thấy, cái ao của Nhiliakôvô.

Secnôivanenkô lặng lẽ quan sát bóng đêm.

— Theo tôi, đó là Nhiliakôvô — Batsây nhắc lại, đã kém phần tin tưởng.

— Có vẻ như Nhiliakôvô.

— Ở quanh đâu đây, cạnh cái ao, có một cối xay gió.

— Xì, cái cối xay của anh đã biến mất từ đời tám hoánh nào rồi. Nhưng, ở phía bên kia, phải có một cái vựa thóc.

— Có, mình có thấy — Batsây kêu lên.

Quả thế, một cái gì mờ mờ nổi lên, phía bên kia ao, dưới ánh ban mai mới hé lên hết sức yếu ớt.

— Thế thì đúng Nhiliakôvô. Vậy là chúng mình từ bấy vẫn đi theo hướng tây bắc, vượt qua Nêrubaixkôiê. Phải lộn lại rồi. Ở Nhiliakôvô, có quân bảo vệ đường sắt, và chúng mình chắc chắn sẽ vấp phải bọn đi tuần của chúng nó.

— Theo tôi, nếu ta vòng sang bên phải, thì sẽ tới Khôlôtnaia Banka. Cách ba cây số thôi, không hơn.

Secnôivanenkô mỉm cười. Tình hình đã sáng sủa ra làm ông hết bực. ông thấy dường như chân đỡ đau. Ông vỗ mạnh vào vai Batsây.

— Chà, anh nhớ dai thật. Giỏi lắm, Batsây ạ. Đúng, từ cái ao của Nhiliakôvô đến Khôlôtnaia Banka, nếu đo đúng, phải đi ba cây số về hướng đông. Nào, đưa địa bàn của anh ra đây xem!

Họ chỉnh hướng đi của họ theo địa bàn.

— Đến được Khôlôtnaia Banka thì cũng đã đỡ gay hơn — Secnôivanenkô nói — Ở đấy, hình như tôi có quen một gia đình. May ra chúng mình có thể trú nhờ ở đấy đến chiều.

Có thói quen thuộc lòng hàng chục tên và địa chỉ, Secnôivanenkô vừa nghe nhắc đến hai tiếng Khôlôtnaia Banka liền nhớ ngay đến bà mẹ và cô con gái Secbasenkôp, nhớ lại cảm tưởng họ đã gây cho ông, và nghĩ ngay đến việc lợi dụng chỗ quen biết tình cờ ấy. Ông có tài nhận xét rất nhậy, rất tinh vi về con người và rất ít khi lầm. Dẫu thế nào thì tới gõ cửa họ, yêu cầu trú nhờ một ngày cũng không có gì nguy hiểm cả. Chính họ cũng đã mời ông đến xây giúp một cái hầm. Chuyện ấy đã cách đây một năm, nhưng lý do đó vẫn giá trị, còn dùng được. Và nhất là, Secnôivanenkô nhớ lắm, lúc từ biệt, hai con mắt màu hạt dẻ của người con gái đã long lanh biết mấy. Cái nhìn của đôi mắt ấy hẳn có một ý nghĩa thầm kín. Và nếu không phải thế thì cũng chẳng sao. Hai ông không có quyền chọn. Không thể ở lại suốt ngày trên thảo nguyên; ở đó, sau vụ mìn phá tàu và trận đánh đêm qua, bộ binh và ky binh địch ắt phải sục sạo liên tục.

— Nào, Pêchya, đi thôi! Mau chân lên trong khi trời chưa sáng hẳn! — Secnôivanenkô tươi tỉnh nói và rảo bước.

— Ta mau chân lên — Piôt Vaxiliêvich vui vẻ đáp lại.

Ông chẳng biết Secnôivanenkô dẫn mình tới đâu, nhưng ông sẵn lòng tin tưởng, cảm thấy ở bạn có một lòng tự tin cao độ, một sức mạnh tinh thần lớn quá làm ông thấy vui vẻ, thoải mải phục tùng ý chí của bạn. Từ ngày lâu lắm họ quen biết nhau, quen mà không hiểu nhau lắm, người bạn xưa ấy, thoạt đầu còn là một chú bé, rồi một thanh niên và bây giờ là một người đứng tuổi, đã gần hói, Secnôivanenkô vẫn bướng bỉnh gan lì, bao giờ cũng biết một cái gì mà Piôt Vaxiliêvich không biết. Batsây bao giờ cũng vẫn cảm thấy Secnôivanenkô hơn mình, nhưng khó phân tích được hơn ở cái gì. So sánh mình với Secnôivanenkô, ông tự cho mình, về mặt này mặt khác, nhẹ dạ quá. Secnôivanenkô vững vàng hơn ông nhiều. Trong bạn có cái gì nguyên tắc hơn và hoàn toàn cứng rắn. Không phải là cứng nhắc, mà đúng là cứng rắn. Bạn bao giờ cũng có một mục đích, và cuộc đời của ông là đạt tới cái đích ấy. Lúc này cũng vậy, ông có một mục tiêu đơn giản và gần, là cái nhà quen ở Khôlôtnaia Banka, tại đó họ có thể nghỉ lại chờ cho đêm xuống. Và Batsây chấp nhận dễ dàng mục tiêu ấy. Ông biết rằng bao giờ cũng có thể tin cậy vào Secnôivanenkô.

Ba cây số mà họ đi theo la bàn tới Khôlôtnaia Banka là ba cây số gay nhất. Gió thổi mạnh hơn. Giờ đây nó thổi tứ phía, làm quay cuồng những đám tuyết trông còn chưa rõ. Gió như cắt chân họ. Batsây và Secnôivanenkô lạnh toát từ đầu đến chân. Áo ca-pốt của họ kêu xoàn xoạt. Các khớp xương của họ nghe răng rắc vì buốt. Thở nặng lắm. Họ nghiêng người mà đi, như muốn lấy vai hích vào bức tường dày của cơn lốc băng giá. Cuối cùng khi họ tới đám vườn rau của Khôlôtnaia Banka thì trời bắt đầu rạng. Trong không khí xanh lam có thể trông thấy bóng dáng những hàng rào và mái nhà.

— Nào, Batsây, bây giờ anh ở lại đây, tôi đi trinh sát — Secnôivanenkô nói, và bỏ súng lại, đi tắt qua đám vườn rau.

Đi hết con đường làng tối tăm và vắng vẻ mà ông biết rất rõ, vì có công tác của khu ủy đến đây luôn, Secnôivanenkô tìm thấy

dễ dàng cái trụ sở cứu hỏa, và cách đấy không xa, một ngôi nhà khá tươm, dài dài và đỏm dáng, mái mới lợp. Ngôi nhà có hàng rào quét vôi trắng bao quanh. Secnôivanenkô thận trọng đẩy cánh cổng gỗ và càng thận trọng hơn nữa đi đi lại lại trước cửa sổ, men theo một tấm ghế dài quét vôi, bên trên treo lủng lẳng những bắp ngô. Ông ngó qua khung cửa sổ tối, đầy băng, không nhìn thấy gì cả và gõ cửa. Vài phút sau, có ánh đèn nhỏ tù mù. Có tiếng then cửa, rồi cánh cửa gỗ hé mở. Một bà lão, mặc áo nông dân, đầu trùm khăn dày, bước ra và dừng lại trên phiến đá phủ kín băng.

— Đây có phải nhà cụ Secbasenkôp không ạ? — Secnôivanenkô hỏi.

Bà lão nhìn ông từ dưới tấm khăn quàng và nói bằng giọng khản đặc.

— Phải, nhà Secbasenkôp. Thế ông, ông cần hỏi gì?

Secnôivanenkô nhận ra bà cụ. Nhưng bà cụ vẫn chưa nhận ra ông. Lúc này trông bộ dạng ông khác hẳn với khi ông ở trên đường Hatji-Bây. Hồi ấy trông ông ra dáng một bác công nhân có tuổi, vai đeo rìu, một khách đi đường mệt mỏi, với đôi giày bẩn thỉu, cũ kỹ, một tấm áo bông ngắn bộ đội dày đầy dầu mỡ. Giờ đây, trước mặt bà lão là một người đàn ông mặc áo khoác dài lông chồn, thắt dây lưng da bộ đội, đi bốt, mặt tái ngắt, và ngực đầy băng. Người đó đứng trước mặt cụ, hai bàn tay thọc sâu trong ống tay áo, lưng cúi gập, loắt choắt và không ai nhận ra được.

— Cụ không nhận ra tôi ư? — ông nói, đôi môi nứt nẻ mấp máy không nổi.

— Thế ông, ông cần hỏi gì? — Bà lão nhắc lại, ngờ vực nhìn Secnôivanenkô.

— Ai đấy hả mẹ? — Đằng sau bà cụ, một giọng nói quen quen cất lên, và một bộ mặt quen thuộc với đôi mắt sẫm màu quen thuộc hiện ra ở khung cửa, ngó ra ngoài.

— Cụ không nhận ra người quen cũ sao? — Secnôivanenkô cười gượng, cố lấy đúng cái giọng cười cợt tự nhiên của lần chuyện trò năm ngoái, trên chiếc xe qua đường — Bây, bây giờ tôi mới đến được để xây cho cụ cái hầm đấy... nếu cụ chưa xây.

— Ông đấy ư? — Người thiếu phụ kêu lên, kinh hãi — Kìa, sao ông cứ đứng mãi ngoài sân thế? Vào chơi trong nhà chứ! Sáng thanh thiên bạch nhật rồi.

Và Secnôivanenkô bỗng cảm thấy, cũng như năm ngoái trên con đường dốc Nông dân, rằng những lời đó có hàm một ý khác nữa.

— Tôi đi với một người nữa — ông nói — Cả hai chúng tôi vào cả có được không?

Mời các ông vào, mời các ông vào! Nhưng mau lên. Vì các bà ấy sắp ra giếng lấy nước bây giờ. Kìa mẹ, mẹ đứng đấy làm gì thế, mẹ đi nhóm lò đi chứ!

Vài phút sau, sau khi đã cất súng dưới hố và lấy lá khoai khô phủ lên, Secnôivanenkô ngồi trước ngọn lửa cháy rực của một cái bếp lò xinh đẹp, có trang trí những hình chim sặc sỡ trông giống bông hoa, và những hình bông hoa trông giống cánh chim.

41

Họ ở lại nhà Secbasenkôp suốt ngày hôm ấy cho đến khi trời tối. Họ ăn hai bữa với chủ nhà. Giữa họ và chú nhà có một lối xử sự đến lạ, đầy ý tứ và bóng gió. Thoạt đầu, Secnôivanenkô cố giữ cái giọng chuyện trò năm ngoái. Nhiều lần ông thử hướng câu chuyện đến việc cái hầm. Nhưng chị con gái cứ lờ đi, lơ đãng xua

tay.

— Chậc, hầm hiếc gì nữa! Bây giờ thì còn ai cần đến hầm.

Đôi lúc chị nhìn Secnôivanenkô với một vẻ bí mật, dường như chị biết chuyện gì đó, nhưng không dám nói. Có lần chị còn hơi mím miệng cười, một cái cười không lấy gì làm vui, có phần lo âu là khác, nhưng chị lại nén lại ngay. Chị tiếp chuyện, hỏi thăm tình hình trên tỉnh, hoặc chính chị bắt đầu kể, làm như vui chuyện nói chơi, những tin tức này nọ trong làng, những tin mà Secnôivanenkô và Batsây thấy toàn là tin quan trọng cả. Chị kể chơi rằng ba hôm trước, đại đội quân Rumani đã rời khỏi làng và bây giờ, nhờ trời, trong làng không còn lính tráng gì nữa. Chị cũng kể rằng mười lăm hôm trước một đoàn dài xe ca-mi-ông Đức đã qua đây và những thằng lính đến lĩnh xăng ở Khôlôtnaia Banka bảo là chúng bị ném vào Xtalingrat, "cái "Sưtalingrat chết tiệt", bọn Đức chúng nó nói thế, rằng chúng bây giờ không còn như hồi mùa xuân khi chúng được đưa tới Xêvaxtôpôn nữa. Hồi đó, chúng nghênh ngang coi hạ mục vô nhân, vào nhà, đòi sữa, đòi trứng, trưng thu lợn gà, đi hàng tư ngoài phố, thổi kèn ac-mô-ni-ca và mồm thì la hét. "Xô-viết, kaputt: Bônsêvich, kaputt!" Còn bây giờ, trong khi cho xe ăn xăng, chúng cứ ngồi tịt trong xe, xem chừng hấp tấp vội vã, mặt khó đăm đăm, cau có lắm, cái mũ thì thục sâu tùm hụp xuống tận mắt "trông như cái nồi úp". Khi đoàn xe lên đường, chúng khoa súng lên trời, hò hét. "Sưtalingrat! Sưtalingrat!" Trông biết ngay là chúng chả muốn đi tý nào, nhưng lại cứ làm ra vẻ hung hăng. Hai thằng Đức trẻ măng đã tụt lại, trốn rúc trong đống rơm ở sân nhà cộng đồng. (Bây giờ, nông trường chúng tôi, chúng nó gọi như thế, một cộng đồng, người thiếu phụ nhún vai nói vẻ khinh bỉ), rồi chúng mò vào các nhà hỏi xin bất cứ thứ quần áo gì cũng được để cải trang làm dân, nhưng bọn cảnh vệ chiến đấu đã bắt được chúng và đem bắn tại chỗ, ngay ở đây, trong sân nhà cộng đồng, "xác chúng nó vẫn còn vùi sau sân phơi."

— Thế tình hình Xtalingrat thế nào, các ông cho chúng tôi hay với chứ? Liệu rồi ta có để cho chúng qua sông Vônga không?

— Biết thế nào mà nói... — Secnôivanenkô thận trọng nói — Hình như không có lệnh rút lui. Trái lại, có lẽ ta sẽ tiêu diệt chúng hết.

— Thấy nói ở Khôlôtnaia Banka chúng tôi đây, có một người ở đâu đến... mới mấy hôm nay...

Chị ta nhìn xuống, nghĩ ngợi một lát, rồi không nói gì thêm nữa, chỉ đan ngón tay vào nhau, bẻ đốt kêu răng rắc. Đôi lúc, chị đưa mắt e dè nhìn Piôt Vaxiliêvich. Lúc ấy, Secnôivanenkô chỉ hơi nhếch mép cười nụ, nhưng không nhìn thẳng vào mắt chị. Chị không biết nghĩ thế nào về cái người chẳng có vẻ gì là phó nề như Secnôivanenkô đã giới thiệu Batsây và chị lại nói những chuyện vu vơ. Còn bà lão thì cứ như giả câm giả điếc: chẳng nghe và cũng chẳng nói gì cả; cụ chỉ đi đi lại lại lặng lẽ trong nhà, vần những nồi lớn bằng một cái chạc, và ném vào lò những nắm rơm thơm phức hoặc những hột ngô khô nổ lép bép nghe như súng bắn. Cụ luôn luôn nhìn ra dường, bước ra hiên và đứng hồi lâu bên cửa như nghe ngóng gì đó, rồi thở dài và lại tiếp tục khua cái chạc vần nồi, mà cái bóng đen cứ nhảy nhót như một con quỷ trong căn nhà rực hồng ánh lửa rơm.

Ngày đông u ám kéo dài lê thê và họ vẫn ngồi mãi bên bàn. Hoàn cảnh họ thật éo le. Nói cho đúng thì họ đang trốn tránh. Nhưng chủ nhà xử sự một cách ý tứ tế nhị, làm như không phải họ đang đi trốn, mà là tới thăm mình. Họ đã sưởi ấm lại người và ăn bữa sáng với thịt mỡ và cà chua hộp. Người họ nóng bức, mắt chỉ muốn nhắm lại.

— Có lẽ các ông đi nghỉ một tí đi cho đỡ mệt? — Người thiếu phụ hỏi,

Chị đưa hai người vào gian thờ bỏ không, không ai ở, trong một phòng lớn có bếp lò còn sang trọng hơn, và nền nhà trát vữa trải một đường thảm len do nhà dệt lấy. Chị nhìn Secnôivanenkô với một vẻ hàm ý và nói.

— Ở đây thì không sợ ai quấy rầy, các ông có thể cởi giày ra, và cứ tự nhiên.

Chị ôm vào một cái mền lông cừu to, một cái gối có áo vải hoa và xếp cho họ nằm trên bếp lò, sau khi đã nhấc ra hai cái đĩa sơn to, một đầy hạt anh túc, một đầy mật ong. Buồng này lạnh, tĩnh mịch, ngửi có mùi khổ ngải khô, bên trên các khung cửa sổ, treo lủng lẳng những bó anh túc; trên tường la liệt những ảnh chụp lồng trong những khung lớn khảm xà cừ.

— Trước, gia đình chúng tôi như thế này đây, — Natalya hất hàm chỉ các tấm ảnh — Các ông xem chơi. Có lẽ cũng hay đấy?

Đó là những bức ảnh phóng đại, nước ảnh rất đẹp do một tay lành nghề chụp, chắc hẳn là một phóng viên nhiếp ảnh. Trên một bức, Secnôivanenkô nhìn thấy một máy sàng trông như một cái dương cầm quay tay và phía trước máy một đống thóc khổng lồ nhấp nhô như một dãy núi. Bốn cô, váy xắn cao, khăn đăng-ten trắng sụp xuống tận mắt, đang đứng trên đống thóc, ngập tới đầu gối, tay cầm xẻng gỗ, mắt hấp háy dưới trời nắng. Phía sau, một cái cân với hai bao đầy và một chàng thanh niên cao lớn, mặt sạm nắng lún phún ria, mặc áo vét-tông và đội mũ cát-két vải trắng; anh ta cũng hấp háy mắt như mấy cô kia và mỉm cười dưới ánh nắng mai gay gắt.

— Tôi đây — Natalya nói, tay trỏ vào một trong mấy cô nông dân — Các cô kia là chị em trong đội sản xuất, còn cái anh đứng bên cạnh cái cân là nhà tôi, đội trưởng đội chúng tôi, Tarax Secbasenkôp. Các ông thấy không? — Mặt chị ta thoảng một nét buồn — Không biết giờ này nhà tôi ở đâu? Có khi đã qua đời từ bao giờ rồi... Và đây, cái ảnh này — chị hoạt bát lên, nói tiếp — là nông trường chúng tôi, nông trường đã giao lúa cho nhà nước sớm nhất huyện.

Trên tấm ảnh, người ta nhìn thấy bức tường vựa thóc, vài chiếc xe tải có băng khẩu hiệu và một đống bao bì, trên đó vẫn mấy cô gái kia ngồi. Trong khung cửa buồng lái chiếc xe tải, vẫn cái anh chàng trai trẻ có bộ mặt sạm nắng và bộ ria đen kia.

— Đây cũng lại tôi, và anh ấy... Và đây là đám cưới chúng tôi... — Chị vừa nói vừa lướt nhanh sang một bức ảnh khác, bức to

nhất.

Một chiếc bàn rất dài kê dưới một gốc mận và trên mặt bàn nào đĩa, nào bình, vò sữa, chai lọ, cốc, tách. Giữa bàn, một đống nho chất cao như núi và một quả dưa hấu to tướng có một con dao cắm phập vào giữa. Ngồi quanh bàn, trên những chiếc ghế tựa, ghế dài và ghế đẩu có chừng non hai mươi nhăm người trông rõ ràng là vừa qua một chầu rượu; những chàng phù rể trên vai vắt những chiếc khăn thêu dài, những cô gái áo tơ nhân tạo mới tinh, tóc cài hoa, những ông già mặc áo sơ-mi thêu, đội mũ rơm to tướng, và phía sau có mấy cặp đang nhảy. Dưới đất, một chiếc máy hát mở nắp và vài đĩa hát, một chiếc xe đạp mới tinh, nan hoa sáng loáng dưới ánh nắng mặt trời. Và trong cái nhộn nhịp ghi lại trên tấm ảnh, dưới bóng những cành mận, hai cô cậu ngồi nép vào nhau, chú rể mặc vét-tông đen điểm tấm Huân chương Lênin, cô dâu mặc áo lụa bó sát người, vai quàng khăn san sặc sỡ, tóc cài một bông thược dược và một vẻ hạnh phúc nở trên khuôn mặt lặng quay về phía "chàng".

— Hai vợ chồng Tarax chúng tôi đấy... — Natalya dịu dàng nói, và bỗng dưng nước mắt trào xuống đôi má gầy guộc hằn những vết nhăn chua xót ở hai bên mép.

Chị lấy góc khăn chùi nước mắt. Giản dị và tin cậy, chị ngước đôi mắt ướt nhìn thẳng vào mặt Secnôivanenkô — Xưa kia chúng tôi sống như thế đấy! Vậy các bác thử xem, cái quân chó má ấy, nó làm cho gia đình chúng tôi tan nát như thế nào! Ấy chết, xin lỗi, tôi đã quá lời... — Chị nói thêm — Các bác bỏ quá cho, các bác ngả lưng một tý, nghỉ đi. Trông rõ ràng là các bác mệt phờ phạc cả rồi. Cứ ngủ bình tĩnh. Tôi sẽ khóa trái cửa. Chả có ai ra vào đây đâu. Hai mẹ con tôi sẽ gác bên ngoài.

Chị bước ra, nhưng dừng lại ở cửa buồng, ngẫm nghĩ và bỗng nói với một giọng dứt khoát.

— Xin lỗi, các bác bỏ quá cho... có thể hỏi các bác một câu được chăng?

Secnôivanenkô tiến đến bên chị ta.

— Nói thế này bác đừng giận — Chị hạ thật thấp giọng, nói — Ngay từ hồi năm ngoái, ngồi trên xe bò, tôi đã nhận ra bác. Trước chiến tranh, bác đã hai lần xuống thôn chúng tôi, vào vụ gieo hạt. Bác là đồng chí Secnôivanenkô. Phải thế không?

Vẻ mặt Secnôivanenkô sa sầm ngay xuống.

— Thế thì, coi như tôi chưa nói gì... — Chị nói nhanh, mắt nhìn Batsây đang vừa tháo bốt vừa xuýt xoa — Thôi, xin bỏ qua những lời tôi vừa nói. Tôi hiểu. Tôi không biết bác là ai, đây là lần gặp đầu tiên. Bác chỉ là một ông thợ nề và bạn của bác là thợ phó, hai bác đến tận đây chẳng qua chỉ là để xây một cái hầm. Xin cứ ngủ yên, chẳng có gì đáng lo ngại cả. Xin lỗi, xin lỗi... — Chị kiêu hãnh và chua chát mím chặt cái miệng nhỏ lại.

— Khoan đã — Secnôivanenkô nói — Chị là người thế nào?

— Ôi, lạy Chúa! — Chị thốt lên như tuyệt vọng — Tôi là tổ trưởng, đoàn viên Thanh niên cộng sản. Và nhà tôi, Tarax Secbasenkôp, là đội trưởng, bây giờ là sĩ quan Hồng quân, trung úy. Tôi đã chả nói mãi với bác rồi sao. Tôi đã chả chỉ cho bác xem ảnh rồi sao. Bác tin hay không tin, thì tùy.

Trong giọng nói, trong đôi mắt long lanh và ngấn đỏ vì nước mắt, trong chiếc khăn san sẫm màu mà chị cầm một góc lau cái miệng nhỏ nhắn, trong toàn bộ dáng người nhỏ nhắn của chị, có một cái gì rất xô-viết, rất ta, làm cho Secnôivanenkô phải nắm lấy tay chị và nghiêm chỉnh nói:

— Không mà, không mà. Natasa Secbasenkôp, tôi tin chị.

— Bác tin tôi? — Chị hỏi, đôi mắt long lanh — Thế thì rất, rất sung sướng. Vậy mà lúc nào tôi cũng cứ ngượng nghịu, lúng

túng, cứ như mình ăn cắp cái gì. Bây giờ, bác đã tin thì tôi nói để bác nghe — Chị hạ giọng xuống và đưa mắt chỉ Batsây.

— Không sao, cứ nói — Secnôivanenkô mỉm cười bảo.

— Vậy, xin bác nghe đây. Ở làng chúng tôi, đến hai tuần nay có một ông sống trong một căn nhà. Nói đúng ra ông ta đang trốn tránh. Một chân đau, ngã gẫy ở cái đống nào đó, hay bị thương thì chả biết. Xem có vẻ tai nạn nhảy dù thì đúng hơn cả. Một chị em chúng tôi cũng có chồng đi Hồng quân một đêm đã thấy ông ta nằm sóng soài trong vườn rau, hoàn toàn bất tỉnh nhân sự, và đã khiêng về. Bây giờ phải đưa ông ta đến một đống nào đó, nhưng đi đâu, chị em chúng tôi chưa có ý kiến gì cả. Ông ta bảo là cần bắt liên lạc với mọi người lắm. Bác mách giúp cho chị em chúng tôi nên làm thế nào?

— Tôi biết mách thế nào bây giờ? — Secnôivanenkô thận trọng nói — Cái anh chàng ấy, có mà thánh biết anh ta là thế nào?

— Ông ta tốt lắm? — Natalya nói ngay — Và đứng đắn lắm! Nếu bác đồng ý thì xẩm tối, tôi đưa ông ta lại đây...

— Thế tên ông ta là gì?

— Ông ta không nói. Chúng tôi gọi là Vaxili, còn tên họ là gì, ông ta giấu, cũng như bác. Thế tôi đưa ông ta đến gặp đồng chí nhé, đồng chí Secnôivanenkô?

— Đừng, khoan đã thì hơn — Secnôivanenkô ngẫm nghĩ xong, nói — Thế này thì hơn này. Chị sẽ nói chuyện với anh ta, như vô tình, một cách thận trọng...

— Tôi hiểu... — Natalya nói.

— ...một cách thận trọng, chị nói chuyện với anh ta, và trong hai hoặc ba ngày nữa vào quãng tối, sẽ có một người chỗ tôi tới đây để xây hầm — Secnôivanenkô nói với một nụ cười chỉ ánh lên trong khóe mắt — Chị sẽ giới thiệu hai người, coi như ngẫu nhiên, hoặc ở đây, trong nhà chị, hoặc tốt hơn ở ngoài sân, ở một chỗ nào trống trải. Tóm lại, coi như vô tình. Rồi sau hẵng hay,

chị hiểu chưa?

— Hiểu rồi, đồng chí Secnôivanenkô ạ — Chị nói.

— Cô em này, cô em hãy quên tôi là Secnôivanenkô đi!

— Xin lỗi, xin lỗi...

— Được rồi...

— Các bác ngả lưng nghỉ đi, không phải nghĩ ngợi gì cả. Chúng tôi sẽ gác.

Đôi mắt Natalya long lanh dưới tấm khăn quàng, và chị bước ra khỏi phòng, dáng đi nhanh nhẹn. Rồi nghe thấy tiếng vòng khóa lách cách trong khi chị khóa trái cửa lại bằng khóa móc. Secnôivanenkô trèo lên nóc lò sưởi thì Batsây đã ngủ khì.

Xẩm tối thì khóa mở. Uống xong một bình sữa, hai người bước ra ngoài vườn rau, lấy súng và ra đi tìm cái cửa đường hầm được mệnh danh là "Cửa thảo nguyên".

Trên nền trời đen, những ngôi sao to mùa đông cháy sáng. Tuyết rắn và sắp thành lớp sào sạo dưới chân. Secnôivanenkô, hơi khập khiễng, bước nhanh. Batsây đi sau. Họ phải đi khoảng tám cây số. Họ đã nghỉ ngơi khỏe mạnh, ngủ đã mắt, nên độ đường ấy họ chẳng xem vào đâu. Họ im lặng một lúc lâu nữa vì hương vị của cái ngày kỳ dị họ vừa được sống thật bất ngờ, thật tuyệt vời trong một ngôi nhà nông dân ấm cúng có chiếc lò sưởi sơn, trong mùi khô ngải ngây ngất, với những người phụ nữ đôn hậu đã tiếp họ hết sức ân cần, thân mật. Và như để mặc dòng tư tưởng, Secnôivanenkô bỗng dừng lại và nói, mắt ngước nhìn sao:

— Này, anh bạn, trên đất nước ta vẫn còn khối những công dân xô-viết tốt. Vậy là, ta vẫn sống! Phải không? Ý bạn thế nào? Ta sống chứ?

— Theo ý tôi, ta đang sống — Piôt Vaxiliêvich đáp.

43

Họ về trót lọt tới cái cửa được mệnh danh là "Cửa thảo nguyên", và đến sáng, sau khi đi thêm bốn cây số đường hầm nữa, họ xuất hiện ở doanh trại.

Cho tới lúc ấy, về tới đơn vị có Lêônit Ximban đã len vào đường hầm bằng lối giếng làng Uxatôvô, và cả Kôletnisuc và Đrujinin nữa đã ngẫu nhiên gặp nhau trong thành phố, ngoài chợ, khi Kôletnisuc đói mềm và bị lùng riết đang đổi cái áo bông ngắn lấy bánh mì và sữa. Đrujinin đã kéo Kôletnisuc đi theo và từ trung tâm thành phố, họ đã dắt nhau trở về đường hầm qua lối kho rượu vang cũ. Thế là họ đã có mặt đầy đủ, trừ Vetxêlôpxki và Xviatôxlap. Nhưng trung sĩ Vetxêlôpxki đã hy sinh anh dũng khi anh giật nổ quả mìn thứ ba. Anh sẽ không bao giờ trở về nữa. Còn Xviatôxlap thì mọi người vẫn đợi.

Chẳng bao lâu, trong đường hầm xuất hiện một vị khách mới là người mà Natalya Secbasenkôpô làng Khôlôtnaia Banka đã nói chuyện với đồng chí bí thư thứ nhất. Đrujinin đã đích thân đến chỗ hẹn để gặp người ấy. Anh đã bố trí một loạt biện pháp đề phòng: đem theo một toán bảo vệ phòng có phục kích, và cử những tốp trinh sát đi trước điều tra. Nhưng mọi việc đã diễn ra êm thấm. Cuộc gặp mặt tiến hành ban đêm, ở cái kho lúa ngoài sân nhà Secbasenkôp. Natalya dẫn người kia đến đấy. Đrujinin nói chuyện tay đôi với ông ta trong khoảng hai mươi phút, sau đó nhận định có thể dẫn ông ta về đường hầm được. Người ấy, người ta gọi là đồng chí Vaxili, ở lại đường hầm không quá hai ngày hai đêm rồi lại biến đi cũng đột ngột như khi xuất hiện. Chỉ có Secnôivanenkô, Đrujinin, và có lẽ cả Xiniskin Jêleznư nữa, người đã cung cấp cho ông ta những giấy tờ do "phòng thông hành" của đơn vị làm ra, được biết ông ta là ai, đến Khôlôtnaia Banka bằng cách nào, có nhiệm vụ gì và đi đâu. Những anh em khác thì chỉ đoán mò. Người ta chỉ có thể phỏng đoán một điều:

đồng chí Vaxili, được thả dù ở sân sau lưng địch, đã bị thương ở chân, và là một cán bộ tình báo loại "cỡ".

Chả khó gì cũng có thể tưởng tượng được rằng Pêchya đã nhìn con người phi thường đó, vị anh hùng đó, với một sự tò mò kích động như thế nào, và thán phục ông ta như thế nào, dường như chú nuốt chửng từng lời ông ta nói. Đối với chú, đồng chí Vaxili đã át hẳn mọi vấn đề đáng chú ý khác của cuộc sống dưới hầm. Vả lại, đối với các chiến sĩ du kích bí mật khác, đồng chí Vaxili cũng trở thành trung tâm chú ý của họ trong một thời gian. Bởi vì ông là con người của Đất liền[11]. Mới đây không lâu, ông còn đi chơi phố Mạc-tư-khoa. Quả thật là khó tưởng tượng. Người ta còn thấy hầu như vô lý... Ông biết vanh vách thế bố trí của các mặt trận và tình hình hậu phương. Dường như không khí của tổ quốc đã theo ông lùa vào đường hầm, và những ai không phải phiên lao động cứ quấn lấy ông suốt buổi, để thở cái không khí ấy, cái thứ không khí mát rượi và bao la.

Secnôivanenkô triệu tập một hội nghị mở rộng của Đảng bộ, mà chương trình nghị sự có bản thông báo tình hình của vị khách.

Vì "góc đỏ" không thể chứa đủ tất cả những người muốn tham dự, hội nghị chuyển đến nơi được gọi là trường bắn. Trong các đường hầm lấp lánh ánh đèn. Cái hang nhanh chóng đầy ắp người. Các chiến sĩ du kích của đơn vị Tulyakôp và đơn vị Đrujinin cúi thật rạp người xuống để khỏi va đầu vào trần đá, tiến vào trong hang và ngồi tản ra dọc vách đá, người thì ngồi trên mảnh những tảng đá dùng làm bia, người thì ngồi phệt luôn xuống đất. Những ai không tìm được chỗ ngồi dựa vào tường thì trải áo ca-pôt và áo cánh bông nằm rạp xuống phía đằng trước. Để tiết kiệm nhiên liệu, những ngọn đèn không cần thiết được tắt ngay. Chỉ để lại một ngọn trên gờ tường. Nhưng ngay cả đến ánh sáng leo lét của nó cũng dường như lấp lánh trên tường đá vôi với một vẻ tưng bừng đặc biệt.

Đồng chí Vaxili, có các đồng chí trong Ban chấp hành đi cùng, lách tới bên cái hòm gỗ dán dùng thay cho bàn. Đó là một người

trạc bốn mươi, cử chỉ đĩnh đạc, một con người trong đó đáng dấp quân nhân hòa hợp rất tự nhiên và thoải mái với phong thái một nhà công tác khoa học. Ông đi đến chỗ ngồi như một đại tá, và ngồi xuống cái hòm gỗ, xoa má, xoa cái cằm cạo nham nhở như một vị giáo sư sắp giảng bài. Còn về các mặt khác, ông chẳng có gì khác với bất cứ một cán bộ chỉ huy du kích nào cùng tuổi. Secnôivanenkô giới thiệu cho anh em tập họp ở đấy, biết ông là một đồng chí mới từ Đất liền tới, nhưng không đi sâu vào cụ thể. Rồi ông khoát tay về phía cử tọa:

— Thôi, đồng chí Vaxili, bây giờ xin nhường lời cho đồng chí. Anh em rất nóng ruột muốn biết ở Đất liền sự thể ra sao, tình hình ngoài mặt trận như thế nào, triển vọng sắp tới là gì. Xin mời đồng chí!

Đồng chí Vaxili đặt khuỷu tay lên mặt hòm, kiên nghị nhìn thẳng trước mặt và báo cáo vắn tắt về tình hình các mặt trận. Tưởng như có một ngọn gió lọt vào đường hầm và thổi lùa trên các khuôn mặt. Ngọn lửa trong cây đèn khẽ đung đưa. Khi tiếng ồn ào đã dần dần chấm dứt, đồng chí Vaxili giải thích:

— Đó là tình hình quân sự trước mắt. Có thể nói hoàn toàn chắc chắn rằng chưa bao giờ nhân dân xô-viết đoàn kết chặt chẽ như vậy xung quanh Đảng ta. Trong những tháng mới đây, tôi đã có dịp ra một số mặt trận và đi công tác ở hậu phương nữa, như Uran, Xibêri, Trung Á, Kazactan. Toàn thể nhân dân xô-viết thấm nhuần một niềm tin không gì lay chuyển nổi vào thắng lợi. Chiến tranh là một sự thử thách nghiêm khắc các lực lượng và tính vững bền của chế độ xô-viết. Những mưu toan của bọn đế quốc Đức, xây dựng trên sự tan rã của nhà nước xô-viết, đã hoàn toàn phá sản. Lực lượng quân địch đã bị hao mòn và không thể phát triển được nữa. Trong cuộc chiến tranh này, Hồng quân đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn tám triệu binh lính và sĩ quan địch. Giờ đây, quân đội Hitle, phải lấp lung tung các lỗ hổng bằng quân Rumani, quân Hunggari, quân Ý, quân Phần-lan, đã yếu đi trông thấy so với hè và thu năm một nghìn chín trăm bốn mốt.

Và một lần nữa dường như lại có một ngọn gió thổi lướt trên mọi khuôn mặt. Đồng chí Vaxili đưa lòng bàn tay lên xoa cái cằm lởm chởm và bỗng dưng mỉm một nụ cười hóm hỉnh, hiền lành:

— Công việc làm ăn của ta là như vậy đấy, các đồng chí ạ!

— Kể cũng không đến nỗi kém. — Xiniskin thở khò khè, nói.

— Tình hình bây giờ như thế này: Liên-xô mặc dầu có những thất bại quân sự tạm thời, đang ở trên hướng đi lên, còn bọn Hitle thì thời hoàng kim của chúng rõ ràng đã vĩnh viễn qua rồi. Phải, qua hẳn rồi.

— Như người ta nói, chúng đã rã đám — Ximban nheo mắt một cách nghịch ngợm, phát biểu.

— Đồng chí nói sao? — Đồng chí Vaxili quay về phía Liôna, hỏi vội — Chúng đã rã đám ư? Có lẽ như thế. Phải, hay lắm. Chúng đã rã đám. Chính vì thế nên chúng ta, những người chiến đấu vì nhân dân, chúng ta phải làm cho cái mà đồng chí gọi là cuộc "rã đám" của chúng càng khốn đốn càng tốt, và tôi nghĩ rằng phải biến nó thành một cuộc tan rã hỗn loạn nữa là khác.

— Không thể chịu nổi — Secnôivanenkô chêm vào.

— Đúng, không thể chịu nổi — Đồng chí Vaxili nói — Không thể chịu nổi... cái tiếng ấy thích hợp nhất. Các đồng chí hẳn đã biết gần đây, phong trào du kích của ta đã mở rộng như thế nào. Cuộc đón tiếp các đồng chí chỉ huy các đơn vị du kích tại điện Kremlanh đã là một sự kiện có ý nghĩa to lớn đối với sự phát triển sau này của phong trào du kích.

— Tại điện Kremlanh! — Pêchya không kim được nữa, lớn tiếng thốt lên...

— Im — Batsây kéo tay áo con, nghiêm khắc nói.

— Con nhỡ — Chú bé đỏ mặt, nói.

— Đó là cháu đội viên Pêchya Batsây — Secnôivanenkô nói.

Đồng chí Vaxili rướn cao lông mày lên và mỉm cười.

— Ái chà! Thế thì còn phải nói, tốt lắm. Trong đội du kích của đồng chí Xiđo Actêniêvich Kôpăc, có những chú bé như thế mà chiến đấu ra trò. Một chú còn được đề nghị tặng thưởng huân chương nữa kia. Batsây, cháu bao nhiêu tuổi.

— Dạ, mười ba.

— Thể sao lại còn là thiếu niên? Chú đã đến tuổi đoàn viên Kômxômôn rồi. Cháu chiến đấu thế nào? — đồng chí Vaxili hỏi.

— Chiến đấu thì, tất nhiên, chưa chiến đấu theo đúng nghĩa, nhưng cháu giúp chúng tôi chiến đấu — Tulyakôp nói.

— Giúp chiến đấu cũng là chiến đấu — Đồng chí Vaxili nhận xét. — Nhất là trong chiến đấu du kích của chúng ta. Các đồng chí chưa chuyển cháu lên đoàn thanh niên Kômxômôn là sai.

— Bao giờ cháu đủ mười bốn tuổi, chúng tôi sẽ chuyển — Secnôivanenkô nói.

— Không được, làm thế sao tiện...

— Valentin đến giờ vẫn còn là đội viên — Pêchya nói, mặt đỏ nhừ.

— Tôi tự coi là đoàn viên Kômxômôn từ lâu rồi — Valentin nghiêm nghị và lạnh lùng nói, mắt vẫn không nhìn lên.

Cô gái ngồi trong góc động khuất nhất, tựa lưng vào tường, kín đáo, môi mím chặt, và khuôn mặt trắng nhợt, như nặn bằng tuyết. Và chú bé lại một lần nữa có cái cảm giác chua chát là sự thân mật, bình đẳng giữa hai đứa trước đây nay không còn nữa.

— Ờ, trông cô ấy người lớn quá rồi — Đồng chí Vaxiti nói — Em bao nhiêu tuổi?

— Mười sáu, sắp mười bảy rồi ạ — Valentin đáp, những ngón tay thon thon bó chặt lấy gối.

— Cũng là người địa phương ta cả chứ?

— Không, Valentin là người địa phương, còn Pêchya là dân Mạc-tư-khoa. Quan trọng lắm đấy.

— À, thảo nào. Chú ấy như đã giật mình khi nghe tôi nhắc đến Mạc-tư-khoa.

— Cháu ở bên kia sông Môxkôva, từ nhà cháu, nhìn qua cửa sổ có thể thấy hết cả điện Kremlanh — Thấy đồng chí Vaxili chú ý đến mình, Pêchya mạnh bạo lên, nói. — Thế có thật là vừa mới đây bác ở Mạc-tư-khoa không?

— Chừng thế.

— Và đồng chí đã đến điện Kremlanh? — Mấy người hỏi.

— Tôi có đến điện Kremlanh — Đồng chí Vaxili trầm ngâm nói, đôi mắt dịu lại. Đồng chí nhấc khuỷu tay tựa trên mặt hòm ra, duỗi cái chân bị thương xem chừng vẫn còn đau, và lim dim mắt, trầm ngâm nhìn ra xa.

44

Kôletnisuc là người sau cùng đã trông thấy Xviatôxlap hôm giật mìn ở cây số mười bốn xong, họ cùng nhau đi ra tỉnh. Sau khi vượt qua yên ổn vòng vây quân Rumani, họ đã cùng nhau chạy tiếp một thôi nữa về phía thành phố bằng con đường dưới của Hatji-Bây, mạn thành phố, cho tới tận chỗ cầu chui. Đến đấy, Kôletnisuc đã rẽ phải, đi về phía vườn quận công, còn Xviatôxlap thì ngoặt trái đi về Pêrexip, ở đó có mẹ anh sống đơn độc trong một căn nhà nhỏ, nếu cần anh có thể dễ dàng lánh ở đó ít lâu. Hơn nữa, cũng như mọi người tham gia trận đánh, Xviatôxlap đã được phổ biến mật hiệu và địa chỉ của trạm liên lạc mà một nhân viên của Đrujinin đặt ở phố Tướng Côblây, dưới bề ngoài một hiệu giày. Vạn bất đắc dĩ, anh có thể vào trạm ấy ở nhờ ít lâu. Như vậy, có đầy đủ mọi lý do để hy vọng là Xviatôxlap bằng cách này hay cách khác sẽ trở về trong ngày

một ngày hai. Nhưng thời gian cứ trôi qua và Xviatôxlap vẫn không về. Chỉ còn cách cho rằng suốt thời gian ấy anh đã ở lại nhà mẹ. Có thể như thế lắm, vì sau khi mìn nổ ở cây số mười bốn, bọn Xiguranta và bọn cảnh vệ lê dương lại hoành hành dữ, nhất là ở vùng ngoại vi và tại những khu vực chúng cho là có cửa đường hầm.

Thiếu mất trung sĩ Vetxêlôpxki. Đrujinin rất bấn. Anh phải làm việc thay cho hai, một mình dịch mật mã, một mình đánh điện cho Mạc-tư-khoa, nhận chỉ thị của Mạc-tư-khoa và dịch mật mã của những chỉ thị ấy. Thật khó khăn hết sức. Thấy vậy, Valentin đến giúp anh. Cô mới theo học một lớp kỹ thuật vô tuyến của Xviatôxlap. Cô thuộc ký hiệu Morxơ, chỉ còn phải học cách đánh điện mà thôi.

Cô học rất nhanh và đã bắt đầu làm việc được một mình, không cần Đrujinin giúp đỡ. Chiếc va-li nhỏ bằng mây của liệt sĩ Misa bây giờ chuyển sang tay Valentin, và mỗi khi đến giờ Đrujinin phải "bay vào vũ trụ" thì Valentin và anh, cả hai người lại đi theo các đường hành lang ngầm, tới cái đoạn xa nhất của hầm đá Uxatôvô. Ở đó, có một khe hổng chỉ mình họ biết. Valentin thò cái cột dây trời ra ngoài qua lỗ hổng ấy, mở va-li ra và mím chặt đôi môi mỏng lại, mắc ống nghe lên tai. Mặt trong nắp va-li dán mẩu báo có bài "Đợi anh về".

... Quanh tấm bàn đá ngồi xúm xít tất cả những anh em rỗi rãi không có nhiệm vụ. Valentin tựa chiếc vai gày lên tủ, đọc cho họ chép bản nhật lệnh của Xtalin đài vừa thu được. Cần phải gấp rút sao bản nhật lệnh đó thành thật nhiều bản phân phát ngay cho nhân dân. Anh em đã lấy tất cả chỗ giấy dự trữ ra, rọc nhỏ cho dễ dán và ngồi chép theo Valentin đọc, người bằng bút mực, người bằng bút chì tím, viết trên giấy đã thấm ẩm trước. Liđya Ivanôpna đánh máy với giấy than xấu, mỗi lần được năm bản.

—"*Nhật lệnh của Tư lệnh tối cao* — Valentin đọc, giọng nghiêm trang rành mạch, thỉnh thoảng ngừng lại một tý ở chỗ chấm phẩy, và liếm đôi môi khô, mẩn lên vì sốt, —*...ngày 23 tháng hai năm 1943, số 95, Mạc-tư-khoa.*"

Cây đèn bão chỉ soi sáng nửa trên cái trán cao mịn màng của Valentin; nửa dưới mặt phủ một màn tối hơi ánh lên đôi mắt trong, tinh anh.

—"*Hỡi các chiến sĩ Hồng quân và Hạm đội đỏ, các đồng chí cán bộ chỉ huy và cán bộ chính trị, các đồng chí nam nữ dân quân du kích!...*"

Đọc đến câu "nam nữ dân quân du kích", giọng cô bỗng dưng hoàn toàn là giọng một thanh nữ, run run và vang lên một niềm tự hào sâu sắc. Cô lắc lắc đầu, hai bím tóc tết sau gáy đung đưa, lọt ra ngoài sáng và cây đèn làm ánh lên những ánh vàng. Phải! Nam nữ dân quân du kích. Chính họ là nam nữ dân quân du kích.

—"*Hôm nay, chúng ta kỷ niệm lần thứ 25 ngày Hồng quân ra đời.*

Một phần tư thế kỷ đã qua kể từ ngày thành lập Hồng quân. Hồng quân thành lập ra để chiến đấu chống bọn xâm lược nước ngoài hồi ấy âm mưu nô địch tổ quốc ta. Ngày 23 tháng hai năm 1918, ngày mà các đơn vị Hồng quân đã tiêu diệt đội quân xâm lược Đức ở Pexkôp và Nacva, đã được tuyên bố là ngày Hồng quân ra đời.

Từ 1918 đến 1921, Hồng quân chiến đấu chống bọn xâm lược nước ngoài, đã bảo vệ được danh dự, tự do và độc lập của Tổ quốc xô-viết chúng ta. Hồng quân đã bảo vệ được quyền của các dân tộc nước ta xây dựng cuộc sống của mình đúng như Lênin vĩ đại đã dạy..."

Valentin lấy một hơi dài và lại lắc lắc đầu. Cúi rạp người xuống bàn, mọi người chép gấp, cố viết càng rõ càng tốt, và càng sít càng tốt để làm sao chép gọn được trên một phần tư trang giấy quý báu.

—"*Hồng quân kỷ niệm lần thứ 25 ngày thành lập của mình đúng vào lúc cuộc Chiến tranh vệ quốc chống bọn Đức Hitle và bọn tay sai Ý, Hung, Rumani và Phần-lan của chúng, đang bước vào một giai đoạn quyết định.*

Hai mươi tháng đã trôi qua kể từ ngày Hồng quân tiến hành cuộc chiến đấu anh hùng có một không hai trong lịch sử, chống bầy quân Đức phát-xít. Do không có một mặt trận thứ hai ở châu Âu, Hồng quân đã một mình gánh vác toàn bộ cuộc chiến tranh. Mặc dầu vậy, Hồng quân không những đã chặn đứng được các bầy quân phát-xít Đức, mà trong quá trình phát triển của chiến tranh, Hồng quân còn trở thành một mối đe dọa đối với các đạo quân Đức."

— "... mối đe dọa đối với các đạo quân Đức — Xiniskin cao tiếng, nhắc lại. Bác lau cái trán gầy giơ xương, thở khó nhọc. Bác nhắm mắt lại... Một quầng màu tro phủ lên đôi mi mắt lồi nhăn nheo của bác.

Máy chữ keng lên một tiếng báo hiệu hết dòng, và Liđya Ivanôpna kéo trục trở lại, giơ ngón tay hồng hồng trên hàng chữ, sửa soạn đánh tiếp...

"... một mối đe dọa đối với các đạo quân Đức", Piôt Vaxiliêvich viết bằng kiểu chữ li ti, nhưng rất dễ đọc mà ông đã thừa hưởng của ông cụ thân sinh, và đưa mắt theo dõi Pêchya của ông. Pêchya giờ đây trông chẳng còn vẻ gì là trẻ con nữa, đang đặt hai khuỷu tay lên bàn, dùng bút chì tím viết kiểu chữ in trên giấy đã thấm ẩm: "... một mối đe dọa đối với các đạo quân Đức."

Batsây quen nếp, theo dõi Pêchya đề phòng chú viết sai. Nhưng Pêchya chép đúng từng ly, không sót một dấu phẩy.

Bỗng, một bàn tay ai khẽ sờ vai Piôt Vaxiliêvich. Ông quay lại và thấy Đrujinin đến sau lưng ông lúc nào không ai biết.

Đrujinin đã biến đâu mấy hôm. Chắc hẳn anh vào thành phố. Nói chung anh vắng mặt luôn, nhất là dạo gần đây. Chỉ mình anh được quyền muốn ra ngoài đường hầm lúc nào thì ra, tự mình quyết định, không cần phải có phép đặc biệt của ban lãnh đạo. Đó là quyền ưu tiên của anh, quyền ưu tiên của một người phải thi hành những nhiệm vụ đặc biệt do Mạc-tư-khoa giao thẳng.

Đrujinin tắt cây đèn đang cầm ở tay và ra hiệu cho Batsây đi

ra. Batsây đặt bút xuống và rón rén bước theo Đrujinin. Việc này chỉ có mình Valentin để ý thấy. Cô vừa đọc tiếp vừa nhìn theo Đrujinin, e ngại và dò hỏi. Đèn chỉ sáng lờ mờ, nhưng vẫn có thể thấy cô tái hẳn đi.

45

— Cậu ấy vào tù rồi! — Đrujinin nói khi hai người bước ra ngoài và đứng một mình với nhau.

Batsây hiểu ngay Đrujinin định nói ai. Tất nhiên là Xviatôxlap. Cho tới lúc này, Đrujinin chưa bao giờ nói với Batsây về Xviatôxlap, và tưởng như anh chẳng hề nghĩ về chuyện đó. Nhưng Batsây thừa biết tính Đrnjinin nên hiểu cái im lặng ấy nghĩa thế nào. Anh ngậm tăm, nhưng vẫn hành động. Piôt Vaxiliêvich cảm thấy rằng số phận của Xviatôxlap làm Đrujinin hết sức lo lắng.

— Chuyện ấy có thể dự kiến thấy, — Piôt Vaxiliêvich nói. — Cho đến bây giờ mà cậu ấy không về thì có nghĩa là một trong hai khả năng: hy sinh hoặc bị bắt.

— Thì tôi bảo anh là cậu ấy ngồi tù rồi mà — Đrujinin bực mình nói. — Gần đây, có một anh em ta ở tù ra. Anh ta đã nhìn thấy Xviatôxlap Macsenkô, trong giờ tù nhân đi dạo, qua cửa sổ trại 3. Hẳn anh biết cách bố trí của nhà tù Ôđetxa phải không?

— Có, thời tôi, trong trại 3 có những người bị giam kín và có xà-lim tử hình.

— Bây giờ cũng vẫn thế.

— Gay đấy... — Batsây nói — Nếu cậu ấy bị bắt đêm hôm ấy, vũ khí trong tay...

— Cậu ấy không bị bắt đêm hôm ấy, vũ khí trong tay — Đrujinin nói rất nhanh.

Tất nhiên Đrujinin còn biết chuyện khác nữa nhưng không nói ra. Anh im lặng một lát như chờ Piôt Vaxiliêvich nói. Batsây cảm thấy lo âu, một cái gì nặng trĩu khó tả và quái dị, một linh cảm đen tối về một tai họa đang tới gần.

— Tôi đã đến nhà bà cụ cậu ấy ở Pêrexip, — Đrujinin đột ngột nói, vẫn rất nhanh như thế. — Đêm hôm ấy, bốn giờ sáng cậu ấy có về gõ cửa sổ bà cụ, bà cụ đã mở cửa cho cậu ấy vào. Cậu ấy chẳng sao cả, khỏe mạnh không bị thương. Bà cụ đã cất giấu cậu ấy bốn ngày; sớm hôm thứ năm, cậu ấy ra đi. Bà cụ cậu ấy hay lắm, cái gì cũng hiểu, nhưng ít nói. Tôi quý những người như vậy. Và tôi cũng hiểu là cậu ấy đã vào thành phố, chứ không ra thảo nguyên. Mọi lối ra vào đường hầm trên thảo nguyên đã bị lính và cảnh binh chặn hết rồi. Điều ấy, cậu ấy không thể không biết. Cậu ta đã vào thành, đến trạm liên lạc, chuyện ấy rõ như ban ngày.

— Có thể cậu ấy bị bắt dọc đường, — Batsây nói.

— Cứ giả dụ thế. Nhưng có thể kết tội cậu ta về gì được? Một thanh niên khả nghi, giấy tờ không có, được, một Hồng quân cũ, được, thế là một tay đào ngũ. Nhưng theo quan điểm của chúng, như thế lại là tốt... chỉ có điều là chưa kịp đến đăng ký ở sở cảnh sát. Thế thôi. Chỉ đến bị phạt cỏ-vê, phạt vạ, hoặc cùng lắm là trại tập trung, không hơn. Đúng thế không?

— Đúng thế.

— Như vậy, tại sao lại bị giam kin trong xà-lim? Anh có biết chúng thường giam ai trong xà-lim không? Chỉ những phạm nhân của Tòa án quân sự và của bọn Ghextapô chuyên theo dõi du kích và những tổ chức bí mật của ta thôi. Cậu ấy chỉ có thể bị giam kín trong xà-lim, trong trường hợp bị bắt ở trạm liên lạc. Tôi đã đến phố Tướng Côblây. Anđrâysep khẳng định không có ai đến chỗ hắn hôm ấy cả.

— Thế tức là cậu ấy không đến đấy, — Batsây nói, trong lòng

càng nặng trĩu hơn. — Xem ra thì cậu ấy không đến đấy đâu.

Từ "văn phòng" đồng chí bí thư, vang tới tiếng Valentin đọc bản nhật lệnh, và tiếng máy chữ lách cách giậm giật.

—"*Ba tháng nay, Hồng quân đã bắt đầu mở cuộc tấn công ở vùng ngoại vi Xtalingrat. Từ đó, quyền chủ động trên chiến trường thuộc về chúng ta, tốc độ và sức tiến công của Hồng quân vẫn giữ vững...*"

Batsây tập trung tinh thần lại, muốn thật khách quan và không rơi vào những nghi ngờ vô căn cứ.

— Xem ra thì — Cuối cùng ông nói — Anđrâysep công tác không đến nỗi kém. Chẳng vấp váp lần nào.

— Đúng, — Đrujinin nói — Nhưng anh có nhớ mấy lần vấp trong tháng tám không? Hết thất bại này đến thất bại khác. Nhưng cửa hàng thợ giày của Anđrâysep ở phố Tướng Côblây vẫn đứng vững, như có phép lạ.

Đôi mắt anh lóe lên một ánh dữ dội.

— Thôi được rồi, ta sẽ còn trở lại vấn đề — Bỗng anh nói.

Và họ quay trở lại "văn phòng" của đồng chí bí thư.

—"*... Toàn thể nhân dân xô-viết vui mừng phấn khởi trước những thắng lợi của Hồng quân*, — tiếng Valentin đọc lớn — *Nhưng các chiến sĩ, các cán bộ chỉ huy và cán bộ chính trị cần phải trước nhất thấm nhuần sâu sắc những lời dạy của Lênin, người thầy của chúng ta: một là thắng không kiêu, hai là củng cố thắng lợi, ba là đánh gục hẳn quân thù.*"

Batsây nhìn vào bản của Pêchya, mau chóng chép đuôi đoạn mình còn thiếu, rồi viết tiếp:

"*Vì sự nghiệp giải phóng Tổ quốc, vì thắng lợi cuối cùng của cuộc kháng chiến, chống quân xâm lược phát-xít,*

Tôi ra lệnh.

1. Không ngừng hoàn thiện rèn luyện chiến đấu, củng cố kỷ

luật, trật tự và tổ chức trong toàn Hồng quân và Hạm đội;

2. Đánh cho địch những đòn mạnh hơn nữa, liên tục và kiên quyết tấn công chúng, không để cho chúng bám vào được các chiến tuyến phòng ngự, không cho chúng nghỉ ngơi ngày cũng như đêm, cắt các đường giao thông của chúng, bao vây các đạo quân địch và tiêu diệt chúng nếu chúng không chịu hạ vũ khí;

3. Phát triển rộng rãi ngọn lửa chiến tranh du kích ở vùng sau lưng địch, phá hoại các đường giao thông của chúng, phá cầu xe lửa, lật đổ các đoàn tàu viện binh địch, phá hủy các đoàn xe chở vũ khí đạn được, nổ mìn và đốt cháy những kho quân dụng, tiêu diệt đồn bốt địch, không cho phép quân địch đốt phá làng mạc và thành phố của chúng ta trong khi rút lui, bằng mọi cách ra sức giúp đỡ Hồng quân tấn công địch. Đó là bảo đảm thắng lợi của chúng ta."

46

— À này, tôi cứ quên mãi không hỏi anh — Một hôm Đrujinin hỏi Kôletnisuc bằng giọng bình thường, như nói chuyện chơi thôi — Cái lần anh với tôi ngẫu nhiên gặp nhau ở chợ, sau khi đánh ở cây số mười bốn, anh có đến trạm liên lạc ở cửa hiệu giày phố Tướng Côblây không?

— Không, tôi không đến.

Đrujinin nhìn chòng chọc vào mắt Kôletnisuc.

—Sao thế? Vì theo lệnh thì anh phải đến đấy.

Kôletnisuc bối rối.

— Tôi có đến — Ông nói vội — Đúng ra là có định đến. Tôi đã

nắm quả đấm cửa rồi.

— Sao nữa?

— Tôi đã thay đổi ý kiến.

— Vì sao?

— Chà, quỷ tha ma bắt nó đi! — Kôletnisuc đỏ mặt, khó chịu thốt lên.

Đrujinin sầm mặt xuống.

— Anh nói không rõ.

— Nói thật với anh, cái cửa hiệu giày của anh, tôi không ưa nó lắm.

— Anh không ưa nó về cái gì?

— Không ưa về đủ mọi cái! — Kôletnisuc một mực nói — Quỷ tha ma bắt nó di!

Đrujinin nhìn nhanh thẳng vào mặt ông một lần nữa.

— Nhưng, thế là thế nào?

Kôletnisuc càng đỏ mặt tợn. Ông chẳng muốn giải thích cho Đrujinin một tý nào vì sao lần ấy ông không vào cửa hiệu giày.

Số là khi ông bước đến cửa hiệu và đã nắm vào quả đấm rồi, thì bỗng trông thấy Môtsiônưkhơ vừa đúng lúc ấy đang ở trong hiệu, thử giày. Thoạt tiên, ông định túm lấy tên đê tiện ấy, hỏi tội nó, nhưng may ông đã bình tĩnh lại. Trong hoàn cảnh ông lúc ấy, như thể khác gì tự sát. Kôletnisuc đã vùng ra khỏi cửa, và lần vào trong thành phố, vào bất cứ đâu, trong lòng sôi lên, nửa giận dữ, nửa lo âu. Ngay bây giờ, nghĩ lại chuyện đó, Kôletnisuc vẫn thấy nóng ran cả người.

— Chà, quỷ tha ma bắt nó đi! — Ông lặp lại, mặt đỏ tía.

Nhưng Đrujinin nhìn ông chằm chặp quá khiến Kôletnisuc buộc phải kể lại sự việc cho anh nghe.

— À! Môtsiônưkhơ! — Đrujinin nói — Hình như chính cái

thằng cha, nguyên quản lý nhà cửa xô-viết, nó đã chơi anh cái vố vải dệt kim Lêningrat phải không? Anh bảo là nó thử giày trong hiệu phải không? Môtsiônưkhơ ngồi với Anđrâysep. Phải. Sự ngẫu nhiên ấy không phải không đáng chú ý.

Anh không nói thêm một tiếng nào nữa. Nhưng Kôletnisuc bỗng cảm thấy lo lắm, ông bỗng thấy đường hầm càng tối hơn, dường như tất cả các đèn và các ngọn đuốc đều tắt ngấm...

Một hôm, Đrujinin ra thành phố và chỉ một lúc sau đã quay trở lại. Vẻ lầm lì.

— Batsây này. — Anh nói, giọng hơi quá thản nhiên, hầu như lừng khừng nữa — Xviatôxlap đến bây giờ vẫn ở tù, giam kín. Hai ngày một lần, cậu ấy lại bị đưa lên ô-tô đóng kín, đến chỗ Ghextapô, hỏi cung. Không có qua một cách nào bắt liên lạc được với cậu ấy. — Anh im rồi tiếp, như nói chơi — Hôm nay, tôi được báo cáo là những ngày gần đây, có thấy Anđrâysep ở trong một hộp đêm, quảng trường Nhà thờ lớn, cùng với những tên say rượu và khá khả nghi. Nhìn chung, anh thấy Anđrâysep thế nào?

Batsây còn biết thấy Anđrâysep thế nào nữa? Ông biết về Anđrâysep không hơn gì về những nhân viên bí mật khác của Đrujinin mà thỉnh thoảng ông có dịp gặp. Số nhân viên này không phải ít và trong bọn họ có anh chàng Anđrâysep, chủ một hiệu giày ở phố Tướng Côblây, mà ông đã gặp hai ba lần gì đó. Một thanh niên, trạc hăm sáu tuổi, tay dài, ngực lép như ngực ho lao, mắt đầy dử, xám ngoét như trộn cát. Anh ta đã chiến đấu trong một tiểu đoàn pháo chống tăng, bị thương ở bàn chân, không kịp tản cư, đã đến đăng ký ở sở cảnh sát Rumani là lính Hồng quân đào ngũ nhưng đã giấu đoàn tịch thanh niên Kômxômôn của mình. Anh ta nguyên làm nghề thợ giày, và nhờ thương tật, đã xoay được giấy phép mở hiệu giày. Ít lâu sau, anh ta đã bắt liên lạc được với một trong những nhân viên của Đrujinin. Bọn sĩ quan Đức và Rumani đến đóng giày ở nhà anh ta, và thỉnh thoảng anh ta lại cung cấp được cho Đrujinin những tin tức có giá trị về sự di chuyển của những đoàn quân Đức và

Rumani. Sau một thời gian thử thách nhất định, anh ta đã được tuyên thệ, gia nhập du kích theo đúng thủ tục và hiệu giày của anh ta đã trở thành một trạm liên lạc. Một lần, anh ta đã đến tìm Đrujinin xin trợ cấp tiền. Có thể là anh ta yêu cầu hơi quá khẩn khoản. Nhưng anh ta bảo thế nào cũng phải đóng thuế cho thị chính, nếu không ngày hôm sau hiệu giày của anh ta sẽ bị chúng đóng cửa và niêm phong. Đrujinin đã ra lệnh đưa tiền cho anh ta, rồi anh chàng đã khập khễnh cái chân bị thương ra về.

Batsây thấy Anđrâysep lần cuối cùng hôm bến cảng bị mìn, ông đến thăm African Africanôvich về, ở quãng Suối giữa, tại bến tàu. Đó là thời kỳ của những thất bại và hoạt động vô hiệu quả, và Đrujinin đã yêu cầu Batsây rẽ qua cửa hiệu của Anđrâysep, ngó qua cửa sổ xem xem ở đấy có bình thường không, và Anđrâysep có vẫn ở đấy không.

Batsây đã tìm thấy hiệu giày ngay rất dễ dàng, vì nó có một tủ kính lớn, trông ra phố, và trong tủ, giữa hai chậu hoa "azalê" có một chiếc ủng cao cổ điểm những hình màu xanh, đặt chễm chệ trên một cái giá màu vàng. Một tấm rèm ren hoa to trắng như tuyết và hồ bột ngăn cái tủ kính và nơi ngồi đóng giày. Tấm rèm kéo nửa chừng để lộ ra một bức tường mới dán giấy lòe loẹt và bên trên có treo ba bức ảnh lồng khung rất mới: ảnh Hitle, Antônexcô và vua Misen. Anđrâysep ngồi sau tủ kính, trên một chiếc ghế thấp, mặc tạp-dề da và áo lót, để hở hai cánh tay dài ngoẵng, khuỷu nhô hẳn lên. Anh ta đang đóng một cái đinh gồ nhỏ vào đế một chiếc ủng Batsây nhìn thấy khuôn mặt xám như cát của anh ta, đôi mắt đầy dử cúi xuống, cái miệng mỏng môi với nụ cười khó hiểu. Mọi sự vẫn bình thường. Và Batsây lại tiếp tục đi việc mình.

Giờ đây, không biết vì lý do gì, nhớ lại cái bức tường dán giấy mài màu xanh tởm tởm phản chiếu xuống nền sàn trống không mới sơn, nhớ lại các chậu hoa trên cửa sổ, cái rèm hồ bột, chiếc ủng đặt trên cái giá màu hoàng yến, nhớ lại cái bộ mặt xám như cát với cái miệng mím chặt và nụ cười khó hiểu, không biết tại

sao ông cảm thấy phân vân, gần như kinh hãi.

— Tôi biết anh ta thế nào mà nói? — Ông nói, không tự tin lắm.

— Được rồi, cứ nói. — Đrujinin sốt ruột thúc thêm, rướn lên như người nới cái thắt lưng quá chặt — Thì cứ nói: Ý anh thấy thế nào?

Batsây đâm ra đăm chiêu, ông hiểu đây là một vấn đề nghiêm trọng. Cái bộ mặt xám như cát kia. Cái miệng mím chặt kia... mím chặt có lẽ vì đang ngậm chặt giữa đôi môi một cái đinh giày nhỏ. Đường phố Tướng Côblây vắng tanh và nóng giẫy, cái rèm hồ bột, ảnh bức tường xanh phản chiếu xuống nền sàn sơn dầu, màu hổ phách ngả sang đỏ, những bông hoa "azalê" trông như hoa giấy, một tâm trạng nặng trĩu khó hiểu, sự linh cảm một tai họa... Nhưng có khi chỉ vì ông tưởng tượng ra, do thần kinh quá căng thẳng chăng?

— Hắn ta có cái mồm mím chặt — Batsây nói.

— Anh bảo sao? — Đrujinin không hiểu, hỏi. Rồi, anh lại hỏi — Sao? Anh bảo sao?

— Cái mồm hẳn ta mím chặt quá và người như nặn bằng cát, — Batsây nói.

— Đúng, tôi cũng cảm thấy như thế — Đrujitiin nói, chẳng ngạc nhiên tý nào về diễn biến tư tưởng kỳ lạ của Piôt Vaxiliêvich.— Anh nói đúng. Hắn ta quả là được nặn bằng cát. Và cũng do đó, truội như cát. Tóm lại, cứ như tôi thấy, thì là một tên đại bợm — Đrujinin đột ngột nói thêm. — Tôi đã ra lệnh cho hắn ngày mai đến phô Ôpsinnikôp giải thích về thái độ của hắn. Theo tôi, hắn bắt đầu nặng mùi. Không thể để hắn trong thành phố được. Như vậy có thể gay go cho chúng ta. Tôi định đưa hắn xuống đường hầm và không cho hắn ra nữa. Nếu hắn phản đối, chúng ta sẽ buộc hắn phải chịu.

Đrujinin giãn hai gò má, mỉm cười, nhưng chẳng vui tí nào.

Nhưng Anđrâysep không đến phố Ôpsinnikôp. Tai họa đổ

xuống đầu họ, không báo trước.

Bức thư viết, nói đúng hơn là ngoáy bằng bút chì, trên một mẩu giấy báo Rumani nhầu nát. "*Các đồng chí, tôi bị bắt ở phố Tướng Côblây, Anđrâysep là một tên chỉ điểm, cần đề phòng!*"

Thư không ký tên, nhưng Xiniskin gần đây làm công tác lưu trữ những giấy tờ riêng và của Đảng, nhận ra chữ viết của Xviatôxlap Macsenkô.

Bức thư do một người lạ mặt, chắc hẳn là tù mới thả hoặc vượt ngục, đưa đến phố Plsônôpxkaia. Anh ta không nói năng gì cả, trao thư cho Ôpsarenkô, rồi rảo bước rất nhanh đi ngay như sợ bị người theo hút. Ôpsarenkô chờ có dịp đầu tiên, chuyển ngay bức thư xuống đường hầm.

Thật như một tiếng sét trên nền trời trong. Đây là lần đầu tiên người ta nói đến cái tiếng "chỉ điểm". Cái tiếng ghê tởm nhất và đáng sợ nhất đối với một người hoạt động bí mật. Cái tiếng ấy như bốc ra một mùi khí độc. Anđrâysep là một tên chỉ điểm!

Secnôivanenkô mở tủ ra, tìm tập hồ sơ Andrâysep, rút ra một tờ giấy nhỏ có viết rất cẩn thận, bằng một kiểu chữ hơi loằng ngoằng, lời tuyên thệ của các chiến sĩ du kích trong đơn vị Đrujinin.

Lời tuyên thệ: "*Tôi là Anđrâysep, công dân Liên bang Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Xô viết, hiện ở tại miền bị bọn phát-xít Đức và tay sai tạm chiếm, xin thề trước Đảng Cộng sản và Chính phủ Liên-xô do đội trưởng đội du kích Đrujinin đại diện, sẽ chiến đấu trong hàng ngũ du kích chống bọn xâm lược phát-xít và tay sai, cho đến giọt máu cuối cùng, vũ khí trên tay.*

Mọi nhiệm vụ vì lợi ích của Liên-xô, tôi phải hoàn thành trọn vẹn, nghiêm chỉnh, không kêu ca phàn nàn. Tôi hứa không tiết lộ bí mật cả đối với gia đình, bà con, cả với những người khác, cũng như với các tổ chức của bọn phát-xít và tay sai.

Nếu tôi phản bội lời thề này mà tôi đã lớn tiếng tuyên đọc

trước các đồng chí của tôi, tôi sẽ phải chịu hình phạt nghiêm khắc nhất của tòa án du kích ở ngay nơi tôi đã phản bội lời thề. Viết xong, tôi vẫn giữ vững lời thề, và xin ký: Anđrâysep".

Chữ ký có kèm theo một dòng chữ nhỏ lí nhí kiểu thày cò.

47

Việc này xảy ra đúng vào lúc Đrujinin đang "bay vào vũ trụ" tại góc khá xa đường hầm Uxatôvô, nơi mà những ngày gần đây anh vẫn ngồi liên lạc với Mạc-tư-khoa. Nơi đó chỉ có ba người biết. Đrujinin, Valentin và Batsây.

Batsây lom khom bước vội, và chỗ nào đường hầm đủ cao, ông cố sức chạy thật nhanh để báo cho Đrujinin biết có thư của Xviatôxlap.

Ông thấy Valentin đang ngồi một mình. Cô ngồi phệt xuống đất, bên chiếc va-li, và đang đốt giấy. Nhấc bóng đèn lên, cô lần lượt đưa các tờ giấy nhỏ vào ngọn lửa yếu ớt; giấy cháy bùng, hắt lên mặt cô một ánh hồng hồng. Buổi liên lạc xong rồi, vì cô đang đốt bản ghi.

Cô mải miết quá nên không để ý thấy Batsây tới gần. Cô đăm đăm nhìn ngọn lửa. Lửa gần như bén tới tận những ngón tay trong trong. Tàn giấy rơi lả tả quanh cô như những cánh hoa đen.

Khuôn mặt đã gầy đi nhiều của cô dầu sao vẫn chưa mất cái bầu bĩnh trẻ con của nó, nhưng nó toát lên một vẻ u buồn quá và đồng thời lại sáng lên một niềm hy vọng lớn lao quá, một nghị lực kiên cường quá, đến nỗi Batsây phải dừng lại, ngập ngừng không dám lên tiếng gọi. Đột nhiên, Valentin cảm thấy

có người đang nhìn mình. Cô giật mình, vớ lấy khẩu súng lục.

— Tôi đây mà — Batsây nói — Đồng chí Đrujinin đâu?

— Đồng chí ấy đi rồi.

— Đi đâu?

— Lên tỉnh.

— Vô lý! Lên từ bao giờ? Lâu chưa?

— Độ nửa giờ.

— Chết rồi! — Batsây buột miệng thốt lên, gần như rên, dường như bỗng dưng bị một cơn đau ghê gớm. Ông đưa bàn tay lạnh ngắt lên vuốt mặt.

— Chuyện gì thế bác? — Valentin từ từ quay lại, lưng dựa vào tường, mắt vẫn không rời nhìn Batsây — xảy ra chuyện gì thế?

— Anđrâysep là một tên chỉ điểm.

Cô nhắm nhanh mắt lại, mặt tái đi, như bị một đòn trúng đầu, và giơ hai tay lên như để đỡ. Một giọt máu nhỏ ánh lên trên môi cô.

— Thật ư? — Cô hỏi, thì thầm như một đứa trẻ.

— Chắc chắn — Batsây nói, và kể lại chuyện bức thư của Xviatôxlap.

Cô gái đưa hai tay lên ôm mặt, nhưng lại buông ra ngay. Cô ra vẻ thản nhiên, gần như vô tình. Chỉ có đôi mi mắt sáng ánh đèn khe khẽ rung. Cô ho, chùi hai bàn tay nhọ than vào áo và đứng dậy.

— Để tôi đi. Đồng chí cho phép chứ?

Batsây không hiểu.

— Cô đi đâu?

— Còn "đâu" nữa? Phải báo ngay cho đồng chí Đrujinin trước khi cái tên thợ giày khốn kiếp ấy đoán được là nó đã bị lộ.

— Thế cô biết tìm Đrujinin ở đâu không?

— Biết.

— Đồng chí ấy bảo à?

— Đồng chí ấy đến nhà mẹ anh Xviatôxlap và đến phố Tướng Côblây, chỗ tên phản bội ấy. Phải đuổi kịp Đrujinin khi đồng chí ấy còn ở Pêrexip. — Và, để Batsây không còn cớ gì từ chối, cô nói tiếp rất nhanh. — Đồng chí Đrujinin lệnh cho tôi báo cáo với đồng chí là đồng chí ở lại đây thay đồng chí ấy.

Cô gái nói thế cũng bằng thừa. Theo chế độ đã quy định, khi Đrujinin vắng mặt, Batsây có nhiệm vụ phải ở liền chỉ huy sở, không được rời nửa bước. Con người độc nhất, không những có thể, mà phải vào thành phố tìm ngay Đrujinin, là Valentin, vì cô gái đã thay hẳn chân trung sĩ Vetxêlôpxki.

— Được, cô đi đi. — Batsây quả quyết nói. Ông hiểu là không thể chậm trễ một giây — Nhưng biết địa chỉ chưa?

— Địa chỉ ai? Mẹ anh Xviatôxlap ấy ư? Thì mùa đông nào chúng tôi chả là láng giềng. Tôi có thể bịt mắt tìm được đến nhà.

Cô gái nhắm mắt lại như một đứa trẻ và trên mặt cô thoáng bóng một ký ức êm đềm. Cô trông thấy rõ ràng trên một bức tường trắng gắt ánh mặt trời, bóng cây mận in lên rõ nét. Cô trông thấy một cái giếng với cái ròng rọc gỗ và trên nền sâu đất nện, những quả mận trông như những ngôi sao đen và đỏ...

Batsây ra lệnh cho Valentin quay đi và, lùi lại một bước, ngắm nghía cô cả mấy mặt. Một cái váy ngắn cũ kỹ, một chiếc áo vét đen nhỏ, sờn khuỷu, cái đầu bụi trắng với hai bím tóc vàng bện "số tám" đằng sau gáy... Trông ra một cô gái địa phương, một nữ học sinh lớp chín hoặc lớp mười, và cô đúng như thế thật. Cô gái chỉ còn phải rửa qua và giũ cho hết phấn bụi đường hầm mà thôi. Việc ấy, dọc đường trên thảo nguyên làm cũng được. Đôi ủng lính cô đi trông không hợp lắm... Nhưng đôi ủng có thể... Một nỗi lo âu xâm chiếm tâm hồn Batsây. Ông chẳng muốn để con bé đi tí nào. Nhưng ông kìm lòng lại ngay.

— Pêrêpêlitxkaia!

— Có!

Giờ đây cô đứng trước mặt ông, cứng rắn nhu một anh lính nhỏ, đôi mắt xanh biếc...

— Đồng chí hãy nhận nhiệm vụ chiến đấu. Lên mặt đất, mau chóng tìm đồng chí Đrujinin, truyền đạt cho đồng chí câu chuyện chúng ta vừa nói, rồi không chậm trễ một phút, trở lại ngay đường hầm, qua "cửa thảo nguyên".

— Lên mặt đất — Valentin nhắc lại, cái cằm tròn trĩnh ngẩng cao — tìm đồng chí Đrujinin, truyền đạt cho đồng chí đó câu chuyện ta vừa nói, rồi không chậm trễ một phút, trở lại ngay đường hầm, qua "cửa thảo nguyên".

— Được tôi sẽ báo cáo lại cho đồng chí Secnôivanenkô biết. Thôi, đi đi, mau mau lên!

— Rõ! Đi mau!

Hai người đi vài mươi bước dọc đường hầm và dừng lại ở cái khe họ vẫn lợi dụng đưa cần ăng-ten ra ngoài. Nói đúng ra. đây cũng là một cửa, nhưng muốn ra vào được thì phải vần mấy tảng đá lớn chắn ngang. Chỉ dùng cửa đó trong những trường hợp đặc biệt. Cửa ấy chỉ có Đrujinin và những người thân cận nhất của anh biết thôi. Batsây và Valentin vất vả lắm mới lay và đẩy được ba tảng đá vôi lớn, mở ra một lối một người đi lọt. Valentin trao cho Batsây khẩu súng ngắn với hai băng đạn dự trữ của cô.

— Chào đồng chí — Cô nói — Nhắn đồng chí gửi lời chào mẹ tôi. Bảo bà cụ đừng lo ngại gì, tôi sẽ về ngay. Gửi lời chào cả Pêchya nữa.

Nói xong cô ra, tay xếch cái váy chật nó làm cô khó bước lên cao.

Trời đang ban ngày và cả thảo nguyên chìm trong lớp sương mù tháng ba màu sữa. Một đàn quạ đen từ dưới đất bay lên và bị

sương mù nuốt chửng. Một con chim sẻ hót, trong lanh lảnh. Sương mù dày quá, nóng và ẩm quá làm cho tóc Valentin, chả mấy lúc đã long lanh những giọt nước nhỏ.

— Đã xuân rồi — Valentin nói, tay sửa lại váy — Thời tiết thật tuyệt: cách ba bước, không thấy cái mù tịt gì.

Batsây thò đầu qua khe đá, và nheo mắt trước ánh sáng ban ngày, nhìn theo cô gái. Cô bước đi trên mặt đất đen thơm phức. Cái bóng dáng nhẹ nhõm của cô với đôi ủng thô kệch, trong lớp sương mù, trông như to gấp đôi.

48

Sau khi gặp bà mẹ của Xviatôxlap và chẳng biết được tin gì thêm, Đrujinin đi về phố Tướng Côblây, đến chỗ Anđrâysep.

Sương mù dưới biển bốc lên từ trước bình minh, giờ đây, giữa trưa, dày quá đến nỗi không trông thấy các nóc nhà. Bóng những cây dạ hợp và khách đi đường với những quầng sẫm, nhòa đi như nhìn qua kính mờ... Những giọt sương từ những ban-công và cành trụi rơi xuống lộp bộp. Sương mù làm lắng xuống, làm dịu đi những tiếng động của thành phố. Thành phố thầm thì run rẩy và đều đều như một con sên, con ốc, ta áp vào tai.

Đrujinin hăm hở bước nhanh, tay thọc vào hai túi sâu của chiếc áo khoác mùa thu, miệng mím chặt, thở đằng mũi.

Đến chợ, anh rẽ sang phố Tướng Côblây và đi dọc từ đầu đến cuối phố, thỉnh thoảng dừng lại trước những cửa hàng sữa, tiệm ăn nhỏ, cửa hiệu nhỏ nhan nhản trong phố. Nhưng anh không dừng lại trước hiệu giày của Anđrâysep. Anh chỉ đảo mắt nhìn

vào một cái và trông thấy sau tấm rèm hồ bột, một chiếc đèn dầu con đang cháy, thông phong ám khói đen, và cái đầu cúi xuống của Anđrâysep đang ngồi trên chiếc ghế đẩu nhỏ. Nhưng nhìn đảo qua một lần không thể biết được còn có ai khác không.

Đrujinin đi tới quảng trường Nhà thờ lớn ở đó có bức tượng Vôrônxôp khuất trong sương mù. Anh lững thững đi vòng quanh quảng trường nghĩ xem nên làm thế nào ở góc phố Hy-lạp và phố Prêôbrajenxkaia, lấp lánh qua sương mù những khung kính của một tiệm ăn mới mở cho sĩ quan Đức. Có một cái gì ảm đạm, đáng ngại trong cái cảnh những khung của sổ sáng ánh đèn ngay giữa ban ngày kia, trong những bóng người ngồi quanh những chiếc bàn nhỏ kia, trong tiếng nhạc "jaz" ầm ĩ chơi trong tiệm mặc dầu còn sớm sủa như thế.

Ngoài cửa tiệm, nổ ra một vụ lộn xộn. Một bọn lính muốn xông bừa vào tiệm, một bọn khác cản lại. Nghe tuôn ra điên loạn một lò những câu tiếng Ý ồm ồm: Porrcôđiô! Porrcámađôna! và những câu hò hét tiếng Đức như chó sủa. Một cái mũ cát-két đen của lính S.S. lăn lông lốc dưới hè ướt. Trong bóng sương mù một bàn tay giơ lên. Có tiếng chai lọ vỡ. Một tiếng súng nổ. Một tiếng người rống lên. Đrujinin chẳng thèm nhìn, bước vội sang hè bên kia. "Như vậy là quân Ý đã xuất hiện trong thành phố, — anh gần như lập tức nghĩ thầm trong bụng — Chắc là một trong những sư đoàn bị thiệt hại nặng ngoài mặt trận và đưa về hậu phương củng cố. Trông rõ ràng là quan hệ giữa bọn Ý và bọn Đức có vẻ găng. Trước Xtalingrat đâu có như vậy. Bộ máy chiến tranh Đức đang rạn nứt... ". Quanh tiệm ăn đã có một đám đông ồn ào. Tiếng giày lính, tiếng báng súng nện... Trong sương mù rú lên còi một chiếc ô-tô của bọn Bộ tư lệnh Đức. Một quả lựu đạn nổ.

Nhưng Đrujinin đã lại đang đi ở phố Tướng Côblây yên tĩnh, đưa con mắt lão luyện cố xác định xem quanh cửa hiệu Andrâysep có đứa nào rình không. Nhưng anh không thấy gì khả nghi cả.

Một lần nữa anh đi qua và đảo mắt nhìn vào khung cửa sổ

hiệu giày: Anđrâysep ngồi một mình. Nhưng cũng như lần trước, Đrujinin không vào cửa hiệu. Anh vòng lối cổng lớn và đi quanh sân, làm ra vẻ muốn tìm nhà tiêu.

Đây là một cái sân sau thường thấy ở những ngồi nhà cổ Ôđetxa: máy nước giữa sân, thang chữa cháy, nhà cầu bằng gỗ với những khung kính vỡ, cành nho khô, nhà chứa củi quét vôi và cái thùng rác sơn một lớp hắc ín dày chảy đọng từng vệt. Đrujinin xộc vào mọi ngóc ngách và không thấy dấu hiệu một ổ phục kích nào cả. Một trong những nhà cầu tầng dưới, cạnh cổng lớn, có một cái cửa ăn ra, cánh cửa lót dạ nâu — đó là cửa sau của nhà Anđrâysep mở ra sân để xuống bếp. Đrujinin dừng lại bên cửa nghe ngóng xem có ai ở trong bếp Anđrâysep không, nhưng anh không nghe thấy tiếng gì cả. Đâu cũng lặng ngắt. Thoắt một động tác rất nhẹ, gần như không, Đrujinin thứ mở cửa. Cửa khóa chặt. "Tốt", Brujinin nghĩ bụng. Rồi anh quả quyết bước ra phố, đi đến gần cửa trước hiệu giày, và đút tay vào túi bên, nắm lấy khẩu Uante. Anh nhòm một lần nữa qua cửa sổ rồi quả quyết nhấc cái then gài cửa.

Một cái chuông con keng keng, và Đrujinin bước qua bậc cửa có đóng một vành móng ngựa cũ làm bùa cầu phước. Anđrâysep ngẩng đầu lên, và Đrujinin thấy trên nét mặt bệnh hoạn có đôi mắt đầy dử của hẳn như thoáng một vẻ kinh hãi. Nhưng lập tức đôi môi mỏng dính đang ngậm một cái đinh giày, nhếch lên cười nom rất quái dị và bần tiện. Hắn hấp tấp rời chiếc ghế đẩu thấp đứng dậy, nhổ cái đinh con đang ngậm vào một cái vỏ hộp cá, đặt xuống, chùi tay vào tạp-dề và chìa ra cho Đrujinin:

— Đồng chí thủ trưởng, lâu lắm không thấy đồng chí đến chỗ chúng tôi.

Mặc dầu tất cả vẻ tự nhiên giản dị của câu nói nghe như bình thường ấy, Đrujinin cảm thấy ngay lập tức tất cả cái giả dối bên trong. Hay đúng hơn, cái sự thật hai nghĩa. Bản thân Đrujinin không bao giờ dùng đến trạm liên lạc của cửa hiệu Anđrâysep. Anh mới đến đây một lần năm ngoái, chỉ để xem xem cửa hiệu ấy nó thế nào. Các nhân viên của Đrujinin đến đấy trao tin tức

cho anh em liên lạc và nhận những mệnh lệnh về nhiệm vụ phải thi hành. Mỗi khi Đrujinin cần gặp Anđrâysep, anh lại cho liên lạc đến hẹn hắn tới một chỗ định trước và mỗi lần một chỗ khác. Cho nên cái câu "lâu lắm không thấy đồng chí đến chỗ chúng tôi" hoàn toàn vô nghĩa, trừ đoạn "đến chỗ chúng tôi" rất nghịch tai mà có lẽ Anđrâysep đã buột miệng thốt ra. Đrujinin trong bụng chú ý ngay điều đó. "Chỗ chúng tôi" là chỗ ai? "Chúng tôi" là ai đây? Thèm vào đó là cái câu "đồng chí thủ trưởng" nói cứ tỉnh như không, và Đrujinin cảm thấy như có cái gì không lành mạnh lắm. Anh thản nhiên bắt bàn tay lạnh ướt của Anđrâysep, và nói:

— Đóng cửa ra vào lại và treo biển "đóng cửa" lên.

Trong khi Anđrâysep loay hoay cài then, Đrujinin đứng sát sau lưng hắn, ngắm nhìn hai cái xương bả vai to và nhọn của hắn nhấp nhô dưới chiếc áo thể thao đen, và mũi anh thở rất nhẹ. Cài xong cửa, Anđrâysep, chẳng nhìn, bước về phía bếp, khẽ ve vẩy hai cánh tay gầy có đôi khuỷu lòi lên. Nhưng Đrujinin ngăn hắn lại:

— Đi đầu, Anđrâysep?

— Đóng cái cửa bếp.

— Không cần, cửa bếp đóng rồi.

Anđrâysep trở lại, mắt nhìn xuống đất, miệng mỉm một nụ cười vô nghĩa và lấm lét. Hắn dừng lại trước mặt Đrujinin, trên trán xòa xuống những mớ tóc màu cát, Đrujinin đưa mắt chỉ bức vách ngắn và rướn mày lên có ý hỏi. Anđrâysep hiểu ngay:

— Không có ai đâu, đồng chí ạ.

Đrujinin nhòm vào sau bức vách. Một chiếc giường sắt phủ một tấm chăn chần; hai cái gối có áo thêu đăng-ten; dưới chân ghế, một đôi giày phụ nữ bên trong nhét bít-tất; trên tường treo mấy cái váy phủ một miếng dạ, một chiếc máy khâu, mấy cái xoong nhôm...

— Anh lấy vợ rồi à? — Đrujinin hỏi.

— Vâng, tôi lấy vợ rồi — Anđrâysep đáp.

— Thế mà tôi không biết đấy.

— Mới gần đây thôi ạ.

— Dầu sao cũng phải báo cho chúng tôi biết mới phải. Chị ấy đâu?

— Nhà tôi về thăm ông bà cụ ở Môndayanka.

— Được rồi. Cũng chả có gì quan trọng lắm — Đrujinin nói, mặc dầu điều đó quan trọng không phải ít. — Thôi, tranh thủ cho khỏi mất thời giờ. Chúng ta có chuyện phải nói với nhau. Anh ngồi xuống đây.

Anđrâysep định ngồi xuống cái ghế đẩu của hắn, nhưng Đrujinin ngồi xuống trước. Ngồi chỗ ấy, anh có thể quan sát động tĩnh ở ngoài phố. Anđrâysep kéo một cái ghế dựa ở bên quầy.

— Thưa đồng chí Đrujinin, mới đây đồng chí có cho gọi tôi, nhưng tôi không đến được — Anđrâysep vừa nói vừa bẻ đốt tay — Hôm ấy tôi ốm — Giọng hắn khàn đi và hắn bắt đầu ho.

— Điều ấy cũng không có gì quan trọng. Thế anh bị làm sao?

— Tôi bị ốm, đồng chí biết đấy, — Anđrâysep vẫn bẻ mãi đốt tay, trả lời. — Chiều nào tôi cũng nóng 37 độ 8, mồ hôi ra như tắm. Tôi bị nổi mấy cái hạch tướng.

— Hạch à? — Đrujinin nói theo với một vẻ đăm chiêu. Anh rời ghế đứng dậy giơ tay ra khẽ khẽ nắn cổ Anđrâysép, chỗ sau tai — Đúng rồi. Hạch đây. Cứ ngồi, cứ ngồi. Đừng dậy làm gì... thế là bị đau hạch đấy.

— Còn về cái người... — Anđrâysep vừa nói và cười gượng vừa lấm lét nhìn bộ mặt thản nhiên của Đrujinin - Cái người có cái lúm ở cằm, cái người đến cửa hiệu tôi ấy, đồng chí Đrujinin ạ, và rồi bị bắt, trong báo cáo tôi đã thưa với đồng chí là anh ta không đến đây, và tôi chưa hề thấy anh ta bao giờ.

— Rất có thể — Đrujinin — Rất có thể là sự việc xảy ra đúng

như anh nói. Chúng ta sẽ làm sáng tỏ vấn đề sau. Anh đừng ngại. Tôi triệu tập anh hôm ấy hoàn toàn vì một việc khác.

— Việc gì thế ạ? — Andràysep vội vàng hỏi.

— Tôi muốn anh thanh toán những món tiền đã nhận.

— Trời! Tưởng việc gì! — Anđrâysep kêu lên và mặt hắn chuyển sang một màu hồng nhợt nhạt — Tôi xin báo cáo đồng chí ngay lập tức bây giờ, từng xu một.

Hắn đứng xổ dậy, ra vẻ lăng xăng, nhưng Đrujinin lạnh Jùng bảo hắn:

— Ngồi xuống, Anđrâysep.

Anđrâysep lai ngồi xuống và bứt rứt đặt hai tay lên hai đầu gối nhọn che chiếc áo tạp-dề.

— Vả lại, cả chuyện ấy nữa cũng không có gì quan trọng. Vấn đề là chúng tôi đã được biết về các hành động của anh. Anh rượu chè, anh quan hệ với những bọn quỷ quái nào...

— Tôi có quan hệ với ai đâu — Anđrâysep nói rất nhỏ.

— Anh có quan hệ! — Đrujinin trấn tĩnh lại và thản nhiên nói tiếp — Người ta đã thấy anh ở tiệm rượu quảng trường Nhà thờ lớn cùng với một tên đầu cơ tai tiếng. Có lẽ chính anh cũng bắt đầu đầu cơ rồi cũng nên?... Anh im đi, anh sẽ trả lời ở chỗ khác. Tóm lại, anh không thích hợp với loại công tác mà chúng tôi đã giao cho anh nữa. Có lẽ anh đã quên mất lời cam kết của anh rồi chăng... Tôi nói anh hiểu không? — Đrujinin lim dim mắt, miệng mím lại — Chính vì lý do ấy nên từ nay chúng tôi đóng cửa hiệu giày của anh. Tất cả những đầu mối liên lạc bỏ hết, và điều anh đi nơi khác. Tạm nghỉ công tác, làm lực lượng dự trữ.

— Rõ — Anđrâysep đứng dậy, sửa lại tư thế, nói. — Bao giờ tôi phải thi hành...

— Ngay bây giờ. Mặc quần áo đi.

— Nhưng mà, thưa đồng chí Đrujinin... — Anđrâysep nhìn ngăn vách — Thế khi nhà tôi về thì sao?

Đrujinin đưa đôi mắt xanh lạnh ngắt nhìn thẳng vào mắt hắn:

— Tôi ra lệnh cho anh mặc quần áo vào. Chúng ta sẽ cùng đi. Nhưng, Anđrâysep anh nên nhớ rằng, anh mà ho he giở trò... Anh hiểu chứ? Anh đi trước hai bước, tôi đi sau... Rẽ đâu tôi sẽ bảo... Hiểu chưa?

— Rõ — Anđrâysep thì thào.

— Vậy, mặc quần áo đi. Mau lên! Chúng ta sẽ ra lối bếp. Và tôi báo trước anh một lần nữa... Anh rõ chưa?

— Rõ lắm rồi.

Vừa lúc ấy, Brujinin thấy hình như bên ngoài cửa sổ, trong sương mù, có một bóng phụ nữ trông quen quen một cách kỳ lạ, thấp thoáng đi qua. Có tiếng gõ cửa.

— Đứng yên! — Đrujinin bảo Anđrâysep và thò tay vào túi trong chiếc áo khoác.

Tiếng gõ nhắc lại. Rồi cái bóng phụ nữ lại đảo qua trước cửa sổ và đứng lại. Đrujinin nhận ra Valentin. Cô gái khum khum tay che mắt, từ ngoài đường nhìn vào trong nhà. Cô trông thấy Đrujinin. Cô gọi to qua cửa kính: "Mở cửa!" Hình như đôi mắt mở to của cô đã sáng lên trên khuôn mặt tái nhợt, như sũng, như tan trong sương mù. "Mở cửa, mở cửa!" cô kêu lên, ngón tay gõ gõ vào kính. Sự xuất hiện của cô bất ngờ quá, lạ lùng quá, khiến Đrujinin hiểu ngay là có một tai họa đã xảy ra. Mắt vẫn nhìn Anđrâysep chòng chọc không rời, Đrujinin tiến về phía cửa và kéo then. Valentin đâm bổ vào trong hiệu. Đrujinin đóng vội cửa lại.

Thở dốc và cắn môi đến bật máu, Valentin nhìn Anđrâysep bằng đôi mắt trong suốt, đầy căm thù, đến nỗi Đrujinin hiểu tất. Anđrâysep tái xanh và lùi lại.

— Đi đâu? — Đrujinin hỏi.

— Đi... đóng cửa... bếp... — Anđrâysep lắp bắp.

— Đứng lại!

Anđrâysep đứng lại. Mặt Valentin đỏ lên từng đám.

— Mày là một tên chỉ điểm! — Cô kêu lên và giậm chân trong đôi ủng ướt, rồi rùng mình một cái, tiến đến bên Anđrâysep, và vụng về xòe bàn tay ra, vung lên tát cho hẳn một cái vào giữa mặt.

— Làm gì thế? Valentin. Điên đấy à? — Đrujinin khẽ nói và túm lấy vai cô.

Nhưng cô đã lùi lại, nép vào người Đrujinin, hấp tấp nói:

— Đồng chí hãy rời khỏi ngay nơi này... Nó là một thằng phản bội, một tên chỉ điểm... Ở nhà vừa mới nhận được thư của Xviatôxlap trong tù gửi ra. Anh ấy bị bắt ở đây... Anđrâysep là một tên chỉ điểm... Piôt Vaxiliêvich giao nhiệm vụ cho tôi đến đây... Đi ngay đi... Đồng chí đi ngay đi...

Đrujinin lạnh toát người.

Anđrâysep rụt cổ chạy lao vào bếp. Nhưng Đrujinin tóm được hắn và đẩy vào sau bức vách. Và mạnh đến nỗi Anđrâysep đâm sầm vào tường, ngã xuống giường. Vừa lúc đó, một bóng đàn bà đội mũ Rumani cao như ống khói, thấp thoáng trong sương mù, trước cái cửa sổ có mấy chậu hoa. Ở cửa kính, có tiếng ngón tay gõ nhanh nhanh.

— Aniuta! — Anđrâysep hét lên, giọng tuyệt vọng.

— Câm mồm! — Đrujinin nói nhỏ, và Anđrâysep lặng đi chết khiếp, hai bàn tay gầy ôm lấy đầu như để che đỡ.

Đrujinin rút khẩu súng Uanle ở túi bên ra vá ném sang buồng

bên, xuống dưới chân Valentin:

— Cầm lấy khẩu súng, Valentin. Ai vào thì bắn.

— Anh định làm gì tôi? — Anđrâysep lắp bắp nói.

— Im mồm! — Đrujinin nhắc lại — Ngồi xuống. Liệu mà đừng có đứng dậy — Anh tiến đến sát bên Anđrâysep làm hắn phải lùi lại và va lưng vào tường mạnh quá đến nỗi làm rung cả cái gương nhỏ hình móng ngựa lồng trong khung kính có những đinh con nhiều cạnh — Mày có nhớ lời mày thề không?... Không nhớ hả? Được, tao sẽ nhắc lại cho. Nghe đây, đồ phản bội! — Hai cánh mũi Đrujinin phồng lên và trắng nhợt — "*Nếu tôi phản bội lời thề này mà tôi lớn tiếng đọc trước các đồng chí của tôi, tôi sẽ phải chịu hình phạt nghiêm khắc nhất của tòa án du kích, ngay tại nơi tôi đã phản bội. Tôi giữ vững lời thề và xin ký*".

— Từ nay tôi không dám thế nữa... Tôi xin giải thích anh rõ... Trên linh hồn mẹ tôi, tôi xin thề! Anh không có quyền! — Anđrâysep kêu lên với một giọng thảm hại, không tự nhiên, như tiếng kêu của một con thỏ và bỗng khản đặc lại, trán hắn nhợt nhạt đi, ướt sũng mồ hôi. Dưới đôi mắt hẳn hiện ra hai quầng xanh nhạt, như sữa đổ. — Tôi bị hạch — Hẳn thều thào nói một câu ngớ ngẩn.

Đrujinin đưa hai tay túm lấy cái cổ gày của hắn, rồi từ từ và vô cùng ghê tởm, bóp hắn chết tươi.

Vừa lúc đó, cánh cửa bếp bị báng súng đập thình thình... Cửa hiệu ầm ầm tiếng người và tiếng bốt đóng cá sắt.

Đrujinin từ sau vách nhảy ra. Valentin quỳ nấp sau quầy hàng, tay cầm súng ngắn giơ thẳng, bắn vào bọn cảnh sát lê dương. Đrujinin mím môi lại, cúi xuống vớ lấy chân cái ghế đẩu thấp, vung rộng tay nện vào đầu một thằng với một sức mạnh kinh khủng. Chiếc ghế tan ra tùng mảnh. Anh vớ ngay lấy chậu hoa và ném vào tên sĩ quan đang nhặt khẩu súng ngắn, nhưng ném trượt. Chậu hoa lao vào tường, đất đen và ướt lả tả trôi tuột trên lớp giấy dán xanh.

Một tên đã túm được chân Đrujinin. Nhưng anh giật lại và kịp vớ được cái giá gỗ nặng với chiếc bốt ở trên bậu cửa sổ. Anh tựa lưng vào tường và chuẩn bị chiến đấu với cái giá gỗ ấy. Nhưng vừa lúc đó, anh bị một báng súng trúng đầu. Mắt anh mờ đi trong một lớp sương mù xanh lam, và qua lớp sương mù hầm hập, vang vang ấy, anh thoáng thấy khuôn mặt đau đớn nhăn nhó của Valentin đang bị bọn chúng vặn gập tay lại.

50

Họ bước trên hè đường lát đá hoa cương, cổ tay xích khóa Đức ngượng nghịu giơ ra đằng trước. Đrujinin đi trước, Xviatôxlap và Valentin đằng sau.

Họ vừa bị tuyên án tử hình, và giờ đây họ đang từ ngôi nhà nơi Toà án quân sự đã họp xử, quay về nhà giam của bọn Ghextapô.

Đường về nhà giam không xa. Một toà nhà lớn xám xịt, gần như đối diện bên kia. Ở đó, dưới tầng hầm, nơi xưa kia là kho chứa sợi, bây giờ chúng bố trí thành xà-lim, tiến hành những cuộc hỏi cung, đối chất, tra tấn. Chính từ đó, đêm đêm các người tù tử hình vẫn bị đưa đi, trước lúc bình minh, trong những chiếc ô-tô đen kín mít hoặc xe tải nhà binh xử bắn.

Tòa nhà lớn đó mới được sửa sang lại — cửa kính lau trong suốt, lá chắn nghiêng che kín những cầu thang dẫn xuống tầng hầm, một tên lính gác trước mỗi cửa có quả nắm đồng đánh bóng loáng — mặc dầu hết sức sạch sẽ, gọn gàng, trông vẫn ảm đạm nhất trong cái phố bỏ hoang, bẩn thỉu và bị bom phá gần hết.

Nhưng chúng không đưa mấy người bị tử hình về thẳng hầm

tòa nhà ấy. Bọn Ghextapô còn dẫn họ một hồi lâu qua thành phố, vòng hết phố nọ sang phố kia, để khủng bố tinh thần nhân dân bất khuất, và phô trương lực lượng của chúng.

— Phải, cái bọn áp giải họ, cái bọn sĩ quan trát phấn, nai nịt cứng đờ, đầu đội cát-két đen to tướng, chân đi bốt cao bóng nhoáng bước đều bên cạnh họ, quả cũng đáng vênh vang thật. Đrujinin đã bị chúng tóm. Các ngài nghĩ xem, Đrujinin nổi tiếng, thần thoại, con người hoạt động bí mật xuất quỉ nhập thần, mà bọn công an Rumani và Đức tìm kiếm đã gần hai năm!

Trước và sau họ, hai xe bọc sắt đen từ từ lăn bánh, mang chữ thập ngoặc trắng và chĩa liên thanh vào tốp tù binh. Hai bên, hai hàng lính Đức súng chĩa ngang, đầu đội mũ sắt, quai bỏ xuống cằm trông không thấy mắt đâu cả. Và ở giữa, trong cái tứ giác chúng tạo thành đó, trên nền đá hoa cương vắng vẻ, như bọc một lớp không khi chết chóc trong suốt, ba con người tiến bước, ba người xô-viết: Đrujinin, Valentin và Xviatôxlap.

Họ đi qua thành phố, hết phố nọ sang phố kia, và cứ mỗi bước đi của họ, trên hè, quần chúng đổ ra mỗi lúc một đông. Tin người chiến sĩ lừng lẫy tiếng tăm Đrujinin đã bị bắt, bay đi trong thành nhanh như một tia chớp. Nhân dân từ khắp các ngả đổ lại, mong được nhìn thấy lần đầu tiên, và cùng là lần cuối cùng, con người từ láu đối với họ đã trở thành thần thoại, tượng trưng cho lòng dũng cảm, danh dự, tinh thần hy sinh vô điều kiện và quyết tâm không gì lay chuyển nổi của người bôn-sê-vích.

Có người đứng dưới những vòm cổng lớn, đứng ở lối đi, đứng sau những cửa kính đóng kín, có người chen chúc nhau trên hè phố, có người trèo lên những trụ ngang đường phố. Trẻ con thì leo lên các cây dẻ, cây dạ hợp, để nhìn đoàn người được rõ hơn. Thành phố từ trước đến nay tưởng như vắng vẻ, không hồn, giờ đây biến đổi hẳn đi một cách kỳ lạ. Như một tia nắng lách qua đám mây bão đầy tang tóc, viền cho nó một vạch sáng trắng chói lòa, tâm hồn thành phố bỗng hiện lên rạng rỡ, đau khổ nhưng vẫn luôn luôn đầy sức sống.

Những con người xô-viết bình thường, quần áo rách rưới, đói khát, bẩn thỉu, từ những căn nhà đổ nát bước ra và đi hai bên đường để tiễn đưa Đrujinin. Ở mỗi góc phố, lại có tiểu liên chĩa vào tốp tù binh, nhưng họ vẫn bước đi bình tĩnh và trang nghiêm.

Hai người đàn bà từ trong một ngõ nhỏ chạy ra, nhập vào đám đông. Họ mặc áo vải mới, chưa giặt lần nào, đầu quàng khăn cũng bằng vải. Họ thở không ra hơi, mồ hôi ròng ròng trên khuôn mặt đỏ bừng với hai cánh mũi phập phồng tái nhợt. Họ nắm chắc tay nhau lách qua đám đông, mệt tưởng muốn gục xuống. Nghển cao đôi cổ gầy, xương xẩu, qua những đầu người, họ cố nhìn cho thấy mấy người tù. Nhưng họ không thấy gì cả, ngoài mấy tháp súng của xe bọc sắt và những mũ sắt của lính áp giải. Họ lại tiếp tục leo lên phía trước, hổt hoảng xô lấn mọi người, xin lỗi, suýt vấp ngã và đỡ lẫn nhau bằng đôi tay run rẩy.

Những chiếc áo vải chưa giặt lần nào mặc vội, khuy lưng cài lệch, vừa bóng lại vừa nhầu nát, những tấm khăn quàng cũng vậy, để lòa xòa lần tóc khô không chải, và cuối cùng những đôi mắt sưng húp, đau khổ, đầy lo sự kinh hoàng, tất cả những cái đó cũng đủ làm đám đông phải lặng lẽ lùi lại, nhường lối cho họ đi.

Họ lao lên và, mươi bước trước mặt, họ bỗng trông thấy tốp tù binh đang đi bước một dưới lòng đường, giơ ra trước những cổ tay xích khóa Đức.

Một bà xông lên, như muốn kêu to. Nhưng bà không kêu, mặc dầu toàn thân bà rướn lên mạnh mẽ, như đã hét lên một tiếng. Bà chỉ áp chặt tay vào mặt; để khỏi kêu, bà cắn và nhay nhay những ngón tay nắm chặt. Rồi mặt bà đỏ gắt lên, bà loạng choạng, ngã ngửa ra; nếu không có người đàn bà kia đỡ lấy vai thì bà đã gục xuống hè. Nhưng bà không ngã, bà đứng thẳng lên vịn vai người kia, bước nhanh ra chỗ đầu hè đá hoa cương, mắt nhìn tốp tù binh không rời.

Đó là Matriôna Têrenchiepna, còn người kia là Klapđva

Ivanôpna Macsenkô, mẹ của Xviatôxlap. Hai người đàn bà đứng tuổi đó trông như hai chị em. Nhưng thực ra, họ chẳng giống nhau tí nào.

Cái cảm giác giống là do họ mặc cùng một thứ áo, khoác cùng một thứ khăn. Bà mẹ Xviatôxlap, mặc dầu bà con phố Mạc-tư-khoa gọi là "bà lão Macsenkô", chẳng có vẻ gì bà lão cả. Bà trạc bốn mươi, khỏe mạnh, hơi sồ sề, tóc nâu sáng rực, lông mày rậm như hai hàng ria và môi trên lún phún như lông mày thưa, đôi mắt màu hạt dẻ, đúng là một người phụ nữ thành phố: Secnigôp. Sáng hôm xử án, ngày đã tuyên bố trên báo chí và trên đài, khi Matriôna được phép đặc biệt của khu ủy ra khỏi đường hầm để nhìn mặt con gái lần cuối cùng, dù chỉ từ xa, đầu tiên bà chạy tới phố Mạc-tư-khoa, đến nhà "bà lão Macsenkô".

Bộ dạng bà như thế thì không thể nghĩ đến việc đi thẳng vào giữa thành phố: những dấu vết của gần hai năm sống dưới đường hầm nom lộ liễu quá. Áo xống của bà sờn trơ ra, gần như cháy sém, ẩm xịt cái ẩm dưới hầm và trát đầy bụi đá.

Bà Klapđya Ivanôpna đã bắt bà tắm rửa và thay áo quần. Bà Matriôna Têrenchiepna run cầm cập, không cởi nổi mấy mảnh áo tã của mình. "Bà lão Macsenkô" bình tĩnh hơn. Bà còn rửa mặt, rửa tay, lau gáy cho bà Matriôna và lấy nước giội vào chân cho bà nữa. Rồi bà mở hòm lấy hai chiếc áo vải may ngày trước và chưa mặc bao giờ, khoác bừa một chiếc vào người, còn chiếc kia đưa cho bà Matriôna Têrenchiepna mặc.

Trong khi chạy qua thành phố, mệt đứt hơi, bà Matriôna Têrenchiepna còn phần nào tự chủ được. Nhưng khi bất thần thấy trước mặt mình Valentin đang đi chân đất giữa đường tay xích, xung quanh tua tủa những lưỡi lê và tiểu liên, bà rụng rời cả người. Nhưng bà Klapđva Ivanôpna, hai chân cũng bủn rủn và mắt cũng nhòa đi khi trông thấy thằng Xviatôxlap của bà, đã kịp đỡ lấy Matriôna Têrenchiepna, giữ cho bà khỏi ngã.

Giờ đây, tay nắm chặt tay, họ bước trên hè phố lát phún thạch, bên tốp tù binh, chỉ cách hàng lính áp giải. Họ chạy vượt lên

trước, đứng lại chờ đoàn tù binh đi qua, rồi lại chạy lên dễ nhìn những khuôn mặt thân yêu.

Hôm đó là một ngày mát dịu, gần như nóng, có nắng. Bầu trời rạng rỡ, đây đó lăn tăn những gợn mây huyền diệu, tỏa sáng bên trên thành phố, êm dịu và tươi mát; nhìn qua các kẽ tường, các lỗ trống cửa sổ, nhìn bên trên những đống gạch ngói cao ngất um tùm rau mùi dại và gai non, trời lại càng xanh biếc. Một cảnh im lặng kỳ dị, nặng nề trùm lên phố xá, lên thành phố, tưởng như trùm lên tất cả thế gian. Chỉ nghe thấy tiếng ủng lính nện đều, tiếng máy rì rì của xe bọc sắt.

Và trong cảnh im lặng đó, không biết từ đâu vẳng lại tiếng đàn quay tay cũ kỹ, tã đến nỗi trong khúc nhạc nghe rõ cả những chỗ câm, những chỗ mất hẳn kéo dài, dường như ở một vài nốt đàn không có đủ hơi và phải đoán ra nó, như những tiếng thở dài yếu ớt.

Tiếng đàn lúc gần, lúc xa, lúc gần hơn nữa — nghe đâu đó, ngay đây thôi — dường như người nhạc sĩ vô hình đang bước đi giữa những cảnh hoang tàn, những đống rác, dừng lại trong các sân nhà, và cứ quay quay mãi cái tay vặn của cây đàn xộc xệch cũ rích, nó nhai lại mãi không thôi bài hát con chim én cổ xưa: "Hót lên, hót lên đi, én ơi! Cho dịu lòng ta... Gió ru cành lá nhẹ, tiếng họa mi vút cao đâu đó... Hót lên, hót lên đi, én ơi!..."

51

Thử hỏi Đrujinin, Valentin và Xviatôxlap có nhìn thấy không, có nhìn thấy hai người đàn bà mặc áo vải mới kia không, có nhận ra hai người trong đám đông đang vây quanh đoàn tù binh không? Chắc hẳn là có thấy và có nhận ra. Thật khó mà

không trông thấy. Lúc nào hai bà cùng đi rất sát, đến nỗi họ không thể không nhận ra.

Tất nhiên họ có nhận ra hai bà. Nhưng mặt họ không thay đổi một nét nào. Đôi mắt Valentin chỉ hơi thoáng mở to ra khi gặp cặp mắt của mẹ. Và bà Matriôna Têrenchiepna hiểu con gái đã thấy mình rồi. Nhưng bà không biểu lộ bằng một cử chỉ nào là bà đã thấy cái nhìn trong đó ánh lên một tia lửa xanh, dù chỉ thoáng qua. Cả đến mỉm cười, bà Matriôna Têrenchiepna cũng không dám.

Chao ôi, bà chỉ muốn nhảy bổ ôm chầm lấy Valentin, ôm đầu cô sát vào ngực, đem hai tay, đem cả thân mình che chở cho cô!

Nhưng bà không có quyền.

Một cử chỉ dại dột, một dấu hiệu nhỏ cũng có thể phản lại bà. Và bà không phải là của mình. Bà là thành viên của một tổ chức bí mật. Trong đám đông nhan nhản những tên chó săn, những tên mật thám Xiguranta và Ghextapô. Việc bà bị bắt có hại cho tất cả tổ chức. Và bà đành bước đi, đôi mắt rạo rực cố bắt cho được cái nhìn lẩn tránh của con gái, miệng cắn vào tay để khỏi kêu lên. Và bên cạnh bà là Klapđya Ivanôpna, thở hổn hển, răng nghiến chặt, cứ vấp luôn...

Đrujinin tiếp bước từ tốn, hơi thoảng một vẻ kiêu hãnh. Giá không có xích tay và đám lính vây quanh thì trông anh tưởng như dang dạo mát. Xích tay làm anh đi hơi ngượng. Không ve vẩy được tay, Đrujinin đung đưa theo nhịp chân toàn bộ cái thân hình cường tráng, đưa vai này lên trước rồi đến vai kia, như nhịp nhàng rẽ không khí. Nhưng người ta thấy rõ là mỗi bước đi lại gây cho anh một nỗi đau nhức mà anh cố giấu không để ai biết.

Anh đi chân đất, nhưng xem ra anh đau không phải vì thế. Chính toàn thân anh đau đớn, vì ròng rã suốt một tháng trời gần như đêm nào cũng chịu hành hạ tra tấn từ ngày bị bắt đến ngày xử án. Chúng đã dùng đủ mọi kiểu tra tấn anh, kể cả cách tinh vi nhất, tàn khốc nhất là quay điện.

Trước khi đưa anh ra xử, chúng đã cạo đầu cạo râu cho anh và xoa phấn lên những vết tím bầm trên mặt. Nhưng những vết ấy vẫn lộ ra qua lần phấn dày, và làm cho mặt Đrujinin biến thành một cái nạ phấn sáp kệch cỡm với đôi mắt long lanh, đôi mắt đẹp xanh biếc, sáng quắc và khinh bỉ.

Dưới cái áo ngoài rách vá vội, chiếc áo lót xanh đã bạc ôm lẳn lấy bộ ngực nở nang đang thở những hơi dài và đều, mặc dầu thấy rõ là anh phải thở rất khó nhọc.

Đrujinin cố bước thật rắn rỏi, đường hoàng. Nhưng đôi lúc anh như không chỉ huy được đôi chân nữa: chân anh bỗng bải hoải, khuỵu xuống, rung như những bản lề bắt ốc không chặt. Anh liền dừng lại, lấy sức và đi tiếp, chân gần như bước đều.

Đi sau anh là Valentin, Xviatôxlap, cũng chân đất, và cũng phải cố gắng để khỏi lộ vẻ đau đớn sau mỗi bước chân.

Xviatôxlap mặc chiếc va-rơ Hồng quân với một vết nhỏ ở nơi trước kia gắn huy hiệu thanh niên Kômxômôn, không thắt lưng, cổ áo mở phanh không lót. Còn Valentin mặc một chiếc váy cộc đen, ngắn gần tới đầu gối, để lộ hai ống chân trắng đầy những vết xước, vết thâm tím, và một cái sơ-mi cộc bẩn thỉu cài khuy trai nhỏ, nhẵn bóng, vạt trước xưa kia có hồ bột. Cô đi với dáng lắc lư, rún rẩy của dân chài lưới quen bước trên những hòn đá sắc, nhưng những bước chân của cô ngắn quá. Muốn đi song song, Xviatôxlap cứ phải luôn luôn bước ngắn lại. Cô không khoác được tay anh, giỏi lắm cò chỉ có thể khẽ tỳ vai vào vai Xviatôxlap. Nhưng như thế lại làm cho người ta có cảm giác là hai người khoác tay nhau đi.

Lúc ấy vào cuối tháng năm. Khắp thành phố dạ hợp trắng đang nở hoa. Những cây to già, chi chít những chùm quả non nặng trĩu, hoa màu xanh sữa và thơm ngát lạ lùng, biến đường sá của cái thành phố điêu tàn thành những con đường, những vòm cây đầy hoa lá râm mát, lốm đốm những chấm nắng. Trên đường phố nóng rải xuống bóng những cây dạ hợp. Bàn chân không của mấy người tù binh đặt lên một số bóng râm đó, như

đặt lên một tấm thảm ren đen. Và những bóng râm leo lên đầu gối, lên ngực, lên mặt, lên tóc họ, thành một màng đen liền, như muốn đem bàn tay vò hình âu yếm vuốt ve xoa dịu nỗi đau đớn của ba con người ấy.. Lòng đầy tự hào thách thức, Valentin chĩa thẳng cái cằm tròn giờ đây đã thành rắn rỏi và cất đôi chân trần nhỏ nhắn bước từng bước ngắn. Từ một bao lơn nào đó, có ai ném tặng một bó hoa dạ hợp. Một cành rơi lên đầu Valentin, mắc vào tóc cô, nhưng lại tuột ra và trôi xuống. Cô gái giơ hai bàn tay bị xích lên đỡ cành hoa đang trôi xuống mặt và ngậm vào mồm. Và cứ thế cô tiếp tục đi, với một cành dạ hợp trắng nhỏ ngậm giữa đôi môi gần thâm sì như một vết thương nhỏ đã khô máu, khẽ dựa vào vai Xviatôxlap. Còn Xviatôxlap thì bước đi với một nụ cười kiêu hãnh ngân đọng trên môi, dáng người mảnh dẻ, bộ tóc nâu hất ngược ra sau, vả bước theo nhịp bước của Valentin. Đằng trước họ, như đi dạo mát, lắc lư nhịp nhàng toàn bộ cái thân hình to lớn cân đối, Đrujinin đủng đỉnh bước đi, nhìn trời, nhìn cây, nhìn nhà cửa, nhìn những cột áp-phích và những người đang yên lặng tiễn đưa anh, coi tất cả như tài sản của mình. Đôi lúc mắt anh long lanh, khi bất thần anh nhận ra trong đám đông một anh em nào đó. Những đôi mắt âm thầm gặp nhau, gửi nhau lời chào "vĩnh biệt", rồi lại âm thầm rời nhau. Đrujinin bước đi không phải như một tù binh, không phải như một người can án: Anh bước đi như một người chiến thắng, như người chủ của thành phố, người chủ của thế giới. Một lần, anh còn dừng lại trước một mảng tường đổ có dán một tờ thông cáo lờ mờ của bọn Rumani. Anh đã dừng lại, chẳng thèm để ý đến đoàn quân và chỉ khi dọc hết tờ thông cáo của tên "thị trưởng" Ôđetxa Herman Pintêa, mới lại đi tiếp. Hành động của anh bất ngờ quá đến nỗi cả đoàn cũng dừng lại. Và Đrujinin dạng chân đứng đó, lẩm nhẩm đọc bản thông cáo cấm tuyệt đối việc mua bán và sử dụng ngũ cốc trong toàn tỉnh Ôđetxa.

— Ngũ cốc! Bằng cách này hay cách khác, có thể bất cần ngũ cốc! — Đrujinin nói to với một tiếng cười gằn khó hiểu — Đi thôi!

Và đoàn người tiếp tục đi.

Chúng dẫn họ qua phố Katêrin đệ nhị tới tận phố Ribat, vòng quảng trường Nhà thờ lớn, qua phố Công viên, và cuối cùng, rẽ vào phố Tướng Côblây. Chắc hẳn chúng cố tình làm như vậy, để họ phải diễu qua trước cửa hiệu giày Anđrâysep, qua chính nơi họ đã bị bắt. Và họ đã đi qua nơi đó.

Cái cửa sổ mà mới trước đây không lâu có một chiếc ủng bày giữa hai chậu hoa azalê, giờ đây đã được quét vôi lại. Một ổ khóa trên cảnh cửa có treo tấm biển "Nhà cho thuê".

Có một vẻ gì âm thầm, tang tóc trong cái cửa sổ thong manh quét vôi ấy, trong cái cửa khóa kín mới sơn lại một màu nâu ghê tởm ấy, trong cái vành móng ngựa đóng trên bậc cửa ấy.

Và họ im lặng tiến qua trước mặt tất cả những cái đó, như qua trước tấm mộ của chính mình. Họ bị giải qua thành phố một thời gian nữa, cho tới khi về tới cửa nhà giam thành phố. Cửa mở ra, bọn lính xua lui đám đông đứng bên vỉa hè đối diện. Tất cả nhốn nháo. Matriôna Têrenchiepna và Klapđya Ivanôpna kiễng chân, cố hết sức nghển cổ, từ xa nhìn lại một lần cuối cùng Đrujinin, Valentin và Xviatôxlap. Bỗng Đrujinin giơ hai bàn tay bị khóa phác một cử chỉ gì lạ lùng, có lẽ anh định giơ tay cao lên trên đầu, nhưng chỉ đưa được đến ngang mặt.

— Lênin muôn năm! Tổ quốc muôn năm! Chính quyền xô-viết muôn năm! — Anh vừa cất cái giọng khàn khàn hô to cho cả phố nghe thì bị ngay một loạt báng súng bổ xuống người.

Chúng đã đẩy tốp tù binh vào trong sân, và cái cổng sắt kiểu mới với chấn song có những lỗ hình hoa kèn bịt ván kín mít, đóng sập ngay lại. Và đúng lúc ấy, ở một quãng nào phía dưới cùng của cái đám đông đang chuyển động, bỗng vang lên một tiếng thét trẻ thơ tuyệt vọng, nghe xé gan xé ruột, không thể lấy gì so sánh được.

— Bố ơi! Bố yêu của con! Bố ơi! — Một em gái nhỏ ăn mặc sặc sỡ, trông như một cô bé Bô-hê-miêng, nghẹn ngào kêu nấc lên.

Nhưng khi hai tên mật thám lách được qua đám đông tới nơi thì không còn ai ở đó nữa.

52

Nhưng chưa phải đã hết.

Sau khi cổng nhà giam thành phố đã khép lại sau lưng Đrujinin, Valentin và Xviatôxlap, chúng không đem họ đi bắn. Họ còn sống thêm hơn một tháng nữa. Bọn phát-xít hứa trả lại tính mệnh cho họ nếu họ xin vua Rumani ân xá. Chúng muốn phô trương trước nhân dân thành phố bất khuất sức mạnh và ưu thế của chúng, ngay cả đối với những người như Đrujinin và các đồng chí của anh. Chúng muốn tiêu diệt họ về mặt tinh thần Trước đó, chúng không biết Đrujinin cụ thể là ai. Chúng chỉ có thể phỏng đoán anh là một cán bộ rất quan trọng. Giờ đây, khi chúng đã nắm được anh trong tay thì đơn giản nhất hình như cứ giết quách anh đi. Nhưng để anh sống có lợi cho chúng hơn.

Chúng không đặt cho Đrujinin, Valentin và Xviatôxlap một điều kiện gì cả. Chúng không đòi hỏi họ phải từ bỏ Tổ quốc, phải phản bội nữa. Chúng đã hiểu như thế là vô ích. Chúng chỉ khuyên họ ký giấy xin ân xá. Thật là đơn giản: anh cầm bút, anh viết lên một tờ giấy láng bóng, màu trắng ngà, loại giấy viết đơn, ghi tên họ anh lên đấy và trước mắt anh là cuộc sống, là mặt trời, là biển cả, là những bóng dạ hợp nở hoa, là tự do. Phải, đúng thế, tự do... Chúng đã hứa trả cho họ cả tự do nữa. Họ được tự do thì có lợi cho bọn phát-xít hơn là họ bị cầm tù. Vậy họ ký giấy xin ân xá đi rồi nhà vua phúc hậu sẽ tha thứ cho họ. Và rồi, góc bể chân trời, họ có thể muốn đi đâu thì đi. Họ cứ việc sống. Họ cứ việc dạo chơi phố. Nhân dân thành phố phải biết rằng ngay cả họ, những người du kích, những người chiến đấu vì nhân dân, những người cộng sản, cũng đã thừa nhận chính quyền nhà vua, đã thừa nhận quyền sinh sát của nhà vua đối với người xô-viết.

Suốt một tháng hầu như không ngày nào bọn thầy cãi

Rumani không đến nhà giam thành phố. Đầu đội mũ dạ màu trân châu, mình mặc áo mưa trắng nõn, cặp da lợn cắp nách, chúng từ trong những chiếc ô-tô con giống những con bọ hung hôi hám nhảy xuống, chạy vội qua mặt tên lính canh, và nghiêng nghiêng cái đầu bận rộn đúng kiểu thầy cãi trèo lên cái cầu thang có tay vịn đánh si.

Ở tầng thứ tư, có một gian phòng lớn sạch bóng, bày biện bàn ghế mới, thảm mới, và bức chân dung vua Misen, một thanh niên tóc cắt kiểu Anh, mặc quân phục có lon đeo ở cổ tay. Bọn thầy cãi trải lên bàn những tờ giấy trắng sột soạt, những cặp da, chuẩn bị đủ mọi thứ cần thiết để viết. Sau đó, chúng lần lượt cho gọi Đrujinin, Valentin và Xviatôxlap lên, có người áp giải cẩn thận, gặp riêng từng người một, và ra sức thuyết phục họ.

Bọn thầy cãi không đối xử thô bạo với họ. Chúng ăn nói lễ độ, ngọt ngào nữa là khác. Chúng tin rằng lòng ham sống mù quáng rốt cuộc sẽ đập tan được lòng kiên trì của họ. Thật khó tưởng tượng được rằng một con người lại có thể tự nguyện khước từ cái sống, khước từ tự do, nhất là khi người ta không đòi hỏi phải làm một việc gì xấu xa, chỉ có việc ký xin ân xá mà thôi. Nhưng bọn thầy cãi phát-xít không biết, không hiểu và không thể hiểu được một người xô-viết. Điều đó quá tầm hiểu của chúng. Đrujinin, Valentin và Xviatôxlap dù có khao khát cuộc sống mấy, dù có say sưa muốn sống như thế nào, đối với họ danh dự con người xô-viết cũng vẫn quý hơn.

Bọn luật gia phát-xít đã nhầm khi chúng gán cho Đrujinin, Valentin và Xviatôxlap một lòng ham sống mù quáng. Họ khao khát sống nhưng không khao khát một cách mù quáng. Đó là một tình yêu cao cả rất ý thức về công lý của con người xô-viết lương thiện, mà họ đặt cao hơn mọi thứ trên đời, mà họ không thể và không muốn từ bỏ, dù là trước sự đe dọa của cái chết không tránh được. Hơn nữa, ngay cái chết của họ, họ cũng biến nó thành một hành động yêu nước cao quý nhất. Họ làm cho nhân dân thành phố thấy rằng họ mạnh hơn bọn xâm lược, rằng chúng có thể giết họ, nhưng không thể bắt họ quỳ gối.

Đáp lại mọi lý lẽ, mọi hứa hẹn và mọi bài diễn thuyết của bọn thày cãi phát-xít, họ không trao đổi gì với nhau vậy mà người nào cũng chỉ có một câu, nhắc đi nhắc lại:

— Tao là một người xô-viết, tao không bao giờ xin kẻ thù ân xá.

Và chúng lại đưa họ qua những cầu thang, những hành lang xuống dưới tầng hầm, trở về xà-lim tối tăm, rồi hôm sau, tay xích trong những cái khóa tinh xảo, có bằng sáng chế, họ lại đứng trước cái bàn trên đặt những lá đơn xin ân xá và mọi thứ cần thiết để viết.

Nhưng họ không thèm để ý đến gì cả. Họ không muốn để ý. Bọn thày cãi hút thuốc lá, thay phiên nhau diễn thuyết bằng một thứ tiếng Nga giả cầy, nhưng các chiến sĩ du kích cứ hướng ra cửa sổ ngắm nhìn cái vạch xanh xanh của biển cả, chỗ khuất chỗ hiện bên trên những ngọn dạ hợp và những nóc nhà thành phố, im phăng phắc, dưới bầu trời bụi bậm, như nung trắng trong cái nóng tháng bảy hầm hập.

— Tao là một người xô-viết, tao không bao giờ xin kẻ thù ân xá — Xviatôxlap nói, và chúng dẫn anh đi.

— Tao là một phụ nữ xô-viết, tao không bao giờ xin kẻ thù ân xá — Valentin nói bằng một giọng lạnh lùng, đanh thép, lim dim đôi mắt trong suốt có đôi con ngươi nhỏ rắn rỏi, và chúng dẫn cô đi.

— Tao là một người xô-viết, tao không bao giờ xin kẻ thù ân xá — Đrujinin nói nhỏ, nhưng dằn giọng mạnh đến nỗi lúm cằm anh trắng bệch ra, và chúng dẫn anh đi.

Anh khập khiễng bước qua những hành lang trống trải, những câu thang vắng ngắt, run rẩy đôi vai rộng và làm kêu răng rắc đôi cổ tay xích chặt trong cái khóa mà chúng có thể mở cho anh bất cứ lúc nào, chỉ cần anh xin bút viết.

Và hôm sau, chúng lại gọi họ lên, và bên trên dãy nóc nhà, họ lại trông thấy mặt biển nhẹ nhàng nhoà đi như muốn tránh mắt

nhìn của họ, rồi tiêu tan dần ở phía chân trời, như cuộc sống của họ.

Cuối cùng, chúng đem họ ra giết.

Suốt cái tháng ghê gớm đó, bà Matriôna Têrenchiepna đã sống như trong một cơn mê sảng nặng nề. Những tin đồn rằng ngày nào bọn thầy cãi phát-xít cũng đến nhà giam thành phố của bọn Ghextapô để thuyết phục Đrujinin, Valentin và Xviatôxlap làm đơn xin ân xả, và hứa hẹn trả lại tính mệnh và tự do cho họ, bằng cách này hay cách khác đã lan khắp thành phố và đến tai anh em du kích dưới hầm. Bà Matriôna Têrenchiepna không ăn không ngủ, và nếu có chập chờn được phút nào còn nặng nề hơn cả thực tại, thì dường như linh hồn con gái, con bé Valentin của bà, thâm nhập vào bà, và bà khao khát sống đến điên cuồng, say đắm, nhưng đồng thời bà lại cảm thấy cuộc sống đó vô nghĩa, không thể sống nổi, nên bà lại lịm đi. Nhưng ngay trong cơn lịm đó, một ảo ảnh kỳ dị vẫn theo đuổi bà, một ảo ảnh rất đáng sợ vì tính chất như thật của bao nhiêu chi tiết: bà là Valentin, bà đang bước trên lớp bóng cây như một tấm ren đen, nó từ mặt đường leo lên chân, lên đầu gối, lên ngực bà, lướt lên khuôn mặt lạnh toát như pha-lê của bà; bà ngậm giữa đôi môi khô khốc một cành dạ hợp trắng con; cành dạ hợp rơi xuống, bà không giữ nó lại được; bà thấy điên cuồng khao khát sống, nhưng cái cảm giác không thể sống nổi cuộc sống ấy lại đốt cháy lòng bà, như những cục than hồng mà có lẽ bà đã nuốt phải; và cành dạ hợp rơi tuột xuống ngực bà, đóa hoa xinh xinh thơm ngát của cuộc sống mà người ta không thể giữ lại được...

Pêchya ngủ và mơ thấy mình đang lội nước đến đầu gối, một thứ nước ghê tởm đến buồn nôn mặc dầu rất trong. Làn nước lặng tờ đó gây buồn nôn vì có những con cá to bơi, trông giống như cá chép, nhưng nhẵn hơn và nhờn hơn. Chúng có cái màu nhợt nhạt của thân thể người ta. Chúng có hai chân trước giống nòng nọc và nom như mù, đúng hơn là không có mắt. Chủng bò rất chậm trên lớp đá ở lòng nước, đờ đẫn, rất dễ bắt. Có thể bắt

chúng ra khỏi nước, và chúng cứ đờ ra, như chết rồi. Chúng gây một cảm giác buồn nôn ngấm vào từng thớ óc. Đôi lúc, chúng kêu chít chít mặc dầu chúng đã chết rồi; hơn nữa tiếng chít chít ấy như tự nó tồn tại, không liên quan gì đến chúng cả. Tiếng chít chít ấy như có chân, bay trong không khí, chợt lướt nhẹ vào mặt Pêchya như một sợi mạng nhện dài và khô. Hàng trăm con vật nhỏ vô hình lướt qua gần chú cùng với tiếng chít chít ấy, làm chú rùng mình kinh hãi khó tả.

Và Pêchya mơ thấy mình đã tỉnh dậy, đã giật mình ngồi nhổm lên ở trên giường. Những sinh vật vô hình vẫn tiếp tục chít chít và ngọ nguậy trên các vách đá, chạy lung tung trên giường, xông vào chú và cù cù vào đầu chú. Chú hiểu đó là chuột. Có thể tưởng như cả hang đầy những chuột. Chú kêu lên, nhưng cũng như mọi người kêu trong khi ngủ, chú không nghe tiếng mình kêu. Nhưng ngay lúc đó, chú nghe tiếng Valentin nói trong bóng tối, và điều đó chú thấy không có gì lạ cả. “Mẹ ơi! Dậy đi, mẹ! — Valentin kêu lên đâu đó, gần lắm — Dậy đi, mẹ! Dậy mà xem kìa!“ Trong một góc có ánh lửa đỏ quạch của một cái bật lửa. Pêchya trông thấy mấy con chuột đang chạy trên tường. Chúng hiện ra nhanh quá đến nỗi chú hầu như chẳng trông thấy chúng nữa, mà chỉ thoảng thấy những cái đuôi thon thon và thẳng đang rẽ biến mất.

Hai bóng người, Valentin và Matriôna Têrenchiepna, cầm đuốc chạy trong đường hầm sâu hút.

Pêchya, nhẹ nhàng và rất nhanh, nhanh hơn trong thực tế, không cảm thấy chân mình chạm đất, chạy theo hay đúng hơn bay theo hai người, và bỗng có cảm giác mình giẫm phải một con chuột to, nó kêu chí lên một tiếng và biến vào bóng tối. Dưới chân chú, bốn bề chuột chạy tán loạn. Những cái đuôi chuột lướt nhanh trên vách như có ai cầm bút chì than vót nhọn vẽ loang loáng đây đó, những nét bút vừa vẽ đã biến mất ngay.

Bên cái hang, chỗ bố trí bếp và kê cái chạn, bà Matriôna Têrenchiepna đứng, trùm chiếc khăn san len rất đen chưa thấy bà trùm bao giờ, tay cầm một cây đuốc giơ lên. Cây đuốc đảo dữ

quá đến nỗi ngọn lửa nhỏ của nó chỉ chực tắt. Và cày đuốc lại mang hình một quả cầu nhỏ. Valentin đứng nép vào bà Matriôna Têrenchiepna, cả cô cũng trùm khăn len đen, và Pêchya thấy cô run bần bật từ đầu đến chân, mặc dầu nét mặt cô lặng ngắt và đôi mắt mở không có một chút thần nào.

Pêchya nhìn vào bên trong hang và thấy một cảnh không thể ngờ được, ghê tởm quá, vượt mọi sức tưởng tượng. Hàng trăm hàng nghìn con chuột lúc nhúc trong hang. Chúng chạy khắp đầu vách cuối vách, bò qua các vòm đá, phủ xuống nền hang một lớp lầy nhầy xám xịt và di động. Hòm, bao, hộp, tất cả đầy dẫy những chuột đến mức tuyệt không còn trông thấy gì dưới những chùm xám xịt những con vật lúc nhúc vừa ngã, vừa bò kia. Tiếng chí chóe đinh tai nhức óc ấy và cái cảnh nhốn nháo đáng buồn nôn ấy làm Pêchya phát điên lên được và một mùi hôi thối của rác rưởi, nồng nặc làm mụ mẫm cả người, thấm vào óc chú như một thứ thuốc độc.

Những mảnh giấy báo và mùn cưa chuột gặm, những mẩu bao tải chất đống lẫn lộn với những cục cứt chuột nhỏ xíu. Và Valentin vẫn nhìn thẳng trước mặt, đăm đăm và thản nhiên, với đôi mắt nhìn mà không trông thấy gì, tay túm lấy váy, hai chân giẫm bét những con chuột và hét bằng một giọng nghe đến rợn tóc gáy: "Đánh chúng nó đi chứ! Diệt chúng nó đi chứ! Các đồng chí còn nhìn gì, tôi không hiểu!" và những giọt nước mắt lăn trên khuôn mặt lạnh như đá của cô. Pêchya hãi hùng quá, cắm đầu chạy trong đường hầm, nhưng giờ đây không phải một đường hầm nữa, mà là cái hành lang quen thuộc của nhà trường chú, vắng ngắt, kỳ dị, âm vang, với các lớp học đóng kín trong đó đương âm thầm diễn ra một chuyện gì không tốt lành và rất nguy hiểm. Pêchya chạy, bước xuống và leo lên những cầu thang gác nhà trường, lạc trên các tầng gác, không tìm thấy lối ra nữa và lại rơi vào cái hành lang vắng ngắt; bây giờ chú không chạy nữa, mà bay, lướt qua trước những lớp học đóng kín trong đó đang diễn ra một chuyện gì kinh khủng, không tốt lành; chú cảm thấy sau lưng chú, các cánh cửa lớp lần lượt hé ra, lén lút có một sức mạnh đen tối, tàn nhẫn nào đó đang theo sát gót chú,

lặng lẽ; luôn luôn đâu đó, phía đằng kia, vang lên tiếng kêu thất thanh, lo sợ của Matriôna Têrenchiepna và có những cánh tay dài sờ vào vai chú, nếu chú quay lại, chú sẽ bị nguy ngay.

Chú giãy giụa tuyệt vọng, toàn thân vùng lên để thoát khỏi cơn mê, cố xé toang giấc ngủ và tỉnh dậy, mồ hôi đầm đìa.

Trong "góc đỏ" le lói một ánh đèn; trong đường hầm, những bóng người cử động; có những tiếng người nói nhỏ và trong đó, nổi lên rất rõ tiếng thì thào nức nở của Matriôna Têrenchiepna bỗng dưng chuyển thành một tiếng thét xé ruột xé gan. Trong bóng tối va đầu vào mỏm đá, Pêchya chạy vội đến "góc đỏ" và thấy Matriôna Têrenchiepna đang phủ phục, ngực áp xuống bàn đá, hai khuỷu tay gập lại, giật giật, y như bà định bò trốn vậy. Bà khóc, toàn bộ tấm thân nhỏ nhắn khô đét run lẩy bẩy. Liđya Ivanôpna, mặc chiếc áo bông đen đang đứng cúi xuống bên bà, nắm chặt hai cánh tay bà, nói nhanh và âu yếm một câu gì, trên khuôn mặt sưng húp chan hòa những giọt nước mắt lanh dưới ánh đèn bão.

Bác Xiniskin Jêleznư, râu tóc bờm xờm, chân đi ủng dạ, hết đi ngang lại đi dọc trong hang, quay phắt lại và mỗi lần như thế lại cúi xuống để khỏi va đầu vào trần đá. Secnôivanenkô vẫn ngồi trước bàn, ở chỗ quen thuộc của ông, bẻ gãy chiếc bút chì cầm trong tay, và nhìn đăm đăm trước mặt qua đôi mắt kính, không nhúc nhích. Piôt Vaxiliêvich đứng tựa vào cái tủ sắt, mặt đanh lại, gân guốc, như tạc bằng đá; ông đứng im như tượng, chỉ có mấy ngón tay lần nhanh trên chiếc dây đeo chéo trước ngực.

Qua lớp sương mù che phủ mắt mình, Pêchya còn thoáng thấy nhiều khuôn mặt nữa: Raitxa Lvôpna, Xtrenbixki, Liôna Ximban, và tất cả những khuôn mặt ấy đều thẫn thờ, đanh lại và gân guốc như tạc bằng đá, hệt như mặt bố chú vậy.

Các chiến sĩ của đơn vị Đrujinin lần lượt cúi bước qua cửa, tiến vào "góc đỏ", và lẳng lặng dừng lại dọc tường. Dưới ánh đèn dầu, súng ống của họ ánh lên mờ ảo.

53

Pêchya rón rén đến bên bố, toàn thân run lẩy bẩy. Chú không còn sức để nói lên một tiếng nào nữa. Chú chỉ còn biết nhìn vào mắt bố, để dò hỏi. Không nhìn con, Piôt Vaxiliêvich lim dim mắt và khẽ hất hàm. Pêchya hiểu ngay. Bố chú hất hàm chỉ cho chú tờ báo đặt trước mặt Secnôivanenkô, dưới cái đèn. Pêchya tiến lên và, rùng mình một cái, đưa mắt nhìn lướt tờ báo. Chú thấy một đoạn đóng khung bằng bút chì đỏ, và cái đề mục:"*Tại tòa án quân sự Ôđetxa*". Bên dưới, vài chữ nữa nhỏ li ti, không đọc nổi, ở giữa mấy chữ in đậm:"*đã kết án*" rồi ba chữ chọc vào tim như một phát súng: "*Đrujinln, Pêrêpêlitxkaia, Macsenkô*". Và bên dưới những chữ đó còn có nhiều chữ nữa, những chữ không thể tin được, không thể có được, không thể vớt lại được:"*Bản án đã được thi hành*".

"*Trung úy Batsây báo cáo Chấm Sáng hôm qua đại úy Đrujinin nữ báo vụ viên giúp việc Valentin Pêrêpêlitxkaia và chiến sĩ Hồng quân đoàn viên Kômxômôn Xviattôxlap Macsenkô đã hy sinh anh dũng trước mũi súng quân xâm lược đê hèn Chấm Chúng hứa cho họ sống và tự do nếu họ ký giấy xin ân xá Chấm Suốt một tháng bọn thầy cãi phát-xit từ Bucaret đến đã thuyết phục họ ký giấy xin nhà vua ân xá nhưng vô hiệu quả Chấm Đáp lại mọi lời thuyết phục và hứa hẹn của chúng ba người yêu nước xô-viết đều chỉ nói một điều Hai chấm Chúng tao người xô-viết sống trên đất nước xô-viết chúng tao chỉ thừa nhận chính quyền xô-viết và không bao giờ xin kẻ thù ân xá Chấm Lời đối đáp quật cường của những người bôn-sê-vích yêu nước đã lập tức đến tai nhân dân thành phố bất khuất đã dấy lên một làn sóng yêu nước đã củng cố lòng tin vào thắng lợi mau chóng của công cuộc kháng chiến chống phát-xít vào việc quân xâm lược sắp phải đền tội và bị tống cổ hoàn toàn ra khỏi biên giới đất nước xô-viết thần thánh Chấm Tên tuổi Đrujinin*

đã trở thành một ngọn cờ Chấm Phong trào du kích nội ngoại thành phát triển rộng càng ngày càng có nhiều người tham gia chiến đấu bí mật Chấm Đi đôi với thắng lợi quyết định của Hồng quân ở mặt trận Orlôp Kuôcxk nhận thấy trong hàng ngũ ngụy quyền Rumani hoang mang cực độ tư tưởng thất bại phổ biến rộng rãi Chấm Đồng thời càng ngày càng có nhiều lính Rumani đào ngũ một số trong bọn tìm cách liên lạc với anh em du kích và chạy sang xin tham gia chiến đấu chống phát-xít Chấm Tuyên truyền Đức tìm mọi cách che giấu thắng lợi của Hồng quân nhưng tin tức thất bại thảm hại của phát-xít Đức vẫn lọt vào thành phố Chấm có nhiều trường hợp bọn buôn tiền bọn tư bản công nghiệp và bọn kiếm chác lợi nhuận khác vội vã rời Ôđetxa về Rumani và Đức Chấm Chuột đang bỏ chạy khỏi chiếc tàu đang đắm Chấm Giá chợ đen của đồng mác tụt hẳn xuống ở chợ đã thấy bắt đầu thông dụng tiền xô-viết Chấm Bản mật mã và danh sách nhân viên của Đrujinin vẫn lưu ở chỗ cũ Chấm "Chờ lệnh".

Hôm sau, vào giờ quy định, họ nhận được bức công điện sau đây của Mạc-tư-khoa:

"*Gửi đại úy Batsây Chấm Chúng tôi đau xót nhận được tin về cái chết anh hùng của người chiến sĩ xô-viết yêu nước dũng cảm Đrujinin cùng các bạn chiến đấu quang vinh đã hy sinh không sờn cho chính quyền xô-viết cho sự nghiệp vĩ đại của Lênin Chấm Đồng chí được cử lên thay Đrujinin cho tới khi có lệnh mới. Chấm Về tin tức cần báo cáo về những cuộc chuyển quân sau lưng địch về hướng chuyển quân phiên hiệu các trung đoàn sư đoàn tinh thần binh lính Đức tên tuổi những bọn chỉ huy càng nhiều càng tốt cách bố trí các mục tiêu quân sự nhất là các trận địa cao xạ pháo Chấm Liên lạc vô tuyến điện với chúng tôi vẫn theo giờ cũ Chấm Chúng tôi ra lệnh cho đơn vị Đrujinin chuyển sang dưới quyền chỉ huy của Tulyakôp chuẩn bị để khi cần thì di chuyển sang khu rừng Gôlôvaniêvô nhập với các đội du kích đang hoạt động ở đấy để cùng tổ chức những cuộc đánh phá ồ ạt các đường giao thông địch ở khu Vinitxa - Tiraxpôn Chấm Đồng chí hãy nhân danh bộ tham mưu du kích Ukren*

chuyển cho Secnôivanenkô lệnh kiểm tra tình hình chuẩn bị chiến đấu của tất cả những người bôn-sê-vích trong Đảng cũng như ngoài Đảng đã ghi tên ở khu ủy Chấm Đồng chí ấy cần đặc biệt chú ý công tác vận động binh lính Rumani muốn rời hàng ngũ gia nhập du kích Chấm Cần phải tạo nên một bầu không khí tin cậy hữu ái và đoàn kết cách mạng Cần phát động những người lao động Rumani chống lại bọn lãnh chúa phát-xít và nếu cần thì tiếp nhận họ xuống hầm mộ Chấm Đang chờ đợi những thắng lợi mới của Hồng quân và những bước rút lui mới của quân phát-xít Đức Chấm Hãy đưa những tin gây hoảng loạn trong hàng ngũ địch Chấm Chuẩn bị sẵn sàng chuyển sang những hình thức đấu tranh mới trong điều kiện Hồng quân tổng tấn công và giải phóng Ukren khỏi bàn tay bọn xâm lược phát-xít Đức Chấm Chuyển từ phá hoại sang bảo vệ các cơ sở công nghiệp trước nhất là bảo vệ bằng bất cứ giá nào bến tàu Ôđetxa và sửa sang lại để sử dụng Chấm Gia đình đồng chí đã được đưa đi tản cư ở Ufa Chấm Gần đây chị và các cháu đã trở về Mạc-tư-khoa nhà cửa của đồng chí còn nguyên tiền nong cho họ sẽ được giải quyết thuận lợi theo đồng chí đề nghị Chấm cả nhà đều khỏe Chấm Qua việc đề bạt đồng chí lên cấp đại úy chúng tôi muốn biểu thị lòng cám ơn đồng chí đã tích cực công tác chúc đồng chí thắng lợi và chờ đợi những tin tức quý báu của đồng chí mật mã vẫn dùng bản cũ liên lạc với Secnôivanenkô từ nay sẽ qua đồng chí".

Bản công điện này Pêchya thay Valentin tiếp nhận. Cũng như đa số những chú bé trạc tuổi chú, có khiếu về kỹ thuật, chú đã học vần Morxơ rất nhanh.

Tiện đây xin nói là không thể gọi Pêchya là chú bé được nữa. Năm nay chú đã mười lăm tuổi. Đó là một thiếu niên cao lớn, hơi gù, tóc dài hất ngược một cách chải chuốt. Giọng chú đã vỡ, bắt đầu thay đổi và nhiều lần chú đã gọi bố là "bố" chứ không phải "bố yêu" nữa.

Pêchya ngồi nhận bức công điện, nghiêng mình trên chiếc va-li mây nhỏ của trung sĩ Vetxêlôpxki, ở mặt trong cái nắp, ngoài

mẩu báo Sự thật vàng khè in bài "Đợi anh về", giờ đây còn dán thêm tấm ảnh nhỏ của Valentin mà bà Matriôna Tênenchiepna đã tìm thấy trong đống tư trang của cô và tặng lại cho Pêchya: một bức ảnh vuông vuông đã bạc với một nếp gấp trắng ở phía dưới. Và trong khi Pêchya tiếp nhận bức công điện của Mạc-tư-khoa, như từ trong sương mù hiện ra, khuôn mặt trắng bệch của cô gái nhìn chú, với cái đuôi sam nhợt nhạt, đôi mắt trong suốt với hai hạt nhỏ rắn rỏi, đôi đồng tử, mà ngay trong ảnh cũng xanh trong như màu nho tươi.

54

Bảy tháng đã qua. Trong thời gian đó nhiều biến đổi đã xảy ra dưới hầm mộ Uxatôvô. Xiniskin Jêleznư đã chết. Xêrafim Ivanôvich Tulyakôp đã đưa đơn vị tới rừng Gôlôvaniêvô bắt liên lạc với Hồng quân lúc này đã chuyển sang phản công.

Xiniskin Jêleznư đã chết đột ngột. Mùa thu 1943, lần thứ hai bác bị cơn sưng huyết phổi, nhưng không ốm lâu, và mọi người đều ngạc nhiên thấy bác lại bình phục ngay. Thực ra bác có yếu đi nhiều, đứng không vững, động đi là thở dốc và phải vịn vào vách. Nhưng bác kiên nghị lạ lùng và luôn luôn cảm thấy tinh thần bốc lên mãnh liệt, như trong một trạng thái bồn chồn phấn chấn. Tâm trạng đó mạnh hẳn lên đặc biệt sau khi quân Đức thất bại ở khu vực Orlôp — Kuôcxk và sau khi Hồng quân giải phóng Oren. Giờ thì đã rõ ràng quân Đức sẽ thua và thắng lợi cuối cùng chỉ còn là vấn đề lâu chóng mà thôi. Việc tống cổ quân thù ra khỏi biên giới Liên-xô đã bắt đầu.

Do tình trạng sức khỏe, Xinixkin Jêleznư không thể trực tiếp tham gia những hoạt động quân sự của du kích Uxatôvô. Nhưng

không một phút nào bác ngồi rỗi. Bác tham gia tích cực vào việc nghiên cứu các kế hoạch tác chiến, đóng góp ý kiến, viết nhật ký tác chiến trong đó bác ghi tỷ mỷ và đầy đủ mọi quyết nghị của khu ủy và các báo cáo thực hiện, bác nhận những bản tin của Thông tấn xã Liên-xô, thảo truyền đơn, loanh quanh suốt ngày bên cái tủ tài liệu, xếp dọn những hồ sơ tài liệu cá nhân, những bản danh sách nhân viên, kiểm tra tài chính và viết những bản báo cáo nhỏ về chi tiêu mua thực phẩm và đạn dược.

Chính trong những ngày cuối cùng của đời bác, bác đã đặc biệt chú ý lập danh sách những lính Rumani nhảy sang hàng ngũ quân du kích. Bác đã nảy ra ý kiến nên bắt đầu tổ chức những đơn vị chiến đấu du kích Rumani để đến giai đoạn quyết định, Hồng quân Liên-xô tấn công, họ có thể đánh thọc vào sau lưng bọn phát-xít.

Nhiều lúc bác phải cố gắng lắm để mò tới cái hang xa xa, nơi đặt đài thu thanh của đồng chí Đrujinin quá cố; bác ngồi xổm xuống trước chiếc va-li mây nhỏ, lắp ống nghe vào tai và vặn đài Mạc-tư-khoa, cố nghe cho được những tràng đại bác hàng ngày chào mừng những trận chiến thắng. Nghe những tràng đại bác đó đối với bác đã trở thành nhu cầu bức thiết. Trong bác đã phát sinh một trực giác đặt biệt, cái tài kỳ lạ để linh cảm trước những tràng đại bác đó, dường như bác đoán được trước. Bỗng dưng bác cảm thấy bồn chồn nóng ruột. Và cái bồn chồn đó ít khi sai. "Sắp có đại bác bắn chào đây", bác nói và vội vã lắp ống nghe, tìm đài Mạc-tư-khoa.

Mắt nhắm và đôi môi xám ngoét hơi mỉm cười, bác lắng nghe câu mở đầu của đài Mạc-tư-khoa nhắc đi nhắc lại kéo dài đến sõt ruột "Sưrôkci, xtrana maia rôtnaia..."[12]. Mỗi nốt nhạc reo lên nhè nhẹ như một quả cầu thủy tinh nhỏ, và những quả cầu thủy tinh nho nhỏ rắn chắc ấy nối tiếp nhau lăn đi, như nảy trên những bậc thềm đá hoa cương. Tiếp đến giọng người nói trước máy, đọc bản nhật lệnh với một nhiệt tình kín đáo, một say sưa rắn rỏi; và lát sau, vang lên tiếng nổ rền của những tràng đại bác, từ xa lắm, mãi hàng nghìn cây số, bên trên cung điện

Kremlanh tối sầm, làm không trung rung chuyển mãi những âm vang của một chiến thắng mới.

Khuôn mặt thiếu máu lặng ngắt của Xiniskin đỏ dần từng mảng sẫm, trán bác toát mồ hôi hột, bác bỏ ống nghe ra khỏi tai và cảm thấy lòng tràn trề hy vọng, như một người bệnh vừa được thở ô-xy; bác vội vã quay trở về "góc đỏ", tay run rẩy vịn vào vách đá đường hầm. Nếu dọc đường gặp ai bác dừng lại, túm lấy vai người đó bằng những ngón tay run run nhưng vẫn còn khỏe, đứng lặng một lát, hít mạnh, dồn sức lại, rồi với một nụ cười hạnh phúc khắc khổ làm rạng lên thật đẹp khuôn mặt già nua hốc hác nhưng rực hồng nhờ ánh lửa tù mù của cái bật lửa to tướng do tay bác làm lấy. Bác nói: "Kupianxk!", hoặc "Xtarư Oxkôn!", hoặc "Pôntaya!", hay là "Khackôp!", rồi cúi rạp hẳn xuống, hấp tấp về "góc đỏ" để mau mau đánh dấu trên bản đồ vùng được giải phóng.

Giờ đây, tấm bản đồ Liên-xô đã đầy vô số những vòng tròn và chi chít những mũi tên đen quanh co như từ Mạc-tư-khoa bay tỏa về hướng Tây, đâm thọc vào những phòng tuyến các đội quân phát-xít. Những vùng giải phóng bao la, gạch chéo những nét than to, từ tất cả các mặt tiến sâu qua chiến tuyến, tạo thành những bán đảo, những vịnh ngày ngày thay đổi hình dạng trông thật sợ và nhích mãi về phía tây, không gì cưỡng lại được.

55

Chính ở chân tấm bản đồ ấy một hôm người ta đã thấy Xiniskin Jêleznư. Bác nằm sóng soài trên một bãi máu đột ngột ộc từ trong miệng ra, mặt úp xuống đất, bàn tay xương xẩu trắng bệch còn cầm một mẩu than nhỏ giơ ra. Đôi mắt mở trừng

trừng của bác đen sầm lại rất ghê sợ trên khuôn mặt đẹp và nhợt nhạt, và đôi môi tím bầm dưới hàng ria thưa vẫn nở một nụ cười kiêu hãnh.

Và chẳng bao lâu sau, Xêrafim Ivanôvich Tulyakôp ra đi, lên rừng Gôlôvaniêvô. Anh phái đơn vị của mình đi trước, chia thành từng tốp nhỏ, rồi đến lượt chính bản thân anh lên đường.

Secnôivanenkô đã tiễn chân anh đến quãng ngã ba đường. Đêm đó, một đêm tuyết tan, gió buốt thổi nhẹ. Một vành trăng sắc lạnh như đá treo trên thảo nguyên. Một vì sao lơ lửng trên nền trời đen tối, khoảng giữa vành trăng và chân trời, rung rinh và lấp lánh như một giọt lệ. Thảo nguyên vẫn thầm lặng như còn mùa đông chó sủa đâu đó trong làng, nhưng người ta đã cảm thấy xuân sang trong mùi hương lành lạnh của nước và của tuyết tan.

— Thôi nhá, Xêrafim Ivanôvich, anh cứ hoạt động mạnh lên — Secnôivanenkô dừng lại, nói.

— Tôi sẽ hoạt động mạnh — Tulyakôp đáp.

— Mong rằng ta sẽ sớm gặp lại nhau.

— Ừ, bây giờ thì không lâu nữa đâu.

Họ im lặng. Secnôivanenkô cười.

— Như anh bạn Liônya rất đáng kính của chúng ta thường nói, thằng Hitle đã bỏ chợ ra về rồi — Secnôivanenkô giỏng tai nghe — và còn cắm cổ ra về là khác.

Bên phía đường sắt nghe có tiếng tàu chạy: một đoàn tàu xinh xịch đâu gần lắm, vẻ như đã sắp đến cảng Ôđetxa. Có tiếng một đoàn khác nghe không rõ, đâu đó phía sau, tận chân trời.

Đôi lúc gió thoảng lại những tiếng còi văng vẳng của những đầu máy đang dồn toa. Cao trên bầu trời trăng sáng, máy bay bay qua, không ai trông thấy, và chẳng hiểu đó là máy bay vận tải Đức đang chuyển căn cứ từ đông sang tây hay máy bay phóng pháo ban đêm của ta đang bay đi ném bom hậu tuyến

của quân Đức.

Secnôivanenkô và Tulyakôp lắng nghe những tiếng động muôn vẻ đó, và nhìn nhau mỉm cười.

— Phải, bây giờ thi chả lâu nữa đâu — Tulyakôp nhắc lại.

— Vậy thì, hoạt động mạnh lên.

Họ bắt tay nhau một lần nữa, nhưng vẫn không ai nhúc nhích một bước. Họ chẳng muốn rời nhau tý nào. Họ thừa biết chia tay nhau lần này sẽ không lâu, nhưng họ cũng biết chỉ gặp lại nhau trong những điều kiện khác hẳn sau khi giải phóng thành phố.

Đây là giây phút cuối cùng của đoạn đời họ được cùng sống với nhau dưới đất. Hai năm ba tháng. Thế là ít hay nhiều? Đôi lúc, họ thấy như đã sống dưới đất lâu lắm. Nhưng giờ đây, lúc chia tay, cả hai đều nhớ đến cái ngày, cái buổi sáng cuối cùng khi rời khu ủy, họ đã dừng lại ở phố Duyên hải, gần khẩu đại bác, và đứng hồi lâu nhìn ra cảng, nơi các đơn vị quân đội xô-viết đang xuống tàu rút khỏi thành phố. Họ bỗng nhớ lại tất cả những ý nghĩ, những tình cảm của họ hồi ấy; họ nhớ lại mặt bể buồn thảm và vừng mặt trời đỏ xạm nhô lên chốc lát giữa mặt bể và mây, và cái phố sáng chói lạ lùng rải rác lá ngô đồng vàng úa; họ nhớ đã xem đồng hồ và vặn chậm giờ lại, bụng thầm gửi về lời từ biệt thành phố quê hương. Tất cả những chuyện ấy sao xa xôi thế, đồng thời sao lại gần gũi thế, như mới xảy ra hôm qua thôi.

Xêrafim Ivanôvich Tulyakôp bỏ mũ ra và ôm lấy Secnôivanenkô, nhìn chằm chằm vào khuôn mặt ông trong giây phút tạm biệt. Dưới ánh trăng khuya, trông nó tai tái, xanh nhợt, già đi nhiều. Bụi đá dưới hầm két vào những vết nhăn dưới mắt làm cho khuôn mặt có cái ánh mai mái, nhưng đôi mắt vẫn long lanh, trẻ trung, sôi nổi.

Tulyakôp và Secnôivanenkô ôm hôn nhau.

— Xêrafim Ivanôvich ạ, tôi ghen với anh đấy — Secnôivanenkô nói — Mình thật chưa ghen với ai bao giờ.

Ông thở thật dài, có thể nói là vui vẻ, và nắm lấy Tulyakôp trong hai bàn tay nhỏ rắn chắc, lắc qua lắc lại như sắp đánh vật với anh.

— Thì chính tôi cũng ghen với tôi—Tulyakôp nói một cách chất phác.

Trên thảo nguyên, nhiều lần ánh đèn pin lóe lên.

— Anh em ra hiệu gọi tôi đấy. Đi thôi.

Tulyakôp sửa lại chiếc thắt lưng dưới tấm áo bông ngắn, đội mũ và bắt tay Secnôivanenkô một lần chót.

— Bao giờ bắt liên lạc được với anh em nhảy dù của đồng chí Vaxili, anh nhớ cho liên lạc đến chỗ tôi ngay. Tôi nóng ruột chờ nhận tin tức, lệnh và các thứ khác... — Secnôivanenkô nói giọng tươi cười.

— Rõ — Tulyakôp nghiêm chỉnh đáp, và cái bóng đen đen của anh bắt đầu xa dần đi về phía có ánh đèn pin nhấp nháy, tan dần trong ánh trăng rồi biến mất.

Secnôivanenkô đứng theo dõi anh một lát, rồi nháy đèn báo hiệu cho tốp bảo vệ biết là mình trở lại, và lững thững quay về cửa hầm, nơi Xviriđôp đang ngồi trên mấy hòn đá chờ và kín đáo giấu thuốc vào cánh tay áo hút.

56

Trước khi đến "góc đỏ", Secnôivanenkô dạo qua một lượt cái dinh cơ ngầm dưới đất của mình, chiếu đèn soi vào những hang đá trống không mà mới đây các phân đội của Tulyakôp và Đrujinin còn đóng. Trên những tấm giường đá còn một chiếc cà-

men lính, ám khói, với một ít cặn canh, và cũng còn vứt lay lắt mấy chiếc mặt nạ phòng độc cũ kỹ, một cái đèn đêm vỡ, một chiếc thìa gỗ gặm vẹt, những vết tích của một cuộc sống còn mới mẻ. Nhưng tất cả những vật ấy đều đã phủ một lớp bụi và Secnôivanenkô cảm thấy sâu sắc đặc biệt là thực ra thời gian trôi nhanh như thế nào và trong những ngày vừa qua tình hình đã biến đổi lớn như thế nào: "Phải, từ bây giờ thì nhanh thôi", ông nghĩ bụng như vậy.

Trên tường, bọc trong chiếc túi xám, lủng lẳng cây đàn măng-đô-lin của Tarax Xêrêđa bỏ lại. Secnôivanenkô nhớ lại đêm tất niên đầu tiên dưới hầm mộ, ông nhớ đến Valentin, đến Xviatôxlap, đến Xecgây Xecgâyêvich, đến Xiniskin, đến trung sĩ Vetxêlôpxki, đến Đrujinin... Ông mường tượng thấy họ rõ rệt từng nét đang cử động, đang nói... Và đây có lẽ lần đầu tiên ông cảm thấy đau xót quá trước cái tổn thất không gì vớt lại được, đối với những con người cao quý, kiên cường đã ra đi mãi mãi, những người lẽ ra còn có thể sống lâu biết bao và huy hoàng biết bao, đến nỗi ông ngồi xuống tấm giường đá và khóc.

Ông ngồi khóc một mình, trong bóng tối, nước mắt cứ tuôn trào xuống má, và ông cũng chẳng lau. Ông khóc, và mường tượng thấy cảnh đêm trăng, thảo nguyên, bóng đen những chiến sĩ du kích của Tulyakôp đang thận trọng nối gót nhau đi trên tuyết tiến về phương bắc, tiến mãi về phương bắc, tới rừng Gôlôvaniêvô, bắt liên lạc với các đơn vị tiền vệ của Hồng quân. Và rất cao trên nền trời trăng sáng, những chiếc máy bay không ai trông thấy bay ầm ì, bên dưới máy bay những cánh dù mở ra, gió đêm nhè nhẹ thổi chúng lơ lửng trên thảo nguyên lấp lánh ánh lân tinh, rồi cái nọ tiếp cái kia, chúng hạ xuống nhịp nhàng, chạm đất, nẩy lên, căng phồng thành những vòm trong suốt, xẹp xuống, và khắp các ngả những bóng đen các chiến sĩ nhảy dù xô-viết chạy trong ánh trăng, về phía khu rừng trên có chiếc pháo sáng do Xêrafim Ivanôvich Tulyakôp bắn đang rung rinh như một ngôi sao xanh nhỏ.

Đầu tháng ba 1944, Piôt Vaxiliêvich gửi lên Mạc-tư-khoa bức

điện sau đây:

"Đại úy Batsây báo cáo Thi hành lệnh của trung tâm du kích do các đồng chí truyền đạt đã tiến hành sát nhập các phân đội du kích với các đội hành động các khu của thành phố thành một phân đội thống nhất dưới quyền chỉ huy của đồng chí Vaxili đội trưởng đội quân nhảy dù Mặt trận thứ tư Ukren Chấm Sát thành phố đã tìm thấy những cửa cũ sập nát của hầm mộ Krivaia Banka ở đó hiện nay có bộ chỉ huy phân đội thông nhất của đồng chí Vaxili đóng. Sau khi được căn cứ tiếp tế súng đạn đã bắt đầu có hàng nghìn nhân dân cũng kéo xuống hầm với các đơn vị chiến đấu để tránh phát-xít khủng bố cướp phá và hành hạ Chấm Hầm mộ Krivaia Banka là một nơi trú rất tốt Chấm Số dân xuống hầm mộ ngày càng tăng Chấm Đang tiến hành mở rộng diện tích dưới đất của hầm mộ và sửa sang để có thể tiếp đón được nhân dân khu công nhân thuộc các khu phố Pêrexip Xlôbôtka Vôrôsilôpxki và cả những lính Rumani và Tiệp chạy sang hàng ngũ ta Chấm Tình hình trong thành phố rất căng thẳng bọn Đức đã gạt bọn Rumani ra khỏi chính quyền và trực tiếp nắm lấy quyền hành Chấm Chúng cố đưa sang Đức tất cả những người dân nào có sức lao động và chuẩn bị tiêu diệt về thể xác tất cả những người còn lại Chấm Trong hàng chục bản kêu gọi bọn chính quyền chiếm đóng tuyên bố Ôđetxa ở xa mặt trận và kêu gọi không nên tin vào những lời đồn đại Chấm Truyền đơn của chúng tôi xuất hiện rất nhiều trên các tường báo tin những thất bại của giặc Đức và ngay giải phóng Ôđetxa sắp tới Chấm Hồng quân sắp về câu ấy vang lên khắp nơi như một ám hiệu Chấm Các bản tin của Thông tấn xã Liên-xô xuất hiện hàng ngày đều đặn như một tờ báo Chấm Bọn chính quyền chiếm đóng rất hoang mang Chấm Tên chỉ huy Đức ở Ôđetxa vừa công bố một bản mệnh lệnh do hắn ký tôi xin nêu ra hai điểm nguyên văn như sau Chấm Gần đây những vụ thường dân tấn công vào những người thuộc quân đội Đức và đồng minh đã tăng lên do đó cấm mọi người dân thường rời khỏi nơi cư trú các cửa sổ đều phải đóng cửa lớn cũng vậy nhưng không được khóa Chấm Kẻ nào vi phạm lệnh này ra phố hoặc ló đầu ra cửa sổ hoặc

đứng ở cửa lớn sẽ bị bắn không cần cảnh cáo Chấm Nhưng tên chỉ huy quân sự Ôđetxa dĩ nhiên không hình dung được những người mà hắn gọi là thường dân Ôđetxa Chấm Những người bôn- sê-vich trong Đảng và ngoài Đảng hoạt động bí mật những du kích chiến đấu vì nhân dân đang quật cho quân thù những đòn bất ngờ từ tứ phía Chấm Lúc đầu mới vài chục hiện nay hàng trăm mai đây hàng nghìn và hàng vạn tất cả mọi người xô-viết đều chiến đấu ở sau lưng địch Chấm Ở thành phố đã bắt đầu tình trạng hoang mang dao động rất nhiều đơn vị hậu vệ của quân Đức đã tháo chạy Chấm Bộ tư lệnh tập đoàn quân "Nam" từ phía đông đã đến đóng tại khách sạn Lữ Hành ở ngã tư phố Bibat và Prêôbrajenxkaia do đó một đoạn phố Prêôbrajenxkaia bị ngăn lại Chấm Đi lại phải rẽ lối khác vòng qua quảng trường Nhà thờ lớn Chấm Tôi vẫn ở dưới hầm mộ Uxatôvô như trước Chấm Secnôivanenkô yêu cầu chỉ thị đồng chí ấy phải ở lại Uxatôvô hay di chuyển căn cứ đến hầm mộ Krivaia Banka gần thành phố hơn Chấm Tôi đợi lệnh của đồng chí vào giờ thường lệ và mật mã thường lệ Chấm Kính chào — đại úy Batsây"

Ngay hôm sau có điện trả lời:

"Tình hình hiện nay như sau Chấm Các quân đoàn ở Mặt trận thứ ba Ukren tiếp tục tấn công sau những đợt xung phong dữ dội của bộ binh và của những đơn vị kỵ binh cơ giới đã chiếm toàn bộ thành phố và đầu mối lớn đường sắt Razơđenaia là điểm tựa xung yếu của lực lượng phòng thủ Đức trên đường đi Ôđetxa do đó cắt đứt những đường rút lui chủ yếu về Rumani của các lực lượng địch đóng trong thành phố ngoài ra còn chiến đấu ác liệt chiếm được hơn một trăm địa điểm khác trong số đó có những quận lỵ thuộc vùng Ôđetxa Ianôpka Antônô Kôđinsêvô những trung tâm dân cư lớn Pecvômaixki Packanxi Xtraxbua Bađen Rôxtôpxêvô Baranôvô Buxinôvô Irakliepka Liubôpôn Vizniêcka Xisôpka Xtariê Bêliari và những ga xe lửa Migaiêvô Kusuôcgan Kubanka Chấm Cuộc tấn công tiếp tục thắng lợi Chấm Đường xe lửa Ôđetxa Tiraxpôn bị bộ đội ta cắt đứt do đó nghẽn hết những đường rút lui chủ yếu về Rumani của các lực lượng địch ở Ôđetxa Chấm Cám ơn tin tức qúy báu

về địa điểm tập đoàn quân "Nam" Chấm Chuyển cho Secnôivanenkô lệnh của trung tâm cứ ở lại chỗ cũ cùng với bộ chỉ huy tiếp tục giữ tuyệt đối bí mật và không cho người lạ vào hầm mộ Chấm Phải đặc biệt chú ý bảo vệ những giấy tờ những danh sách nhân viên của Đrujinin những tài liệu Đảng những địa chỉ của những người đã được Khu ủy vào sổ những tài liệu kế toán những thủ tục những nghị quyết những mệnh lệnh Chấm Nhiệm vụ chiến đấu là bằng mọi cách ngăn cản quân địch khi rút lui phá hủy các công sở học viện nhà ga nhà ở nhà máy xưởng máy và đặc biệt các công trình kiến trúc của cảng Chấm Có tin tình báo đích xác là hai đại đội công binh đã xuất hiện ở cảng chúng đã bắt đầu chuẩn bị để phá hoại Chấm Các đồng chí phải cứu lấy cảng Chấm Gửi lời chào".

Bức điện trả lời của Mạc-tư-khoa đã được dịch từ mật mã, khi Piôt Vaxiliêvich và Pêchya đến "góc đỏ" thì Secnôivanenkô và Xtrenhixki đang ngồi ở bàn, nghiên cứu một tờ giấy nhầu nát trên có một bức phác họa nguệch ngoạc bằng bút chì y như của một chú bé.

Một ông già lạ mặt đứng cạnh, mặc chiếc áo lông cừu rách, đang dò dò ngón tay đen trên mầu giấy.

— Này các bạn! — Piôt Vaxiliêvich vui vẻ nói to. — Xin khen ngợi các bạn.

— Chú Gayrick, đồng chí Xtrenbixki, Razodenaia Đường sắt Ôđetxa - Tiraxpôn bị cắt đứt rồi! Các ga Migaiêvô, Kusuôcgan, Kubanka! Mười bốn trung tâm dân cư quan trọng. Giỏi hết sức! Các đồng chí không thấy thế sao? Thật tuyệt diệu! Không phải tranh cãi gì cả! — Chú bé đang mồ hôi mồ kê nhễ nhại lao ngay đến tấm bản đồ vùng Ôđetxa, lôi mạnh một mẩu than trong túi ra, đến nỗi lần lót bị kéo lộn ra ngoài, rồi chú say sưa khoanh tròn những thành phố và làng mạc đã được giải phóng, nhắc lại bằng một giọng nghiêm nghị, cái giọng đang vỡ của thanh niên với những tiếng trầm khàn khàn:

— Ianôpka, Xisôpka, Razođenaia, Irakliepka...

Mẩu than gẫy vụn trong những ngón tay lên gân của chú, một lớp bụi đen rắc lên tấm bản đồ. Bây giờ thì hầu hết vùng Ôđetxa đã bị bao phủ bằng một hệ thống chi chít những vòng tròn đen nhẫy, những chấm và những mũi tên. Pêchya phải cố gắng lắm mới kịp thời dừng lại được và mới không gạch liền một mạch cả cái khoảng trắng nhỏ chung quanh thành phố. Chao ôi, giá chú làm được việc đó thì sung sướng biết bao và thế là vĩnh viễn thanh toán với những lực lượng Đức bị nhốt vào rọ! Nhưng chú không còn là Pêchya trước đây nữa. Chú đã biết tự chủ. Chú khoanh cái vòng cuối cùng, vạch rõ chiến tuyến, làm mẩu than gẫy vụn hoàn toàn rồi chú quẳng xuống đất.

Chú bé đứng thẳng trước tấm bản đồ, cái mũi nhọ nhem và đôi mắt long lanh đầy kiêu hãnh, một chân kéo về phía sau, chú nhìn Secnôivanenkô như chính bản thân chú, bằng hai bàn tay của mình, đã tống cổ cái phần còn lại của tập đoàn quân phát-xít ra khỏi Ôđetxa.

— Thế có tuyệt diệu không?

Secnôivanenkô đeo kính vào, và lo lắng đọc bức điện mà Piôt Vaxiliêvich vừa trao cho. Càng đọc, mặt ông càng sa sầm lại. Ông lặng lẽ trao bức điện cho Xtrenbixki; anh đưa mắt đọc nhanh và cũng với vẻ lo lắng như vậy, nét mặt anh sa sầm lại. Họ đưa mắt nhìn nhau. Rồi Secnôivanenkô quay về phía ông già lạ mặt mặc áo lông cừu rách đang có vẻ sốt ruột theo dõi từng cử chỉ của họ với đôi mắt xanh, hồn nhiên như mắt trẻ con.

— Tin ấy đã được xác nhận! — Secnôivanenkô vừa nói vừa trở lòng bàn tay đập lên bức điện. — Hai đại đội công binh.

— Đúng thế — Ông già mặc áo lông nhận xét. — Tôi cũng đã báo cáo như vậy.

— Tình hình là như vậy đấy — Xtrenbixki nói. — Hồng quân đang tiến nhanh... Tôi sợ cái bọn công binh khốn nạn ấy phá hoại tất cả cảng trước khi chúng ta chặn tay bọn chúng lại.

— Thật giản đơn — Ông già vừa nhận xét vừa giậm chân có vẻ sốt ruột. — Vấn đề là ở chỗ đó. Mấy ngày gần đây, chúng nó

hoàn toàn mất trí. Chúng như hóa dại cả. Nếu chúng ta không chặn tay bọn chúng thì tất cả cảng sẽ thành tro bụi, không phải chuyện đùa đâu... — Ông già cúi xuống mẩu giấy và một lần nữa lại đưa ngón tay trên bản vẽ. — Các đồng chí nhìn thử: đây là bến dầu, đây là đường kè thứ nhất, ở giữa, dọc theo toàn bộ các đường kè đều có đào những hào sâu từ ba đến bốn tấc. Có đúng thế không? Và cứ cách mười mét, chúng lại đào những hố sâu một thước rưỡi. Có đúng thế không? Đấy, tôi đã vẽ tất cả cho các đồng chí. Bây giờ, mời các đồng chí nhìn xa hơn. Trong đường hào chúng đã đặt hai sợi dây, đầu dây xuất phát từ các hố. Trong mỗi hố, có ba thùng thuốc nổ nặng bảy mươi nhăm ki-lô. Cũng ra gì đấy chứ? Giờ các đồng chí đợi một tí nhé... Chưa hết đâu. Mời các đồng chí nhìn xa hơn nữa. Những sợi dây ấy tạo thành một đường liên tục dọc tất cả các kè. Đường dây ấy đây, và những cái hố ấy đây. Tôi đã vẽ được tất cả và còn đánh số nữa. Các đồng chí thấy thế nào? Các hào đã được đổ đầy cát và phủ đá hộc lên một cách thích đáng. Có đúng thế không? Bây giờ ta hãy nhìn xa hơn nữa. Trong các kho, cứ mười, mười lăm mét lại có hai, ba quả bom máy bay xếp song song với nhau kề bên những thùng thuốc nổ nặng một tạ rưỡi! Trong những ngôi nhà nhiều tầng, một số lượng tương tự thuốc nổ đã được xếp theo kiểu bàn cờ ở mỗi tầng. Và tất cả những quả bom máy bay và thùng thuốc nổ đó cũng đều được nối với nhau bởi một đường dây liên tục. Nào, các đồng chí hãy nhìn cái đường dây ấy, nó đây này, còn về cái khoản thuốc nổ thì tôi không ghi vào đây vì nó nhiều quá. Trên hệ thông dây đó, chúng đã bố trí lính gác...

— Khoan đã, Iakôplep — Xtrenbixki ngắt lời.— Xin lỗi. Chúng đặt trung tâm điều khiển vụ nổ ở đâu?

— Trung tâm điều khiển ở chỗ này. — Iakôplep trước hết đưa ngón tay trên con đường ngoằn ngoèo như cái vòi của dải đê Bốn mươi, lướt qua dải đê Vịnh Biển, rồi dừng ngón tay lại gần ngọn đèn pha ở điểm cuối cùng có khoanh tròn. — Chúng đặt bảng điều khiển ở chỗ này. Đây là đầu mối sợi dây bọc sắt của tất cả các khu vực có mìn. Việc làm nổ tung hải cảng đã được chuẩn bị đầy đủ, chỉ còn cho chập dây nữa là xong.

Trong khi bác Iakôplep báo cáo tình hình, thỉnh thoảng lại đưa cánh tay áo lông lên lau bộ mặt đẫm mồ hôi, tất cả những người rỗi việc đều lần lượt kéo đến "góc đỏ". Nhưng bây giờ họ mới thưa thớt làm sao; Liđya Ivanôpna, Xriviđôp, Kôletnisuc và Liônya Ximban. Còn Matriôna Têrenchiepna và Raitxa Lvôpna đã lên mặt đất hôm qua để dán bản kêu gọi phụ nữ, chưa trở về. Mọi người yên lặng đứng trước cái bàn đá, mệt mỏi, không nhúc nhích.

Mới cách đây một năm, nửa năm thôi, người nào cũng sẵn sàng hy sinh tính mạng không ngần ngại để giật nổ toàn bộ hải cảng với tất cả những thiết bị, cần trục, kè, tàu vận tải Rumani và Đức, lính tráng, kho, đạn, đơn vị hậu bị, những đống bom máy bay và mìn, hàng ngàn tấn lúa mì Liên-xô bị cướp đoạt sắp sửa chở về Đức.

Nhưng hôm nay, khi Hồng quân đang ào ạt tiến về, khi thành phố nay mai sẽ được giải phóng, thì chỉ nghĩ đến điều đó thôi, họ cũng thấy choáng người.

Họ đứng im lìm ngắm mẩu giấy nhầu nát, trên có bản phác họa màu tím khu vực hải cảng, chính cái hải cảng với tất cả vẻ vĩ đại oai nghiêm của nó đã từng là ánh huy hoàng và niềm kiêu hãnh của Hắc-hải. Thế mà chính cái hải cảng ấy có thể thình lình nổ tung không biết giây phút nào, với tất cả những gì chứa đựng, trên mặt nước cũng như dưới mặt nước, ở suốt mặt trước các đường kè, từ bến Dầu đến tận dải đê Bốn mươi. Chỉ cần một thằng S.S. nhãi nhép hóa rồ nào đó liều lĩnh hạ cầu dao trên bảng điều khiển đặt ở đầu dải đê Vịnh Biển là tất cả bật tung lên trời... Cái cảnh tượng hãi hùng đó hiện ra rõ ràng, không tránh được trước mắt họ.

— Thật là khủng khiếp — Batsây thì thào.

Trên mặt Secnôivanenkô hiện lên những nét nhăn đau khổ; ông xua tay bỏ kính ra và xoa xoa gốc mũi. Rồi ông đứng dậy, đầu cúi gằm đi đi lại lại theo mép bàn.

— Vậy thế này nhé... — Ông dừng lại và tập trung tư tưởng

một lúc. — Platôn Ivanôvich!

— Xin đợi lệnh! — Xtrenbixki đứng dây nói.

— Chúng ta chỉ có được vài ngày hoặc có thể chỉ vài giờ thôi. Chúng ta lại ít người quá. Trong công tác này, tôi chỉ có thể cho đồng chí nhiều nhất là một người thôi, đó là đồng chí Xriviđôp.

— Còn tôi? — Ximban hỏi.

— Đồng chí cần phải ở lại bảo vệ cơ quan chỉ huy.

— Đồng chí Gayrin Xêmiônôvich — Liônya rên rỉ — Thật là đồng chí giết tôi! Có gi đáng kể đâu! Cứ cử mình tôi đi thôi. Đồng chí sẽ không phải ân hận gì đâu! Một chiếc sà-lan. Năm ki-lô thuốc nổ. Chỉ trong vòng một giờ là tôi đến dải đê Vịnh Biển. Đêm đen, gió thuận. Và thế là cái bảng điều khiển của chúng chỉ còn là một vết ẩm mà thôi.

Liônya Ximban đã nằm lấy cổ áo va-rơ của mình và, theo kiểu lâu đời của dân Hắc-hải, sắp sửa xốc cổ áo thật mạnh, đến nỗi cúc bật cả ra, nhưng không nhìn Secnôivanenkô, anh lại ngoan ngoãn hạ tay xuống đứng nghiêm.

— Tôi không có thì giờ nghe những chuyện vớ vẩn! — Secnôivanenkô xẵng giọng. Đồng chí hãy giữ thái độ cho đứng đắn và phải chấp hành mệnh lệnh. — Rõ! — Liônya lắp bắp và nhún vai trộm một cái.

Xưa nay, anh chưa bao giờ thấy Secnôivanenkô có nét mặt như vậy. Nghiêm khắc, quả quyết, tập trung, chứa đầy một vẻ bồn chồn bực dọc, một ý chí kín đáo không thể lay chuyển được, thế mà nét mặt của ông lại thật trẻ trung. Giọng ông vang lên, khô khan, dồn dập.

— Đồng chí Xtrenbixki, vậy đồng chí hãy lấy Iakôplep và Xriviđôp, và bắt tay hành động đi. Các đồng chí chỉ có một nhiệm vụ: tìm cho ra những đoạn dây đặt trong các đường hào và cắt đi. Các đồng chí phải ngụy trang cho khéo những chỗ đã cắt. Hãy bắt liên lạc với người của ta ở khu vực cảng và lãnh đạo họ. Các đồng chí tranh thủ đi ngay thôi. Các đồng chí hãy vạch

kế hoạch tại chỗ tùy theo tình hình. Ở nhà Opsarenkô phố Pisônôpxkaia, có mấy bộ quân phục Đức đấy. Nếu cần thì lấy mà dùng. Hành động cho khôn ngoan nhưng khẩn trương. Các đồng chí hiểu chứ,khẩn trương — Ông nhấn mạnh tiếng "khẩn trương", rồi vừa mím môi, ông vừa tiếp tục đi đi lại lại dọc theo mép bàn. Ông dừng lại. Im lặng một lát. — Nhiệm vụ này do Đảng giao phó, phải hoàn thành bằng bất kỳ giá nào, dù phải hy sinh tính mạng. Các đồng chí có thể chết, nhưng phải thành công... Còn đồng chí, đồng chí Liđya Ivanôpna, tôi yêu cầu đồng chí lập tức đến ngay hầm ngầm Krivaia Banka và liên hệ với đồng chí Vaxili. Hãy báo cáo cho đồng chí ấy biết tình hình ngoài cảng, và nhân danh tôi, yêu cầu đồng chí ấy, điều càng nhanh càng hay một nhóm đồng chí chắc chắn đi cắt dây. Chắc đồng chí Vaxili cũng đã được biết tin rồi: đồng chí ấy có điện đài riêng. Nhưng dù sao cũng cứ báo cáo cho đồng chí ấy biết. Người của đồng chí ấy cần bắt liên lạc với đồng chí Xtrenbixki qua Iakôplep làm trung gian, ở kho số sáu. Thôi đi đi, đồng chí Liđya Ivanôpna! Tôi nhắc lại: đồng chí chỉ có một nhiệm vụ: bằng đủ mọi cách ngăn cản việc phá hoại cảng. Chủ yếu là ngụy trang kỹ những nơi dây bị cắt, cố hành động không chạm đến bọn lính Đức canh gác để khỏi gây ra một chút nghi ngờ nào. Trừ trường hợp cực kỳ gay go mới phải thủ tiêu lính gác thôi. Và nhớ kỹ đây là việc cứu lấy cảng Ôđetxa.

Secnôivanenkô chưa nói hết lời, Xtrenbixki, Xriviđôp và Liđya Ivanôpna đã bắt đầu mặc quần áo. Họ tiến hành khẩn trương và lặng lẽ, họ nhét vào túi kìm cắt, kìm bấm, kìm bẻ.

57

Trong khi đó, Matriôna Têrenchiepna và Raitxa Lvôpna đi

khắp làng Uxatôvô phân phát và dán bản kêu gọi phụ nữ, động viên họ giúp đỡ Hồng quân và du kích thanh toán quân thù. Không phải là những tờ truyền đơn viết tay hoặc đánh máy ra nhiều bản bằng giấy than. Những bản kêu gọi lần này đều in trong nhà in mà đồng chí Vaxili đã tổ chức ở cái xí nghiệp ngầm rộng mênh mông trong hầm mộ Krivaia Banka. Người của đồng chí ấy đã gửi một số bản in cho đồng chí Secnôivanenkô để cho đem đi dán.

Matriôna Têrenchiepna và Raitxa Lvôpna đã đảm nhiệm công việc này. Secnôivanenkô đã định giữ họ lại để tránh cho họ nỗi nguy hiểm. Nhưng họ cứ nằn nì mãi. Ông đã từng nghiêm cấm họ không được lên mặt đất. Nhưng lần này thì oai phong, quyền lực đều không có tác dụng gì cả. Cả hai người đều ra bằng cái cửa gọi là "cửa thảo nguyên" và trong một đêm, họ đã dán được hơn một trăm tờ kêu gọi sau đây:

"*Hỡi chị em phụ nữ Ôđetxa! Các bạn hãy tỏ ra xứng đáng là những người con gái trung thành của Tổ quốc vĩ đại, các bạn hãy nhớ rằng cha, chồng, con, anh em các bạn không nề hy sinh và đang tiến về để giải phóng các bạn, để đánh đuổi lũ phát-xít chó má, và để tiếp tục sống với các bạn một cuộc sống yên ổn thanh bình. Đừng quên họ, hãy xứng đáng với cha, chồng của các bạn. Hãy giúp họ tiêu diệt bọn quái vật phát-xít. Hãy trả thù cho dòng máu Nga mà họ đã đổ ra! Hãy trả thù cho bà con thân thiết của các bạn!*"

MatriônaTêrenchiepna, già đi nhiều, tóc gần bạc trắng, tấm khăn choàng của bà già sụp xuống tận cặp mắt sáng quắc vì cơn sốt, đã đi suốt đêm khắp các phố của khu Uxatôvô, nơi mà một tháng trước quân đội Rumani đã bỏ đi. Chỉ còn lại mấy tên cảnh vệ và bọn sen đầm thuộc đội lê dương.

Bà chẳng sợ hãi gì cả. Những bản kêu gọi khổ nhỏ, màu xám in vội thô sơ đang nằm trong tay bà là những quả lựu đạn mà, bằng bàn tay run lên và căm giận, bà ném qua những bức tường đá thấp vào những cái sân chất đầy những xe cộ Rumani, những bếp ăn dã chiến bị phá hoại, những hòm đạn được bị bỏ lại...

Những bản kêu gọi ấy mãnh liệt và nguy hiểm hơn cả thuốc nổ vì mỗi lời mỗi chữ chứa đựng sức phá hoại ghê gớm của lòng căm giận của nhân dân.

Không chút sợ hãi, Matriôna Têrenchiepna bước vào những ngôi nhà không quen biết, bà đứng ở khung cửa, như một bóng ma che nửa mặt bằng chiếc khăn choàng, bà nói, hay đúng hơn là thét lên:

— Bà con ta ơi! Phụ nữ xô-viết ta ơi! Các chị em và các cháu thân mến! Tại sao hãy còn ngủ thế? Dậy thôi chứ! Bọn phát-xít chó má đang hấp hối. Hãy kết liễu đời chúng nó đi... Chị em hãy đọc lời kêu gọi này và truyền đi khắp nơi. Chị em thân mến! Hãy trả thù cho Tổ quốc thiêng liêng, hãy trả thù cho con cái chúng ta bị hành hạ.

Và nước mắt chảy theo những nếp nhăn sâu trên khuôn mặt đen xạm, héo hon của bà rồi rơi xuống đất. Những giọt nước mắt đáng sợ, u uất và nặng như chì.

Ngọn lửa đuốc bập bùng dưới những vòm thấp. Những giọt nhựa nóng bỏng rơi xuống mũ bọn lính xông vào hầm mộ. Quân Đức! Secnôivanenkô và Kôletnisuc lúc ấy đang ở trong hành lang, hầu như không nghe thấy gì, nhưng căn cứ vào một chấn động khác thường của lòng đất họ cũng đoán được có một vụ nổ rất mạnh, xảy ra không xa chỗ họ lắm. Không khí im lìm và bị nén rung lên, đập vào tai họ. Một luồng gió từ cửa "Dím" ào tới làm rung rinh đèn.

Lập tức họ biết quân Đức vừa phá nổ cửa "Con Dím" và đã xông vào hầm mộ. Đó là một khả năng họ đã tính trước. Khoảng giữa cửa "Con Dím" và cơ quan chỉ huy, ở chỗ hẹp nhất và thấp nhất của con đường ngầm, họ đã đặt hai quả mìn rất mạnh có ngòi nổ tự động. Chỉ cần giật một sợi dây nhỏ giấu khéo sau những tảng đá và phủ đất bụi là những vòm hầm yếu ớt sụp xuống và lấp kín hàng chục thước đường ngầm lại ngay. Nhưng những quả mìn ấy đặt từ lâu: một năm rưỡi. Liệu có còn công hiệu không? Sợi dây có thể gỉ, ngòi nổ có thể bị ẩm, tóm lại chất

nổ có thể chẳng còn tác dụng gì nữa.

Secnôivanenkô và Kôletnisuc lao vào đường ngầm để xem xét, và sửa lại mìn phòng khi cần đến. Nhưng bọn Đức có thể cho công binh đi trước. Trong trường hợp này phải nấp ở chỗ hẹp nhất và trong bóng tối bắn ra, tiêu diệt từng tên một. Nhưng mọi chuyện đã xảy ra quá đột ngột khiến họ thấy mình quá chậm chạp. Cách chỗ chôn mìn không xa, có ánh đuốc đỏ thẫm, có những cái mũ lóe lên, và những tràng tiểu liên khàn khàn bắn hú họa trong bóng tối. Những viên đạn vun vút như chuột nhắt, kéo những vệt dài trên tường và làm đá vôi rơi lả tả.

Họ tắt đèn.

— Nằm xuống! — Secnôivanenkô ra lệnh, ông ngồi sau một chỗ lồi của đường hầm, còn Kôletnisuc thì nấp sau một tảng đá to vừa mới rơi xuống. —

— Jôra, đứng vội — Secnôivanenkô vừa nói vừa đeo kính — Bắn thật chắc vào. Chúng mình sẽ bắn từng tràng luân phiên nhau, người nọ tiếp người kia.

Kôletnisuc cho đạn lên nòng, nghe rắc một tiếng. Ông có một khẩu súng trường, Secnôivanenkô có một khẩu súng Nagan. Họ chỉ có ít đạn thôi. Kôletnisuc chỉ có hai băng đạn dự trữ, Secnôivanenkô chỉ có mười viên, không kể bảy viên trong băng tròn.

— Nào, bây giờ ta bắt đầu!

Secnôivanenkô nâng khẩu Nagan đặt lên cánh tay co, rồi, không chút vội vã nhằm một con chó đang trườn dưới đất. Con chó lăn ra chết. Sau đó một bóng đen khom khom xuất hiện, đầu đội chiếc mũ sâu, gần như bò rạp người, trên quãng hầm chật hẹp. Đến lượt Kôletnisuc bắn, cái bóng đen gục xuống con chó, cây đuốc văng đi. Lại đến lượt Secnôivanenkô bắn, ông hạ cái bóng đen thứ hai ngã lộn cả người lẫn mũ xuống, một cái bóng đen thứ ba xuất hiện.

— Kìa Jôra — Secnôivanenkô nghiến răng nói.

Kôletnisuc bắn, viên đạn trúng đầu gối tên Đức. Một tiếng kêu tuyệt vọng rống lên. Bốn xác. Ba người và một chó sóng sượt trên mặt đất, vít lối đi lại. Những ngọn đuốc vẫn cháy, những giọt nhựa và tàn lửa bắn tung tóe. Chất nhựa bốc lửa, cháy bén vào quần áo của những thằng chết, tạo nên một cảnh tượng ghê rợn trên lối đi hẹp. Bọn Đức bắt đầu lùi lại. Nhưng đằng sau, một tiếng quát giận dữ nổi lên:

— Voi warts![13]. Bọn Đức lôi các xác chết sang một bên và lấy giày ủng cố đạp những ngọn đuốc đi, chúng lại xông lên phía trước. Làn khói đặc sệt của chất nhựa hòa với khói thuốc súng, tạo lên trong làn không khí ngột ngạt một đám mây mù nặng trĩu lơ lửng trong đường hầm.

—Feuer! — vẫn cái giọng giận dữ ấy quát lên.

Tiểu liên nổ rào rào. Những viên đạn bay vun vút trong bóng tối của lối đi hẹp, khiến mảnh đá vụn phủ đầy cả lên người Secnôivanenkô và Kôletnisuc. Lại có những ngọn đuốc khác, những cái mũ khác và những thân hình lom khom khác xuất hiện.

—Zum Teufel! Vonvarts! Thằng Nga, hàng đi!

— Còn lâu! — Secnôivanenkô vừa nói vừa thỏ bằng mũi. — Bắn đi!

Kôletnisuc bắn một phát vào những ngọn lửa đuốc đang bốc khói nghi ngút trên mặt đất, vào cái đống lính chồng chất lên nhau trong lối đi. Lúc ấy, không biết ai đã giật sợi dây, thế là mấy quả mìn thức dậy. Các bức tường chuyển động, không khí rung lên, các vòm trần từ từ up xuống đè bẹp gí bọn Đức với tất cả khối nặng của nó.

Một cảnh đen tối hoàn toàn im lặng chết chóc chiếm lĩnh căn hầm. Chỉ còn nghe tiếng đất sụt xuống rào rào và những mảng tường trượt theo thành hầm.

Kôletnisuc và Secnôivanenkô bị đất phủ kín đến nửa người, choáng váng vì tiếng nổ, họ lặng im một lúc lâu trong bóng đêm

đen của hầm mộ.

— Secnôivanenkô, anh ở đâu thế? — Cuối cùng cái giọng khàn khàn của Kôletnisuc cất lên.

— Đây — Secnôivanenkô trả lời cũng giọng ấy.

— Còn sống chứ?

— Cho đến bây giờ thì vẫn sống. Thế anh?

— Mình đang tắm nắng đây — Kôletnisuc nói sau một lúc im lặng, ông vừa thở hổn hển vừa khạc một mồm bụi ra.

— Có đèn đấy không?

— Có.

— Vỡ rồi chứ?

— Có lẽ không vỡ.

— Châm lên.

— Tôi không có diêm. Thế anh?

— Mình có bật lửa.

— Bật lên thôi!

Secnôivanenkô hổn hển nhoai ra khỏi đám đất sụt, bật lửa lên. Đó là cái bật lửa quý hóa mà ông nhận được từ tay Xiniskin Jêleznư. Trước khi chết ít lâu, Xiniskin đã tự tay làm chiếc bật lửa này, trong lúc bác không cử động gì được nữa và buộc phải nằm suốt ngày đêm trên tấm phản đá. Hai bàn tay to lớn và đen của bác không thể nào để yên được. Chúng đã biến cái vỏ đạn đồng của một khẩu tiểu cao thành một cái bật lửa lớn chứa được ba trăm gam ét-xăng, có thể dùng làm đèn nữa, tuy thô sơ nhưng rất cần thiết trong hầm mộ.

Secnôivanenkô bật lửa lên và nhìn chung quanh, qua ngọn lửa đầy khói của chiếc bật lửa. Từ phía bọn Đức tấn công vào đường hầm được một bức tường kín chắn lại do nóc hầm đổ ụp xuống tạo nên. Trước đó có một lối vào, những bây giờ chỉ là

một con đường tắc nghẽn. Không một dấu vết của con người, đất đã nuốt chửng cả tiểu đoàn Đức cùng với lũ chó, với những ngọn đuốc, những chiếc mũ và những khẩu tiểu liên. Bất thình lình Secnôivanenkô nhìn lên và lui lại, một tảng đá lủng lẳng ngay trên đầu. Nó trườn từ từ, rõ ràng sắp sửa ụp xuống. Họ vừa né ra là tảng đá rạn ngay và rơi đúng chỗ họ đứng. Đất chung quanh họ rên rỉ ầm ì và một đám bụi khô tràn ngập con đường hầm.

— A ha! Chơi được đây! — Kôletnisuc nói.

Luồng gió ập đến làm tắt lửa, Secnôivanenkô lại bật lửa và cẩn thận nhìn lên. Nhưng cái vòm thấp của đường hầm tì vững trên những bức tường đá vôi. Họ ở vào thế rất an toàn. Tất cả đã xảy ra nhanh đến nỗi lúc đó Kôletnisuc và Secnôivanenkô mới chỉ bắt đầu phán đoán tình hình thôi. Secnôivanenkô đã đánh mất kính trong lúc hầm sụt. Ông cố tìm nhưng chỉ thấy cái gọng gẫy và không còn mắt kính, ông mân mê cái gọng rồi tiếc rẻ nhét vào túi. Ông lấy tay áo chùi đôi mắt đỏ ngầu rồi bất chợt mỉm cười có vẻ nghịch ngợm, nháy mắt như một chú bé với Kôletnisuc.

— Thế nào, Jôra, vừa ý chứ?

— Cái cảnh tượng này đặc sắc đấy — Kôletnisuc vừa nói vừa giũ những cục đất và những mảnh đá vôi ra khỏi cổ áo.

— Đặc sắc, và nhất là có ý nghĩa — Secnôivanenkô trả lời. Đất xô-viết biết cách xử sự đối với bọn xâm lược lắm!

Họ quay về cơ quan chỉ huy được nửa đường thì thình lình trông thấy Pêchya chạy lại phía họ. Pêchya vung vẩy cây đèn nhiều lần, ấp một chiếc khăn lên mặt và hét to, giọng ngạt thở:

— Hơi độc!

— Hơi độc ở đâu?

— Chúng nó thả hơi độc! Trong lúc bất ngờ, thả khí phôxgien xuống cái giếng ở Uxatôvô. Bố cháu nhận ra. Bố cháu bảo là khí phôxgien. Các bác đeo mặt nạ vào đi! ở cơ quan chỉ huy, Batsây

và Ximban, đeo mặt nạ, tay xách đòn và những hòm thuốc nổ, định đi đến cái giếng mà quân Đức đã thả hơi độc xuống. Ở đó, may sao, đường hầm rất sâu, mà khí phôxgien lại nặng bằng nước nên chưa lan tràn vào các hành lang và "góc đỏ". Nhưng khi giếng đầy thì khí phôxgien sẽ tràn vào các đường hầm và sẽ giết chết tất cả mọi sinh vật; những mặt nạ phòng độc từ lâu chưa được kiểm tra sẽ không có tác dụng gì.

Piôt Vaxiliêvich đã từng biết những trận tấn công bằng hơi ngạt trong trận đại chiến trước nên hiểu rõ mối nguy hiểm hơn những người khác. Bằng bất kỳ giá nào cùng phải chặn hơi ngạt không cho vào trong hầm mộ. Chỉ còn một cách duy nhất là làm nổ tung cái giếng và lấp kín nó đi. Piôt Vaxiliêvich đeo mặt nạ ra đi cùng với Ximban để phá giếng. Họ đã mang theo số thuốc nổ còn lại. Cả đội thế là hết thuốc nổ. Đó là số dự trữ cuối cùng của họ.

Đầu tiên, hai người không khám phá ra chút vết tích gì của hơi độc trong hành lang. Nhưng khi họ định tháo mặt nạ ra để thở thoải mái hơn thì Batsây ngửi thấy ngay cái mùi rau thối, tuy rất nhẹ nhưng dễ nhận. Cái mùi mà ông phân biệt được ngay giữa hàng nghìn mùi khác sực lên. Một mùi tỏi khủng khiếp choáng váng đầu óc và buồn nôn.

Batsây và Liônya suýt mửa. Họ lại đeo mặt nạ vào. Dưới chân có cái gì trăng trắng đang chảy, như sữa đổ, ngập đến mắt cá chân. Đó chính là khí phôxgien đã ngập đầy giếng và đang từ từ tràn vào các hành lang.

Họ phải hành động gấp. Họ thở khó khăn trong mặt nạ. Hơi thở khò khè. Mồ hôi nhễ nhại trên đầu, dưới lần cao su sít sao và nóng rực. Chẳng mấy chốc cái khối trắng bầy nhầy như sữa ấy lên đến đầu gối họ. Phía trước mặt, dưới ánh đèn bão yếu ớt, họ nhìn thấy một bức tường, mây mù rung rinh.

Cái mùi kinh khủng của khí phôxgien càng ngửi thấy rõ qua cả lần mặt nạ. Mỗi lúc một khó thở hơn. Cơn ho xé ngực, thái dương đập mạnh. Ximban dừng lại và ôm đầu như muốn giật

cái mặt nạ ra. Piôt Vaxiliêvich kịp thời giữ được tay anh. Họ lại tiến lên, đi vào trong màn sương mù độc hại đang vây bọc họ. Cuối cùng họ đến được giếng và hết sức khẩn trương đặt mìn, nối mìn vào một sợi dây. Họ lùi lại đằng sau một quãng bằng chiều dài sợi dây, nằm xuống mặt đất nhiễm độc và giật mìn. Những tảng đất lấp đầy giếng. Hơi độc ngừng chảy, Nhưng trong đường hầm vẫn còn hơi độc.

Theo ánh sáng của một cái đèn bấm nhỏ, họ vất vả lắm mới ra khỏi khoảng nhiễm độc và trở về cơ quan chỉ huy. Về đến nơi, họ giật mặt nạ ra, nằm vật xuống đất, hai tay dang ra, kiệt sức. Mặt họ đầy một lớp mồ hôi nhơm nhớp và giá ngắt. Một cơn ho làm kiệt sức xé phổi họ. Mắt họ viền một lớp quầng xanh. Từ đôi môi đen xạm sùi ra một lớp dãi màu hồng.

Những chiếc mặt nạ cũ kỹ, từ lâu chưa được kiểm tra, không bảo vệ được họ hoàn toàn, chống lại khí phôxgien chui vào đường hô hấp, nhưng dù sao cũng đã cứu sống họ. Dần dần hai người hồi lại, thở hít ngốn ngấu cái không khí vẩn đục của hầm ngầm mà lúc này dường như trong lành hơn cả khí ôxy nguyên chất.

Pêchya ngồi sẵn trước mặt bố, lau trán cho bố bằng một mảnh vải ẩm. Chú kinh hãi nhìn bộ mặt kiệt sức, gần như hóa đá của bố.

— Bố ơi, bố ơi — Chú lắp bắp, mắt nhòa lệ, chú lay đôi vai của Piôt Vaxiliêvich. — Bố ơi, đừng... Bố ơi, bố làm sao thế? Bố thở đi nào... — Chú tưởng bố chú sắp chết.

Secnôivanenkô tìm được chai rượu và bắt họ uống một phần tư cốc. Họ tỉnh lại và Batsây phải cố gượng lắm mới đứng dậy được.

— Ổn rồi — Ông vừa nói vừa mỉm cười yếu ớt. Liônya Ximban mở mắt ra nhưng không ngồi dậy, anh nhìn Secnôivanenkô với vẻ mặt cực kỳ đau đớn, nhưng Secnôivanenkô nhận thấy trong đôi mắt của anh những ánh nghịch ngợm.

— Dậy đi thôi — Ông nói rất thản nhiên — Cậu không được

thêm nữa đâu.

— Tôi không sao dậy được — Ximban trả lời thảm hại — Cho tôi uống thêm cái thuốc vừa rồi đi. Thuốc quý thật.

Secnôivanenkô giơ ngón tay nghiêm khắc dọa anh rồi suy nghĩ một chút, lại cho anh uống thêm một phần tư cốc nữa,

— Thuốc thế là đủ. Phòng bào chế đóng cửa để sửa chữa — Ông vừa làu bàu vừa nút chai lại.

Liônya vừa uống vừa thở hổn hển rồi đứng dậy.

— Nào, bây giờ ta lại bắt tay vào việc! — Anh nói.

58

Kôletnisuc được phân công đi thăm dò lối ra thảo nguyên. Một giờ rưỡi sau trở về, ông báo cáo lối ra ấy đã bị lấp đá và đổ bê-tông kín mít. Rõ ràng là bọn Đức đã làm như vậy ở tất cả các cửa ra vào hoặc các kẽ hở. Secnôivanenkô thấy mình hoàn toàn bị nhốt, mà chỉ còn rất ít lương thực và không có một tí nước nào.

Thỉnh thoảng ông nghe thấy những tiếng ầm ì từ trên vọng xuống như có người dùng một quả đấm sắt nện xuống đất. Đôi lúc những tiếng kêu ấy mạnh đến nỗi đất rung lên. Bọn Đức hoàn toàn phát cuồng, đang pháo kích mặt đất trên những hầm mộ Uxatôvô để vít các hành lang lại và tiêu diệt tất cả những người trong lòng đất.

Nhiều chỗ, đường ngầm sâu đến bốn mươi mét nhưng tuyết mới tan ít lâu nên đất sũng nước và có nguy cơ lở sụp.

Trong một phút điểm qua toàn bộ tình hình, Secnôivanenkô

chọn lấy cái quyết định duy nhất là rời bỏ lập tức trụ sở bộ chỉ huy, nơi ông và các đồng chí đã ở trên hai năm, phải dùng những đường hầm chưa hề đặt chân tới để đi đến một nơi an toàn hơn, phải tìm những con đường mới thông lên mặt đất, phải bắt liên lạc với đơn vị thống nhất của đồng chí Vaxili ở Krivaia Banka. Dù Secnôivanenkô có tiếc mấy khi phải rời bỏ cái vị trí cũ đã quen thuộc, và dù có nguy hiểm mấy khi phải tiến hành một cuộc thám hiểm trong lòng đất với quá ít dự trữ về ét-xăng, lương thực và vũ khí, nhưng đó vẫn là lối thoát duy nhất của tình huống. Thậm chí không phải một lối thoát nữa. Chẳng qua chỉ là một dự định mơ hồ để tìm ra một lối thoát. Việc chuẩn bị được hoàn thành nhanh gọn.

Ét-xăng và lương thực được chia thành từng phần đều nhau, người nào lấy phần của người ấy. Làm như vậy để đề phòng có người trong bọn bị rớt lại và bị lạc, điều rất có thể xảy ra do nhiều vụ đất vòm hầm bị lở sập, Secnôivanenkô quấn quanh ngực một chiếc khăn tắm chứa đựng những bản ghi bằng mật mã, những địa chỉ cơ sở bí mật, những danh sách cán bộ và tất cả những tài liệu quan trọng nhất. Những thứ còn lại, không quý bằng, ông để lại trong két sắt. Mỗi người cầm một cái xẻng hoặc kìm, một khẩu súng trường hoặc súng lục. Về đèn, họ mang theo ba chiếc, hai đèn bão và chiếc bật lửa của Xiniskin do Secnôivanenkô giữ. Mỗi người cầm một chiếc gậy chống nhỏ và không bỏ phí một giây, họ rời khỏi "góc đỏ".

Thoạt đầu, người nọ theo sau người kia đi theo đường hầm chính, hai bên tường ghi đầy những biệt hiệu của họ. Sau đó, họ sang cái hang thấp rộng nơi có thời kỳ họ đã tập bắn, tại đây những tảng đá dùng làm bia bị cát bụi phủ gần kín, vẫn còn lưu lại những vết đạn, những vỏ đạn bằng sắt đen sì nằm lăn lóc. Một đường hầm chật hẹp chạy từ hang tập bắn đến cái hang nhỏ nơi chôn Xiniskin Jêleznư. Họ dừng lại một lúc bên tấm đá vôi thủ công, trên đó họ đã dùng gươm khắc thô sơ lên mặt đá mềm, một lưỡi liềm, một chiếc búa và một ngôi sao năm cánh. Dưới huy hiệu tượng trưng chính quyền xô-viết và Hồng quân đó, họ đã khắc những dòng sau đây bằng kiểu chữ đứng!

"*Nơi đây, yên nghỉ một người con trung thành của Tổ quốc chúng ta, người bônsêvich kiên cường Nikôlai Vaxiliêvick Xiniskin (Jêleznư), đảng viên từ 1908, đã cống hiến cả đời mình cho chính quyền xô-viết*".

Trên tấm đá, có đặt một vòng hoa cúc vạn thọ nhỏ với giải băng hẹp cắt ở một tấm khăn trải giường, trên có ghi bằng bút chì tím dòng chừ: "Đảng ủy bí mật khu Ôđetxa kính viếng".

Ngôi mộ Xiniskin làm bằng đá, dài, đơn giản, trang nghiêm, chỉ được trang hoàng bằng vòng hoa cúc vạn thọ nhỏ bé, hái ở nghĩa địa Uxatôvô và một ngọn đuốc đã tắt trong cái ống đen xạm, bị bỏ quên trên ngôi mộ sau khi an táng.

Họ bỏ mũ ra đứng một lúc trước ngôi mộ. Những cái bóng của họ được phóng to, từ tường hắt lên vòm hầm như cúi thật thấp trước mộ Xiniskin để vĩnh biệt bác lần cuối cùng.

Nhưng thời gian không chờ đợi. Họ phải đi xa nữa. Họ ra khỏi hang và đến một chỗ đường ngầm rẽ thành hai ngả. Cho đến nay họ chỉ đi theo những con đường quen thuộc. Bên kia, bắt đầu cái thế giới xa lạ. Phải quyết định chọn một trong hai con đường. Nói cho đúng, đoán mò chứ không phải quyết định. Vì hai con dường đều dẫn đến một nơi nào đó. Nhưng nơi nào? Có thể là một cái mê hồn cũng còn mù mịt hơn nữa. Có thể đến một lối ra nào đó chưa ai biết, chưa ai nhìn thấy, cũng có thể đến một chỗ bế tắc, mà cũng có thể đến khu hầm mộ ở Krivaia Banka. Nếu vậy thì quả là hay nhất rồi, Những hầm mộ ở Krivaia Banka lúc này, tự chúng là cả một thành phố ngầm có tới một vạn dân cư của những khu công nhân và các làng lân cận, họ đã tìm được nơi che giấu sinh mạng và của cải của họ.

Sau khi suy nghĩ một lát, Secnôivanenkhô nói:

— Rẽ bên trái!

Ông thấy đường hầm bên trái hình như rộng hơn bên phải một chút. Người nọ theo sau người kia, họ chống chiếc gậy ngắn thong thả bước sang bên trái. Đi đầu Secnôivanenkô cầm chiếc bật lửa của Xiniskin. Sau ông, bà Matriôna Têrenchiepna xách

một chiếc đèn bão. Sau bà là Batsây. Sau Piôt Vaxiliêvich, Pêchya xách chiếc va-li mây nhỏ của chú. Sau Pêchya, Lêonit Ximban xách một cái đèn. Sau anh là Raitxa Lvôpna. Và sau cùng, Kôletnisuc cầm đèn với tư cách hậu vệ,

Secnôivanenkô ra lệnh cho họ luôn luôn phải giữ một cự ly ít nhất là năm mét giữa người nọ với người kia. Họ tạo nên một đường dây cách quãng. Mấy chiếc đèn bấc vặn thấp để tiết kiệm dầu, cháy leo lét, soi sáng lờ mờ những bức tường phủ một lớp bụi lâu đời. Không khí vẩn đục thật ẩm thấp, nặng nề. Nhiều chỗ trên tường nước rỉ ra và lớp đá vôi sáng lên yếu ớt.

Tất cả đi trong một bầu im lặng căng thẳng. Bất thình lình Secnôivanenkô khẽ đằng hắng và cất tiếng hát bằng một giọng trầm nhỏ hơi khàn nhưng chắc nịch:

Niềm tin cho chúng ta hy vọng,

Niềm tin cho sức sống ngoan cường...

— Kia, hay chửa, sao các đồng chí không hưởng ứng? Bắt cả vào nào. Bắt vào cho đều nhé! Tất cả mọi người cùng bắt vào nhé! Nhưng khẽ thôi... Nào!

Niềm tin cho chúng ta hy vọng,

Niềm tin cho sức sống ngoan cường...

Mọi người cùng hát. Không hát to, hát rì rầm nhưng chắc nịch, có phấn phấn khởi nữa, nhất là khi họ hát đến đoạn ưa thích:

Người tin tưởng là người thắng

Người vững tin, quyết chẳng đầu hàng.

Bất thình lình Secnôivanenkô dừng lại và cúi xuống.

— Dừng lại! — ông vừa nói vừa đưa chiếc bật lửa soi chung quanh.

Đường hầm thắt hẹp lại đến mức họ phải bò mới tiến lên được.

— Môchya, đưa mượn cái đèn tí! Tôi bò vào xem thử phía trước ra sao. Có chuyện gì, các đồng chí kéo hộ chân mình ra nhé.

Secnôivanenkô vừa lầu bầu vừa co bốn vó trườn vào trong hốc. Sau đó, hai chân ông duỗi dài, thế là ông đã phải nằm áp bụng xuống đất. Ông bò, đẩy ngọn đèn bão đi trước. Mươi phút sau ông trở ra, nhưng mọi người tưởng như đến một thế kỷ. Người ông phủ đầy hụi, từ đầu đến chân, nhưng ông có vẻ rất vui mừng.

— Phía bên kia, cách một quãng, có một cái hang lớn và một đường hầm tuyệt diệu — ông vừa nói vừa lấy lại hơi thở. Đường hầm ấy chắc sẽ dẫn chúng mình đến một nơi nào đó. Các đồng chí thân mến ạ, bọn ta có lẽ sắp gỡ được thế bí đây! Phải bò sát bụng một quãng độ mươi mười hai mét. Có một chỗ trần chỉ dính một tí. Phải bò rất thận trọng, hết sức tránh chạm vào tường. Người nọ cách người kia tám mét. Tất cả theo tôi.

Ông lại chui vào cái hốc và biến mất. Sau ông, một lát sau, Matriôna Têrenchiepna trườn theo, một tay giữ váy. Tiếp đó, Piôt Vaxiliêvich tiến lên và biến vào cái hốc.

— Giờ đến lượt Pêchya.

— Bò bằng khuỷu tay như công binh ấy — Lêônit Ximban nghiêm nghị nói với chú — Đừng có huých vai vào tường, nếu không chú sẽ làm bọn mình nát nhừ ra như cám. Liệu có bò được thế không nào?

Pêchya, lúc ấy đã co bốn vó, bắt đầu chui vào cái hốc, liền quay lại nhìn Liônya Ximban bằng con mắt bực tức. Thật là bực khi người ta vẫn coi chú là một đứa trẻ con.

— Thôi đừng lắm điều nữa — Chú lẩm bẩm bắt chước kiểu Lêônit Ximban, rồi chú nằm dài ra, chống khuỷu tay xuống đất rắn, vừa trườn tới vừa đẩy cái va-li mây nhỏ đi trước.

Tiếng đất rào rào rơi xuống, như một tiếng thở dài của lòng đất. Liônva Ximban chờ một lát và sắp sửa chui vào hốc thì đột

nhiên đôi chân đi giày rách của Pêchya thò ra, và ngay sau. đó cả người Pêchya chui ra, mặt đen nhẻm vì bụi bậm và đôi mắt trắng dã hoảng hốt.

— Không tài nào... — Chú bé vừa nói một cách mệt nhọc vừa lấy lại hơi thở.

— Chuyện gì thế?

— Không tài nào bò xa hơn được.

— Tại sao?

— Cháu cũng không biết. Không thể đi xa hơn nữa. Đất sụt xuống. Điện đài đã đi trước rồi.

— Không đi được là thế nào nhỉ? — Liônya choáng người nói — Tại sao không đi được? Phải có đường đi chứ. Chà chú bé, chú phó chủ tịch của tôi ơi!...

— Cháu đang bò, đang bò, thế rồi bất thình lình, một cái tường... Hầm sụt.

— Hầm sụt à? Cháu muốn đùa chắc? — Liônya kêu lên — Thôi để chú đi xem sao!

Anh gạt Pêchya sang một bên và bò nhanh bằng khuỷu tay vào trong hốc nhưng chỉ một lát sau đã tuồn ra và nói:

— Sụt thật mất rồi...

Anh vớ lấy xẻng, đèn, rồi lại trườn vào trong hốc. Một lúc sau, anh trở lại, cho biết là ở chỗ hẹp nhất, vòm đá đã sụt xuống đường hầm.

Họ còn lại bốn người. Liônya Ximban, Pêchya, Raitxa Lvôpna và Kôletnisuc, trong tình trạng phân vân cực độ, không biết phải làm gì: nên khai phá một lối đi xuyên qua tảng đá sụt lở, hay quay lại tìm một lối khác?

— Muốn khoét một con đường đi tới phải đục xuyên qua tảng đá rơi xuống hoặc ít ra cùng phải đào một con đường vòng quanh tảng đá. Việc này cần nhiều ngày, thế mà họ chỉ còn đủ

dầu cho một ngày một đêm, chưa nói đến chuyện phải hết sức tiết kiệm. Lại tuyệt đối không có một giọt nước nào.

— Nếu họ không nằm dưới tảng đá ấy — Liônya vừa nói vừa cân nhắc từng tiếng — thì tôi tin rằng hoàn cảnh họ khá hơn chúng ta. Các đồng chí ấy sẽ tới được ánh sáng của Chúa trước chúng ta... — Anh im lặng một lát — Thôi được, nhưng nếu...

Pêchya nín thở nhìn Lêônit Ximban, như muốn đoán ra tất cả sự thực.

— Nhưng nếu sao ạ? — Chú bé nói ngập ngừng,,.

— Nếu, nếu... — Liônya bực tức vừa nói vừa vùng vằng xốc thắt lưng — Liệu chúng ta có chơi cái trò đoán mò như bói hoa cúc không: "Chàng yêu ta, một chút, rất nhiều, say đắm..." Nếu... — đôi mắt anh sa sầm lại — Nếu, nếu... vậy thì, xin vĩnh biệt Tổ quốc, vĩnh biệt! — Anh nói gần như thô lỗ với vẻ gay gắt của một người lính có quyền tỏ ra gay gắt, vì chính bản thân người ấy bất cứ lúc nào cũng có thể hy sinh tính mạng và vì đã quá quen thuộc với cái chết nên nói đến nó hết sức thản nhiên y như người không có tình cảm. Rồi thoáng nhận thấy một nét xúc động trên mặt Pêchya và Raitxa Lvôpna, anh liền nói tiếp với giọng chỉ huy: — Tôi là người chỉ huy, các đồng chí sẽ theo lệnh tôi! Những ai có mặt. Gọi đến tên, các đồng chí hãy trả lời: Lêônit Ximban — Anh tự gọi tên mình đầu tiên, rồi tự trả lời ngay:

— Có! Kôletnisuc, Ghêorghi?

— Có — Kôletnisuc đáp.

— Kôletnisuc, Raitxa?

— Có!

— Thiếu niên tiên phong Batsây?

— Có!

— Vậy là có bốn người.

Lêônit Ximban đi đi lại lại mấy bước trong đường hầm, đầu

cúi xuống y như Secnôivanenkô trong những trường hợp tương tự, rồi anh đứng sững lại.

Cái tính vui nhộn và nụ cười quấy tếu, ranh mãnh của anh đâu rồi? Lúc này, cả con người anh là một vị chỉ huy nghiêm khắc, trầm tĩnh với cặp lông mày nhíu lại cương quyết.

— Các đồng chí! — Anh nói, giọng ngắt quãng — Tình huống chiến đấu đòi hỏi chúng ta phải khẩn trương và kiên quyết. Tôi ra lệnh phải lùi lại chỗ ngã ba, người nọ cách người kia năm mét. Tôi sẽ cầm đèn đi đầu, sau tôi là thiếu niên tiền phong Batsây, sau thiếu niên tiền phong Batsây là Kôletnisuc Raitxa, hậu vệ là đồng chí Kôletnisuc Ghêorghi xách đèn,

Anh nhìn bao quát cả đơn vị của anh bằng con mắt chậm rãi và sắc sảo, như muốn đi sâu vào tâm hồn từng chiến sĩ.

— Các đồng chí rõ cả chứ?

— Rõ! — Kôletnisuc Ghêorghi trả lời thay tất cả.

— Tiến lên! — Lêônit Ximban ra lệnh.

Những ánh sáng lờ mờ yếu ớt nối tiếp nhau chuyển động thong thả trên quãng đường trở về xuyên qua đường hầm tối om.

59

— Ánh sáng kìa, chú Liônya!

— Đấy, cậu lại thấy sáng rồi!

— Không phải là sáng, mà là ánh sáng thực sự!

— Đâu?

— Đằng trước ấy.

— Cậu chỉ tưởng tượng thòi.

— Xin lấy danh dự của thiếu niên tiền phong!

— Chú chẳng thấy tí ánh sáng nào cả. Cậu mệt đầy thôi. Ngồi xuống. Đấy lại là một ý nghĩ của cậu thôi.

— Không phải ý nghĩ đâu, mà là ánh sáng thực đấy! — Pêchya bướng bỉnh nhắc lại — Ánh sáng ban ngày thực sự cơ mà! Chú không nhìn thấy à?

Lêônit Ximban miễn cưỡng giơ cái đèn lên và bắt đầu thăm dò bóng tối.

— Chú chẳng thấy gì cả.

— Cái đèn làm chú chói mắt đấy. Tắt đèn đi là chú trông thấy ngay.

Họ đã lang thang nhiều ngày trong hầm mộ, không ăn, không uống, hoàn toàn kiệt sức, khó nhọc lắm mới lê được chân đi. Chỉ có chút lửa cháy trong đèn. Bấc đèn đã vặn xuống cực thấp. Ngọn lửa bé tí hầu như không tỏa sáng: trong đèn chỉ còn vài giọt dầu.

Đã ba lần, Pêchya hốt hoảng lầm: chú bé tưởng chừng trông thấy ánh sáng ban ngày phía trước mặt. Ánh sáng ban ngày đối với chú đã gần trờ nên một ý nghĩ cố định. Bất kỳ lúc nào chú cũng lẩm bẩm là trông thấy ánh sáng ban ngày và nghe có tiếng nước chảy. Chú đánh lừa người khác và cả bản thân, gợi lên những hy vọng hão huyền. Nhưng lần này, giọng chú vang lên có vẻ khác hẳn, hoàn toàn có sức thuyết phục.

— Các đồng chí sắp thấy ngay, sắp thấy ngay đấy! — Pêchya phấn khởi nói — Cứ tắt đèn đi là các đồng chí trông thấy ngay thôi,,. Cô Raitxa ơi, chú Jôra ơi! Lời nói của thiếu niên tiền phong đấy, lời thề danh dự đấy, tất cả, gì cũng được... chú vừa nói líu tíu, lắp lại cái giọng trẻ con hồi trước, vừa lắc đầu một cách sốt ruột — Nhìn kìa! Ánh sáng! Một lỗ hổng đấy. Cháu nghe có tiếng

nước. Chỉ cần tắt đèn đi thôi.

Họ đều nghĩ là chú bé lại bắt đầu tự dối mình. Nhưng chính họ cũng thèm muốn được tự dối mình nữa.

— Thôi cứ thử tắt đèn đi xem sao, Lêônit — Kôletnisuc nói — Có lẽ cu cậu nhìn thấy cái gì thật đấy...

Lêônit Ximban tắt chiếc đèn bão. Ngọn đèn dù rất mờ cũng ít nhiều soi sáng những bức tường đất sét của đường ngầm, là chỗ họ đã khắc lên lần cuối cùng biệt hiệu của họ. Trong suốt cuộc hành trình rối rắm, họ không quên làm việc đó, phòng phải quay lại thi có thể trở về đúng chỗ khởi hành.

Liônva vừa tắt đèn xong thì bóng tối trong lòng đất, đen ngòm, bất khả thâm nhập, vây bọc lấy họ tứ phía. Nhưng đợt nhiên trong cái khối đen ngòm ấy, quả họ có nhìn thấy một ánh sáng yếu ớt mơ hồ, một phản ánh mờ nhạt của ánh sáng ban ngày, hắt lên những chỗ lồi trên tường một màu tro xanh nhạt khó tả.

— Ánh sáng! Ánh sáng ban ngày! — Pêchya hét lên — Bây giờ thì các đồng chí thấy ánh sáng ban ngày rồi nhé!

— Hãy bình tĩnh — Khó khăn lắm Lêônit Ximban mới làm chủ được cái giọng đột nhiên khản lại của anh — Người nào ở đâu, đứng yên đấy. Nằm xuống! Chuẩn bị lựu đạn!

Họ nằm xuống. Pêchya rút một quả thủ pháo từ ngực ra. Cho đến tận lúc ấy, họ đều nuôi một ý muốn thiết tha duy nhất là thoát ra khỏi lòng đất, nhìn thấy ánh sáng ban ngày và uống nước. Đến lúc này, giấc mơ của họ sắp được thực hiện, họ mới nhớ ra là họ đang bị bọn tử thù bao vây tàn nhẫn, chúng rình mò họ khắp nơi, họ thoáng thò đầu lên mặt đất là chúng quyết tiêu diệt ngay.

Phía trước ánh sáng màu tro của ban ngày đang lung linh. Lối ra không xa. Nhưng nó mở ra ở chỗ nào? Họ sẽ rơi vào đầu? Họ đã mất hết mọi ý niệm dù là đại khái nhất về phương hướng, về chiều dài quãng đường đã đi và về địa điểm hiện đang đứng.

Cũng có thể họ đang ở ngay sát nách thành phố, mà cũng có thể họ đang ở vùng lân cận Suối lớn hoặc một chỗ nào đó rất xa, trên thảo nguyên, theo hướng nhà ga Đasnaia. Mà bất cứ chỗ nào, quân thù cũng có thể rình mò họ.

Sau khi giơ tay ra hiệu im lặng, Lêônit Ximban thận trọng tiến về phía phát ra ánh sáng, có lẽ là một khe nứt mà ở chỗ rẽ họ không trông thấy. Càng đến gần, ánh sáng càng rõ; cuối cùng, ánh sáng hiện ra như một thứ bột thạch cao trắng, tỏa ra trên những bức tường đất sét và trên mặt đất dốc ngược. Lêônit Ximban dừng lại ở chỗ ngoặt và lắng tai nghe. Anh nghe thấy rõ ràng tiếng động to và mát rượi của nước, hòa với một tiếng động khác, của máy móc, tính chất của tiếng động đều đều này thật khó đoán. Nấp sau chỗ ngoặt, Liônya Ximban nâng khẩu súng lục lên ngang tầm vai và đưa mắt nhìn. Anh thấy một khe nứt hẹp, đứng, lằng nhằng như tia chớp, ánh sáng ban ngày xuyên vào nhức cả mắt. Anh nín thở, bước đến cạnh cái khe nứt. Nó cũng khá rộng, có thể nghiêng người lách qua được. Anh nhoài người ra khỏi nghe và thấy một chiếc xe tăng rất lớn màu xanh lá cây có ngôi sao đỏ và một nòng súng dài với chỗ hình mắt cáo của bộ phận phun lửa hình như chĩa thẳng vào anh. Chiếc xe tăng đậu gần quá đến nỗi Liônya phải bước lùi lại.

Thoạt đầu, anh chưa hiểu gì cả. Nhưng bất giác anh hiểu ra: đó là một chiếc xe Liên-xô nhưng chế tạo theo kiểu mới anh chưa được biết... Quân ta! Hồng quân! Chiếc xe tăng đứng ở bờ hẹp của đầm nước mặn, dưới cái bờ dốc đất sét thẳng đứng, và Liônva nhìn nó từ điểm cao của cái khe trổ ra trên bờ dốc ấy. Xa hơn một chút, sừng sững một chiếc tăng khác, rồi một chiếc nữa, lại một chiếc nữa. Chung quanh những chiếc xe tăng, có những chiến sĩ mặc quần áo xanh đi lại, người nhem nhuốc dầu mỡ, đội mũ sắt đen và cầu vai đeo cấp hiệu màu vàng, những chiếc cầu vai Liônya từng nghe nói nhưng chưa thấy tận mắt. Những chiến sĩ mặc quân phục và đeo huân chương ở ngực bên trái, còn bên phải đeo huy hiệu cận vệ mà anh cũng chưa biết. Những chiến sĩ Liên-xô, nhưng thuộc một "kiểu mới", những chiến sĩ đầy vinh quang của Xtalingrat, Oren, Kiep, Xmôlen,

những người đã chiến thắng đạo quân Đức vẫn tưởng là vô địch. Còn tiếng động mát mẻ, ầm ĩ của nước mà từ trong hầm mộ Lêônit Ximban đã nghe thấy chính là tiếng những dòng suối cuồn cuộn, sủi bọt, giội xuống làn nước nặng nề của đầm nước mặn một lớp bọt xám dào dạt. Tiếng suối chảy hòa với tiếng máy bay cường kích, dàn theo đội hình chiến đấu, từng phi đội chín chiếc một, đợt nọ tiếp đợt kia bay trên đầm nước mặn, trên các bờ dốc thẳng, nhưng rất thấp tưởng như sắp vướng phải những cây ngưu bàng năm ngoái, rồi phút chốc thoát khỏi tầm mắt về phía Ôđetxa vang dội tiếng súng chiến đấu.

— Các đồng chí ơi, ra đi! Quân ta đây rồi! — Xim-ban lại chui vào khe hét to.

Rồi anh lại nhảy lên mặt đất, giật mũ ra, vẫy rối rít trên đầu. Anh chạy thật nhanh xuống bờ dốc thẳng, chân anh lúc trượt lúc khuỵu. Anh liền ngồi xuống, trượt, nhảy, rồi lại chạy xuống phía dưới, từng tảng đất sét nặng dính vào ủng.

Người Ximban gặp đầu tiên là một chiến sĩ lái xe tăng, một hạ sĩ, ngồi xổm bên dòng suối sủi bọt, đang múc nước vào thùng bằng một vỏ đò hộp có in dòng chữ hoa "thịt lợn quay".

Liônya Ximban nhảy một cái qua dòng suối, ôm chầm lấy ngang nách anh hạ sĩ hoảng hốt, xốc anh ta lên rồi hôn như điên lên bộ mặt bè bè, rỗ hoa, đẫm mồ hôi của anh, quanh cái mũi bé tí như mũi trẻ con.

— Cậu là ai? Sao? Làm sao thế? — Anh hạ sĩ lắp bắp, hoảng sợ, nhìn bằng đôi mắt kinh hãi con người bụi bậm đen sì, không biết từ đâu chui ra mà trông rõ khiếp như một con quỷ.

Còn Liônya Ximban thì cứ ôm ghì lấy, hôn và xoay anh ta tứ phía. Thỉnh thoảng lại hét lên những tiếng chẳng mạch lạc gì cả:

— Người anh em ơi! Chúng tôi sống rồi! Anh bạn xe tăng! Người Nga! Quân ta!

Người hạ sĩ không hiểu đầu đuôi ra sao, đột nhiên bực với lối đùa dai ấy:

— Thôi cút đi, đồ quỷ! — Anh hét tướng bằng cái giọng the thé, mặt đỏ bừng.

Anh đưa hai lòng bàn tay đẩy cằm Liônya ra, mạnh đến nỗi cả hai người xuýt lăn xuống suối. Nhưng những chiến sĩ xe tăng khác đã chạy đến. Họ đã trông thấy Liônya Ximban chui từ khe ra, người đen đủi, quần áo rách bươm, tay xách đèn, và họ hiểu ngay Ximban là người thế nào. Trong vòng không đầy hai phút, Liônya sung sướng như điên, đầu tóc bụi bậm rối bù, được chuyển từ tay người này sang người khác, anh bị ghì chặt và cười đến chảy nước mắt như người bị cù.

Từ cái khe nứt, Raitxa Lvôpna cẩn thận bước ra, sau bà là Pêchya và Kôletnisuc đeo súng xách đèn với bao bị, kìm, xẻng... Số vũ khí và đồ lề tuột khỏi người, họ loạng choạng, chạy xuống bờ dốc, ngã giúi giụi, rồi ngồi xuống, trượt, nhảy cả xuống lòng suối nước ngầu bọt ngập đến đầu gối, lao về phía xe tăng, ngã vào những cánh tay khỏe mạnh, nép vào quân phục của các chiến sĩ xe tăng, những bộ quân phục tỏa mùi thơm đậm đà, thú vị lạ thường, có thể nói là cái mùi thơm làm cho ta yên tâm vững da, cái mùi dạ, cái mùi dầu cháy, mùi ét-xăng Liên-xô, cái mùi "tayô".

Họ nằm dài bên cạnh suối, hụp mặt vào làn nước sủi bọt, rồi lại ôm hôn các chiến sĩ xe tăng, uống thêm một ngụm, rửa mặt mũi rồi lại khóc, lại uống và cứ uống mãi làn nước lạnh như nước đá ấy.

60

Pêchya vẫn thường nghĩ đến cái đầm nước mặn này. Đã nhiều lần chú nghiên cứu nó trên tấm bản đồ ở "văn phòng" đồng chí

bí thư thứ nhất... Chú kiên trì hình dung lại con đường chú đã đi cùng với bà Matriôna Têrenchiepna và Valentin, trong cái đêm hãi hùng mà ba người lang thang giữa hai đầm nước mặn Hatji-Bây và Kuiannich trước khi Xviatôxlap gặp họ. Biết bao lần chú đã nghĩ đến cái giếng hoang, nơi chú đã giấu lá cờ do anh thủy binh sắp chết giao cho, vì vậy hôm nay, ngồi trên xuồng cao su giữa hai chiến sĩ súng máy đi qua đầm nước mặn, chú có cảm tưởng được gặp lại những chốn quen thuộc. Thực ra hồi ấy chú chỉ được nhìn những cảnh này có một lần, lại là ban đêm, phần nhờ vào ánh những đám cháy xa, phần nhờ vào ánh sáng bất chợt của pháo hiệu Đức, làm biến dạng hết cảnh vật, như một bức ảnh vô tuyến.

Hôm nay, một buổi chiều sáng sủa. Mặt trời vừa mới lặn. Ánh hoàng hôn tháng tư rực lửa, ẩm ướt, vừa ngừng bốc cháy thong thả trên những bờ dốc đen ngòm phía bên kia đầm nước mặn, qua những ngôi cổ mộ xa xăm của thảo nguyên, và phản chiếu mênh mông trên làn nước phẳng lặng. Quanh vùng, trên một khu vực rất rộng, trận chiến đấu vẫn tiếp diễn. Không khí và nước không ngừng rung chuyển. Những đám khói bom đạn, màu xám, màu đen, màu nâu thẫm, bùng lên rồi ngả xuống phía tây, trên khắp cả đường chân trời. Trong thảo nguyên, vang lên tiếng xe tăng. Khắp nơi đang có sự chuyển quân nhưng vẻ chạm chạp giả tạo của nó làm cho mắt người không thể nhận ra được. Cuộc tấn công đang tiếp diễn.

Quả đất đang mở hết đà, xoay quanh trục của nó. Mặt trời bay với một tốc độ trí óc con người không theo kịp. Ấy thế mà ta vẫn nói mặt trời đứng im trên bầu trời và thong thả ngả xuống chân trời.

Tất cả mọi vật quanh Pêchya đang di chuyển rất khẩn trương đồng thời lại có vẻ im lìm, không chuyển động. Đó là những chiếc xuồng cao su giữa đầm nước mặn, chở những tốp công binh từ bờ này sang bờ kia. Đó là những chùm nổ đen ngòm của đạn cao xạ trên cao, phía trên đầu, vây quanh chiếc máy bay do thám Đức không chuyển động. Đó là những hàng dài bộ binh

chìm ngập dưới đất. Cả đến bản hợp xướng ầm ĩ của các đợt pháo kích cũng cho ta một cảm giác không chuyển động. Người ta có thể tưởng rằng bản thân thời gian, đã bị ngừng lại trên tất cả cái khoảng mênh mông trong đó cuộc tấn công của Hồng quân tiến về Ôđetxa đang diễn ra hết sức khẩn trương, cũng không chuyển động.

Pêchya và các xạ thủ súng máy đã vượt qua đầm nước mặn Hatji-Bây và đổ bộ lên bờ đối diện. Họ trèo lên bờ dốc. Trước mặt họ là thảo nguyên, bị đào khoét tứ phía, những chiến hào cũ mới, những đường giao thông, những hố đại bác, những vị trí cho công binh và pháo binh. Chiến tranh đã hai lần tàn phá cái khu vực nhỏ hẹp nằm giữa hai đầm nước mặn và đã ghi lại những vết tích hãi hùng, lần thứ nhất cách đây hai năm rưỡi, khi quân Rumani và quân Đức vây hãm Ôđetxa, lần thứ hai cách đây mới có mấy giờ, khi Hồng quân tổ chức một đợt xung kích mãnh liệt, tràn vào phòng tuyến Đức, đã chọc thủng nó, vượt qua nó và xông tới khu ngoại ô là nơi chiến đấu đang tiếp diễn. Đây cùng chính là khu thảo nguyên mà Pêchya đã lạc suốt một đêm với Valentin và bà Matriôna Têrenchiepna, và tại đây hai năm rưỡi về trước, chú đã giấu một lá cờ giữa những hòn đá của bờ giếng. Chú nhận ra ngay khu thảo nguyên đã đổi dạng và lỗ chỗ vết bom đạn này.

Trên bản đồ các xạ thủ súng máy mang theo, cũng có ghi mấy cái giếng cũ bỏ hoang mà quân Đức dùng làm ổ súng máy. Các chiến sĩ nhanh chóng định hướng bản đồ trên thực địa và tiến về phía cái giếng gần nhất. Tinh cờ lại đúng cái giếng Pêchya đang tìm. Đất xung quanh bị đạn đại bác cày lên. Những cọc, những cuộn dây thép gai, những mảnh bánh xe chở pháo, những cây đuốc cháy sém, những mũ sắt vương vãi, tất cả chứng tỏ sức mạnh của đợt pháo chuẩn bị đã hủy diệt phòng tuyến Đức ở đây.

— Cái giếng này à? — Anh xạ thủ súng máy nhiều tuổi hơn hỏi; đó là một trung sĩ đeo hai huân chương và một huân chương mới toanh mà Pêchya chưa từng trông thấy, huân

chương chiến tranh Vệ quốc hạng nhất.

— Nó đấy — Pêchya trả lời thiếu tin tưởng.

— Xem ngay thôi. Còn cái ấy, cậu giấu chỗ nào?

— Giữa những hòn đá.

— Trong hay ngoài?

— Ngoài ạ.

— Phía nào?

Pêchya đỏ mặt lên:

— Em... em không nhớ.

— Cậu không nhớ! — Anh trung sĩ súng máy nhận xét; Pêchya cảm thấy anh có vẻ không hài lòng.

— Lúc ấy là ban đêm... tối mò... Cách đây hai năm rưỡi rồi ạ...

— Hai năm rưỡi... — Anh trung sĩ lẩm bẩm, vẻ càng không hài lòng... — Hai năm rưỡi... Đúng, còn bây giờ, ông bạn ơi, ta không chơi cái trò cũ nữa đâu — Anh vừa nói mỉm cười — Bây giờ chúng ta đánh nhau khác hẳn trước rồi... Nào Muxtapha, ta bới một tí xem sao...

Xạ thủ súng máy thứ hai là một chiến sĩ thường tên là Muxtapha, mặt to, phẳng như nặn bằng đất sét đỏ nung kỹ, cổ áo va-rơ chật cài dối dá quanh cái cổ béo đỏ. Muxtaplia đi vòng quanh giếng. Giếng bị phủ đầy đất, một số hòn đá đã bị lấy đi tạo thành một lỗ châu mai, trong đó nhô ra cái nòng súng máy Đức đã hỏng. Hai tên Đức chết nằm ườn cạnh giếng. Cỏ non mùa xuân màu vàng nhạt mọc chui qua những lỗ áo ca-pốt bằng dạ. Một thằng nằm chổng mông lên trời, cái má đen xạm áp xuống đất; còn thằng kia, hai cẳng dạng ra, đầu ngoẹo sang một bên, bộ mặt hoàn toàn bị hủy hoại, nửa nằm nửa ngồi trên một cái vũng lớn màu đen đen, lưng dựa vào thành giếng.

— Hót nó đi — Viên trung sĩ ra lệnh.

Muxtapha nằm lấy cẳng xác chết, kéo sang một bên như kéo

xe cút kít. Dưới xác chết, đất đen sì, không có gì mọc cả, chỉ có những con giòi trắng nhỏ lúc nhúc, Pêchya lợm buồn nôn, quay mặt đi.

— Được rồi — Viên trung sĩ ôn tồn nói — Thằng ấy thế là bình yên rồi đấy... Nào, ta tìm thôi!

Pêchya đi rón rén quanh giếng, cố tránh không giẫm lên những vũng đen.

Đất sực lên mùi nước mưa xuân, mùi thuốc súng, và một thứ mùi gì khác, nặng nề, có chất sắt. Pêchya cổ lay mấy hòn đá, nhưng không chuyển. Chú nhún vai. Lúc này chú có cảm tưởng mình đã nhầm. Chắc một cái giếng khác, không phải cái này.

— Cậu giấu ở trong hay ở ngoài.

— Ở ngoài — Pêchya vừa nói vừa cố không nhìn những thằng Đức.

— Có lẽ ở trong chăng?

— Không, ở ngoài ạ. Em nhớ lắm. Chắc là ở ngoài.

— Chắc hay nhất định?

— Nhất định.

— Nếu nhất định thì ta tìm...

Họ bắt đầu kiểm soát từng hòn đá một. Thình lình, một hòn lung lay và khẽ xê địch. Pêchya lao tới, thò tay vào khe hở. Chú sờ thấy mép một mảnh vải nhàu nát, dính bết, chú lôi lá cờ ra.

Lá cờ ẩm ướt, đầy những vết thẫm, nhiều chỗ bị mục; chú bé cảm thấy nó nặng ghê gớm, tưởng chừng gánh nặng của những năm hãi hùng đẫm máu vừa qua đè trĩu lên nó.

Pêchya gượng nhẹ đặt lá cờ lên cỏ và giở ra: nền trắng đã ngả vàng vì thời gian, những sọc xanh nhạt bạc màu, một ngôi sao đỏ, những vết máu hoen ố. Cả ba người, Pêchya và hai anh xạ thủ súng máy đứng thẳng người quanh lá cờ như quanh thi hài một vị anh hùng.

Và trong phút im lặng ấy, đợt nhiên Pêchya nhìn thấy rõ ràng trước mắt như hai vị thần đối địch đang vặn mình và xô đẩy nhau. Dưới ánh sáng ngọn lửa chiến thắng, trước mắt chú bé lại hiện ra khuôn mặt anh thủy binh hấp hối, trên đó chỉ còn có đôi môi rộng, căng ra, màu tro, gần như trắng bệch, trắng hơn da mặt rất nhiều. Đôi môi mấp máy khó khăn như muốn yêu cầu chú bé một điều chủ yếu, cuối cùng. Và lúc này cũng như trước kia, khi tuyên thệ với anh thủy binh hấp hối nguyện sẽ giữ gìn lá hạm kỳ, Pêchya giơ chếch tay lên trên đầu và chào theo kiểu thiếu niên tiền phong.

Chú đã giữ đúng được lời hứa. Lòng chú vừa buồn rầu vừa thanh thản.

Người gày gò, hốc hác hơn xưa nhiều, chân tay dài nghêu, mặc bộ quần áo vải lều, đội mũ sắt hồng quân mà các anh chiến sĩ cho, chú đứng thẳng, chào kiểu thiếu niên tiền phong và với cặp mắt đẫm lệ, chú nhìn thảo nguyên trước mặt, nơi có những ánh phản chiếu của trận đánh chạy lấp loáng giữa những đám mây xanh lam của mùa xuân.

61

Khi họ đáp xuống cao su quay về, đoàn xe tăng không còn đấy nữa. Đoàn xe đã ra trận. Lêônit Ximban và Kôletnisuc đã ngồi trên một chiếc ô-tô bọc sắt đi cùng với đoàn xe tăng và dẫn đường đi Ôđetxa. Raitxa Lvôpna muốn đi với chồng bằng ô-tô bọc sắt nhưng người ta không cho bà đi. Người ta bảo bà: "Việc này không có quy định trong điều lệnh."

Tất cả sự việc diễn ra gấp rút đến nỗi bà không kịp chào từ biệt Kôletnisuc nữa và chỉ còn có thể thét lên sau chiếc xe hơi

bằng một giọng yếu ớt: “Jorjơ, đừng có cậy tài nhé! Đừng có liều lĩnh nhé!” Nhưng Kôletnisuc có nghe thấy nữa đâu, ông chỉ vẫy tay thôi. Còn Lêônit Ximban nằm trong một chiếc xe tăng khác, lấy phấn viết lên nắp xe dòng chữ: “Ôđetxa là của chúng ta!” anh đưa hai tay lên miệng làm loa và hét to:

— Ta sẽ gặp nhau! Ở khu ủy! Trông hộ chú bé nhé!

Trên địa điểm đoàn xe tăng đỗ lúc trước, nay là cơ quan bộ tư lệnh xe tăng, mấy chiếc lều phủ bằng cỏ dại năm ngoái, bằng những cành thông mang từ phương bắc xuống và bằng cỏ tươi, còn xanh, ba chiếc xe vạn năng, chất đầy vũ khí và hành lý, lại thêm hai chiếc xe năm tấn có mui, xếp đặt như kiểu toa xe lửa, một dùng cho bộ tư lệnh, một dùng cho điện đài.

Người chỉ huy đặt bàn chân đi ủng binh nhì lên bậc toa xe. Ông chống khuỷu tay vào đầu gối và đọc nhanh những bức điện màu vàng do một cô nhân viên điện đài trẻ tuổi đưa cho; cô này có bộ tóc uốn màu hạt dẻ xõa xuống trước mặt, một chiếc mũ ca-lô mùa hè mới tinh đội lệch nom rất đỏm dáng. Vị chỉ huy mặc bộ quân phục ga-bac-đin rộng thùng thình với những túi lớn có khóa rút đội mũ cát-két mùa hè bằng ka-ki đính phù hiệu tròn cấp tướng; chiếc mũ đã nhầu nát, hơi ngửa ra sau gáy nom rất hùng dũng.

Những bức điện mật mã chắc hẳn chứa đựng điều gì không vui, vì vị chỉ huy cứ khịt mũi luôn, tỏ vẻ bực tức như một con dím, và mân mê bộ ria bàn chải:

— Quỷ bắt cả lũ chúng nó đi! — ông nói, rồi không xoay người lại, chỉ hơi quay đầu về phía sau hét: — Đồng chí tiểu đoàn trưởng cơ giới!

— Thưa đồng chí thiếu tướng Cận vệ, cho phép tôi báo cáo — Viên thượng sĩ súng máy tiến lên nói.

— Thế nào? — Vị chỉ huy không quay lại, nói có vẻ bực tức.

— Tuân lệnh đồng chí, chúng tôi vượt qua đầm nước mặn và đã có mặt tại đây. Những điều chú bé báo cáo đã được hoàn toàn

xác minh, chúng tôi đã tìm thấy lá cờ của một chiến hạm thuộc Hạm đội đỏ trong một cái giếng trên thảo nguyên ở sườn 16-45. Chú bé thuộc đơn vị du kích ngầm dưới đất, chú thiếu niên tiền phong Pêchya hiện có mặt.

Vị chỉ huy quay phắt người lại. Nét mặt ông dịu di, đôi mắt rực lên một vẻ tò mò đặc biệt;

— Thế thì bảo chú ta lại ngay đây! Chú thiếu niên tiền phong Pêchya đâu rồi?

Pêchya đứng thẳng, áp lá cờ vào ngực, tự nhiên rụt rè lạ lùng trước mặt vị tướng.

Muxtapha đứng nghiêm cạnh chú, lấy khuỷu tay khẽ đẩy chú.

— Bước lên, thủ trưởng gọi đấy.

Pêchya tiến lên mấy bước rồi đứng lại.

— Chú bé đây à?— Vị chỉ huy vừa hỏi vừa đưa mắt ngắm chú.

— Báo cáo đồng chí thiếu tướng, đúng ạ — Viên thượng sĩ nói.

Pêchya cảm thấy nghẹn thở.

— A, chào chú thiếu niên tiền phong Pêchya — Vị chỉ huy vừa nói vừa chìa bàn tay trái ra vì bàn tay phải của ông bị băng.

— Kính chào đồng chí thiếu tướng cận vệ — Pêchya nói dõng dạc, đặc biệt thích thú khi dùng hai chữ "Cận vệ" hùng dũng và mới lạ; chú chìa lá cờ bọc ngoài chiếc thẻ Đoàn và mảnh giấy của anh thủy binh Layrôp thuộc Hạm đội đỏ viết trước lúc chết.

VỊ chỉ huy bắt đầu đọc thong thả, lúc ấy trời đã hơi tối. Viên phụ tá lặng lẽ đến bên cạnh, bấm đèn pin soi mảnh giấy cho ông. Vị chỉ huy đọc xong, gập mảnh giấy lại, trân trọng bỏ vào túi áo ngực rồi lấy kim băng cài miệng túi. Sau đó, ông đỡ lấy lá cờ từ tay Pêchya, rồi cũng thong thả giở ra.

— Thưa đồng chí thiếu tướng Cận vệ.! — Một giọng cất lên — Theo lệnh đồng chí, tôi, đại úy Iêgôruskin, chỉ huy tiểu đoàn

Cận vệ đến báo cáo.

Có tiếng vải lều sột soạt hất về phía sau do một bàn tay đưa lên chào.

— Khoan đã — Vị chỉ huy nói.

Ông vẫn không nhúc nhích, người hơi cúi, hai tay nâng thẳng lá cờ. Có thể tưởng là ông khóc. Thình lình ông đứng thẳng người lên hò to:

— Nghiêm! Dàn hàng ngang chào cờ!

Thực ra, ông không cần hô khẩu lệnh ấy: các sĩ quan và binh sĩ vây quanh điện đài, trước khi nghe tiếng hô của ông, đã đứng nghiêm từ lâu, mắt gắn chặt vào nền lụa lá cờ mà người phụ tá dùng đèn pin chiếu sáng.

Vị chỉ huy quỳ một chân xuống đất rồi đưa lá cờ lên hôn.

Một lần nữa Pêchya lại nhìn thấy nét mặt của anh thủy binh, đôi mắt nghiêm nghị, đăm đăm, và cái miệng đẹp màu đất của anh có quầng xanh của thần chết.

Không khí bị trận pháo kích xô đẩy, chuyển động dữ dội. Gần đâu đó, run rẩy tiếng động cơ của một trạm phát điện dã chiến. Ánh đạn súng trường và đạn phá chạy lằng nhằng trên mây. Ở chân trời phía tây, lũng lờ những quả pháo sáng, pháo hiệu chấm gạch vẽ thành những vòng cung dài, những hình vòm đầy dọa nạt cắm sâu vào bầu trời đen tối. Pháo sáng muôn màu luôn luôn rực cháy trên trời. Có tiếng máy bay ném bom ban đêm. Đôi lúc xung quanh sáng rực lên vì ánh chớp thoáng qua của một viên đại bác nổ gần, mảnh đạn réo lên như những sợi dây đứt phựt phía trên bờ dốc. Pêchya cảm thấy hình như chính đất nước xô-viết đang chào bằng sấm chớp thành tích của người thủy binh Hạm đội đỏ Lavrôp.

Đồng chí thiếu tướng đứng dậy, cẩn thận cuộn lá cờ lại, trao cho người phụ tá. Sau đó, ông đưa tay nắm lấy vai Pêchya. Chú bé sẵn sàng ngả vào lòng ông nhưng đồng chí thiếu tướng vẫn đưa thẳng tay giữ chú lại.

— Khoan đã — Ông nói — Nhân danh Chủ tịch đoàn Xô-viết tối cao của Liên bang cộng hòa xã hội xô-viết tôi tặng chú huân chương "Chiến công". Trung úy!

Nhưng người phụ tá của ông đã biết từ trước. Anh đã chạy đến toa xe bộ chỉ huy, mang về một cái tráp sắt. Anh mở khóa, soi đèn bấm vào bên trong. Những tấm huân chương lóe sáng. Anh chọn một tấm huân chương "Chiến công" lớn, bằng bạc, có dải màu xám, rồi tươi cười và kính cẩn đưa lên thiếu tướng.

— Đồng chí hãy gắn lên ngực chú thiếu niên tiền phong — Thiếu tướng nói.

— Thưa đồng chí thiếu tướng Cận vệ, xin tuân lệnh! — Viên phụ tá vui vẻ trả lời và mở chiếc kim băng hãy còn cứng, gài tấm huân chương lên cái áo ngoài cũ rách, nhem nhuốc bụi đường hầm của chú bé.

— Tên em? — Thiếu tướng hỏi giọng ngắn gọn, vẫn giữ chú bé ở một khoảng cách bằng cánh tay đưa thẳng của ông.

— Thưa đồng chí thiếu tướng Cận vệ, Batsây ạ — Pêchya vừa đáp vừa cảm thấy không thể không liếc nhìn tấm huân chương đang lóe lên một ánh sáng thần kỳ mãnh liệt trên ngực chú.

— Ta chúc mừng em được nhận sự khen thưởng cao quý này! — Thiếu tướng cất cao giọng nói.

Đầu óc Pêchya quay cuồng: lời thề quân sự, câu đáp lễ của một thiếu niên tiền phong, chú tưởng mình đáp lại chững chạc lắm, nhưng kỳ thực chú chỉ lắp bắp những tiếng lộn xộn:

— Thưa đồng chí Cận vệ... Luôn luôn sẵn sàng phục vụ Liên-xô... Rất cám ơn... Em sẽ cố gắng cho xứng đáng...

— Chào mừng chú thiếu niên tiền phong vinh quang, quân Cận vệ hãy cất tiếng reo chiến đấu! — Thiếu tướng hô to hơn nữa, ông thẳng người, đưa tay lên vành chiếc mũ cát-két nhàu nát và bẹp gí trên gáy.

Chỉ đến lúc tiếng "hu-ra" ngắn gọn của quân Cận vệ vang lên,

thiếu tướng mới kéo Pêchya vào lòng; ông lấy tay áo quân phục lau bộ mặt đầy mồ hôi và bụi của mình rồi hôn chú bé ba lần: hai lần trên má bên này, một lần trên má bên kia, rồi nghĩ sao đó, để cho công bằng, ông lại đặt một cái hôn thứ tư lên bên má bị thiệt. Pêchya ngửi thấy mùi nước thơm "Kraxnaia Môxkôva" rất dễ chịu tỏa ra từ người thiếu tướng, thứ nước thơm mà mẹ chú rất ưa thích.

— Chúng tôi được tự do chứ ạ? — Viên thượng sĩ súng máy nói.

— Các đồng chí sẽ được tự do sau khi chiến thắng, bây giờ thì chưa — Thiếu tướng đáp — Bây giờ, đưa chú thiếu niên tiền phong này ra, mời chú một bữa cơm ngon theo kiểu Cận vệ chúng mình. Thay vào lạng rượu vốt-ka, cho chú một bánh súc-cù-là thật nhiều ca-lo. Chú ấy sẽ cùng đi Ôđetxa bằng chiếc xe vạn năng của tôi. Các đồng chí có thể giải tán.

— Thưa đồng chí thiếu tướng Cận vệ, xin tuân lệnh!

62

Pêchya vừa ngốn xong bữa cơm trong căn hầm đào vội của bộ chỉ huy — Raitxa Lvôpna đợi chú ở đây từ lâu — Người ta đã gọi chú lên gặp thiếu tướng. Pêchya nhận thấy trong bộ đội cái gì làm cùng nhanh khiếp. Chưa kịp hiểu đầu đuôi ra sao chú đã thấy mình ở trong toa xe của bộ chỉ huy, trước một cái bàn, trên trải tấm bản đồ khu vực. Thiếu tướng và một đại tá đeo cầu vai to có đính một chiếc xe tăng nhỏ màu trắng — đồng chí tham mưu trưởng — cả hai người đều đeo kính gọng đồi mồi giống nhau, ngồi trên những chiếc ghế đẩu nhỏ, và vẫn đại úy Iêgôruskin mà thiếu tướng cho gọi đến trước đó một chút, mặc

bộ quân phục bằng vải ngụy trang, đứng nghiêm trước bàn, đôi mắt húp vì mất ngủ nhìn chăm chú tấm bản đồ có vệt xanh đầm nước mặn.

— Lại đây — Thiếu tướng nói với Pêchya — Nhìn nhé. Đây là đầm nước mặn. Đây là chỗ chúng ta hiện đang đứng. Đây là cái cửa hầm mộ mà đội của chú vừa nhoi lên — Thiếu tướng đưa đưa trên tấm bản đồ cái hộp thuốc lá dày bằng kính không vỡ, trong đó trông thấy cả những điếu thuốc lá "Kazơbêc", — Hiểu chứ? Chú đọc được bản đồ chứ?

— Báo cáo đồng chí, em đọc được.

Chú bé đã nghiên cứu mãi tấm bản đồ những vùng lân cận Ôđetxa trong "văn phòng của đồng chí bí thư thứ nhất!"

— Chú bé khá lắm! Bây giờ chú trả lời câu hỏi này nhé: nếu ngay bây giờ chúng tôi xuống cái khe mà các chú vừa lên hôm nay, rồi chúng tôi đi mãi trong lòng đất thi sẽ đến đầu?

— Đến bộ chỉ huy của chúng em ạ — Pêchya trả lời sau một lúc suy nghĩ.

— Thế bộ chỉ huy của chú ở chỗ nào?

— Ở dưới đất, trong khu vực làng Uxatôvô.

Đồng chí tư lệnh xe tăng tìm thấy làng Uxatôvô trên bản đồ rồi đặt hộp thuốc lá lên trên.

— Rồi từ bộ chỉ huy, nếu chúng ta cứ theo đường hầm đi mãi, thì tới đâu?

— Không tới đâu cả.

— "Không tới đâu" là thế nào? Khi người lính hành quân, bao giờ anh ta cũng phải tới một chỗ nào chứ. Liệu có lối ra nào khác gần thành phố hơn không?

— Trước đây có mấy lối ra như thế, nhưng bây giờ đều bị bọn Đức vít lại và đặt mìn cả.

— Hừ... đặt mìn...

Thiếu tướng nhìn đại tá, cả hai đều cố giữ một nụ cười.

Đại úy Iêgôruskin cũng mỉm cười.

— Nếu chúng ta gỡ mìn đi thi sao?

— Nếu thế thì tốt quá — Pêchya nói.

— Dĩ nhiên làm thế không phải là dở... vậy chú em hãy chỉ cho chúng tôi những lối ra bị gài mìn trong khu vực bộ chỉ huy của chú đi.

Pêchya cúi xuống tấm bản đồ, sát đến nỗi tấm huấn chương mới của chú chạm lạch cạch lên mặt bàn. Chú thẹn quá nâng nó lên, nhưng nó lại chạm lần nữa.

— Chỗ này có một cửa ra, đây một cửa nữa và đây là cửa thứ ba — Chú đưa ngón tay trên bản đồ — Cửa này gọi là cửa "Con Dím" ạ.

— Được, nhưng nó không tiện cho chúng tôi. Chúng tôi cần một cửa ra gần thành phố hơn kia... À, cái cửa này có vẻ tiện hơn đấy. Đại úy Iêgôruskin, đồng chí thấy thế nào?

Iêgôruskin cúi xuống tấm bản đồ và xác nhận rằng không có cửa nào tiện hơn.

— Cửa "Đùi Cừu" đấy ạ — Pêchya nói.

— Sao lại gọi là "Đùi Cừu"?

— Vì có lần đội chúng em xuýt tóm được một xe cam nhông chơ đầy thịt cừu ở gần cái cửa ấy. Chúng em đã giết được tất cả tụi phát-xít, nhưng không lấy được thịt.

— Giỏi quá nhỉ! Nhưng đừng đi xa vấn đề của chúng ta. Cái "đùi cừu" này được đấy. Chú có thể dẫn dường cho đồng chí đại úy được không? Chú không lạc đường chứ?

— Lạc sao được ạ — Pêchya nói có vẻ ung dung pha thêm chút kẻ cả nữa — Ở dưới hầm mộ của chúng em, mọi ngõ ngách đều có đánh dấu, những dấu hiệu bé tí trên tường. Chỉ cần có dầu hỏa và đèn thôi ạ.

— Ồ, cái món hàng ấy thì chúng ta không thiếu. Này — Thiếu tướng nói với Iêgôruskin — Đồng chí lấy năm công binh theo sau là một đội hậu vệ với hai đại liên nhé. Liệu đại liên có đi được không? Vả lại, không được thì cũng cứ phải làm cho nó được thôi. Trường hợp nào cũng phải có một đội súng chống tăng và một điện đài nhỏ. Cứ phải đi công khai. Chẳng việc gì phải dè dặt trên đất đai tổ quốc mình! Người dẫn đường cho các đồng chí sẽ là chú thiếu niên tiền phong Batsây. Nhưng cẩn thận đấy! Cái "đùi cừu" đặc sắc ấy đại khái ở chỗ này đây. Các đồng chí hãy khai thông nó rồi không được chậm trễ, đột nhập con đường Hatji-Bây, sau vị trí quân Đức — quỷ tha ma bắt chúng nó đi — cái vị trí ấy đã chặn đường tiến của xe tăng tôi, làm ngừng trệ kế hoạch hành quân của tôi. Bọn Rumani đào ngũ khai ở đấy tụi Đức có nhiều nhất hai đại đội. Hướng công kích của các đồng chí như thế này.

Thiếu tướng cầm cây bút chì đỏ, rồi bằng một cử chỉ mềm mại vẽ một mũi tên cong rất đẹp, mũi nhọn chĩa vào một điểm trên đường Hatji-Bây nằm trong một vòng tròn xanh.

— Có thế thôi. Các đồng chí phải chịu hoàn toàn trách nhiệm với tôi về chú bé này đấy. Vào việc đi!

Đúng bốn phút sau, không có cả thì giờ chia tay với Raitxa Lvôpna, Pêchya đã trở lại hầm mộ. Đi đầu, toán công binh mang đèn và máy dò mìn. Pêchya và đại úy Cận vệ Iêgôruskin theo sau cũng cầm đèn, sau cùng, một toán dài bộ binh kéo theo hai khẩu "macxim" và một khẩu pháo chống tăng bằng một chiếc yên xe đạp. Cuộc hành quân thật vui, chẳng có gì đáng sợ cả.

Trong đời mình chưa bao giờ Pêchya tự cảm thấy có ích và cần thiết như thế. Chú đi với một sĩ quan chiến đấu, một đại úy Cận vệ, dẫn đầu một đội quân Cận vệ, mà chú lại là người dẫn đường. Không có chú là họ bị lạc. Chỉ có chú mới biết rõ những dấu hiệu kỳ dị về giao thông ngầm dưới đất, ghi trên những bức tường bóng loáng của đường hầm. Người ta nhìn chú bằng con mắt đầy hy vọng, âu yếm. Thắng bại của trận đánh tùy thuộc ở chú. Bất cứ lúc nào, chú cũng có thể bắt toàn đội dừng lại và ra

lệnh phải rẽ lối này hay lối kia do chú chọn.

Và thực tế, đôi khi đội hậu vệ đã phải dừng lại theo hiệu lệnh của chú. Lúc ấy chú cầm đèn vượt lên trước, nhìn những dấu hiệu trên tường, suy nghĩ một lúc, rồi chính chú ra lệnh tiếp tục hành quân.

Những bộ quân phục bằng vải dày chạm vào tường sột soạt. Cuối cùng, đội hậu vệ đã tới sở chỉ huy của Secnôivanenkô. Lúc đi qua, Pêchya thoáng nhìn thấy dưới ánh đèn, như trong giấc mơ, cái "góc đỏ" hoang vắng, tưởng chừng bị một lớp bụi kinh niên, im lìm, phủ lên tất cả, cái bàn đá, những mẩu giấy, những vỏ đạn, những đèn đuốc, cái két, cái điện đài, cái máy chữ, cái áo khoác rách nát cổ lông treo ở một cái đinh đóng lút vào tường. Như trong một giấc mơ, như trong một quá khứ xa xăm đã trở thành lịch sử đối với chú, Pêchya nhận thấy những lá cờ, cái giá bằng đá với những quyển sách phủ một lớp đá vôi ẩm, trông như đã biến thành đá cả rồi.

Trên chiếc bàn đá nhỏ, gần chiếc giường mà Valentin tội nghiệp đã nằm, chú trông thấy một quả cầu nhỏ chụp chiếc mũ xám màu đất bụi và một tấm ảnh cũ lồng trong chiếc khung nhỏ. Chú toan mang những vật ấy di, nhưng lại không dám động đến vì về mặt nào đó, chúng đã thuộc về lịch sử và có một tính cách thiêng liêng.

Toán quân Cận vệ vẫn tiếp tục đi. Sau hai giờ hành quân, họ đến cái cửa "Đùi Cừu". Pêchya dẫn toán quân đi rất thong thả, thận trọng, theo những dấu hiệu nhỏ trên những tường đường ngầm mà chỉ riêng chú biết. Nhiều người vạch các dấu hiệu ấy nay không còn nữa. Họ chỉ lưu lại những dấu hiệu mờ nhạt đó trên những phiến đá vôi: những dấu hiệu của Xiniskin, của thượng sĩ Vetxêlôpxki, của Xecgây Xecgâyêvich, của Xviatôxlap và cuối cùng của chính Đrujinin. Những dấu hiệu đó sáng lên trước mắt chú, báo hiệu cho chú, khuyên nhủ chú, chỉ đường đi cho chú, tiếp tục cuộc đời và sự hoạt động của những người đã khuất.

Nhưng chú trông thấy nhiều nhất chữ kết "PV"; mỗi lần trông thấy, Pêchya lại nhớ ra là "V" không còn nữa. Chỉ còn lại có "P", thôi, và ý nghĩ ấy cũng kỳ quái, cũng không thể chấp nhận được, cũng vô lý như cái ngày, cách đây một năm, chú được tin Valentin chết. Không, trong lòng chú, Valentin vẫn sống mãi. Chú vẫn tưởng như Valentin đang đi cạnh chú, trong những đường ngầm này mà hai người rất thông thạo, khẽ hích vào vai chú mỗi khi phải rẽ.

Công binh lập tức bắt tay vào việc và không quá một giờ sau, trong lúc bất ngờ, xuất hiện ở phía sau quân Đức; đại úy Cận vệ Iêgôruskin xông vào quân địch đánh bật chúng ra khỏi đường Hatji-Bây, tiêu diệt chúng và mở đường cho xe tăng.

Pêchya tiếc đứt ruột không được chứng kiến cảnh ấy một tí nào, vì Iêgôruskin đã cấm chú không được ló mặt ra khỏi hầm mộ trước khi trận đánh chấm dứt.

63

Pêchya tiến vào Ôđetxa trên một chiếc xe tăng, cùng với Lêônit Ximban mà chú gặp trên đường Hatji-Bây, sau trận đánh mở đường cho xe tăng tiến vào thành phố. Đoàn xe tăng dừng lại cạnh chỗ cầu chui của đường xe lửa phía dưới dốc Nông dân, cả Lêônit Ximban và Pêchya đều xuống tiếp tục đi bộ. Trời đã gần trưa. Thành phố còn mang nhiều dấu vết mới mẻ của những trận đánh trong phố kéo dài suốt đêm qua. Sáng sớm, quân đội xô-viết đã hoàn toàn chiếm lĩnh thành phố, và lúc này thành phố có vẻ như vừa trải qua một cơn bão hoặc một trận cháy.

Mặt trời rực rỡ và gió lạnh ào ào thổi tung khắp các đường

phố những núi giấy tờ bị thiêu hủy trong các công sở Rumani và Đức, trong những sở cảnh sát bị nhân dân phá tan, khiến ta nhớ lại những buổi tổng vệ sinh trước ngày hội: người ta mở toang các cửa sổ, mát-tít cũ rạn vỡ tanh tách, người ta kê dọn lại đồ đạc và gió thổi tung trên sàn nhà những rác rưởi tích lũy khắp mọi xó xỉnh trong mùa đông.

Trên đường phố, còn ngổn ngang xác bọn Đức chưa dọn kịp cùng những xe cam-nhông đổ, chất đầy của cải xô-viết bị cướp bóc, khắp nơi khói những đám cháy đang bốc lên nghi ngút, từ các hầm hào còn lôi ra được những tên Đức cuối cùng bắn súng phun lửa và những tên ác ôn chậm chân. Người ta còn đang giật khỏi các góc nhà những tấm biển phố mới; và trong khí thế sục sôi căm hờn thiêng liêng, đáng sợ, nhân dân đang áp giải bọn S.S. Đức bị bắt làm tù binh, những tên Đức bẩn thỉu, nhung nhúc chấy rận, với bộ mặt nhem nhuốc đất cát và cặp mắt hoảng loạn, giống tù khổ sai vượt ngục hơn là những chiến binh; và trong thành phố, các cơ quan xô-viết đã lần lượt dọn đồ đạc đến nhà mới, những cơ quan bấy lâu đã đóng ở tuyến thứ hai thuộc Mặt trận thứ ba của Ukren.

Lêonit Ximban và Pêchya đi tìm khu ủy, hy vọng gặp được Secnôivanenkô, Piôt Vaxiliêvich và bà Matriôna Têrenchiepna; họ đoán là mấy người này đã ra khỏi hầm mộ rồi và đã có mặt trong thành phố.

Có những toán lính Xlôvăc và Rumani đứng rải rác ở các đầu phố. Có những anh đính trên mũ ca-lô một dải băng đỏ nhỏ. Họ vẫy tay và réo to phía sau Ximban và Pêchya:

— Chào anh bạn người Nga! Chào đồng chí bôn-sê-vích! Hura!

Lêônit Ximban, đôi mắt sáng ngời, đưa tay lên mũ hét to đáp lại:

— Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại! Hành động đi, các bạn! Hura!

Pêchya cảm thấy phấn khởi lạ thường. Chú đi với Lêônit Ximban, không phải trên vỉa hè, mà ở giữa lòng đường, cho ra

vẻ một đơn vị quân đội dù ít người. Họ vẫn tự coi mình là một đơn vị quân đội, đại loại như một tổ hoặc một tốp gì đó thuộc đội hoạt động bí mật của Secnôivanenkô. Họ chưa thể quen với ý nghĩ nhiệm vụ của đội họ đã hoàn thành và họ không còn là những người hoạt động bí mật nữa.

Pêchya tự nhìn mình với con mắt của người khác: chính chú đang hành quân hùng dũng, trang nghiêm, sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự đối với Tổ quốc, mặt mũi nhem nhuốc bụi hầm, ngạt thở vì gió mát và mặt trời rực rỡ, với chiếc mũ bằng vải lều lật ra sau lưng, một tấm huân chương trên ngực và một khẩu súng lục bên sườn, chính chú, thiếu niên tiền phong Pêchya Batsây, cách đây không lâu lắm là phó chủ nhiệm câu lạc bộ những nhà sinh vật trẻ tuổi và bây giờ là một chiến sĩ du kích, một người chiến đấu vì nhân dân.

Mà đúng thế, ở Lêônit Ximban và Pêchya có một cái gì khiến bà con đi chật đường phố phải dừng lại. Trông hình dạng hai người thật không còn hồ nghi gì nữa. Đúng là những chiến sĩ bí mật, những con người truyền thuyết của hầm mộ.

Đám trẻ con chạy theo la hét ầm ĩ:

— Chú ơi, chú ở dưới hầm mộ Ôđetxa phải không?

Câu hỏi ấy dĩ nhiên hướng về Ximban, nhưng Pêchya không bao giờ quên trả lời với một nụ cười kẻ cả:

— Thế nào, trông biết ngay à?

— Còn phải hỏi! — Đám trẻ tươi cười nói. Những đứa trẻ của thành phố Ôđetxa, gầy guộc, trông rõ vẻ đói ăn, đi chân không, những đứa trẻ đã chịu đói khổ trong hai năm rưỡi trời chiếm đóng — Thế các đồng chí ở đội nào đấy?

— Đội Secnôivanenkô,

— Đồng chí Gayrick ấy à?

— Đúng — Pêchya thản nhiên trả lời.

— Jorka, Lionka, Kacpukha, ê các cậu, chạy nhanh lên, lại đây!

Hai tay trong đội Sechôivanenkô đây này!

— Người của đồng chí Gayrick đây này!

Thế là lũ trẻ chạy trên hè theo Lêônit Ximban và Pêchya, với một vẻ phấn khởi, thậm chí kinh ngạc nữa khiến mọi người tưởng như một trung đoàn đang diễu binh có quân nhạc dẫn đầu.

Nhưng sự đắc thắng của Pêchya lên đến tột đỉnh khi một cậu bé tí xíu đầu to, mặc cái áo sĩ quan Rumani rách mướp, quét xuống tận mắt cả đen nhẻm của đôi bàn chân bé nhỏ đi đất, cắm cổ chạy trên đường rồi, đi giật lùi trước mặt Pêchya, cất tiếng hỏi với đôi mắt thán phục nhìn xoắn lấy chú:

— Chú ơi, chú có cái huân chương gì thế?

— Huân chương "chiến công" đấy thôi em ạ.

— Ồ, sao mà đẹp thế! — Chú bé kêu lên bằng cái giọng Pêretxip trước toàn thể bà con hàng phố, nhưng đúng lúc ấy chú lại vướng chân vào cái áo Rumani ngã phệt xuống mặt đường, làm mọi người cười ồ, phá rối trong giây lát cái trật tự quân sự đẹp đẽ của cuộc diễu binh của Ximban và Pêchya.

Tóm lại, tất cả đều tuyệt diệu, phi thường trong ngày Chiến thắng tươi đẹp này.

— Người của Secnôivanenkô đây! Dân Uxatôvô đây! — Người ta nói với nhau trong đám đông đi theo Pêchya và Ximban.

Hai người hỏi cơ quan khu ủy ở đâu, nhưng chẳng ai trả lời được câu hỏi đó một cách chính xác. Ngôi nhà cũ đã bị phá, còn ngôi nhà mới ở đầu, chưa ai hay biết gì cả.

Cứ như thế, họ đi qua ngôi nhà còn nguyên vẹn của Rạp hát thành phố, những lá cờ đỏ cắm đầy mặt trước ngôi nhà đang tưng bừng rung rinh trước gió, họ tạt ra chỗ trước kia là đại lộ Duyên hải, tiến về phía tượng Puskin và khẩu pháo nổi tiếng. Khẩu pháo vẫn như xưa, chĩa nòng về phía biển khơi xanh biếc, phóng khoáng và mênh mông, bên ngoài cảng.

Lêônit Ximban trèo nhanh lên lan can và đưa mắt say sưa ngắm những đường nét thân thuộc của cảng... Đôi mắt anh lim dim, đầu anh quay từ từ,., anh siết chặt khuỷu tay Pêchya mỗi lúc một mạnh. Pêchya không hiểu đầu đuôi ra sao chỉ thấy đau quá. Chú toan rút nhẹ tay ra, nhưng ngón tay Lêônit Ximban cứng như sắt khiến Pêchya hoảng sợ nhìn lên bộ mặt của anh đang in một nụ cười đắc thắng lạ lùng.

— Chú làm sao thế, chú Liônya?

— Thế nào... cháu có thích không? — Ximban lắp bắp trả lời — Thật đẹp tuyệt vời! Ôi những con người kỳ diệu! Những con chim ưng!

— Chú nhìn thấy cái gì ở ngoài ấy thế? — Pêchya rên rỉ thảm hại.

— Nhìn thấy cái gì ở ngoài ấy à? — Ximban thốt lên, bất giác tỉnh lại và buông khuỷu tay Pêchya ra — Chú nhìn thấy cái gì ở ngoài ấy à? — Giọng anh vang lên hùng dũng, đắc thắng — Chú nhìn thấy những người của ta vẫn cứu thoát được hải cảng. Trước đây chú hết sức lo họ không cứu nổi. Thế mà họ cứu được đấy. Nhìn kìa, những công trình chính vẫn đứng vững. Tay Xtrenbixki anh dũng thật! Một con chim ưng! Cảm ơn anh ấy! Ôi, vì đồng chí!

Pêchya nhìn hải cảng và chẳng hiểu gì cả. Chú chỉ thấy những tàn phá. Nhưng Lêônit Ximban bằng con mắt lão luyện của người dân Ôđetxa kỳ cựu đã nhìn thấy chính xác, những máy móc và những công trình nguyên vẹn nằm giữa đống điêu tàn. Những vật nguyên vẹn ấy còn rất nhiều hơn ta tưởng khi mới nhìn qua lần đầu.

— Máy trục! Những nhà ướp lạnh! Bến Dầu! Cái đê Bốn mươi! Cái đê Platônôpxki! Kho lúa mì! Tất cả vẫn nguyên! Thử nhìn xem! Chúng nó hầu như chẳng phá được gì cả! — Thậm chí Lêônit Ximban còn reo ầm lên, tay vẫy mũ như để chào hải cảng quê hương yêu dấu của anh, vẻ đẹp và niềm kiêu hãnh của Hắc-hải.

Nhân dân xúm quanh Ximban, từ trên cao nhìn xuống cảng, lớn tiếng kiểm lại những công trình mà bọn phát-xit không phá hủy được, và họ cũng vẫy mũ.

Và trên một quảng trường nhỏ hẹp, dưới hàng cột đẹp cổ điển của Nghị viện cũ Ôđetxa, nhìn cũng biết là một cuộc mít-tinh bất ngờ vừa mới chấm dứt. Diễn giả bước xuống cầu thang và được quần chúng xúm quanh. Đó là một cụ già tóc bạc như tuyết, mặc quân phục lính thủy của hạm đội Nga hồi trước cách mạng. Gió thổi phần phật cái cổ áo khoác xanh và những dải băng thánh Jorjơ trên chiếc mũ nồi của ông cụ có ghi hàng chữ vàng "Pôtemkin Tayrisexki".

— Pôtemkin, Pôtemkin — Có tiếng nói trong đám đông — Một thủy binh của chiến hạm Pôtemkin. Người ta vừa chở ông cụ trên phóng ngư lôi hạm từ Nikôiaiep về đấy.

— Suốt thời gian chiếm đóng, ông cụ vẫn sống trong vùng Ôđetxa đấy.

— Một tay hoạt động bí mật kỳ cựu mà lị.

— Nghe nói ông đã quen chính Lênin đấy.

— Trong nội chiến, ông cụ phục vụ Hạm đội trên sông ở Xaritxin đấy.

— Đầu bạc phơ y như ngọn bồ công anh. Nhưng lông mày còn đen đấy chứ. Già mà vẫn hăng gớm!

— Chuyện! Ông cụ chiến đấu cho chính quyền xô-viết từ 1905 mà lại.

— Người ta bảo hồi đó, ông cụ ở trong tổ chức chiến đấu thành phố Ôđetxa chúng mình đấy.

— Cô bé đi với ông cụ là thế nào nhỉ?

— Con ông cụ đấy.

— Không phải con đâu, cháu đấy.

— Ừ phải, có lẽ cháu thực.

— Cô ấy đi theo ông cụ khắp nơi.

— Dạo ông cụ đóng vai người quay phong cầm Bacbari thì cô ấy hát, múa theo nhịp trống. Ai cũng tưởng họ là một ông già Rumani và một cô bé Rumani.

— Đúng thế, nước da cô ta nâu gớm đi ấy.

— Cô ta nói tiếng Rumani cứ liến đi thôi! cả ông cụ cũng thế.

— Ông cụ thì có gì lạ. Ông cụ ở tàu Pôtemkin, đã từng sang Rumani, ở đấy một thời gian và học nói tiếng bên ấy.

— Thành ra bây giờ lại có ích đấy.

— Cậu nói về cô bé Ida ấy à?

— Về cả ông cụ và cô cháu gái.

— Con gái Đrujinin đấy.

— Đrujinin nào nhỉ?

— Đồng chí Đrujinin rất anh hùng đã bị bọn Đức xử bắn mà không thèm ký giấy xin ân xá ấy mà.

— Thế thì tên thật của đồng chí ấy không phải là Đrujinin. Đrujinin chỉ là bí danh để hoạt động bí mật thôi. Đồng chí ấy là trinh sát xô-viết, người vùng ta đấy.

— Khi bọn chúng xích đồng chí ấy dẫn qua thành phố thì ông cụ và cô bé...

Lúc ấy, Pêchya và Lêônit Ximban rẽ được đám đông. Mọi người đều tỏ vẻ trọng vọng để họ đi qua và đột nhiên đứng cạnh ông cụ thủy binh. Một tay ông cụ chống gậy, một tay vịn vào cô bé. Cô bé đi bốt ngắn, mặc váy xanh, áo trắng, đeo khăn quàng thiếu niên tiền phong đỏ quanh cái cổ rám nắng. Dáng đi của cô bé thẳng như một cây sậy nhỏ, cô nhìn bằng đôi mắt nâu thâm trong có hai điểm ngời sáng rung rinh dưới hàng mi ngắn nhưng rất đen và cong cong nom tuyệt đẹp.

Trước khi Pêchya nhận ra cô, cô đã nhận ra Pêchya; cô dừng lại và chìa tay ra cho chú. Bộ mặt hơi mỏi mệt, bình thản và

nhất là già hơn tuổi của cô không hề biểu lộ một chút ngạc nhiên hoặc mừng rỡ nào.

— Chào Pêchya — Cô nói đơn giản có thế — Thế là chúng mình lại gặp nhau! — Đôi môi cô mấp máy có vẻ chua chát — Mình nhận ra cậu ngay, mặc dù cậu nhớn lên nhiều đấy. Thế cậu không nhận ra mình ngay à?

— Không — Pêchya trả lời — Không nhận ra ngay.

— Có lẽ cậu quên tên mình rồi đấy nhỉ? — Cô mỉm cười gắng gượng — Mình tên là Galina.

— Mình biết rồi. Mình có quên đâu — Pêchya cảm thấy lòng tràn ngập một tình yêu mến và thương xót đến nỗi khó thở. Chú nhìn chằm chằm vào đôi mắt trẻ thơ rất xinh của Galina và trong mỗi con ngươi, sau hàng mi nhỏ, chú thấy một hình ảnh nhỏ tí của bản thân chú, của cái đầu bù xù, cái bóng nhỏ của mặt trời mùa xuân một màu trắng lóa, và cả một lá cờ đỏ trên bao lơn của khách sạn.

Cô bắt tay chú, giữ chặt lấy và khẽ lắc lắc:

— Cậu còn nhớ bố mình không? Quân địch đã bắn chết mất rồi.

— Mình có biết — Pêchya nói — Đại úy Đrujinin. Chúng tôi đã cùng ở hầm mộ với nhau.

— Thế à? — Cô bé nói, không hề tỏ vẻ ngạc nhiên, và có phần nào thản nhiên nữa là khác, nhưng rất nghiêm trang — Cậu đã ở dưới hầm mộ như thế là tốt lắm. Hai ông cháu mình cũng hoạt động đấy. Còn bố cậu thì sao?

— Bố mình làm phó cho chú Đrujinin.

— Ông ơi, cháu giới thiệu nhé — Galina nói — Đây là Pêchya mà hồi trước cháu đã cùng đi máy bay đến Ôđetxa. Cậu ấy đã ở dưới hầm mộ cùng với bố cháu đấy.

Ông già chăm chú nhìn Pêchya bằng đôi mắt nhỏ âm thầm và rất sâu, ẩn dưới cặp lông mày đốm bạc, mấp máy đôi môi rồi

chìa tay ra cho chú bé; trên bàn tay ấy, Pêchya nhộn thấy một vết xăm, một chiếc mỏ neo nhỏ màu xanh.

— Chào kỵ sĩ — Người thủy thủ già nói; trong lúc đó Pêchya cảm thấy bàn tay già nua của cụ như bằng gỗ với lần da thuộc cứng siết chặt lấy tay chú. Khi gọi bằng kỵ sĩ, cụ nghĩ đến tấm huân chương, nhưng chú bé lại hiểu theo nghĩa Đrujinin đã dùng một lần — kỵ sĩ của cô con gái — nên chú xấu hổ đỏ cả mặt.

— Đi với chúng tôi nhé — Galina vừa nói vừa khoác tay Pêchya.

— Đi đâu?

— Đọc thư của bố mình.

Pêchya không hiểu.

— Cậu không biết à? — Cô nói — Trước khi chết, bố mình có viết một lá thư. Đi nhé.

Cũng chưa hiểu rõ phải đi đâu, nhưng chiều theo giọng nói giản dị lạ lùng và đầy sức thuyết phục của Galina, Pêchya nhìn Lêônit Ximban có vẻ dò hỏi. Ximban gật đầu tán thành với vẻ trang trọng, nghiêm nghị. Rõ ràng là anh biết sắp đi đâu rồi. Họ qua phố Puskin về mạn nhà ga đông nghịt; dân chúng Ôđetxa và Hồng quân kéo đến mỗi lúc một nhiều, ông cụ thủy binh một tay chống gậy, một tay vịn vai cháu gái, đi cạnh cô là Pêchya với chiếc mũ bằng vải lều hất ra sau lưng, sau họ là Lêônit Ximban khoác khẩu súng trường như thường lệ và còn vô số những người không quen biết.

Trông chẳng khác gì một cuộc đưa đám long trọng. Thỉnh thoảng, ở những ngã tư, đám đông dừng lại, và người thủy thủ của chiến hạm Pôtemkin bỏ chiếc mũ nồi cũ ra với những dải băng Thánh Jorjơ bay phấp phới, vẫy vẫy trên cái đầu bạc phơ và nói to hằng một giọng người già, nhưng vẫn còn khỏe:

— Đồng bào thành phố Ôđetxa vinh quang, nhân ngày vĩ đại hôm nay tôi chúc mừng các bạn thoát khỏi ách của bọn phát-xít

xâm lược! Chính quyền xô-viết muôn năm!

Đến một chỗ gần đó, một toán kỵ binh phi nước đại đuổi kịp họ; mặt đường bằng đá hoa cương kêu vang dưới tấm màn thưa của những cây dạ hợp mọc ngả ra đường. Đi đầu là Xêrafim Ivanôvich Tulyakôp cưỡi ngựa, mặc áo khoác ngắn da bê, thắt thắt lưng rộng bản của sĩ quan, với một thanh gươm kôkazơ, một cái mũ lông cừu nông thôn có dải đỏ nhỏ phía trước. Trông anh thật lịch sự, gọn gàng, râu mới cạo, bộ ria bàn chải tỉa rất khéo, lông mày thẳng tắp. Con ngựa của anh đang thở phì phì văng bọt ra tứ phía, mình đẫm mồ hôi, và vẩy bùn khô. Sau anh, những bộ mặt rạng rỡ quen thuộc của những chàng trai trong đội, trên lưng súng trường nhảy nhót, và trên mũ đó rực những mảnh vải nhỏ. Trên dường, một chiếc tasanka[14] màu xanh với khẩu súng máy chạy ầm ầm như sấm, anh chàng Tarat Xêrêđa vui tính ngồi cạnh khẩu súng, mặc áo va-rơ lính thủy, đội mũ lưỡi trai không vành, tay ôm trên đầu gối chiếc đàn phong cầm to tướng màu vàng và trắng.

— Này, chào các tướng! — Lêônit Ximban gào to — Tulyakôp! Xêrafim Ivanôvich!

Nhưng Tulyakôp không nghe thấy, và toán quân vẫn đi, không dừng lại.

Sau cùng, họ rẽ sang một phố khác và bước qua chiếc cổng mở rộng của một ngôi nhà xám, cửa sổ vỡ toác, qua đó gió thổi tung những tàn giấy cháy đen.

Ngôi nhà này không gây được chút cảm tình nào với Pêchya, mặc dù tường mới sửa lại và những nắm đấm bằng đồng đánh thật bóng. Nhưng khi họ bước vào cái sàn âm u, vắng lặng, nơi rõ ràng không bao giờ có ánh mặt trời, nơi toát ra một cách khả nghi cái mùi than gầy và mùi ẩm thấp giá lạnh, chú bé bỗng cảm thấy tim mình đập rộn lên.

Galina bồn chồn siết chặt tay chú bé và cũng bước xuống tầng dưới đất tối om đang bốc lên cái mùi hầm sâu.

Có người bấm đèn.

— Đây rồi — Một giọng trầm trầm cất lên trong bóng tối.

Họ trông thấy một cảnh cửa mở có song sắt to; họ bước vào, lòng xúc động trước cảnh trống rỗng nặng nề của căn phòng. Mặt sàn nhà đen sì lát sắt tấm và những bức tường quét trắng nham nhở, thế là hết. Không một tia sáng nào từ bên ngoài vào. Và cái mùi mới ghê làm sao! Cái mùi ẩm ướt, tù hãm của khí clo, của thuốc ngâm gỗ, và bao trùm tất cả là một cái gì ngột ngạt, cái mùi sắt gỉ làm phát điên lên được.

Trên tường chi chít những dòng chữ ghi của tử tù, tên họ, lời vĩnh biệt, những câu chửi rủa, những lời cầu nguyện khắc vào tường hoặc viết vội bằng bút chì. Ta có cảm tưởng là căn phòng đầy những tiếng kêu thét, rên rỉ, thầm lặng của hàng trăm con người bị sát hại.

— Đây này — Một người nói và vệt sáng ngọn đèn dừng lại, run rẩy trên những chữ vạch bằng bút chì tím ở tầm cao của một người cao lớn.

"*Vĩnh biệt Tổ Quốc! Quân phát-xít chó má sắp giết tôi. Chúng hứa tha chết cho tôi nếu tôi làm đơn xin ân xá. Không! Không bao giờ! Quyền lực của bọn chúng trên đời này đã chấm dứt. Tôi là người Nga! Tôi không có ý định xin quân thù ân xá. Tôi chỉ công nhận có một quyền lực trên đời này, đó là chính quyền Xô viết.*

Galôska yêu quí, con gái bé bỏng, nguồn vui sướng của bố! Vĩnh biệt ánh mặt trời xinh xắn của bố! Cám ơn con đã đến thăm bố lần cuối cùng. Bố đã được gặp con và cả ông nữa. Đừng khóc bố, đừng buồn con nhé. Trên đời này con sẽ còn được hưởng hạnh phúc, con sẽ được trông thấy ánh mặt trời của chủ nghĩa cộng sản. Trong xã hội có biết bao nhiêu người tốt. Họ sẽ không bỏ rơi con đâu. Con đừng quên bố, con nhé. Bố đã làm tất cả những gì bố có thể làm được, đáng tiếc là còn ít ỏi quá. Muôn năm chủ nghĩa cộng sản, muôn năm... "Dòng chữ chưa viết hết. Tiếp theo là một nét gạch xanh, rất thẳng, và sâu của một chiếc bút chì gẫy.

64

Ai cũng tin rằng không nay thì mai Secnôivanenkô, Matriôna Têrenchiepna và Plôt VaxiLiêvich sẽ ra khỏi hầm mộ và sẽ xuất hiện trong thành phố. Mà không chừng họ đã ra rồi cũng nên và đang nghỉ ngơi ở chỗ nào đó trong ngôi nhà của Secnôivanenkô, ở đại lộ Vô sản, hoặc ở nhà Matriôna Têrenchiepna ở Pêretxip. Pêchya lại đến ở nhà Kôletnisuc, nóng lòng chờ đợi bố chú xuất hiện. Những ngày đầu tiên sau khi giải phóng Ôđetxa dĩ nhiên trong thành phố còn tình trạng lộn xộn ghê gớm, nên không dễ gì mà tìm được Secnôivanenkô. Không thiếu gì chỗ ông có thể ở. Rất có thể với bộ phận còn lại của đội, nghĩa là với Piôt Vaxiliêvich và Matriôna Têrenchiepna, họ đã đi theo quân đội và đang tiếp tục chiến đấu ở một nơi nào đó bên kia sông Đơniet, ở vùng Betxarabi. Cũng có thể họ đang ở tại bộ chỉ huy và giúp việc hỏi cung tù binh...

Nhưng đã sáu ngày sáu đêm rồi, họ vẫn mò mẫm trong cái mê hồn cung ngầm mà không tìm được lối ra. Tình trạng của họ không phải chỉ nguy hiểm mà tuyệt vọng. Họ biết rõ điều ấy. Lương thực của họ đã cạn từ lâu, một giọt nước cũng chẳng còn.

Secnôivanenkô thổi tắt ngọn đèn bão, tất cả mệt mỏi ngồi phệt xuống đất. Lúc này bóng tối ngăn cách họ, và họ chỉ biết sự có mặt của nhau qua hơi thở nặng nề, đứt quãng. Họ im lặng. Chẳng phải nói, mà đến cả thở cũng khó nhọc đối với họ. Mỗi hơi thở yếu ớt, đứt đoạn không hề bồi bổ cho họ được chút nào mà chỉ gây cho họ những nỗi đau đớn không thể tưởng tượng được. Đầu họ như bị thít mạnh tứ phía bằng một cái vòng sắt chặt. Tai họ ù lên, và cái tiếng ù tai ấy chẳng khác gì một dòng nước mát chảy róc rách tràn trề quanh họ, nhưng họ không làm sao uống được. Họ tin chắc ở một chỗ nào đó phía trên họ, đang mưa như trút, những thác nước mưa cuồn cuộn chảy theo những con đường của thảo nguyên, đầy ứ lên như những con

sông. Nước đổ xuống như thác, ngấm vào những kẽ ngầm, sôi sục tràn đầy những lỗ hở của khối đất run lên vì khát. Kìa, nó đang chạy đến những bức tường trong hầm ngầm, dồn lại thành suối, thong thả chảy đi, trên phủ một lớp bụi khô, chưa thấm nước. Chỉ cần lấy bàn tay gạt lớp bụi ấy đi, áp môi vào mà uống, uống... Nhưng đó chỉ là những ảo ảnh nảy ra trong óc họ, nó như khô cạn và đang chết dần vì thiếu nước.

Họ đã phạm một sai lầm không sửa chữa được là không ở lại chỗ có những bức tường hơi thấm khí ẩm dưới đất. Họ có thể áp môi vào mặt đá vôi ẩm và cố mút lấy dù chỉ vài ba giọt nước. Họ có thể lấy cuốc vạc tảng đá ra, và chắc chắn phải có một tia nước mát vọt ra, có lẽ không mạnh lắm nhưng dù sao cũng đủ uống. Nhưng chuyện ấy qua đã lâu rồi, có lẽ đến ba, bốn ngày trước. Lúc ấy, họ chưa hiểu sâu sắc thế nào là cái khát. Lúc ấy, họ còn hơn một lít dầu hỏa và có thể đi xa hơn. Họ chỉ áp môi vào tảng đá ẩm rồi lại tiếp tục đi. Họ rất có thể cởi sơ-mi, ấp vào thành đá ẩm, đợi cho nó thấm nước. Rồi vắt áo và hứng nước vào một chiếc chai không. Bây giờ họ có thể mỗi người tợp lấy dù chỉ một ngụm nhỏ. Nhưng lúc ấy họ chưa hề có một ý nghĩ thế nào là khát. Lúc đó, đối với họ, đời sống là ánh sáng. Nhưng lúc này đời sống lại là nước.

Chao ôi, tại sao lúc đó họ không đào lấy một cái giếng nhỉ! Lúc ấy, họ còn có xẻng, cuốc và khá nhiều sức lực để có thể đào bất cứ cái giếng nào, một cái giếng to, đầy tràn thứ nước mạch đen và mát mà nếu không có thì bây giờ họ sắp chết cả. Họ nghĩ rằng sống là cử động. Thế mà đời sống lại là cái cuốc, cái xẻng và cái giếng để đào biết bao.

Bao nhiêu sai lầm không sửa chữa được! Lúc còn nhiều dầu trong đèn thì họ đi, cứ đi mãi, rẽ hết ngách hầm này sang ngách hầm khác. Đó là những đường hầm rất cổ, từ bao đời chân người không đặt tới. Nhưng đó là những đường hầm do con người đã đào ra, nó không thể không dẫn đến một cái đích nào đó, Nhưng nhiều chỗ, nó bị vít lại do sụt hầm, hoặc do đất lở. Họ luôn luôn phải quay trở lại và rẽ sang một lối khác.

Đôi lúc, họ đến những động lớn và thấy có dấu vết của người. Trong một động, họ thấy có bộ xương người, gần nát thành bụi, và thấy những mảnh quần áo quanh bộ xương ấy. Trong một động khác, có những dấu vết đen của một đống củi và trên mặt đất, lăn lóc một cái bình nhôm hai cổ bẹp dúm, bị một viên đạn xuyên qua, trên tường, có thể đọc được hàng chử xạm đen "lètaires de tons lespays, imisse"[15] tất nhiên vạch bằng mũi gươm của một anh thủy binh người Pháp không muốn chiến đấu chống lại nước cộng hòa xô-viết trẻ tuổi hồi 1919, thời kỳ can thiệp của mười bốn cường quốc. — Anh thấy đấy — Secnôivanenkô vừa nói vừa ngồi xuống cạnh bức tường — Batsây, anh thấy đấy, một cuộc chiến đấu xiết bao kinh khủng và không đội trời chung đã diễn ra trên thế giới cách đây hai mươi nhăm năm. Một phần tư thế kỷ? Anh thử nghĩ xem?;.. — Ông thở khó nhọc và liếm đôi môi khô nứt nẻ — Từ một phần tư thế kỷ trước, bọn tư bản đã toan tiêu diệt chúng ta, đè bẹp chúng ta, tống cổ chúng ta xuống đất,.. Bằng sắt thép hoặc bằng lửa đạn. Thật đủ các loại khốn nạn muốn cắt cổ chúng ta! Tụi Đênikin, tụi Vraughen, tụi Kônsac, tụi Xêmiônôp, tụi Petliura, tụi Saknơti, tụi Đảng kỳ nghệ, ấy là chưa kể những bọn Trôtki, Zinôviep, Basmat, Mutxayat... Thuốc độc, dao găm, bọn phản bội, Khankhinhôn, Phần-lan trắng. Bây giờ thì Hitle, Mutsôlini, Antônexco và các loại Quixlinh.,. Thế mà chúng ta đã đánh bại chúng, chúng ta đang đánh bại chúng và chúng ta sẽ đánh bại chúng đấy. Đúng, chúng ta sẽ đánh chúng trong một trận sống mái — Môi ông mím lại, đôi mắt khô khan, bốc lửa nhìn chằm chằm một lúc vào ngọn lửa leo lét của chiếc đèn bão — Và chúng ta sẽ tiêu diệt được bọn chúng... Chúng ta sẽ tiêu diệt được bọn chúng vì chúng ta làm một cuộc chiến tranh chính nghĩa, một cuộc chiến tranh nhân dân, một cuộc chiến tranh kiểu mới. Một cuộc chiến tranh vì tương lai của tất cả nhân loại cần lao, một cuộc chiến tranh vì chủ nghĩa cộng sản!

Có lần, họ gặp một bát chữ in gỉ đến nỗi những chữ chì đã gần biến dạng cả và trông giống như những viên sỏi dài. Chính đây dưới lớp bụi, họ thấy một chiếc máy in gỉ và những mẩu giấy

vàng khè.

Họ dừng lại và Secnôivanenkô cầm một mẩu giấy lên.

Họ còn mầy mò đọc được mấy chữ in: "*... bãi công phản đối những vụ tàn sát trên sông Lêna. Ở Pêtecbua và Mạc-tư-khoa, ở Riga và Kiep, ở Xaratôp và Iêkatêrinôxlap, ở Ôđetxa và Khackôp, ở Baku và Nikôlaiep, khắp nơi trên nước Nga, công nhân sẽ ngẩng đầu lên bảo vệ những đồng chí của họ bị sát hại trên sông Lêna...*" "*Chúng tôi không chết, dòng máu thắm của chúng tôi đang sôi sục vì ngọn lửa của những sức mạnh không bị phung phí...*" "*Phong trào thợ thuyền đang ở trong giai đoạn thứ ba...*"

Secnôivanenkô vội vàng nhấc lên một mẩu giấy nữa, mẩu giấy biến ngay thành bụi trong những ngón tay run lên vì xúc động:

"*Không còn nghi ngờ gì nữa, những lực lượng hầm ngầm của phong trào giải..*"

— Đây là một tờ truyền đơn từ năm một nghìn chín trăm mười hai.,. — Secnôivanenkô vừa nói vừa hết sức chăm chú nhìn mẩu giấy cũ mong manh — Tôi nhớ ra rồi. In trong tờ Ngôi sao, rồi người ta in lại trong nhà in của Đảng đặt dưới hầm mộ này.

Ông im bặt rồi lại tiếp bằng giọng cảm xúc, sâu sắc:

— Các đồng chí ạ, đây là tiếng nói của Đảng ta! Nó từ lịch sử xa xưa đến với chúng ta. Các đồng chí có thấy sức mạnh của nó không? Ngày nay nó nói với chúng ta: Chúng tôi vẫn sống!

Secnôivanenkô lim dim đôi mắt và lẩm nhẩm chậm rãi:

"*... dòng máu thẩm của chúng ta đang sôi sục vì ngọn lửa của những sức mạnh không bị phung phí*". Đúng, những sức mạnh không bị phung phí! — Giọng nói Secnôivanenkô vang lên, đầy tin tưởng — Chúng tôi vẫn sống! Đó là Đảng Bôn-sê-vich của chúng ta, ngày hôm nay, trong lúc này, ở đây, nói với chúng ta về những lực lượng hầm ngầm của phong trào giải phóng! Đảng kêu gọi chúng ta tiến lên. Vâng, tiến lên, các đồng chí!

Thế là họ lại đi xa hơn, tiến lên phía trước, luôn luôn tiến lên phía trước.

Họ không có chút khái niệm nào về địa điểm họ đang đi, về những gì xảy ra bên trên, họ cứ đi trong cái mê hồn cung ngầm chừng nào còn dầu hỏa trong đèn của họ. Đến lúc thấy dầu chẳng còn hao nhiêu họ tắt đèn và nằm dài ra trên mặt đất. Họ không còn khái niệm gì về thời gian và không gian nữa. Chỉ còn một cảm giác để họ đánh giá cảnh vật chung quanh, đó là cái cảm giác khát làm họ phát điên lên.

Họ sắp chết khát rồi, Matriôna Têrenchiepna bắt đầu mê sảng, đôi lúc lịm đi. Secnôivanenkô và Piôt Vaxiliêvich hoảng sợ lắng tai nghe những lời lảm nhảm của bà rì rầm trong bóng tối y như một dòng suối.

65

— Này Pêchya, thế là cơ sự bọn mình hỏng bét rồi — Secnôivanenkô đợt nhiên nói giọng lạc hẳn đi, chỉ thoáng nghe cũng đủ cảm thấy lưỡi ông nứt nẻ và họng ông khô bỏng đến chừng nào. Rõ ràng là ông muốn mỉm cười — Anh nghĩ sao?

— Tai hại hết chỗ nói — Piôt Vatxiliêvich trả lời, cũng có vẻ muốn mỉm cười, và cảm thấy tất cả cái lạnh lùng trong những lời nói của Secnôivanenkô, trong ý nghĩa kín đáo và tàn nhẫn của chúng — Thế mà cánh mình lại khao khát sống quá, khao khát quá thể! Lẽ ra mình mãi mãi được sống hẳn hoi.

— Nhưng ai dám nói là mình chết? — Secnôivanenkô gần như hét lên trong bóng tối bằng một giọng đã trở nên khó nhận, phẫn nộ, ngắt quãng — Không đâu, anh bạn, anh nói bông đùa đấy thôi!

Bất giác, Secnôivanenkô hình dung thật rõ ràng thành phố quê hương của ông mà phút này có lẽ họ đang sống bên dưới. Là con một công nhân cảng, cháu một ngư dân, nguồn gốc vô sản, ông là người thừa kế trực tiếp của những người đầu tiên xây dựng và đầu tiên bảo vệ thành phố quê hương của mình, cho nên ý nghĩ về cái chết đối với ông thật kỳ quái, vô lý.

— Không đâu, anh bạn ạ, anh nói đùa đấy thôi! — Ông vừa nhắc lại vừa tìm thấy trong bóng tối cánh tay của Piôt Vatxiliêvich và ghì chặt lấy phía trên khuỷu — Nghe đấy, Batsây — Ông thì thào rất nhanh và sôi nổi — Chính tổ tiên chúng mình, dòng giống những người cô-dắc zapôrôgơ, cư dân vùng Xetsơ, những con người can trường và say mê tự do, ngày xưa đã đến đây, trên bờ Hắc-hải, và cùng với những nông nô trốn khỏi nước Nga của Katêrin, họ đã sinh sôi nảy nở và cày bừa những thảo nguyên của nước Nga mới đấy, anh bạn ạ... — Ông ngừng lại, chờ đợi một câu trả lời, nhưng ông không nhịn được — Anh có nghe thấy tôi nói gì không?

— Tôi có nghe — Piôt Vatxiliêvich trả lời trong bóng tối.

— Nếu nghe thì phải cố mà hiểu và đừng nghĩ đến cái chết nữa. Thôi nhé. Tôi ra lệnh cho anh đấy! Dưới ngọn cờ của Xuvôrôp, ai đã xung phong chiếm lĩnh Ixmain và Ôtsakôp? Ai đã chiến đấu chống quân Thổ-nhĩ-kỳ? Ai đã xây dựng thành phố? Tổ tiên chứng ta: những người thợ nề, thợ đấu, thợ mộc. Chính các cụ là những người chủ thực sự của tất cả cái kho tàng giàu có và đẹp đẽ này! Chính các cụ, ở trong đội pháo binh của đô đốc Sêgôlep, đã bảo vệ thành Ôđetxa chống quân Pháp — Anh xâm lược. Chính các cụ đã hy sinh vinh quang trong những pháo đài Xêvaxtôpôn! Còn chúng mình? Anh và tôi, anh bạn ạ, chúng mình đã trải qua bốn cuộc chiến tranh và hai cuộc cách mạng! Anh có nhớ chúng mình đã vác đạn đến những chiến lũy năm 1905 như thế nào không? Anh có nhớ chúng mình đã chiến đấu năm 1917 cho chính quyền Xô-viết như thế nào không? Và ai đã bảo vệ chính quyền của chúng ta chống Đênikin và Vranghen? Ai đã đánh bại bọn can thiệp, đầu tiên là bọn Đức, rồi đến bọn

Anh, bọn Mỹ, bọn Pháp, bọn Hi-lạp và những bọn lính đánh thuê khác của chủ nghĩa tư bản thế giới? Thế nào? Vậy mà anh nghĩ rằng hai đứa chúng mình lại bị chôn sống quá dễ dàng trong lòng đất này ư? Không, anh bạn ạ! Chúng mình bất tử!

Piôt Vaxiliêvich nghe có tiếng động bồn chồn trong bóng tối. Chắc hẳn Secnôivanenkô vừa đứng dậy, hai tay dang ra, nhìn soi mói chung quanh, như một anh mù muốn chạy trốn mà không tìm thấy cửa.

— Ồ! Giá tôi có một cái cuốc hay một cái xẻng! — Giọng nói giận dữ của ông cất lên.

Nhưng làm gì có cuốc với xẻng! Họ đã phải quăng cả đi từ đời nào rồi. Họ làm gì còn sức để tha chúng đi xa hơn nữa. Họ đã quẳng cả xẻng, cuốc, súng trường, lựu đạn. Trong một lúc, Piôt Vaxiliêvich lắng nghe cái hơi thở ngắn và gấp ấy. Hình như ông kiệt sức và lại nằm dài xuống mặt đất thì phải.

— Này Batsây — Secnôivanenkô đột nhiên nói — Anh nghĩ thế nào, liệu họ có cắt được cái dây cáp bọc sắt không?

Câu hỏi ấy luôn dằn vặt ông. Lúc nào ông cũng nghĩ đến bến tàu, đến những thùng chất nổ và những quả bom xếp theo hình bàn cờ giữa những công trình hải cảng, trên những sân bến, bên những cần trục. Ông nhìn thấy những cái bóng im lìm của những tên lính gác Đức. Ông hình dung ra cảnh đêm tối, cảnh xấu trời, cảnh trời mưa và những bóng đen của Iakôplep, Xtrenbixki, Xviriđôp, Liđya Ivauôpna bò trong bóng tối những nhà kho, trong những cảnh điêu tàn của cảng, về phía những chiến hào kín trong đó có đường dây cáp bọc sắt. Họ bò hết sức chậm, luôn luôn dừng lại và dán mình xuống lòng đường ướt át trên đó những hạt mưa rào nẩy bắn tóe lên. Họ thận trọng, đào cát, lắng tai và rút kìm bấm ra. Thình lình, một tia sáng chói lọi của đèn chiếu chạy dài trên mặt đường... cảnh tượng ấy không ngừng tái diễn dai dẳng, mệt người, trong trí tưởng tượng của ông. Nó cứ hành hạ Gayrin Xêmiônôvich, không để cho ông yên một lúc nào. Ông luôn mồm nói:

— Này Batsây, anh nghĩ sao: họ thành công chứ?

Trong lúc ấy Matriôna Têrenchiepna vẫn tiếp tục mê sảng và tiếng ú ớ rời rạc của bà không ngừng chảy vào bóng tối như một dòng suối. Giữa tiếng ú ớ mơ hồ ấy, thỉnh thoảng bà lại thở dài nói rất rõ ràng, tỉnh táo:

— Ký rồi uống, ký rồi uống... chao ôi, lạy Chúa tôi, viết mỗi một chữ rồi uống, uống một chút nước mát lạnh như nước giếng!... Valentin, con gái nhỏ của mẹ, uống một chút nước đi con. Chao ôi, cái miệng nhỏ của con tôi khô bỏng lên và đen như than kìa!

Bà luôn luôn bị ám ảnh bởi một ảo tưởng kỳ lạ với những chi tiết chính xác ghê gớm: bà là mẹ Valentin và bà đi trên tấm ren đen của bóng cây từ mặt đường dâng lên đến cẳng chân, đến đầu gối, đến ngực, rồi lướt trên bộ mặt giá lạnh như pha-lê; đôi môi khô bỏng của bà ngậm một cành dạ hợp trắng nhỏ, cành dạ hợp rơi xuống, bà không tài nào giữ lại được, lòng khát khao say sưa được sống và cảm giác về sự bất lực của mình cháy bỏng trong bà chẳng khác những cục than mà bà đã nuốt phải, rồi cành dạ hợp nhỏ trượt trên ngực bà, cái cành nhỏ ngát hương cuộc sống mà bà không tài nào giữ lại được.

Cái khát say sưa không thỏa mãn ấy đang đốt cháy Matriôna Têrenchiepna. Bà vừa là mình vừa là Valentin rồi bà lại đi trên lòng đường: dưới vòm dạ hợp đầy hoa; chỉ có điều lúc này mưa rào ầm ĩ, bà đi trong nước mưa lạnh ngập đến đầu gối, đến ngực, đến tận cổ, và cành dạ hợp ở đôi môi nóng bỏng của bà bị dầm trong một làn nước mà bà không thể uống được vì bà không thể ký được. Lúc này đang lễ cưới bà, bà đi dưới màn mưa lấp loáng, những giọt nước thơm tho chảy ròng ròng trên mặt, lấp lánh trên tóc, nhưng không một giọt nào rơi vào được vào cái miệng cháy bỏng của bà, vì bà không thể nào ký được.

— Ký rồi uống, ký rồi uống... — Bà mê sảng lắp bắp; có tiếng bà quằn quại trong bóng tối và thở dài nặng nề tưởng chừng tiếng thở phát ra chính từ đáy một linh hồn hấp hối.

Rồi hàng chục, hàng trăm, hàng ngàn con hải âu trắng bay lượn trước mặt bà, trên đầu bà, chung quanh bà, như linh hồn những người đã khuất.

Bỗng bà im lặng, Piôt Vaxiliêvich tưởng bà chết. Ông đưa tay quờ quạng trong bóng tối và tìm thấy đầu Matriôna Têrenchiepna. Ông mân mê mớ tóc khô cứng của bà mà mò mẫm người ta cũng cảm thấy đầy bụi.

— Bác Pêchya đấy à? — Bà nói yếu ớt. Trong bóng tối, không hiểu bà đã cử động khó khăn đến chừng nào, bà đặt lòng bàn tay khô cứng, sù sì của mình lên những ngón tay của Piôt Vaxiliêvich.

— Không, nhờ ơn Chúa tôi vẫn còn sống — Bà nói, như đáp lại một câu hỏi thầm lặng — Tôi sống dai lắm... Bác Pêchya, tay bác nóng quá! Tôi cứ luôn mồm gọi bác là Pêchya, bác có bực mình không? Vì chúng mình là bạn hồi thơ ấu với nhau. Đối với tôi, bác vẫn là cậu bé Pêchya ở đầu phố Kanatnaia, cạnh quảng trường Kulikôvô Pôlê.

Ông im lặng, cảm thấy lòng mình rạng rỡ.

— Tôi yêu bác từ thuở nhỏ — Bà nói sau một lúc im lặng — Tôi theo bác khắp nơi, nhưng bác không hề đoái hoài đến tôi. Thậm chí khi bác đến đội du kích, bác cũng không nhận ra tôi nữa. Thế mà tôi nhận ra bác ngay đấy, bác Pêchya ạ! Bác chẳng bao giờ gọi tôi là Môchya cả. Tôi vẫn là con bé Môchya ở xóm Cối xay gần. Tôi vẫn là một cô bé, như con Valentin nhà tôi...

— Nín đi Môchya — Piôt Vaxiliêvich vừa nói vừa vuốt ve mái tóc mà chỉ động vào người ta cũng đoán ra là nó ngả màu xám.

— Tôi có khóc đâu — Bà đáp — Nhưng tôi thương con bé Valentin nhà tôi quá, thật tai hại... Nếu bác biết rõ nguồn cơn, bác Pêchya ơi! Tôi gọi bác là Pêchya, bác không bực mình chứ?

Bà thở dài thườn thượt và lại lặng im. Một lần nữa, Piôt Vaxiliêvich lại tưởng bà chết. Bà lặng im lâu quá đến nỗi Secnôivanenkô đâm lo.

— Môchya, Môchya... — Ông thì thầm — Này Môchya, cháu nghĩ sao, liệu họ có cắt được sợi dây cáp bọc sắt không?

Nhưng bà không đáp lại. Mãi sau bà mới lên tiếng và đột nhiên đòi châm đèn lên. Bà đòi hỏi với một niềm xúc động ký dị quá, tha thiết quá, khiến Secnôivanenkô phát sợ. Ông tưởng bà hấp hối, và muốn cho phút cuối cùng của bà được thanh thản, ông vội vã bật cái bật lửa của Xiniskin. Bật mãi không cháy mà chỉ thấy lóe ra những tia lửa. Cuối cùng nó mới cháy. Secnôivanenkô run run châm vào ngọn đèn còn mỗi một giọt đầu cuối cùng. Giọt đầu này sẽ cháy hết mau thôi, và từ đó đối với họ sẽ là đêm tối vĩnh viễn.

Matriôna Têrenchiepna ngôi dựa vào tường, chân duỗi thẳng. Vẻ mặt bà trông dễ sợ quá đến nỗi Secnôivanenkô phải cố tự kiềm chế để khỏi kêu lên. Piôt Vaxiliêvich đưa bàn tay che mắt và bất giác quay đi. Sau mấy sợi dây chắn của cây đèn bão, một ngọn lửa yếu ớt cuối cùng cháy sáng. Bất kỳ lúc nào, nó cũng có thể tách ra khỏi đầu sợi bấc nhỏ bé, bay đi và vĩnh viễn biến mất. Chiếc đèn soi sáng cái hang chật hẹp họ đang ngồi. Trong hang, có ba đường hầm giao nhau. Họ từ một đường đi đến, còn hai đường kia đi về hai phía, đối diện.

— Này Môchya! Có ánh sáng cháu có dễ chịu hơn không? — Secnôivanenkô hỏi.

Bà lắc đầu và ra hiệu cho ông đưa chiếc đèn cho mình. Bà cầm đèn đặt xuống đất, trước mặt mình. Rồi thận trọng và cố gắng lắm bà bỏ bóng đèn ra. Không khí trong hang im lìm đến nỗi ngọn lửa không lay động. Matriôna chăm chú nhìn ngọn lửa nhỏ bé, tinh thần căng thẳng quá sức đến nỗi những tĩnh mạch ở cổ căng phồng lên.

Đột nhiên Secnôivanenkô hiểu tại sao bà làm thế, ông rùng mình và nắm lấy vai Piôt Vaxiliêvich.

— Khẽ chứ Batsây! — ông vừa nói vừa nín thở — Đừng thở. Ngồi im!

Piôt Vaxiliêvich cũng đã hiểu. Lúc này cả ba người cùng nhìn

chằm chằm vào ngọn lửa nhỏ bé im lìm, hiểu rằng tất cả đời sống của họ tùy thuộc ở nó.

Bất thình lình, ngọn lửa nhỏ khẽ uốn mình về một phía rồi đứng thẳng lên, rồi lại uốn mình, Đó là một luồng không khí yếu ớt mà chỉ có một ngọn lửa nhỏ bé nhất mới cảm thấy được. Một luồng gió cực nhẹ đã thổi nghiêng ngọn lửa. Một luồng gió. Và nó thổi theo một chiều nhất định, Theo chiều nghiêng của ngọn đèn thì nó từ hành lang bên phải thổi tới. Secnôivanenkô vồ lấy chiếc đèn, lao về phía ấy. Piôt Vaxiliêvich xốc ngay Matriôna Têrenchiepna đứng dậy rồi hai người đi theo Secnôivanenkô, hay đúng hơn, theo ngọn đèn yếu ớt mà ông đang cầm thẳng trước mặt. Họ đi được một quãng ngắn thì đột nhiên ngọn đèn tắt, hết đầu. Bóng tối trong lòng đất lại bao bọc lấy họ. Thế là hết... Nhưng, lúc ấy họ nhìn thấy trước mặt, trên tường đường hầm, một phản ánh xanh nhạt, nhìn thật kỹ mới thấy, của ánh sáng ban ngày.

Gayrin Xêmiônôvich quăng chiếc đèn từ nay trở thành vô dụng, rồi loạng choạng chạy về phía ánh sáng. Mỗi lúc ánh sáng một rõ hơn, tràn ngập đường hầm với những làn sóng ào ạt sôi sục. Secnôivanenkô nhìn thấy một khe hở... Khi Piôt Vaxỉliêvich dìu Matriôna Têrenchiepna đến được khe hở ấy thì Secnôivanenkô đang cố sức lách ra. Cái khe hẹp đến nỗi chỉ lách vai qua cũng khó. Secnôivanenkô lách mãi, cố sức đẩy những tảng đá sụt xuống chỗ lối ra. Nhưng những tảng đá không nhúc nhích, cả ba người liền tập trung sức lực cuối cùng lao vào cái tảng đá còn mang dấu vết mới sụt lở.

Họ nắm tay lại đấm, họ cho ngón tay vào những kẽ hở sắc như dao, họ cố lay những tảng đá đến bật cả móng, họ lấy cả ngực đẩy, thế rồi đột nhiên những tảng đá chuyển địch, lăn rầm rầm sập xuống; lối ra đã mở, gió biển và ánh nắng quất vào mặt họ, mạnh đến nỗi họ không đứng vững được nữa. Căn cứ vào hình dáng lỏm chởm của bờ biển, họ biết là đang đứng ở khoảng giữa Suối lớn và biệt thự Kôvalepxki. Lối ra của hầm ngầm trông ra một bờ dốc gần dựng đứng trên mặt biển.

Mặt trời buổi sáng chói lòa, như bị nung trắng, tàn nhẫn quất vào mắt họ. Một luồng gió bão thổi vào các khe hở. Những ngọn sóng bao la màu xanh thẫm ngoằn ngoèo bọt nước phi vun vút như những tấm đá khổng tước, đập tan vào những tảng đá nghe ầm ầm như sét, làm bắn lên không trung những cột bụi nước. Và giữa những núi nước đang chuyển động ấy, hàng trăm con hải âu bơi lướt, lúc hiện trên đỉnh, lúc hụp xuống đáy sâu lần sóng, rồi lại hiện lên trên đỉnh. Chúng hay, chúng lượn, chúng kêu, hòa vào mình những tia bọt do gió bão xé rách đỉnh sóng cuốn đi.

Một đoàn tàu phóng ngư lôi xô-viết, cờ tung trước gió, rạch ngang cơn lốc, phóng vùn vụt về phía tây.

Secnôivanenkô bỏ mũ, lau mặt bằng ống tay áo ướt bụi nước. Mắt nheo lại, mũi phồng lên, ông thở làn gió biển, thơm ngát, mãnh liệt.

Ông liếc nhìn Piôt Vaxiliêvich.

— Đồ điên, mình đã bảo cậu là cánh mình bất tử cơ mà! — Ông lẩm bẩm với nụ cười mệt mỏi.

66

Thời tiết mùa xuân, dễ thay đổi. Xung quanh trên nền trời xanh những đám mây trắng rách xơ, trôi lững lờ. Thỉnh thoảng, mặt trời bị che khuất. Nhưng những đám mây ấy thật sáng ngời, thật đẫm tuyết mùa xuân đến nỗi ánh sáng trong thân máy bay không những không giảm đi, mà lại có phần tăng lên — Một thứ ánh sáng miền núi, đều đều, mờ đục — Và lúc ấy trời mát lạnh hẳn đi.

Đó là một chiếc máy bay vận tải lớn, bên trong giống như một toa tàu chở hàng, với những hàng ghế nhôm hẹp chạy dọc tường chứ không có những chiếc ghế tiện nghi có thể lật ngửa ra sau. Thành máy bay bị mảnh đạn xuyên thủng nhiều chỗ, đã được hàn cẩn thận bằng những miếng kim loại tròn nhỏ. Chính giữa, một tay xạ thủ canh phòng bầu trời, ngồi ở một vị trí tương đối cao, dưới một lớp kính không vỡ.

Hành khách không đông lắm, tất cả đều là quân nhân, sĩ quan tại ngũ và một thiếu tướng quân y. Giữa họ, Pêchya cảm thấy mình gần như một người ngang hàng, Dĩ nhiên tất cả những người ấy đều biết là chú đã sống khoảng hai năm rưỡi dưới hầm mộ. Họ đã trông thấy hai bố con Pêchya đi xe của khu ủy đến trường bay. Chính đồng chí Secnôivanenkô, bí thư quận ủy bí mật thân hành đi tiễn họ. Secnôivanenkô đã ôm hôn người cha ba lần, đã sửa lại mũ cho Pêchya, xốc lại áo va-rơ cho chú, đưa cho chú một cái hộp gỗ nhỏ, dẹt, buộc dây cẩn thận và nói với chú:

— Cảm ơn những công lao phục vụ của Pêtruska nhé! Khi nào cháu vào Đoàn Thanh niên cộng sản, viết thư cho bác nhé, bác sẽ gửi cho cháu một lá thư giới thiệu. Còn cái này — Ông vừa nói thêm vừa chỉ cái hộp — Cháu đưa cho mẹ cháu hộ bác, quà biếu đấy. Hai chục cá mòi sấy. Mẹ cháu nên biết là ở Mạc-tư-khoa, dù có nhiều tiền cũng không mua được cái thứ cá mòi này đâu. Nhớ chuyển lời chào của bác Gayrick đến mẹ cháu nhé!

Ông kéo Pêchya vào lòng, nhưng không hôn, chỉ nghiêm nghị nhìn chú hồi lâu qua đôi mắt kính rồi bắt tay chú thật chặt. Sau đó, ông còn đứng thật lâu và vẫy mũ sau chiếc máy bay đang lao đi.

Cảm thấy mọi người đều chú ý đến mình, Pêchya cố gắng ngồi với vẻ chững chạc khiêm tốn của một người lính đã từng trải. Khi có người hỏi, chú lễ phép đứng dậy và trả lời bằng một giọng từ tốn: “Thưa đồng chí đại úy, đúng thế ạ” “Xin tuân lệnh” “Hoàn toàn không phải thế ạ”.

Piôt Vaxiliêvich ngủ gật, tay đặt lên ngực, thỉnh thoảng lại đưa mắt dưới cái vành mũ kéo sụp xuống mặt, nhìn cậu con trai. Đó là lần đầu ông nhìn Pêchya như vậy, như với con mắt của người ngoài. Với chiếc mũ ca-lô gắn băng đỏ du kích, đôi bốt mới kêu ken két, tấm huân chương trên chiếc túi sơ-mi bộ đội, trông Pêchya ra dáng một chú lính nhỏ xinh xắn, đang ngồi đó, với cái gáy vừa mới húi.

Lúc này họ lại đang bay giữa những đám mây trôi nhẹ nhàng phơi phới, trên những cao nguyên cổ đại của thế giới.

— Này Pêchya, quan sát tình hình trên không một tí nhé, mình đi làm điếu thuốc đấy — Người xạ thủ súng máy trên máy bay vừa nói vừa từ chòi canh nhảy xuống.

Pêchya thong thả đội lại mũ ca-lô cho chắc chắn, lên ngồi vào vị trí xạ thủ, cạnh khẩu đại liên của tháp súng với cái túi đen treo lủng lẳng đựng vỏ đạn đã bắn.

— Xin tuân lệnh đồng chí thượng sĩ!

— Tốt.

Anh xạ thủ kéo đôi ủng ngắn bằng da chó lên rồi đến ngồi trên một cái thùng ở cuối máy bay, còn Pêchya thì tì tay lên khẩu đại liên và bắt đầu điều khiển cho nó xoay từ từ cùng với tháp súng. Ngồi chỗ này, chú nhìn được tất cả các phía của không gian, và cái thân không cử động của chiếc máy bay với sợi dây ăng-ten căng suốt chiều dài giữa khoảng buồng lái và cái đuôi nhô lên.

Không gian thật yên tĩnh. Xa xa, gần sát chân trời, dưới những đám mây, máy bay vận tải sẫm màu nối đuôi nhau lướt qua khá thường xuyên. Nhưng đó là máy bay của ta ra mặt trận Kisinep. Có lần, một chiếc U-2 của bộ tư lệnh chui vào những đám mây, bay là là trên thảo nguyên, nghiêng cánh ra hiệu chào.

Không có bóng dáng một máy bay phóng pháo nào của địch, Hết hẳn rồi, cái thời chúng tự do vượt trận tuyến sang ngao du ở hậu phương ta, tấn công những máy bay vận tải.

Bất thình lình, một cái bóng có cánh kỳ lạ vùng ra khỏi đám mây, lao xuống và theo sau nó, một bóng khác, một cái thứ ba, một cái thứ tư...

— Báo động trên không! — Pêchya vừa kêu lên vừa từ từ quay tháp súng.

Nhưng người thượng sĩ chưa kịp nhảy vào vị trí và gạt Pêchya ra khỏi khẩu đại liên thì chú đã biết là mình lầm.

— Những con chim thôi! — Chú thẹn thùng nói.

Mọi người xô cả ra cửa sổ thành tàu. Đúng là những con chim. Một đàn chim to lớn, nặng nề, lông đen và trắng, chân đỏ chót duỗi về phía sau.

— Sếu đấy — Piôt Vaxiliêvich nhận ra ngay tức khắc, nói.

Thế là tất cả mọi người cứ nhìn theo cái hàng dài nhấp nhô của những con chim trong truyện cổ tích, con nọ theo con kia, khi vươn lên, khi chúc xuống, bay ngược chiều một làn sóng không khí vô hình, đôi cánh dang rộng, bơi khoan thai, thong thả. Họ còn nhìn theo mãi chừng nào những con sếu chưa khuất, chưa lẫn vào mây.

— Chúng nó vội về làm tổ đấy mà — Anh xạ thủ súng máy vừa nháy Pêchya vừa nhận xét với một nụ cười hồn nhiên vui vẻ.

— Thế mà câu định bắn chúng nó à. Thế là tồi nhé.

— Báo cáo đồng chí thượng sĩ, tôi không nhận ra — Pêchya cũng trả lời bâng giọng vui vẻ — Tôi cứ ngỡ là bọn Metsecsmit[16].

Thế rồi đột nhiên, lần đầu tiên trong chuỗi ngày cuối cùng ấy, Pêchya hiểu và cảm thấy sâu sắc, mãnh liệt rằng chú đang trở về nhà, với mẹ, các em gái ở Mạc-tư-khoa. Chú muốn hét lên, muốn lăn vào lòng bố, muôn ghì chặt lấy bố. Nhưng chú cố gắng kìm lại và, làm như dạo chơi trong máy bay, đến bên Piôt Vaxiliêvich, ngồi xuống cạnh ông trên chiếc ghế dài nhỏ hẹp.

— Bố này, thế là ta trở về Mạc-tư-khoa, về nhà đấy! — Chú nói bằng cái giọng mới vỡ có những nốt trầm nhỏ khàn khàn, và cũng nháy mắt như kiểu anh thượng sĩ, rồi không nhịn được nữa, chú ôm lấy bố và cọ má vào vai bố.

Từ lúc ấy trở đi, Piôt Vaxiliêvich và Pêchya cảm thấy sốt ruột ghê gớm. Họ tưởng chừng thời gian ngừng lại. Không biết làm gì cho qua thì giờ, Piôt Vaxiliêvich cố chợp mắt một lúc. Nhưng vô hiệu, ông liền dơ ra, buộc lại số hành lý xếp vội trong cái chăn bộ đội: một bộ quần áo vải bôxtông xanh, một cái mũ dạ, mấy chiếc sơ-mi, đôi giày và cái cặp đựng những tài liệu pháp giải.

Ông hết sức ngạc nhiên khi cầm những đồ vật ấy trong tay. Chúng vừa mới nhưng lại vừa cũ, dúm dó. Chúng nằm ở nhà Kôietnisuc suốt mấy năm qua. Trong túi áo vét-tông ông thấy có một tờ ba rúp nhầu nát và một cái phiếu xe điện ngầm với chữ "M" hoa; chợt nhìn thấy cái phiếu, ông xúc động quá bất giác nhìn qua cửa sổ xem đã trông thấy Mạc-tư-khoa chưa! Nhưng còn chán mới đến Mạc-tư-khoa.

Piôt Vaxiliêvich cầm lấy một quyển sổ trong đám đồ lề. Ông dừng lại ở một vài ý kiến, một vài nhận xét: "Ồ, cũng không tồi lắm!" ông nghĩ thế và vừa để kính lên mũi, vừa đắm mình vào cái thế giới đã bị quên lãng của những tư tưởng trước chiến tranh. Nhưng những tư tưởng ấy dù thú vị và có ý nghĩa đến đâu cũng không thể làm ông khỏi nóng lòng muốn trở về Mạc-tư-khoa. Trái lại chúng càng làm cho giây phút chờ đợi thêm khắc khoải. Những khái niệm về bồi thường nhường chỗ cho một cảm xúc đột ngột, mênh mông, về việc ông sắp gặp vợ, gặp các con gái, về việc ông đến trình diện tại bộ tham mưu du kích, cảm xúc ấy cứ ám ảnh mãi Piôt Vaxiliêvich khiến ông không đọc nổi được chính chữ ông viết, những chữ viết tắt; ông ấn quyển sổ vào xà-cột, dựa thái dương vào cửa sổ và nhìn thảo nguyên đang thản nhiên trải ra phía dưới.

Pêchya cũng không ngồi yên chỗ. Chú luôn luôn vào buồng lái để xem bay đến đâu rồi. Chú không cảm thấy, như ba năm trước, mình là một hành khách ngây thơ thấy gì cũng ngạc

nhiên. Chú không nhìn người phi công, cũng chẳng nhìn người thợ máy hoặc người phi trưởng bằng con mắt kính cẩn khúm núm như trước nữa. Trong buồng lái chú cảm thấy mình như một chiến sĩ bước vào hầm trú ẩn của người bên cạnh thôi.

Chị nhân viên điện đài trẻ tuổi ngồi bên một chiếc bàn nhỏ. Cái đầu nhỏ vàng hung của chị với hai bím tóc tết, nhìn đằng sau giống đầu Valentin quá đến nỗi Pêchya rợn cả người khi thoạt trông thấy. Nhưng chị đã quay đầu lại và ảo giác của Pêchya bị xua tan. Đây là một khuôn mặt tròn, trầm ngâm, lấm tấm tàn hương, với đôi mắt nhỏ màu nâu sẫm, như những quả nho Côranh bé, ngước nhìn Pêchya. Người ta gọi chị là Klaya.

— Thưa đồng chí thượng sĩ, dự báo thời tiết thế nào ạ?— Pêchya lễ phép hỏi.

Thượng sĩ Klaya bực tức lắc lắc hai bím tóc và tiếp tục làm việc khẩn trương, thỉnh thoảng lại ghi lên một mẩu giấy. Sau cùng chị tháo hai ống nghe và nói rất cáu kỉnh:

— Thời tiết như khỉ! Mưa suốt chặng đường. Kiep không cho chúng ta hạ cánh.

— Igo, cậu nghe thấy không? — Người phi trưởng nói to với người hoa tiêu — Kiep không chứa chúng mình đâu. Không lấy thêm dầu liệu có đến được Mạc-tư-khoa không? Liệu còn bao nhiêu xăng?

Người hoa tiêu nhìn các máy móc:

— Đến được!

— Thưa các đồng chí! — Pêchya hồi hộp nói khi bước ra khỏi buồng lái — Các đồng chí thử nghĩ xem, mưa suốt chặng đường. Kiep không cho chúng ta hạ cánh, chúng ta sẽ bay một mạch không nghỉ đến tận Mạc-tư-khoa. Bố nghe rõ chứ! Một mạch đến tận Mạc-tư-khoa! — Chú bé ôm ghì lấy cổ bố và thì thầm vào tai bố: — Một mạch đến Mạc-tư-khoa... một mạch đến Mạc-tư-khoa.

Thời tiết thay đổi bất thình lình. Mặt trời bị che khuất. Máy bay toàn phải xuyên qua mây. Nhưng không còn là những đám

mây sáng sủa, đầy tuyết nữa. Chúng nhanh chóng tối sầm lại, chìm vào màn mưa xanh lam giá lạnh. Những dải sương mù phần phật mỗi lúc một mạnh ở các cửa sổ thành tàu đọng nước. Trời rất lạnh, và tối sầm. Các động cơ vang lên rì rì, nghe căng thẳng rõ rệt. Máy bay đã phải chuyển độ cao. Thấy tai ù ù, Pêchya biết là mình đang xuống. Bên dưới, qua màn sương mù, lộ ra mờ nhạt như trên một tờ giấy chuyển họa, hình ảnh của một thảo nguyên xanh nhạt, của cây cối, của những con đường bóng nhoáng nước mưa, của những sườn đồi, của những căn nhà sơn lam, tất cả lao vùn vụt về phía họ, trải ra dưới cánh máy bay và biến về đằng sau như bị trận mưa rào xóa sạch.

— Uman — Người phi trưởng vừa nói vừa ngó vào buồng khách.

Máy bay là là trên thành phố; một rạp hát nhỏ màu vàng với hàng cột trắng, một công viên, một quảng trường, một cái chợ, màu lá xanh trong của những khu vườn vừa mới nở hoa và khắp nơi trong các phố lớn, phố nhỏ, ngã ba ngã tư, cái kỹ thuật Đức nát vụn chất thành đống hoang tàn: hàng trăm xe tăng bị đốt cháy, ô-tô vận tải bọc sắt ngụy trang loang lổ nằm lộn tùng phèo, chổng ngược lên trời hoặc cắm đầu xuống đất, nào xe du lịch nhẹ, nào xe cam-nhông, nào xe tăng "cọp", nào đại bác, nào điện đài dã chiến, nào toa xe tham mưu, tất cả đã chớm hoen gỉ lở loét và bị đám mùi dại và ngưu bàng non mọc lấn.

Pêchya chưa kịp nhìn kỹ những tàn tích của cảnh thất bại quân sự kinh khủng đó, máy bay đã lại bay trên vùng thảo nguyên. Nhưng cả ở đây, mọi vật cũng đều nhắc lại những trận đánh mới xảy ra.

Quàn đội phát-xít bị đánh bại và chạy trốn, đã để lại cái dấu vết đen tối của nó từ đông sang tây, trên những cánh đồng Ukren, trên đám lúa thu xanh rờn, đặc biệt sắc nét và rõ ràng trên một nền trời nặng mưa. Cái rạch đen ngòm và nhầy nhụa rộng ít nhất một ki-lô-mét ấy là những vết xe chồng chất, chằng chịt của hàng nghìn hàng vạn bánh xe. Hai bên vệ đường, ngổn ngang vô thừa nhận, xác người, xác ngựa trương phình, xe cộ

gẫy nát, pháo tầm xa ngập lún trong bùn, người ta nhìn thấy những đống đạn đại bác cao và dài dằng dặc, những thùng sắt đựng chất đốt. Khắp nơi đều đầy dẫy những tàn tích vô dụng và kinh khủng mà ta thường thấy rải rác trên suốt con đường của một đội quân thua chạy. Giữa những ruộng lúa thu, đàn máy bay phát-xít mỏng manh, dúm dó nằm chết gí vàng và đen như ong bò vẽ, với những chữ thập ngoặc nghiêng nghiêng trên những cái đuôi vênh váo. Con đường chết ấy kéo dài hàng chục cây số. Tiếp đó xuất hiện những đường chiến hào đầy nước, những đường giao thông ngoằn ngoèo, một cảnh hỗn độn bừa bãi nào cọc, nào rãnh bánh xe, nào những cuộn dây thép gai gỉ, những đống vỏ đạn đã bắn. Mặt đất đầy dẫy những hố bom hố đạn hình phễu lớn nhỏ, nước mưa ngập đến miệng.

— Chiến trường Korxun — Sepsenkôpxki — Thiếu tướng nói — Một trong những trận ác liệt nhất...

Chỉ đến lúc này Pêchya mới hiểu, mới trông thấy, mới tận mắt hình dung được hết cái tầm rộng lớn thực sự của cuộc bại trận phát-xít và tất cả cái vĩ đại của chiến thắng, tất cả sức mạnh của Liên-xô.

— Bố ơi, bố thấy thế nào hở bố? — Chủ vừa lim dim mắt hỏi bố vừa tự hào xốc lại áo khoác.

Một đám sương mù trắng dựng đứng trên sông Đơniep. Dòng sông lớn lấp lánh. Hai chiếc tàu màu xám chì thuộc hạm đội Đơniep nhả khói bên một hòn đảo dài phủ đầy lau sậy. Người ta nhìn thấy những dải cát nằm dài, những khúc ngoằn ngoèo, và lởm chởm của bờ cao. Một cái cầu treo bị đánh gục xuống nước, những cơn lốc mù mịt xoáy tít chung quanh những cột đá. Đột nhiên, từ đám sương mù, phát ra những tiếng chuông êm dịu:

— Kiep!

Tu viện lướt qua trong màn hơi nước xanh trắng của những khu vườn đầy hoa, Pêchya nhìn thấy những mái tròn vỡ tung. Những nét mờ mờ của cái thành phố lớn có vẻ như trời ra ranh giới một lục địa. Cái bóng ma của Kiep bay về một bên và biển

khỏi tầm mắt. Bờ sông thấp bên trái xanh ngắt, vô tận như mặt biển. Nó hòa lẫn với chân trời đang mưa. Và xa xa, sau chân trời, là Mạc-tư-khoa.

Sương mù dày đặc thêm, Máy bay lại một lần nữa chui vào mây. Bây giờ mây sẫm hẳn lại, gần như tím. Buồng hành khách tối om. Máy bay bắt đầu lượn. Pêchya vào buồng lái và được biết trước mặt đang có một cơn bão mà họ sắp phải tránh. Máy bay bay sát rìa một đám mây mênh mông y như trên sườn một dãy núi. Nó đang định vòng tránh cơn bão. Nhưng, trên đường bay, một đám mây khác đột nhiên xuất hiện. Máy bay lại vòng tránh một lần nữa nhưng lại húc phải một đám mây mới. Lúc này nó bị những đám mây cuồn cuộn đen như chì có pha những mảng trắng bạc đầy de dọa bao vây tứ phía. Chiếc máy bay liên vòng một lần nữa rồi lao thẳng qua con bão. Một cảnh tượng mù mịt. Mưa quất rào rào lên thành tàu bằng nhôm như những viên đạn chì nhỏ kêu. Nước chảy giàn giụa ở cửa sổ. Phía trên tháp súng, xuất hiện một ánh chớp ngoằn ngoèo. Máy bay chòng chành. Nó rơi thụp vào một túi không khí, giật giật, húc vào không khí, khẽ rung rồi lại mệt nhọc leo lên không khí, và rồi lại tụt hẫng xuống một túi không khí.

Máy bay bị chao sang phải rồi sang trái. Ngoài cửa sổ những tia chớp đe dọa liên tiếp lóe lên, có lúc vàng sạm như lưu huỳnh, có lúc đó thẫm như xi đun chảy. Dưới khẩu đại liên, cái túi đu đưa, loảng xoảng những vỏ đạn đã dùng. Áo choàng, xa-cốt, súng lục, ống nhòm, tất cả những gì treo trên tường đều chao mạnh. Nghe có tiếng sấm chen vào tiếng động cơ. Đôi lúc Pêchya tưởng tượng chiếc máy bay nghiêng ngả như một chiếc xe tăng đang bò xuyên qua lưới lửa bắn chặn của các khẩu pháo trên trời. Miệng mím chặt, chân duỗi thẳng, Pêchya ngồi cạnh bố và liếc nhìn những cửa sổ mà bên ngoài bão táp đang hoành hành, Còn Piôt Vaxiliêvich, như để đáp lại những cảm xúc thầm kín nhất của mình, thình lình bỏ mũ ra, đưa tay áo lên lau trán, ngả lưng vào tường và thì thào một câu gì đó vào tai Pêchya, một câu kỳ lạ mà Pêchya không nghe rõ qua tiếng sấm.

— Bố ơi, cái gì, cái gì?

Piôt Vaxiliêvich nhắc lại thật to:

— Đừng sợ, anh bạn nhỏ ạ, chúng mình bất tử kia mà...

Bóng tối loãng dần. Mặt trời trắng bạc lóe lên yếu ớt. Một mảnh trời hé ra giữa những đám mây trắng như tuyết. Đột nhiên Pêchya nhìn thấy ở tận cùng bên dưới, một dải đất màu xanh rực rỡ, một khu bạch dương đốn cụt mới đâm chồi, điểm hàng triệu viên kim cương và một cái bãi chi chít những dẫy máy bay khu trục nhỏ đầu đỏ chót. Có những chiếc chạy nối đuôi nhau trên đường băng, có những chiếc vọt lên không và bay thành vòng tròn, lại có những chiếc khác xếp theo đội hình rồi tản dài ra như một sợi dây xích, mắt nọ tiếp mắt kia, biến vào trong những đám mây dông bão phía tây. Có lẽ đó là một binh đoàn không quân với quân số đầy đủ đang gấp rút ra mặt trận. Nhưng Pêchya không có đủ thì giờ để nhìn được tất cả vì trường bay đã khuất ngoài tầm mắt rồi.

Bây giờ lại một khu rừng toàn thông với một con đường dài. Làn khói một đoàn tàu vô hình như từ một khe nứt đen ngòm, phùn phụt bốc lên. Di tích cháy đen của một nhà ga đột nhiên hiện ra, một lầu nước bị phá sập. Đột nhiên, giữa đám gốc đen sì và những cây bị đạn đại bác phạt cụt ngọn, giữa những chiến hào cũ sụt lở, có một vật gì màu vàng chanh lóe rực lên trông rất vui mắt. Đó là những chồng ván mới xẻ. Những kèo nhà mới tinh hình tam giác, vươn lên, lấp lánh như thủy tinh dưới mặt trời tháng năm, trên những đống gạch vụn lâu ngày. Những xe vận tải chở gạch màu đỏ tươi bò trên những con đường rừng. Trong một cái hòm, kính lắp cửa sổ sáng lấp lánh như ngôi sao. Liền ngay lúc đó, tất cả biến khỏi tầm mắt, bị vùi lấp đi và một lần nữa, phía dưới, khu rừng toàn thông lại từ từ trải ra, mênh mông và hùng tráng, khu rừng Nga âm u bị những cột sương mù to của chiều tà xuyên qua, mặt trời lúc này đang đốt nóng mặt gương kín đáo của những đầm lầy mùa xuân. Ôi, đã lâu lắm, Pêchya chưa được nhìn thấy cánh rừng Nga chính cống, âm u, mịn màng, đây đó điểm màu xanh cẩm thạch của những cây

bạch đương non! Tim chú đập rộn ràng. Không thể nào rời mắt được, chú cứ nhìn mãi qua cửa sổ trên đó hãy còn rung rinh vài vệt nước mưa của trận bão.

Lúc ấy Pêchya không biết mình đang bay ở đâu. Chú chỉ biết đã ra khỏi Ukren từ lâu.

Phía trước lại đông đặc những đám mây xuân màu đinh hương trắng. Trời lạnh. Những dải sương mù vẫn bịt kín các cửa sổ. Máy bay chúc xuống, bắt đầu bay là là. Một ống khói nhà máy chợt hiện ra, đầy mồ hóng và màu xanh ngụy trang. Có một vẻ gì của quê hương, của điển hình miền trung nước Nga trong ngôi nhà thờ cổ nhỏ bé với cái tháp chuông hình lêu, chĩa thẳng từ một ngọn đồi mà người ta có thể khẳng định là quen thuộc.

— Bốn mươi phút nữa đến Mạc-tư-khoa — Người phi trưởng hiện ra trong phòng khách đột nhiên nói với một nụ cười vui vẻ.

Thật bất ngờ đến nỗi thoạt đầu Pêchya tưởng mình nghe lầm. Nhưng nhìn thấy bộ mặt linh hoạt và đôi mắt xúc động của bố, Pêchya hiểu câu ấy với tất cả ý nghĩa của nó: Bốn mươi phút nữa đến Mạc-tư-khoa.

— Các đồng chí ơi! Bốn mươi phút nữa đến Mạc-tư- khoa! Chú reo lên, mất cả giữ gìn ý tứ, và nhảy xuống ghế, giậm gót chân lên sàn tàu.

Bốn mươi phút cuối cùng ấy, tưởng chừng vừa dài vô tận lại vừa ngắn như chuyện cổ tích, làm cho Pêchya kiệt cả sức. Máy bay bắt đầu bay trên một trường bay; phía dưới, những ngôi nhà lớn, một chiếc cầu bóng loáng nước mưa trên có chiếc ô-tô điện và cối ánh phản chiếu song song của nó, cái lòng chảo của sân vận động Đynamô hiện ra trong màu lá xanh của công viên Pêtrôpxki, con đường Lêningrat thẳng tắp, ngôi nhà của trường bay, những tháp hình bánh ngọt của Viện Hàn lâm hàng không quân sự, tất cả đều chạy vùn vụt trong sương mù, Pêchya chưa hiểu ngay được đó chính là Mạc-tư-khoa.

Máy bay chạm đất và chạy dọc theo những chiếc máy bay vận tải khác đã đỗ về một bên trên con đường bê-tông, dọc theo

những người lính gác vũ trang bằng tiểu liên, dọc theo những trạm ét-xăng, dọc theo những chiếc thang nhỏ đặt trên bánh xe, những xe du lịch nhẹ ướt đẫm nằm đợi trên bãi cỏ ướt. Tất cả cảnh ấy, chính đã là Mạc-tư-khoa, nhưng Pêchya vẫn không thể nào tin được.

Máy bay đỗ hẳn. Chiếc cửa nhỏ rít lên và mở ra. Piôt Vaxitiêvich và Pêchya cầm lấy túi, đi trên một con đường rộng lát những miếng bê-tông sáu cạnh lớn, giữa những vũng nước phản ánh cảnh trời chiều nặng mưa, run rẩy của Mạc-tư-khoa.

Piôt Vaxiliêvich nắm cánh tay Pêchya và nói bằng một giọng nghẹn ngào:

— Thế là bố con mình về đến nơi rồi. Có thích không con?

— Tất nhiên là thích chứ ạ — Pêchya nói, giọng rất đúng mực vì chú vẫn không ngờ rằng đã ở Mạc-tư-khoa rồi.

Trước mặt, người thiếu tướng quân y, đi trên một chiếc M-l, giơ tay vẫy vẫy. Hai bố con cũng vẫy tay.

Chẳng có ai ra đón cả, mặc dầu hôm trước họ đã đánh một bức điện, vả lại, cũng khó tin là bức điện có thể đến nhanh thế được.

— Càng hay — Piôt Vaxiliêvich nói, cả nhà sẽ ngạc nhiên! Nhưng bố con ta xoay xở cách nào bây giờ đây?

Họ đi qua nhà ga và đứng trên đại lộ Lêningrat dưới một màn mưa nhẹ hao trùm khắp cảnh vật. Những hàng bồ đề, nụ vừa hé nở, mặt trước của một ngôi nhà mới đồ sộ màu vàng nhạt với những cửa sổ dán giấy chéo, và cửa vào ga xe điện ngầm "Trường bay" tất cả đang lặng lẽ soi mình trên mặt đường nhựa ướt át. Gần ngay đó, trên một bãi hoang, người ta nhận thấy một ngôi nhà gạch có những lỗ châu mai của súng máy và vài "con dím" chống tăng dựng bằng đường tàu hỏa; đó là di tích của công cuộc phòng thủ Mạc-tư-khoa. Đêm xuống. Một người đàn bà mặc áo lông sóc cũ bước nhanh qua đường, tay dắt một cô bé chân khẳng khiu, đội mũ dạ đỏ, đính hoa dạ đỏ.

Một chiếc ô-tô kiểu M-l ở mặt trận, ngụy trang loang lổ, mở hết tốc lực đột nhiên phóng tới làm bắn tóe những giọt nước nhỏ lên người, đàn bà và cô bé. Cả hai hoảng hốt nhảy sang một bên. Tiếp đó là bốn thiếu nữ trong đội phòng không, cầm dây kéo một quả khí cầu hàng rào phòng không, trông như một con voi to bằng bạc. Và lúc đó, chính lúc đó Pêchya mới hiểu rằng mình đã ở Mạc-tư-khoa rồi, rằng Mạc-tư-khoa là đây, cái thành phố Mạc-tư-khoa khắc khổ của thời chiến. Cũng phút ấy, người đàn bà mặc áo lông sóc và cô bé đội mũ đỏ chạy lại phía hai bố con chú như chạy thi xem ai đến trước, và trước khi Pêchya kịp nhận ra, nói cho đúng hơn kịp đoán ra họ là ai thì chú đã thấy mình ở trong cánh tay mẹ. Bà nửa cười nửa khóc, người vẫn tỏa ra mùi nước hoa quen thuộc, ôm chú bé hôn như mưa, rồi buông chú ra một lúc để ôm hôn chồng. Bà ghì chặt lấy họ, hết hôn bố lại hôn con, bà bỏ mũ ca-lô của họ ra, đưa tay áo lông cũ kỹ và ướt sũng nước mưa lên lau mặt cho họ, bà nhìn hai bố con chằm chằm, hết cười lại khóc, nửa nhận ra nửa không nhận ra họ. Còn cô bé mũ đỏ thì nhảy xung quanh ba người y như nhảy dây, miệng kêu:

— Bố, bố yêu quí của con!

Piôt Vaxiliêvich ôm lấy cô bé và nhấc bổng lên. Cô bé ngoe nguẩy hai bàn chân đi giày cao su mới.

— Ô Liutxya, sao bây giờ nặng thế, hai cái chân dài nghêu thế này! Còn Jênva đâu rồi?

— Chị ấy học buổi thứ hai, đến tám giờ tan, con học buổi thứ nhất tan lúc một rưỡi.

— Trời! Liutxya thành cô học trò rồi này! Con học lớp mấy?

— Con sắp lên lớp ba,

— Lớp ba! Lạy Chúa tôi!

— Bố nó đừng cười, hôm qua nó được điểm năm chính tả đấy.

— Còn Jênya học lớp mấy?

— Nó sắp lên lớp sáu.

— Lạy Đức Mẹ đồng trinh! Mình có nhận được bức điện chứ?

— Tất nhiên, hồi mười giờ sáng nay,

— Hai bố con đến sớm được một giờ. Bay thẳng một mạch không nghỉ đấy.

— Cái gì thế này?

— Cá mòi sấy đấy.

— Tốt quá, nhưng hai bố con có được khỏe không?

— Mình trông đấy thì biết, nhờ giời khỏe cả. Còn mình, có bao giờ mình nghĩ ra là hai bố con tôi đã ở đâu không?

— Cũng chỉ nghĩ mơ hồ thôi. Nhưng tôi cũng chỉ đoán non đoán già. Một đồng chí có lại thăm nhà ta. Đồng chí ấy đã làm cho mấy mẹ con yên tâm. Nhưng đấy là mãi về sau này.

— Phải, phải, mãi về sau này.

— Trông hai bố con này... không còn nhận ra được nữa!

— Chúng tôi vẫn thế đấy chứ.

— Pêchya, con có huân chương kia à?

— Nào, ta giở ra.

— Thế cái này, đúng là cá bể sấy đẩy à?

— Chứ còn gì nữa. Hai chục con. Quà của bác Gavrick đấy.

— Đi về nhà bằng cách nào đây, bà con ta?

— Bằng xe điện ngầm. Bây giờ đường xe điện ngầm đến sát tận nhà ta. Một đường mới. Thế ra hai bố con không biết gì à? Chạy dưới sông Maxkơva. Ga Nôvôkuzơnetxkaia. Dân Mạc-tư-khoa đã xây dựng trong thời chiến đấy.

— Sao lại thế được nhỉ?

— Thì đúng thế mà lại.

— Chà, dân Mạc-tư-khoa các bà ghê thật!...

Bóng đêm đen như thuốc súng bao phủ nhanh chóng thành phố ngụy trang.

Luồng gió ẩm của lòng đất thổi từ cái cửa mở của đường xe điện ngầm ra.

Họ xuống đường xe điện ngầm và khởi hành. Pêchya nhận ra các ga: những căn phòng dưới đất, rực rỡ ánh đèn, cẩm thạch đỏ của ga Biêlôrutxi, những vòng cung thép của ga Maiakôpxki. Hành khách vào ra nhanh như cắt: những chàng thiếu úy trẻ măng, vừa rời ghế nhà trường, đeo cầu vai kim tuyến, trang bị mới toanh, va-li nhét khít khao trong bao, những anh bộ đội từ mặt trận về đeo huân chương và huy hiệu thương tích; những trẻ em nam nữ, những sinh viên mang sách vở trong những túi dã ngoại bằng vải trắng; những nữ y sĩ giải phẫu đội mũ nồi xanh lam; những anh bộ đội khoác súng có quấn băng nhỏ tẩm dầu; những thủy binh; những bà nội trợ cầm làn; những anh du kích mặc gi-lê lông thú; những phi công mặc quần áo bay, đi ủng ngắn bằng da chó. Hành khách đi quá sân ga, để lại đằng sau những cô dân quân xinh đẹp đội mũ lông, những cô bán kem đeo những hộp bầu dục lủng lẳng như những cái trống, những đội quân tuần tiễu đeo băng đỏ ở cánh tay. Mỗi lần sau một đợt đỗ ngắn, những cảnh cửa nhẹ nhàng khép lại, còi rít lên, một cô gái đội mũ đỏ vẫy tay ra hiệu, thế là toa tàu sáng loáng màu kền lao vun vút trong cái hành lang ngầm của đường hầm. Piôt Vaxiliêvich và Pêchya thoáng nhìn trộm lẫn nhau.

— Ga sắp tới là ga nhà mình đấy: Nêvôkuzơnetxkaia! — Liutxya bất chợt vừa nói vừa nóng ruột giật cái áo vải lều của Pêchya.

Một bức tường lát những miếng sứ vuông rực rỡ chạy lại phía những cửa sổ tối, rồi đến những dải cẩm thạch sáng chói ánh điện, những cửa vòng cung. Con tàu dừng lại. Cửa nhẹ nhàng mở ra. Đám đông xô đẩy Pêchya trên một sân ga lạ lẫm và chú nhìn thấy trên bức tường rực rỡ những bức chạm nổi bằng đồng

đen, ở đó giữa những mũ, gươm và cờ nổi bật lên chân dung nhìn nghiêng của các bậc tiền bối vĩ đại của chúng ta trong một vầng hào quang sáng chói: Alêcxanđrư Nepxki, Đơmitri Đônxkôi, Kyzoma Minin, Đomitri Pôjacxki, Alecxanđrơ Xuvôrôp, Mikhain Kutuzop. Sau đó, Pêchya chú ý đến bức tường ngang của căn phòng mới ở dưới đất, bức tranh mênh mông bằng những mảnh cẩm thạch mài nhẵn màu sữa hoặc màu xám ngọc trai, những bức tường răng cưa của điện Kremlanh, ngôi tháp Xpatxkaia và hàng đầu là hình bóng dũng mãnh của những con người khổng lồ thời nay. Bên trái, những thợ đúc thép, những thợ mỏ, những nông trang viên. Bên phải là những chiến sĩ xe tăng, những phi công, những chiến sĩ bộ binh, pháo binh, công binh, thủy binh, du kích. Những con người của tiền tuyến và hậu phương, tất cả nhân dân xô-viết chiến thắng siết chặt hàng ngũ tiến về phía người xem với cái khí thế không gì ngăn cản nổi.

Pêchya đã dừng lại xem bức tranh cẩm thạch ấy với một cảm giác tự hào và phấn khởi, nhưng lúc đó chú lại bị đám dông cuốn đi xa hơn, về lối cửa ra, về lối những cầu thang quay.

Bây giờ chú đi qua dẫy tượng nổi bằng đồng đen nhằm ca ngợi những thành phố anh hùng, Pêchya giật mình kiêu hãnh khi đọc! "Vinh quang thay, những người anh dũng bảo vệ thành phố Ôđetxa!"

— Con đã nhìn thấy cái này chưa — Mẹ chú nói rất khẽ, đôi mắt bà rực lên niềm hạnh phúc nhưng nhòa lệ, bà âu yếm ôm đầu Pêchya và xoay mặt chú lên trên không.

Pêchya nhìn thấy trên cao những mảnh trần khảm. Đó chẳng khác gì những cửa sổ bát giác trổ trên trần hầm và mở ra một nơi tràn đầy hào quang và ánh sáng. Màu xanh nước biển và màu sơn gay gắt đập vào mắt. Trong một cửa sổ, ở một độ cao chóng cả mặt, có một đoàn tàu khí động toàn bằng kim loại chuyển bánh trên một điểm vô hình. Trong một cửa sổ thứ hai, giữa màu xanh biếc của một nền trời mây, lủng lẳng chiếc gầu vĩ đại của một máy xúc đất. Trong một cửa sổ thứ ba những lá cờ

ngày một tháng Năm rực đỏ như than hồng. Và đúng trên đỉnh đầu Pêchya, một chiếc máy bay dang đôi cánh thanh nhã, bay qua, không phải chiếc máy bay mà ba năm trước Pêchya đã bắt đầu cuộc hành trình của chú, cũng không phải chiếc máy bay mà chú vừa mới đáp để trở về nhà, nhưng là một chiếc khác hẳn, một chiếc hoàn toàn mới, một chiếc máy bay hình dáng chưa từng thấy, đồ sộ, trắng như tuyết, có những động cơ đó rất mạnh, đang mở hết tốc độ bay về phía tương lai.

Pêchya đặt chân lên một bậc thang bằng gỗ sồi. Chiếc cầu thang quay giữ lấy chú và đưa chú lên cao êm như ru. Những ngọn đèn tròn màu sữa treo ở cái trần nghiêng nối đuôi nhau đi về phía chú và tụt xuống phía dưới. Những ngọn đèn ấy diễu qua mặt Pêchya như những hành tinh. Còn chú thì cứ lên cao, lên cao mãi, cảm thấy cái bậc căng lưới sắt dưới chân mình khẽ rung rinh. Thình lình, ở phía trước, qua khe cửa sổ ngụy trang của phòng đợi hình tròn, không hiểu có màu đỏ rực rỡ gì đang lóe lên dữ dội. Tiếng ầm ầm của một loạt đại bác vang lên. Pêchya giật mình kinh ngạc:

— Cái gì thế?

— Pháo hoa! — Liutxya reo lên — Anh không biết à? Dạo này gần như ngày nào cũng bắn đấy.

Pháo hoa! Sao Pêchya lại có thể quên được nhỉ? Trước chú vẫn say mê ao ước được nhìn thấy, thế mà chú đã quên.

Chú vụt chạy lên trên, băng qua những bậc thang, chạy qua phòng đợi và cửa ra. Qua những khe cửa sổ, từ trên xuống dưới, hiện ra một ánh sáng bay kỳ lạ, vừa màu hồng huyền ảo, vừa màu xanh ánh trăng. Pêchya thở không ra hơi, chạy vào phố Piauitxkaia tối om. Nhưng chậm quá mất rồi. Cuộc bắn pháo hoa đã chấm dứt. Đó là loạt bắn cuối cùng, loạt thứ hai mươi. Đám đông đang giải tán. Trên nóc tối đen và ẩm ướt của tòa nhà Zamaxkơvarêsiê xiết bao quen thuộc với Pêchya, chùm pháo hoa đang rơi tản mạn. Những ngôi sao nhỏ ngũ sắc của pháo thăng thiên nối tiếp nhau tắt đi. Pêchya nhìn theo, như bị thôi

miên. Chỉ còn lại có hai ngôi sao.

Chúng bay kẽ nhau. Hai bông tuyết nhẹ dần dần mờ đi: một bông màu xanh lam, một bông màu hồng...

Mạc-tư-khoa 1945 — 1951

HẾT

Chú thích

[1]Valentin Kataep, sinh ngày 28-2-1897 ở Ôđetxa. Xem tiểu sử tác giả trong Lời giới thiệu cuốn Cánh buồm trắng — Nhà xuất bản Văn học — 1967. Cuốn Đường hầm Ôđetxa xuất bản ở Liên-xô năm 1948, và năm 1951 đã được sửa chữa thêm.

[2]Công ty mậu dịch quốc doanh chè.

[3]Đê cụt bằng bê-tông để bảo vệ cảng chống sóng biển

[4]Ban chấp hành Trung ương các xô-viết của mặt trận Rumani của Hạm đội Hắc-hải và quân khu Ôđetxa. Cơ quan này thành lập ở Ôđetxa tháng 5-1917 tại Đại hội thứ nhất các đại biểu mặt trận và quân khu.

[5]Cháu ruột của Secnôivanenkô, gọi Secnôivanenkô bằng chú. Xem Cánh buồm trắng.

[6]Aivazopxki: họa sĩ của hải quân, thế kỷ XIX (Ximban nêu không đúng chỗ).

[7]Trong nguyên bản, bằng tiếng Đức

[8]Tên một bài ngụ ngôn của Krưlôp.

[9]Tiếng Pháp trong nguyên văn.

[10]Liên-xô (tiếng Rumani).

[11]Danh từ chỉ khu tự do.

[12]«Bao la, tươi đẹp, Tổ quốc ta”-" Lời một bài hát, dùng làm nhạc hiệu của đài phát thanh Mạc-tư-khoa.

[13]Tiến lên!

[14]Một loại xe đặt súng máy.

[15]Chữ Pháp trong nguyên bản:”Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại.

[16]Máy bay chiến đấu Đức.

[1]